



# **SÁCH GIÁO LÝ** **CỦA** **GIÁO HỘI** **CÔNG GIÁO**



# SÁCH GIÁO LÝ CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO



## THAY LỜI TỰA CHO BẢN DỊCH

Cảm hứng bởi việc đón nhận Bartôlômêô Garelli của Don Bosco mà Sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, bản dịch của T.T.Đ/MAC/OPN được giới thiệu với các thành viên trong Gia Đình Salêdiêng Don Bosce.

### **Đón nhận Bartôlômêô Garelli**

*Tôi vừa mới đến ở “Nhà Chung” với một linh mục khác, liền bị níu kéo bởi một nhóm thiếu niên chạy theo tôi trên các đường phố và nơi các quảng trường. Chúng theo tôi về tới phòng thánh của nhà thờ của viện, nhưng tôi không thể trực tiếp lo cho chúng, vì không có chỗ cho chúng sinh hoạt. Một việc bất ngờ và ý vị đã xảy ra, nên dịp cho tôi thử tìm cách thực hiện dự tính của tôi, lo chăm sóc các thiếu niên sống lang thang khắp thành phố, nhất là những em vừa ra khỏi nhà tù.*

*Ngày lễ Đức Maria Vô Nhiễm (8 tháng 12 năm 1841), vào giờ như mọi ngày, tôi chuẩn bị mặc áo để dâng Thánh Lễ, thì ông từ nhà thờ, Giuse Comoti, thấy một thiếu niên đứng ở một góc. Ông liền bảo em tới giúp lễ cho tôi.*

- “Tôi không biết! – em ấy trả lời cách ngượng ngùng.
- Lại đây, tao muốn mày giúp lễ mà.
- Tôi không biết, tôi chưa hề giúp lễ bao giờ hết.
- Thằng khùng chưa! – ông từ nói một cách tức giận. Nếu mày không biết giúp lễ thì vô đây làm gì?

*Vừa nói ông ta vừa chộp lấy cái chổi lông gà và đánh túi bụi lên đầu lên vai em thiếu niên khiến em cảm đầu chạy.*

*Tôi liền la lớn: “Ông làm gì thế? Tại sao đánh em ấy? Em ấy đã làm gì đâu?”*

- *Tại sao nó vô phòng thánh, nếu nó không biết giúp lễ?*
- *Ông đã hành động không phải lối.*
- *Nhưng hệ gì đến cha đâu?*
- *Hệ lắm chứ! Đó là người bạn của tôi. Ông kêu nó lại cho tôi ngay lập tức, tôi có chuyện phải nói với em ấy.*
- *Đâu bò! Oi đâu bò!*

*Ông từ vừa kêu vừa chạy theo em thiếu niên. Ông đoán quyết sẽ không xử tệ với em và dẫn em lại gần tôi. Cậu bé bước tới, vừa run vừa khóc vì những cú chổi vừa nhận được.*

*Một cách hết sức tươi cười, tôi hỏi em:*

- *Em dự Thánh Lễ chưa?*
- *Thưa không.*
- *Vậy em hãy tới dự đi, sau đó tôi sẽ nói với em một chuyện làm em vui thích.*

*Em hứa với tôi. Tôi có ý làm nhẹ đi nỗi cực lòng của em và để em đừng có ấn tượng xấu về nhân viên của phòng thánh. Tôi đã dâng Thánh Lễ, rồi cảm ơn sau lễ như thường lệ, sau đó tôi dẫn em thiếu niên vào một góc phòng ở phía đầu nhà thờ.*

*Với nụ cười, và bảo đảm với em là em không phải sợ ai đánh hết, tôi hỏi em:*

- *Em dễ thương của cha, em tên gì?*
- *Thưa tôi tên là Bartôlômêô Garelli*

- *Quê em ở đâu?*
- *Ở Asti.*
- *Cha em còn sống không?*
- *Không, cha tôi chết rồi.*
- *Thế má em?*
- *Má tôi cũng chết rồi.*
- *Em mấy tuổi?*
- *Mười sáu tuổi.*
- *Em biết đọc biết viết chưa?*
- *Thưa không biết gì hết.*
- *Em rước lễ lần đầu chưa?*
- *Chưa.*
- *Em đã xưng tội chưa?*
- *Có, khi tôi còn nhỏ xíu.*
- *Bây giờ em có đi học giáo lý không?*
- *Không giám đi.*
- *Tại sao?*
- *Vì các bạn nhỏ tuổi hơn lại thuộc giáo lý, còn tôi lại lớn không biết gì. Bởi vậy tôi mắc cỡ không đi học giáo lý.*
- *Nếu cha dạy riêng em, em có tới học không?*
- *Thưa sẽ tới và thích lắm.*
- *Em sẽ thích tới phòng này không?*
- *Thưa em thích tới, nếu người ta không đánh em.*
- *Hãy an tâm, không ai sẽ đánh đập em hết. Trái lại em sẽ là người bạn của cha đây. Em sẽ chỉ gặp cha thôi, không gặp một người nào khác. Vậy khi nào em muốn bắt đầu học giáo lý?*
- *Khi nào tùy ý cha.*
- *Chiều nay được không?*
- *Ngay bây giờ có được không?*
- *Thưa được lắm ạ!*

*Thế là tôi đứng dậy, làm dấu Thánh Giá trước khi khởi sự, nhưng cậu bé không làm vì cậu không biết làm. Với giờ học giáo lý đầu tiên này, tôi chỉ lo dạy em biết cách làm dấu Thánh Giá, biết nhận ra có Thiên Chúa là Đấng tạo thành muôn vật, và tại sao Ngài đã tạo thành chúng ta. Cậu học trò của tôi có trí nhớ kém quá, nhưng nhờ chuyên cần và bền chí, sau vài buổi học diễn ra vào mấy ngày nghỉ, em đã học đủ các điều cần thiết để xưng tội một cách tốt lành, và sau đó em đã được rước lễ.*

*Một vài thiếu niên khác đã gia nhập lớp học giáo lý với em này. Mùa đông năm ấy tôi chỉ muốn lo cho vài thanh thiếu niên đã lớn, cần được dạy giáo lý riêng biệt, nhất là những thanh thiếu niên vừa ra khỏi nhà tù.*

*Điều này đã cho tôi thấy một điều hiển nhiên là, một khi ra khỏi chốn tù tội, nếu các thanh thiếu niên đó gặp được một bàn tay nhân hậu, một người lưu tâm đến các em, tới bầu bạn với các em những ngày nghỉ việc, rồi tìm cách kiếm việc làm cho các em nơi những ông chủ lương thiện, và thỉnh thoảng tới thăm các em trong các ngày thường, thì chắc chắn các em sống một cuộc đời đàng hoàng, sẽ quên quá khứ của mình, và sẽ trở thành những Kitô hữu tốt lành và những công dân lương thiện. Đó là nguồn gốc của Nguyên xá của chúng tôi, khu sinh hoạt của các thiếu niên. Công cuộc này được Chúa chúc lành và đã tăng trưởng mau lẹ một cách tôi không ngờ bao giờ dám tưởng tượng.*

## **KINH CẦU CÙNG THÁNH GIOAN BOSCO**

*Lạy Thánh Gioan Bosco, là Cha và là Thầy của giới trẻ. Cha đã dạy Bartôlômêô Garelli bài học giáo lý đơn sơ vào dịp lễ Mẹ Vô Nhiễm ngày 8/12/1841. Qua bài giáo lý của Cha,*

*Bartôlômêô Garelli đã học biết Chúa và yêu mến Chúa suốt đời. Giờ đây, con xin dâng lên Cha **Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo**, bản dịch của **T.T.Đ/MAC/OPN** như là một hồng ân của Chúa Quan Phòng thương ban cho chúng con để các Salêdiêng tạm sử dụng trong việc dạy Giáo Lý.*

*Nguyện xin Cha làm cho tư liệu này trở thành con đường dẫn giới trẻ tới Tình Yêu Chúa. Xin Cha thương chúc lành cho dịch giả, cho các Salêdiêng đã đóng góp công sức, thời giờ để Sách Giáo Lý Của Giáo Hội Công Giáo này được hoàn thành. Đây chỉ là một tư liệu của người Salêdiêng, là một hạt giống nhỏ bé. Hy vọng nó sẽ phát sinh nhiều hoa trái tốt lành trong cánh đồng lúa mênh mông của các Thánh Tử Đạo Việt Nam.*

*Nguyện xin Cha chúc lành cho tất cả những ai thành tâm thiện chí sử dụng tư liệu này để tự đào luyện mình sống đức tin thâm sâu và dạy Giáo Lý người khác, dạy Giáo Lý bằng giáo dục và giáo dục bằng dạy Giáo Lý- để họ trở thành những Kitô hữu tốt và những công dân lương thiện để nhiều người được sống an vui hạnh phúc đời này và đời sau. Amen.*

**Lễ Thánh Têrêxa Hải Đông Giêsu,**

**ngày 1/10/1993**

**Kỷ niệm 40 năm**

**Tử đạo Hội Salêdiêng Don Bosco đến Việt Nam**  
**Người Salêdiêng**

## CHÚC LÀNH CỦA ĐỨC TỔNG GIÁM MỤC

*Tôi,  
Tổng Giám Mục  
PHAOLÔ NGUYỄN VĂN BÌNH,  
chúc lành cho Dịch Giả,  
các Tu-sĩ Salêdiêng  
đã đóng góp công sức, thời giờ  
để SÁCH GIÁO LÝ CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO này được  
hoàn hành.*

**Sài Gòn, ngày 22- 2- 1994**

**Phaolô NGUYỄN VĂN BÌNH**  
**Tổng Giám Mục Sài Gòn**

# VIẾT TẮT

## I. KINH THÁNH

Ac : Ai-ca

Kg : Khác-gai

Am : A-mốt

Kh : Khải huyền

Br : Ba-rúc

Kn : Khôn ngoan

Cl : Cô-lô-xê

Lc : Lu-ca

Cn: Châm ngôn

Lv : Lê-vi

1Cr : 1Cô-rin-tô

Mc: Mác-cô

2Cr : 2Cô-rin-tô

1Mcb : Ma-ca-bê quyển I

Cv : Công vụ tông đồ

2Mcb : Ma-ca-bê quyển II

Dc : Diễm ca

Mk : Mi-kha

Dcr : Da-ca-ri-a

Ml : Ma-la-khi

Ds : Dân số

Mt : Mát-thêu

Dt : Do-thái

Nk: Na-khum

Đn : Đa-ni-en

Nkm : Nơ-khe-mi-a

Đnl: Đệ- nhị-luật

Ôv : Ô-va-đi-a (Abđi-a)

Ed : Ê-dê-ki-en  
Pl : Phi-líp-phê  
Ep : Ê-phê-xô  
Plm : Phi-le-môn  
Er : Êt-ra  
1Pr : 1Phê-rô  
Et : Êt-te  
2Pr : 2Phê-rô  
G : Gióp  
R : Rút  
Ga : Gio-an  
Rm : Rô-ma  
1Ga : 1Gio-an  
1Sb : Sử biên niên quyển I  
2Ga : 2Gio-an  
2Sb : Sử biên niên quyển II  
3Ga : 3Gio-an  
1Sm : Sách Sa-mu-en quyển I  
Gc : Gia-cô-bê  
2Sm : Sách Sa-mu-en quyển II  
Gđ : Giu-đa  
St : Sáng thế  
Gđt : Giu-đi-tha  
Tb : Tô-bi-a  
Ge : Giô-en  
Tl : Thủ lãnh  
Gl : Ga-la  
1Tm : 1Ti-mô-thê  
Gn : Giô-na  
2Tm : 2Ti-mô-thê  
Gr : Giê-rê-mi-a  
Tt : Ti-tô  
Gs : Giô-suê  
Tv : Thánh vịnh

Gv : Giảng viên  
1Tx  
1Thê-xa-lô-ni-ca  
Hc : Huấn ca  
2Tx : 2Thê-xa-lô-ni-ca  
Hs : Hô-sê  
1V : Sách các Vua quyển I  
Is : I-sai-a  
2V : Sách các Vua quyển II  
Kb : Kha-ba-cúc  
Xh : Xuất hành  
Xp : Xô-phô-ni-a

## **BẢNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

**AA** Apostolicam actuositatem  
Sắc lệnh về Tông đồ giáo dân của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**AG** Ad gentes  
Sắc lệnh về Hoạt động Truyền Giáo của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**Ben** De Benedictionibus  
Sách các phép

**CA** Centesimus annus  
Thông điệp Năm thứ 100 của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**Catech. R** Catechismus Romanus  
Sách Giáo Lý Rô-ma của Công đồng Tren-tô

**CCEO** Corpus Canonum Ecclesiarum Orientalium  
Bộ Giáo Luật các Giáo Hội Đông Phương

**CD** Christus Dominus  
Sắc lệnh về Giám mục của Cđ Va-ti-ca-nô II

**CDF** Congrégation pour la doctrine de la foi  
Thánh bộ Giáo Lý Đức Tin

**CID** Codex Iuris Canonici  
Bộ Giáo Luật

**CL** Christifideles laici  
Tông huấn Kitô hữu giáo dân của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**COD** Conciliorum oecumenicorum decreta  
Các sắc lệnh Công đồng chung

**CT** Catechesi tradendae  
Tông huấn giảng dạy Giáo Lý của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**DCG** Directorium Catecheticum Generale  
Sách hướng dẫn chung về Giáo Lý

**DeV** Dominum et Vivificantem  
Thông điệp Người là Chúa và Đấng Ban sự sống của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II.

**DH** Dignitatis humanae  
Tuyên ngôn về Tự do Tôn giáo của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**DM** Dives in misericordia  
Thông điệp Thiên Chúa Giàu lòng Thương xót của Đức  
Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**DS** Denziger-  
Schonmetzer, Enchiridion Symbolorum, definitionum et  
deklarationum de rebus fidei et morum  
Tuyển tập các Tín Biểu, các Định Tín và tuyên bố về đức tin  
và luân lý.

**DV** Dei Verbum  
Hiến chế về Mạc Khải của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**EN** Evangelii nuntiandi  
Tông huấn Loan Báo Tin Mừng của Đức Thánh Cha Gio-an  
Phao-lô II

**FC** Familiaris consortio  
Tông huấn về gia đình của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**GE** Gravissimum educationis  
Tuyên ngôn về Giáo dục kitô giáo của Công đồng Va-ti-ca-  
nô II

**GS** Gaudium et spes  
Hiến chế về Mục Vụ của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**HV** Humanae Vitae  
Thông điệp Sự Sống Con Người của Đức Thánh Cha Phao-lô  
VI

**IGLH** Introductio generalis LH  
Dẫn nhập tổng quát về Các Giờ Kinh Phụng Vụ

**IGMR** Institutio generalis MR  
Chỉ dẫn Tổng quát về Sách lễ Rô-ma

**IM** Inter Mirifica  
Sắc lệnh về Truyền thông xã hội của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**LE** Laborem exercens  
Thông điệp về Lao động của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**LG** Lumen gentium  
Hiến chế về Hội Thánh của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**LH** Liturgie des heures  
Các giờ kinh Phụng vụ

**MC** Marialis cultus  
Tông huấn tôn kính Đức Maria của Đức Thánh Cha Phao-lô VI

**MD** Mulieris dignitatem  
Tông thư về phẩm giá phụ nữ của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**MF** Misterium Fidei  
Thông điệp màu nhiệm Đức tin của Đức Thánh Cha Phao-lô VI

**MM** Mater et Magistra  
Thông điệp Mẹ và Thầy của Đức Thánh Cha Gio-an XXIII

**MR** Missel Romain Sách lễ Rô-ma

**NA** Nostra aetate

Tuyên ngôn về các tôn giáo ngoài Kitô giáo của công đồng  
Va-ti-ca-nô II

**OBA** Ordo baptismi adultorum  
Nghị thức Rửa tội người lớn

**OBP** Ordo baptismi parvulorum  
Nghị thức Rửa tội trẻ em

**OCF** Ordo confirmationis  
Nghị thức Thêm sức

**OcM** Ordo celebrandi Matrimonium  
Nghị thức Hôn phối

**OCV** Ordo consecrationis virginum  
Nghị thức Thánh hiến trinh nữ

**OE** Orientalium ecclesiarum  
Sắc lệnh về Giáo hội Đông phương của Công đồng Va-ti-ca-  
nô II

**OEx** Ordo exequiarum  
Nghị thức An táng

**Off.lect.** Office des lectures  
Giờ kinh sách

**OICA** Ordo initiationis christianae adultorum  
Nghị thức Gia nhập Hội thánh cho người lớn

**OP** Ordo poenitentiae  
Nghị thức Giải tội

**OT** Optatam totius

Sắc lệnh về đào tạo Linh mục của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**PC** Perfectae caritatis

Sắc lệnh về Canh tân Thích nghi Đời tu của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**PO** Presbyterorum ordinis

Sắc lệnh về Đời sống Linh Mục của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**PP** Populorum Progressio

Thông điệp Phát triển Các dân tộc của Đức Thánh Cha Phao-lô VI

**PT** Pacem in terris

Thông điệp Hòa bình trên trái đất của Đức Thánh Cha Gio-an XXIII

**RH** Redemptor hominis

Thông điệp Đấng Cứu Chuộc con người của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**RM** Redemptoris Mater

Thông điệp Mẹ Đấng cứu chuộc

**RP** Reconciliatio et poenitentia

Tông huấn hòa giải và sám hối của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**SC** Sacrosanctum concilium

Hiến chế về Phụng vụ của Công đồng Va-ti-ca-nô II

**SFP** Credo du peuple de Dieu : profession de foi solennelle

Kinh Tin Kính của Dân Chúa: bản tuyên xưng đức tin trọng thể của Đức Thánh Cha Phao-lô VI

**SRS** Sollicitudo rei socialis

Thông điệp Quan tâm đến Vấn đề Xã hội của Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II

**UR** Unitatis redintegratio Sắc lệnh về Hiệp nhất của Công đồng Va-ti-ca-nô II.

**Tông hiến**  
**FIDEI DEPOSITUM**

về việc ấn hành  
**CUỐN GIÁO LÝ CỦA GIÁO HỘI CÔNG GIÁO**  
được soạn thảo sau Công đồng Vaticanô II

**GIOAN- PHAOLÔ, GIÁM MỤC**  
**Đầy tớ của các Đầy tớ Thiên Chúa**  
**để ghi nhớ muôn đời**

**Nhập đề**

GÌN GIỮ KHO KÝ THÁC ĐỨC TIN, là sứ mạng Chúa đã trao phó cho Hội Thánh và Hội Thánh vẫn chu toàn trong mọi thời đại. Được vị tiền nhiệm đáng nhớ của tôi là Đức Gio-an XXIII khai mạc cách đây 30 năm, công đồng chung Va-ti-ca-nô II đã có ý định và ước muốn làm nổi bật sứ mạng tông đồ và mục vụ của Hội Thánh, cũng như, nhờ chân lý Tin Mừng chiếu tỏa, dẫn đưa mọi người tìm kiếm và đón nhận điều quý trọng hơn hết mọi sự là tình yêu của Đức Ki-tô (x . Ep 3,19).

Đức Gio-an XXIII ấn định nhiệm vụ chính yếu của Công Đồng là gìn giữ và giải thích tốt hơn kho tàng quý báu nền đạo lý ki-tô giáo, để giúp các kitô hữu cũng như mọi người thiện chí dễ tiếp thu hơn. Vì vậy, Công Đồng không đặt nặng việc kết án các sai lạc của thời đại, nhưng ưu tiên cho việc nỗ lực bày tỏ một cách hồn nhiên sức mạnh và vẻ đẹp của đạo lý đức tin. Ngài nói : "Đối với Hội Thánh, ánh sáng của Công Đồng này sẽ... là một nguồn mạch phong phú thiêng liêng. Sau khi đã múc được ở đó những năng lực mới, Hội Thánh sẽ vững vàng nhìn vào tương lai ... Chúng ta vui vẻ và không sợ hãi khởi đầu công việc mà thời đại chúng ta đòi hỏi để tiếp tục con đường Hội Thánh đã đi từ gần 20 thế

kỷ nay" ( Gioan XXIII, Diễn văn Khai mạc Công đồng Vaticanô II, ngày 11/10/1962, AAS 54 (1962), tr. 788.

Nhờ Thiên Chúa giúp đỡ, qua 4 năm làm việc, các nghị phụ Công Đồng đã đúc kết được một tổng lược chỉ đạo thích hợp trình bày đạo lý và những chỉ đạo mục vụ cho toàn thể Hội Thánh. Mục tử và tín hữu tìm được ở đây những đường hướng cho cuộc đổi mới suy nghĩ, hành động, phong hóa, sức mạnh tinh thần, niềm vui và hy vọng : đó chính là mục đích của Công đồng (Phao-lô VI, Diễn từ kết thúc Công Đồng chung Va-ti-ca-nô II ngày 8/12/1965 : AAS 58(1966) trang 7-8).

Sau khi kết thúc, Công Đồng không ngừng gọi hứng cho đời sống Hội Thánh. Năm 1985, tôi đã có thể tuyên bố : "Tôi đã được đặc ân tham dự và cộng tác tích cực vào tiến trình của Công đồng Va-ti-ca-nô II. Từ trước đến nay, và một cách đặc biệt trong những năm của nhiệm kỳ Giáo hoàng, Công Đồng vẫn luôn luôn là điểm quy chiếu của mọi hoạt động mục vụ của tôi, trong nỗ lực có ý thức để những chỉ đạo của Công Đồng thành áp dụng cụ thể và trung thành, ở bình diện mỗi Giáo Hội cũng như trong toàn thể Hội Thánh. Phải luôn luôn trở về với nguồn mạch này" (Diễn từ ngày 30-5-1986 , số 131) 5:AAS 78(1986), trang 1273).

Trong tinh thần ấy, ngày 25.1.1985, tôi đã triệu tập một hội nghị bất thường của Thượng Hội Đồng Giám Mục, nhân dịp kỷ niệm 20 năm Công Đồng kết thúc. Mục đích của hội nghị là tạ ơn Thiên Chúa về các ân huệ và hoa trái thiêng liêng của Công Đồng Va-ti-ca-nô II, đào sâu nhằm gắn bó hơn với giáo huấn của Công Đồng, và giúp cho mọi người hiểu biết và áp dụng các giáo huấn ấy tích cực hơn.

Nhân dịp này, các nghị phụ của Thượng Hội Đồng đã bày tỏ ước nguyện "soạn thảo một quyền giáo lý hay yếu lược toàn bộ đạo lý công giáo cả về đức tin và luân lý, để làm bản văn tham khảo cho các sách giáo lý hay yếu lược trong các quốc gia. Việc trình bày đạo lý phải có tính cách Kinh

Thánh và Phụng vụ, diễn đạt một đạo lý chắc chắn và đồng thời thích nghi với đời sống hiện nay của các Ki-tô hữu" (Báo cáo tổng kết của Thượng Hội Đồng bất thường ngày 7/12/1985, II,B,a số 4: Enchiridion Vaticanum, tập 9, trang 1758, số 1797). Ngay khi Thượng Hội Đồng kết thúc, tôi đã theo ý kiến ấy vì nó "đáp ứng hoàn toàn một nhu cầu thực sự của Hội Thánh toàn cầu cũng như của các Giáo Hội địa phương" (Diễn văn bế mạc của Thượng Hội Đồng bất thường ngày 7/12/1985 số 6: AAS 78 (1986) trang.435).

Hôm nay chúng tôi hết lòng tạ ơn Thiên Chúa, vì chúng tôi có thể giới thiệu cho toàn thể Hội Thánh quyền Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo này. Đây là bản văn tham khảo để canh tân huấn giáo theo các nguồn mạch sống động của đức tin.

Sau việc canh tân phụng vụ và soạn thảo bộ Giáo Luật mới cho Giáo Hội La-tinh và các khoản luật cho các Giáo Hội Đông Phương Công Giáo, quyền giáo lý này sẽ góp phần rất quan trọng vào công cuộc đổi mới toàn bộ đời sống Hội Thánh, như Công Đồng Va-ti-ca-nô II mong muốn và đã khởi sự.

### **Lộ trình và tinh thần việc soạn thảo văn bản này**

Cuốn Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo là kết quả của một sự cộng tác rộng rãi của 6 năm làm việc khẩn trương trong tinh thần chăm chú cởi mở và với một nhiệt tâm nồng cháy.

Năm 1986, tôi uỷ thác nhiệm vụ dự thảo một quyền giáo lý theo yêu cầu của các nghị phụ Thượng Hội Đồng cho một ủy ban gồm 12 Hồng Y và Giám Mục, do Hồng y Giuse Ratzinger làm chủ nhiệm. Tiểu ban biên tập gồm 7 Giám mục giáo phận, những chuyên viên thần học và huấn giáo, đã giúp ủy ban trong công việc này.

Với nhiệm vụ đề ra những chỉ đạo và giám sát tiến trình công việc, ủy ban đã chăm chú theo dõi tất cả các giai đoạn biên tập 9 bản văn nối tiếp nhau. Về phần mình, tiểu ban biên tập đảm nhận nhiệm vụ viết bản văn, sửa đổi theo yêu cầu của ủy ban và nghiên cứu những nhận xét của nhiều nhà thần học, nhà chú giải, huấn giáo, nhất là của các Giám mục trên toàn thế giới nhằm hoàn chỉnh bản văn. Nhờ tiểu ban đó, chúng ta đã có được những trao đổi hiệu quả và phong phú, bảo đảm cho bản văn được thống nhất và đồng bộ.

Bản dự thảo đã được gửi đến các Giám Mục Công Giáo, các Hội Đồng Giám Mục hay Thượng Hội Đồng, các viện Thần Học và Huấn Giáo để tham khảo ý kiến. Nói chung, bản dự thảo đã được hàng Giám Mục tiếp nhận rất thuận lợi. Người ta có quyền nói quyền giáo lý này là kết quả sự cộng tác của toàn thể hàng Giám Mục Hội Thánh Công Giáo. Các ngài đã quảng đại đáp lại lời tôi mời gọi, nhận phần trách nhiệm của mình trong sáng kiến chung ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống Hội Thánh. Việc các giám mục hưởng ứng làm cho tôi rất vui mừng, bấy nhiêu tiếng nói đã tạo nên bản "giao hưởng đức tin" này. Việc thực hiện quyền Giáo Lý cho thấy tính tập đoàn của hàng giám mục : đó là tính công giáo của Hội Thánh.

### **Sự phân phối đề tài**

Sách giáo lý phải trình bày một cách trung thành và có hệ thống giáo huấn của Thánh Kinh, Truyền thống sống động trong Hội Thánh và Huấn Quyền đích thực, cũng như gia sản thiêng liêng của các Giáo Phụ, các thánh nam nữ của Hội Thánh, để có thể giúp người ta hiểu biết hơn về Mầu nhiệm Ki-tô giáo và làm sinh động đức tin của dân Thiên Chúa. Sách giáo lý phải lưu ý đến những minh định về đạo lý mà Chúa Thánh Thần đã khơi dậy trong Hội Thánh qua các

thời đại. Sách giáo lý cũng phải giúp chúng ta dùng ánh sáng đức tin soi sáng những hoàn cảnh mới và những vấn đề chưa được đặt ra trong quá khứ .

Quyển Giáo Lý này cũng sẽ gồm cả những điều mới và điều cũ, vì đức tin vừa không thay đổi vừa là nguồn mạch của những ánh sáng mới (Mt 13,52).

Để đáp ứng hai đòi hỏi ấy, quyển Giáo lý Hội Thánh Công Giáo lấy lại thứ tự "cũ", đã trở thành truyền thống mà cuốn Giáo lý của Thánh Pi-ô V đã theo, khi chia nội dung thành 4 phần : Kinh Tin Kính; Phụng Vụ, đặc biệt là các bí tích; Luân Lý Ki-tô giáo, được trình bày dựa trên các giới răn; cuối cùng là Kinh Nguyện của Ki-tô hữu. Mặt khác, nội dung phải được trình bày một cách "mới" để đáp ứng những câu hỏi của thời đại.

Bốn phần được nối kết với nhau : Mầu nhiệm ki-tô giáo là đối tượng của đức tin (phần I); mầu nhiệm ấy được mừng kính và thông truyền trong các lễ nghi phụng vụ (phần II); mầu nhiệm ấy hiện diện để soi sáng và nâng đỡ con cái Thiên Chúa trong đời sống luân lý (phần III); mầu nhiệm ấy đặt nền móng cho kinh nguyện được diễn tả đặc biệt qua kinh "Lạy Cha" và là nội dung cho lời cầu xin, ca ngợi và chuyển cầu của chúng ta (phần IV).

Chính Phụng Vụ cũng là kinh nguyện: Việc tuyên xưng đức tin có chỗ thích đáng trong việc cử hành phụng vụ. Ân sủng, hoa trái của các bí tích, là điều kiện không gì thay thế được trong đời sống luân lý Ki-tô giáo, cũng như đức tin là điều kiện để tham dự phụng vụ của Hội Thánh. Nếu đức tin không được triển khai bằng việc làm, đó là đức tin chết (x. Gcb 2,14-26) và không thể đem lại hoa quả cho đời sống vĩnh cửu.

Đọc cuốn sách Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, chúng ta thấy được sự thống nhất đáng phục của mầu nhiệm Thiên Chúa, của ý định cứu độ của Người, cũng như vị trí trung tâm của Đức Ki-tô, Con Một Thiên Chúa, được Chúa

Cha cử đến làm người trong lòng Đức Trinh Nữ Ma-ri-a rất thánh, nhờ Chúa Thánh Thần, để làm Đấng Cứu độ chúng ta. Người đã chết và sống lại nhưng vẫn luôn hiện diện trong Hội Thánh, đặc biệt trong các bí tích. Người là nguồn mạch đức tin, mẫu mực cho đời sống luân lý Ki-tô giáo và Thầy dạy chúng ta cầu nguyện.

### **Giá trị giáo lý bản văn**

Ngày 25.6.1992, tôi đã phê chuẩn và hôm nay tôi nhân danh quyền tông đồ ra lệnh phổ biến quyền Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo này. Đây là bản trình bày đức tin Hội Thánh và đạo lý Công Giáo, được Thánh Kinh cũng như truyền thống tông đồ và huấn quyền Hội Thánh xác nhận và soi sáng. Tôi coi đây là một phương tiện có giá trị và có thẩm quyền để giúp Hội Thánh được hiệp thông và là một khuôn mẫu chắc chắn cho việc giảng dạy đức tin. Ước mong quyền sách này giúp đẩy mạnh công cuộc canh tân mà Chúa Thánh Thần không ngừng kêu gọi Hội Thánh của Thiên Chúa, Thân Thể Đức Ki-tô, đang trên đường lữ hành về với ánh sáng rực rỡ của Nước Trời.

Việc phê chuẩn và phổ biến quyền Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, người kế nhiệm Thánh Phê-rô muốn phục vụ Hội Thánh, để cũng như tất cả các giáo hội địa phương đang hòa hợp và hiệp thông với tông tòa Rô-ma : đó là nâng đỡ và củng cố đức tin các môn đệ Chúa Giê-su (x.Lc 22, 32), cũng như tăng cường các mối dây hiệp nhất trong cùng một đức tin tông truyền.

Vậy tôi xin các mục tử của Hội Thánh cũng như các tín hữu đón nhận quyền Giáo lý này trong tinh thần hiệp thông và năng sử dụng trong việc chu toàn sứ mạng loan báo đức tin và kêu gọi con người sống theo Tin Mừng. Quyền Giáo Lý này được trao cho họ để làm bản tham chiếu chắc chắn và trung thực cho việc giảng dạy đạo lý công giáo, và

một cách rất đặc biệt cho việc soạn những sách giáo lý địa phương. Quyền sách này cũng được trao đến các tín hữu ước muốn hiểu biết hơn về những phong phú khôn lường của ơn cứu độ (x. Ga 8,32). Quyền sách này muốn nâng đỡ những nỗ lực đại kết, do ước muốn thánh thiện tác động, để hiệp nhất tất cả các kitô hữu, bằng cách cho thấy một cách chính xác nội dung và sự mạch lạc hài hoà của đức tin công giáo.

Cuối cùng quyền Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo được trao cho bất kỳ ai thắc mắc về niềm hy vọng nơi chúng ta (x. 1Pr 3,15) và muốn biết Hội Thánh Công Giáo tin gì. Quyền Giáo Lý này không có ý định thay thế các sách giáo lý địa phương được phê chuẩn do giáo quyền, các Giám mục giáo phận và các Hội Đồng Giám Mục, nhất là nếu được Tòa Thánh phê chuẩn. Quyền sách này có ý khích lệ và giúp đỡ việc soạn thảo những sách giáo lý mới ở từng địa phương theo những hoàn cảnh và văn hóa khác nhau, nhưng vẫn lưu tâm gìn giữ sự hiệp nhất trong đức tin và lòng trung thành với đạo lý công giáo.

## **Kết luận**

Để kết thúc văn kiện giới thiệu quyền Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, tôi cầu xin Đức Trinh Nữ Ma-ri-a Rất Thánh, Mẹ Ngôi Lời Nhập Thể và Mẹ Hội Thánh, dùng lời chuyển cầu đầy quyền năng của Mẹ, mà nâng đỡ công việc huấn giáo của toàn thể Hội Thánh trên mọi cấp độ, trong giai đoạn này, khi Hội Thánh được mời gọi có một nỗ lực mới cho việc Phúc Âm hóa nhân loại. Xin cho ánh sáng đức tin chân thật giải thoát nhân loại khỏi cảnh u tối và nô lệ của tội lỗi, để dẫn đưa họ đến sự tự do duy nhất xứng đáng với danh nghĩa ấy (x. Ga 8,32) : đó là sự sống trong Đức Giê-su Ki-tô, dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần, ở đời này và trong Nước Trời, trong sự sung mãn của hạnh phúc được thấy Thiên Chúa nhân tiền (x. 1Cr 13,12; 2Cr 5,6-8).

Ban hành ngày 11.10.1992,  
nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày khai mạc  
Công Đồng Va-ti-ca-nô II,  
năm thứ 14 nhiệm kỳ Giáo hoàng của tôi.

## LỜI MỞ ĐẦU

"Lạy Cha...sự sống đời đời, chính là (họ) nhận biết Cha, Đấng duy nhất là Thiên Chúa thật, và nhận biết Đấng Cha đã sai đến, là Đức Giê-su Ki-tô" (Ga 17,3) "Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ chúng ta,... muốn cho mọi người được cứu và nhận biết chân lý" (1Tm 2,3-4). "Ngoài danh Đức Giê-su, dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mới được cứu độ" (Cv 4,12)

### I. SỰ SỐNG CON NGƯỜI - NHẬN BIẾT VÀ YÊU MẾN THIÊN CHÚA

1. Thiên Chúa là Đấng Toàn Thiện và Hạnh Phúc không lường. Theo ý định nhân hậu, Người đã tự ý tạo dựng con người, để họ được thông phần sự sống vĩnh phúc. Do đó, Người đã đến với con người. Thiên Chúa kêu gọi con người, giúp họ tìm kiếm, nhận biết và đem hết tâm lực yêu mến Người. Thiên Chúa triệu tập mọi người đã bị tội lỗi phân tán để họp nhất thành gia đình của Người là Hội Thánh. Để thực hiện điều này, khi tới thời viên mãn, Người đã cử Chúa Con đến làm Đấng chuộc tội và cứu độ. Trong và nhờ Người Con ấy, Thiên Chúa kêu gọi loài người trở nên nghĩa tử trong Chúa Thánh Thần, và do đó, được thừa kế đời sống hạnh phúc của Ngài.

2. Để cho tiếng gọi ấy vang lên trong toàn cõi địa cầu, Đức Ki-tô đã sai phái các tông đồ do Người tuyển chọn, trao cho các ông nhiệm vụ loan báo Tin Mừng : "Hãy đi, và làm

cho muôn dân trở thành môn đệ, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế" (Mt 28,19-20). Vững tin vào sứ mạng ấy, các tông đồ ra đi rao giảng khắp nơi, có Chúa cộng tác với các ông và dùng những dấu lạ kèm theo mà xác nhận lời các ông rao giảng (Mc 16, 20).

**3.** Những ai đã nhờ ơn Chúa giúp đón nhận lời kêu gọi của Đức Ki-tô và tự nguyện đáp ứng, cũng được tình yêu Đức Ki-tô thúc đẩy đi loan báo Tin Mừng khắp nơi trên thế giới. Kho tàng đã được lãnh nhận từ các tông đồ này đã được các người kế nhiệm bảo toàn một cách trung tín. Mọi ki-tô hữu cũng được kêu gọi truyền đạt kho tàng ấy từ thế hệ này đến thế hệ khác, bằng lời rao giảng đức tin, bằng cách sống đức tin trong tình chia sẻ huynh đệ, và diễn tả đức tin đó trong phụng vụ và kinh nguyện ( Cv 2,42).

## **II. TRUYỀN ĐẠT ĐỨC TIN - VIỆC HUẤN GIÁO**

**4.** Ngay từ thời Hội Thánh sơ khai, thuật ngữ "huấn giáo" được dùng để gọi toàn bộ các nỗ lực được huy động trong Hội Thánh để đào tạo môn đệ, để giúp con người tin Đức Giê-su là Con Thiên Chúa, hầu nhờ đức tin, họ được sống nhân danh Người, để giáo dục và chỉ dẫn họ trong cuộc sống đời này, và như thế, xây dựng Thân Thể Đức Ki-tô (CT 1; 2)

**5.** "Huấn giáo là giáo dục đức tin cho trẻ em, thanh niên và người lớn, gồm đặc biệt là việc giảng dạy giáo lý Ki-tô giáo một cách có tổ chức và hệ thống, nhằm khai tâm họ vào cuộc sống ki-tô hữu sung mãn" (CT 18).

**6.** Trong sứ mạng mục vụ của Hội Thánh, có một số yếu tố liên hệ đến huấn giáo, chuẩn bị cho huấn giáo hoặc bắt nguồn từ huấn giáo, như: loan báo Tin Mừng sơ khởi tức là rao giảng của vị thừa sai để khơi dậy đức tin; nghiên cứu những lý lẽ để biện minh cho đức tin; sống tích cực đời ki-tô hữu, cử hành các bí tích, hội nhập vào cộng đoàn Hội Thánh, làm chứng bằng hoạt động tông đồ và truyền giáo. Dù không lẫn lộn, nhưng huấn giáo vẫn đi đôi với những yếu tố này...(CT 18)

**7.** "Huấn giáo liên kết mật thiết với toàn bộ đời sống của Hội Thánh. Chính nhờ Huấn giáo, Hội Thánh không những phát triển về địa dư và số lượng mà nhất là sự tăng trưởng bên trong và đáp ứng ý định cứu độ của Thiên Chúa"(CT 13)

**8.** Những thời kỳ Hội Thánh được canh tân cũng là những thời điểm nổi bật về huấn giáo. Thực vậy, vào thời các giáo phụ, người ta thấy có những vị thánh Giám Mục dành một phần quan trọng của thừa tác vụ cho huấn giáo. Đó là các thánh Sy-ri-lô Giám mục Giê-ru-sa-lem và Gio-an Kim Khẩu, Am-rô-xi-ô và Âu-Tinh, cùng với nhiều giáo phụ khác. Các ngài đã để lại những tác phẩm huấn giáo mẫu mực

**9.** Huấn giáo luôn nhận được nguồn năng lực mới từ các Công Đồng. Về phương diện này, Công đồng Trentô là một gương mẫu phải nêu lên : Các hiến chế và sắc lệnh của Công Đồng này đã đưa huấn giáo lên hàng ưu tiên; Công Đồng đã khơi nguồn cho quyển Giáo Lý Rô-ma là một tác phẩm hàng đầu của loại sách yếu lược trình bày giáo lý Ki-tô giáo; Công Đồng đã khích lệ việc tổ chức dạy và học giáo lý và đã thúc đẩy việc phát hành nhiều bộ sách giáo lý nhờ những đóng góp của các Giám mục, các nhà thần học thánh thiện như : Thánh Phêrô Canixiô; thánh Carôlô Bôrômêô; thánh Tôribiô hoặc thánh Rôbertô Bêllaminô.

**10.** Bởi vậy, không lạ gì sau Công Đồng Va-ti-ca-nô II, nhiều người lại chú ý đến huấn giáo. Các văn kiện Toà Thánh cho thấy rõ điều này: - Chỉ thị đại cương về huấn giáo - (1971) - Các khóa họp Thượng hội đồng Giám mục về Phúc Âm Hoá - (1974) và về huấn giáo (1977) - Các tông huấn "Rao Giảng Tin Mừng"- (1975) và "Giảng Dạy Giáo Lý" (1979). Khóa họp bất thường Thượng hội đồng Giám mục năm 1985 xin "cho soạn ra một quyển sách giáo lý hoặc một toát yếu thu gọn toàn bộ đạo lý công giáo về mặt đức tin cũng như luân lý" (Bản tường trình cuối cùng II B 4.). Đức Thánh Cha Gio-an Phao-lô II đã coi ước nguyện của Thượng Hội Đồng Giám Mục như ước nguyện của chính mình, khi nhìn nhận rằng: "Niềm mong ước đó hoàn toàn đáp ứng một nhu cầu thiết thực của Hội Thánh toàn cầu và của các Giáo Hội địa phương" (Diễn văn ngày 7-12-1985). Ngài đã huy động tất cả để thực hiện niềm mong ước đó của các nghị phụ.

### **III. MỤC ĐÍCH VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC DÀNH CHO CUỐN GIÁO LÝ NÀY**

**11.** Mục tiêu của bộ sách giáo lý này là trình bày một cách có tổ chức và tổng hợp những nội dung cốt yếu và căn bản của đạo lý công giáo về mặt đức tin cũng như luân lý, dưới ánh sáng Công Đồng Va-ti-ca-nô II và toàn bộ Thánh Truyền. Nguồn tư liệu chính của bộ sách là Thánh Kinh, các giáo phụ, phụng vụ và huấn quyền của Hội Thánh. Sách được dùng "như bản quy chiếu cho các sách giáo lý cũng như toát yếu được soạn ra trong các nước" (THĐGM 1985).

**12.** Quyển sách này chủ yếu được dành cho các vị phụ trách huấn giáo: đứng đầu là các Giám mục, với tư cách Thầy dạy đức tin và mục tử trong Hội Thánh. Sách được cung cấp cho các ngài như dụng cụ chu toàn trọng trách dạy dỗ Dân

Chúa. Qua các ngài, sách đến tay các người soạn giáo lý, các linh mục và giáo lý viên. Mọi tín hữu khác cũng sẽ đọc được trong đó nhiều điều bổ ích.

#### **IV. CẤU TRÚC CỦA CUỐN SÁCH NÀY**

**13.** Lược đồ của cuốn Giáo Lý này dựa theo truyền thống cổ điển của các sách giáo lý, được soạn xoay quanh bốn trục chính : việc tuyên xưng đức tin trong bí tích Thánh Tẩy (kinh Tin Kính), các bí tích, đời sống đức tin (các điều răn), và kinh nguyện của người tín hữu (kinh Lạy Cha)

##### ***Phần thứ nhất : Tuyên xưng đức tin***

**14.** Những ai thuộc về Đức Ki-tô nhờ đức tin và phép rửa, phải tuyên xưng đức tin trước mặt mọi người (Mt 10,32; Rm 10,9). Nhằm mục đích ấy, quyển Giáo Lý này trước hết trình bày nội dung của mặc khải và đức tin : với Mặc Khải, Thiên Chúa ngỏ lời và ban chính mình cho con người; nhờ đức tin con người đáp lời Thiên Chúa (*đoạn 1*). Kinh Tin Kính tóm lược những hồng ân mà Thiên Chúa ban cho con người, vì Người là Tác Giả mọi điều thiện hảo, là Đấng Cứu Chuộc, là Đấng Thánh Hoá. Các tư tưởng trên xoay quanh "ba điều" tuyên xưng trong bí tích Thánh Tẩy : - Tin một Thiên Chúa duy nhất: Chúa Cha toàn năng, Đấng Sáng Tạo; - Tin Đức Giê-su Ki-tô là Con của Người, là Đức Chúa và là Đấng cứu độ chúng ta; - và tin Chúa Thánh Thần trong Hội Thánh (*đoạn 2*)

##### ***Phần thứ hai: Các bí tích của đức tin***

**15.** Phần thứ hai trình bày ơn cứu độ, đã được Đức Giê-su Ki-tô và Chúa Thánh Thần thực hiện một lần dứt khoát,

nay thực hiện như thế nào trong các hành động thánh thiêng của phụng vụ Hội Thánh (*đoạn 1*), đặc biệt trong bảy bí tích (*đoạn 2*).

### **Phần thứ ba: Đời sống đức tin**

**16.** Phần thứ ba trình bày cùng đích tối hậu của con người được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa là để được hưởng hạnh phúc, và nêu lên những con đường đưa đến hạnh phúc: - sống ngay thẳng và tự do nhờ lề luật và ân sủng của Chúa (*đoạn 1*) ; - *bằng cách thực thi hai mệnh lệnh "mến Chúa, yêu người" được triển khai trong Mười Điều Răn của Thiên Chúa (đoạn 2).*

### **Phần thứ bốn: Việc cầu nguyện trong đời sống đức tin**

**17.** Phần cuối cùng nói về ý nghĩa và tầm quan trọng của kinh nguyện trong đời sống các tín hữu (*đoạn 1*), kết thúc với một giải thích ngắn về bảy lời nguyện xin trong kinh Lạy Cha (*đoạn 2*). Trong các lời nguyện xin này, chúng ta gặp được toàn bộ ơn lành mà con người mong đợi và Cha trên trời hằng muốn ban cho chúng ta.

## **V. NHỮNG CHỈ DẪN THỰC HÀNH CHO VIỆC SỬ DỤNG CUỐN GIÁO LÝ**

**18.** Chúng tôi quan niệm sách này như một bản *trình bày có hệ thống* về toàn bộ đức tin công giáo. Vậy phải đọc sách này như một khối thống nhất . Nhiều chỉ dẫn được ghi ngoài lề bản văn (số nghiêng, chỉ những đoạn khác cùng một đề tài) và bảng tra theo chủ đề được đặt ở cuối sách, cho thấy rõ mỗi chủ đề trong liên hệ với toàn bộ nội dung đức tin.

**19.** Thường các bản văn Thánh Kinh không được trích nguyên văn, nhưng chỉ ghi xuất xứ (với "x") ở cước chú. Để hiểu nghĩa đoạn văn ấy sâu xa hơn, nên tra chính các bản văn đó. Các tham chiếu Thánh Kinh này rất hữu ích cho huấn giáo.

**20.** Những đoạn **in chữ nhỏ** là những ghi chú thuộc loại sử học, hộ giáo hoặc là những bài tường trình tín lý bổ sung.

**21.** Các đoạn **trích dẫn** in chữ nhỏ, lấy từ những văn kiện các giáo phụ, phụng vụ, tông huấn hoặc hạnh các thánh, được dùng để giúp bản văn tín lý thêm phong phú. Thường những bản văn ấy được chọn nhằm sử dụng trực tiếp trong Huấn giáo.

**22.** *Cuối mỗi mục, có một số câu ngắn tóm lược cốt lõi của bài học. Những câu "TÓM LƯỢC" ấy nhằm đề xuất những công thức tổng hợp và dễ nhớ giúp việc huấn giáo ở các địa phương.*

## **VI. NHỮNG THÍCH NGHI CẦN THIẾT**

**23.** Sách này nhấn mạnh đến phần trình bày đạo lý. Thật vậy, chúng tôi muốn giúp độc giả hiểu sâu rộng về đức tin, nhờ đó, đức tin được trưởng thành, đâm rễ vào cuộc sống và tỏa sáng thành lời chứng (CT 20-22; 25).

**24.** Chính vì nhắm mục đích này, chúng tôi không có ý định thực hiện những thích nghi trong cách trình bày giáo lý cũng như những phương pháp huấn giáo theo những đòi hỏi do khác biệt về văn hóa, tuổi tác, mức trưởng thành tinh thần, hoàn cảnh xã hội và Giáo Hội... của những người học giáo lý. Việc thích nghi cần thiết ấy là trách nhiệm của những người soạn sách giáo lý chuyên biệt, và nhất là của những vị giảng dạy.

Người giảng dạy phải "trở nên tất cả cho mọi người" (1Cr 9,22), để chinh phục mọi người cho Đức Giê-su Ki-tô...., đừng tưởng rằng chỉ có một hạng người duy nhất được giao cho mình, vì thế có thể tùy tiện giảng dạy và huấn luyện mọi người tín hữu như nhau theo cùng một phương pháp duy nhất, bất di bất dịch. Phải nhớ rằng, trong Đức Giê-su Ki-tô, có người như trẻ sơ sinh, có người như thiếu niên, những người khác như đã trưởng thành ... Khi truyền đạt các mầu nhiệm đức tin và các qui luật sống, người giảng dạy phải thích nghi với tinh thần và trí hiểu của người nghe (Giáo lý Rô-ma, lời tựa 11).

## ***TRÊN HẾT MỌI SỰ LÀ ĐỨC ÁI***

**25.** Để kết thúc phần trình bày này, thiết tưởng nên nhắc lại nguyên tắc mục vụ đã được quyền Giáo Lý Rôma nêu ra :

Tất cả mục đích của giáo lý và lời giảng dạy phải được đặt trong Tình Yêu vĩnh cửu. Dù có thể trình bày thật khéo léo điều phải tin, cậy hay làm, nhưng điều chính yếu là phải làm nổi bật lòng yêu mến Chúa, để mọi người hiểu rằng mọi hành vi tốt theo đúng nghĩa Kitô giáo không có nguồn gốc nào khác ngoài Tình Yêu và không có cùng đích nào khác ngoài Tình Yêu.

Chúng tôi vui mừng giới thiệu với toàn thể cộng đồng Dân Chúa Giáo phận bản dịch sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo. Đức Cố Tổng Giám Mục Phao-lô Nguyễn Văn Bình đã trao công việc này cho ban Giáo Lý Giáo Phận gồm một số linh mục, nữ tu và giáo dân tha thiết với công cuộc huấn giáo. Sau nhiều năm cố gắng, bản dịch đã được hoàn thành, và được điều chỉnh theo tài liệu "Corrigenda Concernant le

Contenu du Texte (en Français)" của Toà Thánh năm 1997; nay được chính quyền cho phép xuất bản, chúng tôi cảm ơn nhóm phiên dịch đã đáp ứng nguyện vọng tha thiết của ngài. Xin Chúa chúc lành cho những ai đã góp công góp sức hoàn thành bản dịch, cũng như những ai sẽ sử dụng bản dịch này để đào sâu Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo.

Sàigòn, ngày 26 tháng 07 năm 1997

Aloisio Phạm văn Năm

Giám Mục Phụ Tá

## Phần thứ nhất

# TUYÊN XUNG ĐỨC TIN

*Một phân bích họa ở hầm mộ thánh Priscilla tại Rô-ma, đầu thế kỷ III. Ảnh Đức Mẹ cổ xưa nhất.*

Trong số các hình ảnh cổ xưa nhất của nghệ thuật Ki-tô giáo, bức ảnh này nêu lên chủ đề cốt lõi của đức tin Ki-tô giáo: mầu nhiệm Nhập Thể của Con Thiên Chúa được sinh làm con Đức Trinh Nữ Ma-ri-a.

Bên trái, hình dáng một người đưa tay chỉ một ngôi sao ở phía trên Đức Trinh Nữ bồng con : một vị ngôn sứ, có lẽ là ông Ba-la-am, báo tin "một vì sao xuất hiện từ Gia-cóp sẽ lên cai trị" (Ds 24,17). Đó là tất cả niềm mong đợi của thời Giao Ước Cũ, và tiếng kêu cứu của loài người sa ngã (x.27, 528).

Lời tiên báo đó được ứng nghiệm khi Đức Giê-su ra đời. Con Thiên Chúa làm người do quyền năng Chúa Thánh Thần, sinh làm con Đức Trinh Nữ Ma-ri-a (x.27, 53, 422, 488). Đức Ma-ri-a sinh hạ và trao ban Người cho nhân loại. Như vậy, Đức Ma-ri-a là hình ảnh tinh tuyền nhất của Hội Thánh (x. 967).

## ĐOẠN THỨ NHẤT

### " TÔI TIN " - " CHÚNG TÔI TIN "

26. Khi tuyên xưng đức tin, chúng ta khởi đầu thế này : "Tôi tin" hoặc "Chúng tôi tin". Vậy trước khi trình bày đức tin của Hội Thánh, được tuyên xưng trong kinh Tin Kính, diễn đạt trong phụng vụ, thể hiện trong việc thực hành các Điều Răn và trong kinh nguyện, chúng ta hãy tự hỏi xem "tin" nghĩa là gì. Đức tin là lời con người đáp trả lại Thiên Chúa, Đấng tự mặc khải và hiến mình cho con người, khi ban ánh sáng chứa chan cho con người đang đi tìm ý nghĩa tối hậu của đời mình. Do đó, trước hết chúng ta sẽ bàn về cuộc tìm kiếm của con người (*chương một*), kể đến bàn về Mặc Khải của Thiên Chúa, qua đó, Thiên Chúa đi bước trước để tỏ mình cho con người (*chương hai*), và cuối cùng, là lời con người đáp trả trong đức tin (*chương ba*).

## CHƯƠNG MỘT

### CON NGƯỜI "CÓ KHẢ NĂNG" ĐÓN NHẬN THIÊN CHÚA

#### I - CON NGƯỜI KHAO KHÁT THIÊN CHÚA

27 355,1701 1718 Tận đáy lòng, con người khao khát Thiên Chúa vì con người được tạo dựng do Thiên Chúa và cho Thiên Chúa. Thiên Chúa không ngừng lôi kéo con người đến với mình, và chỉ nơi Thiên Chúa, con người mới tìm gặp chân lý và hạnh phúc mà họ không ngừng tìm kiếm.

Ý nghĩa cao cả nhất của phẩm giá con người là con người được kêu gọi tới kết hiệp với Thiên Chúa. Ngay từ lúc mới sinh ra, con người đã được mời gọi đối thoại với Thiên Chúa : thực thể, sở dĩ con người hiện hữu là do Thiên Chúa đã vì yêu thương mà tạo dựng con người, và cũng vì yêu thương mà luôn luôn bảo tồn con người; và con người chỉ sống hoàn toàn theo chân lý một khi tự ý nhìn nhận tình yêu ấy và phó thác đời mình cho Đấng tạo dựng mình (GS 19,1).

**28 843, 2566 2095-2109** Trong lịch sử loài người và cho tới ngày nay, loài người đã diễn đạt việc tìm kiếm Thiên Chúa bằng nhiều cách qua các tín ngưỡng và các thái độ tôn giáo (cầu khẩn, cúng tế, tịnh niệm, phụng tự, v.v...). Mặc dù có khi còn mơ hồ bất minh, những hình thức này quá phổ biến, đến nỗi có thể gọi con người là một hữu thể tôn giáo :

Từ một người, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại, để họ ở trên khắp mặt đất. Người đã vạch ra những thời kỳ nhất định cho các dân tộc và những ranh giới cho nơi ở của họ. Như vậy là để họ tìm kiếm Thiên Chúa; may ra họ dò dẫm mà tìm thấy Người, tuy rằng thực sự Người không ở xa mỗi người chúng ta. Thật vậy, chính ở nơi Người mà chúng ta sống, chúng ta cử động và chúng ta có (Cv 17,26-28).

**29 2123-2128 398** Nhưng "mối tương quan thân thiết và sống còn giữa con người với Thiên Chúa"(GS 19,1), có thể bị lãng quên, không biết tới và còn bị minh nhiên chối từ. Những thái độ như thế có thể do nhiều nguyên nhân (GS 19-21) : nổi loạn trước sự dữ trên thế giới, vô tri hoặc thờ ơ về tôn giáo, lo toan về thế gian và tiền của (Mt 13,22), gương xấu của các tín hữu, những trào lưu tư tưởng nghịch tôn giáo,

cuối cùng là thái độ của con người tội lỗi, vì sợ sệt mà trốn tránh Thiên Chúa ( St 3,8-10) và tiếng gọi của Người ( Gn 1,3).

**30** 2567, 845 368 "Hạnh phúc thay những tâm hồn tìm kiếm Thiên Chúa" (Tv 105,3). Cho dù con người có thể quên lãng hay chối từ Thiên Chúa, Thiên Chúa vẫn không ngừng kêu gọi mỗi người tìm kiếm Người để được sống và được hạnh phúc. Nhưng sự tìm kiếm này đòi hỏi con người vận dụng tất cả trí tuệ, ý chí chính trực, "một lòng ngay thẳng", và phải có cả chứng từ của người khác hướng dẫn họ tìm kiếm Thiên Chúa.

Lạy Chúa, Chúa cao cả và đáng muôn lời ca ngợi: quyền năng Chúa lớn lao và trí tuệ Chúa khôn lường. Và con người, một phần nhỏ bé của muôn loài Chúa đã tạo nên, lại dám nghĩ có thể ca ngợi Chúa ; mặc dù chính con người đó, với số kiếp phù du, mang nơi mình tang chứng của tội lỗi và dấu chứng Chúa chống lại kẻ kiêu căng. Dù sao, con người, phần nhỏ bé của muôn loài Chúa đã tạo nên, muốn ca ngợi Chúa. Chính Chúa thúc giục con người làm như vậy, khi cho họ tìm được sướng vui trong lời ngợi khen Chúa, vì Chúa đã tạo dựng chúng con cho Chúa, và lòng chúng con vẫn khắc khoải bao lâu chưa được nghỉ ngơi trong Chúa (Th. Âu-tinh, tự thuật 1.1,1).

## **II. NHỮNG CON ĐƯỜNG ĐƯA TỚI SỰ NHẬN BIẾT THIÊN CHÚA**

**31.** Được tạo nên theo hình ảnh Thiên Chúa, được mời gọi nhận biết và yêu mến Thiên Chúa, người tìm Thiên Chúa sẽ khám phá ra một số "con đường" giúp nhận biết Người. Những con đường này còn được gọi là "bằng chứng về sự

hiện hữu của Thiên Chúa", không theo nghĩa bằng chứng khoa học tự nhiên, nhưng theo nghĩa những "luận cứ đồng qui và có sức thuyết phục", giúp con người biết chắc có Thiên Chúa.

Những "con đường" đến với Thiên Chúa xuất phát từ thụ tạo : thế giới vật chất và con người.

**32 54, 337** *Thế giới* : căn cứ vào vận hành và biến hóa của *thế giới*, tính cách vô thường, trật tự và vẻ đẹp của nó, người ta có thể nhận biết Thiên Chúa như là nguyên thủy và cùng đích của vũ trụ.

Về người ngoại giáo, Thánh Phao-lô khẳng định : "Những gì người ta có thể biết về Thiên Chúa thì thật là hiển nhiên trước mặt họ: Thật thế, chính Thiên Chúa đã cho họ thấy rõ. Quả vậy, những gì người ta không thể nhìn thấy được nơi Thiên Chúa, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Người, thì từ khi Thiên Chúa tạo thành vũ trụ, trí khôn con người có thể nhìn thấy được qua những công trình của Người" (Rm 1,19-20) ( Cv 14,15.17 ; 17,27-28; St 13,1-9).

Thánh Âu-tinh nói : "Hãy hỏi vẻ đẹp của trái đất, của biển khơi, của khí trời nở phồng và lan tỏa, của bầu trời ..., hãy hỏi tất cả những thực tại ấy. Tất cả sẽ trả lời bạn : "Hãy xem đó, chúng tôi quả là đẹp". Vẻ đẹp của chúng là một lời tuyên xưng. Ai đã làm ra những cảnh đẹp thiên biến vạn hoá ấy, nếu không phải là Đấng toàn mỹ không bao giờ đổi thay ? " ( Bài giảng 241,2).

**33** 2500,1730 1776 1703 366 *Con người* : Với tâm hồn cởi mở đón nhận sự thật và vẻ đẹp, với lương tri, tự do và tiếng nói của lương tâm, với khát vọng vươn tới vô tận và hạnh phúc, con người tự hỏi về sự hiện hữu của Thiên Chúa. Qua những đặc tính trên , con người nhận ra những dấu chỉ cho thấy mình có linh hồn. "Vì mầm sống vĩnh cửu mà con người mang nơi mình, không thể giản lược chỉ duy vào vật chất" (GS 18,1 ; x 14,2), nên linh hồn con người chỉ có thể xuất phát từ Thiên Chúa.

**34** 199 *Thế giới và con người* minh chứng rằng chúng không phải là nguyên lý tiên khởi và cứu cánh tối hậu của chính mình, nhưng tham dự vào Đấng là Hữu Thể Tự Tại, vô thủy vô chung. Như vậy, qua những "con đường" khác nhau , con người có thể nhận biết sự hiện hữu của một thực tại , là nguyên lý tiên khởi và là cứu cánh tối hậu của mọi sự, "mà mọi người gọi là Thiên Chúa" (Thánh Tô-ma Aquí. Tổng luận thần học 1,2,3).

**35** 50 159 *Nhờ những năng lực của mình, con người có thể nhận biết sự hiện hữu của một Thiên Chúa hữu ngã.* Nhưng để cho con người có thể sống thân thiết với Người, Thiên Chúa đã muốn mặc khải chính mình cho con người và ban cho họ khả năng đón nhận mặc khải ấy trong đức tin. Tuy nhiên, các "bằng chứng về sự hiện hữu của Thiên Chúa" có thể giúp con người dễ đón nhận đức tin và cho thấy đức tin không nghịch với lý trí .

### **III. SỰ NHẬN BIẾT THIÊN CHÚA THEO GIÁO HỘI**

**36** 355 "Hội Thánh, mẹ chúng ta, khẳng định và dạy rằng: Từ những loài thụ tạo, con người nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí, có thể nhận biết cách chắc chắn về Thiên Chúa như là nguyên lý và cùng đích của mọi loài" (Cđ Vat I: DS 3004;

x.3026; DV 6). Không có khả năng này, con người không thể đón nhận mặc khải của Thiên Chúa. Con người có được khả năng đó là vì đã được tạo dựng "theo hình ảnh Thiên Chúa (x. St 1,26)".

**37 1960** Tuy nhiên, trong những hoàn cảnh cụ thể của mình, con người rất khó nhận biết Thiên Chúa nếu chỉ dựa vào ánh sáng của lý trí :

Lý trí con người nhờ sức lực và ánh sáng tự nhiên của mình, có thể nhận biết cách xác thật và chắc chắn về một Thiên Chúa hữu ngã, Đấng bảo vệ và điều khiển thế giới bằng sự quan phòng, cũng như về luật tự nhiên mà Đấng Sáng tạo đã đặt trong tâm hồn chúng ta. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều trở ngại ngăn cản lý trí vận dụng hữu hiệu năng lực tự nhiên của nó. Vì những chân lý liên quan đến Thiên Chúa và loài người vượt hẳn lãnh vực khả giác, lại đòi hỏi con người phải xả thân và quên mình khi muốn hành động và sống theo chân lý đó. Để nắm bắt những chân lý như thế, tinh thần con người phải chịu nhiều khó khăn do giác quan và trí tưởng tượng, cũng như những ham muốn xấu xa do nguyên tội gây nên. Vì thế, trong những lãnh vực đó, những điều mà con người không muốn là có thật, thì họ dễ dàng tự thuyết phục mình rằng chúng chỉ là điều dối trá hay mơ hồ ( Pi-ô XII, enc. *Humani Generis*: DS 3875).

**38 2036** Vì thế, con người cần được mặc khải của Thiên Chúa soi dẫn, không những trong những gì vượt quá trí khôn, mà còn trong "những chân lý tôn giáo và luân lý tự nó vốn không vượt quá khả năng lý trí để con người trong hoàn cảnh hiện tại có thể biết được một cách dễ dàng, chắc

chấn mà không lẫn lộn sai lầm" ( DS 3876 ; x. Vatican I DS 3005 ; DV 6 ; Th. Tô-ma Aquinô, Tổng luận thần học 1,1,1.)

#### **IV. NÓI VỀ THIÊN CHÚA THẾ NÀO ?**

**39 851** Khi chủ trương lý trí có khả năng nhận biết Thiên Chúa, Hội Thánh tin tưởng có thể nói về Thiên Chúa cho tất cả mọi người và với mọi người. Niềm xác tín này là khởi điểm cho cuộc đối thoại của Hội Thánh với các tôn giáo khác, với triết học và khoa học, cũng như với những người vô tín ngưỡng và vô thần.

**40** Vì khả năng nhận biết Thiên Chúa của chúng ta có giới hạn, nên ngôn ngữ chúng ta dùng để nói về Thiên Chúa cũng giới hạn. Chúng ta chỉ có thể xưng danh Người khởi từ những gì chúng ta biết về các thụ tạo và theo cách thức hiểu biết và suy tư hạn hẹp của loài người chúng ta.

**41 213, 299** Có thể nói mọi thụ tạo đều mang dáng vấp nào đó của Thiên Chúa, đặc biệt là con người được sáng tạo theo hình ảnh Người. Những nét hoàn hảo thiên hình vạn trạng của thụ tạo (tính chân, thiện, mỹ của chúng) phản chiếu sự toàn hảo vô biên của Thiên Chúa. Chúng ta có thể nói về Thiên Chúa khởi từ những nét hoàn hảo của thụ tạo, "vì từ sự nguy nga của thụ tạo, người ta luận ra được ý niệm về Đấng Tạo Hoá" (Kn 13, 5).

**42 212,300 370** Thiên Chúa trỗi vượt mọi thụ tạo. Vậy cần phải không ngừng luyện lọc ngôn ngữ chúng ta, cho bớt đi những gì hạn hẹp, tượng hình, và chưa hoàn hảo, để khởi lẫn lộn Đức Chúa "khôn tả xiết, khôn dò thấu, vô hình, vô phương nắm giữ" ( Phụng vụ lễ Thánh Gio-an Kim Khẩu, Anaphore.) với những gì con người hình dung được. Lời nói

của nhân loại vẫn luôn thiếu sót, không diễn tả hết màu nhiệm của Thiên Chúa.

**43 206** Khi nói như thế về Thiên Chúa, tuy ngôn ngữ chúng ta diễn tả theo cách phạm nhân, nhưng thực sự đạt tới chính Thiên Chúa, dù không thể diễn tả được Người trong sự giản đơn vô biên của Người. Chúng ta phải nhớ rằng "giữa Đấng Sáng Tạo và loài thụ tạo, không thể nhân mạnh sự tương đồng mà không làm cho sự bất tương đồng giữa hai bên càng thêm lớn hơn nữa" ( Cđ La-tran IV: DS 806), và "chúng ta không thể hiểu được Thiên Chúa như thế nào, mà chỉ hiểu được Người không như thế nào, và những hữu thể khác có vị trí nào trong tương quan với Thiên Chúa"(Th.Tô-ma Aqu.s.gent.1,30).

## **TÓM LƯỢC**

**44** *Tự bản tính và ơn gọi, con người là một hữu thể tôn giáo. Phát sinh từ Thiên Chúa và quy hướng về Thiên Chúa, con người chỉ đạt được cuộc sống nhân bản đầy đủ khi tự do liên kết với Thiên Chúa.*

**45.** *Con người được tạo dựng nên để sống hiệp thông với Thiên Chúa. Nơi Người, họ tìm được hạnh phúc : "trong Chúa, con không hề còn đau khổ buồn phiền nữa; được tràn đầy Chúa, đời con sẽ đầy đủ trọn vẹn" ( Th. Âu-tinh, Tự thuật.10, 28,39).*

**46.** *Khi biết nghe sứ điệp của các thụ tạo và tiếng nói của lương tâm, con người có thể biết chắc có Thiên Chúa là nguyên nhân và cùng đích của mọi sự.*

**47.** *Hội Thánh dạy rằng con người nhờ ánh sáng tự nhiên của lý trí có thể nhận biết chắc chắn về Thiên Chúa duy nhất và chân thật, là Đấng Tạo Hóa và Đức Chúa của chúng ta, qua những công trình của Người ( x.Cđ Vat I: DS 3026).*

**48.** *Chúng ta có thể thật sự nói về Thiên Chúa, dựa vào những nét hoàn hảo thiên hình vạn trạng của các thụ tạo, phần nào giống Thiên Chúa toàn hảo vô biên, cho dù ngôn ngữ có hạn của chúng ta không tài nào diễn tả hết mẫu nhiệm được.*

**49.** *"Không có Đấng Sáng Tạo, loài thụ tạo biến tan" (GS 36). Vì thế, người tín hữu cảm thấy tình yêu Chúa Ki-tô thúc bách mang ánh sáng của Thiên Chúa hằng sống đến cho những ai không biết hoặc chối từ Người .*

## CHƯƠNG HAI

# THIÊN CHÚA ĐẾN GẶP CON NGƯỜI

**50 36 1066** Nhờ lý trí tự nhiên, con người có thể nhận biết Thiên Chúa một cách chắc chắn, dựa vào những công trình của Người. Nhưng còn có một loại nhận biết khác, mà con người không thể đạt tới bằng sức lực của chính mình, đó là loại nhận biết nhờ mặc khải của Thiên Chúa (x.Cđ Vat I: DS 3015). Bằng một quyết định hoàn toàn tự do, Thiên Chúa tự mặc khải và ban chính mình cho con người. Thiên Chúa làm điều đó bằng cách mặc khải mầu nhiệm của Người, ý định yêu thương Người đã có từ muôn thuở trong Đức Ki-tô, để mưu ích cho mọi người. Thiên Chúa mặc khải trọn vẹn ý định của Người khi cử Người Con chí ái là Đức Ki-tô, Chúa chúng ta, và khi cử Thánh Thần đến với loài người.

### Mục 1

## SỰ MẶC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA

### I. THIÊN CHÚA MẶC KHẢI “ KẾ HOẠCH NHÂN HẬU” CỦA NGÀI

**51 2823 1996** "Thiên Chúa nhân lành và khôn ngoan đã muốn mặc khải chính mình và tỏ cho mọi người biết mầu nhiệm thánh ý Người. Nhờ đó, loài người có thể đến cùng Chúa Cha, nhờ Chúa Ki-tô, Ngôi Lời nhập thể trong Chúa Thánh Thần, và được thông phần bản tính của Thiên Chúa" (DV 2).

**52.** Thiên Chúa, Đấng "ngự trong ánh sáng siêu phàm" (1Tm 6,16), muốn thông ban sự sống thần linh của chính mình cho loài người mà Người đã tự do sáng tạo, để làm cho loài người được trở nên nghĩa tử trong Con Một của Người (Ep 1,4-5). Bằng cách tự mặc khải chính mình, Thiên Chúa muốn giúp cho loài người có khả năng đáp lời Người, nhận biết và yêu mến Người vượt trên những gì họ có thể làm được tự sức mình.

**53** 1953 1950 Ý định mặc khải được thể hiện cùng một trật tự qua "hành động và lời nói, cả hai liên kết chặt chẽ và soi sáng cho nhau"(DV 2). Ý định đó hàm chứa "một đường lối su phạm thần linh" đặc biệt của Thiên Chúa : Thiên Chúa thông ban chính mình cho con người một cách tiệm tiến, chuẩn bị từng giai đoạn để con người đón nhận mặc khải siêu nhiên về chính bản thân Người. Mặc khải này sẽ đạt tới tột đỉnh nơi con người và sứ mạng của Lời nhập thể là Đức Giê-su Ki-tô.

Thánh I-rê-nê thành Ly-on nhiều lần nói về đường lối su phạm của Thiên Chúa dưới hình ảnh Thiên Chúa và con người làm quen nhau : "Ngôi Lời của Thiên Chúa đã ở giữa loài người và trở thành con của loài người, để con người quen đón nhận Thiên Chúa, và để Thiên Chúa quen ở giữa loài người, theo ý định tốt đẹp của Chúa Cha" (Chống lạc giáo 3,20,2; xem thí dụ ở phần chống lạc giáo 3,17,1; 4,12,4; 4,21,3).

## **II. NHỮNG GIAI ĐOẠN CỦA MẶC KHẢI**

**Từ thuở ban đầu, Thiên Chúa tự mặc khải cho con người**

**54** 32 374 "Thiên Chúa, Đấng sáng tạo và bảo tồn mọi sự nhờ Ngôi Lời, không ngừng làm chứng về Mình trước mặt

loài người qua các thụ tạo. Và vì muốn mở đường cứu độ cao trọng nên từ đầu Người còn tỏ Minh ra cho tổ tông chúng ta". Người đã mời các nguyên tổ sống kết hợp mật thiết với Minh, khi ban cho họ ân sủng và đức công chính rạng ngời" (DV 3).

**55** 397,410 Tội của nguyên tổ không làm gián đoạn mặc khải. Quả vậy," sau khi tổ tông sa ngã, qua lời hứa ban ơn cứu chuộc, Người đã nâng họ dậy trong niềm hy vọng ơn cứu độ. Người không ngừng săn sóc nhân loại, để ban sự sống đời đời cho tất cả những ai tìm kiếm ơn cứu độ nhờ kiên tâm làm việc thiện" ( DV 3).

761 Tuy con người đã mất tình nghĩa với Cha vì tội bất phục tùng, Cha cũng không đành bỏ mặc cho sự chết thống trị ....Nhiều lần Cha đã giao ước với loài người (MR, Kinh Tạ Ôn IV, 118).

### **Giao ước với Nô-ê**

**56** 401 1219 Khi tội lỗi phá vỡ sự thống nhất của nhân loại, Thiên Chúa tìm cách cứu họ qua từng nhóm người. Giao ước với ông Nô-ê sau lụt hồng thủy (St 9,9) nói lên nguyên tắc, qua đó Thiên Chúa thực hiện Nhiệm Vụ cứu độ các "dân tộc", tức là những con người tập hợp lại theo xứ sở của họ, "mỗi người tùy theo tiếng nói và tùy theo thị tộc của họ"(St 10, 5; 10, 20-31).

**57.** Trật tự gồm nhiều dân tộc ( x. Cv 17,26-27) vừa có tính vũ trụ, vừa có tính xã hội và tôn giáo này được Thiên Chúa thiết đặt để ngăn chặn lòng kiêu căng của nhân loại đã sa ngã nhưng vẫn đồng lõa với nhau trong sự đòi bại ( x. St 10,5) để mưu cầu sự hiệp nhất như chuyện tháp Ba-ben ( x.

St 11,4-6). Nhưng vì tội lỗi ( x. Rm 1,18-25) làm con người mê muội, nên thuyết đa thần cũng như tể sùng bái, dân tộc và thủ lãnh luôn đe dọa nhiệm vụ tạm thời này bằng sự lệch lạc ngoại giáo.

**58 674 2569** Giao ước với ông Nô-ê có giá trị suốt thời của các dân tộc ( x. Lc 21,24), cho tới khi Tin Mừng được loan báo khắp thế giới. Thánh Kinh tôn kính một vài gương mặt vĩ nhân của các "dân tộc", như ông "A-ben người công chính", vị vua tư tế Men-ki-xê-đê ( x. St 14,18) được xem như hình bóng Đức Ki-tô ( x. Dt 7,3), hoặc các người công chính "Nô-ê, Đa-nen và Gióp" (Êd 14,14). Như vậy, Thánh Kinh nói lên mức độ thánh thiện cao vời mà những người sống dưới chế độ giao ước Nô-ê đã có thể đạt tới, trong khi đợi chờ Đức Ki-tô "qui tỵ con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối" (Ga 11,52).

### **Thiên Chúa tuyển chọn ông Áp-ra-ham**

**59 145,2570** Để qui tỵ loài người đã bị tản mác, Thiên Chúa tuyển chọn ông Áp-ram bằng cách kêu gọi ông "rời bỏ xứ sở, họ hàng và nhà cha của ông" ( St 12,1), để làm cho ông trở nên "Áp-ra-ham", tức là "cha của vô số dân tộc" (St 17,5) : "nhờ người, muôn dân sẽ được chúc phúc" (St 12,3 LXX) ( x.Gl 3.8).

**60 760 762,781** Dân tộc phát sinh từ Áp-ra-ham sẽ lãnh nhận lời Thiên Chúa đã hứa với các tổ phụ. Đây là dân tuyển chọn ( x.Rm 11,28), được gọi để chuẩn bị cho cuộc qui tỵ con cái Thiên Chúa một ngày nào đó trong Hội Thánh duy nhất ( x.Ga 11,52; 10,16); dân này sẽ là gốc rễ mà các dân ngoại khi tin vào Thiên Chúa sẽ được tháp vào ( x.Rm 11,17-18.24).

**61.** Các tổ phụ, các ngôn sứ và những nhân vật khác nữa của Cựu Ước đã và sẽ luôn được tôn kính như những thánh nhân trong tất cả các truyền thống phụng vụ của Hội Thánh.

### **Thiên Chúa huấn luyện dân Ít-ra-en**

**62** 2060,2574 1961 Sau thời các tổ phụ, Thiên Chúa lập Ít-ra-en làm dân của Người khi giải thoát họ khỏi ách nô lệ Ai-cập. Người ký kết Giao Ước Xi-nai với dân và ban cho họ lề luật qua ông Mô-sê, để họ nhìn nhận và phụng sự Người như vị Thiên Chúa duy nhất hằng sống và chân thật, người Cha quan phòng và vị Thẩm Phán công minh, và để họ mong đợi Vị Cứu Tinh đã được Thiên Chúa hứa (x. DV 3).

**63** 204, 2801 839 Ít-ra-en là Dân tư tế của Thiên Chúa ( x.Xh 19,6), được "mang danh ĐỨC CHÚA" (Đnl 28,10). Đó là dân gồm "những người đầu tiên đã được nghe lời Thiên Chúa phán dạy" ( Phụng vụ Thứ Sáu Tuần Thánh ) gồm các "anh trưởng" của những người cùng chia sẻ đức tin của tổ phụ Áp-ra-ham.

**64** 711, 1965 489 Qua các ngôn sứ, Thiên Chúa huấn luyện dân Người trong niềm hy vọng vào ơn cứu độ, trong sự chờ đợi một Giao Ước mới, Giao Ước vĩnh cửu dành cho tất cả mọi người ( x.Is 2,2-4) và sẽ được ghi khắc trong lòng mọi người ( x.Gr 31,31-34; Đnl 10,16). Các ngôn sứ tiên báo Thiên Chúa sẽ cứu chuộc trọn vẹn dân Ít-ra-en, thanh tẩy họ khỏi mọi bất trung (Ed 36) và ban ơn cứu độ cho tất cả các dân tộc ( x.Is 49,5-6; 53,11). Chính những người nghèo khó và khiêm nhu của Chúa (Xph 2,3) sẽ cưu mang niềm hy vọng này. Những phụ nữ thánh thiện như các bà Xa-ra, Rê-bê-ca, Ra-khen, Mi-ri-am, Ê-bô-ra, An-na, Giu-đi-tha và Ét-te, đã gìn giữ cho niềm hy vọng cứu độ ấy của Ít-ra-en được luôn

sống động. Về vấn đề này, Đức Ma-ri-a là gương mặt sáng chói nhất (x. Lc 1,38).

### **III. ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ "ĐÁNG TRUNG GIAN VÀ SỰ VIÊN MÃN CỦA TOÀN BỘ MẠC KHẢI " (DV 2)**

#### **Thiên Chúa đã phán dạy mọi sự trong Ngôi Lời**

**65 102** "Thuở xưa nhiều lần nhiều cách, Thiên Chúa đã dùng các ngôn sứ mà phán dạy cha ông ta; nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy ta qua Con của Người " (Dt 1,1-2). Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa làm người, là Lời duy nhất, hoàn hảo và dứt khoát của Chúa Cha. Nơi Người, Thiên Chúa phán dạy mọi sự, và sẽ không có lời nào khác ngoài Lời đó. Nói gót bao người, Thánh Gio-an Thánh Giá diễn tả điều đó với những lời lẽ sáng ngời khi quảng diễn Dt 1,1-2 :

**516 2717** Một khi đã ban cho chúng ta Chúa Con, là Lời của Người, Thiên Chúa không còn Lời nào khác để ban cho ta. Người đã nói hết trong một lần và cùng một trật, trong Lời duy nhất đó, và không còn gì để nói nữa. Những gì Người chỉ nói từng phần với các ngôn sứ, thì Người đã nói hết trọn vẹn trong Con của Người bằng cách ban cho chúng ta điều trọn vẹn ấy là Con của Người. Do đó, ai còn muốn gạn hỏi Người hoặc ước ao có một thị kiến hay mặc khải, người ấy chẳng những làm một sự điên rồ, mà còn xúc phạm đến Thiên Chúa, bởi không nhìn vào Đức Ki-tô mà lại đi tìm những gì khác hay những điều mới lạ ( Cát minh 2,22).

## Sẽ không còn Mặc Khải nào khác

**66** 94 "Nhiệm cục Ki-tô giáo, vì là Giao Ước mới và vĩnh viễn, sẽ không bao giờ mai một, chúng ta không phải chờ đợi một mặc khải công khai nào khác nữa trước khi Chúa Giê-su Ki-tô Chúa chúng ta hiện đến trong vinh quang" (DV 4). Dù Mặc Khải đã hoàn tất, nhưng vẫn chưa được diễn đạt hoàn toàn rõ rệt, nên Hội Thánh phải cố gắng tìm hiểu một cách tiệm tiến qua dòng thời gian.

**67** 84 Theo dòng lịch sử, có những điều gọi là "mặc khải tư," một số được thẩm quyền Hội Thánh công nhận. Tuy vậy, những mặc khải đó không thuộc kho tàng đức tin. Vai trò của chúng không phải là "cải thiện" hoặc "bổ sung" Mặc Khải tối hậu của Đức Ki-tô, mà để giúp người ta sống Mặc Khải cách trọn vẹn hơn vào một thời điểm lịch sử. Được Huấn Quyền Hội Thánh hướng dẫn, người tín hữu nhờ cảm thức đức tin sẽ biết nhận định và tiếp thu trong các mặc khải đó, những gì là lời mời gọi đích thực của Đức Ki-tô hoặc của các thánh gửi đến cho Dân Người.

Theo đức tin Ki-tô giáo không có mặc khải nào được coi là vượt cao hơn hay sửa đổi mặc khải được hoàn tất trong Đức Ki-tô. Hiện nay một số tôn giáo ngoài Ki-tô giáo và một số giáo phái được sáng lập gần đây đặt nền tảng trên những "mặc khải" như thế.

## TÓM LƯỢC

**68** *Vì tình thương, Thiên Chúa đã tự mặc khải và ban chính mình cho con người. Như vậy, Người mang đến một lời giải đáp cuối cùng và phong phú cho những câu hỏi mà con người đặt ra cho mình về ý nghĩa và cùng đích cuộc đời.*

**69.** Thiên Chúa tự mặc khải cho con người bằng cách dùng hành động và lời nói, từng bước thông ban mẫu nhiệm chính bản thân mình cho họ.

**70.** Ngoài những chứng từ nơi các thụ tạo, Thiên Chúa còn đích thân tỏ mình cho nguyên tổ chúng ta. Người đã nói với họ, và sau khi họ sa ngã, Người hứa ban ơn cứu độ (St 3,15) và mời họ ký kết giao ước với Người.

**71.** Thiên Chúa ký kết với ông Nô-ê một giao ước vĩnh cửu giữa Người và mọi sinh linh (St 9,16). Giao ước này sẽ tồn tại bao lâu thế gian còn tồn tại.

**72.** Thiên Chúa đã tuyển chọn ông Áp-ra-ham và ký kết một giao ước với ông và dòng dõi ông. Từ đó, Thiên Chúa thiết lập dân Người và mặc khải Lề Luật cho họ qua ông Mô-sê. Nhờ các ngôn sứ, Thiên Chúa đã chuẩn bị dân Người đón nhận ơn cứu độ dành cho toàn thể nhân loại.

**73.** Thiên Chúa tự mặc khải trọn vẹn khi cử chính Con Mình đến trần gian; nơi Chúa Con, Thiên Chúa đã thiết lập Giao Ước của Người cách vĩnh viễn. Con Thiên Chúa là Lời tối hậu của Chúa Cha nói với nhân loại; sau Người, không còn một mặc khải nào khác.

## Mục 2

# VIỆC TRUYỀN ĐẠT SỰ MẶC KHẢI CỦA THIÊN CHÚA

**74 85** Thiên Chúa "muốn cho mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý" (1Tm 2,4), tức là nhận biết Đức Ki-tô Giê-su (Ga 14,6). Vậy Đức Ki-tô phải được rao giảng cho mọi dân tộc và mọi người, và như thế, mặc khải phải được loan truyền đến tận cùng thế giới.

Những gì Thiên Chúa mặc khải để cứu độ muôn dân, Người đã ân cần sắp đặt để luôn được bảo toàn và lưu truyền nguyên vẹn cho mọi thế hệ ( DV 7).

## I. TRUYỀN THÔNG TÔNG ĐỒ

**75 171** "Toàn bộ mặc khải của Thiên Chúa tối cao được hoàn tất nơi Chúa Ki-tô. Sau khi thực hiện và công bố Tin Mừng đã được các ngôn sứ tiên báo, Chúa Ki-tô ra lệnh cho các tông đồ rao giảng Tin Mừng ấy cho mọi người như là nguồn mạch của toàn bộ chân lý cứu độ và của mọi qui luật luân lý, đồng thời ban phát cho họ những hồng ân của Thiên Chúa"(DV 7).

### **Việc rao giảng của các tông đồ...**

**76.** Theo mệnh lệnh của Chúa, việc lưu truyền Tin Mừng đã được thực hiện bằng hai cách :

*Cách truyền khẩu* : "Bằng lời rao giảng, bằng gương mẫu và các định chế, các tông đồ truyền lại những điều đã học được từ chính miệng Đức Ki-tô khi sống chung với

Người và thấy Người xử sự hoặc những điều các ngài đã được Thánh Thần gợi hứng".

*Bằng văn tự* : "Được Thánh Thần linh hứng, các tông đồ và những người thân cận với các ngài đã ghi lại sử điệp cứu độ "( DV 7).

### **...được tiếp tục nơi các người kế vị tông đồ**

**77 861** "Đề Tin Mừng luôn luôn được gìn giữ nguyên vẹn và sống động trong Hội Thánh, các tông đồ đã đặt các Giám Mục làm người kế nhiệm, và trao lại cho họ "trách nhiệm giáo huấn của các ngài" (DV 7). Vì vậy, "những lời giảng dạy của các tông đồ được đặc biệt ghi lại trong các sách linh hứng, phải được bảo tồn và liên tục lưu truyền cho đến tận thế " (DV 8).

**78 174 1124,2651** Được thực hiện trong Chúa Thánh Thần, cách lưu truyền sống động này được gọi là Thánh Truyền, phân biệt với Thánh Kinh, dù có liên hệ chặt chẽ với Thánh Kinh. Nhờ Thánh Truyền, "Hội Thánh qua giáo lý, đời sống và việc phụng tự của mình, bảo tồn và lưu truyền cho mọi thế hệ tất cả thực chất của mình và tất cả những gì mình tin"( DV 8). "Giáo huấn của các thánh giáo phụ chứng thực sự hiện diện tác sinh của Thánh Truyền ấy mà sự phong phú đã thâm nhập vào nếp sống đạo của Hội Thánh hằng tin tưởng và cầu nguyện" (DV 8).

**79.** Như vậy, việc Chúa Cha thông ban chính mình nhờ Ngôi Lời và trong Thánh Thần, vẫn hiện diện và tác động trong Hội Thánh : "Thiên Chúa Đấng xưa đã phán dạy, nay vẫn không ngừng ngỏ lời với hiền thê của Con yêu dấu mình; và Thánh Thần, Đấng làm cho tiếng nói sống động của Tin Mừng vang dội trong Hội Thánh, và nhờ Hội Thánh làm

vang dội trong thế giới, vẫn hướng dẫn các tín hữu nhận biết toàn thể chân lý và làm cho lời Chúa Ki-tô tràn ngập trong lòng họ" (DV 8).

## **II. TƯƠNG QUAN GIỮA THÁNH TRUYỀN VÀ THÁNH KINH**

### **Cùng một nguồn mạch...**

**80.** "Thánh Truyền và Thánh Kinh liên kết và giao lưu mật thiết với nhau, vì cả hai phát xuất từ một nguồn mạch duy nhất là Thiên Chúa, có thể nói là cả hai kết hợp nên một toàn bộ và hướng về cùng một mục đích" ( DV 9). Cả hai đều làm cho mầu nhiệm Đức Ki-tô được hiện diện và sinh hoa trái trong Hội Thánh, chính Người đã hứa ở lại với môn đệ "mọi ngày cho đến tận thế " (Mt 28, 20).

### **...nhưng hai cách lưu truyền khác biệt**

**81.** "*Thánh Kinh* là Lời Thiên Chúa được ghi chép lại dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần".

*113* "*Thánh Truyền* chứa đựng Lời Thiên Chúa mà Chúa Ki-tô và Chúa Thánh Thần đã ủy thác cho các tông đồ, và lưu truyền toàn vẹn cho những người kế nhiệm các ngài, để nhờ Thánh Thần chân lý soi sáng, họ trung thành gìn giữ, trình bày và phổ biến qua lời rao giảng".

**82.** Do đó, Hội Thánh, được ủy thác nhiệm vụ lưu truyền và giải thích Mạc Khải, "không chỉ nhờ Thánh Kinh mà biết cách xác thực tất cả những điều mạc khải, chính vì thế, cả Thánh Kinh lẫn Thánh Truyền đều phải được đón nhận và tôn kính bằng một tâm tình yêu mến và kính trọng như nhau"( DV 9).

## **Truyền thống Tông đồ và các truyền thống trong Hội Thánh**

**83.** Truyền Thống mà chúng ta nói đây khởi phát từ các tông đồ và lưu truyền những gì các ngài đã lãnh nhận từ giáo huấn và gương mẫu của Chúa Giê-su cũng như những gì các ngài học được nhờ Thánh Thần. Thật vậy, thế hệ các Ki-tô hữu đầu tiên chưa có một Tân Ước thành văn, và chính bản văn Tân Ước chứng thực tiến trình của truyền thống sống động này.

*1202, 2041 2684* Chúng ta phải phân biệt "Truyền Thống" các tông đồ với các "truyền thống" thuộc diện thần học, kỷ luật, phụng vụ hoặc sùng kính đã phát sinh theo thời gian trong các giáo đoàn địa phương. Những truyền thống này tạo nên những hình thức đặc thù, qua đó, Thánh Truyền thu nhận những lối diễn tả thích nghi cho những nơi khác nhau và những thời kỳ khác nhau. Chính trong ánh sáng truyền thống các tông đồ, mà các truyền thống này được giữ lại, sửa đổi hay bị loại bỏ, theo sự hướng dẫn của Huấn Quyền Hội Thánh.

### **III. GIẢI NGHĨA KHO TÀNG ĐỨC TIN**

#### **Kho tàng đức tin được giao phó cho toàn thể Hội Thánh**

**84** *857, 871 2033* "Kho tàng đức tin" (*depositum fidei*) (2Tm 1,12-14), chứa đựng trong Thánh Truyền và Thánh Kinh, đã được các tông đồ giao phó cho toàn thể Hội Thánh. "Nhờ gắn bó với kho tàng ấy, toàn thể dân thánh hiệp nhất với các mục tử, vẫn một niềm trung tín, chuyên cần nghe các tông đồ giảng dạy, sống hiệp thông huynh đệ, tham dự lễ bẻ bánh và các giờ cầu nguyện, đến nỗi trong cách giữ đạo,

hành đạo, và tuyên xưng đức tin được truyền lại, các mục tử và đoàn chiên đồng tâm nhất trí với nhau cách lạ thường"(DV 10).

### **Huấn Quyền của Hội Thánh**

**85** 888- 892 2032-2040 "Nhiệm vụ giải nghĩa cách chân chính Lời Thiên Chúa đã được viết ra hay lưu truyền, chỉ được ủy thác cho Huấn Quyền sống động của Hội Thánh, và Hội Thánh thi hành quyền đó nhân danh Đức Giê-su Ki-tô " (DV 10), nghĩa là

**86** 688 "Tuy nhiên, Huấn Quyền không vượt trên Lời Chúa, nhưng phải phục vụ Lời Chúa, nên chỉ dạy những gì đã được truyền lại. Theo lệnh Chúa với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, Huấn Quyền thành tâm lắng nghe, gìn giữ cách thánh thiện và thành tín trình bày Lời Chúa. Và từ kho tàng đức tin duy nhất ấy, rút ra mọi điều phải tin như là Mạc Khải của Thiên Chúa" (DV 10).

**87** 1548 2037 Vì ghi nhớ lời Đức Ki-tô đã nói với các tông đồ : "Ai nghe anh em là nghe Thầy" (Lc 10,16) (LG 20), các tín hữu nhiệt thành ngoan ngoãn nhận lãnh lời dạy và chỉ thị mà các mục tử ban cho họ dưới những hình thức khác nhau.

### **Các tín điều của đức tin**

**88.** Huấn Quyền thực thi trọn vẹn quyền bính nhận từ Đức Ki-tô khi định tín, tức là khi công bố, dưới hình thức buộc dân thánh phải tin, những chân lý được chứa đựng trong mạc khải hoặc khi công bố một cách xác định đức khoát những chân lý có liên hệ tất yếu với các chân lý đó.

**89 2625** Có một tương quan hữu cơ giữa đời sống thiêng liêng của chúng ta với các tín điều. Tín điều là những ánh sáng trên con đường đức tin, soi sáng và làm cho con đường đức tin ấy được an toàn. Ngược lại, nếu chúng ta sống ngay thẳng, trí tuệ và tâm hồn sẽ mở rộng đón nhận ánh sáng các tín điều (x. Ga 8,31-32).

**90 114,158 234** Toàn bộ mặc khải mâu nhiệm Đức Ki-tô cho thấy các tín điều có liên hệ hỗ trợ và đan kết với nhau (Cđ Va-ti-can I : DS 3016 : nexus mysteriorum: LG 25). Thực vậy cần nhớ là "chúng ta phải nhận có một trật tự hay phẩm trật" các chân lý trong đạo lý công giáo, vì sự liên hệ giữa các tín điều với các nền tảng đức tin Ki-tô giáo không đồng đều" (UR 11).

### **Ý thức siêu nhiên của đức tin**

**91 737.** Mọi tín hữu đều tham dự vào ơn hiệu biết và việc lưu truyền chân lý mặc khải. Họ được Thánh Thần xúc dầu, chính Người dạy dỗ (x. 1Ga 2,20.27) và dẫn họ tới chân lý toàn diện (x. Ga 16,13).

**92 785.** "Toàn thể tín hữu ... không thể sai lầm trong đức tin. Họ biểu lộ đặc tính ấy nhờ cảm thức siêu nhiên về đức tin của toàn thể dân Chúa, khi" từ các Giám mục cho đến người giáo dân rốt hết", đều đồng ý về những chân lý liên quan đến đức tin và phong hóa" (LG 12).

**93 889 .** "Thực vậy, nhờ cảm thức về đức tin được Thánh Thần chân lý khơi dậy và duy trì, và dưới sự hướng dẫn của Huấn Quyền ... dân Thiên Chúa một lòng gắn bó không sờn với đức tin đã được truyền lại một lần dứt khoát, đào sâu đức tin hơn nhờ giải thích đúng đắn và thực thi trọn vẹn đức tin ấy trong đời sống của mình" (LG 12).

## **Tăng trưởng trong sự hiểu biết về đức tin**

**94 66.** Nhờ Thánh Thần trợ giúp, sự hiểu biết về các thực tại và các lời thuộc kho tàng đức tin có thể tăng trưởng trong đời sống Hội Thánh :

2651 -"Nhờ suy niệm và học hỏi của những tín hữu hằng gẫm suy trong lòng những thực tại và lời nói ấy" (DV 8); đặc biệt "việc nghiên cứu thần học giúp đào sâu hiểu biết về chân lý mạc khải" ( x. GS 62,7; x. 44,2 ; DV 23,24; UR 4 );

2038,2518 -"Nhờ sự hiểu biết nội tâm mà các tín hữu cảm nhận được những điều thiêng liêng" (DV 8); "Lời Chúa lớn lên cùng với người đọc" ( Thánh Ghê-gô-ri-ô Cả, giảng về Ed 1,7,8);

-"Nhờ lời rao giảng của các vị trong hàng Giám Mục đã nhận được đặc sủng chắc chắn về chân lý " ( DV 8).

**95.** "Vậy rõ ràng là Thánh Truyền, Thánh Kinh và Huấn Quyền, nhờ một sự an bài rất khôn ngoan của Thiên Chúa, liên kết và phối hiệp với nhau đến nỗi không một thực thể nào một trong ba có thể đứng vững một mình được. Dưới tác động của một Thánh Thần duy nhất, cả ba cùng góp phần hữu hiệu vào việc cứu độ các linh hồn, mỗi thứ theo phương cách riêng của mình" (DV 10, 3).

## **TÓM LƯỢC**

**96.** *Điều Đức Ki-tô đã ủy thác cho các Tông đồ, các ngài đã truyền lại bằng lời rao giảng và bằng văn bản, dưới sự linh hứng của Thánh Thần, cho tất cả mọi thế hệ, cho đến ngày Đức Ki-tô trở lại trong vinh quang.*

**97.** *"Thánh Truyền và Thánh Kinh hợp thành một kho tàng thánh thiêng duy nhất của Lời Thiên Chúa ( DV 10), trong đó, Hội Thánh lễ hành chiêm ngắm Thiên Chúa (DV 10) là nguồn mạch mọi sự phong phú của mình như trong một tấm gương.*

**98.** *Qua giáo lý, đời sống và phụng tự của mình, Hội Thánh bảo tồn và truyền lại cho mọi thế hệ tất cả thực chất của mình và tất cả những gì mình tin" ( DV 8).*

**99.** *Nhờ cảm thức siêu nhiên về đức tin, toàn thể Dân Chúa không ngừng đón nhận, đào sâu và sống hồng ân mặc khải ngày càng trọn vẹn hơn.*

**100.** *Nhiệm vụ giải nghĩa cách chân chính Lời Thiên Chúa được ủy thác riêng cho Huấn Quyền, tức là cho Đức Giáo Hoàng và cho các Giám Mục hiệp thông với Người.*

### **Mục 3**

## **THÁNH KINH**

### **I. ĐỨC KI-TÔ - LỜI DUY NHẤT CỦA THÁNH KINH**

**101.** *Để mặc khải chính mình cho loài người, Thiên Chúa đã đoái thương dùng ngôn ngữ loài người mà nói với họ (139): "Lời của Thiên Chúa, diễn đạt bằng ngôn ngữ nhân loại, (tr 150) nên giống tiếng nói loài người, cũng như khi xưa Ngôi Lời của Cha hằng hữu đã trở nên giống như con người khi mặc lấy xác phàm yếu đuối của chúng ta" ( DV 13).*

**102 65, 2763** Qua tất cả các lời ở trong Thánh Kinh, Thiên Chúa chỉ nói có một Lời là Ngôi Lời duy nhất, trong Người, Thiên Chúa nói hết về mình cho nhân loại (Dt 1,1-3) :

426-429 Anh em hãy nhớ rằng Lời duy nhất của Thiên Chúa được trải dài trong toàn bộ Thánh Kinh, chính Ngôi Lời duy nhất vang trên môi miệng của tất cả các tác giả Thánh Kinh. Vì chính Người, ngay từ đầu là Thiên Chúa ở bên Thiên Chúa, chẳng cần đến chữ với lời, bởi Người không lệ thuộc vào thời gian ( Thánh Âu Tinh, Tv 103,4,1).

**103 1100, 1184 1378** Vì lý do đó, Hội Thánh luôn tôn kính Kinh Thánh như chính Mình Thánh Chúa. Hội Thánh không ngừng lấy Bánh ban sự sống từ bàn tiệc Lời Thiên Chúa và Mình Thánh Chúa  
Ki-tô để ban phát cho các tín hữu ( x. DV 21)

**104.** Trong Thánh Kinh, Hội Thánh không ngừng tìm được lương thực và sức mạnh (x.DV 24), vì nơi đó, Hội Thánh không chỉ đón nhận một lời phạm nhân, nhưng thực sự là Lời của Thiên Chúa( 1Th 2,13). "Thật vậy, trong các Sách Thánh, Chúa Cha, Đấng ngự trên trời, âu yếm đến với con cái của Người và đối thoại với họ" (DV 21).

## II. LINH HỨNG VÀ CHÂN LÝ CỦA THÁNH KINH

**105.** *Thiên Chúa là tác giả của Thánh Kinh* "Những gì Thiên Chúa mặc khải mà Thánh Kinh chứa đựng và trình bày, đều được viết ra dưới sự linh hứng của Thánh Thần". "Hội Thánh, Mẹ chúng ta, nhờ đức tin tông truyền, xác nhận rằng toàn bộ Cựu Ước cũng như Tân Ước, với tất cả các

thành phần đều là Sách Thánh, và được ghi vào bản chính lục của Thánh Kinh, bởi lẽ được viết ra dưới sự linh hứng của Chúa Thánh Thần nên tác giả các sách ấy là chính Thiên Chúa và chúng được lưu truyền cho Hội Thánh với danh nghĩa như vậy"(DV 11).

**106.** Thiên Chúa đã linh hứng cho các tác giả nhân loại viết các Sách Thánh. "Để soạn các Sách Thánh đó, Thiên Chúa đã chọn những con người và dùng họ với đầy đủ các khả năng và phương tiện của họ, để khi chính Người hành động trong họ và qua họ, họ viết ra như những tác giả đích thực tất cả những gì Chúa muốn, và chỉ viết những điều đó thôi" (DV 11).

**107 702** Các sách được linh hứng giảng dạy sự thật. "Vậy bởi phải xem mọi lời các tác giả được linh hứng, còn gọi là các Thánh Ký viết ra, là những lời của Chúa Thánh Thần, nên phải công nhận rằng Thánh Kinh dạy ta cách chắc chắn, trung thành và không sai lầm, những chân lý mà Thiên Chúa đã muốn Thánh Kinh ghi lại để cứu độ chúng ta" (DV 11).

**108.** Tuy nhiên, đức tin Ki-tô giáo không phải là "đạo thờ Sách,"nhưng là đạo do "Lời" Thiên Chúa, " không phải một lời được viết ra và câm lặng, nhưng là Ngôi Lời nhập thể và hằng sống" (Thánh Bê-na-đô, bài giảng về kẻ được sai đi 4,11). Để các lời của Sách Thánh không chỉ là văn tự chết, Đức Ki-tô, Lời vĩnh cửu của Thiên Chúa hằng sống, nhờ Thánh Thần "mở trí cho chúng ta hiểu được Thánh Kinh"( Lc 24, 45).

### III. CHÚA THÁNH THẦN, ĐÁNG GIẢI NGHĨA THÁNH KINH

**109.** Trong Thánh Kinh , Thiên Chúa nói với con người theo cách thức loài người. Vậy để giải nghĩa Thánh Kinh cho đúng, phải cẩn thận tìm hiểu điều các thánh ký thật sự có ý trình bày và điều Thiên Chúa muốn diễn tả qua lời lẽ của họ( x. DV 12, 1).

**110.** Để khám phá *ý định của các Thánh Ký* , phải xét đến thời đại và văn hoá của họ, các "thể văn" thông dụng thời bấy giờ, cách thức cảm nghĩ, diễn tả, và tường thuật thịnh hành thời của họ. "Vì chân lý được trình bày và diễn tả qua nhiều thể văn khác nhau như thể văn lịch sử, ngôn sứ, thi ca...hoặc những thể loại khác"(DV 12, 2).

**111.** Vì Thánh Kinh được linh hứng, nên còn một nguyên tắc khác để giải nghĩa cho đúng. Nguyên tắc này không kém quan trọng so với nguyên tắc trên và không có nó thì Thánh Kinh chỉ là văn tự chết : "Thánh Kinh đã được viết ra bởi Chúa Thánh Thần nên cũng phải được đọc và giải thích trong Chúa Thánh Thần" (DV 12,3).

Công đồng Va-ti-ca-nô II đưa ra ba tiêu chuẩn để giải thích Thánh Kinh theo Thánh Thần, Đáng đã linh hứng (DV 12, 3).

**112** 128 368 1\* *Trước hết, phải hết sức chú ý đến "nội dung và tính thống nhất của toàn bộ Thánh Kinh "* . Các Sách Thánh, dù có khác biệt nhau mấy đi chăng nữa, vẫn là một do tính duy nhất của chương trình Thiên Chúa mà Đức Ki-tô Giê-su là trung tâm điểm và là trái tim, được rộng mở từ cuộc Vượt Qua của Người (x. Lc 24,25-27. 44-46).

Trái tim ( x. Tv 22,15) Đức Ki-tô chỉ Thánh Kinh, và Thánh Kinh giúp ta hiểu rõ trái tim Người. Trước cuộc khổ nạn, trái tim này còn đóng kín, vì Thánh Kinh còn tối nghĩa. Nhưng sau cuộc khổ nạn, Thánh Kinh đã được mở ra, vì từ nay những ai hiểu được cuộc khổ nạn sẽ biết suy xét và hiểu được phải giải nghĩa các lời ngôn sứ như thế nào ( Thánh Tô-ma Aquinô. Tv 21,11).

**113 81**            2\* *Kể đến, phải đọc Thánh Kinh trong "Truyền thống sống động của toàn thể Hội Thánh"*. Theo một châm ngôn của các giáo phụ Thánh Kinh pha (<150) được đọc chủ yếu trong con tim Hội Thánh hơn là trên những vật liệu dùng để viết Thánh Kinh. Thật vậy, Hội Thánh giữ trong truyền thống của mình ký ức sống động của Lời Thiên Chúa, và chính Thánh Thần giải thích cho Hội Thánh ý nghĩa thiêng liêng của Thánh Kinh ("...theo nghĩa thiêng liêng mà Thánh Thần ban cho Hội Thánh được hiểu") ( Ô-ri-giê-nê bài giảng ; Lv 5,5).

**114 90**            3\* Phải lưu ý đến " tính loại suy đức tin" ( x. Rm 12,6). "Tính loại suy đức tin" được hiểu là sự liên kết chặt chẽ giữa các chân lý đức tin với nhau và trong toàn bộ chương trình mạc khải.

### **Các nghĩa được dùng trong Thánh Kinh**

**115.** Theo một truyền thống cổ xưa, có thể phân biệt hai nghĩa được dùng trong Thánh Kinh : nghĩa văn tự và nghĩa thiêng liêng. Nghĩa thiêng liêng được chia thành nghĩa ẩn dụ, luân lý và thần bí. Sự hòa hợp sâu xa của bốn nghĩa này bảo đảm cho việc đọc Thánh Kinh cách sống động trong Hội Thánh được phong phú tối đa:

**116 110-114** *Nghĩa văn tự* : Đây là nghĩa mà lời Thánh Kinh nêu lên và được khoa chú giải khám phá ra khi tuân theo những qui luật để giải nghĩa đúng. "Tất cả các nghĩa trong Thánh Kinh đều dựa vào nghĩa văn tự " ( Thánh Tô-ma Aquinô. Tổng luận 1,1,10, 1.).

**117 1101** *Nghĩa thiêng liêng* : Nhờ sự thống nhất trong ý định của Thiên Chúa, không những bản văn Thánh Kinh, mà cả các thực tại và biến cố được bản văn đề cập đến, đều có thể là những tiên trưng.

1. Nghĩa *án dụ* : Chúng ta có thể hiểu thấu đáo hơn các biến cố bằng cách nhận ra ý nghĩa của nó trong Đức Ki-tô. Ví dụ cuộc vượt qua Biển Đỏ là tiên trưng cuộc chiến thắng của Đức Ki-tô, do đó cũng là tiên trưng của phép Thánh Tẩy ( x. 1Cr 10,2).

2. Nghĩa *luân lý* : Các biến cố được Kinh Thánh thuật lại phải dẫn chúng ta đến một cách ăn ở chính trực. Các biến cố đó được viết ra "để răn dạy chúng ta" ( 1 Cr 10,11) ( x. Dt 3-4,11).

3. Nghĩa *thần bí* : Chúng ta có thể đọc thấy ý nghĩa vĩnh cửu của các thực tại và biến cố, khi chúng hướng chúng ta về Quê Trời. Ví dụ Hội Thánh dưới đất là dấu chỉ Giê-ru-sa-lem trên trời ( x. Kh 21,1-22,5).

**118.** Hai câu thơ thời trung cổ tóm tắt ý của bốn nghĩa như sau :

Nghĩa văn tự dạy về biến cố,  
Nghĩa ẩn dụ dạy điều phải tin,  
Nghĩa luân lý dạy điều phải làm,  
Nghĩa thần bí dạy điều phải vươn tới.

(*Rotulus prigricearis* I : ed A WALZ : *Angelium* 6 (1929) Augustin de Dace.).

**119 94** "Theo các qui tắc ấy, người chú giải Thánh Kinh có nhiệm vụ nỗ lực tìm hiểu và trình bày ý nghĩa Thánh Kinh cách sâu rộng hơn, hầu những nghiên cứu của họ, như một việc làm chuẩn bị, giúp phán quyết của Hội Thánh được chín chắn. Thật vậy, mọi điều liên hệ đến việc giải thích Thánh Kinh cuối cùng đều phải tùy thuộc vào phán quyết của Hội Thánh, vì Hội Thánh được Thiên Chúa giao cho sứ mạng và chức vụ gìn giữ và giải thích lời Chúa"(DV 12,3).

**113.** Tôi sẽ không tin vào Tin Mừng, nếu thẩm quyền của Hội Thánh Công Giáo không thúc giục tôi (Thánh Âu tinh, Hộ giáo 5,6).

#### **IV. GIÁO QUY VỀ THÁNH KINH**

**120 117** Chính Truyền Thống các Tông đồ giúp Hội Thánh phân định những văn bản nào phải được kể vào danh mục các Sách Thánh (DV 8,3). Danh mục đầy đủ này được gọi là " Quy điển" các Sách Thánh, gồm 46 bản văn Cựu ước (45, nếu gom Gr. và Ac. thành một) và 27 bản văn cho Tân Ước (x. DS 179; 1334-1336; 1501;-1504):

Cựu Ước : Sáng Thế, Xuất Hành, Lê Vi, Dân Số, Đệ Nhị Luật, Giô-su-ê, Thủ Lãnh, Rút, 1và2 Sa-mu-en, 1và2 Các Vua, 1và 2 Sử Ký, Ê-dơ-ra và Nơ-khe-mi-a, Tô-bi-a, Giu-đi-tha, Êt-te, 1và2 Ma-ca-bê, Gióp, Thánh Vịnh, Châm Ngôn, Giảng Viên, Diễm Ca, Khôn Ngoan, Huân Ca, I-sa-i-a, Giê-rê-mi-a, Ai-ca, Ba-rúc, Ê-dê-ki-en, Đa-ni-en, Hô-sê, Gio-en, A-mốt, Ô-va-đi-a, Giô-na, Mi-kha, Na-khum, Kha-ba-cúc, Xô-phô-ni-a, Khác-gai, Da-ca-ri-a, Ma-la-khi.

Tân Ước: Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu, Thánh Mác-cô, Thánh Lu-ca, Thánh Gio-an, Công vụ Tông đồ, Thư Rô-ma, Thư 1 và 2 Cô-rin-tô, Thư Ga-lát, Thư Ê-phê-sô, Thư Phi-líp-phê, Thư Cô-lô-xê, Thư 1 và 2 Thê-xa-lô-ni-ca, Thư 1 và 2 Ti-mô-thê, Thư gởi cho Ti-tô, Thư gởi Phi-lê-mon, Thư Do-thái, Thư Thánh Gia-cô-bê, Thư 1 và 2 Thánh Phê-rô, Thư 1, 2 và 3 Thánh Gio-an, Thư Thánh Giu-đa, Khải Huyền.

## **Cựu Ước**

**121 1093** Cựu Ước là một phần của Thánh Kinh không thể thiếu được. Các sách Cựu Ước được Thiên Chúa linh hứng luôn có giá trị vĩnh cửu (x. DV14) vì giao ước cũ không hề bị thu hồi.

**122 702 , 763 708 2568** "Lý do chính của nhiệm cục thời Cựu Ước là chuẩn bị cho ngày xuất hiện của Đức Ki-tô Cứu Thế". "Dù còn chứa đựng những điều bất toàn và tạm thời", các sách Cựu Ước minh chứng khoa sư phạm thần diệu của tình yêu cứu độ của Thiên Chúa : "Vì chúng tàng trữ những lời giáo huấn cao siêu về Thiên Chúa, những tư tưởng khôn ngoan và hữu ích về đời sống con người, những kho tàng kinh nguyện tuyệt diệu và sau cùng ẩn chứa mầu nhiệm cứu độ chúng ta" ( DV 15).

**123.** Người Ki-tô hữu tôn kính Cựu Ước như là Lời Thiên Chúa đích thật. Hội Thánh cực lực chống lại ý kiến đòi gạt bỏ Cựu Ước, viện cớ Tân Ước đã làm cho Cựu Ước ra lỗi thời (thuyết Mác-xi-on).

## **Tân Ước**

**124.** "Lời Chúa là sức mạnh thần thiêng cứu độ mọi tín hữu, được trình bày và tỏ lộ quyền năng cách đặc biệt trong các sách Tân Ước" (DV 17). Các sách ấy trao cho chúng ta chân lý tối hậu của Mạc Khải. Trung tâm của Tân Ước là Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa nhập thể, các hành vi, lời giảng dạy, cuộc khổ nạn và tôn vinh của Người, cũng như những bước đầu của Hội thánh dưới tác động của Chúa Thánh Thần (DV 20).

**125 515** Các Sách Tin Mừng là trung tâm của Thánh Kinh "vì là chứng từ tuyệt hảo về cuộc đời và giáo huấn của Ngôi Lời Nhập Thể, Đấng Cứu Độ chúng ta" (DV 18).

**126 76** Trong việc hình thành các sách Tin Mừng, người ta có thể phân biệt ba giai đoạn :

1. *Cuộc đời và Giáo Huấn của Đức Giê-su.* "Hội Thánh luôn khẳng định lịch sử tính của bốn sách Tin Mừng, cũng như mạnh mẽ và liên tục xác nhận bốn sách Tin Mừng trung thành ghi lại những gì Đức Giê-su Con Thiên Chúa khi sống giữa loài người, thực sự đã làm và đã dạy vì ơn cứu độ đời đời của họ, cho tới ngày Người lên trời".

2. *Truyền khẩu.* "Những gì Chúa đã nói và làm, thì sau cuộc thăng thiên của Người, các tông đồ truyền lại cho thánh giả, với sự hiểu biết đầy đủ hơn mà chính các ông có được nhờ học ở những biến cố vinh hiển của Đức Ki-tô và nhờ được Thánh Thần chân lý soi sáng".

3. *Các sách Tin Mừng.* "Các thánh ký đã soạn bốn sách Tin Mừng, bằng cách chọn một số trong nhiều yếu tố đã được truyền miệng hoặc sao chép, tóm lược những yếu tố khác hay tùy theo hoàn cảnh của các giáo đoàn mà giải thích thêm, nhưng vẫn giữ hình thức của bài giảng thuyết. Và như

vậy luôn chân thành truyền đạt cho chúng ta những điều chân thật về Đức Giê-su." ( DV 19)

**127 1154** Trong Hội Thánh, bốn sách Tin Mừng chiếm địa vị có một không hai : bằng chứng là phụng vụ luôn tôn kính và các thánh trong mọi thời đều say mê.

Không có giáo lý nào tốt hơn, quý hơn và sáng chói hơn bản văn Tin Mừng. Hãy xem và ghi nhớ những gì Đức Ki-tô, là Chúa và là Thầy của chúng ta, đã dạy qua các lời nói và thực hiện qua các hành động của Người (Thánh Césaria la Jeune).

2705 Trên hết mọi sự, chính *Tin Mừng* bổ dưỡng tôi trong các giờ cầu nguyện; nơi đó, tôi tìm thấy tất cả những gì cần thiết cho linh hồn đáng thương của tôi. Nơi đó tôi luôn khám phá những ánh sáng mới mẻ, những ý nghĩa ẩn giấu và màu nhiệm (Thánh Tê-rê-sa Hải Đòng Giê-su).

### **Tính thống nhất giữa Cựu Ước và Tân Ước**

**128 1094 489** Ngay từ thời các tông đồ ( x. 1Cr 10,6.11; Dt 10,1; 1Pr 3,21) và trong suốt truyền thống của mình, Hội Thánh đã soi sáng tính thống nhất của ý định Thiên Chúa trong cả hai Giao Ước, nhờ *khoa tiên trung*. Khoa này nhận ra, trong các công trình của Thiên Chúa dưới thời Cựu ước, những "hình ảnh báo trước" điều Thiên Chúa sẽ hoàn thành trong thời viên mãn, nơi Ngôi Lời nhập thể .

**129 651 2055 1968** Vậy các ki-tô hữu phải đọc Cựu Ước dưới ánh sáng của Đức Ki-tô chết và sống lại. Cách đọc tiên trung này làm tỏ hiện nội dung vô tận của Cựu Ước. Nhưng không được quên rằng Cựu Ước vẫn có giá trị mặc khải riêng, mà chính Chúa Giê-su đã tái khẳng định ( x. Mc 12,29-

31). Đàng khác, Tân Ước đòi hỏi cũng phải được đọc dưới ánh sáng Cựu Ước. Việc huấn giáo của Hội Thánh thời sơ khai luôn làm như vậy ( x. 1Cr 5,6-8; 10,1-11). Theo một ngôn ngữ cổ xưa, Tân Ước ẩn tàng trong Cựu Ước, Cựu Ước tỏ lộ trong Tân Ước "Novum in Vetere latet et in Novo Vetus patet" ( Th.Âu Tinh thất thư 2,73; x.DV 16)

**130.** Khoa tiên trưng cho thấy sức năng động của kế hoạch Thiên Chúa đang tiến đến lúc hoàn thành khi "Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài" (1Cr 15,28). Chẳng hạn việc kêu gọi các tổ phụ và cuộc xuất hành khỏi Ai cập, không phải vì chúng là những giai đoạn trung gian mà mất đi giá trị riêng của mình trong kế hoạch của Thiên Chúa.

## **V. KINH THÁNH TRONG SINH HOẠT HỘI THÁNH**

**131.** "Lời Chúa còn có sức mạnh và quyền năng có thể nâng đỡ và tăng cường Hội Thánh, ban sức mạnh đức tin, là lương thực linh hồn, nguồn sống thiêng liêng, tinh tuyền và trường cửu cho con cái Hội Thánh"( DV 21). Cần phải "mở rộng đường cho các Ki-tô hữu đến với Thánh Kinh"( DV 22).

**132 94.** "Nghiên cứu Thánh Kinh phải là hồn của khoa thần học thánh. Thừa tác vụ Lời Chúa - gồm có là việc rao giảng thuộc mục vụ, dạy giáo lý và mọi huấn dụ Ki-tô giáo, trong đó bài giảng phụng vụ phải chiếm một chỗ quan trọng-phải được nuôi dưỡng và gia tăng sinh lực cách lành mạnh, nhờ lời Thánh Kinh (DV 24)".

**133 2653 1792** Hội Thánh "tha thiết và đặc biệt khuyến khích mọi Ki-tô hữu "hãy năng đọc Thánh Kinh để học biết khoa học siêu việt của Đức Giê-su Ki-tô (Pl 3,8). "Vì không biết Thánh Kinh là không biết Đức Ki-tô" (Thánh Giê-rô-ni-mô) (DV 25).

## **TÓM LƯỢC**

**134.** *"Toàn bộ Thánh Kinh chỉ là một cuốn sách duy nhất, và cuốn sách duy nhất ấy chính là Đức Ki-tô, vì toàn bộ Thánh Kinh nói về Đức Ki-tô và được hoàn tất trong Đức Ki-tô" ( Hugues de Saint Dearen, Nô-ê 2,8 PL 176, x.ibid 2,9).*

**135.** *"Các sách Thánh Kinh chứa đựng Lời Thiên Chúa và vì được linh hứng, nên thực sự là Lời Chúa" (DV 24).*

**136.** *Thiên Chúa là tác giả của Thánh Kinh theo nghĩa Người là Đấng linh hứng các tác giả nhân loại: Người tác động nơi họ và qua họ. Như thế, Người bảo đảm các tác phẩm của họ giảng dạy không sai lầm chân lý cứu độ (x. DV 11).*

**137.** *Muốn giải nghĩa các Sách Thánh đã được Thiên Chúa linh hứng, trước hết phải chú tâm đến điều Thiên Chúa muốn mặc khải qua các thánh ký, để cứu độ chúng ta. "Điều gì phát sinh từ Thánh Thần chỉ hiểu được trọn vẹn nhờ Thánh Thần"( Ô-ri-giê-nê, bài giảng Xh 4,5 PL 176,642; 643).*

**138.** *Hội Thánh đón nhận và tôn kính 46 sách của Cựu Ước và 27 sách của Tân Ước như là những sách được Thiên Chúa linh hứng .*

**139.** *Bốn quyển Tin Mừng chiếm địa vị trung tâm của toàn bộ Thánh Kinh, vì Đức Ki-tô là trung tâm của Tin Mừng.*

**140.** *Vì Thiên Chúa chỉ có một ý định cứu độ nhân loại và chỉ có một mặc khải duy nhất, nên cả hai giao ước thống nhất với nhau: Cựu Ước chuẩn bị cho Tân ước, Tân Ước*

*hoàn tất Cựu ước, cả hai soi sáng cho nhau, cả hai đều thật sự là Lời Thiên Chúa.*

**141.** "Hội Thánh vẫn luôn tôn kính Thánh Kinh như từng tôn kính chính Mình Thánh Chúa ( x. DV 21)": cả hai nuôi dưỡng và chi phối toàn diện đời sống Ki-tô hữu. "Lời Ngài là ngọn đèn soi cho con bước, là ánh sáng chỉ đường con đi" (Tv 119,105) ( x. Is 50,4).

## CHƯƠNG BA

### CON NGƯỜI ĐÁP LỜI THIÊN CHÚA

**142 1102** *Nhờ mặc khải*, "do tình yêu vô biên, Thiên Chúa vô hình ngỏ lời với con người như với bạn hữu. Người đối thoại với họ, để mời gọi cho họ hiệp thông với Người" ( x. DV 2). Đức tin là lời đáp trả thích đáng của con người trước lời mời gọi của Thiên Chúa.

**143 2087** *Nhờ Đức Tin*, con người đem tất cả trí khôn và ý chí của mình suy phục Thiên Chúa. Con người đặt trọn bản thân qui thuận Đáng mặc khải là Thiên Chúa (x.DV 5) : Thánh Kinh gọi cách đáp trả này là "sự vâng phục bằng Đức Tin" ( x. Rm 1,5;16,26).

## Mục 1

1814-1816

# TÔI TIN

## I. SỰ VÂNG PHỤC BẰNG ĐỨC TIN

**144.** Vâng phục trong đức tin là tự nguyện vâng phục lời đã nghe, bởi vì chân lý của lời đó được Thiên Chúa là chính Chân Lý bảo đảm. Thánh Kinh trung dẫn ông Áp-ra-ham như gương mẫu của sự vâng phục này. Đức Trinh Nữ Ma-ri-a là người thể hiện lòng vâng phục ấy cách hoàn hảo nhất.

### Abraham - “người cha của mọi kẻ có lòng tin”

**145** 59, 2570 489 Thư gửi tín hữu Do Thái, trong bài tán dương đức tin của tổ tiên, đặc biệt nhấn mạnh đức tin của ông Áp-ra-ham: "Nhờ đức tin, ông Áp-ra-ham đã vâng nghe tiếng Chúa gọi mà ra đi, đến một nơi ông sẽ được lãnh nhận làm gia nghiệp, và ông đã ra đi mà không biết mình đi đâu" (Dt 11,8) ( x. St 12,1-4). Nhờ đức tin, ông đã sống như kẻ xa lạ và người lữ hành trong đất hứa ( x. St 23,4). Nhờ đức tin, bà Sa-ra đã thụ thai người con của lời hứa. Cuối cùng, nhờ đức tin, ông Áp-ra-ham đã dâng hiến con một mình làm hy lễ ( x. St 11,17).

**146** 1819 Như vậy, ông Áp-ra-ham thực hiện điều thư Do Thái định nghĩa về đức tin: "Đức tin là bảo đảm cho những điều hy vọng, là bằng chứng của những điều ta không xem thấy" (Dt 11,1). "Ông Áp-ra-ham tin Thiên Chúa, và vì thế, được kể là người công chính" (Rm 4,3) ( x. St 15,6). Nhờ "đức tin vững mạnh ấy" (Rm 4,20), ông Áp-ra-ham trở thành "tổ phụ của tất cả những người tin" (Rm 4,11.18) ( x. St 15,5).

**147 839** Cựu Ước nêu lên rất nhiều chứng từ về đức tin ấy. Thư Do Thái tán tụng đức tin gương mẫu của tiên nhân, "nhờ đó các ngài đã được Thiên Chúa chứng nhận" (Dt 11,2.39). Tuy nhiên, "Thiên Chúa đã trù liệu cho chúng ta một phần phúc tốt hơn": ơn được tin vào Đức Giê-su Con của Người, "là Đấng khai mở và kiện toàn đức tin của chúng ta" (Dt 11,40 ; 12,2).

### **Đức Ma-ri-a - "Người Diễm Phúc vì đã tin"**

**148 494, 2617 506** Đức Trinh Nữ Ma-ri-a thể hiện cách hoàn hảo nhất lòng vâng phục bằng đức tin. Vì tin rằng "đôi với Thiên Chúa, không có gì là không thể được" (Lc 1,37) nên Mẹ đã đón nhận lời của sứ thần Gáp-ri-en loan báo và đoan hứa, và tỏ lòng ưng thuận : "Này tôi là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa làm cho tôi như lời sứ thần nói" (Lc 1,38). Bà Ê-li-sa-bét đón chào Mẹ: "Em thật có phúc vì đã tin rằng Chúa sẽ thực hiện những gì Người đã nói cho em biết" (Lc 1,45). Chính vì đức tin này mà Mẹ sẽ được mọi đời khen là diễm phúc ( x. St 18,14 ; Lc 1,48).

**149 969 507,829** Trong suốt cuộc đời, và cho đến giờ thử thách cuối cùng ( x. Lc 2,35), khi Đức Giê-su Con của Mẹ chết trên Thánh Giá, đức tin của Mẹ không hề lay chuyển. Mẹ không ngừng tin rằng lời Chúa sẽ "ứng nghiệm". Chính vì thế, Hội Thánh tôn kính Mẹ là Người đã thể hiện đức tin tinh tuyền nhất .

## **II. "TÔI BIẾT TÔI ĐẶT NIỀM TIN NƠI ĐÁNG NÀO" (2Tm 1,12)**

### **Tin vào một mình Thiên Chúa**

**150 222** Tin trước hết là gắn bó bản thân con người với Thiên Chúa, đồng thời cũng là tự nguyện chấp nhận tất cả chân lý Thiên Chúa đã mặc khải: Nhờ bao gồm cả hai điều trên, đức tin Kitô giáo khác với việc tin tưởng một người phạm. Thật là chính đáng và phải đạo khi phó thác hoàn toàn cho Thiên Chúa và tin tuyệt đối điều Người dạy. Thật vô ích và làm lạc khi trao gởi một niềm tin như thế cho một thụ tạo (Gr 17, 5-6; Tv 40,5; 146,3-4).

### **Tin kính Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa**

**151 424** Đối với người Ki-tô hữu, tin vào Thiên Chúa không thể tách rời được với tin vào Đấng mà Người đã cử đến là "Con Chí Ái của Người" đẹp lòng Người mọi đàng" (Mc 1,11); và Thiên Chúa dạy chúng ta phải nghe lời Đấng ấy ( x. Mc 9,7). Chính Chúa cũng nói với môn đệ : "Hãy tin vào Thiên Chúa và tin vào Thầy" (Ga 14,1). Chúng ta có thể tin vào Đức Giê-su Ki-tô vì chính Người là Thiên Chúa, là Ngôi Lời nhập thể : "Không ai thấy Thiên Chúa bao giờ, chỉ có Con Một, là Đấng hằng ở trong lòng Chúa Cha, chính Người mới tỏ cho chúng ta biết Thiên Chúa" (Ga 1,18). Vì "thấy Chúa Cha" (Ga 6,46) nên chỉ một mình Người biết và có thể mặc khải Chúa Cha cho chúng ta ( x. Mt 11,27).

### **Tin kính Chúa Thánh Thần**

**152 243, 683** Người ta không thể tin vào Đức Giê-su mà không thông phần vào Thánh Thần của Người. Chính Thánh Thần mặc khải cho loài người biết Đức Giê-su là ai. Không ai có thể tuyên xưng "Đức Giê-su là Đức Chúa, nếu không nhờ tác động của Thánh Thần" (1Cr 12,3). "Thánh Thần thấu suốt mọi sự, ngay cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa. Không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thánh Thần của Thiên Chúa" (1Cr 2,10-11). Chỉ

mình Thiên Chúa biết trọn vẹn về Thiên Chúa. Chúng ta tin vào Thánh Thần vì Người là Thiên Chúa.

232 *Hội Thánh không ngừng tuyên xưng đức tin vào một Thiên Chúa duy nhất, là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần.*

### **III. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐỨC TIN**

#### **Đức tin là một ân sủng**

**153 552 1814 1996 2606** Khi Thánh Phê-rô tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống, Đức Giê-su tuyên bố với thánh nhân rằng : "Phàm nhân không tài nào mặc khải cho anh điều ấy được, nhưng chính là Cha của Thầy, Đấng ngự trên trời đã mặc khải"(Mt 16,17) ( x. Gl 1,15; Mt 11,25). Đức tin là hồng ân của Thiên Chúa, là nhân đức siêu nhiên do Người phú bẩm. Để có được đức tin này, cần có ân sủng Thiên Chúa đi trước giúp đỡ và có sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần, Đấng thúc đẩy và qui hướng con tim về cùng Thiên Chúa, mở mắt tinh thần và ban cho "mọi người cảm thấy dịu ngọt khi đón nhận và tin theo chân lý" (DV 5).

#### **Đức tin là một hành vi nhân linh**

**154 1749 2126** Chỉ có thể tin nhờ ân sủng và những trợ lực bên trong của Thánh Thần. Tuy vậy, tin vẫn là một hành vi đích thực của con người. Tin tưởng Thiên Chúa và gắn bó với những chân lý mặc khải không đi ngược với tự do và trí khôn con người. Ngay trong những giao tiếp giữa người với người, chúng ta không đi ngược với phẩm giá của mình khi tin những gì người khác nói về chính họ hoặc về ý hướng của họ, và khi tin tưởng vào những lời hứa của họ

(chẳng hạn lời hứa hôn nhân) để hiệp thông với họ. Vậy càng không ngược lại với phẩm giá con người, nếu "với đức tin, chúng ta hoàn toàn sáng suốt và tự do qui phục Thiên Chúa, Đấng mặc khải" ( x. Cđ Va-ti-can I; DS 3008), hiệp thông mật thiết với Người.

**155.** Trong đức tin, trí khôn và ý chí con người hợp tác với ân sủng Thiên Chúa : "Tin là một hành vi của trí khôn chấp nhận chân lý mặc khải theo lệnh của ý chí được ân sủng Thiên Chúa tác động" ( Th. Tô-ma Aq.toàn thư 2-2,2,9; x.Cđ Va-ti-can I:DS 3010).

### **Đức tin và trí khôn**

**156** 1063 2465 548 812      *Lý do* để tin không nằm ở chỗ các chân lý mặc khải được chúng ta thấy là đúng và hiểu được theo ánh sáng của lý trí tự nhiên. Chúng ta tin "vì uy quyền của chính Thiên Chúa, Đấng mặc khải không thể sai lầm cũng như không lừa dối chúng ta". "Tuy vậy, để sự ưng thuận của đức tin phù hợp với lý trí, Thiên Chúa đã muốn những bằng chứng bên ngoài của mặc khải đi kèm theo ơn Thánh Thần trợ lực bên trong ( x. Nt, DS 3009). Vì thế các phép lạ của Đức Ki-tô và các thánh ( x. Mc 16,20;Dt 2,4), các lời tiên tri, sự lan tràn và sự thánh thiện, sự phong nhiêu và sự vững bền của Hội Thánh "là những dấu chỉ chắc chắn của mặc khải, phù hợp với trí khôn của mọi người", là những lý do của tính khả tín giúp cho sự ưng thuận của đức tin "hoàn toàn không phải là động tác mù quáng của tinh thần" ( x. Cđ Va-ti-can I: DS 3008-3010).

**157** 2088      Đức tin *chắc chắn*, chắc chắn hơn mọi hiểu biết phạm nhân, vì lấy chính Lời Thiên Chúa làm nền tảng, mà Thiên Chúa thì không thể nói dối được. Hẳn là các chân lý mặc khải có thể bị lý trí và kinh nghiệm loài người cho là

mờ tối, nhưng "sự chắc chắn mà ánh sáng Thiên Chúa ban còn lớn hơn sự chắc chắn mà ánh sáng của lý trí tự nhiên đem lại" ( Th. Tô-ma Aq. tổng luận 2-2,171,5/3). "Trăm ngàn khó khăn không đủ làm thành một ngờ vực nào" ( Newman, biên hộ).

**158** 2705 1827 90 2518      *"Khi tin người ta muốn tìm hiểu điều mình tin"* ( Thánh An-xen-mô, prosl.proem) : có một điều gắn liền với đức tin là người tin ước muốn biết rõ hơn Đấng mình tin và hiểu rõ hơn điều Người mặc khải; ngược lại, một hiểu biết thấu đáo hơn lại đòi hỏi một đức tin lớn hơn, ngày càng đượm nồng tình yêu. Ôn đức tin mở "con mắt tâm hồn" (Ep 1,18) dẫn đến một hiểu biết sống động về nội dung mặc khải, tức là về toàn bộ ý định của Thiên Chúa và những mầu nhiệm đức tin, về tương quan giữa các mầu nhiệm với nhau và với Đức Ki-tô, trung tâm của mầu nhiệm được mặc khải. Đấng khác, để "làm cho việc hiểu biết mặc khải luôn thêm sâu sắc, Thánh Thần không ngừng nhờ các ân huệ của Người giúp đức tin được thêm hoàn hảo" (x. Pv 5). Thánh Âu Tinh nói : "Tôi tin để hiểu và tôi hiểu để tin tốt hơn" (Bài giảng 43,7,9).

**159** 283 2293      *Đức tin và khoa học.* "Mặc dù đức tin vượt trên lý trí, nhưng không bao giờ hai bên thực sự mâu thuẫn nhau : Đấng mặc khải các mầu nhiệm và thông ban đức tin, cũng chiếu rọi ánh sáng khôn ngoan xuống tâm trí con người, Thiên Chúa không thể tự phủ nhận chính mình, cũng như điều chân thật không bao giờ nghịch lại điều chân thật" (x. Cđ Va-ti-can I:DS 3017). Bởi vậy, việc nghiên cứu có phương pháp trong mọi ngành, nếu tiến hành một cách thật sự khoa học và theo các tiêu chuẩn luân lý, sẽ không bao giờ trái nghịch với đức tin, vì các thực tại trần thế và các thực tại đức tin đều bởi một Thiên Chúa mà ra. Hơn nữa, những ai kiên nhẫn và khiêm tốn cố gắng nghiên cứu sâu xa những bí

ản của các sự vật, thì mặc dù không ý thức, họ như được bàn tay Thiên Chúa hướng dẫn, vì Người là Đấng bảo trì muôn loài và khiến chúng hiện hữu theo bản tính riêng của chúng" (GS 36,2).

### **Sự tự do của đức tin**

**160** 1738,2106 616 Đê là một hành vi của con người, "đức tin mà con người đáp lại Thiên Chúa phải là tự nguyện. Do đó, không ai bị cưỡng bức phải chấp nhận đức tin trái với ý muốn. Thật vậy, tự bản chất đức tin là một hành vi tự ý".

### **Sự cần thiết của đức tin**

**161** 432,1257846 Tin vào Đức Giê-su Ki-tô và Đấng đã cử Người đến để cứu độ chúng ta là điều cần thiết để đạt được ơn cứu độ ấy ( x. Mc 16,16; Ga 3,36; 6,40 e.a). "Vì "không có đức tin thì không thể đẹp lòng Thiên Chúa" (Dt 11,6) và cũng không thể chia sẻ chức vị làm con Thiên Chúa, nên không ai được công chính hóa mà không cần Đức Tin, và "nếu không bền chí trong đức tin cho đến cùng"( Mt 10,22; 24,13), không ai đạt tới cuộc sống muôn đời" ( Cđ Va-ti-can I: DS 3012; x. cđ Tren-tô:DS 1532).

### **Vững vàng trong Đức Tin**

**162** 2089 1037,2016 2573, 2849 Đức Tin là một hồng ân Thiên Chúa ban nhưng không cho con người. Chúng ta có thể đánh mất hồng ân vô giá đó. Thánh Phao-lô cảnh giác Ti-mô-thê : "Hãy chiến đấu trong cuộc chiến cao đẹp này, với đức tin và lương tâm ngay thẳng. Một số người đã vứt bỏ lương tâm ngay thẳng đó, nên đức tin của họ đã bị chết chìm" (1Tm 1,18-19). Để sống, lớn lên và bền chí đến cùng trong đức tin, chúng ta phải nuôi dưỡng đức tin bằng Lời

Thiên Chúa; chúng ta phải nhận ra Chúa Giê-xu Kitô ( x. Mc 9,24; Lc 17,5; 22,32). Đức tin phải "hành động nhờ đức ái" (Gl 5,6) ( x. Gc 2,14-26), được đức cậy nâng đỡ ( x. Rm 15,13) và đâm rễ trong đức tin của Hội Thánh.

### **Đức tin là khởi điểm của cuộc sống muôn đời**

**163 1088** Đức tin cho ta được nếm trước niềm hoan lạc và ánh sáng của ơn phúc nhìn thấy Thiên Chúa, mục đích của cuộc lữ hành dưới thể này của chúng ta. Bây giờ chúng ta sẽ nhìn thấy Thiên Chúa "mặt giáp mặt" (1Cr 13,12), và "Người thể nào chúng ta sẽ được thấy như vậy" (1Ga 3,2). Do đó đức tin là khởi điểm của cuộc sống muôn đời :

Ngay từ bây giờ chúng ta chiêm ngắm những phúc lộc của đức tin như một hình ảnh phản chiếu trong gương, và như thể chúng ta đang nắm được những điều kỳ diệu mà đức tin bảo đảm với chúng ta rằng một ngày kia chúng ta sẽ được hưởng ( Thánh Ba-si-li-ô, Thánh Thần 15,36; x. Thánh Tô-ma Aqu. toàn thư 2-2,4,1).

**164 2846 309,1502 1006** Tuy nhiên, hiện giờ chúng ta "tiến bước trong đức tin chứ chưa được thấy nhãn tiền" (2Cr 5,7), và nhận biết Thiên Chúa "như trong một tấm gương, một cách mờ mờ, có ngăn, có hạn" (1Cr 13,12). Mặc dầu đức tin được sáng tỏ nhờ Đấng chúng ta tin, chúng ta thường phải sống đức tin trong mờ tối. Đức tin có thể bị thử thách. Thế giới nơi chúng ta đang sống thường có vẻ khác xa những gì đức tin đoán quyết với chúng ta. Các kinh nghiệm về sự dữ và đau khổ, về những bất công và cái chết, dường như phản bác Tin Mừng. Những điều đó có thể làm cho đức tin nao núng và trở thành một cảm dỗ cho người tin.

**165 2719** Chính bây giờ là lúc chúng ta phải hướng lòng về các *nhân chứng đức tin*: - Ông Áp-ra-ham, là người đã tin, "vẫn trông cậy, mặc dầu không còn gì để trông cậy" (Rm4,18) - Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, là người, "trong cuộc lữ hành đức tin" ( LG 58), đã đi vào tận "đêm tối của đức tin" ( Gio-an Phao-lô II, RM 18) khi hiệp thông với khổ hình Thập Giá và đêm đen trong mồ của Con; - và bao nhiêu nhân chứng đức tin khác nữa : "Được ngàn ấy nhân chứng đức tin bao quanh, khác nào một đám mây, chúng ta hãy cởi bỏ mọi gánh nặng và tội lỗi đang trói buộc mình, và hãy kiên trì chạy trong cuộc đua dành cho ta, mắt gắn chặt vào Đức Giê-su là Đấng khai mở và kiện toàn lòng tin chúng ta" (Dt 12,1-2).

## Mục 2

### CHÚNG TÔI TIN

**166 875** Đức tin là một hành vi cá nhân: Con người tự nguyện đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa, Đấng tự mặc khải. Nhưng đức tin không phải là một hành vi riêng rẽ. Không ai có thể tin một mình, cũng như không ai có thể sống một mình. Không ai tự ban cho mình đức tin, cũng như không ai tự ban cho mình sự sống. Người tin nhận được đức tin từ kẻ khác, phải truyền đức tin lại cho kẻ khác. Tình yêu của chúng ta đối với Đức Giê-su và tha nhân, thúc giục chúng ta nói với người khác về đức tin của chúng ta. Như thế, mỗi tín hữu là một mắt xích trong dây chuyền rộng lớn các tín hữu. Tôi không thể tin mà không có đức tin của người khác đỡ nâng, và với đức tin của tôi, tôi góp phần vào việc nâng đỡ đức tin của kẻ khác.

**167 1124 2040** "Tôi tin" ( Kinh Tin Kính các tông đồ) : Đây là đức tin của Hội Thánh, được mỗi tín hữu tuyên xưng, đặc biệt lúc chịu phép Thánh Tẩy. "Chúng tôi tin" (Kinh Tin Kính Nicéa) : Đây là đức tin của Hội Thánh, được các giám mục họp thành Công Đồng hoặc, thông thường hơn, được cộng đoàn tín hữu cử hành phụng vụ cùng tuyên xưng. "Tôi tin": đây cũng là Hội Thánh, Mẹ chúng ta, đang lấy đức tin mà đáp lời Thiên Chúa, và dạy chúng ta nói : "tôi tin", "chúng tôi tin".

## **I."LẠY CHÚA, XIN NHÌN ĐẾN ĐỨC TIN CỦA HỘI THÁNH CHÚA"**

**168 1253** Trước tiên, chính Hội Thánh đã tin, và như thế, mang lấy, dưỡng nuôi và nâng đỡ đức tin của tôi. Trước tiên chính Hội Thánh ở khắp nơi tuyên xưng Chúa như chúng ta hát trong kinh "Te Deum": "Và khắp trên hoàn vũ, Hội Thánh hoan hỉ tuyên xưng Chúa là Chúa của mình". Với Hội Thánh và trong Hội Thánh, chúng ta được thúc đẩy và hướng dẫn tuyên xưng : "tôi tin", "chúng tôi tin". Chính qua Hội Thánh mà chúng ta lãnh nhận đức tin và đời sống mới trong Đức Ki-tô nhờ phép Thánh Tẩy. Trong sách "Nghị thức Rô-ma ", thừa tác viên cử hành bí tích Thánh Tẩy hỏi người dự tòng : "Con xin gì cùng Hội Thánh Thiên Chúa? - Thừa : Con xin Đức tin. Đức tin làm ích gì cho con ?- Thừa đức tin cho con sự sống đời đời" ( OBA).

**169 750 2030** Chỉ có Thiên Chúa ban ơn cứu độ; nhưng bởi vì chúng ta lãnh nhận đời sống đức tin qua Hội Thánh, nên Hội Thánh là mẹ chúng ta : "Chúng tôi tin Hội Thánh là mẹ ban cho chúng tôi sự sống mới, chứ không tin vào Hội Thánh như tác giả của ơn cứu độ ( Faustus de Riez, Spir. 1,2.) . Vì là mẹ, Hội Thánh cũng là người giáo dục đức tin".

## II. NGÔN NGỮ ĐỨC TIN

**170 186** Chúng ta không tin vào những công thức, nhưng tin vào những thực tại mà các công thức đó diễn đạt, và đức tin cho phép chúng ta "chạm tới được". "Hành vi đức tin của người tín hữu không dừng lại ở lời phát biểu, mà ở thực tại được pháp biểu ( Thánh Tô-ma Aqu. toàn thư 2-2, 1,2, ad 2 )". Tuy nhiên, chúng ta tiếp cận những thực tại đó nhờ những công thức diễn tả đức tin. Những công thức này cho phép diễn đạt và lưu truyền đức tin, bày tỏ đức tin trong các buổi cử hành cộng đoàn, hấp thụ và sống đức tin ngày một hơn.

**171 78,857,84 185** Hội Thánh là "cột trụ và điểm tựa của chân lý" (1Tm 3,15), trung thành bảo toàn "đức tin đã được truyền lại cho dân thánh một lần dứt khoát" (Gđ 3). Chính Hội Thánh ghi nhớ những Lời của Đức Ki-tô và lưu truyền từ đời nọ đến đời kia lời tuyên xưng đức tin của các tông đồ. Như mẹ dạy con nói, để nhờ đó con được hiểu biết và trao đổi với người khác, Hội Thánh, Mẹ chúng ta, dạy chúng ta nói ngôn ngữ đức tin nhằm giúp chúng ta hiểu biết và sống đức tin.

## III. MỘT ĐỨC TIN DUY NHẤT

**172 813** Từ bao thế kỷ, qua bao ngôn ngữ, bao nền văn hóa, bao dân tộc và quốc gia, Hội Thánh không ngừng tuyên xưng đức tin duy nhất, lãnh nhận từ một Chúa duy nhất, lưu truyền nhờ một Phép Rửa duy nhất, ăn sâu trong niềm xác tín rằng tất cả mọi người chỉ có một Thiên Chúa là Cha duy nhất ( x. Ep 4,4-6). Thánh I-rê-nê thành Ly-on, người đã làm chứng cho đức tin ấy, tuyên bố :

**173 830** "Thật vậy, dù phân tán trên toàn thế giới cho tới tận cùng trái đất, nhưng vì đã lãnh nhận đức tin từ các Tông đồ và môn đệ các ngài, nên Hội Thánh ân cần gìn giữ lời rao giảng và đức tin đó như thể chỉ ở trong một ngôi nhà duy nhất, cùng tin một cách như nhau, như thể chỉ có một tâm hồn và một trái tim duy nhất, đồng thanh rao giảng, dạy dỗ và lưu truyền lại lời rao giảng và đức tin ấy, như thể chỉ có một miệng lưỡi duy nhất" ( Chông lạc giáo 1,10,1-2).

**174 78** "Vi, nếu trên toàn thế giới, các ngôn ngữ có khác nhau, nội dung Thánh Truyền vẫn là một và đồng nhất. Và các Giáo Đoàn được thiết lập tại Đức không hề có một đức tin hay một Truyền Thống nào khác, cả các Giáo Đoàn I-be-rơ (Tây Ban Nha cổ), các Giáo Đoàn người Xen-tơ (Pháp cổ), các Giáo Đoàn ở Đông Phương, ở Ai Cập, ở Li-By hay tại trung tâm thế giới cũng vậy..." ( Ibid ). "Như thế sứ điệp của Hội Thánh là chân thật và vững chắc, bởi chính trong Hội Thánh mà con đường cứu độ duy nhất xuất hiện trên khắp thế giới".

**175.** Đức tin mà chúng ta đã lãnh nhận từ Hội Thánh, chúng ta phải ân cần gìn giữ. Ví như một kho tàng quý giá chứa đựng trong một bình quý dưới tác động của Thánh Thần Thiên Chúa, đức tin luôn luôn tươi trẻ và làm tươi trẻ chính bình chứa là Hội Thánh ( Ibid, 3,24,1).

### ***TÓM LƯỢC***

**176.** *Tin là gắn bó bản thân con người cả trí khôn và ý chí với Thiên Chúa, Đáng tự mặc khải qua các việc làm và lời nói của Người.*

**177.** *"Tin" qui chiếu vào hai điểm : Đáng mặc khải và chân lý mặc khải. Chúng ta tin chân lý mặc khải vì tin tưởng ở Đáng mặc khải.*

**178.** Chúng ta không được tin ai khác ngoài Thiên Chúa, là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

**179.** Đức tin là một hồng ân siêu nhiên của Thiên Chúa. Để tin, con người cần đến những trợ lực bên trong của Thánh Thần.

**180.** *"Tin" là hành vi của con người, có ý thức và tự do, xứng hợp với phẩm giá con người.*

**181.** "Tin" là hành vi có chiều kích Hội Thánh . Đức tin của Hội Thánh đi trước, sinh ra, nâng đỡ và dưỡng nuôi đức tin của chúng ta. Hội Thánh là Mẹ của mọi tín hữu. "Không thể có Thiên Chúa là Cha nếu không nhận Hội Thánh là mẹ" (Thánh Síp-ri-a-nô, Giáo hội hợp nhất).

**182.** "Chúng ta tin tất cả những gì chứa đựng trong Lời Thiên Chúa, được viết hoặc lưu truyền, và do Hội Thánh dạy chúng ta tin như chân lý được Thiên Chúa mặc khải" (SPF 20).

**183.** Đức tin cần thiết để được cứu độ. Chính Chúa khẳng định : "Aitín và chịu phép rửa sẽ được cứu độ : còn ai không tin thì sẽ bị kết án" (Mc 16, 16).

**184.** "Đức tin là nếm trước điều chúng ta sẽ được hưởng trong cuộc sống hạnh phúc mai sau" (Thánh Tô-ma Aq. giản lược 1,2).

## KINH TIN KÍNH

*Kinh Tin Kính các Tông đồ*

*Kinh Tin kính Công đồng Nicê - Constantinôpôli*

\* Tôi tin kính Đức Chúa Trời

Tôi tin kính một Thiên Chúa duy nhất

\* Là Cha phép tắc vô cùng

Là Chúa Cha toàn năng,

\* dựng nên trời đất

Đấng tạo thành trời đất  
muôn vật hữu hình và vô hình

\* Tôi tin kính Đức Giê-su Ki-tô

Tôi tin kính một Chúa duy nhất

\* là Con Một Đức Chúa Cha

là Đức Giê-su Ki-tô,

\* cùng là Chúa chúng tôi

Con Một Thiên Chúa,  
Sinh bởi Chúa Cha từ trước muôn đời :  
Người là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa;  
Ánh sáng bởi ánh sáng;

Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật  
được sinh ra mà không phải được tạo thành.  
Đồng bản tính với Chúa Cha:  
Nhờ Người mà muôn vật được tạo thành.  
Vì loài người chúng tôi và để cứu rỗi chúng tôi  
Người đã từ trời xuống thế;

\* Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai

bởi phép Chúa Thánh Thần

\* Sinh bởi bà Ma-ri-a đồng trinh,

Người đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Ma-ri-a và đã làm  
người.

\* Chịu nạn đời quan Phong-Xi-ô Phi-la-tô

Vì chúng tôi Người chịu đóng đinh vào thập giá dưới thời  
Phong-xi-ô Phi-la-tô

\* Chịu đóng đinh trên cây Thánh Giá, chết và táng xác,

Người chịu khổ hình và mai táng

\* Xuống ngục tổ tông.

\* Ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại,

Ngày thứ ba Người sống lại đúng như lời Thánh Kinh,

\* lên trời,

Người lên trời

\* ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng

ngự bên hữu Chúa Cha

\* Ngày sau bởi trời lại xuống

và Người sẽ lại đến trong vinh quang

\* phán xét kẻ sống và kẻ chết

để phán xét kẻ sống và kẻ chết

triều đại Người sẽ vô cùng vô tận.

\* Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần,

Tôi tin kính Chúa Thánh Thần

Người là Chúa và là Đấng ban sự sống;

Người phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con.

Người cùng được phụng thờ và tôn vinh với Chúa Cha và Chúa Con

Người đã dùng các ngôn sứ mà phán dạy.

\* Tôi tin có Hội Thánh hằng có ở khắp thế này,

Tôi tin có một Hội Thánh duy nhất thánh thiện, công giáo và tông truyền

\* Các thánh thông công \* Tôi tin phép tha tội

Tôi tuyên xưng có một phép rửa duy nhất để tha tội

\* Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại

Tôi đợi trông ngày kẻ chết sống lại

\* tôi tin hằng sống vậy

và sự sống đời sau.

\* A-men

A-men

## ĐOẠN THỨ HAI

### TUYÊN XƯNG ĐỨC TIN KI-TÔ GIÁO CÁC KINH TIN KÍNH

**185** 174, 949 Nói " Tôi tin" nghĩa là "tôi nhập cuộc vào những điều chúng tôi tin". Sự thông hiệp trong đức tin cần có một ngôn ngữ chung của đức tin, làm chuẩn mực cho tất cả và kết hợp mọi người khi cùng tuyên xưng đức tin.

**186.** Ngay từ đầu, Hội Thánh của các tông đồ đã diễn đạt và thông truyền đức tin của mình trong những công thức ngắn và chuẩn mực cho mọi người ( x. Rm 10,9; 1Cr 15,3-5; v.v.). Chỉ ít lâu sau, Hội Thánh cũng muốn thu thập những

điểm cốt yếu của đức tin vào những bản tóm lược có hệ thống, phân chia thành điều khoản, chủ yếu dành cho những người chuẩn bị lãnh Bí tích Thánh Tẩy.

Bản tổng hợp đức tin này được soạn thảo không dựa theo ý kiến loài người, nhưng dựa trên những giáo lý quan trọng nhất của toàn bộ Thánh Kinh, để tạo nên một giáo huấn đức tin duy nhất. Như hạt giống mang mầm sống của cả một cây lớn, bản tóm lược đức tin ấy chứa đựng trong ít lời, toàn bộ tri thức về lòng đạo chân thật của Cựu Ước và Tân Ước( Giáo lý Th. Xy-ri-lô thành Giê-ru-sa-lem. 5,12).

**187.** Chúng ta gọi các bản tổng hợp đức tin ấy là bản "tuyên xưng đức tin", vì chúng tóm lược đức tin mà các Kitô hữu tuyên xưng; gọi là Kinh "Tin Kính" vì thường bắt đầu bằng câu "Tôi tin kính", có khi còn gọi là bản "tín biểu" nữa.

**188.** "*Tín biểu*" là chữ tắt của "biểu tượng đức tin". Chúng ta dùng chữ "biểu, biểu tượng" được dịch từ "Symbolon" của tiếng Hi Lạp có nghĩa là phân nửa một vật được bẻ ra (chẳng hạn: đồng tiền bẻ đôi) mà người ta xuất trình như một dấu hiệu để nhận ra nhau. "Tín biểu" là một dấu hiệu để các tín hữu nhận ra nhau, hiệp thông với nhau. "Symbolon" cũng có nghĩa là một sưu tập, hay là bản tóm lược. Do đó Tín biểu là sưu tập những chân lý chính yếu của đức tin và trở thành điểm qui chiếu thứ nhất và căn bản của huấn giáo.

**189** 1237, 232                      Lời "tuyênxưng đức tin" đầu tiên được thực hiện khi nhận phép rửa tội. "Tín biểu" trước hết là tín biểu của Bí tích Thánh Tẩy. Vì Bí tích Thánh Tẩy được ban "nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con và Chúa Thánh Thần"

(Mt 28,19) nên những chân lý của đức tin tuyên xưng trong phép rửa tội, được sắp xếp qui về Ba Ngôi Thiên Chúa.

**190.** Do đó Tín biểu được chia làm ba phần : "Trước hết, nói về Thiên Chúa Ngôi Nhất và công trình sáng tạo kỳ diệu; kế đến Thiên Chúa Ngôi Hai và mầu nhiệm Cứu chuộc con người; sau hết Thiên Chúa Ngôi Ba, cội nguồn và nguyên lý thánh hóa chúng ta" ( Giáo lý Rô-ma 1,1,3.). Đó là "ba chương của ấn tín (rửa tội)" ( Th. I-rê-nê , Dem 100.).

**191.** "Ba phần đó tuy khác biệt nhưng nối kết với nhau. Dựa theo các Giáo Phụ chúng ta gọi đó là các tín điều phải tin. Như thân thể con người gồm nhiều chi thể, bản tuyên xưng đức tin gồm những chân lý chúng ta phải tin từng điều một, được gọi là "tín điều". ( Sách Giáo lý Rô-ma 1,1,4.) Theo một truyền thống xưa, được thánh Am-rô-si-ô xác nhận, người ta quen liệt kê mười hai tín điều của kinh Tin Kính, dựa theo số *mười hai* tông đồ để tượng trưng cho toàn bộ đức tin tông truyền( x. kinh Tin Kính 8).

**192.** Suốt chiều dài lịch sử (<150), để đáp ứng những nhu cầu các thời đại khác nhau, chúng ta có nhiều bản tuyên xưng đức tin hay tín biểu : những bản tín biểu của các Giáo Hội thời các tông đồ và thời cổ (DS 1-64), bản tín biểu "Quicumque" còn gọi là của thánh A-ta-na-si-ô (DS 75-76), những bản tín biểu của một số Công đồng Tô-lê-đô (DS 525-541), La-tê-ra-nô (DS 800-802), Lyon (Ds 851-861), Tren-tô (DS 1862-1870) hay của một số Giáo Hoàng như bản Tuyên Xưng của Đức Giáo Hoàng Đa-ma-si-ô (DS 71-72), bản "Kinh Tin Kính Của Dân Thiên Chúa"(SPF) của Đức Phao-Lô VI (1968).

**193.** Không một tín biểu nào xuất phát từ những giai đoạn khác nhau của đời sống Hội Thánh có thể (<133) bị coi là lỗi

thời và vô ích. Các bản này giúp chúng ta ngày nay thấu hiểu và đào sâu đức tin ngàn đời của Hội Thánh qua các bản tóm lược khác nhau ấy.

Trong tất cả các tín biểu, có hai bản chiếm một địa vị rất đặc biệt trong đời sống Hội Thánh :

**194.** *Kinh Tin Kính của các Tông đồ* : gọi như thế, vì bản này được xem như bản tóm lược trung thành đức tin của các Tông đồ. Đây là "tín biểu" rất cổ, được Giáo Hội Rô-ma sử dụng trong Bí tích Thánh Tẩy. Hội Thánh coi trọng bản này, vì "đây là tín biểu được ba<150)o tồn trong Giáo Hội Rô-ma, nơi thánh Phê-rô, thủ lãnh các tông đồ, đã đặt tông tòa và đã đem lại sự nhất trí trong toàn Hội Thánh" ( Th Am-rô-xi-ô, kinh Tin Kính 7).

**195** 242, 245 465 *Kinh Tin Kính Công đồng Nicê - Constantinôpli* được coi trọng vì phát xuất từ hai Công đồng đầu tiên (325 và 381). Cho đến nay, bản này vẫn còn là bản chung cho tất cả các Giáo Hội lớn của Phương Đông và Phương Tây.

**196.** Sách Giáo Lý này trình bày đức tin theo Kinh Tin Kính của các tông đồ, vì kinh này được kể là "bản giáo lý Rô-ma cổ xưa nhất". Tuy nhiên, để bổ túc, chúng tôi sẽ luôn tham chiếu Kinh Tin Kính của công đồng Ni-xê-a Con-tan-ti-no-po-li thường minh bạch và chi tiết hơn.

**197** 1064. Như trong ngày lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy, khi trọn cuộc sống của chúng ta được đưa vào "qui luật đạo lý" (Rm 6,17), chúng ta hãy đón nhận bản Kinh Tin Kính, để nhờ đó chúng ta được sống. Khi đọc kinh "Tin kính" với lòng tin, chúng ta được thông hiệp với Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và cũng được thông hiệp với toàn thể Hội

Thánh. Chính Hội Thánh truyền đạt đức tin cho chúng ta, và (chính trong lòng) Hội Thánh mà chúng ta tin.

1274. Kinh Tin Kính này là dấu ấn tín thiêng liêng, là điều tâm niệm, là người canh giữ luôn luôn hiện diện; chắc chắn đó là kho tàng của linh hồn chúng ta ( Th. Am-rô-si-ô, kinh Tin Kính 1).

## CHƯƠNG MỘT

### TÔI TIN KÍNH THIÊN CHÚA CHA

**198.** Bản tuyên xưng đức tin của chúng ta bắt đầu bằng Thiên Chúa, vì Thiên Chúa là "Đầu và là Cuối" (Is 44,6), Khởi nguyên và Cùng đích của hết mọi sự. Kinh Tin Kính bắt đầu với Thiên Chúa Cha, vì Chúa Cha là Ngôi Thứ Nhất trong Ba Ngôi Thiên Chúa; tín biểu bắt đầu bằng việc sáng tạo trời đất vì việc sáng tạo là khởi đầu và là nền tảng mọi công trình của Thiên Chúa.

#### Mục 1

### “TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI LÀ CHA PHÉP TẠO VÀ CÙNG DỰNG NÊN TRỜI ĐẤT”

#### TIẾT 1: TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI

**199 2083.** "Tôi tin kính Đức Chúa Trời": lời khẳng định đầu tiên của bản tuyên xưng đức tin cũng là lời căn bản nhất. Trọn tín biểu đều nói về Thiên Chúa. Tất cả các tín điều trong Kinh Tin Kính đều tùy thuộc vào tín điều thứ nhất,

cũng như các giới răn làm rõ ý giới răn thứ nhất. Những tín điều còn lại, giúp chúng ta hiểu biết Thiên Chúa hơn, như Người đã từng bước mặc khải cho con người. "Điều đầu tiên người tín hữu tuyên xưng là tin vào Thiên Chúa" ( Giáo lý Rô-ma 1,2,2.).

## I- "TÔI TIN KÍNH MỘT THIÊN CHÚA "

**200 2085.** Kinh Tin Kính của Công Đồng Ni-xê-a Con-tan-ti- nô-pô-li bắt đầu bằng những lời trên đây : Lờituyên xưng chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, bắt nguồn từ mặc khải của Thiên Chúa trong Cựu Ước, liên kết chặt chẽ với lời tuyên xưng về sự hiện hữu của Thiên Chúa, và có cùng một giá trị căn bản như vậy. Thiên Chúa là Đấng duy nhất : chỉ có một Thiên Chúa. "Đức tin Ki-tô giáo tuyên xưng chỉ có một Thiên Chúa, xét theo bản tính, bản thể và yếu tính" ( Ibid).

**201 2083.** Thiên Chúa tự mặc khải là Đấng Duy Nhất cho dân It-ra-en, dân được tuyển chọn : "Nghe đây, hỡi It-ra-en! Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta là Đức Chúa duy nhất. Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, hết lòng, hết dạ, hết sức anh em" (Đnl 6,4-5). Qua các ngôn sứ, Thiên Chúa kêu gọi Ít-ra-en và các dân nước quay về với Người là Đấng Duy Nhất : "Nào muôn dân khắp cõi địa cầu, hãy hướng về Ta, thì các ngươi sẽ được cứu độ vì Ta là Thiên Chúa, chẳng còn Thiên Chúa nào khác. Trước mặt Ta, mọi người sẽ quỳ gối, và tuyên xưng : Chỉ nơi Thiên Chúa mới có ơn phù trợ và cứu độ (Is 45,22-24) (x.Pl 2,10-11).

**202 446 152.** Chính Đức Giê-su xác định Thiên Chúa là "Đức Chúa Duy Nhất," và phải yêu mến Người "hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí và hết sức lựcngươi" ( x.Mc 12,29-30). Đồng thời, Người cũng ngầm cho ta hiểu chính Người là "Đức Chúa" ( x.Mc 12,35-37). Tuyên xưng "Đức Giê-su là

Đức Chúa" là đặc tính của đức tin Ki-tô giáo. Điều này không trái ngược với đức tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất. Tin vào Chúa Thánh Thần là "Đức Chúa và là Đấng Ban Sự Sống" không đưa đến một sự phân chia nào nơi Thiên Chúa Duy Nhất:

42. Chúng tôi tin vững vàng và khẳng định đơn giản chỉ có một Thiên Chúa chân thực, vô hạn và bất biến, vô phương thấu hiểu, toàn năng và khôn tả, là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần : ba ngôi vị, nhưng chỉ có một bản thể hay bản tính đơn thuần( Cđ La-tran IV: DS 800).

## II- THIÊN CHÚA MẶC KHẢI DANH THÁNH NGƯỜI

**203 2143.** Thiên Chúa tự mặc khải cho Ít-ra-en, dân Người, bằng cách mặc khải Danh Thánh Người. Trong Thánh Kinh, tên của một người diễn tả yếu tính, căn tính và ý nghĩa đời họ. Thiên Chúa không phải là một sức mạnh vô danh. Thiên Chúa có tên. Cho biết tên tức là cho người khác biết mình; là cởi mở để người ta dễ dàng đến với mình, liên hệ mật thiết hơn và gọi được tên nhau.

**204 63.** Thiên Chúa đã từng bước mặc khải chính mình ra cho dân Người dưới nhiều danh thánh khác nhau. Tuy nhiên, việc mặc khải danh thánh cho Mô-sê trong cuộc thần hiện nơi bụi gai bốc lửa, trước cuộc Xuất Hành và Giao Ước tại Xi-nai, đã được nhận là mặc khải căn bản cho Cựu và Tân Ước.

### **Thiên Chúa hằng sống**

**205 2575 268.** Thiên Chúa gọi Mô-sê từ giữa bụi gai đang cháy nhưng không tàn lụi. Thiên Chúa nói với Mô-sê :

"Ta là Thiên Chúa của cha ông ngươi, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Thiên Chúa của I-xa-ác, Thiên Chúa của Gia-cóp" (Xh 3,6). Thiên Chúa là Thiên Chúa của tổ tiên. Đấng kêu gọi và hướng dẫn các tổ phụ trong các cuộc hành trình của họ. Người là Thiên Chúa trung tín và giàu lòng thương cảm, luôn nhớ tới họ và các lời Người đã hứa; Người đến để giải thoát con cháu họ khỏi ách nô lệ. Người là vị Thiên Chúa có khả năng và muốn thực hiện ý định đó bất chấp không gian và thời gian; Người sẽ dùng quyền năng vô tận để thực hiện chương trình này.

### "Ta là Đấng Hiện Hữu"

Mô-sê thưa với Thiên Chúa: "Bây giờ con đến gặp con cái Ít-ra-en và nói với họ: Thiên Chúa của cha ông anh em, sai tôi đến với anh em. Vậy nếu họ hỏi con: Tên Đấng ấy là gì ? thì con sẽ trả lời cho họ làm sao?" Thiên Chúa nói với ông Mô-sê : "Ta là Đấng Ta là". Và Người bảo : "Ngươi nói với con cái Ít-ra-en thế này: "Đấng Ta là" sai tôi đến với anh em". Đó là danh Ta cho đến muôn thuở, đó là danh hiệu các ngươi sẽ dùng mà kêu cầu Ta từ đời nọ đến đời kia". (Xh 3,13-15).

**206 43.** Khi mặc khải danh thánh huyền bí của Người, YHWH (Gia-vê), có nghĩa : "Ta là Đấng Hiện Hữu" hoặc "Ta là Đấng Tự Hữu" hoặc nữa "Ta là Ta", Thiên Chúa nói Người là ai và phải gọi tên Người như thế nào. Danh Thánh Thiên Chúa huyền bí cũng như Thiên Chúa là huyền nhiệm. Đó vừa là một mặc khải danh thánh, vừa là một khước từ danh xưng. Do đó, qua danh thánh này, chúng ta hiểu rõ về Thiên Chúa, Đấng nghìn trùng vượt trội mọi khả năng hiểu biết và diễn tả của con người : Người là "Thiên Chúa ẩn

mình" (Is 45,15); danh thánh Người khôn tả ( x.Thp 13,18); và Người là vị Thiên Chúa trở nên gần gũi với con người:

**207.** Khi mặc khải danh thánh, Thiên Chúa đồng thời mặc khải lòng trung tín của Người từ muôn thuở và cho tới muôn đời, có giá trị trong quá khứ ("Ta là Thiên Chúa cha ông người": Xh 3,6) cũng như trong tương lai ("Ta sẽ ở với người": Xh 3,12). Thiên Chúa mặc khải danh thánh mình là "Đấng Hiện Hữu" thì cũng tự mặc khải mình như vị Thiên Chúa luôn hiện diện, có mặt bên cạnh để giải cứu dân mình.

**208** 724 448 388. Trước sự hiện diện hấp dẫn và huyền bí của Thiên Chúa, con người nhận ra sự nhỏ bé của mình. Đứng trước bụi gai bốc cháy, Mô-sê cúi dấp và che mặt ( x. Xh 3,5-6) khi đối diện với Thiên Chúa Chí Thánh. Đứng trước vinh quang của Thiên Chúa Chí Thánh, ngôn sứ I-sai-a thốt lên : "Khôn thân tôi, tôi chết mất, vì tôi là một người môi miệng ô uế" (Is 6,5). Trước những dấu thiêng Chúa Giê-su làm, Phê-rô thốt lên : "Lạy Thầy. xin tránh xa tôi, vì tôi là kẻ tội lỗi" (Lc 5,8). Nhưng bơ<150>i Thiên Chúa là Đấng Thánh, Người có thể tha thứ cho kẻ nhận biết mình tội lỗi trước mặt Người i: "Ta không hành động theo cơn nóng giận vì Ta là Thiên Chúa, chứ không phải người phàm; ở giữ người, Talà Đấng Thánh" (Hs 11,9).

Sau này Thánh Gio-an Tông đồ cũng nói : "Trước mặt Người, chúng ta sẽ an tâm, nếu lòng chúng ta có lên án chúng ta, vì Thiên Chúa còn cao cả hơn lòng chúng ta và Người biết hết mọi sự" (1Ga 3,19-20).

**209** 446. Vì tôn kính Thiên Chúa Chí Thánh, dân Ít-ra-en không nêu danh thánh Người khi đọc Thánh Kinh; danh thánh mặc khải được thay thế bằng tước hiệu của Thiên Chúa : "Đức Chúa" (tiếng Hip-ri là Adonai; tiếng Hy lạp là Kyrios).

Để tuyên xưng thiên tính của Đức Giêsu, các tín hữu cũng sử dụng tước hiệu đó : "ĐỨC GIÊ-SU là CHÚA".

### **"Thiên Chúa của tình yêu thương và từ bi"**

**210 2116, 2577.** Sau khi dân Ít-ra-en phạm tội, chối bỏ Thiên Chúa để thờ con bê bằng vàng ( x.Xh.32), Thiên Chúa nghe lời cầu khẩn của Mô-sê và chấp nhận đồng hành giữa đám dân bất trung, để tỏ lòng yêu thương của Người ( x.Xh 33,12-17). Khi Mô-sê xin được thấy vinh quang Thiên Chúa, Người trả lời : "Ta sẽ cho ngươi thấy Ta nhân từ như thế nào và Ta sẽ xưng danh thánh Gia-vê trước mặt ngươi"(Xh 33,18-19). Đức Chúa đi qua trước mặt Mô-sê và nói : "Gia-vê, Gia-vê, Thiên Chúa triu mến và xót thương, chậm bất bình, giàu ân sủng và thành tín" (Xh 34,5-6). Bây giờ, Mô-sê tuyên xưng Chúa là Thiên Chúa thứ tha ( x.Xh 34,9).

**211 604.** Danh thánh "Ta Hiện Hữu" hoặc "Đấng Hiện Hữu" diễn tả sự trung tín của Thiên Chúa, Đấng "vẫn giữ lòng nhân nghĩa với muôn ngàn" (Xh 34,7), cho dù con người có bất trung, tội lỗi đáng phải trừng phạt. Thiên Chúa tỏ cho thấy Người "giàu lòng thương xót" (Eph 2,4) đến nỗi trao ban chính Con của Người. Khi hiến mạng sống mình để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi, Đức Giê-su sẽ mặc khải cho thấy, chính Người mang danh thánh của Thiên Chúa : "Khi các ông đưa Con Người lên cao, bây giờ các ông sẽ biết là "Ta Hiện Hữu""(Ga 8,28).

### **Chỉ mình Thiên Chúa là Đấng HIỆN HỮU**

**212 42 469,2086.** Trải qua các thời đại, đức tin của Ít-ra-en đã khai triển và đào sâu sự phong phú chứa đựng trong mặc khải danh thánh này. Thiên Chúa là duy nhất, ngoài Người ra không có thần nào hết. Người siêu vượt thế giới và

lịch sử. Chính Người tạo dựng trời đất. "Chúng tiêu tan, Chúa còn hoài; chúng như áo cũ thay rồi mòn hao ... Nhưng chính Ngài tiền hậu y nguyên, tháng năm Ngài vẫn triền miên" (Tv 102, 27-28). Nơi Người, "không có thay đổi, không hề biến thái" (Gc 1,17). Người là "Đấng Hiện Hữu" từ muôn thuở đến muôn đời, và như vậy Người luôn trung tín với chính mình và với các lời Người hứa.

213 41. Vì thế, mặc khải danh thánh khôn tả "Ta là Đấng Hiện Hữu" chứa đựng chân lý : chỉ mình Thiên Chúa là Đấng *HIỆN HỮU*. Bản dịch Bảy Mươi và kế đó là truyền thống Hội Thánh đã hiểu danh thánh của Thiên Chúa theo nghĩa đó : Thiên Chúa là sự viên mãn của hiện hữu và của mọi sự trọn hảo, không khởi nguyên, không cùng tận. Trong khi các thụ tạo là gì, và có gì, đều phải lãnh nhận từ nơi Thiên Chúa, thì duy chỉ mình Người là tự hữu và Người thế nào là do chính Người.

### **III- THIÊN CHÚA : "ĐẲNG HIỆN HỮU" LÀ SỰ THẬT VÀ LÀ TÌNH THƯƠNG**

214 1062. Thiên Chúa, "Đấng Hiện Hữu", đã tự mặc khải cho Ít-ra-en như là Đấng "giàu ân sủng và thành tín"(Xh 34,6). Hai từ ngữ đó diễn tả một cách cô đọng những gì là phong phú của danh thánh. Trong mọi công trình của Người, Thiên Chúa biểu lộ lòng ưu ái, lòng nhân hậu, ân sủng và tình thương; Người cũng cho thấy mình là Đấng đáng tin, bền vững, trung tín, chân thật: "Xin cảm tạ danh Chúa, vì Ngài thành tín và yêu thương" (Tv138,2; Tv 85,11). Thánh Gio-an Tông Đồ dạy : Người là Sự Thật, vì "Thiên Chúa là Ánh Sáng, nơi Người không có một chút bóng tối nào"(1Ga 1,5); Người là "Tình Thương" (1Ga 4,8).

**Thiên Chúa là Sự Thật**

**215** 2465 1063,156 397. "Nguyên lý lời Người là chân lý, mọi quyết định công minh của Người tồn tại muôn năm" (Tv 119, 160). "Lạy Chúa Thượng là Đức Chúa, chính Ngài là Thiên Chúa, những lời Ngài phán là chân lý" (2 Sm 7, 28); vì vậy những lời Thiên Chúa hứa luôn luôn được thực hiện (x.Dnl7,9). Thiên Chúa là chính Sự Thật, lời Người không phỉnh gạt. Vì vậy ta có thể hoàn toàn tin tưởng vào sự chân thật và sự trung tín của lời Người trong mọi sự. Khởi đầu của tội lỗi và sự sa ngã của loài người là lời dối trá của tên cám dỗ làm cho con người nghi ngờ lời Thiên Chúa, cũng như lòng nhân hậu và lòng thành tín của Người.

**216** 295 32. Sự thật của Thiên Chúa được biểu lộ qua việc Người khôn ngoan điều khiển toàn bộ trật tự sáng tạo và vận hành vũ trụ ( x.Kn 13,1-9). Một mình Thiên Chúa đã sáng tạo trời đất ( x.Tv 115,15); duy chỉ mình Người mới ban cho chúng ta sự hiểu biết đích thực về mọi vật được tạo dựng trong tương quan với Người ( x.Kn 7,17-21).

**217** 851 2466. Thiên Chúa cũng là Đấng chân thật khi Người tạc tượng khải: giáo huấn phát xuất từ Thiên Chúa là "một đạo lý chân thật" (Mlk 2, 6). Khi Người cử Con của Mình vào trần thế, chính là để làm chứng cho Sự Thật (Ga 18, 37). "Chúng ta biết rằng, Con Thiên Chúa đã đến ban cho chúng ta trí khôn để nhận biết Thiên Chúa thật " (1Ga 5, 20) ( x.Ga 17,3).

## **Thiên Chúa là Tình Thương**

**218** 295. Trong dòng lịch sử của mình, Ít-ra-en đã khám phá ra Thiên Chúa chỉ có một lý do duy nhất khi tạc tượng khải cho họ và đã chọn họ giữa tất cả các dân khác để thuộc về Người : đó là tình thương nhưng không của Người ( x. Dnl4,37; 7,8; 10,15). Và nhờ các ngôn sứ, Ít-ra-en cũng

hiểu rằng, chính vì yêu thương mà Thiên Chúa đã không ngừng giải cứu ( x. Is 43,1-7) và tha thứ những bất trung và tội lỗi của họ ( x. Hs 2).

**219** 239 796 458. Tình thương của Thiên Chúa dành cho Ít-ra-en được so sánh với tình thương của một người cha đối với con mình (Hs 11,1). Tình thương đó còn mạnh hơn tình thương của một người mẹ dành cho con cái ( x. Is 49,14-15). Thiên Chúa yêu dân người hơn cả một người chồng yêu người vợ quý ( x. Is 62,4-5). Tình yêu đó sẽ thắng vượt cả những bất trung tệ hại nhất ( x. Ed 16; Hs 11); và sẽ đưa đến hồng ân quý giá nhất : "Thiên Chúa đã yêu thế gian đến nỗi ban Con Một Người" (Ga 3,16).

**220.** Tình thương của Thiên Chúa "vĩnh cửu" (Is 54,8) : "Núi có dời có đổi, đồi có chuyển có lay, tình thương của Ta đối với người vẫn không thay đổi" (Is 54,10). "Ta đã yêu người bằng mối tình muôn thuở, nên Ta vẫn dành cho người lòng xót thương" (Gr 31,3).

**221** 733 851 257. Thánh Gio-an còn đi xa hơn nữa khi xác nhận : "Thiên Chúa là Tình Thương" (1Ga 4,8.16) : Bản thể của Người là tình thương. Khi cử Con Một Người và Thánh Thần Tình Yêu đến trần thế lúc thời gian đã viên mãn, Thiên Chúa mặc khải điều bí ẩn thâm sâu nhất của Người ( x. 1Cr 2,7-16; Eph 3,9-12): Chính Người là sự trao đổi tình yêu vĩnh cửu - Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần và Người đã tiền định cho ta được dự phần vào tình thương ấy.

#### **IV- TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐỨC TIN VÀO THIÊN CHÚA ĐUY NHẤT**

**222.** Tin vào Thiên Chúa, Đấng duy nhất, và yêu mến Người với cả con người có những hệ quả rất lớn cho trọn cuộc sống của chúng ta :

**223 400.** \* *Đó là nhận biết sự cao cả và uy linh của Thiên Chúa* : "Phải, Thiên Chúa thật quá cao cả, Người vượt mọi thông hiểu của chúng ta" (G 36,26). Chính vì thế mà Thiên Chúa phải được "phụng thờ trên hết" ( Th. Giăng Đắc).

**224 2637.** \* *Đó là sống trong niềm tạ ơn*: nếu Thiên Chúa là Đấng duy nhất, thì chúng ta là gì, và có gì, đều do từ Người mà đến : "Bạn có gì mà đã không nhận lãnh?" (1Cr 4,7). "Lấy chi đền đáp Chúa, vì mọi ơn lành Người đã ban cho?" (Tv 116,12).

**225 356, 360 1700, 1934.** \* *Đó là nhận biết được tính thống nhất và phẩm giá đích thực của mọi người* : Mọi người đều được dựng nên " theo hình ảnh và giống Thiên Chúa" (St 1,26).

**226 339, 2402 2415.** \* *Đó là biết sử dụng thích đáng những tạo vật* : Vì tin vào Thiên Chúa duy nhất, chúng ta sử dụng mọi tạo vật trong mức độ chúng giúp chúng ta đến gần Chúa, và dứt bỏ khi chúng lôi kéo ta xa khỏi Chúa ( x. Mt 5,29-30; 16,24; 19,23-24).

Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa của con, xin cất đi tất cả những gì làm con xa Chúa. Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa của con, xin ban cho những gì đưa con đến gần Chúa. Lạy Chúa, lạy Thiên Chúa của con, xin giải thoát con khỏi chính mình con để tận hiến cho Chúa" ( Th. Ni-cô-la de Flue, Cầu nguyện).

**227** 313, 2090. \* Đó là phó thác cho Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh, kể cả nghịch cảnh. Một bản kinh của Thánh Tê-rê-sa Hải Đồng Giê-su diễn tả ý đó một cách tuyệt vời.

2830 1723. Đừng để điều gì làm cho bạn xao xuyến; Đừng để điều gì làm cho bạn lo sợ. Mọi sự đều qua đi, Thiên Chúa không thay đổi! Kiên nhẫn thì ta sẽ được mọi sự. Người có Chúa ở cùng thì không thiếu gì : Một mình Chúa là đủ cho ta(Poes. 30).

## **TÓM LƯỢC**

**228.** " Nghe đây hỡi I-t-ra-en, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, là Đức Chúa duy nhất( Đnl6,4; Mc 12, 29) "Đáng tối cao nhất thiết phải là duy nhất, nghĩa là không ai sánh bằng ... Nếu Thiên Chúa không duy nhất, thì Người không phải là Thiên Chúa" ( Tertullien, Marc 1,3).

**229.** Đức tin vào Thiên Chúa dẫn đưa chúng ta hướng về một mình Người, như về nguồn gốc đầu tiên và về cùng đích tối hậu của chúng ta; nên không có gì quý trọng hơn Người hoặc thay thế được Người.

**230.** Khi tự mặc khải, Thiên Chúa vẫn làm một mẫu nhiệm khôn tả : "Nếu bạn hiểu được Người, Người không phải là Thiên Chúa nữa" (Th. Âu-tinh, bài giảng 52,6,16 ).

**231.** Thiên Chúa mà chúng ta tin đã tự mặc khải như là Đáng Hiện Hữu; Người cho chúng ta biết Người là Đáng "giàu ân sủng và thành tín" (Xh 34,6). Bản thể của Người là Sự Thật và Yêu Thương.

## TIẾT 2: CHÚA CHA

### I. "NHÂN DANH CHÚA CHA VÀ CHÚA CON VÀ CHÚA THÁNH THẦN"

**232** 189, 1223. Người Ki-tô hữu được rửa tội "nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần" (Mt 28,19). Trước khi lãnh nhận bí tích, họ phải trả lời 3 lần "Tôi tin" để đáp lại những câu thẩm vấn về đức tin vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. "Đức tin của mọi Kitô hữu đều dựa trên mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi" ( Th. Césaire d'Arles, Tuyên xưng đức tin).

**233.** Người Ki-tô hữu được rửa tội "nhân danh một Thiên Chúa" là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần, chứ không phải "nhân danh ba ngôi vị" riêng lẻ ( x. Tuyên xưng đức tin của Giáo hoàng Vigilô năm 552: DS 415). Vì chỉ có một Thiên Chúa là Cha toàn năng và Con duy nhất Người và Thánh Thần : Đó là Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh.

**234** 2157 90 1449. Mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi là mầu nhiệm trọng tâm của đức tin và đời sống ki-tô hữu. Đây là mầu nhiệm về đời sống nội tại của Thiên Chúa, cội nguồn phát sinh mọi mầu nhiệm khác của đức tin và là ánh sáng chiếu soi các mầu nhiệm ấy. Đây là giáo huấn căn bản nhất và trọng yếu nhất theo "phân trật các chân lý đức tin" (DCG 43). "Trộn lịch sử cứu độ chỉ là lịch sử về đường lối và các phương tiện mà Thiên Chúa chân thật và duy nhất là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dùng để tự mặc khải, để giao hòa và kết hợp với Người những ai từ bỏ tội lỗi" ( DCG 47).

**235.** Tiết này trình bày cách ngắn gọn : (I) Thiên Chúa mặc khải mầu nhiệm Ba Ngôi; (II) Hội Thánh trình bày giáo huấn đức tin về mầu nhiệm đó; (III) Chúa Cha thực hiện "kế hoạch nhân hậu" của Người là tạo dựng, cứu chuộc và thánh hóa qua sứ mạng của Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

**236 1066 259.** Các Giáo phụ phân biệt Theologia (Thần luận) với Oikonomia (Nhiệm Cục). Thuật ngữ thứ nhất chỉ mầu nhiệm đời sống nội tại nơi Thiên Chúa Ba Ngôi. Thuật ngữ thứ hai chỉ mọi công cuộc Thiên Chúa dùng để tự mặc khải và thông ban sự sống của Người. Nhờ Oikonomia mà chúng ta được biết Theologia, nhưng đối lại, Theologia soi sáng toàn thể Oikonomia. Các công trình của Thiên Chúa mặc khải cho ta biết Người, và đối lại, mầu nhiệm đời sống nội tại của Thiên Chúa giúp chúng ta hiểu các công trình của Người. Cũng thế, trong các tương quan nhân loại, con người biểu lộ mình qua hành động; càng biết một người, càng hiểu rõ hành động của họ hơn.

**237 50.** Thiên Chúa Ba Ngôi là mầu nhiệm đức tin hiểu theo nghĩa chặt chẽ nhất, một trong những "mầu nhiệm được ẩn giấu trong Thiên Chúa... không ai biết được nếu ơn trên không mặc khải" (SPF 16). Chắc chắn Thiên Chúa đã để lại dấu vết của bản thể Ba Ngôi trong công cuộc tạo dựng và trong dòng mặc khải Cựu Ước. Nhưng trước cuộc nhập thể của Con Thiên Chúa và sứ vụ của Chúa Thánh Thần, mầu nhiệm Ba Ngôi vẫn là một mầu nhiệm mà nguyên lý trí của loài người và ngay cả đức tin của Ít-ra-en xưa cũng không thể vươn tới được.

## **II- SỰ MẶC KHẢI VỀ THIÊN CHÚA BA NGÔI**

### **Chúa Cha được mặc khải bởi Chúa Con**

**238 2443.** Đã có nhiều tôn giáo biết kêu cầu Thượng Đế với tước hiệu "Cha". Thượng Đế thường được coi là "cha của các thần linh và của người phàm". Trong dân Ít-ra-en, Thiên Chúa được gọi là Cha vì là Đấng sáng tạo vũ trụ (x. Đnl 32,6; Mt 2,10 ). Hơn nữa Thiên Chúa còn là Cha vì đã giao ước và ban lề luật cho Ít-ra-en, "con đầu lòng của Người" (Xh 4,22). Người cũng được gọi là Cha của vua Ít-ra-en (x. 2 Sm 7,14). Đặc biệt hơn nữa, Người là "Cha của người nghèo", của cô nhi, quả phụ là những kẻ được Người thương yêu che chở (Tv 68,6).

**239 370, 2779.** Khi gọi Thiên Chúa là "Cha", ngôn ngữ đức tin chủ yếu muốn nêu lên hai khía cạnh : Thiên Chúa là nguồn gốc đầu tiên của mọi sự và là Đấng uy quyền siêu việt, đồng thời là Đấng nhân hậu yêu thương chăm sóc mọi con cái. Nơi Thiên Chúa, tình cha con triu mến này cũng có thể diễn tả qua tình mẫu tử (x. Is 66,13; Tv. 131,2) . Hình ảnh này làm rõ nét hơn tính nội tại của Thiên Chúa, mối thâm tình giữa Thiên Chúa và thụ tạo. Như vậy, ngôn ngữ đức tin được hình thành từ kinh nghiệm về cha mẹ trần thế, những người dưới một khía cạnh nào đó, là đại diện đầu tiên của Thiên Chúa nơi con người. Nhưng kinh nghiệm đó cũng cho thấy là cha mẹ trần thế có thể sai lệch và bóp méo hình ảnh làm cha làm mẹ. Cho nên, cần phải nhắc lại là Thiên Chúa vượt trên sự phân biệt phái tính của người phàm. Người không là nam mà cũng không là nữ. Người là Thiên Chúa. Vì Người là nguồn gốc và là chuẩn mực (x. Tv 68,6 ) cho chức năng làm cha làm mẹ, nên Người luôn trỗi vượt trên cha mẹ trần thế : không ai là cha một cách trọn hảo như Thiên Chúa.

**240 2780 441 – 445.** Đức Giê-su đã mặc khải cho ta biết Thiên Chúa là "Cha" theo một nghĩa chưa từng có : Người không chỉ là Cha vì là Tạo Hóa, từ muôn thuở Người là Cha trong tương quan với Con duy nhất, Ngôi Con từ muôn thuở

cũng chỉ là Con trong tương quan với Ngôi Cha : "Không ai biết Người Con trừ Chúa Cha, cũng như không ai biết Chúa Cha trừ Người Con và kẻ mà Người Con muốn mặc khải cho" (Mt 11,27).

**241.** Vì vậy các tông đồ tuyên xưng Đức Giê-su là "Ngôi Lời vẫn có từ lúc khởi đầu bên Thiên Chúa và là Thiên Chúa" (Ga 1,1), là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình (Cl 1,15), là "phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh của bản thể Thiên Chúa" (Dt 1,3).

**242 465.** Tiếp đó, theo truyền thống các tông đồ để lại, năm 325 tại Công Đồng chung thứ nhất Ni-xê-a, Hội Thánh tuyên xưng Chúa Con "đồng bản thể" với Chúa Cha, nghĩa là một Thiên Chúa duy nhất cùng với Người. Công Đồng chung thứ hai Con-tan-ti-nô-pô-li năm 381, vẫn giữ lại thuật ngữ đó, được đề ra trong bản kinh Tin Kính của Ni-xê-a và đã tuyên xưng : Con Một Thiên Chúa sinh bởi Chúa Cha từ trước muôn đời, ánh sáng bởi ánh sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản thể với Chúa Cha" (DS 150).

### **Chúa Cha và Chúa Con được mặc khải bởi Thánh Thần**

**243 683 2780 687.** Trước lễ Vượt Qua, Đức Giê-su báo tin sẽ cử một Đấng Bào Chữa khác (Đấng Bảo Vệ), đó là Chúa Thánh Thần. Người tác động từ thuở khai thiên lập địa (x. St 1,2); Người đã dùng "các ngôn sứ mà phán dạy" (Kinh Tin Kính Ni-xê-a Con-tan-ti-nô-pô-li). Nay người sẽ ở với và trong các môn đệ (x. Ga 14,17) để dạy bảo (Ga 14,26) và dẫn đưa họ đến "sự thật trọn vẹn" (Ga 16,13). Chúa Thánh Thần được mặc khải như một ngôi vị Thiên Chúa, khác với Đức Giê-su và với Chúa Cha.

**244 732.** Nguồn gốc vĩnh cửu của Chúa Thánh Thần được mặc khải trong sứ mạng trần thế của Người. Thánh Thần được cử đến với các tông đồ và Hội Thánh, vừa do Chúa Cha nhân danh Chúa Con, và cũng do chính Chúa Con, một khi Người trở về bên Chúa Cha ( x.Ga 14,26; 15,26; 16,14). Việc cử Chúa Thánh Thần đến sau khi Đức Giêsu được tôn vinh ( x.Ga7,39), mặc khải một cách viên mãn màu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi chí thánh.

**245 152 685.** Đức tin tông truyền về Chúa Thánh Thần đã được tuyên xưng tại Công Đồng chung Con-tan-ti-nô-pô-li năm 381 : "Chúng tôi tin kính Chúa Thánh Thần, Người là Chúa, và là Đấng ban sự sống; Người phát xuất từ Chúa Cha" (DS 150). Qua đó, Hội Thánh nhìn nhận Chúa Cha là "nguồn gốc và khởi thủy của tất cả thiên tính" (Cđ. Tô-lê-đô VI - 638: DS 490). Nguồn gốc vĩnh cửu của Chúa Thánh Thần và của Chúa Con không phải là không có liên hệ với nhau: "Chúa Thánh Thần là Ngôi Ba, là Thiên Chúa, là một và đồng hàng với Chúa Cha và Chúa Con, cùng bản thể và cũng cùng bản tính... Tuy nhiên, Người không chỉ là Thần Khí của Chúa Cha mà thôi nhưng là Thần Khí cùng lúc của Chúa Cha và Chúa Con" ( Cđ. Tô-lê-đô năm 675: DS 527). Bản Kinh Tin Kính Công Đồng Con-tan-ti-no-po-li tuyên xưng : "Người cùng được phụng thờ và tôn vinh với Chúa Cha và Chúa Con" (DS 150).

**246.** Kinh Tin Kính theo truyền thống La tinh tuyên xưng rằng Chúa Thánh Thần "phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con (Filioque)". Công Đồng Flô-ren-xê năm 1438 nêu rõ : "Chúa Thánh Thần lãnh nhận bản tính và hữu thể vừa từ Chúa Cha, vừa từ Chúa Con. Đòi đòi Người phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con như từ cùng một nguyên lý và từ một nhiệm suy duy nhất... Và bởi vì tất cả những gì có nơi Chúa Cha, thì chính Chúa Cha đã ban cho Con Một khi sinh ra Con, từ

hữu thể là Cha. Ngay cả việc Chúa Thánh Thần phát xuất từ Chúa Con, thì Chúa Con cũng lãnh nhận nơi Chúa Cha từ đời đời, vì từ muôn thuở Chúa Cha đã sinh ra Chúa Con" (DS 1300-1301).

**247.** Lời khẳng định "và Chúa Con" (Filioque) không có trong kinh Tin Kính năm 381 tại công đồng Con-tan-ti-nô-pô-li, nhưng dựa theo một truyền thống cổ xưa của trường phái La tinh và A-le-xan-ri-a, Thánh Lê-ô I Giáo Hoàng đã tuyên xưng điều này như một tín điều vào năm 447 (DS 284). Trước khi Rô-ma biết kinh Tin Kính của năm 381 và đón nhận kinh này vào năm 451 tại công đồng Can-xê-dô-ni-a. Tuy nhiên, việc sử dụng công thức này (Filioque) trong kinh Tin Kính được chấp nhận dần dần trong phụng vụ La tinh từ thế kỷ VIII đến thế kỷ XI. Tuy nhiên, việc phụng vụ La Tinh đưa công thức Filioque vào trong Kinh Tin Kính của Công Đồng Ni-xê-a Con-tan-ti-nô-pô-li còn là mối tranh cãi cho đến ngày nay với các Giáo Hội Chính Thống.

**248.** Truyền thống Đông Phương muốn nhấn mạnh Chúa Cha là nguồn gốc tiên khởi của Chúa Thánh Thần. Khi tuyên xưng Chúa Thánh Thần "phát xuất từ Chúa Cha" (Ga 15,26), Đông Phương xác định Chúa Thánh Thần phát xuất từ Chúa Cha qua Chúa Con (x. AG 2). Truyền thống Tây Phương muốn nhấn mạnh sự hiệp thông đồng bản thể giữa Chúa Cha và Chúa Con khi nói rằng Chúa Thánh Thần phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con (filioque). Tây Phương nói như vậy là "chính đáng và hợp lý"(Cđ Flô-ren-sô năm 1439 : DS 1302). Vì theo trật tự vĩnh cửu giữa các Ngôi vị Thiên Chúa trong sự hiệp thông đồng bản thể, Chúa Cha là nguồn gốc tiên khởi tức là "nguyên lý không nguyên lý" của Chúa Thánh Thần (DS 1331) và đồng thời Người là Cha sinh ra Con duy nhất; nên Chúa Cha và Chúa Con là "nguyên lý duy nhất xuất phát Chúa Thánh Thần" ( Cđ Lyon II năm 1274 : DS 850).

Hai truyền thống đều chính đáng và bổ sung cho nhau. Nếu chúng ta đừng quá nhấn mạnh về một phía nào, thì cả hai cùng tin như nhau về thực tại mà nhiệm được tuyên xưng.

### **III. THIÊN CHÚA BA NGÔI TRONG GIÁO LÝ ĐỨC TIN**

#### **Sự hình thành tín điều Ba Ngôi**

**249 683 189.** Chân lý mạc khải về Thiên Chúa Ba Ngôi, ngay từ buổi sơ khai, là nền tảng nguyên thủy của đức tin sống động của Hội Thánh, chủ yếu là qua bí tích Thánh Tẩy. Chân lý đó đã được diễn tả trong lời tuyên xưng đức tin khi rửa tội, được trình bày trong các giảng thuyết, trong huấn giáo và trong kinh nguyện của Hội Thánh. Người ta gặp những công thức như vậy trong các văn thư tông đồ, chẳng hạn lời chào được phụng vụ Thánh Thể lấy lại: "Nguyện xin ân sủng Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, tình yêu của Chúa Cha và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần ở cùng tất cả anh chị em" (2Cr 13,13) ( x.1Cr 12,4-6; Eph 4,4-6).

**250 94.** Trong những thế kỷ đầu, Hội Thánh đã cố gắng trình bày minh bạch hơn đức tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi, vừa để đào sâu sự hiểu biết của chính mình về đức tin, vừa để bảo vệ đức tin khỏi những lệch lạc. Đó là công trình của các công đồng xưa, qua sự đóng góp của các giáo phụ về thần học và dựa trên cảm thức đức tin của dân Thánh.

**251 170.** Để trình bày tín điều Thiên Chúa Ba Ngôi, Hội Thánh triển khai một hệ thống từ ngữ riêng, dựa vào những khái niệm bắt nguồn từ triết học như: "bản thể", "ngôi vị", hoặc "bản vị", "tương quan" v.v... Vì Hội Thánh không muốn đức tin lệ thuộc vào một sự khôn ngoan trần thế nào, nên đã cho các từ ngữ này một ý nghĩa mới để chúng có khả

năng diễn đạt màu nhiệm khôn tả, "vượt xa khôn cùng tất cả những gì chúng ta có thể tưởng tượng được với khả năng của người phàm"(SPF 2).

**252.** Hội Thánh sử dụng thuật ngữ "bản thể" (hay thuật ngữ "yếu tính" hoặc "bản tính") để chỉ hữu thể đơn nhất của Thiên Chúa; thuật ngữ "ngôi vị" hoặc " bản vị" để chỉ Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần trong sự phân biệt thật sự giữa Ba Ngôi; thuật ngữ "tương quan" để chỉ sự khác biệt giữa Ba Ngôi trong mối liên hệ nội tại.

### **Tín điều Thiên Chúa Ba Ngôi**

**253** 2789 590. *Ba Ngôi là Một.* Chúng ta không tuyên xưng ba Thiên Chúa, nhưng một Thiên Chúa duy nhất có Ba Ngôi : "Ba Ngôi đồng bản thể" ( Cđ Con-tan-ti-nô-pô-li II năm 553; DS 421). Các ngôi vị Thiên Chúa không chia nhau một thiên tính duy nhất , nhưng mỗi ngôi vị đều là Thiên Chúa trọn vẹn : Chúa Cha là gì thì Chúa Con là thế ấy, Chúa Con là gì thì Chúa Cha là thế ấy, và Chúa Cha và Chúa Con là gì thì Chúa Thánh Thần là thế ấy, nghĩa là một Thiên Chúa duy nhất theo bản tính. Mỗi ngôi vị là thực tại đó, nghĩa là bản thể, yếu tính, bản tính đó".

**254** 468, 689. *Các Ngôi vị Thiên Chúa thực sự phân biệt với nhau.* "Thiên Chúa duy nhất nhưng không đơn độc" ( Fides Damasi :DS71). "Chúa Cha", "Chúa Con", "Chúa Thánh Thần" không đơn thuần là những danh từ chỉ cách thức hiện hữu của hữu thể Thiên Chúa vì Ba Ngôi thực sự phân biệt với nhau : "Chúa Con không phải là Chúa Cha, và Chúa Cha không phải là Chúa Con, và Chúa Thánh Thần không phải là Chúa Cha hoặc Chúa Con" ( Cđ Tô-lê-đô XI năm 675: DS 530). Ba Ngôi phân biệt nhau do các mối tương quan về nguồn gốc : "Chúa Cha là Đấng sinh ra, Chúa Con là Đấng

được Chúa Cha sinh ra, Chúa Thánh Thần là Đấng phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con" ( Cđ. La-tran IV năm 1215: DS 804). "*Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi*".

**255 240.** *Các Ngôi vị Thiên Chúa có liên hệ với nhau.* Sự phân biệt đích thực giữa các Ngôi Vị hệ tại những mối tương quan nên không làm mất đi tính duy nhất của Thiên Chúa. "Các danh xưng nói lên mối tương quan giữa các Ngôi vị : Chúa Cha qui về Chúa Con, Chúa Con qui về Chúa Cha, và Chúa Thánh Thần qui về hai Ngôi trên; dù có nói tới ba ngôi vị khi chú trọng đến các tương quan, chúng ta vẫn tin Thiên Chúa có một bản tính hoặc một bản thể duy nhất ( Cđ Tô-lê-đô XI năm 675: DS 528). Quả thật "mọi sự đều là một (nơi Ba Ngôi) vì không thể có sự đối nghịch trong tương quan" ( Cđ Flô-ren-sô năm 1442: DS 1330). "Vì sự đơn nhất đó, Chúa Cha hoàn toàn ở trong Chúa Con, hoàn toàn ở trong Chúa Thánh Thần; Chúa Con hoàn toàn ở trong Chúa Cha, hoàn toàn ở trong Chúa Thánh Thần; Chúa Thánh Thần ở hoàn toàn trong Chúa Cha, hoàn toàn trong Chúa Con" ( Cđ Flô-ren-sô 1442: DS 1331).

**256 236, 684.** Thánh Grê-gô-ri-ô thành Nazianze, được người đời xưng tụng là " nhà thần học", trao cho những dự tông tại Con-tan-ti-nô-pô-li bản tóm lược đức tin về Ba Ngôi như sau :

84. Xin giữ cho tôi kho tàng quý báu này, mà vì nó tôi sống và chiến đấu, và còn muốn đem theo khi chết, nhờ nó tôi chấp nhận tất cả mọi gian khổ và khinh chê mọi lạc thú: tôi muốn nói đến bản tuyên xưng đức tin vào Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Hôm nay tôi trao gửi anh chị em. Với lời tuyên xưng này, lát nữa, tôi sẽ dìm anh chị em xuống nước rồi nâng anh chị em lên. Tôi trao cho anh chị em bản

tuyên xưng đó làm người bạn đường, người bảo trợ anh chị em suốt đời. Tôi trao cho anh chị em một Thiên Chúa duy nhất và quyền năng Một Thiên Chúa trong Ba Ngôi Vị, phân biệt nhau. Một thiên tính không có dị biệt trong bản thể hoặc bản tính, không cấp bậc hơn kém. Cả Ba Ngôi Vị vô tận, cùng chung một bản tính vô tận. Mỗi Ngôi vị tự thân là Thiên Chúa trọn vẹn... Cả Ba Ngôi kết hợp cũng là Thiên Chúa... Tôi chưa bắt đầu suy tưởng đến Thiên Chúa duy nhất, thì hào quang của Ba Ngôi Thiên Chúa tràn ngập thân tôi. Tôi chưa bắt đầu suy tưởng đến Ba Ngôi, thì Thiên Chúa duy nhất làm tôi sửng sờ...(Or. 40,41).

#### **IV. CÔNG TRÌNH CỦA THIÊN CHÚA VÀ SỨ MẠNG CỦA BA NGÔI**

**257 221 758 292 850.** "Ôi Ba Ngôi ánh sáng diễm phúc. Ôi Đấng duy nhất nguyên thủy!" (Thánh Thi Kinh chiều lễ Ba Ngôi). Thiên Chúa là hạnh phúc trường cửu, sự sống bất diệt, ánh sáng không tàn lụi. Thiên Chúa là tình thương : Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Thiên Chúa tự ý muốn thông chia vinh quang sự sống hạnh phúc của Người. Đó là "kế hoạch yêu thương" (Ep 1,9) mà Người đã cư mang từ trước khi tạo dựng vũ trụ trong Con yêu dấu của Người, "Người đã tiền định cho ta làm nghĩa tử trong Con của Người" (Ep 1,4-5), nghĩa là "nên đồng hình đồng dạng với Con của Người" (Rm 8,29) nhờ "Thần trí làm nên nghĩa tử"(Rm 8,15). Kế hoạch này là một "ân sủng được trao ban từ muôn thuở"(2Tm 1, 9-10) xuất phát trực tiếp từ tình thương Ba Ngôi. Tình thương này được trải ra trong công cuộc sáng tạo, trong toàn bộ lịch sử cứu độ sau khi nguyên tổ sa ngã, trong sứ mạng của Chúa Con và Chúa Thánh Thần mà sứ mạng Hội Thánh tiếp nối (AG 2-9).

**258 686.** Toàn bộ nhiệm vụ của Thiên Chúa là công trình chung của Ba Ngôi Thiên Chúa. Vì, cũng như Ba Ngôi chỉ có một bản tính, Ba Ngôi cũng chỉ có cùng một hoạt động (x.Cđ Constantinople II năm 553: DS 421). "Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần không phải là ba nguyên lý của thụ tạo mà là một nguyên lý duy nhất" (x.Cđ Florence năm 1442:DS 1331). Nhưng mỗi Ngôi Vị thực hiện công trình chung theo đặc tính riêng. Cho nên, dựa vào Tân Ước (x.1Cr 8,6), Hội Thánh tuyên xưng "Một Thiên Chúa là Cha, Đấng tạo thành mọi sự, một Chúa Giê-su Ki-tô, cùng đích của mọi sự, và một Chúa Thánh Thần, trong Người muôn vật được hiện hữu" (x.Cđ. Constantinople II :DS 421). Đặc biệt các sứ mạng của Thiên Chúa nơi mầu nhiệm nhập thể của Chúa Con và trong việc trao ban Chúa Thánh Thần, tỏ lộ nét đặc thù của từng Ngôi Vị .

**259 236.** Vừa là công trình chung, vừa là công trình của mỗi ngôi vị, nên toàn bộ nhiệm vụ của Thiên Chúa vừa cho thấy đặc tính của từng ngôi vị vừa cho thấy bản tính duy nhất của Ba Ngôi. Vì thế, người Ki-tô hữu có hiệp thông với một Ngôi Vị, thì cũng không mấy may tách rời Ba Ngôi. Ai tôn vinh Chúa Cha, thì tôn vinh nhờ Chúa Con trong Chúa Thánh Thần; ai bước theo Chúa Ki-tô là do Chúa Cha lôi kéo (x.Ga 6,44) và Chúa Thánh thần thúc đẩy (Rm 8,14)

**260 1050,1721 1997.** Cùng đích của toàn bộ nhiệm vụ của Thiên Chúa là đưa các thụ tạo vào sự kết hợp trọn vẹn với Ba Ngôi diễm phúc (Ga 17,21-23). Nhưng ngay từ bây giờ, chúng ta được mời gọi trở nên nơi cư ngụ của Ba Ngôi Chí Thánh : "Chúa nói : ai yêu mến Thầy, sẽ giữ lời Thầy, và Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy, Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở nơi người ấy" (Ga 14,23) :

2565. Ôi Thiên Chúa của con, con thờ lạy Ba Ngôi, xin giúp con quên hẳn mình đi để ở trong Chúa, bất động và bình an như thể hồn con đang sống trong vĩnh hằng; xin đừng để điều gì quấy phá sự bình an của con, và làm con phải ra khỏi Chúa, ôi Đấng Bất Biến của con, nhưng xin cho mỗi phút đem con vào sâu hơn trong mầu nhiệm của Chúa ! Xin cho tâm hồn con được bình an và trở thành thiên đường của Chúa, nơi cư ngụ Chúa yêu thích, nơi Chúa nghỉ ngơi. Xin cho con đừng bao giờ để Chúa một mình, nhưng luôn có mặt , trọn vẹn, tỉnh thức trong đức tin, hết lòng thờ kính, hiến dâng trọn vẹn để Chúa tác tạo (lời nguyện của chân phúc Ê-li-sa-beth Ba Ngôi).

### **TÓM LƯỢC**

**261.** *Mầu nhiệm Ba Ngôi Chí Thánh là mầu nhiệm trọng tâm của đức tin và đời sống Ki-tô hữu. Chỉ một mình Thiên Chúa mới cho ta biết được mầu nhiệm ấy khi tự mặc khải là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.*

**262.** *Việc nhập thể của Con Thiên Chúa mặc khải rằng Thiên Chúa là Cha từ muôn thuở, và Chúa Con đồng bản thể với Chúa Cha, nghĩa là Chúa Con ở trong Chúa Cha và cùng với Chúa Cha là Thiên Chúa duy nhất.*

**263.** *Sứ mạng của Chúa Thánh thần, Đấng Chúa Cha cử đến nhân danh Chúa Con ( x. Ga 14,26) và được Chúa Con gửi đến "từ nơi Chúa Cha" (Ga 15,26) mặc khải rằng Chúa Thánh Thần cùng với Chúa Cha và Chúa Con là một Thiên Chúa duy nhất. "Người cùng được phụng thờ và tôn vinh với Chúa Cha và Chúa Con".*

264. *"Chúa Thánh Thần phát xuất từ Chúa Cha như nguồn mạch đầu tiên, và bởi Chúa Cha hằng ban tặng mình cho Chúa Con, nên Chúa Thánh Thần cũng phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con"* ( T. Âu-tinh, tự thuật 15,26,47).

265. *Nhờ ân sủng Bí tích Thanh Tẩy "nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần", chúng ta được mời gọi chia sẻ sự sống của Ba Ngôi Diễm Phúc, ở trần thế này trong bóng tối của đức tin và sau khi chết trong ánh sáng vĩnh cửu (x.SP.F 9).*

266. *"Đức tin công giáo hệ tại điều này : thờ kính Một Chúa Ba Ngôi và Ba Ngôi Một Chúa mà không lẫn lộn giữa các Ngôi Vị, không chia cắt bản thể : vì Ngôi Cha, Ngôi Con và Ngôi Thánh Thần khác biệt nhau; nhưng Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần có cùng một thiên tính, một vinh quang, một uy quyền vĩnh cửu" ( Symbolum "Quicumque").*

267. *Vì không tách rời trong hữu thể, các Ngôi Vị không tách rời trong hành động. Nhưng trong hành động duy nhất của Thiên Chúa, mỗi Ngôi Vị biểu lộ đặc tính riêng của mình trong Ba Ngôi, đặc biệt trong sứ mạng Nhập Thể của Chúa Con và việc tặng ban Chúa Thánh Thần.*

### TIẾT 3: ĐẲNG TOÀN NĂNG

268 222. Trong tất cả những thuộc tính của Thiên Chúa, chỉ có tính toàn năng là được nói đến trong Kinh Tin Kính. Việc tuyên xưng này có tầm quan trọng lớn lao đối với đời sống của chúng ta. Chúng ta tin rằng: Thiên Chúa toàn năng là Đấng có *uy quyền* trên vạn vật, vì Người đã sáng tạo (x. Ga 1,1; Ga 1,3), điều khiển và làm được mọi sự; Thiên Chúa toàn năng là Đấng *yêu thương*, vì Người là Cha chúng

ta; Thiên Chúa toàn năng còn là Đấng *huyền nhiệm* vì chỉ nhờ đức tin chúng ta mới nhận ra sự toàn năng của Thiên Chúa khi quyền lực Người "bộc lộ trong sự yếu đuối"(2Cr 12,9) ( x. 1Cr 1,18).

### **"Người làm tất cả những gì Người muốn" (Tv 115,3)**

**269 303.** Thánh Kinh tuyên xưng nhiều lần Thiên Chúa có *uy quyền* trên vạn vật. Người được gọi là "Đấng Quyền Năng của Gia-cóp"(St 49, 24; Is 1, 24 tt). "Chúa các đạo binh", "Đấng Mạnh Mẽ, Đấng Oai Hùng" (Tv 24,8-10). Thiên Chúa toàn năng "trên trời và dưới đất" (Tv 135,6), vì Người đã tác tạo nên chúng. Không có gì mà Người không làm được ( x. Gr 32,17; Lc 1,37); Người sắp đặt công trình theo ý Người ( x. Gr 27,5; ); Người là Chúa cả vũ trụ, đã thiết lập trật tự cho nó, và trật tự đó luôn luôn quy phục Người. Người làm Chủ lịch sử : hướng dẫn các tâm hồn và các biến cố theo ý Người ( x. Et 4,17b; Cn 21,1; Tb 13,2). "Quyền năng lớn lao của Ngài luôn phụng sự Ngài, và ai có thể chống lại sức mạnh cánh tay Ngài?" (Kn 11,21).

### **"Ngài thương xót mọi người, vì Ngài làm được mọi sự"(Kn 11,23)**

**270 2777 1441.** Thiên Chúa là *Cha* toàn năng. Chức năng làm Cha và quyền năng của Người soi sáng cho nhau. Quả thế, Người biểu dương sự toàn năng của Người Cha qua cung cách Người chăm lo cho những nhu cầu của chúng ta ( x. Mt 6,32), khi nhận chúng ta làm nghĩa tử ("Ta sẽ là Cha các người, và các người sẽ là con trai con gái Ta, Chúa toàn năng phán như vậy" ( x.2Cr 6,18)); sau hết khi tỏ lòng khoan dung vô tận, vì Người biểu dương quyền năng tới tột đỉnh qua việc Người rộng lòng thứ tha mọi tội lỗi.

**271.** Thiên Chúa toàn năng không hề độc đoán : "Nơi Thiên Chúa, quyền năng và yếu tính, ý chí và trí tuệ, khôn ngoan và công bình là một, cho nên không có gì trong quyền năng của Thiên Chúa mà không nằm trong ý muốn chí công hay trong trí tuệ khôn ngoan của Người" ( Th.Tô-ma Aq., s.th.125,5, ad 1).

### **Huyền nhiệm về vẻ bất lực của Thiên Chúa**

**272 309 412 609 648.** Đức tin vào Thiên Chúa Cha toàn năng có thể bị thử thách do kinh nghiệm về sự dữ và đau khổ. Đôi khi Thiên Chúa như vắng mặt và không ngăn chặn được sự dữ. Nhưng Chúa Cha đã mặc khải sự toàn năng của Người một cách thật *huyền nhiệm* khi Con của Người tự hạ và sống lại, nhờ đó Người thắng sự dữ . Như vậy, Đức Ki-tô bị đóng đinh là "quyền năng và sự khôn ngoan của Thiên Chúa. Vì cái điên rồ của Thiên Chúa còn hơn cái khôn ngoan của loài người, và cái yếu đuối của Thiên Chúa còn hơn cái mạnh mẽ của loài người" (1Cr 1, 24-25). Chính khi Đức Ki-tô sống lại và được tôn vinh, Chúa Cha "biểu dương sức mạnh toàn năng đầy hiệu lực" và cho thấy "quyền lực vô cùng lớn lao Người đã thi thố cho chúng ta là các tín hữu" (Ep 1, 19-22).

**273 148.** Chỉ nhờ đức tin, chúng ta mới có thể nhập cuộc vào đường lối mầu nhiệm của Thiên Chúa toàn năng. Đức tin này tự hào về những yếu kém của mình, để thu hút quyền năng của Đức Ki-tô ( x. 2 Cr 12,9; Pl 4,13). Đức Trinh Nữ Ma-ri-a là khuôn mẫu tột đỉnh của đức tin ấy, vì Mẹ đã tin rằng "không có gì mà Thiên Chúa không làm được"(Lc 1,37) và ca ngợi Chúa : "Đấng Toàn năng đã làm cho tôi những việc kỳ diệu, Danh Người là Thánh" (Lc 1,49).

**274 1814,1817.** "Không có gì làm cho chúng ta tin tưởng và hy vọng vững mạnh cho bằng xác tín : không có gì mà Thiên Chúa không làm được. Khi lý trí đón nhận tín điều Thiên Chúa là Cha Toàn Năng ở đầu kinh Tin Kính thì chúng ta sẽ dễ dàng chấp nhận không chút do dự tất cả những tín điều tiếp theo saulà những điều trọng đại nhất, khó hiểu nhất, cũng như những sự cao siêu nhất vượt trên tất cả những qui luật thông thường của thiên nhiên" ( Giáo Lý Rô-ma 1,2,13).

### **TÓM LƯỢC**

**275.** *Cùng với ông Gióp, người công chính, chúng ta tuyên xưng : "Tôi biết Ngài uy quyền vạn năng : Ngài có thể thực hiện được những gì Ngài dự tính" (G 42,2).*

**276.** *Trung thành với chứng từ của Thánh Kinh, Hội Thánh thường xuyên dâng lời cầu nguyện lên cùng "Thiên Chúa Toàn Năng và Vĩnh Cửu", vững tin rằng : "đối với Thiên Chúa, không có gì là không làm được" (St 18,14; Lc 1,37; Mt 19,26).*

**277.** *Thiên Chúa biểu dương sự Toàn Năng của Người khi giúp ta bỏ đàng tội lỗi và nhờ ân sủng tái lập ta trong tình thân với Người : "Lạy Chúa, khi Chúa thương xót và thứ tha, chính là lúc Chúa biểu lộ quyền năng cách tỏ tường hơn cả" (Lời nguyện nhập Lễ CN 26 QN).*

**278.** *Nếu không tin Thiên Chúa yêu thương là Đấng Toàn năng, thì làm sao có thể tin được là Chúa Cha sáng tạo chúng ta, Chúa Con cứu chuộc chúng ta, Chúa Thánh Thần thánh hoá chúng ta ?*

## TIẾT 4: ĐẰNG TẠO THÀNH

279. Kinh Thánh được mở đầu bằng lời long trọng : "Lúc khởi đầu, Thiên Chúa sáng tạo trời và đất"(St 1,1). Kinh Tin Kính lấy lại những lời đó khi tuyên xưng Thiên Chúa là Cha toàn năng, "Đấng tạo thành trời và đất", "muôn vật hữu hình và vô hình". Vậy trước hết, chúng ta nói về Đấng Sáng Tạo, kể đến về công trình tạo dựng của Người, sau hết về việc con người sa ngã phạm tội được Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa đến nâng dậy.

**280 288 1043.** Sáng tạo là nền móng "của mọi ý định cứu độ của Thiên Chúa", "khởi đầu của lịch sử cứu độ" (DCG 51) mà Chúa Ki-tô là tuyệt đỉnh. Ngược lại, mầu nhiệm Chúa Ki-tô làm sáng tỏ mầu nhiệm sáng tạo, mặc khải cùng đích mà Thiên Chúa nhắm đến "lúc khởi đầu tạo thành trời và đất" (St 1,1) : ngay từ buổi đầu, Thiên Chúa đã nhắm tới vinh quang của sáng tạo mới trong Đức Ki-tô  
( x.Rm 8,18-23)

**281 1095.** Vì vậy, các bài Sách Thánh trong đêm Phục Sinh, đêm mừng cuộc sáng tạo mới trong Đức Ki-tô, bắt đầu bằng bài tường thuật về cuộc sáng tạo. Trong phụng vụ Byzance bài này luôn luôn là bài đọc thứ nhất trong buổi vọng các đại lễ kính Chúa. Theo các chứng từ cổ xưa, huấn giáo tông về Thánh Tẩy cũng theo tiến trình về sáng tạo thứ nhất đến sáng tạo mới ( x. Ethérie, peregr.46; T.Ấu- tinh, giáo lý 3,5).

### I- HUẤN GIÁO VỀ SÁNG TẠO

**282 1730.** Huấn giáo về sáng tạo có một tầm quan trọng cơ bản, liên quan đến chính nền tảng của đời sống nhân bản

và đời sống Ki-tô hữu, vì nêu rõ câu trả lời của đức tin Ki-tô giáo cho câu hỏi căn bản mà con người của mọi thời đại thường đặt ra cho mình: "Chúng ta từ đâu tới?" "Chúng ta đi đâu?" "Nguồn gốc của chúng ta là gì?" "Cùng đích của chúng ta là gì?" "Mọi vật hiện hữu từ đâu tới và đi về đâu?". Hai câu hỏi về nguồn gốc và cùng đích không tách rời nhau, chúng có tính cách quyết định đối với ý nghĩa và định hướng cho cuộc sống và hành động của chúng ta.

**283 159 341.** Câu hỏi về nguồn gốc thế giới và con người là đối tượng của rất nhiều cuộc nghiên cứu khoa học, nhờ đó, chúng ta hiểu biết sâu rộng về độ tuổi và các chiều kích của vũ trụ, về sự biến hóa của các dạng sống, về sự xuất hiện của loài người. Những khám phá này mời gọi chúng ta thêm lòng cảm phục sự cao cả của Đấng Tạo Hóa, tri ân vì các công trình của Người, vì trí thông minh và khôn ngoan Người ban cho các nhà bác học và các người suu tầm. Cùng với Sa-lô-mon, họ có thể nói : "Chính Người đã cho tôi hiểu biết đích thực về sự vật, cho tôi biết cấu trúc của thế giới và đặc tính của các yếu tố ... Vì chính Đấng Khôn Ngoan, là tác giả của mọi sự đã dạy tôi" (Kn 7,17-21).

**284.** Còn một câu hỏi thuộc lãnh vực khác, vượt ngoài phạm vi của khoa học tự nhiên, thúc đẩy mạnh mẽ các cuộc nghiên cứu. Vấn đề không phải chỉ là tìm hiểu vũ trụ xuất hiện khi nào và cách nào, con người có mặt trên trái đất từ bao giờ, nhưng quan trọng chính là khám phá ra ý nghĩa của nguồn gốc đó. Phải chăng nguồn gốc vũ trụ bị điều khiển bởi một sự ngẫu nhiên, một định mệnh mù quáng, một tất yếu vô danh, hay được điều khiển bởi một Đấng Siêu Việt, thông minh và tốt lành, mà ta gọi là Thiên Chúa. Và nếu thế giới này xuất phát từ sự khôn ngoan và sự tốt lành của Thiên Chúa thì tại sao có sự dữ? Nó tự đâu ra? Ai chịu trách nhiệm? Có cách nào thoát khỏi sự dữ không?

**285** 295 28. Từ buổi đầu, Ki-tô giáo đã phải đương đầu với những giải đáp khác với đức tin của chính mình về vấn đề nguồn gốc. Người ta gặp trong các tôn giáo và các văn hóa cổ xưa nhiều huyền thoại về vấn đề nguồn gốc. Một số triết gia cho rằng tất cả mọi sự đều là Thiên Chúa, thế giới là Thiên Chúa, hoặc biến hóa của thế giới là biến hóa của Thiên Chúa (thuyết phiếm thần). Người khác cho rằng thế giới là một sự sinh xuất tất yếu của Thiên Chúa, chảy từ nguồn mạch rồi lại trở về đó. Người khác lại khẳng định sự hiện hữu của hai nguyên lý vĩnh tồn, Thiện và Ác, Ánh Sáng và Bóng Tối đấu tranh miên trường, (thuyết nhị nguyên, giáo phái do Manes sáng lập). Theo một vài quan niệm, thế giới (ít nữa là thế giới vật chất) là xấu, sản phẩm của một sự thoái hóa, vì vậy cần phải loại bỏ đi hoặc phải vượt khỏi (thuyết ngộ đạo); quan niệm khác chấp nhận rằng thế giới do Thiên Chúa tạo nên, như một người thợ làm ra một đồng hồ, làm ra rồi bỏ đó (tự nhiên thần giáo). Cuối cùng, có những quan niệm không chấp nhận nguồn gốc siêu việt nào cho thế giới, mà chỉ xem đó hoàn toàn là một chuyển vận của vật chất vẫn có từ muôn thuở (thuyết duy vật). Tất cả những cố gắng đó cho thấy, con người ở đâu cũng như bất cứ thời đại nào, đều thắc mắc về nguồn gốc của vũ trụ và của mình. Chỉ có con người mới khắc khoải truy tìm về cội nguồn như thế.

**286** 32 37. Trí thông minh loài người chắc chắn có khả năng tìm ra câu trả lời cho câu hỏi về nguồn gốc. Con người với ánh sáng của lý trí có thể nhận ra sự hiện hữu của Thiên Chúa qua các công trình của Người (x.DS 3026) cho dù sự hiểu biết đó nhiều khi bị lu mờ và lệch lạc vì lầm lẫn. Vì vậy, đức tin giúp xác nhận và soi sáng lý trí, để hiểu biết cách chính xác chân lý này. "Nhờ đức tin chúng ta hiểu rằng vũ trụ đã được hình thành bởi một lời của Thiên Chúa; vì thế những cái hữu hình là do những cái vô hình mà có "(Dt 11,3).

**287 107.** Chân lý về sáng tạo rất quan trọng cho cuộc sống loài người, đến nỗi Thiên Chúa đã ưu ái mặc khải cho dân Người tất cả những gì cần biết về vấn đề này để được cứu độ. Vượt trên những hiểu biết tự nhiên mà con người có thể có được về Đấng Tạo Hóa, (x. Cv. 17,24-29; Rm 1,19-20) Thiên Chúa đã dần dần mặc khải cho It-ra-en màu nhiệm sáng tạo. Chính Người đã chọn các tổ phụ, đã đưa It-ra-en ra khỏi Ai cập, và khi đã tuyển chọn họ làm dân riêng, Người sáng lập và đào tạo dân này (x. Is 43,1); Người cũng tự mặc khải là Đấng làm chủ trái đất và muôn dân, là Đấng duy nhất " đã dựng nên trời và đất" (Tv 115,15; 124,8 ; 134,3).

**288 280.** Như vậy, mặc khải về sáng tạo không tách rời khỏi việc Thiên Chúa duy nhất mặc khải và thực hiện Giao Ước với dân Người. Sáng Tạo được mặc khải như là bước đầu tiên tiến đến Giao Ước, như chứng từ tiên khởi và phổ quát tình thương toàn năng của Thiên Chúa (x. St 15,5; Gr 33,19-26 ). Vì thế, chân lý về sáng tạo được diễn tả ngay một cách mạnh mẽ hơn trong sứ điệp của các ngôn sứ (x. Is 44,54), trong lời cầu nguyện của các thánh vịnh (x.Tv 104) và phụng vụ, trong suy tư (x.Cn 8,22,-31) của dân tuyển chọn về minh triết.

**289 390 III.** Trong tất cả những lời Thánh Kinh nói về sáng tạo, ba chương đầu của sách Sáng Thế chiếm địa vị độc tôn. Đứng về phương diện văn chương, những bản văn đó có thể do nhiều nguồn khác nhau. Các tác giả được linh hứng đã đặt các bản văn này ở đầu Sách Thánh để long trọng diễn tả những chân lý về sáng tạo nguồn gốc và cùng đích của nó trong Thiên Chúa, trật tự và sự tốt lành của nó về ơn gọi của con người, cuối cùng về thảm kịch tội lỗi và niềm hy vọng vào ơn cứu độ. Những lời này, được đọc dưới ánh sáng của Chúa Ki-tô, trong sự thống nhất của Thánh Kinh, và trong Truyền thống sống động của Hội Thánh, vẫn là nguồn chính

yếu cho việc huấn giáo về những mầu nhiệm của "khởi nguyên": tạo dựng, sa ngã, lời hứa cứu độ.

## **II. SÁNG TẠO LÀ CÔNG CUỘC CỦA CHÚA BA NGÔI**

**290 326.** "Lúc khởi đầu Thiên Chúa tạo dựng trời và đất": những lời đầu tiên này của Kinh thánh khẳng định ba điều : Thiên Chúa vĩnh cửu đã đặt một khởi điểm cho tất cả những gì hiện hữu bên ngoài Người; duy chỉ mình Người là Đấng Sáng Tạo (động từ "sáng tạo"- tiếng hipri là bara - luôn có chủ từ là Thiên Chúa) ; toàn thể những gì hiện hữu (được diễn tả bằng công thức "trời và đất") đều tùy thuộc vào Đấng đã cho chúng hiện hữu.

**291 241 331 703.** "Từ nguyên thủy đã có Ngôi Lời và Ngôi Lời là Thiên Chúa...Nhờ Ngôi Lời vạn vật được tạo thành và không có Người thì chẳng có gì được tạo thành" (Ga 1,1-3). Tân Ước mặc khải rằng : Thiên Chúa đã tạo dựng tất cả nhờ Ngôi Lời vĩnh cửu là Con yêu quý của Người. Chính trong Người mà "mọi sự trên trời và dưới đất được tạo dựng..., mọi sự được dựng nên nhờ Người và cho Người. Người có trước mọi sự và mọi sự tồn tại trong Người" (Cl 1,16-17). Đức tin của Hội Thánh cũng xác quyết như vậy về hoạt động sáng tạo của Chúa Thánh Thần. Người là "Đấng ban sự sống" ( Kinh Tin Kính Ni-xê-a Con-tan-ti-nô-po-li), là "Thần trí tác tạo" ("Veni, Creator Spiritus"), là nguồn mạch của mọi thiện hảo ( Phụng vụ Byzantine, kinh chiều lễ Hiện Xuống).

**292 699 257.** Sự thống nhất không thể tách rời giữa hành động sáng tạo của Chúa Con và Chúa Thánh Thần với hành động sáng tạo của Chúa Cha đã được thoáng thấy trong Cựu Ước ( x.Tv 33,6; 104,30; St 1,2-3), và được mặc khải trong

Tân Ước, nay được qui luật đức tin của Hội Thánh xác định rõ ràng : "chỉ có một Thiên Chúa duy nhất...: Người là Cha, là Thiên Chúa, là Đấng Sáng Tạo, là Tác Giả, là Đấng an bài mọi sự. Người tự mình tác tạo mọi sự nghĩa là nhờ Lời và đức Khôn Ngoan của Người" ( T.I-rê-nê ,chống lạc giáo, 2,30.9), "nhờ Chúa Con và Chúa Thánh Thần" như "những bàn tay của Người" ( Ibid, 4,20, 1.). Sáng tạo là công trình chung của Ba Ngôi Chí Thánh.

### **III. "VŨ TRỤ ĐƯỢC TẠO DỰNG ĐỂ LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA"**

**293 337, 344 1361.** Đây là chân lý căn bản mà Thánh Kinh và Truyền Thống không ngừng giảng dạy và biểu dương : "Thế giới được tạo dựng để làm vinh danh Thiên Chúa" ( x.Cđ Va-ti-can I : DS 3025). Thánh Bo-na-ven-tu-ra giải thích : Thiên Chúa đã sáng tạo mọi sự "không phải để gia tăng Vinh Quang, nhưng để biểu lộ và thông ban Vinh Quang đó" ( x.Sent 2,1,2,2.1). Thiên Chúa không có lý do nào khác để sáng tạo ngoài tình thương và lòng nhân hậu của Người : "Chính chìa khóa tình thương đã mở bàn tay Người để sản sinh vạn vật" ( T.Tô-ma Aq, Sent 2, prol). Công đồng Va-ti-ca-nô I giải thích :

759. Thiên Chúa duy nhất, trong ý định hoàn toàn tự do, ngay khởi đầu đã tạo dựng tất cả từ hư không, loài thiêng liêng hay loài có thể xác. Thiên Chúa đã làm như vậy, với lòng nhân hậu và nhờ sức mạnh toàn năng của Người; không phải để gia tăng hạnh phúc của Người, hoặc để đạt sự trọn hảo, nhưng là để biểu lộ sự trọn hảo ấy qua những điều tốt lành Người ban cho các thụ tạo (DS 3002).

**294 2809 1722 1992.** Thiên Chúa bày tỏ vinh quang của Người qua việc biểu lộ và thông ban sự tốt lành của Người. Vì thế Người đã tạo thành vũ trụ . Theo ý muốn đầy lòng nhân hậu của Người, Người đã tiền định cho ta "làm nghĩa tử nhờ Đức Giê-su Ki-tô, để xưng tụng Vinh Quang của ân sủng Người"(Ep 1,5-6). "Vì vinh quang của Thiên Chúa là con người sống động và sự sống của con người là được thấy Thiên Chúa : nếu trước đây sự mặc khải Thiên Chúa qua cuộc sáng tạo đã đem đến sự sống cho mọi loài trên trái đất, thì sự biểu lộ của Cha nhờ Ngôi Lời càng đem lại gấp bội sự sống cho những ai thấy Thiên Chúa" ( T.I-rê-nê chống lạc giáo 4,20.7). Cùng đích tối hậu của sáng tạo là : "Thiên Chúa được muôn loài suy phục (1Cr 15,28), khi Người tỏ hiện vinh quang của Người và đem lại hạnh phúc cho chúng ta" (AG 2).

#### **IV. MÀU NHIỆM SÁNG TẠO**

##### **Thiên Chúa sáng tạo do Khôn Ngoan và Tình yêu**

**295 216,1951.** Chúng ta tin Thiên Chúa đã tạo dựng vũ trụ theo sự khôn ngoan của Người (x. Dtc 9,9). Vũ trụ không phải là sản phẩm của một tất yếu nào đó, của một định mệnh mù quáng hoặc bởi ngẫu nhiên. Chúng ta tin vũ trụ phát xuất từ ý muốn tự do của Thiên Chúa, Người muốn cho các thụ tạo được tham dự vào hữu thể, sự khôn ngoan và tốt lành của Người. "Vì chính Ngài đã tác tạo mọi sự, Ngài muốn chúng coi là chúng được tạo dựng" (Kh 4,11). "Công trình của Ngài nhiều biết bao! Lạy Chúa, Ngài đã tạo dựng tất cả thật khôn ngoan" (Tv 104,24). "Đức Chúa tốt lành với mọi loài, tỏ lòng yêu thương đối với mọi công trình Người làm ra" (Tv 145,9).

##### **Thiên Chúa tạo dựng từ "hư không"**

**296 285.** Chúng ta tin Thiên Chúa không cần một thứ gì có trước hoặc một sự trợ giúp nào để sáng tạo (x.Cđ Va-ti-can I : DS 3022). Công trình sáng tạo cũng không phải là một sự phát xuất tất yếu từ bản thể Thiên Chúa (x.Cđ Va-ti-can I 3023 - 3024). Thiên Chúa tự do sáng tạo "từ hư không"(DS 800 ; 3025).

Nếu Thiên Chúa làm nên vũ trụ từ một chất liệu có trước thì có gì là phi thường ? Một người thợ, khi ta cho họ vật liệu, cũng làm ra được những gì họ muốn. Quyền năng Thiên Chúa được tỏ hiện khi Người làm tất cả những gì Người muốn từ hư không (T. Thê-ô-phi thành An-ti-ô-ki-aAutol 2,4).

**297 338.** Đức tin vào sự sáng tạo "từ hư không" được xác nhận trong Thánh Kinh như một chân lý đầy hứa hẹn và hy vọng. Vì thế, trong sách Ma-ca-bê, bà mẹ đã khuyến khích bảy người con mình chịu cực hình tử đạo như sau :

Mẹ không biết các con đã xuất hiện thế nào trong dạ mẹ. Không phải mẹ đã cho chúng con tinh thần và sự sống, không phải mẹ đã sắp đặt các yếu tố cấu tạo nên mỗi người chúng con. Vì thế, Đấng tạo dựng thế giới, đã tác tạo loài người và là nguồn gốc mọi sự, sẽ trả lại cho chúng con, cả tinh thần lẫn sự sống, theo lượng từ bi của Người, vì giờ đây chúng con coi khinh chính mình vì lòng yêu mến giới luật Người. Nay con, hãy nhìn trời, đất và tất cả những thứ trong đó mà biết rằng, từ hư không, Thiên Chúa đã làm nên chúng và loài người cũng được tạo nên như vậy (2Mcb 7,22-23,28).

**298 1375 992.** Vì Thiên Chúa có thể sáng tạo từ hư không, nên Người có thể nhờ Thánh Thần, ban sự sống phần hồn

cho người tội lỗi bằng cách tạo cho họ một quả tim tinh tuyền ( x.Tv 51,12), và nhờ sự Phục Sinh, ban sự sống phần xác cho người đã chết, vì Người là "Đấng làm cho kẻ chết được sống và khiến những gì không hóa có" (Rm 4,17). Vì Người đã có thể làm cho ánh sáng bùng lên từ đêm tối ( x. St 1,3) nhờ Lời của Người, nên cũng có thể ban ánh sáng đức tin cho những kẻ chưa biết Người ( x. 2Cr 4,6).

### **Thiên Chúa sáng tạo một thế giới trật tự và tốt lành**

**299 339 41, 1147 358 2415.** Vì Thiên Chúa sáng tạo là Đấng khôn ngoan nên công trình sáng tạo có trật tự : "Ngài đã an bài mọi sự có mục thước, có số, có lượng"(Kn 11,20). Vũ trụ được sáng tạo trong và nhờ Ngôi Lời vĩnh cửu, "hình ảnh của Thiên Chúa vô hình"(Cl 1,15) nên được dành sẵn cho con người là hình ảnh của Thiên Chúa ( x. St 1,26), là kẻ được mời gọi để hiệp thông trong tương quan cá nhân với Người. Được tham dự vào ánh sáng của Đấng thượng trí, trí khôn con người có thể nghe được những gì Thiên Chúa nói với chúng ta qua công trình sáng tạo ( x. Tv 19,2-5); dĩ nhiên con người cần cố gắng nhiều, trong khiêm tốn và kính trọng trước Đấng Tạo Hóa và công trình của Người ( x G 42,3). Phát xuất từ Thiên Chúa tốt lành, công trình sáng tạo dự phần vào sự tốt lành của Người : ("và Thiên Chúa thấy điều đó tốt lành... rất tốt lành":St 1,4.10.12.18.21.31), và Thiên Chúa muốn trao ban nó cho con người như một quà tặng, một gia sản được dành sẵn và ủy thác cho họ. Hội Thánh nhiều lần phải biện hộ cho sự tốt lành của công trình sáng tạo, kể cả thế giới vật chất (x. DS 286 ; 455-463 ; 800 ; 1333 ; 3002).

### **Thiên Chúa vừa siêu việt vừa hiện diện trong vũ trụ**

**300 42,223.** Thiên Chúa vô cùng cao cả vượt trên các công trình của Người (x. Hc 43,28) : "Oai phong của Người vượt

trên các tầng trời" (Tv 8,2). "Sự cao cả của Người khôn lường" (Tv 145,3). Nhưng vì Người là Đấng Tạo Hóa tối cao và tự do, căn nguyên của tất cả những gì hiện hữu, Người hiện diện nơi thâm sâu nhất của loài thụ tạo : "Nơi Người chúng ta sống, chúng ta cử động và chúng ta hiện hữu"(Cv 17, 28). Theo lời Thánh Âu-tinh : "Người cao cả hơn những gì cao cả nhất trong tôi, thâm sâu hơn những gì thâm sâu nhất trong tôi" ( T.Âu-tinh, Conf 3,6,11).

### **Thiên Chúa giữ gìn và nâng đỡ loài thụ tạo**

**301** 1951,396. Sau khi sáng tạo, Thiên Chúa không bỏ mặc các thụ tạo của Người. Người không chỉ ban cho chúng hữu thể và hiện hữu, Người còn luôn giữ gìn chúng hiện hữu, cho chúng khả năng hành động và đưa chúng đến cùng đích. Một trong những nguồn mạch khôn ngoan và tự do, niềm vui và niềm cậy trông của con người là nhận ra mọi sự tùy thuộc hoàn toàn vào Đấng tạo hóa.

Vâng, Ngài yêu thương tất cả những gì hiện hữu, và không chán ghét một thứ gì trong những điều Ngài làm ra; vì nếu Ngài ghét sự gì, thì Ngài đã không làm ra nó. Và làm sao, một sự vật có thể tồn tại được nếu Ngài không muốn? Hoặc làm sao những thứ Ngài không gọi đến có thể được bảo tồn? Nhưng Ngài thương tiếc tất cả vì tất cả là của Ngài, Ngài là chủ nhân yêu thích sự sống (Kn 11,24-26).

## **V. THIÊN CHÚA THỰC HIỆN Ý ĐỊNH CỦA NGƯỜI : SỰ QUAN PHÒNG**

**302.** Công trình sáng tạo có sự tốt lành và hoàn hảo riêng, nhưng chưa hoàn tất khi được dựng nên. Vạn vật đang ở

trong một "tiền trình" hướng đến sự trọn hảo tối hậu do Thiên Chúa định sẵn. Sự quan phòng của Thiên Chúa chính là những đường lối Người xếp đặt để đưa vạn vật tới sự trọn hảo đó.

Nhờ sự quan phòng của Người, Thiên Chúa gìn giữ và điều khiển tất cả những gì Người đã sáng tạo, "biểu dương sức mạnh trên khắp địa cầu và diệu dàng xếp đặt tất cả" (Kn 8,1). Vì "tất cả mọi sự đều trần trụi và phơi bày ra trước mặt Người" (Dt 4,13), kể cả những điều do hành động tự do của con người tạo ra (Cđ Va-ti-can I : DS 3003).

**303 269.** Chứng từ của Thánh Kinh đều đồng nhất : Thiên Chúa quan phòng chăm sóc mọi sự cách cụ thể và trực tiếp, từ những cái nhỏ nhất đến những biến cố vĩ đại của thế giới và lịch sử. Các Sách Thánh xác quyết mạnh mẽ quyền tối thượng của Thiên Chúa trong mọi biến cố : "Thiên Chúa chúng ta, trên trời, dưới đất, Người làm những gì Người muốn"(Tv 115,3). Sách Thánh cũng nói về Chúa Ki-tô: "Người mở ra thì không ai đóng được, Người đóng lại thì không ai mở được" (Kh 3,7) ; "Con người có nhiều kế hoạch, nhưng duy chỉ có ý định của Thiên Chúa là sẽ thực hiện" (Cn 19,21).

**304 2568.** Kinh Thánh dưới tác động của Chúa Thánh Thần, thường qui các hành động về Thiên Chúa, mà không nhắc đến các nguyên nhân đệ nhị. Đó không phải là "cách nói" ngây ngô, nhưng là cách rất sâu sắc để nhắc lại quyền tối thượng và địa vị Chủ Tể tuyệt đối của Thiên Chúa trên lịch sử và toàn thế giới (x.Is 10,5-15 ; 45,5-7; Đnl 32,39 ; Hc 11,14), và nhân đó giáo dục chúng ta tín thác vào Người. Lời

cầu nguyện của các Thánh Vịnh là trường huấn luyện niềm tin thác đó (x.Tv 22 ; 32 ; 35 ; 103 ; 138 ;... . )

**305 2115.** Đức Giê-su đòi hỏi chúng ta phó thác với tình con thảo vào sự quan phòng của Cha trên trời, Đấng chăm sóc đến những nhu cầu nhỏ bé nhất của con cái : "Anh em đừng quá lo lắng tự hỏi : ta sẽ ăn gì ? uống gì ? Cha anh em Đấng ngự trên trời, biết anh em cần những thứ đó. Vậy, trước hết phải lo tìm kiếm Nước Chúa và sự công chính của người, rồi các thứ kia, Người sẽ ban thêm cho" (Mt 6,31-33; 10, 29-31).

### **Chúa Quan phòng và các nguyên nhân đệ nhị**

**306 1884 1951.** Thiên Chúa hoàn toàn làm chủ ý định của Người. Nhưng để thực hiện, Người cũng dùng đến sự cộng tác của các thụ tạo. Đây không phải là dấu hiệu của sự yếu kém, nhưng là dấu của sự cao cả và lòng tốt của Thiên Chúa Toàn Năng. Vì Thiên Chúa không chỉ cho các thụ tạo hiện hữu, nhưng cũng cho chúng phẩm giá tự mình hoạt động, làm nguyên nhân và nguyên lý cho nhau, và nhờ đó mà cộng tác vào việc hoàn thành ý định của Người.

**307 106,373 1954 2427 2738 618,1505.** Thiên Chúa còn ban cho con người khả năng tự do tham dự vào sự quan phòng của Người khi trao cho họ trách nhiệm "làm chủ" trái đất và thống trị nó ( x.St 1,26-28); như thế con người trở nên những nguyên nhân thông minh và tự do để hoàn tất công trình sáng tạo, làm cho công trình ấy được hài hòa trọn vẹn hầu mưu ích cho mình và cho tha nhân. Con người thường cộng tác với Thiên Chúa mà không ý thức nhưng có thể hội nhập một cách ý thức vào chương trình của Thiên Chúa bằng hành động, bằng lời cầu nguyện, bằng chính đau khổ của mình (x.

Cl 1,24). Khi đó, họ hoàn toàn trở thành "những cộng tác viên của Thiên Chúa" (1Cr 3,9; 1Th 3,2) và của Nước Trời ( x. Cl 4,11).

**308 970.** Thiên Chúa hành động trong tất cả các hành động của thụ tạo, đây là một chân lý không thể tách rời khỏi đức tin vào Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo. Người là nguyên nhân nhất tác động trong và qua các nguyên nhân đệ nhị : "Vì chính Thiên Chúa tác động nơi chúng ta, để chúng ta quyết chí và hành động theo kế hoạch Người đã đặt ra vì yêu thương" (Pl 2,13) ( x. 1Cr 12,6). Chân lý này không làm giảm bớt nhưng còn gia tăng phẩm giá của các thụ tạo. Được Thiên Chúa quyền năng, khôn ngoan và tốt lành sáng tạo từ hư không, thụ tạo không thể làm gì được nếu bị tách khỏi nguồn gốc; vì "thụ tạo mà không có Đấng Tạo Hóa thì sẽ tan biến" (GS 36, 3), nó lại càng không thể đạt tới cùng đích tối hậu của mình nếu không có sự trợ giúp của ân sủng ( x. Mt 19,26; Ga 15,5; Pl 4,13).

### **Chúa Quan phòng và sự dữ**

**309 164,385 2805.** Nếu Thiên Chúa là Cha Toàn Năng, Đấng Sáng Tạo nên thế giới có trật tự và tốt lành, chăm sóc hết mọi thụ tạo, tại sao có sự dữ ? Trước câu hỏi không thể tránh và khẩn thiết, vừa đau thương, vừa bí nhiệm này không thể có một câu trả lời ngắn gọn mà đầy đủ được. Toàn bộ đức tin Ki-tô giáo là câu trả lời cho câu hỏi này : sự tốt lành của cuộc sáng tạo, thảm kịch tội lỗi, tình yêu kiên nhẫn của Thiên Chúa, Đấng đã đi bước trước đến với con người qua các giao ước, qua việc Nhập Thể cứu chuộc của Chúa Con, qua việc ban Thánh Thần, qua việc qui tụ Hội Thánh qua sức mạnh của các bí tích, qua việc kêu gọi con người tới hưởng một cuộc sống diễm phúc mà ngay từ đầu các thụ tạo có tự do được mời gọi đón nhận, nhưng cũng ngay từ đầu chúng có

thể từ chối, do một huyền nhiệm khủng khiếp! *Không có bất cứ chi tiết nào của sự điệp Ki-tô giáo mà không là một phần của câu trả lời cho câu hỏi về sự dữ.*

**310** 412 1042, 1050 342. Tại sao Thiên Chúa không tạo dựng một thế giới thật hoàn hảo để không có một sự dữ nào xuất hiện ? Xét theo quyền năng vô biên Thiên Chúa vẫn có thể tạo dựng được điều tốt hơn ( x. T. Tô-ma A-qui-nô tổng luận . 1,25,6). Nhưng trong sự khôn ngoan và nhân hậu vô biên của Người, Thiên Chúa đã tự ý sáng tạo một thế giới trong "tiến trình" hướng về sự trọn hảo tối hậu. Theo ý định của Thiên Chúa, sự tiến hóa này gồm có việc vật này xuất hiện và vật khác biến đi, có cái hoàn hảo hơn và có cái kém hơn, có xây đắp và cũng có tàn phá trong thiên nhiên. Vì vậy bao lâu mà cuộc sáng tạo chưa đạt được sự trọn hảo của nó, thì cùng với điều tốt thể lý, cũng có *sự dữ thể lý* ( x. T. Tô-ma A-qui-nô, s.gent 3.71).

**311** 396 1849. Thiên thần và con người là những thụ tạo thông minh và tự do, nên phải tiến về cùng đích bằng một sự lựa chọn tự do và yêu chọn cái tốt hơn. Do đó họ có thể lầm lạc. Trong thực tế, họ đã phạm tội. Như vậy, sự dữ luân lý, vô cùng nghiêm trọng hơn so với sự dữ thể lý, đã xâm nhập vào thế giới. Thiên Chúa không bao giờ là nguyên nhân của sự dữ luân lý, cho dù trực tiếp hay gián tiếp ( x. T. Âu-tinh, lib 1,1,1; Th. Tô-ma Aqu, s.th, 1-2, 79,1). Tuy nhiên , vì tôn trọng tự do của thụ tạo, Người để nó xảy ra, và một cách mâu nhiệm, Người biết cách rút lấy điều lành từ sự dữ.

Thiên Chúa Toàn Năng bởi Người tốt lành vô cùng, nên không bao giờ để bất cứ một sự dữ nào xảy ra trong các công trình của Người, nếu Người không đủ quyền năng và lòng nhân lành để rút lấy điều lành từ chính sự dữ (x. T. Âu-tinh, enchir 11,3).

**312** 598-600 1994. Như thế thời gian giúp chúng ta khám phá rằng: Thiên Chúa trong sự quan phòng toàn năng có thể rút sự lành từ hậu quả của một sự dữ, cho dù là sự dữ luân lý do thụ tạo gây nên : "Giu-se nói với anh em : không phải các anh đã đưa đây tôi đến đây nhưng là Thiên chúa, ... sự dữ mà các anh đã định làm cho tôi, ý định của Thiên Chúa đã chuyển thành sự lành... để cứu sống một dân đông đảo" (St 45,8; 50,20) (x. Tb 2,12-18 vulg). Từ việc Ít-ra-en chối bỏ và hạ sát Con Thiên Chúa là sự dữ luân lý lớn nhất chưa từng có do tội lỗi của mọi người gây nên, Thiên Chúa đã rút ra được sự lành lớn nhất do sự sung mãn của ân sủng (x. Rm 5,20): Đức Ki-tô được tôn vinh và chúng ta được cứu chuộc. Tuy nhiên không vì thế mà cái xấu trở thành cái tốt được.

**313** 227. "Mọi sự đều sinh lợi ích cho ai yêu mến Thiên Chúa" (Rm 8,28). Chúng từ của các thánh không ngừng xác nhận chân lý này :

Thánh Ca-ta-ri-na thành Si-ê-na nói với "những người bất bình và nổi loạn vì những gì xảy đến cho họ": "Tất cả mọi sự đều bởi tình thương mà ra, mọi sự đều được xếp đặt để con người đạt đến ơn cứu độ. Thiên Chúa không làm gì khác ngoài mục đích đó (x. Dial 4,138).

Trước khi từ đạo ít lâu, Thánh Tô-ma More an ủi con gái mình : "Không gì xảy ra mà không do Chúa muốn. Và tất cả những gì Người muốn, cho dù có vẻ rất xấu đối với chúng ta, vẫn là cái tốt nhất cho chúng ta" (x. Lettre).

Bà Giu-li-a-na thành Norwich nói : "Nhờ ơn Chúa, tôi đã học biết phải kiên vững trong đức tin, và tin một

cách chắc chắn là tất cả mọi sự sẽ nên tốt... Và rồi bạn sẽ thấy là mọi sự sẽ nên tốt" (x. Rev 32).

**314 1040 2550.** Chúng ta tin vững vàng rằng Thiên Chúa là chủ tể thế giới và lịch sử. Nhưng thường chúng ta không biết được đường lối của Thiên Chúa quan phòng. Chỉ khi nào tới chung cuộc, lúc mà sự hiểu biết phiến diện của chúng ta kết thúc, khi chúng ta thấy Chúa "diện đối diện" (1Cr 13,12) chúng ta sẽ hiểu biết một cách trọn vẹn các đường lối này, mà Thiên Chúa đã dùng để dẫn đưa cuộc sáng tạo, dù có phải trải qua các tham trạng của sự dữ và tội, tới sự yên nghỉ của ngày *Sa-bat* ( x. St 2,2) chung cuộc, ngày mà Thiên Chúa đã nhắm đến khi tạo dựng trời và đất.

### **TÓM LƯỢC**

**315.** Với việc tạo dựng vũ trụ và con người, Thiên Chúa ban cho ta chứng cứ tiên khởi và phổ quát về tình thương toàn năng và sự khôn ngoan của Người, cũng là lời loan báo đầu tiên về "ý định nhân hậu" mà cùng đích là công trình sáng tạo mới trong Đức Ki-tô.

**316.** Tuy công trình sáng tạo được coi là của Chúa Cha, nhưng chân lý đức tin cũng dạy : Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là nguyên lý duy nhất và không thể phân chia được của công trình sáng tạo.

**317.** Chỉ có Thiên Chúa mới sáng tạo vũ trụ một cách tự do, trực tiếp, không cần một sự trợ giúp nào.

**318.** Không một thụ tạo nào có được quyền năng vô biên cần thiết để "sáng tạo" theo đúng nghĩa của thuật ngữ đó, nghĩa là làm ra những gì trước đó không có và cho chúng hiện hữu "từ hư không" (DS 3624).

**319.** Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ để biểu lộ và thông ban vinh quang của Người. Người muốn các thụ tạo được dự phần vào chân thiện mỹ của Người. Đó là sự vinh quang vì đó mà Người đã tạo dựng nên chúng.

**320.** Thiên Chúa đã sáng tạo vũ trụ thì cũng duy trì nó nhờ Ngôi Lời, "Người Con dùng lời quyền năng của mình mà duy trì vạn vật" (Dt 1,3) và nhờ Thánh Thần của Người, Đấng sáng tạo và ban sự sống.

**321.** Sự quan phòng chính là Thiên Chúa lo liệu với sự khôn ngoan và tình thương để dẫn đưa mọi thụ tạo tới cùng đích tối hậu của chúng .

**322.** Đức Ki-tô mời gọi chúng ta phó thác với tâm tình con thảo vào sự quan phòng của Cha trên trời ( x. Mt 6,26-34). Thánh Phê-rô cũng nhắc : "Mọi lo âu, hãy trút cả cho Người vì Người chăm sóc anh em" (1Pr 5,7) ( x. Tv 55,23).

**323.** Thiên Chúa quan phòng cũng hành động qua hành động của các thụ tạo. Thiên Chúa cho con người được tự do cộng tác vào các kế hoạch của Người.

**324.** Việc Thiên Chúa cho phép có sự dữ thể lý và sự dữ luân lý là một huyền nhiệm mà Thiên Chúa soi sáng nhờ Con của Người là Đức Giê-su Ki-tô, Đấng đã chết và sống lại để chiến thắng sự dữ. Đức tin giúp chúng ta xác tín rằng, Thiên Chúa sẽ không cho phép có sự dữ xảy ra nếu Người không rút được sự lành từ chính sự dữ , bằng những con đường mà chúng ta chỉ biết được trọn vẹn trong đời sống vĩnh cửu.

## TIẾT 5: TRỜI VÀ ĐẤT

**325.** Kinh Tin Kính của các tông đồ tuyên xưng: Thiên Chúa là "Đấng tạo thành trời và đất"; kinh Tin Kính của Công Đồng Ni-xê-a Con-tan-ti-nô-pô-li nói thêm..." muôn vật hữu hình và vô hình".

**326 290 1023,2794.** Trong Thánh Kinh, thuật ngữ "trời và đất" có nghĩa là tất cả những gì hiện hữu, là toàn bộ công trình sáng tạo. Thuật ngữ này cũng chỉ mối liên hệ, vừa kết hợp, vừa phân biệt trời với đất : "Đất" là thế giới của con người; ( x. Tv 115, 16) "Trời" hoặc "các tầng trời" có thể chỉ bầu trời ( x. Tv 19,2), nhưng cũng có thể chỉ "nơi" Thiên Chúa ngự : "Lạy Cha chúng con ở trên trời" (Mt 5,16) ( x. Tv 115,16); do đó, "trời" cũng là vinh quang cánh chung. Sau hết, "trời" chỉ nơi "cư ngụ" của các thụ tạo thiêng liêng tức là các thiên thần vây quanh Thiên Chúa.

**327 296.** Kinh Tin Kính của Công Đồng La-tê-ra-nô IV khẳng định Thiên Chúa "ngay lúc khởi đầu, đã tạo dựng từ hư không cả hai loài thụ tạo: loài thiêng liêng và loài có hình thể, nghĩa là các thiên thần và vũ trụ vật chất; kế đến là con người với tính chất của hai loài trên, vừa có tinh thần vừa có thể xác" ( DS 800; x. DS 3002 và SPF8).

### I. CÁC THIÊN THẦN

#### Sự hiện hữu của các thiên thần là một chân lý đức tin

**328 150.** Sự hiện hữu của các hữu thể thiêng liêng, không có thể xác, mà Thánh Kinh quen gọi là các thiên thần, là một chân lý đức tin. Thánh Kinh và Thánh Truyền đều nhất trí như thế.

## **Các thiên thần là ai ?**

**329.** Thánh Augustinô nói : "Thiên thần " chỉ chức năng chứ không chỉ bản tính. Xét về bản tính là "thuần linh". Xét về chức năng là "thiên thần". Theo hữu thể, là một thuần linh ; theo hành động, là một thiên thần ( x.Tv 103,1,15). Tự bản thể, các thiên thần là những tôi tớ và sứ giả của Thiên Chúa. Vì các ngài hằng chiêm ngưỡng "Thánh Nhan Cha Ta ở trên trời" (Mt 18,10), nên các vị là "những người đi thực hiện Lời Chúa, sẵn sàng phụng lệnh Người" (Tv 103,20).

**330.** Với tư cách là thụ tạo thuần linh, các ngài có trí năng và ý chí : các ngài là những thụ tạo có ngôi vị (x.Piô XII : DS 3891) và bất tử ( x. Lc 20,36). Các ngài hoàn hảo hơn mọi thụ tạo hữu hình. Vinh quang rực rỡ của các ngài minh chứng điều ấy ( x. Đn 10,9-12).

## **Đức Ki-tô "với toàn thể các thiên thần của Ngài"**

**331 291.** Đức Ki-tô là trung tâm của thế giới thiên thần. Các thiên thần đều thuộc về Người : "Khi Con Người đến trong vinh quang với toàn thể các thiên thần của Người" (Mt 25,31). Các thiên thần thuộc về Đức Ki-tô vì đã được dựng nên nhờ Người và cho Người : "Vì trong Người, muôn vật được tạo thành, trên trời cùng dưới đất, hữu hình với vô hình : Dầu là hàng dũng lực thần thiêng hay là bậc quyền năng thượng giới; tất cả đều do Thiên Chúa tạo dựng nhờ Người và cho Người" (Cl 1,16). Hơn nữa, các thiên thần còn thuộc về Chúa Ki-tô, vì Người đặt các ngài làm sứ giả thực hiện ý định cứu độ của Người : "Nào tất cả những vị đó không phải là những bậc thiêng liêng được trao cho một trách vụ, được sai đi phục vụ cho những kẻ sẽ được thừa hưởng ơn cứu độ sao ?"(Dt 1,14).

**332.** Ngay lúc sáng tạo (G 38,7) và suốt dòng lịch sử <150) cứu độ, các thiên thần có mặt để loan báo về ơn cứu độ và phục vụ cho việc thực hiện ý định đó. Các thiên thần đóng cửa vườn địa đàng (St 3,24), bảo vệ ông Lót (St 19), cứu Agar và con của bà ( x. St 21,17), chặn tay Áp-ra-ham (St 22,11), công bố lề luật cho dân (Cv 7,53), hướng dẫn dân Chúa ( x.Xh 23,20-23), loan báo những cuộc sinh hạ ( x.Thp 13), những ơn gọi ( x.Thp 6,11-24; Is 6,6), trợ giúp các ngôn sứ (x.1 V19,5), đó chỉ là một vài ví dụ. Cuối cùng Thiên Thần Gáp-ri-en đã loan báo việc sinh hạ của vị Tiên hô và của chính Chúa Giê-su (x. Lc 1,11.26).

**333 559.** Từ khi nhập thể cho tới khi lên Trời, Ngôi Lời luôn được các thiên thần tôn thờ và phục vụ. "Khi đưa Trưởng Tử vào thế giới loài người, Thiên Chúa nói : "Mọi thiên thần của Thiên Chúa, hết thảy phải tôn thờ Người" (Dt 1,6). Lời ca tụng của các thiên thần khi Chúa Ki-tô giáng sinh không ngừng vang lên trong lời ca tụng của Hội Thánh : "Vinh danh Thiên Chúa..." (Lc 2,14). Các thiên thần bảo vệ Đức Giê-su khi thơ ấu ( x.Mt 1,20; 2,13.19), phục vụ Người trong hoang địa ( x.Mt 4,11; Mc 1,12), đồng viên Người trong cơn lo sợ trước cái chết (x.Lc 22,43 ), dù có thể cứu Người khỏi tay các kẻ thù (x. Mt 26,53), như đã cứu dân I-t-ra-en xưa (x.2Mcb 10,29-30 ; 11,8). Chính các thiên thần "rao truyền phúc âm" (Lc 2,10) khi loan báo Tin Mừng Nhập Thể (x.Lc 2,8-14) và Phục sinh (x. Mc 16,5-7) của Đức Ki-tô. Các ngài loan báo Đức Ki-tô quang lâm (x. Cv 1,10-11), và khi Người đến, các ngài có mặt để giúp Người trong cuộc thẩm phán (x. Mt 13, 41; 24, 31;Lc 12,8-9).

### **Các thiên thần trong đời sống Hội Thánh**

**334.** Cho tới ngày Chúa quang lâm, tất cả đời sống Hội Thánh hưởng nhờ sự trợ giúp âm thầm và hữu hiệu của các thiên thần

(x. Cv 5,18-20; 8,26-29; 10,3-8; 12,6-11; 27,23-25).

**335 1138.** Trong phụng vụ, Hội Thánh liên kết với các thiên thần để tôn thờ Thiên Chúa ngàn trùng Chí Thánh (x. MR "Sanctus"). Hội Thánh khẩn cầu các thiên thần trợ giúp trong bài "Xin các thiên thần Chúa dẫn đưa bạn về thiên đàng..." của phụng vụ cầu cho tín hữu qua đời, hoặc trong "Thánh Thi Thiên Thần" của phụng vụ Bi-dan-tin, và đặc biệt kính nhớ một số thiên thần như Thánh Mi-ca-e, Gáp-ri-en, Ra-pha-en, các thiên thần hộ thủ.

**336 1020.** Các thiên thần gìn giữ (x. Mt 18,10) và cầu bầu cho ta (x. Lc 16,22) từ lúc khởi đầu (hiện hữu) (x. Tv 34,8;91,10-13) cho đến lúc chết (x. G 33,23-24; Gia. 1,12; Tb 12,12). "Mỗi tín hữu đều có một thiên thần hộ thủ để bảo trợ, và hướng dẫn đến sự sống đời đời (Th.Ba-si-li-ô, Eun 3,1)". Ngay tại thế, trong đức tin, đời sống Ki-tô hữu được tham dự vào cộng đoàn diễm phúc của các thiên thần và loài người được hợp nhất trong Thiên Chúa.

## II. THẾ GIỚI HỮU HÌNH

**337 290 293.** Chính Thiên Chúa đã sáng tạo thế giới hữu hình với sự phong phú, đa dạng và trật tự của nó. Thánh Kinh trình bày cách biểu trưng công trình của Đấng Sáng Tạo như một chuỗi sáu ngày "lao động" của Thiên Chúa và hoàn tất với sự "nghỉ ngơi" vào ngày thứ bảy (St 1,1-2,4). Về việc sáng tạo, Thánh Kinh dạy những chân lý đã được Thiên Chúa mặc khải vì ơn cứu độ chúng ta (x. DV 11), giúp chúng ta "nhận ra bản chất sâu xa cũng như giá trị và cùng đích của

sáng tạo. Cùng đích này là vinh quang của Thiên Chúa" (LG 36).

**338 297.** *Không có gì hiện hữu mà không do Thiên Chúa sáng tạo.* Vũ trụ bắt đầu khi Lời Thiên Chúa tạo dựng nó từ hư không. Tất cả mọi hiện hữu, toàn bộ thiên nhiên, toàn bộ lịch sử loài người đều bắt nguồn từ biến cố tiên khởi đó: đây là khởi điểm hình thành thế giới và bắt đầu thời gian ( x.Th. Âu-cơ-tinh, Gen.Man.1,2,4).

**339 2501 299 226.** *Mỗi thụ tạo, đều có sự tốt lành và hoàn hảo riêng.* Về mỗi công trình của "sáu ngày", Sách Thánh viết : "Và Thiên Chúa thấy thế là tốt". Chính vì được sáng tạo, mà mọi vật đều có sự vững chãi, chân thật và tốt lành cùng những định luật và trật tự riêng" (GS 36,2). Theo ý Thiên Chúa, các thụ tạo khác nhau đều phản chiếu một chút sự khôn ngoan và sự tốt lành vô biên của Thiên Chúa, mỗi thụ tạo một cách. Chính vì thế con người phải tôn trọng sự tốt lành riêng của từng thụ tạo để tránh sử dụng nó một cách bừa bãi, nếu không con người sẽ coi thường Đấng Tạo Hóa và kéo theo nhiều hậu quả nguy hại cho mình và môi sinh .

**340 1937.** *Thiên Chúa muốn các thụ tạo lệ thuộc lẫn nhau.* Mặt trời, mặt trăng, cây cối với bông hoa, phượng hoàng và chim sẻ: cảnh thiên hình vạn trạng của sự vật lớn nhỏ khác nhau nói lên rằng không thụ tạo nào có thể tự túc, nhưng tùy thuộc vào nhau, để bổ túc và phục vụ lẫn nhau.

**341 283 2500.** *Vẻ đẹp của vũ trụ.* Trật tự và sự hài hòa của thế giới xuất phát từ sự đa dạng và mối liên hệ giữa các thụ tạo. Con người dần dần phát hiện những điều ấy như là quy luật của thiên nhiên. Chúng làm các nhà thông thái phải thần phục. vẻ đẹp của thụ tạo phản chiếu vẻ đẹp vô biên của

Đấng Sáng Tạo. Vẻ đẹp này phải gọi lên nơi trí khôn và ý chí của con người sự kính trọng và phục tùng .

**342 310.** *Phẩm trật các thụ tạo* được diễn tả qua thứ tự của "sáu ngày", từ vật kém hoàn hảo tới bậc hoàn hảo hơn. Thiên Chúa thương yêu tất cả các thụ tạo ( x.Tv 145,9) và chăm sóc mỗi vật, ngay cả những con chim sẻ bé nhỏ. Về con người, Chúa Giê-su nói : "Chúng con còn đáng giá hơn cả muôn ngàn chim sẻ" (Lc 12,6-7), "Người thì quý hơn chiên biết mấy" (Mt 12,12).

**343 355.** *Con người là chóp đỉnh* của công trình sáng tạo. Trình thuật Sáng Thế diễn tả điều đó, khi phân biệt rõ ràng việc sáng tạo con người với việc sáng tạo các loài khác ( x.St 1,26).

**344 293, 1939 2416.** Tất cả các thụ tạo liên đới với nhau, vì xuất phát từ một Đấng Sáng Tạo, và vì tất cả đều được sắp đặt để làm vinh danh Thiên Chúa:

Chúc tụng Ngài, lạy Chúa, nơi tất cả các thụ tạo của Ngài; đặc biệt là anh Mặt Trời. Nơi anh, Chúa cho chúng con ánh sáng ban ngày, Anh rất đẹp, tỏa chiếu ánh huy hoàng lớn lao. Anh cho chúng con một biểu tượng về Ngài, lạy Đấng Tối Cao.

**1218.** Chúc tụng Ngài, lạy Chúa, vì chị Nước, Chị rất hữu ích và rất khiêm tốn. đáng quý và thanh khiết...

Chúc tụng Ngài, lạy Chúa, vì người mẹ chúng con là Trái Đất, cuu mang và nuôi chúng con, sản xuất các loài trái khác nhau. với bông hoa lóng lánh và rục rờ cỏ xanh...

Hãy chúc tụng và ngợi khen Chúa, Hãy tạ ơn Người và phụng sự Người với lòng khiêm tốn ( Th. Phan-xi-cô thành A-xi-xi, Trường ca tạo vật ).

**345 2168.** Ngày Sa-bat kết thúc "sáu ngày" làm việc. Sách Thánh nói : "Ngày thứ bảy, Người kết thúc công việc đã làm", như vậy "trời và đất đã hoàn tất". Ngày thứ bảy Thiên Chúa "nghỉ việc", Người thánh hóa và chúc lành cho ngày đó (St 2,1-3). Những lời được linh hứng trên đây chứa đựng rất nhiều giáo huấn có giá trị cứu độ :

**346 2169.** Trong công trình sáng tạo, Thiên Chúa đặt một nền móng và những qui luật trường tồn ( x. Dt 4,3-4). Người tín hữu có thể tin tưởng nương tựa vào đó. Đó là dấu chỉ và bảo chứng về lòng trung tín không hề lay chuyển của Thiên Chúa đối với Giao Ước ( x. Gr 31,35-37;33,19-26). Về phần mình, con người phải trung thành với nền móng này và tôn trọng những qui luật mà Đấng Sáng Tạo đã khắc ghi trên đó.

**347 1145-1152.** Công trình sáng tạo hướng về ngày sa-bát, tức là nhắm đến việc phụng thờ và tôn vinh Thiên Chúa. Việc phụng thờ được khắc ghi trong trật tự của công trình sáng tạo. Luật dòng Thánh Biển Đức có ghi : "Việc phụng thờ Thiên Chúa là việc tối thượng không còn việc gì quan trọng hơn". Đây là trật tự đúng đắn cho mọi bận tâm của con người.

**348 2172.** Ngày sa-bát là tâm điểm của lề luật Ít-ra-en. Tuân giữ các giới răn là sống theo sự khôn ngoan và ý muốn của Thiên Chúa được diễn tả trong công cuộc sáng tạo

**349 2174 1046.** Ngày thứ tám, một ngày mới đã rục rạc cho chúng ta : ngày Đức Ki-tô Sống Lại. Nếu ngày thứ

bây hoàn tất cuộc sáng tạo thứ nhất, thì ngày thứ tám khởi đầu cuộc sáng tạo mới. Như vậy, công trình sáng tạo chỉ đạt tới tột đỉnh trong công trình còn lớn lao hơn nữa là ơn cứu chuộc. Cuộc sáng tạo thứ nhất đã tìm ra ý nghĩa và đạt tới đỉnh cao trong cuộc sáng tạo mới nơi Chúa Ki-tô, sự rực rỡ của sáng tạo mới này vượt xa về huy hoàng của sáng tạo trước ( x. MR, Vọng phục sinh 24: lời nguyện sau bài đọc I ).

## **TÓM LƯỢC**

**350.** *Thiên thần là những thụ tạo thiêng liêng hằng tôn vinh Thiên Chúa và phục vụ các ý định cứu độ của Người dành cho các thụ tạo khác : "Các thiên thần cộng tác trong mọi việc lành cho chúng ta" ( Th. Tô-ma A-qui-no tổng luận. 1,114,3 ad 3).*

**351.** *Các thiên thần vây quanh Đức Ki-tô là Chúa mình. Các vị phục vụ Người, đặc biệt trong việc hoàn thành sứ mạng cứu độ nhân loại.*

**352.** *Hội Thánh tôn kính các thiên thần, vì các ngài trợ giúp Hội Thánh trong cuộc lữ hành trần thế và bảo vệ hết mọi người.*

**353.** *Thiên Chúa muốn có các thụ tạo khác biệt nhau, mỗi loài có sự tốt lành riêng của mình. Chúng phải lệ thuộc nhau và tuân theo trật tự của chúng. Tất cả các thụ tạo vật chất là để mưu ích cho con người. Con người, và tất cả vạn vật, nhờ con người, phải làm vinh danh Thiên Chúa.*

**354.** *Tôn trọng các qui luật được ghi khắc trong công trình sáng tạo và những tương quan xuất phát từ bản tính muôn vật, là một nguyên tắc của sự khôn ngoan và là một nền tảng của luân lý.*

## TIẾT 6: CON NGƯỜI

**355 1700, 343.** "Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình; Người sáng tạo họ theo hình ảnh Thiên Chúa. Người sáng tạo họ có nam có nữ" (St 1,27). Con người giữ một địa vị độc tôn trong công trình sáng tạo: con người là "hình ảnh của Thiên Chúa" (I); trong bản tính của mình, con người hợp nhất thể giới thiêng liêng và thể giới vật chất (II); con người được tạo dựng "có nam có nữ" (III); Thiên Chúa cho họ sống thân tình với Người (IV).

### I. "GIỐNG HÌNH ẢNH THIÊN CHÚA"

**356 1703 2258, 225.** Trong tất cả các thụ tạo hữu hình, chỉ con người là "có khả năng hiểu biết và yêu mến Tạo Hóa" (x.GS 12,3). Con người là "thụ tạo duy nhất trên trái đất được Thiên Chúa dựng nên cho chính họ" (x.GS 24,3) ; chỉ con người, nhờ sự hiểu biết và tình thương, được mời gọi chia sẻ sự sống của Thiên Chúa. Con người được tạo dựng vì mục đích ấy, và đó là lý do căn bản của phẩm giá con người :

295

Vì sao Ngài đã dựng con người với phẩm giá cao trọng như vậy ? Với tình thương vô biên, Ngài đã nhìn ngắm thụ tạo nơi chính mình và say mê nó. Vì thương yêu, Ngài đã tạo ra nó; vì thương yêu, Ngài cho nó khả năng hưởng phúc vĩnh cửu ( Th. Ca-ta-ri-na thành Si-en-na, dial 4,13).

**357 1935 1877.** Vì con người được dựng nên theo hình ảnh của Thiên Chúa, nên có phẩm giá là một nhân vị. Không phải là một sự vật mà là một con người. Con người có khả năng tự biết mình, tự làm chủ chính mình và tự do tự hiến và thông hiệp với những người khác. Do ân sủng, mỗi người

được mời để giao ước với Đấng Sáng Tạo, dâng lên Người một lời đáp trả tin yêu mà không ai có thể thay thế được.

**358 299, 901.** Thiên Chúa đã sáng tạo mọi sự cho con người ( x. GS 12,1; 24,3; 39,1); còn con người được sáng tạo để phụng sự, yêu mến Thiên Chúa và dâng lên Người tất cả thụ tạo :

Hữu thể nào trong cõi dương gian được quan tâm dưỡng ấy? Đó là con người, một khuôn mặt sống động lớn lao, kỳ diệu, mà dưới mắt Thiên Chúa còn quý giá hơn cả toàn thể vạn vật. Đó là con người, vì con người mà trời, đất, biển rộng và toàn thể vạn vật được hiện hữu, và vì tha thiết muốn cứu độ con người, nên Thiên Chúa đã không tiếc ban cả Con duy nhất của Người cho họ. Thiên Chúa không ngừng điều động mọi sự để nâng con người lên tới Thiên Chúa và đặt con người ngồi bên hữu Thiên Chúa ( Th. Gio-an Kim khẩu, bài giảng St 2,1).

**359 1701.** "Chỉ có mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể mới có thể làm sáng tỏ mầu nhiệm con người" (GS 22,1):

388 ,411. Thánh Phao-lô cho chúng ta biết có hai người là nguồn gốc của nhân loại : A-đam và Đức Ki-tô... "A-đam thứ nhất được tạo dựng như là một con người lãnh nhận sự sống. Còn Người kia là Đấng thiêng liêng ban sự sống. Người thứ nhất được tạo dựng do bởi người kia, do Đấng này, người thứ nhất lãnh nhận linh hồn làm cho sống... Khi tạo thành A-đam thứ nhất, A-đam thứ hai đã khắc ghi hình ảnh mình trong đó. Do đó A-đam thứ hai đã lãnh nhận vai trò và tên của A-đam thứ nhất, để không bỏ mất những gì đã

được tạo dựng theo hình ảnh của mình. A-đam đầu, A-đam cuối : người trước đã có khởi đầu, người sau sẽ tồn tại mãi mãi. Vì Người sau mới thực là Người đầu, như chính Người đã nói về mình: "Ta là Đầu và là Cuối" ( T.Phê-rô Kim Ngôn, bài giảng 117).

**360** 225, 404, 775, 831 842. Vì cùng xuất phát từ một nguồn gốc chung, *nhân loại tạo thành một thể thống nhất*. "Từ một người duy nhất, Thiên Chúa đã tạo thành toàn thể nhân loại" (Cv 17,26) ( x.Tb 8,6):

Thật là kỳ diệu, khi ta nhìn ngắm nhân loại cùng có chung một nguồn gốc nơi Thiên Chúa...; cùng có chung một bản tính, được cấu tạo như nhau và một thể xác vật chất và một linh hồn thiêng liêng; cùng có chung một mục đích trực tiếp và một sứ mệnh trong thế giới; cùng có chung một nơi cư ngụ là trái đất với những của cải, mà mọi người, do quyền tự nhiên của mình đều có quyền sử dụng để nuôi dưỡng và phát triển sự sống; cùng có chung về một cùng đích siêu nhiên là chính Thiên Chúa, mà tất cả đều phải qui hướng về Người; cùng có chung những phương thế để đạt tới cùng đích đó; cùng có chung ơn cứu độ mà Đức Ki-tô đã thực hiện cho mọi người ( Pi-ô XII enc." *summi pontificatus*"; x.NA 1).

**361** 1939. "Luật liên đới và bác ái này đảm bảo rằng mọi người thực sự đều là anh em" ( Ibid) cho dù có nhiều khác biệt phong phú giữa các con người cá nhân, các nền văn hóa, các dân tộc.

## II. "CON NGƯỜI LÀ MỘT THỰC THỂ ĐƠN NHẤT GỒM HỒN VÀ XÁC "

**362 1146,2332.** Được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, con người là một hữu thể vừa thể xác vừa tinh thần. Trình thuật Thánh Kinh diễn tả thực tại đó với một ngôn ngữ biểu tượng khi khẳng định rằng "Thiên Chúa lấy đất sét nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật"(St 2,7). Con người toàn diện được dựng nên do ý muốn của Thiên Chúa.

**363 1703.** Thánh Kinh thường dùng thuật ngữ *linh hồn* để chỉ *sự sống* con người ( x. Mt 16,25-26; Ga 15,13) hoặc toàn diện con người (Cv 2,41). Nhưng cũng dùng để chỉ cái thâm sâu nhất (Mt 26-38), giá trị nhất nơi con người ( x. Mt 10,28; 2Mca 6,30), nhờ đó con người là hình ảnh Thiên Chúa cách đặc biệt : "*linh hồn*" là *nguyên lý thuần linh* nơi con người.

**364 1004.** *Thân xác* cũng được dự phần vào phẩm giá của con người là "hình ảnh của Thiên Chúa": nó là thân xác con người chính vì được linh hồn thiêng liêng làm cho sinh động. Và chính con người toàn diện được đặt định trở nên đền thờ Chúa Thánh Thần, trong Thân Thể Chúa Ki-tô ( x. 1Cr 6,19-20; 15, 44 - 45).

2289. Tuy gồm xác và hồn, nhưng là một thực thể duy nhất, con người, nhờ có thể xác, qui tụ nơi mình những yếu tố thuộc thể giới vật chất. Nơi con người, các yếu tố ấy đạt tới tuyệt đỉnh của chúng và có thể tự do dâng lời ca tụng Đấng Tạo Hóa. Vậy con người không được khinh miệt đời sống thể xác, nhưng trái lại, con người phải coi thân xác mình là tốt đẹp và đáng tôn

trọng vì thân xác ấy do Thiên Chúa tạo dựng và phải được sống lại ngày sau hết ( GS 14,1).

**365.** Sự thống nhất xác hồn thâm sâu đến độ ta phải coi linh hồn như là "mô thể" của thân xác ( x. Cđ Vienne 1312: DS 902); nghĩa là, nhờ linh hồn thiêng liêng mà thân xác được cấu tạo từ vật chất, thành một thân xác của con người sống động. Trong con người, tinh thần và vật chất không phải là hai bản tính được nối kết lại, nhưng sự kết hợp của chúng tạo thành một bản tính duy nhất.

**366** 1005 997. Hội Thánh dạy rằng mỗi linh hồn thiêng liêng được Thiên Chúa trực tiếp tạo dựng ( x. Pi-ô XII, trong "Humani Generis", 1950: DS 3896; SPF 8 ) chứ không phải do cha mẹ "sản sinh": Hội Thánh cũng dạy rằng, linh hồn bất tử ( x. Cđ La-tran năm. 1513; DS 1440), không hư mất khi lìa khỏi xác trong giờ chết, và sẽ tái hợp trở lại với thân xác trong ngày phục sinh cánh chung.

**367** 2083. Đôi khi linh hồn được phân biệt với tinh thần. Thánh Phao-lô cầu nguyện để "trọn con người chúng ta: tinh thần, linh hồn và thân xác" được hồng ân nâng đỡ, giữ gìn, không có điều gì đáng chê trách vào ngày Chúa Quang Lâm (1Th 5,23). Hội Thánh dạy rằng sự phân biệt này không đem lại sự nhị phân trong linh hồn ( x. Cđ Con-tan-ti-nô-pô-li IV năm 870: DS 657). Thuật ngữ "tinh thần" muốn nói là con người, ngay từ khi tạo dựng, đã được Thiên Chúa qui hướng về cùng đích siêu nhiên ( x. Cđ Va-ti-can I: DS 3005; x. GS 22,5), và linh hồn nhờ ơn sủng được nâng lên để kết hợp với Người (x. Pi-ô XII, Enc "Humani Generis", 1950; DS 3891).

**368** 478, 582 1431, 1764 2517, 2562. Truyền thống linh đạo của Hội Thánh cũng nhấn mạnh đến tim. Theo nghĩa Kinh Thánh, tim là "đáy lòng con người" (Gr 31,33), từ nơi đó họ

sẽ quyết định chọn Thiên Chúa hay không ( x. Dt 6,5; 29,3; Is 29,13; Ed 36,26; Mt 6,21; Lc 8,15; Rm 5,5).

### III. "THIÊN CHÚA SÁNG TẠO CON NGƯỜI CÓ NAM CÓ NỮ"

#### Thiên Chúa muốn có sự bình đẳng và khác nhau

**369.** Người nam và người nữ *được sáng tạo*, nghĩa là họ hiện hữu do *ý muốn của Thiên Chúa* : một mặt họ hoàn toàn bình đẳng với tư cách là những nhân vị; mặt khác, họ là nam và là nữ theo cách hiện hữu riêng. "Là nam", "là nữ" đều là thực tại tốt lành do ý muốn của Thiên Chúa : người nam và người nữ có một phẩm giá không thể mất được, do Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo trực tiếp ban cho ( x. St 2,7.22). Người nam và người nữ có cùng một phẩm giá "là hình ảnh của Thiên Chúa". "Là người nam" hay "là người nữ", họ đều phản ánh sự khôn ngoan và sự tốt lành nhân hậu của Đấng Sáng Tạo .

**370** 42, 239. Đừng diễn tả Thiên Chúa theo hình ảnh loài người. Người không là nam, cũng không là nữ. Thiên Chúa thuần linh, không có sự phân biệt phái tính. Những "nét hoàn hảo" của người nam và người nữ, của người mẹ ( x. Is 49,14-15; 66,13; Tv 131,2-3), người cha, của đôi vợ chồng ( x. Hs 11,1-4; Gr 3,4-19) phản ánh phần nào sự trọn hảo vô biên của Thiên Chúa.

#### "Cho nhau" \_ "Tuy hai mà một"

**371** 1605. Khi tạo dựng con người "*có nam có nữ*", Thiên Chúa muốn họ sống cho nhau. Chúng ta biết điều này qua một số câu Sách Thánh : "Người nam ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó"

(St 2,18). Không một con vật nào có thể tương xứng với con người (St 2,19-20). Thiên Chúa lấy xương sườn người nam tạo thành người nữ và dẫn đến cho người nam; vừa trông thấy người nữ, người nam phải thốt lên một tiếng thán phục, một lời reo mừng đầy yêu thương và thông hiệp : "Đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi" (St 2,23). Người nam nhận ra người nữ như một " cái tôi" khác, một đồng loại.

**372 1652,2366.** Người nam, và người nữ được tạo dựng "cho nhau": không phải Thiên Chúa đã sáng tạo họ "chỉ có một nửa" hay "không đầy đủ " nhưng tạo dựng họ để hiệp thông với nhau, để mỗi người có thể thành "trợ tá" cho nhau; vì một đàn, họ là những con người bình đẳng với nhau ("xương của xương tôi..." ) và đàn khác, bổ túc cho nhau vì là nam và là nữ. Trong hôn nhân, Thiên Chúa kết hợp họ, để khi thành "một xương một thịt" (St 2,24), họ có thể truyền lại sự sống con người : " Hãy sinh sôi nảy nở cho nhiều, cho đầy mặt đất" ( St 1,28). Khi truyền lại sự sống con người cho dòng dõi mình, người nam và người nữ với tư cách là vợ chồng và cha mẹ, cộng tác một cách độc đáo vào công trình của Đấng Sáng Tạo (GS 50,1).

**373 307 2415.** Theo ý định của Thiên Chúa, người nam và người nữ được đặt "làm chủ" trái đất (St 1,28) như những "người quản lý" của Thiên Chúa. Quyền làm chủ này không được trở thành một sự thống trị độc đoán và phá hoại. Vì là hình ảnh của Đấng Sáng Tạo, "Đấng yêu thương tất cả những gì hiện hữu"(Kn 11,24), người nam và người nữ được gọi tham dự vào sự quan phòng của Thiên Chúa đối với các thụ tạo khác. Do đó, họ có trách nhiệm với thế giới mà Thiên Chúa giao phó cho họ.

#### **IV. CON NGƯỜI TRONG VƯỜN ĐỊA ĐÀNG**

**374 54.** Con người đầu tiên không phải chỉ được sáng tạo tốt lành mà thôi, nhưng còn được đặt trong tình thân với Đấng Tạo Hóa, hài hòa với chính mình và với vạn vật xung quanh. Tình thân và sự hài hòa này chỉ thua kém vinh quang của sáng tạo mới trong Đức Ki-tô.

**375 1997.** Khi dùng quyền giải thích một cách chân chính ngôn ngữ biểu tượng của Thánh Kinh dưới ánh sáng Tân Ước và Truyền Thống Hội Thánh, Hội Thánh dạy rằng : nguyên tổ A-đam và E-và đã được sáng tạo trong một tình trạng "thánh thiện và công chính nguyên thủy" ( x. Cđ Trente: DS 1511). Sự thánh thiện nguyên thủy ấy là "on được tham dự vào sự sống của Thiên Chúa"( LG 2).

**376 1008, 1502.** Mọi chiều kích của đời sống con người được củng cố nhờ sự chiếu tỏa ân sủng này. Bao lâu còn sống mật thiết với Thiên Chúa, con người sẽ không phải chết ( x.St 2,17; 3,19), cũng không phải đau khổ ( x.St 3,16). Sự hài hòa nội tâm nơi mỗi con người, sự hài hòa giữa người nam và người nữ ( x.St 2,25 ), sau hết sự hài hòa giữa đôi vợ chồng đầu tiên với toàn thể vạn vật, tạo nên tình trạng được gọi là "sự công chính nguyên thủy".

**377 2514.** Quyền làm chủ trái đất mà Thiên Chúa đã ban cho con người ngay từ thuở ban đầu, được thực hiện trước tiên nơi con người, là việc *làm chủ chính bản thân mình*. Con người còn nguyên tuyền và hài hòa trong chính bản thân, vì còn tự do đối với ba thứ dục tình thường làm con người nô lệ các lạc thú của giác quan, sự ham mê của cái thế gian và đề cao "cái tôi" bất chấp những đòi hỏi của lý trí.

**378 2415, 2427.** Dấu hiệu của sự thân thiện với Thiên Chúa là việc đặt con người trong vườn địa đàng ( x. St 2,8). Con người sống ở đó "để canh tác và canh gìn giữ đất đai"(St

2,15). Lao động không phải là một hình khổ ( x. St 3,17-19), nhưng là sự cộng tác của người nam và người nữ với Thiên Chúa trong việc kiến tạo toàn vẹn vật hữu hình.

**379.** Đó là tất cả sự hài hòa của tình trạng công chính nguyên thủy mà ý định của Thiên Chúa đã dành sẵn cho con người. Sự hài hòa này sẽ mất đi vì tội của nguyên tổ chúng ta.

### **TÓM LƯỢC**

380. *"Lạy Cha, Cha đã dựng nên con người giống hình ảnh Cha, và giao cho họ trách nhiệm trông coi vũ trụ, để khi phụng sự một mình Cha là Đấng tạo hóa, con người làm chủ mọi loài thọ sinh" ( MR, kinh Tạ ơn IV, 118) .*

**381.** *Con người được tiền định để họa lại hình ảnh của Con Thiên Chúa làm người - "hình ảnh của Thiên Chúa vô hình" ( Cl 1,15) hầu Chúa Ki-tô trở nên trưởng tử của muôn vàn anh chị em ( x. Ep 1,3-6; Rm 8,29).*

**382.** *Con người là "một thực thể đơn nhất gồm hồn và xác" (GS 14,1). Giáo lý đức tin khẳng định : linh hồn thiêng liêng và bất tử, được Thiên Chúa trực tiếp sáng tạo .*

**383.** *"Thiên Chúa không tạo dựng con người đơn độc : từ khởi nguyên, "Người đã tạo nên họ có nam có nữ" (St 1,27); sự liên kết giữa họ đã tạo nên xã hội đầu tiên của con người" (GS 12,4).*

**384.** *Mặc khải cho chúng ta biết tình trạng thánh thiện và công chính nguyên thủy của người nam và người nữ trước khi phạm tội: cuộc sống hạnh phúc của con người trong vườn địa đàng bắt nguồn từ tình thân với Thiên Chúa.*

## TIẾT 7: SA NGÃ

**385 309 457 1848 539.** Thiên Chúa vô cùng tốt lành nên mọi công trình của Người đều tốt đẹp. Tuy nhiên, không ai thoát được kinh nghiệm về đau khổ, về những sự dữ trong thiên nhiên, những sự dữ này hình như gắn liền với các giới hạn riêng của loài thụ tạo, và nhất là sự dữ luân lý. Sự dữ từ đâu đến? Thánh Âu-tinh nói : "Tôi đã tìm căn nguyên của sự dữ và tôi không thấy có giải đáp nào" ( x. Conf 7,7,11), và cuộc tìm kiếm đau thương của thánh nhân chỉ tìm được lối thoát lúc người hoán cải trở về với Thiên Chúa hằng sống. Vì "mâu nhiệm của sự gian ác" (2 Tx 2,7) chỉ được sáng tỏ qua "mâu nhiệm của lòng thành tín" (1 Tm 3,16). Tình yêu của Thiên Chúa được mặc khải trong Đức Ki-tô đã biểu lộ một trật cả trương độ của sự dữ và sự vĩ đại của ân sủng (x. Rm 5,20). Vậy chúng ta phải nghiệm xét vấn đề căn nguyên sự dữ với đôi mắt đức tin hướng về Đấng duy nhất đã chiến thắng nó (x. Lc.11,21-22; Ga 16,11; 1Ga 3,8).

### I. NƠI ĐÂU TỘI LỖI NGẬP TRÀN, Ở ĐÂY CHÚA CHAN AN SỬNG

#### Thực tại của tội lỗi

**386 1847.** Tội lỗi hiện diện trong lịch sử loài người. Thật là vô ích khi kiếm cách làm ngơ hoặc tránh né thực tại bi đát này bằng cách gán cho nó những tên khác. Muốn hiểu tội là gì, trước tiên phải nhận chân mỗi *tương quan mật thiết giữa con người với Thiên Chúa*. Bởi vì, ngoài mỗi tương quan đó, chúng ta không thể hiểu căn tính đích thực của tội là chối bỏ và chống đối Thiên Chúa, cho dù tội lỗi vẫn đề nặng trên đời sống và lịch sử của con người.

**387 1848 1739.** Thực tại của tội lỗi, nhất là của nguyên tội, chỉ có thể hiểu được trong ánh sáng mặc khải của Thiên Chúa. Mặc khải này giúp ta nhận biết Thiên Chúa; không có mặc khải này ta không thể nhận chân tội lỗi là gì và sẽ tìm cách giải thích nó như một khiếm khuyết trong quá trình phát triển, một nhược điểm tâm lý, một sai lầm hoặc là hậu quả tất yếu của một cơ cấu xã hội không tương xứng v.v... Chỉ khi nào nhận biết được ý định của Thiên Chúa về con người, lúc đó người ta mới hiểu tội là lạm dụng sự tự do Chúa ban cho con người được sáng tạo để yêu mến Chúa và yêu mến nhau.

### **Tội Nguyên tội - một chân lý chính yếu của đức tin**

**388 431 208 359 729.** Qua quá trình mặc khải, người ta hiểu rõ thực tại của tội hơn. Mặc dầu trong Cựu ước, dân Thiên Chúa đã đề cập đến thân phận đau thương của kiếp người qua ánh sáng lịch sử của sự sa ngã được thuật lại trong sách Sáng Thế, họ vẫn không thể nắm bắt được ý nghĩa tối hậu của lịch sử đó; lịch sử này chỉ được bày tỏ trong ánh sáng của sự chết và phục sinh của Đức Giê-su Ki-tô mà thôi. Phải biết Đức Ki-tô là nguồn ân sủng mới nhận ra A-đam là căn nguyên của tội lỗi. Được Đức Ki-tô Phục sinh cử đến, Chúa Thánh Thần - Đấng Bào Chữa đã "tố cáo tội lỗi thế gian" (Ga 16,8) bằng cách mặc khải Đấng Chuộc Tội.

**389 422.** Có thể nói giáo lý về nguyên tội là "mặt trái" của Tin Mừng loan truyền Đức Giê-su là Đấng Cứu thế, mọi người đều cần được cứu độ và ơn cứu độ được ban cho tất cả nhờ Đức Ki-tô. Nhờ có cảm thức về Đức Ki-tô ( x. 1Cr.2,16), Hội Thánh biết rõ không thể động chạm đến mặc khải về nguyên tội mà không động chạm đến Mầu Nhiệm Đức Ki-tô.

### **Để hiểu trình thuật về sự sa ngã**

**390 289.** Trình thuật về sự sa ngã (St 3) sử dụng một ngôn ngữ tượng hình, nhưng xác định một biến cố hàng đầu xảy ra vào *thời khởi nguyên lịch sử nhân loại* (x. GS 13,1). Mặc khải giúp chúng ta xác tín rằng tất cả lịch sử nhân loại đều mang dấu tích nguyên tội mà nguyên tổ đã cố tình phạm ( x. Cđ. Tren-tô: DS 1513 ; Pi-ô XII; DS 3897; Phao-lô VI bài giảng 11/7/ 1966).

## II. SA NGÃ CỦA CÁC THIÊN THẦN

**391 2538.** Đằng sau sự lựa chọn bất tuân của các nguyên tổ có một tiếng gọi quyền rũ chống lại Thiên Chúa ( x. St 3,1-5), vì ganh tị với con người, đã đưa nguyên tổ sa vào cõi chết ( x. St 2,24). Thánh Kinh và Truyền Thống của Hội Thánh đã cho nhân vật đó là một thiên thần sa ngã gọi là Xatan hay ma quỷ ( x. Ga 8,44; Kh 12,9). Hội Thánh dạy rằng thoạt đầu đó là một thiên thần tốt do Thiên Chúa tác tạo. "Chắc chắn quỷ dữ và các thứ ma quỷ khác đều được Thiên Chúa sáng tạo với bản tính tốt lành, nhưng tự chúng đã trở nên xấu" ( x. Cđ. La-tran IV năm 1215 : DS 800).

**392 1850 2482.** Kinh Thánh có nói đến một tội của các thiên thần này ( x. 2Pr 2,4). Việc sa ngã là do các thụ tạo thuần linh ấy đã tự do chọn lựa *từ chối* Thiên Chúa và Vương Triều của Người cách triệt để và dứt khoát. Cuộc nổi loạn này được phản ánh trong lời của tên cám dỗ nói với các nguyên tổ : "Các người sẽ trở nên như Thiên Chúa" (St 3, 5). Ma quỷ là kẻ "phạm tội ngay từ thuở sơ khai" (1 Ga 3,8), là "cha sự dối trá" (Ga 8,44).

**393 1033- 1037 1022.** Không phải vì Thiên Chúa thiếu lòng thương xót nhưng vì các thiên thần ấy đã chọn lựa *dứt khoát*, cho nên tội của họ không thể tha thứ được. "Sau khi sa ngã,

các thiên thần không còn có thể hỏi cái, cũng như con người không thể ăn năn sám hối sau khi chết" (T.Gio-an Đa-ma-sô f.o.2,4).

**394** 538- 540 550 2846- 2849. Thánh Kinh xác nhận ảnh hưởng tai hại của kẻ mà Đức Giê-su gọi là "tên sát nhân ngay từ lúc sơ khai"(Ga 8, 44), kẻ đã xúi giục Người bỏ sứ mệnh Chúa Cha trao phó ( x. Mt 4,1-11). "Sở dĩ Con Thiên Chúa xuất hiện là để phá hủy công việc của ma quỷ" ( 1 Ga 3,8). Điều tai hại nhất trong các công việc của ma quỷ là dùng sự dối trá để quyến rũ con người bất tuân Thiên Chúa.

**395** 309 1673 412, 2850- 2854. Thế nhưng sức mạnh của Xa-tan không phải là vô hạn. Nó chỉ là một thụ tạo, có sức mạnh vì là thuần linh nhưng vẫn là thụ tạo: nó không thể ngăn chặn công trình xây dựng Vương Triều của Thiên Chúa. Xa-tan hành động nơi trần thế do thù hận Thiên Chúa và Vương Quốc Người được thiết lập trong Đức Giê-su Ki-tô. Hành động đó gây tác hại rất nghiêm trọng về mặt tinh thần và gián tiếp cả về mặt thể lý, nơi mỗi người và nơi xã hội; hành động ấy được Chúa quan phòng để cho xảy ra, Người là Đấng điều khiển lịch sử loài người và thế giới cách mạnh mẽ mà cũng rất dịu dàng. Việc Chúa để cho ma quỷ hành động quả là một mâu nhiệm lớn, nhưng "chúng ta biết rằng : Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh lợi ích cho những ai yêu mến Người" ( Rm 8, 28).

### **III. TỘI NGUYÊN TỐ**

#### **Thiên Chúa thử thách tự do của con người**

**396** 1730, 311 301. Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Ngài và cho họ sống trong tình thân với Người. Là một thụ tạo tinh thần, con người chỉ có thể sống tình thân đó

khi tự do từng phục Thiên Chúa. Điều đó được diễn tả trong lệnh cấm con người ăn trái cây biết lành, biết dữ "vì ngày người ăn nó, người sẽ chết" (St 2, 17). "Cây biết lành biết dữ" (St 2, 17) nói lên một cách biểu tượng ranh giới mà con người là thụ tạo không thể vượt qua nhưng phải tự ý nhìn nhận và tôn trọng với lòng tín thác. Con người tùy thuộc vào Đấng Sáng Tạo, phải tuân theo các định luật tự nhiên và các tiêu chuẩn luân lý qui định việc sử dụng tự do.

### **Tội đầu tiên của con người**

**397** 1707,2541 1850 215. Con người bị ma quỷ cám dỗ, đã đánh mất lòng tín thác vào Đấng Sáng Tạo, và khi lạm dụng sự tự do, con người *đã bất tuân* mệnh lệnh của Thiên Chúa. Đó là tội đầu tiên của con người ( x. Rm 5,19). Từ đó mọi tội lỗi đều là do bất tuân Thiên Chúa và thiếu tín thác vào lòng nhân hậu của Người.

**398** 2084 2113. Trong tội này, con người đã chọn chính mình thay vì Thiên Chúa và do đó đã khinh mạn Thiên Chúa: *Con người đã chọn mình* bất chấp Thiên Chúa, bất chấp những đòi hỏi của tình trạng thụ tạo và do đó bất chấp cả điều tốt lành cho bản thân . Khi tác thành con người trong tình trạng thánh thiện, Thiên Chúa đã dành sẵn ơn "thần hóa" sung mãn trong vinh quang. Do ma quỷ cám dỗ, con người đã muốn "nên như Thiên Chúa" ( x. St 3,5) mà "không cần Thiên Chúa, qua mặt cả Thiên Chúa, và không theo Thiên Chúa" ( Th: Niaxime le Confesseur, ambig).

**399.** Kinh Thánh cho thấy những hậu quả bi đát của sự bất tuân đầu tiên đó. A-đam và E-và đã tức khắc đánh mất sự thánh thiện nguyên thủy ( x. Rm 3,23). Họ sợ hãi trước vị Thiên Chúa ( x. St 3,9-10) mà họ quan niệm cách sai lệch,

như một Thiên Chúa ganh tị, sợ mất các đặc quyền của mình ( x. St 3,5).

**400** 1607 2514, 602, 1008. Trước kia nguyên tổ sống trong sự hài hòa do tình trạng công chính nguyên thủy, nay tội đã phá hủy sự hài hòa đó, làm cho những khả năng điều khiển của linh hồn trên thể xác bị thương tổn ( x. St 3,7); sự kết hợp nam nữ trở nên căng thẳng ( x. St 3,11-13); mối quan hệ giữa họ đầy những ham muốn và thống trị ( x. St 3,16). Sự hài hòa với vạn vật bị phá vỡ : thế giới hữu hình trở nên xa lạ và thù nghịch với con người ( x. St 3,17-19). Vì con người, muôn loài đã "lâm vào cảnh hư ảo" (Rm 8, 20). Cuối cùng, hậu quả đã được báo trước rõ ràng cho tội bất tuân, nay thành hiện thực : "Con người là tro bụi sẽ trở về bụi tro" (St 3,19). *Sự chết đã xâm nhập vào lịch sử nhân loại* ( x. Rm 5,12) .

**401** 1865, 2259 1799. Từ tội đầu tiên này cả trần thế bị chìm trong tội lỗi: huynh đệ tương tàn, khởi đầu là Ca-in giết A-ben (St 4,3-15); tiếp đến là sự sa đọa của cả loài người; cũng vậy, trong lịch sử Ít-ra-en, tội thường xuyên xuất hiện, nhất là dưới dạng bất trung với Thiên Chúa Giao Ước và sự vi phạm luật Mô-sê; cả sau biến cố cứu độ của Đức Ki-tô, tội xuất hiện dưới nhiều dạng ngay giữa người Ki-tô hữu (x. 1Cr 1-6; Kh 2-3). Thánh Kinh và truyền thống Hội Thánh không ngừng nhắc nhở *tội hiện diện khắp nơi trong lịch sử loài người* :

Điều Thiên Chúa mặc khải cho ta biết, cũng được kinh nghiệm của ta xác nhận. Bởi vì nếu nhìn sâu tận đáy lòng, con người cũng khám phá ra mình hướng về sự dữ, và ngụp lặn trong muôn vàn sự dữ là những điều không thể xuất phát từ Đấng Tạo Hóa tốt lành . Nhiều khi từ chối không nhìn nhận Thiên Chúa như nguyên uỷ của mình, con người cũng đã phá đổ trật tự

phải có để đạt tới cùng đích tối hậu, đồng thời phá vỡ mọi hòa hợp nơi chính bản thân cũng như đối với những người khác và với mọi loài thụ tạo (GS 13,1).

### **Hậu quả của tội A-đam trên nhân loại**

**402 430, 605.** Mọi người đều liên lụy với tội A-đam. Thánh Phao-lô khẳng định : "Do một người bất tuân, muôn người (nghĩa là mọi người) đã mang tội" (Rm 5,19): "Cũng như vì một người duy nhất, mà tội lỗi đã xâm nhập trần gian, và tội lỗi đã gây nên sự chết. Như thế, sự chết đã lan tràn tới mọi người, bởi vì mọi người đã phạm tội" (Rm 15, 12). Thánh tông đồ đối chiếu tính phổ quát của tội lỗi và sự chết với tính phổ quát của ơn cứu độ trong Đức Ki-tô : "Cũng như vì một người duy nhất đã sa ngã mà mọi người bị kết án, thì nhờ một người duy nhất đã thực hiện lễ công chính, mọi người cũng được làm cho nên công chính, nghĩa là được sống" (Rm 5,18).

**403 2606 1250.** Theo chân thánh Phao-lô, Hội Thánh luôn dạy rằng chúng ta không thể hiểu được nỗi khốn khổ lớn lao đang đè nén con người cũng như việc họ hưởng chiêu về sự dữ và sự chết, nếu không nối kết chúng với tội A-đam và việc nguyên tổ đã truyền lại cho chúng ta một tội mà mỗi người phải mang lấy từ khi sinh ra và tội này là "cái chết của linh hồn" ( x. Cđ Tren-tô; DS. 152). Với xác tín do đức tin này, Hội Thánh ban phép Thánh Tẩy để tha tội cho cả những trẻ em chưa từng phạm tội riêng ( x. Cđ Tren-tô : DS 1514).

**404 360 50.** Bằng cách nào tội A-đam đã trở nên tội của cả nhân loại ? Toàn thể nhân loại đều ở trong A-đam "như một thân thể duy nhất của một con người duy nhất" ( T.Tô-ma A-qui-nô, mal 4-1). Do "thể thống nhất của nhân loại", mọi người đều liên lụy với tội A-đam, cũng như đồng hưởng sự

công chính của Đức Ki-tô. Tuy nhiên, việc lưu truyền nguyên tội là một mâu thuẫn mà chúng ta không thể hiểu thấu trọn vẹn. Nhưng nhờ mặc khải chúng ta biết rằng A-đam đã được hưởng nhận sự thánh thiện và công chính không phải cho riêng mình, mà cho cả bản tính nhân loại : khi chiều theo cám dỗ, A-đam và E-và phạm tội với *tính cách cá nhân* nhưng tội đó ảnh hưởng đến cả *bản tính con người* mà nguyên tổ đã truyền lại *trong tình trạng* sa đọa ( x. Cđ Tren-tô: DS.1511-1512). Tội đó đã truyền lại cho hết nhân loại qua sinh sản nghĩa là truyền lại một bản tính loài người đã mất sự thánh thiện và công chính nguyên thủy. Do đó, nguyên tội được gọi là "tội" do loại suy : đó là một thứ tội con người bị "nhiễm" chứ không phải đã "phạm"; một tình trạng, chứ không phải một hành vi.

**405 2515 1264.** Tội ấy mặc dầu truyền đến mỗi người ( x. Cđ Tren-tô: DS.1513), nhưng không hề mang tính cách một tội riêng nơi bất kỳ ai trong con cháu A-đam. Nguyên tội làm mất đi sự thánh thiện và công chính ban đầu, nhưng không làm hư hoại hoàn toàn bản tính loài người : Bản tính loài người chỉ bị thương tổn trong các khả năng tự nhiên, bị lâm cảnh mê muội, đau khổ và phải chết, ( hướng chiều về tội lỗi, hướng chiều này được gọi là "vật dục"). Khi ban cho con người đời sống ân sủng của Đức Ki-tô, bí tích Thánh Tẩy cũng xóa bỏ nguyên tội và quy hướng con người về Thiên Chúa; nhưng hậu quả của nguyên tội trên bản tính bị suy yếu và nghiêng chiều về sự dữ, vẫn tồn tại nơi con người và đòi buộc con người phải chiến đấu luôn mãi.

**406.** Giáo lý của Hội Thánh về sự lưu truyền nguyên tội đã được minh định, vào thế kỷ V, đặc biệt là qua tư duy của Thánh Âu-tinh chống lại giáo thuyết Pélagiô, và vào thế kỷ XVI, chống lại cuộc cải cách Tin Lành. Theo Pélagiô, với khả năng tự nhiên của ý chí tự do, con người không cần ơn

Thiên Chúa trợ giúp cũng có thể sống tốt lành về mặt luân lý. Ông giảm lược ảnh hưởng tội A-đam thành ảnh hưởng của một gương xấu. Ngược lại, những nhà Cải Cách đầu tiên chủ trương nguyên tội đã làm con người hoàn toàn sa đọa và tiêu hủy sự tự do của con người; họ đồng hóa tội truyền đến mỗi người với xu hướng về sự dữ mà họ cho là không thể khắc phục được. Hội Thánh làm nổi bật ý nghĩa công bố đã xác định nội dung mặc khải về nguyên tội đặc biệt tại công đồng Orange II năm 529 ( DS 371-372) và Công Đồng Tren-tô năm 1546 (x.DS 1510-1516).

### **Một cuộc chiến cam go...**

**407 2015 2852 1888.** Giáo lý về nguyên tội gắn liền với giáo lý về ơn cứu chuộc nhờ Đức Ki-tô, giúp ta biết nhận định sáng suốt về hoàn cảnh và hành động của con người nơi trần thế. Vì nguyên tổ phạm tội, ma quỷ đã phần nào thống trị trên con người, mặc dầu con người vẫn còn tự do. Hậu quả của nguyên tội là con người phải làm nô lệ dưới quyền kẻ bá chủ sự chết là ma quỷ ( x. Cđ Tren-tô : x.DS.1511 - Dt 2,14). Nếu không biết bản tính con người đã bị thương tổn, nghiêng chiều về sự dữ, người ta có nguy cơ mắc phải những lầm lẫn nghiêm trọng trong lãnh vực giáo dục, chính trị, hoạt động xã hội ( x. CA 25) và luân lý.

**408 1865.** Các hậu quả của nguyên tội và của tất cả các tội riêng của con người đưa toàn bộ thế giới vào một tình trạng tội lỗi mà chúng ta có thể dùng cách nói của Thánh Gio-an để diễn tả : "tội trần gian" (Ga 1,29). Với thành ngữ này, người ta muốn nhấn mạnh ảnh hưởng tiêu cực trên con người do các hoàn cảnh và cơ cấu xã hội, vốn là hậu quả của những tội lỗi ( x. RP 16).

**409 2516.** Hoàn cảnh bi đát của trần thế "nằm dưới ách thống trị của ác thần" (1Ga 5,19) ( x. 1Pr 5,8) làm cho cuộc sống con người trở nên một cuộc chiến đấu.

Một cuộc chiến cam go chống lại quyền lực bóng tối tiếp diễn suốt trong lịch sử nhân loại; khởi đầu từ lúc khai nguyên và sẽ kéo dài đến ngày cuối cùng như Lời Chúa phán... Dẫn thân vào cuộc chiến này, con người phải luôn luôn chiến đấu để gắn bó với sự thiện và chỉ đạt được sự thống nhất nội tâm, sau khi hết sức cố gắng với sự trợ giúp của ơn Chúa (x. GS 37,2 ).

#### **IV. "THIÊN CHÚA ĐÃ KHÔNG BỎ MẠC CON NGƯỜI DƯỚI QUYỀN SỰ CHẾT"**

**410 55, 705 1609, 2568 675.** Sau khi sa ngã, con người không bị Thiên Chúa bỏ rơi. Ngược lại, Thiên Chúa kêu mời con người và tiên báo cách huyền nhiệm sự dữ sẽ bị đánh bại và con người sa ngã sẽ được nâng dậy. Đoạn này trong sách Sáng Thế được gọi là "Tiền Tin Mừng" vì đó là lời loan báo đầu tiên về Đấng Mê-si-a cứu chuộc, về cuộc chiến đấu giữa con rắn và người nữ và về chiến thắng cuối cùng của một hậu duệ người nữ này.

**411 359,615 491.** Truyền thống Ki-tô giáo nhận ra trong đoạn trên lời tiên báo một "A-đam mới" (x. 1Cr.15,21-22.45), Đấng "vâng phục cho đến chết trên thập giá" (Pl 2,8), đã sửa lại sự bất tuân của A-đam mà còn mang lại ân sủng tràn đầy. Và lại, có nhiều giáo phụ và tiến sĩ Hội Thánh nhận ra Đức Ma-ri-a, Mẹ Đức Ki-tô, là người nữ được tiên báo trong Tiền Tin Mừng và được xem như "E-và mới". Mẹ là người đầu tiên đã thừa hưởng một cách độc nhất vô nhị chiến thắng của Đức Ki-tô trên tội lỗi : Mẹ đã không hề nhiễm vết

nhờ nguyên tội (x. Pi-ô IX - DS 2803) và nhờ ân sủng đặc biệt của Thiên Chúa, Mẹ đã không hề phạm một tội nào trong suốt cuộc đời trần thế (Cđ Tren-tô. DS.1573).

**412** 310, 395 272 1994. Nhưng tại sao Thiên Chúa lại không ngăn cản con người đầu tiên phạm tội ? Thánh Lê-ô Cả trả lời : "Ân sủng khôn tả của Đức Ki-tô, đem lại cho ta những điều tốt đẹp hơn những gì mà vì ganh ghét ma quỷ đã cướp mất" (Bài giảng 73,4), và thánh Tô-ma A-qui-nô cũng nói : "Sau khi con người đã phạm tội, không có gì ngăn cản bản tính loài người được hướng về một cứu cánh cao đẹp hơn". Thiên Chúa cho phép sự dữ xảy ra để từ sự dữ rút ra sự lành tốt hơn. Do đó, thánh Phao-lô nói : "Ở đâu tội lỗi ngập tràn, ở đấy ân sủng cũng được thông ban dư dật" (Rm 5,20); và Hội Thánh hoan ca khi chúc lành nên Phục Sinh : "Nguyên tội hỡi, tội hoá thành hồng phúc, nhờ có người, ta mới được Đấng Cứu Tinh cao cả dưỡng này" (T.Tôma S.th III,1,3 ad 3).

## **TÓM LƯỢC**

**413.** "Thiên Chúa không tạo ra sự chết. Người chẳng vui thích gì khi các sinh linh hư mất ... Cái chết đã xâm nhập vào trần thế do lòng ghen ghét của ma quỷ (Kn 1,13; 2,24)".

**414.** Sa-tan hoặc ma quỷ và các ác thần khác là những thiên thần sa đọa vì đã tự ý khước từ phục vụ Thiên Chúa và ý định của Người. Đây là một lựa chọn dứt khoát chống lại Thiên Chúa. Chúng đã có dụng ý lôi kéo con người cùng với chúng nổi loạn chống lại Thiên Chúa.

**415.** "Được Thiên Chúa đặt trong tình trạng thánh thiện, ngay từ phút đầu của lịch sử, con người nghe theo thần dữ

*nên đã lạm dụng tự do của mình khi nổi dậy chống lại Thiên Chúa và muốn đạt tới cứu cánh của mình ngoài Thiên Chúa" (GS 13,1) .*

**416.** *A-đam, con người đầu tiên, vì phạm tội đã đánh mất sự thánh thiện và công chính nguyên thủy được Thiên Chúa ban, không những cho mình mà cho cả nhân loại.*

**417.** *A-đam và E-và đã truyền lại cho hậu duệ một nhân tính bị tội đầu tiên làm tổn thương, không còn sự thánh thiện và công chính nguyên thủy. Sự mất mát đó được gọi là "nguyên tội".*

**418.** *Hậu quả của nguyên tội là bản tính loài người bị suy yếu trong các khả năng, lâm cảnh mê muội, bị sự chết thống trị, hướng chiều về tội lỗi (hướng chiều này gọi là "vật dục") và như thế, mỗi người đều mắc nguyên tội.*

**419.** *"Cùng với Công Đồng Tren-tô chúng tôi xác quyết nguyên tội được lưu truyền lại cùng với bản tính nhân loại "không phải do bất chước mà do sinh sản" và từ đó, nguyên tội trở nên của mỗi người" (SPF 16).*

**420.** *Đức Ki-tô chiến thắng tội lỗi đã mang lại cho chúng ta những ân huệ cao đẹp hơn những gì tội lỗi đã làm mất đi : "Ở đâu tội lỗi ngập tràn, ở đấy ân sủng được thông ban dư đầy" (Rm 5,20).*

**421.** *"Người Ki-tô hữu tin rằng thế giới này đã được thiết lập và giữ gìn nhờ tình yêu của Đấng Sáng Tạo, tác thành và bảo trì. Thế giới ấy đã rơi vào ách nô lệ tội lỗi; nhưng Đức Ki-tô đã nhờ cuộc khổ nạn và phục sinh bẻ gãy uy quyền của ác thần và giải thoát thế giới" (GS 2,2).*

## CHƯƠNG HAI

# TÔI TIN KÍNH ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ, CON MỘT THIÊN CHÚA

### Tin Mừng : Thiên Chúa đã cử Con Một đến

**422** 398, 2763. "Khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa đã sai Con Mình tới, sinh làm con một người nữ và sống dưới lề luật, để chuộc những ai sống dưới lề luật, hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa tử" (Ga 4,4-5). Đây là "Tin Mừng Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa" (Mc 1,1) : Thiên Chúa đã viếng thăm dân Người ( x. Lc 1,68). Người đã thực hiện lời hứa với Áp-ra-ham và con cháu ông (x.Lc 1,55). Người đã thực hiện hơn cả điều chúng ta mong ước : Người đã cử "Con yêu dấu" của Người đến (Mc 1,11).

**423.** Chúng tôi tin và tuyên xưng rằng : Đức Giê-su Na-da-rét, dưới thời Vua Hê-rô-đê cả và Hoàng đế Xê-da-rê Âu-gut-tô, sinh làm người Do Thái, con một người con gái của Ít-ra-en, tại Bê-lem, làm nghề thợ mộc, chết trên thập giá tại Giê-ru-sa-lem, thời tổng trấn Phong-xi-ô Phi-la-tô, dưới triều Hoàng đế Ti-bê-ri-ô. Người là Con Vĩnh Cửu của Thiên Chúa, "bởi Thiên Chúa mà đến" (Ga 13,3), "Đấng từ Trời xuống" (Ga 3,13; 6,33), "đến trong xác phàm" (1 Ga 4,2); vì "Ngôi Lời đã làm người và ở giữa chúng ta, chúng ta đã được nhìn thấy Vinh Quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người là Con Một đầy tràn ân sủng và chân lý (...). Từ nguồn sung mãn của Người, tất cả chúng ta đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác" (Ga 1,14.16).

**424 638 552.** Nhờ Thánh Thần tác động và nhờ Chúa Cha lôi kéo, chúng tôi tin và tuyên xưng về Đức Giê-su như sau : "Thầy là Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống" (Mt 16,16). Chính trên tảng đá đức tin này như thánh Phê-rô tuyên xưng, Đức Ki-tô đã xây dựng Hội Thánh của Người ( x.Mt 16,18; T. Lê-ô cả, bài giảng 4,3; 51,1; 62,2; 83,3).

### **"Loan báo sự phong phú khôn lường của Đức Ki-tô" (Ep 3,8)**

**425 850, 858.** Truyền đạt đức tin Ki-tô giáo, trước tiên là loan báo Đức Giê-su Ki-tô, để dẫn đưa mọi người đến chỗ tin vào Người. Ngay từ đầu, các môn đệ đầu tiên đã khao khát loan báo Đức Ki-tô : "Còn phần chúng tôi, chúng tôi không thể không công bố những gì chúng tôi đã thấy và đã nghe" (Cv 4,20) và đã kêu mời con người trong mọi thời đại vào hưởng niềm vui hiệp thông với Đức Ki-tô :

"Điều chúng tôi đã được nghe, điều chính mắt chúng tôi đã được nhìn thấy và chiêm ngưỡng, điều chính tay chúng tôi đã được sờ đến, về Lời Sự Sống; quả vậy, sự sống đã xuất hiện, chúng tôi đã nhìn thấy và xin làm chứng, chúng tôi loan báo cho anh em Sự Sống đời đời hằng ở bên cạnh Chúa Cha và nay đã xuất hiện cho chúng ta; điều chúng tôi đã được thấy, được nghe, chúng tôi xin loan báo cho anh em, để cả anh em nữa cũng được hiệp thông với chúng tôi mà chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha và Đức Giê-su Ki-tô, Con của Người. Những điều này, chúng tôi viết ra cho anh em để niềm vui của chúng tôi được trọn vẹn" (1Ga 1,1-4).

### **Trọng tâm của huấn giáo : Đức Ki-tô**

**426** 1698 513 260. "Trọng tâm của huấn giáo là một Con Người, con người của Đức Giê-su Na-da-rét, Con Một của Chúa Cha ... đã chịu khổ hình, chịu chết vì chúng ta và nay sống lại, sống mãi mãi với chúng ta .... Dạy giáo lý ... là giúp người ta khám phá nơi con người của Đức Ki-tô tất cả ý định muôn đời của Thiên Chúa. Đó là tìm hiểu ý nghĩa các hành động và lời nói của Đức Ki-tô, cùng những dấu chỉ Người thực hiện" ( CT 5). Mục đích của huấn giáo là "đưa con người đến hiệp thông với Đức Giê-su Ki-tô : chỉ một mình Người mới dẫn ta đến tình yêu Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần và cho ta thông dự vào sự sống của Thiên Chúa Ba Ngôi Chí Thánh" (Ibid )

**427** 2146 876. "Trong huấn giáo, ta giảng dạy về Đức Ki-tô, Ngôi Lời Nhập Thể và Con Thiên Chúa; tất cả những điều khác được giảng dạy quy chiếu về Người; chỉ một mình Đức Ki-tô giảng dạy, còn bất cứ ai giảng dạy đều phải giảng dạy như phát ngôn viên của Người, để Đức Ki-tô dạy qua miệng lưỡi họ... mọi giáo lý viên đều phải áp dụng cho mình lời nói nhiệm màu của Đức Giê-su : "Đạo lý tôi dạy không phải là của tôi, nhưng là của Đấng đã sai tôi" (Ga 7,16).

**428.** Người nào được mời gọi "giảng dạy về Đức Ki-tô" trước hết phải tìm "mối lợi tuyệt vời là được biết Đức Ki-tô"; phải "mất hết ... để được Đức Ki-tô và được kết hợp với Người", và để "biết Người quyền năng thế nào nhờ đã phục sinh, cùng được thông phần những đau khổ của Người, để nên đồng hình đồng dạng với Người trong cái chết của Người, với hy vọng có ngày cũng được sống lại từ trong cõi chết " (Pl 3,8-11).

**429** 851. Việc nhận biết Đức Ki-tô và tâm tình yêu mến sẽ khơi dậy nơi chúng ta khát vọng loan báo về Người, phúc âm hóa và giúp mọi người tin vào Đức Giê-su Ki-tô. Đồng

thời, người ta luôn cảm thấy cần phải đào sâu đức tin này hơn. Nhằm mục đích đó, theo thứ tự của kinh Tin Kính, trước hết chúng tôi sẽ trình bày các danh hiệu chính của Đức Giê-su : Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa, Đức Chúa (mục 2). Kế đó là các mâu nhiệm chính yếu của cuộc đời Đức Ki-tô : Nhập Thể (mục 3), Vượt Qua (mục 4 và 5) và Tôn Vinh (mục 6 và 7).

## Mục 2

# "TÔI TIN KÍNH ĐỨC GIÊSU KITÔ, CON MỘT CỦA NGÀI, LÀ CHÚA CHÚNG TÔI"

## I. ĐỨC GIÊ-SU

**430 210 402.** Trong tiếng Hip-ri, danh thánh "Giê-su" có nghĩa là "Thiên Chúa Cứu Độ". Khi truyền tin, thiên thần Gáp-ri-en gọi tên Người là Giê-su; danh xưng này vừa diễn tả căn tính, vừa diễn tả sứ mạng của Người (x. Lc 1.31). Bởi vì "chỉ một mình Thiên Chúa mới có quyền tha tội" (Mc 2,7), cho nên chính Thiên Chúa trong Đức Giê-su là Chúa Con Vĩnh Cửu làm người" sẽ cứu dân Minh khỏi tội" (Mt 1,21). Như thế, trong Đức Giê-su, Thiên Chúa qui tụ tất cả lịch sử cứu độ nhân loại.

**431 850,1441 388.** Trong lịch sử cứu độ, Thiên Chúa không chỉ bằng lòng với việc giải thoát Ít-ra-en khỏi "nhà nô lệ" (Đnl 5,6) khi đưa họ ra khỏi Ai-cập, Người còn cứu thoát họ khỏi tội lỗi nữa. Vì tội luôn là một xúc phạm đến Thiên Chúa (x.Tv 51,6), nên chỉ Thiên Chúa mới có thể tha thứ được (x.Tv 51,12). Do đó, dân Ít-ra-en càng nhận thức được tính phổ quát của tội lỗi, càng thấy chỉ có thể tìm được cứu

độ trong việc cầu khẩn danh Thiên Chúa cứu chuộc (x. Tv 79,9).

**432 589,2666 389 161.** Danh xưng Giê-su cho thấy chính danh thánh Thiên Chúa hiện diện trong con người Chúa Con ( x. Ga 3,5; Cv 2,21), Đáng làm người để cứu chuộc mọi người khỏi tội cách dứt khoát. Danh xưng Giê-su là danh xưng thần linh, danh xưng duy nhất mang lại ơn cứu độ. Từ nay mọi người có thể kêu cầu Danh Giê-su, vì nhờ mầu nhiệm Nhập Thể, danh xưng ấy đã liên kết với tất cả mọi người, đến nỗi "dưới gầm trời này không danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta nhờ vào Danh đó mà được cứu độ" (Cv 4,12) ( x. Lv 16, 15-16;GV 50,20; Dt 9,7).

**433 615.** Xưa kia, mỗi năm một lần, vị Thượng Tế kêu cầu danh Thiên Chúa Cứu Chuộc để xá tội dân Ít-ra-en, khi ông rảy máu hy tế lên bàn xá tội trong nơi cực thánh. Bàn xá tội là nơi Thiên Chúa hiện diện ( x. Xh 25,22; Lv 16,2; Ds 7,89; Dt 9,5). Khi thánh Phao-lô nói rằng "Thiên Chúa đã định cho Đức Giê-su phải đổ máu mình ra làm phương thế xá tội" (Rm 3,25), ngài muốn nói rằng qua bản tính nhân loại của Đức Ki-tô, "chính Thiên Chúa đã hòa giải nhân loại với Người"(2 Cr 5,19).

**434 2812.** Sự sống lại của Đức Giê-su tôn vinh danh Thiên Chúa cứu độ ( x. Ga 12,28), vì từ nay chính danh Giê-su bày tỏ trọn vẹn quyền năng tối thượng của "Danh hiệu trời vượt trên mọi danh hiệu" (Pl 2,9-10). Các thần dữ khiếp sợ Danh Người ( x. Cv 16,16-18). Nhờ Danh đó các môn đệ của Đức Giê-su thực hiện các phép lạ (x. Mc 16,17), bơ<150>i vì tất cả những gì họ xin Chúa Cha nhân danh Người, Chúa Cha sẽ nhận lời (x. Ga 15,16).

**435** 2667- 2668 2676. Danh xưng Giê-su là trọng tâm của kinh nguyện Ki-tô giáo. Tất cả các lời nguyện trong phụng vụ đều kết thúc bằng câu: "Nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng con". Kinh "Kính Mừng Ma-ri-a" đạt tới đỉnh cao trong câu "và Giê-su, con lòng Bà đầy ơn phúc". Lời tâm nguyện Phương Đông thường gọi là "Lời cầu khẩn Đức Giê-su : "Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa , xin thương xót con là kẻ có tội". Như Thánh Gian-Đắc (Jeanne d'Arc), nhiều Ki-tô hữu chỉ kêu tên "Giê-su" khi hấp hối.

## II. ĐỨC KI-TÔ

**436** 690,695 711-716 783. "*Ki-tô*" là phiên âm một từ Hy Lạp dịch từ tiếng Hy-pri là "Mê-si-a" nghĩa là "được xức dầu". Danh xưng này trở thành tên riêng của Đức Giê-su vì Người đã chu toàn tuyệt hảo sứ mạng thần linh bao hàm trong danh xưng đó. Quả thế, trong Ít-ra-en, những người được thánh hiến để thi hành một sứ mạng Thiên Chúa giao phó đều được xức dầu nhân danh Thiên Chúa. Đó là trường hợp của các vua ( x. 1 V 1, 39), các tư tế ( x. Xh 29,7; Lv 8,12) và đôi khi cả các ngôn sứ nữa ( x. 1V 19,16). Vậy càng đúng hơn cho trường hợp của Đấng Mê-si-a do Thiên Chúa cử đến để thiết lập dứt khoát Vương Quốc của Người ( x. Tv 2,2; Cv 4,26-27). Đấng Mê-si-a phải được Thánh Thần Chúa xức dầu ( x Is 11,2), vừa để làm Vua và tư tế ( x. Gcr 4,14; 6,13), vừa để làm ngôn sứ nữa ( x. Is 61,1; Lc 4, 16-21). Đức Giê-su đã thực hiện niềm hy vọng về Đấng Mê-si-a của Ít-ra-en qua ba sứ vụ tư tế, ngôn sứ và vương đế .

**437** 525, 486. Thiên thần đã loan báo cho các mục đồng việc Đức Giê-su ra đời như Đấng Mê-si-a đã được hứa ban cho Ít-ra-en : "Hôm nay, Đấng Cứu Độ anh em đã ra đời trong thành Vua Đa-vit, Người là Đấng Ki-tô, là Đức Chúa" (Lc 2,11). Ngay từ khởi đầu, Chúa Giê-su là "Đấng Chúa Cha đã

hiền thánh và cử xuống thế gian" (Ga 10,36), được cu rư mang như "Đấng Thánh" (Lc 1,35) trong lòng dạ trinh khiết của Đức Ma-ri-a. Thánh Giu-se được Thiên Chúa kêu gọi "đón vợ ông là bà Ma-ri-a về nhà, vì con Bà cu rư mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần" (Mt 1,20), để Đức Giê-su "mà người ta gọi là Đức Ki-tô", được bạn trăm năm của thánh Giu-se sinh ra trong dòng dõi Đa-vít, dòng dõi Thiên Chúa đã hứa ban Đấng Mê-si-a ( Mt 1, 16) ( x. Rm 1,3; 2Tm.2,8; Kh 22,16).

**438 727 535.** Việc Đức Giê-su được hiền thánh làm Đấng Mê-si-a bày tỏ sứ mạng thần linh của Người. "Chính tên của Người chỉ rõ điều đó, vì danh hiệu "Ki-tô" ám chỉ Đấng xúc dầu, Đấng được xúc dầu, và chính việc xúc dầu: Đấng xúc dầu là Chúa Cha, Đấng được xúc dầu là Chúa Con và Chúa Con được xúc dầu trong Chúa Thánh Thần, và Chúa Thánh Thần là sự xúc dầu" ( x. T. I-rê-nê, chống lạc giáo 3,18,3). Việc Đức Giê-su được hiền thánh để làm Đấng Mê-si-a từ muôn đời được mặc khải trong cuộc đời trần thế của Người, khi chịu phép rửa của ông Gio-an, lúc "Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng xúc dầu tấn phong Người" (Cv 10,38) "để Người xuất hiện trước Ít-ra-en" (Ga 1,31) như Đấng Mê-si-a. Những việc Người làm và những lời Người nói, giúp cho chúng ta nhận biết Người là "Đấng Thánh của Thiên Chúa" (Mt 1,24; Ga 6, 69; Cv 3,14).

**439 528-529 547.** Nhiều người Do Thái, kể cả một số người ngoại cùng chia sẻ niềm hy vọng của Ít-ra-en, đã nhận ra nơi Đức Giê-su những nét cơ bản của "Con vua Đa-vít" là Đấng Mê-si-a mà Thiên Chúa đã hứa ban cho Ít-ra-en ( x. Mt 2,2; 9,27, 12,23; 15,22; 20,30; 21,9.15). Đức Giê-su đã chấp nhận danh hiệu Mê-si-a mà Người có quyền lãnh nhận ( x. Ga 4,25-26; 11,27;), nhưng một cách dè dặt vì danh hiệu này bị một số người đương thời hiểu theo một quan niệm trần tục

( x. Mt.22,41-46) nặng phần chính trị ( x. Ga 6,15; Lc.24,21).

**440 552 550 443.** Khi thánh Phê-rô tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Mê-si-a, Người chấp nhận và liền đó tiên báo cuộc khổ nạn của Con Người. ( x. Mt.16,16-23). Người đã mặc khải vương quyền Đấng Mê-si-a của Người, một mặt hệ tại căn tính siêu việt của Con Người " từ trời xuống" (Ga 3,13) ( x. Ga 6,62; Đn 7,13) và mặt khác trong sứ mệnh cứu chuộc như Người Tôi Tớ đau khổ : "Con Người đến, không phải để được kẻ hầu người hạ nhưng là để hầu hạ, và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người" (Mt 20,28) ( x. Is 53,10-12). Do đó ý nghĩa thật sự về vương quyền của Người chỉ được biểu lộ trên Thập Giá ( x. Ga 19,11-22; Lc 23,39-43). Chỉ sau khi sống lại, Vương Quyền Mê-si-a này mới được thánh Phê-rô công bố trước mặt dân Thiên Chúa : "Vây toàn thể nhà Ít-ra-en phải biết chắc điều này : Đức Giê-su mà anh em đã treo trên Thập Giá, Thiên Chúa đã đặt Người làm Đức Chúa và làm Đấng Ki-tô" (Cv 2,36).

### III. CON MỘT ĐỨC CHÚA CHA

**441.** Trong Cựu Ước "*Con Thiên Chúa*" là danh hiệu ban cho các thiên thần ( x. Đnl (LXX) 32,8; G 1,6), dân được tuyển chọn ( x. Xh 4,22; Hs 11,1; Gr 3,19; GV 36,11; Kn 18,13), con cái Ít-ra-en ( x. Đnl 14,1; Hs 2,1) và các vị vua của họ ( x. 2Sm 7,14; Tv 82,6). Trong những trường hợp ấy, danh hiệu này nói lên quan hệ nghĩa tử. Quan hệ này tạo ra những mối liên hệ thân tình đặc biệt giữa Thiên Chúa và thụ tạo. Khi được gọi là Con Thiên Chúa ( x. 1Sbn 17,13; Tv 2,7), vị Vua Mê-si-a của lời hứa không nhất thiết phải trở vượt hơn phạm nhân, nếu theo sát nghĩa đen của các bản văn. Những người coi Đức Giê-su như Đấng Mê-si-a của Ít-ra-en ( x. Mt 27,54) có lẽ cũng không muốn nói gì hơn (x. Lc.23,47).

**442 552 424.** Trường hợp thánh Phê-rô thì khác, vì khi ông tuyên xưng Đức Giê-su là "Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống" (Mt 6,16), Đức Giê-su đã long trọng trả lời : "Phàm nhân không tài nào *mặc khải* cho anh điều đó được, nhưng chính là *Cha của Thầy*, Đấng ngự trên trời đã mặc khải cho anh" (Mt 16,17). Cũng thế, thánh Phao-lô khi đề cập đến việc ngài hoán cải trên đường đi Đa-mát đã nói : "Thiên Chúa đã chọn tôi từ khi tôi còn trong lòng mẹ, đã kêu gọi tôi, Người đã thương mặc khải Con của Người cho tôi, để tôi loan báo về Con của Người cho các dân ngoại..." (Gl 1,15-16). "Lập tức, ông bắt đầu rao giảng trong các hội đường rằng Đức Giê-su là Con Thiên Chúa" (Cv 9,20). Điều này ngay từ đầu đã trở thành trọng tâm của đức tin tông truyền ( x. Ga 20,31) do chính thánh Phê-rô là người tuyên xưng đầu tiên với tư cách là nền tảng Hội Thánh (x.Mt 16,18).

**443 2786.** Nếu thánh Phê-rô có thể nhận ra Đức Giê-su Mê-si-a là Con Thiên Chúa trong tính chất siêu việt thì rõ ràng là nhờ Chúa đã giúp cho ông hiểu như thế. Trước công nghị khi những kẻ buộc tội hỏi : "Vậy Ông là Con Thiên Chúa sao? " Đức Giê-su trả lời : "Đúng như các ông nói đó, Tôi là Con Thiên Chúa" (Lc 22,70) ( x.Mt 26,64; Mc.14,61). Trước đó, Người tự xưng mình là "Con" biết rõ Cha ( x.Mt.11,27; 21,37-38); Người phân biệt mình với các "tôi tớ" khác mà trước kia Thiên Chúa đã sai đến với dân; Người ( x.Mt.21,34-36) vượt trên cả các thiên thần ( x.Mt.24,36). Người cho thấy tư cách là "Con" của Mình khác với các môn đệ vì không bao giờ Người gọi "Cha chúng ta", trừ lúc ra lệnh : "*Anh em* phải cầu nguyện như thế này : "Lạy Cha chúng con" ( x.Mt.5,48; 6,8; 7,21; Lc.11,13) (Mt 6,9). Và Người nhấn mạnh sự khác biệt đó : "Cha của Thầy và Cha của anh em" ( Ga 20,17).

**444** 536, 554. Vào hai thời điểm quan trọng, Phép Rửa và Hiến Dung của Đức Ki-tô, các sách Tin Mừng ghi lại tiếng Chúa Cha gọi Đức Giê-su là "Con yêu dấu" ( x.Mt.3,17; 17,5) của Người. Chính Đức Giê-su cũng tự xưng là "Con Một của Thiên Chúa" (Ga 3,16) và qua danh hiệu đó, xác nhận Mình tiền hữu từ muôn thuở ( x.Ga 10,36). Người đòi phải tin vào "danh Con Một Thiên Chúa" (Ga 3,18). Lời tuyên xưng này của Ki-tô giáo đã xuất hiện ngay từ trong tiếng kêu của viên đại đội trưởng đứng đối diện với Đức Giê-su trên Thập Giá : "Quả thật ông này là Con Thiên Chúa" (Mc 15,39). Chỉ trong mầu nhiệm Phục Sinh, người tín hữu mới hiểu được đầy đủ danh hiệu "Con Thiên Chúa".

**445** 653. Sau Phục sinh, bản tính Con Thiên Chúa của Đức Ki-tô mới tỏ rạng trong quyền năng nhân tính được tôn vinh. "Xét như Đấng đã được Thánh Thần thánh hóa, do việc Người từ cõi chết sống lại, Người đã được đặt làm Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng" (Rm 1,4) ( x. Cv 13,33). Các tông đồ có thể tuyên xưng : "Chúng tôi đã được nhìn thấy vinh quang của Người, vinh quang mà Chúa Cha ban cho Người là Con Một đầy tràn ân sủng và chân lý" (Ga 1,14).

#### **IV. ĐỨC CHÚA**

**446** 209. Trong bản dịch các sách Cựu ước ra tiếng Hy Lạp, danh xưng khôn tả "Yahvê" mà Thiên Chúa mặc khải cho Mô-sê, được dịch là "Kyrios" (*Đức Chúa*). Từ đó, "Đức Chúa" trở thành danh xưng thông dụng nhất để chỉ chính thiên tính của Thiên Chúa Ít-ra-en. Tân Ước không những dùng nghĩa mạnh của danh xưng "Đức Chúa" để nói về Chúa Cha, nhưng thêm điều mới là dùng cả cho Đức Giê-su, được nhìn nhận là Đức Chúa như chính Thiên Chúa vậy ( x. 1Cr 2,8).

**447 548.** Chính Đức Giê-su cũng tự nhận danh hiệu ấy một cách kín đáo khi tranh luận với các người Pha-ri-sêu về ý nghĩa thánh vịnh 110 ( x. Mt 22,41-46; Cv 2, 34-36; Dt 1,13) và một cách rõ rệt khi nói chuyện với các Tông đồ. Trong suốt thời công khai, Đức Giê-su thực hiện những hành vi đầy quyền năng trên thiên nhiên, bệnh tật, ma quỷ, sự chết và tội lỗi; điều này cho thấy Người có quyền tối thượng của Thiên Chúa.

**448 208, 683 641.** Trong các sách Tin Mừng, người ta thường gọi Đức Giê-su là "Chúa". Danh hiệu này chứng tỏ rằng những kẻ đến gần Người đều tôn trọng và tin tưởng vào Người, mong đợi Người cứu giúp và chữa lành ( x. Mt 8,2; 14,30;15,22). Nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, khi tuyên xưng như vậy, người ta cũng nhìn nhận Đức Giê-su là Thiên Chúa ( x. Lc 1,43; 2,11). Sau khi Đức Giê-su Phục sinh, cách tuyên xưng này diễn tả tâm tình thờ lạy : "Lạy Chúa của con! lạy Thiên Chúa của con!" (Ga 20,28). Và còn mang thêm sắc thái yêu thương trìu mến là nét riêng của truyền thống Ki-tô giáo, như khi Gio-an nói nhỏ với Phê-rô: "Chúa đó" (Ga 21,7).

**449 461 653.** Khi dành cho Đức Giê-su danh hiệu thần linh là Đức Chúa, những lời tuyên xưng đức tin của Hội Thánh xác nhận ngay từ đầu ( x. Cv 2,34-36) rằng quyền năng, danh dự và vinh quang của Chúa Cha cũng thuộc về Chúa Giê-su ( x .Rm 9,5; Tt 2,13; Kh 5,13), vì Người có "địa vị ngang hàng với Thiên Chúa" (Pl 2,6), và Chúa Cha đã bày tỏ quyền tối thượng của Đức Giê-su khi cho Người sống lại từ cõi chết và biểu dương Người trong vinh quang ( x. 1Cr 12,3; Pl 2,9-11; Rm 10,9).

**450** 668,672 2242. Ngay từ đầu lịch sử Ki-tô giáo, khi xác nhận quyền Chúa tể của Đức Giê-su trên trần thế và trên lịch sử ( x. Kh 11,15), Ki-tô Giáo khẳng định rằng : con người không được dùng tự do cá nhân để từng phục bất cứ quyền bính trần thế nào cách tuyệt đối, mà chỉ từng phục Thiên Chúa Cha và Chúa Giê-su Ki-tô : Xê-da-rê không phải là "Đức Chúa" ( x. Mc 12,17; Cv 5,29). "Hội Thánh tin rằng... chìa khóa trung tâm và cứu cánh của mọi lịch sử con người chỉ tìm thấy trong Chúa và Thầy của mình" ( x. GS 10,2; 45,2).

**451** 2664- 2665 2817. Kinh nguyện Ki-tô giáo đầy những lời kêu cầu danh hiệu "Chúa", như khi mời gọi cầu nguyện : "Chúa ở cùng anh chị em", hay khi kết thúc lời nguyện "nhờ Đức Giê-su Ki-tô Chúa chúng con", hoặc trong tiếng kêu đầy tín thác và hy vọng "*Ma-ran a-tha*" ("Chúa đến!") hay "*Ma-ra-na tha*" ("Lạy Chúa, xin Chúa đến") (1 Cr 16,22); "A-men, lạy Chúa Giê-su, xin ngự đến" (Kh 22,20).

## **TÓM LƯỢC**

**452.** *Danh xưng "Giê-su" có nghĩa là "Thiên Chúa Cứu Độ". Hai nhi sinh làm con Đức Trinh Nữ Ma-ri-a được gọi là "Giê-su", "vì chính Người sẽ cứu thoát Dân Người khỏi tội lỗi" (Mt 1,21). "Dưới gầm trời này, không có một danh nào khác đã được ban cho nhân loại, để chúng ta phải nhờ vào danh đó mới được cứu độ" (Cv 4,12).*

**453.** *Danh xưng "Ki-tô" có nghĩa là "được xức dầu", "Đấng Mê-si-a ". Đức Giê-su là Đấng Ki-tô vì "đã được Thiên Chúa xức dầu bằng Thánh Thần và quyền năng" (Cv 10,38). Người là "Đấng phải đến" (Lc 719), là đối tượng của "niềm hy vọng của Ít-ra-en" (Cv 28,20).*

**454.** Danh xưng "Con Thiên Chúa" nói lên mối tương quan duy nhất và hằng hữu giữa Đức Giê-su Ki-tô và Thiên Chúa Cha của Người: Người là Con Một của Chúa Cha ( x. Ga 1,14.18; 3,16.18) và là chính Thiên Chúa ( x. Ga 1,1) là điều cần thiết trở nên người kitô hữu.

**455.** Danh xưng "Chúa" nói lên quyền tối thượng của Thiên Chúa. Tuyên xưng hay kêu cầu Đức Giê-su là Chúa có nghĩa là tin vào thiên tính của Người. Nếu không được Thánh Thần giúp sức, không ai có thể nói "Giê-su là Đức Chúa" (1 Cr 12,3).

### Mục 3

## “CHÚA GIÊSU KITÔ ĐÃ THỤ THAI BỞI CHÚA THÁNH THẦN, NGÀI ĐÃ SINH RA BỞI TRINH NỮ MARIA”

### TIẾT 1 : CON THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI

#### I. TẠI SAO NGÔI LỜI HÓA THÁNH NHỤC THỂ?

**456.** Cùng với kinh Tin Kính Ni-xê-a Con-tan-ti-nô- pô-li, chúng ta tuyên xưng "Vì loài người chúng ta và để cứu rỗi chúng ta, Người đã từ trời xuống thế. Bởi phép Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Ma-ri-a và đã làm người".

**457 607.** Ngôi Lời đã làm người để cứu độ chúng ta, bằng cách giao hòa chúng ta với Thiên Chúa: "Chính Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta và sai Con của Người đến hy sinh làm của lễ đền tội cho chúng ta" (1 Ga 4, 10). "Chúa Cha đã sai Con của Người đến làm Đấng Cứu Độ thế gian" (1 Ga 4,14). "Đức Giê-su đã xuất hiện để xoá bỏ tội lỗi" (1 Ga 3,5).

385. Bản tính chúng ta vì bệnh hoạn nên cần được chữa lành, vì sa ngã nên cần được nâng lên, vì đã chết nên cần được phục sinh. Chúng ta đã đánh mất quyền sở hữu điều lành nên cần phải lấy lại, bị vây hãm trong bóng tối, nên cần đến ánh sáng, bị tù đầy nên mong Đấng Cứu Độ, bị giam cầm, nên đợi tiếp cứu; bị nô lệ nên chờ Đấng giải phóng. Những lý do ấy không quan trọng sao ? Nhân loại đang chìm trong khôn cùng và bất hạnh, lẽ nào Thiên Chúa không động lòng mà hạ cố xuống tận bản tính con người để viếng thăm sao? ( T. Ghê-gô-ri-ô thành Nít-xê, hay giáo lý 15)

**458 219.** Ngôi Lời đã làm người để giúp chúng ta nhận ra tình thương của Thiên Chúa : " Đây là cách Thiên Chúa biểu lộ tình yêu đối với chúng ta : Người đã sai Con Một giáng trần để nhờ Con Một của Người mà chúng ta được sống" (1 Ga 4,9). "Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi ban Con Một, để ai tin vào Con Một của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời" (Ga 3,16).

**459 520, 823 2012 1717, 1965.** Ngôi Lời đã làm người để trở thành mẫu mực thánh thiện cho chúng ta. "Anh em hãy mang lấy ách của tôi và hãy học gương tôi"(Mt 11,29). "Chính Thầy là đường, là sự thật và là sự sống; không ai có thể đến với Chúa Cha mà không qua Thầy" (Ga 14,6). Và trên núi Hiên Dung, Chúa Cha đã ra lệnh: "Hãy vâng nghe lời Người" (Mc 9,7) ( x. Đnl 6,4-5). Người đúng là khuôn mẫu

về các mối chân phúc và là qui tắc của Luật mới : "Anh em hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương anh em" (Ga 15,12). Tình yêu này đòi hỏi chúng ta hy sinh cho anh em theo gương của Chúa ( x. Mc 8,34).

**460** 1265, 1391 1988. Ngôi Lời đã làm người để chúng ta được "thông phần bản tính Thiên Chúa" (2 Pr 1,4). "Ngôi Lời làm người, Con Thiên Chúa làm con loài người : chính là để cho con người, khi kết hợp với Ngôi Lời và lãnh nhận tử hệ thần linh, được trở nên con cái Thiên Chúa" ( T.I-rê-nê, chống lạc giáo 3,19,1). "Vì Con Thiên Chúa đã làm người để biến chúng ta thành Thiên Chúa" ( T.A-ta-na-si-ô, Nhập Thể 54,3). "Con Một Thiên Chúa, bởi muốn cho chúng ta được thông phần thiên tính của Người, nên đã mang lấy bản tính chúng ta, để vì đã làm người, Người biến chúng ta thành thần thánh" ( Th.Tô-ma A-qui-nô, Tiểu phẩm 57 về ngày lễ Thánh Thể 1).

## II. NHẬP THỂ

**461** 653, 661 449. Theo cách nói của thánh Gio-an "Ngôi Lời đã trở thành nhục thể" (Ga 1,14), Hội Thánh gọi sự kiện Con Thiên Chúa mang lấy một bản tính nhân loại để thực hiện trong bản tính ấy việc cứu độ chúng ta, là "Nhập Thể". Trong một thánh thi do thánh Phao-lô ghi lại, Hội Thánh hát mừng mầu nhiệm nhập thể như sau :

"Giữa anh em với nhau, anh em hãy có tâm tình như chính Đức Ki-tô Giê-su : Đức Giê-su Ki-tô, vốn dĩ là Thiên Chúa, mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa, nhưng đã hoàn toàn trút bỏ vinh quang, mặc lấy thân nô lệ, trở nên giống phàm nhân. Đã sống như người trần thế. Người

lại còn hạ mình vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây Thập Giá" (Pl 2,5-8).

**462.** Thư Do Thái cũng nói về mầu nhiệm ấy như sau :

"Vì vậy, khi vào trần gian Đức Ki-tô nói : Chúa đã không ưa hy lễ và hiến tế, nhưng đã tạo cho con một thân thể. Chúa cũng chẳng thích lễ toàn thiêu và lễ xá tội. Bây giờ con mới thừa : Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài" (Dt 10, 5-7, trích Tv 40, 7-9, bản LXX).

**463 90.** Tin vào mầu nhiệm Con Thiên Chúa Nhập thể là dấu chỉ đặc thù của đức tin Ki-tô giáo. "Căn cứ vào điều này mà anh em nhận ra Thần Khí của Thiên Chúa: Thần Khí nào tuyên xưng Đức Giê-su Ki-tô là Đấng đã xuống thế làm người, thì Thần Khí ấy bởi Thiên Chúa" (1 Ga 4,2). Đó cũng là niềm hân hoan xác tín của Hội Thánh ngay từ buổi đầu, khi hát mừng "cao cả thay mầu nhiệm đức tin" : "Đức Ki-tô xuất hiện trong thân phận người phàm" (1 Tm 3,16).

### **III. THIÊN CHÚA THẬT và NGƯỜI THẬT**

**464 88.** Con Thiên Chúa nhập thể, là biến cố độc nhất vô nhị, sự kiện này không có nghĩa là Đức Giê-su Ki-tô một phần là Thiên Chúa, một phần là người; cũng không có nghĩa Người là kết quả của sự pha trộn giữa hai bản tính thần linh và nhân loại. Người thật sự đã làm người mà vẫn thật sự là Thiên Chúa. Đức Giê-su Ki-tô là Thiên Chúa thật và là người thật. Hội Thánh đã phải bảo vệ và minh giải chân lý đức tin này suốt những thế kỷ đầu tiên để chống lại các lạc thuyết.

**465 242.** Các lạc thuyết đầu tiên phủ nhận nhân tính hơn là chối bỏ thần tính của Đức Ki-tô (Áo thân thuyết,

thuộc nhóm Ngô đạo). Ngay từ thời các tông đồ, đức tin Ki-tô giáo nhấn mạnh đến việc nhập thể đích thực của Con Thiên Chúa "đến trong xác phàm" (1 Ga 4,2-3; 2 Ga 7). Nhưng từ thế kỷ thứ III, Hội Thánh trong Công Đồng họp tại thành An-ti-ô-ki-a phải khẳng định chống lại Phao-lô thành Xa-mo-xa-tê, rằng : Đức Giê-su Ki-tô là Con Thiên Chúa do bản tính chứ không phải do được nhận làm nghĩa tử. Công Đồng chung thứ I, họp tại Ni-xê-a vào năm 325, tuyên xưng trong kinh Tin Kính rằng : Con Thiên Chúa "được sinh ra chứ không phải được tạo thành, đồng bản thể với Chúa Cha"; và kết án A-ri-ô là người cho rằng "Con Thiên Chúa đã xuất tự hư không" (x. DS 130 và "có một bản thể khác với Chúa Cha" (DS 126).

**466 495.** Lạc thuyết Nét-tô-ri-ô cho rằng Đức Ki-tô là một ngôi vị nhân loại liên kết với ngôi vị thần linh của Con Thiên Chúa. Chống lại lạc thuyết này, Thánh Xy-ri-lô thành A-lê-xan-ri-a và Công Đồng chung thứ III họp tại Ê-phê-sô năm 431 đã tuyên xưng : "Ngôi Lời đã làm người khi kết hợp trong ngôi vị mình một thân xác do một linh hồn làm cho sống động" (x. DS 250). Nhân tính của Đức Ki-tô không có một chủ thể nào khác ngoài ngôi vị thần linh của Con Thiên Chúa, Đấng từ lúc tượng thai đã nhận lấy nhân tính ấy làm của mình. Về vấn đề này, Công Đồng chung Ê-phê-sô năm 431 công bố rằng : Đức Ma-ri-a thực sự trở thành Mẹ Thiên Chúa qua việc Con Thiên Chúa làm người trong lòng Mẹ. "Đức Ma-ri-a là Mẹ Thiên Chúa, không phải vì Ngôi Lời đã nhận thiên tính của Người từ nơi Mẹ, nhưng vì chính từ Mẹ mà Người đã nhận được một thân xác thánh thiêng có linh hồn; Ngôi Lời đã liên kết với thân xác ấy ngay trong ngôi vị của mình, vì thế chúng ta nói : "Ngôi Lời đã sinh ra làm người " (DS 251).

**467.** Những người chủ trương thuyết Nhất Tính khẳng định : trong Đức Ki-tô, bản tính con người đúng nghĩa không còn tồn tại vì được ngôi vị thần linh của Con Thiên Chúa đảm nhận. Để chống lại lạc thuyết này, Công Đồng chung thứ IV, họp tại Can-xê-đô-ni-a năm 451, tuyên xưng :

"Cùng với các thánh phụ, chúng tôi đồng thanh dạy và tuyên xưng Một Ngôi Con Duy Nhất, Đức Giê-su Ki-tô Chúa chúng ta, trọn vẹn trong thiên tính và trọn vẹn trong nhân tính, đích thực là Thiên Chúa và đích thực là người, gồm một linh hồn và một thân xác, đồng bản thể với Chúa Cha theo thiên tính, đồng bản thể với chúng ta theo nhân tính, "giống chúng ta về mọi phương diện, ngoại trừ tội lỗi" (Dt 4,15), được Chúa Cha sinh ra từ trước muôn đời theo thiên tính, và trong thời sau hết này, vì loài người chúng ta và để cứu độ chúng ta, được sinh ra bởi Đức Trinh nữ Ma-ri-a Mẹ Thiên Chúa, theo nhân tính.

Trong cùng một Đức Ki-tô duy nhất, là Đức Chúa, là Chúa Con duy nhất, chúng ta phải tin nhận có hai bản tính, không lẫn lộn, không thay đổi, không phân chia, không tách biệt. Sự khác biệt giữa hai bản tính không hề bị mất đi do việc kết hợp, nhưng các đặc điểm của mỗi bản tính đã được bảo tồn và hợp nhất trong cùng một ngôi vị duy nhất và một ngôi hiệp duy nhất" (DS 301-302).

**468 254 616.** Sau Công Đồng Can-xê-đô-ni-a một số người biến nhân tính của Đức Ki-tô thành một chủ thể hữu ngã. Công Đồng chung thứ V, họp tại Con-tan-ti-no-pô-li năm 553, tuyên xưng chống lại họ : "Chỉ có một ngôi hiệp (hay ngôi vị) duy nhất, là Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, *Một trong Ba Ngôi*" (x.DS 424). Như vậy, tất cả những gì thuộc

nhân tính của Đức Ki-tô, không chỉ các phép lạ, nhưng cả những đau khổ và cái chết (x.DS 424 ) đều thuộc về Ngôi Vị Thiên Chúa của Người như chủ thể riêng của chúng (x.Cđ Ê-phê-sô : (DS 255) : "Đức Giê-su Ki-tô Chúa chúng ta, Đấng bị đóng đinh vào thập giá nơi thân xác, là Thiên Chúa thật, là Đức Chúa vinh quang và là một trong Ba Ngôi chí thánh" (DS 432).

**469 212.** Như thế, Hội Thánh tuyên xưng rằng Đức Giê-su là Thiên Chúa thật và là người thật, không thể tách rời. Người thật sự là Con Thiên Chúa đã làm người, là anh em của chúng ta, nhưng vẫn luôn là Thiên Chúa, Chúa chúng ta :

Phụng vụ Rô-ma ca mừng : "Trước sau Người vẫn là Thiên Chúa nhưng Người đã nhận lấy thân phận thể nhân" (x.Điệp ca kinh sáng ngày 1-1; T. Lê-ô Cả, bài giảng 21, 2-3). Bản phụng vụ theo thánh Gio-an Kim Khẩu hân hoan công bố : "Ôi lạy Con Một duy nhất và là Ngôi Lời Thiên Chúa, vốn là bất tử, nhưng để cứu độ chúng con, Ngài đã đoái thương nhập thể trong lòng Đức Ma-ri-a, mẹ Thiên Chúa trọn đời đồng trinh. Ngài vẫn là Thiên Chúa nhưng đã làm người và đã chịu đóng đinh vào thập giá, ôi lạy Đức Ki-tô Thiên Chúa, Ngài đã dùng cái chết của mình mà đập tan sự chết, Ngài là một trong Ba Ngôi chí thánh, được tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, xin cứu độ chúng con" ( Đoàn khúc "Ôi Lạy Con Một Thiên Chúa ").

#### **IV. "CON THIÊN CHÚA LÀM NGƯỜI" NHƯ THỂ NÀO ?**

**470 516 626.** Trong sự kết hợp kỳ diệu của màu nhiệm Nhập Thể, "bản tính nhân loại được đảm nhận, chứ không bị tan biến" (x.GS 22,2), nên trải qua dòng lịch sử, Hội Thánh tuyên xưng Đức Giê-su có một linh hồn thật với mọi hoạt động tri thức và ý chí, và một thân xác thật của con người. Nhưng đồng thời Hội Thánh luôn nhắc rằng bản tính nhân loại của Đức Ki-tô đã được Ngôi Vị thần linh của Con Thiên Chúa đảm nhận, nên thuộc riêng về Ngôi Vị ấy. Trong Ngôi Vị đó, tất cả những gì là con người và hành động của người đều là của "một trong Ba Ngôi Thiên Chúa". Như vậy, Con Thiên Chúa thông truyền cho nhân tính Người cách thức hiện hữu riêng của bản vị mình trong Ba Ngôi. Do đó, trong linh hồn cũng như trong thân xác Người, Đức Ki-tô biểu lộ theo cách thể nhân loại cùng cách hành xử của Thiên Chúa Ba Ngôi (x. Ga 14,9-10).

2599. Con Thiên Chúa đã làm việc với đôi tay con người, suy nghĩ bằng trí óc con người, hành động theo một ý chí con người, yêu mến bằng quả tim con người. Sinh làm con Đức Trinh nữ Ma-ri-a, Người đã thật sự trở nên một người giữa chúng ta, giống chúng ta về mọi phương diện, ngoại trừ tội lỗi (GS 22,2).

### **Linh hồn vêt sự hiểu biết nhân loại của Đức Ki-tô :**

**471 363.** A-pô-li-na-ri-ô thành Lao-đi-xê cho rằng trong Đức Ki-tô, Ngôi Lời đã thay thế cho linh hồn hay tinh thần. Để chống lại lạc thuyết này, Hội Thánh tuyên xưng : Ngôi Con hằng hữu đã đảm nhận một linh hồn con người (DS 149).

**472.** Linh hồn con người mà Con Thiên Chúa đảm nhận cũng có một tri thức nhân loại thực sự. Với tư cách ấy, tri

thức này tự nó là hữu hạn : nó phải chịu chi phối bởi các điều kiện lịch sử của cuộc sống trong không gian và thời gian. Do đó, Con Thiên Chúa khi làm người, đã chấp nhận "ngày càng tăng trưởng về vóc dáng, về khôn ngoan và về ân sủng" (Lc 2,52), và cả việc học hỏi trong thân phận những gì con người phải học hỏi bằng kinh nghiệm (x. Mc 6,38; Mc 8,27; Ga 11,34 vv...). Điều này phù hợp với việc Người thực sự tự ý hạ mình "mặc lấy thân nô lệ" (Pl 2,7).

**473 240.** Nhưng đồng thời, tri thức nhân loại của Con Thiên Chúa cũng biểu lộ đời sống Thiên Chúa của bản thân Người (T. Ghê-gô-ri-ô Cả thư số 10,39 : DS 475). "Nhân tính của Con Thiên Chúa, không tự sức mình, nhưng nhờ kết hợp với Ngôi Lời, đã từng hiểu biết và biểu hiện nơi mình tất cả những gì phù hợp với Thiên Chúa" (T. Ma-xi-mô tuyên đạo 66). Trước hết là tri thức thâm sâu và trực tiếp của Con-Thiên-Chúa-làm-người về Cha của Người (x.Mc. 14,36; Mt 11,27; Ga 1,18; 8,55 vv...). Trong tri thức nhân loại của mình, Chúa Con cũng cho thấy Người thấu suốt như Thiên Chúa những tâm tư thâm kín của con người ( x. Mc 2,8; Ga 2,25; 6,61 vv...).

**474.** Do kết hợp với sự Khôn Ngoan của Thiên Chúa trong bản thân Ngôi Lời nhập thể, tri thức nhân loại của Đức Ki-tô hoàn toàn thấu triệt những ý định ngàn đời mà Người đến để mặc khải (x.Mc 8,31; 9,31;10,33-34; 14,18-20.26-30). Trong lĩnh vực này (x.Mc 13,32 ), có điều thì Người bảo là mình không biết nhưng nơi khác Người lại nói Người không có sự mạng mặc khải (x.Cv. 1,7).

### **Ý chí nhân loại của Đức Ki-tô**

**475 2008 2824.** Cũng một thể đó, Hội Thánh tuyên xưng trong Công Đồng chung thứ VI ( Cđ Con-tan-ti-nô-pô-

li III năm 681), rằng Đức Ki-tô có hai ý chí và hai khả năng hành động theo hai bản tính Thiên Chúa và nhân loại, không đối kháng nhưng hợp tác với nhau, đến nỗi Ngôi Lời làm người đã muốn vâng phục theo nhân tính tất cả những gì Người đã quyết định với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần theo thiên tính để cứu chuộc chúng ta ( DS 556-559). Ý chí nhân loại của Đức Ki-tô "thuận theo ý chí Thiên Chúa của Người mà không cưỡng lại hay đối nghịch, nhưng tùy thuộc vào ý chí toàn năng ấy" (x. DS. 556).

### **Thân xác thật của Đức Ki-tô**

476 1159- 1162 2129-2132. Vì Ngôi Lời đã làm người bằng cách đảm nhận một nhân tính thực sự, nên thân xác của Đức Ki-tô cũng bị giới hạn (x. Cd. Latran 649. DS. 504). Do đó, gương mặt nhân loại của Đức Giê-su có thể được "họa lại" (Gl 3,2). Trong Công Đồng chung thứ VII (x. Cđ Ni-xê-a II 787 : DS. 600-603), Hội Thánh nhìn nhận việc họa lại hình ảnh của Người là chính đáng.

**477.** Đồng thời, Hội Thánh luôn luôn nhìn nhận "Thiên Chúa vốn là Đấng vô hình, đã xuất hiện hữu hình giữa nhân loại" trong thân xác Đức Giê-su (x. Lễ Giáng Sinh). Thật vậy, các đặc điểm riêng của thân xác Đức Ki-tô biểu lộ Ngôi Vị thần linh của Con Thiên Chúa. Con Thiên Chúa đã nhận làm của mình những nét nhân dạng của thân thể Người, để khi người tín hữu tôn kính những đặc điểm ấy được họa lại trong tranh ảnh thánh, họ "cung chiêm chính Đấng mà tranh ấy diễn tả" (x. Cđ Ni-xê-a II : DS 601) .

### **Trái tim của Ngôi Lời Nhập Thể**

**478** 487 368 2669 766. Trong suốt cuộc đời, cả khi hấp hối và chịu khổ nạn, Đức Giê-su biết và yêu mến mọi người

và từng người chúng ta. Người đã hiến mạng cho mỗi người chúng ta. "Con Thiên Chúa đã yêu mến tôi và thí mạng vì tôi" (Gl 2,20). Người đã yêu chúng ta bằng con tim nhân loại. Do đó Thánh Tâm Chúa Giê-su, bị đâm thấu vì tội lỗi chúng ta và để cứu độ chúng ta (x. Ga 19,34), "được coi là dấu chỉ và biểu tượng tuyệt vời của tình yêu mà Đấng Cứu Thế không ngừng dâng lên Chúa Cha hằng hữu và dành cho mọi người không trừ ai" (. Pi-ô XII, Thông điệp "Haurietis aquas": DS. 3924; x.DS.3812).

### **TÓM LƯỢC**

*479. Vào đúng thời Thiên Chúa đã định, Con Một của Chúa Cha là Ngôi Lời hằng hữu, là Hình Ảnh đồng bản thể với Chúa Cha, đã nhập thể : Người đã đảm nhận bản tính nhân loại mà vẫn không đánh mất bản tính Thiên Chúa.*

*480. Đức Giê-su Ki-tô là Thiên Chúa thật và là người thật, trong một ngôi vị Thiên Chúa duy nhất. Vì vậy Người là Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người.*

*481. Đức Giê-su Ki-tô có hai bản tính, Thiên Chúa và nhân tính, không lẫn lộn, nhưng hợp nhất trong ngôi vị duy nhất của Con Thiên Chúa.*

*482. Vì là Thiên Chúa thật và là người thật, Đức Ki-tô có một trí khôn và một ý chí nhân loại, hoàn toàn hòa hợp và qui thuận trí khôn và ý chí thần linh mà Người cùng có chung với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.*

*483. Nhập thể là mẫu nhiệm của sự kết hợp tuyệt vời giữa bản tính Thiên Chúa và bản tính nhân loại trong ngôi vị duy nhất của Ngôi Lời.*

## Tiết 2: "BỎI PHÉP CHÚA THÁNH THẦN MÀ NGƯỜI XUỐNG THAI, SINH BỎI BÀ MARIA ĐỒNG TRINH...."

### I. BỎI PHÉP CHÚA THÁNH THẦN MÀ NGƯỜI XUỐNG THAI...

**484 461 721.** Biển cô truyền tin cho Đức Ma-ri-a mở đầu "thời viên mãn" (Gl 4,4), nghĩa là thời thực hiện những gì Thiên Chúa đã hứa và chuẩn bị từ trước. Đức Ma-ri-a được mời gọi hoài thai Đấng mang nơi thân xác mình "tất cả sự viên mãn của thiên tính" (Cl 2,9). Câu hỏi của Mẹ "việc ấy sẽ xảy ra cách nào, vì tôi không biết đến việc vợ chồng?" (Lc 1, 34) đã được thiên sứ giải thích bằng quyền năng Thánh Thần : "Thánh Thần sẽ ngự xuống trên bà" (Lc 1, 35).

**485 689,723.** Sứ mạng của Chúa Thánh Thần bao giờ cũng kết hợp nhịp nhàng với sứ mạng của Chúa Con (x.Ga 16,14-15). Thánh Thần được cử đến để thánh hoá cung lòng Đức Trinh Nữ Ma-ri-a và làm cho Mẹ thụ thai cách kỳ diệu. Bời Người là "Chúa và là Đấng ban sự sống", Người ban cho Mẹ thụ thai Con hằng hữu của Chúa Cha, trong một nhân tính bất nguồn từ nhân tính của Mẹ.

**486 437.** Con Một của Chúa Cha ngay từ khi tượng thai làm người trong cung lòng của Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, đã là "Ki-tô" nghĩa là Đấng được Thánh Thần xúc dầu (x.Mt 1,20; Lc 1,35), cho dù Người chỉ tỏ mình từng bước cho các mục đồng (x. Lc 2,8-20), các đạo sĩ (x.Mt 2,1-12), cho Gio-an Tẩy giả (x.Ga 1,31-34), cho các môn đệ (x.Ga 2,11). Như vậy, trọn cuộc đời của Đức Ki-tô tỏ cho thấy "Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần và quyền năng mà xúc dầu tấn phong Người như thế nào" (Cv 10,38).

## II. SINH BỞI BÀ MA-RI-A ĐỒNG TRINH

**487 963.** Những gì Hội Thánh Công Giáo tin về Đức Ma-ri-a đều đặt nền tảng trên những gì Hội Thánh tin về Đức Ki-tô, nhưng đồng thời giáo huấn về Đức Ma-ri-a lại soi sáng thêm cho lòng tin vào Đức Ki-tô.

### **Đức Ma-ri-a được tiền định**

**488.** "Thiên Chúa đã cử Con mình đến trong thế gian" (Gl 4,4). Nhưng để "tạo một thân xác" (Dt 10,5) cho Người, Thiên Chúa đã muốn có sự tự do cộng tác của một thụ tạo. Với mục đích ấy, từ trước muôn đời Thiên Chúa đã chọn một thiếu nữ Ít-ra-en, một cô gái Do Thái, quê tại Na-da-rét xứ Ga-li-lê, "một trinh nữ đã đính hôn với một người tên là Giuse, thuộc dòng dõi Đa-vít, trinh nữ ấy tên là Ma-ri-a" (Lc 1,26-27) để làm mẹ của Con Mình.

Chúa Cha rất nhân từ đã muốn sự ưng thuận của Đấng đã được tiền định làm Mẹ phải có trước khi Chúa Con nhập thể, để như một người nữ đã hợp tác cho sự chết, thì cũng một người nữ hợp tác cho sự sống (LG 56. x. 61).

**489 722 410 145 64.** Suốt thời Cựu Ước, sứ mạng của Đức Ma-ri-a đã *được chuẩn bị* trước nơi vai trò của các phụ nữ thánh thiện. Từ lúc khởi đầu, là bà E-và : dù bà bất tuân phục, nhưng bà đã nhận được lời hứa rằng một hậu duệ của bà sẽ chiến thắng ma quỷ (x. St 3,15) và bà sẽ là mẹ của chúng sinh (x. St 3,20). Vì lời hứa đó, Sa-ra mang thai một người con trai, dù đã cao niên (x. St 18,10-14; 21,1-2). Khác với dự đoán của loài người, Thiên Chúa đã chọn những gì bị coi là bất lực và yếu đuối (x. 1Cr 1,27) để chứng tỏ Người luôn trung thành với lời đã hứa : Han-na, mẹ của Sa-mu-en

(x. 1 Sm 1.), Đê-bô-ra, Rút, Giu-đi-tha và Ét-te và nhiều phụ nữ khác. Đức Ma-ri-a "vượt trên tất cả những người khiêm hạ và khó nghèo của Chúa, là những người tin tưởng, hy vọng và được Chúa cứu độ. Với Đức Ma-ri-a, người thiếu nữ Xi-on tuyệt vời sau thời mong đợi đấng đấng chờ Thiên Chúa thực hiện lời hứa, thời gian đã nên trọn và nhiệm cục mới được thiết lập" (LG 55).

### **Thụ thai Vô nhiễm**

**490 2676, 2833 2001.** Để làm Mẹ Đấng Cứu thế, Đức Ma-ri-a "đã được Chúa ban cho nhiều ơn xứng với nhiệm vụ cao cả ấy" (x. LG 56). Lúc truyền tin, thiên sứ Gáp-ri-en đã chào Mẹ "là đáng đầy ơn phúc" (x. Lc 1,28). Thật vậy, Mẹ cần được ân sủng Chúa nâng đỡ để có thể hoàn toàn tự do trong đức tin mà đáp lại lời loan báo ơn gọi của Người.

**491 411.** Suốt dọc chiều dài lịch sử, Hội Thánh đã nhận thức rằng Đức Ma-ri-a, vì được Thiên Chúa ban cho "đầy ơn phúc" (Lc 1,28), nên được cứu chuộc ngay từ lúc tượng thai. Đó là nội dung tín điều Vô Nhiễm Nguyên Tội do Đức Pi-ô IX công bố năm 1854.

Đức Trinh Nữ Diễm Phúc Ma-ri-a, đã được gìn giữ khỏi mọi tỳ ố nguyên tội ngay từ lúc tượng thai, do ân sủng và tình thương đặc biệt của Thiên Chúa toàn năng, nhờ công nghiệp của Đức Giê-su Ki-tô Đấng Cứu Độ loài người (DS 2803).

**492 2011 1077.** Mẹ có được "sự thánh thiện tuyệt vời có một không hai" "ngay từ lúc tượng thai" (x. LG 56) hoàn toàn là do Đức Ki-tô : Mẹ đã "được cứu chuộc cách kỳ diệu nhờ công nghiệp Con Mẹ" (x. LG 53). Hơn bất cứ thụ tạo nào khác, Chúa Cha đã thi ân giáng phúc, cho Mẹ "hưởng

muôn vàn ân phúc của Thánh Thần, từ cõi trời, trong Đức Ki-tô" (Ep 1,3). Người "đã chọn Mẹ trong Đức Ki-tô, trước cả khi tạo thành vũ trụ, để trước thánh nhan Người, trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của Người" (x. Ep 1,4).

**493.** Các Giáo phụ Đông Phương gọi Mẹ Thiên Chúa là Đấng Rất Thánh (Panaghia) và tôn vinh Mẹ là "Đấng không hề vương nhiễm một tội nào, như một thụ tạo mới do Chúa Thánh Thần nắn đúc và tác tạo" (x. LG 56). Nhờ ân sủng Thiên Chúa, Đức Ma-ri-a suốt đời vẫn tinh tuyền không hề phạm tội riêng nào.

### **"Xin Chúa làm cho tôi như lời thiên sứ nói ..."**

**494 2617, 148 968.** Khi được loan báo mình sẽ hạ sinh "Con Đấng Tối Cao", bởi quyền năng Chúa Thánh Thần (x. Lc 1,28-37), dù không sống đời vợ chồng, Đức Ma-ri-a tin chắc chắn rằng : "đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được"; và với "sự vâng phục trong đức tin" (Rm 1,5), Mẹ đã đáp lại : "Này tôi là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa làm cho tôi như thiên sứ nói" (Lc 1,37-38). Như vậy, khi ưng thuận lời Thiên Chúa, Đức Ma-ri-a trở thành Mẹ Chúa Giê-su. Không bị bất cứ tội lỗi nào ràng buộc, Mẹ hết lòng vâng theo ý muốn cứu độ của Thiên Chúa, tự hiến hoàn toàn cho Con của Mẹ và sự nghiệp của Người, để cùng Người và tùy thuộc vào Người mà phục vụ cho mẫu nhiệm Cứu Chuộc, nhờ ân sủng của Thiên Chúa (x. LG 56).

726. Thánh I-rê-nê nói : "Nhờ vâng phục, Mẹ đã trở nên nguyên nhân cứu độ chính mình và toàn thể nhân loại". Và cùng với Thánh I-rê-nê, rất nhiều giáo phụ cũng giảng dạy rằng : "Nút dây do sự bất tuân của bà E-và thắt lại, nay được gỡ ra nhờ sự vâng phục của

Đức Ma-ri-a; điều mà trinh nữ E-và đã buộc lại bởi cứng lòng tin, Đức Trinh Nữ Ma-ri-a đã tháo ra nhờ lòng tin". So sánh Đức Ma-ri-a với bà E-và, các ngài gọi Đức Ma-ri-a là "Mẹ của chúng sinh", và thường quả quyết rằng: "Sự chết đột nhập vào trần gian qua E-và, thì sự sống đến với con người nhờ Đức Ma-ri-a" (LG 56). .

### **Đức Ma-ri-a Mẹ Thiên Chúa**

**495** 466, 2677. Trong các sách Tin Mừng, Đức Ma-ri-a được gọi là "Mẹ Đức Giê-su" (Ga 2, 1; 19,25) (x.Mt 13,55). Dưới sự thúc đẩy của Thánh Thần, Mẹ được xưng tụng là "Mẹ của Chúa tôi" (Lc 1,43) ngay cả trước khi Con Mẹ sinh ra. Quả thế Đấng mà Mẹ cưu mang làm người bởi Thánh Thần, Đấng thực sự là con Mẹ theo xác phàm, chính là Con hằng hữu của Chúa Cha, Ngôi Hai trong Ba Ngôi chí thánh. Vì vậy, Hội Thánh xưng Đức Ma-ri-a thực sự là "*Mẹ Thiên Chúa*" (*Theotokos*) (DS 251).

### **Sự tinh khiết của Mẹ Maria**

**496.** Ngay từ những công thức đức tin đầu tiên (x.DS. 10-64), Hội Thánh xưng Đức Giê-su đã tượng thai trong cung lòng Trinh Nữ Ma-ri-a chỉ do quyền năng Thánh Thần, và cũng như vậy, khẳng định khía cạnh thể lý của biến cố này : Đức Giê-su được tượng thai "bởi Chúa Thánh Thần không cần mầm giống nam nhân" (x.Cđ La-tran năm 649: DS 503). Các Giáo phụ nhận ra việc thụ thai đồng trình là dấu chỉ chính Con Thiên Chúa đã đến mặc lấy một nhân tính giống như nhân tính chúng ta.

Thánh I-nha-xi-ô thành An-ti-ô-ki-a (đầu thế kỷ II)  
dạy : "Anh em đã xác tín rằng Chúa chúng ta, xét

theo xác thịt, đích thực là người thuộc dòng dõi Đa-  
vit (x.Rm. 1,3), là Con Thiên Chúa theo ý định và  
quyền năng Thiên Chúa (x.Ga 1,13). Người đã thực  
sự được một trinh nữ sinh ra. Người đã thực sự chịu  
đồng đình thân xác vì chúng ta, thời Phong-xi-ô Phi-  
la-tô. Người đã thực sự chịu khổ hình cũng như đã  
thực sự Phục Sinh (Smyrn. 1-2).

**497.** Các trình thuật Tin Mừng (x.Mt 1,18-25: Lc 1,26-38)  
xem việc thụ thai đồng trinh như một công trình của Thiên  
Chúa, vượt quá tầm hiểu biết và khả năng nhân loại (x.Lc  
1,34). Thiên thần đã nói với ông Giu-se về Đức Ma-ri-a, hôn  
thê của ông : "Người con bà cru mang là do quyền năng  
Thánh Thần" (Mt 1,20). Hội Thánh nhìn nhận đây là việc  
Thiên Chúa thực hiện lời hứa qua miệng ngôn sứ I-sai-a :  
"Ngày đây Trinh Nữ sẽ thụ thai và sinh hạ một con trai" (Is  
7,14), theo bản dịch Hy Lạp của Mt 1,23.

**498 50 2717.** Đôi lúc, người ta hơi lúng túng vì sự im lặng  
của Tin Mừng Mac-cô và các thư Tân Ước đối với việc Đức  
Ma-ri-a thụ thai đồng trinh. Người ta tự hỏi không biết đây  
có phải là huyền thoại hay chỉ là luận điểm thần học không  
chúng có lịch sử. Về vấn đề này, chúng ta phải đáp rằng :  
đức tin vào việc Mẹ Ma-ri-a thụ thai Chúa Giê-su mà còn  
đồng trinh, đã bị những kẻ không tin, bị người Do Thái và  
lương dân chống đối mãnh liệt, bị chế diễu, bị xuyên tạc  
(x.T. Giút-ti-nô tập đối thoại 99,7: Ô-ri-gê-nê.chống lại  
Celsus 1,32.69) : đức tin đó không do huyền thoại lương dân  
hay mô phỏng các ý tưởng đương thời tạo ra. Ý nghĩa của  
biên cố này chỉ có thể hiểu được nhờ đức tin, khi đức tin nhìn  
sự kiện "trong mỗi dây liên kết các mầu nhiệm với nhau"  
(DS 3016), trong toàn bộ mầu nhiệm Đức Ki-tô, từ Nhập Thể  
cho đến Vượt Qua. Thánh I-nha-ti-ô thành An-ti-ô-ki-a đã  
chứng nhận mỗi dây này : "Thủ lãnh thế gian này đã không

hề biết sự đồng trinh của Đức Ma-ri-a, việc Chúa giáng trần và việc Người chịu chết : Ba mâu nhiệm vang lừng nhưng đã được Thiên Chúa âm thầm thực hiện" (1 Cr.2,8) (Ep 19,1).

### **Đức Ma-ri-a "trọn đời đồng trinh"**

**499.** Khi đào sâu đức tin về Đức Mẹ đồng trinh, Hội Thánh đi đến chỗ tuyên xưng Đức Ma-ri-a thật sự và trọn đời đồng trinh (DS 427), ngay cả khi sinh Con Thiên Chúa làm người ( x. DS. 291, 294, 443, 503, 571, 1880). Thật vậy, việc hạ sinh Đức Ki-tô "không làm suy giảm nhưng thánh hiến sự trinh khiết vẹn toàn" của Mẹ (x.LG 57). Phụng vụ của Hội Thánh luôn tôn vinh Mẹ là "*Đáng trọn đời đồng trinh*" (LG 52).

**500.** Để phản bác điều này, đôi khi người ta lý luận rằng Kinh Thánh có nói đến anh chị em của Đức Giê-su (x.Mc 3,31-35 ; 6,3; 1 Cr 9,5; Gl 1,19). Xưa nay Hội Thánh vẫn hiểu những đoạn này như sau : chúng không hề ám chỉ những người con khác của Đức Trinh nữ Ma-ri-a. Gia-cô-bê và Giuse được gọi là "anh em của Đức Giê-su" (Mt 13,55), họ là con của một môn đệ Đức Giê-su (x.Mt 27,56) tên là Ma-ri-a. Bà này được nhắc đến cách cẩn thận để phân biệt là "Bà Ma-ri-a khác" (Mt 28,1). Theo lối nói thông dụng trong Cựu Ước, "anh em" chỉ những người bà con thân thuộc của Đức Giê-su (x. St 13,8; 14,16; 29,15 vv. ...).

**501 969 970.** Chúa Giê-su là Con một của Đức Ma-ri-a. Nhưng Đức Ma-ri-a còn là mẹ thiêng liêng (x.Ga 19,26-27: Kh.12,17) của tất cả loài người được Đức Giê-su cứu độ. "Người con mà Mẹ sinh ra, Thiên Chúa đã đặt " làm trưởng tử giữa một đàn em đông đúc", (Rm 8,29), nghĩa là các tín hữu mà Mẹ đã cộng tác vào việc sinh hạ và giáo dục bằng tình thương của một người mẹ" ( LG 63).

## **Chức năng làm mẹ đồng trinh của Đức Ma-ri-a trong ý định của Thiên Chúa**

**502 90.** Khi nhìn toàn bộ mặc khải với đôi mắt đức tin, chúng ta có thể khám phá những lý do nhiệm mầu khiến Thiên Chúa trong ý định cứu độ của Người, đã muốn rằng Con của Người sinh ra bởi một trinh nữ. Những lý do này liên hệ đến con người và sứ mạng cứu chuộc của Đức Ki-tô, cũng như đến việc Đức Ma-ri-a đón nhận sứ mạng này cho tất cả loài người .

**503 422.** Sự đồng trinh của Đức Ma-ri-a cho thấy mầu nhiệm Nhập Thể hoàn toàn do Thiên Chúa khởi xướng. Đức Giê-su chỉ có Thiên Chúa là Cha (x. Lc 2,48-49). "Nhân tính mà Người đã đảm nhận không hề tách Người khỏi Chúa Cha. Người là Con của Chúa Cha theo thiên tính, là con của Mẹ Ma-ri-a theo nhân tính, nhưng là Con của Thiên Chúa theo hai bản tính" (x. Cđ. Fri-un năm 796: DS 619).

**504 359.** Đức Giê-su nhập thể trong lòng Trinh Nữ Ma-ri-a bởi phép Chúa Thánh Thần vì Người là *A-đam mới* (x. 1 Cr.15,45) khởi đầu cho sáng tạo mới : "Người thứ nhất bởi đất mà ra thì thuộc về đất; người thứ hai tự trời mà đến" (1 Cr 15,47). Ngay từ lúc nhập thể, nhân tính Đức Ki-tô đã tràn đầy Thánh Thần, vì Thiên Chúa "ban Thánh Thần cho Người vô ngần vô hạn" (Ga 3,34). Chính từ "nguồn sung mãn" của Người, là đầu của nhân loại được cứu chuộc mà "chúng ta đã lãnh nhận hết ơn này đến ơn khác" (Ga 1,16).

**505 1265.** Khi nhập thể trong lòng Đức Trinh Nữ, Đức Giê-su, *A-đam mới*, đã khởi đầu *cuộc sinh hạ mới* những người con được nhận làm nghĩa tử trong Thánh Thần nhờ đức tin. "Việc ấy xảy ra cách nào ?" (Lc 1,34) (x. Ga 3,9). Việc thông phần vào sự sống Thiên Chúa không phải "do khí

huyết, cũng chẳng phải do ý muốn của xác thịt, hay ý muốn nam nhân, nhưng do chính Thiên Chúa" (Ga 1, 13). Sự sống mới này được đón nhận cách trinh khiết, bởi nó hoàn toàn do Thánh Thần tặng ban cho nhân loại. Con người được mời gọi kết hiệp với Thiên Chúa như trong mọi giao ước hôn nhân; ơn gọi này, đã được thực hiện viên mãn nơi Đức Ma-ri-a làm Mẹ mà vẫn đồng trinh (x.2 Cr 11,2).

**506 148, 1814.** Đức Mẹ đồng trinh, vì sự đồng trinh của Đức Ma-ri-a là dấu chỉ đức tin của Mẹ, một đức tin "không bị môi nghi ngờ nào làm phai nhạt (LG 63)" và là dấu chỉ tận hiến trọn vẹn để chu toàn ý định của Thiên Chúa (x.1 Cr 7,34-35). Chính nhờ đức tin mà Đức Ma-ri-a trở thành Mẹ Đấng Cứu Thế : "Đức Ma-ri-a thật là diễm phúc vì mẹ đã tin vào Đức Ki-tô hơn là vì Mẹ đã cưu mang thân xác Ngài" (x.Th. Augustinô, tiểu luật về Đức Trinh Nữ 3.).

**507 967 149.** Đức Ma-ri-a, vừa là Trinh Nữ vừa là Mẹ, vì vừa là hình ảnh vừa là sự thể hiện trọn vẹn của Hội Thánh (x. LG 63). "Hội Thánh, vì tin tưởng đón nhận lời Thiên Chúa, nên cũng được làm Mẹ. Thực vậy, nhờ việc rao giảng và ban phép rửa, Hội Thánh sinh hạ những người con được thụ thai bởi Thánh Thần. Họ được Thiên Chúa sinh ra để lãnh nhận đời sống mới bất diệt. Hội Thánh cũng là Trinh Nữ, bởi đã giữ gìn toàn vẹn và tinh tuyền lòng trung nghĩa đối với Phu Quân" (LG 64).

## **TÓM LƯỢC**

**508.** *Trong dòng dõi bà E-và, Thiên Chúa đã chọn Đức Trinh Nữ Ma-ri-a làm Mẹ của Con Ngài. "Mẹ đầy ơn phúc", là "hoa trái tuyệt vời nhất của công trình cứu chuộc" (SC 103). Ngay từ giây phút đầu tiên khi tượng thai, Mẹ đã được*

hoàn toàn gìn giữ khỏi tỳ ố nguyên tội và suốt cả đời, Mẹ vẫn luôn tinh tuyền không phạm tội riêng nào.

**509.** Đức Ma-ri-a thực sự là "Mẹ Thiên Chúa" vì là Mẹ của Con Thiên Chúa làm người, người Con hằng hữu ấy cũng chính là Thiên Chúa.

**510.** "Dù khi thụ thai hay khi sinh hạ, khi cưu mang hay khi nuôi con, Đức Ma-ri-a vẫn đồng trinh, trọn đời đồng trinh" (x.T.Augustinô, bài giảng 186, 1). Mẹ trọn vẹn là "nữ tỳ của Chúa" (Lc 1,38).

**511.** Đức Trinh nữ Ma-ri-a đã "cộng tác vào việc cứu độ nhân loại, nhờ lòng tự do tin và tự do vâng phục" (LG 56). Mẹ đã nói lên lời Xin Vâng "nhân danh toàn nhân loại" ( x. T.Tô-ma A-qui-nô. tổng luận thần học 3,30,1). Nhờ vâng phục, Mẹ đã trở thành E-và mới, mẹ của chúng sinh.

### **Tiết 3: CÁC MÀU NHIỆM CỦA CUỘC ĐỜI CHÚA KITÔ**

**512 1163.** Khi đề cập đến cuộc đời của Đức Ki-tô, kinh Tin Kính chỉ nói về màu nhiệm Nhập Thể (trọng thai và sinh ra) và màu nhiệm Vượt Qua (khổ nạn - đóng đinh - chịu chết - mai táng xuống ngục tổ tông - sống lại - lên trời), mà không nói cách minh nhiên về các màu nhiệm cuộc đời ẩn dật và công khai của Đức Giê-su. Tuy nhiên, những tín điều liên quan đến Nhập Thể và Vượt Qua của Đức Giê-su lại soi sáng toàn bộ cuộc đời trần thế của Đức Ki-tô. "Tất cả những việc Đức Giê-su làm và những điều Người dạy, kể từ lúc đầu cho đến ngày... Người được rước lên trời" (Cv 1,1-2), cần phải được nhìn dưới ánh sáng các màu nhiệm Giáng Sinh và Phục Sinh.

**513 426, 561.** Tùy theo hoàn cảnh, huấn giáo sẽ đề cập đến tất cả sự phong phú trong các mẫu nhiệm của Đức Giê-su. Ở đây, chúng tôi chỉ nêu lên một vài điểm chung cho tất cả mọi mẫu nhiệm cuộc đời của Người (I). Sau đó sẽ bàn sơ lược về các mẫu nhiệm chính yếu trong cuộc đời ẩn dật (II) và công khai (III) của Đức Giê-su.

## **I. TOÀN BỘ CUỘC ĐỜI ĐỨC GIÊ-SU LÀ MẪU NHIỆM**

**514.** Có nhiều điều liên quan đến Đức Giê-su mà loài người tò mò muốn biết, nhưng lại không được các Tin Mừng nói đến. Tin Mừng hầu như không nói gì về cuộc sống của Người ở Na-da-rét, và một phần lớn cuộc đời công khai của Người cũng không được nhắc đến (x.Ga 20,30). Tất cả những gì được viết ra trong các Tin Mừng là "để anh em tin rằng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa, và để anh em tin mà được sự sống nhờ Danh Người" (Ga 20,31).

**515 126 609, 477.** Các Tin Mừng đã được những người thuộc số các tín hữu đầu tiên viết ra ( x.Mc 1,1 ; Ga 21,24) vì muốn chia sẻ đức tin cho kẻ khác. Được nhận biết Đức Giê-su nhờ đức tin, họ thấy và chỉ cho thấy những dấu tích về mẫu nhiệm của Người trong suốt thời gian Người sống trên dương thế. Từ những tấm tã lót ngày Giáng Sinh (x.Lc 2,7), cho đến chút dấm lúc chịu khổ hình (x.Mt 27,48), và tấm khăn liệm ngày Phục Sinh ( x.Ga 20,7), mọi sự trong cuộc đời Đức Giê-su đều là dấu tích cho mẫu nhiệm của Người. Qua những cử chỉ, phép lạ, lời nói, Người mặc khải cho biết "tất cả sự viên mãn của thiên tính hiện diện cách cụ thể nơi Người" (Cl 2,9). Như vậy nhân tính của Người xuất hiện như một "bí tích", nghĩa là như một dấu chỉ và công cụ cho thiên tính và ơn cứu độ Người mang lại : những gì hữu hình trong cuộc đời trần thế của Người dẫn chúng ta đến với mẫu nhiệm

vô hình về địa vị Con Thiên Chúa và sứ mạng cứu chuộc của Người.

### **Những điểm chung trong các mẫu nhiệm của Đức Giê-su**

516 65 2708. Toàn bộ cuộc đời Đức Ki-tô là mặc khải về Chúa Cha : những lời Người nói, những việc Người làm, những lúc Người im lặng, những đau khổ Người chịu, cách thế Người sống và giảng dạy. Đức Giê-su có thể nói : "Ai thấy Thầy là thấy Chúa Cha" (Ga 14,9), và Chúa Cha nói : "Đây là Con Ta, Người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người" (Lc 9,35). Vì Chúa Ki-tô đã làm người để chu toàn ý muốn của Chúa Cha ( x.Dt 10,5-7), nên ngay cả những điểm nhỏ nhất nhất trong các mẫu nhiệm của Người đều biểu lộ cho chúng ta thấy "tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta" (1 Ga 4,9).

**517** 606, 1115. Toàn bộ cuộc đời Đức Ki-tô là *mẫu nhiệm Cứu Chuộc*. Ôn Cứu Chuộc đến với chúng ta trước hết nhờ Máu Người đổ ra trên Thánh Giá ( x.Ep 1,7; Cl 1,13-14 : 1 Pr 1,18-19), nhưng mẫu nhiệm này đã hoạt động trong toàn bộ cuộc đời Đức Ki-tô : trong việc Nhập Thể, khi Người trở thành nghèo khó để lấy cái nghèo của mình làm cho chúng ta nên giàu có ( x.2Cr 8,9); trong cuộc sống ẩn dật, khi Người vâng phục ( x.Lc 2,51) để sửa lại sự bất phục tùng của chúng ta; trong lời Người nói để làm cho kẻ lắng nghe nên thanh sạch (x.Ga 15,3); trong các việc chữa bệnh và trừ quỷ, "Người mang lấy các tật nguyên của ta, và gánh lấy các bệnh hoạn của ta" (Mt 8,17) ( x.Is 53,4); trong việc phục sinh, để chúng ta được nên công chính (x. Rm 4,25).

518. Toàn bộ cuộc đời Đức Ki-tô là mẫu nhiệm. Qui Tụ tất cả mọi điều Đức Giê-su đã nói, đã làm, đã chịu...đều hướng tới mục đích đưa con người sa ngã trở về ơn gọi ban đầu :

Khi nhập thể làm người, Đức Ki-tô đã qui tụ nơi mình toàn bộ lịch sử nhân loại và ban cho chúng ta ơn cứu độ, để những gì xưa kia chúng ta đã mất nơi A-đam, tức là không còn là hình ảnh và giống như Thiên Chúa nữa, thì nay chúng ta tìm lại được trong Đức Ki-tô Giê-su (Th. I-rê-nê, chống lạc giáo 3,18,1). Chính vì thế Đức Ki-tô đã trải qua các lứa tuổi của đời người, nhờ đó làm cho mọi người được hiệp thông với Thiên Chúa (Id3,18,7; x. 2,22,4).

### **Chúng ta hiệp thông với các mẫu nhiệm của Đức Giê-su**

**519 793 602 1085.** Ai cũng "được mời gọi thừa hưởng gia sản và sự phong phú của Đức Ki-tô" (x. RH 11). Đức Ki-tô không sống cho riêng mình, nhưng cho chúng ta : từ lúc nhập thể "vì loài người chúng ta và để cứu độ *chúng ta*", cho đến khi chết "vì tội lỗi chúng ta" (1 Cr 15,3) và phục sinh "để chúng ta nên công chính" (Rm 4,25). Cả bây giờ nữa, Người vẫn là "Đấng Bảo Trợ cho chúng ta trước mặt Chúa Cha" (1 Ga 2, 1), "vì Người hằng sống để chuyển cầu cho chúng ta" (Dt 7,25). Với tất cả những gì Người đã sống và chịu vì chúng ta một lần dứt khoát, giờ đây Người luôn hiện diện "trước mặt Thiên Chúa mà chuyển cầu cho chúng ta" (Dt 9,24).

**520 459 359 2607.** Suốt đời Đức Giê-su đã nên *mẫu mực cho chúng ta* : là "con người hoàn hảo" (x. GS 38). Người mời gọi chúng ta trở nên môn đệ và bước theo Người. Người tự hạ và nêu gương cho chúng ta noi theo (x. Ga 13,15), Người cầu nguyện và lôi cuốn chúng ta đến đời sống cầu nguyện. Người sống nghèo để kêu mời chúng ta tự do đón nhận thiếu thốn và bách hại (x. Mt 5,11-12).

**521 2715 1391.** Đức Ki-tô giúp chúng ta sống như Người đã sống : Người sống *trong chúng ta và chúng ta sống trong Người*. "Con Thiên Chúa khi nhập thể, đã kết hợp một cách nào đó với mọi người" (x. GS 22,2). Chúng ta được kêu gọi nên một với Người; những gì Người đã sống trong thân xác Người vì chúng ta và nên mẫu mực cho chúng ta, thì Người cũng cho chúng ta được hiệp thông, như là chi thể của Thân Mình Người.

Chúng ta phải tiếp nối và thực hiện nơi bản thân các trạng huống và mẫu nhiệm của Đức Giê-su, và thường xuyên cầu xin Người hoàn tất và kiện toàn những điều ấy nơi chúng ta, cũng như nơi toàn thể Hội Thánh... Vì Con Thiên Chúa có ý cho chúng ta tham dự, mở rộng và tiếp nối các mẫu nhiệm của Người nơi bản thân chúng ta cũng như nơi toàn thể Hội Thánh, nhờ các ân sủng Người thông ban cho chúng ta và nhờ những hiệu quả của các mẫu nhiệm Người thực hiện nơi chúng ta. Theo phương thế đó, Người muốn hoàn tất các mẫu nhiệm của Người nơi chúng ta (T. Gio-an Ô-đơ, nước Thiên Chúa).

## **II. CÁC MẪU NHIỆM THỜI THƠ ẤU VÀ ẪN DẬT CỦA ĐỨC GIÊ-SU**

### **Chuẩn bị**

**522 711, 762.** Việc Con Thiên Chúa xuống thế gian là một biến cố lớn lao đến nỗi Thiên Chúa đã muốn chuẩn bị từ bao thế kỷ. Tế tự và hiến lễ, hình tượng và biểu trưng trong "Giao Ước Cũ" (Dt 9,15), đều được Thiên Chúa cho qui hướng về Đức Ki-tô. Người loan báo biến cố ấy qua các ngôn sứ kế tiếp nhau ở Ít-ra-en. Người còn khơi dậy nơi tâm hồn lương dân niềm mong đợi chưa rõ nét về việc Con Thiên Chúa đến.

**523 712, 720.** *Thánh Gio-an Tẩy Giả* đã được sai đến ( x.Cv 13,24) để trực tiếp dọn đường cho Đức Ki-tô ( x.Mt 3,3). Thánh nhân là "ngôn sứ của Đấng Tối Cao" (Lc 1,76), trở vượt tất cả mọi ngôn sứ (x.Lc 7,26) và là ngôn sứ cuối cùng ( x.Mt 11,13) khai mạc thời Tin Mừng (x.Cv 1,22; Lc 16,16). Ngay từ trong dạ mẹ, thánh nhân đón chào Đức Ki-tô đến ( x.Lc 1,41), rồi vui mừng được làm "bạn của tân lang" (Ga 3,29), Đấng mà thánh nhân gọi là "Chiên Thiên Chúa, Đấng xoá tội trần gian" (Ga 1,29)." Đây thần trí và quyền năng của ngôn sứ Ê-li-a" (Lc 1,17), thánh nhân xuất hiện trước Đức Giê-su và làm chứng cho Người bằng lời rao giảng, bằng phép rửa sám hối và cuối cùng bằng cuộc tử đạo ( x.Mc 6,17-29).

**524 1171.** Hằng năm khi cử hành *phụng vụ Mùa Vọng*, Hội Thánh hiện tại hóa niềm mong đợi Đấng Mê-si-a : khi hiệp thông với việc chuẩn bị lâu dài cho Đấng Cứu Thế đến lần thứ nhất, các tín hữu làm bùng sáng niềm khát khao mong mỗi Người đến lần thứ hai (x.Kh 22,17). Khi mừng sinh nhật và cuộc tử đạo của vị Tiền Hồ, Hội Thánh cũng hợp ý với thánh nhân "Đức Ki-tô phải nổi bật lên, còn tôi phải lu mờ đi" (Ga 3,30).

### **Mẫu nhiệm Giáng Sinh**

**525 437 2443.** Đức Giê-su được sinh hạ khiêm tốn trong chuồng súc vật, thuộc một gia đình nghèo. Các mục đồng chất phác là những chứng nhân đầu tiên của biến cố. Chính trong cảnh nghèo hèn này mà vinh quang Thiên Chúa được tỏ lộ (x.Lc 2,8-20). Hội Thánh không ngừng hoan hỉ hát mừng vinh quang đêm ấy như sau :

Hôm nay Đức Trinh nữ hạ sinh Đấng Hằng Hữu Thế gian dâng tặng hang đá cho Đấng vô biên. Thiên thần và mục đồng ca tụng Đạo sĩ tiến bước theo ánh sao, Bởi Người sinh ra cho chúng con, Lạy Chúa Hải Nhi, Chúa Trời hằng hữu! (x.Bài ca của Romanos thi sĩ).

**526.** "Trở nên trẻ nhỏ" trong tương quan với Thiên Chúa là điều kiện để vào Nước Trời (x.Mt 18,3-4). Muốn thế, cần phải tự hạ (x Mt 23,12), phải trở nên bé mọn; hơn nữa, còn phải "sinh ra từ trên cao" (Ga 3,7) "do chính Thiên Chúa sinh ra" (Ga 1,13) để "trở nên con cái Thiên Chúa" (Ga 1,12). Mầu nhiệm Giáng Sinh được thực hiện nơi chúng ta khi Đức Ki-tô "thành hình" nơi chúng ta (Ga 4, 19). Giáng Sinh là mầu nhiệm của việc "trao đổi kỳ diệu" này :

460. Ôi việc trao đổi diệu kỳ! Đấng sáng tạo loài người, đã đoái thương sinh làm con một Trinh Nữ, đảm nhận một xác thể và một linh hồn, và đã ban cho chúng ta thiên tính của Người khi làm người mà không cần đến sự can thiệp của con người ! (Tiền xướng tuần bát nhật Giáng Sinh)

### **Các mầu nhiệm thời thơ ấu của Đức Giê-su**

**527 580 1214.** Việc Đức Giê-su *chịu cắt bì* ngày thứ tám sau khi sinh (x.Lc 2,21) là dấu chỉ việc Người hội nhập vào miêu duệ Áp-ra-ham, vào dân Giao Ước; là dấu chỉ việc Người phục tùng lề luật ( x.Gl 4,4), việc Người gia nhập phụng tự Ít-ra-en, nên phụng tự Người sẽ tham gia suốt đời. Dấu chỉ này báo trước "phép cắt bì của Đức Ki-tô" là bí tích Thánh Tẩy (Cl 2,11-13).

**528 439 711-716 122.** *Hiển Linh* là biến cố Đức Giê-su tỏ mình là Đấng Mê-si-a của Ít-ra-en, là Con Thiên Chúa, là Đấng Cứu Độ thế gian. Cùng với việc Đức Giê-su chịu phép

rửa ở sông Gio-đan và tiệc cưới Ca-na ( x.Tiền xưng Thánh ca Tin Mừng kinh chiều II lễ Hiển Linh), mầu nhiệm này mừng kính việc "các đạo sĩ" từ Phương Đông đến thờ lạy Đức Giê-su (Mt 2,1). Qua các "đạo sĩ", đại diện cho các tôn giáo lương dân chung quanh, Tin Mừng đã thấy đây là hoa quả đầu mùa của các dân tộc sẽ đón nhận Tin Mừng cứu độ nhờ Chúa Con nhập thể. Việc các đạo sĩ đến Giê-ru-sa-lem để "triều bái Vua dân Do Thái" (Mt 2, 2) cho thấy : theo ánh sáng của ngôi sao Đa-vít (Ds 24, 17; Kh 22, 16) loan báo Đấng Mê-si-a, họ tìm kiếm ở Ít-ra-en Đấng sẽ là vua mọi dân nước (Ds 24, 17-19). Việc họ đến còn cho thấy các dân ngoại chỉ có thể nhận ra Đức Giê-su và thờ lạy Người là Con Thiên Chúa và là Đấng Cứu Thế bằng cách hướng về dân Do Thái ( x.Ga 4,22) và lãnh nhận nơi họ lời hứa về ơn cứu độ chứa đựng trong Cựu Ước ( x.Mt 2,4-6). Mầu nhiệm Hiển Linh cho thấy đông đảo các dân ngoại được gia nhập vào gia đình các tổ phụ ( T. Lê-ô Cả, bài giảng 23), và được hưởng phẩm giá của *Ít- ra- en* (x. MR. Vọng Phục Sinh 26: Lời nguyện sau bài đọc 3).

529 583 439 614. *Việc dâng Đức Giê-su vào đền thờ* (x.Lc 2,22-39) cho thấy Người là con đầu lòng thuộc về Thiên Chúa (x.Xh 13,12-13). Cùng với Xi-mê-on và An-na là cho toàn thể Ít-ra-en đang mong đợi, *đến gặp* Đấng Cứu Độ của mình. Đức Giê-su được nhận biết là Đấng Mê-si-a hằng mong đợi, là "ánh sáng muôn dân", là "vinh quang của Ít-ra-en", nhưng cũng là "dấu hiệu bị người đời chống báng". Lười gờm mà Xi-mê-on tiên báo sẽ đâm sâu lòng Đức Ma-ri-a, loan báo hiến lễ hoàn hảo và duy nhất trên Thánh Giá, hiến lễ sẽ mang lại ơn cứu độ mà Thiên Chúa đã "chuẩn bị trước mắt cho muôn dân".

530 574. *Việc trốn thoát sang Ai Cập và cuộc tàn sát các anh hài* (x. Mt 2, 13-18) cho thấy bóng tối đang chống lại

ánh sáng : "Người đã đến nhà mình, nhưng người nhà chẳng chịu đón tiếp" (Ga 1,11). Đức Ki-tô sẽ phải chịu bách hại suốt cuộc đời. Các kẻ theo Người cũng thế (x. Ga 15,20). Việc Người từ Ai Cập ( x Mt 2,15) trở về, gọi lại cuộc Xuất Hành (x. Hs 11,1) và giới thiệu Đức Giê-su là Đấng Giải Phóng tối hậu.

### **Các mẫu nhiệm thời ẩn dật của Chúa Giêsu**

**531 2427.** Gần như suốt đời, Đức Giê-su đã chia sẻ thân phận của đại đa số loài người : một cuộc sống thường nhật, bề ngoài không có gì là vĩ đại, với lao động tay chân; một đời sống tôn giáo Do Thái phục tùng Luật Thiên Chúa (x. Gl 4,4), đời sống trong cộng đồng. Về giai đoạn này, chúng ta được biết rằng Đức Giê-su "vâng phục" cha mẹ và "ngày càng khôn lớn, và được Thiên Chúa cũng như mọi người thương mến" (Lc 2, 51-52).

**532 2214-2220 612.** Việc Đức Giê-su từng phục mẹ Người và cha nuôi chúng tỏ Người đã chu toàn điều răn thứ tư. Đó là hình ảnh của việc Người vâng phục Cha trên trời như con thảo. Việc Đức Giê-su mỗi ngày vâng phục thánh Giu-se và Mẹ Ma-ri-a báo trước việc vâng phục vào ngày Thứ Năm Tuần Thánh : "Xin đừng theo ý con" (Lc 22,42). Sự vâng phục của Đức Ki-tô trong cuộc sống ẩn dật thường ngày đã khởi đầu công trình tái lập những gì mà A-đam đã phá đổ vì bất tuân phục (x. Rm 5,19).

**533.** Cuộc sống ẩn dật của Đức Giê-su ở Na-da-rét cho phép mỗi người chúng ta hiệp thông với Người bằng những phương thế thông thường nhất :

*2717 2204 2427.*

Na-da-rét là trường học nơi đó chúng ta bắt đầu hiểu về cuộc đời Đức Giê-su; đó là trường dạy của Tin Mừng ... Trước hết là bài học về *thinh lặng*. Ước gì chúng ta biết quý chuộng sự *thinh lặng*, vì đó là bầu khí tuyệt vời và tối cần cho tâm hồn ... Kế đến là bài học về *đời sống gia đình* : Ước gì Na-da-rét dạy chúng ta biết thế nào là gia đình, là hòa hợp yêu thương, là nét đẹp của đời sống đậm bạc và đơn sơ, cùng tính thánh thiêng và bền vững của gia đình... Tiếp theo là bài học về *lao động*. Ôi Na-da-rét, ngôi nhà của "con bác thợ mộc", chính tại đây, chúng ta ước ao được thấu hiểu và đề cao bốn phận lao động của con người, tuy nhọc nhằn nhưng đem lại ơn cứu chuộc.... Sau hết, chúng tôi ước ao được chào mừng ở đây mọi người lao động trên toàn thế giới, và chỉ cho họ mẫu mực vĩ đại, người anh thần linh của họ ( Phao-lô VI diễn văn ngày 5.01.1964 ở Na-da-rét).

**534** 583,2599 964. *Tìm được Đức Giê-su trong Đền Thờ* (x.Lc 2,41-52) là biến cố duy nhất phá vỡ sự im lặng của các Tin Mừng về những năm tháng ẩn dật của Đức Giê-su. Ở đây, Đức Giê-su hé cho thấy mầu nhiệm Người toàn hiến để thi hành một sứ mạng xuất phát từ tư cách làm Con Thiên Chúa. "Cha mẹ không biết là con có bốn phận ở nhà Cha Con sao?" Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se "không hiểu", nhưng đón nhận lời ấy trong đức tin, và Đức Ma-ri-a "hằng ghi nhớ những kỷ niệm ấy trong lòng", suốt những năm dài Đức Giê-su ẩn mình *thinh lặng* sống bình thường như mọi người.

### **III. CÁC MÀU NHIỆM CUỘC ĐỜI CÔNG KHAI của ĐỨC GIÊ-SU**

#### **Đức Giê-su chịu phép Rửa**

**535 719-720 701 438.** Đức Giê-su khởi đầu ( x. Lc 3,23) cuộc đời công khai bằng phép rửa do thánh Gio-an trên sông Gio-đan ( x. Cv.1,22). Thánh Gio-an rao giảng "phép rửa tỏ lòng sám hối để được ơn tha tội" (Lc 3,3). Rất nhiều người tội lỗi, thu thuế, lính tráng (x.Lc 3,10-14), Pha-ri-sêu và Xa-đốc (x.Mt 3,7), cùng gái điếm (x.Mt 21,32) đến xin người rửa cho. "Bấy giờ Đức Giê-su xuất hiện". Vị Tẩy Giả ngần ngại, nhưng Đức Giê-su tha thiết yêu cầu, và thế là thánh Gio-an rửa cho Người. Lúc ấy, Thánh Thần dưới hình chim bồ câu ngự xuống trên Người và có tiếng từ trời phán : "Đây là Con yêu dấu của Ta" (Mt 3, 13-17). Qua biến cố này Đức Giê-su tỏ mình (Hiển Linh) là Đấng Mê-si-a của Ít-ra-en và là Con Thiên Chúa.

**536 606 1224 444 727 739.** Đối với Đức Giê-su, phép rửa chính là việc Người chấp nhận và khởi đầu sứ mạng làm người Tôi Tớ Đau Khổ. Người đặt mình vào hàng ngũ tội nhân (x.Is 53,12); Người là "Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa tội trần gian"(Ga 1,29); như thế Người đã tiên dự "phép rửa bằng máu" ( x. Mc 10,38; Lc.12,50). Người đến để "chu toàn mọi lẽ công chính"(Mt.3,15), nghĩa là hoàn toàn vâng phục thánh ý Chúa Cha : vì tình yêu, Người bằng lòng chịu phép rửa bằng máu để tha thứ tội lỗi chúng ta (x.Mt 26,39). Đáp lại sự vâng phục này, Chúa Cha bày tỏ sự hài lòng đối với Chúa Con (x.Lc 3,22; Is 42,1). Thánh Thần mà Đức Giê-su đã được đầy tràn lúc tượng thai "ngự xuống trên Người" (Ga 1,32-33) (x.Is, 11,2). Người sẽ là nguồn mạch Thánh Thần cho toàn thể nhân loại. Lúc Người chịu Phép Rửa, các tầng trời mà tội A-đam đã đóng lại, nay "được mở ra" (Mt 3,16), và dòng nước được thánh hóa do việc Đức Giê-su và Thánh Thần ngự xuống báo hiệu cuộc sáng tạo mới.

**537 1262.** Nhờ bí tích Thánh Tẩy, người Ki-tô hữu được đồng hình đồng dạng với Đức Giê-su một cách bí tích, Đấng

đã tiên dự cái chết và sự phục sinh của mình ngay trong phép rửa. Người tín hữu cũng phải dấn thân vào mâu nhiệm tự hạ và hoán cải này, bước xuống nước với Đức Giê-su để bước lên với Người, tái sinh bởi nước và Thánh Thần để trong Chúa Con, trở nên con yêu dấu của Chúa Cha và "sống một đời sống mới" (Rm 6,4) :

628. "Chúng ta hãy cùng chịu mai táng với Đức Ki-tô bằng phép rửa, để cùng được phục sinh với Người. Hãy cùng bước xuống với Người, để cùng được đưa lên với Người. Hãy cùng đi lên với Người, để cùng được tôn vinh trong Người"( T. Ghê-gô-ri-ô Thành Na-di-en; or 40,9).

Tất cả những gì xảy ra nơi Đức Ki-tô cho biết : sau khi chúng ta được chìm trong nước, Chúa Thánh Thần từ trời ngự xuống trên chúng ta và Chúa Cha lên tiếng chấp nhận để chúng ta trở thành con cái Thiên Chúa ( T. Hi-la-ri-ô , Mat.2).

### **Đức Giê-su chịu cám dỗ**

**538 394 518.** Các Tin Mừng đều nói đến thời gian Đức Giê-su sống cô tịch trong hoang địa, ngay sau khi nhận phép Rửa của Thánh Gio-an. "Được Thánh Thần thúc đẩy" vào hoang địa, Đức Giê-su ở lại đó, nhịn đói 40 ngày, sống giữa các dã thú và các thiên thần hầu hạ Người (x.Mc 1,12-13). Cuối thời gian này, Xa-tan ba lần cám dỗ Đức Giê-su hòng lung lạc thái độ con thảo của Người đối với Thiên Chúa. Đức Giê-su đẩy lui những cuộc tấn công ấy, được xem như thu tóm các cám dỗ của A-đam trong vườn địa đàng và của Ít-ra-en trong hoang địa. Ma quỷ bỏ Người mà đi, "để trở lại vào thời giờ đã định" (Lc 4,13).

**539 397 609.** Các tác giả Tin Mừng cho thấy ý nghĩa cứu độ của biến cố huyền nhiệm này. Đức Giê-su là A-đam mới, vẫn trung thành trong khi A-đam cũ sa ngã. Đức Giê-su chu toàn ơn gọi của Ít-ra-en : khác hẳn với dân xưa kia đã thách thức Thiên Chúa suốt 40 năm trong hoang địa (x. Tv 95,210), Đức Giê-su tỏ ra mình là Người Tội Tớ hoàn toàn vâng phục thánh ý Thiên Chúa. Như thế, Đức Giê-su toàn thắng ma quỷ : Người đã "trói kẻ mạnh" và thu lại tài sản nó đã cướp (Mc 3,27). Việc Đức Giê-su chiến thắng tên cám dỗ trong hoang địa thể hiện trước chiến thắng trong cuộc khổ nạn khi Người tuyệt đối vâng phục Chúa Cha với tình con thảo.

**540 2119 519,2849 1438.** Con cám dỗ cho thấy cách thể Con Thiên Chúa thực hiện chức năng Mê-si-a, khác hẳn đề nghị của Xa-tan và mong muốn của con người (x. Mt 16,21-23). *Vì chúng ta*, Đức Ki-tô đã chiến thắng tên cám dỗ : "Bởi vì thượng tế của chúng ta không phải là Đấng không biết cảm thông những nỗi yếu hèn của chúng ta, vì Người đã chịu thử thách về mọi phương diện cũng như chúng ta, nhưng không phạm tội" (Dt 4,15). Hằng năm, bằng 40 ngày *Mùa Chay*, Hội Thánh kết hiệp với mẫu nhiệm Đức Giê-su trong hoang địa.

### **"Nước Thiên Chúa đã gần kề"**

**541 2816 763 669,768 865.** "Sau khi ông Gio-an bị bắt giam, Đức Giê-su đến miền Ga-li-lê, rao giảng Tin mừng của Thiên Chúa. Người nói : "Thời kỳ đã mãn, và Nước Thiên Chúa đã đến gần. Anh em phải sám hối và tin vào Tin Mừng" (Mc 1,15). "Để chu toàn Thánh ý Chúa Cha, Đức Ki-tô đã khai nguyên nước Trời nơi trần gian" (LG 3). Và đây là thánh ý Chúa Cha : "Nâng loài người lên tham dự đời sống Thiên Chúa"(LG 2) bằng cách quy tụ mọi người quanh Con của Người, Đức Giê-su Ki-tô. Sự quy tụ này, chính là Hội

Thánh, là "mầm mống và là khai nguyên của Nước Thiên Chúa" trên trần gian (LG 5).

**542 2233 789.** Đức Ki-tô là trung tâm của đoàn người được quy tụ trong gia đình Thiên Chúa. Người triệu tập họ quanh Người bằng lời nói, bằng những dấu chỉ chứng tỏ nước Thiên Chúa đang hiện diện, bằng việc sai phái các môn đệ. Người sẽ làm cho Vương Quốc Người hiện trị bằng mâu nhiệm Vượt Qua của Người: cái chết trên Thập Giá và Phục Sinh. "Phần tôi, một khi được đưa cao lên khỏi mặt đất, tôi sẽ kéo mọi người đến với tôi" (Ga 12, 32). Mọi người đều được mời gọi kết hiệp với Đức Ki-tô (x. LG 3).

### **Đức Giê-su loan báo Nước Thiên Chúa**

**543 764.** *Mọi người* đều được mời gọi gia nhập Nước Thiên Chúa. Vương Triều của Đấng Mê-si-a trước tiên được loan báo cho con cái Ít-ra-en ( x.Mt 10,5-7), nhưng cũng để tiếp nhận mọi dân tộc ( x.Mt 8,11; 28,19). Để được vào Nước Thiên Chúa, con người phải đón nhận lời của Đức Giê-su :

Lời Chúa ví như hạt giống gieo trong ruộng : ai tin nghe Lời Chúa và gia nhập đàn chiên nhỏ của Đức Ki-tô thì đã đón nhận chính nước Người; rồi tự sức mình, hạt giống nảy mầm và lớn lên cho tới mùa gặt (x.LG 5).

**544 709 2443,2546.** Nước Thiên Chúa thuộc về *những người nghèo hèn bé mọn* , nghĩa là những người đón nhận với lòng khiêm hạ. Đức Ki-tô được cử đến để "loan báo Tin Mừng cho người nghèo" (Lc 4,18) (x.Lc 7,22). Người tuyên bố rằng họ có phúc, bởi vì "Nước Trời là của họ" (Mt 5,3). Chúa Cha đã thương mặc khải cho những kẻ bé mọn điều

Người giàu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết (x. Mt 11,25). Đức Giê-su đã chia sẻ kiếp sống của những kẻ nghèo hèn, từ máng cỏ cho tới thập giá. Người đã (x.Mc 2,23-26; Mt 21,18 từng chịu đói khát (x.Ga.4,6-7; 19,28), túng cực (x.Lc 9,58). Hơn thế nữa, Người đồng hóa mình với mọi thứ kẻ nghèo hèn và dạy rằng muốn được vào Nước Người, cần phải tích cực yêu mến những người nghèo ấy (x.Mt 25,31-46).

**545** 1443,588 1846 1439. Đức Giê-su *mời những kẻ tội lỗi* dự tiệc trong Nước Thiên Chúa : "Tôi đến không để kêu gọi người công chính, nhưng để kêu gọi người tội lỗi" (Mc 2,17) (x.ITm 1,15). Người mời gọi họ hoán cải, vì không hoán cải thì không thể vào Nước Người. Người cũng dùng lời nói và hành động, cho họ thấy lòng thương xót vô biên mà Chúa Cha dành cho họ ( x. Lc 15,11-32), cũng như "niềm vui lớn lao trên trời vì một người tội lỗi ăn năn sám hối" (Lc 15,7). Bằng chứng cao cả nhất của tình yêu này, là việc Người dâng hiến mạng sống "để tha thứ các tội lỗi" (Mt 26,28).

**546** 2613 542. Đức Giê-su đã dùng *các dụ ngôn* kêu gọi mọi người vào Nước Trời. Dụ ngôn là nét tiêu biểu trong cách giảng dạy của Người (x.Mc 4,33-34). Qua các dụ ngôn, Người mời họ dự tiệc Nước Trời (x. Mt 22,1-14), nhưng cũng đòi họ phải có một chọn lựa triệt để : phải "cho đi tất cả" để có được Nước Trời ( x. Mt 13,44-45); lời nói suông chưa đủ, cần phải hành động (x.Mt 21,28-32). Các dụ ngôn như những tấm gương nhờ đó con người nhận diện chính mình : đón nhận Lời như mảnh đất khô khan hay mảnh đất màu mỡ? ( x. Mt 13,3-9) làm gì với những nén bạc đã nhận? (x.Mt 25,14-30). Đức Giê-su và sự hiện diện của Nước Trời giữa thế gian là trọng tâm của các dụ ngôn. Phải trở nên môn đệ Đức Ki-tô mới "thấu hiểu các mâu nhiệm Nước Trời" (Mt

13,11); còn đối với "người ngoài" (Mc 4,11) mọi sự đều bí ẩn (Mt 13,10-15).

### **Các dấu chỉ Nước Thiên Chúa**

**547 670 439.** Kèm theo lời nói, Đức Giê-su đã làm "những phép màu, điềm thiêng và dấu lạ" (Cv 2, 22) để chứng tỏ Nước Trời đang hiện diện nơi Người và Người chính là Đấng Mê-si-a được tiên báo (x. Lc 7,18-23).

**548 156 2616 574 447.** Các dấu lạ do Đức Giê-su thực hiện minh chứng Chúa Cha đã cử Người đến (x.Ga 5,36; 10,25). Chúng mời gọi ta hãy tin vào Người ( x. Ga 10,38). Những ai tin tưởng kêu cầu Người, đều được Người khải nhậm (x.Mc 5,25-34; 10,52 vv...). Bây giờ, các phép lạ củng cố niềm tin vào Đấng thực hiện công việc của Cha Người : chúng minh chứng Người là Con Thiên Chúa (x.Ga 10,31-38). Nhưng chúng cũng có thể là "cớ vấp ngã"(Mt 11,6). Chúng không nhằm thỏa mãn người tò mò, và ưa thích ma thuật. Dù đã làm những phép lạ tỏ tường, Đức Giê-su vẫn bị một số người chối bỏ (x.Ga 11,47-48); bị kết án là hành động nhờ ma quỷ (x.Mc 3,22).

**549 1503 440.** Khi giải thoát một số người khỏi những đau khổ đời này như đói khát ( x.Ga 6,5-15), bắt công ( x.Lc 19,8), tật bệnh và cái chết ( x.Mt 11,5), Đức Giê-su chứng tỏ Người là Đấng Mê-si-a. Tuy nhiên, Người không đến để tiêu diệt mọi khổ đau ở trần gian này ( x.Lc 12.13.14; Ga 18,36), nhưng để giải phóng con người khỏi kiếp nô lệ lầm than nhất, đó là nô lệ tội lỗi ( x.Ga 8,34-36). Thứ nô lệ này ngăn cản họ làm con Thiên Chúa, cũng như gây ra mọi hình thức nô lệ hóa con người.

**550 394 1673 40,2816.** Nước Thiên Chúa đến làm cho nước Xa-tan sụp đổ ( x.Mt 12,26) "Nếu tôi nhờ Thánh Thần Thiên Chúa mà trừ quỷ, thì quả là Nước Thiên Chúa đã đến giữa các ông" (Mt 12, 28). Đức Giê-su *trừ quỷ* là giải phóng con người khỏi vòng cương tỏa của ma quỷ ( x.Lc 8,26-39). Qua đó, Người thể hiện trước Người sẽ toàn thắng "thủ lĩnh thế gian này" (Ga 12,31). Chính nhờ Thánh Giá Đức Ki-tô mà Nước Thiên Chúa sẽ được thiết lập vĩnh viễn : "Trên ngai Thập Giá, Thiên Chúa thống trị muôn loài" ( x.Thánh ca "Vexilla Regis").

### "Chìa khóa Nước Trời"

**551 858 765.** Ngay khi bắt đầu đời sống công khai, Đức Giê-su chọn Nhóm Mười Hai để các ông cùng ở với Người và chia sẻ sứ mạng với Người ( x.Mc 3,13-19). Người ban cho họ dự phần vào uy quyền của Người và "sai họ đi loan báo Nước Thiên Chúa và chữa lành bệnh nhân" (Lc 9,2). Họ sẽ vĩnh viễn liên kết với Nước Đức Ki-tô, bởi vì Người sẽ nhờ họ mà điều hành Hội Thánh.

"Thầy sẽ ban quyền cai trị cho anh em; như Cha Thầy đã ban cho Thầy, anh em được đồng bàn ăn uống với Thầy trên vương quốc của Thầy, và ngự trên tòa xét xử 12 chi tộc Ít-ra-en" (Lc 22,29-30).

**552 880, 153 442 424.** Trong nhóm Mười Hai, Xi-mon Phê-rô giữ vị trí hàng đầu ( x.Mc 3,16; 9,2; Lc 24,34; 1Cr.15,5). Đức Giê-su ủy thác cho ông sứ mạng độc nhất vô nhị. Nhờ Chúa Cha mặc khải, Phê-rô tuyên xưng "Thầy là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống". Bấy giờ Chúa liền tuyên bố "Anh là Phê-rô nghĩa là Tảng Đá, trên Tảng Đá này, Thầy sẽ xây Hội Thánh của Thầy và quyền lực tử thần sẽ không thắng nổi" (Mt 16,18). Đức Ki-tô, "Viên đá sống" (1 Pr

2, 4), bảo đảm Hội Thánh mà Người xây dựng trên Tảng Đá Phê-rô, sẽ chiến thắng quyền lực tử thần. Vì đức tin ông đã tuyên xưng, Phê-rô sẽ là Tảng Đá kiên vững của Hội Thánh. Ông có sứ mạng bảo toàn đức tin ấy khỏi suy suyển và củng cố đức tin của anh em ( x.Lc 22.32).

**553 381 1445, 641, 881.** Đức Giê-su ủy thác cho thánh Phê-rô một thẩm quyền đặc biệt : "Thầy sẽ trao cho anh chìa khoá Nước Trời. Dưới đất anh cầm buộc điều gì, trên trời cũng cầm buộc như vậy; dưới đất anh tháo cởi điều gì, trên trời cũng tháo cởi như vậy" (Mt 16,19). Quyền nắm giữ chìa khoá là quyền cai quản Nhà Thiên Chúa, tức là Hội Thánh. Đức Giê-su, "Người mục tử nhân lành" (Ga 10,11) xác nhận trọng trách đó sau khi Phục Sinh : "Hãy chăn dắt đàn chiên của Thầy" (Ga 21, 15-17). Quyền "cầm buộc và tháo cởi" là quyền tha tội, đưa ra những phán quyết về đạo lý và những quyết định về kỷ luật trong Hội Thánh. Đức Giê-su ủy thác quyền này cho Hội Thánh qua thừa tác vụ của các tông đồ (x.Mt 18,18), đặc biệt là của Phê-rô, người duy nhất được Chúa mình nhiên giao phó chìa khóa Nước Trời.

### **Ném trước hạnh phúc Nước Trời : Chúa Hiền Dung**

**554 697,2600 444.** Từ ngày Phê-rô tuyên xưng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống, Đức Giê-su "bắt đầu tỏ cho các môn đệ biết Người sẽ phải đi Giê-ru-sa-lem, phải chịu nhiều đau khổ... rồi bị giết chết và ngày thứ ba sẽ sống lại" (Mt 16,21). Phê-rô không chấp nhận điều đó ( x.Mt.16,22-23), các môn đệ khác cũng không hiểu gì hơn ( x.Mt 17,23; Lc 9,45). Chính trong bối cảnh này, đã xảy ra biến cố kỳ diệu : Đức Giê-su hiển dung trên núi ( x.Mt 17,1-8.par; 2 Pr.1,16-18), trước mặt ba nhân chứng do Người lựa chọn là Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an. Dung mạo và y phục của Đức Giê-su trở nên chói sáng, ông Mô-sê và ông Ê-li-a

hiện ra "nói với Người về cuộc ra đi Người sẽ phải hoàn thành tại Giê-ru-sa-lem" (Lc 9,31). Một đám mây bao phủ các Ngài và có tiếng từ trời phán : "Đây là Con Ta, người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người" (Lc 9,35).

**555** 2576,2583 257. Đức Giê-su tỏ lộ vinh quang mình trong chốc lát, và như vậy xác nhận lời tuyên xưng của thánh Phê-rô. Người cũng cho thấy để "được hưởng vinh quang" (Lc 24,26), Người phải kinh qua thập giá tại Giê-ru-sa-lem. Ông Mô-sê và Ông Ê-li-a đã thấy vinh quang Thiên Chúa trên Núi. Lê luật và các Ngôn sứ đã loan báo Đấng Mê-si-a phải chịu nhiều đau khổ (Lc 24, 27). Cuộc khổ nạn của Đức Giê-su đúng là ý muốn của Chúa Cha: Chúa Con hành động như Người Tôi Tớ Thiên Chúa (x. Is 42,1); đám mây nói lên sự hiện diện của Chúa Thánh Thần: "Cả Ba Ngôi xuất hiện : Chúa Cha qua tiếng nói, Chúa Con nơi con người, Chúa Thánh Thần trong đám mây sáng chói" (T. Tô-ma A-qui-nô tổng luận thần học 3,45,4,ad 2.).

"Lạy Chúa Ki-tô, Ngài đã hiển dung trên núi, và các môn đệ chiêm ngắm vinh quang Ngài tùy khả năng mình, để mai sau khi thấy Ngài chịu đóng đinh Thập Giá, họ hiểu rằng Ngài đã tự nguyện chịu khổ hình. Rồi họ sẽ loan báo cho muôn dân biết Ngài chính là vinh quang Cha chiếu toả (Phụng vụ By-dan-tin, thánh ca lễ Hiển Dung).

**556** 1003. Phép Rửa mở đầu đời sống công khai. Hiển Dung mở đầu cuộc Vượt Qua. Qua phép rửa của Đức Giê-su, "mầu nhiệm cuộc tái sinh lần thứ nhất của chúng ta" được tỏ hiện : đó là bí tích Thánh Tẩy. Hiển Dung là "mầu nhiệm cuộc tái sinh lần thứ hai" : đó là phục sinh của chính chúng ta ( T. Tô-ma A-qui-nô 3,45,4 ad.2). Ngay từ bây giờ, chúng ta thông phần vào cuộc Phục Sinh của Chúa, nhờ Chúa Thánh

Thần hoạt động, trong các Bí tích của Thân Mình Đức Ki-tô. Biến cố Hiến Dung cho phép chúng ta nếm trước cuộc quang lâm vinh hiển của Đức Giê-su, "Người sẽ biến đổi thân xác yếu hèn của chúng ta nên giống thân xác vinh hiển của Người" (Pl 3,21). Nhưng biến cố ấy cũng nhắc nhở chúng ta : "Chúng ta phải chịu nhiều gian khổ mới được vào Nước Thiên Chúa" (Cv 14, 22).

Khi Phê-rô ước ao sống với Đức Ki-tô trên núi, ông chưa hiểu gì (x. Lc 9,33). Hỡi Phê-rô, Chúa sẽ dành cho ông diễm phúc này sau khi chết mà thôi. Còn hiện nay thì Chúa nói : Hãy xuống núi để chịu cực nhọc ở trần gian, để phục vụ ở trần gian, để chịu sỉ nhục, chịu đóng đinh ở trần gian. Đáng là Sự Sống đã xuống để bị giết chết; Đáng là Bánh đã xuống để chịu đói; Đáng là Đường đã xuống để chịu mệt nhọc trên đường lữ hành; Đáng là Nguồn Suối đã xuống để chịu cơn khát; còn ông lại từ chối gian la u( T. Augustinô, bài giảng 78,6)?

## **Đức Giê-su lên Giê-ru-sa-lem**

**557.** "Khi đã tới ngày Đức Giê-su được đưa ra khỏi thể gian, Người nhất quyết đi lên Giê-ru-sa-lem" (Lc 9,51) (x. Ga 13,1). Khi nhất quyết như thế, Đức Giê-su muốn nói là Người lên Giê-ru-sa-lem để sẵn sàng chịu chết ở đó. Người loan báo đến ba lần cuộc Khô Nạn và Phục Sinh của Người (x. Mc 8,31-33; 9,31-32; 10,32-34). Khi tiến về Giê-ru-sa-lem, Người nói : "Chẳng lẽ một ngôn sứ lại chết ngoài thành Giê-ru-sa-lem!" (Lc 13,33).

**558.** Đức Giê-su gọi lại việc các ngôn sứ đã bị giết ở Giê-ru-sa-lem (x. Mt 23,27a). Dù sao, Người vẫn kiên trì kêu gọi Giê-ru-sa-lem tập hợp quanh Người : "Đã bao lần Ta muốn

tập hợp con cái người lại, như gà mẹ tập hợp gà con dưới cánh ...mà các người không chịu" (Mt 23, 37b). Khi nhìn thấy Giê-ru-sa-lem, Người khóc thương nó và thốt lên một lần nữa ước muốn của lòng Người : "Phải chi hôm nay cả người nữa cũng hiểu được sứ điệp bình an cho người! Nhưng hiện giờ mắt người không thấy được" (Lc 19,41-42).

### **Đức Giê-su khải hoàn vào Giê-ru-sa-lem như Đấng Mê-si-a**

**559 333, 132.** Giê-ru-sa-lem sẽ đón nhận Đấng Mê-si-a của mình như thế nào? Trong khi Đức Giê-su trốn tránh mọi ý đồ của dân chúng muốn tôn Người làm vua (x.Ga 6,15) thì Người lại chọn thời điểm và chuẩn bị mọi chi tiết chuyển vào Giê-ru-sa-lem, thành phố của "Đa-vít, Cha của Người" (Lc 1,32) (x. Mt 21,1-11 với tư cách là Đấng Mê-si-a. Người được dân chúng hoan hô như con vua Đa-vít, Đấng mang lại ơn cứu độ ( Hosanna có nghĩa là "Xin cứu chúng con", "Xin ban ơn cứu độ!"). Nhưng "Vua Vinh hiển" (Tv 24,7-10) lại "ngồi trên lưng lừa con" (Dcr 9, 9) tiến vào thành. Người không chinh phục Nữ Tử Xi-on bằng mưu mẹo hay bằng bạo lực, nhưng bằng sự khiêm nhường, chứng từ của Chân lý. Vì thế ngày hôm đó, thần dân vây quanh (x.Ga 18,37) Người là trẻ con (x.Mt 21,15-16; Tv 8,3) và "những người nghèo của Thiên Chúa", tung hô Người như các thiên thần đã loan báo Người cho các mục đồng (x.Lc 19,38; 2,14) Lời tung hô : "Chúc tụng Đấng ngự trên nhân danh Chúa" (Tv 118, 26) được Hội Thánh sử dụng trong kinh "Thánh! Thánh! Thánh!", để mở đầu nghi thức tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Chúa.

**560 550, 2816 1169.** Việc Đức Giê-su khải hoàn vào Giê-ru-sa-lem loan báo Nước Thiên Chúa đến, Nước mà Đức Vua Mê-si-a sắp thực hiện bằng Vượt Qua từ cái chết đến

phục sinh của Người. Hội Thánh long trọng khai mạc Tuần Thánh với việc cử hành biến cố Đức Giê-su vào Giê-ru-sa-lem ngày Chúa Nhật Lễ Lá.

## **TÓM LƯỢC**

**561.** *"Tất cả cuộc đời Đức Ki-tô là một giáo huấn liên tục : Người tỉnh lặng, hành động, cầu nguyện, yêu thương con người, ưu ái kẻ bé mọn và người nghèo, chấp nhận hiến tế trọn vẹn trên Thập Giá để cứu chuộc thế gian, Phục Sinh... tất cả là để hiện thực Lời Người và hoàn tất Mặc Khải" (CT 9).*

**562.** *Các môn đệ Chúa Ki-tô phải nên đồng hình đồng dạng với Người cho đến khi Người được hình thành trong họ (x. Gl 4,19). "Vì thế, chúng ta được đảm nhận vào các mẫu nhiệm cuộc sống của Người, trở nên giống Người, cùng chết và sống lại với Người, cho đến khi cùng cai trị với Người" (LG 7).*

**563.** *Là mục đồng hay đạo sĩ, người ta cũng chỉ gặp được Thiên Chúa ở đời này, khi quỳ xuống trước máng cỏ Bê-lem và thờ lạy Thiên Chúa ẩn mình nơi một trẻ thơ yếu đuối.*

**564.** *Khi tuân phục Đức Ma-ri-a và thánh Giu-se cũng như khiêm nhu lao động trong những năm dài ở Na-da-rét, Đức Giê-su nêu gương thánh thiện cho chúng ta trong cuộc sống gia đình và lao động hằng ngày.*

**565.** *Ngay khi bắt đầu đời sống công khai, lúc chịu phép rửa, Đức Giê-su là "Người Tôi Tớ" hoàn toàn hiến dâng cho công trình cứu độ sẽ được hoàn tất trong "phép rửa" là cuộc khổ nạn.*

**566.** *Con cảm dỗ trong hoang địa cho thấy Đức Giê-su, Đấng Mê-si-a khiêm nhu, chiến thắng Xa-tan nhờ gắn bó trọn vẹn với ý định cứu độ của Chúa Cha.*

**567.** *Đức Ki-tô đã khai mạc Nước Trời dưới thế. "Nước này chiếu sáng trước mặt mọi người qua lời nói, hành động và sự hiện diện của Chúa Ki-tô" (LG 5). Hội Thánh là mầm và khởi đầu của Nước Trời. Chìa khóa Nước Trời được trao cho Phê-rô.*

**568.** *Cuộc Hiển Dung của Chúa Ki-tô nhằm mục đích củng cố đức tin của các tông đồ trước cuộc khổ nạn : việc leo lên "núi cao" chuẩn bị việc leo lên Núi Sọ. Đức Ki-tô, Đầu của Hội Thánh, bày tỏ "niềm hy vọng đạt tới vinh quang" mà Thân Thể Người ấp ủ và chiếu tỏa qua các bí tích (Cl 1,27) (x. T. Lê-ô cả, bài giảng 51,3).*

**569.** *Đức Giê-su tự nguyện lên Giê-ru-sa-lem dù biết rằng tại đây Người sẽ phải chết khổ nhục vì sự thù nghịch của những kẻ tội lỗi (x. Dt 12,3).*

**570.** *Việc Đức Giê-su khải hoàn vào Giê-ru-sa-lem cho thấy Nước Trời đến. Đức Vua Mê-si-a mà trẻ thơ và những người có tâm hồn nghèo khó nghênh đón, sẽ hoàn tất Nước Trời bằng cuộc Vượt Qua từ Khổ Nạn đến Phục Sinh của Người .*

## Mục 4

# "CHÚA GIÊSU KITÔ ĐÃ CHỊU KHỔ HÌNH DƯỚI THỜI PHONGXIÔ- PHILATÔ, NGÀI ĐÃ BỊ ĐÓNG ĐINH THẬP GIÁ, CHẾT VÀ MAI TẮM"

**571 1067.** Mâu nhiệm Vượt Qua từ Thập Giá đến Phục Sinh của Chúa Ki-tô là trọng tâm Tin Mừng mà các tông đồ và Hội Thánh tiếp nối các ngài, phải loan báo cho thế giới cái chết của Thánh Tử Giê-su Ki-tô đã hoàn tất ý định cứu độ của Thiên Chúa "một lần dứt khoát" (Dt 9,26).

**572 599.** Hội Thánh vẫn trung thành với cách "giải thích toàn bộ Thánh Kinh" mà chính Đức Giê-su đã đưa ra trước cũng như sau cuộc Vượt Qua : "Nào Đấng Ki-tô lại chẳng phải chịu đau khổ như thế, rồi mới được hưởng vinh quang dành cho Người sao?" (Lc 24, 26-27, 44-45). Những khổ đau của Đức Giê-su mang dấu chứng lịch sử cụ thể vì Người đã "bị các kỳ mục, thượng tế cùng kinh sư loại bỏ" (Mc 8, 31); họ đã "nộp Người cho dân ngoại nhạo báng, đánh đòn và đóng đinh vào thập giá" (Mt 20, 19).

**573 158.** Để hiểu rõ hơn ý nghĩa của việc cứu chuộc, chúng ta cố gắng tìm hiểu kỹ càng các tình tiết về cái chết của Đức Giê-su, đã được các sách Tin Mừng (x. DV 19) trung thành truyền lại và được các nguồn lịch sử khác soi sáng.

## Tiết 1: ĐỨC GIÊSU VÀ ISRAEL

**574 530 591.** Ngay từ đầu sứ vụ công khai của Đức Giê-su, những người Pha-ri-sêu và nhóm Hê-rô-đê, cùng với các tư tế và kinh sư đã toa rập với nhau để hại Người ( x.Mc 3,6). Vì một số hành động của Người (trừ quỷ (x.Mt 12,24); tha tội ( x.Mc 2,7); chữa bệnh ngày sa-bát (x.Mc 3,1-6); giải thích độc đáo những giới luật thanh sạch (x.Mc 7,14-23); thân thiện với những người thu thuế và kẻ tội lỗi công khai (x.Mc 2,14-17)), mà nhiều người có ý xấu nghi ngờ Người bị quỷ ám (x.Mc 3,22; Ga 8,48; 10,20). Họ buộc tội Người là kẻ phạm thượng (x.Mc 2,7; Ga 5,18; 10,33) và là ngôn sứ giả (x.Ga 7,12; 7,52); đây là những tội thuộc lãnh vực tôn giáo mà theo Luật Mô-sê, phải bị xử tử bằng cách ném đá (x.Ga 8,59; 10,31).

**575 993.** Không phải đa số dân Thiên Chúa (Ga 7,48-49), nhưng chủ yếu là các nhà chức trách tôn giáo tại Giê-ru-sa-lem, những người mà Tin Mừng Thánh Gio-an thường gọi là "người Do Thái" (x.Ga 1,19; 2,18; 5,10; 7,13; 9,22; 18,12; 19,38; 20,19), đã coi nhiều hành động và lời nói của Đức Giê-su là "dấu hiệu chống đối" (Lc 2,34) (x.Ga 7,48-49). Giữa Chúa Giê-su với nhóm Pha-ri-sêu không phải chỉ có luận chiến. Chính những người Pha-ri-sêu đã báo trước cho Người mối nguy đang đe dọa Người (x.Lc 13,31). Đức Giê-su ca tụng một số Pha-ri-sêu như kinh sư trong Mc 12,34, và Người cũng nhiều lần dùng bữa tại nhà họ. Đức Giê-su chuẩn nhận những giáo huấn thịnh hành nơi nhóm ưu tú tôn giáo này của dân Chúa: việc kẻ chết sống lại, những hình thức đạo đức (bố thí, giữ chay và cầu nguyện), và thói quen gọi Thiên Chúa là cha, tính cách trọng tâm của giới răn mến Chúa yêu người.

**576.** Đối với nhiều người Ít-ra-en, Đức Giê-su xem ra hành động nghịch với những định chế cơ bản của Dân Chúa như :

-Việc tuân phục Lễ Luật, gồm tất cả những giới luật thành văn không trừ luật nào, và theo nhóm Pha-ri- sêu, gồm cả những lời giải thích truyền khẩu nữa;

-Vị trí trung tâm của Đền Thờ Giê-ru-sa-lem như nơi thánh, nơi Thiên Chúa ngự cách đặc biệt;

-Đức tin vào Thiên Chúa duy nhất mà không ai có thể chia sẻ vinh quang với Người.

## **I. ĐỨC GIÊ-SU VÀ LỄ LUẬT**

**577 1965.** Trong Bài Giảng Trên Núi, Đức Giê-su bày tỏ lập trường của mình đối với Luật Cũ dưới ánh sáng ân sủng của Luật Mới. Người cảnh giác :

*1967.* "Anh em đừng tưởng Thầy đến để bãi bỏ Luật Mô-sê hoặc giáo huấn của các ngôn sứ. Thầy đến không phải để bãi bỏ, nhưng là để kiện toàn. Vì, Thầy bảo thật anh em, trước khi trời đất qua đi, và cho đến khi mọi sự được hoàn thành, thì một chấm một phết trong sách Luật cũng không thể bỏ đi được. Vậy ai vi phạm dù chỉ là một trong những điều luật nhỏ nhất này, và dạy kẻ khác làm như thế, thì sẽ được coi là người nhỏ nhất trong Nước Trời. Còn ai tuân giữ, và dạy kẻ khác làm như thế, thì sẽ được coi là người lớn nhất trong Nước Trời" (Mt 5,17-19).

**578 1953.** Theo Đức Giê-su, Đấng Mê-si-a của Ít-ra-en, người lớn nhất trong Nước Trời phải chu toàn Lễ Luật bằng cách thi hành trọn vẹn, ngay cả trong các điều luật nhỏ nhất.

Thật ra, Người là Đấng duy nhất có thể làm điều này một cách trọn hảo. Chính Người Do Thái thú nhận không thể chu toàn được Lễ Luật mà không vi phạm điều luật nhỏ nào. Vì thế trong lễ Xá Tội hằng năm, con cái Ít-ra-en xin lỗi Thiên Chúa về những vi phạm Lễ Luật. Lễ Luật họp thành một khối thống nhất; thánh Gia-cô-bê nhắc nhở, "ai tuân giữ tất cả Lễ Luật, mà chỉ sa ngã về một điểm thôi, thì cũng thành người có tội về hết mọi điểm" (Gcb 2,10).

**579.** Nhóm Pha-ri-sêu tha thiết với nguyên tắc tuân giữ toàn bộ Lễ Luật này, không những sát mặt chữ mà cả trong tinh thần nữa. Khi nêu nguyên tắc đó cho Ít-ra-en, họ đã đưa nhiều người Do Thái thời Đức Giê-su, đến một lòng đạo cực đoan. Lòng đạo này, nếu không biến thành một thứ luân lý biện luận (Casuistique) "giả hình", thì có thể chuẩn bị Dân Chúa đón nhận sự can thiệp lạ lùng của Thiên Chúa: Đấng Công Chính duy nhất sẽ thực hiện Lễ Luật cách trọn hảo thay cho mọi kẻ tội lỗi.

**580 527.** Chỉ có Con Thiên Chúa, Đấng ban hành Lễ Luật, sinh làm người sống dưới Lễ Luật mới có thể chu toàn lễ luật cách trọn hảo ( x. Gl 4,4). Nơi Đức Giê-su, Lễ Luật không còn được ghi trên bia đá, nhưng "trong đáy lòng" (Gr 31, 33) của Người Tôi Tớ được đặt làm "giao ước với dân" (Is 42,6), vì Người đã "trung thành làm sáng tỏ công lý" (Is 42,3). Đức Giê-su chu toàn Lễ Luật đến nỗi gánh lấy "lời nguyện rửa của Lễ Luật" (Gl 3,13) mà những ai "không thi hành tất cả những gì chép trong sách Luật" (Gl 3,10) đã chuốc lấy. "Người lấy cái chết của mình mà chuộc tội lỗi người ta đã phạm trong thời giao ước cũ" (Dt 9,15).

**581 2054.** Trước mắt người Do Thái cũng như các nhà lãnh đạo tinh thần của họ, Đức Giê-su xuất hiện như một vị "Ráp-bi" (x. Ga 11,28; 3,2; Mt 22,23-24; 34-36). Người

thường lý luận trong khuôn khổ cách giải thích Luật của các Ráp-bi. Nhưng đồng thời, Đức Giê-su cũng va chạm đến những luật sĩ vì Người không chỉ đưa ra cách giải thích luật của Người, nhưng "còn giảng dạy như một Đấng có thẩm quyền chứ không như các luật sĩ" (Mt 7,28-29). Nơi Người, chính Lời của Thiên Chúa đã từng vang dội trên núi Xi-nai để ban hành Lề Luật cho Mô-sê, nay lại vang dội trên Núi Bát Phúc (x. Mt 5,1). Lời Thiên Chúa ấy không bãi bỏ, nhưng kiện toàn Lề Luật bằng cách đưa ra lời giải thích tối hậu của Thiên Chúa : "Anh em nghe Luật dạy người xưa rằng ... còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết" (Mt 5,33-34). Với cùng một thẩm quyền ấy của Thiên Chúa, Người phủ nhận một số "truyền thống của người phàm" (Mc 7,8) nghĩa là của những người Pha-ri-sêu "hủy bỏ Lời Thiên Chúa" (Mc 7,13).

**582 368 548 2173.** Đi xa hơn nữa, Đức Giê-su còn kiện toàn Luật thanh khiết về các thức ăn, điều mà người Do Thái coi là rất quan trọng trong cuộc sống hằng ngày (x. Gl 3,24), bằng cách giúp ta hiểu : "Bất cứ cái gì từ bên ngoài vào trong con người, thì không thể làm cho con người ra ô uế ... như vậy là Người tuyên bố mọi thức ăn đều thanh khiết. Cái gì từ trong con người xuất ra, cái đó mới làm cho con người ra ô uế. Vì từ bên trong, từ lòng người phát xuất những ý định xấu" (Mc 7,18-21). Khi lấy thẩm quyền của Thiên Chúa đưa ra lời giải thích tối hậu về Lề Luật, Đức Giê-su phải đương đầu với một số luật sĩ không chịu đón nhận cách giải thích của Người, dù lời giải thích này được bảo đảm bằng những dấu lạ kèm theo (x. Ga 5,36; 10,25-37-38; 12,37). Mâu thuẫn lại càng gay gắt hơn trong vấn đề ngày sa-bát. Đức Giê-su thường dựa theo lập luận của các Ráp-bi (x. Mc 2,25-27; Ga 7,22-24) , nhắc nhở rằng luật nghỉ ngơi của ngày sa-bát không bị vi phạm khi phục vụ Thiên Chúa (x. Mt 12,5; Nb

28,9) và anh em (x. Lc 13,15-16; 14,3-4) qua các việc chữa bệnh của Người .

## II. ĐỨC GIÊ-SU VÀ ĐỀN THỜ

**583 529 534.** Cũng như các ngôn sứ, Đức Giê-su, tỏ ra hết lòng tôn kính Đền Thờ Giê-ru-sa-lem. Bốn mươi ngày sau khi sinh (x. Lc 2,22-39), Người được thánh Giu-se và Mẹ Ma-ri-a đem dâng trong Đền Thờ. Năm mười hai tuổi, Người quyết định ở lại trong Đền Thờ để nhắc cha mẹ nhớ rằng Người phải ở nhà Cha Người ( x. Lc 2,46-49). Trong thời ẩn dật, Người lên Đền Thờ hằng năm ít nhất là trong lễ Vượt Qua (x. Lc 2,41). Sứ vụ công khai của Người cũng nhịp theo những cuộc hành hương của Người lên Giê-ru-sa-lem vào những ngày lễ lớn của đạo Do Thái (x Ga 2,13-14; 5,1,14; 7,1,10,14; 8,2; 10,22-23).

**584 2599.** Đức Giê-su lên Đền Thờ, nơi ưu biệt để gặp gỡ Thiên Chúa. Đối với Người, Đền Thờ là nhà của Cha Người, nhà cầu nguyện. Người phẫn nộ vì tiền đường Đền Thờ đã trở thành nơi buôn bán ( x. Mt 21,13). Vì yêu Cha tha thiết, Người xua đuổi con buôn khỏi Đền Thờ : "Đừng biến nhà Cha tôi thành chợ búa". Các môn đệ của Người nhớ lại lời đã chép trong Thánh Kinh: "Lòng nhiệt thành lo việc nhà Chúa, sẽ thiêu đốt tôi (Tv 69,10)" (Ga 2,16-17). Sau khi Người phục sinh, các tông đồ vẫn một lòng tôn kính Đền Thờ (x. Cv 2,46; 3,1; 5,20,21:vv...).

**585.** Trước khi chịu nạn, Đức Giê-su đã loan báo Đền Thờ sẽ bị tàn phá và không còn hòn đá nào nằm trên hòn đá nào (x. Mt 24,1-2). Đây là dấu chỉ tiên báo thời cánh chung sẽ khởi đầu với cuộc Vượt Qua của Người ( x. Mt 24,3, Lc 13,35). Những lời tiên báo đó đã bị những kẻ chứng gian bóp méo, khi vị Thượng Tế thẩm vấn Đức Giê-su, và sau đó,

người ta lại dùng để nhục mạ Người khi Người bị đóng đinh trên cây thập giá (x.Mt 27,39-40).

**586 797 1179.** Đức Giê-su không chống đối Đền Thờ (x.Mt 8,4; 23,21; Lc,17,14; Ga 4,22) nơi mà Người đã trình bày một phần lớn giáo thuyết (x. Ga 18,20). Người còn muốn nộp thuế Đền Thờ cho phần mình và phần Phê-rô (x.Mt 17,24-27) mà Người vừa mới đặt làm nền tảng Hội Thánh tương lai (x. Mt 16,18). Hơn nữa, Người tự đồng hóa với Đền Thờ khi coi mình là nơi Thiên Chúa cư ngụ vĩnh viễn giữa loài người (x.Ga 2,21; Mt 12,6). Vì vậy, việc Người bị giết chết về thể xác, loan báo việc phá hủy Đền Thờ. Sự phá hủy này cho thấy lịch sử cứu độ bước vào thời đại mới : "Đã đến giờ các người sẽ thờ phượng Chúa Cha, không phải trên núi này hay tại Giê-ru-sa-lem nữa" (Ga 4,21) (x.Ga 4,23-24; Mt 27,51; Dt 9,11; Kh 21,22).

### **III. ĐỨC GIÊ-SU VÀ ĐỨC TIN CỦA ÍT-RA-EN VÀO THIÊN CHÚA CỨU ĐỘ DUY NHẤT**

**587.** Nếu Lê Luật và Đền thờ Giê-ru-sa-lem là cơ hội để các nhà chức trách "chống báng Chúa Giê-su" (x.Lc 2,34), thì thật ra vai trò cứu chuộc khỏi tội lỗi của Người, công trình tuyệt hảo của Thiên Chúa, mới chính là hòn đá vấp ngã cho họ (x.Lc 20,17-18; Tv.118,22).

**588 545.** Đức Giê-su làm cho nhóm Pha-ri-sêu bất bình, khi thân mật dùng bữa với người thu thuế và tội lỗi (x.Lc 5,30), y như đã thân mật dùng bữa với họ (x.Lc 7,36; 11,37; 14,1). Với những người "tự đắc cho mình là công chính mà khinh chê người khác" (Lc 18,9) (x.Ga 7,49; 9,34), Đức Giê-su khẳng định : "Tôi đến không phải để kêu gọi người công chính, nhưng để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn" (Lc 5,32). Người còn đi xa hơn nữa, khi tuyên bố trước

mặt nhóm Pha-ri-sêu rằng, mọi người đều có tội (x.Ga 8,33-36), cho nên ai tự cho mình không cần được cứu độ thật là đui mù về chính bản thân (x.Ga 9,40-41).

**589 431,1441 432.** Đức Giê-su làm cho người Do Thái bất bình nhất là vì đã đồng hóa cách xử sự nhân từ của Người với kẻ tội lỗi là thái độ của chính Thiên Chúa (x.Mt 9,13; Hs.6,6). Thậm chí Người còn muốn cho họ thấy rằng khi đồng bàn với kẻ tội lỗi (x.Lc 15,1-2), Người đón nhận những người ấy vào bàn tiệc thời Mê-si-a ( x.Lc 15,23-32). Đặc biệt khi tha tội, Đức Giê-su dồn các nhà chức trách của Ít-ra-en vào thế tiến thoái lưỡng nan. Trong cơn hoảng hốt, họ có lý khi nêu vấn nạn : "Ngoài một mình Thiên Chúa ra, ai có quyền tha tội" (Mc 2,7)? Hoặc là Đức Giê-su phạm thượng khi tha tội vì là người mà dám coi mình ngang hàng với Thiên Chúa ( x.Ga 5,18; 10,33), hoặc là Người nói đúng, và như vậy, chính nơi Người, Thiên Chúa hiện diện và mặc khải danh Thiên Chúa ra (x.Ga 17,6,26).

**590 253.** Chỉ với căn tính là Thiên Chúa, Đức Giê-su mới có quyền đưa ra đòi hỏi tuyệt đối : "Ai không theo tôi, là chống lại tôi" (Mt 12,30); hay tuyên bố : "ở đây có người còn hơn ông Giô-na nữa,... còn hơn vua Xa-lô-mon nữa" (Mt 12,41-42), "hơn cả Đền Thờ nữa" (Mt 12,6); cũng như khi nhắc lại lời Đa-vít đã gọi Đấng Mê-si-a là Chúa của ông (x.Mt 12,36-37); Người khẳng định : "Trước khi có tổ phụ Áp-ra-ham, vẫn có tôi " (Ga 8,58); thậm chí Người còn nói : "Tôi và Chúa Cha là một" (Ga 10,30).

**591 526 574.** Đức Giê-su đòi buộc các nhà chức trách tôn giáo của Giê-ru-sa-lem phải tin vào Người vì Người đã chu toàn những công việc của Chúa Cha (x.Ga 10,36-38). Muốn tin như vậy, phải chết đối với bản thân, để được "sinh ra từ trời cao" (Ga 3,7) dưới tác động của ơn thánh (x.Ga 6,44).

Một đòi hỏi hoán cải quá gay gắt như vậy đối diện với việc thực hiện các lời hứa cách lạ lùng (x.Is 53,1) giúp chúng ta có thể hiểu được sự sai lầm bi đát của Công Nghị Do Thái (Sanhédrim) khi phán quyết Chúa Giê-su đáng chết vì phạm thượng ( x.Mc 3,6; Mt 26,64-66). Họ hành động như vậy vì "không biết việc họ làm" (x.Lc 23,34; Cv 3,17-18) và vì "lòng chai đá" (Mc 3,5; Rm 11,25) mà "cứng tin" (Rm 11,20).

## **TÓM LƯỢC**

**592.** Đức Giê-su không hủy bỏ Lễ Luật núi Xi-nai, nhưng đã kiện toàn (x.Mt 5,17-19) cách tuyệt hảo ( x.Ga 8,46): Người mặc khải ý nghĩa tối hậu (x.Mt 5,33) của Lễ Luật và chuộc tội lỗi người ta đã phạm đối với Lễ Luật (x.Dt 9,15).

**593.** Đức Giê-su tôn kính Đền Thờ : Người lên Đền Thờ vào những dịp lễ hành hương của Do Thái và Người yêu nơi Thiên Chúa cư ngụ giữa loài người này với một tình yêu tha thiết. Đền Thờ báo trước mâu nhiệm của Người. Người loan báo Đền Thờ bị phá hủy là để tỏ cho biết chính Người sẽ bị giết và lịch sử cứu độ bước vào thời đại mới, trong đó Thân Thể Người sẽ là Đền Thờ vĩnh viễn.

**594.** Đức Giê-su có những hành vi như việc tha tội tỏ ra Người là chính Thiên Chúa Cứu Độ (x.Ga 5,16-18). Một số người Do Thái không nhìn nhận Người là Thiên Chúa Làm Người, chỉ thấy Người "là một phạm nhân mà lại tự cho mình là Thiên Chúa" (Ga 10,33), nên đã kết tội Người là phạm thượng.

## Tiết 2 : ĐỨC GIÊSU CHỊU ĐÓNG ĐINH CHẾT TRÊN THẬP GIÁ

### I. VỤ ÁN ĐỨC GIÊ-SU

#### Chia rẽ giữa các nhà chức trách Do Thái về Đức Giê-su

**595.** Đức Giê-su luôn là cơ gây chia rẽ giữa các nhà chức trách tôn giáo ở Giê-ru-sa-lem. Thế nhưng vẫn có những người âm thầm theo làm môn đệ Chúa Giê-su như : ông Ni-cô-đê-mô (x. Ga 7,50) thuộc nhóm Pha-ri-sêu và Gio-sép thành A-ri-ma-tha (x. Ga 19,38-39); cho nên trước ngày Người chịu khổ nạn, thánh Gio-an có thể nói về họ rằng : "Ngay cả trong giới lãnh đạo Do Thái, cũng có nhiều người đã tin vào Đức Giê-su, nhưng họ không dám xưng ra, kẻo bị khai trừ khỏi Hội Đường" (Ga 12,42). Điều này không có gì lạ, vì sau lễ Hiện Xuống "có nhiều tư tế đón nhận đức tin" (Cv 6,7) và "có những người nhóm Pha-ri-sêu đã trở thành tín hữu" (Cv 15,5), đến nỗi thánh Gia-cô-bê có thể nói với thánh Phao-lô rằng : "Có hàng vạn người Do Thái đã tin theo và tất cả đều nhiệt thành đối với luật Mô-sê" (Cv 21,20).

**596 1753.** Các nhà chức trách tôn giáo ở Giê-ru-sa-lem đã không nhất trí với nhau trong cách xử sự đối với Đức Giê-su (x.Ga 9,16; 10,19). Nhóm Pha-ri-sêu dọa tuyệt thông những ai theo Người (x.Ga 9,22). Với những người sợ rằng "mọi người sẽ tin vào Đức Giê-su, rồi người Rô-ma sẽ đến phá hủy cả nơi thánh của ta lẫn dân tộc ta" (Ga 11,48), Thượng Tế Cai-pha đã nói tiên tri khi đề nghị : "Điều có lợi cho các ông là : thà một người chết thay cho dân, còn hơn là toàn dân bị tiêu diệt" (Ga 11,49-50). Thượng Hội Đồng tuyên bố Đức Giê-su "đáng chết" (Mt 26,66) vì tội phạm thượng, nhưng vì đã mất quyền xử tử (x.Ga 18,31), Thượng Hội

Đông đã nộp Đức Giê-su cho người Rô-ma, tố cáo Người về tội xách động chính trị, và liệt Người đồng hàng với Ba-ra-ba và bị tố cáo là "phiến loạn"(Lc 23,19). Các thượng tế cũng đưa ra những lời đe dọa chính trị như vậy để buộc Phi-la-tô kết án tử hình Đức Giê-su (x. Ga 19,12.15,21).

### **Người Do Thái không phải chịu trách nhiệm tập thể về cái chết của Đức Giê-su**

**597 1735.** Vì tính cách phức tạp về lịch sử trong vụ án Chúa Giê-su được các Tin Mừng thuật lại, cũng như lỗi lầm cá nhân của những người tra tay vào vụ án (Giu-đa, Thượng Hội Đồng, Phi-la-tô). Chỉ mình Thiên Chúa biết, nên chúng ta không thể qui trách nhiệm của tội đó cho toàn thể người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem, mặc dù đám đông có bị xúi giục la ó (x. Mc 15,11), và trong những bài giảng kêu gọi hoán cải sau lễ Hiện Xuống (x. Cv 2,23.36; 3,13-14; 4,10; 5,30; 7,52; 10,39; 13,27 28; 1Tx 2,14-15), các tông đồ có trách móc cả tập thể người Do Thái đi nữa. Chính Đức Giê-su trên thập giá đã tha thứ cho họ rồi (x. Lc 23,34), sau đó thánh Phê-rô cũng coi những người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem và cả các thủ lãnh của họ đã hành động vì "không biết" (Cv 3,17). Chúng ta lại càng không thể dựa trên tiếng hò hét của dân chúng : "Máu hấn cứ đổ xuống đầu chúng tôi và con cháu chúng tôi" (Mt 27,25), chỉ có nghĩa như một công thức thừa nhận bản án (x. Cv 5,28; 18,6), mà nói rộng trách nhiệm cho những người Do thái khác mọi thời và mọi nơi :

839. Hội Thánh tuyên bố tại Công đồng Va-ti-ca-nô II :  
"Không thể qui trách nhiệm một cách hàm hồ những tội ác đã phạm trong khi Đức Giê-su bị khổ nạn cho hết mọi người Do Thái thời đó, cũng như cho người Do Thái thời nay .... Từ Thánh Kinh ( x. NA 4),

không thể rút ra kết luận : "Thiên Chúa đã loại bỏ người Do Thái hoặc đã chúc dữ họ."

### **Mọi kẻ tội lỗi là thủ phạm gây ra cuộc khổ nạn của Đức Ki-tô**

**598.** Qua huấn quyền của mình và chứng từ của các thánh, Hội Thánh không bao giờ quên rằng chính những "kẻ phạm tội là thủ phạm và như là dụng cụ thực hiện những cực hình mà Chúa Cứu Thế phải chịu" ( Giáo lý Rô-ma 1,5.11; x. Dt 12,3). Vì tội lỗi chúng ta xúc phạm đến chính Đức Ki-tô (x.Mt 25,45; Cv 9,4-5), nên Hội Thánh không ngần ngại qui cho các Ki-tô hữu trách nhiệm nặng nhất về cực hình Đức Giê-su phải chịu, trách nhiệm mà họ thường trút đổ trên người Do Thái mà thôi :

*1851.* Chúng ta phải coi những kẻ sa đi ngã lại trong tội lỗi là những người đã phạm lỗi tầy trời ấy. Bởi lẽ, chính tội ác của chúng ta đã làm Đức Giê-su Ki-tô phải chịu khổ hình thập giá, thì chắc chắn rằng những ai chìm đắm trong gian tà cũng "tự tay đóng đinh Con Thiên Chúa vào thập giá một lần nữa, và đã công khai sỉ nhục Người" (Dt 6,6). Và phải nhìn nhận rằng, tội ác của chúng ta trong trường hợp này nặng hơn tội của người Do Thái. Vì theo thánh Phao-lô, "nếu họ đã được biết Vua vinh hiển, họ đã chẳng đóng đinh Người vào thập giá" (1Cr 2,8). Trái lại, chúng ta tuyên xưng rằng chúng ta biết Người, nên khi chúng ta chối bỏ Người bằng những hành động, có thể nói được rằng chúng ta đã tra tay giết Người ( Giáo lý Rô-ma 1,5,11).

Không phải qui dữ đã đóng đinh Người trên thập giá; chính bạn cùng với chúng đã đóng đinh Người vào thập giá; và còn đang đóng đinh Người nữa, khi bạn thích thú trong thói xấu và tội lỗi (T.Phan-xi-cô Át-xi-di, khuyến dụ 5,3).

## II. CÁI CHẾT CỨU CHUỘC CỦA ĐỨC KI-TÔ TRONG Ý ĐỊNH CỨU ĐỘ CỦA THIÊN CHÚA

### "Đức Giê-su đã bị nộp theo ý định của Thiên Chúa"

**599 517.** Cái chết đau thương của Đức Giê-su không phải là hậu quả của ngẫu nhiên do các hoàn cảnh bất ngờ hợp lại. Điều này thuộc về mầu nhiệm của ý định Thiên Chúa, như thánh Phê-rô giải thích cho người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem ngay từ bài giảng đầu tiên trong ngày lễ Hiện Xuống : "Người đã bị nộp theo ý Thiên Chúa đã định và biết trước" (Cv 2,23). Kinh Thánh nói như vậy không có nghĩa là những kẻ đã "nộp Đức Giê-su " (Cv 3,13) chỉ thụ động nhập vai trong một kịch bản do Thiên Chúa đã viết trước.

**600 312.** Đối với Thiên Chúa mọi thời điểm đều là hiện tại. Khi tiền định một điều gì đó trong kế hoạch vĩnh cửu, Người cũng "tiền định" tùy theo quyền của mỗi người tự do đáp trả ân sủng của Người : "Đúng vậy, Hê-rô-đê, Phong-xi-ô Phi-la-tô, cùng với các dân ngoại và dân chúng Ít-ra-en đã toa rập trong thành này, chống lại tôi tớ thánh của Người là Đức Giê-su, Đấng Người đã xức dầu. (x.Tv 2,1-2) Như thế họ đã thực hiện tất cả những gì quyền năng và sự khôn ngoan của Người đã định trước" (Cv 4,27-28). Thiên Chúa cho phép xảy ra những hành vi do sự mù quáng của họ (x. Mt 26,54; Ga 18,36;19,11), để thực hiện ý định cứu độ của Người (x. Cv 3,17-18).

## **"Chết vì tội lỗi chúng ta đúng như lời Thánh Kinh"**

**601 652 713.** Ý định cứu độ của Thiên Chúa là giải thoát con người khỏi nô lệ tội lỗi nhờ cái chết của "Người Tội Tớ, Đấng Công Chính" (Is 53,11) ( x.Cv 3,14), ý định này đã được báo trước trong Kinh Thánh như là mâu nhiệm cứu chuộc phổ quát ( x.Is 53,11-12; Ga 8,34-36). Thánh Phao-lô tuyên xưng đức tin mà Người đã "lãnh nhận "(1Cr 15,3): "Đức Ki-tô đã chết vì tội lỗi chúng ta,

## **"Vì chúng ta, Thiên Chúa đã coi Người như hiện thân của tội lỗi"**

**602 400 519.** Vì thế, thánh Phê-rô có thể trình bày đức tin tông truyền về ý định cứu độ của Thiên Chúa như sau : "Anh em đã được giải thoát khỏi lối sống phù phiếm do cha ông anh em truyền lại. Anh em đã được cứu chuộc nhờ bửu huyết của Con Chiên vẹn toàn, vô tì tích, là Đức Ki-tô. Người là Đấng Thiên Chúa đã biết từ trước khi chưa có vũ trụ, và đã xuất hiện vì anh em trong thời cuối cùng này" (1 Pr 1,18-20). Con người phải chết vì những tội lỗi xuất phát từ nguyên tội (x.Rm 5,12; 1Cr 15, 56). Khi cử chính Con Một Người đến trong thân phận tội đời (x.Pl 2,7), thân phận loài người sa đọa và phải chết vì tội lỗi (x.Rm 8,3), "Thiên Chúa vì chúng ta, đã coi Đức Ki-tô, Đấng không hề biết tội là gì, như hiện thân của tội lỗi, để trong Người, chúng ta được trở nên công chính trước mặt Thiên Chúa" (2Cr 5,21).

**603.** Vì không hề phạm tội, Đức Giê-su không bao giờ bị Thiên Chúa ruồng bỏ (x.Ga 8,46). Đức Giê-su đã đón nhận chúng ta trong tình yêu cứu chuộc hằng liên kết Người với Chúa Cha (x.Ga 8,29), cho đến độ Người xem như bị tách lìa Thiên Chúa vì tội chúng ta, nên Người thay chúng ta mà thốt lên trên thập giá : "Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao

Chúa nỡ bỏ con!" ( Mc 15, 34; Tv 22,1). Vì đã muốn liên kết Đức Ki-tô với chúng ta là những kẻ tội lỗi, nên Thiên Chúa "đã chẳng dung tha, nhưng đã trao nộp chính Con Một của Người vì hết thảy chúng ta"(Rm 8,32), để chúng ta "được hoà giải với Người nhờ cái chết của Con Một Người" (Rm 5,10).

### **Vì yêu thương, Thiên Chúa đi bước trước để cứu chuộc mọi người**

**604** 211,2009 1825. Khi trao nộp Con của Người vì tội lỗi chúng ta, Thiên Chúa cho thấy ý định yêu thương của Người đi trước mọi công trạng của chúng ta : "Tình yêu cốt ở điều này: không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta, và đã cử Con của Người đến hy sinh làm của lễ đền tội cho chúng ta" (1Ga 4,10) (x. 4,19). "Bằng chứng Thiên Chúa yêu thương chúng ta, là Đức Ki-tô đã chết vì chúng ta, ngay khi chúng ta còn là tội nhân" (Rm 5,8).

**605** 402 634, 2793. Tình thương này không loại trừ một ai, Đức Giê-su nhắc lại điều này để kết luận dụ ngôn về con chiên lạc: "Cũng vậy, Cha của anh em, Đấng ngự trên trời, không muốn cho một ai trong những kẻ bé mọn này phải hư mất" (Mt 18,14). Người khẳng định "sẽ hiến dâng mạng sống làm giá chuộc *muôn người*" (Mt 20,28). Thuật ngữ này không có ý thu hẹp số người được cứu độ, nhưng chỉ muốn đối chiếu toàn thể nhân loại đồng đảo với một mình Đấng Cứu Độ, tự hiến để cứu chuộc *muôn người* ( x. Rm 5, 18-19). Hội Thánh nổi gót các tông đồ dạy rằng : (x.2 Cr 5,15; 1Ga 2,2) Đức Ki-tô đã chết cho hết thảy mọi người không trừ một ai. "Trước kia, hiện nay cũng như sau này, không có một ai mà Đức Giê-su không chịu chết cho họ" (x. Cđ.Quierey năm 853: DS 624).

### III. ĐỨC KI-TÔ ĐÃ HIẾN DÂNG CHÍNH MÌNH CHO CHÚA CHA VÌ TỘI LỖI CHÚNG TA

#### Tất cả cuộc sống của Đức Ki-tô là của lễ dâng hiến Chúa Cha

**606 517 536.** Con Thiên Chúa, Đấng "từ trời xuống, không phải để làm theo ý Người, nhưng để làm theo ý Đấng đã cử Người" (Ga 6,38),"khi vào trần gian, Người nói:... Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài... Chính theo ý đó của Thiên Chúa, mà chúng ta được thánh hóa nhờ Đức Giê-su Ki-tô đã hiến dâng thân mình làm lễ tế, chỉ một lần là đủ" (Dt 10,5-10). Ngay từ phút đầu tiên khi nhập thể, Chúa Con sống chết với ý định cứu độ của Thiên Chúa trong sứ vụ cứu thế của mình : "Lương thực nuôi sống Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy, và hoàn tất tốt đẹp công trình của Người" (Ga 4,34). Lễ hy sinh của Đức Giê-su "đền bù tội lỗi cả thế gian" (1Ga 2,2) là cách diễn tả sự thông hiệp tình yêu với Chúa Cha : "Sở dĩ Chúa Cha yêu mến tôi, chính vì tôi hy sinh mạng sống mình" (Ga 10,17). "Thế gian phải biết rằng tôi yêu mến Chúa Cha và làm đúng như Chúa Cha đã truyền cho tôi" (Ga 14,31).

**607 457.** Ước muốn sống chết với ý định yêu thương cứu chuộc của Chúa Cha là động lực cho cả cuộc đời Đức Giê-su (x.Lc 12,50; 22,15; Mt 16,21-23), vì cuộc khổ nạn cứu thế là lý do khiến Người nhập thể : "Lạy Cha, xin cứu con khỏi giờ này ! Nhưng chính vì giờ này mà con đã đến" (Ga 12,27). "Chén đắng Chúa Cha đã trao cho Thầy, lẽ nào Thầy chẳng uống ?" (Ga 18,11). Và trên Thập Giá, trước khi "mọi sự đã hoàn tất" (Ga 19,30), Người còn nói : "Tôi khát!" (Ga 19,28).

## **"Chiên con xóa bỏ tội trần gian"**

**608 523 517.** Sau khi chấp nhận ban phép rửa cho Đức Giê-su giữa những kẻ tội lỗi (x. Lc 3,21; Mt 3,14-15), Gio-an Tẩy Giả đã thấy và giới thiệu Người : "Đây là Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa bỏ tội trần gian" (Ga 1,29) ( x. Ga 1,36). Như vậy ông cho thấy rằng Đức Giê-su vừa là Người Tội Tớ đau khổ, im lặng chịu dẫn đến lò sát sinh (Is 53,7) (x. Gr 11,19) và gánh tội lỗi muôn dân (x. Is 53,12), vừa là Chiên Vượt Qua biểu tượng cho việc Ít-ra-en được cứu chuộc trong cuộc Vượt Qua lần đầu (Xh 12,3-14) ( x. Ga 19,36; 1Cr 5,7). Toàn bộ cuộc đời của Đức Ki-tô diễn tả sứ mạng của Người là "hầu hạ và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người" (Mc 10,45).

## **Đức Giê-su tự nguyện sống chết theo tình thương cứu chuộc của Chúa Cha**

**609 478 515 272,539.** Khi sống chết với tình thương của Chúa Cha dành cho con người bằng trọn trái tim nhân loại của mình, Đức Giê-su "đã thương yêu họ đến cùng" (Ga 13,1) "vì không có tình thương nào lớn hơn tình thương của người hy sinh mạng sống mình cho bạn hữu" (Ga 15,13). Như vậy, trong đau khổ và cái chết, nhân tính của Người đã trở thành dụng cụ tự do và hoàn hảo cho tình yêu Thiên Chúa luôn ước muốn cứu chuộc loài người ( x. Dt 2,10,17-18; 4,15; 5,7-9). Quả thật, Người đã tự do chấp nhận chịu nạn và chịu chết vì yêu mến Chúa Cha và yêu mến loài người mà Chúa Cha muốn cứu độ : "Mạng sống của tôi, không ai lấy đi được, nhưng chính tôi tự ý hy sinh mạng sống mình" (Ga 10,18). Do đó, Chúa Con đã tự do tột bậc khi hiến thân chịu chết (x. Ga 18,4-6; Mt 26,53).

## **Trong bữa Tiệc Ly, Đức Giê-su đã tự do hiến dâng mạng sống của mình trước**

**610 766 1337.** Vào "đêm bị nộp" (1Cr 11,23) Đức Giê-su diễn tả tội độ việc tự hiến bản thân Người trong bữa tiệc với mười hai tông đồ ( x.Mt 26,20) . Hôm trước ngày chịu nạn, khi còn hoàn toàn tự do, Đức Giê-su đã biến buổi Tiệc Ly với các tông đồ thành lễ tưởng niệm việc Người tự nguyện hiến dâng cho Chúa Cha (x.1Cr 5,7) để cứu độ nhân loại : "Đây là Mình Thầy *hiến tế* vì anh em" (Lc 22,19). "Đây là Máu Thầy, Máu để lập Giao ước *sẽ đổ ra* cho muôn người được tha tội" (Mt 26,28).

**611 1364 1341,1566.** Bí tích Thánh Thể Chúa Giê-su thiết lập sẽ là "lễ tưởng niệm" (1Cr 11,25) hy tế của Người. Người hội nhập các tông đồ vào lễ hiến dâng của Người và yêu cầu họ lưu truyền hy lễ này mãi mãi ( x.Lc 22,19). Như thế, Đức Giê-su đặt các tông đồ làm tư tế Giao Ước mới : "Vì họ, con xin thánh hiến chính mình con, để trong chân lý, họ cũng được thánh hiến" (Ga 17,19) (x.Cđ.Trente: DS 1752;1764).

## **Đức Giê-su hấp hối trong vườn Giết-sê-ma-ni**

**612 533,2600 1009.** Chén Giao Ước mới mà Đức Giê-su đã dâng trước trong bữa Tiệc Ly, giờ đây, Người lãnh nhận từ tay Cha trong chén hấp hối tại Giết-sê-ma-ni (x.Mt 26,42), khi Người "vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết" (Pl 2,8; Dt 5,7-8). Đức Giê-su cầu nguyện : "Lạy Cha, nếu được, xin cho con khỏi uống chén đắng này..." (Mt 26,39). Người diễn tả nỗi khiếp sợ mà nhân tính của Người cảm nghiệm trước cái chết. Thật vậy, nhân tính của Đức Giê-su cũng như của chúng ta được Thiên Chúa dựng nên để sống đời đời, nhưng khác với chúng ta, nhân tính này hoàn toàn không có tội (x.Dt 4,15), mà tội mới gây nên sự chết (x.Rm 5,12); nhất là

nhân tính này đã được Ngôi Vị Thiên Chúa của "Đấng khơi nguồn sự sống" (Cv 3,15), "Đấng hằng sống" (Kh 1,17) (x Ga 1,4;5,26) đảm nhận. Với ý chí nhân loại, Đức Giê-su chấp nhận thánh ý Chúa Cha ( x.Mt 26,42), đón nhận cái chết để cứu độ con người, nhờ đó "tội lỗi chúng ta, chính Người mang vào thân thể mà đưa lên cây thập giá" (1Pr 2,24).

### **Đức Giê-su chịu chết làm hy lễ duy nhất và chung cuộc**

**613 1366 2009.** Đức Ki-tô chịu chết vừa là hy tế Vượt Qua hoàn tất việc cứu độ chung cuộc loài người (x.1Cr 5,7; Ga 8,34-36) vì "Chiên Thiên Chúa, Đấng xóa bỏ tội trần gian" (Ga 1,29) (x.1Pr 1,19), vừa là hy tế của Giao Ước Mới (x.1Cr 11,25) cho con người hiệp thông lại với Thiên Chúa ( x.Xh 24,8), bằng cách giao hòa con người với Thiên Chúa nhờ "máu được đổ ra cho muôn người được tha tội" (Mt 26,28) (x.Lv 16,15-16).

**614 529,1330 2100.** Hy tế của Đức Ki-tô là duy nhất, hoàn tất và vượt trên mọi hy tế (x.Dt 10,10). Trước hết hy tế này là một hồng ân của chính Chúa Cha : Chúa Cha phó nộp Con Mình để giao hòa chúng ta với Người (x.1 Ga 4,10). Kế đến, đây cũng là việc Chúa Con làm người, với ý chí tự do và vì mến yêu (x.Ga 15,13), hiến dâng mạng sống mình (x.Ga 10,17-18) cho Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần (x.Dt 9,14), để đền bù sự bất tuân của chúng ta.

### **Đức Giê-su thay thế sự bất tuân của chúng ta bằng sự vâng phục của Người**

**615 1850 433 411.** "Cũng như vì một người duy nhất đã không vâng lời Thiên Chúa, mà muôn người bị liệt vào hàng tội nhân, thì nhờ một người duy nhất đã vâng lời Thiên Chúa, muôn người cũng sẽ được kể là công chính" (Rm 5,19). Nhờ

vâng phục cho đến chết, Đức Giê-su đảm nhận hoàn toàn vai trò Người Tôi Tớ đau khổ, "hiến mạng sống mình làm Cửa lễ đền tội muôn dân", "khi làm cho họ nên công chính bằng cách chính Người gánh lấy tội lỗi của họ" (Is 53,10-12). Đức Giê-su đã đền bù và đền tạ thỏa đáng cho Chúa Cha vì tội lỗi của chúng ta (Cđ Tren-tô:DS 1529).

### **Đức Giê-su hoàn thành hy lễ của Người trên thập giá**

**616 478 468 519.** Vì Đức Giê-su đã "yêu thương đến cùng" (Ga 13,1) nên hy tế của Người có giá trị cứu chuộc và đền bù, xá tội và đền tạ. Người biết và thương yêu hết thảy chúng ta trong việc hiến dâng mạng sống của Người (x.Ga 2,20; Ep. 5,2.25). "Tình yêu Đức Ki-tô thôi thúc chúng tôi, khi chúng tôi nghĩ rằng : nếu một người đã chết thay cho mọi người, thì mọi người đều chết" (2 Cr 5,14). Không ai, dù thánh thiện nhất, có thể gánh hết tội lỗi mọi người và hiến mình làm hy lễ cho mọi người. Vì là Con Thiên Chúa, Đức Ki-tô vừa vượt trời vừa đồng thời bao gồm mọi người và là đầu toàn thể nhân loại, nên Người mới có thể dâng hy tế cứu chuộc *mọi người*.

**617 1992 1235.** Nhấn mạnh đến hy lễ duy nhất của Đức Ki-tô như "nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu" (Dt 5,9), Công Đồng Tren-tô dạy (DS 1529) : "Nhờ cuộc khổ nạn trên cây thập giá, Đức Ki-tô công chính hoá chúng ta". Và khi tôn kính Thánh Giá, Hội Thánh ca ngợi : "Ôi Thánh Giá, nguồn cây trồng duy nhất của chúng con !"

### **Đức Ki-tô cho chúng ta tham dự vào hy tế của Người**

**618 1368,1460 307,2100 964.** Thánh Giá là hy tế duy nhất của Đức Ki-tô, "Đấng trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người" (1Tm 2,5). Nhưng, vì khi nhập thể, Con

Thiên Chúa "đã kết hợp với tất cả mọi người" (GS 22,2), nên đã "ban cho mọi người khả năng được thông phần vào mầu nhiệm Vượt Qua cách nào đó chỉ có Chúa biết thôi" (GS 22,5). Người mời gọi môn đệ "vác thập giá mình mà theo Người" (Mt 16,24), vì "Người đã chịu đau khổ vì chúng ta, đã để lại một gương mầu cho chúng ta dõ bước theo Người" (1 Pr 2,21). Thật vậy, Người muốn cho những kẻ đầu tiên được hưởng nhờ hy tế đó, cùng thông phần vào hy tế cứu độ của Người ( x. Mc 10,39; Ga 21,18-19; Cl 1,24). Điều ấy được thể hiện tột bực nơi Thân Mẫu của Người, Đấng đã thông phần vào mầu nhiệm đau thương cứu độ của Người mật thiết hơn ai khác (x. Lc 2,35):

Ngoài thập giá, không có chiếc thang nào khác để lên trời" (T. Rô-sa thành Li-ma,).

## **TÓM LƯỢC**

**619.** *Đức Ki-tô đã chết vì tội lỗi chúng ta đúng như lời Thánh Kinh " (1Cr 15,3)*

**620.** *Vì yêu mến, Thiên Chúa đã đi bước trước để cứu độ chúng ta. "Người đã yêu thương chúng ta, và cử Con của Người đến hy sinh làm của lễ đền tội cho chúng ta" (1Ga 4,10). "Trong Đức Ki-tô, Thiên Chúa đã cho thế gian được hoà giải với Người" (2Cr 5,19).*

**621.** *Đức Giê-su tự hiến để cứu độ chúng ta. Người cho thấy ý nghĩa và thể hiện trước sự tự hiến này trong bữa Tiệc Thánh : "Đây là mình Thầy, hiến tế vì anh em" (Lc 22,19).*

**622.** *Đức Ki-tô cứu chuộc nhân loại bằng cách "hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người" (Mt 20,28), nghĩa là "thương yêu những kẻ thuộc về mình đến cùng" (Ga 13,1), để*

"giải thoát họ khỏi lối sống phù phiếm do cha ông họ truyền lại" (1Pr 1,18).

**623.** Nhờ yêu thương vô bờ Chúa Cha "đến nỗi chết trên cây thập giá" (Pl 2,8), Đức Giê-su hoàn tất sứ mạng đền tội của Người Tội Tớ đau khổ, "làm cho muôn người nên công chính bằng cách gánh lấy tội lỗi của họ" (Is 53,11; x.Rm 5,19).

### **Tiết 3: ĐỨC GIÊSU KITÔ ĐƯỢC MAI TÁNG**

**624** 1005, 362 349. "Đức Giê-su đã phải nếm sự chết, là để cho mọi người được cứu độ, nhờ ơn Thiên Chúa" (Dt 2,9). Trong ý định cứu độ, Thiên Chúa đã an bài cho Chúa Con không những "chết vì tội lỗi chúng ta" (1Cr 15,3), nhưng còn phải "nếm sự chết", nghĩa là trải qua cái chết, trạng thái hôn và xác tách rời nhau, từ lúc Người tắt thở trên thập giá cho đến khi sống lại. "Đức Ki-tô trải qua cái chết" là mẫu nhiệm trong việc Người được mai táng và xuống ngục tổ tông. Đó là mẫu nhiệm được tưởng nhớ vào ngày Thứ Bảy Tuần Thánh : Đức Ki-tô nghỉ yên trong mồ (x.Ga 19,42) nói lên sự yên nghỉ ngày sa-bát vĩ đại của Thiên Chúa (x.Dt 4,4-9), sau khi hoàn tất việc cứu độ loài người (x.Ga 19,30) và đem lại bình an cho toàn thể vũ trụ (x.Cl 1,18-20).

#### **Thân xác Đức Ki-tô được mai táng**

625. Thời gian Đức Ki-tô nghỉ yên trong mồ thật sự nối kết tình trạng có thể chịu đau khổ trước phục sinh với tình trạng vinh hiển hiện tại của Đấng Phục Sinh. Chính Đấng "hằng sống" có thể nói : "Ta đã chết, và nay Ta sống đến muôn thuở muôn đời" (Kh 1,18) :

Chúa Con đã để cho cái chết tách rời hồn khỏi xác, theo bản tính tự nhiên, nhưng Người đã kết hợp hồn với xác lại nhờ sự phục sinh, để bản thân *Người trở thành giao điểm của sự chết và sự sống* bằng cách ngăn chặn sự tan rã tự nhiên của thân xác do sự chết và trở thành nguyên lý hợp nhất của các phần đã bị tách rời (T. Ghê-rô-ni-ô thành Nít-xê, sách giáo lý 16).

**626 470, 650.** Vì "Đấng khơi nguồn sự sống" mà người ta đã giết chết (Cv 3,15) cũng là "Đấng hằng sống đã phục sinh" (Lc 24,5-6), nên Ngôi Vị Thần Linh của Con Thiên Chúa vẫn tiếp nhận hồn và xác của Người bị cái chết tách rời:

Khi Đức Ki-tô chết, hồn đã lìa khỏi xác, nhưng ngôi vị duy nhất của Người không bị chia ra, vì ngay từ đầu nơi Ngôi Lời Nhập thể, xác và hồn hiện hữu ngang nhau; dù trong cái chết hồn xác tách rời nhau, nhưng vẫn ở với ngôi vị duy nhất của Ngôi Lời (T. Gio-an Da-mát 3,27).

### **"Chúa không để Đấng Thánh của Người phải hư nát"**

**627 1009 1683.** Cái chết của Đức Ki-tô là cái chết thật sự, vì đã chấm dứt cuộc đời trần thế của Người. Nhưng bởi ngôi vị Chúa Con vẫn kết hợp với thân xác Người, nên thân xác ấy không trở thành một thi hài như trong những trường hợp khác, "vì lẽ cái chết không tài nào không chế được Người mãi" (Cv 2,24). Do đó, quyền năng Thiên Chúa đã gìn giữ thân xác Người khỏi hư nát" (T. Tô-ma Aquino tổng luận thần học 3,51,3). Về Đức Ki-tô, người ta có thể nói : "Người đã bị khai trừ khỏi cõi nhân sinh" (Is 53,8), và cũng có thể nói : "Cả thân xác con nghỉ ngơi trong niềm hy vọng rằng

Chúa chẳng đành bỏ mặc hồn con trong cõi âm ty; cũng không để vị thánh của Ngài phải hư nát" (Cv 2,26-27) (x.Tv 16,9-10). Việc Đức Giê-su sống lại vào "ngày thứ ba" (1 Cr 15,4; Lc 24,46) (x.Mt 12,40; Gn 2,11; Hs 6,2) minh chứng điều ấy, vì theo quan niệm của người xưa, việc hư nát thường xảy ra từ ngày thứ tư (x.Ga 11,39).

### **"Cùng chịu mai táng với Đức Ki-tô..."**

**628 537 1215.** Thuở ban đầu Hội Thánh ban bí tích Thánh Tẩy bằng cách chìm thụ nhân xuống nước. Hành động này có ý nghĩa là người Ki-tô hữu chết cho tội lỗi phải chịu mai táng cùng với Đức Ki-tô để sống một đời sống mới : "Vi được chìm vào trong cái chết của Người, chúng ta cùng được mai táng với Đức Ki-tô. Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới" (Rm 6,4) (x.Cl 2,12; Ep.5,26).

### **TÓM LƯỢC**

**629.** *Vì mọi người, Đức Giê-su đã ném sự chết (x.Dt 2,9). Chính Chúa Con làm người đã chết và đã được mai táng.*

630. *Trong thời gian Đức Ki-tô nghỉ yên trong mồ, Ngôi Vị Thiên Chúa của Người vẫn tiếp nhận hồn và xác bị cái chết tách rời. Đó là lý do thân xác của Đức Ki-tô đã chết mà "không phải hư nát" (Cv 13,37).*

## Mục 5

### "ĐỨC GIÊSU KITÔ XUỐNG NGỤC TỎ TÔNG, NGÀY THỨ BA BỞI TRONG KẼ CHẾT MÀ SỐNG LẠI"

**631.** "Đức Giê-su đã xuống tận các vùng sâu thẳm dưới đất. Đấng đã xuống, cũng chính là Đấng đã lên" (Ep 4,9-10). Kinh Tin Kính các tông đồ tuyên xưng, trong cùng một tín điều, việc Đức Ki-tô xuống ngục tở tông và việc ngày thứ ba Người bởi trong kẻ chết mà sống lại. Vì trong cuộc Vượt Qua của Người, chính từ trong lòng cái chết mà Người làm vọt lên sự sống :

Đức Ki-tô, Con yêu quý của Cha,  
Đấng đã từ cõi chết sống lại,  
đem ánh sáng thanh bình chiếu soi muôn dân.  
Người là Đấng hằng sống hiển trị muôn đời .  
A-men (MR. Sách lễ: bài công bố Tin Mừng Phục Sinh-đêm vọng P.S).

#### Tiết 1 : ĐỨC KITÔ ĐÃ XUỐNG NGỤC TỎ TÔNG

**632.** Nhiều đoạn Tân Ước khẳng định Đức Giê-su "chỗi dậy từ cõi chết" (Cv 3,15; Rm 8,11; 1Cr 15,20), tức là, trước khi sống lại, Người đã ở nơi kẻ chết (x.Dt 13,20). Khi rao giảng việc Đức Giê-su xuống ngục tở tông, các tông đồ muốn nói là : Đức Giê-su đã chết như mọi người, và linh hồn Người xuống cõi âm, nhưng xuống với tư cách là Đấng Cứu

Độ, để loan báo Tin Mừng cho các vong linh bị giam cầm nơi đó (x. 1Pr 3,18-19).

**633 1033.** Kinh Thánh gọi nơi trú ngụ của các vong linh là âm phủ (Shéol) hoặc âm ty (Hadés) (x. Pl 2,10; Cv 2,24; Kh 1,18; Ep 4,9). Trước khi Đấng cứu chuộc đến, mọi người đã chết, dù lành hay dữ (x. Tv 89,49; Is 28,19; Ed 32,17-32), đều phải vào chốn này. Ở đó, họ không được nhìn thấy Thiên Chúa (x. Tv 6,6; 88,11-13) và đang chờ đợi Đấng Cứu Chuộc. Số phận của họ không giống hết nhau, như Đức Giê-su cho thấy qua dụ ngôn La-da-rô nghèo khổ được rước vào "lòng Áp-ra-ham" (x. Lc.16,22-26). "Khi xuống ngục tổ tông, Đức Giê-su giải thoát chính những tâm hồn lành thánh "trong lòng Áp-ra-ham" ấy đang chờ đợi Đấng giải thoát" (x. Giáo lý Rôma 1.6,9). Đức Giê-su xuống ngục tổ tông không phải để giải thoát những kẻ bị án phạt đời đời hoặc để phá hủy địa ngục đọa đày (x. DS 1011;1077), nhưng để giải thoát những người công chính đã chết trước khi Người đến (x. Cđ Tô-lê-đô IV năm 625: DS 485; Mt 27,52-53).

**634 605.** "Tin Mừng cũng được loan báo cho cả kẻ chết..." (1Pr 4,6). Việc Đức Giê-su xuống ngục tổ tông hoàn tất cách sung mãn việc rao giảng Tin Mừng cứu độ. Đây là chặng cuối cùng trong sứ mạng Mê-si-a của Đức Giê-su, tuy diễn ra trong một thời gian ngắn ngủi, nhưng có ý nghĩa vô cùng lớn lao là công cuộc cứu độ được mở rộng cho mọi người thuộc mọi thời và mọi nơi. Như vậy, tất cả những kẻ được cứu độ đều do Đức Ki-tô.

**635.** Như thế Đức Ki-tô đã xuống âm phủ (x. Mt 12,40; Rm 10,7; Ep 4,9) để "kẻ chết nghe tiếng Con Thiên Chúa và ai nghe thì được sống" (Ga 5,25). Đức Giê-su, "Đấng khơi nguồn sự sống" (Cv 3,15), đã "nhờ cái chết của Người, tiêu diệt tên lãnh chúa gây ra sự chết, tức là ma quỷ, và đã giải

thoát những ai vì sợ chết mà suốt đời sống trong tình trạng nô lệ" (Dt 2,14,15). Từ nay, Đức Ki-tô Phục Sinh "nắm giữ chìa khóa của sự chết và âm phủ" (Kh 1,18) và "khi vừa nghe Danh Thánh Giê-su, cả trên trời dưới đất và trong nơi âm phủ, muôn vật phải bái quỳ" (Pl 2,10):

Hôm nay mặt đất hoàn toàn thịnh lặng, hoàn toàn thịnh lặng và hoàn toàn cô quạnh. Hoàn toàn thịnh lặng vì Đức Vua an giấc. Trái đất run rẩy rồi yên tĩnh lại, vì Thiên Chúa đang ngủ trong xác phàm và Người đi đánh thức những kẻ đang ngủ từ bao đời ... Người đi tìm nguyên tổ A-đam như tìm con chiên lạc. Người muốn thăm viếng tất cả những ai đang ngồi trong tối tăm và trong bóng sự chết. Vừa là Thiên Chúa, vừa là con cháu của nguyên tổ, Người đi giải thoát A-đam và E-và đang đau khổ trong gông cùm xiềng xích ... "Ta là Chúa của ngươi, nhưng vì ngươi, Ta đã trở thành con của ngươi. Hỡi người ngủ mê, hãy chỗi dậy ! vì Ta dựng nên ngươi không phải để cho ngươi ở lại đây trong gông cùm âm phủ. Hãy chỗi dậy từ cõi chết, vì Ta là sự sống của những kẻ đã chết (Bài giảng cổ vào thứ bảy tuần thánh).

## **TÓM LƯỢC**

**636.** *Khi nói "Đức Giê-su xuống ngục tổ tông", kinh Tin Kính tuyên xưng Đức Giê-su đã chết thực sự, và bởi Người đã chết vì chúng ta, Người thắng được sự chết và ma quỷ, "tên lãnh chúa gây ra sự chết" (Dt 2,14).*

**637.** *Khi chết, linh hồn Đức Ki-tô vẫn hợp nhất với Ngôi Hai Thiên Chúa, đã xuống âm phủ, mở cửa trời cho những kẻ công chính chết trước Người.*

## Tiết 2: NGÀY THỨ BA NGƯỜI TỪ TRONG KẸ CHẾT MÀ SỐNG LẠI

**638** 90 651 991. "Chúng tôi xin loan báo cho anh em Tin Mừng này: điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta, thì Người đã thực hiện cho chúng ta là con cháu các ngài, khi làm cho Đức Giê-su sống lại" (Cv 13,32-33). Đức Giê-su Phục Sinh là chân lý tuyệt đỉnh của đức tin Ki-tô giáo, được cộng đoàn tín hữu tiên khởi tin và sống như là chân lý trung tâm, được Truyền Thống lưu truyền như chân lý căn bản, được các văn kiện Tân Ước xác lập, được rao giảng như phần chủ yếu của mầu nhiệm Vượt Qua và Thập Giá:

Đức Ki-tô từ cõi chết sống lại,  
Người đã chết để chiến thắng tử thần Và ban sự sống  
cho kẻ đã chết.

### I. BIẾN CỐ LỊCH SỬ VÀ SIÊU VIỆT

**639.** Đức Ki-tô phục sinh là một biến cố có thật với những chứng từ có giá trị lịch sử, được Tân Ước xác nhận. Khoảng năm 56, thánh Phao-lô đã viết cho tín hữu thành Cô-rin-tô : "Tôi truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã lãnh nhận, đó là: Đức Ki-tô đã chết vì tội lỗi chúng ta đúng như lời Thánh Kinh, rồi Người được mai táng, và ngày thứ ba chỗi dậy, đúng như lời Thánh Kinh. Người đã hiện ra với ông Kê-pha, rồi nhóm Mười Hai" (1Cr 15,3-4). Thánh Phao-lô nói đến truyền thống sống động về mầu nhiệm Phục Sinh mà ngài đã học sau khi hoán cải ở cổng thành Đa-mát (x.Cv 9,3-18).

### Ngôi Mồ trống không

**640 999.** "Sao các bà lại đến giữa kẻ chết mà tìm Đấng hằng sống ? Người không còn đây nữa, nhưng đã sống lại rồi" (Lc 24,5-6). Trong biến cố phục sinh, yếu tố đầu tiên mà ta gặp là ngôi mộ trống, Tự nó, sự kiện này không phải là một bằng chứng trực tiếp. Việc thân xác Đức Ki-tô không còn trong mộ có thể được giải thích cách khác (x.Ga 20,13; Mt 28,11-15). Dầu vậy, mọi người đều coi ngôi mộ trống là dấu chỉ chủ yếu. Việc phát hiện mộ trống là bước đầu dẫn các môn đệ đến việc nhìn nhận chính sự kiện Chúa sống lại. Đó là trường hợp các phụ nữ đạo đức (x.Lc 24,3,22-23), tiếp đến là Phê-rô (x.Lc 24,12). Khi vào trong mộ trống và thấy "những băng vải để ở đó" (Ga 20,6)", người môn đệ Đức Giê-su yêu quý" (Ga 20,2) khẳng định rằng : "Ông đã thấy và ông đã tin" (Ga 20,8). Điều này giả thiết rằng : khi thấy mộ trống ( x.Ga 20,5-7), ông nhận ra việc mất xác Chúa không phải là do loài người, và Đức Giê-su đã không đơn gian trở lại cuộc sống trần thế như trường hợp La-da-rô vậy ( x.Ga 11,44).

### **Những lần hiện ra của Chúa Phục sinh**

**641 553 448.** Những người đầu tiên được gặp Đấng Phục Sinh (x.Mc 16,1; Lc 24,1; Mt 28,9-10; Ga 20,11-18) là bà Ma-ri-a Mác-đa-la và các phụ nữ đạo đức đến để hoàn tất việc ướp xác Đức Giê-su (x. Ga 19,31.42) đã được mai táng vội vã vào chiều Thứ Sáu Tuần Thánh, vì ngày sa-bát sắp bắt đầu. Như vậy, các phụ nữ là những sứ giả đầu tiên loan báo Đức Ki-tô sống lại cho chính các tông đồ (Lc 24,9-10). Về phần các tông đồ, Đức Ki-tô hiện ra trước hết với Phê-rô, sau đó với nhóm Mười Hai (x.1Cr 15,5). Vì được mời gọi cùng cố niềm tin của anh em mình (x.Lc 22,31-32), nên Phê-rô được thấy Đấng Phục Sinh trước họ. Chính dựa trên chứng từ của ông, mà cộng đoàn kêu lên : "Chúa đã sống lại thật rồi, và đã hiện ra với ông Xi-mon" (Lc 24, 34.36).

**642** 659 , 881 860. Tất cả những gì đã xảy ra trong những ngày lễ Vượt Qua đó thôi thúc các tông đồ, đặc biệt là Phê-rô, ra sức xây dựng một kỷ nguyên mới đã bắt đầu từ sáng ngày Phục Sinh. Với tư cách chứng nhân của Đấng Phục Sinh, họ là những viên đá nền móng của Hội Thánh Người. Đức tin của cộng đoàn tín hữu tiên khởi được xây dựng trên lời chứng của những con người cụ thể mà các Ki-tô hữu quen biết và phân đông còn sống giữa họ. Các "chứng nhân về cuộc Phục Sinh của Đức Ki-tô" (x.Cv 1,22) trước tiên là Phê-rô và Nhóm Mười Hai, nhưng không chỉ mình họ : thánh Phao-lô nói rõ ràng Đức Giê-su "đã hiện ra với hơn năm trăm người một lượt; Người cũng hiện ra với ông Gia-cô-bê rồi với tất cả các tông đồ" (1Cr 15,4-8).

**643.** Với những chứng từ này, chúng ta có thể khẳng định Đức Ki-tô đã phục sinh trên bình diện thể lý và phải nhận đó là một sự kiện lịch sử. Từ các sự kiện, chúng ta rút ra kết luận : đức tin của các môn đệ đã bị thử thách triệt để do việc Đức Giê-su chịu nạn chịu chết trên cây thập giá, sự kiện đã được Người báo trước (x. Lc 22,31-32). Cuộc khổ nạn đã làm cho các môn đệ bị chấn động mạnh đến nỗi họ (ít ra là một số ) không tin ngay việc Chúa sống lại. Các sách Tin Mừng không hề nói đến một cộng đoàn cuồng nhiệt trong hừng khởi thần bí, nhưng cho thấy "các môn đệ ủ rũ" (Lc 24,17) và sợ hãi (x. Ga 20,19). Họ không tin lời các phụ nữ đạo đức viếng mộ trở về, nhưng "cho là chuyện nhảm nhí" (Lc 24,11) (x.Mc 16,11-13). Khi tỏ mình cho Nhóm Mười Một, chiều ngày Phục Sinh, Đức Giê-su "khiến trách các ông không tin và cứng lòng, bởi lẽ các ông không chịu tin những kẻ đã được thấy Người, sau khi Người sống lại" (Mc 16,14).

**644.** Dù đối diện với thực tế là Đức Giê-su phục sinh, các môn đệ vẫn còn nghi ngờ (x. Lc 24,38) vì không tin rằng điều này có thể xảy ra được, nên họ tưởng trông thấy ma

(x.Lc 24,39). "Các ông vẫn chưa dám tin vì mừng quá, và còn đang ngỡ ngàng" (Lc 24,41). Ông Tô-ma cũng đã từng nghi ngờ như vậy (x.Ga 20,24-27). Và khi Đức Giê-su hiện ra lần cuối cùng tại Ga-li-lê, theo thánh Mat-thêu tường thuật "có mấy người vẫn còn hoài nghi" (Mt 28,17). Do đó, giả thuyết cho rằng Phục Sinh là "sản phẩm" của đức tin (hoặc do nhẹ dạ) của các tông đồ, không đứng vững. Trái lại, dưới tác động của ơn thánh, các ông tin vào cuộc Phục Sinh vì có kinh nghiệm trực tiếp về việc Đức Giê-su đã thực sự sống lại.

### **Trạng thái nhân tính của Đức Ki-tô Phục Sinh**

**645 999.** Đức Giê-su phục sinh có những tương quan trực tiếp với các môn đệ của Người, qua tiếp xúc (x.Lc 24,39; Ga 20,27) và việc chia sẻ bữa ăn (x.Lc 24,30.41-43; Ga 21,9.13-15). Nhờ đó, Người muốn cho họ thấy Người không phải là ma (x.Lc 24,39), và thân xác phục sinh của Người chính là thân xác đã bị hành hạ và đóng đinh thập giá, vì còn mang dấu vết cuộc khổ nạn (x.Lc 24,40; Ga 20,20,27). Tuy nhiên thân xác đúng nghĩa và có thật này có các đặc tính mới của một thân xác vinh hiển : Người không còn bị ràng buộc trong không gian và thời gian nữa, nhưng có thể đi đâu và lúc nào tùy ý, vì nhân tính của Người không còn bị giam giữ trên trần thế mà chỉ thuộc về thế giới thần linh của Chúa Cha (x.Ga 20,17). Do đó Đức Giê-su phục sinh hoàn toàn tự do để hiện ra như Người muốn : dưới hình dáng một người làm vườn (x.Ga 20,14-15) hoặc "dưới hình dạng khác" (Mc 16,12) hơn những hình dạng quen thuộc với các môn đệ, nhằm khơi dậy đức tin của họ (x. Ga 20,14.16; 21,4.7).

**646 934 549.** Đức Ki-tô Phục Sinh không có nghĩa là Người trở lại với đời sống trần thế, như trường hợp của những kẻ Người đã cho sống lại trước cuộc Vượt Qua : con gái ông Giai-rô, người thanh niên thành Na-im, ông La-da-rô. Các sự

kiện này là những biến cố kỳ diệu, tuy nhiên những người được hưởng phép lạ đó, nhờ quyền năng của Đức Giê-su, chỉ trở lại với cuộc sống trần thế "bình thường"; rồi một lúc nào đó, họ vẫn phải chết. Đức Ki-tô Phục Sinh thì hoàn toàn khác hẳn. Trong thân xác sống lại, Người chuyển từ trạng thái chết sang cuộc sống khác, vượt trên thời gian và không gian. Thân xác của Đức Giê-su Phục Sinh tràn đầy quyền năng Chúa Thánh Thần. Thân xác này tham dự vào đời sống thân linh vinh hiển, đến nỗi thánh Phao-lô có thể nói : Đức Ki-tô là "người thượng giới" (1Cr 15,35-50).

### **Phục Sinh, biến cố siêu việt**

**647 1000.** Trong đêm Phục Sinh, Hội Thánh hát : "Ôi đêm thật diệu phúc, đêm duy nhất biết được thời gian Đức Ki-tô từ cõi chết phục sinh". Thực vậy, không một ai chứng kiến tận mắt biến cố Phục Sinh và không một thánh sử nào mô tả nó. Không ai có thể nói Phục Sinh đã diễn biến như thế nào về mặt thể lý. Giác quan lại càng khó nhận ra được yếu tính sâu xa nhất của Phục Sinh là sự chuyển qua một cuộc sống khác. Tuy Phục Sinh là biến cố lịch sử, có thể ghi nhận được nhờ dấu chỉ mộ trống và những lần gặp gỡ thực sự giữa các tông đồ với Đức Ki-tô sống lại, nhưng Phục Sinh vẫn là trung tâm mầu nhiệm đức tin, vì nó siêu việt và vượt trên mọi chiều kích lịch sử. Do đó, Đức Ki-tô Phục Sinh không tỏ mình ra cho thế gian (x. Ga 14,22) mà chỉ cho các môn đệ của Người, "cho những kẻ từng theo Người từ Ga-li-lê lên Giê-ru-sa-lem. Giờ đây chính họ làm chứng cho Người trước mặt dân" (Cv 13,31).

## **II. PHỤC SINH, CÔNG TRÌNH CỦA BA NGÔI THIÊN CHÚA**

**648** 258 989 663 445 272. Phục Sinh của Đức Ki-tô là đối tượng của đức tin, vì đó là sự can thiệp siêu việt của chính Thiên Chúa trong công trình sáng tạo và trong lịch sử. Trong cuộc Phục Sinh này, cả Ba Ngôi Thiên Chúa vừa cùng chung hoạt động, vừa biểu lộ tính cách riêng biệt của mình. Phục Sinh được thực hiện do quyền năng của Chúa Cha, Đấng "đã làm cho Đức Ki-tô Con của Người sống lại"(Cv 2,24); nhờ đó, Chúa Cha đưa trọn nhân tính - cùng với thân xác - của Đức Ki-tô vào mẫu nhiệm Ba Ngôi một cách hoàn hảo. Đức Giê-su được mặc khải chung cuộc là "Con Thiên Chúa với tất cả quyền năng theo Thánh Thần do việc Người từ cõi chết sống lại" (Rm 1,3-4). Thánh Phao-lô nhấn mạnh đến việc Thiên Chúa biểu lộ quyền năng (x.Rm 6,4; 2Cr 13,4; Pl 3,10; Ep 1,19-22; Dt 7,16) qua công trình của Thánh Thần làm cho nhân tính đã chết của Đức Giê-su được sống lại và nâng lên tình trạng vinh hiển.

**649.** Về phần Chúa Con, Người tự sống lại do quyền năng Thiên Chúa của mình. Đức Giê-su loan báo : Con Người sẽ phải đau khổ, chết và sống lại (theo nghĩa chủ động của từ) (x.Mc 8,31; 9,9,31; 10,34). Nơi khác, Người khẳng định rõ ràng : "Tôi hy sinh mạng sống để rồi lấy lại ....Tôi có quyền hy sinh và có quyền lấy lại mạng sống ấy" (Ga 10,17-18) "Chúng ta tin ... rằng Đức Giê-su đã chết và đã sống lại" (1Th 4,14).

**650** 626 1005. Các giáo phụ chiêm ngắm mẫu nhiệm Phục Sinh từ ngôi vị Thiên Chúa của Đức Ki-tô. Ngôi vị này vẫn kết hợp với hồn và xác đã bị cái chết tách rời : "Nhờ sự duy nhất của bản tính Thiên Chúa hiện diện ở cả hai phần của con người, nên hai phần này có thể tái hợp với nhau. Như vậy, chết là tách rời hai phần của con người và phục sinh là kết hợp hai phần ấy lại" (T. Ghê-gô-ri-ô thành Nít-sê, bản về Phục Sinh của Chúa Ki-tô; DS 325; 359; 369; 539).

### III. Ý NGHĨA VÀ ẢNH HƯỞNG CỨU ĐỘ CỦA PHỤC SINH

**651 129 274.** "Nếu Đức Ki-tô không chỗi dậy, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và đức tin của anh em cũng trống rỗng" (1Cr 15,14). Trên hết mọi sự, Phục Sinh xác nhận tất cả những gì chính Đức Ki-tô đã làm và đã dạy. Khi phục sinh, Đức Ki-tô chứng tỏ Người có thẩm quyền của một vị Thiên Chúa, nên toàn thể các chân lý kể cả những chân lý mà lý trí loài người khó chấp nhận, đều đáng tin.

**652 994 601.** Đức Ki-tô Phục Sinh *hoàn tất những lời hứa* của Cựu Ước (x.Lc 24,26-27,44-48) và của chính Người khi còn sống tại thế (x.Mt 28,6; Mc 16,7; Lc 24,6-7). Thuật ngữ "đúng theo Kinh Thánh" (x.1Cr 15,3-4 và kinh Tin kính Ni-xê Con-tan-ti-nô-pô-li) cho thấy việc Đức Ki-tô Phục Sinh hoàn tất các lời tiên báo này.

**653 445 461,422.** Phục Sinh xác nhận *thiên tính thật của Đức Giê-su*. Người đã nói : "Khi các ông đưa Con Người lên cao, bấy giờ các ông sẽ biết là Tôi Hằng Hữu" (Ga 8,28). Phục Sinh của Đấng bị đóng đinh chứng minh rằng Người thực sự là "Đấng Hằng Hữu", là Con Thiên Chúa và là chính Thiên Chúa. Thánh Phao-lô có thể tuyên bố với người Do Thái : "Điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta, thì Người đã thực hiện ... khi làm cho Đức Giê-su sống lại, đúng như lời đã chép trong thánh vịnh 2 : "Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha sinh ra Con" (Cv 13,32-33). Mầu nhiệm Phục Sinh liên kết mật thiết với mầu nhiệm Con Thiên Chúa Nhập Thể. Phục sinh hoàn tất mầu nhiệm này theo ý định muôn đời của Thiên Chúa.

**654 1987 1996.** Có hai khía cạnh trong mầu nhiệm Vượt Qua : Đức Ki-tô chết để giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi,

và phục sinh để mở đường vào cuộc sống mới. Cuộc sống mới này bao hàm trước tiên là sự công chính hóa, nghĩa là đặt chúng ta lại trong ân sủng của Thiên Chúa (x. Rm 4,25), để "cũng như Đức Ki-tô đã được sống lại từ cõi chết, chúng ta cũng được sống đời sống mới" (Rm 6,4). Đời sống mới này là chiến thắng sự chết do tội lỗi gây ra và được thông phần lại vào ân sủng (x.Ep 2,4-5; 1Pr 1,3). Kế đến, đời sống mới thực hiện ơn làm nghĩa tử Thiên Chúa vì con người trở thành anh em của Đức Ki-tô, như chính Người gọi các môn đệ sau khi sống lại : "Hãy đi báo tin cho các anh em của Thầy" (Mt 28,10; Ga 20,17). Chúng ta trở thành anh em của Đức Ki-tô không phải do bản tính nhưng do hiệu quả của ân sủng, vì ơn làm nghĩa tử thông hiệp chúng ta thực sự vào đời sống Con Một Thiên Chúa, như mẫu nhiệm Phục Sinh đã mặc khải trọn vẹn.

**655 989 1002.** Cuối cùng, sự phục sinh của Đức Ki-tô, cũng như chính Đức Ki-tô Phục Sinh, là nguyên lý và nguồn mạch *sự sống lại của chúng ta mai sau* : "Đức Ki-tô đã chỗi dậy từ cõi chết, mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu ..., như mọi người vì liên đới với A-đam mà phải chết, thì mọi người, nhờ liên đới với Đức Ki-tô, cũng được Thiên Chúa cho sống lại" (1 Cr 15,20-22). Trong lúc chờ đợi sự hoàn tất đó, Đức Ki-tô Phục Sinh sống trong lòng mọi tín hữu. Nơi Người, các Ki-tô hữu "được cảm nghiệm những sức mạnh của thế giới tương lai" (Dt 6,5) và cuộc sống của họ được Đức Ki-tô lôi cuốn vào trong cung lòng đời sống của Thiên Chúa (x.Cl 3,1-3), "để những ai đang sống, không còn sống cho chính mình nữa, mà sống cho Đấng đã chết và sống lại vì mình" (2 Cr 5,15).

## **TÓM LƯỢC**

**656.** Phục Sinh vừa là một biến cố lịch sử được các môn đệ chứng thực vì họ đã thực sự gặp Đấng Phục Sinh, vừa là biến cố siêu việt vì nhân tính của Đức Ki-tô đi vào trong vinh quang Thiên Chúa.

**657.** Ngôi mộ trống và những băng vải xếp ở đó nói lên rằng : nhờ quyền năng của Thiên Chúa, thân xác của Đức Ki-tô thoát khỏi xiềng xích sự chết và sự hư nát. Những chứng cứ trên chuẩn bị các môn đệ gặp gỡ Đấng Phục Sinh.

**658.** Đức Ki-tô, "trưởng tử trong số những người từ cõi chết sống lại" (Cl 1,18), là nguyên lý sự sống lại của chúng ta: ngay trong hiện tại, Người công chính hóa linh hồn chúng ta (x.Rm 6,4), và sau này cho thân xác chúng ta được sống lại (x.Rm 8,11).

## Mục 6

### "CHÚA GIÊSU ĐÃ LÊN TRỜI, NGỰ BÊN HỮU THIÊN CHÚA CHA TOÀN NĂNG"

**659** 645 66 697 642. "Nói xong, Chúa Giê-su được rước lên trời và ngự bên hữu Thiên Chúa" (Mc 16,19). Thân xác Đức Ki-tô đã được vinh hiển ngay khi Người sống lại; điều này được chứng thực qua các đặc tính mới và siêu nhiên mà từ nay thân xác của Người được hưởng vĩnh viễn (x.Lc 24,31; Ga 20,19.26). Nhưng trong bốn mươi ngày, vinh quang của Người vẫn còn che giấu dưới dạng một con người bình thường ( x.Mc 16,12; Lc 24,15; Ga 20,14-15; 21,4). Người ăn uống thân mật với các môn đệ của Người (x.Cv 10,41) và

dạy dỗ họ về Nước Trời (x.Cv 1,3). Lần hiện ra cuối cùng được kết thúc bằng việc nhân tính của Người đi vào vinh quang Thiên Chúa một cách vĩnh viễn; vinh quang này được tượng trưng bằng đám mây (x.Cv 1,9; Lc 9,34-35; Xh 13,22) và cõi trời (x. Lc 24,51) nơi từ nay Người ngự bên hữu Thiên Chúa (x.Mc 16,19; Cv 2,33; 7,36; Tv 110,1). Hoàn toàn ngoại lệ và độc nhất, chỉ một lần, Người tỏ mình ra cho thánh Phao-lô "chẳng khác nào cho một đứa trẻ sinh non" (1Cr15,8) trong lần cuối cùng này, Người đặt ông làm tông đồ (x.1Cr 9,1; Ga 1,16).

**660.** Vinh quang còn che giấu của Đấng Phục Sinh trong thời gian này được giải thích qua lời Người nói với bà Ma-ri-a Ma-đa-lê-na: "Thầy chưa lên cùng Chúa Cha. Nhưng hãy đi gặp anh em Thầy và bảo họ : "Thầy lên cùng Cha của Thầy, cũng là Cha của anh em, lên cùng Thiên Chúa của Thầy, cũng là Thiên Chúa của anh em" (Ga 20,17). Điều này cho thấy sự khác biệt trong cách thể hiện, giữa vinh quang của Đức Ki-tô Phục Sinh và vinh quang của Đức Ki-tô được tôn vinh bên hữu Chúa Cha. Biến cố Thăng Thiên, vừa lịch sử vừa siêu việt, đánh dấu sự chuyển tiếp từ vinh quang này đến vinh quang kia.

**661 792.** Giai đoạn cuối cùng này vẫn liên kết mật thiết với giai đoạn đầu, nghĩa là khi Ngôi Hai từ trời xuống nhập thể. Chỉ Đấng "từ Chúa Cha mà đến" mới có thể "trở về cùng Chúa Cha": đó là Đức Ki-tô (Ga 16, 28). "Không ai đã lên trời, ngoại trừ Con Người, Đấng từ trời xuống" (Ga 3,13) (x. Ep 4, 8-10). Với sức tự nhiên, nhân loại không thể vào được "Nhà Cha" (Ga 14,2), vào sự sống và hạnh phúc của Thiên Chúa. Chỉ Đức Ki-tô mới có thể mở lối cho con người : "Người lên trời không phải để lìa xa chúng ta là những kẻ yếu đuối, nhưng vì là Đầu và là thủ lãnh của chúng ta, nên Người đã lên trước, để chúng ta là những chi thể của Người

vững niềm tin tưởng cũng sẽ được lên theo" (MR. Tiền tụng lễ Thăng thiên).

**662 1545 1137.** "Phần tôi, một khi được đưa lên khỏi đất, tôi sẽ kéo mọi người đến với tôi" (Ga 12,32). Việc đưa lên thập giá mang ý nghĩa biểu hiện và báo trước việc "đưa lên" trong mầu nhiệm Thăng Thiên. Thập Giá là bước đầu của Thăng Thiên. Đức Giê-su Ki-tô, vị Thượng Tế duy nhất của Giao Ước mới và vĩnh cửu, đã chẳng "vào một cung thánh do tay người phạm làm ra, ... nhưng Người đã vào chính cõi trời, để giờ đây ra đứng trước mặt Thiên Chúa, mà chuyển cầu cho chúng ta" (Dt 9, 24). Trên trời, Đức Ki-tô liên tục thực thi chức tư tế của Người, "Người hằng sống để chuyển cầu cho những ai nhờ Người mà tiến lại gần Thiên Chúa" (Dt 7, 25). Với tư cách "Thượng Tế đem lại phúc lộc của thế giới tương lai" (Dt 9,11), Người là trung tâm và là chủ tế của Phụng Vụ tôn vinh Chúa Cha trên trời (x. Kh 4,6-11).

**663 648.** Từ nay, Đức Ki-tô, *ngự bên hữu Chúa Cha* : "Ngự bên hữu Chúa Cha nghĩa là hưởng vinh quang và danh dự của Thiên Chúa; Con Thiên Chúa đã hiện hữu từ muôn thuở như Thiên Chúa và đồng bản thể với Chúa Cha, nay đang ngự trong vinh quang và danh dự này cùng với thân xác được tôn vinh (T. Gioan Đa-mát 0.4.2)".

**664 541.** Việc Đức Ki-tô ngự bên hữu Chúa Cha khai mạc triều đại Đấng Mê-si-a, thực hiện thị kiến của ngôn sứ Đa-ni-en về Con Người : "Người được trao cho quyền thống trị, vinh quang và vương quốc; mọi dân tộc, quốc gia và ngôn ngữ đều phụng sự Người. Vương Triều của Người vĩnh cửu, không bao giờ mai một; Vương Quốc của Người sẽ vô cùng vô tận" (Đn 7,14). Kể từ lúc ấy, các tông đồ trở thành chứng

nhân cho "Triều Đại không bao giờ chấm dứt" (Kinh Tin Kính Ni-xê Con-tan-ti-nô-pô-li).

## **TÓM LƯỢC**

**665.** Đức Ki-tô lên trời nghĩa là nhân tính của Người vĩnh viễn đi vào thượng giới của Thiên Chúa. Từ nơi đó, Người sẽ trở lại (x.Cv 1,11). Giữa Thăng Thiên và Tái Lâm, loài người không trông thấy Người được (x.Cl 3,3).

**666.** Đức Giê-su Ki-tô, Đầu của Hội Thánh, đi trước chúng ta vào Vương Quốc vinh hiển của Chúa Cha, để chúng ta là chi thể của Thân Thể Người, sống trong niềm hy vọng một ngày kia được ở vĩnh viễn với Người.

**667.** Đức Giê-su Ki-tô đã vĩnh viễn đi vào cung thánh trên trời. Người không ngừng chuyển cầu cho chúng ta như là Đấng trung gian bảo đảm sẽ luôn ban tràn đầy Thánh Thần cho chúng ta.

## **Mục 7**

### **"NGAY SAU BỞI TRỜI, NGƯỜI LẠI XUỐNG PHÁN XÉT KẺ SỐNG VÀ KẺ CHẾT"**

#### **I. NGƯỜI SẼ TRỞ LẠI TRONG VINH QUANG**

**Đức Ki-tô đã hiển trị qua Hội Thánh...**

**668 450 518.** "Đức Ki-tô đã chết và sống lại chính là để làm Chúa kẻ sống cũng như kẻ chết" (Rm 14,9). Đức Ki-tô lên trời cùng với cả nhân tính, thông phần vào quyền năng và uy quyền của chính Thiên Chúa. Đức Giê-su Ki-tô là Chúa : Người nắm mọi quyền bính trên trời dưới đất. Người "vượt trên mọi quyền lực thần thiêng, trên mọi tước vị có thể có được" vì Chúa Cha "đã đặt tất cả dưới chân Người" (Ep 1,20-22). Đức Ki-tô là Chúa vũ trụ (.x.Ep 4,10; Cr 15,24.27-28) và lịch sử. Nơi Người, lịch sử loài người cũng như toàn thể công trình sáng tạo "được thu tóm" (Ep 1,10) và hoàn tất một cách siêu việt.

**669 792,1088 541.** Đức Ki-tô là Chúa và cũng là Đầu Hội Thánh, Thân Thể của Người (x.Ep 1,22). Sau khi chu toàn sứ mạng, Đức Ki-tô được đưa lên trời và được tôn vinh, nhưng vẫn lưu lại trần thế trong Hội Thánh. Công trình cứu chuộc là nguồn mạch quyền bính mà Đức Ki-tô thực thi trên Hội Thánh bằng sức mạnh Thánh Thần (x.Ep 4,11-13). "Triều Đại của Đức Ki-tô hiện diện một cách bí nhiệm trong Hội Thánh", "mầm mống và khởi điểm Nước Trời tại thế "(LG 3,5).

**670 1042 825 547.** Từ khi Đức Ki-tô lên trời, ý định của Thiên Chúa bước vào giai đoạn hoàn thành. Chúng ta đang sống trong "giờ cuối cùng" (1 Ga 2,18; 1 Pr 4,7). "Như thế thời đại cuối cùng đã đến với chúng ta. Việc canh tân thế giới được thiết lập một cách bất khả thu hồi và thực sự đã bắt đầu được thực hiện ngay từ bây giờ : Hội Thánh lữ hành đã được trang điểm bằng sự thánh thiện đích thực, tuy chưa hoàn toàn" (LG 48). Các dấu lạ điềm thiêng (x. Mc 16,17-18) xác nhận lời rao giảng của Hội Thánh, minh chứng triều đại Đức Ki-tô đã hiện diện (x. Mc 16,20).

**...trong khi chờ đợi muôn loài qui phục Người**

**671** 1043 769, 773 1043, 2046 2817

Tuy đã hiện diện trong Hội Thánh, nhưng triều đại của Đức Ki-tô chưa được hoàn tất "một cách đầy quyền năng và vinh hiển" (Lc 21,27) ( x.Mt 25,31), vì Người chưa ngự giá mây trời mà đến. Triều đại này còn bị các thế lực sự dữ tấn công (x. 2 Th 2,7), cho dù cơ bản chúng đã bị chính Đức Ki-tô đánh bại. Cho đến khi muôn loài qui phục Người (x.1Cr 15,28), "cho tới khi có trời mới đất mới, nơi công lý ngự trị, Hội Thánh lữ hành mang khuôn mặt chóng qua của đời này, qua các bí tích và định chế là những điều thuộc thời đại này. Và Hội Thánh vẫn sống giữa các thụ tạo tới nay còn rên siết và quằn quại trong cơn đau đớn lúc sinh nở, và mong đợi con cái Thiên Chúa xuất hiện" (LG 48). Vì vậy, các tín hữu cầu xin Đức Ki-tô mau trở lại (2Pr,11-12) nhất là trong cử hành Thánh Thể (1Cr 11,26) : "Lạy Chúa, xin ngự đến ! " (1 Cr 16, 22; Kh 22,17.20).

**672** 732 2612. Trước khi lên trời, Đức Ki-tô khẳng định rằng chưa đến giờ Người thiết lập Triều Đại Mê-si-a vinh hiển mà Ít-ra-en mong đợi (x. Cv 1,6-7). Theo lời các ngôn sứ (x. Is 11,1-9), triều đại này sẽ mang lại cho mọi người đầy tràn tình thương, công lý và bình an. Theo Đức Ki-tô, thời hiện tại là thời của Thánh Thần và của chứng nhân (x. Cv 1,8), cũng là thời Hội Thánh gặp nhiều "thống khổ" (1Cr 7,26), thử thách (x.1 Pr 4,17) và chiến đấu (x.Ep 5,16) trong những ngày cuối cùng ( x.1Ga 2,18; 4,3; 1Tm 4,1). Đây là thời gian chờ đợi và canh thức (x. Mt 25,1-13; Mc 13,33-37).

### **Đức Ki-tô quang lâm vinh hiển, niềm hy vọng của Ít-ra-en**

**673** 1040 1048. Từ khi Đức Ki-tô lên trời, ngày quang lâm vinh hiển của Người luôn gần kề (x.Kh 22,20), mặc dù chúng ta "không biết thời giờ và kỳ hạn Chúa Cha đã toàn

quyền sắp đặt" (Cv 1,7) (x. Mc 13,32). Cho dù ngày quang lâm và "những thử thách cuối cùng phải xảy ra trước đó" (2 Th 2,3-12) (x. Mt 24,44; 1Th 5,2) còn được Thiên Chúa "cầm giữ" lại, ngày quang lâm vẫn có thể xảy ra bất cứ lúc nào .

**674 840 58.** Đấng Mê-si-a quang lâm vinh hiển ( x. Rm 11,31) đến lúc nào là tùy thuộc vào việc "toàn thể Ít-ra-en" (Rm 11,26; Mt 23,39) nhận biết Người. Nhưng hiện nay "một phần dân Ít-ra-en còn cứng lòng" (Rm 11,25)"họ không tin"(Rm 11,20) Đức Giê-su. Thánh Phê-rô nói với người Do Thái ở Giê-ru-sa-lem sau lễ Hiện Xuống : "Anh em hãy sám hối và trở lại cùng Thiên Chúa, để Người xóa bỏ tội lỗi cho anh em. Như vậy, thời kỳ thánh thời mà Chúa ban cho anh em sẽ đến, khi Người sai Đấng Ki-tô Người đã dành cho anh em, là Đức Giê-su đến. Đức Giê-su còn phải được giữ lại trên trời cho đến thời phục hồi vạn vật, thời mà Thiên Chúa đã dùng miệng các vị thánh ngôn sứ của Người mà loan báo tự ngàn xưa" (Cv 3,19-21). Thánh Phao-lô cũng phụ họa : "Nếu vì họ bị gạt ra một bên mà thế giới được hòa giải với Thiên Chúa, thì việc họ được thâm nhận lại sẽ là gì, nếu không phải là từ cõi chết bước vào cõi sống?" (Rm 11,15). Việc "người Do Thái trở về đông đủ" (Rm 11,12) trong ơn cứu độ của Đấng Mê-si-a, sau khi các dân ngoại gia nhập đông đủ (x. Rm 11,25; Lc 21,24 ), sẽ làm cho dân Chúa "đạt tới tầm vóc viên mãn của Đức Ki-tô " (Ep 4,13) trong đó "Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài "(1 Cr 15,28).

### **Thử thách tối hậu của Hội Thánh**

**675 769.** Trước khi Đức Ki-tô quang lâm, Hội Thánh phải trải qua một cuộc thử thách cuối cùng khiến nhiều tín hữu bị lung lạc đức tin ( x. Lc 18,8; Mt 14,12). Những cuộc bách hại mà Hội Thánh phải chịu trong suốt cuộc lữ hành

trên trần thế (x. Lc 21,12; Ga 15,19-20) sẽ vạch trần "màu nhiệm sự dữ" dưới hình thức bịp bợm tôn giáo; hình thức này chỉ đem lại cho con người một giải đáp giả tạo cho các vấn đề của họ để rồi họ phải xa rời chân lý. Sự bịp bợm tôn giáo nham hiểm nhất là sự bịp bợm của tên Phản Ki-tô, nghĩa là của một thuyết Mê-si-a giả hiệu : trong đó, con người tự tôn vinh chính mình thay vì tôn vinh Thiên Chúa và Đấng Mê-si-a của Người đã đến trong xác phàm ( x. 2Th 2, 4-12; 1Th 5,2-3; 2Ga 7; 1Ga 2,18.22).

**676 2425.** Sự bịp bợm phản Ki-tô đó hiện hình trong thế giới, mỗi khi người ta tự hào sẽ thực hiện được, trong lịch sử, niềm hy vọng thời Mê-si-a vốn chỉ có thể hoàn tất bên kia lịch sử qua cuộc phán xét cánh chung. Hội Thánh cũng không chấp nhận thứ Nước Trời giả mạo dù dưới hình thức hiền hòa Thuyết Ngàn Năm (DS 3839) hoặc dưới dạng chính trị của một thuyết Mê-si-a trần tục, "tai ác tự bản chất" (Pi-ô XI, Thông điệp "Thiên Chúa Đấng cứu chuộc" ; GS 20-21.).

**677 1310 2853.** Hội Thánh chỉ bước vào vinh quang Nước Trời sau cuộc Vượt Qua cuối cùng, theo gót Chúa mình trong cái chết và Phục Sinh (x. Kh 19,1-9). Nước Trời sẽ không được thực hiện bằng việc Hội Thánh tiến tới và khai hoàn trong lịch sử (x. Kh 13,8), nhưng do Thiên Chúa chiến thắng cơn hoành hành cuối cùng của sự dữ (x. Kh 20, 7-10), làm cho Giê-ru-sa-lem mới từ trời xuất hiện (x. Kh 21, 2-4). Sau cơn rung chuyển cuối cùng trong toàn vũ trụ của thế giới đang qua đi này, (x. 2 Pr 3,11-12), Thiên Chúa sẽ toàn thắng cuộc nổi loạn của sự dữ dưới hình thức cuộc Phán Xét cuối cùng (x. Kh 20,12).

*1038-1041.*

## **II. ĐỨC KI-TÔ PHÁN XÉT KẸ SỐNG VÀ KẸ CHẾT**

**678 1470.** Tiếp nối các ngôn sứ (x. Đn 7,10; Ge 3,4; Ml 3,19) và Gio-an Tẩy giả ( x. Mt 3,7-12), Đức Giê-su cũng loan báo về cuộc phán xét trong Ngày cuối cùng. Lúc bấy giờ cách ăn nết ở (x. Mc 12,38-40) và bí ẩn trong tâm hồn mỗi người (x. Lc 12,1-3; Ga 3,20-21; Rm 2,16; 1Cr 4,5) sẽ được tỏ lộ. Tội cứng lòng tin, coi thường ân sủng của Thiên Chúa sẽ bị kết án (x. Mt 11,20-24; 12,41-42). Thái độ đối với đồng loại sẽ cho thấy người ta đón nhận hay từ chối ân sủng và tình yêu Thiên Chúa (x. Mt 5,22; 7,1-5). Đức Giê-su sẽ phán: "Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người làm cho chính Ta vậy" (Mt 25,40).

**679 1021.** Đức Ki-tô là Chúa của sự sống vĩnh cửu. Với tư cách là Đấng Cứu Thế, Người có toàn quyền xét xử chung cuộc công việc và lòng dạ con người. Người "có được" quyền này nhờ Thập Giá. Cho nên Chúa Cha "đã ban cho Con mọi quyền xét xử" (Ga 5,22) (x. Ga 5,27; Mt 25,31; Cv 10,42; 17,31; 1Tm 4,1). Nhưng Chúa Con không đến để xét xử, mà để cứu độ (x. Ga 3,17) và thông ban sự sống của Người (x. Ga 5,26). Ai chối từ ân sủng ngay ở đời này, thì đã tự xử lấy chính mình (x. Ga 3,18; 12,48), tự nhận lấy hậu quả công việc của mình (x. 1Cr 3,12-15), và có thể tự chuốc lấy án phạt đời đời, vì từ chối Thánh Thần tình yêu. (x. Mt 12,32; Dt 6,4-6; 10,26-31.)

## **TÓM LƯỢC**

**680.** *Chúa Ki-tô đã bắt đầu hiển trị qua Hội Thánh, nhưng muôn loài chưa qui phục Người. Cuộc toàn thắng của Vương Quốc Đức Ki-tô sẽ chỉ đến sau cuộc tấn công cuối cùng của các thế lực sự dữ.*

**681.** Trong ngày phán xét cuối cùng, Đức Ki-tô sẽ đến trong vinh quang để hoàn tất cuộc chiến thắng tối hậu của sự lành trên sự dữ, mặc dù trong suốt lịch sử, chúng cùng phát triển như lúa tốt và cỏ lùng.

**682.** Khi đến phán xét kẻ sống và kẻ chết trong ngày tận thế, Đức Ki-tô vinh hiển sẽ phơi bày mọi tâm tư thâm kín và thưởng phạt mỗi người theo việc họ làm, tùy họ đón nhận hay từ chối ân sủng.

## CHƯƠNG BA

### TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA THÁNH THẦN

**683** 424,2670, 152. "Nếu không được Thánh Thần giúp sức cho, không ai có thể nói rằng : Giê-su là Đức Chúa !" (1Cr 12,3). "Thiên Chúa đã sai Thánh Thần của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên : "Ab-ba, Cha ơi!" (Ga 4,6). Nhận thức đức tin này chỉ có thể có được trong Thánh Thần. Muốn tiếp xúc với Đức Ki-tô, trước hết phải được Thánh Thần cảm hóa. Chính Chúa Thánh Thần đến gặp gỡ và khơi động đức tin nơi chúng ta. Nhờ phép Thánh Tẩy là bí tích đức tin đầu tiên, Sự Sống, bắt nguồn nơi Chúa Cha, được Chúa Con đem đến, và được Thánh Thần thông truyền cho chúng ta một cách thâm sâu và cá vị trong Hội Thánh :

249. Bí tích Thánh Tẩy ban cho chúng ta ơn tái sinh trong Thiên Chúa Cha, nhờ Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần. Vì những ai mang trong lòng Thánh Thần của Thiên Chúa, họ được dẫn đến với Ngôi Lời, nghĩa là Ngôi Con; Chúa Con dâng họ cho Chúa Cha và Chúa

Cha ban cho họ sự sống bất diệt. Vậy không có Thánh Thần thì không thể thấy Con Thiên Chúa; không có Chúa Con, không ai có thể đến gần Chúa Cha, vì chỉ có Chúa Con nhận biết Chúa Cha, và nhận biết Chúa Con là nhờ Chúa Thánh Thần (T. I-rê-nê, trình bày đức tin tông truyền 7).

**684 236.** Bằng ân sủng, Chúa Thánh Thần đến trước nhất để khơi dậy đức tin của chúng ta và khơi nguồn sự sống mới là "Nhận biết Chúa Cha và Đấng Cha đã cử đến là Đức Giê-su Ki-tô" (Ga 17,3). Tuy nhiên trong Ba Ngôi Chí Thánh, Người lại được mặc khải sau cùng. Thánh Ghê-gô-ri-ô Na-di-en, được người đương thời gọi là "nhà thần học", giải thích tiến trình mặc khải này bằng đường lối sư phạm "hạ cổ" của Thiên Chúa :

Cụm Ước công bố tỏ tường về Chúa Cha, chưa rõ nét về Chúa Con. Tân Ước trình bày về Chúa Con, và cho thoáng thấy thiên tính của Chúa Thánh Thần. Bây giờ, Chúa Thánh Thần đang ở giữa chúng ta và giúp chúng ta hiểu rõ hơn về Người. Có thể nói : thật là thiếu khôn ngoan khi chưa tuyên xưng Chúa Cha là Thiên Chúa, lại công bố rõ ràng về Chúa Con; khi chưa chấp nhận Chúa Con là Thiên Chúa lại nói thêm về Chúa Thánh Thần. Ánh sáng của mâu nhiệm Ba Ngôi ngày càng thêm rạng rỡ nhờ những mặc khải tiệm tiến "từ vinh quang này đến vinh quang khác" (T.Ghê-gô-ri-ô Na-di-en 1.5,26).

**685 236.** Như thế tin kính Chúa Thánh Thần là tuyên xưng : Chúa Thánh Thần là một trong Ba Ngôi Thiên Chúa, đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con, "cùng được phụng thờ và tôn vinh với Chúa Cha và Chúa Con" (Kinh tin kính Ni-xê-a Con-tan-ti-nô-pô-li). Bởi đã bàn về Mâu nhiệm Chúa

Thánh Thần trong thần học về Ba Ngôi, ở đây chỉ bàn về Thánh Thần trong "nhiệm cục cứu độ" thôi.

**686 258.** Chúa Thánh Thần cùng hoạt động với Chúa Cha và Chúa Con từ khởi đầu cho đến lúc hoàn tất ý định cứu độ chúng ta. Nhưng chính trong "thời sau hết", được khai mạc với cuộc Nhập Thể cứu chuộc của Chúa Con, Chúa Thánh Thần mới được mặc khải và thông ban, được nhìn nhận và đón tiếp như một ngôi vị. Được hoàn tất trong Đức Ki-tô, "Trưởng Tử" và Đầu của công trình sáng tạo mới, ý định cứu độ của Thiên Chúa được thành hình cụ thể trong nhân loại nhờ việc thông ban Chúa Thánh Thần : Hội Thánh, sự hiệp thông trong dân thánh, ơn tha tội, xác phàm sẽ sống lại, sự sống đời đời.

## Mục 8

### "TÔI TIN KÍNH ĐỨC CHÚA THÁNH THẦN"

**687 243.** "Không ai biết được những gì nơi Thiên Chúa, nếu không phải là Thánh Thần của Thiên Chúa" (1Cr 2,11). Thánh Thần mặc khải cho chúng ta biết Thiên Chúa, biết Đức Ki-tô là Ngôi Lời hằng sống, nhưng Thánh Thần lại không nói về mình. Thánh Thần đã "dùng các ngôn sứ mà phán dạy", để giúp chúng ta nghe được lời của Chúa Cha. Nhưng còn chính Người, chúng ta lại không nghe tiếng Người, chúng ta chỉ nhận biết Người qua việc Người mặc khải và chuẩn bị tâm hồn chúng ta đón nhận Ngôi Lời bằng đức tin. Thánh Thần Chân Lý "vén màn cho ta thấy" Đức Ki-tô, nhưng "không nói điều gì về mình" (Ga 16,13). Một kiểu xóa mình như vậy, đúng là phong cách của Thiên Chúa, giải

thích tại sao, "thế gian không thể đón nhận Người, vì thế gian không thấy và không biết Người", còn những ai tin vào Đức Ki-tô thì biết Người vì Người ở lại với họ (Ga 14,17).

**688.** Vì là sự hiệp thông sống động trong đức tin các tông đồ do Hội Thánh lưu truyền, nên Hội Thánh là nơi chúng ta nhận biết Thánh Thần :

- trong Thánh Kinh được Người linh hứng;
- trong Thánh Truyền, mà các giáo phụ là những chứng nhân cho mọi thời đại.
- trong Huấn Quyền được Người trợ lực
- trong Phụng Vụ Bí Tích mà qua các lời nói và biểu tượng, Thánh Thần giúp chúng ta hiệp thông với Đức Ki-tô.
- trong kinh nguyện, lúc Người chuyển cầu cho chúng ta.
- trong các đặc sủng và thừa tác vụ xây dựng Hội Thánh.
- trong các dấu chỉ của đời sống tông đồ và thừa sai.
- trong chứng từ của các thánh nơi Người biểu lộ sự thánh thiện của Người và tiếp tục công trình cứu độ.

## **I. SỨ MẠNG PHỐI HỢP CỦA CHÚA CON VÀ CHÚA THÁNH THẦN**

**689** 245 254 485. Chúa Cha đã ban Thánh Thần của Con Một Người đến trong lòng chúng ta. Thánh Thần (x. Gl 4.6) thực sự là Thiên Chúa. Đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con, Người không tách rời khỏi Chúa Cha và Chúa Con,

trong đời sống thâm sâu của Ba Ngôi cũng như trong hồng ân yêu thương của Ba Ngôi dành cho thế giới. Nhưng khi tôn thờ Ba Ngôi Thiên Chúa ban sự sống, đồng bản thể và không thể phân ly, Hội Thánh cũng tuyên xưng Ba Ngôi phân biệt nhau. Khi Chúa Cha cử Lời của Người đến với chúng ta, Người luôn luôn gọi đến "Hơi Thở" của Người nữa : một sứ mạng phối hợp trong đó Chúa Con và Chúa Thánh Thần phân biệt, nhưng không tách rời nhau. Chúa Ki-tô xuất hiện, Người là hình ảnh hữu hình của Thiên Chúa vô hình, nhưng chính Thánh Thần mặc khải Chúa Ki-tô cho chúng ta.

**690** 436 788. Đức Giê-su là Ki-tô, nghĩa là Đáng được "xức dầu". Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần mà xức dầu cho Người nên mọi sự xảy đến kể từ Nhập Thể đều xuất phát từ nguồn mạch sung mãn này (x. Ga 3,34). Khi cuối cùng được tôn vinh (x. Ga 7,39), Đức Ki-tô đến lượt mình, có thể cử Thánh Thần từ nơi Chúa Cha đến với những ai tin Người. Người thông ban cho họ Vinh Quang của mình (x. Ga 17,22) tức là Thánh Thần, Đáng tôn vinh Người (x. Ga 16,14). Từ lúc đó, sứ mạng phối hợp này sẽ được triển khai nơi những người được Chúa Cha đón nhận làm con trong thân thể Con của Người : Sứ mạng của Thánh Thần, Đáng làm cho con người thành nghĩa tử, là kết hiệp họ với Đức Ki-tô và làm cho họ sống trong Người.

**488.** Khái niệm về xức dầu gợi lên không có khoảng cách nào giữa Ngôi Con và Thánh Thần. Cũng như lý trí và giác quan không nhận thấy khoảng cách nào giữa da thịt và việc xức dầu, thì việc tiếp xúc giữa Chúa Con và Chúa Thánh Thần cũng trực tiếp như vậy, đến nỗi những kẻ tiếp xúc với Chúa Con bằng đức tin, cần phải tiếp xúc với Thánh Thần trước đã. Toàn thân Đức Ki-tô được xức bằng dầu là Thánh Thần. Do đó, ai tuyên xưng Ngôi Con là Chúa, thì tuyên xưng trong Thánh Thần, vì Thánh Thần luôn đi trước những

người muốn tiến đến gần Đức Ki-tô bằng đức tin (T.Ghê-gô-ri-ô thành Nít-xê 3,1).

## II. DANH XUNG, CÁC CÁCH GỌI VÀ CÁC BIỂU TƯỢNG CỦA CHÚA THÁNH THẦN

### Danh xưng Chúa Thánh Thần

**691.** "Thánh Thần" là danh xưng của Đấng chúng ta phụng thờ và tôn vinh cùng với Chúa Cha và Chúa Con. Hội Thánh đã nhận danh xưng này từ Chúa Giê-su và tuyên xưng danh này trong bí tích rửa tội (x. Mt.28,19).

Thuật ngữ "*Thần Khí*" dịch từ *Ru-ah* của tiếng Hip-ri, là hơi thở, không khí, gió. Đức Giê-su dùng hình ảnh khả giác "gió" để gợi ý cho Ni-cô-đê-mô sự mới mẻ siêu việt của Đấng là Hơi Thở của Thiên Chúa, là Chúa Thánh Thần (Ga 3,5-8). Đàng khác, "Thần" và "Thánh" là những thuộc tính thần thiêng chung cho Ba Ngôi Thiên Chúa. Nhưng khi nối kết hai từ này với nhau, Thánh Kinh, Phụng Vụ và ngôn ngữ thần học muốn chỉ ngôi vị khôn tả của Chúa Thánh Thần, mà không lẫn lộn với các cách sử dụng khác về các từ "thần" và "thánh".

### Những cách gọi tên khác của Chúa Thánh Thần

**692 1433.** Khi Đức Giê-su loan báo và hứa Chúa Thánh Thần sẽ đến, Người gọi Thánh Thần là Đấng "Bảo Trợ", theo nguyên ngữ là: "*Đấng được gọi đến kề bên*" (Ga 14,16.26; 15,26; 16,7). "*Đấng Bào Chữa*" thường được dịch là "Đấng An Ủi", vì Đức Giê-su là Đấng An ủi trước nhất (x.1Ga 2,1). Chính Chúa Giê-su còn gọi Thánh Thần là "Thần Chân Lý" (Ga 16,13).

**693.** Ngoài danh xưng "Chúa Thánh Thần", được dùng nhiều nhất trong sách Công Vụ Tông Đồ và các Thánh Thư, ta còn thấy những cách gọi khác nơi thánh Phao-lô: Thần Khí của Lời hứa (x. Gl 3,14; Ep 1.13), Thần Khí làm cho ta nên nghĩa tử (x. Rm 8,15; Gl.4,6), Thần Khí của Đức Ki-tô (x. Rm 8,11), Thần Khí của Đức Chúa (x. 2 Cr 3,17), Thần Khí của Thiên Chúa (x. Rm 8,9.14; 15,19; 1 Cr 6,11; 7,40); và nơi thánh Phê-rô: "Thần Khí vinh hiển" (1 Pr 4,14).

### **Những biểu tượng về Chúa Thánh Thần**

**694** 1218 2652. *Nước* : trong bí tích Thánh Tẩy, nước là một biểu tượng đầy ý nghĩa về tác động của Thánh Thần, vì sau khi kêu cầu Thánh Thần, nước trở thành dấu bí tích hữu hiệu của việc tái sinh : như trong lòng mẹ, chúng ta được cuu mang trong nước; nước rửa tội thực sự nói lên rằng cuộc tái sinh vào đời sống Thiên Chúa được ban trong Thánh Thần. Vì "đã chịu phép rửa trong cùng một Thánh Thần", nên chúng ta "đầy tràn một Thánh Thần duy nhất" (1Cr 12,13). Chính Thánh Thần là Nước trường sinh chảy ra từ cạnh sườn Đức Ki-tô chịu đóng đinh thập giá (x. Ga 19,34; 1Ga.5,8), và chảy thành sự sống đời đời trong lòng chúng ta (x. Ga 4,10.14; 7,38; Xh 17,1-6; Is.55,1; Dcr 14,8; 1Cr 10,4; Kh 21,6; 22,17).

**695** 1293 436 1504 794. *Xức dầu* : Biểu tượng xúc dầu cũng chỉ về Thánh Thần, đến nỗi trở thành đồng nghĩa với Thánh Thần (x. 1Ga 2,20,27; 2 Cr,1,21). Trong nghi thức khai tâm Ki-tô giáo, xúc dầu là dấu bí tích của phép Thêm Sức; các Giáo Hội Đông Phương gọi là "Xức dầu thánh hiến". Nhưng muốn hiểu rõ, chúng ta phải trở về với việc xúc dầu của Đức Giê-su, việc xúc dầu đầu tiên do Chúa Thánh Thần thực hiện. "Ki-tô" (tiếng Hip-ri là "Mê-si-a") nghĩa là "được Thánh Thần Thiên Chúa xúc dầu". Cựu Ước (x. Xh

30,22-32) nói đến những người được Thiên Chúa xúc dầu, nổi bật nhất là Vua Đavit (x. 1Sm 16,13). Nhưng Đức Giê-su là Đấng được Thiên Chúa xúc dầu cách độc nhất vô nhị : nhân tính do Ngôi Con đảm nhận "được Thánh Thần xúc dầu" trọn vẹn. Đức Giê-su được Thánh Thần (x. Lc.4,18-19; Is.61,1) đặt làm "Ki-tô". Đức Trinh Nữ Ma-ri-a thụ thai Đức Ki-tô nhờ tác động Thánh Thần; khi Ngôi Lời giáng sinh (x. Lc 2,11), Thánh Thần dùng các thiên thần loan báo Người là Đức Ki-tô và thúc đẩy ông Xi-mê-on đến đền thờ gặp Đấng Ki-tô Thiên Chúa đã hứa ( x. Lc.2,26-27). Đức Ki-tô (x. Lc.4,1) đầy Thánh Thần, và nhờ quyền năng Thánh Thần, Người chữa lành và cứu độ (x. Lc 6,19;8,46). Cuối cùng chính Thánh Thần làm cho Đức Giê-su từ cõi chết sống lại (x. Rm.1,4; 8,11). Khi Đức Giê-su trở thành "Ki-tô" trọn vẹn trong nhân tính đã toàn thắng sự chết (x. Cv.2,36), Người ban đầy tràn Thánh Thần cho các thánh "để nhờ kết hợp với nhân tính của Người, họ trở thành "Con người hoàn hảo..., đạt tới tâm vóc viên mãn của Đức Ki-tô" (Ep.4,13), thành "Đức Ki-tô toàn diện" theo cách nói của Thánh Augustinô.

**696** 1127 2586 718. *Lửa* : Trong khi nước nói đến việc sinh ra và tính phong phú của Sự Sống được ban trong Thánh Thần, lửa tượng trưng cho năng lực biến đổi do tác động của Thánh Thần. Ngôn sứ Ê-li-a, "xuất hiện như lửa hồng và lời ông như ngọn đuốc" (Hc 48,1); bằng lời cầu nguyện, ông kéo lửa từ trời xuống thiêu cháy hy tế trên núi Cát-minh ( x. 1V 18,38-39). Đây là hình bóng của lửa Thánh Thần sẽ biến đổi tất cả những gì lửa bén tới. Gio-an Tẩy Giả, "người đi trước dọn đường cho Chúa, đầy Thần khí và quyền lực của Ê-li-a" (Lc 1,17), loan báo Đức Ki-tô là Đấng "sẽ làm phép rửa trong Thánh Thần và trong lửa" (Lc 3,16), Đức Giê-su cũng nói về Thánh Thần : "Thầy đã đến đem lửa xuống thế gian, và Thầy mong muốn biết bao cho lửa ấy bùng cháy lên"(Lc 12,49). Dưới những hình "giống như lưỡi lửa", Thánh Thần

đậu xuống trên các môn đệ sáng ngày lễ Ngũ Tuần và họ được tràn đầy Thánh Thần (Cv 2,3-4). Truyền thống linh đạo giữ lại biểu tượng lửa như một trong những biểu tượng điển tả đúng nhất về tác động của Thánh Thần (x. T. Gio-an Thánh Giá.): "Anh em đừng dập tắt Thánh Thần" (1Th 5,19).

**697 484 554.** *Áng mây và ánh sáng* : Hai biểu tượng này luôn đi đôi với nhau trong các lần Thánh Thần xuất hiện. Trong các cuộc thần hiện thời Cựu Ước, áng mây khi chói sáng, khi mờ tối, vừa mạc khải Thiên Chúa hằng sống và cứu độ, vừa che khuất vinh quang siêu việt của Người - như lúc Mô-sê trên núi Xi-nai (x. Xh 24,15-18), trong lều Hội Ngộ (x. Xh 33,9-10) và suốt cuộc hành trình trong hoang địa ( x. Xh 40, 36-38; 1Cr 10,1-2); với Xa-lô-môn dịp cung hiến Đền Thờ (x.1V 8,10.12). Những hình bóng này được Đức Ki-tô thể hiện trong Thánh Thần. Chính Thánh Thần ngự xuống trên Trinh Nữ Ma-ri-a và "rợp bóng" trên Người, để Người thụ thai và hạ sinh Đức Giê-su (Lc 1,35). Trên núi Hiên Dung, chính Thánh Thần đến trong "đám mây bao phủ" Đức Giê-su, Mô-sê và Ê-li-a, Phê-rô, Gia-cô-bê và Gio-an, và "từ đám mây có tiếng phán rằng : "Đây là Con Ta, Người đã được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người" (Lc 9, 34-35). Cuối cùng, cũng chính đám mây này "che khuất Đức Giê-su" ngày Thăng Thiên (Cv 1,9) và sẽ mạc khải Người là Con Người trong vinh quang ngày tái lâm (x.Lc 21,27).

**698 1295,1296 1121.** Ấn tín là biểu tượng gắn liền với biểu tượng xúc dầu. Thật vậy, chính "Thiên Chúa đã đóng ấn xác nhận" (Ga 6,27) Đức

Ki-tô và cũng đã đóng ấn Thánh Thần trên chúng ta trong Con của Người (x. 2 Cr 1,22; Ep 1,13; 4, 30). Hình ảnh "ấn tín" đã được dùng trong một số truyền thống thần học để diễn tả "ấn tích" không thể xoá được mà ba bí tích Thánh Tẩy, Thêm Sức, Truyền Chức Thánh để lại.

**699** 292 1288 1300,1573 1668

*Bàn tay.* Đức Giê-su đặt tay để chữa lành bệnh nhân (x.Mc 6,5; 8,23) và chúc lành cho trẻ nhỏ (x.Mc 10,16). Nhân danh Người, các tông đồ cũng làm như vậy (x. Mc 16,18; Cv 5,12; 14,5). Hơn nữa Thánh Thần được thông ban (x.Cv 8,17-19; 13,3; 19,6) nhờ việc đặt tay của các tông đồ. Thụ Do Thái coi nghi thức đặt tay vào số "các điều căn bản" của giáo huấn của mình. Hội Thánh đã giữ lại việc đặt tay khẩn cầu Thánh Thần trong các bí tích.

**700** 2056. *Ngón tay.* Đức Giê-su "nhờ ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ" (Lc 11,20). Nếu ngày xưa "Thiên Chúa lấy ngón tay" ghi lề luật trên bia đá (Xh 31,18), thì ngày nay Thiên Chúa hằng sống cũng dùng Thánh Thần, để viết "bức thư của Đức Ki-tô" được giao phó cho các tông đồ, "không phải ghi trên những tấm bia bằng đá, nhưng trên những tấm bia bằng thịt, tức là *lòng người*" (2 Cr 3,3). Thánh thi : "Veni Creator Spiritus" khẩn cầu Thánh Thần như là "ngón tay hữu Chúa Cha".

**701** 1219 535.

*Chim bồ câu :* Cuối lụt hồng thủy (là biểu tượng cho bí tích Thánh Tẩy), chim bồ câu được ông Nô-ê thả ra, khi trở về ngậm một nhánh ô-liu xanh tươi, báo cho biết mặt đất lại có thể ở được (x.St 8,8-12). Sau khi Đức Ki-tô nhận Phép Rửa của Gio-an và lên khỏi nước. Thánh Thần, dưới hình chim bồ câu, đáp xuống và ngự trên Người (x. Mt.3,16 par). Thánh Thần cũng xuống và ngự trong tâm hồn những người lãnh nhận Bí Tích Thánh Tẩy. Trong một số nhà thờ, Thánh Thể được giữ trong một bình bằng kim loại hình bồ câu treo bên trên bàn thờ. Trong các ảnh tượng Ki-tô giáo, hình bồ câu là biểu tượng truyền thống để chỉ Thánh Thần.

### III. THẦN KHÍ VÀ LỜI CỦA THIÊN CHÚA TRONG THỜI GIAN NHỮNG LỜI HỨA

**702 122 107.** Từ thuở ban đầu cho đến khi "thời gian tới hồi viên mãn" (Ga 4,4), sứ mạng phối hợp của Ngôi Lời và Thánh Thần của Chúa Cha còn *bị che khuất* nhưng vẫn luôn hoạt động. Thánh Thần của Thiên Chúa chuẩn bị cho thời của Đấng Mê-si-a. Thánh Thần và Đấng Mê-si-a, tuy chưa được mặc khải trọn vẹn, nhưng đã được hứa ban để nhân loại chờ đợi và sẵn sàng đón nhận. Vì vậy, khi đọc Cựu Ước (x.2 Cr 3,14), Hội Thánh tìm hiểu kỹ càng những gì Thánh Thần, "Đấng đã dùng các ngôn sứ mà phán dạy", muốn nói với chúng ta về Đức Ki-tô.

243. Ngày nay Hội Thánh dùng từ "ngôn sứ" chỉ chung tất cả những ai được Thánh Thần linh hứng khi rao giảng hoặc soạn thảo các Sách Thánh, Cựu Ước cũng như Tân Ước. Truyền thống Do Thái xếp các tác phẩm thành ba loại : Luật (năm sách đầu tiên hoặc Ngũ Thư), các Ngôn Sứ (các sách chúng ta gọi là lịch sử và ngôn sứ) và các Văn Phẩm (các sách minh triết, đặc biệt là tập Thánh Vịnh) (x. Lc.24,44).

#### Trong công trình sáng tạo

**703 292.** Lời và Hơi Thở của Thiên Chúa là nguồn gốc của sự hiện hữu và sự sống mọi thụ tạo ( x. Tv 33,6; 104,30; St 1,2; 2,7; Gv 3,20-21; Xh 37,10).

291. Chúa Thánh Thần ngự trị, thánh hóa và làm cho công trình sáng tạo có sinh khí, vì Người là Thiên Chúa đồng bản thể với Chúa Cha và Chúa Con. Người có quyền trên sự sống, vì với tư cách là Thiên Chúa, Người gìn giữ công trình sáng tạo trong Chúa Cha

nhờ Chúa Con (Phụng vụ Byzantine. Điệp ca kinh sách các Chúa Nhật tuần 2).

**704 356.** "Chính nhờ đôi tay (là Chúa Con và Chúa Thánh Thần), Thiên Chúa nhào nặn con người và vẽ chính hình dáng của mình trên xác phàm đã được nắn đúc, để ngay cả những gì hữu hình cũng mang nét thiên linh" (T. I-rê-nê, trình bày đức tin tông truyền).

### **Thần Khí của lời hứa**

**705 410, 2089.** Dù bị tội lỗi và cái chết làm biến dạng, con người vẫn "là hình ảnh Thiên Chúa", là hình ảnh Chúa Con, nhưng "bị tước mất Vinh Quang Thiên Chúa" (Rm 3,23), không còn "giống Thiên Chúa". Lời hứa với Áp-ra-ham khai mạc nhiệm cục cứu độ; cuối nhiệm cục này, chính Chúa Con sẽ đảm nhận "hình ảnh" (Ga 1,14; Pl 2,7) và tái tạo lại nét "giống" Chúa Cha bằng cách hoàn trả cho con người Vinh Quang là Thánh Thần "ban sự sống".

**706 60.** Dù Áp-ra-ham không còn hy vọng gì, Thiên Chúa vẫn hứa cho ông một miêu duệ, như là hoa quả của đức tin và quyền năng của Thánh Thần (x. St.18,1-15; Lc 1,26-38.54.55; Ga 1,12-13; Rm 4,16-21). Nơi miêu duệ của ông, mọi dân tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc ( x.St 12,3). Miêu duệ ấy là Đức Ki-tô (x. Gl.3,16). Nơi Người, Thánh Thần sẽ được ban tràn đầy để quy tụ "con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi về một mối" ( x. Ga 11, 52). Qua lời thề hứa với Áp-ra-ham (x. Lc 1,73), Thiên Chúa đã cam kết ban Con Chí Ái của Người ( x. St 22,17-19; Rm 8,32; Ga 3,16) và ban "Thánh Thần của Lời Hứa... Đấng chuẩn bị cho công cuộc cứu chuộc Dân mà Thiên Chúa đã tạo ra cho mình" (Ep 1,13-14), (x. Gl 3,14).

## **Trong những lần Hiện linh và trong Lê Luật**

**707.** Những cuộc thần hiện (Thiên Chúa hiện ra) soi sáng tiến trình thực hiện lời hứa, từ các tổ phụ đến Mô-sê, và Giô-su-ê, đến các thị kiến mở đầu sứ mạng các ngôn sứ lớn. Truyền thống Ki-tô giáo luôn nhìn nhận trong các cuộc thần hiện này, Ngôi Lời của Thiên Chúa tỏ mình cho ta trông thấy và nghe được, vừa được mặc khải vừa "bị che khuất" trong ánh mây Thánh Thần.

**708** 1961, 1964 122 2585

Đường lối sư phạm này của Thiên Chúa tỏ lộ rõ ràng trong việc ban lề luật (x. Xh 19-20; Dt 1,11; 29-30). Lê Luật đã được ban như một "vị sư phạm" dẫn Dân Chúa đến Đức Ki-tô (Gl 3,24). Vì Lê Luật không đủ khả năng cứu con người đang trong tình trạng không còn "giống" Thiên Chúa và làm cho người ta ý thức hơn về tội nên đã khơi lên trong lòng người niềm khao khát Thánh Thần (x. Rm 3,20), như những lời kêu van trong tập Thánh Vịnh minh chứng.

## **Trong Vương quốc và tại Nơi Lưu đày**

**709** 2579,544. Lê luật vốn là dấu chỉ lời hứa và Giao Ước, lẽ ra phải điều khiển con tim và các thể chế của Dân phát sinh từ đức tin của Áp-ra-ham. "Nếu các ngươi thực sự nghe tiếng Ta và giữ giao ước của Ta...Ta sẽ coi các ngươi là một vương quốc tư tế, một dân thánh dành riêng cho Ta" (Xh 19,5-6). Nhưng sau thời Đa-vít, It-ra-en sa chước cám dỗ và trở thành một vương quốc theo kiểu các dân tộc khác. Thế mà, vương quốc được Thiên Chúa ban cho Đa-vít sẽ là công trình của Thánh Thần và thuộc về những người nghèo theo Thánh Thần.

**710.** Vì quên lãng Lề Luật và bất trung với Giao Ước, Ít-ra-en đi vào cõi chết : bị lưu đày, các lời hứa có vẻ bị thất bại. Thực ra, Thiên Chúa vẫn trung tín thực hiện lời hứa một cách mầu nhiệm và khởi sự một cuộc phục hưng như đã hứa, nhưng phục hưng theo Thánh Thần. Dân Chúa cần trải qua cuộc thanh luyện này; lưu đày mang sẵn hình bóng Thập Giá trong ý định của Thiên Chúa, và "số người nghèo sót lại" từ lưu đày trở về là một trong những hình bóng trong sáng nhất về Hội Thánh.

### **Mong đợi Đấng Mê-si-a và Thánh Thần của Người**

**711 64.** "Này Ta sắp làm một việc mới" (Is 43,19). Trong Cựu Ước, có hai đường hướng ngôn sứ: một bên căn cứ vào sự mong đợi Đấng Mê-si-a; bên kia loan báo một Thần Khí mới. Hai đường này đồng qui vào số sót, vào đám Dân nghèo đang mong đợi và hy vọng ngày Thiên Chúa "an ủi Ít-ra-en" và ngày Thiên Chúa "giải phóng Giê-ru-sa-lem" (x.Lc 2,25-38).

Trong đoạn trên, chúng ta thấy cách Đức Giê-su thực hiện những lời tiên tri về Người. Ở đây, chúng ta giới hạn về những lời tiên tri có liên quan rõ rệt giữa Đấng Mê-si-a và Thánh Thần của Người.

**712 439.** Những đường nét về khuôn mặt của Đấng Mê-si-a bắt đầu xuất hiện trong "sách Em-ma-nu-en" (Is 6-12) đặc biệt là đoạn Is 11,1-2:

Từ gốc tổ Giê-sê sẽ đâm ra một nhánh nhỏ,  
Từ cội rễ ấy, sẽ mọc ra một mầm non  
Thần Khí Đức Chúa sẽ ngự trên vị này :  
Thần Khí khôn ngoan và minh mẫn,  
Thần Khí mưu lược và dũng mãnh,  
Thần Khí hiểu biết và kính sợ ĐỨC CHÚA.

**713 601.** Khuôn mặt Đấng Mê-si-a được mặc khải nhiều nhất trong bốn bài ca về người Tội Tớ của Thiên Chúa. Những bài ca này tiên báo ý nghĩa cuộc khổ nạn của Đức Giê-su, và cho thấy cách Người sẽ đổ tràn Thần Khí cho muôn người được sống: không phải từ bên ngoài, nhưng bằng cách "mặc lấy thân phận nô lệ" của chúng ta (Pl 2,7). Người có thể thông truyền cho chúng ta chính Thần Khí ban sự sống của Người vì Người mang lấy cái chết của chúng ta.

**714.** Chính vì thế, Đức Ki-tô khởi đầu công cuộc loan báo Tin Mừng bằng cách tuyên bố đoạn ngôn sứ I-sai-a sau đây nói về Người (Lc 4,18-19) :

"Thánh Thần Chúa ngự trên tôi,  
vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi,  
sai đi báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn,  
băng bó những tấm lòng tan nát,  
tuyên cáo lệnh ân xá cho kẻ bị giam cầm  
trả lại tự do những kẻ bị áp bức,  
công bố năm hồng ân của Thiên Chúa."

**715 1965.** Các bản văn ngôn sứ trực tiếp nói về việc Thánh Thần đến, là những lời sấm Thiên Chúa nói với những tâm hồn của dân, bằng ngôn ngữ lời hứa, với giọng "thương yêu và thành tín". Sáng ngày lễ Ngũ Tuần, thánh Phê-rô tuyên bố những lời sấm này đã được ứng nghiệm. Theo các lời hứa đó, trong "thời sau hết", Thần Khí Thiên Chúa sẽ đổi mới lòng người bằng cách ghi khắc nơi họ một lề luật mới; Người sẽ qui tụ và giao hòa những dân tộc bị phân tán và chia rẽ; Người sẽ biến đổi công trình sáng tạo cũ và Thiên Chúa sẽ ở đó với loài người trong cảnh thái bình.

**716 368.** Thánh Thần đã âm thầm chuẩn bị suốt thời Cựu Ước một dân để chờ đón Đức Ki-tô. Dân này gồm

"những người nghèo" ( x. Xph.2,3; Tv 22,27; 34,13; Is 49, 13; 61,1; v.v...), những người khiêm nhu và hiền lành, hoàn toàn phó thác cho ý định mầu nhiệm của Thiên Chúa, những người mong chờ công lý không phải của loài người nhưng của Đấng Mê-si-a. Các thánh vịnh, đã nói lên tâm hồn của họ, tâm hồn đã được Thánh Thần thanh luyện và soi sáng. Nơi những người nghèo này, Thánh Thần chuẩn bị cho Chúa "một dân sẵn sàng" (x. Lc 1,17).

#### **IV. THẦN KHÍ CỦA ĐỨC KI-TÔ - TRONG THỜI VIÊN MÃN**

##### **Gio-an, Vị Tiền Hô, Ngôn Sứ và Tẩy Giả**

**717 523.** "Có một người được Thiên Chúa sai đến, tên là Gio-an" (Ga 1,6). Gio-an "được được đầy Thánh Thần, ngay từ khi còn trong lòng mẹ" (Lc 1,15.41), nhờ chính Đức Ki-tô vừa tượng thai trong lòng Đức Trinh Nữ Ma-ri-a bởi quyền năng Thánh Thần. Việc "Đức Ma-ri-a viếng thăm bà Ê-li-sa-bet" đã trở thành việc "Thiên Chúa viếng thăm dân Người" (Lc 1,68).

**718 696.** Gio-an chính là "ngôn sứ Ê-li-a phải đến" (Mt 17,10-13) : ngọn lửa Thánh Thần ở trong ông và sai ông với tư cách "tiền hô" dọn đường cho Chúa đến. Nơi Gio-an Tiền Hô, Thánh Thần hoàn tất việc "chuẩn bị lòng dân sẵn sàng đón Chúa" (Lc 1,17).

**719 2684 536.** Gio-an "còn hơn một ngôn sứ nữa" (Lc 7,26). Nơi ông, Thánh Thần hoàn tất việc "dùng các ngôn sứ mà phán dạy". Gio-an kết thúc thời đại các ngôn sứ của Cựu Ước do Ê-li-a khởi đầu (x.Mt.11,13-14). Ông loan báo Chúa sắp an ủi Ít-ra-en, ông là "tiếng" của Đấng An Ủi đang đến (Ga 1,23) ( x.Is 40, 1-3). Tương tự như những người sau này

được Thánh Thần chân lý tác động, "Gio-an đến như chứng nhân để làm chứng cho ánh sáng" (Ga 1,7). Chính Gio-an chứng kiến Thánh Thần hoàn tất "điều các ngôn sứ tìm kiếm, và các thiên thần ước mong" (1 Pr 1,10-12) : "Thánh Thần hiện xuống và ngự trên ai, thì người đó chính là Đấng làm phép rửa trong Thánh Thần. Tôi đã thấy, nên xin chứng thực rằng chính Người là Con Thiên Chúa. Đây là "Chiên Thiên Chúa" (Ga 1,33-36).

**720 535.** Cuối cùng, Thánh Thần dùng Gio-an Tẩy Giả báo trước điều Người sẽ thực hiện với Đức Ki-tô và trong Đức Ki-tô là tái tạo con người "nên giống Thiên Chúa". Phép rửa của Gio-an là phép rửa thống hối, còn phép rửa trong nước và trong Thánh Thần sẽ là cuộc tái sinh (x.Ga 3,5).

### **"Mừng vui lên, hỡi bà đầy ân phúc"**

**721 484.** Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, Thánh Mẫu chí thánh của Thiên Chúa, là tuyệt tác của sứ mạng Ngôi Con và Thánh Thần trong thời viên mãn. Lần đầu tiên trong chương trình cứu độ, và nhờ Thánh Thần chuẩn bị trước, Chúa Cha đã tìm được nơi Đức Ma-ri-a "*chỗ ở*" để Chúa Con và Chúa Thánh Thần có thể cư ngụ giữa loài người. Theo ý hướng đó, truyền thống Hội Thánh thường đọc những bản văn tuyệt tác về đức Khôn Ngoan (x. Cn 8,1-9,6; Hc 24) trong tương quan với Đức Ma-ri-a : Mẹ được Phụng Vụ ca ngợi là "Tòa Đấng Khôn Ngoan".

Những "điều cao cả của Thiên Chúa" mà Thánh Thần sắp thực hiện nơi Đức Ki-tô và trong Hội Thánh, Người đã bắt đầu nơi Đức Ma-ri-a.

**722 2676.** Thánh Thần đã *chuẩn bị* Đức Ma-ri-a bằng ân sủng. Mẹ "đầy ân sủng", vì là Mẹ của Đấng " nơi Người tất

cả sự Viên Mãn của Thiên Tính hiện diện cách cụ thể" (Cl 2, 9). Chỉ nhờ ân sủng, Mẹ đã được thụ thai không hề mắc tội, như là thụ tạo khiêm tốn nhất, xứng đáng nhất để đón nhận hồng ân khôn tả của Đấng Toàn Năng. Thiên thần Gáp-ri-en chào Mẹ bằng tước hiệu cao trọng "Nữ tử Xi-on": "Mừng vui lên (x. Xph.3,14; Gcr 2,14)!" Khi cưu mang Ngôi Con Hằng Hữu, dưới tác động Thánh Thần, Đức Ma-ri-a đã dâng lên Chúa Cha lời tạ ơn của toàn thể Dân Chúa là Hội Thánh.

**723 485 506.** Nơi Đức Ma-ri-a, Thánh Thần *thực hiện* ý định nhân từ của Chúa Cha. Chính do Chúa Thánh Thần, Đức Trinh Nữ đã thụ thai và sinh hạ Con Thiên Chúa; nhờ quyền năng của Thánh Thần và đức tin (x. Lc 1,26-38; Rm 4,18-21; Ga.4,26-28), Mẹ sinh con mà vẫn trinh khiết vẹn tuyền một cách độc nhất vô nhị

**724 208 2619.** Nơi Đức Ma-ri-a, Thánh Thần "*cho thấy*" Con Chúa Cha trở thành Con Đức Trinh Nữ. Mẹ là "bụi gai rục cháy" của cuộc Thần Hiện tối hậu : đầy tràn Thánh Thần, Mẹ giới thiệu Ngôi Lời tự hạ trong xác phàm cho những "người nghèo" cũng như cho những đại diện đầu tiên của các dân tộc để họ nhận biết Người (x. Lc 1,15,19).

**725 963.** Cuối cùng, nhờ Đức Ma-ri-a, Thánh Thần bắt đầu làm cho "loài người Chúa thương" (Lc 2,14) *được hiệp thông* với Đức Ki-tô. Những kẻ khiêm nhu bao giờ cũng là kẻ đầu tiên đón nhận Người : các mục đồng, các đạo sĩ, Xi-mê-on và An-na, đôi tân hôn ở Ca-na và các môn đệ đầu tiên.

**726 494,2618.** Sau những công trình kỳ diệu Chúa Thánh Thần đã thực hiện nơi Mẹ, Đức Ma-ri-a trở nên "Người Nữ", E-và mới, "mẹ chúng sinh", Mẹ của "Đức Ki-tô toàn diện" (x. Ga 19,25-27). Chính với tư cách này, Mẹ hiện diện với nhóm Mười Hai, "đồng tâm nhất trí, siêng năng cầu nguyện"

(Cv 1,14), khi Thánh Thần khai mở "thời đại cuối cùng", với việc giới thiệu Hội Thánh vào sáng ngày lễ Ngũ Tuần.

## **Chúa Giêsu Kitô**

**727** 438, 695 536.

Tất cả sứ mạng của Chúa Con và Thánh Thần trong thời viên mãn có thể thu gọn trong việc Chúa Con là Đức Kitô, là Đấng Mê-si-a, Đấng được Thánh Thần của Chúa Cha xúc dầu từ khi nhập thể.

Chúng ta phải đọc trọn tín điều hai của Kinh Tin Kính dưới ánh sáng này. Tất cả công trình của Đức Ki-tô là sứ mạng phối hợp của Chúa Con và Thánh Thần. Ở đây, chúng ta chỉ đề cập đến lời Đức Ki-tô hứa ban Thánh Thần và việc Người thực hiện lời hứa đó sau khi được tôn vinh.

**728** 2615. Đức Giê-su chưa mặc khải trọn vẹn Thánh Thần, bao lâu Người chưa được tôn vinh nhờ cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh. Tuy nhiên, Người đã dần dần gợi ý về Thánh Thần khi giảng dạy dân chúng : Thịt của Người sẽ là "của ăn cho thế gian được sống" (x. Ga 6,27,51.62-63). Người giải thích hoạt động của Thánh Thần cho ông Ni-cô-đê-mô (Ga 3,5-8), cho thiếu phụ Sa-ma-ri-a (x. Ga 4,10.14.23-24) và những người tham dự Lễ Lều (x. Ga 7,37-39). Đối với các môn đệ, Người đã dạy rõ ràng về Thánh Thần khi nói đến cầu nguyện và việc họ phải làm nhân chứng cho Người (x. Lc 11,13).

**729** 388 1433. Chỉ khi đến "Giờ" sắp được tôn vinh, Đức Giê-su mới hứa ban Thánh Thần, vì lời Thiên Chúa hứa với Tổ phụ sẽ được thực hiện nhờ cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh của Người (x. Ga 14,16-17.26; 15,26; 16,7-15;17,26):. Nhờ lời cầu xin của Đức Giê-su, Chúa Cha sẽ ban cho các môn đệ

Thánh Thần chân lý, Đấng Bào Chữa khác; Thánh Thần sẽ được Chúa Cha cử đến nhân danh Đức Giê-su; Đức Giê-su sẽ từ Chúa Cha gọi Chúa Thánh Thần đến vì Thánh Thần phát xuất từ Cha. Thánh Thần sẽ đến, chúng ta sẽ nhận biết Người, Người sẽ ở cùng chúng ta mãi mãi. Người sẽ lưu lại với chúng ta dạy dỗ chúng ta mọi sự và nhắc cho chúng ta tất cả những gì Đức Ki-tô đã nói với chúng ta, và Người sẽ làm chúng về Đức Ki-tô. Người sẽ dẫn chúng ta đến chân lý trọn vẹn và sẽ tôn vinh Đức Ki-tô. Người sẽ chứng minh cho thế gian thấy là họ sai lầm về vấn đề tội lỗi, vấn đề công chính, và về vấn đề xét xử.

**730 850.** Cuối cùng, "Giờ" của Đức Giê-su đã đến (x Ga 13,1; 17,1): Đức Giê-su trao Thần Khí của Người vào tay Chúa Cha (x. Lc 23,46; Ga 19,30), ngay lúc Người toàn thắng sự chết bằng cái chết của mình; cho nên ngay khi "sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển Chúa Cha" (Rm 6,4), Người thổi hơi "ban Thánh Thần cho các môn đệ" (x. Ga 20,22). Từ Giờ đó, sứ mạng của Chúa Ki-tô và của Chúa Thánh Thần trở thành sứ mạng của Hội Thánh: "Nhu Chúa Cha đã sai Thầy, thì bây giờ Thầy cũng sai anh em" (Ga 20,21) (x.Mt 28,19; Lc 24,47-48; Cv 1,8).

## **V. CHÚA THÁNH THẦN VÀ HỘI THÁNH - TRONG THỜI ĐẠI CUỐI CÙNG**

### **Ngày lễ Ngũ Tuần**

**731 2623,767 1302.**

Việc Thánh Thần tỏ hiện, được ban tặng và thông truyền như là ngôi vị Thiên Chúa vào ngày lễ Ngũ Tuần, hoàn tất cuộc Vượt Qua của Đức Ki-tô : từ nguồn sung mãn của Người, Chúa Ki-tô ban tràn đầy Thánh Thần cho mọi tín hữu (x.Cv 2,36).

**732 244 672.** Trong ngày lễ Ngũ Tuần, màu nhiệm Ba Ngôi Chí Thánh được mặc khải trọn vẹn. Kể từ ngày đó, Vương Quốc được Đức Ki-tô loan báo, mở ra cho những ai tin nơi Người. Dù phận hèn yếu đuối, các tín hữu được hiệp thông với Ba Ngôi Chí Thánh trong đức tin. Thánh Thần đã đến và không ngừng đến để đưa thế giới vào "thời đại cuối cùng", thời đại của Hội Thánh : Vương Quốc đã được thừa hưởng nhưng chưa hoàn tất.

Chúng con đã trông thấy Ánh Sáng thật, chúng con đã nhận lãnh Thánh Thần, chúng con đã tìm thấy Đức Tin chân thật : chúng con tôn thờ Ba Ngôi Thiên Chúa bất khả phân ly, vì chính Ba Ngôi đã cứu chúng con (Phụng vụ byzantine. Điệp ca kinh chiều lễ Hiện xuống, thánh ca hiệp lễ. ).

### **Chúa Thánh Thần - Hồng Ân Thiên Chúa**

**733 218.** "Thiên Chúa là Tình Yêu" (1Ga 4,8.16) và Tình Yêu là hồng ân tuyệt diệu chứa đựng tất cả các ơn khác. Tình yêu này "Thiên Chúa đã đổ vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta" (Rm 5,5).

**734 1987.** Bởi vì tội đã làm cho chúng ta phải chết hoặc ít nữa là bị tổn thương, nên hiệu quả đầu tiên của hồng ân Tình Yêu là ơn tha tội. Chính ơn hiệp thông của Thánh Thần (2 Cr 13,13) trong Hội Thánh, làm cho những người lãnh nhận Bí tích Thánh Tẩy lại được nên "giống Thiên Chúa", điều họ đã mất vì tội.

**735 1822.** Thánh Thần ban cho chúng ta "bảo chứng" hoặc "ân huệ mở đầu" của Gia Sản (x. Rm 8,23; 2Cr 1,21) là chính sự sống của Ba Ngôi Chí Thánh. Sự sống này là yêu thương "như Thiên Chúa đã thương yêu chúng ta" (x. 1Ga

4,11-12). Tình yêu này (Đức Ái của 1 Cr 13) là nguyên lý đời sống mới trong Đức Ki-tô. Chúng ta có thể sống được như thế, vì chúng ta đã "nhận được sức mạnh của Thánh Thần" (Cv 1,8).

**736 1832.** Nhờ quyền năng của Thánh Thần, con cái Thiên Chúa có thể làm được những việc tốt lành. Đáng đã tháp chúng ta vào Cây Nho thật, sẽ giúp chúng ta trở sinh "hoa quả của Thánh Thần là bác ái, hoan lạc, bình an, quảng đại, nhân từ, lương thiện, trung tín, hiền hòa, tiết độ" (Gl 5,22-23). "Thánh Thần là sự sống của chúng ta"; chúng ta càng từ bỏ ý riêng (x. Mt 16,24-26), "Thánh Thần càng hướng dẫn đời ta"(Gl 5,25) :

Nhờ hiệp thông với Thánh Thần, chúng ta trở nên người của Thánh Thần, được đưa trở lại Địa Đàng, được dẫn vào Nước Trời và tình nghĩa tử, được ban cho lòng tin tưởng để gọi Thiên Chúa là Cha, để thông phần vào ân sủng của Đức Ki-tô, để được gọi là con cái sự sáng và dự phần vào vinh quang đời đời (T. Baxiliô, bàn về Chúa Thánh Thần).

## **Chúa Thánh Thần và Hội Thánh**

**737 787,798 1093,1109.**

Sứ mạng của Đức Ki-tô và của Thánh Thần được thể hiện trong Hội Thánh là Thân Thể Đức Ki-tô và Đền Thờ Chúa Thánh Thần. Sứ mạng phối hợp này từ nay liên kết các tín hữu của Đức Ki-tô vào sự hiệp thông của Người với Chúa Cha trong Thánh Thần. Thánh Thần *chuẩn bị* con người, ban ân sủng để thu hút họ đến với Đức Ki-tô. Người mặc khải cho họ Đức Chúa Phục Sinh, nhắc cho họ nhớ Lời Chúa và mở *lòng trí* họ hiểu được cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh. Người

làm cho màu nhiệm Đức Ki-tô *hiện diện*, nhất là trong thánh lễ, để hòa giải, *cho họ hiệp thông* với Thiên Chúa, nhờ đó họ "sinh hoa kết quả dồi dào" (Ga 15,5.8.16).

**738 850,777.** Như vậy, sứ mạng Hội Thánh không phải là bổ túc cho sứ mạng của Đức Ki-tô và của Thánh Thần, nhưng là "bí tích" của sứ mạng này. Theo bản chất, toàn thể và từng chi thể của Hội Thánh được sai đi để rao giảng và làm chứng, hiện tại hóa và lan tỏa màu nhiệm hiệp thông của Ba Ngôi Chí Thánh (đây sẽ là nội dung của mục kế tiếp) :

Tất cả chúng ta đã lãnh nhận cùng một Thần Khí duy nhất là Thánh Thần, chúng ta hiệp nhất với nhau và với Thiên Chúa. Vì chúng ta tuy nhiều người, nhưng Đức Ki-tô đã cho Thánh Thần của Chúa Cha và của Người cư ngụ trong mỗi người chúng ta. Thần Khí duy nhất và không thể phân chia này, quy tụ lại trong Người những con người riêng rẽ và làm cho mọi người nên một trong Người. Cũng như quyền năng của nhân tính Đức Ki-tô làm cho những ai chia sẻ nhân tính đó hợp thành một thân thể duy nhất; cũng vậy tôi nghĩ rằng, Chúa Thánh Thần duy nhất và không thể phân chia, Đấng ngự trong mọi người, cũng đưa mọi người đến sự hiệp nhất thiêng liêng (T. Syrilô Giám mục Alexanri, Jo 12).

**739 1076.** Vì Thiên Chúa dùng Thánh Thần xúc dầu Đức Giê-su, nên với tư cách là Đầu của Thân Thể, Đức Ki-tô thông ban Thánh Thần cho các chi thể để nuôi dưỡng, chữa lành, cất đặt họ vào các chức vụ hỗ tương, làm cho họ được sống, sai họ đi làm chứng, liên kết họ với Người trong hiến lễ dâng lên Chúa Cha và trong lời chuyển cầu cho toàn thể giới. Nhờ các bí tích của Hội Thánh, Đức Ki-tô thông truyền cho các chi thể Thánh Thần của Người, vừa là Đấng Thánh vừa

là Đấng Thánh Hóa (đây sẽ là nội dung phần hai của sách Giáo Lý này).

**740.** "Những hồng ân cao cả" Thiên Chúa ban cho tín hữu qua các bí tích, sẽ sinh hoa kết quả nơi đời sống mới trong Đức Ki-tô theo Thánh Thần (đây sẽ là nội dung của phần ba của sách Giáo Lý).

**741.** "Thánh Thần giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn. Chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải, nên Thánh Thần cầu thay nguyện giúp chúng ta, bằng những tiếng rên siết khôn tả" (Rm 8,26). Thánh Thần, tác giả những kỳ công của Thiên Chúa, là Thầy dạy cầu nguyện (đây sẽ là nội dung phần bốn của sách Giáo Lý).

## **TÓM LƯỢC**

**742.** *"Chứng cứ về sự anh em là con cái, đó là Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con Ngài đến trong tâm hồn chúng ta và kêu lên: Abba, Cha ơi!" (Giáo lý 4,6)*

**743.** *Từ nguyên thủy đến tận thế, khi Thiên Chúa cử Chúa Con đến với loài người, bao giờ Người cũng cử Chúa Thánh Thần đi cùng. Sự mạng của hai ngôi liên kết với nhau và không thể tách rời.*

**744.** *Khi thời gian đến hồi viên mãn, Thánh Thần hoàn tất nơi Đức Ma-ri-a mọi công cuộc chuẩn bị để Đức Ki-tô đến giữa Dân Chúa. Nơi Đức Ma-ri-a, Chúa Cha nhờ tác động của Thánh Thần ban cho thế giới Đấng Em-ma-nu-en nghĩa là "Thiên Chúa ở cùng chúng ta" (Mt 1,23).*

**745.** *Khi nhập thể, Chúa Con được Thiên Chúa xức dầu bằng Thánh Thần để phong làm Đấng Ki-tô (Mêsia) (x.Tv 2,6-7).*

**746.** *Qua cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh, Đức Giê-su được Thiên Chúa đặt "làm Đức Chúa và làm Đấng Ki-tô" trong vinh quang (Cv 2,36). Từ nguồn sung mãn của Mình, Người ban tràn đầy Thánh Thần cho các tông đồ và Hội Thánh.*

**747.** *Vì là Đầu của Thân Thể, Đức Ki-tô thông ban tràn đầy Thánh Thần cho các chi thể, để Thánh Thần xây dựng, linh hoạt và thánh hóa Hội Thánh. Hội Thánh là bí tích của sự hiệp thông giữa Ba Ngôi Chí Thánh và loài người.*

## Mục 9

### "TÔI TIN CÓ HỘI THÁNH CÔNG GIÁO"

**748.** "Ánh sáng muôn dân chính là Chúa Ki-tô, nên Thánh Công Đồng đang nhóm họp trong Chúa Thánh Thần hết lòng mong ước chiếu giải trên mọi người ánh sáng của Chúa Ki-tô phản chiếu trên dung nhan Hội Thánh, bằng việc rao truyền Tin Mừng cho mọi thụ tạo". Những lời trên đây mở đầu "Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh" của Công Đồng Va-ti-ca-nô II. Qua đó, Công Đồng cho thấy tín điều về Hội Thánh hoàn toàn tùy thuộc những tín điều về Đức Giê-su Ki-tô. Hội Thánh không có ánh sáng nào khác ngoài ánh sáng của Đức Ki-tô. Các giáo phụ thường ví Hội Thánh như mặt trăng phản chiếu ánh sáng mặt trời.

**749.** Tín điều về Hội Thánh còn tùy thuộc tín điều về Chúa Thánh Thần. "Quả thế, sau khi cho thấy Chúa Thánh Thần là

nguồn mạch và là Đấng ban phát mọi sự thánh thiện, bây giờ chúng tôi tuyên xưng rằng chính Người đã ban phát cho Hội Thánh sự thánh thiện (x. Giáo lý Rôma 1,10,1)". Theo cách nói của các Giáo Phụ", Hội Thánh là môi trường hoạt động của Chúa Thánh Thần (T. Hipôlitô, truyền thông các tông đồ).

**750 811 169.** Tin có Hội Thánh Công Giáo, Thánh Thiện, (kinh Tin Kính Ni-xê-a Con-tan-ti-nô-pô-li còn thêm), Duy Nhất và Tông Truyền không tách rời khỏi đức tin vào Thiên Chúa Ngôi Cha, Ngôi Con và Ngôi Thánh Thần. Trong kinh Tin Kính các tông đồ, chúng ta tuyên xưng "tôi tin có Hội Thánh", chứ không phải "tôi tin kính Hội Thánh", vì Hội Thánh là công trình của Thiên Chúa, không thể lẫn lộn với chính Thiên Chúa. Hội Thánh còn dùng cách tuyên xưng này để nhấn mạnh tất cả những hồng ân mà Người dành cho Hội Thánh đều do lòng nhân từ của Người (Giáo lý Rô-ma 1, 10,22).

## **Tiết 1: HỘI THÁNH TRONG Ý ĐỊNH CỦA THIÊN CHÚA**

### **I. DANH XƯNG VÀ HÌNH ẢNH VỀ HỘI THÁNH**

**751.** Chúng ta dùng từ "*Hội Thánh*" để dịch chữ *Ekklesia* của Hy Lạp ( *Ek-kalein* có nghĩa là tập họp). Thuật ngữ này chỉ những cuộc tập họp dân chúng ( x. Cv 19,39), thường có tính tôn giáo. Trong bản Cựu Ước bằng tiếng Hy Lạp, thuật ngữ này thường được sử dụng để chỉ cuộc tập họp của "Dân được tuyển chọn" trước mặt Thiên Chúa, nhất là cuộc tập họp ở núi Xi-nai khi Ít-ra-en lãnh nhận Lễ Luật và được Thiên Chúa thiết lập làm Dân Thánh ( x. Xh 19) của Người. Khi tự xưng là Hội Thánh, cộng đoàn tín hữu tiên khởi nhìn nhận mình là thừa kế của cộng đoàn Dân Chúa trong Cựu

Ước. Trong cộng đoàn mới này, Thiên Chúa "tập họp" Dân của Người từ khắp mặt đất. Trong tiếng Anh, Hội Thánh được gọi là Church; trong tiếng Đức, Hội Thánh được gọi là Kirche, cả hai từ này phát xuất từ thuật ngữ "*Kyriakê*" của Hy Lạp có nghĩa là "cộng đoàn của Chúa".

**752** 1140,832 830.

Trong ngôn ngữ Ki-tô giáo, thuật ngữ "Hội Thánh" chỉ cộng đoàn phụng vụ ( x. 1Cr 11,18; 14,19.28.34.35), nhưng cũng chỉ cộng đoàn địa phương ( x. 1Cr 1,2; 16,1) hay cộng đoàn tín hữu trên toàn thế giới ( x. 1Cr 15,9; Gl 1,13; Plm 3,6). Thực ra, ba nghĩa này không thể tách rời nhau. Hội Thánh là dân được Thiên Chúa quy tụ từ khắp cả hoàn cầu. Hội Thánh hiện diện trong những cộng đoàn địa phương và thể hiện như một cộng đoàn phụng vụ, đặc biệt là cộng đoàn Thánh Lễ. Hội Thánh sống nhờ Lời và Minh Thánh Chúa Ki-tô và nhờ đó, Hội Thánh trở thành Thân Thể Chúa Ki-tô.

### **Các biểu tượng về Hội Thánh**

**753** 781 789

Trong Thánh Kinh, mặc khải dùng nhiều hình ảnh có tương quan mật thiết với nhau để nói về mầu nhiệm khôn lường của Hội Thánh. Trong Cựu ước các hình ảnh này là những cách diễn tả khác nhau của một ý tưởng căn bản : "Dân Thiên Chúa". Trong Tân Ước ( x. Eph 1,22; Cl 1,18), những hình ảnh ấy có một tâm điểm mới là Chúa Ki-tô, Đấng trở thành "Đầu của Dân" ( x. LG 9) và Dân trở thành Thân Thể của Người. Chung quanh tâm điểm ấy, Hội Thánh còn được diễn tả bằng "nhiều hình ảnh khác lấy từ đời sống du mục, canh nông, kiến trúc, hoặc gia đình và hôn lễ" (LG 6).

**754** 857. Thực thể, Hội thánh là "*chuông chiên*" và Chúa Ki-tô là cửa vào duy nhất và cần thiết ( x. Ga 10,1-10).

Hội Thánh cũng là *đàn chiên* mà chính Thiên Chúa đã tiên báo Người là mục tử ( x. Is 40,11; Ed 34,11-31). Tuy được các mục tử trần gian chặn dất, những chiên ấy luôn được chính Chúa Ki-tô, mục tử nhân lành và thủ lãnh các mục tử, dẫn dắt và nuôi dưỡng ( x. Ga 10,11; 1Pr 5,4). Người đã hiến mạng sống mình cho đàn chiên (x. Ga 10,11-15).

**755 795.** "Hội Thánh cũng là *"thửa ruộng"*, hay "cánh đồng Thiên Chúa" (1 Cr 3, 9). Trong cánh đồng ấy, mọc lên cây ô-liu cổ thụ mà các Tổ Phụ là gốc rễ thánh. Nơi cây cổ thụ này, sự hòa giải giữa dân Ít-ra-en và các dân ngoại đã được và sẽ được thực hiện (x. Rm 11,13-26). Hội Thánh được chủ vườn nho thiên quốc vun trồng như một cây nho tuyển chọn (x. Mt 21,33-43 par). Chúa Ki-tô là cây nho đích thực: Người ban sức sống và hoa trái cho các nhánh là chúng ta. Nhờ Hội Thánh, chúng ta ở trong Người. Không có Người, chúng ta không thể làm gì được (Ga 15, 1-5).

### **756 857 1045.**

Hội Thánh cũng thường được gọi là *"toà nhà"* của Thiên Chúa ( 1Cr 3,9). Chính Chúa Ki-tô đã tự ví Người như viên đá mà các thợ xây nhà loại bỏ, nhưng đã trở nên viên đá góc tường (Mt 21,42) (x.Cv 4,11; 1Pr 2,7; Tv 118,22). Trên nền móng này, các tông đồ đã xây dựng Hội Thánh (1Cr 3, 11) và Hội Thánh được bền vững, liên kết nhờ nền móng đó. *Toà nhà* này còn được gọi bằng nhiều tên khác: Nhà Thiên Chúa (1Tm 3,15) nơi *Gia đình* Người cư ngụ, nơi Thiên Chúa cư ngụ trong Chúa Thánh Thần (Ep 2, 19-22); "Lều Tạm của Thiên Chúa giữa loài người" (Kh 21,3) và nhất là *Đền Thánh*, tiêu biểu bằng các đền thờ bằng đá, đã từng được các thánh Giáo phụ ca tụng, và được Phụng Vụ sánh ví rất đúng với Thành Thánh, thành Giê-ru-sa-lem mới. Thật vậy, trong Hội Thánh tại thế, chúng ta là những viên đá sống động dùng vào việc xây cất (1Pr 2,5). Thánh Gio-an đã chiêm

ngưỡng Thành Thánh ấy từ trời nơi Thiên Chúa mà xuống trong ngày canh tân vũ trụ, "sẵn sàng như hôn thê trang điểm để đón tân lang mình" (Kh 21,1-2).

**757 507, 796 1616.**

Hội Thánh còn được gọi là "thành Giê-ru-sa-lem trên trời là "mẹ chúng ta" (Gl 4,26) ( x.Kh 12,17), được mô tả như hiện thể tinh tuyền của Con Chiên không tì ô (Kh 19 7; 21 2.9; 22, 17), được Chúa Ki-tô yêu mến "và hiến thân để thánh hóa", được Người kết hợp bằng một giao ước bất khả tiêu hủy, được Người "nuôi dưỡng và săn sóc" không ngừng" (Ep 5,29; LG 6).

## **II. NGUỒN GỐC, NỀN TẢNG VÀ SỨ MẠNG CỦA HỘI THÁNH**

**758 257.** Để tìm hiểu kỹ càng mầu nhiệm Hội Thánh, trước hết chúng ta nên suy gẫm nguồn gốc của Hội Thánh trong ý định của Thiên Chúa Ba Ngôi được thực hiện tiệm tiến trong lịch sử.

### **Một ý định phát xuất từ tình yêu của Chúa Cha**

**759 293.** "Bởi ý định khôn ngoan nhân lành, hoàn toàn tự do và mầu nhiệm, Chúa Cha hằng hữu đã tạo dựng vũ trụ; Người quyết định nâng loài người lên tham dự đời sống thần linh" trong Chúa Con : "Chúa Cha muốn qui tụ những ai tin Chúa Ki-tô hợp thành Hội Thánh".1655 "Gia đình của Thiên Chúa" này được thành lập và hiện thực tuần tự qua các giai đoạn tiếp nối của lịch sử loài người, thể theo sự an bài của Chúa Cha. Thật vậy, "từ nguyên thủy Hội Thánh được tiên báo bằng hình bóng, được chuẩn bị kỳ diệu trong lịch sử dân Ít-ra-en và trong Giao Ước cũ; được thành lập trong thời cuối cùng; và được biểu hiện lúc Chúa Thánh Thần ngự xuống,

rời đến ngày tận thế sẽ được hoàn tất trong vinh quang" (LG 2).

### **Hội Thánh được tiên báo từ khi tạo dựng trời đất**

**760** 294, 309. "Các Ki-tô hữu thời sơ khai cho rằng ( Hermas, vis.2,4,1; x. Aristide, apol.16,6; Justide, apol.2,7): "Vũ trụ được tạo dựng vì Hội Thánh". Thiên Chúa đã sáng tạo để vũ trụ được hiệp thông vào đời sống thần linh của Người; sự hiệp thông này được thể hiện bằng cách "triệu tập" loài người trong Chúa Ki-tô; và sự "triệu tập" đó chính là Hội Thánh. Hội Thánh là cùng đích của mọi sự ( x. T. Epiphane, chống lạc giáo.1,1,5 ). Ngay cả những biến thiên đau đớn, như sự sa ngã của các thiên thần và tội lỗi của loài người, cũng là do Thiên Chúa cho phép xảy ra, như là cơ hội và phương tiện để biểu dương tất cả quyền lực, tất cả tình yêu vô biên Người muốn ban cho nhân loại.

"Cũng như ý muốn của Thiên Chúa là hành động và hành động đó có tên là thể gian, thì ý định của Người là sự cứu độ loài người, và sự cứu độ ấy có tên là Hội Thánh" ( Cờ lê men tê, Giám mục A-lê-xan-ri, Giáo huấn 1,6).

### **Hội Thánh được chuẩn bị trong Cựu Ước**

**761** 55. Việc tập hợp Dân Thiên Chúa bắt đầu ngay lúc tội lỗi phá hủy sự hiệp thông giữa loài người với Thiên Chúa và giữa loài người với nhau. Việc tập hợp Hội Thánh có thể nói là cách Thiên Chúa phản ứng trước cảnh hỗn độn do tội lỗi gây ra. Cuộc tái thống nhất này được âm thầm thực hiện giữa lòng tất cả các dân tộc: "Trong bất cứ quốc gia nào, hễ ai kính sợ Thiên Chúa và ăn ngay ở lành, đều được Người coi như đẹp lòng Người" (Cv 10,35) ( x. LG 9, 13; 16).

**762** 122, 22,60 64

Việc qui tụ Dân Thiên Chúa được "*chuẩn bị xa*" với ơn gọi của Áp-ra-ham. Thiên Chúa hứa là ông sẽ thành cha của một dân tộc vĩ đại ( x. Ga 12,2; 15,5-6). Cuộc chuẩn bị gần bắt đầu bằng việc tuyển chọn Ít-ra-en làm Dân Thiên Chúa ( x. Xh 19,5-6; Đnl 7,6). Được Thiên Chúa tuyển chọn, Ít-ra-en phải là dấu chỉ cho việc qui tụ tất cả các dân tộc trong tương lai ( x. Is 2,2-5; Mk 4,1-4). Nhưng các ngôn sứ tố cáo Ít-ra-en đã phản bội giao ước và cư xử như một gái điếm ( x. Hs 1; Is 1,2-4; Gr 2; v.v...). Các Ngài loan báo một giao ước mới và vĩnh viễn ( x. Gr 31,31-34; Is 55,3). "Giao ước mới này do chính Đức Ki-tô đã thiết lập" (LG 9).

### **Hội Thánh được Đức Ki-tô thiết lập**

**763** 541. Việc Chúa Con phải thực hiện chương trình cứu độ của Chúa Cha khi thời gian đến hồi viên mãn, là lý do của "sứ mạng Người" ( x. LG 3; AG 3). "Chúa Giê-su đã khai sinh Hội Thánh bằng việc rao giảng Tin Mừng, loan báo Nước Thiên Chúa đã hứa trong Kinh Thánh từ ngàn xưa nay được khai sáng" (LG 5). Để thực thi ý Chúa Cha, Đức Ki-tô khai mạc Nước Trời trên mặt đất. Hội Thánh là "triều đại của Đức Ki-tô hiện diện một cách huyền nhiệm" (LG 3).

**764** 543, 1691, 2558.

"Triều đại này chiếu sáng trước mặt mọi người qua lời nói, hành động và sự hiện diện của Đức Ki-tô" (LG 5). "Ai đón nhận lời của Đức Giê-su là đón nhận Nước Thiên Chúa" ( Ibid). Mầm mống và khai nguyên của Nước Trời là "đoàn chiên bé nhỏ" (Lc 12, 32). Chúa Giê-su đã tập họp quanh Người và chính Người là mục tử ( x.Mt 10,16; 26,31; Ga 10,1-21). Những người đó họp thành gia đình đích thực của Chúa Giê-su ( x.Mt 12,49). Người đã dạy cho họ một "cách sống mới" và một kinh nguyện riêng ( x.Mt 5-6).

**765 860, 551.** Chúa Giê-su thiết lập một cộng đoàn có cơ cấu, và cộng đoàn này sẽ tồn tại cho đến lúc Nước Trời được hoàn thành. Trước hết, Người tuyển chọn nhóm Mười Hai với Phê-rô làm thủ lãnh ( x.Mc 3,14-15). Đại diện cho 12 chi tộc Ít-ra-en ( x.Mt 19,28; Lc 22,30), nhóm 12 là nền tảng của Giê-ru-sa-lem mới ( x.Kh 21,12-14). Nhóm Mười Hai ( x.Mc 6,7) và các môn đệ khác ( x.Lc 10,1-2) tham dự vào sứ mạng của Đức Ki-tô, vào quyền năng và cả số phận ( x.Mt 10,25; Ga 15,20) của Người. Qua những hành động trên, Đức Ki-tô chuẩn bị và xây dựng Hội Thánh của Người.

**766 813, 610, 1340 617 478.**

Nhưng Hội Thánh phát sinh chủ yếu từ việc Đức Ki-tô hiến thân hoàn toàn để cứu độ chúng ta; sự hiến thân được thể hiện trước trong việc thiết lập bí tích Thánh Thể và được thực hiện trên Thập Giá. "Sự khai nguyên và phát triển của Hội Thánh được biểu thị bằng máu và nước trào ra từ cạnh sườn bị đâm thâu của Đức Giê-su bị đóng đinh" ( x.LG 3). "Chính từ cạnh sườn của Đức Ki-tô chịu chết trên Thập Giá đã phát sinh bí tích kỳ diệu là toàn thể Hội Thánh" (SC 5). Cũng như E-và được tạo ra từ cạnh sườn của A-đam khi ông ngủ, thì Hội Thánh cũng đã sinh từ trái tim bị đâm thủng của Đức Giê-su chết trên Thập Giá.

## **Hội Thánh được bày tỏ bởi Chúa Thánh Thần**

**767 731 849.**

"Khi Chúa Con hoàn tất công trình Chúa Cha trao phó cho Người ở trần gian, Chúa Thánh Thần được cử đến trong ngày lễ Ngũ Tuần, để thánh hoá Hội Thánh mãi mãi" (LG 4). "Bây giờ, Hội Thánh được công khai giới thiệu cho nhân loại, và Tin Mừng bắt đầu được rao giảng cho muôn dân" (AG 4). Bởi Hội Thánh là cuộc "triệu tập" tất cả mọi người để được cứu độ, nên Hội Thánh tự bản chất là thừa sai,

được Chúa Ki-tô cử đến với muôn dân, để làm cho họ trở thành môn đệ của Người ( x.Mt 28,19-20; AG 2,5-6).

**768 541.** Để giúp Hội Thánh thi hành sứ mạng, Chúa Thánh Thần "trang bị và điều khiển Hội Thánh bằng nhiều ân huệ phẩm trật và các đặc sủng khác nhau" (LG 4). "Vì thế được trang bị với các hồng ân của Đấng Sáng Lập và chăm chú trung thành tuân giữ các giới răn về bác ái, khiêm nhường và từ bỏ, Hội Thánh lãnh nhận sứ mạng rao truyền và thiết lập Nước của Đức Ki-tô và của Thiên Chúa nơi mọi dân tộc; Hội Thánh là mầm mống và khai nguyên của Nước ấy trên trần gian" (LG 5).

### **Hội Thánh được hoàn tất trong vinh quang**

**769 671,2818 675 1045.**

"Hội Thánh chỉ được hoàn tất trong vinh quang trên trời" ( x. LG 48), trong ngày Chúa Ki-tô quang lâm. Từ nay đến đó, "Hội Thánh vẫn tiến bước trên đường hành hương, bị thế gian bách hại và được Thiên Chúa an ủi" (Thánh Âu-tinh, Đô thị Thiên Chúa,18-51; LG 8). Nơi trần thế, Hội Thánh biết mình đang ở chốn lưu đày, xa cách Chúa ( x.2Cr 5,6; LG 6) và khao khát ngày Vương Quốc đấng quang trọn vẹn, "giờ mà Hội Thánh được kết hợp cùng Vua của mình trong vinh quang" (LG 5). Hội Thánh sẽ phải trải qua nhiều thử thách lớn lao trước khi đạt tới vinh quang viên mãn; và nhờ Hội Thánh, thế giới cũng được vinh quang. Chỉ khi đó "mọi người công chính từ A-đam, từ A-ben người công chính, cho đến người được tuyển chọn cuối cùng, sẽ được qui tụ trong Hội Thánh hoàn vũ bên cạnh Chúa Cha"(LG 2).

### III. MÀU NHIỆM HỘI THÁNH

**770 812.** Hội Thánh sống trong lịch sử, nhưng vượt trên lịch sử. Chỉ với "con mắt đức tin" ( x. Sách Giáo lý Rô-ma 1,10,20), chúng ta mới có thể thấy được thực tại thiêng liêng mang sức sống thần linh nơi thực tại hữu hình của Hội Thánh.

#### **Hội Thánh - vừa hữu hình vừa thiêng liêng**

**771 827.** "Đức Ki-tô, Đấng Trung Gian duy nhất, đã thiết lập và không ngừng nâng đỡ Hội Thánh luôn thánh thiện, là một cộng đoàn sống đức tin, cậy, mến như một cơ cấu hữu hình trên trần gian. Qua Hội Thánh, Người loan truyền chân lý và ân sủng cho mọi người". Hội Thánh đồng thời là :

*1880*

- "xã hội có tổ chức theo phẩm trật và là Nhiệm Thể Chúa Ki-tô;

- tập hợp hữu hình và cộng đoàn thiêng liêng;

*954*

- Hội Thánh dưới đất và Hội Thánh được trang bị những ân sủng trên trời".

Những chiều kích trên cấu thành một thực thể phức tạp, duy nhất, được tạo nên do hai yếu tố nhân loại và thần linh kết thành" (LG 8). "Hội Thánh có đặc tính vừa nhân loại vừa thần linh, vừa hữu hình vừa hàm chứa những thực tại vô hình, vừa nhiệt tình hoạt động vừa chiêm niệm, vừa hiện diện trên trần gian nhưng đồng thời cũng là lễ khách. Tuy nhiên, trong Hội Thánh, yếu tố nhân loại quy hướng và lệ thuộc vào yếu tố thần linh; những thực tại hữu hình quy hướng về những thực tại vô hình; hoạt động hướng về chiêm

niệm; và những gì hiện tại phải hướng về thành đô tương lai là nơi chúng ta đang tìm kiếm" (SC 2).

"Ôi khiêm tốn ! Ôi cao cả ! Lều tạm Xê-đa và Thánh Điện của Thiên Chúa, nơi cư trú trần gian và là cung điện trên trời; ngôi nhà bằng đất sét và là cung điện của Vua; thân xác hư nát và là đền thờ ánh sáng; đối tượng của sự khinh khi của bọn kiêu căng và là hiền thê của Đức Ki-tô ! Nàng đen mà đẹp, nữ tử Giê-ru-sa-lem, nàng xanh xao nhợt nhạt vì mệt mỏi, đau khổ qua cuộc lưu đày dài đằng đẵng, song nàng đã được trang sức bằng nữ trang thượng giới (T. Bernard Cant 27,14).

### **Hội Thánh - Mầu Nhiệm hiệp nhất giữa loài người với Thiên Chúa**

**772 518, 796.**

Chính trong Hội Thánh, Đức Ki-tô hoàn tất và mặc khải Mầu nhiệm sâu thẳm của Người như cùng đích của ý định Thiên Chúa : "thâu tóm mọi sự trong Đức Ki-tô" (Ep 1,10). Sự kết hiệp của Đức Ki-tô với Hội Thánh là Hiền Thê của Người, được thánh Phao-lô gọi là "mầu nhiệm cao cả" (Ep 5-32). Vì được kết hiệp với Đức Ki-tô như Phu Quân của mình (x. Ep 5,25-27), Hội Thánh đến lượt mình cũng trở thành Mầu Nhiệm (x. Ep 3,9-14). Chiêm ngắm mầu nhiệm này, thánh Phao-lô nói : "Đức Ki-tô đang ở giữa anh em, Đăng ban cho chúng ta niềm hy vọng đạt tới vinh quang" (Cl 1, 27).

**773 671 972.**

Mục đích của Hội Thánh là giúp con người hiệp thông với Thiên Chúa nhờ "đức ái không bao giờ tàn tạ" (x. 1Cr 13,8); mục đích ấy chi phối tất cả những gì là phương

tiện mang tính bí tích, gắn liền với thế giới đang qua đi (x LG 48). "Phẩm trật Hội Thánh, hoàn toàn nhằm vào việc thánh hoá các chi thể của Chúa Ki-tô. Sự thánh thiện của Hội Thánh tùy thuộc vào "mầu nhiệm cao cả", là mầu nhiệm Hội Thánh đón nhận và đáp lại tình yêu của Đức Ki-tô" (x. MD 27). Đức Ma-ri-a đã trỗi vượt trên tất cả chúng ta về sự thánh thiện. Sự thánh thiện này là mầu nhiệm Hội Thánh xét như "Hiền Thê không tỳ ố, không vết nhăn" (x Ep 5,27). Vì vậy "trong Hội Thánh, mầu mực Thánh Mầu trỗi vượt hơn mầu mực Tông Đồ" (Ibid) .

### **Hội Thánh - Bí Tích phổ quát của ơn cứu độ**

*774 1075 515 2014 1116.*

Tiếng La tinh dùng hai từ *Mysterium* (mầu nhiệm) và *Sacramentum* (bí tích) để dịch từ *Mysterion* của Hy Lạp. Về sau, người ta phân biệt thuật ngữ *Sacramentum* (bí tích) để diễn tả dấu chỉ hữu hình của ơn cứu độ; thuật ngữ *Mysterium* (mầu nhiệm) diễn tả ơn cứu độ ẩn giấu dưới dấu chỉ hữu hình đó. Theo nghĩa này, chính Đức Ki-tô là mầu nhiệm cứu độ : mầu nhiệm Thiên Chúa không có gì khác hơn là chính Đức Ki-tô (T. Âu-tinh thư 187,11,34). Công trình cứu độ của nhân tính thánh thiên và có sức thánh hóa của Đức Ki-tô là bí tích cứu độ được tỏ lộ và tác động trong các bí tích của Hội Thánh (mà các Giáo Hội Đông Phương gọi là các "mầu nhiệm thánh"). Bảy bí tích là những dấu chỉ và những khí cụ Chúa Thánh Thần dùng để ban tràn đầy ân sủng của Đức Ki-tô là Đầu, cho Hội Thánh là Thân Thể. Như thế, Hội Thánh chứa đựng và thông ban ân sủng vô hình mà Hội Thánh là dấu chỉ. Chính trong nghĩa loại suy này mà Hội Thánh được gọi là "bí tích".

**775 360.** "Trong Đức Ki-tô, Hội Thánh là bí tích, nghĩa là dấu chỉ và khí cụ của sự kết hiệp mật thiết giữa con người với Thiên Chúa và của sự hiệp nhất toàn thể nhân loại" (LG 8). Mục đích đầu tiên của Hội Thánh là trở thành bí tích của sự kết hiệp mật thiết con người với Thiên Chúa. Vì sự hiệp thông giữa con người với nhau bắt nguồn từ sự kết hiệp với Thiên Chúa, nên Hội Thánh cũng là bí tích hiệp nhất của nhân loại. Trong Hội Thánh, sự hiệp nhất đó đã bắt đầu, vì Hội Thánh qui tụ những người "thuộc mọi quốc gia, mọi chủng tộc, mọi dân tộc, mọi ngôn ngữ" (Kh 7,9); đồng thời, Hội Thánh là "dấu chỉ và khí cụ" thực hiện trọn vẹn sự hiệp nhất còn phải đạt đến.

**776 1088.** Vì là bí tích, Hội Thánh cũng là khí cụ của Đức Ki-tô. "Chúa Ki-tô dùng Hội Thánh như khí cụ để cứu chuộc mọi người" (x. LG 9), như "bí tích phổ quát của ơn cứu độ" (x. LG 48), nhờ đó Đức Ki-tô "bày tỏ và thực hiện mầu nhiệm Thiên Chúa yêu thương con người" (x. GS 45,1). Hội Thánh là "dự phóng hữu hình của tình yêu Thiên Chúa đối với nhân loại" (Phao-lô VI-diễn từ 22-6-1973). Thiên Chúa muốn cho "*tất cả loài người họp thành một Dân duy nhất của Thiên Chúa*", quy tụ trong Thân Thể duy nhất của Đức Ki-tô, xây dựng thành một đền thờ duy nhất của Thánh Thần" (AG 7; LG 17).

## **TÓM LƯỢC**

**777.** Từ "*Hội Thánh*" nghĩa là "*tập họp*". Thuật ngữ này chỉ cuộc hội họp của những người được Lời Chúa tập họp thành Dân Thiên Chúa, và nhờ bí tích Thánh Thể nuôi dưỡng, họ trở thành Thân Thể Đức Ki-tô.

**778.** Hội Thánh vừa là con đường, vừa là cùng đích của ý định Thiên Chúa. Được tiên báo từ khi Thiên Chúa sáng tạo

trời đất, được chuẩn bị trong Cựu Ước, được thành lập do Lời và hành động của Đức Giê-su Ki-tô, được thực hiện nhờ Thập Giá cứu chuộc và sự Phục Sinh của Người, cuối cùng Hội Thánh được giới thiệu với nhân loại như mẫu nhiệm cứu độ qua việc Thánh Thần được ban tràn đầy. Hội Thánh sẽ được hoàn tất trong vinh quang trên trời như cuộc tập hợp tất cả những ai được chuộc về từ dưới đất (x.Kh 14,4).

**779.** Hội Thánh vừa hữu hình vừa thiêng liêng, vừa là một xã hội có phẩm trật vừa là Nhiệm Thể Đức Ki-tô. Hội Thánh duy nhất hợp thành bởi hai yếu tố: nhân loại và thần linh. Vì thế, chỉ có đức tin mới thấu hiểu được mẫu nhiệm Hội Thánh.

780. Ở đời này, Hội Thánh là bí tích cứu độ, dấu chỉ và khí cụ của sự hiệp thông giữa Thiên Chúa với con người.

## **Tiết 2: HỘI THÁNH – DÂN THIÊN CHÚA, THÂN THỂ CHÚA KITÔ, ĐỀN THỜ CHÚA THÁNH THẦN**

### **I. HỘI THÁNH LÀ DÂN THIÊN CHÚA**

**781.** "Chắc chắn trong mọi thời đại và mọi dân tộc, bất cứ người nào kính sợ Thiên Chúa và ăn ở ngay lành đều được Người đoái thương (x.Cv 10, 35). Tuy nhiên, Thiên Chúa không muốn thánh hoá và cứu độ con người cách riêng rẽ, thiếu liên kết, nhưng Ngài muốn qui tụ họ thành một dân tộc, để họ nhận biết Người trong chân lý, và phụng sự Người trong thánh thiện. Vì thế, Người chọn dân Ít-ra-en làm dân Người, thiết lập với họ một giao ước, giáo huấn họ dần dần... Tuy nhiên, tất cả những điều ấy chỉ là chuẩn bị và hình bóng của Giao Ước mới hoàn hảo sẽ được ký kết trong Đức Ki-tô ... Đó là Giao Ước mới trong máu Người, Người triệu tập

một dân đến từ dân Ít-ra-en và từ các dân ngoại, hợp thành một khối duy nhất trong Thánh Thần" (LG 9).

### **Những đặc tính của dân Thiên Chúa**

**782 871.** Dân Thiên Chúa có những đặc tính rõ ràng, phân biệt họ với tất cả những tập thể tôn giáo, chủng tộc, chính trị hoặc văn hóa trong lịch sử.

2787.

-Họ là dân *của Thiên Chúa* : Thiên Chúa không là của riêng một dân tộc nào. Nhưng Người tạo cho mình một dân tộc từ những người trước kia không phải là một dân tộc : "một giống nòi được tuyển chọn, một hoàng tộc chuyên lo tế tự, một dân thánh" (1 Pr 2,9).

1267.

-Người ta trở nên *thành viên* của Dân này, không phải do huyết thống nhưng "được sinh ra từ trên", "bởi nước và Thánh Thần" (Ga 3,3-5), nghĩa là nhờ tin vào Đức Ki-tô và nhờ Phép Rửa.

695.

-Dân này có vị *Thủ Lãnh* (Đầu) là Đức Ki-tô (Đấng được xức dầu, Mê-si-a), vì cùng được xức dầu bởi một Chúa Thánh Thần, chảy từ đầu xuống thân, nên dân này là dân Mê-si-a.

1741.

-"*Thân phận* dân này là phẩm giá của những người con tự do của Thiên Chúa : Chúa Thánh Thần ngự trong tâm hồn họ như trong một đền thờ."

-"*Luật* của họ là giới răn mới : phải yêu thương nhau như chính Chúa Ki-tô đã yêu thương chúng ta" (x. Ga 13,34). Đó là luật "mới" của Chúa Thánh Thần ( Rm 8, 2; Gl 5,25).

849.

-*Sứ mạng* của dân này là làm muối đất và ánh sáng thế gian (x. Mt 5,13-16). "Dân này là hạt giống tốt nhất giúp toàn nhân loại hiệp nhất, hy vọng và được cứu độ."

769.

-Cuối cùng, *cứu cánh* của Dân là "Nước Thiên Chúa được khai nguyên trên trần gian và ngày càng lan rộng, cho đến khi được chính Người hoàn tất trong ngày thế mạt".

### **Một dân tư tế, ngôn sứ và vương giả**

**783** 436, 873

Thiên Chúa đã dùng Thánh Thần xúc dầu và tấn phong Đức Giêsu Ki-tô làm "Tư tế, Ngôn sứ và Vua". Toàn thể Dân Thiên Chúa tham dự ba chức năng đó của Đức Ki-tô và lãnh trách nhiệm thực hiện sứ mạng phục vụ, xuất phát từ ba chức năng đó (RH 18,21).

**784** 1268 1546.

Khi gia nhập Dân Thiên Chúa, bằng đức tin và phép rửa, chúng ta dự phần vào ơn gọi vô song của Dân ấy : *ơn gọi tư tế* . "Đức Giê-su Ki-tô được cất nhắc làm thượng tế giữa loài người, đã làm cho Dân mới "thành một vương quốc, thành những tư tế cho Thiên Chúa, Cha Người". Thực vậy, những người đã lãnh phép rửa, nhờ sự tái sinh và xúc dầu của Thánh Thần, *được thánh hiến* để trở thành đền thờ thiêng liêng và nhận chức tư tế thánh" (LG 10).

**785** 92.

"Dân thánh của Thiên Chúa tham dự chức năng *ngôn sứ* của Đức Ki-tô" : nhờ cảm thức siêu nhiên của đức tin của toàn thể Dân Chúa, của giáo dân cũng như của hàng giáo phẩm, khi "gắn bó hoàn toàn với đức tin đã được truyền lại cho Dân thánh chỉ một lần là đủ" (LG 12), khi tìm hiểu, đào

sâu nội dung đức tin ấy, và khi trở nên chứng nhân của Đức Ki-tô giữa đời.

**786 2449 2443.**

Dân Thiên Chúa còn tham dự *ương giả* của Đức Ki-tô. Đức Ki-tô thi hành vương quyền bằng cách nhờ cuộc khổ nạn và phục sinh mà thu hút mọi người đến với mình (x. Ga12,32). Dù là Vua và Chúa muôn loài, Đức Ki-tô đã tự hạ làm tôi tớ mọi người, vì "Người không đến để được hầu hạ mà để hầu hạ và hiến dâng mạng sống làm giá cứu chuộc muôn người" (Mt 20,28). Đối với Ki-tô hữu, "muốn làm Vua với Đức Ki-tô phải phục vụ Người" (LG 36), cách riêng "trong những người nghèo khó và đau khổ, vì nơi họ, Hội Thánh nhận ra hình ảnh của Đấng Sáng Lập nghèo khó và đau khổ của mình" (LG 8). Dân Thiên Chúa thực hiện "phẩm giá vương giả" của mình bằng cách sống phù hợp ơn gọi phục vụ với Đức Ki-tô.

Dấu Thánh Giá làm cho tất cả những người được tái sinh trong Đức Ki-tô trở thành Vua. Việc Thánh Thần xúc dầu, thánh hiến họ làm tư tế. Không kể đến thừa tác vụ tư tế của hàng giáo sĩ, mọi Ki-tô hữu, nhờ đặc sủng của Thánh Thần và nhờ sử dụng lý trí, nhận ra mình thuộc dòng dõi vương giả và chia sẻ chức năng tư tế. Thật vậy, ai vương giả hơn người bắt thân xác mình qui phục Thiên Chúa? Và ai xứng đáng làm tư tế cho bằng kẻ hiến cho Chúa một lương tâm trong sạch và dâng trên bàn thờ tâm hồn mình, những lễ vật tinh tuyền của một đời phụng sự Chúa ( T.Lê-ô cả, bài giảng.1,1).

## **II. HỘI THÁNH LÀ THÂN THỂ CHÚA KI-TÔ**

**Hội Thánh là hiệp thông với Đức Giê-su**

**787 755.**

Ngay từ đầu, Chúa Giê-su đã cho các môn đệ dự phần vào đời sống của mình ( x. Mc 1,16-20; 3,13-19). Người mặc khải cho họ mầu nhiệm Nước Trời ( x. Mt 13,10-17) và cho họ tham gia vào sứ mạng, chia sẻ niềm vui ( x. Lc 10,17-20) và khổ đau của Người ( x. Lc 22,28-30). Đức Giê-su nói đến một sự hiệp thông mật thiết hơn giữa Người với những ai sau này sẽ theo Người : "Hãy lưu lại trong Thầy ... như Thầy trong anh em... Thầy là cây nho, anh em là ngành" (Ga 15,4-5). Người loan báo một sự hiệp thông thật sự và mầu nhiệm giữa thân thể Người và thân thể chúng ta: "Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta thì kết hợp với Ta và Ta với người ấy" (Ga 6,56).

**788 690.**

Khi không còn hiện diện hữu hình với các môn đệ, Chúa Giê-su không để các môn đệ phải mồ côi ( x. Ga 14,18). Người hứa ở với họ cho đến tận thế ( x. Mt 28,20), Người cử Thánh Thần đến với họ ( x. Ga 20,22; Cv 2,33). Nhờ đó sự hiệp thông với Người, trở nên mật thiết hơn : "Khi thông truyền Thánh Thần cho những anh em được Người qui tụ từ muôn dân, Đức Ki-tô tạo lập họ thành Thân Thể Người cách mầu nhiệm" (LG 7).

**789 521.**

Khi so sánh Hội Thánh với thân thể con người, chúng ta thấy rõ mối liên hệ mật thiết giữa Hội Thánh với Đức Ki-tô. Hội Thánh không chỉ được quy tụ *quanh Đức Ki-tô*, nhưng được thống nhất *trong Người*, trong Thân Thể Người. Trong Hội Thánh là Thân Thể Đức Ki-tô, chúng ta cần lưu ý đặc biệt ba khía cạnh sau : Các chi thể hợp nhất với nhau nhờ kết hợp với Đức Ki-tô; Đức Ki-tô là Đầu của Thân Thể; Hội Thánh là Hiền Thê của Đức Ki-tô.

## "Một Thân Thể duy nhất"

**790** 9471227 1329.

Khi đáp lại Lời Thiên Chúa và trở nên chi thể Đức Ki-tô, các tín hữu được kết hợp mật thiết với Người: "Trong thân thể ấy, sự sống Chúa Ki-tô tràn lan trên các tín hữu. Nhờ các bí tích, các tín hữu được kết hợp thật sự và cách mẫu nhiệm với Chúa Ki-tô đau khổ và hiển vinh" (LG 7). Thật vậy, nhờ bí tích Thánh Tẩy, chúng ta được kết hợp với Đức Ki-tô trong cuộc khổ nạn và phục sinh của Người ( x Rm 6,4-5; 1Cr 12,13) ; và nhờ bí tích Thánh Thể, chúng ta "được thông dự thực sự vào Thân Thể của Đức Ki-tô", "nên chúng ta được nâng lên để hiệp thông với Người và với nhau" (LG 7).

**791** 814, 1937.

Sự hiệp nhất trong Thân Thể không làm mất tính đa dạng của các chi thể : "Trong việc xây dựng Thân Thể của Chúa Ki-tô, cần có nhiều chi thể với những phận vụ khác nhau. Chỉ có một Chúa Thánh Thần ban những ân sủng khác nhau, để làm ích cho Hội Thánh theo sự sung mãn của Người và tùy nhu cầu của các công việc". Sự hiệp nhất của Nhiệm Thể làm phát sinh và thúc đẩy lòng bác ái giữa các tín hữu. "Nếu một chi thể nào đau đớn, thì tất cả các chi thể khác đều bị đau đớn; và nếu một chi thể nào được vinh dự, thì tất cả các chi thể khác cùng chung vui" (LG 7). Sau cùng, sự hiệp nhất của Nhiệm Thể vượt qua mọi chia rẽ của loài người : "Quả thế, được chìm vào nước Thánh Tẩy để nên một với Đức Ki-tô, tất cả anh em được mặc lấy Đức Ki-tô; không còn chuyện phân biệt Do thái hay Hy Lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; vì tất cả anh em chỉ là một nhờ được kết hợp với Đức Ki-tô Giê-su" (Gl 3,27-28).

## **Đức Ki-tô là Đầu của Thân Thể "**

**792 669 1119.**

Đức Ki-tô là "Đầu của Thân Thể, nghĩa là đầu của Hội Thánh" (Cl 1,18). Người là nguyên lý của công trình sáng tạo và cứu chuộc. Được cất nhắc vào trong vinh quang của Chúa Cha, "trong mọi sự Người đứng hàng đầu" (Cl 1,18), nhất là trong Hội Thánh, nhờ Hội Thánh Người mở rộng vương triều của Người trên mọi sự.

**793 661 519.**

*Người kết hiệp chúng ta vào cuộc Vượt Qua của Người* : Mọi chi thể phải trở nên giống Đức Ki-tô "cho đến khi Đức Ki-tô được hình thành nơi anh em" (Gl 4,19). "Chính vì thế chúng ta được kết nạp vào mầu nhiệm sự sống của Người ..., thông hiệp với những đau khổ của Người như thân thể kết hiệp với đầu, kết hiệp với sự thương khó của Người để được cùng Người vinh hiển" (LG 7).

**794 872.**

*Người giúp chúng ta tăng trưởng* (x. Cl 2,19). Để chúng ta lớn lên vươn tới Người là Đầu, Đức Ki-tô phân phối những ân huệ và những thừa tác vụ trong Thân Thể Người là Hội Thánh, nhờ đó chúng ta giúp nhau trên đường cứu độ.

**795 695.**

Chúa Ki-tô hợp với Hội Thánh làm thành "*Đức Ki-tô toàn diện*". Hội Thánh là một với Đức Ki-tô. Các thánh ý thức sâu xa về sự hiệp nhất này :

"Chúng ta hãy vui mừng và cảm tạ, vì chúng ta không những trở thành Ki-tô hữu, mà trở thành chính Đức Ki-tô. Anh em có hiểu ơn trọng đại Thiên Chúa ban, khi Người cho Đức Ki-tô làm Đầu chúng ta không ?

Anh em hãy cảm phục và vui mừng, chúng ta đã trở nên Đức Ki-tô. Quả thế, nếu Người là Đầu và chúng ta là chi thể, thì con người đầy đủ chính là Đức Ki-tô cộng với chúng ta .... Sự viên mãn của Đức Ki-tô chính là Đầu cùng với chi thể. Đầu nào? Chi thể nào? Đó là Đức Ki-tô và Hội Thánh" (x.T. Augustinô chú giải Tin Mừng thánh Gioan 21,8).

"Đấng Cứu Chuộc chúng ta đã xuất hiện như một người duy nhất với Hội Thánh mà Người đã đảm nhận làm thân thể Người" (x.T. Ghê-gô-ri-ô, cả bài giảng luân lý trong sách Gióp 1,6,4).

1474

"Đầu và các chi thể làm nên một ngôi vị thần bí" (x.T. Tô-ma Aquinô, tổng luận thần học 3,48,2,ad 1-7).

Một câu nói của Thánh Giăng-Đắc trước toà án tóm tắt niềm tin của các thánh tiến sĩ và cũng diễn tả lương tri của người tín hữu "Đức Ki-tô và Hội Thánh chỉ là một, đừng thắc mắc chi hết" (x.T. Gian-Đa, hồ sơ toà án).

## **Hội Thánh là Hiền Thê của Đức Ki-tô**

796 757 219 772 1602 1616.

Sự hiệp nhất giữa Đức Ki-tô và Hội Thánh, giữa Đầu và các chi thể của Thân Thể, cũng bao trùm có sự phân biệt giữa hai bên trong một tương quan cá vị. Khía cạnh này thường được diễn tả qua hình ảnh Phu Quân và Hiền Thê. Đề tài Đức Ki-tô Phu Quân của Hội Thánh đã được các ngôn sứ chuẩn bị và Gio-an Tẩy Giả báo trước (x. Ga 3,29). Chính Chúa Giê-su cũng tự xưng là "hôn phu" (Mc 2, 19) (x. Mt

22,1-14; 25,1-13). Thánh Phao-lô giới thiệu Hội Thánh và mỗi tín hữu, chi thể của Thân Thể, như Hiền Thê "được đính hôn" với Đức Ki-tô để nên cùng một Tinh Thần với Người (x. 1Cr 6,15-17; 2Cr 11,2). Hội Thánh là Hiền Thê không tì vết của Con Chiên tinh tuyền (x. Kh 22,17; Ep 1,4; 5,27), Hiền Thê mà Đức Ki-tô yêu mến và hiến mạng sống để "thánh hoá" (Ep 5,26). Người liên kết với Hội Thánh bằng một giao ước vĩnh cửu, và không ngừng chăm sóc Hội Thánh như chính Thân Thể mình (x. Ep 5,29).

"Đây là Đức Ki-tô toàn diện, Đầu và thân thể, "nhiều" thành "một" ...Đầu nói, hay các chi thể nói, cũng là Đức Ki-tô nói :Người nói với tư cách là Đầu hay với tư cách là Thân Thể. Sách Thánh nói thế nào? "Cả hai sẽ thành một xương một thịt. Mâu nhiệm này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức Ki-tô và Hội Thánh" (Ep 5, 31-32). Và chính Chúa Giê-su cũng nói trong Tin Mừng: "Không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt" (Mt 19,6). Như anh em đã thấy, thật sự thì có hai người khác nhau, nhưng cả hai đã nên một khi thành vợ thành chồng .... *Với tư cách là Đầu, Người tự xưng là "Phu quân"; với tư cách là Thân Thể, Người tự xưng là "Hiền thê"* (x.T.Augustinô, chú giải thánh vịnh 74,4).

### **III. HỘI THÁNH là ĐÈN THỜ của CHÚA THÁNH THẦN**

**797 813 586.**

"Tinh thần hay linh hồn tương quan với chi thể thể nào thì Chúa Thánh Thần cũng như thế đối với các chi thể của Đức Ki-tô, với Thân thể Người, là Hội Thánh" (T.Áu-tinh, bài giảng 267,4). "Chính nhờ Thánh Thần của Đức Ki-tô, như một nguyên lý tiềm ẩn, mà tất cả các phần của Thân

Thế được nối kết với nhau cũng như với Đầu, vì Người hiện diện trọn vẹn nơi Đầu, trọn vẹn nơi Thân thể, trọn vẹn nơi mỗi một chi thể" (x. Pi-ô XII, Thông điệp Thánh Thể; DS 3808). Chúa Thánh Thần làm cho Hội Thánh trở nên "Đền Thờ của Thiên Chúa hằng sống" (2 Cr 6,16) (x. 1Cr 3,16-17; Ep 2,21).

Hồng ân Thiên Chúa được uỷ thác cho Hội Thánh. Nơi Hội Thánh, Thiên Chúa cho chúng ta hiệp thông với Đức Ki-tô, nghĩa là được nhận lãnh Chúa Thánh Thần, Đấng bảo đảm chúng ta sẽ được sống đời đời, củng cố đức tin và làm thang đưa chúng ta lên tới Thiên Chúa ... Vì ở đâu có Hội Thánh, thì ở đó có Thánh Thần của Thiên Chúa; và ở đâu có Thánh Thần của Thiên Chúa, ở đó có Hội Thánh và mọi thứ ân sủng (T.I-rê-nê, chống lạc giáo, 3,24,1).

#### **798 737 1091-1109 791.**

Chúa Thánh Thần là "nguyên lý của mọi hành động tác sinh và thật sự cứu độ trong từng thành phần của Thân Thể" (Pi-ô XII, "Thông điệp Thánh Thể : DS 3808"). Bằng nhiều cách, Người xây dựng toàn thân trong bác ái (x. Ep 4,16), bằng Lời Thiên Chúa, "Lời có khả năng xây dựng" (Cv 20,32); bằng bí tích Thánh Tẩy, tạo nên Thân Thể Đức Ki-tô (x. 1Cr 12,13-9); bằng các bí tích giúp các chi thể lớn lên và được chữa lành; bằng "ân sủng được trao ban cho các tông đồ, ân sủng vượt trên các ân sủng khác" (LG 7); bằng các nhân đức, giúp các tín hữu hành động theo sự lành, và cuối cùng bằng những "đặc sủng" giúp các tín hữu "có đủ khả năng, sẵn lòng đảm nhận các công việc và nhiệm vụ khác nhau, để mưu ích cho việc canh tân, xây dựng và phát triển Hội Thánh" (LG 12-AA 3).

## **Các đặc sủng**

**799** 951, 2003.

Dù là phi thường, hay đơn giản và khiêm tốn, các đặc sủng là những ân huệ của Chúa Thánh Thần, trực tiếp hay gián tiếp đều nhằm lợi ích cho Hội Thánh, để xây dựng Hội Thánh, mưu ích cho loài người và đáp ứng những nhu cầu của thế giới.

**800.**

Người thụ lãnh cũng như tất cả các chi thể của Hội Thánh, phải đón nhận các đặc sủng với lòng tri ân. Đó là nguồn ân sủng phong phú kỳ diệu cho sức sống tông đồ và cho sự thánh thiện của tất cả Thân Thể Đức Ki-tô, với điều kiện những ân sủng đó phải thực sự xuất phát từ Chúa Thánh Thần, và được sử dụng hoàn toàn phù hợp với những thúc đẩy của Người, nghĩa là theo đức ái, khôn ngoan, thước ngọc cho tất cả các đặc sủng (x. 1Cr 13).

**801** 894 1905.

Theo chiều hướng này, Hội Thánh luôn cần nhận định các đặc sủng. Không đặc sủng nào cho phép tín hữu khỏi phải tôn trọng và tuân phục các Mục Tử của Hội Thánh. "Các ngài có nhiệm vụ đặc biệt phải thử thách tất cả, không phải để dập tắt Thánh Thần, nhưng để giữ lại những điều thiện hảo", nhằm phối hợp tất cả các đặc sủng trong sự khác biệt và bổ sung lẫn nhau, "vì lợi ích chung" ( 1Cr 12,7; LG 30; CL 24).

## **TÓM LƯỢC**

**802.** *"Đức Giê-su Ki-tô đã tự hiến vì chúng ta, để cứu chuộc chúng ta thoát khỏi mọi điều bất chính, và để thanh luyện chúng ta thành Dân riêng của Người" (Tt 2,14).*

**803.** *"Anh em là giống nòi được tuyển chọn, là hoàng tộc chuyên lo tế tự, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa" (1Pr 2,9).*

**804.** *Chúng ta gia nhập Dân Thiên Chúa bằng đức tin và phép rửa. "Tất cả mọi người đều được gọi gia nhập dân Thiên Chúa" (LG 13), hầu trong Đức Ki-tô "loài người họp thành một gia đình duy nhất và một Dân duy nhất của Thiên Chúa" (AG 1).*

**805.** *Hội Thánh là Thân Thể của Đức Ki-tô. Đức Ki-tô chết và phục sinh làm cho cộng đoàn tín hữu thành Thân Thể của mình, nhờ Chúa Thánh Thần và tác động của Người trong các Bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể.*

**806.** *Trong sự hiệp nhất của Thân Thể này, có nhiều chi thể và chức vụ khác nhau. Tất cả các chi thể đều được liên kết với nhau, nhất là với những người đau khổ, những người nghèo và những người bị bách hại.*

**807.** *Hội Thánh là Thân Thể mà Đức Ki-tô là Đầu. Hội Thánh sống nhờ Người, trong Người, và cho Người; Người sống với Hội Thánh và trong Hội Thánh.*

**808.** *Hội Thánh là Hiền Thê của Đức Ki-tô: Người yêu mến Hội Thánh và đã hiến mình vì Hội Thánh. Người đã thanh luyện Hội Thánh bằng Máu Người. Người làm cho Hội Thánh trở nên Mẹ, sinh ra tất cả con cái của Thiên Chúa.*

**809.** *Hội Thánh là Đền Thờ của Chúa Thánh Thần. Chúa Thánh Thần là linh hồn của Nhiệm Thể, là nguyên lý của sự sống, của hiệp nhất trong khác biệt, của các ân huệ và đặc sủng phong phú trong Hội Thánh.*

**810.** *"Như thế Hội Thánh phổ quát xuất hiện như một Dân được hiệp nhất nhờ sự hiệp nhất giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần"* (LG 4; trích dẫn T. Síp-ri-a-nô).

### **Tiết 3: GIÁO HỘI DUY NHẤT, THÁNH THIỆN, CÔNG GIÁO VÀ TÔNG TRUYỀN**

**811** 750 832, 865.

"Trong kinh Tin Kính, chúng ta tuyên xưng Hội Thánh là duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền" (LG 8). Bốn thuộc tính bất khả phân ly này (DS 2888) cho thấy những nét cốt yếu và sứ mạng của Hội Thánh. Hội Thánh không tự mình có được các thuộc tính ấy; chính Chúa Ki-tô, nhờ Thánh Thần, cho Hội Thánh được duy nhất, thánh thiện công giáo và tông truyền. Cũng chính Người mời gọi Hội Thánh thể hiện các thuộc tính ấy.

**812** 156,770.

Chỉ có đức tin mới nhận thấy các thuộc tính của Hội Thánh xuất phát từ nguồn mạch thần linh. Nhưng những biểu hiện lịch sử của các thuộc tính ấy là những dấu chỉ rõ ràng đối với lý trí loài người. Công Đồng Va-ti-ca-nô I nhắc rằng : "Căn cứ vào sự thánh thiện, sự duy nhất mang tính công giáo và sự tồn tại vững bền của Hội Thánh, Hội Thánh tự mình cũng đã là lý do mạnh mẽ và thường xuyên để đáng được tin, là bằng chứng không thể phi bác được về sứ mạng thần linh của mình" (DS 3013).

## **I. GIÁO HỘI DUY NHẤT**

**"Màu nhiệm thánh thiêng về tính duy nhất của Hội Thánh"** (x. UR 2)

**813** 172 797 766.

Căn cứ vào nguồn gốc, *Hội Thánh phải duy nhất* : "Mầu mực tối cao và nguyên lý của mầu nhiệm này là sự hiệp nhất trong Ba Ngôi của một Thiên Chúa duy nhất : Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần" (x. UR 2). *Căn cứ vào Đấng Sáng Lập*, Hội Thánh phải duy nhất : "Vì chính Chúa Con nhập thể đã dùng thập giá để hòa giải mọi người với Thiên Chúa, tái lập sự hiệp nhất mọi người thành một dân tộc và một thân thể" (x. GS 78,3). Căn cứ vào Thánh Thần, Hội Thánh phải duy nhất : "Chúa Thánh Thần ngự trong lòng các tín hữu, hiện diện và chi phối trong toàn Hội Thánh, thực hiện sự thông hiệp kỳ diệu ấy nơi các tín hữu và liên kết tất cả trong Chúa Ki-tô cách mật thiết đến nỗi Người là nguyên lý hiệp nhất của Hội Thánh" (x. UR 2). Vì vậy, theo bản chất, Hội Thánh là duy nhất :

"Mầu nhiệm lạ lùng thay! Vũ trụ có một Cha duy nhất; một Ngôi Lời duy nhất và một Thánh Thần duy nhất, đâu cũng thế; chỉ có một người mẹ đồng trinh duy nhất mà tôi thích gọi là Hội Thánh" ( T.Cờ-lê-men-tê A-lê-xan-ri-a, giáo huấn 1,6).

**814** 791, 873 1202 832.

Ngay từ khởi đầu, Hội Thánh duy nhất này cũng rất đa dạng. *Tính đa dạng* này phát xuất từ những ân huệ khác nhau của Thiên Chúa cũng như từ số đông người lãnh nhận các ân huệ ấy. Dân Thiên Chúa duy nhất quy tụ nhiều dân tộc và nhiều văn hóa khác nhau. Giữa các thành phần của Hội Thánh vẫn có những ân huệ, những chức vụ, những hoàn cảnh và những lối sống khác nhau; "ngay trong sự hiệp thông của Hội Thánh, cũng có sự hiện diện chính đáng của những Hội Thánh địa phương, thừa hưởng những truyền thống riêng" (LG 13). Sự đa dạng làm cho Hội Thánh thêm phong phú và không nghịch lại sự hiệp nhất. Tuy nhiên tội lỗi và hệ

quả nặng nề của nó không ngừng đe dọa ơn hiệp nhất. Vì thế thánh Phao-lô đã khuyên : "Anh em hãy thiết tha duy trì sự hiệp nhất mà Thánh Thần đem lại, bằng cách ăn ở thuận hòa gắn bó với nhau" (Ep 4,3).

**815** 1827 830 , 837.

Đâu là những mối dây liên kết tạo sự hiệp nhất trong Hội Thánh? "Trên hết là đức ái: mối dây liên kết tuyệt hảo" (Cl 3,14). Sự hiệp nhất của Hội Thánh lữ hành còn được bảo đảm bằng những dây liên kết hữu hình :

173

-Tuyên xưng một đức tin duy nhất nhận được từ các tông đồ;  
-Cử hành chung việc phụng tự dâng lên Thiên Chúa, nhất là các bí tích;

-Kế nhiệm tông đồ qua bí tích Truyền Chức Thánh để giữ gìn sự hòa hợp huynh đệ của gia đình Thiên Chúa (x.UR 2; LG 14, CIC can 205)

**816.** "Hội Thánh duy nhất của Đức Ki-tô... là Hội Thánh mà Đấng Cứu Chuộc chúng ta, sau khi phục sinh, đã trao phó cho Phê-rô chăn dắt. Người phó thác cho Phê-rô cũng như cho các tông đồ khác truyền bá, cai quản ... Như là một xã hội được thiết lập qui củ trên thế gian, Hội Thánh ấy được thể hiện nơi Hội Thánh Công Giáo do vị kế nhiệm Phê-rô và các giám mục hiệp thông với Ngài điều khiển" (LG 8).

830. Sắc lệnh về Hiệp Nhất của Công Đồng Va-ti-ca-nô II nói rõ : "Chỉ nhờ Hội Thánh Công Giáo của Chúa Ki-tô" là "phương thế cứu độ chung", mới có thể đạt được đầy đủ các phương tiện cứu độ. Vì chúng tôi tin, Chúa đã ủy thác tất cả sản nghiệp Tân Ước cho cộng đoàn tông đồ do Phê-rô lãnh đạo, để tạo thành một Thân Thể duy nhất của Chúa Ki-tô ở trần gian. Tất cả

những ai đã thuộc về Dân Chúa một cách nào đó, đều phải tháp nhập vào Thân Thể ấy" (UR 3).

### **Những viết thương của sự hiệp nhất**

#### **817 2089.**

Thực ra "ngay từ buổi sơ khai, trong Hội Thánh độc nhất và duy nhất của Thiên Chúa, đã xuất hiện ít nhiều rạn nứt mà thánh Phao-lô đã nặng lời quở trách như là đáng lên án. Trong các thời đại kế tiếp, phát sinh nhiều phân rẽ trầm trọng hơn và nhiều công đoàn đáng kể đã hoàn toàn ly khai khỏi sự hiệp thông với Hội Thánh Công Giáo, đôi khi tại lỗi của những người ở cả hai bên" ( x. UR 3). Những đoạn tuyệt làm tổn thương sự hiệp nhất của Nhiệm Thể Chúa Ki-tô (lạc giáo, bội giáo và ly giáo) ( x. CIC can 751) đã do tội lỗi con người gây ra :

"Ở đâu có tội lỗi, ở đó có chia rẽ, ly giáo, lạc giáo, có tranh chấp. Trái lại, ở đâu có nhân đức, ở đó có hiệp nhất, có hoà hợp làm cho tất cả các tín hữu chỉ còn là một thân thể và một linh hồn" ( O-ri-gê-nê, chú giải đoạn Êdêkien 9,1).

#### **818 1271.**

"Ngày nay những người sinh trưởng trong các cộng đoàn ly khai ấy, và thậm chí nhân đức tin nơi Chúa Ki-tô, không thể bị kết tội chia rẽ. Hội Thánh Công Giáo kính trọng, yêu thương họ như anh em .... Một khi đã được công chính hóa nhờ đức tin khi chịu Phép Rửa tội, họ đã được tháp nhập vào Chúa Ki-tô, và vì thế có quyền mang danh Ki-tô hữu, xứng đáng được con cái của Hội Thánh Công giáo nhìn nhận là anh em trong Chúa" (UR 3).

**819.** Hơn nữa có "nhiều yếu tố thánh hóa và chân lý"(x. LG 8) không nằm trong giới hạn hữu hình của Hội Thánh Công Giáo như : "Lời Chúa ghi chép trong Thánh Kinh, đời sống trong ơn thánh, đức tin, cậy, mến, và các ơn nội tâm do Thánh Thần ban, cùng những yếu tố hữu hình khác" (x. UR 3; LG 15). Thánh Thần của Đức Ki-tô dùng những Giáo Hội và cộng đoàn ấy như những phương tiện cứu độ có sức mạnh xuất phát từ sự sung mãn của ân sủng và của sự thật mà Đức Ki-tô đã giao phó cho Hội Thánh Công Giáo. Tất cả những điều thiện hảo đó đều xuất phát từ Đức Ki-tô và dẫn đến Đức Ki-tô (x. UR 3), nên chúng đòi hỏi mọi Ki-tô hữu phải tiến đến "sự hiệp nhất Công Giáo" (LG 8).

### **Tiến đến hiệp nhất**

**820** 2748.

"Đức Ki-tô từ ban đầu đã rộng ban cho Hội Thánh ơn hiệp nhất. Chúng tôi tin rằng sự hiệp nhất ấy tồn tại mãi trong Hội Thánh Công Giáo và chúng tôi hy vọng sự hiệp nhất ngày càng phát triển cho đến ngày tận thế" (x. UR 4). Đức Ki-tô vẫn luôn luôn ban cho Hội Thánh ơn hiệp nhất, nhưng Hội Thánh phải luôn luôn cầu nguyện và hành động để duy trì, tăng cường và hoàn chỉnh sự hiệp nhất như Đức Ki-tô muốn. Vì thế, chính Chúa Giê-su cầu nguyện trong giờ khổ nạn và không ngừng cầu xin Chúa Cha cho các môn đệ được hiệp nhất : "Xin cho tất cả nên một! Lạy Cha, như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, xin cho họ cũng được ở trong chúng ta, để thế gian tin rằng Cha đã sai Con" (Ga 17,21). Ước mong tìm lại sự hiệp nhất của tất cả các Ki-tô hữu là ơn của Đức Ki-tô và lời mời gọi của Chúa Thánh Thần (UR 1).

**821.** Để đáp lại lời mời gọi hiệp nhất của Chúa Thánh Thần, Hội Thánh cần :

- *canh tân* thường xuyên để ngày càng trung thành hơn với ơn gọi của mình. Sự canh tân này là động lực của phong trào hiệp nhất (x. UR 6).

827. - *hoán cải nội tâm* "để sống phù hợp hơn với Tin Mừng" (UR 7), vì chính sự bất trung với hồng ân của Đức Ki-tô sẽ gây chia rẽ giữa các chi thể;

279. - *cầu nguyện chung*, vì "sự hoán cải tâm hồn và đời sống thánh thiện cùng với những lời kinh chung hoặc riêng cầu cho sự hiệp nhất các Ki-tô hữu, phải được coi như là linh hồn của mọi phong trào đại kết và xứng đáng mệnh danh là" *đại kết thiêng liêng*" (UR 8);

- *hiểu biết nhau trong tình huynh đệ* (x. UR 9);

- *đào tạo* các tín hữu, nhất là các linh mục theo hướng *đại kết* (x. UR 10);

- *đối thoại* giữa các nhà thần học, gặp gỡ giữa các Ki-tô hữu của các Hội Thánh và các cộng đoàn khác nhau (x. UR 4; 9; 11).

- *Hợp tác* giữa các Ki-tô hữu trong các lãnh vực khác nhau để phục vụ con người (x. UR 12).

**822.** Mỗi bận tâm tái lập hiệp nhất "liên hệ đến toàn thể Hội Thánh, tín hữu cũng như mục tử" (UR 5). Nhưng cũng cần ý thức rằng "ý nguyện thánh thiện muốn giao hòa toàn thể Ki-tô hữu trong sự hiệp nhất của Hội Thánh duy nhất và độc nhất của Chúa Ki-tô, vượt quá sức lực và khả năng loài người". Vì thế, chúng ta đặt hết hy vọng "vào lời Chúa Ki-tô nguyện cầu cho Hội Thánh, vào tình thương của Chúa Cha đối với chúng ta và vào quyền lực của Chúa Thánh Thần" (UR 24).

## II. GIÁO HỘI THÁNH THIỆN

**823 459 796 946.**

"Chúng tôi tin Hội Thánh ... mãi mãi thánh thiện. Thật vậy, Chúa Ki-tô, Con Thiên Chúa, Đấng cùng với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, được ca tụng là "Đấng Thánh duy nhất", đã yêu dấu Hội Thánh như Hiền Thê của mình và đã hiến thân để thánh hóa Hội Thánh. Người kết hiệp với Hội Thánh như Thân Thể mình, và ban cho dư đầy ơn Thánh Thần để làm vinh danh Thiên Chúa" (x. LG 39). Vì thế Hội Thánh là "Dân Thánh của Thiên Chúa" (x. LG 12) và các thành viên của Hội Thánh được gọi là "thánh" (x Cv 9,13; 1Cr 6,1;16,1).

**824 816.**

Nhờ kết hiệp với Đức Ki-tô, Hội Thánh được Người thánh hóa. Nhờ Người và trong Người, Hội Thánh cũng thánh hóa. "Tất cả các công việc của Hội Thánh đều hướng về cứu cánh là thánh hóa loài người trong Đức Ki-tô và tôn vinh Thiên Chúa" (x. SC 10). Hội Thánh được ủy thác "đầy đủ các phương tiện cứu độ" (x. UR 3). Chính trong Hội Thánh, "chúng ta đạt đến sự thánh thiện nhờ ơn Thiên Chúa" (LG 48).

**825 670 2013.**

"Dưới thế, Hội Thánh được trang điểm bằng một sự thánh thiện đích thật, tuy chưa hoàn hảo" (x. LG 48). Nhưng các chi thể của Hội Thánh còn phải phấn đấu để đạt tới sự thánh thiện hoàn hảo : "Được ban cho những phương tiện cứu rỗi dồi dào và cao cả như thế, mọi Ki-tô hữu, dù ở địa vị nào, bậc sống nào, đều được Chúa kêu gọi đạt tới sự thánh thiện trọn hảo như sự trọn hảo của Chúa Cha, mỗi người trong con đường của mình" (LG 11).

**826 1827, 2658.**

*Đức ái* là linh hồn của sự thánh thiện mà Thiên Chúa mời gọi tất cả chúng ta đạt đến : "Đức ái chi phối mọi phương thể nên thánh, là linh hồn của chúng và đưa chúng đến cùng đích" (LG 42).

864. "Tôi hiểu rằng nếu Hội Thánh có một thân thể gồm nhiều bộ phận, thì trái tim là bộ phận cần thiết nhất, bộ phận cao quý nhất không thể thiếu được. Tôi hiểu rằng Hội Thánh *có một trái tim và trái tim ấy cháy lửa yêu mến*. Tôi hiểu rằng chỉ có *tình thương* khiến cho các chi thể Hội Thánh hoạt động, và nếu thiếu *Tình thương*, các tông đồ sẽ không loan báo Tin Mừng nữa, các vị Tử đạo sẽ không chịu đổ máu mình nữa. Tôi hiểu rằng TÌNH THƯƠNG CỨU MANG TẤT CẢ CÁC ƠN GỌI, TÌNH THƯƠNG LÀ TẤT CẢ, TÌNH THƯƠNG BAO TRÙM MỌI THỜI ĐẠI VÀ MỌI NƠI CHỐN(...) TÓM LẠI, TÌNH THƯƠNG LÀ VĨNH CỬU (T.Tê-rê-sa Hải Đòng Giê-su, Tự thuật B 3v).

**827 1425- 1429 821.**

"Chúa Ki-tô "thánh thiện, vô tội, tinh tuyền" ( x. Dt 7,26) không hề phạm tội ( x. 2Cr 5,21 ), chỉ đến để đền tội cho dân ( x. Dt 2,17); còn Hội Thánh, vì ôm ấp trong lòng *những kẻ tội lỗi*, nên vừa thánh thiện vừa phải luôn thanh luyện mình. Do đó, Hội Thánh luôn nỗ lực sám hối và canh tân" ( x. LG 8;UR 3;6). Tất cả các chi thể của Hội Thánh, kể cả các thừa tác viên, phải tự nhận là người tội lỗi ( x. 1Ga 1,8-10). Trong tất cả mọi người, cỗ lòng tội lỗi còn lẫn lộn với lúa tốt của Tin Mừng cho đến tận thế ( x Mt 13,24-30). Do đó, Hội Thánh quy tụ những người tội lỗi đã được lãnh nhận ơn cứu độ của Chúa Ki-tô, nhưng còn đang trên đường thánh hóa :

"Dù còn mang trong mình những người tội lỗi, Hội Thánh vẫn thánh thiện, vì Hội Thánh không có sự sống nào khác ngoài sự sống ân sủng : chính khi sống đời sống của Hội Thánh, các thành viên của Hội Thánh được thánh hóa; tách khỏi sự sống này, họ rơi vào tội lỗi và hỗn loạn, ngăn cản Hội Thánh chiếu tỏa sự thánh thiện cho thế giới. Dù có quyền giải thoát con cái mình khỏi tội nhờ Máu Đức Ki-tô và hồng ân của Thánh Thần, Hội Thánh vẫn phải chịu đau khổ và đền bù những lỗi phạm ấy (x. SPF 19).

**828 1173 2045.**

Khi *phong thánh* cho một số tín hữu, nghĩa là khi long trọng tuyên bố họ đã thực hành một cách anh dũng các nhân đức và đã sống trung thành với ân sủng Chúa, Hội Thánh nhìn nhận quyền năng của Thần Linh thánh thiện ngự trị trong Hội Thánh và nâng đỡ niềm hy vọng của các tín hữu, bằng cách giới thiệu cho họ những gương mẫu và người chuyển cầu (x. LG 40;48-51). "Các thánh nam nữ luôn là nguồn mạch và là khởi điểm của sự canh tân trong những thời điểm khó khăn nhất của lịch sử Hội Thánh" (x. CL 16,3). Quả thế, "sự thánh thiện là nguồn mạch bí ẩn và là khuôn vàng thước ngọc cho hoạt động tông đồ và sự nhiệt tình truyền giáo của Hội Thánh" (CL 17,3).

**829 1172 972.**

"Nơi Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, Hội Thánh đã đạt tới sự toàn thiện, trở nên không vết nhả, không tì ố, nhưng các Ki-tô hữu còn phải cố gắng chiến thắng tội lỗi, để tiến trên con đường thánh thiện; vì thế, họ ngược nhìn lên Đức Ma-ri-a" (x. LG 65): nơi Đức Mẹ, Hội Thánh thực sự thánh thiện rồi.

### III. HỘI THÁNH CÔNG GIÁO

#### Công Giáo là gì?

**830.** "Công Giáo" là "phổ quát" theo nghĩa "toàn diện" hay "toàn vẹn". Hội Thánh là Công Giáo theo hai nghĩa:

*795 815- 816*

Hội Thánh là công giáo vì Đức Ki-tô hiện diện trong Hội Thánh "Ở đâu có Đức Ki-tô, ở đó có Hội Thánh Công Giáo" ( x. T I-nha-xi-ô An-ti-ô-ki-a 8,2). Nơi Hội Thánh hiện hữu Thân Thể Đức Ki-tô trọn vẹn, kết hợp với Đầu ( x. Ep 1,22-23) , vì tiếp nhận từ Người "trọn vẹn các phương tiện cứu độ" ( x. AG.6) theo ý Người muốn : tuyên xưng đức tin chân thật và đầy đủ, đời sống bí tích toàn vẹn và thừa tác viên được thụ phong để liên tục kế nhiệm các tông đồ. Theo ý nghĩa căn bản này, Hội Thánh là công giáo trong ngày lễ Ngũ Tuần và mãi mãi là công giáo cho đến ngày Chúa quang lâm.

**831 849.**

Hội Thánh là công giáo vì được Đức Ki-tô sai đến với toàn thể nhân loại ( x. Mt 28,19):

*360 518.*

"Mọi người được mời gọi gia nhập Dân của Thiên Chúa. Vì thế, Dân mới này, một Dân hiệp nhất và duy nhất, có bản phận phải lan rộng khắp thế giới trải qua mọi thế hệ, hầu hoàn tất kế hoạch của thánh ý Thiên Chúa, Đấng từ nguyên thủy đã tạo dựng một bản tính nhân loại duy nhất, và quyết định sau này tập hợp về một mối tất cả con cái tản mác của Người... Đặc tính "phổ quát" này, rực sáng trên Dân Thiên Chúa, là một ân huệ do chính Thiên Chúa ban, nhờ đó Hội Thánh

Công Giáo luôn nỗ lực cách hữu hiệu qui tụ toàn thể nhân loại cùng những gì tốt lành nơi họ dưới quyền một thủ lãnh là Chúa Ki-tô, trong sự hiệp nhất của Chúa Thánh Thần (LG 13).

### **Mỗi Giáo Hội địa phương cũng là "Công Giáo"**

**832** 814 811.

"Hội Thánh Chúa Ki-tô thực sự hiện diện trong mọi tập thể tín hữu địa phương hợp pháp. Những tập thể này, vì hiệp nhất với các mục tử nên trong Tân Ước cũng được gọi là Hội Thánh. Nơi các tập thể đó, tín hữu được tụ họp lại nhờ sự rao giảng Tin Mừng Chúa Ki-tô và mầu nhiệm Tiệc Thánh Chúa được cử hành. Chúa Ki-tô vẫn hiện diện trong các cộng đoàn ấy, dù nhỏ bé nghèo hèn hay tản mác khắp nơi. Và nhờ thần lực Người, Hội Thánh được duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền" (LG 26).

**833** 886.

Giáo hội địa phương - trước hết là giáo phận hay giáo khu - là một cộng đoàn Ki-tô hữu hiệp thông trong đức tin và các bí tích với Giám Mục của họ đã được thụ phong do những vị kế nhiệm các tông đồ (x. CD.11; CIC, can 368-369). Các Giáo Hội địa phương "được thành lập theo hình ảnh Hội Thánh phổ quát; chính nhờ và trong các Giáo Hội ấy, mà có Hội Thánh công giáo duy nhất" (LG 23).

**834** 882, 1369.

Các Giáo Hội địa phương là công giáo trọn vẹn khi hiệp thông với Hội Thánh Rô-ma "giữ vai trò chủ tọa trong đức ái" (x.T. I-nhà-xi-ô An-ti-ô-ki-a thư Rm 1,1). "Vì nguồn gốc rất cao quý của Giáo Hội ấy, mọi Giáo Hội, nghĩa là mọi tín hữu ở khắp mọi nơi (x.T.I-rê-nê, chống lạc giáo 3,3,2; đđ Vatican I:DS 3057) đều phải hòa hợp với Giáo Hội ấy". "Quả

thể, ngay từ khi Ngôi Lời nhập thể xuống với chúng ta, tất cả các Giáo Hội Ki-tô giáo ở khắp mọi nơi luôn coi Giáo Hội vĩ đại ở Rô-ma như nền tảng và cơ sở duy nhất, vì theo chính lời hứa của Đấng Cứu Độ, cửa địa ngục không bao giờ thắng được Giáo Hội ấy" (x.T.Mác-xi-mô, tiểu phẩm thần học và luận chứng).

### **835 1202.**

"Hội Thánh phổ quát không được xem đơn giản là một tổng hợp hay một liên minh các Hội Thánh địa phương. Nhưng Hội Thánh phổ quát do ơn gọi và sứ mạng, vì đắm rễ trong những mảnh đất văn hóa, xã hội, dân tộc khác nhau, trong mỗi miền của trái đất, nên có những bộ mặt và những cách diễn tả khác nhau" (x. EN 62). Sự đa dạng rất phong phú về kỷ luật nghi thức phụng vụ, di sản thần học và thiêng liêng riêng của các Giáo Hội địa phương, "khi hướng về sự hiệp nhất, càng minh chứng đặc tính công giáo của một Hội Thánh không thể phân chia" (LG 23).

## **Ai thuộc về Hội Thánh Công Giáo**

### **836 831.**

"Mọi người đều được mời gọi vào sự hiệp nhất công giáo của Dân Thiên Chúa... Họ thuộc về hoặc hướng về sự hiệp nhất đó, dưới nhiều thể cách khác nhau : hoặc là các tín hữu công giáo hoặc là những người tin vào Đức Ki-tô, cuối cùng là tất cả mọi người không trừ một ai được Thiên Chúa kêu mời lãnh nhận ơn cứu độ " (LG 13).

### **837 771 815 882.**

"Được kể là gia nhập hoàn toàn vào cộng đoàn Hội Thánh những ai nhận lãnh Thánh Thần Chúa Ki-tô, chấp nhận trọn vẹn tổ chức và các phương tiện cứu rỗi được thiết lập trong Hội Thánh; nhờ các mối liên lạc do việc tuyên xưng

đức tin, các bí tích, việc cai trị Hội Thánh và sự hiệp thông, họ liên kết với Chúa Ki-tô trong tổ chức hữu hình mà Người điều khiển nhờ Đức Giáo Hoàng và các giám mục. Dù được tháp nhập vào Hội Thánh, nhưng nếu không kiên trì sống trong đức ái, thì vẫn không được cứu độ, vì tuy "thể xác" họ thuộc về Hội Thánh, nhưng "tâm hồn" họ không ở trong Hội Thánh" (LG 14).

**838** 818 1271 1399.

"Với những kẻ đã lãnh nhận Phép Rửa, mang danh hiệu Ki-tô hữu, nhưng không tuyên xưng đức tin trọn vẹn hoặc không hiệp thông với Đấng kế nhiệm thánh Phê-rô, Hội Thánh vẫn biết mình kết hiệp với họ vì nhiều lý do" (x. LG 15). "Những ai tin Chúa Ki-tô và đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy thành sự thì cũng hiệp thông cách nào đó với Hội Thánh công giáo, tuy không hoàn toàn" (x. UR.3). Với các *Hội Thánh chính thống*, sự hiệp thông này sâu đậm đến nỗi "chỉ còn thiếu một chút nữa thôi, thì hai bên có quyền cử hành chung Thánh Lễ" (x. Paul VI, bài giảng 14-12 1975; x.UR 13-18).

## **Hội Thánh và những người ngoài Ki-tô giáo**

**839** 856.

"Còn những ai chưa lãnh nhận Tin Mừng, cũng được an bài bằng nhiều cách để thuộc về Dân Thiên Chúa"(LG 16)

:

63 147.

*Tương quan giữa Hội Thánh và Dân Do Thái.* Khi tìm hiểu kỹ càng mâu nhiệm của chính mình, Hội Thánh, Dân Thiên Chúa trong Giao Ước mới, khám phá ra mối liên hệ giữa mình với dân Do thái (x. NA 4) là dân đầu tiên được Thiên Chúa ngỏ lời (x. Sách lễ Rô-ma, thứ sáu tuần Thánh, lời nguyện chung số 6). Không như các tôn giáo khác ngoài

Ki-tô giáo, đức tin Do Thái đã là lời đáp ứng mặc khải của Thiên Chúa trong Cựu Ước. "Chính dân Do Thái được Thiên Chúa nhận làm con, cho thấy vinh quang, ban tặng giao ước, lề luật, một nền phụng tự và các lời hứa. Họ là con cháu các tổ phụ; và sau hết chính Đức Ki-tô, xét theo huyết thống, cũng cùng một nòi giống với họ" (x. Rm 9,4-5), vì "khi Thiên Chúa đã ban ơn và kêu gọi, thì Người không hề đổi ý" (Rm 11,29).

**840** 674 597.

Mặt khác, khi nhìn về tương lai, Dân Thiên Chúa của Cựu Ước và Dân Mới của Thiên Chúa đều mong chờ Đấng Mê-si-a (đến hoặc trở lại). Nhưng Hội Thánh mong chờ sự trở lại của Đấng Mê-si-a đã chết và phục sinh, được nhìn nhận là Đức Chúa và là Con Thiên Chúa; còn dân Do Thái mong chờ một Đấng Mê-si-a không rõ nét, sẽ đến vào ngày tận thế, một sự mong chờ đầy bi thảm vì không biết và không nhận Đức Giê-su là Đấng Ki-tô.

**841.** *Tương quan giữa Hội Thánh và người Hồi Giáo.* "Ý định cứu độ cũng còn bao gồm những ai nhận biết Đấng Sáng Tạo : trước tiên phải kể người Hồi Giáo, những người tự nhận là giữ đức tin của Áp-ra-ham; cùng với chúng ta, họ thờ phượng Thiên Chúa duy nhất, nhân từ, Đấng sẽ phán xét loài người trong ngày sau hết" (LG 16; NA.3).

**842** 360.

*Liên hệ giữa Hội Thánh và các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo* trước hết căn cứ trên liên hệ giữa loài người với nhau, có cùng một nguồn gốc và một cứu cánh :

"Thật vậy, mọi dân tộc đều họp thành một cộng đoàn duy nhất, cùng chung một nguồn gốc, vì Thiên Chúa đã cho toàn thể nhân loại sinh sống trên khắp mặt địa

cầu. Họ lại có cùng một mục đích tối hậu là Thiên Chúa, Đấng vẫn hằng trải rộng sự quan phòng, chứng tích lòng nhân hậu và ý định cứu độ cho hết mọi người, cho đến khi những người được chọn hiệp nhất với nhau trong Thành Thánh" (NA 1)

**843 28 856.**

Hội Thánh nhìn nhận các tôn giáo khác cũng đang tìm kiếm, "trong bóng tối và qua các hình tượng", Thiên Chúa mà họ không biết nhưng gần gũi, vì chính Người ban cho họ sự sống, hơi thở và tất cả mọi sự và vì Người muốn mọi người đều được cứu độ. Thành thử, Hội Thánh xem tất cả những gì tốt và thật trong các tôn giáo "như để chuẩn bị họ lãnh nhận Tin Mừng và như một hồng ân mà Đấng soi sáng mọi người ban cho, để cuối cùng họ được sống" (LG 16; x.NA 2; EN 53).

**844 29.**

Nhưng trong nếp sống tôn giáo, con người có những giới hạn và những sai lầm làm méo mó hình ảnh Thiên Chúa :

"Bị ma quỷ gạt gẫm con người thường phán đoán sai lạc, đánh đổi chân lý của Thiên Chúa lấy giả dối khi phụng sự loài thụ tạo hơn là Đấng Sáng Tạo hoặc liêu mình rơi vào sự thất vọng tội độ, khi sống chết như không có Thiên Chúa trên đời này" (LG 16).

**845 30 953 1219.**

Để qui tụ lại tất cả con cái đã bị tội lỗi làm tản mác và lạc lối, Chúa Cha muốn tập hợp toàn thể loài người trong Hội Thánh của Chúa Con. Hội Thánh là nơi loài người tìm lại sự hiệp nhất và ơn cứu độ. Hội Thánh là "thế giới đã được hòa giải" (x.T. Âu-tinh, bài giảng 96,7,9). Hội Thánh là "con tàu vượt biển trần gian, theo chiều gió của Chúa Thánh Thần,

dưới cánh buồm lộng gió là Thánh Giá của Đức Chúa" (x.T.Am-bô-rô-si-ô, bàn về đức trinh khiết 18,118). Theo một hình ảnh khác quen thuộc với các giáo phụ, Hội Thánh còn được tượng trưng bằng con tàu của Nô-e, con tàu duy nhất cứu loài người thoát nạn Hồng Thủy (x.1Pr 3,20-21).

### **"Ngoài Hội Thánh không có ơn cứu độ"**

**846.** Lời khẳng định này đã được các giáo phụ nhắc đi nhắc lại, chúng ta phải hiểu thế nào? Lời khẳng định có nghĩa tích cực là mọi ơn cứu độ đều phát xuất từ Đức Ki-tô là Đầu, chảy tràn qua Hội Thánh là Thân Thể của Người :

*161 1257.*

"Dựa trên Thánh Kinh và Thánh Truyền, Công Đồng dạy rằng : Hội Thánh lễ hành này cần thiết cho ơn cứu độ. Quả thế, chỉ một mình Đức Ki-tô là trung gian và là đường cứu độ; và Người hiện diện giữa chúng ta trong Thân Thể Người là Hội Thánh; chính Người đã minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và phép rửa nên đồng thời Người đã xác nhận sự cần thiết của Hội Thánh mà mọi người phải bước vào qua cửa phép rửa. Vì thế, những ai biết rằng Hội Thánh Công Giáo được Thiên Chúa thiết lập nhờ Đức Giê-su Ki-tô, như phương tiện cứu rỗi cần thiết mà vẫn không muốn gia nhập hoặc không muốn kiên trì sống trong Hội Thánh này thì không thể được cứu độ" (LG 14).

**847.** Lời khẳng định này không nhắm tới những người, không vì lỗi mình mà không biết Đức Ki-tô và Hội Thánh của Người.

"Thực thế, những kẻ vô tình không nhận biết Tin Mừng của Chúa Ki-tô và Hội Thánh Người, nhưng

nếu thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa, và dưới tác động của ơn thánh, họ cố gắng chu toàn Thánh Ý Thiên Chúa trong công việc mình theo sự hướng dẫn của lương tâm thì họ có thể đạt tới ơn cứu độ muôn đời (LG 16; x.DS 3866-3872).

#### **848 1260.**

Dù Thiên Chúa có thể dùng những đường lối chỉ mình Người biết, để đưa những kẻ không vì lỗi mình mà chưa biết Tin Mừng đến với đức tin, "vì không có đức tin thì không thể làm vui lòng Người" (x. Dt 11,6), nhưng Hội Thánh có bổn phận và đồng thời có quyền thiêng thánh rao giảng Tin Mừng" (x. AG 7) cho tất cả mọi người.

### **Truyền giáo - Một đòi hỏi của tính công giáo của Giáo Hội**

#### **849 738, 767.**

*Lệnh truyền giáo.* "Được Thiên Chúa sai đến muôn dân để nên "bí tích cứu độ phổ quát", Hội Thánh, do những đòi hỏi căn bản của tính công giáo, và vì mệnh lệnh của Đấng Sáng Lập, nhất quyết loan báo Tin Mừng cho hết mọi người" (x. AG 7). "Vậy anh em hãy đi đến với muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em để muôn dân trở nên môn đệ của Thầy. Và đây Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế" (Mt 28,19-20).

#### **850 257 730.**

*Nguồn gốc và mục đích của truyền giáo.* Lệnh truyền giáo của Chúa bắt nguồn từ tình yêu vĩnh cửu của Ba Ngôi Chí Thánh : "Tự bản chất, Hội Thánh lữ hành phải truyền giáo, vì chính Hội Thánh bắt nguồn từ sứ mạng của Chúa

Con và Chúa Thánh Thần, theo ý định của Chúa Cha" (x. AG.2). Mục đích tối hậu của việc truyền giáo là làm cho loài người hiệp thông với Chúa Cha và Chúa Con trong Thánh Thần tình yêu (x. Gio-an Phao-lô II, RM.23) .

**851** 221,429 74,217 890.

*Lý do của truyền giáo.* Hội Thánh luôn nhận lấy bốn phận và nhiệt tình truyền giáo từ chính *tình yêu* Thiên Chúa đối với tất cả mọi người : "Vì tình yêu Đức Ki-tô thúc chúng tôi" (2 Cr 5,14) (x. AA 6; RM 11). Quả thế, "Thiên Chúa muốn cho mọi người được cứu độ và đạt tới sự nhận biết *chân lý*" (1 Tm 2,4). Thiên Chúa muốn tất cả mọi người được cứu độ nhờ nhận biết chân lý. Trong chân lý có ơn cứu độ. Những ai để cho Thần Chân Lý thúc đẩy thì đã ở trên đường cứu độ. Vì đã được ủy thác chân lý, Hội Thánh phải nắm bắt khát vọng của con người để mang chân lý đến cho họ. Vì tin vào ý định cứu độ phổ quát của Thiên Chúa, nên Hội Thánh phải truyền giáo.

**852** 2040 2473.

*Những con đường truyền giáo.* "Chúa Thánh Thần là người chủ xướng mọi công cuộc truyền giáo của Hội Thánh" (x. RM.21), chính Người diu dắt Hội Thánh trên các nẻo đường truyền giáo. "Hội Thánh tiếp tục và triển khai qua dòng lịch sử sứ mạng của chính Chúa Ki-tô, Đấng được cử đến rao giảng Tin Mừng cho người nghèo khó. Được Thánh Thần Chúa Ki-tô thúc đẩy, Hội Thánh cũng phải tiến bước trên chính con đường Chúa Ki-tô đã đi là nghèo khó, vâng lời, phục vụ và tự hiến cho đến chết, để rồi toàn thắng nhờ sự sống lại của Người" (x. AG 5). Chính như thế mà "máu các thánh tử đạo là hạt giống trở sinh Ki-tô hữu" (Te-tu-li-a-nô, Hộ Giáo 50).

**853 1428 2443.**

Nhưng trên đường lữ hành, Hội Thánh cũng kinh nghiệm rằng "có một khoảng cách giữa sứ điệp Hội Thánh phải rao giảng và sự yếu hèn của những con người được ủy thác Tin Mừng" (x. GS.43,6). Chỉ trên con đường "sám hối và canh tân" (x. LG.8; x.15) và "qua cửa hẹp Thập Giá" (x. AG.1), Dân Thiên Chúa mới có thể mở rộng Nước Chúa Ki-tô (x. RM.12-20). "Cũng như Chúa Ki-tô chỉ thực hiện công trình cứu chuộc trong nghèo khó và bị bách hại, Hội Thánh cũng được mời gọi dẫn bước trên con đường ấy, để thông ban cho loài người những thành quả của ơn cứu độ" (LG 8).

**854 2105 204.**

Do chính sứ mạng, "Hội Thánh đồng hành với toàn thể nhân loại và cùng chia sẻ số phận với thế giới. Hội Thánh như men và hồn của xã hội loài người. Xã hội này được mời gọi đổi mới trong Đức Ki-tô và trở thành gia đình của Thiên Chúa" (x. GS.40,2). Nỗ lực truyền giáo đòi hỏi sự *kiên nhẫn*. Nỗ lực đó bắt đầu bằng việc rao giảng Tin Mừng cho các dân tộc và các nhóm người chưa tin vào Chúa Ki-tô (x. RM.42-47); tiếp đến là thiết lập những cộng đoàn Ki-tô hữu thật sự "là dấu chỉ sự hiện diện của Thiên Chúa trên trần gian" (x. AG.15) ; và thành lập những Giáo Hội địa phương (x. RM.48-49). Nỗ lực ấy phải dẫn đến một tiến trình hội nhập văn hóa, nhằm mục đích làm cho Tin Mừng nhập thể trong nền văn hóa các dân tộc (x. RM.52-54); công cuộc này cũng thường gặp thất bại. "Đối với con người các đoàn thể hay dân tộc, Hội Thánh chỉ tiếp xúc và thâm nhập dần dần và như thể đắm nhận họ vào hưởng sự sung mãn công giáo" (AG 6).

**855 821.**

Sứ mạng của Hội Thánh mời gọi các Ki-tô hữu cố gắng *tiến đến sự hiệp nhất* (x. RM.50). "Sự chia rẽ giữa các Ki-tô hữu ngăn trở Hội Thánh thực hiện đầy đủ tính công

giáo đặc thù của mình nơi những con cái đã chịu phép Thánh Tây, nhưng còn xa cách, chưa hoàn toàn thông hiệp với Hội Thánh. Hơn nữa, chính Hội Thánh cũng khó diễn tả đầy đủ tính công giáo của mình trong đời sống thực tế" (UR 4).

#### **856 839 843.**

Nhiệm vụ truyền giáo bao hàm một *sự đối thoại trân trọng* với những ai chưa chấp nhận Tin Mừng (x. RM.55). Các tín hữu có thể tiếp nhận nhiều điều bổ ích cho mình từ cuộc đối thoại này nhờ học biết thêm "tất cả những gì là chân lý và ân sủng đã có nơi các dân tộc như một sự hiện diện thâm kín của Thiên Chúa" (x. AG.9). Các tín hữu rao giảng Tin Mừng cho những ai chưa biết, là để củng cố, bổ túc, nâng cao sự thật và sự thiện mà Thiên Chúa đã loan truyền giữa loài người, giữa các dân tộc, cũng là để thanh luyện họ khỏi sự lầm lạc và sự dữ "để Thiên Chúa được vinh danh, quý dữ phải hổ thẹn, và loài người được hạnh phúc" (AG 9).

### **IV. HỘI THÁNH TÔNG TRUYỀN**

**857 75.** Hội Thánh tông truyền vì được xây trên nền tảng các tông đồ, theo 3 nghĩa:

- Hội Thánh đã và đang được xây dựng trên "nền móng các tông đồ" (x. Ep.2,20; Kh.21,14), là những chứng nhân đã được chính Đức Ki-tô tuyển chọn và sai đi (x. Mt 28,16-20; Cv 1,8; ICr 9,1; 15,7-8; Gl 1,1 etc...);

171.

- Hội Thánh với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần ở trong Hội Thánh, gìn giữ và lưu truyền giáo huấn (x. Cv 2,42), kho tàng quý báu, những lời lành mạnh do các tông đồ giảng dạy (x.2 Tim 1, 23-14);

880, 1575.

- Hội Thánh tiếp tục được các tông đồ giảng dạy, thánh hóa và hướng dẫn cho đến khi Đức Ki-tô trở lại - nhờ những vị kế nhiệm các ngài trong nhiệm vụ mục tử : giám mục đoàn , "với sự trợ giúp của các linh mục, hiệp nhất với Đấng kế nhiệm thánh Phê-rô là mục tử tối cao của Hội Thánh" (AG.5).

"Lạy Cha hằng hữu, Cha không bỏ rơi đoàn chiên của Cha, nhưng nhờ các tông đồ, Cha vẫn luôn giữ gìn che chở. Cha còn hướng dẫn đoàn chiên đó nhờ các ngài là những vị lãnh đạo Cha đã đặt làm mục tử thay thế Con Cha" (x. MR lời tiền tụng các tông đồ I).

### **Sứ mạng của các tông đồ**

**858 551 425 1086.**

Đức Giê-su là Đấng Chúa Cha cử đến với nhân loại. Ngay từ đầu sứ vụ, Người "kêu gọi những kẻ Người muốn chọn, và thành lập nhóm Mười Hai để các ngài ở với Người và để Người sai đi rao giảng" (x. Mc 3,13-14). Từ đó, các ngài là "những người được sai đi" (đó là ý nghĩa của từ Hy Lạp Apostoloi). Qua các ngài, Đức Ki-tô tiếp tục sứ mạng của Người : "Như Chúa Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai anh em" (Ga 20,21) (x. 13,20; 17-18). Như vậy, thừa tác vụ của các ngài "nối tiếp sứ mạng của Đức Ki-tô". Chúa phán với nhóm Mười Hai : "Ai đón tiếp anh em, là đón tiếp Thầy" (Mt 10,40) (x. Lc 10,16).

**859 876.**

Đức Giê-su liên kết các tông đồ với sứ mạng Người nhận từ Chúa Cha : cũng như "Chúa Con không thể tự mình làm gì" ( x. Ga 5,19.30), nhưng đón nhận tất cả từ Chúa Cha, Đấng đã cử Người đến, thì những người Đức Giê-su sai đi

cũng không thể làm gì được nếu không có Người ( x. Ga 15,5), Đấng đã truyền lệnh và ban cho họ quyền năng để thực hiện sứ mạng. Vì thế, các tông đồ của Đức Ki-tô biết rằng họ đã được Thiên Chúa "ban cho làm thừa tác viên Giao Ước mới" ( x. 2Cr 3,6), "thừa tác viên của Thiên Chúa" ( x. 2Cr 6,4), "là sứ giả thay mặt Đức Ki-tô" ( x. 2Cr 5,20) " là tôi tớ của Đức Ki-tô, là người ban phát các mầu nhiệm của Thiên Chúa" (1Cr 4,1).

**860** 642 765 1536.

Trong nhiệm vụ các tông đồ, có một điều không thể truyền lại được : các ngài là chứng nhân được tuyển chọn cho cuộc Phục Sinh của Đức Giê-su và là nền móng của Hội Thánh. Nhưng cũng có một điều trường tồn: Đức Ki-tô đã hứa ở với các ngài cho đến tận thế ( x. Mt 28,20). "Sứ mạng của Thiên Chúa được Đức Ki-tô trao phó cho các tông đồ sẽ tồn tại cho đến tận thế, bởi vì Tin Mừng các ngài có nhiệm vụ rao truyền phải là lẽ sống của Hội Thánh cho đến trọn đời, cho đến tận cùng thời gian. Vì thế các tông đồ đã lo lắng đặt những người kế nhiệm mình" (LG 20).

### **Các giám mục kế nhiệm các tông đồ**

**861** 77 1087.

"Để sứ mạng đã được ủy thác cho các ngài vẫn được tiếp tục sau khi các ngài qua đời, các tông đồ ủy thác, như một di chúc, cho các cộng sự viên trực tiếp của mình, phải hoàn tất nhiệm vụ và củng cố công trình các ngài đã khởi sự, khi khuyên nhủ họ coi sóc đoàn chiên, trong đó Chúa Thánh Thần đã đặt họ chặn dắt Hội Thánh Thiên Chúa. Bởi vậy, các ngài đặt những người như thế rồi ban quyền cho họ, hầu khi họ qua đời, đã có những người xứng đáng tiếp nhận thừa tác

vụ của họ" (LG 20; x. T. Cơ-lê-men-tê I, Giáo hoàng, chú giải thư Cô-rin-tô 42;44).

### **862 880 1556.**

"Cũng như nhiệm vụ mà Chúa đã đích thân trao phó cho Phê-rô, thủ lãnh các tông đồ và tiên liệu để truyền lại cho các vị kế nhiệm ông, nhiệm vụ đó phải thường tồn; thì cũng thế, nhiệm vụ trao cho các tông đồ chẵn dất Hội Thánh cũng phải thường tồn và được thi hành liên tục do thánh chức giám mục". Vì thế, Hội Thánh dạy rằng : "Chính Chúa đã lập các Giám mục kế nhiệm các tông đồ làm mục tử Hội Thánh. Bởi vậy ai nghe các ngài là nghe Chúa Ki-tô, còn ai khinh dễ các ngài là khinh dễ Chúa Ki-tô và Đấng đã cử Chúa Ki-tô đến" (LG 20).

### **Việc tông đồ**

### **863 900 2472.**

Toàn thể Hội Thánh có tính tông truyền vì hiệp thông trong đức tin và sự sống với nguồn cội của mình nhờ các vị kế nhiệm thánh Phê-rô và các tông đồ. Hội Thánh còn mang tính tông truyền vì "được sai đi" khắp thế gian; tất cả các phần tử của Hội Thánh mỗi người một cách đều được sai đi. "Ơn gọi Ki-tô hữu tự bản chất cũng là ơn gọi làm tông đồ". Mọi hoạt động của Nhiệm Thể nhằm "làm cho Nước Đức Ki-tô rộng mở trên khắp hoàn cầu" được gọi là "việc tông đồ" (AA 2).

### **864 828 824 1324.**

"Vì Chúa Ki-tô, Đấng được Chúa Cha cử đến, là nguồn mạch và là nguyên ủy của mọi việc tông đồ trong Hội Thánh", nên kết quả phong phú của việc tông đồ, do các thừa tác viên có chức thánh cũng như của giáo dân, tùy thuộc vào sự kết hợp sống động của chính họ với Chúa Ki-tô ( x. Ga

15,5; AA.4). Việc tông đồ thật đa dạng tùy theo các ơn gọi, các nhu cầu thời đại, các ân huệ khác nhau của Chúa Thánh Thần. Nhưng đức ái được nuôi dưỡng đặt biệt nhờ bí tích Thánh Thể, luôn được xem là "linh hồn của mọi việc tông đồ" ( x. AA 3).

### **865** *811, 541.*

Hội Thánh *duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền* trong căn tính sâu xa và tối hậu của mình, vì nơi Hội Thánh, Nước Trời đã hiện hữu và sẽ hoàn tất trong ngày tận thế. "Nước Trời" chính là "Triều Đại của Thiên Chúa" ( x. Kh 19,6), đã xuất hiện trong bản thân của Đức Ki-tô và đang lớn lên cách mau nhiệm trong lòng của những ai được tháp nhập vào Người, cho đến khi Người được hiển linh trọn vẹn trong ngày sau hết. Lúc đó, *tất cả mọi người* đã được Người cứu chuộc, đã được "thánh hóa và trở nên tinh tuyền trước tôn nhan Thiên Chúa trong tình yêu" ( x. Ep 1,4), sẽ được quy tụ thành *Dân duy nhất* của Thiên Chúa, "Hiền Thê của Con Chiên" ( x. Kh 21,9), "Thành Thánh tự trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống, chói lọi vinh quang Thiên Chúa" ( x. Kh 21,10-11); và "tường thành xây trên mười hai nền móng, trên đó có tên *mười hai tông đồ của Con Chiên*" (Kh 21, 14).

## **TÓM LƯỢC**

**866.** *Hội Thánh duy nhất* : Hội Thánh chỉ có một Chúa, tuyên xưng một đức tin, sinh bởi một Phép Rửa, hợp thành một Thân Thể được Thánh Thần duy nhất làm sinh động, nhắm đến một niềm hy vọng duy nhất (x.Ep 4,3-5) sẽ kết thúc trong sự chấm dứt mọi chia rẽ.

**867.** *Hội Thánh thánh thiện* : Thiên Chúa chỉ thánh là Đấng sáng lập Hội Thánh; Đức Ki-tô, Phu Quân của Hội Thánh đã hiến mình để thánh hóa Hội Thánh; Thánh Thần

ban cho Hội Thánh sự sống thánh thiện. Dù bao gồm những người tội lỗi, Hội Thánh vẫn là "cộng đoàn không tội lỗi của những người tội lỗi". Nơi chầu thánh, Hội Thánh chiếu tỏa sự thánh thiện của mình. Nơi Đức Ma-ri-a, Hội Thánh đạt được "sự toàn thiện".

**868.** *Hội Thánh công giáo* : Hội Thánh rao giảng đức tin trọn vẹn, tiếp nhận và quản lý đầy đủ các phương tiện cứu độ; Hội Thánh được sai đến với mọi dân tộc; Hội Thánh ngỏ lời với tất cả mọi người; Hội Thánh bền vững trong mọi thời đại; "tự bản chất, Hội Thánh phải truyền giáo" (x. AG.2).

**869.** *Hội Thánh tông truyền* : Hội Thánh được xây dựng trên nền móng vững chắc là "mười hai tông đồ của Con Chiên" (Kh 21,14); Hội Thánh bất diệt; Hội Thánh được gìn giữ không sai lầm trong chân lý: (x. Mt 16,18) Đức Ki-tô điều khiển Hội Thánh nhờ thánh Phê-rô và các tông đồ khác mà những người kế nhiệm các ngài là Đức Giáo Hoàng và giám mục đoàn.

**870.** "Hội Thánh duy nhất của Chúa Ki-tô mà trong kinh Tin Kính chúng ta tuyên xưng, là duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền (...) Hội Thánh này được thể hiện nơi Hội Thánh Công Giáo, do vị kế nhiệm Phê-rô và các giám mục hiệp thông với ngài điều khiển, dù bên ngoài cơ cấu Hội Thánh cũng có nhiều yếu tố thánh hóa và chân lý" (LG 8).

## **Tiết 4: CÁC TÍN HỮU CHÚA KITÔ: HÀNG GIÁO PHÂM, GIÁO DÂN, ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN**

**871** 1268-1269 782-786.

"Ki-tô hữu là những người được tháp nhập vào Thân Thể Chúa Ki-tô nhờ phép Thánh Tẩy, trở nên Dân Thiên Chúa, do đó tham dự vào chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương giả của Đức Ki-tô. Theo điều kiện riêng của mình, họ được mời gọi thực thi sứ mạng mà Chúa đã giao cho Hội Thánh thực hiện trên thế giới" (CIC 204,1; LG 31).

**872** 1934 794.

"Do được tái sinh trong Đức Ki-tô, mọi tín hữu đều bình đẳng về phẩm giá và hoạt động. Nhờ sự bình đẳng thật sự này, tất cả đều cộng tác xây dựng Thân Thể Đức Ki-tô, tùy theo hoàn cảnh và chức vụ riêng của mỗi người" (can 208; x. LG 32).

**873** 814,1937.

Những khác biệt Chúa đã muốn đặt giữa những chi thể trong Thân Thể Người, là để phục vụ cho sự hiệp nhất và sứ mạng của Hội Thánh. "Trong Hội Thánh có nhiều thừa tác vụ khác nhau nhưng đều cùng chung một sứ mạng. Chúa Ki-tô đã trao phó cho các tông đồ và những người kế nhiệm các ngài nhiệm vụ nhân danh và lấy quyền Người mà giảng dạy, thánh hóa và cai quản. Còn phân giáo dân, vì họ tham dự thực sự vào nhiệm vụ tư tế, tiên tri và vương giả của Chúa Ki-tô nên họ cũng đảm nhận phần việc của mình trong sứ mạng chung của toàn Dân Thiên Chúa, trong Hội Thánh và ở giữa trần gian" (x. AA 2). "Trong cả hai thành phần giáo sĩ và giáo dân, có những tín hữu qua việc khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm theo cung cách riêng của họ", được thánh

hiên cho Thiên Chúa để phục vụ sứ mạng cứu độ của Hội Thánh" (CIC can 207,2).

## I. CƠ CẤU PHẨM TRẬT CỦA HỘI THÁNH

### Mục đích của thừa tác vụ trong Hội Thánh

**874 1544.**

Chính Đức Ki-tô là nguồn cội của thừa tác vụ trong Hội Thánh. Người đã thiết lập, trao quyền và sứ mạng, phương hướng và cứu cánh cho thừa tác vụ Hội Thánh :

"Để chặn dất và phát triển Dân Chúa luôn mãi, Đức Ki-tô đã thiết lập các thừa tác vụ khác nhau trong Hội Thánh hầu mưu ích cho toàn thân. Thật vậy, các thừa tác viên sử dụng quyền bính thiêng liêng mà phục vụ các anh em mình, để mọi người thuộc Dân Thiên Chúa ... đạt tới ơn cứu độ" (LG 18).

**875 166 1548 1536.**

"Làm sao tin nếu không được nghe trước đã? Làm sao nghe nếu không có ai rao giảng? Làm sao rao giảng nếu không được sai đi?" (x. Rm 10,14-15). Không ai, không cá nhân nào cũng như không cộng đoàn nào, có thể tự loan báo Tin Mừng cho chính mình. "Có đức tin là nhờ nghe giảng" (x. Rm 10,17). Không ai có thể tự cho mình quyền và sứ mạng loan báo Tin Mừng. Sứ giả của Chúa nói và hành động không phải do quyền lực riêng, nhưng do uy quyền của Đức Ki-tô; không phải với tư cách là thành viên của cộng đồng nhưng nói với cộng đồng nhân danh Đức Ki-tô. Không ai có thể ban cho mình ân sủng của Thiên Chúa; ân sủng phải được Thiên Chúa ban cho và trao tặng. Như thế, phải có các thừa tác viên phân phát ân sủng, được phép và được quyền do Đức Ki-tô ban. Từ nơi Người, các giám mục và linh mục

nhận sứ mạng và quyền năng để hành động thay quyền *Đức Ki-tô là Đầu*, các phó tế nhận sức mạnh phục vụ Dân Thiên Chúa bằng "công tác phục vụ" trong phụng vụ, Lời Chúa và bác ái, trong sự hiệp thông với giám mục và hàng linh mục. Thừa tác vụ mà các sứ giả của Đức Ki-tô sử dụng để cử hành và trao ban, nhờ hồng ân Thiên Chúa, những gì bản thân họ không thể tự cử hành và trao ban, được truyền thống Hội Thánh gọi là "bí tích". Thừa tác vụ của Hội Thánh được trao ban qua một bí tích đặc biệt.

### **876** 1551 427.

Thừa tác vụ của Hội Thánh có tính phục vụ gắn liền với bản tính bí tích. Vì các thừa tác viên hoàn toàn tùy thuộc Đức Ki-tô là người giao sứ mạng và quyền hạn, nên họ thực sự là "nô lệ của Đức Ki-tô" (x. Rm 1,1), theo gương Đức Ki-tô, Đấng tự nguyện vì chúng ta "mặc lấy thân nô lệ" (x. Ph 2,7). Vì lời và ân sủng mà họ phục vụ, không phải là của họ nhưng của Đức Ki-tô, được ủy thác cho họ để trao lại cho người khác, nên họ tự nguyện trở thành nô lệ cho mọi người (x. 1Cr 9,19).

### **877** 1559.

Cũng thế, *đặc tính tập đoàn* phát xuất từ bản tính bí tích của thừa tác vụ Hội Thánh. Khi bắt đầu thừa tác vụ của mình, Chúa Giê-su đã thiết lập nhóm Mười Hai, "mầm mống của dân Ít-ra-en mới, đồng thời cũng là nguồn gốc của hàng giáo phẩm" (x. AG 5). Được tuyển chọn chung với nhau, họ cùng được sai đi chung với nhau và tình hiệp nhất huynh đệ của họ sẽ giúp cho mọi tín hữu được hiệp thông huynh đệ; sự hiệp thông này sẽ phản ảnh và làm chứng cho sự hiệp thông của Ba Ngôi Thiên Chúa (x. Ga 17,21-23). Vì thế, mỗi giám mục thi hành thừa tác vụ của mình trong lòng Giám Mục Đoàn, hiệp thông với Giám Mục Rô-ma, người kế nhiệm thánh Phê-rô và là thủ lãnh Giám Mục Đoàn; các linh mục

thi hành thừa tác vụ của mình trong lòng linh mục đoàn giáo phận, dưới sự chỉ đạo của vị Giám mục.

**878 1448.**

Sau cùng, do bản tính bí tích, thừa tác vụ Hội Thánh còn có *đặc tính cá nhân*. Các thừa tác viên của Đức Ki-tô hiệp thông với nhau trong hành động, nhưng họ cũng hành động cách cá nhân. Mỗi người được gọi đích thân : "Phần con, hãy theo Thầy" (Ga 21, 22) (x. Mt 4,19.21; Ga 1,43), để đích thân trở thành một chứng nhân cá thể trong sứ mạng chung, đích thân lãnh trách nhiệm trước Đấng đã trao sứ mạng cho mình, hành động "như đích thân Đức Ki-tô" phục vụ những cá nhân cụ thể : "Tôi rửa anh, nhân danh Chúa Cha..."; "Tôi tha tội cho anh..."

**879.**

Như thế, thừa tác vụ bí tích trong Hội Thánh là một việc phục vụ nhân danh Đức Ki-tô, vừa có tính cá nhân vừa mang hình thức tập thể. Điều này thể hiện rõ trong mối tương quan giữa Giám Mục Đoàn và thủ lãnh Giám Mục Đoàn, người kế nhiệm thánh Phê-rô và trong mối tương quan giữa trách nhiệm mục vụ của giám mục đối với giáo phận của mình và sự quan tâm chung của Giám Mục Đoàn đối với Hội Thánh toàn cầu.

**Giám Mục Đoàn và người đứng đầu là Đức Giáo Hoàng**

**880 552, 862.**

"Khi thành lập nhóm Mười Hai, Đức Ki-tô đã tổ chức các tông đồ này theo cách thức một tập đoàn, nghĩa là một nhóm kiên vững; Người chọn Phê-rô, một người trong số họ, làm đầu tập đoàn ấy" (x. LG 19). "Cũng như thánh Phê-rô và các tông đồ khác tạo thành một tập đoàn tông đồ duy nhất, như Chúa đã thiết lập; thì tương tự như thế, Giám Mục Rô-

ma, người kế nhiệm thánh Phê-rô cùng với các giám mục, là những người kế nhiệm các tông đồ, cũng liên kết với nhau và hiệp nhất với nhau" (LG 22; x.CIC, can. 330).

### **881 553 642**

Chúa đã chọn một mình Xi-mong mà Người đặt tên là Phê-rô làm đá nền cho Hội Thánh. Người đã trao cho ông các chìa khóa của Hội Thánh (x. Mt 16,18-19), và đặt ông làm mục tử chăn dắt cả đoàn chiên (x. Ga 21,15-17). "Nhưng quyền tháo gỡ cầm buộc đã ban cho Phê-rô, chắc chắn Người cũng ban cho cả đoàn tông đồ hiệp nhất với thủ lãnh" (x. LG 22). Nhiệm vụ mục tử này của Phê-rô và các tông đồ khác là một trong những yếu tố căn bản của Hội Thánh. Các giám mục tiếp tục thi hành nhiệm vụ này dưới quyền tối thượng của Đức Giáo Hoàng.

### **882**

*Đức Giáo Hoàng*, vừa là Giám Mục Rô-ma vừa là vị kế nhiệm thánh Phê-rô, "là nguyên lý và nền tảng hữu hình, vĩnh cửu của sự hiệp nhất giữa các giám mục cũng như giữa các tín hữu" (x. LG 23). "Thật vậy, do nhiệm vụ là đại diện Chúa Ki-tô và mục tử của toàn thể Hội Thánh, Giám Mục Rô-ma có quyền bính trọn vẹn. tối cao, phổ quát trên Hội Thánh và bao giờ Ngài cũng được tự do thi hành quyền ấy" (x. LG 22; CD 2,9).

### **883.**

*"Giám Mục Đoàn* chỉ có quyền hành khi hiệp nhất với Giám Mục Rô-ma là thủ lãnh của họ". Như thế, "Giám Mục Đoàn cũng có quyền bính trọn vẹn và tối cao trên toàn thể Hội Thánh, nhưng chỉ có thể thi hành quyền này khi có sự ưng thuận của Giám Mục Rô-ma" (x. LG 22; CIC can 336).

**884.**

"Quyền bính tối cao của Giám Mục Đoàn trên toàn thể Hội Thánh được thi hành cách trọng thể trong Công Đồng Chung" (x. CIC, can.337,1). "Nhưng không bao giờ có Công Đồng Chung, nếu không được vị kế nhiệm Phê-rô phê chuẩn hay ít ra chấp nhận" (LG 22).

**885.**

"Gồm nhiều thành phần khác nhau, Giám Mục Đoàn diễn tả đặc tính đa dạng và phổ quát của Dân Thiên Chúa; đồng thời, tập hợp dưới quyền một thủ lãnh duy nhất, Giám Mục Đoàn diễn tả sự hiệp nhất của đoàn chiên Chúa Ki-tô" (LG 22).

**886** 1560, 833 2448.

"Mỗi giám mục là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp nhất trong Hội Thánh địa phương" (x. LG 23). Như thế, "mỗi giám mục thi hành quyền mục vụ trên phần Dân Thiên Chúa được ủy thác cho mình" (x. LG 23), với sự trợ giúp của các linh mục và phó tế. Nhưng với tư cách là thành viên Giám Mục Đoàn, mỗi giám mục có bổn phận quan tâm đến toàn thể Hội Thánh (x. CD 3). Các ngài thể hiện mối quan tâm đó trước hết bằng việc "điều hành tốt Hội Thánh địa phương như một phần của Hội Thánh toàn cầu", như vậy đã là góp phần hữu hiệu vào "công ích của toàn Nhiệm Thể cũng là thân thể của các Hội Thánh" (x. LG 23). Các ngài phải đặc biệt quan tâm đến những người nghèo (x. Gl 2,10), những người bị bách hại vì đức tin, cũng như đến các thừa sai đang hoạt động trên toàn thế giới.

**887.**

Các Hội Thánh địa phương lân cận và có chung nền văn hóa tạo thành những giáo tỉnh, hay những tập thể lớn hơn gọi là giáo miền hay vùng dưới quyền thượng phụ (x. Canon

des apôtres 34). Các giám mục thuộc những tập thể này có thể họp hội nghị hay công đồng địa phương. "Cũng thế, ngày nay các Hội Đồng Giám Mục có thể góp phần cách phong phú và đa dạng đề cụ thể hóa tinh thần tập đoàn" (LG 23).

85-87 2032-2040.

### **Nhiệm vụ giáo huấn**

**888 2068.**

Các giám mục, với những cộng sự viên là các linh mục, "trước tiên có nhiệm vụ loan báo Tin Mừng Thiên Chúa cho mọi người" (x. PO 4), theo lệnh của Chúa Ki-tô (x. Mc 16,15). Các ngài "là sứ giả đức tin đem nhiều môn đệ mới về với Chúa Ki-tô, là thầy dạy đích thực" của đức tin tông truyền, "có uy quyền của Chúa Ki-tô" (LG 25).

889 92

Để gìn giữ đức tin tinh tuyền do các tông đồ truyền lại, Chúa Ki-tô muốn cho Hội Thánh Người tham dự vào sự bất khả ngộ của chính Người, vì Người là Chân lý. Nhờ "cảm thức siêu nhiên về đức tin", Dân Thiên Chúa "gắn bó không sờn với đức tin" dưới sự hướng dẫn của Huấn Quyền sống động của Hội Thánh (LG 12; DV 10).

**890 851 1785.**

Sứ mạng của Huấn Quyền gắn liền với đặc tính chung cuộc của Giao Ước do Thiên Chúa lập trong Đức Ki-tô với Dân Người. Huấn Quyền bảo vệ Dân Chúa khỏi những sai lạc và khiếm khuyết, đồng thời bảo đảm cho Dân khả năng khách quan để tuyên xưng không sai lầm đức tin chân chính. Như thế, trách nhiệm mục vụ của Huấn Quyền là giữ gìn Dân Chúa luôn trung thành với chân lý giải phóng. Để hoàn thành nhiệm vụ này, Chúa Ki-tô đã ban cho các mục tử đặc sủng

không sai lầm về đức tin và phong hóa. Đặc sủng này có thể được hành xử dưới nhiều dạng khác nhau :

**891.**

"Giám Mục Rô-ma, vị thủ lãnh của Giám Mục Đoàn, hưởng ơn bất khả ngộ đó do nhiệm vụ của ngài; khi với tư cách là mục tử và thầy dạy tối cao của mọi Ki-tô hữu, để củng cố anh em mình vững mạnh trong đức tin, ngài công bố một điểm giáo thuyết về đức tin và phong hóa bằng một phán quyết chung thẩm. Ôn bất khả ngộ được hứa ban cho Hội Thánh cũng có nơi Giám Mục Đoàn, khi các ngài thi hành huấn quyền tối thượng kết hiệp cùng với vị kế nhiệm thánh Phê-rô", nhất là trong một Công Đồng Chung (x. LG 25; x.Vatican I: DS 3074). Khi Hội Thánh dùng Huấn Quyền tối thượng để đề ra một điều gì "phải tin bởi do Thiên Chúa mặc khải" (x. DV 10) và là giáo huấn của Chúa Ki-tô, chúng ta "phải lấy đức tin mà vâng phục các định tín ấy" (x. LG 25). Giới hạn của ơn bất khả ngộ này nằm trong giới hạn của kho tàng mặc khải" (x.LG 25).

**892.**

Ôn trợ giúp này của Thiên Chúa cũng được ban cho những người kế nhiệm các thánh tông đồ, khi các ngài dùng huấn quyền thông thường để ra một giáo huấn giúp hiểu rõ mặc khải hơn về đức tin và phong hóa. Tuy không định tín hay công bố một "cách chung thẩm", các giám mục được ơn Chúa trợ giúp để giảng dạy trong sự hiệp thông với vị kế nhiệm thánh Phê-rô, đặc biệt ơn trợ giúp này được ban cho Giám Mục Rô-ma, vị mục tử của toàn thể Hội Thánh. Dù biết rằng đây là giáo huấn thông thường nên không phải vâng phục như các tín điều, nhưng các tín hữu vẫn phải "vâng theo với lòng kính cẩn" (LG 25).

**Nhiệm vụ thánh hóa**

### **893 1561.**

Vị giám mục vì là thượng tế có "trách nhiệm ban phát ân sủng của Đức Ki-tô, vị tư tế tối cao" (x. LG 26), đặc biệt trong thánh lễ do chính ngài dâng hoặc lo liệu cho có các cộng sự viên là các linh mục dâng. Vì thánh lễ là tâm điểm của đời sống Hội Thánh địa phương. giám mục và các linh mục thánh hoá Hội Thánh địa phương bằng kinh nguyện và công việc của các ngài, bằng thừa tác vụ Lời Chúa và các bí tích, bằng gương mẫu, "đừng lấy quyền mà thống trị những người Thiên Chúa đã giao phó cho anh em, nhưng hãy nêu gương sáng cho đoàn chiên" (x. 1Pr 5,3). Nhờ đó, "cùng với đoàn chiên Chúa giao phó, các ngài đạt tới đời sống vĩnh cửu" (LG 26).

### **Nhiệm vụ cai quản**

### **894 801.**

"Là đại diện và sứ giả Chúa Ki-tô, các giám mục điều khiển Giáo Hội địa phương bằng lời khuyên bảo, khích lệ, gương sáng của mình và cũng bằng uy quyền và quyền Thánh Chức nữa" (x. LG 27). Các ngài phải thi hành quyền này để xây dựng cộng đoàn trong tinh thần phục vụ của Thầy mình (x. Lc 22,26-27).

### **895 1558.**

"Quyền bính mà các ngài đích thân thi hành nhân danh Đức Ki-tô, là một quyền bính riêng biệt, thông thường và trực tiếp; nhưng việc thi hành quyền này còn tùy thuộc vào thẩm quyền tối cao của Hội Thánh" (x. LG 27 ). Chúng ta không được coi các giám mục như những đại diện của Đức Giáo Hoàng; quyền thường xuyên và trực tiếp của Đức Giáo Hoàng trên toàn Hội Thánh không hủy bỏ mà còn xác nhận và bảo vệ quyền của các ngài. Các ngài phải thi hành quyền

này trong sự hiệp thông với toàn thể Hội Thánh dưới sự hướng dẫn của Đức Giáo Hoàng.

**896 1550.**

Vị mục tử nhân lành phải là khuôn mẫu cho các giám mục trong nhiệm vụ mục vụ. Ý thức những yếu đuối của mình, "giám mục có thể cảm thông với những ai dốt nát và lầm lạc. Ngài nên lắng nghe những kẻ thuộc quyền, và ân cần săn sóc họ như những người con đích thực. Còn các tín hữu, họ phải liên kết với giám mục của mình như Hội Thánh gắn bó với Chúa Giê-su Ki-tô và như Chúa Giê-su Ki-tô với Chúa Cha" (LG 27).

Tất cả anh em hãy theo giám mục, như Chúa Ki-tô theo Chúa Cha; hãy theo linh mục đoàn như theo các tông đồ; hãy kính trọng các phó tế như kính trọng luật Chúa. Đừng ai làm việc gì có liên quan đến Hội Thánh ngoài ý giám mục. (T.Inhaxiô Antiôkia, thư gửi giáo đoàn Smyrn 8,1).

## **II. GIÁO DÂN**

**897 873.**

"Danh hiệu giáo dân ở đây được hiểu là tất cả những Ki-tô hữu không thuộc hàng giáo sĩ và bậc tu trì được Hội Thánh công nhận, nghĩa là những tín hữu đã được tháp nhập vào Thân Thể Chúa Ki-tô nhờ phép Thánh Tẩy, đã trở nên Dân Thiên Chúa, được tham dự vào chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương giả của Chúa Ki-tô theo cách thức của họ. Họ là những người đang thi hành sứ mạng của toàn dân Ki-tô giáo trong Hội Thánh và trên trần gian theo phận vụ riêng của mình" (LG 31).

## **Ôn gọi giáo dân**

**898 2105.**

"Ôn gọi riêng của giáo dân là tìm kiếm Nước Thiên Chúa bằng cách làm các việc trần thế và xếp đặt chúng theo ý Thiên Chúa. Họ có nhiệm vụ đặc biệt là soi sáng và xếp đặt những thực tại trần gian có liên hệ mật thiết với họ, để chúng không ngừng được thực hiện và phát triển theo thánh ý Chúa Ki-tô, hầu ca tụng Đấng Tạo Hóa và Đấng Cứu Chuộc" (LG 31).

**899 2442.**

Sáng kiến của giáo dân đặc biệt cần thiết khi phải khám phá, và tạo ra những phương thế để đem các đòi hỏi của đạo lý và đời sống Ki-tô giáo thâm nhập vào các thực tại xã hội, chính trị và kinh tế. Công việc này là chuyện bình thường trong đời sống Hội Thánh.

Giáo dân đứng ở tuyến đầu của Hội Thánh. Nhờ họ Hội Thánh trở thành nguyên lý mang lại sự sống cho xã hội. Chính vì thế họ luôn luôn phải ý thức rất rõ rằng không những họ thuộc về Hội Thánh, mà họ còn là Hội Thánh nữa, nghĩa là cộng đoàn tín hữu đang sống trên trần thế này, dưới sự hướng dẫn của vị thủ lãnh chung là Đức Giáo Hoàng và các giám mục hiệp thông với ngài. Họ là Hội Thánh ( Đức Pi-ô XII, diễn từ 20 tháng 2 1946; được Đức Gio-an Phao-lô II, trích dẫn trong CL 9).

**900 863.**

Cũng như mọi tín hữu được Thiên Chúa trao nhiệm vụ tông đồ qua bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức, người giáo dân có bổn phận và có quyền, một mình hay họp thành nhóm, hoạt động để mọi người khắp mọi nơi biết đến và đón

nhận sứ điệp cứu độ của Thiên Chúa. Bản phận này càng thúc bách hơn nữa, khi chỉ nhờ họ những người khác mới có thể nghe được Tin Mừng và nhận biết Đức Ki-tô. Trong các cộng đoàn Hội Thánh, hoạt động của họ cần thiết đến nỗi không có họ, việc tông đồ của các mục tử phần lớn không thể phát huy hiệu quả tối đa (x. LG 33).

### **Giáo dân tham gia vào nhiệm vụ tư tế của Chúa Ki-tô**

**901 784, 1268.**

"Vì giáo dân đã được thánh hiến cho Chúa Ki-tô và được Thánh Thần xúc dầu, nên họ được mời gọi và được ban ơn cách lạ lùng để Thánh Thần sinh hoa kết quả nơi họ ngày càng phong phú hơn. Thực vậy, mọi hoạt động, kinh nguyện và công cuộc tông đồ, đời sống hôn nhân và gia đình, công ăn việc làm thường ngày, việc nghỉ ngơi thể xác và tinh thần, nếu họ chu toàn trong Thánh Thần và cả đến những thử thách của cuộc sống, nếu họ kiên trì đón nhận, thì tất cả đều trở nên "hiến lễ thiêng liêng đẹp lòng Thiên Chúa, nhờ Chúa Giê-su Ki-tô" (1 Pr 2,5), vì những hiến lễ ấy được thành kính dâng lên Chúa Cha cùng với Mình Thánh Chúa khi cử hành lễ tạ ơn. Như thế, giáo dân thánh hiến thế giới này cho Thiên Chúa nhờ biết phụng thờ Người bằng đời sống thánh thiện khắp nơi" (LG 34).

**902 1143.**

Đặc biệt, các cha mẹ công giáo tham dự vào nhiệm vụ thánh hóa "khi sống đời vợ chồng và giáo dục con cái theo tinh thần Ki-tô giáo" (CIC, can.835,4).

**903 1143.**

Nếu hội đủ điều kiện, giáo dân có thể lãnh nhận thừa tác vụ đọc sách và giúp lễ (x.CIC,can 230,1). "Nơi nào nhu cầu Hội Thánh đòi hỏi vì thiếu thừa tác viên, giáo dân dù

không có nhận thừa tác vụ đọc sách và giúp lễ, cũng có thể thay thế họ làm một số việc như thi hành thừa tác vụ Lời Chúa, chủ tọa các buổi cầu nguyện, rửa tội và cho rước lễ theo các quy tắc luật định" (CIC, can 230,3).

### **Giáo dân tham gia vào nhiệm vụ ngôn sứ của Chúa Ki-tô**

**904** 785 92.

"Đức Ki-tô chu toàn chức vụ ngôn sứ không những nhờ hàng giáo phẩm ... nhưng cũng nhờ các giáo dân. Người đã đặt họ làm chứng nhân, bằng cách ban cho họ cảm thức đức tin và ơn dùng ngôn từ " (LG 35).

Dạy dỗ người khác để đưa họ đến đức tin là nhiệm vụ của mỗi vị giảng thuyết và còn là cộng tác của mỗi tín hữu (T. Tô-ma A-qui-nô, tổng luận thần học 371,4,3).

**905** 2044.

Giáo dân cũng chu toàn sứ mạng ngôn sứ của họ bằng việc phúc âm hóa, "nghĩa là loan báo Đức Ki-tô bằng đời sống chứng tá và lời nói". Nơi giáo dân, "hoạt động phúc âm hóa này ... mang sắc thái và có một hiệu năng đặc biệt vì được thể hiện trong những hoàn cảnh thông thường ở trần gian" (LG 35).

2472.

"Hoạt động tông đồ này không chỉ là làm chứng bằng đời sống. Người tông đồ đích thực còn phải tìm dịp loan truyền Đức Ki-tô bằng lời nói, cho người chưa tin ... hoặc cho tín hữu" (AA 6; x.AG 15).

**906** 2495.

Những giáo dân có khả năng và đã được huấn luyện, cũng có thể cộng tác trong việc hướng dẫn giáo lý (x. CIC

can 774;776;780) , giảng dạy các khoa học thánh (x. CIC can 229), việc truyền thông xã hội (x. CIC can 823,1).

**907.**

"Tùy theo nhiệm vụ kiến thức chuyên môn và uy tín của mình, họ có quyền và đôi khi có bổn phận, bày tỏ cho các vị mục tử có chức thánh biết ý kiến của mình liên quan tới lợi ích của Hội Thánh. Họ cũng có quyền phát biểu ý kiến của mình cho các tín hữu khác, miễn là bảo vệ sự vẹn toàn của đức tin và phong hóa, cũng như sự tôn kính đối với các mục tử, và quan tâm đến công ích và phẩm giá của tha nhân" (CIC can 212,3).

**Giáo dân tham gia vào nhiệm vụ vương giả của Chúa Ki-tô**

**908 786.**

Nhờ vâng phục cho đến chết (x. Pl 2,8-9), Đức Ki-tô thông ban cho các môn đệ hồng ân tự do vương giả"để chiến thắng ách thống trị của tội lỗi nơi bản thân họ, bằng một đời sống từ bỏ và thánh thiện" (LG 36).

"Ai chế ngự thân xác và điều khiển hồn mình, không để dục vọng khuất phục là làm chủ bản thân. Người ấy có thể được gọi là vua, vì có khả năng cai trị chính bản thân; người ấy tự do, độc lập và không làm nô lệ cho tội lỗi" (x. T.Am-rô-xiô, chú giải Thánh vịnh 118,14,30: PL 15,1403A).

**909 1887.**

"Ngoài ra, khi các cơ chế và hoàn cảnh sống trong thế gian gây nên dịp tội, giáo dân phải hiệp sức làm cho các cơ chế và hoàn cảnh sống đó trở nên lành mạnh, phù hợp với các tiêu chuẩn của đức công bình, và giúp phát huy hơn là

ngăn trở việc thực hành các nhân đức. Hành động như thế, giáo dân sẽ làm cho những giá trị luân lý thâm nhập vào văn hóa và các công trình của loài người" (LG 36).

**910 799.**

"Các giáo dân cũng có thể cảm thấy được gọi hay thực sự được gọi để cộng tác với các mục tử phục vụ cho sự sống và tăng trưởng của cộng đoàn Hội Thánh, bằng cách thực hành các thừa tác vụ rất khác nhau, tùy theo ân sủng và các đặc sủng Chúa đã ban cho họ" (EN 73).

**911 2245**

"Theo luật Hội Thánh, giáo dân có thể cộng tác vào việc hành sử quyền cai trị" (x. CIC can 129,2) : Họ tham gia các hội đồng tư vấn (x. Can 443,4), các hội nghị giáo phận (x. CIC Can 463,1.2), các hội đồng mục vụ (x. Can 511;536), thi hành trách nhiệm mục vụ trong giáo xứ (x. Can 517,2), hợp tác vào những hội đồng kinh tế (x. Can 492,1), tham gia vào các tòa án đạo (Can 1421,2), v.v...

**912 2245.**

Các tín hữu phải "lưu tâm phân biệt đâu là quyền lợi và nghĩa vụ của họ với tư cách một phần tử của Hội Thánh, đâu là quyền lợi và nghĩa vụ với tư cách một phần tử trong xã hội loài người. Họ phải cố gắng hòa hợp cả hai loại nghĩa vụ và quyền lợi đó với nhau và hãy nhớ rằng trong mọi lãnh vực trần thế, lương tâm Ki-tô giáo phải luôn hướng dẫn họ, vì không một hoạt động nào của con người, dù thuộc phạm vi trần thế, có thể vượt khỏi quyền thống trị của Thiên Chúa" (LG 36).

**913.**

"Vì những ân huệ đã lãnh nhận, mọi giáo dân vừa là chứng nhân, vừa là khí cụ sống động cho chính sứ mạng Hội

Thánh, "tùy theo mức độ ân sủng Chúa Ki-tô ban cho (Eph 4,7)" (LG 33)".

### III. ĐỜI SỐNG THÁNH HIẾN

#### 914 2103.

"Bậc sống được thành lập do việc khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm, tuy không liên quan đến cơ cấu phẩm trật, nhưng vẫn thuộc về đời sống và sự thánh thiện của Hội Thánh" (LG 44).

#### Các lời khuyên Phúc Âm và đời sống thánh hiến

#### 915 1973-1974.

Mọi môn đệ Chúa Ki-tô đều được mời gọi sống các lời khuyên Phúc Âm, vốn có rất nhiều. Mọi tín hữu đều được gọi sống đức ái hoàn hảo, nhưng những ai tự nguyện sống đời tận hiến, thì buộc tuân giữ đức vâng phục, đức nghèo khó, và đức khiết tịnh trong đời sống độc thân vì Nước Trời. Chính việc *tuyên khấn* giữ các lời khuyên Phúc Âm, trong một bậc sống ổn định được Hội Thánh công nhận, diễn tả nét đặc thù của "đời sống thánh hiến" cho Thiên Chúa (x.LG 42-43; PC 1).

#### 916 2687 933.

Bậc sống thánh hiến là một trong những cách thức để được thánh hiến "sâu xa hơn", bắt nguồn từ bí tích Thánh Tẩy và việc tận hiến cho Thiên Chúa (x.PC 5). Trong đời sống thánh hiến, các Ki-tô hữu dưới tác động của Thánh Thần, sẵn sàng theo sát Đức Ki-tô hơn, tự hiến cho Thiên Chúa là Đấng được yêu mến trên hết mọi sự và theo đuổi đức ái hoàn hảo để phục vụ Nước Trời, bày tỏ và loan báo trong Hội Thánh sự vinh quang của thế giới tương lai (x.CIC can 573).

## **Cây lớn có nhiều cành**

**917 2684.**

"Như một hạt giống Thiên Chúa đã gieo, nay thành một cây lớn có nhiều cành kỳ diệu trong vườn, cũng thế, trong Hội Thánh phát sinh nhiều lối sống khác nhau, cô tịch hay cộng đoàn; phát sinh nhiều dòng tu khác nhau mà gia sản thiêng liêng của họ vừa sinh ích cho các dòng tu ấy vừa có ích cho toàn Nhiệm Thể của Đức Ki-tô" (LG 43).

**918.**

"Ngay từ thời sơ khai của Hội Thánh, đã có những người nam cũng như nữ qua việc thực thi các lời khuyên Phúc Âm, quyết theo Chúa Ki-tô với một tinh thần tự do thanh thoát hơn, bắt chước Người khăng khít hơn, và mỗi người một cách, tất cả đều sống tận hiến cho Thiên Chúa; trong số có nhiều người được Chúa Thánh Thần thúc đẩy, hoặc là theo đuổi đời sống cô tịch, hoặc đã lập ra những dòng tu mà Hội Thánh đã sung sướng dùng quyền của mình để đón nhận và phê chuẩn" (PC 1).

**919.**

Các giám mục phải luôn luôn cố gắng phân định những hồng ân mới, được Thánh Thần phó thác cho Hội Thánh. Chỉ Tòa Thánh mới có quyền phê chuẩn những hình thức mới của đời thánh hiến (x.CIC can 605).

## **Đời sống ần tu**

**920.**

Các vị ần tu thường không công khai tuyên khấn giữ ba lời khuyên Phúc Âm, "họ dâng hiến cuộc đời để ngợi khen Thiên Chúa và cứu độ thế gian, qua việc triệt để lánh xa trần

thể, giữ yên lặng cô tịch, cầu nguyện liên li và sống khổ hạnh đền tội" ( CIC can 603,1).

**921 2719 2015.**

Họ cho mọi người thấy mặt trong của mâu nhiệm Hội Thánh là sống mật thiết cá nhân với Đức Ki-tô. Dù người đời không nhìn thấy, nhưng đời ẩn tu là bài giảng thầm lặng về Đức Ki-tô mà vị ẩn tu đã tận hiến cuộc đời cho Người, vì Người là tất cả mọi sự đối với họ. Đó là lời kêu gọi đặc biệt đề ngay trong hoang mạc, giữa cuộc đời chiến đấu thiêng liêng, họ gặp được vinh quang của Đấng chịu đóng đinh.

**Các trinh nữ và góa phụ sống đời thánh hiến**

**922 1618-1620.**

Từ thời các tông đồ, đã có các trinh nữ và góa phụ Ki-tô giáo được Chúa mời gọi để tâm hồn, thể xác và tinh thần được tự do hơn mà gắn bó hoàn toàn với Người (x. 1Cr 7,34-36). Họ quyết định sống trong bậc đồng trinh hoặc khiết tịnh vĩnh viễn "vì Nước Trời" (Mt 19,12). Lối sống này được Hội Thánh phê chuẩn.

**923 1537 1672.**

"Để bày tỏ quyết tâm theo sát Đức Ki-tô hơn, các trinh nữ, được giám mục giáo phận theo nghi thức phụng vụ đã được phê chuẩn, thánh hiến cho Thiên Chúa, kết hôn cách thần bí với Đức Ki-tô Con Thiên Chúa để phục vụ Hội Thánh" (x. CIC, can. 604,1). Qua nghi thức trọng thể này, "người trinh nữ được thánh hiến, trở thành dấu chỉ siêu việt của tình yêu Hội Thánh dành cho Đức Ki-tô và là hình ảnh cánh chung của vị Tân Nương trong Nước Trời và của đời sống tương lai" (Nghi thức Thánh Hiến Trinh Nữ, tiểu dẫn 1).

**924.**

"Tương tự với những hình thức khác của đời thánh hiến" (x. CIC can 604,1), bậc đồng trinh đặt người nữ sống giữa thế gian trong kinh nguyện, sám hối, phục vụ anh chị em mình và làm việc tông đồ tùy theo tình trạng và đặc sủng của mỗi người (x. Nghi thức Thánh Hiến trinh nữ, tiểu dẫn 2). Các trinh nữ sống đời thánh hiến có thể lập hội, để nhờ sự trợ giúp lẫn nhau, họ thực hiện ý định của họ cách trung thành hơn (x.CIC can 604,2).

**Đời sống tu sĩ****925 1672.**

Đời sống tu trì phát sinh từ Đông Phương trong những thế kỷ đầu của Ki-tô giáo (x. UR 15) và được thể hiện trong các dòng tu được Hội Thánh thành lập theo giáo luật (x.CIC can 573). Lối sống này phân biệt với những hình thức khác của đời thánh hiến ở các điểm : tổ chức đời sống phụng tự, công khai khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm, sống huynh đệ, làm chứng cho sự kết hợp giữa Đức Ki-tô với Hội Thánh (x.CIC can 607).

**926 796**

Đời sống tu trì thuộc về mầu nhiệm Hội Thánh. Đó là hồng ân Hội Thánh tiếp nhận từ Chúa và trao lại như một bậc sống ổn định cho tín hữu được Thiên Chúa mời gọi khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm. Như vậy, Hội Thánh vừa biểu lộ Đức Ki-tô vừa tự nhận mình là Hiền Thê của Đấng Cứu Thế. Đời sống tu trì được mời gọi để bày tỏ đức ái của Thiên Chúa trong ngôn ngữ thời đại dưới nhiều dạng khác nhau.

**927 854.**

Tất cả tu sĩ, dù miễn trừ hay không (x.CIC can 591), đều là những người hợp tác với giám mục giáo phận trong

nhiệm vụ mục vụ của ngài (x. CD 33-35). Các dòng tu rất cần thiết cho việc khai nguyên và phát triển truyền giáo của Hội Thánh ngay từ buổi đầu của công cuộc phúc âm hoá (x. AG 18; 40). "Lịch sử chứng minh công lao to lớn của các hội dòng trong việc truyền bá đức tin và trong việc gây dựng các Giáo Hội mới : từ những đan viện đầu tiên và các dòng tu thời trung cổ cho đến những tu hội mới hiện nay" (Gio-an Phao-lô II, RM 69).

## **Các Tu hội đời**

### **928.**

"Tu hội đời là một hội sống đời thánh hiến, trong đó các tín hữu sống giữa đời, hướng tới đức ái trọn hảo và nỗ lực góp phần thánh hóa trần gian ngay giữa lòng đời" (CIC can 710).

### **929 901.**

"Nhờ đời sống tận hiến để thánh hóa trần gian" (Piô XII, tông hiến *Provida Mater*), các thành viên tu hội đời tham dự vào nhiệm vụ phúc âm hóa của Hội Thánh, "ngay giữa đời và từ môi trường đời" (x. PC 11); nơi đó, họ hiện diện và tác động như "men trong bột". Chúng từ đời sống Ki-tô hữu của họ nhằm chinh đốn những thực tại trần thế theo thánh ý Thiên Chúa và được thâm nhập vào thế giới sức mạnh của Tin Mừng. Bằng những mối ràng buộc thánh thiện, họ sống các lời khuyên Phúc Âm và gìn giữ sự hiệp thông huynh đệ thích ứng với lối sống giữa đời của họ (x. CIC 713,2).

## **Các hiệp hội có đời sống tông đồ**

**930.** Bên cạnh những hình thức khác nhau của đời thánh hiến, có các hiệp hội tông đồ. Trong các hiệp hội này, các thành viên tuy không có lời khấn dòng, nhưng theo đuổi

nhiệm vụ tông đồ riêng của hội và bằng đời sống chung trong tình huynh đệ; họ hướng tới Đức Ái hoàn hảo theo nếp sống riêng của họ nhờ việc tuân giữ hiến chương của hội. Trong số các hiệp hội ấy cũng có những hiệp hội mà các thành viên sống các lời khuyên Tin Mừng theo "hiến chương của họ"(CIC, can. 731, 1.2).

### **Sự thánh hiến và sứ mạng : loan báo Đức Vua đang đến**

**931.** Khi chịu phép Thánh Tẩy, các tín hữu đã được thuộc về Thiên Chúa nhờ trao dâng chính mình cho Thiên Chúa, Đấng họ yêu mến trên hết mọi sự. Họ được thánh hiến thâm sâu hơn để phục vụ Thiên Chúa và mưu ích cho Hội Thánh. Nhờ bậc thánh hiến, Hội Thánh biểu lộ Đức Ki-tô và cho thấy Thánh Thần hành động một cách kỳ diệu trong Hội Thánh như thế nào. Vậy những ai khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm như thế, có sứ mạng đầu tiên là sống sự thánh hiến ấy. "Nhưng vì đã được thánh hiến để phục vụ Hội Thánh, nên họ có nghĩa vụ góp phần đặc biệt vào việc truyền giáo, theo cách thức riêng của tu hội mình" (CIC, can.783; RM 69).

### **932 775.**

Trong Hội Thánh như là bí tích, nghĩa là dấu chỉ và khí cụ của sự sống Thiên Chúa, đời thánh hiến là dấu chỉ đặc biệt của mầu nhiệm cứu chuộc. Dõi bước và theo gương Đức Ki-tô "sát hơn," bày tỏ "rõ hơn" sự tự hạ của Người, là hiện diện "cách sâu sắc hơn" với anh em trong tình yêu Chúa Ki-tô. Vì những ai đi trong con đường "hẹp hơn" này, cố vũ anh em bằng gương sáng của mình, họ làm chứng rõ ràng là thế giới "không thể cải tạo và dâng hiến cho Thiên Chúa được nếu không có tinh thần các mối phúc thật" (LG 31)

933 672.

Việc quang lâm của Đức Ki-tô luôn là nguồn gốc và phương hướng cho đời sống của tất cả những ai sống đời thánh hiến, dù chứng từ của họ công khai như trong bậc tu trì, hoặc kín đáo hơn hay cả bí mật nữa.

769.

"Bởi dân Thiên Chúa không đặt thành trì vĩnh viễn ở đời này... Vì thế, đời sống thánh hiến tỏ lộ cách hoàn hảo hơn cho mọi tín hữu thấy của cải trên trời đã có ngay dưới trần gian này, và làm chứng rằng ơn cứu chuộc của Chúa Ki-tô đã đem lại một đời sống mới và vĩnh cửu, đồng thời tiên báo sự phục sinh tương lai và vinh quang của Nước Trời" (LG 44).

## **TÓM LƯỢC**

**934.** *"Do Thiên Chúa thiết lập, trong số các tín hữu của Hội Thánh, có những thừa tác viên có chức thánh, theo luật gọi là giáo sĩ; còn những người khác được gọi là giáo dân. "Có những tín hữu thuộc cả hai thành phần trên, được thánh hiến cho Thiên Chúa để phục vụ sứ mạng Hội Thánh qua việc khẩn giữ các lời khuyên Phúc Âm (CIC, can. 207,1.2.)"*

**935.** *Đức Ki-tô sai các tông đồ và những người kế nhiệm rao truyền đức tin và gây dựng Nước Trời. Người cho họ tham gia vào sứ mạng của mình. Và ban cho họ quyền hành động thay Người.*

**936.** *Chúa đặt thánh Phê-rô làm nền tảng hữu hình của Hội Thánh. Và trao cho ông các chìa khóa Nước Trời. Giám Mục Rô-ma, vị kế nhiệm thánh Phê-rô, là "thủ lãnh Giám Mục Đoàn. người đại diện Đức Ki-tô và Mục tử của toàn thể Hội Thánh trên thế gian" (CIC, can. 331)*

**937.** Do Chúa thiết lập, Đức Giáo Hoàng "được hưởng quyền tối cao, trọn vẹn, trực tiếp và phổ quát trong việc chăm sóc các linh hồn" (CD 2).

**938.** Được Thánh Thần thiết đặt, các Giám mục là những người kế nhiệm các tông đồ. "Mỗi Giám mục, là nguyên lý và nền tảng hữu hình của sự hiệp nhất trong Hội Thánh địa phương" (LG 23).

**939.** Được các cộng sự viên là linh mục và Phó tế giúp đỡ, các giám mục có thẩm quyền chính thức giảng dạy đức tin, cử hành phụng tự, nhất là Thánh thể, điều hành Hội thánh địa phương như mục tử đích thực. Cùng với Đức Giáo Hoàng và dưới quyền Đức Giáo Hoàng, các ngài phải quan tâm đến toàn thể các Hội Thánh.

**940.** "Vì bản chất riêng biệt của người giáo dân là sống giữa đời và lo việc đời, nên chính họ được Thiên Chúa mời gọi, để nhờ sức mạnh tinh thần Ki-tô giáo của mình, họ làm việc tông đồ giữa đời như men trong bột"(AA 2).

**941.** Người giáo dân tham gia vào nhiệm vụ tư tế của Đức Ki-tô: càng kết hợp với Người, họ càng khai triển ân sủng của bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức trong mọi chiều kích của đời sống cá nhân, gia đình, xã hội và Hội Thánh; như vậy, họ đáp lại lời mời gọi nên thánh dành cho những ai đã được rửa tội.

**942.** Nhờ sứ mạng ngôn sứ, người giáo dân "còn được kêu gọi làm chứng cho Chúa Ki-tô trong mọi hoàn cảnh và giữa cộng đồng nhân loại" (GS 43,4).

**943.** Nhờ sự mạng vương giả, người giáo dân có khả năng chiến thắng tội lỗi nơi bản thân và trong thế giới, bằng đời sống từ bỏ và thánh thiện (x.HLG 36).

**944.** Đặc tính của đời sống thánh hiến cho Thiên Chúa là công khai khấn giữ các lời khuyên Phúc Âm về nghèo khó, khiết tịnh và vâng phục trong một bậc sống ổn định được Hội Thánh phê chuẩn.

**945.** Kể nhờ Phép Rửa đã được thuộc về Thiên Chúa thì nhờ được thánh hiến cho Thiên Chúa là Đáng họ yêu mến trên hết mọi sự, họ càng dần thân sâu xa hơn để phục vụ Thiên Chúa và mưu ích cho Hội Thánh.

## 1474- 1477 **Tiết 5: SỰ HIỆP THÔNG GIỮA CÁC THÁNH**

**946** 823.

Sau khi tuyên xưng "Hội Thánh Công Giáo", kinh Tin Kính các tông đồ còn thêm "các thánh hiệp thông". "Hội Thánh là gì, nếu không phải là cộng đoàn tất cả các thánh?" (Nicetas, dẫn giải kinh tin kính 10) Hội Thánh chính là mầu nhiệm các thánh hiệp thông.

**947** 790.

"Bởi tất cả các tín hữu hợp thành một thân thể duy nhất, cái tốt của người này được thông truyền cho các người khác... nên phải tin là có sự hiệp thông những điều thiện hảo trong Hội Thánh. Thành phần quan trọng nhất trong Hội Thánh là Đức Ki-tô, vì Người là Đầu .... Do đó, sự thiện hảo của Đức Ki-tô được thông truyền cho tất cả các chi thể và sự hiệp thông này được thực hiện qua các bí tích của Hội Thánh" (T.Tô-ma Aquinô., symb.10). "Chỉ có cùng một Thánh Thần duy nhất điều khiển Hội Thánh, nên tất cả

những điều thiện hảo Hội Thánh nhận được, tất yếu trở thành vốn chung" (Sách giáo lý Rô-ma 1,10,24).

**948.** Thuật ngữ "các thánh hiệp thông" có hai nghĩa liên kết chặt chẽ với nhau: "hiệp thông trong các *sự thánh*" (*sancta*) và "hiệp thông giữa những *người thánh*" (*sancti*).

"*Sancta sanctis* : của thánh cho người thánh". Đây là lời chủ tế xướng lên trong nhiều nghi lễ phụng vụ Đông Phương lúc nâng cao Mình Máu Thánh trước khi cho hiệp lễ. Các tín hữu (*sancti*) được nuôi dưỡng bằng Mình và Máu Đức Ki-tô (*sancta*) để tăng trưởng trong sự hiệp thông của Thánh Thần (*Koinônia*) và truyền sự hiệp thông này lại cho thế giới.

## I. SỰ HIỆP THÔNG CÁC LỢI ÍCH THIÊN LIÊNG

**949.** Trong cộng đoàn tiên khởi ở Giê-ru-sa-lem, các môn đệ "đã chuyên cần nghe các tông đồ giảng dạy, luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh và cầu nguyện không ngừng" (Cv 2,42):

185. *Hiệp thông trong đức tin.* Đức tin của các tín hữu là đức tin của Hội Thánh nhận từ các tông đồ, đó là kho tàng sự sống sẽ trở thành phong phú khi được chia sẻ.

**950 1130 1331.**

*Hiệp thông nhờ các bí tích.* "Mọi người đều được hưởng nhờ hiệu quả của các bí tích. Các bí tích kết hiệp chúng ta với nhau và với Đức Ki-tô, đặc biệt phép Thánh Tẩy là cửa đón mọi người vào Hội Thánh. Hiệp thông trong dân Thánh là hiệp thông nhờ các bí tích... Bí tích nào cũng tạo sự hiệp thông, vì kết hiệp chúng ta với Thiên Chúa... Hơn mọi bí

tích khác, bí tích Thánh Thể đưa chúng ta vào sự hiệp thông trọn vẹn" (Sách Giáo Lý Rô-ma 1,10,24). 951 799

Hiệp thông nhờ các đặc sủng : trong sự hiệp thông của Hội Thánh, Chúa Thánh Thần "còn ban các ân sủng đặc biệt cho mọi thành phần tín hữu..." để xây dựng Hội Thánh (x. LG 12). Và "Thánh Thần tỏ mình ra nơi mỗi người một cách là vì ích chung" (1 Cr 12,7).

**952 2402.**

*"Họ để mọi sự làm của chung"* (x. Cv 4,32): "Ki-tô hữu chân chính phải coi tất cả những gì mình có như là tài sản chung của mọi người, luôn sẵn sàng và nhiệt thành cứu giúp kẻ khốn cùng" (x. Sách Giáo lý Rô-ma 1,10,27). Ki-tô hữu là người quản lý tài sản của Chúa (x. Lc 16,1.3).

**953 1827 2011 845, 1469.**

*Hiệp thông nhờ đức ái* : trong *màu nhiệm các thánh hiệp thông*, "không ai trong chúng ta sống cho mình cũng như không ai chết cho chính mình" (x. Rm 14,7). "Nếu có một bộ phận nào đau thì mọi bộ phận cùng đau. Nếu một bộ phận nào được về vang thì mọi bộ phận cũng vui chung. Và anh em là Thân Thể Đức Ki-tô và mỗi người là một bộ phận" (x. 1Cr 12,26-27). "Đức ái không tìm tư lợi" (x. 1Cr 13,5). Mỗi việc nhỏ nhất làm trong đức ái đều hữu ích cho mọi người, vì mọi người dù sống hay chết đều liên đới với nhau trong màu nhiệm các thánh hiệp thông. Mọi tội lỗi đều làm tổn thương sự hiệp thông này.

## **II. SỰ HIỆP THÔNG GIỮA HỘI THÁNH TRÊN TRỜI VÀ HỘI THÁNH DƯỚI ĐẤT**

**954 77, 1031, 1023.**

*Ba trạng thái của Hội Thánh.* "Cho tới khi Chúa ngự đến trong sự uy nghi, có tất cả thiên thần theo Người (x. Mt

25,31), và khi sự chết bị hủy diệt, mọi vật đều qui phục Người (x. 1Cr 15,26-27), thì trong số các môn đệ, có những kẻ đang tiếp tục cuộc lữ hành trên trần thế, có những kẻ đã hoàn tất cuộc sống đời này và đang được thanh luyện, và có những kẻ được hiển vinh, đang chiêm ngưỡng trong ánh sáng chan hòa chính Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi" (LG 49).

Nhưng hết thảy mọi người chúng ta, tùy mức độ và cách thức khác nhau, đều hiệp thông trong cùng một tình mến Chúa yêu người, cùng hát lên một bài ca chúc tụng vinh quang Thiên Chúa chúng ta. Vì tất cả những ai thuộc về Chúa Ki-tô và sở hữu Thánh Thần Người, đều họp thành một Hội Thánh duy nhất và liên kết với nhau trong Đức Ki-tô" (LG 24)

#### **955.**

"Sự hiệp nhất giữa những người còn sống trên dương thế với các anh em đã yên nghỉ trong an bình Chúa Ki-tô không hề bị gián đoạn. Hội Thánh xưa nay luôn tin rằng sự hiệp nhất đó còn được tăng cường nhờ việc thông truyền cho nhau những của cải thiêng liêng" (LG 49).

#### **956** 1370 2683.

*Lời cầu bầu của các thánh* : "Vì được gắn bó mật thiết hơn với Đức Ki-tô, các thánh trên trời góp phần làm cho Hội Thánh thêm thánh thiện... Các ngài không ngừng cầu bầu cho chúng ta bên Chúa Cha, bằng cách dâng các công trạng đã lập được khi còn ở dưới thế nhờ Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Chúa Giê-su Ki-tô... Do đó, trong tình huynh đệ, các ngài lo lắng giúp đỡ chúng ta rất nhiều vì chúng ta yếu hèn" (LG 49) :

"Xin anh em đừng khóc, sau khi chết tôi sẽ có ích cho anh em hơn,, sẽ giúp đỡ anh em hiệu quả hơn khi tôi còn sống" (x. T. Đa-minh, nói với các bạn khi lâm chung xem. Jourdain thành Saxe, sách 93).

**"Tôi sẽ sống ở trên trời để làm lợi ích cho dưới đất"**  
(T.Tê-rê-sa Hải Đồng Giê-su).

**957 1173.**

*Hiệp thông với các thánh* : "Chúng ta kính nhớ các thánh trên trời không chỉ vì gương lành các ngài mà thôi, nhưng đúng hơn, để sự hiệp nhất của toàn thể Hội Thánh trong Thánh Thần được thêm bền vững nhờ thực hành đức bác ái huynh đệ (x.Eph 4,1-6). Thật vậy, cũng như mỗi hiệp thông giữa các Ki-tô hữu còn sống trên dương thế đưa chúng ta tới gần Chúa Ki-tô hơn, thì sự liên kết với các thánh cũng hiệp nhất chúng ta với Người là Đầu và là Nguồn ban phát mọi ân sủng và sự sống của chính Dân Thiên Chúa" (LG 50).

"Chúng ta tôn thờ Đức Ki-tô vì Người là Con Thiên Chúa. Còn chúng ta tôn kính các vị tử đạo vì các ngài là những môn đệ và những người noi gương Chúa; điều này thật chính đáng, vì các ngài đã hết lòng với Vua và Thầy của mình; ước gì chúng ta được là bạn đồng hành và đồng môn với các ngài" (x.T Pô-li-cáp hạnh thánh tử đạo 17).

**958 1371 1032,1689.**

*Hiệp thông với các tín hữu đã qua đời.* "Nhận biết sự hiệp thông này trong lòng toàn Nhiệm Thể Chúa Giê-su Ki-tô, ngay từ buổi đầu của Ki-tô giáo, Hội Thánh lữ hành hết lòng kính mến, tưởng nhớ những người đã chết và dâng lời cầu cho họ, "vì cầu nguyện cho người chết để họ được giải thoát khỏi tội lỗi là một ý tưởng lành thánh" (x. 2M 12,45;

LG 50). Khi cầu nguyện cho họ, chúng ta không chỉ giúp họ mà còn làm cho lời họ chuyển cầu cho chúng ta hiệu quả hơn.

**959** 1027.

*Trong gia đình duy nhất của Thiên Chúa.*"Vì tất cả chúng ta đều là con cái Thiên Chúa và hợp thành một gia đình trong Chúa Ki-tô, nên khi hiệp thông với nhau trong tình yêu và trong lời đồng thanh ca tụng Chúa Ba Ngôi Chí Thánh, chúng ta đáp lại ơn gọi thâm sâu của Hội Thánh" (LG 51).

## **TÓM LƯỢC**

**960.** *Hội Thánh là "mâu nhiệm các thánh thông công": thuật ngữ này trước hết chỉ sự hiệp thông trong "các sự thánh" (sancta), và đặc biệt là bí tích Thánh Thể, "biểu thị và thực hiện sự hiệp nhất của các tín hữu hợp thành một Thân Thể trong Chúa Ki-tô" (LG 3).*

**961.** *Thuật ngữ này cũng chỉ sự hiệp thông giữa "những người thánh" (sancti) trong Đức Ki-tô, "Đấng đã chết vì mọi người", đến độ trong Hội Thánh, điều gì mỗi người làm hoặc chịu trong và vì Đức Ki-tô cũng ảnh hưởng đến mọi người.*

**962.** *"Chúng tôi tin tất cả các Ki-tô hữu hiệp thông với nhau : những người đang lữ hành ở trần thế, những người đã qua đời và đang hoàn tất việc thanh luyện, các thánh trên trời. Tất cả hợp thành một Hội Thánh duy nhất. Và chúng tôi tin rằng nhờ sự hiệp thông đó, Thiên Chúa từ bi nhân hậu và các thánh luôn lắng nghe lời cầu xin của chúng tôi" (SDF 30).*

## **Tiết 6: ĐỨC MARIA, MẸ CHÚA KITÔ, MẸ GIÁO HỘI**

**963** 487-507 721-726.

Sau khi đã nói về vai trò Đức Trinh Nữ Ma-ri-a trong mầu nhiệm Đức Ki-tô và Thánh Thần, giờ đây chúng ta nói về địa vị của Mẹ trong mầu nhiệm Hội Thánh. "Thật vậy, Đức Trinh Nữ Ma-ri-a... được công nhận và tôn kính như Mẹ thật của Thiên Chúa và của Đấng Cứu Chuộc... Mẹ cũng thật là "mẹ các chi thể của Đức Ki-tô...vì đã cộng tác trong đức ái để sinh ra các tín hữu trong Hội Thánh, là những chi thể của Đức Ki-tô là Đầu" (x. LG 53; trích T. Âu-tinh, về đức trinh khiết). "Đức Ma-ri-a là Mẹ Chúa Ki-tô, là Mẹ Hội Thánh" (Phao-lô VI, diễn từ 21-11-1964).

### **I. TÌNH MẪU TỬ CỦA MẸ MARIA ĐỐI VỚI GIÁO HỘI**

#### **Đức Ma-ri-a hoàn toàn kết hợp với Con...**

**964.** Đức Ma-ri-a kết hợp với Chúa Ki-tô, đó là nền tảng vai trò của Mẹ đối với Hội Thánh. "Sự liên kết giữa Mẹ và Con trong công cuộc cứu độ được tỏ rõ từ khi Đức Ma-ri-a thụ thai Chúa Ki-tô cách trinh khiết, cho đến lúc Chúa Ki-tô chết; đặc biệt trong cuộc Khổ Nạn :

534 618.

"Đức Trinh Nữ tiến bước trong cuộc lữ hành đức tin, trung thành hiệp nhất với Con cho đến bên Thập Giá, là nơi theo ý Thiên Chúa, Mẹ đã đứng ở đó (x.Ga 19,25). Đức Ma-ri-a chịu đau khổ kinh khủng với người Con duy nhất của mình, dự phần vào hy lễ của Con, với tâm tình của người mẹ ưng thuận hiến dâng lễ vật do lòng mình sinh ra, để cuối cùng khi hấp hối trên Thập Giá, Chúa Giê-su Ki-tô đã trời Mẹ làm mẹ

của môn đệ: "Thưa Bà, này là con Bà (Ga 19,26-27)" (LG 58).

**965.** Sau khi Chúa Giê-su lên trời, Mẹ Ma-ri-a đã "trợ giúp Hội Thánh sơ khai bằng lời cầu nguyện của mình" (x. LG 69). Cùng với các tông đồ và vài phụ nữ, "Đức Ma-ri-a tha thiết cầu xin Thiên Chúa ban Chúa Thánh Thần là Đấng đã bao phủ lấy ngài trong ngày truyền tin" (LG 59).

### **... Cả khi Mẹ được đưa lên trời**

**966 491.**

"Sau cùng, được gìn giữ tinh sạch khỏi mọi vết tội nguyên tổ, và sau khi hoàn tất cuộc đời dưới thế, Đức Trinh Nữ Vô Nhiễm đã được đưa lên hưởng vinh quang trên trời cả hồn lẫn xác, và được Thiên Chúa tôn vinh làm Nữ Vương vũ trụ, để nên giống Con Mẹ trọn vẹn hơn, là Chúa các Chúa (x. Kh 19,16), Đấng đã chiến thắng tội lỗi và sự chết" (x. LG 59). Được lên trời cả hồn và xác, Đức Ma-ri-a tham dự cách độc đáo vào cuộc Phục Sinh của Đức Ki-tô và thể hiện trước sự Phục Sinh của các Ki-tô hữu khác :

Lạy Thánh Mẫu Thiên Chúa, khi sinh con, Mẹ vẫn khiết trinh; khi yên nghỉ, Mẹ vẫn không lìa bỏ thế gian. Mẹ đã cru mang Thiên Chúa hằng sống và giờ đây trở về với Thiên Chúa nguồn sống, xin cầu cho linh hồn chúng con được thoát tay tử thần ( Phụng vụ By-dan-tin, điệp ca lễ Đức Mẹ an nghỉ ngày 15 tháng 08)

### **Đức Ma-ri-a là Mẹ chúng ta trên bình diện ân sủng**

**967 2679 507.**

Vì hoàn toàn gắn bó với Thánh Ý Chúa Cha, với công trình cứu chuộc của Con Mẹ với mọi tác động của Chúa Thánh Thần, Đức Trinh Nữ Ma-ri-a là mẫu mực đức tin và đức ái cho Hội Thánh. Do đó, Mẹ là một "chi thể trời vượt và độc đáo nhất của Hội Thánh" (x. LG 53), có thể nói Mẹ là "*kiểu mẫu*" của Hội Thánh (LG 63).

**968 494.**

Vai trò của Đức Ma-ri-a đối với Hội Thánh và toàn thể loài người còn cao trọng hơn nữa. "Đức Ma-ri-a đã cộng tác một cách hoàn toàn độc nhất vô nhị vào công trình của Đấng Cứu Thế, bằng lòng vâng phục, bằng đức tin, đức cậy và đức ái nồng nhiệt, để hoàn trả sự sống siêu nhiên cho các linh hồn. Bởi vậy, trên bình diện ân sủng, Mẹ thật là mẹ chúng ta" (LG 61).

**969 149,501 1370.**

"Trong nhiệm cục ân sủng, kể từ khi Mẹ tin tưởng ưng thuận trong ngày truyền tin, sự ưng thuận mà Mẹ đã kiên quyết giữ trọn cho đến bên Thập Giá. Đức Ma-ri-a tiếp tục thiên chức làm Mẹ cho tới lúc vĩnh viễn hoàn tất việc cứu độ mọi người được tuyển chọn. Thực vậy, sau khi về trời, vai trò của Ngài trong việc cứu độ không chấm dứt, nhưng ngài vẫn tiếp tục liên li chuyển cầu để đem lại cho chúng ta những ân huệ giúp chúng ta được cứu độ đời đời .... Vì thế, trong Hội Thánh, Đức Trinh Nữ được kêu cầu qua các tước hiệu: Trạng Sư, vị Bảo Trợ, Đấng Phù Hộ và Đấng Trung Gian" (LG 62).

**970 2008 1545 308.**

"Vai trò làm mẹ của Đức Ma-ri-a đối với loài người không làm lu mờ hay suy giảm vai trò trung gian duy nhất của Chúa Ki-tô chút nào, trái lại còn làm sáng tỏ mãnh lực của sự trung gian ấy. Vì mọi ảnh hưởng có sức cứu độ của Đức Trinh Nữ trên nhân loại, đều bắt nguồn từ công nghiệp

đur tràn của Chúa Ki-tô" (x. LG 60). "Thực vậy, không bao giờ có thể đặt một thụ tạo nào ngang hàng với Ngôi Lời Nhập Thể và Cứu Chuộc. Nhưng cũng như chức tư tế của Chúa Ki-tô được thông ban dưới nhiều hình thức khác nhau cho các thừa tác viên và giáo dân, và cũng như sự tốt lành duy nhất của Thiên Chúa được ban phát nhiều cách cho các thụ tạo, thì sự trung gian duy nhất của Đấng Cứu Thế không những không loại bỏ mà còn khuyến khích các thụ tạo cộng tác dưới nhiều hình thức khác nhau, trong sự tùy thuộc vào nguồn mạch duy nhất" (LG 62).

## II. TÔN KÍNH ĐỨC TRINH NỮ MA-RI-A

971 1172 2678.

*"Từ nay hết mọi đời sẽ khen tôi diễm phúc" (Lc1,48) :*  
"Lòng hiếu thảo của Hội Thánh đối với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a là yếu tố nội tại của phụng tự Ki-tô giáo" (x. MC 56). " Do đó Đức Trinh Nữ đáng được Hội Thánh tôn vinh bằng một sự sùng kính đặc biệt . Thực vậy, từ những thời rất xa xưa, Đức Nữ Trinh đã được tôn kính dưới tước hiệu "Mẹ Thiên Chúa", và các tín hữu đã khẩn cầu cùng ăn náu dưới sự che chở của Mẹ trong mọi cơn gian nan khốn khó... Sự tôn kính ấy, như vẫn luôn có trong Hội Thánh, tuy hoàn toàn đặc biệt, nhưng tự bản chất vẫn khác biệt với sự thờ phượng dâng lên Ngôi Lời nhập thể, lên Chúa Cha và Chúa Thánh Thần; việc tôn kính Đức Ma-ri-a khuyến khích thêm việc thờ phượng Thiên Chúa Ba Ngôi" (x. LG 66). Sự tôn kính này được diễn tả qua các lễ phụng vụ dành cho Thánh Mẫu Thiên Chúa và trong kinh nguyện kính Đức Mẹ như kinh Mân Côi, được xem như "tóm lược toàn bộ Tin Mừng" (MC 42).

## III. ĐỨC MA-RI-A HÌNH ẢNH CÁNH CHUNG CỦA HỘI THÁNH

972 773 829.

Đề kết thúc phần giáo lý về Hội Thánh, về nguồn gốc, sứ mạng và chung cuộc của Hội Thánh, tốt nhất là chúng ta hướng nhìn về Đức Ma-ri-a. Nơi Mẹ, chúng ta có thể chiêm ngắm Hội Thánh đang trên đường "lữ hành đức tin"; chúng ta cũng có thể chiêm ngắm Hội Thánh mai sau, khi kết thúc hành trình tại quê hương trên trời, ở đó, Đấng Hội Thánh tôn kính như Mẹ Chúa Cứu Thế và Mẹ của mình đang chờ đợi Hội Thánh "trong vinh quang của Chúa Ba Ngôi Chí Thánh và bất khả phân ly", "trong sự hiệp thông với tất cả các thánh" (LG 69) :

2853.

Ngày nay Mẹ Chúa Giê-su đã được vinh hiển hồn xác trên trời, là hình ảnh và khởi thủy của Hội Thánh sẽ hoàn thành đời sau thế nào thì cũng thế, dưới đất này, cho tới ngày Chúa đến, Mẹ chiếu sáng như dấu chỉ lòng cậy trông vững vàng và niềm an ủi cho Dân Chúa đang lữ hành (LG 68).

## **TÓM LƯỢC**

**973.** *Khi thưa "Xin vâng" trong ngày Truyền Tin và đón nhận mầu nhiệm Nhập Thể, Đức Ma-ri-a cộng tác với toàn thể công trình Con Mẹ sẽ thực hiện. Ai nhận Đức Ki-tô là Đấng cứu độ, và là đầu của Nhiệm Thể, đều là con của Đức Ma-ri-a.*

**974.** *Sau khi hoàn tất cuộc đời trần thế, Đức Trinh Nữ Ma-ri-a Rất Thánh được Chúa đưa cả hồn lẫn xác lên hưởng vinh quang trên trời, nơi Mẹ dự phần vào vinh quang Phục Sinh của Con Mẹ, thể hiện trước sự Phục Sinh của tất cả các chi thể của Nhiệm Thể.*

**975.** *"Chúng tôi tin Thánh Mẫu của Thiên Chúa, Bà E-và mới, Mẹ Hội Thánh, vẫn tiếp tục trên trời vai trò làm mẹ đối với các chi thể Đức Ki-tô" (SPF 15).*

## **Mục 10**

### **"TÔI TIN PHÉP THA TỘI"**

**976.** Kinh Tin Kính các tông đồ không những liên kết việc tin có ơn tha tội với việc tin kính Chúa Thánh Thần mà còn liên kết với việc tin có Hội Thánh và mầu nhiệm hiệp thông trong Dân Thánh. Khi ban Thánh Thần, Đức Ki-tô Phục Sinh cũng ban cho các tông đồ quyền tha tội : "Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai thì người ấy được tha, anh em cầm tội ai thì người ấy bị cầm giữ" (Ga 20,22-23).

(Phần hai của sách Giáo Lý này sẽ trình bày rõ ràng về ơn tha tội qua : bí tích Thánh Tẩy, bí tích Giải Tội và các bí tích khác, nhất là bí tích Thánh Thể. Ở đây, chúng ta chỉ nêu lên cách ngắn gọn vài dữ kiện căn bản.)

1263.

#### **I. TÔI TUYÊN XUNG CÓ MỘT PHÉP RỬA DUY NHẤT ĐỂ THA TỘI**

**977.**

Chúa Giê-su liên kết ơn tha tội với đức tin và bí tích Thánh Tẩy : "Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho tất cả mọi loài. Ai tin và chịu phép rửa sẽ được cứu độ" (Mc 16,15-16). Bí tích Thánh Tẩy là bí tích đầu tiên và chính yếu để tha tội, vì bí tích này kết hợp chúng ta với Đức Ki-tô đã chết vì tội lỗi chúng ta, đã phục sinh để

chúng ta được trở nên công chính ( x. Rm 4,25), hầu chúng ta cũng được sống một cuộc sống mới" (Rm 6,4).

**978 1264.**

"Khi tuyên xưng đức tin lần đầu trong bí tích Thánh Tẩy, chúng ta được tha hết mọi tội lỗi, đến nỗi tuyệt không còn gì phải tẩy xóa, dù là nguyên tội hay những tội riêng, không còn gì phải đền bù ... Nhưng ân sủng bí tích Thánh Tẩy không giải thoát chúng ta khỏi bản tính yếu đuối. Trái lại chúng ta vẫn phải chiến đấu chống lại các xu hướng xấu dẫn chúng ta đến tội lỗi"( Giáo Lý Rô-ma 1,11,3).

**979 1446.**

Trong cuộc chiến chống xu hướng xấu, không ai đủ nghị lực và cảnh giác để tránh mọi tội lỗi, "vì thế, Hội Thánh cần có quyền tha tội. Bí tích Thánh Tẩy không phải là phương thể duy nhất để Hội Thánh sử dụng chìa khóa Nước Trời đã lãnh nhận từ Đức Giê-su Ki-tô; Hội Thánh phải có khả năng tha tội cho tất cả các hối nhân phạm tội sau khi lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy", cho dù họ có còn phạm tội cho đến hơi thở cuối cùng " (Giáo Lý Rô-ma 1,11,4).

**980 1422-1484.**

Chính nhờ Bí tích Giải Tội mà người đã được rửa tội có thể được hòa giải với Thiên Chúa cũng như với Hội Thánh.

Các giáo phụ có lý khi gọi Bí Tích Giải Tội là "phép rửa cực nhọc" (x. T.Ghê-gô-ri-ô thành Naz., or. 39,17.). Như những người chưa được tái sinh cần đến bí tích Thánh tẩy để được ơn cứu độ thể nào, thì những người sa ngã sau khi nhận phép Rửa cũng cần đến bí tích Giải Tội như vậy (Công Đồng Tren-tô : DS 1672).

## II. QUYỀN THÁO GỠ VÀ CẦM BUỘC

### 981 1444.

Sau khi phục sinh, Đức Ki-tô đã sai các tông đồ nhân danh Người "rao giảng cho muôn dân sự sám hối để được ơn tha tội" (Lc 24,47). "Để chu toàn thừa tác vụ hòa giải"(2 Cr 5,18), các tông đồ và những người kế nhiệm không chỉ rao giảng cho mọi người ơn tha thứ của Thiên Chúa mà chúng ta được hưởng nhờ công trạng Đức Ki-tô và kêu gọi mọi người hoán cải và tin nhận Tin Mừng; các ngài còn ban ơn tha tội qua bí tích Thánh Tẩy, cũng như hòa giải họ với Thiên Chúa và Hội Thánh, nhờ quyền tháo gỡ và cầm buộc nhận lãnh từ Đức Ki-tô :

### 553.

Hội Thánh đã nhận chìa khóa Nước Trời để ban ơn tha tội nhờ Máu Đức Ki-tô và tác động của Chúa Thánh Thần. Chính trong Hội Thánh, kẻ đã chết do tội lỗi được sống lại để sống với Đức Ki-tô, Đấng cứu độ chúng ta nhờ ân sủng của Người ( x. T. Augustinô, bài giảng 214,11).

### 982 1463 605.

Không có tội nào nặng đến nỗi Hội Thánh không thể tha thứ được. "Dù có ai gian ác và xấu xa đến đâu... vẫn có thể tin chắc được tha thứ, miễn là chân thành sám hối" ( x. Giáo lý Rô-ma 1,11,5). Đức Ki-tô, Đấng đã chết cho mọi người, muốn rằng: mọi cánh cửa tha thứ trong Hội Thánh luôn rộng mở cho bất cứ ai ăn năn trở lại ( x. Mt 18,21-22).

### 983 1442.

Huấn giáo phải cố gắng khơi dậy và nuôi dưỡng nơi các tín hữu niềm tin vào hồng ân vô song Đức Ki-tô Phục

Sinh đã ban cho Hội Thánh là sứ mạng và quyền tha tội nhờ thừa tác vụ của các tông đồ và những người kế nhiệm :

1465.

"Chúa muốn các môn đệ của Người có một quyền năng vô biên : Người muốn các tội tớ thấp hèn của Người nhân danh Người mà thực hiện tất cả những gì Người đã làm khi còn tại thế" ( x. T. Am-rô-siô bàn về phép giải tội 1,34).

Các linh mục đã nhận được một quyền năng mà Thiên Chúa đã không ban cho các thiên thần hoặc các tổng lãnh thiên thần... Từ trời cao, Thiên Chúa phê chuẩn tất cả những gì các linh mục làm dưới đất ( x. T. Gio-an Kim Khẩu, chức linh mục 3,5).

Nếu Hội Thánh không có quyền tha tội, thì chúng ta không còn hy vọng nào, không còn hy vọng được sống đời đời và được ơn giải thoát vĩnh cửu. Chúng ta hãy tạ ơn Thiên Chúa vì đã ban cho Hội Thánh một hồng ân như vậy ( x. T. Âu-tinh bài giảng 213,8)!

## **TÓM LƯỢC**

**984.** *Kinh Tin Kính nối kết "phép tha tội" với tín điều về Chúa Thánh Thần, vì Chúa Ki-tô Phục Sinh đã ban cho các tông đồ quyền tha tội, khi ban cho các ngài Chúa Thánh Thần.*

**985.** *Bí tích Thánh Tẩy là bí tích đầu tiên và chính yếu để tha tội. Bí tích này kết hợp chúng ta với Đức Ki-tô, Đấng đã chết và sống lại, cũng như ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần.*

**986.** *Do ý muốn của Đức Ki-tô, Hội Thánh có quyền tha tội cho những người đã được rửa tội. Thông thường Hội Thánh thi hành quyền này trong bí tích Giải Tội qua các giám mục và linh mục.*

**987.** *"Trong việc tha tội, linh mục và bí tích chỉ là dụng cụ mà Chúa Giê-su Ki-tô, tác giả và Đấng duy nhất ban ơn cứu độ, dùng để xóa bỏ tội lỗi và tái sinh chúng ta trong ân sủng" ( x Giáo lý Rô-ma 1,11,6).*

## Mục 11

### "TÔI TIN XÁC LOẠI NGƯỜI SẼ SỐNG LẠI"

**988.**

Trong kinh Tin Kính, chúng ta tuyên xưng Thiên Chúa là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; và tin Thiên Chúa sáng tạo, cứu chuộc và thánh hóa. Kinh Tin Kính kết thúc với lời tuyên xưng : "Tôi đợi trông kẻ chết sống lại và sự sống đời sau."

**989** 655 648.

Chúng ta tin vững vàng và hy vọng chắc chắn rằng: cũng như Đức Ki-tô đã thực sự phục sinh từ cõi chết và sống mãi, thì sau khi chết những người công chính cũng sống mãi với Đức Ki-tô Phục Sinh và Người sẽ cho họ sống lại ngày sau hết (x. Ga 6,39-40). Cũng như sự phục sinh của Đức Ki-tô, sự sống lại của chúng ta là công trình của Chúa Ba Ngôi :

"Nếu Thần Khí của Đấng đã làm cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết cư ngụ trong anh chị em, Đấng đã làm cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết cũng sẽ ban

sự sống cho những thân xác phải chết của anh chị em, nhờ Thần Khí của Ngài cư ngụ trong anh chị em (Rm 8, 11). (xem 1 Tx 4,14; 1 Cr 6,14; 2 Cr 4,14; Pl 3,10-11)

**990 364.**

Thuật ngữ "thân xác" chỉ con người trong thân phận yếu đuối và phải chết ( x. St 6,3; Tv 56,5; Is 40,6). "Xác sống lại" có nghĩa là sau khi chết, không phải chỉ có linh hồn bất tử vẫn tiếp tục sống, nhưng chính " thân xác phải chết" (Rm 8,11) cũng sẽ sống lại.

**991 638.**

Ngay từ đầu, tin kẻ chết sống lại đã là điều cốt yếu của đức tin Ki-tô giáo. "Người Ki-tô hữu xác tín rằng kẻ chết sống lại; chúng tôi sống được nhờ niềm tin này." (x. Tertulianô, bàn về phục sinh 1,1).

"Tại sao trong anh em có người lại nói : không có chuyện kẻ chết sống lại? Nếu kẻ chết không sống lại, thì Đức Ki-tô cũng không chỗi dậy. Mà nếu Đức Ki-tô không sống lại, thì lời rao giảng của chúng tôi trống rỗng, và cả đức tin của anh em cũng trống rỗng.... Nhưng không ! Đức Ki-tô đã sống lại từ cõi chết, mở đường cho những ai đã an giấc ngàn thu" (x. 1Cr 15,12-14.20).

## **I. SỰ PHỤC SINH CỦA ĐỨC KI-TÔ VÀ CỦA CHÚNG TA**

### **Sự sống lại đã được mặc khải dần dần**

**992 297.**

Việc kẻ chết sống lại được Thiên Chúa từng bước mạc khải cho Dân Người. Niềm hy vọng "xác loài người ngày sau sống lại" đã trở thành cần thiết như là hậu quả nội tại của đức tin vào Thiên Chúa sáng tạo con người trọn vẹn cả hồn và xác. Đấng tạo thành trời đất cũng là Đấng trung thành giữ Giao Ước với Áp-ra-ham và miê-u-đê. Chính trong viễn tượng sáng tạo và giao ước, Dân Chúa bắt đầu bày tỏ niềm tin vào sự Phục Sinh. Giữa những thử thách, các vị tử đạo thuộc gia đình Ma-ca-bê tuyên xưng :

"Vua trời đất sẽ cho chúng tôi phục sinh để được sống vĩnh cửu, bởi chúng tôi chết vì tuân giữ lề luật của Người" (2Mcb 7,9). "Chúng tôi thà chết do tay người phạm mà giữ vững niềm hy vọng được Thiên Chúa cho phục sinh ..." (2Mcb 7,14) (x. 7,29; Đn 12,1-13).

### **993 575 205.**

Những người Pha-ri-sêu và nhiều người đương thời với Chúa Giê-su hy vọng vào sự sống lại. Chúa Giê-su đã giảng dạy rõ ràng về việc kẻ chết sống lại. Với người Sa-đốc không tin sự phục sinh, Người nói : "Vì các ông không biết Kinh Thánh và quyền năng Thiên Chúa mà các ông làm" (Mc 12,24). Đức tin về sự sống lại dựa trên đức tin vào "Đấng không phải là Chúa của kẻ chết nhưng là Chúa của kẻ sống" (Mc 12,27).

### **994 646 652.**

Hơn nữa, Chúa Giê-su liên kết đức tin về sự phục sinh với bản thân của Người : "Tôi là sự sống lại và là sự sống" (Ga 11,25). Đức Giê-su sẽ cho những ai tin vào Người ( x. Ga 5, 24-25;6,40), và đã ăn Thịt và uống Máu Người ( x. Ga 6,54), được sống lại trong ngày sau hết. Ngay khi còn ở trần gian, Người cho chúng ta một dấu chỉ và một bảo chứng,

bằng cách cho một số người đã chết được sống lại ( x. Mc 5,21-42; Lc 7,11-17; Ga 11), để tiên báo chính Người sẽ sống lại, nhưng là phục sinh chứ không chỉ hồi sinh. Người nói về biến cố này như là "đấu chỉ Gio-na" (Mt 12,39) và dấu chỉ Đền Thờ ( x. Ga 2,19-22): Người tiên báo sẽ phục sinh ngày thứ ba sau khi chịu chết ( x. Mc 10,34).

### **995 860 655.**

Các tông đồ làm chứng cho Đức Ki-tô nghĩa là các ngài "làm chứng cho sự Phục Sinh của Người" (Cv 1,22) ( x.4,33), "vì đã ăn, uống với Người sau khi Người từ trong kẻ chết sống lại" (Cv 10,41). Niềm hy vọng Ki-tô giáo về phục sinh mang đậm nét những lần gặp gỡ với Đức Ki-tô Phục Sinh. Chúng ta sẽ sống lại như Người, với Người và nhờ Người.

### **996 643.**

Ngay từ đầu, có nhiều người không hiểu và chống lại đức tin Ki-tô giáo về Phục Sinh ( x. Cv 17,32; 1Cr 15,12-13). "Trong đức tin Ki-tô giáo vấn đề gặp nhiều chống đối hơn hết là việc xác loài người sống lại" ( x. T. Âu-tinh, thánh vịnh 88,2,5). Thông thường, người ta chấp nhận là sau khi chết, hồn con người vẫn sống. Nhưng làm sao tin được thân xác phải chết này sẽ phục sinh để sống đời đời ?

### **Người chết sẽ phục sinh thế nào?**

### **997 366.**

*"Phục sinh" là gì ?* Khi chết, hồn lìa khỏi xác, thân xác con người lâm cảnh hư nát trong khi linh hồn đến gặp Thiên Chúa, nhưng trong tình trạng chờ đợi được tái hợp với thân xác vinh quang. Thiên Chúa toàn năng sẽ làm cho thân xác chúng ta vĩnh viễn không còn hư nát nữa, khi hợp nhất nó với linh hồn nhờ hiệu năng của Chúa Giê-su Phục Sinh.

**998 1038.**

*Ai sẽ phục sinh ?* Mọi người đã chết đều sẽ phục sinh: "Ai đã làm điều lành thì sẽ sống lại để được sống, ai đã làm điều dữ thì sẽ sống lại để bị kết án" ( Ga 5,29; x. Đn 12,2 ).

**999 640 645.**

*Phục sinh thế nào ?* Đức Ki-tô đã phục sinh với chính thân xác mình : "Hãy nhìn chân tay Thầy coi : đúng là Thầy đây mà" (Lc 24,39). Nhưng Người không trở về với đời sống trần thế. Cũng vậy, trong Người, "mọi người sẽ sống lại với thân xác của mình, thân xác họ đang có bây giờ " ( x. Cđ Latran IV: DS 801), nhưng thân xác đó "sẽ biến đổi thành thân xác vinh hiển" (Pl 3,21), thành "thân xác có thần khí" (1 Cr 15,44) :

Có người thắc mắc : Kẻ chết sống lại như thế nào? Họ lấy thân hình nào mà trở về ? ĐỒng gốc! Người gieo cái gì, cái ấy phải chết mới được sống. Cái người gieo không phải là thân hình sẽ mọc lên nhưng là một hạt trơ trụi .... Khi gieo xuống là thân xác hư nát, mà khi sống lại thì bất diệt...những kẻ chết sẽ sống lại mà không còn hư nát... Vì cái thân phải hư nát này cần phải mặc lấy sự bất diệt; và cái thân phải chết này cần phải mặc lấy sự bất tử ( x. 1 Cr 15,35-37.42,42-53).

**1000 647.**

"Thân xác con người phục sinh như thế nào" là điều vượt quá sức tưởng tượng và hiểu biết của chúng ta. Chúng ta chỉ hiểu được trong đức tin. Dầu vậy, khi rước Mình Máu Thánh Chúa, chúng ta được ném trước việc thân xác chúng ta được biến đổi nhờ Đức Ki-tô :

1405.

Bánh là hoa màu ruộng đất, nhưng sau khi đã kêu cầu Thiên Chúa, không còn là bánh thường nữa mà trở thành Mình Thánh Chúa, gồm cả hai thực tại trần thế và thượng giới. Cũng vậy, khi con người rước Mình Thánh Chúa, thân xác sẽ không phải hư nát vì mang trong mình hạt giống phục sinh ( x Irênê, chống lạc giáo 4, 18,4-5).

### **1001 1038 673.**

*Bao giờ kẻ chết sống lại ?* Mọi người sẽ sống lại ( x. Ga 6,39-40,44.54;11,24 ) "vào ngày sau hết", "ngày tận thế"(x. LG 48). Ngày kẻ chết sống lại chính là ngày Đức Ki-tô quang lâm :

"Vì khi hiệu lệnh ban ra, khi tiếng tổng lãnh thiên thần và tiếng kèn của Thiên Chúa vang lên, thì chính Chúa sẽ từ trời xuống và những kẻ chết trong Đức Ki-tô sẽ sống lại trước tiên" (ITx 4,16).

### **Phục sinh với Đức Ki-tô**

#### **1002 655.**

Đức Ki-tô sẽ cho chúng ta sống lại "ngày sau hết" nhưng có thể nói, chúng ta đã phục sinh với Đức Ki-tô rồi. Thật vậy, nhờ Chúa Thánh Thần, cuộc đời Ki-tô hữu đã dự phần vào cái chết và sự Phục Sinh của Đức Ki-tô ngay từ đời này :

"Anh em đã được mai táng cùng với Đức Ki-tô, khi chịu Phép Rửa, lại cùng được sống lại với Người, bởi anh em đã tin vào quyền năng của Thiên Chúa, Đấng làm cho Người sống lại từ kẻ chết .... Vậy bởi anh em đã sống lại cùng với Đức Ki-tô, thì anh em hãy tìm

kiếm những gì trên trời, nơi Đức Ki-tô đang ngự bên hữu Thiên Chúa" (Cl 2,12; 3,1).

**1003 1227 2796.**

Được kết hiệp với Đức Ki-tô nhờ bí tích Thánh Tẩy, các tín hữu thật sự tham dự vào đời sống trên trời của Đức Ki-tô Phục Sinh (x. Pl 3,20), nhưng sự sống này còn "ẩn tàng với Đức Ki-tô trong Thiên Chúa" (Cl 3,3). "Thiên Chúa đã cho chúng ta được cùng sống lại và cùng ngự trị với Đức Ki-tô trên cõi trời" (Ep 2,6). Được nuôi dưỡng bằng Mình Máu Đức Ki-tô, chúng ta đã thuộc về Thân Thể Người. Khi chúng ta được phục sinh vào ngày sau hết, chúng ta sẽ "xuất hiện với Người và cùng Người hưởng phúc vinh quang" (Cl 3,4).

**1004 364 1379.**

Trong khi chờ đợi ngày ấy, xác và hồn của tín hữu đã được vinh dự "thuộc về Đức Ki-tô". Vì thế, phải tôn trọng thân xác của mình cũng như của kẻ khác, nhất là khi thân xác phải chịu đau đớn :

Thân xác là để phụng sự Thiên Chúa vì Chúa là chủ thân xác. Thiên Chúa đã làm cho Đức Ki-tô sống lại, cũng sẽ cho chúng ta sống lại. Nào anh em chẳng biết thân xác anh em là chi thể của Đức Ki-tô sao ? ... Anh em đâu còn thuộc về mình nữa ... Vậy anh em hãy tôn vinh Thiên Chúa nơi thân xác anh em (x. 1 Cr 6,13-15.19-20).

## **II. CHẾT TRONG ĐỨC GIÊ-SU KI-TÔ**

**1005 624.**

Muốn được phục sinh với Đức Ki-tô, chúng ta phải cùng chết với Người, ta phải "lìa bỏ thân xác này để được ở bên Chúa" (2 Cr 5,8). Chết là "ra đi" (Pl 1,23), hồn lìa khỏi

xác. Hồn sẽ hợp lại với xác trong ngày kẻ chết sống lại (x. SPF 28).

## **Sự Chết**

### **1006 164,1500.**

"Trước cái chết, bí ẩn về thân phận con người lên cao đến tột độ" (x. GS 18). Con người phải chết, đó là điều tự nhiên. Nhưng, đức tin cho chúng ta biết, chết là "tiền công trả cho tội lỗi" (Rm 6,23) (x. St 2,17). Và đối với người chết trong ân sủng Đức Ki-tô, chết là tham dự vào cái chết của Chúa để cùng được tham dự vào sự Phục Sinh của Người (x. Rm 6,3-9; Pl 3,10-11).

### **1007.**

*Chết là chấm dứt cuộc đời trần thế.* Cuộc đời chúng ta được tính bằng thời gian. Trong khoảng thời gian đó, chúng ta thay đổi, già đi rồi chết, bình thường như mọi sinh vật khác trên mặt đất. Thực tại này cho chúng ta một cái nhìn bức thiết hơn về cuộc sống. Nhớ đến cái chết, chúng ta phải nhớ là đời người có hạn :

"Vào thời thanh xuân, con hãy nhớ đến Đấng Sáng Tạo ... trước khi bụi trở về với đất như cũ và sinh khí trở về với Đấng đã ban nó cho con" (x. Giảng viên 12,1.7).

### **1008 401 376.**

*Chết là hậu quả của tội lỗi.* Khi chính thức giải thích những điều Thánh Kinh (x. St 2,17;3,3;3,19;Sg 1,13;Rm 5,12;6,23) và Thánh Truyền khẳng định, Huấn quyền của Hội Thánh dạy rằng cái chết đã vào trần gian vì con người đã phạm tội (x. DS 1511). Mặc dù theo bản tính tự nhiên con người phải chết, nhưng Thiên Chúa đã muốn nó không phải

chết. Cái chết đi ngược lại với ý định của Thiên Chúa sáng tạo và nó bước vào trần gian như hậu quả của tội lỗi (x. Kn 2,23-24). "Giả như con người không phạm tội thì đã không phải chết" (x. GS 18), nên "cái chết là kẻ thù cuối cùng con người cần phải chiến thắng" (x.1Cr 15,26).

### **1009 612.**

*Cái chết được biến đổi nhờ Đức Ki-tô.* Dù là Con Thiên Chúa, Đức Giê-su đã chịu chết vì mang thân phận con người. Đứng trước cái chết, tuy sợ hãi (x.Mc 14,33-34; Dt 5,7-8), Người đã chấp nhận nó vì hoàn toàn và tự nguyện tùng phục ý Chúa Cha. Nhờ vâng phục, Đức Giê-su đã biến đổi cái chết từ chỗ là lời nguyền rủa trở thành lời chúc lành (x.Rm 5,19-21).

### *1681-1690.*

### **Ý nghĩa sự chết theo Ki-tô giáo**

### **1010 1220.**

Nhờ Đức Ki-tô, chết mang một ý nghĩa tích cực. "Đối với tôi, sống là Đức Ki-tô và chết là một mối lợi" (Pl 1, 21). "Đây là lời đáng tin cậy : Nếu ta cùng chết với Người, chúng ta sẽ cùng sống với Người" (2 Tm 2,11). Ki-tô giáo đem lại ý nghĩa mới cho cái chết : nhờ bí tích Thánh Tẩy, Ki-tô hữu đã "cùng chết với Đức Ki-tô" cách bí nhiệm để sống một đời sống mới. Nếu chúng ta chết trong ân sủng Đức Ki-tô, cái chết thể xác sẽ kết thúc việc "cùng chết với Đức Ki-tô" mỗi ngày để hoàn tất việc tháp nhập chúng ta vĩnh viễn vào Người nhờ công trình cứu độ của Người :

Đối với tôi, chết trong Đức Giê-su Ki-tô còn hơn là được cai trị cả thế gian. Tôi đang đi tìm Đấng đã chết cho chúng ta: tôi đang khao khát Đấng đã phục sinh cho chúng ta. Giờ tôi được sinh ra (trong cuộc sống

vĩnh cửu) đã gần kề ... Anh em hãy để tôi nhận lãnh ánh sáng tinh tuyền, khi nào tôi tới được đó, tôi mới thực sự là một con người (x.T. Inhaxio Antiôkia, thư gửi giáo đoàn Rô-ma 6,1-2).

### **1011 1025.**

Qua cái chết, Thiên Chúa gọi chúng ta về với Người. Vì thế đối với cái chết, Ki-tô hữu có thể mong ước như Thánh Phao-lô : "Ao ước của tôi là ra đi để được ở với Đức Ki-tô" (Pl 1,23); theo gương Đức Ki-tô, họ có thể biến cái chết của mình thành một hành vi vâng phục và yêu mến đối với Chúa Cha (x.Lc 23,46):

"Lòng ham muốn trần thế của tôi đã bị đóng đinh...  
"mạch nước trường sinh" trong tôi đang thẩm thấu  
nhũ: "Hãy đến với Chúa Cha" (x.T. Inhaxio Antiôkia  
Rm 7,2).

"Tôi muốn gặp Thiên Chúa và để gặp Người tôi phải  
chết" (x.T. Tê-rê-sa Giê-su Vila 1).

"Tôi không chết, nhưng đang bước vào cõi sống (x.T.  
Tê-rê-sa Hải Đồng Giê-su, những lời cuối cùng).

### **1012.**

Cái nhìn Ki-tô giáo về sự chết (x.1Th 4,13-14) được diễn tả đặc biệt trong phụng vụ của Giáo hội:

"Lạy Chúa ! Đối với chúng con là những tín hữu, sự sống thay đổi chứ không mất đi; và khi nơi trú ngụ dưới trần bị hủy diệt, chúng con được về hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trên quê trời" (Sách lễ Rô-ma, kinh tiền tụng cho kẻ qua đời).

### 1013.

Chết là kết thúc cuộc lữ hành trần thế, kết thúc thời gian Thiên Chúa gia ân và thương xót để con người sống cuộc đời trần thế theo ý Chúa và quyết định số phận tối hậu của mình. Khi chấm dứt "cuộc đời trần thế duy nhất này" (x. LG 48), chúng ta sẽ không trở lại với những cuộc sống trần thế khác. "Con người chỉ chết một lần" (Dt 9,29), không "đầu thai" sau khi chết.

### 1014 2676- 2677.

Hội Thánh khuyên chúng ta chuẩn bị cho giờ chết ("Xin cứu chúng con khỏi chết bất đắc kỳ tử": kinh cầu các thánh cũ); khẩn xin Mẹ Thiên Chúa chuyển cầu cho chúng ta "trong giờ lâm tử" (Kinh Kính Mừng) và trông cậy vào Thánh Giu-se là bốn mạng kẻ "mong sinh thì":

"Trong mọi hành động, trong mọi suy tư của con, con phải xử sự như hôm nay con phải chết. Nếu lương tâm thanh thản, con sẽ không quá sợ cái chết. Thà giữ mình không phạm tội, hơn là trốn tránh sự chết. Nếu hôm nay con chưa sẵn sàng chết, thì làm sao ngày mai con sẵn sàng được? (x. Gương Chúa Giê-su 1,23,1)"

Lạy Chúa, chúc tụng Chúa vì chị Chết mà không ai thoát khỏi được. Vô phúc cho người chết trong tội trọng và diễm phúc cho người được chết trong ân nghĩa Chúa, vì cái chết lần thứ hai sẽ không làm cho họ đau khổ (Thánh Phan-xi-cô Assisi).

## **TÓM LƯỢC**

**1015.** *"Việc cứu độ thân xác con người là điểm quan trọng trong chương trình cứu độ" (x.Tertullien,res 8,2). Chúng tôi tin vào Thiên Chúa là Đấng sáng tạo thân xác con người. Chúng tôi tin Ngôi Lời đã mặc lấy xác phàm để cứu chuộc thân xác. Chúng tôi tin "xác loài người ngày sau sống lại", khi ấy Thiên Chúa hoàn tất công trình sáng tạo và cứu chuộc thân xác.*

**1016.** *Khi chết, hồn lìa khỏi xác, nhưng khi con người sống lại, Thiên Chúa sẽ trả lại sự sống bất diệt cho thân xác đã được biến đổi, bằng cách tái hợp xác với hồn. Như Đức Ki-tô đã phục sinh và sống mãi muôn đời, tất cả chúng ta sẽ sống lại vào ngày sau hết.*

**1017.** *"Chúng tôi tin thân xác hiện nay của chúng tôi sẽ sống lại thật" (x. DS 854). Tuy nhiên, khi gieo xuống mồ là thân xác phải hư nát và khi Phục Sinh là thân xác bất diệt (x.1Cr 15,42), "thân xác có thần khí" (1Cr 15, 44).*

**1018.** *Do hậu quả nguyên tội, con người phải chết. "Giả như con người không phạm tội, thì đã không phải chết" (GS 18).*

**1019.** *Chúa Giê-su Con Thiên Chúa, tự nguyện chịu chết cho chúng ta vì hoàn toàn tùng phục thánh ý Chúa Cha. Nhờ cái chết của Người, Người đã chiến thắng tử thần và mở ra cho mọi người con đường cứu độ.*

## Mục 12

### "TÔI TIN CÓ SỰ SỐNG ĐỜI ĐỜI"

**1020** 1523-1525.

Vì kết hợp cái chết của mình với cái chết của Chúa Giê-su, nên đối với người Ki-tô hữu, chết là về với Chúa và bước vào cuộc sống muôn đời. Khi thay Đức Ki-tô nói lời tha tội lần cuối cùng, xúc dầu ban sức mạnh và trao Mình Thánh Chúa như của ăn đàng cho người Ki-tô hữu hấp hối, Hội Thánh dịu dàng trấn an người ấy :

2677, 336.

Nhân danh Chúa Cha toàn năng, Đấng tạo thành nên con, nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa hằng sống, Đấng chịu khổ hình vì con, nhân danh Chúa Thánh Thần, Đấng được ban xuống trong con : Hỡi con hãy rời khỏi thế gian này. Hôm nay, con sẽ vào nơi bình an và ở bên Chúa trên núi thánh Xi-on, cùng với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, Mẹ Thiên Chúa, với thánh Giu-se, toàn thể thiên thần và các thánh của Chúa ... Con trở về cùng Đấng sáng tạo đã lấy bùn đất dựng nên con. Khi con lìa bỏ đời này, xin Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, các thiên thần và toàn thể các thánh ra đón tiếp con... Xin cho con được nhìn thấy tận mắt Đấng Cứu Chuộc con... (kinh hồi tử).

### I. PHÁN XÉT RIÊNG

**1021** 1038 679.

Cái chết kết thúc đời sống con người, nghĩa là chấm dứt thời gian đón nhận hay chối bỏ ân sủng Thiên Chúa được biểu lộ trong Đức Ki-tô ( x.2 Tm 1,9-10). Khi đề cập đến

phán xét, Tân Ước chủ yếu nói về cuộc gặp gỡ chung cuộc với Đức Ki-tô trong ngày quang lâm, nhưng cũng nhiều lần khẳng định có sự thưởng phạt tức khắc ngay sau khi chết, tùy theo công việc và đức tin của mỗi người. Dụ ngôn về người nghèo khó La-gia-rô ( x.Lc 16,22), và lời Đức Ki-tô trên thập giá nói với người trộm lành ( x.Lc 23,43), cũng như nhiều đoạn khác của Tân Ước (x.2Cr 5,8; Pl 1,23; Dt 9,27;12,23) nói đến số phận rất khác nhau của từng người (x.Mt 16,26).

### **1022 393.**

Ngày khi lìa khỏi xác, linh hồn bất tử sẽ chịu phán xét riêng để được thưởng hay bị phạt đời đời; tùy theo đời sống của mình trong tương quan với Đức Ki-tô, linh hồn hoặc phải trải qua một cuộc thanh luyện ( x.Cđ Lyon:DS 857-858;Cđ .Florence:DS 1304-1306; Cđ.Trente:DS 1820) hoặc được hưởng phúc trên trời (x.Benoit XII:DS 1000-1001;Gio-an XXII:DS 990) hoặc sa địa ngục vĩnh viễn ( x.Benoit XII:DS 1002).

1470

"Khi chết chúng ta sẽ bị Thiên Chúa xét xử căn cứ trên tình yêu" (T.Gio-an Thánh giá, Bài giảng 64).

## **II. THIÊN ĐÀNG**

### **1023 954.**

Những kẻ chết trong ơn nghĩa Chúa và kẻ đã được thanh luyện trọn vẹn, sẽ sống mãi với Đức Ki-tô. Muôn đời họ sẽ nên giống Thiên Chúa, vì Người thể nào họ sẽ được "nhìn thấy Người như vậy" diện đối diện (I Ga 3,2).

Chúng tôi dùng quyền tông đồ định tín rằng (x.1Cr 12,13;Kh 22,4):"Theo sự an bài chung của Thiên Chúa, từ sau khi Đức Giê-su về trời, linh hồn của tất

cả các thánh ... và của mọi Ki-tô hữu đã chết sau khi nhận Phép Rửa của Đức Ki-tô, nếu họ không có gì cần thanh luyện hoặc có gì cần thanh luyện nhưng đã thanh luyện xong sau khi chết ... thì các linh hồn này đã, đang và sẽ được ở trên trời trong Nước Trời và trong Thiên Đàng cùng với Đức Ki-tô, được nhập đoàn các thánh thiên thần, ngay cả trước khi thân xác họ sống lại vào ngày phán xét chung. Kể từ cuộc khổ nạn và cái chết của Chúa Giê-su Ki-tô, các linh hồn này đã và đang được xem thấy Thiên Chúa trực tiếp, diện đối diện, không qua trung gian một thụ tạo nào ( x.Benoit XII:DD 1000,x.LG 49).

**1024 260,326 2734,1718.**

"Thiên Đàng" là cuộc sống viên mãn vì được hiệp thông trong sự sống và tình yêu với Thiên Chúa Ba Ngôi, với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, với các thiên thần và các thánh. Thiên Đàng là mục đích tối hậu và là sự hiện thực các nguyện vọng sâu xa nhất của con người, là tình trạng hạnh phúc tuyệt hảo và chung cuộc.

**1025 1011.**

"Lên Thiên Đàng" là "được ở với Đức Ki-tô" ( x. Ga 14,3; Pl 1,23;1Th 4,17). Những người được tuyển chọn "sống trong Người", nhưng vẫn giữ, hay nói đúng hơn là tìm được căn tính đích thực của mình, danh xưng riêng của mình ( x. Kh 2,17).

"Vì sống là được ở với Đức Ki-tô; và ở đâu có Đức Ki-tô, nơi đó có sự sống, nơi đó là Nước Trời" ( x. T.Am-rô-xiô chú giải TM-Lc 10,121).

**1026 793.**

Nhờ đã chết và phục sinh, Chúa Giê-su Ki-tô đã "mở" cửa Thiên Đàng cho chúng ta. Các thánh được hưởng trọn vẹn hoa quả ơn cứu chuộc của Đức Ki-tô. Người cho những ai đã tin vào Người và trung thành với thánh ý Người được cùng hưởng vinh quang với Người. Thiên Đàng là cộng đồng vĩnh phúc gồm tất cả những người đã được tháp nhập trọn vẹn vào Đức Ki-tô.

**1027 959,1720.**

Chúng ta không đủ khả năng hiểu biết và trình bày màu nhiệm hiệp thông vinh phúc với Thiên Chúa và với tất cả những người ở trong Đức Ki-tô. Khi nói về màu nhiệm này, Kinh Thánh dùng những hình ảnh như sự sống, ánh sáng, bình an, tiệc cưới, rượu mới trong Nước Trời, nhà Cha, Thành Giê-ru-sa-lem Thiên Quốc, Thiên Đàng : "Điều mắt chẳng hề thấy, điều tai chẳng hề nghe, lòng người không hề nghĩ đến, đó là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai yêu mến Người" (1Cr 2,9).

**1028 1722 163.**

Thiên Chúa siêu việt, nên ta chỉ thấy được Người khi chính Người mặc khải màu nhiệm cho ta chiêm ngưỡng và khi Người ban cho ta khả năng đó. Việc chiêm ngưỡng Thiên Chúa trong vinh quang Thiên Quốc được Hội Thánh gọi là "phúc kiến".

"Bạn sẽ được vinh quang và hạnh phúc biết bao: khi bạn được Thiên Chúa tiếp nhận để thấy Người, được vinh dự hưởng niềm vui cứu độ và ánh sáng vĩnh cửu cùng Đức Ki-tô, Chúa của bạn... Trên Thiên Quốc, bạn được hưởng niềm vui của sự bất tử cùng với những người công chính và những bạn hữu của Thiên Chúa" (x. T.Syp-pri-a-nô, thư 56,10,1).

**1029** 956 668.

Trong vinh quang Thiên Đàng, các thánh vẫn tiếp tục hân hoan thi hành thánh ý Thiên Chúa đối với những người khác và toàn thể các thụ tạo. Và các ngài đã bắt đầu hiển trị với Đức Ki-tô, cùng với Người, các Ngài "hiển trị đời đời" (Kh 22, 5) (x. Mt 25,21.23).

### **III. LUYỆN NGỤC : CUỘC THANH LUYỆN CUỐI CÙNG**

**1030.**

Những người chết trong ân nghĩa Chúa, nhưng chưa được thanh luyện hoàn toàn, mặc dù chắc chắn được cứu độ đời đời, còn phải chịu thanh luyện sau khi chết, để đạt được sự thánh thiện cần thiết để vào hưởng phúc Thiên Đàng.

**1031** 954,1472.

Hội Thánh gọi việc thanh luyện cuối cùng của những người được chọn là luyện ngục. Điều này khác hẳn với hình phạt đời đời của kẻ bị chúc dữ: Hội Thánh công bố giáo lý về luyện ngục cách riêng trong các công đồng Flôrence (x. DS 1304) và Trentô (x. DS 1820; 1580). Dựa vào một số đoạn Kinh Thánh (x. 1Cr 3,15; 1Pr 1,7), Hội Thánh nói về lửa thanh luyện.

"Đối với một số tội nhẹ, phải tin là trước phán xét chung có lửa thanh luyện. Chúa Giê-su xác nhận : nếu ai nói phạm đến Chúa Thánh Thần người ấy sẽ chẳng được tha cả đời này lẫn đời sau (Mt 12,31). Qua khẳng định này, chúng ta có thể hiểu là một số tội có thể được tha ở đời này, nhưng một số tội khác thì phải đợi tới đời sau" (x. T.Ghê-gô-ri-ô cả, đối thoại 4,39).

**1032 958 1371 1479.**

Lời dạy này cũng căn cứ trên tập quán cầu nguyện cho những người quá cố mà Kinh thánh đã nói: vì thế ông Giu-đa Ma-ca-bê-ô "xin dâng lễ đền tội cho những người chết, để họ được giải thoát khỏi tội lỗi" (2 Mcb 12,46). Ngay từ đầu, Hội Thánh vẫn kính nhớ người quá cố và cầu nguyện cho họ, đặc biệt trong thánh lễ (x. DS 856) để một khi được thanh luyện họ có thể hưởng nhan Thánh Chúa. Hội Thánh khuyên chúng ta bố thí, làm việc hãm mình và nhường các ân xá cho những người đã qua đời.

"Chúng ta hãy giúp họ và hãy nhớ đến họ. Nếu các con của ông Gióp đã được thanh luyện nhờ việc hiến lễ của cha (G 1,5), tại sao chúng ta còn nghi ngờ là những lễ tế của chúng dâng lên Thiên Chúa, để cầu cho người quá cố, lại không đem đến cho họ một phần an ủi nào? Đừng do dự giúp đỡ và cầu nguyện cho những người đã qua đời"(x. T.Gio-an Kim Khẩu, Bài Giảng về 1Cr 41,5).

#### **IV. HỎA NGỤC**

**1033 1861 393 633.**

Chúng ta không thể kết hiệp với Thiên Chúa, nếu không tự nguyện yêu mến Người. Nhưng chúng ta không thể yêu mến Người, nếu chúng ta phạm tội trọng phản nghịch Người, ngược lại lợi ích của người khác và chính mình : "Kẻ không yêu thương thì còn ở trong sự chết. Phạm ai ghét anh em mình thì là kẻ sát nhân. Và anh em biết : không một kẻ sát nhân nào có sự sống đời đời ở trong nó" (1Ga 3,15). Chúa Giê-su cảnh cáo : chúng ta sẽ bị tách xa Người, nếu chúng ta bỏ qua không đáp ứng những nhu cầu khẩn thiết của người nghèo và những người bé mọn là anh em của Người (x. Mt 10,28). Chết mà còn mang tội trọng, không hối cải, không

đón nhận tình yêu nhân hậu của Chúa có nghĩa là phải xa cách Người đòi đời, vì chính chúng ta đã tự do lựa chọn. "Hỏa ngục" chính là tình trạng con người dứt khoát tự loại trừ khỏi sự hiệp thông với Thiên Chúa và chư thánh.

#### **1034.**

Chúa Giê-su thường nói về "hỏa ngục", về "lửa không hề tắt" (x.Mt 5,22.29;13,42.50; Mc 9,43-48), dành cho những ai đến chết vẫn không tin và không chịu hoán cải. Họ sẽ mất cả hồn lẫn xác trong hỏa ngục (x.Mt 10,28). Chúa Giê-su đã nghiêm khắc cảnh cáo: "Con Người sẽ sai sứ thần của mình tập trung mọi kẻ gian ác... mà quăng chúng vào lò lửa"(Mt 13,41-42). Người tuyên án : "Quân bị nguyên rủa kia hãy đi khuất mắt Ta mà vào lửa đời đời" (Mt 25, 41).

1035 393

Hội Thánh dạy rằng có hỏa ngục và án phạt đời đời. Ngay sau khi chết, linh hồn kẻ còn mắc tội trọng sẽ xuống hỏa ngục chịu cực hình "lửa đời đời" (x.DS 76; 409; 411; 801; 858; 1002; 1351; 1575; SPF 12). Vì chỉ nơi Thiên Chúa, con người mới tìm được sự sống và hạnh phúc hằng khao khát, nên cực hình chính của hỏa ngục là đời đời bị tách khỏi Thiên Chúa.

#### **1036 1734 1428.**

Những điều Kinh Thánh xác quyết và Hội Thánh dạy về hỏa ngục là *lời mời gọi con người phải có trách nhiệm sử dụng tự do để đạt tới hạnh phúc đời đời; đồng thời thúc giục chúng ta ăn năn hối cải* : "Hãy qua cửa hẹp mà vào, vì cửa rộng và đường rộng thì đưa tới diệt vong, mà nhiều người lại đi qua đó; còn cửa hẹp và đường hẹp thì đưa đến sự sống, nhưng ít người tìm được lối ấy" (Mt 7,13-14) :

"Vì không biết ngày và giờ, chúng ta phải theo lời Chúa dạy, luôn tỉnh thức, để khi cuộc đời độc nhất của chúng ta ở trần gian chấm dứt, chúng ta xứng đáng vào dự tiệc cưới với Người và được liệt vào số người được chúc phúc (x.Mt 25,31-46), chứ không như những tôi tớ khốn nạn và lười biếng (x.Mt 25,26) sẽ bị đẩy vào lửa đời đời (x.Mt 25,41), vào chốn tối tăm, nơi khóc lóc và nghiến răng" (LG 48).

### **1037 162 1014-1821.**

Thiên Chúa không tiền định cho ai xuống hỏa ngục (x.DS 397; 1567). Ai tự ý lìa bỏ Thiên Chúa bằng một tội trọng và chai lì đến cùng, sẽ phải xuống hỏa ngục. Trong phụng vụ Thánh Thể và trong kinh nguyện hằng ngày của tín hữu, Hội Thánh khẩn cầu Thiên Chúa từ bi, Đấng "không muốn cho ai phải diệt vong, nhưng muốn cho mọi người ăn năn hối cải" (2 Pr 3,9) :

"Đây là lễ vật của chúng con là tội tớ Cha và cũng là lễ vật của toàn thể gia đình Cha nữa, cúi xin Cha vui lòng chấp nhận. Xin an bài cho chúng con ở đời này được hưởng bình an của Cha. Xin cứu chúng con khỏi án phạt đời đời và thâu nhận chúng con vào số những người được Cha tuyển chọn" (Sách lễ Rô-ma, lễ qui Rô-ma 88).

678-679

## **V. PHÁN XÉT CHUNG**

### **1038 1001,998.**

Phán xét chung sẽ diễn ra ngay sau khi mọi người đã chết được sống lại, "người công chính cũng như kẻ có tội" (Cv 24,15) sống lại. Đó sẽ là "giờ các kẻ ở trong mồ sẽ nghe tiếng Người Con và sẽ ra khỏi đó : ai đã làm điều lành thì sẽ

sống lại để được sống, ai đã làm điều dữ thì sẽ sống lại để bị kết án" (Ga 5,28-29). Khi Con Người "vinh hiển quang lâm, có toàn thể thiên sứ theo hầu... Các dân thiên hạ sẽ tập hợp trước mặt Người, và Người sẽ tách biệt họ như mục tử tách biệt chiên với dê. Chiên thì đặt bên phải, dê thì đặt bên trái... Thế là bọn này sẽ phải ra đi vào chốn cực hình muôn kiếp, còn những người công chính sẽ được lên hưởng phúc trường sinh" (x. Mt 25,31.32.46).

### **1039 678.**

Khi đối diện với Đức Ki-tô Đáng là Chân Lý, quan hệ của từng người với Thiên Chúa sẽ được phơi bày rõ ràng (x.Ga 12,49). Phán xét chung sẽ cho thấy rõ những việc lành mỗi người đã làm hoặc đã bỏ qua khi còn sống ở trần gian, cả đến những hậu quả sâu xa của chúng :

"Những việc xấu kẻ dữ đã làm đều bị ghi nhận, dù họ không hay biết. Ngày đó "Thiên Chúa sẽ không còn làm thịnh nữa" (Tv 50,3) ... Người quay sang kẻ dữ và nói với họ : "Vì các ngươi, Ta đã đặt trên trần gian những người nghèo hèn yếu đuối. Ta là Đầu của họ, đang ngự trị bên hữu Cha Ta trên Trời, nhưng dưới đất các chi thể của Ta phải đói khổ. Nếu các ngươi đã cho các chi thể của Ta, thì cái các ngươi cho, đã lên đến tận trên Đầu. Khi Ta đặt những người nghèo khó dưới đất là để làm tùy phái mang những việc tốt lành của các ngươi vào kho của Ta: vì các ngươi đã không cho họ gì cả, nên các ngươi không có gì trong nhà Ta" (x.T.Âu-tinh, bài giảng 18,4,4).

### **1040 637 314.**

Phán xét chung sẽ diễn ra khi Đức Ki-tô quang lâm. Chỉ có Chúa Cha mới biết ngày giờ; chỉ một mình Người quyết định khi nào sự kiện này sẽ xảy ra. Người sẽ dùng

Chúa Con là Đức Giê-su Ki-tô đề ra phán quyết chung thẩm về toàn bộ lịch sử. Bây giờ chúng ta sẽ thông hiểu ý nghĩa tối hậu của toàn bộ công trình sáng tạo, mẫu nhiệm cứu độ và những con đường kỳ diệu Thiên Chúa Quan Phòng dẫn dắt mọi sự đến mục đích tối hậu của chúng. Phán xét chung cho ta thấy Chúa công chính sẽ chiến thắng mọi bất chính của thụ tạo và tình yêu của Người mạnh hơn sự chết (Đc 8,6).

**1041** 1432 2854.

Sứ điệp về phán xét chung mời gọi con người sám hối, trong khi Thiên Chúa còn cho "thời gian thi ân, thời gian cứu độ" (2 Cr 6,2). Sứ điệp này nhắc nhở chúng ta kính sợ Thiên Chúa, khuyến khích ta dẫn thân cho sự công chính của Nước Trời, loan báo "niềm hy vọng hồng phúc" (Tt 2,13), ngày Đức Giê-su ngự đến "để được tôn vinh giữa Dân Thánh của người và được ngưỡng mộ giữa mọi kẻ đã tin" (2 Tx 1,10).

## **VI. HY VỌNG SẼ THẤY TRỜI MỚI ĐẤT MỚI**

**1042** 769 670.

Nước Thiên Chúa sẽ viên mãn trong ngày tận thế. Sau phán xét chung, những người công chính, được vinh thăng cả hồn lẫn xác để hiển trị muôn đời với Đức Ki-tô và toàn thể vũ trụ sẽ được đổi mới :

Bây giờ, Hội Thánh "kết thúc trong vinh quang trên trời, khi toàn thể vũ trụ cùng với loài người được canh tân và đạt tới viên mãn trong Chúa Ki-tô" (LG 48).

**1043** 671 280 518.

Kinh Thánh gọi nhân loại và thế giới được canh tân cách huyền diệu này là "Trời Mới và Đất Mới" (2 Pr 3,13) (x.

Kh 21,1). Khi ấy ý định "qui tụ muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Ki-tô" (Ep 1,10) của Thiên Chúa sẽ được thành tựu.

#### **1044.**

Thiên Chúa sẽ ngự giữa loài người trong "vũ trụ mới" này ( Kh 21,5) tức là thành Giê-ru-sa-lem thiên quốc. "Người sẽ lau sạch nước mắt họ : sẽ không còn sự chết, cũng chẳng còn tang tóc, kêu than và đau khổ, vì những điều cũ đã biến mất" ( Kh 21,4) (x. Kh 21,27).

#### **1045 775 1404.**

*Về phần con người*, đó là lúc nhân loại hoàn toàn hiệp nhất như Thiên Chúa đã định từ tạo thiên lập địa, mà Hội Thánh lữ hành là "bí tích", sẽ được thực hiện trong cuộc viên mãn này (x. LG 1). Những kẻ được kết hợp với Đức Ki-tô tạo thành cộng đoàn những người được cứu chuộc, Thành Thánh của Thiên Chúa (Kh 21,2), "Hiền Thê của Con Chiên" (Kh 21,9). Cộng đoàn này sẽ không còn mang thương tích của tội lỗi như bản (x. Kh 21,27), ích kỷ từng hủy diệt hoặc gây tổn thương cho cộng đồng nhân loại dưới thế. Việc hưởng nhan thánh Chúa sẽ là nguồn hạnh phúc, bình an và hiệp thông bất tận cho những người được tuyển chọn, vì Thiên Chúa tự ban trọn vẹn cho họ.

#### **1046**

*Về phần vũ trụ*, Mặc Khải xác nhận nhân loại và thế giới vật chất có chung một vận mệnh :

349.

"Muôn loài thụ tạo những ngong ngóng đợi chờ ngày Thiên Chúa mặc khải vinh quang của con cái Người ... hy vọng có ngày mình cũng sẽ được giải thoát, không phải lệ thuộc vào cảnh hư nát, ... Thật vậy,

chúng ta biết rằng : cho đến bây giờ, muôn loài thụ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở. Không phải muôn loài mà thôi, cả chúng ta cũng rên siết trong lòng : chúng ta đã lãnh nhận Thánh Thần như ân huệ mở đầu, nhưng còn trông đợi Thiên Chúa cứu chuộc thân xác chúng ta" (Rm 8,19-23).

**1047.**

Thiên Chúa đã tiền định vũ trụ hữu hình cũng phải biến đổi "để cho thế giới khôi phục lại tình trạng ban đầu, không gây bất kỳ trở ngại nào để phục vụ người công chính", và vũ trụ này cùng được vinh quang với họ trong Đức Giê-su Phục Sinh (T. I-rê-nê, chống lạc giáo 5,32,1).

**1048 673.**

*"Chúng ta không biết được thời gian hoàn tất của trái đất và nhân loại, chúng ta cũng chẳng biết cách thức biến đổi của vũ trụ. Chắc chắn hình ảnh của một thế giới lệch lạc vì tội lỗi sẽ qua đi, nhưng chúng ta được biết Thiên Chúa đã dọn sẵn một chỗ ở mới và một đất mới, nơi công bằng ngự trị. Hạnh phúc nơi ấy sẽ thỏa mãn và vượt quá mọi ước vọng an bình trào dâng trong lòng con người"* (GS 39,1).

**1049 2820.**

"Sự trông đợi đất mới không được làm suy giảm, trái lại phải kích thích nỗ lực phát triển trái đất này, nơi mà thân thể gia đình nhân loại mới đang tăng trưởng và tiên báo một vài hình ảnh của thời đại mới. Bởi vậy, tuy phải phân biệt rõ rệt những tiến bộ trần thế với sự mở rộng Vương Triều Chúa Ki-tô, nhưng những tiến bộ này trở thành quan trọng đối với Nước Thiên Chúa tùy theo mức độ chúng có thể góp phần vào việc tổ chức xã hội loài người cho tốt đẹp hơn" (GS 39,2).

**1050** 1709 260.

"Bởi vì tất cả những thành quả tuyệt hảo của bản chất và tài năng chúng ta, mà chúng ta đã tạo nên khắp địa cầu theo mệnh lệnh của Chúa và trong Thánh Thần Người, chúng ta sẽ nhận chúng lại sau này nhưng chúng đã được thanh luyện khỏi mọi tì ố, được chiếu sáng và biến đổi, khi Chúa Ki-tô trao lại Chúa Cha vương quốc vĩnh cửu và đại đồng" (x. GS 39,3; LG 2). Trong *cuộc sống vĩnh cửu*, Thiên Chúa "có toàn quyền trên muôn loài" (1Cr 15,28) :

Chúa Cha là sự sống đích thực và trường tồn. Qua Chúa Con và trong Thánh Thần, Người đã ban những hồng ân thiên quốc cho vạn vật. Do lòng nhân từ, Người cũng hứa ban không sai chạy cho chúng ta đời sống vĩnh cửu (x. T. Si-ren-lô thành Giêrusalem, minh họa giáo lý 18,29).

## **TÓM LƯỢC**

**1051.** *Ngay sau khi qua đời, mỗi người nhận lãnh phần thưởng phạt đời đời, trong một phán xét riêng do Đức Ki-tô, Đáng phán xét kẻ sống và kẻ chết.*

**1052.** *"Chúng tôi tin là linh hồn của tất cả những ai đã chết trong ơn nghĩa của Đức Ki-tô ... đều thuộc về Dân Thiên Chúa. Cái chết sẽ hoàn toàn bị đánh bại, trong ngày Phục Sinh, ngày linh hồn tái hợp với thân xác "(SPF 28).*

**1053.** *"Chúng tôi tin rằng đông đảo các linh hồn tụ tập chung quanh Chúa Giê-su và Mẹ Ma-ri-a trên thiên đàng, hợp thành Hội Thánh trên trời. Ở đó trong hạnh phúc đời đời, họ được diện kiến Thiên Chúa. Ở đó theo cấp độ khác nhau, họ được nhập đoàn các thiên thần, cùng hiến trị với Đức Ki-tô trong vinh quang, nâng đỡ sự yếu hèn của chúng*

ta và chuyển cầu cho chúng ta trong tình huynh đệ" (SPF 29).

**1054.** *Những ai chết trong ơn nghĩa Chúa, nhưng chưa được thanh luyện hoàn toàn, mặc dù đã chắc chắn được ơn cứu độ muôn đời, còn phải chịu thanh luyện sau khi chết, để đạt được sự thánh thiện cần thiết trước khi vào hưởng niềm vui của Thiên Chúa.*

**1055.** *Do mẫu nhiệm "Các Thánh Hiệp Thông", Hội Thánh phó thác người quá cố cho Thiên Chúa từ bi và cầu nguyện cho họ, đặc biệt trong Thánh Lễ.*

**1056.** *Theo gương Đức Ki-tô, Hội Thánh luôn nhắc nhở tín hữu về "thực tế u buồn và bi thảm của cái chết đời đời" (x. DCG 69) còn gọi là "hỏa ngục".*

**1057.** *Hình phạt chính của hỏa ngục là đời đời bị tách khỏi Thiên Chúa; vì chỉ nơi Thiên Chúa con người mới tìm được sự sống và hạnh phúc, là cùng đích và khát vọng của mình.*

**1058.** *Hội Thánh cầu nguyện để không ai bị hư mất : "Lạy Chúa, xin đừng bao giờ để con lìa xa Chúa". Thực ra không ai có thể tự cứu lấy mình được, nhưng "Thiên Chúa muốn mọi người được cứu độ" (1 Tm 2,4) và đối với Người "mọi sự đều có thể được" (Mt 19,26).*

**1059.** *"Hội Thánh Rô-ma tin và tuyên xưng vững vàng rằng, đến ngày phán xét chung, tất cả mọi người sẽ trình diện với chính thân xác mình trước tòa Đức Ki-tô, để trả lẽ về những hành vi của mình" (DS 859; x.DS 1549).*

**1060.** *Nước Thiên Chúa sẽ viên mãn trong ngày tận thế. Sau phán xét chung, những người công chính được vinh*

*thăng cả hồn lẫn xác để hiển trị muôn đời với Đức Ki-tô, và toàn thể vũ trụ sẽ được đổi mới. Trong cuộc sống vĩnh cửu, Thiên Chúa có "toàn quyền trên muôn loài" (1 Cr 15,28).*

## "A-MEN"

### **1061 2856.**

Kinh Tin Kính, cũng như quyển cuối cùng của Thánh Kinh (x.Kh 22,21), kết thúc với từ Híp-ri "A-men". Chúng ta thường gặp từ này ở cuối các kinh nguyện của Tân Ước. Hội Thánh cũng chấm dứt các kinh nguyện của mình bằng "A-men".

### **1062 214.**

Trong tiếng Hipri, từ A-men có cùng gốc với từ "tin", biểu thị sự vững bền, sự tin cậy được, sự trung tín. Vì thế, từ "A-men" có thể nói về sự trung tín của Thiên Chúa đối với chúng ta và sự tin cậy của chúng ta đối với Người.

### **1063 215 156.**

Trong sách ngôn sứ I-sai-a, chúng ta thấy có thuật ngữ "Thiên Chúa chân lý," dịch sát chữ là "Thiên Chúa của A-men", nghĩa là Thiên Chúa trung tín với lời hứa : "Trên trần gian, ai muốn được chúc phúc, thì cũng muốn được Thiên Chúa của A-men chúc phúc" ( Is 65,16). Chúa Giê-su thường dùng từ "A-men" (x.Mt 6,2.5.16), đôi khi lặp lại thành hai lần để nhấn mạnh (x.Ga 5,19) điều Người dạy là đáng tin, thẩm quyền của Người dựa trên sự chân thật của Thiên Chúa.

### **1064 179,2101.**

Từ "A-men" ở cuối kinh Tin Kính lặp lại và xác nhận hai chữ đầu : "Tôi tin". Tin là thừa "A-men" đối với lời Chúa, lời hứa, giới răn của Thiên Chúa, cũng là phó thác trọn vẹn vào Đấng là "A-men" của tình yêu vô tận và của sự trung tín tuyệt hảo. Như thế, đời sống hằng ngày của Ki-tô hữu là tiếng thừa "A-men" cho câu tuyên xưng "Tôi tin" khi nhận bí tích Thánh Thể :

Con phải coi kinh Tin kính là gương soi. Hãy ngắm nhìn con trong đó: để xem con có thực sự tin tất cả những gì con tuyên xưng không. Hằng ngày hãy vui mừng vì con đã tin (x. T.Âu-tinh bài giảng 58,11,13).

### **1065.**

Chính Chúa Giê-su Ki-tô là "A-men" (Kh 3,14). Người là "A-men" chung cuộc của tình yêu Chúa Cha đối với chúng ta; Người thay chúng ta và cùng chúng ta thừa "A-men" với Chúa Cha : "Quả thật, Chúa Ki-tô là "A-men" của mọi lời Thiên Chúa hứa. Vì thế cũng nhờ Người mà chúng ta hô lên "A-men" để tôn vinh Thiên Chúa (2 Cr 1, 20) :

Chính nhờ Đức Ki-tô,  
cùng với Đức Ki-tô  
và trong Đức Ki-tô  
hiệp nhất với Chúa Thánh Thần,  
mọi vinh quang và danh dự đều thuộc về Cha  
là Thiên Chúa toàn năng đến muôn thuở muôn đời.

**A-MEN.**

## Phần Thứ hai

# CỬ HÀNH MẦU NHIỆM KITÔ GIÁO

### Tại sao có Phụng Vụ ?

#### **1066** 50 236.

Trong kinh Tin Kính, Hội Thánh tuyên xưng mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi và ý định nhân từ của Người (Ep 1,9) về công trình sáng tạo : Chúa Cha hoàn tất "mầu nhiệm của Thánh Ý" bằng cách trao ban Con Một Yêu Dấu và Thánh Thần để cứu độ nhân loại và tôn vinh Thánh Danh. Đó chính là mầu nhiệm Chúa Ki-tô (x. Ep 3,4) được mặc khải và thực hiện trong lịch sử, theo một chương trình, một sự xếp đặt khôn ngoan mà thánh Phao-lô gọi là "mầu nhiệm Thiên Chúa đã an bài" (Ep 3,9) và truyền thống các giáo phụ gọi là "nhiệm cục của Ngôi Lời Nhập Thể" hay "nhiệm cục cứu độ".

#### **1067** 571.

"Công trình cứu chuộc nhân loại và tôn vinh Thiên Chúa cách trọn hảo này đã được tiên báo trong Cựu Ước, qua những kỳ công vĩ đại của Chúa; nay được Chúa Ki-tô hoàn tất nhờ mầu nhiệm Vượt Qua của cuộc khổ nạn hồng phúc, sống lại từ cõi chết và lên Trời vinh hiển của Người; nhờ đó, "Người đã chết để tiêu diệt sự chết cho chúng ta và sống lại để tái lập sự sống". (x. SC 5). Vì vậy, trong Phụng Vụ, điều chính yếu Hội Thánh cử hành là mầu nhiệm Vượt Qua, mầu nhiệm Đức Ki-tô hoàn tất công trình cứu độ chúng ta.

### 1068.

Trong Phụng Vụ, Hội Thánh loan truyền và cử hành mầu nhiệm Chúa Ki-tô, để các tín hữu sống và làm chứng mầu nhiệm này trên toàn thế giới :

"Nhờ Phụng Vụ, nhất là trong Thánh Lễ, "công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện". Phụng Vụ góp phần rất nhiều để giúp các tín hữu, qua cuộc sống mình, diễn tả và biểu lộ cho người khác mầu nhiệm Chúa Ki-tô và bản tính đích thực của Hội Thánh chân chính"(x. SC 2).

### Danh từ Phụng Vụ có nghĩa gì ?

### 1069.

Danh từ "Phụng Vụ", theo nguồn gốc, có nghĩa là "việc công khai", "việc do dân và vì dân". Theo truyền thống Ki-tô giáo, danh từ này muốn nói : "Dân Thiên Chúa tham dự vào công trình của Thiên Chúa"(x. Ga 17,4). Qua Phụng Vụ, Đức Ki-tô, Đấng Cứu Chuộc và Thượng Tế, tiếp tục công trình cứu chuộc trong Hội Thánh, với Hội Thánh và qua Hội Thánh.

### 1070 783.

Tân Ước sử dụng từ "Phụng Vụ" không những để chỉ nghi lễ phụng thờ Thiên Chúa (x. Cv 13,2; Lc 1,23), mà còn nói lên việc rao giảng Tin Mừng(x. Rm 15,16; Pl 2,14-17.30) và việc thực thi đức ái. Trong mọi trường hợp, Phụng Vụ nhắm đến hai mục tiêu rõ ràng : phục vụ Thiên Chúa và con người. Trong cử hành Phụng Vụ, Hội Thánh là nữ tỳ tham dự vào chức vụ tư tế, ngôn sứ và vương giả, theo gương Chúa của mình là "vị lo việc tế tự"(x. Dt 8,2 và 6) duy nhất :

"Vì thế, Phụng Vụ đáng được xem là việc thực thi chức vụ tư tế của chính Chúa Giê-su Ki-tô; trong đó, công cuộc thánh hóa con người được biểu tượng nhờ những dấu chỉ khả giác và được thể hiện hữu hiệu cách khác nhau theo từng dấu chỉ, và trong đó việc phụng tự công cộng vẹn toàn được thực thi nhờ Nhiệm Thể Chúa Ki-tô, nghĩa là gồm cả Đầu cùng các chi thể của Người. Do đó, vì là công việc của Chúa Ki-tô tư tế và Thân Thể của Người là Hội Thánh nên mọi cử hành Phụng Vụ đều là hành vi chí thánh, và không có một hành vi nào khác của Hội Thánh có hiệu lực bằng, xét cả về danh hiệu lẫn đẳng cấp (SC 7).

### **Phụng Vụ như nguồn mạch của Sự Sống**

#### **1071 1692.**

Phụng Vụ là công trình của Đức Ki-tô, nhưng cũng là hành động của Hội Thánh Người, thực hiện và biểu lộ Hội Thánh như dấu chỉ hữu hình về sự hiệp thông giữa Thiên Chúa với con người nhờ Đức Ki-tô. Phụng Vụ dẫn đưa các tín hữu vào Sự Sống mới trong cộng đoàn. Phụng Vụ đòi hỏi họ tham dự "một cách ý thức, linh động và hữu hiệu" tất cả nghi lễ (SC 11).

#### **1072.**

"Phụng Vụ chưa phải là tất cả hoạt động của Hội Thánh"(x. SC 9). Trước khi tham dự Phụng Vụ, con người cần được rao giảng Tin Mừng, cần có đức tin và hoán cải. Lúc đó, nhờ Phụng Vụ họ mới nhận được những hoa quả tốt đẹp trong đời sống tín hữu : sự sống mới trong Chúa Thánh Thần, dẫn thân vào sứ mạng của Hội Thánh và phục vụ cho sự hiệp nhất Hội Thánh.

## **Kinh nguyện và Phụng Vụ**

**1073 2558.**

Phụng Vụ còn là tham dự vào kinh nguyện của Chúa Ki-tô dâng lên Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần. Mọi kinh nguyện Ki-tô giáo đều bắt nguồn nơi Phụng Vụ và kết thúc với Phụng Vụ. Nhờ Phụng Vụ, con người nội tâm được bén rễ sâu và được xây dựng(x. Ep 3,16-17), trong "tình yêu lớn lao Chúa Cha dành cho chúng ta" (Ep 2,4) trong Con Yêu Dấu của Người. Đó chính là "kỳ công Thiên Chúa" thực hiện trong Chúa Thánh Thần (x. Ep 6,18) nơi tâm hồn các tín hữu qua kinh nguyện "ở mọi thời đại".

## **Huấn giáo và Phụng Vụ**

**1074.**

"Mọi hoạt động của Hội Thánh đều hướng tới tột đỉnh là Phụng Vụ; đồng thời, mọi năng lực của Hội Thánh đều phát xuất từ Phụng Vụ(x. SC 10). Do đó, Phụng Vụ là nguồn đặc biệt của Huấn giáo. "Huấn giáo phải liên kết chặt chẽ với mọi hoạt động Phụng Vụ và Bí Tích. Chính trong các bí tích, nhất là trong thánh lễ, Đức Giê-su Ki-tô hoạt động cách trọn vẹn nhất để biến đổi con người " (J.P II, CT. 23).

**1075 426 774.**

Huấn giáo dựa theo Phụng Vụ nhằm đưa con người vào mầu nhiệm Chúa Ki-tô (tức là giáo huấn khai tâm Ki-tô giáo), dẫn từ hữu hình tới vô hình, từ dấu chỉ tới thực tại, từ các bí tích tới các mầu nhiệm. Các sách giáo lý của địa phương và của miền phải hướng tới một huấn giáo như thế. Nhằm phục vụ toàn Hội Thánh, dù có những nghi thức và văn hóa khác biệt (x. SC 3-4), phần hai của quyền Giáo Lý này trình bày những điều chính yếu và chung cho toàn thể

Hội Thánh liên quan đến Phụng Vụ : màu nhiệm và cử hành (đoạn 1); các bí tích và á bí tích (đoạn 2).

## ĐOẠN THỨ NHẤT

### KẾ HOẠCH BÍ TÍCH

**1076 739.**

Trong ngày lễ Hiện Xuống, Hội Thánh được Thiên Chúa ban tràn đầy Thánh Thần và giới thiệu cho thế giới (x.SC 6;LG 2). Hồng ân Thánh Thần khai mở một thời đại mới trong chương trình cứu độ : thời đại của Hội Thánh; thời Chúa Ki-tô biểu lộ, làm cho hiện diện và thông ban ơn cứu chuộc qua Phụng vụ của Hội Thánh "cho tới khi Người lại đến" (1Cr 11,26). Chúa Ki-tô sống và hoạt động một cách mới mẻ và đặc thù trong Hội Thánh và với Hội Thánh. Người hoạt động qua các bí tích. Truyền thống chung của Hội Thánh, Đông Phương cũng như Tây Phương, gọi đó là "nhiệm vụ bí tích": Thiên Chúa ban phát hiệu quả màu nhiệm Vượt Qua của Chúa Ki-tô trong cử hành phụng vụ bí tích của Hội Thánh.

Trước hết, cần giải thích rõ ràng việc ban phát các bí tích (*chương 1*); nhờ đó, chúng ta sẽ thấy rõ hơn bản chất và những khía cạnh cốt yếu của việc cử hành Phụng vụ (*chương 2*).

## CHƯƠNG MỘT

# MÀU NHIỆM VƯỢT QUA TRONG THỜI GIAN CỦA HỘI THÁNH

### Mục 1

## PHỤNG VỤ, CÔNG CUỘC CỦA BA NGÔI

### I. CHÚA CHA, NGUỒN MẠCH VÀ CÙNG ĐÍCH CỦA PHỤNG VỤ

**1077 492.**

"Chúc tụng Thiên Chúa là Thân Phụ Đức Giêsu Ki-tô, Chúa chúng ta. Trong Đức Ki-tô, từ cõi trời, Người đã thi ân giáng phúc cho ta hưởng muôn vàn ơn phúc của Thánh Thần. Trong Đức Ki-tô, Người đã chọn ta trước cả khi tạo thành vũ trụ, để trước thánh nhan Người, ta trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của Người. Theo ý muốn và lòng nhân ái của Người, Người đã tiên định cho ta làm nghĩa tử nhờ Đức Giê-su Ki-tô, để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng ngời, ân sủng Người ban tặng cho ta trong Thánh Tử yêu dấu" (Ep 1,3-6).

**1078 2626.**

Thuật ngữ "*benedictio*" trong tiếng La tinh và "*eulogia*" trong tiếng Hy Lạp có hai nghĩa : Thiên Chúa chúc lành cho thụ tạo và con người chúc tụng Thiên Chúa. Chúc lành là hành vi Thiên Chúa ban sự sống cho con người, vì Chúa Cha là nguồn sự sống. Chúc lành của Thiên Chúa vừa là lời vừa là hồng ân. Chúc tụng là hành vi con người thờ phượng và tạ ơn Đấng Sáng Tạo.

**1079.**

Từ khai thiên lập địa cho đến tận thế, tất cả công trình của Chúa đều là "chúc lành". Từ bài thơ phụng vụ tường thuật cuộc sáng tạo, đến những bài ca về thành Giê-ru-sa-lem thiên quốc, các tác giả Sách Thánh đều loan báo ý định cứu độ như một chúc lành triền miên của Thiên Chúa.

**1080.**

Từ khởi thủy, Thiên Chúa đã chúc lành cho các sinh vật, cách riêng là loài người, cả nam và nữ. Giao ước với ông Nô-ê vát tất cả chúng sinh tái lập lời chúc lành : hãy sinh sản cho đầy mặt đất, dù tội lỗi của loài người đã làm cho mặt đất bị "chúc dữ". Kể từ ông Áp-ra-ham, Thiên Chúa chúc lành cho lịch sử loài người, bằng cách can thiệp để đưa lịch sử đang hướng về cõi chết nay vươn lên nguồn sống là Thiên Chúa. Lịch sử cứu độ khởi đầu khi ông Áp-ra-ham, tổ phụ những kẻ tin, đón nhận lời chúc lành của Thiên Chúa.

**1081.**

Chúc lành của Thiên Chúa được biểu lộ qua các biến cố kỳ diệu và cứu độ : I-xa-ác sinh ra, Ít-ra-en ra khỏi Ai Cập (Vượt Qua và Xuất Hành), ban Đất Hứa, tuyển chọn Đa-vít, Thiên Chúa hiện diện nơi Đền Thờ, cuộc Lưu Đày để thanh luyện và "số sót" Ít-ra-en hồi hương. Các sách Luật, Ngôn Sứ và Thánh Vịnh là những yếu tố làm nên Phụng Vụ của Dân Tuyển Chọn, vừa nhắc lại những lời chúc lành của Thiên Chúa vừa đáp trả bằng những lời chúc tụng, ngợi khen và tạ ơn của Dân Chúa.

**1082.**

Trong Phụng Vụ của Hội Thánh, chúng ta thấy và nhận được trọn vẹn chúc lành của Thiên Chúa : Chúa Cha được nhận biết và thờ phượng như nguồn mạch và cùng đích của mọi chúc lành khi Người sáng tạo và cứu độ; Người đã

tuôn tràn phúc lành cho chúng ta trong Đức Ki-tô, Ngôi Lời Nhập Thể, Đấng đã chết và sống lại; nhờ Ngôi Lời, Chúa Cha ban cho tâm hồn chúng ta Thánh Thần là Hồng Ân bao hàm mọi hồng ân.

### **1083 2627 1360.**

Nhờ đó, chúng ta hiểu đượchai chiều kích của Phụng Vụ Ki-tô giáo vốn là lời đáp trả tin yêu của Hội Thánh đối với những lời "chúc lành thiêng liêng" của Chúa Cha. Một mặt, được kết hiệp với Chúa Ki-tô và "dưới tác động của Chúa Thánh Thần" (Lc 10, 21), Hội Thánh chúc tụng Chúa Cha "vì phúc lộc khôn tả Người ban" (2 Cr 9, 15), qua việc thờ phượng ngợi khen và tạ ơn. Mặt khác, cho tới khi Ý Định Thiên Chúa được hoàn tất, Hội Thánh không ngừng dâng lên Chúa Cha "lễ vật là chính những hồng ân Cha ban"; và cầu xin Người ban Thánh Thần thánh hóa lễ vật, Hội Thánh, các tín hữu và toàn thể giới; nhờ kết hiệp với Đức Ki-tô - Tư Tế, Đấng đã chết và sống lại, nhờ quyền năng Thánh Thần, những chúc lành này đem lại hoa trái sự sống "để ta hằng ngợi khen ân sủng rạng ngời Người ban tặng cho ta" ( Ep 1, 6).

## **II. CÔNG CUỘC CỦA CHÚA KITÔ TRONG PHỤNG VỤ**

### **Đức Ki-tô được tôn vinh...**

#### **1084 662 1127.**

Đức Ki-tô "ngự bên hữu Chúa Cha" và ban tràn đầy Thánh Thần trên thân thể của mình là Hội Thánh. Từ nay, Người hoạt động qua các bí tích do chính Người thiết lập để thông ban ân sủng. Các bí tích là những dấu chỉ khả giác (lời nói và hành động) mà con người ngày nay vẫn có thể hiểu được. Các bí tích thực sự đem lại ân sủng mà chúng diễn tả,

nhờ hành động của Chúa Ki-tô và do quyền năng Chúa Thánh Thần.

**1085 519 1165.**

Trong Phụng Vụ của Hội Thánh, chính Đức Ki-tô diễn tả và thực hiện mầu nhiệm Vượt Qua của Người. Trong suốt cuộc đời trần thế, Đức Giê-su dùng lời giảng dạy để loan báo và dùng các hành vi để báo trước cuộc Vượt Qua. Khi giờ của Người đến (x. Ga 13,1,17,1), Đức Giê-su trải qua biến cố lịch sử vô tiền khoáng hậu và trường tồn : chết, mai táng, sống lại từ cõi chết và lên ngự bên hữu Chúa Cha đến muôn đời(x. Rm 6, 10; Dt 7, 27; 9,12). Đó là biến cố có thực, đã xảy ra trong lịch sử và là biến cố có một không hai. Thực vậy, tất cả những biến cố khác của lịch sử đều xảy ra, qua đi rồi chìm vào dĩ vãng. Ngược lại, mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Ki-tô không chỉ là biếncố trong quá khứ, vì khi chịu chết Người đã hủy diệt sự chết. Hơn nữa, bản thân Đức Ki-tô cũng như tất cả những gì Người đã làm và đã chịu vì chúng ta, đều mang tính chất vĩnh cửu củaThiên Chúa, nên vượt mọi thời gian và được hiện tại hóa trong thời gian. Biến cố Thập Giá và PhụcSinh vẫn đang tồn tại và đưa muônloài đến Sự Sống.

... Từ thời các Tông đồ...

**1086 858.**

"Như Chúa Giê-su được ChúaCha cử đi thế nào, thì chính Người cũng sai các tông đồ, đầy tràn Thánh Thần, đi như vậy. Không những để, trong khi rao giảng Tin Mừng cho mọi thụ tạo, các ngài loan báo Con ThiênChúa đã dùng cái chết và sự phục sinh của Người mà giải thoát chúng ta khỏi quyền lực Xa-tan và sự chết, dẫn đưa chúng ta vào Nước Chúa Cha, nhưng còn để các ngài thựcthi công trình cứu độ

mà các ngài loan báo, nhờ Hiến tế và các bí tích, trung tâm điểm của của toàn thể đời sống Phụng Vụ "(SC 6).

### **1087 861 1536.**

Khi ban Thánh Thần cho các tông đồ, Đức Giê-su Phục Sinh ủy thác cho các ngài quyền thánh hóa(x Ga 20,21-23): các ngài trở nên dấu chỉ bí tích của Chúa Ki-tô. Cũng do quyền năng Thánh Thần, các ngài chuyển giao quyền thánh hóa cho những người kế nhiệm. Việc kế nhiệm tông đồ định hình toàn bộ đời sống phụng vụ của Hội Thánh, việc kế nhiệm đó mang tính bí tích và được truyền lại bằng bí tích Truyền Chức.

### **... và hiện diện trong Phụng Vụ trần thế...**

### **1088 776 669 1373.**

"Để chu toàn công việc lớn lao" là ban phát hay thông truyền ơn cứu độ, Chúa Ki-tô hằng hiện diện trong Hội Thánh, nhất là trong các hoạt động Phụng Vụ. Người hiện diện trong thánh lễ, không những nơi thừa tác viên, vì "như xưa Người đã tự dâng mình trên thánh giá, thì nay chính Người cũng dâng mình nhờ thừa tác vụ của các linh mục, mà còn hiện diện thực sự dưới hình bánh rượu. Người hiện diện trong các bí tích nhờ quyền năng của Người; vì thế ai rửa tội cũng chính là Chúa Ki-tô rửa tội. Người hiện diện trong lời của Người, vì chính Người đang nói, khi người ta đọc Thánh Kinh trong Hội Thánh. Sau hết, Người hiện diện khi Hội Thánh cầu khẩn và hát thánh vịnh, như chính Người đã hứa : Ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy, thì tôi ở đấy, ở giữa họ "(Mt 18, 20)(x. SC 7).

### **1089 796.**

"Trong công cuộc vĩ đại tôn vinh Thiên Chúa cách hoàn hảo và thánh hóa mọi người, Chúa Ki-tô hằng kết hiệp

với Hội Thánh là Hiền Thê rất yêu quý của Người, và Hội Thánh kêu cầu Người như Cháu mình và nhờ Người mà phụng thờ Chúa Cha hằng hữu " (SC 7).

### **... Phụng Vụ dưới đất tham dự vào Phụng Vụ trên trời**

#### **1090 1137-1139.**

"Trong Phụng Vụ dưới đất, chúng ta tham dự và nếm trước Phụng Vụ trên trời, được cử hành trong thánh đô Giê-ru-sa-lem, mà chúng ta là lũ khách đang tiến về; ở đó, Chúa Ki-tô đang ngự bên hữu Thiên Chúa như thừa tác viên của cung thánh, của nhà tạm đích thực; Phụng Vụ dưới đất là nơi chúng ta hiệp cùng toàn thể đạo binh trên trời đồng thanh ca ngợi tôn vinh Chúa : trong khi kính nhớ các thánh, chúng ta hy vọng được thông phần và đoàn tụ với các ngài; chúng ta mong đợi Đấng Cứu Độ là Chúa Giê-su Ki-tô Chúa chúng ta, cho đến khi Người là sự sống của chúng ta sẽ xuất hiện và chúng ta sẽ cùng xuất hiện với Người trong vinh quang"(x SC 8; x LG 50).

### **III. CHÚA THÁNH THẦN VÀ HỘI THÁNH TRONG PHỤNG VỤ**

#### **1091 798.**

Trong Phụng Vụ, Chúa Thánh Thần là thầy dạy đức tin cho Dân Thiên Chúa, là Đấng thực hiện những kỳ công của Thiên Chúa, những bí tích của Giao Ước Mới. Chúa Thánh Thần mong muốn và hoạt động trong lòng Hội Thánh để chúng ta sống bằng chính sự sống của Đức Ki-tô phục sinh. Nhờ Chúa Thánh Thần thúc đẩy, chúng ta đáp lại bằng đức tin; lúc ấy, chúng ta thực sự cộng tác với Người. Chính vì thế, Phụng Vụ trở thành công việc chung của Chúa Thánh Thần và Hội Thánh.

### **1092 737.**

Khi thông ban mẫu nhiệm Chúa Ki-tô qua các bí tích, Chúa Thánh Thần cũng hành động như trong các trường hợp khác của nhiệm cụ cứu độ: Người chuẩn bị cho Hội Thánh gặp Chúa Ki-tô, gọi nhớ và biểu lộ Chúa Ki-tô cho cộng đoàn tín hữu; Người dùng quyền năng làm cho mẫu nhiệm Chúa Ki-tô hiện diện và tác động trong hiện tại; cuối cùng, Người liên kết Hội Thánh với đời sống và sứ mạng của Chúa Ki-tô.

### **Chúa Thánh Thần chuẩn bị cho Hội Thánh đón nhận Chúa Ki-tô**

### **1093 762 1081.**

Trong nhiệm cụ bí tích, Chúa Thánh Thần hoàn tất những điều đã được loan báo trong *Cựu Ước*. Vì Hội Thánh của Chúa Ki-tô đã được chuẩn bị cách kỳ diệu trong lịch sử dân Ít-ra-en và trong *Cựu Ước* (x. LG 2), Phụng Vụ của Hội Thánh gìn giữ và tiếp thu một số yếu tố của phụng tự *Cựu Ước* như một phần quan trọng không thể thay thế được.

121 -Đặc biệt là việc đọc Thánh Kinh *Cựu Ước*;

2585 -Cầu nguyện bằng Thánh Vịnh;

1081 -Nhất là tưởng nhớ các bí tích cứu độ và những thực tại đầy ý nghĩa sẽ được hoàn tất trong mẫu nhiệm Chúa Ki-tô (Lời Hứa và Giao Ước, Xuất Hành và Vượt Qua, Vương Quốc và Đền Thờ, Lưu Đây và Hôi Hương).

### **1094 128-130.**

Chúa Giê-su, các tông đồ và các giáo phụ (x. DV 14.16), đều căn cứ vào sự hòa hợp giữa hai giao ước để dạy về mẫu nhiệm Vượt Qua (x. Lc 24, 13- 49). Các ngài cho thấy mẫu nhiệm Chúa Ki-tô trước kia còn ẩn khuất dưới văn tự của *Cựu Ước*. Chúng ta gọi cách cắt nghĩa này là "tiên

trung", vì cho thấy ứng nghiệm nơi Chúa Ki-tô những hình bóng(biểu trưng) loan báo về Người qua các sự kiện, lời nói, biểu tượng trong Cựu Ước. Nhờ đã biết Chúa Ki-tô và nhờ Thánh Thần Chân Lý soi sáng, chúng ta hiểu được những điều còn là hình bóng trong Cựu Ước(x.2Cr 3,14-16). Chẳng hạn, lụt Hồng Thủy và tàu Nô-ê tiên báo ơn cứu độ nhờ bí tích Thanh Tẩy; Cột Mây và việc dân Ít-ra-en qua Biển Đỏ cũng thế; nước chảy ra từ tảng đá là hình bóng các hồng ân thiêng liêng của Chúa Ki-tô; Man-na trong hoang địa tiên báo Thánh Thể, "Bánh Thật từ Trời xuống" (Ga 6, 32) (x.1Cr 10, 1.6).

### **1095 281 117.**

Do đó, Hội Thánh đọc lại và tham dự vào tất cả những biến cố lớn của lịch sử cứu độ ở thời điểm "hôm nay" của Phụng Vụ, đặc biệt trong mùa Vọng, mùa Chay và nhất là đêm Phục Sinh. Vì thế, huấn giáo phải giúp các tín hữu hiểu được ý nghĩa "thiên liêng" của nhiệm cục cứu độ, như Phụng Vụ trình bày và giúp chúng ta sống.

### **1096 1174 1352 841.**

*Phụng vụ Do thái và Phụng Vụ Ki-tô giáo.* Chúng ta sẽ hiểu rõ hơn một số khía cạnh của Phụng Vụ Ki-tô Giáo, nếu hiểu biết nhiều hơn về đức tin và đời sống tôn giáo của dân Do Thái như họ vẫn tin và sống cho đến ngày nay. Đối với người Do Thái cũng như với Ki-tô hữu, Kinh Thánh là phần cốt yếu của Phụng Vụ để: công bố Lời Chúa, đáp lại Lời Chúa, ca ngợi Thiên Chúa và cầu nguyện cho người sống cũng như kẻ chết, kêu cầu lòng thương xót Chúa. Cấu trúc phần Phụng Vụ Lời Chúa trong thánh lễ bắt nguồn từ kinh nguyện Do Thái. Kinh nguyện theo các giờ Phụng Vụ, cũng như những bản văn và công thức Phụng Vụ khác, kể cả lời cầu nguyện trang trọng nhất là Kinh Lạy Cha, cũng tương ứng với tập quán Do Thái. Các kinh Tạ Ôn trong thánh lễ

cũng khởi hứng từ những mẫu mực của truyền thống Do Thái. Đặc biệt trong các đại lễ của Năm Phụng Vụ, như lễ Phục Sinh. Chúng ta vẫn thấy rõ những điểm giống nhau giữa Phụng Vụ Do thái và Phụng Vụ Ki-tô giáo. Người Do Thái và Ki-tô hữu cùng mừng lễ Vượt Qua; đối với người Do Thái, cuộc Vượt Qua đã xảy ra trong lịch sử nhưng vẫn hướng về tương lai cho đến ngày Đấng Mê-si-a đến; đối với Ki-tô hữu, cuộc Vượt Qua đã hoàn tất khi Đức Ki-tô chịu chết và sống lại, nhưng chúng ta vẫn chờ đợi ngày hoàn tất chung cuộc.

### **1097.**

*Trong Giao Ước Mới*, mỗi hoạt động Phụng Vụ đều là cuộc gặp gỡ giữa Chúa Ki-tô và Hội Thánh, đặc biệt việc cử hành thánh lễ và các bí tích. Cộng đoàn Phụng Vụ được hiệp nhất "nhờ ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần", Đấng tụ họp con cái Thiên Chúa thành Thân Thể Chúa Ki-tô. Cộng đoàn này vượt trên mọi liên hệ của con người, chủng tộc, văn hóa và xã hội.

### **1098 1430.**

Cộng đoàn phải được *chuẩn bị* để gặp gỡ Chúa của mình, phải là "một dân đã sẵn sàng". Chuẩn bị tâm hồn là công việc chung của Chúa Thánh Thần và của cộng đoàn, nhất là của các thừa tác viên. Chúa Thánh Thần ban ơn khơi dậy đức tin, hoán cải tâm hồn và giúp người tín hữu gắn bó với thánh ý Chúa Cha. Người tín hữu phải được chuẩn bị như thế, mới có thể đón nhận được những hoa trái của Sự Sống mới mà Phụng Vụ mang lại.

## **Chúa Thánh Thần gọi nhớ màu nhiệm Chúa Ki-tô**

### **1099 91.**

Chúa Thánh Thần và Hội Thánh cùng bày tỏ Chúa Ki-tô và công trình cứu độ của Người trong Phụng Vụ. Phụng Vụ *tưởng niệm* mầu nhiệm cứu độ, chính yếu là trong thánh lễ, và theo nghĩa loại suy cả trong các bí tích khác nữa. Chúa Ki-tô là ký ức sống động của Hội Thánh (x. Ga 14, 26).

#### **1100 1134.**

*Lời Chúa.* Trước hết, Chúa Thánh Thần làm cho Lời Chúa sống động để Cộng Đoàn Phụng Vụ hiểu được ý nghĩa của biến cố cứu độ; nhờ đó, họ đón nhận và thực thi Lời hứa trong đời sống:

"Trong việc cử hành Phụng Vụ, Kinh Thánh giữ vai trò tối quan trọng. Thực vậy, người ta trích từ Kinh Thánh những bản văn để đọc, để dẫn giải trong bài giảng, cũng như những ca vịnh để hát. Chính nhờ nguồn cảm hứng và sức hân khởi của Kinh Thánh mà xuất phát những lời kinh, lời nguyện và các bài ca phụng ca, đồng thời các cử điệu và biểu tượng trở thành có ý nghĩa " (SC 24).

#### **1101 117.**

Chính Chúa Thánh Thần giúp người đọc cũng như người nghe Sách Thánh hiểu được ý nghĩa thiêng liêng của Lời Chúa, tùy theo thái độ nội tâm của mỗi người. Qua các lời nói, cử điệu và biểu tượng làm nên cử hành Phụng Vụ, Chúa Thánh Thần đặt các tín hữu cũng như các thừa tác viên trong tương quan sống động với Chúa Ki-tô, là Lời và Hình Ảnh của Chúa Cha, để họ thể hiện trong cuộc sống ý nghĩa điều họ nghe, chiêm ngắm và cử hành trong Phụng Vụ.

#### **1102 143.**

"Chính Lời cứu độ nuôi dưỡng đức tin trong tâm hồn tín hữu; chính đức tin này khai sinh và phát triển cộng đoàn

tín hữu" (PO 4). Việc công bố Lời Chúa không dừng lại ở lời giảng dạy, nhưng mời gọi người nghe *đáp trả bằng đức tin*, nghĩa là họ phải ưng thuận và dấn thân vào giao ước giữa Thiên Chúa và Dân Người. Cũng chính Chúa Thánh Thần ban ơn đức tin, giúp đức tin lớn lên và vững mạnh trong cộng đoàn. Cộng Đoàn Phụng Vụ trước hết là sự hiệp thông trong đức tin.

### **1103 1362.**

*Tưởng niệm.* Cử hành Phụng Vụ luôn qui chiếu về những lần Thiên Chúa can thiệp trong lịch sử để cứu độ con người. "Nhiệm cục mặc khải được thực hiện bằng các hành động và lời nói liên kết mật thiết với nhau... Lời nói công bố các hành động và khai sáng mầu nhiệm chứa đựng trong đó" (DV 2). Trong Phụng Vụ Lời Chúa, Chúa Thánh Thần "gợi nhớ" cho cộng đoàn về tất cả những gì Chúa Ki-tô đã làm cho chúng ta. Việc tưởng nhớ những kỳ công của Thiên Chúa được cử hành trong phần "Tưởng Niệm" dài hay ngắn tùy theo bản chất của các hoạt động phụng vụ và truyền thống nghi thức của các Giáo Hội. Chúa Thánh Thần vừa gợi lại ký ức vừa thúc giục Hội Thánh tạ ơn và ca ngợi (*Doxologie*).

## **Chúa Thánh Thần hiện tại hóa mầu nhiệm Chúa Ki-tô**

### **1104 1085.**

Phụng Vụ Ki-tô giáo không chỉ gợi nhớ, nhưng còn làm cho những biến cố cứu độ hiện diện và tác động trong hiện tại. Mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Ki-tô được cử hành chứ không phải được lặp lại. Chúng ta lặp lại việc cử hành, và mỗi lần như thế, Chúa Thánh Thần hiện tại hóa mầu nhiệm độc nhất này.

### **1105 1153.**

"Xin ban Thánh Thần" là lời nguyện vị tư tế dâng lên Chúa Cha, để xin Người cử Thánh Thần Thánh Hóa đến làm cho lễ vật trở thành Mình và Máu Chúa Ki-tô, và làm cho các tín hữu cũng trở nên của lễ sống động dâng lên Thiên Chúa khi họ rước Mình và Máu Thánh.

**1106.**

Cùng với phần Tưởng Niệm, lời Xin Ban Thánh Thần là trọng tâm của mỗi cử hành bí tích, đặc biệt là thánh lễ :

*1375.*

Bạn hỏi : làm thế nào Bánh trở nên Mình Chúa Ki-tô và Rượu trở nên Máu Chúa Ki-tô? Tôi xin thưa : Chúa Thánh Thần đến và thực hiện điều vượt trên ngôn từ và suy nghĩ của loài người... Bạn chỉ cần biết đó là nhờ Chúa Thánh Thần, như ngày xưa Ngôi Lời tự mình và đích thân nhận lấy xác phàm nơi lòng Đức trinh Nữ nhờ Chúa Thánh Thần (Thánh Gio-an Đa mát, "Về đức tin chính thống" 4,13)

**1107 2816.**

Quyền năng của Chúa Thánh Thần trong Phụng Vụ làm cho Nước Trời mau đến và mầu nhiệm cứu độ hoàn tất. Đang khi chúng ta chờ đợi và hy vọng, Chúa Thánh Thần cho chúng ta được tiền dự vào sự hiệp thông sung mãn của Thiên Chúa BaNgôi. Nhận lời cầu xin của Hội Thánh, Chúa Cha cử Chúa Thánh Thần đến ban sự sống cho những ai đón nhận Người; và ngay từ bây giờ, Chúa Thánh Thần là "bảo chứng" gia nghiệp đời đời dành cho họ (x. Ep 1,14; 2Cr 1,22).

**Ôn thông hiệp của Chúa Thánh Thần**

**1108** 788 1091 775.

Trong mọi hoạt động Phụng Vụ, Chúa Thánh Thần được cử đến để giúp chúng ta hiệp thông với Chúa Ki-tô nhằm hình thành Thân Thể Người. Như nhựa sống trong cây nho của Chúa Cha, Chúa Thánh Thần trở sinh hoa trái nơi các nhánh(x. Ga 15, 1-17) . Sự hợp tác thâm sâu nhất giữa Chúa Thánh Thần và Hội Thánh được thực hiện trong Phụng Vụ. Chúa Thánh Thần là Đấng ban ơn thông hiệp, luôn ở trong Hội Thánh; nhờ đó, Hội Thánh là bí tích cao cả hiệp thông con người với Thiên Chúa và tập hợp con cái Thiên Chúa tán mát khắp nơi về một mối. Hiệu quả của Chúa Thánh Thần trong Phụng Vụ gắn liền với ơn hiệp thông con người với Ba Ngôi Chí Thánh và hiệp thông huynh đệ (x. 1Ga 1,3-7).

**1109** 1368.

"Xin Ban Thánh Thần" cũng là lời nguyện xin cho cộng đoàn được hoàn toàn hiệp thông với mẫu nhiệm Chúa Ki-tô. "Ân sủng Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, tình yêu của Chúa Cha và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần" (2Cr 13,13) phải luôn ở với chúng ta và đem lại hiệu quả không chỉ giới hạn trong cuộc cử hành thánh lễ. Do đó, Hội Thánh cầu xin Chúa Cha cử Chúa Thánh Thần đến làm cho đời sống các tín hữu trở thành của lễ sống động dâng lên Thiên Chúa : nhờ được biến đổi nên giống hình ảnh Chúa Ki-tô; nhờ biết chăm lo để Hội Thánh được hiệp nhất; và nhờ tham dự và sứ mạng Chúa Ki-tô bằng việc làm chúng và thực thi đức mến.

## **TÓM LƯỢC**

**1110**

*Trong Phụng Vụ, Hội Thánh chúc tụng và tôn thờ Thiên Chúa Cha, nguồn mạch mọi phúc lành trong công*

*trình sáng tạo và cứu độ, Đáng chúc lành cho chúng ta trong Chúa Con và ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần, nhờ đó, chúng ta trở nên nghĩa tử của Người.*

**1111.**

*Trong Phụng Vụ, Chúa Ki-tô hoạt động qua các bí tích vì :*

- mẫu nhiệm cứu độ của Người được quyền năng Chúa Thánh Thần làm cho hiện diện;*
- Hội Thánh, Thân Thể Chúa Ki-tô, là bí tích (dấu chỉ và khí cụ) để Chúa Thánh Thần thông ban ơn cứu độ;*
- qua cử hành Phụng Vụ, Hội Thánh lễ hành tham dự và nếm trước Phụng Vụ trên Trời.*

**1112.**

*Trong Phụng Vụ của Hội Thánh, Chúa Thánh Thần có sứ mạng:*

- chuẩn bị cho cộng đoàn tín hữu gặp gỡ Đức Ki-tô;*
- gọi nhớ và biểu lộ Chúa Ki-tô cho cộng đoàn;*
- dùng quyền năng làm cho công trình cứu độ của Chúa Ki-tô hiện diện và tác động trong hiện tại, đồng thời làm cho ơn hiệp thông trong Hội Thánh sinh hoa kết quả.*

## **Mục 2**

### **MÀU NHIỆM VƯỢT QUA TRONG CÁC BÍ TÍCH CỦA GIÁO HỘI**

**1113 1210.**

Toàn bộ đời sống Phụng Vụ của Hội Thánh xoay quanh Hiến Tế Thánh Thể và các Bí Tích. Có bảy bí tích : Thánh Tẩy, Thêm Sức hay Xức Dầu Thánh, Thánh Thể, Hòa Giải, Xức Dầu Bệnh Nhân, Truyền Chức Thánh, Hôn Phối(x).

DS 860; 1310; 1601). Trong mục này, chúng ta bàn đến đặc tính của bảy bí tích theo quan điểm thần học. Những đặc tính chung liên quan đến việc cử hành sẽ được trình bày ở chương II, những điểm đặc thù của từng bí tích sẽ được trình bày ở đoạn II.

## I. NHỮNG BÍ TÍCH CỦA ĐỨC KI-TÔ

### **1114.**

"Dựa vào giáo lý của Kinh Thánh, các truyền thống tông đồ và sự đồng tâm nhất trí của các giáo phụ", chúng tôi tuyên tín rằng "các bí tích của Luật Mới đều do Chúa Giê-su thiết lập" (x. DS 1600-1601).

### **1115 512-560.**

Những lời Chúa nói cũng như những việc Chúa làm trong đời sống ẩn dật cũng như trong đời sống công khai, đều có giá trị cứu chuộc, tiền dự vào hiệu năng của mầu nhiệm Vượt Qua. Những lời nói và hành động này tiên báo và chuẩn bị những gì Người ban cho Hội Thánh khi mọi sự đã hoàn tất. Các mầu nhiệm trong đời sống của Đức Ki-tô là nền tảng cho những gì Người ban qua các bí tích nhờ các thừa tác viên của Hội Thánh, vì "những điều hữu hình nơi Đấng Cứu Độ được chuyển vào các mầu nhiệm"(Thánh Lê-ô Cả Bài giảng 74,2).

### **1116 1504,774.**

Các bí tích là "những kỳ công của Thiên Chúa" trong Giao Ước mới và vĩnh cửu, vì là "sức lực phát xuất" từ Thân Xác Đức Ki-tô (x.Lc 5,17; 6,19; 8,46), luôn sống động và ban phát sự sống, và là những tác động của Chúa Thánh Thần, Đấng hoạt động trong Thân Thể Chúa Ki-tô là Hội Thánh.

## II. CÁC BÍ TÍCH CỦA HỘI THÁNH

### 1117 120.

Nhờ Thánh Thần dẫn vào "chân lý vẹn toàn"(x.Ga 16,13), Hội Thánh dần dần nhận ra kho tàng quý báu đã nhận từ Đức Ki-tô và minh định việc phân phát kho tàng ấy như Hội Thánh đã làm với Quy điển Sách Thánh và tín điều, như người quản lý trung tín các mầu nhiệm của Thiên Chúa (x.Mt 13,52; 1Cr 4,1). Vì vậy, theo dòng thời gian, Hội Thánh đã nhận định trong số các cử hành phụng vụ, có bảy bí tích đúng nghĩa do Chúa Ki-tô thiết lập.

### 1118 1396.

Các bí tích "thuộc về Hội Thánh" theo hai nghĩa : do Hội Thánh và cho Hội Thánh."Do Hội Thánh" vì Hội Thánh là bí tích của Chúa Ki-tô, Đang đang hoạt động trong Hội Thánh nhờ sứ vụ của Thánh Thần. "Cho Hội Thánh" vì các bí tích xây dựng Hội Thánh (x.Thánh Âu-tinh, Thành Đô Thiên Quốc, 22,17; x.Thánh Tô-ma A-qui-nô, Tổng Luận Thần Học 3,64,2,ad 3); chúng bày tỏ và thông truyền cho con người, nhất là trong bí tích Thánh Thể, mầu nhiệm hiệp thông của Thiên Chúa Tình Thương, Thiên Chúa duy nhất trong Ba Ngôi Chí Thánh.

### 1119 792.

Kết hợp với Đức Ki-tô là Đầu "thành một chủ vị thần bí duy nhất"(Piô XII, thông điệp "Nhiệm Thể Chúa Ki-tô") , Hội Thánh cử hành các bí tích với tư cách là "cộng đoàn tư tế", có tổ chức(x. LG 11). Nhờ bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức, dân tư tế có khả năng cử hành Phụng Vụ; một số Ki-tô hữu "nhờ chức thánh, được đặt lên nhân danh Chúa Ki-tô để chặn dất Hội Thánh bằng ân sủng và Lời Thiên Chúa "(LG 11).

### **1120 1547.**

Chức linh mục thừa tác hay phẩm trật (x. LG 10) là để phục vụ *chức tư tế cộng đồng* nhờ bí tích Thánh Tẩy. Thật sự chính Chúa Ki-tô hoạt động trong các bí tích, nhờ Chúa Thánh Thần, hầu mưu ích cho Hội Thánh. Sự mạng cứu rỗi được Chúa Cha ủy thác cho Chúa Con khi Người xuống thế làm người, được Chúa Con ủy thác cho các tông đồ và các tông đồ truyền lại cho những người kế nhiệm các ngài; họ đón nhận Thánh Thần của Đức Giê-su để hành động nhân danh Người và là hiện thân của Người (x. Ga 20, 21-23; Lc 24,47; Mt 28, 18-20). Như vậy, thừa tác vụ linh mục là dây liên kết mang tính bí tích nối kết hoạt động phụng vụ với những gì các tông đồ đã nói và làm; và qua các ngài, với những gì Đức Ki-tô, là nguồn gốc và nền tảng của các bí tích, đã nói và làm.

### **1121 1272, 1304 1582.**

Ngoài việc ban ân sủng, ba bí tích Thánh Tẩy, Thêm Sức và Truyền Chức Thánh còn in vào linh hồn một "ấn tích" hay "ấn tín", nhờ đó, người tín hữu được tham dự vào chức tư tế của Đức Ki-tô và trở nên thành viên của Hội Thánh với cấp bậc và phận vụ khác nhau. Nhờ Thánh Thần, dấu ấn này làm cho người tín hữu nên đồng hình đồng dạng với Đức Ki-tô và Hội Thánh. Dấu ấn này không thể xóa đi được, luôn tồn tại trong người Ki-tô hữu như bảo chứng tích cực của ân sủng, như lời hứa và bảo đảm được Thiên Chúa che chở, và như ơn gọi được phụng thờ Thiên Chúa và phục vụ Hội Thánh. Các bí tích này chỉ được ban một lần.

## **III. CÁC BÍ TÍCH ĐỨC TIN**

### **1122 849 1236.**

Đức Ki-tô đã sai các tông đồ đi để "nhân danh Người" mà rao giảng cho muôn dân, kêu gọi họ sám hối để được ơn

tha tội" (Lc 24,47), "anh em hãy đến với muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần... để muôn dân trở nên môn đệ của Thầy" (Mt 28,19-20). Sứ vụ thanh tẩy cũng là sứ vụ bí tích được bao hàm trong sứ vụ loan báo Tin Mừng, vì bí tích đã được chuẩn bị bằng *Lời Chúa và đức tin đón nhận Lời Chúa* :

"Dân Chúa được đoàn tụ trước hết là nhờ Lời Thiên Chúa Hằng Sống... Cần phải rao giảng Lời Chúa để dẫn họ đến lãnh nhận các bí tích, vì đây là những bí tích đức tin, mà đức tin lại được phát sinh và nuôi dưỡng bằng Lời Chúa" (PO 4).

#### **1123 1154.**

"Các bí tích có mục đích thánh hóa con người, xây dựng Thân Thể Chúa Ki-tô và sau cùng thờ phượng Thiên Chúa. Tuy nhiên vì là những dấu chỉ, các bí tích còn giữ vai trò giáo huấn nữa. Không những các bí tích giả thiết phải có đức tin, mà còn dùng lời nói và sự vật để nuôi dưỡng, củng cố và diễn tả đức tin đó. Do đó, được gọi là các bí tích *đức tin* "(SC 59).

#### **1124 166 1327 78.**

Đức tin của Hội Thánh có trước đức tin của người tín hữu, người tín hữu được mời gọi cùng tin với Hội Thánh. Khi cử hành các bí tích, Hội Thánh tuyên xưng đức tin đã lãnh nhận từ các tông đồ; do đó, có ngạn ngữ: Cầu nguyện thế nào, tin thế ấy. Luật cầu nguyện là luật đức tin, Hội Thánh tin như Hội Thánh cầu nguyện. Phụng Vụ là một yếu tố cấu thành Truyền Thống thánh thiện và sống động của Hội Thánh (x. DV 8).

#### **1125 1205.**

Vì thế, các thừa tác viên hay cộng đoàn không được tùy tiện sửa đổi hay thêm bớt nghi thức bí tích nào. Ngay cả quyền tối thượng trong Hội Thánh cũng không thể tùy tiện thay đổi Phụng Vụ, mà chỉ có thể thay đổi dựa theo đức tin và tôn trọng mẫu nhiệm Phụng Vụ.

#### **1126 815.**

Ngoài ra, vì các bí tích diễn tả và phát huy sự hiệp thông đức tin trong Hội Thánh, nên "*luật cầu nguyện*" là một trong những tiêu chuẩn cốt yếu của cuộc đời thối nhằm tái lập sự hiệp nhất các Ki-tô hữu (x.UR 2 và 15).

### **IV. CÁC BÍ TÍCH CỦA ƠN CỨU ĐỘ**

#### **1127 1084 1105 696.**

Khi được cử hành đúng đắn trong đức tin, các bí tích trao ban ân sủng mà chúng biểu hiện (x. CĐ Trentô: DS1605 và 1606). Các bí tích đều *hữu hiệu* vì chính Chúa Ki-tô hoạt động : chính Người rửa tội, chính Người hành động trong các bí tích để ban ân sủng mà bí tích biểu hiện. Chúa Cha luôn nhận lời khẩn nguyện đầy tin tưởng của Hội Thánh, khi Hội Thánh bày tỏ đức tin vào quyền năng Chúa Thánh Thần trong kinh nguyện Xin Ban Thánh Thần ở mỗi bí tích. Cũng như lửa biến đổi mọi thứ nó chạm tới thành lửa, Chúa Thánh Thần cũng biến đổi những gì quy phục quyền năng Người thành Sự Sống thần linh.

#### **1128 1584.**

Vì thế, Hội Thánh khẳng định(x.CĐ Trentô: DS 1608) : các bí tích có hiệu quả "*ex opere operato*" (dịch từng chữ là: do chính sự việc được thực hiện), nghĩa là có hiệu quả nhờ công trình cứu độ của Chúa Ki-tô đã được hoàn thành một lần dứt khoát."Bí tích không thành sự do sự công chính của người trao ban hay người lãnh nhận, nhưng do quyền

năng Thiên Chúa"(x.Thánh Tô-ma A-qui-nô, Tổng Luận Thân Học 3,68,8). Khi bí tích được cử hành theo ý hướng của Hội Thánh, quyền năng của Chúa Ki-tô và Chúa Thánh Thần, hoạt động trong và qua bí tích ấy, không phụ thuộc vào sự thánh thiện của bản thân thừa tác viên . Tuy nhiên, hiệu quả của các bí tích còn tùy thuộc vào thái độ nội tâm của người lãnh nhận.

**1129** 1257,2003 460.

Hội Thánh khẳng định : để được cứu rỗi, người tín hữu cần đến các bí tích của Giao Ước Mới (x.CĐ Trentô: DS 1604) . Ân sủng bí tích là ơn Thánh Thần được Chúa Ki-tô ban cho riêng từng bí tích. Chúa Thánh Thần chữa lành và biến đổi những ai đón nhận Người, bằng cách làm cho họ nên đồng hình đồng dạng với Con Thiên Chúa. Chính Thánh Thần tạo nên hiệu quả của đời sống bí tích khi cho người tín hữu thông phần vào bản tính Thiên Chúa (x. 2 Pr 1,4), bằng cách liên kết đời sống của họ với đời sống Đức Ki-tô, Đấng Cứu Thế.

## V. CÁC BÍ TÍCH CỦA ĐỜI SỐNG VĨNH CỬU

**1130** 950.

Hội Thánh họp mừng mầu nhiệm Chúa Ki-tô "cho tới khi Người lại đến" và khi "Thiên Chúa có toàn quyền trên mọi loài"(x. 1Cr 11, 26;15, 28). Ngay từ thời các tông đồ, Phụng Vụ được Thánh Thần thôi thúc hướng đến cùng đích của mình bằng lời tha thiết khẩn nguyện trong Hội Thánh : "Xin Chúa ngự đến" ( 1Cr 16,22). Như thế, Phụng Vụ chia sẻ ước muốn của Chúa Ki-tô : "Thầy khao khát mong mọi ăn lễ Vượt Qua này với anh em...cho đến khi lễ này được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa" (Lc 22,16). Trong các bí tích của Chúa Ki-tô, Hội Thánh nhận được bảo chứng gia nghiệp của Người, đã dự phần vào đời sống vĩnh cửu, đang khi "chờ

đợi ngày hồng phúc, ngày Đức Giê-su là Thiên Chúa vĩ đại và là Đấng cứu độ chúng ta, xuất hiện vinh quang" (Tt 2, 13). "Thần Khí và Tân Nương cùng nói : xin Ngài ngự đến... xin Ngài ngự đến, lạy Chúa Giê-su" (Kh 22, 17. 20).

Thánh Tô-ma tóm lược các chiều kích của bí tích như sau : "Bí tích là dấu chỉ gợi nhớ những gì đã xảy ra, tức là cuộc khổ nạn của Chúa Ki-tô; là dấu chỉ cho thấy những gì cuộc khổ nạn này gây tác động trên chúng ta, tức là ân sủng; là dấu chỉ tiên báo Vinh Quang sẽ đến" (Tổng luận Thần học 3, 60,3).

## **TÓM LƯỢC**

### **1131.**

*Các bí tích là những dấu chỉ hữu hiệu của ân sủng do Chúa Ki-tô thiết lập và ủy thác cho Hội Thánh. Qua các bí tích, Thiên Chúa ban cho chúng ta sự sống thần linh. Các nghi thức hữu hình dùng để cử hành bí tích, biểu thị và thực hiện ân sủng riêng của từng bí tích. Các bí tích sinh hiệu quả nơi những người lãnh nhận hội đủ điều kiện.*

### **1132.**

*Hội Thánh cử hành các bí tích với tư cách là cộng đoàn tư tế được phân nhiệm theo chức tư tế cộng đồng và chức tư tế của thừa tác viên có chức thánh.*

### **1133.**

*Chúa Thánh Thần chuẩn bị các tín hữu lãnh nhận bí tích, bằng Lời Chúa và đức tin của những tâm hồn sẵn sàng đón nhận Lời Chúa. Các bí tích củng cố và diễn tả đức tin.*

### **1134.**

*Đời sống bí tích phát sinh hiệu quả cho cá nhân cũng như cho Hội Thánh : vừa giúp các tín hữu sống cho Thiên Chúa trong Đức Ki-tô Giê-su; vừa giúp Hội Thánh tăng trưởng trong đức mến và trong sứ mạng làm chứng.*

## CHƯƠNG HAI

### CỬ HÀNH MÀU NHIỆM VƯỢT QUA

#### 1135.

Trong chương một, chúng ta đã tìm hiểu nhiệm cụ bí tích; nhờ đó, chúng ta thấy được tính cách mới mẻ của cử hành phụng vụ. Trong chương này, chúng ta sẽ bàn đến việc cử hành các bí tích, những đặc tính chung của việc cử hành bảy bí tích theo truyền thống Phụng Vụ; còn những điểm đặc thù của từng bí tích sẽ được trình bày sau. Giáo lý căn bản về việc cử hành bí tích sẽ trả lời các vấn nạn đầu tiên về đề tài này :

- Ai cử hành?
- Cử hành như thế nào?
- Cử hành khi nào?
- Cử hành ở đâu?

#### Mục 1

### CỬ HÀNH PHỤNG VỤ GIÁO HỘI

#### I. AI CỬ HÀNH ?

1136 795 1090.

Phụng Vụ là "hoạt động" của "*Đức Giê-su toàn diện*". Những ai hôm nay đang cử hành phụng vụ qua các dấu chỉ hữu hình, đã tham dự vào mầu nhiệm thiên quốc, nơi cử hành hoàn toàn là hiệp thông và Đại Lễ.

## **Những vị cử hành Phụng vụ thiên quốc**

### **1137 662.**

Sách Khải Huyền của Thánh Gio-an đọc trong phụng vụ của Hội Thánh, cho chúng ta thấy : trước hết, có "một cái ngai ở trên trời và có một Đấng ngự trên ngai" (Kh 4,2) là "Đức Chúa" (Is 6,1); rồi đến, "Con Chiên đã bị giết" (Kh 5,6) là Đức Ki-tô chịu đóng đinh và sống lại, vị Thượng Tế duy nhất của cung thánh đích thực (x. Dt 4,14-15; 10,19-21), "vừa là chủ tế vừa là lễ vật, vừa dâng vừa được dâng lên" (Phụng vụ theo thánh Gio-an Kim Khẩu, Kinh nguyện Thánh Thể); cuối cùng là "con sông có nước trường sinh, từ ngai của Thiên Chúa và của Con Chiên chảy ra" (Kh 22,1), một trong những biểu tượng đẹp nhất về Chúa Thánh Thần.

### **1138 335 1370.**

Muôn loài đã "được qui tụ" trong Đức Ki-tô, đều tham dự vào việc ca tụng Thiên Chúa và chu toàn Thánh Ý Người : các thiên thần (x. Kh 4-5; Is 6, 2-3), toàn thể thụ tạo (trọng trung bằng bốn sinh vật), các tội tử Thiên Chúa thời Cựu Ước và Tân Ước (24 kỳ mục) Dân Mới của Thiên Chúa (144 ngàn), đặc biệt là các vị tử đạo "những người đã bị giết vì đã rao giảng Lời Chúa" (Kh 6,9-11), Đức Ma-ri-a Thánh Mẫu của Thiên Chúa, Người Phụ Nữ (Kh 12), Hiền Thê của Con Chiên (Kh 21,9), và cuối cùng là "một đoàn người thật đông không tài nào đếm nổi, thuộc mọi dân, mọi chi tộc, mọi nước, và mọi ngôn ngữ" (Kh 7,9).

### 1139.

Chúa Thánh Thần và Hội Thánh cho chúng ta được tham dự vào Phụng Vụ vĩnh cửu này, khi chúng ta cử hành màu nhiệm cứu độ trong các bí tích.

### Những người cử hành Phụng Vụ bí tích

#### 1140 752, 1348 1372.

Toàn thể *cộng đoàn*, nghĩa là Thân Thể Chúa Ki-tô kết hợp với thủ lãnh của mình, cùng cử hành Phụng Vụ. "Các hoạt động phụng vụ không phải là những hoạt động riêng tư nhưng là những cử hành của Hội Thánh là "bí tích hiệp nhất", là Dân Thánh được qui tụ và tổ chức dưới quyền các giám mục. Vì vậy, các hoạt động đó thuộc về toàn Thân Thể Hội Thánh, diễn tả và ảnh hưởng trên Hội Thánh. Tuy nhiên, có liên quan khác nhau với từng chi thể, tùy theo khác biệt về phẩm trật, phận vụ và sự tham dự sống động"(x. SC 26). Vì vậy, "khi các nghi lễ, theo bản chất đặc biệt của chúng, được cử hành cộng đồng với sự tham dự đông đảo và linh hoạt của giáo dân thì nên nhớ rằng phải quý chuộng việc cử hành cộng đồng hơn là cử hành đơn độc và riêng rẽ"(SC 27).

#### 1141 1120.

Cộng đoàn phụng vụ là cộng đoàn của "những người đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy, nhờ sự tái sinh và xúc dầu của Thánh Thần, họ được thánh hiến để trở thành một ngôi nhà thiêng liêng và một hàng tư tế thánh; hầu lấy việc làm của người tín hữu mà dâng lên Thiên Chúa những hy tế thiêng liêng"(x. LG 10). Mọi chi thể đều được tham dự vào "chức tư tế cộng đồng" này là chức tư tế của Đức Ki-tô, vị Tư Tế duy nhất (x.LG 10, 34; PO 2):

"Mẹ Hội Thánh tha thiết ước mong toàn thể tín hữu được hướng dẫn tham dự các việc cử hành phụng vụ cách trọn vẹn, ý thức và linh động. Chính bản tính Phụng Vụ đòi hỏi phải tham dự như thế. Lại nữa, nhờ phép Thánh Tẩy, việc tham dự Phụng Vụ trở thành quyền lợi và bổn phận của dân Ki-tô giáo "là giống nòi được tuyển chọn, là hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa (1Pr 2,9)" (SC 14).

#### **1142 1549 1561.**

"Các chi thể không cùng một chức năng" ( Rm 12,4). Một số người đã được Thiên Chúa mời gọi, trong và qua Hội Thánh, để đảm nhận phận vụ đặc biệt trong cộng đoàn. Những người này được tuyển chọn và thánh hiến nhờ bí tích Truyền Chức. Qua đó, Chúa Thánh Thần cho họ khả năng hành động thay Đức Ki-tô là Đầu để phục vụ mọi chi thể của Hội Thánh (x.PO 2 và 15). Các thừa tác viên có chức thánh là "họa ảnh" của Đức Ki-tô Tư Tế. Trong thánh lễ, bí tích Hội Thánh được biểu lộ cách đầy đủ; vì thế, thừa tác vụ giám mục nổi bật với vai trò chủ sự nghi lễ Thánh Thể, cùng hiệp thông với ngài là thừa tác vụ linh mục và phó tế.

#### **1143 903 1672.**

Để giúp các tín hữu thực thi chức tư tế cộng đồng của mình, còn có những tác vụ đặc biệt khác. Những người đảm nhận các tác vụ này không có chức thánh. Phận vụ của họ được các giám mục xác định tùy theo truyền thống phụng vụ và nhu cầu mục vụ. "Ngay cả những người giúp lễ, đọc sách, dẫn giải và những người thuộc ca đoàn cũng chu toàn tác vụ phụng vụ đích thực" (SC29).

#### **1144.**

Vì vậy, trong cử hành các bí tích, toàn thể cộng đoàn đều tế tự, mỗi người tùy theo phận vụ của mình, nhưng trong

"sự hiệp nhất của Chúa Thánh Thần", Đáng hoạt động trong mọi người. "Trong các cử hành phụng vụ, thừa tác viên hay tín hữu mỗi người chu toàn phận vụ của mình, chỉ làm và làm trọn vẹn những gì bản chất sự việc và những qui tắc phụng vụ qui định cho mình" (SC 28)

## II. CỬ HÀNH THẾ NÀO?

### 1333-1340. Dấu chỉ và Biểu tượng

#### 1145 53.

Cuộc cử hành bí tích được cấu thành bằng những dấu chỉ và biểu tượng. Theo đường lối sự phạm của Thiên Chúa, ý nghĩa của dấu chỉ và biểu tượng bắt nguồn từ trong công trình sáng tạo và trong nền văn hoá nhân loại, được xác định trong các biến cố của Cựu Ước và được mặc khải trọn vẹn trong con người và hoạt động của Đức Ki-tô.

#### 1146 362, 2702 1879.

*Những dấu chỉ bắt nguồn từ thế giới loài người.* Trong đời sống nhân loại, dấu chỉ và biểu tượng chiếm một chỗ quan trọng. Con người, một thụ tạo vừa có thân xác vừa linh thiêng, diễn tả và tiếp nhận các thực tại thiêng liêng qua dấu chỉ và biểu tượng vật chất. Con người có tính xã hội, nên cần dấu chỉ và biểu tượng để giao tiếp với tha nhân qua ngôn ngữ, cử chỉ, hành động. Trong tương quan với Thiên Chúa cũng thế.

#### 1147 299.

Thiên Chúa nói với loài người qua các thụ tạo hữu hình. Vũ trụ vật chất hiện hiện trước trí khôn của con người, để họ nhận ra những dấu vết của Đáng Sáng Tạo (x. Kn 13,1; Rm 1, 19-20; Cv 14,17). Ánh sáng và đêm tối, gió và lửa,

nước và đất, cây và trái đều nói về Thiên Chúa, là biểu tượng cho sự cao cả và gần gũi của Người.

**1148.**

Vì được Thiên Chúa tạo dựng, những thực tại hữu hình này có thể diễn tả hoạt động của Thiên Chúa thánh hóa con người, và hoạt động của con người bày tỏ lòng tôn kính Thiên Chúa. Những dấu chỉ, những biểu tượng trong đời sống xã hội, như việc thanh tẩy và xúc dầu, bẻ bánh và chia sẻ chén rượu, có thể diễn tả việc Thiên Chúa hiện diện và thánh hoá cũng như việc con người bày tỏ lòng tri ân Đấng Sáng Tạo.

**1149 843.**

Các tôn giáo lớn đều cho thấy rõ các nghi lễ tôn giáo có một ý nghĩa vũ hoàn và biểu tượng. Phụng vụ của Hội Thánh thừa nhận, tiếp thu và thánh hoá các yếu tố trong thiên nhiên và trong nền văn hóa nhân loại, đồng thời làm cho chúng trở nên những dấu chỉ của ân sủng, của thụ tạo mới trong Đức Ki-tô.

**1150 1334.**

*Những dấu chỉ bắt nguồn từ Giao Ước.* Dân của Thiên Chúa tiếp nhận từ nơi Người những dấu chỉ, và biểu tượng riêng, làm nổi bật đời sống phụng vụ : đây không chỉ là những cuộc cử hành sự tuần hoàn của vũ trụ hay những lễ hội dân gian, nhưng còn là dấu chỉ của Giao Ước, biểu tượng của những kỳ công Thiên Chúa đã làm cho Dân Người. Trong các dấu chỉ phụng vụ của Cựu Ước, có thể kể việc cắt bì, xúc dầu để thánh hiến các vua và tư tế, đặt tay, các lễ vật, và nhất là lễ Vượt Qua. Hội Thánh nhận ra nơi những dấu chỉ đó hình ảnh tiên trưng cho các bí tích của Tân Ước.

### **1151 1335.**

*Những dấu chỉ được Đức Ki-tô sử dụng.* Khi giảng dạy, Đức Giê-su thường dùng những dấu chỉ trong thiên nhiên để diễn tả mầu nhiệm Nước Thiên Chúa (x. Lc 8,10). Người thực hiện việc chữa lành và củng cố Lời Người giảng dạy bằng những dấu chỉ hữu hình hay hành động biểu trưng (x. Ga 9,6; Mc 7,33-35; 8, 22-25). Người đem lại ý nghĩa mới cho những biến cố và dấu chỉ của Cựu Ước, nhất là biến cố Xuất Hành và Vượt Qua (x. Lc 9,31; 22, 7-20), vì chính Người là ý nghĩa của mọi biểu trưng này.

### **1152.**

*Những dấu chỉ bí tích.* Từ lễ Hiện Xuống, Chúa Thánh Thần thánh hóa nhờ những dấu chỉ bí tích của Hội Thánh. Các bí tích của Hội Thánh không bãi bỏ nhưng thanh luyện, tiếp nhận tất cả sự phong phú của những dấu chỉ và biểu tượng trong thiên nhiên và trong đời sống xã hội. Hơn nữa, các bí tích còn hoàn tất những tiên trưng và hình bóng của Cựu Ước, biểu thị và thực hiện ơn cứu độ do Đức Ki-tô đem lại, báo trước và tiền dự vinh quang thiên quốc.

## **Lời nói và hành động**

### **1153 53.**

Mỗi cử hành bí tích là một cuộc gặp gỡ giữa con cái Thiên Chúa với Cha mình, trong Đức Ki-tô và Thánh Thần. Cuộc gặp gỡ này là cuộc đối thoại qua hành động và lời nói. Các hành động biểu trưng tự nó đã là một ngôn ngữ, nhưng cần có Lời Chúa và việc đáp trả trong đức tin đi kèm và làm cho những hành vi này nên sống động, để hạt giống Nước Trời sinh hoa kết trái trong thửa đất tốt. Những hoạt động phụng vụ biểu thị những gì Lời Chúa muốn diễn đạt: vừa là sáng kiến ân sủng của Thiên Chúa, vừa là lời đáp trả trong đức tin của Dân Chúa.

**1154 1100 103.**

*Phụng vụ Lời Chúa* là phần cốt yếu trong các cử hành bí tích. Để nuôi dưỡng đức tin của các tín hữu, phải tôn kính những gì liên quan đến Lời Chúa : Sách Thánh (sách Bài Đọc hay sách Tin Mừng), nghi thức tôn kính (kiệu Sách Thánh, xông hương, hầu đèn), nơi công bố (giảng đài), cách đọc dễ nghe dễ hiểu, bài giảng của thừa tác viên sau khi công bố Lời Chúa, những lời xướng đáp của cộng đoàn (những lời tung hô, thánh vịnh, kinh cầu, tuyên xưng đức tin).

**1155 1127.**

Lời nói và hành động trong Phụng Vụ vừa là dấu chỉ gắn liền với giáo huấn, vừa liên kết với nhau để thực hiện điều chúng biểu thị. Chúa Thánh Thần không chỉ khơi dậy đức tin để các tín hữu hiểu được Lời Chúa; nhưng qua các bí tích, Người còn thực hiện "những kỳ công" của Thiên Chúa được Lời Chúa loan báo. Công trình của Chúa Cha được Chúa Con yêu dấu hoàn tất, nay Chúa Thánh Thần làm cho hiện diện và thông ban cho các tín hữu.

**Thánh ca và Thánh nhạc**

**1156.**

"Truyền thống âm nhạc của toàn Hội Thánh đã kiến tạo nên một kho tàng vô giá vượt hẳn mọi diễn tả nghệ thuật khác, nhất là điệu nhạc thánh đi liền với lời ca, góp phần cần thiết hoặc trọn vẹn trong phụng vụ trọng thể" (x. SC 112). Từ thời Cựu Ước, khi cử hành phụng vụ, người ta đã ngâm và hát các Thánh Vịnh được linh hứng, thường có nhạc phụ họa. Hội Thánh tiếp tục và phát huy truyền thống này. "Hãy cùng nhau xướng đáp những bài thánh vịnh, thánh thi và những bài ca (x. Cl 3,16-117) do Thần Khí linh hứng; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng Chúa" (Ep 5,19). "Hát là cầu nguyện hai lần" (x. T. Augustinô, Tv 72,1).

### **1157 2502.**

Thánh ca và thánh nhạc "càng liên kết chặt với hoạt động phụng vụ" (SC 112), càng thể hiện chức năng làm dấu chỉ của mình, theo ba tiêu chuẩn chính : "Diễn tả lời cầu nguyện cách dạn dàng hơn, cổ võ sự đồng thanh nhất trí và làm các nghi lễ thêm phần long trọng" (x. SC 112). Như thế, thánh ca và thánh nhạc góp phần với lời nói và hành động của phụng vụ để tôn vinh Thiên Chúa và thánh hóa các tín hữu (x. SC 112) :

"Thật cảm động đến rơi lệ khi nghe anh em hát các thánh thi, thánh ca với những âm điệu du dương vang rền trong các buổi cử hành phụng vụ. Thật là xúc động, lời ca tiếng hát rót vào tai tôi, làm sôi sục chân lý trong tim tôi. Lòng yêu mến Chúa nâng tôi lên cao, hai dòng lệ chảy trên má tôi, tôi thấy tâm hồn mình bay bổng ..." (Thánh Augustinô, Tựa Thuật 9, 6, 14).

### **1158 1201 1674.**

Sự hòa hợp của các dấu chỉ (thánh ca, thánh nhạc, lời nói và hành động) càng diễn cảm và phong phú hơn nếu được diễn tả bằng nét đẹp văn hóa riêng của cộng đoàn Dân Chúa đang cử hành Phụng Vụ (x. SC 119). Vì thế, "thánh ca bình dân phải được khéo léo cổ võ để tín hữu có thể ca hát trong những việc đạo đức thánh thiện cũng như trong chính hoạt động phụng vụ" theo những quy tắc của Hội Thánh (x. SC 118). "Lời thánh ca phải thích hợp với đạo lý Công giáo và tốt hơn cả là rút ra từ Thánh Kinh và các nguồn mạch phụng vụ (SC 121).

476-477, 2129-2132

### **Các ảnh tượng thánh**

**1159.**

Ảnh tượng thánh, đặc biệt các ảnh tượng dùng trong Phụng Vụ, chủ yếu trình bày Chúa Ki-tô. Ảnh tượng không thể minh họa Thiên Chúa vô hình và khôn tả; nhưng việc Con Thiên Chúa nhập thể đem lại cho ảnh tượng một vai trò tôn giáo mới :

"Thiên Chúa không có thân xác, không có diện mạo, nên tuyệt đối không thể diễn tả bằng hình ảnh. Nhưng giờ đây, Thiên Chúa đã mặc lấy xác phàm và sống giữa loài người, nên tôi có thể họa lại Thiên Chúa mà tôi đã thấy... Chúa đã lấy đi tấm màn che, chúng tôi được chiêm ngắm vinh quang Chúa" (Thánh Gio-an Đa-mát, " Về ảnh tượng thánh" 1,16).

**1160.**

Kinh Thánh dùng lời nói để truyền đạt sứ điệp Tin Mừng, còn ảnh tượng thánh dùng hình ảnh. Lời nói và hình ảnh bổ sung cho nhau :

"Để tuyên xưng và gìn giữ đức tin, chúng ta gìn giữ mọi truyền thống của Hội Thánh, dù thành văn hay không thành văn, đã được truyền lại cho chúng ta không hề thay đổi. Một trong những truyền thống đó là việc dùng các ảnh tượng hợp với lời rao giảng sứ điệp Tin Mừng, vì tin rằng Ngôi Lời Thiên Chúa đã thực sự làm người. Điều này thực hữu ích và tiện lợi, vì lời nói và hình ảnh soi sáng và bổ túc ý nghĩa cho nhau" (x. CĐ Ni-xê-a II, năm 787: COD 111).

**1161.**

Tất cả các dấu chỉ dùng trong Phụng Vụ đều quy về Đức Ki-tô. Các ảnh tượng về Đức Mẹ và các thánh cũng vậy, vì biểu thị Đức Ki-tô vinh hiển nơi các ngài. Các ảnh tượng

cho thấy "đám mây các nhân chứng" (Dt 12,1) đang tham dự vào công trình cứu độ thế gian và hiệp nhất với chúng ta, đặc biệt khi chúng ta cử hành các bí tích. Qua các ảnh tượng, chúng ta thấy con người "được tạo thành theo hình ảnh Thiên Chúa", đã được biến đổi "nên giống Thiên Chúa" (x. Rm 8,29; 1Ga 3,2) và cùng với các thiên thần được qui tụ trong Đức Ki-tô :

"Trung thành với đạo lý của các thánh giáo phụ và truyền thống Hội Thánh Công Giáo, vì biết rằng đạo lý này được Chúa Thánh Thần linh hứng, chúng tôi định tín chắc chắn và chính xác rằng : các ảnh tượng thánh đáng tôn kính, cũng như các mẫu Thánh Giá quý báu và sống động - dù được vẽ, chạm trở hay làm bằng chất liệu thích hợp - phải được trưng bày trong các nhà thờ, trang trí trên các dụng cụ và y phục thánh, vẽ trên tường và trên tranh, đặt trong nhà và ngoài đường. Đối với ảnh tượng của Chúa Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa và Đấng Cứu Độ chúng ta, ảnh tượng của Đức Ma-ri-a Thánh Mẫu Thiên Chúa và của các thiên thần, các thánh và những người công chính cũng thế" (CĐ Ni-xê-a II : DS 600).

### **1162 2502.**

"Vẻ đẹp và màu sắc của ảnh tượng thúc đẩy tôi cầu nguyện. Như cảnh đẹp thiên nhiên làm rạo rục hồn tôi, các ảnh tượng làm cho tôi vui sướng ca ngợi Chúa" (x. Thánh Gio-an Đa-mát, " Về ảnh tượng thánh" 1,27). Chiêm ngắm ảnh tượng thánh, cùng với suy niệm Lời Chúa và hát thánh thi phụng vụ, sẽ hòa hợp với các dấu chỉ dùng trong cử hành Phụng Vụ, để màu nhiệm được cử hành khắc sâu hơn trong tâm khảm, sau đó bộc lộ ra trong đời sống mới của các tín hữu.

### III. CỬ HÀNH KHI NÀO ?

#### Lịch Phụng Vụ

##### 1163 512.

"Hội Thánh là Mẹ hiền, ý thức mình có bốn phận ca tụng công trình cứu chuộc của Phu Quân chí thánh, bằng việc tưởng niệm vào những ngày ấn định trong năm. Mỗi tuần, vào ngày Chúa Nhật, Hội Thánh tưởng nhớ việc Chúa Phục Sinh. Mỗi năm một lần, vào dịp lễ Phục Sinh, Hội Thánh còn cử hành hết sức trọng thể, cuộc Thương Khó và Phục Sinh hồng phúc của Người. Hội Thánh quảng diễn mầu nhiệm Chúa Ki-tô qua chu kỳ một năm... Trong khi tưởng niệm những mầu nhiệm cứu chuộc, Hội Thánh rộng mở cho các tín hữu kho tàng quyền năng cứu độ và công nghiệp của Chúa, làm cho những mầu nhiệm này hiện diện qua các thời đại, để khi tiếp xúc với các mầu nhiệm đó, các tín hữu sẽ được đầy tràn ơn cứu chuộc" (SC 102).

##### 1164.

Từ khi có luật Mô-sê, Dân Chúa căn cứ vào lễ Vượt Qua để ấn định các đại lễ nhằm tưởng niệm những kỳ công của Thiên Chúa cứu độ, tạ ơn Người, giữ mãi kỷ niệm và truyền lại cho các thế hệ sau. Trong thời đại của Hội Thánh, từ khi Đức Ki-tô phục sinh đến ngày Người quang lâm, Phụng Vụ do Hội Thánh cử hành vào những ngày ấn định mang dấu ấn mới mẻ của mầu nhiệm Đức Ki-tô.

##### 1165 2659,2836 1085.

Khi Hội Thánh cử hành mầu nhiệm Chúa Ki-tô, hai tiếng "Hôm nay" được lặp đi lặp lại trong kinh nguyện, như âm vang lời kinh Chúa dạy (x. Mt 6,11) và lời mời gọi của Thánh Thần (x. Dt 3,7-4,11; Tv 95,7). "Ngày hôm nay" của Thiên Chúa hằng sống mà con người được mời gọi bước vào,

chính là "Giờ" Vượt Qua của Đức Giê-su. Cuộc Vượt Qua của Người cuốn hút và bao trùm toàn bộ lịch sử ố:

"Cuộc sống bao trùm trên vạn vật và tất cả được đầy tràn ánh sáng chói chang. Vầng Đông đích thực xâm chiếm vũ trụ. Đức Ki-tô vĩ đại, Đấng đã "có trước Sao Mai" cũng như mọi tinh tú, Đấng bắt tử và vô biên, chiếu soi trên vạn vật, rực rỡ hơn cả mặt trời. Vì thế, một ngày tươi sáng, trường cửu và vĩnh viễn, được mở ra cho chúng ta là những kẻ tin vào Người : đó là cuộc Vượt Qua thần bí" (Thánh Hi-pô-li-tô, Phục Sinh 1-2).

2174-2188

## **Ngày của Chúa**

### **1166 1343.**

"Theo truyền thống tông đồ bắt nguồn từ chính ngày Chúa Ki-tô sống lại, Hội Thánh cử hành mầu nhiệm Phục Sinh vào mỗi ngày thứ tám, ngày thật đáng gọi là ngày của Chúa hay ngày Chúa Nhật" (x. SC 106). Ngày Chúa Ki-tô Phục Sinh vừa là "Ngày thứ nhất trong tuần" gọi lại ngày đầu của công trình sáng tạo, vừa là "Ngày thứ tám", sau khi "an nghỉ" trong "ngày Sa-bát vĩ đại", Chúa Ki-tô khai mạc "ngày Chúa đã làm nên", "ngày không còn đêm tối" (Phụng Vụ Byzantin). "Bữa tiệc của Chúa" là trọng tâm của ngày này, ở đó tất cả cộng đoàn tín hữu được gặp Chúa Ki-tô Phục Sinh, Đấng mời gọi họ vào dự tiệc (x. Ga 21,12; Lc 24,30) :

"Hôm nay là Ngày của Chúa, ngày Phục Sinh, ngày của các Ki-tô hữu, cũng là ngày của chúng ta. Hôm nay được gọi là ngày của Chúa, vì là ngày Đức Giê-su khải hoàn lên với Chúa Cha. Nếu người ngoại giáo

gọi là "ngày mặt trời", chúng ta cũng sẵn sàng chấp nhận : vì hôm nay, muôn dân được thấy Ánh Sáng, hôm nay Mặt Trời Công Chính mang lại ơn cứu độ xuất hiện" (Thánh Hi-ê-rô-ni-mô, "Bài giảng ngày Chúa nhật Phục Sinh").

### **1167.**

Ngày Chúa Nhật là ngày tuyệt hảo để cộng đoàn tín hữu tập hợp cử hành Phụng Vụ, "để nghe Lời Chúa và tham dự vào bí tích Thánh Thể, để kính nhớ sự Thương Khó, Phục Sinh và Vinh Quang của Chúa Giê-su, đồng thời cảm tạ Thiên Chúa, vì Người đã dùng sự Phục Sinh của Chúa Giê-su Ki-tô từ trong kẻ chết mà tái sinh họ trong niềm hy vọng sống động" (SC 106) :

"Ôi lay Chúa Ki-tô, khi suy ngẫm những điều kỳ diệu Người đã thực hiện trong ngày Chúa Nhật, ngày Chúa sống lại, chúng con phải thốt lên : Ngợi khen Chúa vì ngày Chúa Nhật, Ngày hồng phúc, Ngày khởi đầu công trình sáng tạo... công trình cứu chuộc... đổi mới nhân loại. Hôm nay trời đất vui mừng và hoàn vũ ngập tràn ánh sáng. Ngợi khen Chúa vì ngày Chúa Nhật, Ngày cửa Thiên Đàng rộng mở đón A-đam và tất cả những kẻ bị lưu đày"(Fanqith, Các giờ kinh Phụng vụ Syria Antiokia, Quyển 6, Phần mùa hè, trang 193b).

### **Năm Phụng Vụ**

#### **1168 2698.**

Khởi từ Tam Nhật Vượt Quanhu nguồn ánh sáng, thời đại mới của Phục Sinh chiếu tỏa cả năm Phụng Vụ. Thời gian của cả năm trước và sau Tam Nhật Vượt Qua được Phụng Vụ thánh hóa thành "năm hồng ân của Chúa" (Lc

4,19). Nhiệm vụ cứu độ được thực hiện trong thời gian, nhưng từ khi nhiệm vụ đó được hoàn tất trong biến cố Đức Giê-su Phục Sinh và Thánh Thần được thông ban, thì cùng đích của lịch sử đã được tiên dự, và Nước Thiên Chúa xuất hiện trong lịch sử loài người.

### **1169 1330 560.**

*Phục Sinh* không chỉ là một ngày lễ như bao lễ khác, nhưng là ngày "lễ trên các lễ", cũng như bí tích Thánh Thể là "bí tích trên các bí tích". Thánh A-ta-na-xi-ô gọi lễ Phục Sinh là "ngày Chúa Nhật Trọng Đại" (Thư các đại lễ 329), cũng như Giáo Hội Đông Phương gọi Tuần Thánh là "Tuần Lễ Trọng Đại". Mầu Nhiệm Phục Sinh, mầu nhiệm Đức Kitô toàn thắng sự chết, đem lại cho thời gian già cỗi của chúng ta, sức sống mãnh liệt, cho đến khi mọi sự phải quy phục Đức Kitô .

### **1170.**

Tại Công Đồng Chung Ni-xê-a (năm 325), các Giáo Hội đồng ý mừng lễ Phục Sinh vào Chúa nhật tiếp sau ngày rằm Thượng nguyên (14 Nisan). Vì khác nhau trong cách tính ngày 14 tháng Nisan. Ngày mừng lễ Phục Sinh trong các Giáo Hội Đông Phương và Tây Phương không luôn trùng hợp. Do đó, hai bên đang tìm cách thỏa thuận để có thể mừng Chúa Phục Sinh chung một ngày.

### **1171 524.**

Năm Phụng vụ khai triển mầu nhiệm Vượt Qua dưới nhiều khía cạnh, đặc biệt là chu kỳ các lễ xoay quanh mầu nhiệm Nhập Thể (Truyền Tin, Giáng Sinh, Hiển Linh) gọi lại những biến cố khởi đầu ơn cứu độ và cho chúng ta hưởng nhờ hoa trái đầu mùa của mầu nhiệm Phục Sinh.

## **Lễ kính Các Thánh trong năm Phụng Vụ**

**1172 971 2030.**

"Trong khi cử hành các mầu nhiệm của Chúa Ki-tô theo chu kỳ hằng năm, với một tình yêu mến đặc biệt, Hội Thánh tôn kính Đức Ma-ri-a vinh hiển, Mẹ Thiên Chúa, Đấng đã liên kết với công trình cứu chuộc của Con Người bằng mỗi dây bất khả phân ly. Nơi Mẹ, Hội Thánh ngưỡng mộ và tán tụng thành quả tuyệt diệu của công trình cứu chuộc, và vui mừng chiêm ngắm nơi Mẹ, như trong một hình ảnh tinh tuyền trọn hảo, điều mà toàn thể Hội Thánh ước mong và trông đợi (SC 103).

**1173 957.**

Ngoài ra, Hội Thánh còn thêm vào niên kỳ những lễ kính nhớ các thánh tử đạo và các thánh khác. Hội Thánh công bố mầu nhiệm Phục Sinh nơi các ngài, vì các ngài đã cùng chịu thương khó và cùng được vinh hiển với Đức Ki-tô. Hội Thánh trình bày cho các tín hữu những gương mẫu của các ngài để các gương sáng này lôi kéo mọi người đến với Chúa Cha qua Chúa Ki-tô; và nhờ công nghiệp các ngài, Hội Thánh lãnh nhận được những hồng ân của Thiên Chúa (SC 104).

## **Các Giờ Kinh Phụng Vụ**

**1174 2698.**

Mầu nhiệm Chúa Ki-tô, Nhập Thể và Vượt Qua, được cử hành trong thánh lễ, đặc biệt trong thánh lễ Chúa nhật, thăm nhập và biến đổi thời gian trong ngày nhờ việc cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ, còn gọi là Kinh Nhật Tụng. Trung thành với giáo huấn tông truyền dạy chúng ta phải "cầu nguyện không ngừng" (1Th5,1-17; Ep 6,18), "Kinh Nhật Tụng được lập ra để thánh hiến trọn ngày đêm bằng lời ngợi khen Thiên Chúa" (SC 8). "Kinh Nhật Tụng là kinh nguyện công khai của Hội Thánh" (SC 98), qua đó các tín hữu (giáo

sĩ, tu sĩ và giáo dân) thực thi chức tư tế vương giả dành cho những ai đã được rửa tội. Được cử hành "dưới hình thức được Hội Thánh chuẩn y", Các Giờ Kinh Phụng Vụ "chính là tiếng của Hiền Thê nói với Đấng Phu Quân, và hơn nữa là lời cầu nguyện của Chúa Ki-tô và Thân Thể Người dâng lên Chúa Cha" (SC 84).

### **1175.**

Các Giờ Kinh Phụng Vụ phải trở thành lời kinh nguyện của toàn thể Dân Chúa. Trong lời kinh đó, chính Đức Ki-tô "tiếp tục thực thi chức vụ tư tế qua Hội Thánh" (x. SC 83). Mỗi người tham dự vào kinh nguyện đó tùy theo vị thế riêng trong Hội Thánh và tùy hoàn cảnh sống : các linh mục với tư cách là mục tử được mời gọi chuyên cần cầu nguyện và phục vụ Lời Chúa (x. SC 86,96; PO 5); các tu sĩ do đặc sủng của đời sống thánh hiến (x. SC 98); mọi tín hữu tùy theo khả năng: "những mục tử phải lo cho các Giờ Kinh chính yếu, nhất là giờ Kinh Chiều, được cử hành chung trong nhà thờ vào những ngày Chúa nhật và lễ trọng. Cũng khuyên cả giáo dân đọc Kinh Nhật Tụng, hoặc cùng với các linh mục hoặc khi tụ họp chung với nhau hoặc riêng một mình" (SC 100).

### **1176 2700.**

Việc cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ không những đòi buộc phải hòa hợp lời kinh với tâm hồn cầu nguyện, mà còn "phải lo cho mình có kiến thức dồi dào hơn về Phụng Vụ và Thánh Kinh, nhất là về Thánh Vịnh" (SC 90).

### **1177 2586.**

Các thánh thi và lời cầu được xen vào giữa các Thánh Vịnh để diễn tả ý nghĩa của các thời khắc trong ngày, của mùa Phụng Vụ và của ngày Đại Lễ. Ngoài ra, việc đọc Lời Chúa trong mỗi Giờ Kinh (với các câu Xướng Đáp theo sau)

và việc đọc sách các giáo phụ và các bậc thầy linh đạo trong một số Giờ cho thấy rõ hơn ý nghĩa của mẫu nhiệm đang cử hành, giúp thấu hiểu các Thánh Vịnh và dọn đường cho tĩnh nguyện. Việc "đọc sách thiêng liêng", nghĩa là vừa đọc vừa suy niệm *Lời Chúa* để cầu nguyện, bắt nguồn từ việc cử hành Phụng Vụ.

#### **1178 1378.**

Thánh lễ được nối dài bằng Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Các Giờ Kinh này không loại trừ nhưng còn bổ sung các việc đạo đức khác của Dân Chúa, nhất là việc thờ lạy và châu Thánh Thể.

### **IV. CỬ HÀNH Ở ĐÂU ?**

#### **1179 586.**

Việc thờ phượng theo Thần Khí và Sự Thật (Ga 4, 24) của Giao Ước Mới không bị ràng buộc vào một nơi nhất định. Tất cả trái đất đều là thánh và được giao phó cho con cái loài người. Khi các tín hữu tụ tập một nơi, điều quan trọng là chính họ là "những viên đá sống động để xây nên ngôi đền thờ của Thánh Thần" (1Pr 2,4-5). Thân Thể của Đức Ki-tô Phục Sinh là ngôi đền thiêng liêng phát sinh nguồn nước hằng sống. Được tháp nhập vào Đức Ki-tô nhờ Thánh Thần, "chính chúng ta là đền thờ thánh thiêng của Thiên Chúa hằng sống" (2 Cr 6,16).

#### **1180 2106.**

Khi tự do tôn giáo không bị hạn chế (x. DH 4), các Ki-tô hữu có thể xây dựng những nơi dành riêng cho việc thờ phượng Thiên Chúa. Những thánh đường hữu hình này không chỉ là những nơi hội họp, nhưng biểu thị và biểu lộ Hội Thánh đang sống trong địa phương đó, ngôi nhà của

Thiên Chúa ở giữa những người đã được hòa giải và liên kết với nhau trong Đức Ki-tô.

**1181 2691**

Thánh đường là "nhà cầu nguyện, nơi cử hành và cất giữ Thánh Thể, cũng như để tín hữu tụ họp, nơi có sự hiện diện của Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Chuộc chúng ta, Đấng đã được hiến dâng vì chúng ta trên bàn thờ tế lễ. Nhà này cần phải được bảo quản sạch sẽ, xứng hợp với việc cầu nguyện và những buổi cử hành thánh lễ" (x. PO 5; x SC 122-127). Trong "nhà Chúa", các biểu tượng phải chân thật và hài hòa để giúp mọi người nhận ra Đức Ki-tô đang hiện diện và hoạt động nơi đây (SC 7) :

**1182 617,1383.**

*Bàn thờ của Giao Ước Mới* là Thập Giá Đức Ki-tô (x. Dt 13,10), nơi phát xuất các bí tích của mầu nhiệm Vượt Qua. Bàn thờ là trung tâm của thánh đường, trên đó "hy tế thập giá được hiện tại hóa dưới những dấu bí tích. Bàn thờ cũng là bàn tiệc Dân Chúa được mời đến tham dự" (x. IGMR 259). Trong một số nghi lễ Đông Phương, bàn thờ còn tượng trưng cho Ngôi Mộ của Đức Ki-tô (vì Người đã thực sự chết và sống lại).

**1183 1379,2120.**

*Nhà Tạm* "phải được đặt nơi xứng đáng và vinh dự nhất trong nhà thờ" (MF). Nhà Tạm phải có nét trang trọng, được đặt nơi tôn nghiêm và chắc chắn (SC 128) để giúp các tín hữu dễ dàng thờ phượng Chúa Giê-su đang hiện diện thực sự trong bí tích Thánh Thể.

*Dầu Thánh* theo truyền thống được bảo quản và tôn kính tại một nơi chắc chắn trong cung thánh vì xúc dầu là

dấu bí tích của ấn tín ơn Chúa Thánh Thần. Dầu Dự tòng và Dầu Bệnh nhân cũng có thể đặt chung ở đó.

**1184.**

*Ghế* của giám mục (*ngai tòa*) hay của linh mục chủ tế "phải nói lên nhiệm vụ của Ngài là chủ tọa cộng đoàn và điều hành buổi cầu nguyện" (IGMR 271).

103

*Giảng đài* : "Phẩm giá của Lời Chúa đòi phải có một nơi thích hợp trong nhà thờ, để Lời Chúa được loan báo và giáo dân tự nhiên hướng về đó trong phần phụng vụ Lời Chúa" (IGMR 272).

**1185.**

Cuộc triệu tập của Dân Chúa bắt đầu bằng *bí tích Thánh Tẩy*, nên thánh đường phải có giếng rửa tội để cử hành bí tích Thánh Tẩy và có những bình nước thánh để nhắc các tín hữu nhớ đến những lời hứa ngày rửa tội.

Việc canh tân đời sống đòi hỏi Ki-tô hữu phải *sám hối*, nên thánh đường phải có nơi thích hợp để tiếp đón hối nhân đến bày tỏ lòng thống hối và lãnh nhận ơn tha thứ.

2717

Thánh Đường cũng phải là nơi giúp tín hữu hồi tâm và thỉnh lạng cầu nguyện để nối dài và nội tâm hóa thánh lễ.

**1186 1130.**

Thánh Đường còn mang ý nghĩa cánh chung. Để vào Nhà Chúa, người tín hữu phải bước qua ngưỡng cửa, như thể từ thế giới tội lỗi bước vào thế giới của Đời Sống Mới mà Thiên Chúa nuôn dành cho mọi người. Thánh Đường hữu hình tượng trưng cho Nhà Cha; ở đó, Chúa Cha "sẽ lau sạch

nước mắt họ" (Kh 21,4). Vì vậy, Thánh Đường là nhà của tất cả con cái Thiên Chúa, luôn mở rộng đón mời mọi người.

## **TÓM LƯỢC**

### **1187.**

*Phụng Vụ là công trình của Đức Ki-tô toàn diện, gồm có Đầu và Thân Thể. Vị Thượng Tế của chúng ta không ngừng cử hành Phụng Vụ trên trời, cùng với Mẹ Ma-ri-a, các tông đồ, chư thánh và đông đảo những người đã được hưởng Vinh Quang Nước Trời.*

### **1188.**

*Trong Phụng Vụ, toàn thể cộng đoàn đều cử hành, mỗi người theo chức năng của mình. Toàn Thân Thể Đức Ki-tô, đều có chức tư tế cộng đồng. Nhưng một số tín hữu đã lãnh nhận bí tích Truyền Chức để đại diện Đức Ki-tô là Đầu của Thân Thể.*

### **1189.**

*Phụng Vụ sử dụng các dấu chỉ và biểu tượng lấy từ thiên nhiên (ánh sáng, nước, lửa), từ đời sống con người (rửa, xức dầu, bẻ bánh) và từ lịch sử cứu độ (các nghi thức Vượt Qua). Được đưa vào lãnh vực đức tin và được Chúa Thánh Thần sử dụng, những yếu tố thiên nhiên, những nghi thức của loài người và những nghi lễ tưởng niệm ơn cứu chuộc đã trở thành phương thể Đức Ki-tô dùng để cứu độ và thánh hóa nhân loại.*

### **1190.**

*Lời Chúa là phần thiết yếu trong các cử hành Phụng Vụ. Lời Chúa được công bố và lời đáp trả tin yêu của Dân Chúa xác định ý nghĩa của mỗi cử hành.*

**1191.**

*Thánh Ca và Thánh Nhạc liên kết chặt chẽ với hoạt động Phụng Vụ, nên khi sử dụng chúng ta phải theo các tiêu chuẩn : "diễn tả lời cầu nguyện cách dịu dàng hơn, cố võ sự đồng thanh nhất trí của cộng đoàn và làm nổi bật tính chất thánh thiêng của buổi cử hành".*

**1192.**

*Ảnh tượng thánh được trưng bày trong thánh đường, nơi nhà riêng để khơi dậy và nuôi dưỡng đức tin vào mầu nhiệm Chúa Ki-tô. Chúng ta tôn thờ chính Chúa Ki-tô qua ảnh tượng về Người và công trình cứu chuộc của Người. Chúng ta tôn kính Mẹ Thiên Chúa, các thiên thần và các thánh qua ảnh tượng của các ngài.*

**1193.**

*Chúa nhật là "Ngày của Chúa", ngày đặc biệt để cử hành thánh lễ vì là ngày Đức Ki-tô Phục Sinh. Đó là ngày tốt nhất để cộng đoàn cử hành Phụng Vụ, ngày gia đình Ki-tô giáo sum họp, ngày vui và ngày nghỉ. Ngày Chúa nhật là "nền tảng và trung tâm của cả năm Phụng Vụ"(SC 106).*

**1194.**

*"Hội Thánh còn triển khai trọn mầu nhiệm Chúa Ki-tô qua chu kỳ một năm, từ Nhập Thể, Giáng Sinh, đến Thăng Thiên, Hiện Xuống, và đợi chờ ngày hồng phúc, ngày Chúa Ki-tô ngự đến" (SC 102).*

**1195.**

*Khi kính nhớ các thánh, trước hết là Mẹ Thiên Chúa, kế đến là các thánh tông đồ, các thánh tử đạo và các thánh khác, Hội Thánh dưới đất biểu lộ sự hiệp thông với Phụng Vụ trên trời. Hội Thánh tôn vinh Đức Ki-tô đã ban ơn cứu độ*

cho các thánh là các chi thể được tôn vinh. Gương sáng của các ngài khích lệ Hội Thánh trên đường tiến về Nhà Cha.

**1196.**

Khi cử hành Các Giờ Kinh Phụng Vụ, tín hữu được kết hiệp với Đức Ki-tô, vị Thượng Tế của chúng ta, qua thánh vịnh, suy niệm Lời Chúa, thánh ca và những lời chúc tụng. Nhờ đó, họ được liên kết với lời nguyện liên lý và phổ quát của Người mà tôn vinh Chúa Cha và cầu xin ơn Thánh Thần xuống cho toàn thế giới.

**1197.**

Chúa Ki-tô là Đền Thờ đích thực của Thiên Chúa, là "nơi vinh quang của Chúa Cha ngự trị". Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, các tín hữu cũng trở nên đền thờ của Chúa Thánh Thần, những viên đá sống động xây nên Hội Thánh.

**1198.**

Hội Thánh tại thế cần có những nơi để cộng đoàn tập họp : các thánh đường hữu hình là nơi thánh, là hình ảnh của Thành Thánh Giê-ru-sa-lem thiên quốc, nơi chúng ta là những lữ khách đang tiến về.

**1199.**

Trong những thánh đường này, Hội Thánh cử hành việc thờ phượng công khai để tôn vinh Thiên Chúa Ba Ngôi, lắng nghe Lời Chúa, ngợi khen chúc tụng, dâng lên Người lời cầu nguyện của Hội Thánh và hy lễ của Đức Ki-tô, Đấng hiện diện giữa cộng đoàn qua các bí tích. Thánh đường còn là nơi tín hữu hồi tâm và cầu nguyện riêng.

## Mục 2

# VỀ KHÁC NHAU CỦA PHỤNG VỤ VÀ TÍNH HIỆP NHẤT CỦA MẦU NHIỆM

### Các truyền thống phụng vụ và tính công giáo của Hội Thánh

#### **1200 2625.**

Từ cộng đoàn tiên khởi ở Giê-ru-sa-lem cho đến ngày Chúa Quang Lâm, các Giáo Hội của Thiên Chúa, trung thành với đức tin tông truyền, đều cử hành cùng một mầu nhiệm Vượt Qua. Chỉ có một mầu nhiệm được cử hành trong phụng vụ, nhưng các hình thức có thể khác nhau.

#### **1201 2663 1158**

Mầu nhiệm Đức Ki-tô phong phú khôn lường, nên không một truyền thống phụng vụ nào có thể diễn tả trọn vẹn. Lịch sử hình thành và phát triển các nghi lễ minh chứng sự đa dạng và bổ túc cho nhau cách kỳ diệu giữa các nghi lễ. Bao lâu còn sống những truyền thống phụng vụ ấy trong sự hiệp thông đức tin và đời sống bí tích, các Giáo Hội giúp nhau phong phú hơn, và trung thành hơn với Thánh Truyền cũng như với sứ mạng chung của Hội Thánh (x. EN 63-64).

#### **1202 814 1674 835 1937.**

Nhiều truyền thống phụng vụ khác nhau đã được khai sinh từ sứ mạng của Hội Thánh. Các cộng đoàn trong cùng một khu vực địa lý và văn hóa dần dần cử hành mầu nhiệm Đức Ki-tô bằng những cách diễn tả riêng, mang đặc tính văn hóa địa phương : trong truyền thống của "kho tàng Đức Tin" (2 Tm 1,14), trong những biểu tượng phụng vụ, trong tổ chức hiệp thông huynh đệ, trong cách hiểu thần học về các mầu

nhiệm và trong các kiểu mẫu về sự thánh thiện. Như thế, qua đời sống phụng vụ của mỗi Giáo Hội, Đức Ki-tô là ánh sáng cứu độ muôn dân được bày tỏ cho mọi dân tộc và nền văn hóa nơi Hội Thánh được sai đến và hội nhập. Hội Thánh có tính Công giáo nên có thể hội nhập tất cả những nét phong phú đích thực của các nền văn hóa vào trong Hội Thánh duy nhất sau khi đã thanh luyện chúng (x LG 23; UR 4).

### **1203.**

Các truyền thống phụng vụ hay các nghi lễ hiện hành trong Hội Thánh là: nghi lễ La tinh (chủ yếu là nghi lễ Rô-ma, nhưng cũng phải kể đến các nghi lễ của một số Giáo Hội địa phương như nghi lễ thánh Am-brô-si-ô, hoặc nghi lễ của một số dòng tu), và các nghi lễ Đông Phương như By-zan-ti-nô, A-lê-xan-ri-nô hay Cô-tô, Sy-ri-a-cô, Ar-mê-ni-ô, Ma-rô-ni-ta và Can-đê-ô. "Vẫn trung thành vâng phục truyền thống, Thánh Công Đồng tuyên bố rằng : Mẹ Hội Thánh coi tất cả các nghi lễ đã được chính thức công nhận đều bình đẳng trên pháp lý và được tôn trọng như nhau, lại muốn các nghi lễ ấy được duy trì trong tương lai và được cổ võ bằng mọi cách" (SC 4).

## **Phụng Vụ và các nền văn hóa**

### **1204 2684 854, 1232 2527.**

Phụng Vụ phải được cử hành phù hợp với đặc tính và văn hóa của các dân tộc. Để mẫu nhiệm của Đức Ki-tô được thông báo cho muôn dân biết, để họ tin mà vâng phục Thiên Chúa (Rm 16, 26). Hội Thánh phải loan báo, cử hành và sống trong tất cả các nền văn hóa. Mẫu nhiệm Đức Ki-tô không xóa bỏ, nhưng cứu chuộc và kiện toàn các nền văn hóa. Chính nhờ nền văn hóa riêng được Đức Ki-tô tiếp nhận và thanh luyện, đồng đạo con cái Thiên Chúa đến được với Chúa Cha để tôn vinh Người trong cùng một Thánh Thần.

### **1205 1125.**

"Trong Phụng Vụ, nhất là trong các bí tích, có *một phần bất biến* do Chúa thiết lập mà Hội Thánh phải giữ gìn, và những *phần khác có thể thay đổi*, nên Hội Thánh có quyền, đôi khi có bổn phận thích nghi với nền văn hóa của các dân tộc mới đón nhận Tin Mừng" ( ĐGH Gio-an Phao-lô II, tông huấn "150 năm" số 16; x.SC 21).

### **1206.**

"Những khác biệt về phụng vụ có thể làm cho Hội Thánh được phong phú, nhưng cũng có thể gây ra những căng thẳng, những hiểu lầm và ngay cả những vụ ly giáo. Trong lãnh vực này, rõ ràng không được để cho những khác biệt làm nguy hại đến sự hiệp nhất. Phải trung thành với đức tin chung, với các dấu chỉ bí tích Hội Thánh đã nhận từ Đức Ki-tô, và hiệp thông với hàng giáo phẩm. Muốn thích nghi với các nền văn hóa, cần phải hoán cải nội tâm, và nếu cần, phải đoạn tuyệt với những thói quen lâu đời nhưng không hòa hợp được với đức tin công giáo" (x. ĐGH Gio-an Phao-lô II, Tông huấn "150 năm" số 16; x. SC 21).

## **TÓM LƯỢC**

### **1207.**

*Nên cử hành Phụng Vụ theo văn hóa địa phương nơi Hội Thánh hiện diện, nhưng không được để Phụng Vụ lệ thuộc vào văn hóa. Chính Phụng Vụ cũng giúp khai sinh và xây dựng các nền văn hóa.*

### **1208**

*Các truyền thống Phụng Vụ khác nhau được Hội Thánh công nhận, minh chứng tính công giáo của Hội Thánh, vì biểu thị và thông ban cùng một mầu nhiệm Đức Ki-tô.*

**1209**

*Tiêu chuẩn bảo đảm cho cùng một sự hiệp nhất, trong khi vẫn tôn trọng tính đa dạng của các truyền thống Phụng Vụ, là trung thành với truyền thống tông đồ, nghĩa là hiệp thông trong đức tin và đời sống bí tích do các tông đồ truyền lại. Sự hiệp thông này được biểu thị và bảo đảm nhờ việc kế nhiệm các tông đồ.*

## **ĐOẠN THỨ HAI**

### **BẢY BÍ TÍCH CỦA HỘI THÁNH**

**1210 1113.**

Trong Giao Ước Mới, có bảy bí tích do Đức Ki-tô thiết lập là Thánh Tẩy, Thêm Sức, Thánh Thể, Giải Tội, Xức Dầu Bệnh Nhân, Truyền Chức Thánh và Hôn Phối. Bảy bí tích liên quan đến tất các giai đoạn và thời điểm quan trọng trong đời sống Ki-tô hữu : người tín hữu được sinh ra và lớn lên, được chữa lành và sai đi. Giữa những giai đoạn của đời sống tự nhiên và đời sống thiêng liêng, có nhiều điểm tương đồng.

**1211 1374.**

Như so sánh trên, chúng ta sẽ đề cập trước hết đến ba bí tích khai tâm Ki-tô giáo (*chương một*), rồi đến hai bí tích chữa lành (*chương hai*), cuối cùng là hai bí tích phục vụ sự hiệp thông và sứ mạng của các tín hữu (*chương ba*). Chúng ta có thể sắp xếp cách khác, nhưng cách này cho thấy các bí tích hợp thành một thể thống nhất, trong đó mỗi bí tích có một vai trò quan trọng trong cuộc sống. Riêng bí tích Thánh Thể chiếm địa vị độc tôn vì là "bí tích trên các bí tích" : "Tất cả các bí tích khác đều qui hướng về bí tích Thánh Thể như

cùng đích của mình" (x. Thánh Tô-ma A-qui-nô, Tổng luận thần học 3,65,3).

## CHƯƠNG MỘT

### CÁC BÍ TÍCH KHAI TÂM KI-TÔ GIÁO

#### 1212.

Ba bí tích : Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể là những bí tích khai tâm đặt *nền tảng* cho toàn thể đời sống Ki-tô hữu. "Nhờ ân sủng của Đức Ki-tô, con người được tham dự vào bản tính Thiên Chúa. Tương tự như việc sinh ra, lớn lên và bảo tồn trong đời sống tự nhiên, người tín hữu được tái sinh trong đời sống mới nhờ bí tích Thánh Tẩy, được củng cố nhờ bí tích Thêm Sức, và nhận lấy bánh ban sự sống đời đời trong bí tích Thánh Thể. Như vậy, nhờ các bí tích khai tâm Ki-tô giáo, họ được hiệp thông sâu xa hơn vào đời sống thần linh và ngày càng tiến tới đức mến hoàn hảo"(x. ĐGH Phaolô VI, Tông huấn "Tham dự đời sống thần linh"; x. OICA tiền chú 1-2).

#### Mục 1

### BÍ TÍCH THÁNH TẨY

#### 1213.

Bí tích Thánh Tẩy là nền tảng của toàn bộ đời sống Ki-tô hữu, là cửa ngõ dẫn vào đời sống thần linh và mọi bí tích khác. Nhờ bí tích Thánh Tẩy, chúng ta được giải thoát khỏi tội lỗi và tái sinh làm con cái Thiên Chúa, trở thành chi thể của Đức Ki-tô, được tháp nhập vào Hội Thánh và tham dự sứ mạng của Hội Thánh (x. CĐ Flô-ren-ti-nô, DS 1314; CIC khoản 204, 1; số9; CCEO khoản 675,1): "Bí tích thánh

Tẩy là bí tích tái sinh chúng ta nhờ nước và trong Lời Chúa"(x. Giáo lý Rô-ma 2,2,5).

## I. BÍ TÍCH NÀY ĐƯỢC GỌI BẰNG NHỮNG DANH HIỆU NÀO?

### 1214 628.

Thánh Tẩy hay Rửa Tội đều dịch từ *Baptizein* trong tiếng Hy Lạp. Từ này có nghĩa là "đìm xuống": đây là nghi thức chính yếu trong bí tích Thánh Tẩy. Đìm xuống nước tượng trưng cho việc người dự tòng chịu mai táng trong cái chết của Đức Ki-tô, và từ đó cùng sống lại với Người (x. Rm 6,3-4; Cl 2,12), trở thành "thụ tạo mới" (x. 2Cr 5,17; Gl 6,15).

### 1215 1257.

Thánh Phao-lô gọi bí tích này là *tắm trong Chúa Thánh Thần, để được tái sinh và đổi mới* (x. Tt 3,5), vì bí tích này biểu thị và thực hiện việc tín hữu được tái sinh nhờ nước và Thánh Thần, mà nếu thiếu thì "không ai có thể vào Nước Thiên Chúa" (Ga 3,5).

### 1216 1243

Thánh Jus-ti-nô gọi bí tích này là ơn *soi sáng*, vì những người được đạo lý giáo huấn thì tâm trí được soi sáng. Người chịu phép rửa, vì đón nhận Ngôi Lời là "ánh sáng đích thực chiếu soi mọi người" (Ga 1,9), nên sau khi "đã được soi sáng" (Dt 10,32), họ trở thành "con cái sự sáng" (1 Tx 5,5) và là "ánh sáng" (Ep 5,8).

"Bí tích Thánh Tẩy là hồng ân cao đẹp nhất và kỳ diệu nhất trong các hồng ân của Thiên Chúa...Chúng ta gọi là *hồng ân*, ân sủng, *xức dầu*, *soi sáng*. mặc lấy sự bất tử, *tắm* để tái sinh, ấn tín và tất cả những gì

quý giá nhất. Là hồng ân, vì được ban cho những người trắng tay. Là ân sủng, vì được ban cho cả những người có lỗi. Dìm xuống, vì tội lỗi bị nhận chìm trong nước. Xức dầu, vì có tính cách linh thiêng và vương giả (như những người được xức dầu). Soi sáng, vì đó là ánh sáng chói lọi. Mặc, vì che đi nỗi tủ nhục của chúng ta. Tắm, vì làm cho chúng ta sạch. *Án tίν*, vì gìn giữ chúng ta và là dấu chỉ về quyền tối cao của Thiên Chúa" (Thánh Ghê-gô-ri-ô Na-di-en, Bài giảng 40, 3-4).

## II. BÍ TÍCH THÁNH TẮY TRONG KẾ HOẠCH ƠN CỨU ĐỘ

### Những tiên trưng về bí tích Thánh Tẩy trong Cựu Ước

#### 1217.

Trong Phụng Vụ Đêm Phục Sinh, *khi thánh hóa nước rửa tội*, Hội Thánh long trọng nhắc lại những biến cố lớn trong lịch sử cứu độ tiên trưng về bí tích Thánh Tẩy :

"Lạy Chúa, Chúa dùng quyền năng vô hình mà làm cho các bí tích trở nên hữu hiệu lạ lùng. Qua dòng lịch sử cứu độ, Chúa đã bao lần dùng nước do Chúa tạo thành để bày tỏ hiệu năng của phép Thánh Tẩy" (x. MR, Vọng Phục Sinh 42: làm phép nước rửa tội) .

#### 1218 344, 694.

Từ khi tạo thiên lập địa, nước là một thụ tạo tầm thường nhưng kỳ diệu, được coi là nguồn mạch sự sống và sự phong nhiêu. Kinh Thánh cho thấy Chúa Thánh Thần ngự xuống trên nước, để nước phát sinh sự sống.

"Ngay lúc vũ trụ khởi nguyên, Thánh Thần Chúa đã bay là là trên mặt nước, để từ đó nước hàm chứa năng lực thánh hóa muôn loài" (x. MR, Vọng Phục Sinh 42: làm phép nước rửa tội).

**1219 701, 845.**

Hội Thánh thấy con tàu Nô-ê tiên trưng về ơn cứu độ nhờ bí tích Thánh Tẩy : "Trong con tàu ấy, một số ít, cả thầy 8 người được cứu thoát nhờ nước" (1 Pr 3,20).

"Chúa dùng nước Hồng Thủy làm hình ảnh tiên báo phép rửa ban ơn tái sinh, vì thời đó cũng như bây giờ, nước biểu thị quyền năng Chúa, vừa tiêu diệt tội lỗi, vừa khai mở một đời sống mới" (x. MR, Vọng Phục Sinh 42: làm phép nước rửa tội).

**1220 1010.**

Trong Kinh Thánh, nước nguồn tượng trưng cho sự sống, nước biển lại tượng trưng cho sự chết. Do đó, nước Thánh Tẩy có thể tượng trưng cho mâu nhiệm Thánh Giá : được rửa tội là cùng chết với Đức Ki-tô.

**1221.**

Đặc biệt cuộc Vượt Qua Biển Đỏ, tức là việc dân Ít-ra-en thực sự được giải thoát khỏi kiếp nô lệ ở Ai Cập, loan báo ơn giải thoát do bí tích Thánh Tẩy mang lại :

"Chúa đã giải thoát con cháu ông Áp-ra-ham khỏi vòng nô lệ mà dẫn qua Biển Đỏ rảo chân, để họ tượng trưng cho một dân tộc mới, là những người được thánh tẩy sau này" (MR, Vọng Phục Sinh 42 : làm phép nước rửa tội).

**1222.**

Cuối cùng, bí tích Thánh Tẩy được tiên trưng trong việc dân Ít-ra-en vượt qua sông Gio-đan, vào nhận phần Đất Thiên Chúa đã hứa cho dòng dõi Áp-ra-ham. Đất Hứa là hình ảnh sự sống đời đời. Lời hứa ban sự sống đời đời sẽ được Thiên Chúa thực hiện trong Giao Ước Mới.

## **Phép Rửa của Đức Ki-tô**

### **1223 232.**

Tất cả các tiên trưng trong Cựu Ước đều được thực hiện trong Đức Ki-tô Giê-su. Người khởi sự đời sống công khai sau khi để cho thánh Gio-an Tẩy Giả chìm xuống nước sông Gio-đan (x. Mt 3,13). Sau khi phục sinh, Người trao sứ mạng cho các tông đồ : "Anh em hãy đi đến với muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con, và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy đã truyền cho anh em, để muôn dân trở nên môn đệ của Thầy"(x. Mt 28, 19-20; Mc 16,15-16) .

### **1224 536.**

Đề "chu toàn thánh ý Thiên Chúa"(Mt 3,15), Đức Giê-su tự nguyện chịu phép rửa của thánh Gio-an, dành cho những người tội lỗi. Cử chỉ này cho thấy Đức Giê-su đã đi vào mầu nhiệm "tự hạ" (Pl 2,7). Chúa Thánh Thần xưa kia đã bay là là trên mặt nước trong cuộc sáng tạo thứ nhất nay ngự xuống trên Đức Ki-tô như khúc nhạc dạo đầu của bản giao hưởng sáng tạo mới, và Chúa Cha giới thiệu Đức Giê-su là "Con Chí Ái" của Người (Mt 3,16-17).

### **1225 766.**

Trong cuộc Vượt Qua, Đức Ki-tô đã khơi nguồn bí tích Thánh Tẩy cho mọi người. Người nói về cuộc tử nạn sẽ phải chịu tại Giê-ru-sa-lem như "một Phép Rửa" Người phải lãnh nhận (x. Mc 10,38; Lc 12,50). Máu và nước chảy ra từ

cạnh sườn Người bị đâm thấu trên thập giá (Ga 19,34) tiên trưng cho bí tích Thánh Tẩy và bí tích Thánh Thể là những bí tích ban sự sống mới (x. 1 Ga 5,6-8): từ giây phút ấy, chúng ta có thể "sinh ra nhờ nước và Thánh Thần" để được vào Nước Thiên Chúa (Ga 3,5).

"Khi bạn được rửa tội hãy suy nghĩ bí tích Thánh Tẩy xuất phát từ đâu, nếu không phải là từ Thánh Giá, từ cái chết của Đức Ki-tô. Tất cả màu nhiệm là : Người đã chịu khổ hình vì bạn. Nơi Người, bạn được chuộc; nơi Người, bạn được cứu" (x. Thánh Am-rô-si-ô, "Bàn về các bí tích" 2,6) .

### **Bí tích Thánh Tẩy trong Hội Thánh**

#### **1226 849.**

Ngay trong ngày Chúa Thánh Thần hiện xuống, Hội Thánh đã cử hành và trao ban bí tích Thánh Tẩy. Thật vậy, thánh Phê-rô đã tuyên bố với đám đông đang sững sốt vì lời ngài giảng : "Anh em hãy sám hối, và mỗi người phải chịu phép rửa nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, để được ơn tha tội; và anh em sẽ nhận được ân sủng là Thánh Thần" (Cv 2,38). Các tông đồ và các cộng sự trao ban bí tích Thánh Tẩy cho tất cả những ai tin vào Chúa Giê-su : người Do Thái, người kính sợ Thiên Chúa, người ngoại giáo (x. Cv 2,41; 8,12-13; 10,48; 16,15). Bí tích Thánh Tẩy luôn gắn liền với đức tin. Thánh Phao-lô tuyên bố với viên cai ngục ở Phi-líp : "Hãy tin vào Chúa Giê-su, thì ông và cả nhà sẽ được cứu độ". "Lập tức, ông ấy được chịu phép rửa cùng với tất cả những người nhà" (x. Cv 16,31-33).

#### **1227 790.**

Theo thánh tông đồ Phao-lô, nhờ bí tích Thánh Tẩy người tín hữu cùng chết với Đức Ki-tô, được mai táng và phục sinh với Người.

"Khi chúng ta được chìm vào nước Thánh Tẩy để nên một với Đức Ki-tô Giê-su, chúng ta được chìm vào trong cái chết của Người, chúng ta đã cùng được mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới" (x. Rm 6,3-4; Cl 2,12).

Những người được rửa tội "mặc lấy Chúa Ki-tô" (Gl 3,27). Nhờ Thánh Thần, bí tích Thánh Tẩy là "dim xuống nước để thanh luyện, thánh hóa và công chính hóa" (x. 1Cr 6,11; 12,13).

### **1228.**

Như vậy, bí tích Thánh Tẩy là chìm xuống nước để "Lời Chúa là hạt giống bất diệt" đâm chồi nảy lộc xinh tươi (x. 1Pr 1,23; Ep 5,26). Thánh Âu-Tinh nói về bí tích Thánh Tẩy: "Lời liên kết với yếu tố vật chất và trở thành một bí tích" (x. Thánh Âu-Tinh, "Tin Mừng Gio-an" 80,3).

## **III. BÍ TÍCH THÁNH TẨY ĐƯỢC CỬ HÀNH THẾ NÀO ?**

### **Khai tâm Ki-tô giáo**

### **1229.**

Ngay từ thời các tông đồ, người dự tòng phải trải qua con đường khai tâm gồm nhiều giai đoạn. Con đường này có thể ngắn hay dài, nhưng luôn hội đủ những điều cốt yếu sau :

loan báo Lời Chúa, đón nhận Tin Mừng và hoán cải, tuyên xưng đức tin, rửa tội, ban Thánh Thần, lãnh nhận Thánh Thể.

**1230 1248.**

Việc khai tâm này thay đổi nhiều qua các thời đại và tùy hoàn cảnh. Vào các thế kỷ đầu tiên của Hội Thánh, *việc khai tâm* Ki-tô giáo được triển khai rất sâu rộng, với một giai đoạn dự tòng lâu dài gồm một số các nghi thức Phụng vụ chuẩn bị hướng đến việc cử hành các bí tích khai tâm Ki-tô giáo.

**1231 13.**

Nơi nào việc rửa tội cho trẻ em đã trở nên phổ biến, việc ban bí tích này trở thành một cử hành duy nhất thu gọn các giai đoạn khai tâm Ki-tô giáo. Theo bản chất, việc rửa tội trẻ em đòi hỏi sau đó phải có một giai đoạn *khai tâm Ki-tô giáo*, không những dạy về bí tích Thánh Tẩy, mà còn giúp triển nở ơn sủng bí tích Thánh Tẩy dựa theo sự tăng trưởng tự nhiên. Đó là giai đoạn *dành cho giáo lý*.

**1232 1204.**

Trong Giáo Hội La-tinh, Công đồng Va-ti-ca-nô II đã "tái lập thời kỳ dự tòng dành cho người lớn, chia thành nhiều giai đoạn" (SC 64). Các nghi thức của thời kỳ này được trình bày trong quyển "Nghi thức gia nhập Ki-tô giáo dành cho người lớn" (1972). Ngoài ra Công đồng còn cho phép các xứ truyền giáo "ngoài những yếu tố nhập đạo đã có trong truyền thống Ki-tô giáo, cũng được nhận những yếu tố nhập đạo khác vẫn thấy sử dụng nơi mỗi dân tộc, miễn là các yếu tố đó có thể thích ứng với nghi lễ Ki-tô giáo" (x. SC 65; x. SC 37-40).

**1233 1290.**

Ngày nay trong các nghi lễ La-tinh và Đông Phương, việc khai tâm Ki-tô giáo dành cho người lớn bắt đầu từ khi họ gia nhập thời kỳ dự tòng và đạt tới cao điểm trong một cử hành liên tiếp ba bí tích : Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể (x. AG 14; CIC khoản 851, 865, 866). Trong các nghi lễ Đông Phương, việc khai tâm Ki-tô giáo dành cho trẻ em bắt đầu với bí tích Thánh Tẩy, liền sau đó là Thêm Sức và Thánh Thể; trong nghi lễ La-tinh, việc khai tâm kéo dài trong nhiều năm học giáo lý và kết thúc với Thêm Sức và Thánh Thể là đỉnh cao (x. CIC khoản 851, 2; 868).

### **Khai tâm về các mầu nhiệm được cử hành**

#### **1234.**

Ý nghĩa và ân sủng của bí tích Thánh Tẩy được trình bày rõ ràng trong các nghi thức cử hành. Khi tham dự tích cực vào các cử chỉ và lời nói của các nghi thức, chúng ta sẽ hiểu được sự phong phú mà bí tích biểu thị và thực hiện trong người tân tòng.

#### **1235 617 2157.**

*Dấu Thánh Giá* ở đầu nghi thức là dấu ấn cho thấy quyền sở hữu của Chúa Ki-tô trên người sắp chịu phép rửa và biểu thị ơn Chúa cứu chuộc chúng ta nhờ thánh giá.

#### **1236 1122.**

*Việc công bố Lời Chúa* soi sáng các dự tòng và cộng đoàn bằng chân lý mạc khải, đồng thời gọi lên lời đáp trả bằng đức tin vốn gắn liền với bí tích Thánh Tẩy. Thực vậy, bí tích Thánh Tẩy đặc biệt là một "bí tích đức tin", vì đây là cửa ngõ dẫn vào đời sống đức tin.

#### **1237 1673 189.**

Vì bí tích giải thoát chúng ta khỏi tội lỗi và kẻ xúi giục là ma quỷ, nên vị chủ sự đọc một hay nhiều lần lời nguyện *trừ tà* trên người dự tòng. Họ được vị chủ sự xúc dầu dự tòng hoặc đặt tay, và họ công khai từ bỏ Xa-tan. Giờ đây họ có thể *tuyên xưng đức tin của Hội Thánh* mà họ sẽ được "ủy thác" qua bí tích Thánh Tẩy (x.Rm 6,17).

### **1238 1217.**

*Nước rửa tội* được thánh hiến bằng lời nguyện "xin ban Thánh Thần" ngay lúc cử hành hoặc trong đêm vọng Phục Sinh. Hội Thánh cầu xin Thiên Chúa nhờ Con của Người, ban quyền năng Thánh Thần xuống trên nước này, để những người sắp chịu phép rửa "được tái sinh nhờ nước và Thánh Thần" (Ga 3,5).

### **1239 1214.**

Tiếp đến là *nghi thức chính yếu của bí tích* : nghi thức *đìm xuống nước* biểu thị và thực hiện việc người dự tòng chết đối với tội lỗi và bước vào đời sống của Thiên Chúa Ba Ngôi, nhờ nên giống Đức Ki-tô trong máu nhiệm Vượt Qua. Nghi thức Thánh Tẩy được thực hiện một cách có ý nghĩa trước nhất, qua ba lần đìm người dự tòng trong nước rửa tội. Nhưng từ xa xưa, bí tích có thể được trao ban bằng cách đổ nước ba lần trên đầu của người dự tòng.

### **1240.**

Trong Giáo Hội La-tinh, thừa tác viên vừa đổ nước ba lần vừa đọc : "T... Cha rửa con, Nhân Danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần". Trong phụng vụ Đông Phương , người dự tòng quay về hướng Đông và linh mục đọc : "T... tôi tớ của Thiên Chúa, được rửa tội Nhân Danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần". Vị chủ sự khấn cầu từng ngôi, vừa đìm người dự tòng xuống nước rồi đưa lên.

**1241 1294-1574 783.**

*Việc xúc dầu* được giám mục thánh hiến, biểu thị việc ban Thánh Thần cho người tân tòng. Họ trở nên một Ki-tô hữu, nghĩa là "được xúc dầu" bằng Chúa Thánh Thần, được tháp nhập vào Đức Ki-tô, Đấng được xúc dầu để trở thành tư tế, ngôn sứ và vương đế (x. OBP 62).

**1242 1291.**

Trong phụng vụ của các Giáo hội Đông Phương, việc xúc dầu sau rửa tội là bí tích "xúc dầu thánh" (Thêm Sứ). Trong phụng vụ Rô-ma, việc này loan báo việc xúc dầu thứ hai mà giám mục sẽ trao ban là bí tích Thêm Sứ. Bí tích Thêm Sứ "chuẩn nhận" và "hoàn tất" việc xúc dầu khi rửa tội.

**1243 1216.**

*Áo trắng* tượng trưng người tân tòng "mặc lấy Chúa Ki-tô" (Gl 3,27), nghĩa là được phục sinh với Người. Cây nến được thắp sáng bằng lửa nến phục sinh biểu thị Đức Ki-tô soi sáng người tân tòng. Trong Đức Ki-tô, họ là "ánh sáng thế gian" (Mt 5,14; x. Pl 2,15).

**2769.**

Bây giờ người tân tòng đã là con cái Thiên Chúa trong Chúa Con nên có thể xưng lên lời nguyện của con cái Thiên Chúa : "Lạy Cha chúng con..."

**1244 1292.**

*Rước lễ lần đầu.* Được trở nên con Thiên Chúa và mặc lấy "áo cưới", người tân tòng được dự vào "tiệc cưới Con Chiên" và lãnh nhận của ăn dưỡng nuôi đời sống mới là Mình và Máu Chúa Ki-tô : các Giáo Hội Đông Phương cần thận bảo tồn sự thống nhất của việc khai tâm Ki-tô giáo nên trao ban Thánh Thể cho tất cả những người vừa được rửa tội

và thêm sức, kể cả các trẻ nhỏ vì nhớ lại lời Chúa : "Hãy để trẻ nhỏ đến với Ta, đừng ngăn cản chúng" (Mc 10,14). Giáo Hội La-tinh chỉ cho phép các em đến tuổi khôn mới được rước lễ, nên diễn tả việc bí tích Thánh Tẩy hướng đến bí tích Thánh Thể bằng cách đưa trẻ mới rửa tội đến gần bàn thờ để nguyện kinh Lạy Cha.

#### **1245.**

*Phép lành trọng thể* kết thúc nghi thức bí tích Thánh Tẩy. Khi rửa tội cho trẻ sơ sinh, việc chúc phúc cho người mẹ giữ một vai trò đặc biệt.

### **IV. AI CÓ THỂ NHẬN LÃNH BÍ TÍCH THÁNH TẨY ?**

#### **1246.**

"Tất cả và chỉ những người chưa được rửa tội mới có khả năng lãnh bí tích Thánh Tẩy" (x. CIC khoản 864; CCEO khoản 679) .

### **Rửa tội cho người lớn**

#### **1247.**

Thuở ban đầu, Hội Thánh chỉ rửa tội cho người lớn ở những nơi Tin Mừng vừa mới được loan báo. Trong trường hợp đó, thời kỳ dự tòng (chuẩn bị cho bí tích Thánh Tẩy) giữ một vị trí quan trọng. Được khai tâm về đức tin và đời sống Ki-tô giáo, người dự tòng được chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận hồng ân của Thiên Chúa trong bí tích Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể.

#### **1248 1230.**

Thời kỳ dự tòng hoặc thời gian huấn luyện có mục đích giúp đương sự đáp lại lời mời cứu độ của Thiên Chúa và hiệp thông với cộng đoàn Hội Thánh, hoán cải và tiến đến

một đức tin trưởng thành. "Đây chính là thời gian huấn luyện đời sống Ki-tô giáo đầy đủ... để nhờ đó, môn đệ liên kết với Chúa Ki-tô là Thầy mình. Các dự tòng được khai tâm về mầu nhiệm cứu rỗi, tập sống theo Phúc Âm, và qua các nghi lễ được cử hành theo từng giai đoạn, họ được đưa vào đời sống đức tin, phụng vụ và bác ái của dân Chúa" (x. AG 114; OICA 19 & 98).

### **1249 1259.**

"Những người dự tòng đã kết hợp với Hội Thánh, đã thuộc về gia đình của Chúa Ki-tô và có khi đã sống đời sống đức Tin, Cây, Mến rỗi" (x. AG 14). "Hội Thánh là Mẹ hiền yêu thương săn sóc họ như con cái mình" (x. LG 14; x. CIC khoản 206; 788, 3).

### **Rửa tội cho trẻ em**

#### **1250 403 1996.**

Được sinh ra với bản tính con người đã sa ngã và hoen ố do nguyên tội, trẻ em cũng cần được sinh ra trong đời sống mới nhờ bí tích Thánh Tẩy (x. DS 1514), để thoát khỏi quyền lực tối tăm và được hưởng tự do của con cái Thiên Chúa mà mọi người được mời gọi (x. Cl 1,12-14). Việc rửa tội trẻ em cho thấy Thiên Chúa ban ơn cứu độ hoàn toàn nhưng không. Nếu không cho các em lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy càng sớm càng tốt sau khi sinh, thì Hội Thánh và cha mẹ sẽ ngăn chặn các em lãnh nhận ơn vô giá là được trở nên con cái Thiên Chúa (x. CIC khoản 867; CCEO khoản 681; 686,1) .

#### **1251.**

Các bậc cha mẹ Ki-tô hữu phải ý thức rằng việc rửa tội cho con cái phù hợp với vai trò nuôi dưỡng sự sống mà

Thiên Chúa ủy thác cho họ (x. LG 11; 41; GS 48; CIC khoản 868).

## **1252.**

Việc rửa tội cho trẻ em là một truyền thống không biết có tự bao giờ. Hội Thánh minh nhiên xác nhận điều này ngay từ thế kỷ thứ hai. Nhưng rất có thể ngay từ đầu các tông đồ cũng đã rửa tội cho trẻ em, khi có những gia đình mà "cả nhà" đều chịu phép rửa (x. Cv 16,15.53; 18,8; 1Cr 1,16; x. CDF, Chỉ thị "hoạt động mục vụ").

## **Đức tin và bí tích Thánh Tẩy**

### **1253 1123 168.**

Bí tích Thánh Tẩy là bí tích đức tin (x. Mc 16,16). Không thể tách đức tin khỏi cộng đoàn tín hữu. Đức tin của chúng ta gắn liền với đức tin của Hội Thánh. Đức tin cần có để được rửa tội chưa phải là đức tin hoàn hảo và trưởng thành, nhưng là một khởi đầu cần được phát triển. Hội Thánh hỏi người dự tòng hoặc người đỡ đầu : "Con xin gì cùng Hội Thánh Chúa ?" Và họ trả lời : "Con xin đức tin".

### **1254 2101.**

Đức tin của những người đã được rửa tội, trẻ em hay người lớn, cần được tăng trưởng sau khi rửa tội. Chính vì thế, hằng năm trong đêm vọng Phục Sinh, Hội Thánh cho các tín hữu nhắc lại lời hứa rửa tội. Việc chuẩn bị lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy chỉ dẫn tới ngưỡng cửa của đời sống mới. Bí tích Thánh Tẩy là nguồn mạch phát sinh đời sống mới trong Đức Ki-tô, từ đó phát sinh đời sống Ki-tô hữu.

### **1255 1311.**

Điều quan trọng là cha mẹ phải giúp đỡ để ơn sủng của bí tích Thánh Tẩy được phát triển. Đó cũng là *vai trò của*

*người đỡ đầu.* Họ phải là người tín hữu tốt, có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ người chịu phép rửa sống đạo (x. CIC khoản 872- 874). Trách nhiệm của họ là một phần vụ đích thực của Hội Thánh (x. SC 67). Tất cả cộng đoàn Hội Thánh đều có một phần trách nhiệm trong việc phát triển và bảo tồn ân huệ nhận được trong bí tích Thánh Tẩy.

## **V. AI CÓ THỂ BAN BÍ TÍCH THÁNH TẨY ?**

**1256** 1752 1279,1240.

Thừa tác viên thông thường của bí tích Thánh Tẩy là giám mục, linh mục, riêng trong Giáo Hội La-tinh cả phó tế nữa (x. CIC khoản 861,1; CCEO khoản 677,1). Trong trường hợp khẩn thiết, mọi người - ngay cả những người chưa rửa tội nhưng có ý hướng đúng đắn - cũng có thể dùng công thức : nhân danh Chúa Ba Ngôi mà rửa tội (x. CIC 861,2). Ý hướng đúng đắn là muốn làm điều Hội Thánh làm khi rửa tội. Hội Thánh chấp nhận điều này, vì Thiên Chúa muốn mọi người được cứu độ (x. 1Tm 2,4) và bí tích Thánh Tẩy là phương thế cần thiết để được cứu độ (x. Mc 16,16).

## **VI. SỰ CẦN THIẾT CỦA BÍ TÍCH THÁNH TẨY**

**1257** 1129 161,846.

Chính Chúa Giê-su khẳng định bí tích Thánh Tẩy là cần thiết để được cứu độ (x. Ga 3,5). Vì thế, Người cũng sai các môn đệ đi rao giảng Tin Mừng và rửa tội cho mọi dân tộc (x. Mt 28,20; DS 1618; LG 14; AG 5). Bí tích Thánh Tẩy rất cần cho những người đã được nghe loan báo Tin Mừng và tự nguyện (x. Mc 16,16) xin chịu phép rửa, để được cứu độ. Ngoài bí tích Thánh Tẩy, Hội Thánh không có phương thế nào khác bảo đảm cho con người được hưởng hạnh phúc đời đời. Vì thế, Hội Thánh không xao lãng sứ mạng Chúa đã giao phó là rửa tội cho tất cả những ai có thể lãnh nhận, để họ

"được tái sinh nhờ nước và Thánh Thần". *Thiên Chúa đã liên kết ơn cứu độ với bí tích Thánh Tẩy, nhưng chính Người không bị các bí tích ràng buộc.*

**1258 2473.**

Hội Thánh luôn xác tín rằng những người chịu chết vì đức tin mà trước đó chưa được rửa tội, thì coi như đã được thanh tẩy, vì đã chết cho Đức Ki-tô và với Đức Ki-tô. Dù không là bí tích, *rửa tội bằng máu*, cũng như ước muốn được rửa tội, vẫn mang lại hiệu quả của bí tích Thánh Tẩy.

**1259 1249.**

Đối với *những người dự tòng* chết trước khi được rửa tội, nếu họ minh nhiên ước muốn được rửa tội, đồng thời sám hối tội lỗi và sống đức mến, thì họ được bảo đảm ơn cứu độ, dù chưa thể lãnh nhận bí tích.

**1260 848.**

"Vi Đức Ki-tô đã chết cho tất cả và vì mọi người chỉ có một ơn gọi cuối cùng là kết hợp với Thiên Chúa, nên ta phải tin chắc rằng Chúa Thánh Thần ban cho mọi người khả năng tham dự vào mầu nhiệm Phục Sinh, cách nào đó chỉ có Chúa biết" (x. GS 22; x GL 16; AG 7). Bất kỳ ai, dù không nhận biết Tin Mừng và Hội Thánh của Đức Ki-tô, nhưng tìm kiếm và thực thi ý muốn của Thiên Chúa theo sự hướng dẫn của lương tâm, có thể được cứu độ. Chúng ta có thể giả thiết họ sẽ khao khát lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy, nếu họ *biết đến sự cần thiết của bí tích này.*

**1261 1250 1257.**

Về phần các *trẻ em chết mà chưa được rửa tội*, Hội Thánh chỉ còn biết trao phó các em cho lòng thương xót của Thiên Chúa từ bi, như Hội Thánh đã làm trong nghi lễ an táng dành cho các em. Thực vậy, Thiên Chúa giàu lòng

thương xót muốn mọi người được cứu rỗi (x. 1Tm 2,4) và Chúa Giê-su đã trìu mến các em nên đã nói : "Hãy để trẻ em đến cùng Ta, đừng ngăn cản chúng" (Mc 10,14). Vì thế, chúng ta hy vọng có một con đường cứu độ dành cho những trẻ em chết mà chưa được rửa tội. Hội Thánh mời gọi các phụ huynh đừng ngăn cản trẻ em đến với Chúa Ki-tô nhờ lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy.

## II. ÂN SỦNG CỦA BÍ TÍCH THÁNH TẨY

### 1262 1234.

Những yếu tố khả giác của nghi lễ cho thấy các hiệu quả khác nhau của bí tích Thánh Tẩy. Việc chìm người xuống nước tượng trưng cho sự chết và thanh luyện, nhưng cũng là biểu tượng cho sự tái sinh và đổi mới. Do vậy, hai hiệu quả chính của bí tích Thánh Tẩy là thanh luyện tội lỗi và tái sinh trong Chúa Thánh Thần (x. Cv 2,38; Gl 3,5).

### Đẻ tha thứ tội lỗi...

### 1263 977 1425.

Nhờ bí tích Thánh Tẩy, *mọi tội lỗi* đều được tha : nguyên tội, mọi tội riêng cũng như mọi hình phạt do tội (x. DS 1316). Những người đã được tái sinh sẽ được vào Nước Thiên Chúa và không còn gì ngăn cản họ, dù là tội A-đam, tội riêng của họ, những hậu quả của tội, kể cả hậu quả trầm trọng nhất là xa lìa Thiên Chúa.

### 1264 976,2514 1426 405

Tuy nhiên, người đã được rửa tội còn phải chịu một số hậu quả tạm thời của tội như : đau khổ, bệnh tật, chết chóc hay những bất toàn trong cuộc sống như tính tình yếu đuối... và một sự hướng chiều về tội mà Truyền Thống quen gọi là *vật dục* hay nói bóng bẩy là "cái nôi của tội". "Thiên Chúa để

vật dục lại cho chúng ta chiến đấu. Vật dục không có khả năng làm hại những ai không đồng tình mà còn can đảm chống lại nó nhờ ân sủng của Đức Ki-tô. Hơn nữa, "không đoạt giải nếu không thi đấu theo luật lệ" (2 Tm 2, ẽ 5) (x. CĐ Trentô: DS 1515).

### **"Một tao vật tạo mới"**

**1265 505 460.**

Bí tích Thánh Tẩy không chỉ rửa sạch mọi tội lỗi, mà còn làm cho người tân tòng trở nên "một thụ tạo mới" (2 Cr 5,17), thành nghĩa tử của Thiên Chúa (x. Gl 4,5-7), "được thông phần bản tính Thiên Chúa" (2 Pr 1,4), thành chi thể Đức Ki-tô (x. 1Cr 6,15; 12,27) và đồng thừa tự với Người (Rm 8,17), thành đền thờ Chúa Thánh Thần (x. 1Cr 6,19).

**1266 1992.**

Chúa Ba Ngôi Chí Thánh ban cho người được rửa tội ơn thánh hóa, ơn *công chính hóa* để người đó :

*1812 - có khả năng tin tưởng, trông cậy và yêu mến Người nhờ các nhân đức đối thần;*

*1831 - có thể sống và hành động dưới tác động của Chúa Thánh Thần nhờ các hồng ân;*

*1810 - ngày càng hoàn thiện hơn nhờ các nhân đức luân lý.*

Toàn bộ đời sống siêu nhiên của người Ki-tô hữu đều bắt nguồn từ bí tích Thánh Tẩy.

**Tháp nhập vào Hội Thánh là Thân Thể Chúa Ki-tô**

**1267 782.**

Bí tích Thánh Tẩy làm cho chúng ta thành chi thể trong Thân Thể Chúa Ki-tô, "bởi thế, chúng ta là phần thân thể của nhau" (Ep 4,25). Bí tích Thánh Tẩy tháp nhập chúng ta vào *Hội Thánh*. Dân Thiên Chúa của Giao Ước Mới phát sinh từ giếng rửa tội. Dân này vượt trên mọi ranh giới tự nhiên hay nhân trần, quốc gia, văn hóa, chủng tộc và giới tính. "Tất cả chúng ta đều đã chịu Phép Rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể" (1 Cr 12,13).

### **1268 1141 784.**

Những người đã được rửa tội trở nên "những viên đá sống động... để xây nên ngôi đền thờ của Thánh Thần, xây dựng hàng tư tế thánh" (1 Pr 2,5). Nhờ bí tích Thánh Tẩy, họ tham dự vào chức tư tế của Đức Ki-tô, vào sứ mạng ngôn sứ và vương đế của Người. "Anh em là giống nòi được tuyển chọn, là hoàng tộc chuyên lo tế tự, là dân thánh, dân riêng của Thiên Chúa, để loan truyền những kỳ công vĩ đại của Người, Đấng đã gọi anh em ra khỏi miền u tối vào nơi đây ánh sáng diệu huyền" (2 Pr 2,9). *Bí tích Thánh Tẩy cho các tín hữu tham dự vào chức tư tế cộng đồng của Dân Chúa.*

### **1269 871.**

Người đã được rửa tội trở thành phần tử của Hội Thánh, họ "không còn thuộc về mình, nhưng thuộc về Đấng đã chết và sống lại vì chúng ta" (1Cr 6,19). Do đó, họ được mời gọi để phục tùng nhau (x.Ep 5,21; 1Cr 16, 15-16) và phục vụ nhau (x.Ga 13,12-15) trong tình hiệp thông của Hội Thánh. Họ được mời gọi vâng lời và phục tùng các vị lãnh đạo của Hội Thánh (x. Dt 13, 17) với lòng kính trọng và quý mến (x.1Tx 5,12-13). Bí tích Thánh Tẩy đã trao cho người lãnh nhận những trách nhiệm và bổn phận, đồng thời cũng cho họ được hưởng những quyền lợi trong lòng Hội Thánh : được lãnh nhận các bí tích, được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa

và được Hội Thánh nâng đỡ bằng các trợ giúp thiêng liêng (x.LG 37, CIC khoản 208-223; CCEO khoản 675,2).

### **1270 2472.**

"Được tái sinh làm con Thiên Chúa, những người đã được rửa tội có bổn phận tuyên xưng trước mặt mọi người đức tin mà họ nhận lãnh từ Thiên Chúa qua Hội Thánh" (x.LG 10), tham dự vào hoạt động tông đồ và truyền giáo của Dân Thiên Chúa (x.LG 17; AG 7,23).

### **Mối dây hiệp nhất các Ki-tô hữu**

#### **1271 818,838.**

Bí tích Thánh Tẩy đặt nền tảng cho sự hiệp thông giữa các Ki-tô hữu, ngay cả với những người chưa hoàn toàn hiệp thông với Hội Thánh Công Giáo : "Thật vậy, những người tin ở Chúa Ki-tô và đã được rửa tội đúng phép, vẫn hiệp thông với Hội Thánh Công giáo một cách nào đó, cho dầu không được hoàn hảo... Được công chính hóa nhờ đức tin khi chịu phép rửa tội, họ đã được tháp nhập vào Chúa Ki-tô, vì thế họ có quyền mang danh Ki-tô hữu và xứng đáng được con cái của Hội Thánh Công Giáo nhìn nhận là anh em trong Chúa" (x. UR 3). "Vậy phép Rửa Tội tạo nên *mối dây hiệp nhất* tất cả những kẻ đã được tái sinh" (UR 22).

### **Dấu ấn thiêng liêng không thể tẩy xóa...**

#### **1272 1121**

Được tháp nhập vào Chúa Ki-tô nhờ bí tích Thánh Tẩy, người được rửa tội trở nên "đồng hình đồng dạng" với Chúa Ki-tô (x. Rm 8,29). Bí tích Thánh Tẩy ghi trên Ki-tô hữu một dấu ấn thiêng liêng không thể tẩy xóa để chỉ cho biết họ thuộc về Chúa Ki-tô. Không một tội lỗi nào xóa được dấu ấn này, cho dù tội lỗi ngăn cản bí tích Thánh Tẩy mang

lại những hiệu quả cứu độ (x. DS 1609-1619). Mỗi người chỉ nhận bí tích Thánh Tẩy một lần mà thôi.

### **1273 1070.**

Được tháp nhập vào Hội Thánh nhờ bí tích Thánh Tẩy, các tín hữu đã được ấn tích thánh hiến để họ thi hành việc phụng tự Ki-tô giáo (x. LG 11). Ấn tín rửa tội vừa cho họ khả năng vừa đòi buộc họ phụng sự Thiên Chúa, bằng cách tham dự tích cực vào phụng vụ của Hội Thánh và thực thi chức vụ tư tế cộng đồng bằng đời sống thánh thiện và đức mến năng động để làm chứng cho Chúa (x. LG 10).

### **1274 197 2016.**

"*Ấn tín của Chúa*" (x. Thánh Augustinô, thư 98,5) là dấu ấn Chúa Thánh Thần ghi trên chúng ta "để chờ ngày cứu chuộc" (Ep 4,30). "Thật vậy, bí tích Thánh Tẩy là ấn tín của sự sống muôn đời" (x. Thánh I-rê-nê, Trình bày đức tin 3 ). Người tín hữu "được Thiên Chúa ghi dấu đức tin" (x. MR, Kinh Tạ Ôn Rô-ma 97) phải "gìn giữ ấn tín" này cho đến cùng, nghĩa là trung thành với những đòi hỏi của bí tích Thánh Tẩy; họ có thể an giấc trong niềm tin của bí tích Thánh Tẩy, chờ ngày được hưởng Nhan Thánh Chúa và hy vọng sẽ được sống lại vinh quang.

## **TÓM LƯỢC**

### **1275.**

*Việc khai tâm Ki-tô giáo được thực hiện bằng ba bí tích : bí tích Thánh Tẩy khởi đầu đời sống mới; bí tích Thêm Sức củng cố đời sống mới; và bí tích Thánh Thể nuôi dưỡng người môn đệ bằng Mình và Máu Chúa Ki-tô để biến đổi họ nên đồng hình đồng dạng với Người.*

**1276.**

*"Hãy đi đến với muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ những điều Thầy truyền cho anh em để muôn dân trở nên môn đệ của Thầy" (Mt 28, 19-20).*

**1277.**

*Bí tích Thánh Tẩy tái sinh con người vào đời sống mới trong Chúa Ki-tô. Theo thánh ý Thiên Chúa, con người cần đến bí tích Thánh Tẩy cũng như cần đến Hội Thánh để được cứu độ. Bí tích Thánh Tẩy đưa con người vào Hội Thánh.*

**1278.**

*Nghi thức chủ yếu của bí tích Thánh Tẩy là chìm người dự tòng vào trong nước hoặc đổ nước trên đầu, trong khi kêu cầu Ba Ngôi Chí Thánh là Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần.*

**1279.**

*Hiệu quả hay ân sủng của bí tích Thánh Tẩy rất phong phú : tha nguyên tội và mọi tội riêng đã phạm sinh ra trong đời sống mới nhờ đó con người trở thành nghĩa tử của Chúa Cha, thành chi thể Chúa Ki-tô và đền thờ Chúa Thánh Thần. Đồng thời, cho người được rửa tội tháp nhập vào Hội Thánh là Thân Thể Chúa Ki-tô, và tham dự vào chức tư tế của Chúa Ki-tô.*

**1280.**

*Bí tích Thánh Tẩy in vào linh hồn một dấu thiêng liêng không thể tẩy xóa gọi là "ấn tích". Ấn tích này thánh hiến người được rửa tội để thi hành việc phụng thờ Thiên Chúa. Do đó, mỗi người chỉ được nhận bí tích Thánh Tẩy một lần mà thôi (x.DS 1609 và 1624).*

**1281.**

*Những người chịu chết vì đức tin cũng như người dưng tòng và tất cả những ai vô tình không nhận biết Hội Thánh, nhưng thành tâm tìm kiếm Thiên Chúa dưới tác động của ơn thánh và cố gắng chu toàn thánh ý Thiên Chúa, vẫn có thể được cứu độ dù chưa nhận bí tích Thánh Tẩy (x.LG 16).*

**1282.**

*Từ thời xa xưa, Hội Thánh đã ban bí tích Thánh Tẩy cho các trẻ em, vì đây là quà tặng, là hồng ân của Thiên Chúa chứ không do công trạng của con người. Các em được rửa tội trong đức tin của Hội Thánh. Và khi đưa các em vào đời sống Ki-tô hữu, Hội Thánh dẫn các em đến tự do đích thực.*

**1283.**

*Về phần các trẻ em chết mà chưa được rửa tội, Phụng Vụ Hội Thánh mời gọi chúng ta phó thác vào lòng nhân từ của Thiên Chúa và cầu nguyện cho các em.*

**1284.**

*Trong trường hợp khẩn thiết, mọi người đều có thể rửa tội, miễn là có ý làm điều Hội Thánh muốn làm và đổ nước lên đầu người lãnh nhận trong khi đọc: "Tôi rửa anh nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần".*

## **Mục 2**

### **BÍ TÍCH THÊM SỨC**

**1285.**

Bí tích Thêm Sức cùng với bí tích Thánh Tẩy và Thánh Thể hợp thành một thể thống nhất gồm "ba bí tích

khai tâm Ki-tô giáo". Vì thế, phải giải thích cho các tín hữu biết họ cần lãnh nhận bí tích Thêm Sức để hoàn tất ân sủng Thánh Tẩy. "Nhờ ơn bí tích Thêm Sức, các tín hữu gắn bó với Hội Thánh cách hoàn hảo hơn và được dư đầy sức mạnh đặc biệt của Chúa Thánh Thần; do đó, họ càng có bổn phận khẩn thiết hơn phải loan truyền và bảo vệ đức tin bằng lời nói và việc làm, như những chứng nhân đích thực của Chúa Ki-tô"(LG 11).

## I. BÍ TÍCH THÊM SỨC TRONG KẾ HOẠCH ƠN CỨU ĐỘ

### 1286 702-716.

Trong *Cựu Ước* các ngôn sứ loan báo : Thánh Thần Chúa sẽ ngự xuống trên Đấng Mê-si-a (x. Is 11,2) muôn dân mong đợi để giúp Người thực hiện sứ mạng cứu độ (x. Lc 4,16-22; Is 61,1). Việc Chúa Thánh Thần ngự xuống trên Đức Giêsu khi Người chịu phép rửa của Gio-an, là dấu chỉ cho thấy chính Người là Đấng phải đến, là Đấng Mê-si-a và là Con Thiên Chúa (Mt 3,13-17). Vì Người đã nhập thể bởi phép Chúa Thánh Thần, nên tất cả cuộc đời và sứ mạng của Người được thực hiện trong sự hiệp thông trọn vẹn với Chúa Thánh Thần, "Thiên Chúa ban Thánh Thần cho Người vô ngần vô hạn" (Ga 3,34).

### 1287 739.

Thiên Chúa không những ban tràn đầy Thánh Thần cho Đấng Mê-si-a, mà còn ban *cho toàn thể dân của Đấng Mê-si-a* (x. Ed 36,25-27; Ge 3,1-2). Nhiều lần, Đức Ki-tô đã hứa ban Thánh Thần cho các môn đệ (x. Lc 12,12; Ga 3,5-8); Người đã thực hiện lời hứa đó trong ngày Phục Sinh (x. Ga 20,22) và sau đó, công khai trong ngày lễ Ngũ Tuần (x. Cv 2,1-4). Được tràn đầy Thánh Thần, các tông đồ bắt đầu rao giảng "những kỳ công của Thiên Chúa" (Cv 2,11). Phê-rô

công bố : việc Thánh Thần được ban xuống là dấu chỉ của thời đại Đấng Mê-si-a (x. Cv 2,17-18). Ai tin lời rao giảng của các tông đồ và nhận phép rửa, cũng nhận được hồng ân Thánh Thần (Cv 2,38).

### **1288 699.**

"Từ đó, theo ý của Đức Ki-tô, các tông đồ đặt tay ban Thánh Thần cho các tân tòng để kiện toàn ân sủng Thánh Tẩy (x. Cv 8,15-17;19,5-6). Vì thế, thư Do Thái đã liệt kê giáo lý về Phép Rửa và về nghi thức Đặt Tay (Dt 6,2) vào số những yếu tố căn bản của huấn giáo. Truyền thống công giáo đã làm đúng, khi coi việc đặt tay là nguồn gốc của bí tích Thêm Sức, là phương thế lưu truyền hồng ân Thánh Thần trong Hội Thánh" (x. ĐGH Phao-lô VI, tông hiến "Thông dụ bản tính Thần linh").

### **1289 695 436 1297.**

Để biểu thị rõ hồng ân Thánh Thần, ngoài việc đặt tay, Hội Thánh đã sớm thêm nghi thức Xức Dầu. Việc xức dầu này làm nổi bật danh xưng Ki-tô hữu là "người được xức dầu"; danh xưng bắt nguồn từ chính Đức Ki-tô, "Đấng được Thiên Chúa dùng Thánh Thần mà xức dầu tấn phong" (Cv 10,38). Nghi thức Xức Dầu này được giữ đến nay trong nghi lễ Đông cũng như Tây Phương. Giáo Hội Đông Phương gọi bí tích này là bí tích Dầu Thánh. Giáo Hội La-tinh gọi là bí tích Thêm Sức, vì bí tích này vừa xác nhận bí tích Thánh Tẩy, vừa củng cố ân sủng Thánh Tẩy.

## **Hai truyền thống : Đông phương và Tây phương**

### **1290 1233.**

Vào các thế kỷ đầu, bí tích Thêm Sức thường được cử hành chung với bí tích Thánh Tẩy thành một "bí tích kép" theo kiểu nói của thánh Síp-ri-a-nô. Vì thói quen rửa tội cho

trẻ em ngày một thịnh hành và rửa tội vào bất kỳ thời điểm nào trong năm, vì các giáo xứ nhất là ở miền quê gia tăng, làm cho giáo phận mở rộng, nên vị giám mục không thể hiện diện trong mọi cử hành rửa tội. Nghi lễ Tây Phương tách bí tích Thêm Sức khỏi bí tích Thánh Tẩy một khoảng thời gian để vị giám mục có thể đích thân cử hành bí tích Thêm Sức, kiện toàn bí tích thánh Tẩy. Đông Phương vẫn giữ thói quen kết hợp hai bí tích trên, do đó vị linh mục rửa tội sẽ ban ngay cho người tân tòng bí tích Thêm Sức. Tuy nhiên, vị linh mục này chỉ có thể cử hành bí tích Thêm Sức với dầu thánh do giám mục thánh hiến (x. CCEO khoản 695,1; 696,1).

### **1291 1242.**

Giáo Hội Rô-ma có một thói quen rất thuận lợi cho việc phát triển cách thực hành của nghi lễ Tây Phương : xức dầu hai lần cho người được rửa tội. Lần đầu do linh mục khi người tân tòng lên khỏi nước, lần thứ hai do giám mục xức trên trán từng người tân tòng (x. Thánh Hi-pô-li-tô, Truyền thống các tông đồ 21). Lần xức dầu thứ nhất do linh mục được giữ lại trong nghi thức rửa tội, biểu thị sự tham dự của người tân tòng vào các chức vụ ngôn sứ, tư tế và vương giả của Đức Ki-tô. Đối với người lớn, nghi lễ Tây Phương chỉ có một lần xức dầu sau khi rửa tội, lần xức dầu của bí tích Thêm Sức.

### **1292 1244.**

Cách thực hành của Giáo Hội Đông phương nhấn mạnh tính thống nhất của việc khai tâm Ki-tô giáo. Cách thực hành của Giáo Hội La-tinh cho thấy rõ hơn sự hiệp thông giữa người Ki-tô hữu và vị giám mục của mình; ngài là người bảo đảm và chăm sóc cho tính duy nhất, công giáo và tông truyền của giáo đoàn đó, và chính là mối dây liên kết người tân tòng với nguồn gốc tông truyền của Hội Thánh Chúa Ki-tô.

## II. DẤU CHỈ VÀ NGHI THỨC CỦA BÍ TÍCH THÊM SỨC

### 1293.

Trong nghi thức bí tích Thêm Sức, chúng ta cần lưu ý đến dấu chỉ *xức dầu* và *ấn tín thiêng liêng*.

695

Theo ngôn ngữ biểu tượng của Thánh Kinh, *xức dầu* có nhiều ý nghĩa : dầu là dấu chỉ của sự sung mãn (x.Dt 11,14) và niềm vui (x.Tv 23,5; 104,15); dầu dùng để thanh tẩy (thoa dầu trước và sau khi tắm); dầu làm cho dẻo dai (thoa dầu cho các lực sĩ và đồ vật); dầu là dấu chỉ chữa bệnh vì chữa lành các vết bầm và vết thương (x.Is 1,6; Lc 10,34); dầu làm nổi bật vẻ đẹp, sức khỏe và thể lực.

### 1294 1152.

Chúng ta gặp lại tất cả những ý nghĩa này trong đời sống bí tích. Xức "dầu dự tòng" trước khi chịu rửa tội biểu thị việc thanh tẩy và tăng sức. Xức dầu bệnh nhân diễn tả việc chữa lành và hồi phục. Xức "Dầu Thánh" sau khi rửa tội, khi lãnh bí tích Thêm Sức và Truyền Chức, là dấu chỉ thánh hiến. Nhờ bí tích Thêm Sức, các Ki-tô hữu là những người được xức dầu, được tham dự tích cực hơn vào sứ mạng của Đức Ki-tô và được tràn đầy Thánh Thần của Người, để toàn bộ đời sống của họ tỏa "hương thơm của Đức Ki-tô" (2 Cr 2,15).

### 1295 698.

Qua việc xức dầu này, người chịu bí tích Thêm Sức nhận được "*dấu ấn*", ấn tín của Chúa Thánh Thần. Ấn tín biểu tượng cho một người (x.St 38,18; Dc 8,6), là dấu chỉ quyền hành (x.St 41-42), quyền sở hữu (Đnl 32, 34) của người đó (người ta thường ghi dấu của vị chỉ huy trên các người lính, dấu của chủ trên các nô lệ). Ấn tín còn đêxác

nhận một văn kiện pháp lý hay niêm phong một tài liệu mật (x. Gr 32,10; Is 29,11).

### **1296 1121.**

Chính Đức Ki-tô tuyên bố Chúa Cha đã ghi ấn tín cho Người (x. Ga 6,27). Người Ki-tô hữu cũng được khắc ghi một ấn tín : "Đấng đã đặt chúng tôi và anh em trên nền tảng vững chắc là Đức Ki-tô, Đấng đã xúc dầu cho chúng ta, Đấng ấy là Thiên Chúa. Chính Người cũng đã đóng ấn tín trên chúng ta và đổ Thánh Thần vào lòng chúng ta làm bảo chứng" (x. 2Cr 1,22; Ep 1,13; 4,30). Ấn tín của Chúa Thánh Thần xác nhận một người hoàn toàn thuộc về Đức Ki-tô, để vĩnh viễn phục vụ Người, đồng thời là dấu chỉ của lời Thiên Chúa hứa sẽ bảo vệ người ấy trong cuộc thử thách lớn lao thời cánh chung (x. Kh 7,2-3; 9,4; Ed 9,4-6).

## **Nghi thức bí tích Thêm Sức**

### **1297 1183 1241.**

Có một nghi thức quan trọng và gắn liền với bí tích Thêm Sức nhưng được cử hành trước bí tích Thêm Sức, đó là  *nghi thức thánh hiến dầu*. Trong thánh lễ làm phép dầu ngày Thứ Năm Tuần Thánh, giám mục thánh hiến dầu để sử dụng trong toàn giáo phận. Trong vài Giáo Hội Đông Phương, nghi thức này dành riêng cho vị thượng phụ.

Phụng vụ An-ti-ô-ki-a thánh hiến dầu bằng lời xin ban Thánh Thần như sau : "Lạy Cha... xin cử Thánh Thần đến trên chúng con và trên dầu đang đặt trước mặt chúng con đây. Xin thánh hiến dầu dành để xúc và ghi dấu cho tất cả mọi người : dầu thánh, dầu tư tế, dầu vương đế, dầu hoan lạc, trang phục ánh sáng, áo cứu độ, hồng ân thiêng liêng, ơn thánh hóa linh hồn và thân xác, hạnh phúc vững bền, ấn tín không thể tẩy

xóa, khiên thuẫn bảo vệ đức tin, và mũ chiến an toàn chống đỡ mọi cuộc tấn công của Kẻ thù".

### 1298.

Khi bí tích Thêm Sức được cử hành tách khỏi bí tích Thánh Tẩy như trong nghi lễ Rô-ma, phụng vụ bí tích bắt đầu bằng việc lặp lại lời hứa khi lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy và việc tuyên xưng đức tin của người sắp nhận bí tích Thêm Sức. Điều này nhấn mạnh bí tích Thêm Sức đi liền với bí tích Thánh Tẩy (x. SC 71). Khi một người trưởng thành chịu phép Rửa Tội, họ sẽ lãnh nhận ngay sau đó bí tích Thêm Sức và tham dự vào bí tích Thánh Thể (x. CIC khoản 866).

### 1299.

Trong nghi lễ Rô-ma, vị giám mục "đặt tay" trên toàn thể những người lãnh nhận bí tích Thêm Sức. Đây là cử chỉ có từ thời các tông đồ diễn tả việc ban ơn Thánh Thần. Vị giám mục cầu khẩn Thiên Chúa ban Thánh Thần với lời nguyện như sau :

1831

"Lạy Thiên Chúa toàn năng, là Cha Đức Giê-su Ki-tô Chúa chúng con, Chúa đã tái sinh các tội tớ Chúa đây bởi nước và Thánh Thần khi giải thoát họ khỏi tội lỗi, thì lạy Chúa, xin hãy ban Chúa Thánh Thần, Đấng An Ủi đến trong những người này; xin ban cho họ thần trí khôn ngoan và thông hiểu, thần trí lo liệu và sức mạnh, thần trí suy biết và đạo đức, xin ban cho những người này đầy ơn kính sợ Chúa. Nhờ Đức Ki-tô, Chúa chúng con."

### 1300 699.

Tiếp đó là *nghi thức chính yếu* của Bí tích. Trong nghi lễ La-tinh, "bí tích Thêm Sức được trao ban bằng việc xức dầu thánh trên trán, đồng thời với việc đặt tay và đọc lời

này ("Accipe Signaculum doni Spiritus Sancti") : "Hãy nhận lấy ấn tín hồng ân Thiên Chúa là Chúa Thánh Thần" (x. Theo tài liệu *Corrigenda Concernant le contenu du texte* (en Francaise), câu này được dịch là *Sois marqué de L'Éprit Saint, le don de Dieu.*). Trong các Giáo Hội Đông Phương, việc xức dầu thánh được thực hiện sau lời nguyện xin ban Chúa Thánh Thần của vị chủ tế; dầu thánh được xức trên những phần có ý nghĩa nhất của thân thể : trán, mắt, mũi, tai, môi, ngực, lưng, hai tay và hai chân; mỗi lần xức dầu, chủ tế nói ("Signaculum doni Spiritus Sancti"): "Ấn tín hồng ân là chính Chúa Thánh Thần".

### **1301.**

"Hôn bình an" kết thúc nghi thức, biểu thị và biểu lộ sự hiệp thông trong Hội Thánh giữa vị giám mục và toàn thể tín hữu.

## **III. HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH THÊM SỨC**

### **1302 731.**

Hiệu quả của bí tích Thêm Sức là người tín hữu được nhận Chúa Thánh Thần một cách đặc biệt, như ngày xưa các tông đồ đã nhận được trong ngày lễ Ngũ Tuần.

### **1303 1262-1274.**

Với hiệu quả này, bí tích Thêm Sức tăng trưởng và đào sâu ơn bí tích Thánh Tẩy :

- giúp chúng ta đi sâu vào tình nghĩa tử thiêng liêng, cho phép chúng ta gọi Thiên Chúa là "*Áp-ba, lạy Cha*" (Rm 8,15);
- giúp chúng ta kết hợp mật thiết hơn với Chúa Ki-tô;
- gia tăng các ơn Chúa Thánh Thần trong chúng ta;
- cho chúng ta liên kết trọn vẹn hơn với Hội Thánh;

2044

- ban sức mạnh đặc biệt của Chúa Thánh Thần để chúng ta truyền bá và bảo vệ đức tin bằng lời nói và hành động như những chứng nhân đích thực của Đức Ki-tô, để anh dũng tuyên xưng danh thánh Chúa Ki-tô và không bao giờ hổ thẹn vì thập giá (x. DS 1319; LG 11; 12):

"Hãy nhớ, bạn đã lãnh nhận ấn tín thiêng liêng của Chúa Thánh Thần là thần trí khôn ngoan và thông hiểu, thần trí lo liệu và sức mạnh, thần trí suy biết và đạo đức, thần trí dạy cho biết kính sợ Thiên Chúa. Hãy gìn giữ những gì bạn đã lãnh nhận. Chúa Cha đã ghi ấn tín của Người nơi bạn. Chúa Ki-tô đã tăng sức cho bạn và đặt trong lòng bạn bảo chứng của Chúa Thánh Thần" ( x. Thánh Am-rô-xi-ô, Bàn về các mầu nhiệm 7,12).

#### **1304 1121.**

Như bí tích Thánh Tẩy, bí tích Thêm Sức chỉ được nhận một lần mà thôi. Bí tích Thêm Sức in vào linh hồn một dấu ấn thiêng liêng không thể tẩy xóa được, một ấn tích ( x. DS 1609): Chúa Ki-tô đóng ấn tín của Thần Khí Người trên Ki-tô hữu để củng cố họ bằng sức mạnh thần linh và biến họ thành chứng nhân cho Người ( x. Lc 24,48-49).

#### **1305 1268.**

"Ấn tích" kiện toàn chức tư tế cộng đồng người tín hữu đã lãnh nhận trong bí tích Thánh Tẩy, và "người lãnhbí tích Thêm Sức nhận được sức mạnh để công khai tuyên xưng đức tin vào Chúa Ki-tô như một bổn phận" ( x. Thánh Tô-ma A-qui-nô, Tổng luận Thần học 3,72,5, AD 2).

### **IV. AI CÓ THỂ LÃNH NHẬN BÍ TÍCH THÊM SỨC ?**

#### **1306 1212.**

Tất cả những ai đã lãnh bí tích Thánh Tẩy, nhưng chưa nhận bí tích Thêm Sức, đều có thể và phải lãnh nhận bí tích Thêm Sức ( x. CIC khoản 889,1). Ba bí tích Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể tạo thành một thể thống nhất, nên "các tín hữu buộc phải lãnh nhận bí tích Thêm Sức vào thời gian thích hợp" ( x CIC, can .890.). Thiếu bí tích Thánh Thể và Thêm Sức, Thánh Tẩy chắc chắn thành sự và hữu hiệu, nhưng việc khai tâm Ki-tô giáo vẫn chưa trọn vẹn.

### **1307.**

Thói quen trong Giáo Hội La-tinh, từ nhiều thế kỷ, lấy "tuổi biết phán đoán" làm chuẩn để lãnh nhận bí tích Thêm Sức. Trong trường hợp nguy tử, Hội Thánh vẫn ban bí tích này cho các trẻ em dù chưa đến tuổi biết phán đoán.

### **1308 1250.**

Đôi khi chúng ta gọi bí tích Thêm Sức là "bí tích dành cho Ki-tô hữu trưởng thành", nhưng không vì thế lẫn lộn tuổi trưởng thành trong đức tin với tuổi phát triển tự nhiên; hơn nữa, ân sủng của bí tích Thánh Tẩy là một ơn tuyển chọn nhưng không, không cần "xác nhận" để có hiệu lực. Thánh Tô-ma nhắc nhở :

"Tuổi thể lý không phải là tiêu chuẩn cho linh hồn. Dù còn nhỏ, người ta có thể đạt tới mức trưởng thành thiêng liêng, như sách Khôn Ngoan dạy : "Sự già giặn đáng kính đâu phải vì trường thọ hay cao niên" (4,8). Vì thế, có nhiều trẻ em, sau khi nhận được sức mạnh của Chúa Thánh Thần, đã anh dũng chiến đấu dù phải đổ máu vì Chúa Ki-tô" ( x.Thánh Tô-ma A-qui-nô, Tổng luận Thần học 3,72,8, AD 2).

### 1309

Để lãnh nhận bí tích Thêm Sức, người tín hữu phải được *chuẩn bị* nhằm kết hợp mật thiết hơn với Chúa Ki-tô, gắn bó chặt chẽ với Chúa Thánh Thần, với hoạt động, hồng ân và lời mời gọi của Người, và hăng hái nhận lấy trách nhiệm tông đồ của Ki-tô hữu. Do đó, giáo lý Thêm Sức phải cố gắng giúp cho thụ nhân cảm nhận mình thuộc về Hội Thánh Chúa Ki-tô, thuộc về Hội Thánh toàn cầu cũng như cộng đồng giáo xứ. Cộng đoàn này có trách nhiệm đặc biệt trong việc chuẩn bị cho những người sắp chịu phép Thêm Sức (x. OCf, Tiền chú 3).

### 1310 2670.

Để lãnh nhận bí tích Thêm Sức, người tín hữu phải ở trong tình trạng ân sủng. Họ cần nhờ bí tích Hòa Giải thanh tẩy tâm hồn để đón nhận hồng ân Chúa Thánh Thần. Ngoài ra, họ còn phải tích cực cầu nguyện để chuẩn bị đón nhận ân sủng và sức mạnh của Chúa Thánh Thần với tâm hồn vâng phục và sẵn sàng (x. Cv 1,14).

### 1311 1255.

Cũng như bí tích Thánh Tẩy, người sắp lãnh nhận bí tích Thêm Sức nên tìm *một người đỡ đầu*, để được trợ giúp trong đời sống thiêng liêng. Nên chọn chính người đỡ đầu rửa tội để nhấn mạnh sự thống nhất của hai bí tích này (x. OCf, Tiền chú 5;6; CIC khoản 893, 1-2).

## V. THỪA TÁC VIÊN BÍ TÍCH THÊM SỨC

### 1312.

*Thừa tác viên cơ bản* của bí tích Thêm Sức là vị giám mục (x. LG 226).

1233

Ở *Đông Phương*, thông thường vị linh mục ban bí tích Thánh Tẩy và ban luôn bí tích Thêm Sức trong cùng một cử hành. Tuy nhiên, linh mục phải dùng dầu thánh được vị thượng phụ hay giám mục thánh hiến, để nói lên tính duy nhất tông truyền của Hội Thánh được củng cố nhờ bí tích Thêm Sức. Giáo Hội La-tinh cũng áp dụng trình tự này khi rửa tội cho người lớn hay khi đón nhận một người đã được rửa tội trong một Giáo Hội khác thuộc Ki-tô giáo vào hiệp thông với Giáo Hội công giáo, nếu Giáo Hội này không có bí tích Thêm Sức thành sự (x. CIC khoản 883,2).

**1313 1290 1285.**

*Trong nghi lễ La-tinh*, giám mục là thừa tác viên thông thường của bí tích Thêm Sức (x. CIC khoản 882). Dù giám mục có thể trao quyền ban bí tích Thêm Sức cho các linh mục trong những trường hợp cần thiết (x. CIC khoản 884,2); nhưng do ý nghĩa của bí tích này, giám mục nên trực tiếp ban vì đừng quên bí tích Thêm Sức được tách khỏi bí tích Thánh Tẩy là để các ngài có thể đích thân đến ban phép Thêm Sức. Các giám mục là những vị kế nhiệm tông đồ, được lãnh nhận bí tích truyền chức cách viên mãn, nên việc các ngài đích thân cử hành bí tích sẽ nhấn mạnh : bí tích Thêm Sức kết hợp chặt chẽ những người lãnh nhận với Hội Thánh, với các nguồn gốc tông đồ và với sứ mạng làm chứng cho Chúa Ki-tô.

**1314 1307.**

Bất cứ linh mục nào cũng có thể ban bí tích Thêm Sức cho người tín hữu đang nguy tử (x. CIC khoản 883,3). Hội Thánh mong muốn : không một người con nào của mình, cho dù bé nhỏ, lia đời mà chưa được Chúa Thánh Thần kiện toàn bằng ân sủng tràn đầy của Chúa Ki-tô.

## **TÓM LƯỢC**

### **1315.**

*"Các Tông đồ ở Giê-ru-sa-lem nghe biết dân miền Sa-ma-ri đã đón nhận Lời Thiên Chúa thì cử ông Phê-rô và Gio-an đến với họ. Khi đến nơi, hai ông cầu nguyện cho họ, để họ nhận được Thánh Thần. Vì Thánh Thần chưa ngự xuống ai trong nhóm họ, họ mới chỉ chịu phép rửa nhân danh Chúa Giê-su. Bấy giờ hai ông đặt tay trên họ, và họ nhận được Thánh Thần" (Cv 8,14-17).*

### **1316.**

*Bí tích Thêm Sức kiện toàn ân sủng Thánh Tẩy. Đây là bí tích ban ơn Thánh Thần để giúp chúng ta củng cố ơn nghĩa tử, tháp nhập thâm sâu vào Chúa Ki-tô, liên kết chặt chẽ với Hội Thánh, gắn bó với sứ mạng của Hội Thánh và làm chứng cho đức tin Ki-tô giáo bằng cả cuộc sống.*

### **1317.**

*Cũng như bí tích Thánh Tẩy, bí tích Thêm Sức in vào tâm hồn người tín hữu một dấu thiêng liêng, một ấn tín không tẩy xóa được. Vì thế, mỗi người chỉ có thể lãnh nhận bí tích Thêm Sức một lần trong đời.*

### **1318.**

*Giáo Hội Đông Phương ban bí tích Thêm Sức liền sau bí tích Thánh Tẩy; tiếp đó, người tân tòng được tham dự ngay bí tích Thánh Thể. Truyền thống này làm nổi bật sự thống nhất của ba bí tích khai tâm Ki-tô giáo. Giáo Hội Latinh ban bí tích Thêm Sức cho các em đã tới tuổi khôn; và thường dành quyền ban bí tích này cho giám mục để thấy rõ người nhận bí tích Thêm Sức được liên kết với Hội Thánh.*

**1319.**

*Muốn lãnh nhận bí tích Thêm Sức, người tín hữu tới tuổi khôn, phải tuyên xưng đức tin, đang trong tình trạng ăn sủng, có ý muốn lãnh nhận bí tích, sẵn sàng đảm nhận vai trò môn đệ và chứng nhân của Chúa Ki-tô, trong cộng đoàn Hội Thánh cũng như trong các lãnh vực trần thế.*

**1320.**

*Nghi thức chính yếu của bí tích Thêm Sức là xúc dầu thánh trên trán người đã lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy (Giáo Hội Đông Phương còn xúc dầu trên những phần khác của thân thể), cùng với việc thừa tác viên đặt tay và đọc : "Hãy lãnh nhận Chúa Thánh Thần là ấn tín hồng ân Thiên Chúa" ("Accipe signaculum doni Spiritus Sancti")(nghĩ lễ La-tinh) hay "Ấn tín hồng ân là chính Chúa Thánh Thần" ("Signaculum doni Spiritus Sancti") (nghĩ lễ By-zan-tin).*

**1321 1212.**

*Khi bí tích Thêm Sức được cử hành tách khỏi bí tích Thánh Tẩy, chính việc lập lại lời tuyên xưng đức tin khi rửa tội, làm nổi bật mối liên hệ giữa hai bí tích này. Bí tích Thêm Sức được cử hành trong Thánh lễ, để nhấn mạnh tính thống nhất của các bí tích khai tâm Ki-tô giáo.*

**Mục 3****BÍ TÍCH THÁNH THỂ****1322 1212.**

Bí tích Thánh Thể hoàn tất công cuộc khai tâm Ki-tô giáo. Những người đã được bí tích Thánh Tẩy nâng lên tham dự hàng tư tế vương giả và nhờ bí tích Thêm Sức trở nên đồng hình đồng dạng với Chúa Ki-tô cách sâu xa hơn, nay

nhờ bí tích Thánh Thể được cùng với toàn thể cộng đoàn tham dự vào hy lễ của Chúa Giê-su.

**1323 1402.**

"Trong bữa tiệc sau hết, vào đêm bị nộp, Đấng Cứu Chuộc chúng ta đã thiết lập Hy Tế Tạ Ơn bằng Mình và Máu Người, để nhờ đó, Hy Tế Khổ Giá kéo dài qua các thời đại cho tới khi Người lại đến, và cũng để ủy thác cho Hiền Thê yêu quý của Người là Hội Thánh tưởng nhớ sự chết và phục sinh của Người : đây là bí tích tình yêu, dấu chỉ hiệp nhất, mối dây bác ái, bữa tiệc Vượt Qua. Trong tiệc này, chúng ta nhận được Chúa Ki-tô làm của ăn, được tràn đầy ân sủng và được bảo đảm vinh quang tương lai" (SC 47).

**I. THÁNH THỂ, NGUỒN MẠCH VÀ TỌT ĐỈNH CỦA ĐỜI SỐNG HỘI THÁNH**

**1324 864.**

Bí tích Thánh Thể là "nguồn mạch và tột đỉnh của đời sống Ki-tô hữu" (x. LG 11). "Những bí tích khác cũng như các thừa tác vụ và các hoạt động tông đồ đều gắn liền với bí tích Thánh Thể và qui hướng về đó. Thật vậy, phép Thánh Thể Chí Thánh chứa đựng tất cả của cải thiêng liêng của Hội Thánh, đó là chính Chúa Ki-tô, Người là mẫu nhiệm Phục Sinh của chúng ta" (PO 5).

**1325 775.**

"Bí tích Thánh Thể biểu thị và thể hiện chính thực chất của Hội Thánh là hiệp thông đời sống với Thiên Chúa và hiệp nhất Dân Thiên Chúa. Việc Thiên Chúa thánh hóa trần gian trong Chúa Ki-tô cũng như việc con người trong Thánh Thần, tôn thờ Chúa Ki-tô và nhờ Người tôn thờ chính Chúa Cha, cùng đạt tới tột đỉnh trong bí tích Thánh Thể" (x. CdR, huấn thị "Mẫu nhiệm Thánh Thể" 6).

### **1326 1090.**

Nhờ cử hành bí tích Thánh Thể, ngay từ bây giờ chúng ta được kết hiệp với phụng vụ trên trời và tiền dự vào đời sống vĩnh cửu, "khi Thiên Chúa có toàn quyền trên mọi sự"(1Cr 15,28).

### **1327 1124.**

Bí tích Thánh Thể vừa đúc kết vừa tổng hợp đức tin công giáo : "Cách suy nghĩ của chúng ta phù hợp với bí tích Thánh Thể, và ngược lại bí tích Thánh Thể xác nhận cách suy nghĩ của chúng ta" (x. Thánh I-rê-nê, Chống lạc giáo 4,18,5).

## **II. BÍ TÍCH THÁNH THỂ ĐƯỢC GỌI BẰNG NHỮNG DANH HIỆU NÀO ?**

### **1328.**

Bí tích Thánh Thể vô cùng phong phú nên được gọi bằng nhiều danh hiệu khác nhau, mỗi danh hiệu gọi lên một số khía cạnh :

### **2637 1082 1359.**

Bí tích Thánh Thể được gọi là *Lễ Tạ Ơn*, vì đây chính là việc tạ ơn Thiên Chúa. Tân Ước dùng các từ Hy Lạp *eucharistein* (x. Lc 22,19; 1Cr 11,24) và *eulogein* (x. Mt 26,26; Mc 14,22), gọi nhớ lại việc người Do Thái, đặc biệt trong bữa ăn, ca ngợi Thiên Chúa vì những kỳ công Người đã thực hiện : sáng tạo, cứu chuộc và thánh hóa.

### **1329 1382.**

Bí tích Thánh Thể được gọi là *Bữa Ăn của Chúa*, vì Hội Thánh tưởng niệm *bữa Tiệc Ly* Chúa cùng ăn với các môn đệ tối hôm trước ngày chịu nạn. Bữa ăn này cũng nói

lên sự tiền dự vào *Bữa Tiệc Cưới Con Chiên* tại Giê-ru-sa-lem trên trời.

790.

Bí tích Thánh Thể được gọi là *LỄ Bẻ Bánh*, vì trong bữa Tiệc Ly (x. Mt 26,26; 1Cr 11,24). Chúa Giê-su dùng nghi thức đặc thù của người Do Thái để chúc tụng Thiên Chúa và chia bánh như người chủ tiệc thường làm (x. Mt 14,19; 15,16; Mc 8,6;19). Nhờ việc bẻ bánh, các môn đệ nhận ra Chúa sau khi Người phục sinh (x. Lc 24,13-15). Vì vậy, các Ki-tô hữu đầu tiên gọi những buổi cử hành thánh lễ là *LỄ Bẻ Bánh* (x. Cv 2,42.46; 20,7.11). Với thuật ngữ này, họ muốn nói : tất cả những ai cùng ăn một tấm bánh được bẻ ra là Chúa Ki-tô, thì được hiệp thông với Người và hợp thành thân thể duy nhất trong Người (x. 1Cr 10,16-17).

1384.

Bí tích Thánh Thể còn được thánh Phao-lô gọi là *Đông Bàn* (Synaxis), vì được cử hành trong cộng đoàn tín hữu. Cộng đoàn Thánh Thể là hình ảnh hữu hình của Hội Thánh (x. 1Cr 11,17-34).

**1330 1341.**

Bí tích Thánh Thể được gọi là cuộc *Tưởng Niệm* Chúa Giê-su chịu chết và sống lại.

2643 614.

Bí tích Thánh Thể được gọi là *Hy Lễ Thánh*, vì hiện tại hóa hy lễ duy nhất của Chúa Cứu Thế và bao gồm lễ vật của Hội Thánh. Bí tích Thánh Thể còn được gọi là "*hy tế thánh lễ*", "*hy lễ ca ngợi*" (x. Dt 13,15; x. Tv 116, 13.17), *hy lễ thiêng liêng* (x. 1Pr 2,5), *hy lễ tinh tuyền* (x. Ml 1.11) và thánh thiện, vì hoàn tất và vượt trên mọi hy lễ trong Cựu Ước.

1169.

Bí tích Thánh Thể được gọi là *phụng vụ thánh thiện* và *thần linh*, vì là tâm điểm và cách diễn tả cô đọng nhất của

toàn thể phụng vụ Hội Thánh. Cũng vì thế, bí tích Thánh Thể được gọi là *Mầu Nhiệm Rất Thánh, Bí Tích Cực Thánh*, vì là bí tích trên các bí tích. Chúng ta dùng thuật ngữ Thánh Thể để chỉ bánh thánh được cất giữ trong Nhà Tạm.

### **1331 950 948 1405.**

Bí tích Thánh Thể còn được gọi là bí tích *Hiệp Thông*, vì kết hợp chúng ta với Chúa Ki-tô, Đấng ban Mình và Máu Người để tất cả trở nên một thân thể (x. 1Cr 10, 16-17). Bí tích Thánh Thể cũng được gọi là *Sự Thánh* (x. Giáo huấn các Tông đồ 8,13.12; Didaché 9,5; 10,6) theo ý nghĩa đầu tiên của "mầu nhiệm các thánh thông công" được tuyên xưng trong kinh Tin Kính của các tông đồ. Ngoài ra, Mình Thánh Chúa còn được gọi là *bánh các thiên thần, bánh bởi trời, thuốc trường sinh* (x. Thánh I-nha-xi-ô An-ti-ô-ki-a, thư Ep.20,2), *của ăn đàng...*

### **1332 849.**

Cử hành bí tích Thánh Thể được gọi là *Thánh Lễ, Lễ Mi-sa*, do từ la-tinh *missio* nghĩa là sai đi. Thánh lễ kết thúc với lời Hội Thánh sai các tín hữu đi vào đời, để họ thực thi thánh ý Thiên Chúa trong cuộc sống hằng ngày.

## **III. BÍ TÍCH THÁNH THỂ TRONG KẾ HOẠCH CỨU ĐỘ**

### **Dấu chỉ bánh và rượu**

### **1333 1350 1147 1148.**

Trong thánh lễ, nhờ lời Đức Ki-tô và lời Hội Thánh kêu cầu Chúa Thánh Thần, bánh và rượu trở nên Mình và Máu Đức Ki-tô. Vâng lệnh của Chúa và để tưởng niệm Chúa cho đến ngày Người quang lâm, Hội Thánh làm lại điều Chúa đã làm hôm trước ngày chịu nạn : "Người cầm lấy

bánh... "Người cầm lấy chén rượu...". Bánh và rượu dù đã trở nên Mình và Máu Chúa Ki-tô cách màu nhiệm, vẫn là dấu chỉ cho sự thiện hảo của công trình sáng tạo. Do đó, khi dâng lễ vật, chúng ta tạ ơn Đấng Sáng Tạo vì đã ban bánh và rượu (x. Tv 104,13-15), tuy "do công lao của con người", nhưng trước hết là "hoa màu ruộng đất" và "sản phẩm từ cây nho", tức là những ân huệ của Đấng Sáng Tạo. Hội Thánh coi "bánh và rượu" (St 14,18) do Men-ki-sê-đê, vị vua kiêm tư tế, dâng lên Thiên Chúa, là tiên trưng cho lễ vật của Hội Thánh (x. MR, Kinh Tạ Ôn Rô-ma 95).

### **1334 1150 1363.**

Trong Cựu Ước, bánh và rượu được chọn trong số hoa trái đầu mùa của ruộng đất, để dâng làm hiến lễ tạ ơn Đấng Sáng Tạo. Trong khung cảnh cuộc Xuất Hành, bánh và rượu mang một ý nghĩa mới : "bánh không men" người Do Thái hằng năm vẫn dùng trong lễ Vượt Qua, nhắc nhớ ngày được giải thoát và vội vã ra đi khỏi Ai Cập; kỷ niệm về Manna trong hoang địa luôn giúp Ít-ra-en nhớ rằng : "Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn nhờ mọi lời do miệng Thiên Chúa phán ra" (Đnl 8,3); cuối cùng, bánh ăn hàng ngày là sản phẩm của Đất Hứa, là bằng chứng Thiên Chúa hằng trung tín giữ lời đã hứa. Rượu diễn tả niềm vui ngày lễ hội, nhưng rượu trong "chén chúc tụng" (1 Cr 10,16) vào cuối bữa tiệc Vượt Qua của người Do Thái, có chiều kích cánh chung, chất chứa niềm hy vọng Đấng Mê-si-a sẽ đến phục hưng Giê-ru-sa-lem. Đức Giê-su thiết lập bí tích Thánh Thể, bằng cách đem lại một ý nghĩa mới và vĩnh viễn cho lời chúc tụng đọc trên bánh và rượu.

### **1335 1151.**

Hội Thánh nhận ra các phép lạ hóa bánh ra nhiều, khi "Chúa Giê-su đọc lời chúc tụng, bẻ ra và trao cho các môn đệ phân phát để nuôi sống đám đông", tiên báo sự phong phú

của tám bánh duy nhất là "Thánh Thể" (x. Mt 14,13-21; 15,32-39). Phép lạ hóa nước thành rượu ở Ca-na (x. Ga 2,11) là dấu chỉ báo trước "Giờ Con Người được tôn vinh". Dấu chỉ này còn loan báo Tiệc Cưới trong Nước Thiên Chúa, nơi các tín hữu sẽ uống rượu mới (x. Mc 14,25) đã trở thành Máu Chúa Ki-tô.

### **1336 1327.**

Khi Đức Giê-su loan báo cuộc Tử Nạn, cũng như khi Người công bố lần đầu về bí tích Thánh Thể, các môn đệ không chấp nhận; đa số môn đệ thắc mắc : "Lời này chứng tai quá, ai mà nghe nổi ?" (Ga 6,60). Thánh Thể và Thánh Giá là những viên đá gây vấp ngã cho mọi người. Đây là một mầu nhiệm luôn tạo có gây chia rẽ "cả anh em cũng muốn bỏ đi sao?" (Ga 6,67). Câu hỏi của Chúa vẫn vang dội qua các thời đại như lời yêu thương mời gọi mọi người nhận biết : "Thầy mới có những lời ban phúc trường sinh" (Ga 6,68), và tin tưởng đón nhận hồng ân Thánh Thể, cũng là đón nhận chính Người.

### **Thiết lập bí tích Thánh Thể**

#### **1337 610 611.**

Đức Giê-su yêu thương những kẻ thuộc về mình và yêu thương họ đến cùng. Khi biết Giờ đã đến, giờ phải bỏ thế gian mà về với Chúa Cha, Người rửa chân cho họ trong bữa Tiệc Ly và ban cho họ giới răn yêu thương (x. Ga 13,1-17). Để trao lại cho họ bảo chứng tình yêu này và cho họ được tham dự vào cuộc Vượt Qua của mình, Người thiết lập bí tích Thánh Thể để tưởng niệm cuộc tử nạn và phục sinh của Người và truyền lệnh cho các tông đồ mà "Người đã đặt làm tư tế của Giao Ước Mới, cử hành bí tích này cho đến khi Người lại đến" (x. CĐ Trentô : DS 1740) .

**1338.**

Các tác giả Phúc Âm Nhất Lãm và thánh Phao-lô lưu truyền cho chúng ta bản tường thuật việc thiết lập bí tích Thánh Thể, trong khi thánh Gio-an thuật lại những lời của Chúa Giê-su tại hội đường Ca-pha-na-um, những lời chuẩn bị cho việc thiết lập bí tích Thánh Thể : Đức Ki-tô tự xưng mình là Bánh Hằng Sống từ trời xuống (x. Ga 6).

**1339 1169.**

Đức Giê-su chọn lễ Vượt Qua để thực hiện điều Người báo trước ở Ca-pha-na-um là ban Mình và Máu Người cho môn đệ :

"Đã đến ngày lễ Bánh Không men, ngày giết chiên mừng lễ Vượt Qua. Đức Giê-su sai Phê-rô, Gio-an đi và dặn : "Các anh hãy đi dọn cho chúng ta ăn lễ Vượt Qua... Các ông ra đi... và dọn tiệc Vượt Qua. Khi tới giờ ăn tiệc Vượt Qua, Đức Giê-su vào bàn với các tông đồ. Người nói với các ông : "Thầy những khát khao mong mỏi ăn lễ Vượt Qua này với anh em trước khi chịu khổ hình. Bởi vì, Thầy nói cho anh em hay, Thầy sẽ không bao giờ ăn lễ Vượt Qua này nữa, cho đến khi lễ này được nên trọn vẹn trong Nước Thiên Chúa"... Rồi Người cầm lấy tấm bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra, trao cho các ông và nói : "Đây là Mình Thầy, hiến tế vì anh em. Anh em hãy làm như Thầy vừa mới làm, mà tưởng nhớ đến Thầy". Rồi tới tuần rượu cuối bữa ăn, Người cũng làm như vậy và nói : "Chén này là giao ước mới, lập bằng Máu Thầy, máu đổ ra vì anh em" (Lc 22,7-8;13-16;19-20) (x. Mt 26,17-29; Mc 14,12-25; 1Cr 11,23-26) .

**1340 1151 677.**

Trong bữa Tiệc Ly, khi Đức Giê-su cùng mừng lễ Vượt Qua với các tông đồ, Người đã đem lại ý nghĩa trọn vẹn cho lễ Vượt Qua của người Do Thái. Tiệc Ly tiên trưng cho cuộc Vượt Qua mới : trong cuộc tử nạn và phục sinh, Đức Giê-su vượt qua để về cùng Chúa Cha. Cuộc Vượt Qua này được cử hành trong bí tích Thánh Thể. Bí tích này hoàn tất lễ Vượt Qua của người Do Thái và tiên báo cuộc Vượt Qua cuối cùng của Hội Thánh vào vinh quang của Nước Trời.

### **"Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy"**

#### **1341 611**

Khi Đức Giê-su truyền lập lại những cử chỉ và lời nói của mình "cho tới khi Người lại đến" (1Cr 11,26), Người đòi hỏi không những phải nhớ đến Người và những gì Người đã làm, nhưng còn muốn các tông đồ và những người kế nhiệm phải cử hành phụng vụ tưởng niệm cuộc sống, cái chết, việc phục sinh và lên trời về với Chúa Cha của Người để cầu bầu cho chúng ta.

#### **1342 2624.**

Ngay từ đầu, Hội Thánh đã trung thành tuân giữ mệnh lệnh của Chúa. Sách Công Vụ Tông Đồ tường trình về Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem như sau :

"Họ chuyên cần nghe các tông đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện không ngừng... ngày ngày siêng năng tới đền thờ. Khi làm lễ bẻ bánh tại tư gia, họ dùng bữa với lòng đơn sơ vui vẻ" (Cv 2,42.46)

#### **1343 1166,2177.**

Đặc biệt các Ki-tô hữu tụ họp "để bẻ bánh"(Cv 20,7) vào "ngày thứ nhất trong tuần", nghĩa là ngày Chúa Nhật,

ngày Chúa Phục Sinh. Từ đó, việc cử hành bí tích Thánh Thể vẫn tiếp nối với cùng một cấu trúc cơ bản trong toàn Hội Thánh cho đến ngày nay. Bí tích Thánh Thể luôn là trung tâm của đời sống Hội Thánh.

#### **1344 1404.**

Như vậy, qua các thánh lễ, dân lữ hành của Thiên Chúa công bố mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Giê-su "cho tới khi Người lại đến" (1Cr 11,26) và "theo con đường hẹp của thập giá" (x.AG 1), để tiến vào bàn tiệc thiên quốc; bấy giờ, những người được tuyển chọn sẽ đồng bàn trong Nước Chúa.

### **IV CỬ HÀNH PHỤNG VỤ THÁNH THỂ**

#### **Thánh lễ qua mọi thời đại**

#### **1345.**

Từ thế kỷ II, chúng ta có chứng từ của thánh Giút-ti-nô tử đạo về những diễn tiến chính của một thánh lễ. Cho đến nay, diễn tiến này vẫn không thay đổi trong các Nghi Lễ Phụng Vụ. Thánh Giút-ti-nô viết bản văn này vào năm 155, để giải thích cho hoàng đế La mã An-to-ni-us Pi-us (138-161) về những gì người Ki-tô hữu cử hành :

Vào ngày Mặt Trời, như người ta thường gọi, những người tín hữu trong thành phố hay ở nông thôn đều họp lại một nơi.

Tùy thời gian cho phép, người ta đọc bút tích của các tông đồ và sách các ngôn sứ.

Sau khi đọc xong, vị chủ sự lên tiếng nhấn nhủ và khuyến khích mọi người sống theo các giáo huấn và gương lành tốt đẹp này.

Sau đó chúng tôi đứng dậy, dâng lời cầu nguyện lên Thiên Chúa cho chính chúng tôi... và cho mọi người khác trên thế giới, để xứng đáng trở thành những người công chính và trung thành tuân giữ lề luật ngay trong cuộc sống hầu đạt được ơn cứu độ vĩnh cửu.

Sau lời nguyện, chúng tôi hôn và chúc bình an cho nhau.

Tiếp đến, một tín hữu mang bánh và một chén rượu có pha nước đến cho người chủ sự.

Vị chủ sự cầm lấy bánh rượu, nhân danh Chúa Con và Thánh Thần, dâng lời tán tụng và tôn vinh Chúa Cha là Chúa tể càn khôn. Ông đọc một lời tạ ơn dài về việc Thiên Chúa cho chúng ta xứng đáng lãnh nhận các hồng ân.

Khi vị chủ sự kết thúc các lời nguyện và kinh tạ ơn, mọi người hiện diện đều đồng thanh đáp : A-men.

Sau khi vị chủ sự hoàn tất nghi thức tạ ơn và toàn dân thưa A-men, các vị mà chúng tôi gọi là phó tế, phân phát bánh và rượu có pha nước đã "trở thành Thánh Thể" cho mọi người hiện diện hưởng dùng và đem về cho những người vắng mặt (x. Thánh Giút-ti-nô, Hộ giáo 1,65).

Thánh lễ diễn tiến theo một cấu trúc cơ bản được duy trì từ nhiều thế kỷ cho đến nay. Thánh lễ chia làm hai phần nhưng là một thể thống nhất :

- Tập họp, *Phụng vụ Lời Chúa* với các bài đọc, bài giảng và lời nguyện giáo dân;

- *Phụng vụ Thánh Thể* với việc tiến dâng bánh rượu; truyền phép với lời kinh tạ ơn và hiệp lễ.

103.

Phụng Vụ Lời Chúa và Phụng Vụ Thánh thể là "một hành vi phụng thờ duy nhất" (x. SC 56). Bàn tiệc Thánh Thể vừa là bàn tiệc Lời Chúa, vừa là bàn tiệc Mình Chúa Ki-tô" (x DV 21).

### 1347.

Phải chăng đó cũng là bữa tiệc Vượt Qua Đức Giê-su phục sinh đã dùng với các môn đệ ? Trong khi đi đường, Người giải thích cho họ những lời Thánh Kinh và khi ngồi vào bàn ăn, Người "cầm lấy bánh, đọc lời chúc tụng, bẻ ra và trao cho các môn đệ" (x. Lc 24,13-25).

## Diễn tiến việc cử hành

### 1348 1140 1548.

*Cộng đoàn tập họp.* Các Ki-tô hữu tập họp lại một nơi để cử hành thánh lễ. Chính Đức Ki-tô đứng đầu cộng đoàn; Người chủ sự buổi lễ. Người là Thượng tế của Giao Ước Mới. Dù ẩn dạng, nhưng chính Người chủ trì mọi thánh lễ. Thay mặt Người, vị giám mục hay linh mục, "*trong cương vị Đức Ki-tô Thủ lãnh*", sẽ chủ sự cộng đoàn, giảng dạy sau các bài đọc, đón nhận lễ vật, dâng tiến và đọc kinh nguyện Thánh thể. Mọi người đều tham gia cách tích cực vào thánh lễ, mỗi người một cách : người đọc thánh thư, kẻ mang lễ vật, người trao Mình Thánh và toàn dân đều thưa A-men thể hiện sự tham gia của mình.

**1349 1184.**

*Phụng vụ Lời Chúa* gồm các bài đọc rút ra từ "các sách ngôn sứ", nghĩa là từ Cựu Ước, và từ các "ký ức của tông đồ", nghĩa là từ các thư và Phúc Âm. Bài giảng giúp các tín hữu nhận thức đây là Lời Chúa (x. 1Tx 2,11): phải đón nhận và đem ra thực hành trong đời sống. Tiếp đến là lời nguyện tín hữu cầu cho mọi người, như lời thánh Phao-lô dạy : "Trước hết, tôi khuyên ai nấy dâng lời cầu xin, khẩn nguyện, nài van, tạ ơn cho tất cả mọi người, cho vua chúa và tất cả những người cầm quyền" (x. 1Tm 2,1-2).

**1350 1359 614.**

*Chuẩn bị lễ phẩm.* Người ta mang, đôi khi rước cách long trọng, bánh và rượu lên bàn thờ. Vị linh mục nhân danh Đức Ki-tô, dâng lên Thiên Chúa lễ vật sẽ trở thành Mình Máu Đức Ki-tô. Đây chính là cử chỉ của Đức Ki-tô, trong bữa Tiệc Ly, "cầm lấy bánh và chén rượu". "Chỉ có Hội Thánh trong lời kinh tạ ơn mới có quyền dâng lên Đấng Sáng Tạo lễ vật tinh tuyền được chọn giữa vạn vật" (T. Irênê, *chông lạc giáo*). Việc dâng lễ vật trên bàn thờ lặp lại cử chỉ của Men-ki-sê-đê và đặt tặng phẩm của Tạo Hóa vào tay Đức Ki-tô. Trong hy tế của mình, Đức Giê-su kiện toàn mọi cố gắng tế lễ của con người.

**1351 1397 2186.**

Từ thuở ban đầu, khi mang bánh và rượu đến cử hành thánh lễ, các Ki-tô hữu cũng mang theo tặng phẩm để giúp đỡ những người túng thiếu. Tập tục "*quyên góp*" (x. 1Cr 16,1) xưa nay xuất phát từ mẫu gương của Đức Ki-tô, Đấng hoá nên nghèo để biến chúng ta thành kẻ giàu sang (x. 2Cr 8,9) :

"Những người hăng tâm hăng sản sẽ tùy ý đóng góp và trao lại cho vị chủ sự. Vị chủ sự sẽ phân phát để

giúp đỡ các trẻ mồ côi, người goá bụa; người bệnh tật hay kẻ thiếu thốn; những tù nhân, những người mới đến lập nghiệp; tóm lại, vị chủ sự phải chăm sóc mọi kẻ cần được giúp đỡ" (Thánh Giút-ti-nô, Hộ giáo 1,67,6).

### 1352.

*Kinh nguyện Thánh Thể.* Trung tâm và cao điểm của toàn bộ cử hành là Kinh Nguyện Thánh Thể, gồm lời Kinh Tạ Ơn và lời Truyền Phép :

559

Trong kinh *Tiền tụng*, nhờ Đức Ki-tô trong Chúa Thánh Thần, Hội Thánh dâng lên Chúa Cha lời tạ ơn về tất cả công trình sáng tạo, cứu chuộc và thánh hoá. Toàn thể cộng đoàn hiệp với Hội Thánh trên trời, gồm các thiên thần và chư thánh, không ngừng tán tụng Thiên Chúa Chí Thánh.

### 1353 1105.

Trong lời kinh "xin ban Thánh Thần", Hội Thánh *khấn cầu Chúa Cha ban Thánh Thần xuống* trên bánh rượu; để nhờ quyền năng của Thánh Thần, bánh rượu trở nên Mình Máu Đức Giê-su Ki-tô và để những người lãnh nhận Thánh Thể trở thành một thân thể và một tinh thần duy nhất (Một số Nghi lễ phụng vụ đặt lời kinh "xin ban Thánh Thần" sau phần *Tướng Niệm*).

1375.

Trong phần *tướng thuật việc lập bí tích Thánh Thể*, nhờ hiệu lực của lời và cử chỉ Đức Ki-tô, cũng như quyền năng của Thánh Thần, bánh rượu trở thành Mình và Máu Đức Ki-tô, lễ vật chính Người đã dâng trên thập giá.

### 1354 1103.

Tiếp đến là phần *tướng niệm*, Hội Thánh tưởng nhớ đến cuộc khổ nạn, phục sinh và cuộc quang lâm vinh hiển

của Đức Giê-su Ki-tô; Hội Thánh dâng lên Chúa Cha lễ vật của Con Chí Ái, lễ vật giao hoà chúng ta với Người.

954.

Các lời *chuyển cầu* cho thấy hy lễ tạ ơn được cử hành trong sự hiệp thông với toàn thể Hội Thánh cả thiên quốc lẫn trần gian, Hội Thánh của những kẻ sống cũng như người đã qua đời; trong sự hiệp thông với các mục tử của Hôêi Thánh, Đức Giáo Hoàng, Đức Giám mục địa phận, hàng linh mục cũng như phó tế; và trong sự hiệp thông với các giám mục toàn cầu cùng với Giáo Hội của các ngài.

**1355** 1382.

Lời nguyện Chúa dạy là kinh Lạy Cha và nghi thức bẻ bánh đi trước *phần hiệp lễ*. Trong phần hiệp lễ, các tín hữu lãnh nhận "bánh bởi trời" và "chén cứu độ", là chính Mình Máu Thánh Đức Ki-tô, Đấng tự hiến "để cho thế gian được sống" (Ga 6,51) :

1327.

Ngày xưa các tín hữu gọi bánh và rượu đã trở nên Mình Máu Thánh Chúa là bánh và rượu "đã được thánh hiến", nên "chúng tôi gọi lương thực này là Thánh Thể". Chỉ có người đón nhận giáo lý chân chính với chúng tôi, đã lãnh nhận phép rửa để được tha tội và tái sinh, phải sống tuân theo luật Chúa, mới được tham dự vào bàn tiệc này" (Thánh Giút-ti-nô, Hộ giáo 1,66,1-2).

## **V. HY TẾ BÍ TÍCH : TẠ ƠN, TUỞNG NIỆM, HIỆN DIỆN**

**1356.**

Ngay từ thuở ban đầu, các Ki-tô hữu đã cử hành thánh lễ với một hình thức cơ bản không thay đổi, dù có trải qua bao nhiêu thời gian và nghi thức phụng vụ khác nhau.

Họ thực thi như thế vì cảm thấy có trách nhiệm đối với mệnh lệnh Chúa đã trao trong đêm trước khi Người chịu khổ nạn : "Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy" (1 Cr 11,24-25).

### **1357.**

Chúng ta chỉ chu toàn mệnh lệnh của Chúa, khi cử hành *lễ tưởng niệm hy tế của Người*. Chúng ta dâng lên Chúa Cha những gì mà chính Người đã ban cho chúng ta : nhờ lời của Đức Ki-tô và quyền năng của Thánh Thần, những tặng phẩm của thiên nhiên là bánh và rượu trở nên Mình và Máu Đức Ki-tô. Như thế, Đức Ki-tô thực sự hiện diện và hiện diện một cách huyền nhiệm.

### **1358.**

Do đó, chúng ta sẽ phải xem bí tích Thánh Thể là :

- lời tạ ơn và ca ngợi *Thiên Chúa Cha*;
- tưởng niệm hy tế của *Đức Ki-tô* và *Nhiệm Thể* của Người;
- sự hiện diện của Đức Ki-tô, nhờ quyền năng của Lời và *Thánh Thần* của Người.

### **Tạ ơn và ca ngợi Chúa Cha**

#### **1359 293.**

Thánh Thể là bí tích cứu độ được Đức Ki-tô hoàn tất trên thập giá, đồng thời cũng là hy tế tạ ơn và ca ngợi công trình của Đấng Sáng Tạo. Trong hy tế Thánh Thể, Đức Ki-tô dâng toàn thể công trình sáng tạo được Thiên Chúa yêu thương lên trước nhan thánh Chúa Cha qua cái chết và sự phục sinh của mình. Nhờ Người, Hội Thánh có thể dâng hy tế tạ ơn và ca ngợi vì tất cả những chân thiện mỹ Thiên Chúa đã làm cho vũ trụ và cho con người.

### **1360 1083.**

Bí tích Thánh Thể là hy tế tạ ơn Chúa Cha, là lời chúc tụng Hội Thánh dâng lên Thiên Chúa để tỏ lòng tri ân vì mọi điều thiện hảo Người đã thực hiện qua công trình sáng tạo, cứu chuộc và thánh hóa. Bí tích Thánh Thể trước hết là "hy tế tạ ơn".

### **1361 294.**

Bí tích Thánh Thể còn là hy tế ca ngợi, nhờ đó Hội Thánh dâng lên lời ca ngợi vinh quang Thiên Chúa nhân danh toàn thể thọ sinh. Hy tế ca ngợi này chỉ có thể thực hiện cách trọn hảo nhờ Đức Ki-tô : Người hiệp nhất mọi tín hữu với Người, với lời ca ngợi và chuyển cầu của Người; đến nỗi, hy tế ca ngợi Chúa Cha phải được dâng lên *nhờ* Người, *với* Người để được chấp nhận *trong* Người.

## **Tưởng niệm hy tế của Đức Ki-tô và của Thân Thể Người là Hội Thánh**

### **1362 1103.**

Bí Tích Thánh Thể Tưởng Niệm cuộc Vượt Qua của Đức Ki-tô, hiện tại hóa và dâng tiến cách bí tích hy tế duy nhất của Người trong Phụng Vụ của Hội Thánh là Thân Thể Người. Trong các kinh nguyện Thánh Thể, sau phần tưởng thuật việc lập bí tích Thánh Thể và phần hiến thánh, bao giờ cũng có một kinh *Tưởng Niệm*.

### **1363 1099.**

Theo Thánh Kinh, *Tưởng Niệm* không chỉ là nhớ lại những biến cố đã qua, mà còn là loan báo những kỳ công Thiên Chúa đã thực hiện cho nhân trần. Khi cử hành phụng vụ, những biến cố này hiện diện sống động giữa cộng đoàn. Dân Ít-ra-en hiểu cuộc giải phóng khỏi ách nô lệ Ai Cập như sau : khi dân Chúa cử hành lễ Vượt Qua, các biến cố thời

Xuất Hành lại hiện diện sống động trong ký ức, để họ căn cứ vào đó mà điều chỉnh cuộc sống của mình.

**1364 611 1085.**

Sang thời Tân Ước, Tưởng Niệm mang một ý nghĩa mới. Khi cử hành bí tích Thánh Thể, Hội Thánh tưởng nhớ cuộc Vượt Qua của Đức Ki-tô; lúc đó, cuộc Vượt Qua này trở nên hiện diện giữa cộng đoàn, vì lễ tế của Đức Ki-tô trên thập giá chỉ dâng một lần là đủ và luôn sống động để đem lại ơn cứu độ. "Mỗi lần hy tế thập giá được cử hành trên bàn thờ, lúc đó Chúa Ki-tô, Chiên Vượt Qua của chúng ta chịu hiến tế, thì công trình cứu chuộc chúng ta được thực hiện" (LG 3).

**1365 2100 1846.**

Vì là lễ Tưởng Niệm cuộc Vượt Qua của Đức Ki-tô, *Thánh Thể cũng là một hy lễ*. Tính chất hy tế thể hiện rõ trong những lời truyền phép : "Này là Mình Thầy sẽ bị nộp vì các con". "Này là chén Máu Thầy, Máu Giao Ước Mới sẽ đổ ra cho các con và mọi người được tha tội"(Lc 22, 19-20). Trong bí tích Thánh Thể, Đức Ki-tô ban chính thân mình đã tự hiến trên thập giá vì chúng ta, ban chính máu Người đã đổ ra "cho mọi người được tha tội" (Mt 26,28).

**1366 613.**

Thánh lễ là một hy tế vì hiện tại hóa hy tế thập giá, vì *tưởng niệm* và *ban phát* các hiệu quả của hy tế này:

"Đức Ki-tô là Thiên Chúa và Chúa chúng ta, đã tự hiến trên bàn thờ thập giá, cho Chúa Cha một lần dứt khoát. Người đã chết như Vị Chuyển Cầu cho chúng ta, để đem lại ơn cứu chuộc muôn đời cho nhân loại. Tuy nhiên, chức tư tế của Đức Ki-tô không chấm dứt khi Người chết (x. Dt 7,24.27). Trong bữa Tiệc Ly,

vào đêm bị nộp (1Cr 11,23), Người muốn để lại cho Hội Thánh, Hiến Thê yêu dấu của Người, một hy tế hữu hình, vì bản tính con người cần như vậy. Hy tế đẫm máu đã được thực hiện một lần duy nhất trên thập giá này được tái diễn và tưởng niệm cho đến tận thế (x. 1Cr 11,23), đem lại sức mạnh cứu độ tha thứ mọi tội lỗi chúng ta hằng phạm" (x. CĐ Trentô : DS 1740).

### **1367 1545.**

Hy tế của Đức Ki-tô và hy tế Thánh Thể chỉ là một. *Lễ vật duy nhất* là Đức Ki-tô, xưa chính Người dâng trên thập giá, nay được dâng lên nhờ thừa tác vụ linh mục. Chỉ khác biệt ở cách dâng : "Vì trong hy lễ thần linh được cử hành trong thánh lễ, Chính Đức Ki-tô, Đấng đã một lần dâng mình bằng cách đổ máu trên bàn thờ thập giá, cũng hiện diện và được sát tế mà không đổ máu, nên hy tế này thực sự có giá trị đền tội." (CONCILUM TRIDENTINUM, Sess. 22a. Doctrina de ss. Missae sacrificio, c.2: DS 1743)

### **1368 618, 2031 1109.**

*Thánh lễ cũng là hy tế của Hội Thánh.* Là Thân Thể của Đức Ki-tô, Hội Thánh tham dự vào lễ tế của Đức Ki-tô là Đầu. Cùng với Người, Hội Thánh cũng được dâng hiến trọn vẹn cho Chúa Cha. Hội Thánh hiệp nhất với Đức Ki-tô để chuyển cầu cho toàn thể nhân loại. Trong thánh lễ, hy tế của Đức Ki-tô trở thành hy tế của mọi chi thể trong Thân Thể. Đời sống, lời ca ngợi, đau khổ, kinh nguyện, công việc của các tín hữu đều được kết hợp với Đức Ki-tô và với lễ dâng toàn hiến của Người; nhờ đó tất cả có được một giá trị mới. Hy tế của Đức Ki-tô hiện diện trên bàn thờ đem lại cho muôn thể hệ Ki-tô hữu khả năng được kết hợp với lễ dâng của Người.

Trong các hang toại đạo, các Ki-tô hữu thường trình bày Hội Thánh dưới hình một phụ nữ đang cầu nguyện, hai cánh tay mở rộng trong tư thế cầu khẩn. Như Đức Ki-tô dang tay trên thập giá, Hội Thánh dâng mình và chuyển cầu cho toàn thể nhân loại, nhờ Người, với Người và trong Người.

**1369** 834,882 1561 1566.

*Toàn thể Hội Thánh kết hiệp với Đức Ki-tô trong việc hiến dâng và chuyển cầu.* Được trao phó thừa tác vụ của Phê-rô trong Hội Thánh, *Đức Giáo Hoàng* liên kết với mọi cử hành thánh lễ; trong thánh lễ, ngài được nhắc đến như là đầu chỉ và là người phục vụ sự hiệp nhất của Hội Thánh toàn cầu. Vị *giám mục* giáo phận luôn chịu trách nhiệm về thánh lễ, dù thánh lễ do một *linh mục* cử hành; ngài được nhắc đến trong thánh lễ như thủ lãnh của giáo phận, giữa hàng linh mục và *phó tế*. Cộng đoàn còn cầu nguyện cho các thừa tác viên đang dâng lễ cho cộng đoàn và cùng với cộng đoàn :

"Thánh lễ chỉ được coi là hợp pháp khi cử hành dưới sự chủ tọa của giám mục hay người được ngài giao trách nhiệm" ( Thánh I-nha-xi-ô thành An-ti-ô-ki-a).

"Nhờ thừa tác vụ của các linh mục, hy tế thiêng liêng của các tín hữu được hoàn tất vì kết hợp với hy tế của Đức Ki-tô, Đấng Trung Gian Duy Nhất. Nhân danh Hội Thánh, hy tế này nhờ tay các linh mục được hiến dâng một cách bí tích và không đổ máu, cho tới khi Chúa lại đến" (PO 2).

**1370** 956 969.

Không phải chỉ những tín hữu còn tại thế, mà cả những vị được hưởng vinh quang trên trời cũng được kết hợp với hy tế của Đức Ki-tô. Hội Thánh dâng lễ trong tâm tình kính nhớ và "hiệp thông cùng với Đức Trinh Nữ Ma-ri-a,

Thánh Mẫu của Thiên Chúa, các tông đồ và toàn thể các thánh". Trong thánh lễ, cùng với Đức Ma-ri-a, Hội Thánh như đang đứng dưới chân Thánh Giá, kết hợp với Đức Ki-tô trong việc hiến dâng và chuyển cầu.

**1371** 858,1689, 1032.

Thánh lễ cũng được dâng lên để cầu cho các *tín hữu đã qua đời*, "những người đã chết trong Đức Ki-tô và chưa được thanh luyện trọn vẹn", để họ được vào hưởng ánh sáng và bình an của Đức Ki-tô :

"Con hãy chôn xác mẹ bất cứ đâu, đừng lo lắng gì chuyện đó. Tất cả những gì mẹ xin con là : dù ở đâu, con hãy nhớ tới mẹ khi dự Tiệc Thánh" (Lời thánh nữ Mô-ni-ca trời cho anh em thánh Âu-Tinh, TỰ THUẬT 9,11,27.).

"Trong kinh Tạ Ơn, chúng ta cầu cho các giáo hoàng và giám mục đã qua đời, nói chung, cầu cho mọi người đã an nghỉ. Chúng ta tin rằng các linh hồn sẽ được hưởng nhiều ơn ích nếu chúng ta cầu cho họ khi Đức Ki-tô, Chiên Hy Tế cực thánh cực trọng đang hiện diện... Khi khẩn cầu cho những người đã an giấc, dù họ còn là tội nhân, chúng ta dâng lên Thiên Chúa chính Đức Ki-tô, Đấng đã hiến mình vì tội lỗi chúng ta, để Người giao hòa họ và chúng ta với Thiên Chúa, Đấng yêu thương con người" (Thánh Sy-ri-lô, giám mục Giê-ru-sa-lem, Giáo lý thần thiêng 5,9.10.)

**1372** 1140.

Giáo lý trên thúc giục chúng ta tham dự trọn vẹn hơn vào hy tế của Đấng Cứu Chuộc khi cử hành thánh lễ. Thánh Augustinô tóm tắt giáo lý này như sau :

"Toàn thể cộng đoàn được cứu chuộc tức là cộng đoàn dân thánh hay thành đô thiên quốc, được dâng lên Thiên Chúa như một hy tế phổ quát nhờ vị Thượng tế, Đấng mang thân nô lệ và tự hiến vì chúng ta trong cuộc khổ nạn, nhờ đó chúng ta trở nên thân thể của vị Thủ lãnh chí tôn... Đây là hy tế của các Ki-tô hữu: "Tuy nhiều nhưng chỉ một thân thể trong Đức Ki-tô" (Rm 12,5). Hội Thánh vẫn hiến dâng hy tế này trong bí tích Thánh Thể. Trong bí tích này, Hội Thánh nhận biết rằng qua của lễ tiến dâng lên, Hội Thánh cũng dâng chính mình" (Thành đô thiên quốc 10,6).

### **Đức Ki-tô hiện diện nhờ quyền năng của Lời Người và Thánh Thể**

#### **1373 1088.**

"Đức Giê-su Ki-tô, Đấng đã chết, đã sống lại và đang ngự bên hữu Thiên Chúa mà chuyển cầu cho chúng ta" (Rm 8,34). Đối với Hội Thánh, Người hiện diện dưới nhiều hình thức : trong Lời Chúa; trong kinh nguyện của Hội Thánh, "ở đâu có hai ba người họp lại nhân danh Thầy" (Mt 18,20); trong những người nghèo khổ, đau yếu, tù đày (Mt 25,31-46); trong các bí tích do Người thiết lập; trong hy tế thánh lễ và nơi thừa tác viên; "*nhất là Người hiện diện thực sự dưới hai hình Thánh Thể*" (SC 7).

#### **1374 1211.**

Cách thức Đức Ki-tô hiện diện dưới hai hình Thánh Thể là cách độc nhất vô nhị. Người đặt bí tích Thánh Thể trên mọi bí tích để trở nên "như sự trọn hảo của đời sống thiêng liêng và cùng đích của mọi bí tích" (Thánh Tô-ma Aquinô, Tổng luận Thần học 3,73,3). Trong bí tích cực thánh, "*có sự hiện diện đích thực, thực sự và bản thể* của

Mình và Máu Đức Ki-tô, cùng với linh hồn và thiên tính của Người, nghĩa là Đức Ki-tô trọn vẹn" (x. CĐ Trentô, DS 1651). "Sự hiện diện này được gọi là "thực sự", không có nghĩa là Đức Ki-tô không hiện diện thực sự trong những cách khác; nhưng đây là cách hiện diện đầy đủ nhất vì là *sự hiện diện bản thể*, và nơi đây có Đức Ki-tô, vừa là Thiên Chúa vừa là con người, hiện diện trọn vẹn" (MF 39).

### 1375 1105.

Trong bí tích này, Đức Ki-tô hiện diện nhờ sự biến đổi bánh và rượu thành Mình và Máu Người. Các giáo phụ khẳng định Hội Thánh tin rằng sự biến đổi này có được là nhờ hiệu quả của lời Đức Ki-tô và tác động của thánh Thần. Thánh Gio-an Kim Khẩu tuyên bố :

1128.

"Không phải con người làm cho các lễ vật trở thành Mình và Máu Đức Ki-tô, nhưng do chính Đức Ki-tô, Đấng đã chịu đóng đinh vì chúng ta. Vị linh mục, hiện thân của Đức Ki-tô, đọc lời truyền phép, nhưng hiệu quả và ân sủng là do Thiên Chúa. Chính lời "Đây là Mình Thầy" biến đổi các lễ vật".

Thánh Amb-rô-xi-ô nói về sự biến hoá như sau :

298.

"Đây không phải là vấn đề bản tính tự nhiên, nhưng do lời truyền phép thánh hiến. Hiệu lực của lời truyền phép vượt trên và biến đổi cái tự nhiên... Lời Đức Ki-tô có khả năng sáng tạo từ hư không, chẳng lẽ lời đó lại không biến đổi những sự vật đang có thành những sự khác được sao? Biến đổi một vật thì dễ hơn sáng tạo ra nó" (Các màu nhiệm 9,50,52).

**1376.**

Công Đồng Tren-tô tóm tắt đức tin công giáo bằng tuyên tín : "Đức Ki-tô, Đấng Cứu Chuộc chúng ta, đã phán dạy : điều Người dâng lên dưới hình bánh, đích thực là Thân Mình Người. Hội Thánh luôn luôn xác tín như vậy, và Thánh Công Đồng một lần nữa tuyên bố : nhờ lời truyền phép trên bánh rượu, trọn vẹn bản thể bánh biến thành bản thể Mình Thánh Chúa Ki-tô và trọn vẹn bản thể rượu biến thành bản thể Máu Thánh Người; Hội Thánh công giáo gọi việc biến đổi một cách đúng đắn và chính xác này là *biến bản thể*" (DS 1642)

**1377.**

Đức Ki-tô hiện diện trong Thánh Thể bắt đầu từ lúc truyền phép và kéo dài bao lâu hình bánh rượu còn tồn tại. Trong hình bánh cũng như trong hình rượu, Đức Ki-tô hiện diện trọn vẹn. Và trong bất cứ phần nhỏ bé nào cũng có trọn vẹn Mình và Máu Chúa. Việc bẻ bánh không phân chia Đức Ki-tô (CĐ Trentô : DS 1641).

**1378 1178 103,2628.**

*Tôn thờ Thánh Thể.* Trong thánh lễ, chúng ta bày tỏ niềm tin vào sự hiện diện thực sự của Đức Ki-tô dưới hình bánh rượu, bằng cách bái gối hay cúi đầu để tỏ lòng tôn thờ Chúa. "Hội Thánh công giáo luôn tôn thờ Thánh Thể, không chỉ trong mà còn ngoài thánh lễ nữa, bằng cách bảo quản cẩn thận bánh rượu đã truyền phép, đặt Mình Thánh cho các tín hữu tôn thờ cách long trọng, rước kiệu Mình Thánh" (MF 56).

**1379 1183 2691.**

Nhà Tạm dùng để bảo quản Thánh Thể cách xứng hợp, hầu có sẵn Thánh Thể cho bệnh nhân và những người vắng mặt không dự lễ. Để đào sâu đức tin vào sự hiện diện

thực sự của Chúa Ki-tô trong bí tích Thánh Thể, Hội Thánh coi trọng việc thỉnh lạng tôn thờ Chúa đang ngự trong Mình Thánh. Vì thế, Nhà Tạm phải đặt nơi xứng đáng nhất trong nhà thờ, phải được thiết kế như thế nào để nhấn mạnh và biểu lộ sự hiện diện thực sự của Chúa Ki-tô trong bí tích cực thánh này.

**1380 669 478.**

Việc Đức Ki-tô muốn hiện diện với Hội Thánh bằng phương cách độc đáo này có một ý nghĩa sâu xa. Khi sắp ra đi, không còn hiện diện hữu hình với những người thân yêu, Đức Ki-tô muốn ban cho chúng ta sự hiện diện bí tích của Người; khi sắp tự hiến trên thập giá để cứu độ chúng ta, Người muốn để lại cho chúng ta dấu chỉ tưởng niệm tình yêu; với tình yêu này, Người đã yêu thương ta "đến cùng" (Ga 13,1), đến độ ban cho chúng ta cả sự sống của Người. Trong bí tích Thánh Thể, Người hiện diện cách mầu nhiệm giữa chúng ta như "Đấng đã yêu mến và thí mạng vì chúng ta" (Gl 2,20), Người hiện diện qua những dấu chỉ biểu lộ và thông ban tình yêu này :

"Hội Thánh và thế giới rất cần tôn thờ Thánh Thể. Đức Giê-su đang chờ chúng ta trong bí tích tình yêu này. Phải dành thời gian đến gặp gỡ, tôn thờ và chiêm ngưỡng Người với tất cả lòng tin và ước mong đền tạ muôn lỗi lầm thiếu sót của nhân gian. Hãy luôn tôn thờ Thánh Thể" (Gio-an Phao-lô II, Bữa tiệc của Chúa 3).

**1381 156 215.**

Thánh Tô-ma đã dạy : "Về sự hiện diện của Mình thật và Máu thật Đức Ki-tô trong bí tích này, ta không thể nhận biết bằng giác quan, nhưng bởi tin vào thế giá của Thiên Chúa mà thôi. Chính vì thế, thánh Sy-ri-lô đã chú giải bản

văn Luca 22,19 "Này là Mình Thầy sẽ bị nộp vì các con" như sau : "Bạn đừng thắc mắc xem có thật không, tốt hơn nên tin tưởng đón nhận lời của Chúa vì Người là Chân Lý, không bao giờ lừa dối" (Tổng luận Thần học 3,75,1, được Đức Phao-lô VI trích dẫn MF 1:)

"Lạy Chúa, con thờ lạy Chúa Đang nấu thân,  
trong hình bánh rượu.  
Tâm hồn con thuộc trọn về Chúa,  
Không mong gì hơn được chiêm ngưỡng Chúa.

Giác quan không cảm được Người,  
Con chỉ biết tin vào lời Người dạy.  
Con tin muôn lời từ Con Thiên Chúa;  
Không gì xác thực hơn lời Chân Lý này."

## VI. BÀN TIỆC VƯỢT QUA

### 1382 950.

Thánh lễ vừa là lễ tưởng niệm hy tế để lưu truyền muôn đời hy tế thập giá, vừa là bàn tiệc thánh để thông hiệp Mình và Máu Chúa; hai ý nghĩa này đi đôi với nhau và không thể tách rời. Nhưng cử hành hy tế Thánh Thể hướng đến việc các tín hữu kết hợp với Chúa Ki-tô nhờ rước lễ. Rước lễ là đón nhận chính Chúa Ki-tô, Đấng đã tự hiến vì chúng ta.

### 1383 1182

*Bàn thờ* là nơi qui tụ cộng đoàn tín hữu để cử hành biêu tích Thánh Thể. Bàn thờ trình bày hai khía cạnh của cùng một mầu nhiệm : bàn thờ hy tế và bàn tiệc của Chúa. Bàn thờ là biểu tượng của chính Chúa Ki-tô đang hiện diện giữa cộng đoàn tín hữu. Người hiện diện như hy lễ dâng lên để giao hòa chúng ta với Thiên Chúa và như của ăn thiêng liêng nuôi

sống chúng ta. Thánh Am-rô-xi-ô dạy : "Bàn thờ của Chúa Ki-tô là gì, nếu không phải là chính Thân Mình Người ? Bàn thờ tượng trưng thân Mình Chúa Ki-tô và Thân Mình Người được đặt trên bàn thờ" (Các bí tích 5,7;4,7). Phụng vụ làm nổi bật tính thống nhất giữa hy tế và hiệp thông trong nhiều lời nguyện; trong kinh tạ ơn, Hội Thánh Rô-ma cầu nguyện :

"Lạy Cha là Thiên Chúa toàn năng, chúng con nài xin Cha sai thiên thần đem của lễ này lên bàn thờ thiên quốc trước tôn nhan uy linh cao cả, để khi dự tiệc Mình và Máu Con Cha tại bàn thờ này, tất cả chúng con được đầy tràn ơn phúc bởi trời".

### **Hiệp Lễ : "Tất cả các con hãy cầm lấy mà ăn"**

**1384** 2835.

Chúa khẩn thiết kêu mời chúng ta đón rước Người trong bí tích Thánh Thể : "Thật, Tôi bảo thật các ông : nếu các ông không ăn thịt và uống Máu Con Người, các ông không có sự sống nơi mình" (Ga 6,53).

**1385** 1457.

Để đáp lại lời mời gọi của Chúa, chúng ta phải chuẩn bị cho giây phút cực trọng cực thánh này. Thánh Phao-lô khuyên ta nên tra vấn lại lương tâm : "Bất cứ ai ăn hoặc uống chén của Chúa cách bất xứng, thì phạm đến Mình và Máu Chúa. Ai nấy phải tự xét mình, rồi hãy ăn bánh và uống chén này. Thật vậy, ai ăn và uống mà không phân biệt được Thân Thể Chúa, là ăn và uống án phạt mình" (1Cr 11,27-29). Ai biết mình đang mắc tội trọng, phải lãnh nhận bí tích Giao Hòa trước khi đến rước lễ.

### 1386.

Trước bí tích cao trọng này, người tín hữu chỉ còn biết khiêm tốn và thâm tín lặp lại lời viên đại đội trưởng : *"Lạy Chúa, con chẳng đáng Chúa ngự đến cùng con, nhưng xin Chúa chỉ phán một lời, thì con được lành mạnh"* (Mt 8,8). Cùng một tinh thần đó, trong nghi thức phụng vụ của thánh Gio-an Kim Khẩu, các tín hữu cầu nguyện :

732

"Lạy Con Thiên Chúa, hôm nay xin cho con được hiệp thông vào bàn tiệc huyền nhiệm của Chúa. Con không nói cho kẻ thù điều kín nhiệm của Chúa, con cũng không trao cho Chúa cái hôn của Giu-đa. Nhưng như tên trộm lành, con kêu xin Chúa : Lạy Chúa, khi vào Nước Ngài xin nhớ đến con".

### 1387 2043.

Để chuẩn bị đón nhận bí tích Thánh Thể cách xứng đáng, các tín hữu phải giữ chay theo qui định của Hội Thánh (x. CIC khoản 919). Thái độ bên ngoài (cử chỉ, cách ăn mặc) phải biểu lộ lòng tôn kính, sự trang trọng và niềm vui của giây phút được Chúa ngự đến trong tâm hồn.

### 1388.

Căn cứ vào ý nghĩa của bí tích Thánh Thể, các tín hữu *rước lễ khi* tham dự thánh lễ (Trong cùng một ngày, tín hữu có thể rước lễ hai lần, và chỉ hai lần mà thôi (x.(MS) PONTIFICIA COMMISSIO CODICIS IURIS CANONICI AUTHEN- TICE INTERPRETANDO, Respsa ad proposita dubia, 1 : Ass 76 (1984), p.746). x.CIC 916), nếu hội đủ các điều kiện cần thiết : "Nên khuyến khích các tín hữu tham dự thánh lễ trọn vẹn hơn, qua việc lãnh nhận Mình Thánh Chúa ngay trong thánh lễ", sau khi linh mục rước lễ (SC 55).

**1389** 2042 2837.

Hội Thánh buộc các tín hữu phải tham dự thánh lễ vào các ngày Chúa nhật và lễ trọng (x. OE 15) rước lễ mỗi năm ít là một lần vào mùa Phục Sinh, trừ khi có lý do chính đáng, có thể chu toàn vào mùa khác trong năm (x. CIC, khoản 920), trước đó phải chuẩn bị tâm hồn bằng bí tích Giao Hòa. Hội Thánh hết sức khuyến khích các tín hữu rước lễ vào các ngày Chúa Nhật và Lễ Trọng, hay thường xuyên hơn nữa, rước lễ hằng ngày.

**1390.**

Chúa Ki-tô hiện diện dưới mỗi hình Bánh hình Rượu, vì thế rước lễ dưới hình bánh mà thôi vẫn đem lại cho ta trọn vẹn hiệu quả ân sủng của bí tích Thánh Thể. Vì các lý do mục vụ, Nghi lễ La-tinh qui định cách rước lễ dưới hình Bánh thôi là hình thức thông dụng nhất. "Xét về phương diện dấu chỉ, việc rước lễ dưới hai hình là hình thức đầy đủ hơn. Quả thật, dưới hình thức này, dấu chỉ của bữa tiệc Thánh thể được sáng tỏ hơn" (x. IGMR 240). Hình thức này rất thông dụng trong các nghi lễ Đông Phương.

### **Hiệu quả của việc rước lễ**

**1391** 460 521.

*Việc rước lễ tăng triển sự hiệp thông của chúng ta với Chúa Ki-tô.* Hiệu quả chính yếu của việc rước lễ là được kết hiệp thâm sâu với Chúa Ki-tô. Chúa đã phán : "Ai ăn thịt và uống máu Tôi, thì luôn kết hiệp với Tôi, và Tôi luôn kết hiệp với người ấy". Đời sống trong Chúa Ki-tô có nền tảng nơi bí tích Thánh Thể : "Như Chúa Cha là Đấng Hằng Sống đã sai Tôi, và Tôi sống nhờ Chúa Cha thế nào, thì kẻ ăn Tôi, cũng sẽ nhờ Tôi mà được sống như vậy" (Ga 6,57).

Trong tiệc thánh của Chúa, khi lãnh nhận Mình của Chúa Con, các tín hữu loan báo cho nhau Tin Mừng : Thiên Chúa đã ban cho họ những hồng ân đầu tiên của sự sống, như xưa kia thiên thần báo cho bà Ma-ri-a thành Mác-đa-la : "Chúa Ki-tô đã Phục Sinh". Ngày nay, Thiên Chúa cũng ban sự sống và sự phục sinh cho những ai rước lấy Chúa Ki-tô (x. Fanqith, Office syriaque d' Antioche, quyển 1, Hiệp lễ, 237 a-b).

### **1392** 1212 1524.

Như của ăn vật chất mang lại sự sống cho thân xác thể nào, việc rước lễ cũng đem lại sự sống kỳ diệu cho đời sống thiêng liêng như vậy. Khi các tín hữu rước lấy Mình của Đấng Phục Sinh, "Mình đã được sống động nhờ Thánh Thần và làm cho người ta được sống"(x. PO 5), đời sống ân sủng đã lãnh nhận trong bí tích Thánh Tẩy được gìn giữ, phát triển và canh tân. Để đời sống ân sủng tăng triển, người Ki-tô hữu phải được bí tích thánh Thể là Bánh dành cho kẻ lữ hành trần thế, dưỡng nuôi cho đến giờ lâm tử; lúc ấy họ sẽ đón nhận như Cửa Ân Đàng.

### **1393** 613.

*Việc rước lễ giúp chúng ta xa lánh tội lỗi.* Chúng ta rước lấy Mình Chúa Ki-tô, "đã phó nộp vì chúng ta", và Máu "đã đổ ra cho mọi người được tha tội". Vì thế, bí tích Thánh Thể không thể kết hiệp chúng ta với Chúa Ki-tô, nếu không thanh tẩy chúng ta khỏi tội đã phạm và giúp chúng ta xa lánh tội lỗi.

"Mỗi lần chúng ta đón nhận Người, chúng ta loan truyền Chúa đã chịu chết". Chúng ta loan truyền Chúa đã chịu chết, thì cũng loan truyền ơn tha tội. Mỗi lần Máu Người đổ ra là để tha tội, tôi phải rước lấy để tội tôi được tha. Tôi luôn phạm tội, nên tôi cần một

phương được cứu độ"(Thánh Am-rô-xi-ô, Các bí tích 4,28).

**1394 1863 1436.**

Như của ăn vật chất phục hồi sức lực đã tiêu hao, bí tích Thánh Thể củng cố đức mến mà trong đời sống hằng ngày có xu hướng suy yếu đi. Đức mến sống động này có thể *xóa đi các tội nhẹ* (x. CĐ Trentô : DS 1638). Khi tự hiến cho chúng ta, Đức Ki-tô làm cho tình yêu chúng ta sống dậy, ban sức mạnh để chúng ta tự giải thoát khỏi những ràng buộc bất chính với thụ tạo và gắn bó chúng ta chặt chẽ với Người :

"Lạy Cha, vì yêu thương, Đức Ki-tô đã chết cho chúng con. Mỗi khi tưởng niệm cuộc tử nạn của Người trong thánh lễ, chúng con xin Cha cử Thánh Thần đến ban tình yêu cho chúng con. Chúng con khiêm tốn khẩn nguyện, nhờ tình yêu mà Đức Ki-tô đã chết vì chúng con, cho chúng con được lãnh nhận ơn Thánh Thần, để có thể xem thế gian như đã bị đóng đinh cho chúng con và chúng con cũng bị đóng đinh cho thế gian... Lạy Cha, vì tình yêu được lãnh nhận, xin cho chúng con chết đối với tội và chỉ sống cho Cha"(Thánh Fulgence de Ruspe, Fab.28, 16-19.)

**1395 1855 1446.**

Nhờ tình yêu mà bí tích Thánh Thể khơi dậy trong tâm hồn, *chúng ta được gìn giữ khỏi phạm tội trọng*. Càng tham dự vào sự sống Chúa Ki-tô, chúng ta càng sống mật thiết với Người; nhờ đó giảm bớt nguy cơ phạm tội trọng xa lìa Chúa. Nhưng bí tích Thánh Thể không được thiết lập để tha các tội trọng, đó là chức năng của bí tích Giao Hòa. Bí tích Thánh Thể dành cho những người hiệp thông trọn vẹn với Hội Thánh.

**1396 1118 267 790.**

*Sự duy nhất của Nhiệm Thể : Bí tích Thánh Thể làm nên Hội Thánh.* Ai hiệp lễ, đều được liên kết chặt chẽ với Chúa Ki-tô. Nhờ đó, Chúa Ki-tô kết hiệp họ với các tín hữu khác thành một thân thể duy nhất là Hội Thánh. Bí tích Thánh Thể nhập ta vào Hội Thánh, bí tích Thánh Thể canh tân, củng cố và kiện toàn sự nhập này. Trong bí tích Thánh Thể, chúng ta được mời gọi để tạo thành một thân thể duy nhất (x. 1Cr 12,13). Bí tích Thánh Thể thực hiện ơn gọi này : "Khi ta nâng chén tạ ơn mà cảm tạ Thiên Chúa, há chẳng phải là dự phần vào Máu Đức Ki-tô ư ? Và khi ta cùng bẻ Bánh Thánh, đó chẳng phải là dự phần vào Thân Thể Người sao ? Bởi vì chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể" (1Cr 10,16-17) :

1064.

"Nếu anh em là thân thể và chi thể của Chúa Ki-tô, thì chính anh em là bí tích đang đặt trên bàn thờ Chúa; anh em lãnh nhận bí tích là chính anh em. Khi lãnh nhận anh em thưa "A-MEN" (vâng, đúng như thế !) và anh em xác quyết như thế. Anh em nghe: "Mình Thánh Chúa Ki-tô" và trả lời : "A-MEN". Hãy thực sự trở thành chi thể của Chúa Ki-tô, để cho lời thưa A-MEN của anh em là chân thực"(Thánh Augustinô, bài giảng 272).

**1397 2449.**

*Bí tích Thánh Thể đòi buộc chúng phải chăm sóc người nghèo.* Để thực sự lãnh nhận Mình và Máu Đức Ki-tô đã phó nộp vì chúng ta, chúng ta phải nhận ra Người trong những người nghèo nàn nhất, những anh em của Người (x. Mt 25,40).

"Anh đã rước Máu Thánh Chúa, thế mà anh đã không nhận ra người anh em của mình. Anh đã hạ giá Bàn Tiệc Thánh, khi những người được Thiên Chúa coi là xứng đáng tham dự Tiệc Thánh, lại bị anh coi là không xứng đáng chia sẻ cơm áo với anh. Thiên Chúa đã giải thoát anh khỏi mọi tội lỗi và mời anh vào bàn tiệc, thế mà anh đã không tỏ ra nhân từ hơn chút nào"(Thánh Gio-an Kim Khẩu, bài giảng về 1Cr 27,4).

### **1398 817.**

*Bí tích Thánh Thể và sự hiệp nhất các Ki-tô hữu.*  
Trước màu nhiệm cao cả này, thánh Âu-tinh đã thốt lên: "*Ôi bí tích tình yêu ! Dấu chỉ hiệp nhất ! Mối dây bác ái !*"(x. Tin Mừng Gio-an 26,6,13; x. SC 47) Càng đau khổ vì sự chia rẽ trong Hội Thánh vốn làm cho các Ki-tô hữu không thể tham dự Tiệc Thánh chung với nhau, chúng ta càng thấy Lời Chúa cầu nguyện cho các Ki-tô hữu được hiệp nhất trở nên khẩn thiết hơn.

### **1399 838.**

Các Giáo Hội Đông Phương, dù không hoàn toàn hiệp thông với Giáo Hội Công Giáo, vẫn cử hành bí tích Thánh Thể một cách sốt sắng. Vì "các Giáo Hội ấy, mặc dù ly khai, vẫn có các bí tích đích thực nhờ sự kế nhiệm các tông đồ, nhất là chức linh mục và bí tích Thánh Thể, nên vẫn liên kết chặt chẽ với chúng ta. Do đó, một vài hình thức hiệp thông trong sự thánh (nghĩa là trong bí tích Thánh Thể), trong những trường hợp thuận tiện và với sự chấp thuận của giáo quyền, chẳng những là có thể thực hiện mà còn đáng khuyến khích nữa"(x. UR 15; x. CIC, khoản 844, triệt 3).

### **1400 1536**

Các cộng đoàn phát sinh từ cuộc Cải Cách, đã ly khai khỏi Giáo Hội Công giáo "không còn giữ được bản chất đích thực và nguyên vẹn của mầu nhiệm Thánh Thể, chủ yếu là vì thiếu bí tích Truyền Chức Thánh"(x. UR 22). Vì lý do này, Giáo hội Công giáo không thể cùng với họ cử hành bí tích Thánh Thể được. Nhưng khi các cộng đoàn này "tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa trong Tiệc Thánh, họ đã tuyên xưng rằng sự sống chỉ có nghĩa nhờ hiệp thông với Chúa Ki-tô và họ mong đợi ngày trở lại vinh quang của Người" (UR 22).

#### **1401 1483 1385**

Theo phán đoán của giám mục giáo phận, khi có nhu cầu quan trọng, các thừa tác viên Công giáo được phép ban các bí tích Giao Hòa, Thánh Thể và Xức Dầu bệnh nhân cách hợp pháp cho những người Ki-tô hữu không hiệp thông hoàn toàn với Giáo Hội Công giáo, khi họ xin với điều kiện là họ tuyên xưng Đức Tin Công Giáo về các bí tích ấy và họ đã chuẩn bị hợp lệ (x. CIC khoản 384, triệt 4).

### **VII. BÍ TÍCH THÁNH THỂ, "BẢO CHỨNG CHO VINH QUANG MAI SAU"**

#### **1402 1323 1130.**

Trong một kinh nguyện cổ, Hội Thánh ca tụng mầu nhiệm Thánh Thể như sau : "Ôi Tiệc Thánh, Đức Ki-tô đã trở thành lương thực cho chúng ta; tiệc tưởng niệm cuộc khổ nạn của Người, ban cho ta hồng ân viên mãn và bảo chứng cho vinh quang mai sau". Vì bí tích Thánh Thể là lễ tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Chúa và "khi dự tiệc Mình và Máu Thánh Con Cha tại bàn thờ này... tất cả chúng con được tràn đầy ơn phúc bởi trời"(x. MR, Kinh Tạ Ơn Rô-ma 96: "Chúng con khẩn khoản nài xinChúa"), nên bí tích Thánh Thể cũng còn là tiền dự vào vinh quang thiên quốc.

### 1403 671.

Trong bữa Tiệc ly, Chúa hướng các môn đệ đến tiệc Vượt Qua viên mãn trong Nước Trời : "Thầy bảo cho anh em biết : từ nay, Thầy sẽ không còn uống rượu nho này nữa, cho đến ngày được cùng anh em uống thứ rượu mới trong Nước của Cha Thầy"(x. Mt 26,29; x. Lc 22,18; Mc 14,25). Mỗi lần cử hành bí tích Thánh Thể, Hội Thánh nhớ lại lời hứa này và hướng về Đấng đang đến. Trong kinh nguyện, Hội Thánh kêu cầu Người mau đến : "*Marana tha*" (1Cr 16,22), "Lạy Chúa Giê-su, xin hãy đến" (Kh 22,20), "Ước gì trần gian này mau qua đi và ân sủng Ngài đến" (x. Didaché 10,6).

### 1404 1041 1028.

Hội Thánh biết rằng, trong bí tích Thánh Thể, Chúa đã đến và đang hiện diện giữa chúng ta; nhưng Người vẫn còn ẩn mình. Vì thế, khi cử hành bí tích Thánh Thể, chúng ta "đợi chờ ngày hồng phúc, ngày Đức Giê-su Ki-tô, Đấng cứu độ chúng ta ngự đến"(x. Phần nguyện sau kinh Lạy Cha; x. Tt 22,13), và chúng ta khẩn nguyện : " Xin thương nhận tất cả vào Nước Cha, nơi chúng con hy vọng sẽ được cùng nhau vui hưởng vinh quang Cha muôn đời, khi Cha lau sạch nước mắt chúng con. Bây giờ, chúng con sẽ được chiêm ngưỡng Cha tường tận, nên muôn đời sẽ được giống như Cha là Thiên Chúa chúng con, và sẽ dâng lời ca ngợi Cha không cùng, nhờ Đức Ki-tô Chúa chúng con"(x. MR, kinh nguyện Thánh Thể 3, 116: cầu nguyện cho người quá cố).

### 1405 1042 1000.

Bí tích Thánh Thể là bảo chứng chắc chắn và là dấu chỉ tỏ tường về hy vọng một Trời Mới Đất Mới, nơi đó công lý ngự trị (x. 2Pr 3,13). Mỗi khi cử hành mầu nhiệm này, "công trình cứu độ chúng ta sẽ được thực hiện"(x. LG 3) và "chúng ta chia sẻ cùng một tấm bánh là phương dược trường sinh bất tử và của ăn đem lại sự sống muôn đời trong Đức

Ki-tô" (Thánh I-nha-xi-ô An-ti-ô-ki-a, thư gửi giáo đoàn Ê-phê-sô 20,2.)

## **TÓM LƯỢC**

### **1406.**

*Chúa Giê-su nói: " Tôi là Bánh Hằng Sống từ trời xuống. Ai ăn Bánh này, sẽ được sống muôn đời...Ai ăn Thịt và uống Máu Tôi, thì được sống đời đời...người ấy luôn kết hợp với Tôi và Tôi luôn kết hợp với người ấy" (Ga 6,51.54.56).*

### **1407.**

*Bí tích Thánh Thể là trung tâm và cao điểm của đời sống Hội Thánh. Trong bí tích Thánh Thể, Đức Ki-tô liên kết Hội Thánh và mọi chi thể của Người vào hy lễ chúc tụng và tạ ơn, hy lễ mà Người đã dâng lên Cha một lần dứt khoát trên thập giá. Qua hy lễ này, Người thông ban tràn đầy ân sủng cứu độ trên Thân Thể của mình là Hội Thánh.*

### **1408.**

*Cử hành bí tích Thánh Thể bao gồm : công bố Lời Chúa; tạ ơn Thiên Chúa Cha vì mọi ơn lành, nhất là Người đã ban Con Chi Ái cho thế gian; truyền phép trên bánh rượu và chia sẻ bàn tiệc thánh bằng việc lãnh nhận Mình và Máu Thánh Chúa. Các yếu tố này kết thành một tế tự duy nhất.*

### **1409.**

*Thánh lễ là lễ tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Chúa Ki-tô, nghĩa là công trình cứu độ được thực hiện qua đời sống, cuộc khổ nạn và phục sinh của Người. Công trình này được hiện tại hóa trong cử hành phụng vụ.*

**1410.**

*Trong hy tế Thánh Thể, Đức Ki-tô vừa là chủ tế vừa là lễ vật. Người là vị thượng tế đời đời của Giao Ước Mới, dâng lễ vật qua thừa tác vụ của linh mục. Lễ vật cũng chính là Người đang thực sự hiện diện dưới hình bánh rượu.*

**1411.**

*Chỉ những linh mục đã lãnh nhận chức thánh thành sự mới có quyền chủ tọa thánh lễ và truyền phép để bánh rượu trở thành Mình Máu Chúa.*

**1412.**

*Dấu chỉ chính yếu của bí tích Thánh Thể là bánh miến và rượu nho. Trên bánh rượu này, chủ tế đọc lời cầu xin Thánh Thân và lời truyền phép, lời chính Chúa Giê-su đã nói tại bàn tiệc ly : " Đây là Mình Thầy, sẽ bị nộp vì các con... Đây là Chén Máu Thầy..."*

**1413.**

*Nhờ lời truyền phép, bánh và rượu biến thể, trở thành Mình và Máu Chúa Ki-tô. Dưới hình bánh rượu đã được truyền phép, chính Chúa Ki-tô hằng sống và vinh quang hiện diện cách đích thực, thực sự và bản thể, với trọn thân xác, máu thịt, linh hồn và thiên tính ( x. CĐ Trentô: DS 1640,1651).*

**1414.**

*Bí tích Thánh Thể được dâng lên như hy tế đền tội cho người sống cũng như kẻ chết và xin Thiên Chúa ban ơn lành hồn xác.*

**1415.**

*Ai muốn đón nhận Chúa Ki-tô qua việc rước lễ, phải sống trong tình trạng ân sủng. Ai biết mình đang mắc tội*

*trọng, phải lãnh nhận bí tích Giao Hòa trước khi đến rước lễ.*

**1416.**

*Khi rước Mình Máu Thánh, chúng ta được gắn bó chặt chẽ hơn với Đức Ki-tô, được tha thứ các tội nhẹ và bảo vệ khỏi những tội trọng. Nhờ rước lễ, tình yêu của chúng ta với Đức Ki-tô được mật thiết hơn, nên sự hiệp nhất trong Hội Thánh là nhiệm thể Người, được củng cố.*

**1417.**

*Hội Thánh khuyên tín hữu nên rước lễ khi tham dự thánh lễ. Hội Thánh buộc tín hữu rước lễ mỗi năm ít là một lần.*

**1418.**

*Vì Chúa Ki-tô hiện diện thực sự, chúng ta phải tôn thờ Thánh Thể. "Khi viếng Thánh Thể, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn, dấu chỉ tình yêu và bổn phận thờ lạy Đức Ki-tô, Chúa chúng ta" (MF).*

**1419.**

*Khi lìa bỏ thế gian mà về cùng Cha, Chúa Ki-tô để lại bí tích Thánh Thể làm bảo chứng chúng ta sẽ được chung hưởng vinh quang với Người. Việc tham dự thánh lễ uốn lòng chúng ta nên giống trái tim Chúa, nâng đỡ sức lực chúng ta trên đường lữ hành tại thế, làm cho chúng ta khao khát cuộc sống vĩnh cửu và ngay từ bây giờ liên kết chúng ta với Hội Thánh trên trời, với Đức Thánh Trinh Nữ Ma-ri-a và chư thánh.*

## CHƯƠNG HAI

### CÁC BÍ TÍCH CHỮA LÀNH

**1420.**

Chúng ta nhận được sự sống mới của Đức Ki-tô nhờ các bí tích khai tâm Ki-tô giáo. Nhưng sự sống này được chứa "trong những bình sành" (2Cr 4,7) và đang tiềm tàng với Đức Ki-tô trong Thiên Chúa" (Cl 3,3). Chúng ta hiện sống trong "ngôi nhà dưới đất" (2Cr 5,1), phải chịu khổ đau, bệnh tật và phải chết. Đời sống mới, tức là đời sống của con cái Thiên Chúa, có thể bị tội lỗi làm suy giảm hoặc hủy diệt.

**1421.**

Chúa Giê-su Ki-tô là thầy thuốc chữa lành linh hồn và thể xác chúng ta. Người đã từng tha tội và phục hồi sức khoẻ thể xác cho người bại liệt (x. Mc 2,1-12). Người muốn Hội Thánh, nhờ quyền năng Thánh Thần, tiếp tục công cuộc chữa lành và cứu độ. Các chi thể của Hội Thánh rất cần điều này. Đó là mục đích của hai bí tích chữa lành : bí tích Thống Hối và bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân.

## Mục 4

### BÍ TÍCH SÁM HỐI VÀ GIAO HOÀ

**1422 980.**

"Những ai đến lãnh nhận bí tích Thống Hối đều được Thiên Chúa nhân từ tha thứ những xúc phạm đến Người. Đồng thời, họ được giao hòa với Hội Thánh đã bị tội lỗi của họ làm tổn thương. Nhưng Hội Thánh hằng nỗ lực lấy đức mến, gương lành và kinh nguyện, để hoán cải họ" (x. LG 11).

## I. TÊN GỌI CỦA BÍ TÍCH NÀY

### 1423 1989.

Bí tích này được gọi là *bí tích Hoán Cải* : Tội lỗi đã làm con người lìa xa Thiên Chúa, nhưng bí tích này thực hiện lời Chúa Giê-su kêu gọi tội nhân hoán cải (x. Mc 1,15) để trở về với Chúa Cha (x. Lc 15,18).

### 1440.

Bí tích này được gọi là *bí tích Thống Hối*, vì xác định một tiến trình cho tội nhân hoán cải, ăn năn và đền tội, cả về phương diện cá nhân lẫn phương diện Hội Thánh.

### 1424 1456.

Bí tích này được gọi là *bí tích Thú Tội* : Việc thú nhận xưng tội với linh mục là một yếu tố thiết yếu của bí tích này. Theo một nghĩa sâu xa hơn, bí tích này cũng là một việc "tuyên xưng", tức là nhìn nhận và ca ngợi Thiên Chúa thánh thiện và giàu lòng thương xót đối với tội nhân.

### 1449.

Bí tích này được gọi là *bí tích Tha Tội*, vì nhờ lời xá giải của linh mục, Thiên Chúa ban cho tội nhân ơn "tha thứ và bình an" (x. OP, công thức giải tội).

### 1442.

Bí tích này được gọi là *bí tích Giao Hòa*, vì ban cho tội nhân ơn giao hòa của Thiên Chúa "anh em hãy làm hòa với Thiên Chúa" (2Cr 5,20). Ai cảm nhận được tình yêu thương xót của Thiên Chúa, sẽ sẵn sàng đáp lại tiếng Chúa mời gọi : "Hãy đi làm hòa với anh em người đã" (Mt 5,24).

## II. TẠI SAO CẦN BÍ TÍCH GIAO HÒA SAU KHI ĐÃ LÃNH NHẬN BÍ TÍCH THÁNH TẨY ?

**1425** 1263 2838.

"Anh em đã được tẩy rửa, được thánh hóa, được nên công chính nhờ danh Chúa Giê-su Ki-tô và nhờ Thánh Thần Thiên Chúa" (1Cr 6,11). Phải ý thức hồng ân Thiên Chúa ban trong các bí tích khai tâm Ki-tô giáo lớn lao thế nào, mới hiểu được tội lỗi không có chỗ đứng nơi người đã "mặc lấy Chúa Ki-tô" (Gl 3,27). Nhưng thánh Gio-an tông đồ đã nói : "Nếu chúng ta nói là chúng ta không có tội thì chúng ta tự lừa dối mình, và sự thật không ở trong chúng ta" (1Ga 1,8). Chính Chúa Giê-su cũng dạy chúng ta cầu nguyện : "Xin tha tội chúng con" (Lc 11,4). Người liên kết việc chúng ta tha thứ cho nhau với việc Thiên Chúa tha tội cho chúng ta.

**1426** 405,978, 1264.

*Khi hoán cải trở về với Đức Ki-tô, tái sinh trong bí tích Thánh Tẩy, nhận lãnh hồng ân Thánh Thần, rước Mình và Máu Chúa Ki-tô làm của ăn của uống, chúng ta trở nên "tinh tuyền thánh thiện trước mặt Người" (Ep 1,4), như chính Hội Thánh, Hiền Thê của Người, cũng "thánh thiện và tinh tuyền trước mặt Người" (Ep 5,27). Tuy nhiên, đời sống mới chúng ta nhận được trong các bí tích khai tâm không tiêu hủy sự mỏng dòn và yếu đuối của bản tính nhân loại, cũng như sự hướng chiều theo tội lỗi mà truyền thống vẫn gọi là *vật dục*. Thiên Chúa để cho xu hướng này tồn tại nơi người chịu bí tích Thánh Tẩy để với ơn Chúa giúp họ có cơ hội chiến đấu trong đời sống Ki-tô hữu ( x. DS 1515). Mục đích cuộc chiến đấu này là *hoán cải* để đạt tới sự thánh thiện và sự sống vĩnh cửu mà Chúa hằng mời gọi ( x. DS 1545; LG 40.).*

### III. SỰ HOÁN CẢI CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐÃ ĐƯỢC THANH TÂY

#### 1427 541.

Đức Giê-su mời gọi chúng ta hoán cải. Lời mời gọi này là một phần cốt yếu của việc loan báo Nước Trời : "Thời kỳ đã mãn, và Nước Thiên Chúa đã đến gần rồi. Anh em phải sám hối và tin vào Tin Mừng" (Mc1,15). Khi rao giảng, Hội Thánh chuyển lời mời gọi ấy, trước hết, đến những người chưa biết Đức Ki-tô và Tin Mừng. Vì thế, việc hoán cải đầu tiên và cơ bản là bí tích Thánh Tây. Chính nhờ tin vào Tin Mừng và nhờ bí tích Thánh Tây (x. Cv 2,38), chúng ta từ bỏ sự dữ và được ơn cứu độ, nghĩa là được tha thứ mọi tội lỗi và lãnh nhận hồng ân sự sống mới.

#### 1428 1036 853 996.

Lời kêu gọi hoán cải của Đức Ki-tô vẫn tiếp tục vang lên trong đời sống người tín hữu. *Cuộc hoán cải thứ nhì* này là một nhiệm vụ liên tục của toàn thể Hội Thánh; vì "mang trong lòng mình những tội nhân" và "vừa thánh thiện vừa được kêu gọi thanh luyện, Hội Thánh nỗ lực không ngừng để thống hối và canh tân" (x. LG 8). Ra sức hoán cải không chỉ là công việc phạm nhân. Do ân sủng lôi kéo và thúc đẩy (x. Ga 6,44; 12,32), chúng ta sám hối với "tâm lòng tan nát" (Tv 50,19), để đáp lại tình yêu của Thiên Chúa giàu lòng thương xót, Đấng đã yêu thương chúng ta trước (x. 1Ga 4,10).

#### 1429.

Có thể lấy cuộc hoán cải của thánh Phê-rô, sau khi chối Thầy ba lần, làm bằng chứng. Chúa Giê-su nhìn thánh Phê-rô bằng ánh mắt vô cùng thương xót, làm cho Phê-rô khóc lóc vì hối hận (Lc 22,61) và ba lần khẳng định yêu mến Chúa, sau Phục sinh (x. Ga 21,15-17). Cuộc hoán cải thứ nhì

cũng mang chiều kích *cộng đoàn*. Ta thấy rõ điều này khi Chúa kêu gọi cả một giáo đoàn : "Hãy hối cải" (Kh 2,5.16).

Thánh Am-rô-xi-ô nói về hai cuộc hoán cải : trong Hội Thánh, "có nước và nước mắt, nước trong bí tích Thánh Tẩy và nước mắt trong bí tích Thống Hối" (Thư gửi giáo đoàn Ê-phê-sô 41,12).

#### IV. THỐNG HỐI NỘI TÂM

##### **1430 1098.**

Như các ngôn sứ thuở trước, lời Chúa Giê-su kêu gọi hoán cải và thống hối trước hết không nhắm đến những việc bên ngoài, "mặc áo vải thô, rắc tro trên đầu", giữ chay và khổ chế, nhưng đến *hoán cải trong lòng, thống hối nội tâm*. Nếu không có thống hối nội tâm, các việc làm bên ngoài sẽ vô hiệu và dối trá. Tuy nhiên, việc hoán cải nội tâm thúc đẩy người ta diễn tả thái độ ấy bằng những dấu hiệu khả giác, những cử chỉ và những việc làm của người thống hối ( x. Ge 2,12-13; Is 1,16-17; Mt 6,1-6. 16-18).

##### **1431 1451 368.**

Thống hối nội tâm là chuyển hướng triệt để toàn bộ đời sống, hết lòng quay lại, trở về với Thiên Chúa, đoạn tuyệt với tội lỗi, từ bỏ sự dữ, ghê tởm những hành động xấu xa đã làm. Đồng thời thống hối nội tâm cũng bao hàm ước muốn và quyết tâm thay đổi đời sống, với hy vọng vào lòng thương xót của Thiên Chúa và tin tưởng vào sự trợ giúp của ân sủng. Cuộc hoán cải trong lòng này đi đôi với sự đau buồn có sức cứu độ mà các giáo phụ gọi là *animi cruciatus* (tâm trí đau đớn) và *compunctio cordis* (tâm hồn hối hận) ( x. CĐ Trentô : DS 1676-1678; 1705; Giáo lý Rô-ma 2,5,4.).

**1432 1989.**

Lòng người nặng nề và cứng cõi, nên phải được Thiên Chúa ban cho một trái tim mới (Ed 36,26-27). Hoán cải trước hết là công việc của ân sủng, Thiên Chúa làm cho lòng chúng ta quay về với Người : "Lạy Chúa, xin đưa chúng con về và chúng con sẽ trở lại với Chúa" (Ac 5,21). Thiên Chúa ban cho chúng ta sức mạnh để bắt đầu lại. Chính khi khám phá ra tình yêu cao cả của Thiên Chúa mà lòng chúng ta bị chấn động vì thấy tội lỗi khủng khiếp và nặng nề, nên không dám phạm tội vì sợ xúc phạm đến Chúa và bị tách lìa khỏi Người. Lòng con người hoán cải khi hướng nhìn lên Đấng bị tội lỗi chúng ta đâm sâu ( x. Ga 19,37; Dcr 12,10).

Hãy chiêm ngắm máu Đức Ki-tô và nhận biết rằng máu ấy quý giá biết bao đối với Chúa Cha, vì khi đổ ra để chuộc tội chúng ta, máu ấy ban cho toàn thể giới ơn hoán cải ( Thánh Cơ-lê-măng-tê thành Rô-ma, thư gửi giáo đoàn Cô-rin-tô 7,4).

**1433 729 692,1848.**

Từ khi Đức Ki-tô phục sinh, chính Chúa Thánh Thần "tố cáo thế gian về vấn đề tội lỗi" (Ga 16,8-9), Người cho thấy thế gian đã không tin vào Đấng Chúa Cha cử đến. Cũng chính Chúa Thánh Thần, Đấng tố cáo tội lỗi, lại là Đấng Bảo Trợ ( x.Ga 15,26): Người ban cho lòng con người ân sủng để họ ăn năn và hoán cải ( x. Cv 2,36-38; x. Gio-an Phao-lô II, DV 27-48.).

**V. NHỮNG HÌNH THỨC THÔNG HỎI TRONG ĐỜI SỐNG KITÔ HỮU****1434 1969.**

Thống hối nội tâm của người Ki-tô hữu có thể được diễn tả bằng nhiều cách. Thánh Kinh và các giáo phụ nhấn mạnh nhất ba hình thức : *giữ chay, cầu nguyện và bố thí* ( x.Tb 12,8; Mt 6,1-18). Đây là những cách diễn tả sự hoán cải đối với bản thân, đối với Thiên Chúa và đối với tha nhân. Bên cạnh sự hoán cải triệt để thực hiện qua bí tích Thánh Tẩy hoặc tử đạo, các ngài còn kể đến những phương thế để xin Chúa tha thứ tội lỗi : cố gắng giao hoà với anh em, nước mắt thống hối, lo lắng đến phần rỗi tha nhân (x. Gc 5,20), khẩn cầu các thánh và thực hành bác ái - "vì tình yêu che phủ muôn vàn tội lỗi" (1 Pr 4,8).

### **1435**

Trong đời sống hằng ngày, việc hoán cải được thể hiện qua những hành vi giao hoà, lo lắng cho người nghèo, thực thi cũng như bảo vệ công lý và công bình (x. Am 5,24; Is 1,17) bằng việc thú tội, sửa lỗi cho nhau, xét lại cách sống, xét mình, linh hướng, chấp nhận đau khổ, kiên trì khi bị bách hại vì lẽ công chính. Vác thánh giá mỗi ngày và bước theo Chúa Giê-su là con đường thống hối chắc chắn nhất (x. Lc 9,23).

### **1436 1394**

*Bí tích Thánh Thể và bí tích Thống Hối.* Chúng ta tìm được nguồn mạch và của nuôi dưỡng cho lòng hoán cải và thống hối hằng ngày nơi bí tích Thánh Thể, vì đây là hy tế của Đức Ki-tô, Đấng giao hoà chúng ta với Thiên Chúa. Bí tích Thánh Thể nuôi dưỡng và tăng sức cho những người sống bằng sự sống của Đức Ki-tô : Bí tích này là "phương thuốc cứu chúng ta khỏi tội lỗi hằng ngày và gìn giữ chúng ta khỏi tội trọng" (x. CĐ Trentô: DS 1638).

### **1437.**

Việc đọc Thánh Kinh, đọc kinh Thần Vụ và kinh Lạy Cha, mỗi hành vi phụng tự và đạo đức chân thành đều làm sống lại trong chúng ta tinh thần hoán cải và thống hối, đồng thời góp phần tha thứ tội lỗi chúng ta.

#### **1438 540 2043.**

*Thời điểm và những ngày thống hối* trong năm phụng vụ (mùa Chay, mỗi thứ sáu tưởng nhớ Chúa chịu chết), là những thời điểm đặc biệt để Hội Thánh thực hành thống hối (x SC 109-110; CIC, khoản 1249-1253; CCEO, khoản 880-883) Đây là thời gian đặc biệt thích hợp để tĩnh tâm, cử hành phụng vụ thống hối, để hành hương thống hối, tự nguyện hãm mình như giữ chay và bố thí, chia sẻ huynh đệ (công tác từ thiện và truyền giáo).

#### **1439 545.**

Đức Giê-su đã *diễn tả tiến trình hoán cải và thống hối* cách tuyệt vời qua dụ ngôn "Người cha nhân hậu" (Lc 15,11-24). Bị ảo ảnh tự do mê hoặc, người con bỏ nhà Cha ra đi. Sau khi tiêu tán hết tài sản, nó rơi vào tình trạng khốn quẫn. Nó hết sức nhục nhã vì phải đi chăn heo, và tệ hơn nữa, ước muốn ăn cám heo mà không được. Nó nghĩ lại, hối hận và quyết định thú nhận có lỗi với cha. Nó lên đường trở về. Người cha bao dung và vui mừng đón con. Đó là những nét tiêu biểu của tiến trình hoán cải. Áo đẹp, nhẫn và tiệc mừng là những biểu hiệu của đời sống mới, trong sạch, xứng đáng, tràn ngập niềm vui: đó là cuộc sống của người trở về với Thiên Chúa và với Hội Thánh là gia đình mình. Chỉ trái tim Đức Ki-tô, Đấng thấu suốt tình yêu sâu thẳm của Chúa Cha, mới mặc khải được cho chúng ta đại dương từ ái của Thiên Chúa một cách đơn sơ và tươi đẹp đến thế.

## **VI. BÍ TÍCH THỐNG HỐI VÀ GIAO HOÀ**

**1440 1850.**

Tội trước hết là xúc phạm đến Thiên Chúa, là đoạn tuyệt với Người, đồng thời cũng làm tổn thương sự hiệp thông với Hội Thánh. Vì thế, khi hoán cải chúng ta được Thiên Chúa tha thứ đồng thời được giao hòa với Hội Thánh. Đây chính là điều được Phụng vụ bí tích thống hối và giao hòa diễn tả và thực hiện (x. LG 11).

### **Chỉ một mình Thiên Chúa có quyền tha tội**

**1441 270,431 589.**

Chỉ một mình Thiên Chúa có quyền tha tội cho con người (x. Mc 2,7). Là Con Thiên Chúa, Đức Giê-su tự khẳng định : "Con Người có quyền tha tội dưới đất" (Mc 2,10), và Người thực thi quyền ấy : "Tội con đã được tha" (Mc 2,5; Lc 7,48). Hơn nữa, nhân danh quyền Thiên Chúa, Người ban quyền tha tội cho một số người (x. Ga 20,21-23) để họ thực thi nhân danh Người.

**1442 983.**

Đức Ki-tô đã muốn rằng trong kinh nguyện, đời sống và hoạt động, Hội Thánh trọn vẹn phải là dấu chỉ và khí cụ ơn tha thứ và giao hòa Người đã mua được bằng giá máu Người. Tuy nhiên, Người ủy thác quyền giải tội cho thừa tác vụ tông đồ. Người tông đồ được ủy thác "thừa tác vụ giao hòa" (2 Cr 5,18), được sai đi "nhân danh Đức Ki-tô"; và qua người tông đồ, "chính Thiên Chúa" khuyến bảo và nài nỉ : "Hãy giao hòa với Thiên Chúa" (2 Cr 5,20).

### **Giao Hòa với Hội Thánh**

**1443 545.**

Trong đời sống công khai, chẳng những Chúa Giê-su tha tội, Người còn cho thấy hiệu quả của việc tha tội : Người

đã đưa những người được tha tội trở lại cộng đồng dân Chúa vì tội đã tách lìa hoặc khai trừ họ khỏi cộng đoàn. Một dấu chỉ tỏ tường là Người cho kẻ tội lỗi đồng bàn với mình, hơn nữa, còn đến dùng bữa với họ : cử chỉ này nói lên việc họ được Thiên Chúa tha tội (x. Lc 15) và được trở về trong lòng Dân Chúa (x. Lc 19,9).

#### **1444 981.**

Khi cho các tông đồ chia sẻ quyền tha tội, Chúa cũng cho họ quyền giao hòa tội nhân với Hội Thánh. Chiều kích Hội Thánh này của nhiệm vụ tông đồ được diễn tả cách đặc biệt trong lời long trọng Đức Ki-tô nói với thánh Phê-rô : "Thầy sẽ ban cho con chìa khoá Nước Trời. Những gì con cầm buộc dưới đất, trên trời cũng cầm buộc; những gì con tháo cởi dưới đất trên trời cũng tháo cởi" (Mt 16,19). "Nhiệm vụ cầm buộc và tháo cởi đã được ban cho thánh Phê-rô cũng được ban cho tập thể tông đồ hiệp nhất với thủ lãnh (Mt 18,18; 28, 16-20) " (x. LG 22,2) .

#### **1445 553.**

*Cầm buộc và tháo cởi* nghĩa là ai bị các tông đồ loại trừ khỏi sự hiệp thông với Hội Thánh, cũng không được hiệp thông với Thiên Chúa; ai được hiệp thông trở lại, cũng được thông hiệp lại với Thiên Chúa. *Giao hòa với Hội Thánh không thể tách biệt khỏi giao hòa với Thiên Chúa.*

### **Bí tích tha tội**

#### **1446 979 1856 1990.**

Đức Ki-tô đã lập bí tích thống hối cho những tội nhân trong Hội Thánh, trước hết là cho những người sau khi đã được rửa tội mà còn phạm tội trọng, đánh mất ân sủng thánh tẩy và làm tổn thương đến sự hiệp thông Hội Thánh. Bí tích thống hối cho họ có một cơ hội mới hoán cải và tìm lại ơn

công chính hóa. Các giáo phụ coi bí tích này như "cái phao thứ nhì sau khi tàu chìm, tức là đánh mất ân sủng" (x. Tertullianô về sự thống hối 4,2; x. CD Trentô: DS 1542).

#### 1447.

Qua dòng thời gian, Hội Thánh thực thi quyền tha tội dưới nhiều hình thức. Trong các thế kỷ đầu, sau khi đã được rửa tội, mà còn phạm những tội đặc biệt nghiêm trọng (thì dụ thờ ngẫu tượng, giết người, ngoại tình), các tín hữu phải chịu một hình thức kỷ luật rất khắt khe : Kể có tội phải thống hối công khai, thường là trong nhiều năm, trước khi được giao hòa, nhưng hiếm có người được nhận vào "hàng hối nhân" này; trong một số miền, mỗi người chỉ được nhận một lần trong đời. Trong thế kỷ thứ 7, cảm hứng từ truyền thống đan tu Đông Phương, các thừa sai Ai-len đem vào lục địa châu Âu "hình thức thống hối riêng", không đòi làm việc thống hối công khai và lâu dài trước khi được giao hòa với Hội Thánh. Từ đó, bí tích được ban cách kín đáo giữa hối nhân và linh mục. Cách thực hành này dự liệu người ta có thể được giao hòa nhiều lần và vì thế mở đường cho việc năng lãnh nhận bí tích thống hối. Hình thức này cũng cho phép kết hợp trong một việc cử hành bí tích việc tha tội trọng và tội nhẹ. Những nét chính về hình thức thống hối này Hội Thánh vẫn còn thực hành cho tới ngày nay.

#### 1448.

Qua những thay đổi về qui định và nghi thức theo dòng thời gian, chúng ta nhận ra một *cấu trúc nền tảng* với hai yếu tố chính. Một mặt là những hành vi của những con người hoán cải dưới tác động của Chúa Thánh Thần : ăn năn, thú tội và đền tội. Mặt khác là tác động của Thiên Chúa qua thừa tác vụ của Hội Thánh. Nhờ giám mục và linh mục, Hội Thánh tha tội nhân danh Đức Ki-tô, ấn định việc đền tội, cầu nguyện cho hối nhân và cùng làm việc thống hối với họ.

Nhờ đó, tội nhân được chữa lành và hiệp thông lại với Hội Thánh.

**1449 1481 234.**

Công thức giải tội trong Giáo Hội La-tinh diễn tả những yếu tố cốt yếu của bí tích : Chúa Cha từ ái là nguồn mọi ơn tha thứ. Người thực hiện việc giao hòa tội nhân nhờ cuộc vượt qua của Chúa Con và hồng ân Thánh Thần, qua lời nguyện và thừa tác vụ của Hội Thánh :

Thiên Chúa là Cha hay thương xót, đã nhờ sự chết và sống lại của Con Chúa, mà giao hòa thế gian với Chúa và ban Thánh Thần để tha tội; xin Chúa dùng tác vụ của Hội Thánh, mà ban cho anh (chị) ơn tha thứ và bình an. Vậy, tôi tha tội cho anh (chị) nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con, và Chúa Thánh Thần (x. OP 46: Công thức giải tội) .

## **VII. NHỮNG VIỆC HỎI NHÂN PHẢI LÀM**

**1450.**

"Tội nhân phải tự nguyện thi hành đầy đủ những việc sau : thật lòng ăn năn, xưng tội, khiêm tốn và thành tâm đền tội" (x Giáo lý Rô-ma II, V,21; x. CĐ Trentô : DS 1673).

### **Thống hối ăn năn**

**1451 431.**

Trước hết hối nhân phải ăn năn tội. Ăn năn tội là "đau đớn trong lòng và chê ghét tội đã phạm, dốc lòng chữa từ nay không phạm tội nữa" (x. CĐ Trentô : DS 1676).

**1452 1822.**

Khi hối nhân ăn năn vì yêu mến Chúa trên hết mọi sự, chúng ta gọi là ăn năn tội "cách trọn" (ái hối). Việc ăn năn tội này xóa bỏ các tội nhẹ và cũng đem lại ơn tha thứ các tội trọng, nếu hối nhân quyết tâm đi xưng tội càng sớm càng tốt (x. CĐ Trentô : DS 1677).

### **1453.**

Ăn năn tội "cách chẳng trọn" (hoặc hối hận) cũng là một hồng ân Thiên Chúa, một thúc đẩy của Chúa Thánh Thần. Nó xuất phát từ việc thấy sự xấu xa của tội lỗi hoặc vì sợ hình phạt trầm luân đời đời cũng như hình khổ khác kẻ tội lỗi phải chịu (úy hối). Lương tâm được lay động như vậy có thể mạnh nha một chuyển biến nội tâm, chuyển biến này sẽ được hoàn tất dưới tác động của ân sủng nhờ việc tha tội trong bí tích Giao Hòa. Tuy nhiên, việc ăn năn tội cách chẳng trọn tự nó không đem lại ơn tha thứ các tội trọng, nhưng chuẩn bị tâm hồn đón nhận ơn tha tội trong bí tích Thống Hối (x. CĐ Trentô : DS 1678; 1705).

### **1454.**

Để lãnh nhận bí tích Giao Hòa, hối nhân cần chuẩn bị bằng *việc xét mình* dưới ánh sáng Lời Chúa. Những bản văn thích hợp nhất có thể tìm được trong Mười Điều Răn phần giảng huấn luân lý của Tin Mừng và trong các thư Tân Ước : Bài giảng trên núi, Giáo huấn các tông đồ (x Rm 12-15; 1Cr 12-13).

## **Xưng tội**

### **1455 1424 1734.**

Ngay trên bình diện thuần nhân loại, xưng tội hay thú tội giải thoát và giúp chúng ta dễ dàng hòa giải với anh em. Qua việc thú tội, con người nhận mình là tội nhân, nhận trách

nhệm về tội lỗi đã phạm, nhờ đó lại sẵn sàng đón nhận Thiên Chúa và hiệp thông với Hội Thánh để có một tương lai mới.

**1456 1855.**

Lời thú tội với linh mục là phần cốt yếu của bí tích Thống Hối : "Khi xưng tội, hối nhân phải kể hết các tội trọng nhớ được sau khi xét mình cẩn thận, dù những tội trọng này rất kín đáo và chỉ phạm đến hai điều cuối của Thập Giới (x. Xh 20,17; Mt 5,28), vì những tội này đôi khi làm cho linh hồn bị thương tổn nặng nề và nguy hiểm hơn những tội phạm công khai" ( Cđ Tren-tô : DS 1680) :

*1505.*

“Khi có ý xưng hết các tội nhớ được, người tín hữu trông cậy vào lòng thương xót của Thiên Chúa để được Người tha thứ. Ai cố tình giấu tội, người ấy không sẵn sàng đón nhận ơn tha thứ của Thiên Chúa qua trung gian linh mục. Vì "nếu bệnh nhân xấu hổ không cho thầy thuốc coi vết thương thì làm sao chữa được" (Thánh Giê-rô-ni-mô, về Giáo Hội 10,11; CĐ Trentô : DS 1680).

**1457 2042 1385.**

Theo luật Hội Thánh, "mọi tín hữu đến tuổi khôn, phải xưng các tội trọng mình nhận thức được, một năm ít là một lần" (x. CĐ, khoản 989; x. DS 1683, 1708). Ai biết mình còn mắc tội trọng mà chưa xưng tội thì không được rước lễ, dù đã ăn năn tội cách trọn (x. CĐ Trentô : DS 1647;1661), ngoại trừ trường hợp có lý do hệ trọng và chưa thể xưng tội được (x. CIC, khoản 916; CCEO, khoản 711). Trẻ em thì phải lãnh nhận bí tích Giao Hòa trước khi rước lễ lần đầu (x. CIC, khoản 914).

**1458 1783.**

Dù không bó buộc, Hội Thánh vẫn khuyên các tín hữu nên xưng các lỗi thường ngày (các tội nhẹ) (x CD Tren-te : DS 1680; CIC, can. 988, 2) . Việc năng xưng các tội nhẹ giúp chúng ta rèn luyện lương tâm, giúp ta chiến đấu chống lại các khuynh hướng xấu, sẵn sàng để Đức Ki-tô chữa lành và tiến tới trong đời sống theo Thánh Thần. Nếu chúng ta thường xuyên hưởng nhờ lòng nhân từ của Chúa Cha qua bí tích Giao Hòa thì dần dần chúng ta cũng trở nên nhân từ như Người (x. Lc 6,36):

2468.

“Ai xưng thú tội mình là cộng tác với Thiên Chúa. Thiên Chúa tố cáo tội người, và người cũng tố cáo tội mình, thì người liên kết với Thiên Chúa. Con người và tội nhân là hai thực tại : con người là tác phẩm của Thiên Chúa; tội nhân là sản phẩm của con người. Hỡi người, hãy phá đi điều người đã tạo ra để Thiên Chúa cứu điều Người đã tạo thành. Khi người bắt đầu ghê tởm điều người đã làm ra, lúc ấy những điều tốt đẹp của người khởi sự, vì người lên án những hành động xấu của người. Nhìn nhận việc xấu đã làm, là khởi đầu những việc tốt. Hãy sống trong Sự Thật, người sẽ đến được với Sự Sáng” (Thánh Augustinô, Tin Mừng Gio-an 12,13).

## **Việc đền tội**

**1459 2412 2487 1473.**

Có những tội gây thiệt hại cho tha nhân. Chúng ta phải hết sức đền bù (như trả lại đồ vật đã lấy cắp, phục hồi danh dự cho người mình xúc phạm, bồi thường thiệt hại). Đức công bình đòi buộc thực hiện như vậy. Hơn nữa, tội lỗi gây thương tổn và làm suy yếu chính tâm hồn cũng như mối liên hệ giữa họ với Thiên Chúa và tha nhân. Bí tích Giao Hòa

tha thứ tội lỗi, nhưng không xóa bỏ những hậu quả xấu do tội gây nên (x. CIC, khoản 914). Sau khi được tha thứ, tội nhân còn phải hồi phục hoàn toàn sức sống thiêng liêng. Vì thế, họ phải làm một việc gì sửa lại lỗi lầm của mình : phải "đền bù" cân xứng hoặc "đền tạ" tội lỗi mình. Việc đền tội như vậy cũng gọi là "thống hối".

**1460 2447 618.**

Khi chỉ định *việc đền tội*, linh mục phải chú ý đến tình trạng riêng của hối nhân và mưu cầu lợi ích thiêng liêng cho họ. Việc đền tội phải tương xứng với bản chất và tính chất trầm trọng của tội đã phạm. Có thể đền tội bằng cách cầu nguyện, dâng cúng, bố thí, phục vụ tha nhân, hãm mình, các hy sinh và nhất là kiên trì vác thánh giá của mình. Những việc đền tội như thế giúp chúng ta nên giống Đức Ki-tô, Đấng duy nhất đã đền bù dứt khoát tội lỗi chúng ta, và làm cho chúng ta trở nên đồng thừa tự với Đức Ki-tô phục sinh "một khi chúng ta chịu đau khổ với Người" (Rm 8,17) : (x. CĐ Trentô : DS 1690)

*2011.*

Chính nhờ Đức Ki-tô mà chúng ta có thể đền bù tội lỗi đã phạm : chúng ta không thể tự mình làm được gì, nhưng với "Đấng ban sức mạnh, chúng ta làm được mọi việc" . Con người không có gì để tự phụ, nhưng tất cả "vinh dự" của chúng ta là Đức Ki-tô... Trong Người, chúng ta "làm việc lành phúc đức để chúng tỏ lòng ăn năn thống hối" (Lc 3,8). Do Người, những việc lành phúc đức ấy có giá trị; nhờ Người, được dâng lên Chúa Cha; và qua Người được Chúa Cha chấp nhận. (x CĐ Trentô: DS 1691)

## VIII. THỪA TÁC VIÊN CỦA BÍ TÍCH GIAO HÒA

**1461 981.**

Vì Đức Ki-tô đã trao cho các tông đồ thừa tác vụ giao hòa (x. Ga 20,23; 2Cr 5,18), nên các giám mục kế nhiệm các ngài và các linh mục là những cộng sự viên của các giám mục, tiếp tục thi hành thừa tác vụ này. Nhờ bí tích Truyền Chức, các giám mục và linh mục có quyền tha tội "nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần".

**1462 886 1567.**

Khi được tha tội, chúng ta được giao hòa với Thiên Chúa và Hội Thánh. Xưa nay giám mục, vị thủ lãnh hữu hình của Giáo Hội địa phương vẫn được coi là người chính thức có quyền và có chức vụ hòa giải : giám mục là người định đoạt kỷ luật bí tích thống hối (x. LG 26). Các linh mục, cộng sự viên của giám mục, thực thi thừa tác vụ này trong phạm vi trách nhiệm được giám mục (hay bề trên dòng) hay Đức Giáo Hoàng ủy thác theo luật Hội Thánh .

**1463 982.**

Có một số tội nặng đặc biệt, ai phạm sẽ bị vạ tuyệt thông. Đây là hình phạt nặng nhất theo giáo luật, cấm không cho nhận lãnh các bí tích và hành xử một số tác vụ trong Hội Thánh. Theo giáo luật, chỉ có Đức Giáo Hoàng, giám mục địa phận hay vị linh mục được ủy quyền, mới có quyền tha vạ (x. CIC, khoản 1331; 1354-1357; CCEO, khoản 1431; 1434, 1420). Trong trường hợp nguy tử, bất cứ linh mục nào, dù không có năng quyền giải tội, vẫn có thể tha hết các tội (x. CIC, khoản 976; CCEO, khoản 725) và tha mọi vạ tuyệt thông.

**1464.**

Các linh mục phải khuyến khích các tín hữu lãnh nhận bí tích Giao Hòa. Các ngài phải luôn sẵn sàng cử hành

bí tích này mỗi khi người tín hữu yêu cầu với lý do chính đáng (x. CIC, khoản 976; CCEO, khoản 725).

**1465 983.**

Khi ban bí tích sám hối, linh mục thi hành chức vụ như Đấng chăn chiên lành đi tìm chiên lạc, như người Sama-ri-ta-nô nhân lành băng bó vết thương, như người cha chờ đợi và đón nhận người con đi hoang trở về, như quan án chính trực xét xử công bình và nhân hậu, không thiên vị một ai. Tóm lại, linh mục là dấu chỉ và khí cụ của Thiên Chúa giàu lòng thương xót đối với tội nhân.

**1466 1551 2690.**

Cha giải tội không ban ơn tha thứ như là người chủ, nhưng là tôi tớ phục vụ Thiên Chúa nhân từ. Thừa tác viên phải cử hành bí tích này theo ý định và lòng nhân từ của Chúa Ki-tô (x. PO 13). Ngài cần hiểu rõ người Ki-tô hữu phải sống thế nào, có kinh nghiệm về những gì liên quan đến con người, tôn trọng và tế nhị đối với người sa ngã. Linh mục phải yêu mến chân lý, trung thành tuân phục Huấn Quyền của Hội Thánh và kiên trì hướng dẫn hối nhân để họ được chữa lành và đạt tới sự trưởng thành toàn diện. Ngài phải cầu nguyện và đền tội giúp hối nhân, phó thác họ cho Thiên Chúa giàu lòng thương xót.

**1467 2490.**

Thừa tác vụ này rất cao trọng đòi hỏi cha giải tội tôn trọng và tế nhị với người xưng tội. Do đó, Hội Thánh buộc mọi linh mục, khi giải tội, phải giữ kín tuyệt đối những tội hối nhân đã xưng thú. Ai vi phạm sẽ mắc vạ nặng nề (x. CIC, khoản 1388, triệt 1; CCEO, khoản 1456). Vị linh mục cũng không có quyền tỏ ra bên ngoài những gì biết được khi giải tội. Bí mật tòa giải tội không chấp nhận luật trừ nào. Đây là

"án tín bí tích", vì tất cả những gì hối nhân xưng thú đều được bí tích "niêm ân".

## IX HIỆU QUẢ BÍ TÍCH THỐNG HỐI

### 1468 2305.

"Bí tích Thống Hối phục hồi chúng ta trong ơn nghĩa Chúa và liên kết chúng ta với Người trong tình bằng hữu thắm thiết và cao cả" (x. Giáo lý Rô-ma 2,5,18) . Mục đích và hiệu quả của bí tích này là *giao hòa hối nhân với Thiên Chúa*. Ai lãnh nhận bí tích Giao Hòa với lòng thống hối và đạo đức, lương tâm "sẽ được bình an thư thái, được an ủi thiêng liêng" (x. CD Trentô: DS 1674). Bí tích Giao Hòa thực hiện một "cuộc phục sinh thiêng liêng" đích thực, hoàn lại phẩm giá và những đặc quyền của đời sống con cái Thiên Chúa, nhất là tình bằng hữu với Người (Lc 15,32).

### 1469 953 949.

*Bí tích này giao hòa hối nhân với Hội Thánh*. Bí tích Giao Hòa tái tạo sự hiệp thông huynh đệ, mà tội lỗi làm tiêu hao hay cắt đứt. Theo nghĩa này, bí tích Giao Hòa không những chữa lành hối nhân vừa được hiệp thông lại với Hội Thánh, mà còn làm cho Hội Thánh thêm sức sống sau khi đã phải đau khổ vì tội lỗi của các chi thể (x. 1Cr 12,26). Tội nhân được Hội Thánh đón nhận lại vào cộng đoàn chư thánh, được liên kết với Hội Thánh và được củng cố nhờ sự trao đổi gia sản thiêng liêng giữa các chi thể sống động của Thân Thể Chúa Ki-tô, dù họ còn đang lữ hành nơi trần thế hay đã về Quê Trời (x. LG 48-50):

"Việc giao hòa với Thiên Chúa còn dẫn tới những sự giao hòa khác là chữa lành các vết thương do tội : khi được tha thứ, hối nhân được giao hòa với chính mình, nhờ đó tìm lại được chính mình; được giao hòa với

anh em là những người họ đã xúc phạm và gây thương tổn; được giao hòa với Hội Thánh và vạn vật" (RP 31).

#### **1470 678 1039.**

Khi phó thác cho Thiên Chúa nhân từ xét xử, tội nhân *nhận trước sự phán xét* mà họ phải chịu khi lia đời. Ở đời này, chúng ta có thể chọn sự sống hay sự chết; chỉ có con đường hoán cải mới đưa chúng ta vào Nước Trời, nơi kẻ mắc tội trọng bị loại trừ (x. 1Cr 5,11; Gl 5,19-21; Kh 22,15). Khi thống hối và tin tưởng quay về với Chúa Ki-tô, tội nhân "sẽ từ cõi chết bước vào cõi sống và khỏi bị xét xử" (Ga 5,24).

## **X. CÁC ÂN XÁ**

### **1471.**

Giáo lý về ân xá và việc áp dụng các ân xá trong Hội Thánh liên hệ mật thiết với các hiệu quả của bí tích Giao Hòa.

### **Ân xá là gì ?**

"Ân xá là tha những hình phạt tạm do tội gây nên, dù tội đã được tha. Muốn hưởng nhờ ân xá, người Ki-tô hữu phải hội đủ điều kiện và thi hành những điều Hội Thánh qui định. Với tư cách là trung gian phân phát ơn cứu chuộc, Hội Thánh dùng quyền để ban phát và áp dụng kho tàng công phúc của Đức Ki-tô và các thánh".

"Tùy việc tha vạ một phần hay toàn bộ hình phạt tạm, mà chúng ta gọi là tiểu xá hay đại xá (Phao-lô VI, Tông huấn "Giáo lý về lòng khoan dung", 1-3)." Mọi tín hữu đều có thể hưởng ân xá, hoặc nhường cho người qua đời".

## Hình phạt do tội

**1472 1861 1031.**

Đề hiểu giáo lý và cách thực hành của Hội Thánh, chúng ta phải biết tội có *hai hậu quả*. Tội nặng làm cho ta không được hiệp thông với Chúa, nên không được hạnh phúc vĩnh cửu. Sự mất mát này gọi là "hình phạt đời đời". Ngoài ra, tất cả các tội dù là tội nhẹ, đều có sự quyến luyến lệch lạc với thụ tạo, nên cần được thanh tẩy hoặc ngay đời này hoặc sau khi chết trong luyện ngục. Sự thanh luyện đời này cũng như đời sau giải thoát ta khỏi "hình phạt tạm". Những hình phạt này không thể được coi như hình thức báo thù Thiên Chúa giáng xuống trên chúng ta, mà phải coi là xuất phát từ bản chất của tội. Nếu tội nhân hoán cải do đức mến thiết tha thúc đẩy, họ có thể được thanh luyện hoàn toàn đến độ không cần một hình phạt nào nữa (x. CĐ Trentô : DS 1712-1713; 1820) .

**1473 2447.**

Được tha thứ tội lỗi và tái lập hiệp thông với Thiên Chúa, hối nhân cũng được tha các hình phạt đời đời do tội. Nhưng những hình phạt tạm vẫn còn. Người ki-tô hữu phải cố gắng đón nhận các hình phạt tạm này như một ân sủng, bằng cách nhẫn nại chịu đựng những đau khổ và thử thách đủ loại, ngay cả cái chết. Họ phải cởi bỏ hoàn toàn "con người cũ" và mặc lấy "con người mới" (x. Ep 4,24), nhờ làm những việc từ bi và bác ái cũng như nhờ cầu nguyện và sám hối.

## Mầu nhiệm Các Thánh Thông Công

**1474 946-959 795.**

Người Ki-tô hữu không đơn độc khi cố gắng thanh luyện khỏi tội lỗi và thánh hóa bản thân nhờ ơn Chúa. "Trong Đức Ki-tô và nhờ Đức Ki-tô, mỗi con cái Thiên Chúa được

liên kết một cách lạ lùng với những anh em ki-tô hữu khác trong sự hiệp nhất siêu nhiên của Nhiệm Thể Đức Ki-tô như trong một ngôi vị nhiệm màu" (x. Phao-lô VI, Tông hiến "Giáo lý về lòng khoan dung" 5) .

#### **1475.**

Trong màu nhiệm Các Thánh Thông Công, các tín hữu - những người đã về quê trời, những người còn đền tội nơi luyện ngục hay những người đang lữ hành trên trần gian này- tất cả liên kết với nhau trong tình yêu bền vững và chia sẻ với nhau những điều thiện hảo (x. Phao-lô VI, Tông hiến "Giáo lý về lòng khoan dung" 5) .Trong sự hiệp thông kỳ diệu này, sự thánh thiện của một người ảnh hưởng trên người khác vượt xa thiệt hại do tội lỗi của một người có thể gây ra cho người khác. Vì thế, sự hiệp thông của Dân Thánh giúp cho hỡi nhân được thanh luyện nhanh chóng và hữu hiệu hơn.

#### **1476 617.**

Chúng ta gọi những điều thiện hảo trong sự hiệp thông của Dân Thánh là *kho tàng của Hội Thánh*, "đây không phải là tổng số của cải vật chất tích lũy qua bao thế kỷ, nhưng là công đức vô giá và vô lượng trước nhan Thiên Chúa, do việc Chúa Ki-tô đền tạ và lập công dâng lên Thiên Chúa để nhân loại được giải thoát khỏi tội lỗi và được hiệp thông với Chúa Cha. Trong Người, chúng ta có được dư dật sự đền tạ và những công do ơn Người cứu chuộc" (x. Dt 7,23-25; 9,11-28).

#### **1477 969.**

"Kho tàng này còn bao gồm những lời cầu khẩn và việc lành của Đức Ma-ri-a và các thánh. Đây là phần có giá trị vô song, không thể đo lường được và luôn luôn mới mẻ. Nhờ ân sủng, khi bước theo Đức Ki-tô, các ngài được thánh

hóa và chu toàn sứ mạng Chúa Cha trao phó, nên khi cố gắng để mình được cứu rỗi, các ngài cũng cộng tác vào việc cứu rỗi anh em mình trong sự hiệp nhất của Nhiệm Thể" (x. Phao-lô VI, Tông hiến "Giáo lý về lòng khoan dung").

### **Thiên Chúa ban ân xá qua Hội Thánh**

#### **1478 981.**

Chính Hội Thánh ban phát ân xá. Nhờ quyền cầm buộc và tháo cởi do Đức Ki-tô ban, Hội Thánh chuyển cầu cho người ki-tô hữu và mở cho họ kho tàng công phúc của Đức Ki-tô và các thánh để Chúa Cha nhân từ tha cho họ những hình phạt tạm phải chịu vì tội. Như thế, Hội Thánh chẳng những muốn nâng đỡ người tín hữu, mà còn khuyến khích họ làm những việc đạo đức, thống hối và bác ái" (x. Phao-lô VI, sđd 8; CĐ Trentô: DS 1835).

#### **1479 1032.**

Vì những tín hữu đã qua đời đang chịu thanh luyện cũng là thành phần của cộng đoàn Dân Thánh, một trong những cách chúng ta có thể giúp họ là nhờ các ân xá để họ được tha các hình phạt tạm thời trong luyện ngục.

## **XI. CỬ HÀNH BÍ TÍCH THỐNG HỐI**

#### **1480.**

Cũng như các bí tích khác, bí tích Thống Hối là một hoạt động phụng vụ. Thường việc cử hành bí tích này diễn tiến như sau : linh mục chào và chúc lành, đọc Lời Chúa để soi sáng lương tâm hối nhân và giúp họ giục lòng ăn năn, khuyên nhủ hối nhân hoán cải; hối nhân thú tội với linh mục; ra và nhận việc đền tội; linh mục giải tội; lời ca ngợi và tạ ơn, ra về với phép lành của linh mục.

**1481 1449.**

Phụng vụ By-zan-tin có nhiều công thức giải tội, dưới nhiều hình thức cầu khẩn, biểu thị rõ ràng mẫu nhiệm tha thứ: "Thiên Chúa đã dùng ngôn sứ Na-than mà tha thứ cho Đa-vít khi ông xưng thú tội mình, đã tha thứ cho Phê-rô khi ông khóc lóc đau đớn, tha thứ cho người kỹ nữ khi cô nhỏ lệ trên chân Chúa, tha thứ cho người Pha-ri-sêu và người con hoang đàng. Xin Người cũng dùng tôi mà tha thứ cho anh ở đời này cũng như đời sau và đừng kết án anh, khi anh phải ra trước toà công thẳng của Thiên Chúa, Đáng được chúc tụng muôn đời A-men".

**1482 1140.**

Bí tích Thống Hối cũng có thể được cử hành *cộng đoàn* : tất cả cùng chuẩn bị xưng tội và cùng nhau cảm tạ vì được ơn tha thứ. Lúc đó việc xưng tội và giải tội cá nhân được tiến hành trong một cử hành phụng vụ Lời Chúa, với việc đọc Sách Thánh và diễn giảng, cộng đoàn được hướng dẫn xét mình; xin ơn tha thứ, đọc kinh Lạy Cha và cùng tạ ơn. Hình thức này diễn tả rõ nét hơn tính Hội Thánh của việc thống hối. Tuy nhiên, dầu cử hành thế nào, bí tích Thống Hối vẫn là hoạt động phụng vụ nên có tính cách công khai và Hội Thánh (SC 26-27).

**1483 1401.**

Trong trường hợp thật cần thiết, có thể *cử hành bí tích Giao Hòa tập thể tức là xưng tội chung và giải tội chung*. Trường hợp thật cần thiết là khi gần cơn nguy tử và một hay nhiều linh mục không đủ thời gian nghe từng hồi nhân xưng tội, khi có sự khẩn thiết trầm trọng nghĩa là, khi có đông hồi nhân và không có đủ cha giải tội để nghe từng người xưng tội hợp lệ trong một thời gian thích đáng, đến nỗi vì vậy mà các hồi nhân không phải lỗi tại họ đành thiệt mất ơn bí tích Giao Hòa hay ơn rước lễ trong một thời gian lâu

dài. Trong trường hợp này, người tín hữu phải quyết tâm xưng riêng những tội trọng khi thuận tiện để bí tích Giao Hòa được hoàn thành (x. CIC, khoản 962, triệť 1). Giám mục giáo phận có thẩm quyền nhận định về những điều kiện để có thể giải tội tập thể (x. CIC, khoản 961, triệť 2). Trong các đại lễ hay hành hương, số đông tín hữu đến xưng tội, không được coi là trường hợp thật khẩn thiết để giải tội tập thể (x. CIC, khoản 961, triệť 1) .

#### **1484 878.**

"Bình thường xưng tội cá nhân và trọn vẹn, sau đó giải tội là hình thức duy nhất để tín hữu giao hòa với Thiên Chúa và Hội Thánh, trừ khi có ngăn trở về thể lý hay luân lý chuẩn chúc việc xưng tội như vậy" (x. OP 31). Điều này có nhiều lý do sâu xa. Đức Ki-tô hành động trong mỗi bí tích. Người đích thân nói với từng tội nhân : "Này con, con đã được tha tội rồi" (Mc 2,5). Người là thầy thuốc cúi mình trên từng bệnh nhân cần được chữa lành (x. Mc 2,17). Người nâng dậy và dẫn họ về hiệp thông lại với anh em. Như thế việc xưng tội riêng là hình thức có ý nghĩa nhất trong việc giao hòa với Thiên Chúa và Hội Thánh.

### **TÓM LƯỢC**

#### **1485.**

*"Chiều ngày Phục Sinh, Chúa Giê-su hiện ra với các tông đồ và nói : "Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần. Anh em tha tội cho ai, thì người ấy được tha; anh em cầm giữ ai, thì người ấy bị cầm giữ" (Ga 20,22-23).*

#### **1486.**

*Có một bí tích riêng để tha những tội người tín hữu phạm sau khi đã được thanh tẩy. Bí tích này được gọi là bí tích Hoán Cải hay Xưng Tội, Thống Hối hay Giao Hòa.*

**1487.**

*Ai phạm tội là xúc phạm đến danh dự và tình yêu của Thiên Chúa, làm tổn thương chính phẩm giá của mình là Con Thiên Chúa và phương hại đến đời sống thiêng liêng của Hội Thánh mà mỗi ki-tô hữu phải là viên đá sống động.*

**1488.**

*Trên bình diện đức tin, không có gì xấu hơn tội lỗi, không có hậu quả nào thảm hại hơn hậu quả do tội gây ra cho chính tội nhân, cho Hội Thánh và cho cả thế giới.*

**1489.**

*Tội ngăn cản con người hiệp thông với Thiên Chúa. Chính Thiên Chúa giàu lòng thương xót và chăm lo cho phần rỗi con người, ban ơn giúp tội nhân trở về hiệp thông với Người. Chúng ta phải cầu xin ơn quý trọng này cho chính mình và cho anh em.*

**1490.**

*Việc trở về với Thiên Chúa hay hoán cải và sám hối, đòi có sự đau buồn, ghê tởm các tội đã phạm và quyết tâm không phạm tội nữa. Hoán Cải bao trùm cả quá khứ lẫn tương lai. Chính sự trông cậy vào lòng nhân từ của Thiên Chúa giúp tội nhân hoán cải không ngừng.*

**1491.**

*Bí tích Thống Hối gồm ba việc hối nhân phải làm và việc giải tội của linh mục. Ba việc của hối nhân là : thống hối; thú tội với linh mục; quyết tâm làm việc đền tội và đền bù các thiệt hại do tội gây ra.*

**1492.**

*Thống hối (hay ăn năn tội) phải do động lực đức tin thúc đẩy. Nếu thống hối vì lòng mến Chúa, đó là ăn năn tội*

"cách trọn". Nếu vì những lý do khác, thì được gọi là ăn năn tội "cách chẳng trọn".

**1493.**

*Tội nhân muốn giao hòa với Thiên Chúa và Hội Thánh, phải xưng cùng linh mục tất cả những tội trọng chưa xưng thú và nhớ được sau khi đã xét mình kỹ lưỡng. Hội Thánh tha thiết khuyên xưng các tội nhẹ, mặc dù điều đó không buộc.*

**1494.**

*Cha giải tội chỉ định việc "đền tội" cho hối nhân để đền bù những thiệt hại do tội gây ra và giúp họ trở lại với nếp sống của người môn đệ Đức Ki-tô.*

**1495.**

*Chỉ các linh mục được Hội Thánh ban năng quyền giải tội, mới có thể tha tội nhân danh Đức Ki-tô.*

**1496.**

*Hiệu quả thiêng liêng của bí tích Thống Hối là :*

- giao hòa với Thiên Chúa, nhờ đó hối nhân lại được ân nghĩa với Chúa;
- giao hòa với Hội Thánh;
- tha hình phạt đời đời đáng chịu vì tội trọng;
- tha, ít là một phần, các hình phạt tạm do tội;
- lương tâm được bình an thư thái và được an ủi thiêng liêng;
- tăng cường sức mạnh thiêng liêng cho người Ki-tô hữu để họ chiến đấu.

**1497.**

*Bình thường xưng tội cá nhân và xưng hết các tội trọng, sau đó linh mục giải tội, là cách thức duy nhất để tội nhân giao hòa với Thiên Chúa và Hội Thánh.*

**1498.**

*Nhờ các ân xá, các tín hữu có thể hưởng ơn tha thứ các hình phạt tạm do tội, hoặc nhường cho các linh hồn trong luyện ngục.*

## **Mục 5**

### **BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN**

**1499.**

"Bằng việc xức dầu thánh và lời cầu nguyện của linh mục, toàn thể Hội Thánh phó thác các bệnh nhân cho Chúa Ki-tô đau khổ và vinh hiển để Người an ủi và cứu rỗi họ; hơn nữa, Hội Thánh còn thúc giục họ sẵn sàng kết hợp với Chúa Ki-tô đau khổ và chịu chết để mưu ích cho Dân Thiên Chúa" (LG 11).

#### **I . NHỮNG NỀN TẢNG CỦA BÍ TÍCH XỨC DẦU TRONG KẾ HOẠCH CỨU ĐỘ**

##### **Bệnh tật trong cuộc sống con người**

**1500 1006.**

Bệnh tật và đau khổ là những thử thách nặng nề nhất trong cuộc sống con người. Khi lâm bệnh, con người cảm nghiệm sự bất lực, giới hạn và sự hữu hạn của mình. Bệnh tật khiến con người ý thức về cái chết nhiều hơn.

### **1501.**

Bệnh tật có thể làm cho con người xao xuyên, yếm thế, đôi khi đưa tới tuyệt vọng và nổi loạn chống lại Thiên Chúa, nhưng cũng có thể làm cho con người chín chắn hơn, giúp họ nhận ra những điều phụ thuộc trong cuộc sống để biết quay về với những điều chính yếu. Thường bệnh tật hối thúc con người tìm kiếm Thiên Chúa và quay về với Người.

### **Bệnh nhân trước mặt Thiên Chúa**

#### **1502 164 376.**

Cựu Ước nhìn bệnh tật trong tương quan với Thiên Chúa. Con người than thở với Chúa về bệnh tật (x. Tv 38) và xin Người cứu chữa, vì Người là Chúa sự sống và sự chết (x. Tv 6,3; Is 38). Bệnh tật trở thành con đường hoán cải và Thiên Chúa có tha thì bệnh mới lành (x. Tv 32,5; 107,20; Mc 2, 5-12). Dân Ít-ra-en có kinh nghiệm rằng bệnh tật liên hệ cách bí nhiệm với tội lỗi và sự dữ; trung thành giữ luật Chúa sẽ được Người hoàn lại sự sống, "vì Ta là Chúa, là Lương Y của người" (Xh 15,26). Ngôn sứ I-sai-a tin rằng đau khổ cũng có giá trị chuộc tội cho kẻ khác (x Is 53,11). Ông loan báo Thiên Chúa sẽ ban cho Xi-on một thời đại, lúc đó Người sẽ tha thứ mọi tội lỗi và chữa lành mọi bệnh tật (x. Is 33,34).

### **Chúa Ki-tô - Lương Y**

#### **1503 549 1421 2288.**

Đức Ki-tô cảm thương người bệnh tật và chữa lành nhiều kẻ yếu đau (x. Mt 7,24): đó là dấu chỉ tỏ tường Thiên Chúa viếng thăm Dân Người (Lc 7,16) và Nước Trời đã gần kề. Đức Giê-su không những có quyền chữa bệnh nhưng còn có quyền tha tội (x. Mc 2,5-12): Người đến chữa lành con người, cả hồn lẫn xác; Người là Lương Y mà các bệnh nhân cần đến (x. Mc 2,17). Người cảm thương mọi bệnh nhân đến

nổi đồng hóa với họ : "Ta đau yếu, các người đã chăm nom" (Mt 25,36). Lòng yêu thương Đức Ki-tô dành cho những người đau yếu luôn thôi thúc các tín hữu đón nhận tất cả những người đau khổ về thể xác cũng như tinh thần. Tình yêu này là nguồn mọi cố gắng không ngừng để nâng đỡ những anh em đau khổ.

#### **1504 695.**

Đức Giê-su thường đòi các bệnh nhân phải tin (x. Mc 5,34; 9,23). Người dùng những dấu bề ngoài để chữa bệnh : nước miếng và việc đặt tay (x. Mc 7, 32-36; 8,22-25), bìn đất và rửa sạch (x. Ga 9,6tt). Các bệnh nhân tìm cách chạm đến Chúa (x. Mc 1,41; 3,10; 6,56), "vì có một năng lực tự nơi Người phát ra chữa tất cả mọi người" (Lc 6,19). Trong các bí tích, Đức Ki-tô tiếp tục "chạm" đến để chữa lành chúng ta.

#### **1505 440 307.**

Xúc động trước bao cảnh khổ đau, Đức Giê-su không những để cho bệnh nhân chạm đến Người nhưng còn nhận lấy đau khổ của họ làm của mình : "Người đã mang lấy các tật nguyên của ta và gánh lấy các bệnh hoạn của ta" (x. Mt 8,17; Is 53,4). Tuy nhiên, Người đã không chữa mọi bệnh nhân. Việc Người chữa lành là dấu chỉ Nước Trời đang đến, loan báo việc chữa lành tận căn : đó là toàn thắng trên tội lỗi và cái chết nhờ cuộc Vượt Qua của Người. Trên thập giá, Đức Ki-tô đã mang lấy tất cả mọi gánh nặng của sự dữ. Người "xóa tội trần gian" (Ga 1,29) mà bệnh tật chỉ là một hậu quả. Khi chịu nạn và chịu chết trên thánh giá, Đức Ki-tô đã đem lại một ý nghĩa mới cho đau khổ : đau khổ giúp chúng ta nên đồng hình đồng dạng với Đức Ki-tô và liên kết chúng ta với cuộc khổ nạn cứu độ của Người.

**Hãy chữa lành bệnh nhân !**

**1506.**

Đức Ki-tô đòi các môn đệ vắc thánh giá mình mà theo Người (Mt 10,38). Khi theo Chúa, các môn đệ có cái nhìn mới về bệnh tật và bệnh nhân. Chúa đã cho họ chia sẻ đời sống nghèo khó và phục vụ của Người, cho họ tham dự vào sứ vụ cảm thương và chữa lành : "Các ông đi rao giảng, kêu gọi người ta ăn năn sám hối. Các ông trừ được nhiều quỷ, xúc dầu cho nhiều người đau ốm và chữa họ khỏi bệnh" (Mc 6,12-13).

**1507 430.**

Chúa Phục Sinh đã lặp lại việc sai đi này. "Nhân danh Thầy... họ đặt tay trên những người bệnh hoạn yếu đau, thì những người này sẽ được an lành mạnh khỏe" (Mc 16, 17-18) và xác nhận điều ấy bằng những dấu chỉ Hội Thánh thực hiện khi kêu cầu danh thánh Người ). Các dấu chỉ này đặc biệt minh chứng Đức Giê-su thật là "Thiên Chúa cứu độ" (x. Mt 1,21; Cv 4,12).

**1508 798.**

Chúa Thánh Thần ban cho một số người đặc sủng chữa bệnh để biểu lộ sức mạnh ân sủng của Đấng Phục Sinh. Ngay cả những lời cầu nguyện sốt sắng nhất cũng không chữa lành mọi bệnh tật. Vì thế, thánh Phao-lô phải học nơi Chúa : "Ơn của Thầy đã đủ cho con, vì sức của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối" (2Cr 12,9); và những đau khổ phải chịu cũng có ý nghĩa: "Những gian nan thử thách Đức Ki-tô còn phải chịu tôi xin mang lấy vào thân cho đủ mức. Như thế, là vì lợi ích cho Thân Thể Người là Hội Thánh" (Cl 1,24).

**1509 1405.**

"Hãy chữa lành bệnh nhân !" (Mt 10,8). Hội Thánh lãnh nhận sứ vụ này nơi Chúa và cố gắng thực hiện qua việc

chăm sóc bệnh nhân và cầu nguyện cho họ. Hội Thánh tin Đức Ki-tô, vị Lương Y thể xác và tinh thần, đang hiện diện và hoạt động đặc biệt trong các bí tích, nhất là bí tích Thánh Thể, bánh ban sự sống đời đời (x. Ga 6,54.58), và theo thánh Phao-lô, có liên hệ đến sức khỏe thể xác (x. 1Cr 11,30).

### **1510 1117.**

Hội Thánh thời các tông đồ đã có nghi thức riêng dành cho bệnh nhân. Thánh Gia-cô-bê làm chứng : "Ai trong anh em đau yếu ư ? Người ấy hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến và họ sẽ cầu nguyện cho người ấy sau khi xức dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy và nếu đã phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha" (x. Gc 5,14-15). Truyền Thống Hội Thánh nhận nghi thức này làm một trong bảy bí tích (x. DS 216; 1324-1325; 1695-1696; 1716-1717) .

## **Bí tích cho bệnh nhân**

### **1511.**

Hội Thánh tin và tuyên xưng trong bảy bí tích có một bí tích để nâng đỡ người bệnh tật là bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân.

Chính Đức Ki-tô thiết lập bí tích Xức Dầu như một bí tích thực sự và đúng nghĩa của Giao Ước Mới. Bí tích này đã được thánh Mác-cô nhắc đến (Mc 6,13), thánh Gia-cô-bê, tông đồ và là người anh em với Chúa (x. Gc 5,14-15), đã ra chỉ thị và công bố.

### **1512.**

Trong truyền thống phụng vụ của Đông cũng như Tây Phương, từ xa xưa có những dấu chứng chắc chắn cho thấy bí tích Xức Dầu đã được cử hành với dầu đã được thánh

hiển. Theo thời gian, bí tích này dần dần chỉ được ban cho những người hấp hối. Vì thế, còn gọi là "Xức dầu lần cuối". Dầu vậy, Hội Thánh không bao giờ quên cầu xin Chúa cho bệnh nhân được lành bệnh, nếu hữu ích cho phần rỗi của họ (x DS 1696).

### **1513.**

Tông Hiến "Bí Tích Xức Dầu Bệnh Nhân" ban hành ngày 30/11/1972, theo đường hướng Công Đồng Va-ti-ca-nô II (x. SC 73), xác định nghi thức trong phụng vụ Rô-ma như sau :

"Bí tích Xức Dầu được ban cho những ai bệnh hoạn nguy kịch. Thừa tác viên vừa xức dầu ô-liu hay dầu thực vật khác, đã được thánh hiến, trên trán và trên tay của bệnh nhân vừa đọc: "Nhờ việc xức dầu thánh này và nhờ lòng từ bi nhân hậu của Chúa, xin Chúa dùng ơn Chúa Thánh Thần mà giúp đỡ con, để Người giải thoát con khỏi mọi tội lỗi, cứu chữa con và thương làm cho con thuyên giảm" (x. CIC, khoản 847, triệť 1).

## **II. NGƯỜI LÃNH NHẬN VÀ NGƯỜI BAN BÍ TÍCH XỨC DẦU**

### **Trong trường hợp bệnh nặng...**

### **1514.**

Xức dầu bệnh nhân "không phải chỉ là bí tích dành cho những người hấp hối. Do đó, thời gian thích hợp để lãnh nhận bí tích Xức Dầu Thánh là khi người tín hữu bắt đầu lâm cơn nguy tử vì bệnh tật hay già yếu" (x. SC 73, x. CIC, khoản 1004, triệť 1; 1005;1007; CCEO, khoản 738) .

### **1515.**

Nếu bệnh nhân đã lãnh bí tích Xức Dầu và được hồi phục, sau đó trở bệnh nặng, lại có thể nhận bí tích Xức Dầu lần nữa. Trong cùng một cơn bệnh, có thể lãnh nhận bí tích này nhiều lần, cứ mỗi lần trở nặng. Trước khi chịu đại phẫu, tín hữu nên lãnh bí tích Xức Dầu. Cả người lớn tuổi cũng được lãnh nhận khi thấy sức lực suy yếu.

**"... Hãy mời các kỳ mục của Hội Thánh đến"**

### **1516.**

Chỉ có tư tế (giám mục, linh mục) là thừa tác viên bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân (x. CCEO, khoản 739, triệt 1). Các mục tử phải dạy cho các tín hữu biết những ơn ích của bí tích này. Các tín hữu phải khuyến khích bệnh nhân mời linh mục đến ban bí tích. Bệnh nhân phải chuẩn bị tâm hồn để nhận bí tích này cách xứng đáng. Các mục tử và cộng đoàn phải trợ giúp, chăm sóc và cầu nguyện cho họ.

## **III. NGHI THỨC XỨC DẦU BỆNH NHÂN**

### **1517 1140 1524.**

Như các bí tích khác, bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân là một cử hành Phụng Vụ có tính cách cộng đoàn (x. SC 27), dù cử hành trong gia đình, nơi bệnh viện hay ở nhà thờ, cho một hay nhiều bệnh nhân. Tốt nhất nên cử hành trong thánh lễ tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Chúa. Nếu hoàn cảnh cho phép, nên cử hành bí tích Sám Hối trước khi ban bí tích Xức Dầu, và tiếp đó là bí tích Thánh Thể. Bí tích Thánh Thể như là bí tích vượt qua của Chúa Ki-tô, phải là bí tích cuối cùng mà người tín hữu lãnh nhận trong cuộc lễ hành trần thế, đó là "của ăn đàng" để người tín hữu bước vào cuộc sống vĩnh cửu.

### **1518.**

Lời Chúa và bí tích làm nên một thể thống nhất bất khả phân ly. Để chuẩn bị, cộng đoàn sám hối; tiếp đến, phụng vụ Lời Chúa chính thức khai mạc việc cử hành bí tích. Lời Chúa Ki-tô và chứng từ của các tông đồ (trong các bài đọc) khơi động đức tin của bệnh nhân và cộng đoàn, để cầu xin Chúa ban sức mạnh Thánh Thần.

### **1519.**

Việc cử hành bí tích Xức Dầu gồm những yếu tố chính như sau : "Kỳ mục của Hội Thánh" (Gc 5,14) thỉnh lạy, đặt tay trên bệnh nhân, cầu nguyện cho bệnh nhân trong đức tin của Hội Thánh (x. Gc 5,15): đó là kinh Xin Ban Thánh Thần của bí tích này; cuối cùng, dùng dầu đã được thánh hiến xức cho bệnh nhân. Nếu được nên dùng dầu do giám mục thánh hiến.

Những nghi thức phụng vụ này biểu thị ân sủng bí tích bệnh nhân được hưởng.

## **IV. HIỆU QUẢ BÍ TÍCH XỨC DẦU BỆNH NHÂN**

### **1520 733.**

*Chúa Thánh Thần ban một ân huệ* đặc biệt trong bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân. Ôn căn bản của bí tích này là ơn sức mạnh, bình an và can đảm để lướt thắng những khó khăn do bệnh tật hay tuổi già. Đây là hồng ân của Chúa Thánh Thần giúp người đau yếu tin tưởng và phó thác vào Thiên Chúa, cho họ sức mạnh chống lại cám dỗ của ma quỷ, cám dỗ ngã lòng và sợ chết (x. Dt 2,15). Sự trợ giúp của Chúa nhờ sức mạnh của Thánh Thần sẽ chữa lành linh hồn bệnh nhân, và nếu Chúa muốn thì thể xác cũng được chữa lành (x. CĐ Phơ-lô-ren-ti-nô: DS 1325). Ngoài ra, "nếu bệnh nhân đã

phạm tội, thì sẽ được Chúa thứ tha" (x. Gc 5,15; Cđ Tren-tô :DS 1717)

**1521 1535 1499.**

*Kết hiệp với Đức Ki-tô chịu khổ nạn.* Nhờ ân sủng bí tích này, bệnh nhân lãnh nhận sức mạnh và hồng ân kết hiệp chặt chẽ hơn với Đức Ki-tô chịu khổ nạn : có thể nói, họ được thánh hiến để sinh hoa kết trái nhờ đồng hình đồng dạng với Đấng Cứu Thế chịu khổ nạn. Đau khổ, hậu quả của nguyên tội, nhận một ý nghĩa mới : được tham dự vào công trình cứu độ của Đức Giê-su.

**1522 953.**

*Ân sủng mang tính Hội Thánh.* "Nhờ sẵn sàng kết hiệp với Đức Ki-tô chịu đau khổ và chịu chết khi lãnh nhận bí tích, các bệnh nhân góp phần mưu ích cho dân Thiên Chúa (x. LG 11). Khi cử hành bí tích này, trong sự hiệp thông của Dân Thánh, Hội Thánh cầu nguyện cho bệnh nhân và bệnh nhân nhờ ân sủng của bí tích, góp phần thánh hóa Hội Thánh và mưu ích cho mọi người : Hội Thánh phải chịu đau khổ và tự hiến cho Chúa Cha, nhờ Chúa Ki-tô, vì mọi người.

**1523 1020 1294 1020.**

*Chuẩn bị cho cuộc ra đi lần cuối.* Nếu bí tích Xức Dầu được ban cho những người bệnh nặng và những kẻ liệt lão, thì càng thích hợp hơn cho những người sắp lìa cõi đời này ("In exitu vitea constituti", x. Cđ Trentô: DS 1698). Vì thế, còn gọi là "bí tích của người ra đi" (sđđ). Bí tích Xức Dầu hoàn tất điều bí tích Thánh Tẩy đã khởi sự là người tín hữu được đồng hình đồng dạng với Chúa Ki-tô chịu chết và sống lại. Bí tích này hoàn tất mọi việc xức dầu thánh, trong suốt cuộc đời người tín hữu : việc xức dầu trong bí tích Thánh Tẩy tuôn tràn sự sống mới trong chúng ta; việc xức dầu trong bí tích Thêm Sức củng cố sức lực chúng ta để

chiến đấu giữa cuộc đời; việc xúc dầu lần cuối giúp chúng ta an toàn trong cuộc chiến đấu cuối cùng trước khi vào nhà Cha (x sđd: DS 1694).

## V. CỦA ĂN ĐÀNG, BÍ TÍCH CUỐI CÙNG CỦA NGƯỜI KI-TÔ HỮU

### 1524 1392.

Ngoài Bí Tích Xúc Dầu, Hội Thánh còn ban Thánh Thể cho kẻ lâm chung, như của ăn đàng. Việc lãnh nhận Mình và Máu Chúa Ki-tô lúc chuẩn bị bước vào nhà Cha có một ý nghĩa và tầm quan trọng đặc biệt. Đây là mầm sống vĩnh cửu và là tiềm năng phục sinh như Chúa đã nói : "Ai ăn Thịt Tôi và uống Máu Tôi thì được sống muôn đời và Tôi sẽ cho người ấy sống lại vào ngày sau hết" (Ga 6,54). Bí tích Thánh Thể, bí tích của cuộc tử nạn và phục sinh của Đức Ki-tô, là bí tích Vượt Qua từ cõi chết đến cõi sống, từ thế gian này mà về cùng Cha (x. Ga 13,1).

### 1525 1680 2299.

Cũng như ba bí tích Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể hợp thành một, gọi là "các bí tích khai tâm Ki-tô giáo", thì bí tích Thống Hối, Xúc Dầu và Thánh Thể như của ăn đàng, hợp thành "các bí tích chuẩn bị về quê trời" hay là "các bí tích hoàn tất cuộc lữ hành trần thế".

## TÓM LƯỢC

### 1526.

*"Ai trong anh em đau yếu ư? Người ấy hãy mời các kỳ mục trong Hội Thánh đến, họ sẽ cầu nguyện cho người ấy, sau khi xúc dầu nhân danh Chúa. Lời cầu nguyện do lòng tin sẽ cứu người bệnh; người ấy được Chúa nâng dậy, và nếu đã phạm tội, thì sẽ được Chúa tha thứ" (Gc 5,14-15).*

**1527.**

*Bí tích Xức Dầu nhằm mục đích ban ơn riêng cho người tín hữu đang bị thử thách vì bệnh nặng hay già yếu.*

**1528.**

*Thời gian thích hợp để lãnh nhận bí tích Xức Dầu Thánh là khi người tín hữu bắt đầu lâm cơn nguy tử vì bệnh tật hay già yếu.*

**1529.**

*Mỗi khi lâm trọng bệnh, người Ki-tô hữu có thể lãnh nhận bí tích Xức Dầu, và khi bệnh tình trở nên nguy kịch, có thể nhận lại bí tích này.*

**1530.**

*Chỉ các tư tế (giám mục, linh mục) mới có thể ban bí tích Xức Dầu. Các ngài sử dụng dầu do giám mục thánh hiến, hay trong trường hợp khẩn cấp, do chính thừa tác viên thánh hiến.*

**1531.**

*Nghi thức chính yếu của bí tích này là xức dầu trên trán và trên tay của bệnh nhân (theo nghi lễ Rô-ma) hoặc trên các phần khác của thân thể (theo nghi lễ Đông Phương), đang khi thừa tác viên đọc lời nguyện phụng vụ để xin ơn đặc biệt của bí tích cho bệnh nhân.*

**1532.**

*Ơn riêng của bí tích Xức Dầu có những hiệu quả sau đây :*

*- kết hiệp bệnh nhân với Đức Ki-tô chịu khổ nạn, vì lợi ích cho họ và toàn thể Hội Thánh;*

*- được ơn sức mạnh, bình an và can đảm đón nhận theo tình thần Ki-tô giáo những đau khổ do bệnh tật hay tuổi già ;*

- *tha tội trong tương hợp bệnh nhân không xưng tội được;*
- *hồi phục sức khoẻ nếu hữu ích cho phần rỗi;*
- *chuẩn bị bước vào đời sống vĩnh cửu.*

## CHƯƠNG BA

### CÁC BÍ TÍCH PHỤC VỤ CHO SỰ HIỆP THÔNG

#### 1533 1212.

Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể là những bí tích khai tâm Ki-tô giáo. Ba bí tích này đặt nền tảng cho ơn gọi chung của người môn đệ Đức Ki-tô, ơn gọi nên thánh và được sai đi rao giảng Tin Mừng cho thế giới. Ba bí tích này còn ban những ơn cần thiết để sống theo Thánh Thần trong cuộc lữ hành về quê trời.

#### 1534.

Hai bí tích Truyền Chức và Hôn Phối được lập ra nhằm phần rỗi tha nhân. Tuy nhiên, khi phục vụ tha nhân, hai bí tích này cũng góp phần cứu rỗi bản thân. Hai bí tích này vừa trao ban một sứ mệnh đặc biệt trong Hội Thánh, vừa xây dựng cộng đồng Dân Thiên Chúa.

#### 1535 784.

Những ai đã được thánh hiến bởi bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức (x. LG 10) để lãnh nhận chức tư tế chung Chúa dành cho các tín hữu, đều có thể được "thánh hiến" đặc biệt qua các bí tích này. Những người lãnh nhận bí tích Truyền Chức được thánh hiến để nhân danh Đức Ki-tô chấn dất đoàn chiên của Chúa là Hội Thánh "bằng Lời và ân sủng của

Người" (x. LG 11). Còn "vợ chồng ki-tô hữu, được cũng cố và như *được thánh hiến* bằng một bí tích riêng để đón nhận các bổn phận và phẩm giá của bậc sống họ" (x. GS 48,2).

## Mục 6

# BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC THÁNH

### 1536 860.

Truyền Chức là bí tích qua đó sứ mạng Chúa Ki-tô ủy thác cho các tông đồ tiếp tục được thực hiện trong Hội Thánh cho đến tận thế; vì thế, được gọi là bí tích của thừa tác vụ tông đồ. Bí tích này gồm 3 cấp bậc : chức giám mục, chức linh mục và chức phó tế.

(Về việc Đức Ki-tô thiết lập và trao ban thừa tác vụ tông đồ, xem 874-896. Ở đây, chỉ bàn về bí tích; qua đó, thừa tác vụ này được chuyển giao.)

## I. TẠI SAO GỌI LÀ BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC ?

### 1537 922 923;1631.

Vào thời cổ Rô-ma, người ta dùng từ "Ordo" để chỉ những tập thể dân sự, nhất là tập thể lãnh đạo. "Ordinatio" chỉ việc được nhận vào tập thể đó. Trong Hội Thánh có những tập thể như vậy mà truyền thống, phần nào dựa trên cơ sở Kinh Thánh (x. Dt 5,6; 7,11; Tv 110,4), ngay từ xưa gọi là Taxeis (tiếng Hy Lạp) hay "Ordines" (tiếng La-tinh). Chẳng hạn, Phụng vụ nói đến hàng giám mục, hàng linh mục, hàng phó tế. Nhiều nhóm khác cũng được gọi là "Ordo" : giới dự tòng, giới trinh nữ, giới vợ chồng, giới góa bụa....

### 1538 875 699.

Việc gia nhập vào một tập thể của Hội Thánh xưa kia thường được cử hành bằng một nghi thức gọi là “*truyền chức*” (Ordinatio). Đó là một hành vi tôn giáo và phụng vụ, có thể là thánh hiến, chúc lành hay bí tích. Ngày nay, từ “*truyền chức*” dành riêng cho việc cử hành bí tích gia nhập hàng giám mục, linh mục và phó tế. Việc này có giá trị hơn việc cộng đoàn *bầu cử, chỉ định, ủy nhiệm hay cắt đặt*, vì ban hồng ân Thánh Thần cho phép thi hành một “*quyền thánh chức*” (x. LG 10) do chính Chúa Ki-tô ban qua Hội Thánh. Ordinatio còn được gọi là *thánh hiến*, nghĩa là được Đức Ki-tô tách riêng và bổ nhiệm để phục vụ Hội Thánh. Việc giám mục *đặt tay* và lời nguyện thánh hiến, làm nên dấu chỉ hữu hình của sự thánh hiến này. Theo nghĩa này, tiếng Việt gọi là bí tích Truyền Chức.

## II- BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC TRONG KẾ HOẠCH CỨU ĐỘ

### Chức Tư Tế trong Giao Ước Cũ

#### 1539.

Thiên Chúa đã tuyển chọn một dân tộc làm "vương quốc tư tế, và dân thánh" (x. Xh 19,6; x. Is 61,6). Trong dân Ít-ra-en, Người lại chọn một trong 12 chi tộc để chuyên lo việc tế tự là chi tộc Lê-vi (x. Ds 1,48,53). Chính Chúa là phần gia nghiệp của họ (x. Gs 13,33). Các tư tế đầu tiên của Giao Ước Cũ được thánh hiến bằng một nghi thức đặc biệt (x. Xh 29,1-30; Lv.8). Họ "được đặt lên làm đại diện loài người trong các mối tương quan với Thiên Chúa, để dâng lễ phẩm cũng như tế vật đền tội" (Dt 5,1).

#### 1540 2099.

Tư tế được đặt lên để loan báo Lời Thiên Chúa (Ml 2,7-9) và đề tài lập sự hiệp thông với Thiên Chúa bằng các

hy lễ và lời cầu nguyện. Tuy nhiên, chức tư tế này không đủ khả năng thực hiện ơn cứu độ. Các hy tế cứ phải dâng mãi mà vẫn không đạt tới sự thánh hoá dứt khoát (x. Dt 5,3; 7,27; 10,1-4). Chỉ hy lễ của Đức Ki-tô mới thực hiện được điều này.

#### **1541.**

Dầu vậy, Phụng Vụ của Hội Thánh vẫn nhận ra trong chức tư tế của A-a-ron và việc phục vụ của các thầy Lê-vi cũng như việc cất đặt "70 bô lão" (x. Ds 11,24-25)), những hình bóng của chức tư tế Giao Ước Mới. Do đó, trong nghi lễ La-tinh, Hội Thánh cầu xin trong kinh Tiền Tụng lễ phong chức giám mục :

“Lạy Cha là Thiên Chúa và là Cha Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng con..., suốt thời Cựu Ước, Cha đã khởi sự định hình cho Hội Thánh. Từ nguyên thủy, Cha đã tiền định cho dòng dõi những người công chính phát xuất từ Áp-ra-ham. Cha đã thiết lập những vị thủ lãnh và tư tế, và không để thánh điện Cha thiếu người phục vụ...”

#### **1542.**

Khi truyền chức linh mục, Hội Thánh cầu xin :

“Lạy Chúa là Cha Chí Thánh..., ngay ở thời Cựu Ước xa xưa đã phát sinh những chức vụ được thiết lập qua các nhiệm tích : vì khi Cha đặt Mô-sê và A-a-ron cai trị và thánh hóa dân chúng, Cha đã chọn những người có phẩm hàm và địa vị thấp hơn để giúp đỡ vào tập thể và công việc của các ông. Vì vậy, trong hoang địa, Cha đã phân phát thần trí của Mô-sê cho 70 người có trí thông minh, để khi dùng họ phụ giúp,

ông có thể cai trị dân Cha một cách dễ dàng hơn. Cũng vậy, Cha đã thông ban sự sung mãn của A-a-ron cho con cháu ông..."

**1543.**

Khi phong chức phó tế, Hội Thánh cầu xin :

“Lạy Cha Chí Thánh..., để xây dựng đền thờ mới là Hội Thánh, Cha đã thiết lập ba cấp thừa tác viên là giám mục, linh mục và phó tế, để họ phục vụ danh Cha, như Cha đã chọn con cháu Lê-vi từ thuở đầu, để họ chu toàn thừa tác vụ nơi đền thánh cũ và Cha là gia nghiệp của họ ...”

### **Chúa Ki-tô là Thượng Tế duy nhất**

**1544 874.**

Tất cả tiên trưng về chức tư tế trong Giao Ước Cũ được hoàn tất trong Đức Ki-tô Giê-su "Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người" (1Tm 2,5) : Vị vua Men-ki-sê-đê, "Tư tế của Đấng Tối Cao" (St 14,18), được truyền thống Công Giáo xem như hình bóng chức tư tế của Chúa Ki-tô là "Thượng Tế duy nhất theo phẩm trật Men-ki-sê-đê" (Dt 5,10; 6,20). Đức Ki-tô "thánh thiện, vẹn toàn, vô tội" (Dt 7,26), nhờ hy lễ duy nhất trên thập giá, đã vĩnh viễn làm cho những người được thánh hiến trở nên hoàn hảo" (Dt 10,14).

**1545 1367 662.**

Hy lễ cứu độ của Chúa Ki-tô là duy nhất, hoàn tất một lần dứt khoát. Tuy nhiên, hy lễ này hiện diện trong hy lễ của Hội Thánh. Cũng vậy, chức tư tế duy nhất của Chúa Ki-tô hiện diện nhờ chức tư tế thừa tác mà tính duy nhất không bị suy giảm. Do đó, "chỉ mình Đức Ki-tô là tư tế đích thực,

những người khác chỉ là thừa tác viên của Ngài" (x. Thánh Tô-ma A-qui-nô, thơ gửi tín hữu Dothái 7,4).

## **Hai sự thông phần vào chức tư tế duy nhất của Đức Ki-tô**

### **1546 1268.**

Đức Ki-tô là thượng tế và trung gian duy nhất đã biến Hội Thánh thành "Vương quốc của các tư tế để phụng sự Thiên Chúa là Cha của Người" (Kh 1,6). Như thế, tất cả cộng đoàn tín hữu là tư tế. Các tín hữu thực thi chức tư tế cộng đồng bằng cách mỗi người tùy ơn gọi riêng, tham dự vào sứ mạng của Đức Ki-tô là Tư Tế, Ngôn Sứ và Vương Đế. Chính qua bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức, các tín hữu được "thánh hiến để trở nên... hàng tư tế thánh" (x. LG 10).

### **1547 1142 1120.**

Chức tư tế thừa tác hay phẩm trật của các giám mục và linh mục cũng như chức tư tế cộng đồng của các tín hữu đều tham dự vào chức tư tế duy nhất của Chúa Ki-tô (x. LG 10) theo cách thức riêng của mình và bổ túc cho nhau (x. LG 10). Dầu vậy hai chức tư tế này khác nhau về bản chất. Khác thế nào? Các tín hữu thi hành chức tư tế cộng đồng bằng cách phát triển sống đức Tin, đức Cậy, đức Mên, sống theo Chúa Thánh Thần. Còn chức tư tế thừa tác dành để phục vụ chức tư tế cộng đồng, giúp phát triển ân sủng bí tích Thánh Tẩy của mọi ki-tô hữu. Đó là một trong những *cách thế* Đức Giê-su luôn dùng để xây dựng và hướng dẫn Hội Thánh. Vì thế, chức tư tế này được chuyển giao qua bí tích riêng là bí tích Truyền Chức.

## **Thi hành chức vụ thủ lãnh của Đức Ki-tô**

### **1548 875, 792.**

Khi thừa tác viên thi hành chức vụ trong Hội Thánh, chính Đức Ki-tô hiện diện với tư cách là Đầu của Thân Thể, là Mục Tử đoàn chiên, Thượng Tế của hy lễ cứu độ, Thầy dạy Chân Lý. Đó là điều Hội Thánh muốn diễn tả khi nói, nhờ bí tích Truyền Chức, tư tế thi hành chức vụ thủ lãnh của Đức Ki-tô (in persona Christi Capitis) (x. LG 10;28; SC 33; CD 11; PO 2; 6) :

“Thừa tác viên đóng vai trò của chính Đức Ki-tô Tư Tế. Nhờ bí tích truyền chức đồng hóa họ với vị Thượng Tế, thừa tác viên có quyền hành động với thần lực và vai trò của chính Đức Ki-tô (x. Piô XII, thông điệp "Đấng Trung Gian của Thiên Chúa")

Chúa Ki-tô là nguồn mạch mọi chức tư tế : tư tế của Cựu Ước là hình bóng của Đức Ki-tô và tư tế của Tân Ước thi hành chức vụ của Đức Ki-tô” (x. Thánh Tô-ma A-qui-nô, Tổng luận Thần học 3, 22, 4).

### **1549 1142.**

Qua thừa tác vụ của người có chức thánh, nhất là của các giám mục và linh mục, sự hiện diện của Đức Ki-tô như thủ lãnh của Hội Thánh trở nên hữu hình giữa cộng đoàn tín hữu (x. LG 21). Theo cách diễn tả của thánh I-nhà-xi-ô Anti-ô-ki-a, giám mục là typos tou Patros, là hình ảnh sống động của Chúa Cha (x. Thư gửi Tra-li-a-nô, 3,1; cf Magn. 6,1).

### **1550 896 1128 1584.**

Sự hiện diện của Đức Ki-tô nơi vị thừa tác viên không loại trừ những khiếm khuyết của con người, óc thống trị, sai lầm và cả tội lỗi nữa. Sức mạnh của Chúa Thánh Thần không bảo đảm cho mọi hoạt động của các thừa tác viên trở

nên đồng nhất. Khi thừa tác viên cử hành các bí tích, có sự bảo đảm là ngay cả tội của họ không ngăn trở hiệu quả của ân sủng. Còn các hành vi khác vẫn mang dấu vết cá tính của thừa tác viên, không luôn luôn là dấu chỉ trung thành với Tin Mừng và do đó có thể phương hại đến hiệu quả tông đồ của Hội Thánh.

**1551 876 1538 608.**

Chức tư tế được thiết lập để phục vụ. "Nhiệm vụ Chúa đã trao phó cho các mục tử của dân Người thực là một việc phục vụ" (x. LG 24). Chức tư tế này có là vì Đức Ki-tô và vì con người, hoàn toàn tùy thuộc vào Chúa Ki-tô và chức tư tế duy nhất của Người, được thiết lập để mưu ích cho con người và cộng đoàn Hội Thánh. Bí tích Truyền Chức thông ban "quyền thánh chức", chính là quyền của Đức Ki-tô. Phải sử dụng quyền bính theo gương Đức Ki-tô, Đấng vì yêu thương đã trở nên rớt hết và đầy tớ của mọi người (x. Mc 10,43-45; 1Pr 5,3). "Chúa đã tuyên bố rõ ràng việc chăm sóc đoàn chiên là bằng chứng tình yêu đối với Người" (x. Thánh Gio-an Kim Khẩu, về các bí tích 2,4; x. Ga 21,15-17).

**"... Nhân danh toàn thể Hội Thánh**

**1552.**

Chức tư tế thừa tác không những có nhiệm vụ đóng vai trò Đức Ki-tô, Thủ Lãnh của Hội Thánh, trước cộng đoàn tín hữu, mà còn hành động nhân danh toàn thể Hội Thánh, khi dâng lên Thiên Chúa kinh nguyện của Hội Thánh (x. SC 33), nhất là khi cử hành thánh lễ (x. LG 10).

**1553 795.**

"Nhân danh *toàn thể* Hội Thánh" không có nghĩa là các tư tế được cộng đoàn ủy nhiệm. Kinh nguyện và lễ vật của Hội Thánh liên kết với kinh nguyện và lễ vật của Đức

Ki-tô, Thủ Lãnh Hội Thánh. Đây luôn là việc Đức Ki-tô phụng thờ Chúa Cha được dâng lên trong và nhờ Hội Thánh. Toàn thể Hội Thánh, Thân Thể Đức Ki-tô cầu nguyện và dâng mình cho Chúa Cha, "chính nhờ Đức Ki-tô, cùng với Đức Ki-tô và trong Đức Ki-tô, hiệp nhất với Chúa Thánh Thần". Cả Thân thể, gồm *Đầu và các chi thể*, cầu nguyện và dâng mình; những thừa tác viên đúng nghĩa trong Thân Thể ấy, không những là thừa tác viên của Đức Ki-tô mà còn là thừa tác viên của Hội Thánh nữa. Chính vì đóng vai trò Đức Ki-tô, nên vị tư tế thừa tác có thể hành động nhân danh Hội Thánh.

### III- BA CẤP BẬC CỦA BÍ TÍCH TRUYỀN CHỨC

**1554 1536 1538.**

"Thừa tác vụ do Thiên Chúa thiết lập trong Hội Thánh được thi hành bởi những người có chức vụ khác nhau mà từ xưa được gọi là : giám mục, linh mục và phó tế" (x. LG 28). Giáo lý Công Giáo được diễn tả trong Phụng Vụ, Huấn Quyền và cách thực hành liên tục trong Hội Thánh thừa nhận có hai cấp bậc tham dự như thừa tác viên vào chức tư tế của Đức Ki-tô : hàng giám mục và hàng linh mục. Hàng phó tế có nhiệm vụ giúp đỡ và phục vụ các giám mục và linh mục. Vì thế từ "*Sacerdos*" ( tư tế) hiện nay được dùng để chỉ các giám mục và các linh mục, nhưng không chỉ các phó tế. Tuy nhiên, giáo lý Công Giáo dạy rằng những cấp bậc tư tế thừa tác (giám mục và linh mục) và cấp bậc phục vụ (phó tế) cả ba đều được trao ban qua một hành vi bí tích được gọi "Ordinatio", nghĩa là qua bí tích Truyền Chức :

Chớ gì mọi người tôn trọng các phó tế như Đức Giê-su Ki-tô, tôn trọng giám mục như hình ảnh của Chúa Cha và tôn trọng các linh mục như nghị viện của Thiên Chúa và như công hội các tông đồ : không có

những vị này, không thể nói về Hội Thánh (x. Thánh I-nha-xi-ô An-ti-ô-ki-a, Thư gửi Tra-li-a-nô, 3,1).

## **Giám mục - sự tròn đầy của bí tích Truyền Chức**

### **1555 861.**

"Giữa các tác vụ khác nhau được thi hành trong Hội Thánh từ buổi sơ khai, theo chứng tá của Truyền Thống, tác vụ chính yếu là tác vụ của những vị đã được bổ nhiệm lên giám mục; nhờ liên tục kế vị từ buổi ban đầu, các ngài vẫn có những mầm mống hạt giống tông đồ (x. LG 20).

### **1556 862.**

"Để chu toàn sứ mạng cao cả ấy, các tông đồ được Đức Ki-tô đổ tràn đầy Thánh Thần cách đặc biệt (x. Cv 1,8; 2,4; Ga 20,22-23). Và các ngài thông truyền các ơn thiêng ấy cho các cộng sự viên khi đặt tay trên họ (x. 1Tm 4,14; 2Tm 1,6-7). Và qua việc thánh hiến giám mục, ơn thiêng ấy được thông truyền cho đến chúng tôi (x. LG 21).

### **1557.**

Công đồng Va-ti-ca-nô II dạy : "Khi được tấn phong, các giám mục *nhận lãnh trọn vẹn bí tích Truyền Chức* mà tập tục phụng vụ Hội Thánh và các thánh giáo phụ gọi là chức tư tế tối cao và *nhận lãnh thực tại toàn vẹn của thánh vụ*" (x. LG 21).

### **1558 895 1121.**

"Khi được tấn phong, giám mục không những có nhiệm vụ thánh hoá mà còn có nhiệm vụ giảng dạy và quản trị... Tuy nhiên... qua sự đặt tay và qua các lời thánh hiến, ơn Chúa Thánh Thần được thông ban và ấn tín thánh được in trên các giám mục, nên các ngài *thi hành nhiệm vụ* của chính Đức Ki-tô là Thầy, Mục tử và Thượng tế và hành động trong

cương vị của Người" (x. LG 21). "Nhờ Thánh Thần mà các ngài đã lãnh nhận, các giám mục trở thành thầy dạy đức tin, Thượng tế, Mục tử thực thụ và chính thức" (x. CD 2).

**1559** 877 882.

"Người lãnh nhận bí tích Truyền Chức và hiệp thông phẩm trật với Thủ Lãnh cùng các phần tử trong cộng đoàn trở thành phần tử của giám mục đoàn" (x. LG 22). Một trong những cách diễn tả đặc tính và *bản chất tập đoàn* của hàng giám mục là từ xưa Hội Thánh muốn có nhiều giám mục cùng tấn phong một tân giám mục (x. LG 22). Để tấn phong hợp pháp một giám mục, ngày nay phải có ý kiến đặc biệt của giám mục Rô-ma, vì ngài là dây liên kết hữu hình cao nhất của sự hiệp thông giữa các Giáo Hội địa phương trong một Hội Thánh duy nhất và bảo đảm cho các Giáo Hội được tự do.

**1560** 833,886.

Vì là đại diện của Đức Ki-tô, mỗi giám mục có trách nhiệm mục vụ trong Giáo Hội địa phương được trao phó cho ngài, đồng thời ngài cũng phải cùng với các vị khác trong giám mục đoàn *chăm lo cho toàn thể Hội Thánh* : Dù mỗi giám mục là mục tử của đoàn chiên được giao phó, nhưng vì là người kế nhiệm hợp pháp của các tông đồ do Chúa thiết lập, nên ngài phải liên đới trách nhiệm với sứ mạng tông đồ của Hội Thánh (x. Piô XII, thông điệp "Hồng ân đức tin"; x. LG 23; CD 4;36;37; AG 5;6;38).

**1561** 1369.

Những điều trên đây giải thích tại sao việc giám mục cử hành thánh lễ lại có ý nghĩa rất đặc biệt, vì diễn tả Hội Thánh qui tụ quanh bàn thờ, dưới sự chủ tọa của vị đại diện hữu hình của Đức Ki-tô, là Mục Tử Nhân lành và Thủ Lãnh của Hội Thánh (x. SC 41; LG 26).

## **Việc truyền chức các linh mục - những cộng sự viên của các giám mục.**

### **1562.**

"Được Chúa Cha thánh hiến và sai đến thế gian (x. Ga 10,36), Đức Ki-tô nhờ các tông đồ, đã làm cho các giám mục, những vị kế nhiệm các tông đồ, có thể tham dự vào việc thánh hiến và vào sứ mạng của mình. Các giám mục lại giao trách nhiệm của tác vụ mình một cách hợp pháp cho nhiều phần tử trong Hội Thánh theo từng cấp bậc" (x. LG 28). "Người lại trao ban cho các linh mục chức vụ thừa hành này ở một cấp độ tùy thuộc, để một khi gia nhập hàng linh mục họ là *những cộng sự viên của hàng giám mục* để chu toàn một cách tốt đẹp sứ mạng tông đồ mà Đức Ki-tô trao phó" (x. PO 2).

### **1563 1121.**

"Chức vụ linh mục liên kết với chức giám mục, nên cũng được tham dự vào quyền bính mà chính Chúa Ki-tô đã dùng để kiến tạo, thánh hóa và cai quản Thân Thể Người. Vì vậy, chức linh mục dù giả thiết đã có những bí tích khai sinh đời sống Ki-tô giáo, nhưng lại được một bí tích riêng in ấn tín đặc biệt khi các ngài được Chúa Thánh Thần xức dầu. Như thế, các ngài nên giống Chúa Ki-tô Linh Mục, đến nỗi có quyền thay mặt Chúa Ki-tô là Đầu mà hành động" (x. PO 2).

### **1564 611.**

"Linh mục, dù không có quyền thượng tế và tùy thuộc giám mục khi thi hành quyền bính, cũng hiệp nhất với giám mục trong tước vị tư tế. Nhờ bí tích Truyền Chức, linh mục được thánh hiến theo hình ảnh Đức Ki-tô, thầy cả Thượng Phẩm vĩnh viễn (x. Dt 5,1-10; 7,24; 9,11-28), để rao giảng

Tin Mừng, chăm sóc tín hữu và cử hành việc phụng tự Thiên Chúa với tư cách tư tế đích thực của Tân Ước" (x. LG 28).

**1565 849.**

Do bí tích Truyền Chức, các linh mục tham dự vào sứ mạng phổ quát Đức Ki-tô trao cho các tông đồ. "Ơn huệ thiêng liêng các ngài nhận lãnh trong bí tích Truyền Chức, chuẩn bị cho các ngài không phải cho một sứ mệnh giới hạn và thu hẹp nào đó, nhưng cho một sứ mệnh cứu rỗi rất rộng lớn và bao quát "đến tận cùng trái đất" (x. PO 10); "sẵn sàng đi rao giảng Tin Mừng ở bất cứ nơi nào" (x. OT 20).

**1566 1369 611.**

"Các ngài thực thi thánh vụ mình cách tuyệt hảo nhất là trong thánh lễ hoặc cộng đồng tạ ơn, trong đó, các ngài thay thế Đức Ki-tô công bố mầu nhiệm của Chúa, kết hợp những ước nguyện của tín hữu vào hy tế của thủ lãnh họ và trong hy tế thánh lễ, hiện tại hoá và áp dụng hy tế duy nhất của Tân Ước, là hy tế tinh tuyền đã một lần tự dâng hiến lên Chúa Cha, cho tới ngày Chúa trở lại" (x. LG 28). Toàn bộ thừa tác vụ tư tế của các ngài nhận được sức mạnh từ hy tế duy nhất này.

**1567 1462 2179.**

"Là cộng sự viên khôn ngoan, là phụ tá và là dụng cụ của hàng giám mục, linh mục được kêu gọi để phục vụ Dân Thiên Chúa. Các ngài hợp với giám mục mình tạo thành *linh mục đoàn duy nhất* với nhiều chức vụ khác nhau. Trong mỗi cộng đoàn tín hữu địa phương, linh mục là hiện thân của giám mục mà các ngài hằng liên kết với lòng tin tưởng và quảng đại, lãnh nhận phần chức vụ cùng chia sẻ nỗi lo lắng của giám mục và hằng ngày ân cần thi hành chức vụ ấy" (x. LG 28). Các linh mục chỉ có thể thi hành phận vụ khi tùy thuộc vào giám mục và hiệp thông với giám mục. Lời hứa

vâng phục giám mục khi chịu chức và cái hôn bình an của giám mục vào cuối nghi thức truyền chức, cho thấy giám mục nhận các linh mục như cộng sự viên, như con cái, như anh em, như bạn hữu; vì thế, linh mục phải đáp lại bằng lòng yêu mến và vâng phục.

### **1568 1537.**

"Khi gia nhập hàng linh mục nhờ bí tích Truyền Chức, tất cả các linh mục liên kết mật thiết với nhau bằng một tình huynh đệ do bí tích; nhưng đặc biệt trong một giáo phận, khi được chỉ định phục vụ dưới quyền giám mục của mình, các ngài hợp thành một linh mục đoàn duy nhất" (x. PO 8). Tính duy nhất của linh mục đoàn được biểu lộ qua một tập quán trong phụng vụ : sau giám mục, các linh mục đặt tay lên đầu tân linh mục trong lễ nghi phong chức.

### **Phó tế - "để phục vụ"**

### **1569.**

"Ở bậc thấp hơn nữa của hàng giáo phẩm, có các phó tế, người đã được đặt lên, không phải để lãnh nhận chức vụ linh mục, nhưng để phục vụ" (x. LG 229; x.CD 15). Khi phong chức phó tế, chỉ mình giám mục đặt tay. Điều này cho thấy phó tế được liên kết đặc biệt với giám mục trong trách nhiệm "phục vụ" (x. Thánh Hi-pô-li-tô, Truyền thống tông đồ 8).

### **1570 1121.**

Các phó tế tham dự cách đặc biệt vào sứ mạng và ân sủng của Đức Ki-tô (x. LG 41; AA 16). Bí tích Truyền Chức in trong họ một *án tín* vĩnh viễn làm cho các ngài nên đồng hình đồng dạng với Đức Ki-tô, Đấng trở thành "người phục vụ", nghĩa là tôi tớ của mọi người (x. Mc 10,45; Lc 22,27; thánh Pô-ly-ca-pô, thư gửi tín hữu Phi-líp). Một trong các

phận vụ phó tế là phụ giúp các giám mục và linh mục trong việc cử hành mầu nhiệm thánh, nhất là thánh lễ, trao Mình Thánh Chúa, chứng kiến và chúc lành cho đôi hôn phối, công bố và rao giảng Tin Mừng, chủ tọa lễ nghi an táng và đặc biệt là việc bác ái (x. LG 29; SC 35, 4; AG 16).

#### **1571 1579.**

Từ Công đồng Va-ti-ca-nô II, Giáo Hội La-tinh tái lập chức phó tế như "một bậc riêng và vĩnh viễn thuộc phẩm trật" (x. LG 29). Còn Giáo Hội Đông Phương vẫn duy trì chức vụ này từ xưa. Chức *phó tế vĩnh viễn* có thể được ban cho người nam đã lập gia đình, đã góp phần quan trọng giúp Hội Thánh chu toàn sứ mạng. Thật là thích hợp và hữu ích khi có những người chu toàn chức vụ phó tế của Hội Thánh cả trong đời sống mục vụ và phụng vụ cũng như trong công tác xã hội và bác ái, "được thêm mạnh mẽ nhờ việc đặt tay" lưu truyền từ thời các tông đồ và được kết hợp chặt chẽ với bàn thánh hơn, để họ chu toàn thừa tác vụ của mình một cách hữu hiệu hơn nhờ ơn bí tích của chức phó tế (x. AG 16).

### **IV- VIỆC CỬ HÀNH BÍ TÍCH NÀY**

#### **1572.**

Vì tầm quan trọng đối với đời sống Giáo Hội địa phương, nếu có thể được nên có nhiều tín hữu tham dự lễ phong chức giám mục, linh mục và phó tế. Lễ phong chức nên cử hành một cách long trọng vào ngày Chúa nhật và tại nhà thờ Chánh Toà. Nghi thức phong chức giám mục, linh mục và phó tế đều diễn tiến như nhau và được cử hành trong Thánh lễ.

#### **1573 699 1585.**

*Nghi thức chính yếu* của bí tích Truyền Chức cho cả ba cấp bậc, là giám mục đặt tay trên đầu tiến chức, cùng với

lời nguyện phong chức xin Thiên Chúa ban cho tiến chức đầy tràn ơn Chúa Thánh Thần và những ân sủng đặc biệt để chu toàn thừa tác vụ sắp lãnh nhận (x. Piô XII, tông hiến "Bí tích Truyền Chức Thánh" :DS 3858).

### **1574 1294 769.**

Như các bí tích khác, nghi lễ phong chức cũng có những nghi thức phụ. Tuy rất khác nhau trong những truyền thống phụng vụ, nhưng các nghi thức phụ này đều diễn đạt nhiều khía cạnh của ân sủng bí tích. Trong nghi lễ La-tinh, có những nghi thức khai mạc gồm việc giới thiệu và tuyển chọn tiến chức, huấn dụ của giám mục, khảo hạch tiến chức, kinh cầu các thánh. Những nghi thức khai mạc xác nhận ứng viên được tuyển chọn đúng theo tập tục của Hội Thánh, và chuẩn bị cho nghi thức phong chức. Sau nghi thức phong chức, còn có những nghi thức biểu trưng dùng để diễn tả và hoàn tất mầu nhiệm vừa cử hành: tân giám mục và tân linh mục được xúc dầu thánh, biểu trưng cho việc Thánh Thần xúc dầu cách đặc biệt làm cho thừa tác vụ của các ngài được hiệu quả; vị tân giám mục nhận sách Phúc Âm, nhẫn, mũ và gậy như dấu chỉ cho sứ mạng tông đồ của ngài là rao giảng Lời Chúa, trung thành với Hội Thánh là Hiền Thê của Đức Ki-tô, và là mục tử chăm sóc đoàn chiên Chúa; tân linh mục lãnh nhận đĩa và chén thánh, dùng để dâng "lễ vật của Dân Thánh" lên Thiên Chúa; tân phó tế nhận sách Phúc Âm vì sứ mạng của ngài là rao giảng Phúc Âm.

## **V- AI CÓ THỂ BAN BÍ TÍCH NÀY?**

### **1575 857.**

Chính Đức Ki-tô đã tuyển chọn và cho các tông đồ tham dự vào sứ mạng và quyền bính của Người. Khi lên ngự bên hữu Chúa Cha, Người không bỏ rơi đoàn chiên nhưng luôn nhờ các tông đồ, giữ gìn, che chở và hướng dẫn đoàn

chiên đó nhờ các mục tử ngày nay vẫn tiếp tục công trình của Người (x. MR, kinh tiền tụng lễ các Tông đồ I). Chính Đức Ki-tô cho kẻ này làm tông đồ, kẻ khác làm mục tử (x. Ep 4,11), Người tiếp tục hoạt động như thế qua các giám mục (x. LG 211).

### **1576 1536.**

Vì bí tích Truyền Chức là bí tích ban thừa tác vụ tông đồ, nên chỉ các giám mục, với tư cách là những người kế nhiệm các tông đồ có quyền ban "hông ân thiêng liêng" (x. LG 21) và "hạt giống tông đồ" (x. LG 20). Các giám mục được tấn phong thành sự, nghĩa là trong chuỗi kế nhiệm tông đồ, có quyền tấn phong thành sự ba cấp bậc của bí tích Truyền Chức (x. DS 794 & 8022; CIC, khoản 1012; CCEO, khoản 744; 747).

## **VI- AI CÓ THỂ LÃNH NHẬN BÍ TÍCH NÀY?**

### **1577 551 861 862.**

"Chỉ người nam đã chịu phép rửa tội mới được lãnh nhận bí tích Truyền Chức" (x. CIC, khoản 1024) cách thành sự. Chúa Giê-su đã tuyển chọn những người nam để lập nhóm Mười Hai Tông Đồ (x. Mc 3,14-19; Lc 6,12-16) và các tông đồ cũng làm như vậy khi tuyển chọn các cộng sự viên (x. 1Tm 3,11-13; 2Tm 1-6; Tt 1,5-9) để tiếp nối sứ mạng của mình (Thánh Cơ-lê-măng thành Rô-ma, thư gửi tín hữu Cô-rin-tô 42,4; 44,3). Giám mục đoàn cùng với các linh mục hiệp nhất với các ngài trong chức tư tế, hiện tại hoá nhóm Mười Hai cho đến ngày Chúa lại đến. Hội Thánh bị ràng buộc với sự chọn lựa của Chúa, nên không thể phong chức cho người nữ ( x.MD 26-27; CDF; décl. "Inter.insigniores").

### **1578 2121.**

Không ai có *quyền* đòi được chịu chức thánh. Không ai được coi mình là xứng đáng với chức vụ này. Phải được Chúa kêu gọi ( x.Dt 5,4). Ai thấy mình có những dấu hiệu được Chúa kêu gọi lãnh nhận thừa tác vụ thánh, phải khiêm tốn trình bày nguyện vọng lên giáo quyền. Giáo quyền có trách nhiệm và quyền gọi một người lãnh nhận chức thánh. Như mọi ân sủng, bí tích này chỉ được lãnh nhận như một hồng ân nhưng không.

### **1579 1618 2233.**

Trong Giáo Hội La-tinh, trừ các phó tế vĩnh viễn, mọi thừa tác viên có chức thánh thường được tuyển chọn từ những người nam *sống độc thân* và có ý giữ độc thân "vì Nước Trời" (Mt 19,12). Được mời gọi tận hiến cho Chúa để "lo việc của Người" ( x.1Cr 7,32), các ngài hiến thân trọn vẹn cho Thiên Chúa và con người. Đòi sống độc thân là dấu chỉ của sự sống mới mà các thừa tác viên của Hội Thánh được thánh hiến để phục vụ. Nếu hân hoan đón nhận đòi sống độc thân này, các ngài sẽ loan báo Nước Trời hữu hiệu hơn (x. PO 16).

### **1580.**

Trong các Giáo Hội Đông Phương, từ nhiều thế kỷ nay, có một tập tục khác : chỉ các giám mục được tuyển chọn trong những người độc thân; còn linh mục và phó tế có thể được tuyển chọn trong những người đã lập gia đình. Tập tục này từ lâu vẫn được coi là chính đáng. Các linh mục này thì hành thừa tác vụ hữu hiệu giữa cộng đoàn (x. PO 16). Hơn nữa, sự độc thân của các linh mục rất được trân trọng trong các Giáo Hội Đông Phương và nhiều linh mục đã tự nguyện sống độc thân vì Nước Trời. Ở Phương Đông cũng như Phương Tây, người đã nhận chức thánh không được phép lập gia đình nữa.

## VII- HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH CHỨC THÁNH

### Ấn tín vĩnh viễn

#### 1581 1548.

Nhờ ân sủng đặc biệt của Chúa Thánh Thần, bí tích này làm cho thụ nhân nên giống Đức Ki-tô để trở thành khí cụ phục vụ Hội Thánh Người. Nhờ chức thánh, các ngài có thể thi hành chức vụ của Đức Ki-tô là Đầu Hội Thánh trong ba nhiệm vụ tư tế, ngôn sứ và vương đế.

#### 1582 1121.

Như trường hợp bí tích Thánh Tẩy và Thêm Sức, việc tham dự vào chức vụ của Đức Ki-tô nhờ bí tích Truyền Chức dù được lãnh nhận một lần ở mỗi cấp. Bí tích Truyền Chức cũng in một *ấn tín thiêng liêng vĩnh viễn* nên không thể lãnh nhận nhiều lần hay lãnh nhận tạm thời ( x. CĐ Trentô: DS 1767; LG 21; 28;29; PO 2).

#### 1583.

Người lãnh nhận chức thánh thành sự, vì lý do hệ trọng, có thể được chước miễn những bổn phận và chức vụ gắn liền với chức thánh hay bị cấm thi hành chức vụ ( x. CIC, khoản 290-293; 1336, triệt 1, s3.s5; 1338, triệt 2), nhưng không thể trở về bậc giáo dân đúng nghĩa ( x. CĐ Trentô: DS 1774) vì ấn tín bí tích Truyền Chức không thể xoá bỏ được. Ôn gọi và sứ mạng đã lãnh nhận trong ngày chịu chức thánh vẫn tồn tại mãi mãi.

#### 1584 1128.

Nói cho cùng, chính Đức Ki-tô hành động và thực hiện ơn Cứu Độ qua thừa tác viên có chức thánh, nên dù vị này bất xứng, cũng không ngăn cản được Người hành động (

x. CD Trentô: DS 1612;DS 1154). Thánh Âu-tinh đã nói cách mạnh mẽ :

1550.

Thừa tác viên kiêu căng sẽ bị liệt vào hàng ma quỷ. Hồng Ân Đức Ki-tô không vì thế mà bị ô nhiễm. Dù chảy qua người bất xứng, ơn Chúa vẫn tinh tuyền, vẫn làm cho đất đai phì nhiêu... Sức thiêng của bí tích khác nào ánh sáng : những ai cần được soi sáng sẽ nhận được ánh sáng tinh tuyền, vì ánh sáng có ngang qua kẻ nhơ bẩn, thì ánh sáng cũng không bị nhơ bẩn (Tin Mừng thánh Gio-an 5,15).

## **Ân sủng của Chúa Thánh Thần**

**1585**

Ơn riêng Chúa Thánh Thần được ban trong bí tích này làm cho thụ nhân vừa nên giống, vừa nên thừa tác viên của Đức Ki-tô là Thượng Tế, Thầy Dạy và Mục Tử.

**1586 2448.**

Giám mục lãnh nhận trước tiên là ơn sức mạnh ("Thánh Thần Thủ Lãnh" : lời nguyện tấn phong giám mục trong nghi lễ La-tinh), để ngài can đảm và khôn ngoan bảo vệ và hướng dẫn Hội Thánh như người cha và người mục tử quảng đại yêu thương mọi người, nhất là những người nghèo khổ, bệnh tật, thiếu thốn (x. CD 1316). Ơn này thúc đẩy ngài loan báo Tin Mừng cho mọi người, trở nên mẫu mực cho đoàn chiên, đi tiên phong trên đường thánh thiện bằng cách kết hiệp với Đức Ki-tô Tư Tế và Hiến Lễ trong bí tích Thánh Thể, dám hiến mạng sống vì đoàn chiên.

1558.

Lạy Cha ! Đáng hằng thấu suốt các tâm hồn, xin ban ơn cho tôi tớ mà Cha đã chọn làm giám mục để ngài

hướng dẫn đoàn chiêm thánh, và chu toàn tốt đẹp chức tư tế cao cả bằng cách ngày đêm phụng sự Cha, xin cho ngài luôn bày tỏ dung mạo nhân từ của Cha và dâng lễ vật của Hội Thánh lên Cha; nhờ chức tư tế cao cả, xin cho ngài quyền tha thứ tội lỗi theo lệnh truyền của Cha, phân phối các chức vụ theo ý Cha và dùng quyền Cha ban cho các tông đồ mà tháo cởi mọi dây ràng buộc, ước chi ngài được đẹp lòng Cha nhờ tấm lòng trong sạch và dịu hiền như hương thơm dâng lên Cha, nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Con Cha... (x. Thánh Hi-pô-li-tô, truyền thống Tông đồ 3).

**1587 1564.**

Kinh nguyện riêng của nghi lễ By-zan-tin làm nổi bật ơn Chúa Thánh Thần ban cho người chịu chức linh mục. Khi đặt tay, vị giám mục nói :

“Lạy Chúa, xin ban tràn đầy Thánh Thần xuống cho người được Chúa thương nâng lên hàng linh mục để ngài xứng đáng đứng trước bàn thờ Chúa, loan báo Tin Mừng Nước Chúa, chu toàn việc phục vụ Lời Chân Lý, dâng lên Cha của lễ và hy tế thiêng liêng, canh tân Dân Cha bằng nước tái sinh, để ngài được gặp Đức Giê-su Ki-tô, Con Một Cha là Thiên Chúa và là Đấng Cứu độ chúng con trong ngày Người quang lâm và nhờ lòng nhân từ của Cha, được lãnh nhận phần thưởng vì đã trung thành với chức vụ (Euchologion).

**1588 1569.**

"Được ân sủng bí tích bồi bổ, các phó tế hiệp thông với giám mục và linh mục đoàn, chăm sóc dân Thiên Chúa, với "vai trò phục vụ" trong phụng vụ, trong việc rao giảng và bác ái" (x. LG 29).

### 1589.

Đứng trước ơn thánh cao cả và chức vụ tư tế, các thánh tiến sĩ tha thiết mời gọi những người lãnh nhận chức thánh hoán cải để sống xứng đáng với Đấng đã dùng bí tích đặt họ làm thừa tác viên. Vì thế, thánh Ghê-gô-ri-ô thành Na-di-a-nô khi còn là linh mục trẻ, đã kêu lên :

460.

Trước tiên phải thanh luyện mình rồi mới thanh luyện kẻ khác, phải học rồi mới dạy dỗ, phải trở nên ánh sáng rồi mới chiếu soi, phải đến với Chúa rồi mới kéo kẻ khác được, phải tự thánh hoá mới thánh hoá kẻ khác, phải đưa tay dẫn dắt và cho những lời khuyên bảo khôn ngoan (x. Or 2,71). Tôi biết chúng ta là thừa tác viên của ai, chúng ta ở địa vị nào, chúng ta hưởng về ai. Tôi biết Thiên Chúa cao cả và con người yếu đuối, và biết cả sức lực của con người (x. sđd 74). Vậy linh mục là ai ? Là người bảo vệ chân lý, được đứng chung với các thiên thần, cùng ca hát với các tổng lãnh thiên thần, mang lễ vật lên bàn thờ thiên quốc, chia sẻ chức tư tế với Đức Ki-tô, canh tân vạn vật, phục hồi hình ảnh Thiên Chúa trong vũ trụ, tái tạo thế giới cho trời mới đất mới; nói cho cùng, ngài

1551.

Cha thánh xứ Ars nói : "Linh mục tiếp nối công trình cứu độ trên trái đất..." "Nếu hiểu rõ linh mục là ai, người ta sẽ chết không phải vì sợ hãi, mà vì yêu mến..." "Linh mục chính là tình thương của Thánh Tâm Chúa Giê-su" (Nodet, Gio-an Ma-ri-a Vi-a-nê).

## **TÓM LƯỢC**

### 1590.

*Thánh Phao-lô nói với Ti-mô-thê môn đệ của mình :  
"Tôi nhắc anh phải khơi lại đặc sủng của Thiên Chúa, đặc*

*sủng anh đã nhận được khi tôi đặt tay trên anh" (2Tm 1,6) và "Ai mong được làm giám quản, người ấy ước muốn một nhiệm vụ cao cả" (1Tm 3,1). Ngài nói với Ti-tô : "Tôi đã để anh ở lại đảo Kê-ta, chính là để anh hoàn thành công việc tổ chức, và đặt những kỳ mục trong mỗi thành như tôi đã truyền cho anh" (Tt 1,5).*

**1591.**

*Toàn thể Hội Thánh là một dân tư tế. Nhờ bí tích Thánh Tẩy, mọi tín hữu tham dự vào chức tư tế của Đức Ki-tô. Sự tham dự này được gọi là "chức tư tế cộng đồng". Trên nền tảng của chức tư tế cộng đồng và để phục vụ chức tư tế này, còn có sự tham dự khác vào sứ mạng của Đức Ki-tô, đó là chức tư tế thừa tác được trao ban qua bí tích Truyền Chức, với trách nhiệm phục vụ trong cộng đoàn nhân danh Đức Ki-tô và thi hành chức vụ thủ lãnh của Người.*

**1592.**

*Tự bản chất, chức tư tế thừa tác khác với chức tư tế cộng đồng, vì ban cho thụ nhân quyền thánh chức để phục vụ các tín hữu. Các thừa tác viên có chức thánh phục vụ dân Chúa qua việc giảng dạy, cử hành Phụng vụ và hướng dẫn Mục vụ.*

**1593.**

*Từ ban đầu, thừa tác vụ thánh được trao ban và thể hiện theo ba bậc : giám mục, linh mục và phó tế. Các thừa tác vụ được trao ban qua bí tích truyền chức không thể thiếu được cho cấu trúc hữu cơ của Hội Thánh : không thể quan niệm một Hội Thánh mà không có giám mục, linh mục và phó tế (x. Thánh I-nhà-xi-ô An-ti-ô-ki-a, Thư gửi Tra-li-a-nô, 3,1).*

**1594.**

*Giám mục lãnh nhận cách tròn đầy bí tích Truyền Chức. Qua đó, các ngài gia nhập giám mục đoàn và trở thành thủ lĩnh hữu hình của Hội Thánh địa phương được giao cho các ngài. Với tư cách là người kế nhiệm các tông đồ và là thành viên của giám mục đoàn, các giám mục chia sẻ trách nhiệm tông đồ và sứ mạng của toàn thể Hội Thánh dưới quyền Đức Giáo Hoàng, Đáng kế nhiệm thánh Phê-rô.*

**1595**

*Các linh mục liên kết với giám mục trong phẩm chức tư tế và tùy thuộc các ngài trong công tác mục vụ. Các linh mục được mời gọi để trở thành cộng sự viên khôn ngoan của các giám mục, hợp thành linh mục đoàn quanh giám mục, cùng chia sẻ trách nhiệm với ngài về giáo hội địa phương. Các linh mục được giám mục trao trách nhiệm chăm sóc một cộng đoàn giáo xứ, hay chỉ định một công việc phục vụ Hội Thánh.*

**1596**

*Các phó tế là những thừa tác viên được phong chức để phục vụ Hội Thánh. Các phó tế không có chức tư tế thừa tác, nhưng qua việc phong chức, các ngài lãnh nhận nhiệm vụ quan trọng trong thừa tác vụ rao giảng Lời Chúa, lo việc phụng tự, chăm sóc cộng đoàn và thực thi bác ái. Đó là những nhiệm vụ các ngài phải chu toàn dưới quyền mục vụ của giám mục.*

**1597.**

*Bí tích Truyền Chức được trao ban qua việc đặt tay của giám mục. Sau đó là lời nguyện phong chức trọng thể, cầu xin Chúa ban cho tiến chức những ân sủng cần thiết cho thừa tác vụ. Bí tích Truyền Chức in ấn tín vĩnh viễn.*

**1598.**

*Hội Thánh chỉ truyền chức cho người nam đã được rửa tội sau khi kiểm tra chắc chắn họ có khả năng thi hành chức vụ được giao. Chỉ giáo quyền có trách nhiệm và có quyền chọn một người lãnh nhận chức thánh.*

**1599.**

*Trong Giáo Hội La-tinh, thường chỉ truyền chức linh mục cho các ứng viên tự nguyện sống độc thân và công khai biểu lộ ý muốn này vì yêu mến Nước Trời và phục vụ tha nhân.*

**1600.**

*Chỉ có giám mục mới đủ thẩm quyền tấn phong ba cấp bậc của bí tích Truyền Chức.*

## Mục 7

### BÍ TÍCH HÔN PHỐI

**1601.**

"Do hôn ước, người nam và người nữ tạo nên một cộng đồng sống chung suốt đời, tự bản tính hôn ước hướng về thiện ích của đôi vợ chồng và việc sinh sản cùng giáo dục con cái. Đức Ki-tô đã nâng hôn ước giữa những người đã chịu phép Thánh Tẩy lên hàng bí tích" (x. CIC, khoản 1055, triệt 1).

### I- HÔN NHÂN TRONG Ý ĐỊNH CỦA THIÊN CHÚA

**1602** 369, 796.

Kinh Thánh mở đầu với việc Thiên Chúa tạo dựng người nam và người nữ theo hình ảnh và giống như Người (x. St 1,26-27) và kết thúc với viễn ảnh về "đám cưới Con Chiên" (x. Kh 19,7.9). Từ đầu đến cuối, Kinh Thánh nói về hôn nhân và "mâu nhiệm" hôn nhân, về việc thiết lập và ý nghĩa mà Thiên Chúa đã ban cho nó, về nguồn gốc và mục đích của hôn nhân, về những biến chuyển qua dòng lịch sử cứu độ, về những khó khăn do tội và việc canh tân trong Chúa (1Cr 7,39), trong Giao Ước Mới giữa Đức Ki-tô và Hội Thánh (x. Ep 5,31-32).

### **Hôn nhân trong trật tự sáng tạo**

**1603** 731 2331 2210.

"Đấng Tạo Hóa đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung thân mật và cho cộng đoàn tình yêu vợ chồng... chính Thiên Chúa là Đấng tác tạo hôn nhân" (x. GS 48,1). Vì Thiên Chúa đã tạo dựng người nam và người nữ, nên ơn gọi hôn nhân được ghi khắc ngay trong bản tính của họ. Hôn nhân không phải là một định chế thuần túy nhân loại, mặc dầu qua bao nhiêu biến đổi trải dài qua các thời đại, trong các nền văn hoá, cơ cấu xã hội và thái độ tâm linh khác nhau. Những sự khác biệt này không được làm chúng ta quên đi những nét chung và thường tồn. Mặc dù phẩm giá của định chế ấy không phải ở đâu cũng sáng tỏ như nhau (x. GS 47, 2), trong tất cả các nền văn hoá, có một ý nghĩa chắc chắn về sự cao quý của hôn nhân. "Vì sự lành mạnh của con người cũng như của xã hội nhân loại và Ki-tô giáo liên kết chặt chẽ với tình trạng tốt đẹp của cộng đoàn hôn nhân và gia đình" (x. GS 47,1).

**1604** 355.

Vì yêu thương, Thiên Chúa đã dựng nên con người và mời gọi con người đi vào tình thương, đó là ơn gọi nên tảng

và bẩm sinh của con người. Con người được dựng nên theo hình ảnh và giống như Thiên Chúa (x. St 1,27) là Tình Yêu (x. 1Ga 4,8.16). Vì Chúa đã dựng nên người nam và người nữ, nên tình yêu hỗ tương giữa họ trở thành hình ảnh của tình yêu tuyệt đối và bền vững mà Thiên Chúa dành cho con người. Dưới mắt Đấng Tạo Hóa thì tình yêu này tốt, rất tốt (x. St 1,31). Thiên Chúa chúc phúc cho tình yêu hôn nhân để nó được trở nên sung mãn và thể hiện trong việc bảo tồn công trình sáng tạo : "Thiên Chúa chúc phúc cho họ, Người phán : hãy sinh sôi nảy nở cho đầy mặt đất và thống trị mặt đất" (St 1,28).

### **1605 372 1614.**

Thánh Kinh khẳng định người nam người nữ được tạo dựng cho nhau : "Con người ở một mình thì không tốt". Người nữ là "xương thịt bởi xương thịt" người nam, ngang hàng và gần gũi với người nam. Thiên Chúa đã ban người nữ cho người nam như một "trợ ta", như "chính Chúa đến trợ giúp người nam" (x. Tv 121,2). "Vì thế, người nam lia cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt" (x. St 2,24). Sự hợp nhất bền vững giữa hai người nam nữ được Đức Ki-tô nói rõ khi nhắc lại ý định "từ nguyên thủy" của Đấng Sáng Tạo. Họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt" (Mt 19,6).

### **Hôn nhân dưới ách tội lỗi**

#### **1606.**

Mọi người đều có kinh nghiệm về sự dữ chung quanh mình và nơi chính mình. Kinh nghiệm này cũng rõ trong các mối tương quan giữa người nam và người nữ. Qua các thời đại, sự hiệp nhất của hôn nhân bị đe dọa bởi bất hoà, óc thống trị, bất trung, lòng ghen tương và những xung đột có thể đưa đến hận thù và đoạn tuyệt. Sự xáo trộn này có thể

bộ lộ nhiều hay ít và có thể khắc phục nhiều ít tùy theo văn hoá, thời đại và cá nhân, nhưng hình như đây là chuyện chung của nhân loại.

### **1607 1849 400.**

Theo đức tin, xáo trộn đau xót này không xuất phát từ *bản tính* của người nam và người nữ, cũng không do bản chất của các mối tương quan giữa họ, mà do *tội lỗi*. Sự đổ vỡ với Thiên Chúa do nguyên tội dẫn đến hậu quả là phá vỡ sự hiệp thông nguyên thủy giữa người nam và người nữ. Tương quan giữa hai người bị xáo trộn do việc đổ lỗi cho nhau (x. St 3,12); sự hấp dẫn phái tính là hồng ân riêng của Đấng Sáng Tạo (x. St 2,22) biến thành tương quan thống trị và ham muốn (x. St 3,16b); việc sinh sôi nảy nở và thống trị mặt đất (x. St 1,28) vốn là ơn gọi cao đẹp của người nam và người nữ, trở nên nặng nề vì những đau đớn khi sinh con và cực nhọc khi kiếm ăn (x. St 3,16-19).

### **1608 55.**

Trật tự của công trình sáng tạo vẫn tồn tại dù bị xáo trộn nặng nề. Để chữa lành những vết thương do tội lỗi, người nam cũng như người nữ cần đến Chúa trợ giúp bằng ân sủng mà với lòng nhân hậu vô biên, Người không bao giờ từ chối ban cho họ (St 3,21). Không có sự trợ giúp này, người nam và người nữ không thể đạt tới sự hoà hợp trong cuộc sống như Thiên Chúa đã muốn ngay từ "ban đầu khi dựng nên họ".

## **Hôn nhân dưới Lễ Luật của Giáo Ước Cũ**

### **1609 410.**

Thiên Chúa nhân từ không bỏ con người tội lỗi. Những đau khổ do tội như "đau đớn khi sinh con" (x. St 3,16), lao động "đổ mồ hôi trán" (St 3,19) là những phương

thuộc giảm bớt những tác hại của tội. Sau khi con người sa ngã, hôn nhân giúp vượt thắng tình trạng co cụm, ích kỷ, tìm khoái lạc riêng để sẵn sàng mở ra với tha nhân, tương trợ và hiến thân cho nhau.

**1610** 1963 2387.

Ý thức đạo đức về sự duy nhất và bất khả phân ly của hôn nhân được phát triển dần trong Cựu Ước. Tục đa thê của các tổ phụ và vua chúa chưa được đẩy lui rõ rệt. Nhưng luật Mô-sê bênh vực người nữ khỏi bị người nam áp chế. Dầu vậy, như Đức Ki-tô nói luật Cựu Ước còn mang những dấu vết của "sự cứng lòng" của người nam, do đó Mô-sê đã cho phép bỏ vợ (x. Mt 19,8; Đnl 24,1).

**1611** 219,2380 2361.

Khi nhìn giao ước của Chúa với Ít-ra-en dưới hình ảnh của một tình yêu hôn nhân độc hữu và chung thủy (x. Hs 1-3; Is 54; 62; Gr 2-3; 31, Ed 16;23), các ngôn sứ đã dọn lòng Dân Tuyển Chọn để họ ý thức sâu xa về tính duy nhất và bất khả phân ly của hôn nhân (x. Ml 2,13-17). Sách Rút và Tô-bi-a đã nêu lên những chứng từ cảm động về ý nghĩa cao quý của hôn nhân, của lòng chung thủy và sự âu yếm của vợ chồng. Truyền thống luôn nhận thấy trong sách Diễm Ca lời diễn tả tình yêu con người theo nghĩa là phản ánh tình yêu của Thiên Chúa, một tình yêu "mãnh liệt như sự chết" mà "thác lũ không dập tắt được" (Dc 8,6-7).

## **Hôn nhân trong Chúa**

**1612** 521.

Giao ước giữa Thiên Chúa và dân Ít-ra-en theo hình ảnh hôn nhân, chuẩn bị một giao ước mới vĩnh cửu. Trong giao ước này, Con Thiên Chúa khi nhập thể và hiến mạng mình đã liên kết với toàn nhân loại được Người cứu chuộc

(x. GS 22). Qua đó, Người chuẩn bị cho tiệc cưới của Con Chiên ( Kh 19,7.9)

### **1613.**

Khởi đầu đời sống công khai, Đức Ki-tô thực hiện dấu chỉ đầu tiên trong lễ cưới, theo lời yêu cầu của Mẹ Ma-ri-a (x. Ga 2,1-11). Hội Thánh coi việc Đức Ki-tô hiện diện trong tiệc cưới Ca-na có một tầm quan trọng đặc biệt. Hội Thánh nhìn sự kiện này như Lời Chúa xác nhận hôn nhân là việc tốt và công bố hôn nhân từ đây là dấu chỉ hữu hiệu về sự hiện diện của Đức Ki-tô.

### **1614 2336 2382.**

Trong khi rao giảng, Đức Ki-tô cho thấy rõ ràng ý nghĩa nguyên thủy của việc phối hợp giữa người nam và người nữ như thuở ban đầu Đấng Sáng Tạo đã muốn. Việc Mô-sê cho phép bỏ vợ là một nhượng bộ trước lòng chai dạ đá của người nam (Mt 19,8). Đúng ra, sự phối hợp hôn nhân là bất khả phân ly : chính Thiên Chúa đã quyết định như vậy: "Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly" (Mt 19,6)

### **1615 2364 1642.**

Khi Đức Ki-tô nhấn mạnh rõ ràng hôn nhân là bất khả phân ly, nhiều người ngỡ ngàng và coi đó là một đòi hỏi không thể thực hiện được (x. Mt 19,10). Tuy nhiên, Đức Ki-tô đã không đặt cho các đôi vợ chồng một gánh quá nặng không thể mang nổi (x. Mt 11, 29-30), nặng hơn luật Mô-sê. Khi tái lập trật tự ban đầu của công trình sáng tạo đã bị tội lỗi làm xáo trộn, Người đã ban sức mạnh và ân sủng để các đôi vợ chồng sống đời hôn nhân trong chiều kích mới của Nước Thiên Chúa. Khi từ bỏ mình và vác thập giá theo Đức Ki-tô (x. Mc 8,34) các đôi vợ chồng "có thể hiểu được" (x. Mt 19,11) ý nghĩa nguyên thủy của hôn nhân và sống đời hôn

nhân nhờ sự trợ giúp của Đức Ki-tô. Ân sủng của hôn nhân Ki-tô giáo là hoa quả của Thánh Giá Đức Ki-tô, nguồn mạch mọi đời sống ki-tô hữu.

### **1616.**

Thánh Phao-lô cho thấy điều đó khi nói : "Người làm chồng hãy yêu thương vợ như Đức Ki-tô đã yêu thương Hội Thánh, và hiến mình vì Hội Thánh để Người thánh hoá Hội Thánh" (Ep 5,25-26). Ngài còn nói thêm : "Chính vì thế, người nam sẽ lia cha mẹ mà gắn bó với vợ mình và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Mâu nhiệm này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức Ki-tô và Hội Thánh" (Ep 5,31-32).

### **1617 796.**

Toàn bộ đời sống Ki-tô giáo mang dấu ấn của tình yêu "hôn nhân" giữa Đức Ki-tô và Hội Thánh. Bí tích Thánh Tẩy, cửa ngõ dẫn vào dân Thiên Chúa, đã là mâu nhiệm "hôn nhân", nên cũng được gọi là "thanh tẩy chuẩn bị hôn nhân" (x. Ep 5,26-27) trước khi dự tiệc cưới là bí tích Thánh Thể. Hôn nhân Ki-tô giáo là dấu chỉ hữu hiệu, là bí tích của giao ước giữa Đức Ki-tô và Hội Thánh. Hôn nhân giữa hai người đã được rửa tội là một bí tích thực sự của Giao Ước Mới, vì biểu thị và thông ban ân sủng cho họ (x. DS 1800; CIC 1055, 2).

## **Khiết tịnh vì Nước Trời**

### **1618 2232 1579.**

Đức Ki-tô là trọng tâm của toàn bộ đời sống Ki-tô giáo. Phải coi trọng mối liên kết với Chúa hơn mọi mối liên kết khác, dù là gia đình hoặc xã hội (x. Lc 14,26; Mc 10,28-31). Ngay thuở ban đầu của Hội Thánh, đã có những người nam và nữ từ bỏ sự tốt lành của đời sống hôn nhân để theo Con Chiên bất cứ nơi nào (x. Kh 14,4), chuyên lo việc của

Chúa, tìm cách làm đẹp lòng Người (x. 1Cr 7,32), và sẵn sàng để đón Tân Lang đang đến (x. Mt 25,6). Đức Ki-tô đã mời gọi một số người sống theo gương mẫu của Người :

"Có những người không kết hôn vì từ khi lọt lòng mẹ, họ đã không có khả năng; có những người không thể kết hôn vì bị người ta hoạn; lại có những người tự ý không kết hôn vì Nước Trời. Ai hiểu được thì hiểu" (Mt 19,12).

#### **1619 922-924.**

Khiết tịnh vì Nước Trời là một hoa trái đặc biệt của ân sủng bí tích Thánh Tẩy, một dấu chỉ nổi bật về sự trở vượt của mỗi liên kết với Đức Ki-tô, sự nóng lòng chờ đợi Chúa lại đến, và là một dấu chỉ nhắc nhở hôn nhân là một thực tại của một thế giới đang qua đi (x.Mc 12,25; 1Cr 7,31).

#### **1620 2349.**

Bí tích Hôn Phối và đời sống Khiết Tịnh vì Nước Trời đều phát xuất từ Đức Ki-tô. Người đem lại cho hai lối sống này ý nghĩa và ban ân sủng cần thiết để ở bậc nào người ta cũng có thể sống đúng theo thánh ý Người (x.Mt 19,3-12). Vừa phải đề cao đời sống khiết tịnh vì Nước Trời (x.LG 42; PC 12; OT 10) vừa phải tôn trọng hôn nhân công giáo. Chẳng vậy, chúng ta sẽ không hiểu được ý nghĩa và giá trị của cả hai :

Nếu hạ giá hôn nhân, thì đồng thời hạ giá đức khiết tịnh; nếu hôn nhân được ca ngợi, thì đức khiết tịnh cũng được đề cao... Điều gì chỉ tốt khi so sánh với điều xấu, thì chưa phải là tốt thật, nhưng nếu tốt hơn những điều được công nhận là tốt, thì mới là điều tuyệt hảo (Thánh Gio-an Kim Khẩu, về sự Khiết Tịnh, 10,1; x. FC 16).

## II. CỬ HÀNH BÍ TÍCH HÔN PHỐI

### 1621 1323 1368.

Trong nghi lễ La-tinh, hôn nhân giữa hai người công giáo thường được cử hành trong thánh lễ, vì các bí tích đều liên hệ với mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Ki-tô (x. SC 61). Trong thánh lễ, chúng ta tưởng niệm Giao Ước Mới, trong đó Đức Ki-tô kết hiệp vĩnh viễn với Hội Thánh là Hiền Thê được Người yêu mến và hiến thân để thánh hoá (x. LG 6). Do đó, bí tích Hôn Phối được cử hành trong thánh lễ thật là thích hợp : đôi hôn phối bày tỏ sự ưng thuận hiến thân cho nhau bằng việc liên kết với Đức Ki-tô hiến thân cho Hội Thánh, điều được hiện tại hoá trong thánh lễ, và bằng việc rước lễ để nhờ kết hợp với Mình và Máu Đức Ki-tô, họ "trở thành một thân thể" trong Người (x. 1Cr 10,17).

### 1622 1422.

"Xét như một hành vi bí tích để thánh hoá, Hôn Phối phải được cử hành thế nào để bí tích được thành sự, xứng đáng và sinh hiệu quả" (x. FC 67). Do đó, đôi hôn phối nên lãnh nhận bí tích Giao Hoà để chuẩn bị cử hành bí tích Hôn Phối.

### 1623.

Theo truyền thống La-tinh, chính đôi hôn phối là thừa tác viên ân sủng Đức Ki-tô; họ ban bí tích Hôn Phối cho nhau khi họ bày tỏ sự ưng thuận kết hôn trước mặt Hội Thánh. Trong truyền thống các Giáo Hội Đông Phương, linh mục hay giám mục chủ lễ làm chứng việc đôi hôn phối trao đổi lời ưng thuận kết hôn (x.CCEO 817), nhưng lời chúc hôn của các ngài cũng cần thiết để bí tích thành sự (x. CCEO 828).

### **1624 736.**

Các lễ nghi phụng vụ có nhiều lời nguyện xin chúc lành và xin ơn Thánh Thần, khẩn cầu Chúa ban tràn đầy ân sủng và phúc lộc cho đôi tân hôn, đặc biệt cho người vợ. Nhờ lời nguyện xin ơn Thánh Thần của bí tích này, đôi hôn phối lãnh nhận Chúa Thánh Thần là sự hiệp thông tình yêu giữa Đức Ki-tô và Hội Thánh (x. Ep 5,32). Chính Chúa Thánh Thần là dấu ấn hôn ước của họ, là nguồn mạch tình yêu của họ, là sức mạnh giúp họ chung thủy.

## **III- SỰ UNG THUẬN KẾT HÔN**

### **1625 1734.**

Người ký kết giao ước hôn nhân phải là một người nam và một người nữ đã rửa tội, tự do để kết hôn và công khai bày tỏ sự ưng thuận kết hôn.

"Tự do" nghĩa là:

- không bị ép buộc;
- không bị ngăn trở theo luật tự nhiên hay giáo luật

### **1626 2201.**

Hội Thánh coi việc hai người bày tỏ sự ưng thuận kết hôn là yếu tố cần thiết "làm nên hôn nhân" (x. CIC 1057, 1). Thiếu sự ưng thuận này thì không có hôn nhân.

### **1627 1735.**

Sự ưng thuận là "hành vi nhân linh, trong đó đôi vợ chồng tự hiến cho nhau và đón nhận nhau" (x. GS 48,1); (x. CIC 1057, 2) : "Anh nhận em làm vợ"; "Em nhận anh làm chồng" (x. OcM 45). Sự ưng thuận này nối kết hai vợ chồng lại với nhau, được thể hiện trọn vẹn khi hai người "trở nên một thân thể" (x. St 2, 24; Mc 10, 8; Ep 5,31).

**1628.**

Sự ưng thuận phải là hành vi ý chí của mỗi người phối ngẫu, không bị cưỡng bức vì bạo lực hay quá sợ hãi do một nguyên cơ ngoại tại (x. CIC 1103). Không có thể lực nhân loại nào có thể thay thế sự ưng thuận này (x. CIC 1057, 1) . Thiếu sự tự do, hôn nhân không thành.

**1629.**

Vì lý do này (hay những lý do khác làm cho hôn nhân trở nên vô hiệu (x. CIC 1095-1107) , sau khi nhờ toà án xét duyệt hoàn cảnh đầy đủ, Hội Thánh có thể tuyên bố một hôn nhân nào đó là "vô hiệu", nghĩa là hôn nhân ấy trước đó đã không thành sự. Trong trường hợp này, hai người được tự do ký kết một hôn ước khác, dù vậy họ vẫn phải giữ những nghĩa vụ tự nhiên xuất phát từ dây ràng buộc trước (x. CIC 1071) .

**1630.**

Linh mục (hay phó tế), chứng giám nghi thức Hôn Phối, nhân danh Hội Thánh nhận lời ưng thuận của đôi hôn phối và chúc lành cho họ. Sự hiện diện của thừa tác viên Hội Thánh (và của những người làm chứng), cho thấy rõ ràng hôn nhân là một bậc sống trong Hội Thánh.

**1631.**

Vì lý do này, Hội Thánh thường đòi buộc các tín hữu phải kết hôn *theo thể thức của Hội Thánh* (x. CĐ Trentô: DS 1813-1816; CIC 1108). Qui định này có những lý do sau :

*1069.*

- hôn nhân là một *bậc sống* trong Hội Thánh, có những nghĩa vụ và quyền lợi giữa đôi vợ chồng và đối với con cái;

*1537.*

- bí tích Hôn Phối là một *hành vi phụng vụ*. Do đó, nên cử hành trong nghi thức phụng vụ công khai của Hội Thánh;
  - vì hôn nhân là một bậc sống trong Hội Thánh, nên phải có sự chắc chắn (vì thế buộc phải có những người làm chứng);
- 2365.
- việc công khai bày tỏ sự ưng thuận bảo vệ lời cam kết và giúp vợ chồng sống chung thủy.

### 1632.

*Chuẩn bị hôn nhân* là điều rất quan trọng để lời cam kết của đôi hôn phối trở thành một hành vi tự do và có trách nhiệm, cũng như hôn ước có được nền tảng tự nhiên và siêu nhiên, vững chắc và lâu dài :

2206.

Tấm gương và bài học của cha mẹ cũng như của các gia đình là bước chuẩn bị ưu tiên.

Các vị mục tử và cộng đoàn tín hữu được xem như là "gia đình Thiên Chúa", giữ một vai trò quan trọng không thể thay thế được trong việc chuyển giao giá trị tự nhiên và siêu nhiên của hôn nhân và gia đình (x. CIC 1063). Nhất là trong thời đại chúng ta, giới trẻ đã phải chứng kiến những cảnh gia đình tan vỡ, việc chuẩn bị lại càng khẩn thiết hơn :

2350.

Phải biết giáo dục thanh thiếu niên hợp thời và hợp cách về phẩm giá, phận sự và hành vi thể hiện tình yêu vợ chồng, nhất là trong chính khung cảnh gia đình. Nhờ đó, một khi đã được rèn luyện để giữ đức khiết tịnh, đến tuổi thích hợp, họ có thể tiến tới hôn nhân sau khi sống đúng đắn giai đoạn đính hôn ( x. GS 49,3).

## Hôn phối hỗn hợp và khác đạo

### 1633.

Trong nhiều quốc gia, thường có *những hôn phối hỗn hợp* (giữa người công giáo và người được rửa tội ngoài công giáo). Tình trạng này đòi các đôi vợ chồng cũng như các mục tử phải lưu tâm đặc biệt. Trong trường hợp *hôn phối khác đạo* (giữa người công giáo và người chưa được rửa tội) càng phải dè dặt hơn.

### 1634 817.

Hôn nhân hỗn hợp có thể gặp nhiều khó khăn, nhưng không phải là không thể vượt qua, nếu họ cố gắng kết hợp những gì đã lãnh nhận nơi cộng đoàn của họ và cùng nhau học hỏi để sống trung thành với Đức Ki-tô. Dầu vậy, không được coi thường những khó khăn trong hôn nhân hỗn hợp. Những khó khăn này xuất phát từ sự chia rẽ giữa các ki-tô hữu đến nay vẫn chưa giải quyết được. Đôi vợ chồng có thể cảm nghiệm thảm kịch các ki-tô hữu chia rẽ ngay trong gia đình của mình. Hôn nhân khác đạo còn gặp nhiều khó khăn hơn. Những bất đồng quan điểm về đức Tin và hôn nhân, cũng như những náo trạng tôn giáo khác nhau, có thể dẫn đến những căng thẳng trong gia đình, nhất là về việc giáo dục con cái. Một nguy hiểm khác là người ta có thể dừng dưng về tôn giáo.

### 1635.

Theo luật hiện hành của Giáo Hội La-tinh, Hôn Phối hỗn hợp chỉ hợp pháp khi có phép minh thị của giáo quyền ( x. CIC 1124), Hôn phối khác đạo chỉ thành sự khi có phép chuẩn minh thị ( x. CIC 1086.) . Muốn được phép hay được chuẩn, hai đương sự phải biết và chấp nhận những mục đích và đặc tính chính yếu của hôn nhân và bên công giáo xác nhận cam kết giữ đức tin của mình, bảo đảm cho con cái

được rửa tội và giáo dục trong Hội Thánh Công Giáo, cũng phải cho bên không công giáo biết rõ những điều ấy (x. CIC 1125).

#### **1636 821.**

Trong nhiều miền, nhờ đối thoại đại kết, một số cộng đoàn ki-tô hữu đã tổ chức *mục vụ chung cho các đôi hôn phối hỗn hợp*. Mục vụ này giúp các đôi vợ chồng này biết sống hoàn cảnh đặc biệt của họ dưới ánh sáng đức tin. Đồng thời, cũng giúp họ lướt thắng các căng thẳng giữa một bên là bổn phận vợ chồng đối với nhau và một bên là bổn phận đối với Giáo Hội của họ. Mục vụ này phải khuyến khích triển khai các điểm chung trong đức tin và tôn trọng những điều còn phân cách họ.

#### **1637.**

Trong trường hợp hôn phối khác đạo, bên công giáo có trách nhiệm đặc biệt : "Chồng ngoại đạo được thánh hoá nhờ vợ và vợ ngoại đạo được thánh hoá nhờ chồng có đạo" (1Cr 7,14). Thật là một niềm vui lớn cho bên công giáo và cho Hội Thánh nếu "việc thánh hoá này" đưa người không công giáo tự nguyện đón nhận đức tin Ki-tô giáo (x. 1Cr 7,16). Chính tình yêu hôn nhân chân thành, việc khiêm tốn và kiên nhẫn thực thi những nhân đức gia đình và siêng năng cầu nguyện có thể chuẩn bị cho người không có đạo được ơn làm con Chúa.

### **IV- HIỆU QUẢ CỦA BÍ TÍCH HÔN PHỐI**

#### **1638**

"Do hôn phối hữu hiệu, giữa vợ chồng phát sinh một mối dây ràng buộc vĩnh viễn và độc nhất tự bản chất. Ngoài ra, trong hôn phối Ki-tô giáo, do một *bí tích riêng biệt*, vợ chồng được củng cố và như thế được thánh hiến nhằm tới

thiên chức và những trách nhiệm của bậc sống" (x. CIC 1134).

## **Sự ràng buộc hôn nhân**

### **1639.**

Chính Thiên Chúa đóng ấn xác nhận lời giao ước qua đó hai người ưng thuận kết hôn, tự hiến cho nhau và đón nhận nhau (x. Mc 10,9). Từ hôn ước của họ "phát sinh một định chế vững chắc theo ý định của Thiên Chúa và có giá trị trước mặt xã hội" (x. GS 48,1). Hôn ước được liên kết với giao ước Thiên Chúa ký kết với nhân loại :

"Tình yêu vợ chồng đích thực được kết nhập trong tình yêu Thiên Chúa" (x. GS 48,2).

### **1640 2365.**

Như vậy *sự ràng buộc của hôn nhân* do chính Thiên Chúa liên kết nên hôn nhân thành sự và hoàn hợp, giữa hai người đã được rửa tội, không bao giờ được tháo gỡ. Dây liên kết này là kết quả của việc hai người tự nguyện kết hôn và do sự hoàn hợp của hôn phối. Đây là một thực tại không thể đảo ngược và trở thành một giao ước được Thiên Chúa Trung Tín bảo đảm. Hội Thánh không có quyền nói ngược lại sự an bài khôn ngoan của Thiên Chúa (x. CIC 1141).

## **Ân sủng bí tích Hôn Phối**

### **1641**

"Các đôi vợ chồng Ki-tô giáo được những ơn riêng cho bậc sống của mình trong Dân Chúa" (x. LG 11). Ân sủng đặc biệt của bí tích Hôn Phối kiện toàn tình yêu vợ chồng, củng cố sự hiệp nhất bất khả phân ly của họ. Nhờ ân sủng này, "họ giúp nhau nên thánh trong đời sống hôn nhân, trong việc đón nhận và giáo dục con cái" (x. LG 11; x.LG 41)

**1642 1615 796.**

Đức Kitô là nguồn mạch của ân sủng này. “Cùng như xưa Thiên Chúa đã có sáng lập

"Tôi sẽ múc đâu ra sức mạnh để mô tả cách đầy đủ về niềm hạnh phúc của cuộc hôn nhân được Hội Thánh lo liệu, được lễ dâng xác nhận, được lời chúc lành niềm ẩn, được các thiên thần công bố và được Cha trên trời chuẩn y... Có đôi bạn nào đẹp bằng đôi bạn Ki-tô hữu, được kết hiệp do cùng một niềm hy vọng, cùng một ước nguyện, cùng một nề nếp, cùng một công việc phục vụ. Cả hai cùng là con một Cha, cùng phục vụ một Chúa; không gì phân rẽ họ nổi, trong tinh thần cũng như trong xác thịt; ngược lại, họ là hai trong cùng một xác thịt. Ở đâu có cùng một xác thịt, cũng có cùng một tinh thần" (x. Tông Huấn Gia Đình 13).

## **V- ÍCH LỢI VÀ ĐÒI HỎI CỦA TÌNH YÊU HÔN NHÂN**

**1643 2361.**

"Tình yêu vợ chồng bao gồm một tổng thể trong đó có đủ mọi yếu tố cấu tạo nên ngôi vị : tiếng gọi của thân xác và của bản năng, sức mạnh của cảm tính và của lòng yêu mến, khát vọng của tinh thần và của ý chí; tình yêu thương ấy nhắm đến một sự hiệp nhất sâu xa về ngôi vị, không chỉ là sự kết hiệp thành một thân xác, nhưng là sự hiệp nhất đến độ chỉ còn một trái tim, một linh hồn; *tình yêu ấy đòi hỏi sự bất khả phân ly và trung tín* trao hiến cho nhau một cách dứt khoát, nó moi ra cho *việc sinh sản*. Tất một lời, đó chính là những yếu tố thông thường của tình yêu vợ chồng nhưng với một ý nghĩa mới mẽ một ý nghĩa không chỉ thanh luyện và củng cố những yếu tố ấy nhưng còn nâng chúng lên cao đến độ biến chúng thành lời diễn tả những giá trị đặc biệt của Kitô giáo" (x. Tông Huấn Gia Đình 13).

## Tính đơn nhất và bất khả phân ly của Hôn Nhân

### 1644.

Ngay tự bản chất, tình yêu vợ chồng đòi hỏi sự đơn nhất và bất khả phân ly cho cộng đoàn nhân vị bao trùm toàn bộ đời sống họ. "Họ không còn là hai, mà là một xương một thịt" (x. Mt 19,6; x St 2,24). "Họ được mời gọi không ngừng lớn lên trong tình hiệp thông với nhau qua việc trung thành mỗi ngày với lời cam kết hôn nhân là trao hiến trọn vẹn cho nhau" (x. Tông Huấn Gia Đình 19). Sự hiệp thông nhân vị này được củng cố, được thanh luyện, và hoàn thiện nhờ bí tích Hôn Phối đem lại sự hiệp thông trong Đức Ki-tô. Sự hiệp thông này càng thâm sâu hơn nhờ cùng chia sẻ một đức tin và cùng đón nhận Minh Thánh Chúa.

### 1645 369.

Phải nhìn nhận phẩm giá cá nhân bình đẳng giữa vợ chồng trong tình tương ái trọn vẹn để nhờ đó, biểu hiện rõ ràng tính đơn nhất của hôn nhân đã được Chúa xác nhận" (x. GS 49,2). *Tục đả thê* trái với phẩm giá bình đẳng này và với tình yêu vợ chồng, vì tình yêu vợ chồng có tính đơn nhất và độc hữu (x. Tông Huấn Gia Đình 19).

2364-2365

## Chung thủy trong tình yêu vợ chồng

### 1646

Tự bản chất, tình yêu hôn nhân đòi hỏi hai vợ chồng phải chung thủy. Đây là hệ quả của việc hai vợ chồng tự hiến cho nhau. Tình yêu đòi hỏi phải dứt khoát, không được tạm bợ. "Sự liên kết mật thiết vẫn là sự tự hiến của hai người cho nhau, cũng như lợi ích của con cái buộc hai vợ chồng phải hoàn toàn trung tín và đòi hỏi họ kết hợp với nhau bất khả phân ly" (x. GS 48,1).

**1647.**

Lý do sâu xa nhất đòi hỏi hai vợ chồng phải chung thủy, căn cứ trên sự trung tín của Thiên Chúa với giao ước của Người, sự trung tín của Đức Ki-tô với Hội Thánh. Nhờ bí tích Hôn Phối, hai vợ chồng được ban ơn để diễn tả và làm chứng cho sự trung tín ấy. Do bí tích, tính bất khả phân ly của hôn nhân tiếp nhận một ý nghĩa mới và sâu xa hơn.

**1648.**

Ràng buộc suốt đời với một người khác có thể là một điều khó và không thể thực hiện được. Do đó, cần phải loan báo Tin Mừng : Thiên Chúa đã yêu chúng ta bằng một tình yêu vĩnh viễn và không bao giờ rút lại; tình yêu vợ chồng được tham dự vào tình yêu này; tình yêu này hướng dẫn và nâng đỡ họ; nhờ chung thủy với nhau, họ có thể làm chứng nhân cho tình yêu trung tín của Thiên Chúa. Nhờ ân sủng của Thiên Chúa, những đôi vợ chồng sống chứng từ ấy, lắm lúc trong những hoàn cảnh rất khó khăn, đáng được cộng đoàn Hội Thánh biết ơn và nâng đỡ (x. Tông Huấn Gia Đình 20).

**1649 2383.**

Có những hoàn cảnh thực tế hai vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được vì nhiều lý do khác nhau. Trong những trường hợp này, Hội Thánh chấp nhận để họ ly thân và không sống chung nữa. Họ vẫn là vợ chồng trước mặt Thiên Chúa và không được tự do để kết hôn. Trong hoàn cảnh khó khăn, giải pháp tốt nhất, nếu có thể, là hòa giải với nhau. Cộng đoàn tín hữu được mời gọi giúp họ sống đời Ki-tô hữu trong hoàn cảnh ấy, trung thành với dây liên kết hôn nhân không thể tháo gỡ được (x. Tông Huấn Gia Đình 83; CIC, khoản 1151-1155).

### 1650 2384.

Nhiều người Công Giáo, ở một số quốc gia, đã *ly dị* và tái hôn theo luật đời. Hội Thánh trung thành với lời của Đức Ki-tô: "Ai bỏ vợ và cưới người khác, là phạm tội ngoại tình; ai bỏ chồng để lấy người khác thì cũng phạm tội ngoại tình" (x. Mc 10, 11-12). Nếu hôn nhân lần đầu đã thành sự, Hội Thánh không thể công nhận liên kết mới là thành sự. Nếu những người đã *ly dị*, tái hôn theo luật đời, họ rơi vào tình trạng khách quan đi ngược lại luật Thiên Chúa. Vì thế, bao lâu còn sống trong tình trạng này, họ không được rước lễ. Cũng vậy, họ không thể đảm nhận một số trách nhiệm trong Hội Thánh. Chỉ những người hối hận vì mình đã vi phạm đến dấu chỉ giao ước và sự trung thành với Đức Ki-tô, và cam kết sống tiết dục trọn vẹn, mới được giao hòa nhờ bí tích Thống Hối.

### 1651.

Đối với những tín hữu đang sống trong hoàn cảnh như vậy, vẫn giữ đức tin và ao ước giáo dục con cái theo tinh thần công giáo, linh mục và cộng đoàn phải có thái độ ân cần đặc biệt, để họ đừng coi như bị tách lìa khỏi Hội Thánh và nếp sống tín hữu mà họ có thể và phải giữ vì đã được rửa tội:

"Họ được mời gọi nghe Lời Chúa, tham dự hy tế thánh lễ, kiên trì cầu nguyện, góp phần vào các công cuộc bác ái và các sáng kiến của cộng đoàn để phục vụ công lý, giáo dục con cái trong đức tin công giáo, vun trồng tinh thần sám hối và làm các việc đền tội, để ngày qua ngày thành khẩn nài xin ân sủng Thiên Chúa (x. Tông Huấn Gia Đình 84).

2366-2367

**Sẵn sàng đón nhận con cái Chúa ban**

### 1652 972.

"Tự bản chất, chính định chế hôn nhân và tình yêu lựa đôi quy hướng về việc sinh sản và giáo dục con cái như chóp đỉnh hoàn thành hôn nhân" (x. GS 48, 1):

"Con cái là ân huệ cao quý nhất của hôn nhân và là sự đóng góp lớn lao kiến tạo hạnh phúc của cha mẹ. Thiên Chúa đã phán : "Đàn ông ở một mình không tốt" (St 2,18). Người là Đấng: "... từ buổi đầu, đã dựng nên một người nam và một người nữ" (Mt 19,4); chính Người muốn thông ban cho con người cộng tác một phần đặc biệt vào công việc tạo dựng của Người, Người đã chúc lành cho người nam và người nữ rồi nói: "Các người hãy tăng gia, sinh sản" (St 1,28). Do đó, việc thể hiện đích thực tình yêu vợ chồng cũng như toàn thể tổ chức đời sống gia đình phát sinh từ việc thể hiện ấy, đều nhằm giúp đôi vợ chồng can đảm sẵn sàng cộng tác với tình yêu của Đấng Tạo Hóa và Cứu Thế, mặc dù không loại bỏ các mục đích khác của hôn nhân. Nhờ đời sống lựa đôi, Người làm cho gia đình của Người ngày càng tiến triển và phong phú" (x.GS 50, 1).

### 1653 2231.

Tình yêu vợ chồng còn phong phú nhờ những hoa quả của đời sống luân lý, tinh thần và siêu nhiên được cha mẹ truyền cho con cái qua việc giáo dục (x. GE 3). Theo nghĩa này, mục tiêu nền tảng của hôn nhân và gia đình là phục vụ cho sự sống (x. Tông Huấn Gia Đình 28).

### 1654.

Những cặp vợ chồng không được Thiên Chúa ban cho có con cái, cũng vẫn có thể có được cuộc đời phu phụ đầy ý nghĩa, xét về nhân bản cũng như xét theo kitô giáo.

Cuộc hôn nhân của họ có thể toả sáng bằng sự phong phú của bác ái, đón nhận và hy sinh.

## **VI. GIA ĐÌNH LÀ HỘI THÁNH THU NHỎ**

### **1655 759**

Đức Ki-tô đã muốn sinh ra và lớn lên trong gia đình thánh Giu-se và Mẹ Ma-ri-a. Hội Thánh là "gia đình của Thiên Chúa". Ngay từ đầu, Hội Thánh được hình thành thường từ những người "cùng với cả gia đình", trở thành tín hữu (x. Cv 18,8). Khi theo đạo, họ ao ước cho "cả nhà" được ơn cứu độ (x. Cv 16,3; 11,14). Những gia đình tín hữu này là những hòn đảo mang sự sống Ki-tô giữa một thế giới ngoại giáo.

### **1656 2204**

Ngày nay, trong một thế giới thường hững hờ và có khi thù nghịch với đức tin, các gia đình tín hữu có tầm quan trọng hàng đầu, vì đó là những lò đức tin sống động và toả sáng. Bởi vậy, công đồng Vaticanô II đã gọi gia đình với danh xưng cổ xưa là "*Giáo Hội tại gia*". Chính trong các gia đình, các bậc làm cha mẹ "bằng lời nói và gương sáng (...) đang là những vị rao giảng đức tin đầu tiên, cho con cái họ, phục vụ cho ơn gọi riêng của mỗi đứa con, đặc biệt là ơn gọi linh thánh. (LG 11).

### **1657 1268 2214 2685.**

Gia đình là nơi thể hiện đặc biệt chức tư tế cộng đồng của người cha, người mẹ, con cái và mọi phần tử trong gia đình, "nhờ lãnh nhận các bí tích, kinh nguyện và tạ ơn, chứng từ đời sống thánh thiện, hy sinh và đức ái hữu hiệu" (x. LG 10). Gia đình là trường học đầu tiên về đời sống Ki-tô giáo và là "một trường học phát triển nhân tính" (x. GS 52,1). Chính trong gia đình, người ta học biết làm việc với sự nhẫn

nại và niềm vui, yêu thương huynh đệ, quảng đại tha thứ luôn, nhất là phụng thờ Thiên Chúa qua kinh nguyện và hy lễ đời sống.

### **1658 2231 2233.**

Chúng ta cũng phải nhớ đến một số người, vì những hoàn cảnh sống cụ thể - thường là không muốn - phải sống hết sức gần gũi với Trái Tim Chúa Giê-su và đáng được Hội Thánh nhất là các mục tử, yêu thương cũng như đặc biệt quan tâm chăm sóc; đó là số đông *những người sống độc thân*. Nhiều người trong số này thường vì nghèo đã *không thể lập gia đình*. Có người đảm nhận cuộc sống này trong tinh thần Tám Mối Phúc Thật, phụng sự Thiên Chúa và anh em một cách gương mẫu. Tất cả những người này phải được các gia đình là "Hội Thánh thu nhỏ" và gia đình lớn là "Hội Thánh" mở rộng cửa nhà đón tiếp. Trên đời này, không ai là không có gia đình : "Hội Thánh là nhà và là gia đình của tất cả mọi người, đặc biệt của những người "lao nhọc và gánh nặng" (Mt 11,28)" (x. Tông huấn Gia Đình 85).

## ***TÓM LƯỢC***

### **1659.**

*Thánh Phao-lô nói : "Người làm chồng hãy yêu thương vợ như Đức Ki-tô đã yêu thương Hội Thánh ... Mà nhiệm vụ này thật cao cả, Tôi muốn nói về Đức Ki-tô và Hội Thánh" (Ep 5,25.32).*

### **1660.**

*Hôn ước mà nhờ đó người nam và người nữ tạo nên một cộng đồng sự sống và tình yêu, đã được Đấng Sáng Tạo thiết lập và phú cho những luật riêng. Tự bản chất, hôn nhân hướng đến thiện ích của đôi vợ chồng, việc sinh sản và giáo dục con cái. Hôn nhân giữa những người đã chịu phép thánh*

tẩy được Chúa Ki-tô nâng lên hàng bí tích (x. GS 48,1; CIC 1055, 1).

**1661.**

*Bí tích Hôn Phối biểu thị sự hợp nhất giữa Đức*

**1662.**

*Hôn nhân đặt nền tảng trên sự ưng thuận của cả hai bên kết ước, nghĩa là trên ý muốn dứt khoát hiến thân cho nhau để sống giao ước tình yêu chung thủy và phong phú.*

**1663.**

*Hôn nhân đưa những người phối ngẫu vào một bậc sống trong Hội Thánh. Vì thế, nên cử hành hôn nhân cách công khai trong khung cảnh của một cử hành phụng vụ trước sự chứng kiến của linh mục (hay chứng nhân theo qui định của Hội Thánh), những người làm chứng và cộng đoàn tín hữu.*

**1664.**

*Đặc tính chính yếu của hôn nhân là đơn nhất, bất khả phân ly và đón nhận con cái. Tục đa thê nghịch lại tính đơn nhất của hôn nhân. Ly dị là phân ly điều Thiên Chúa phối hợp. Từ chối sinh sản, đời sống hôn nhân mất đi "hồng ân cao quý nhất" là con cái (x. GS 50,1).*

**1665.**

*Việc tái hôn của những người đã ly dị khi người phối ngẫu còn sống, nghịch lại ý định và lề luật của Thiên Chúa mà Chúa Ki-tô đã dạy. Những người này không bị tách ra khỏi Hội Thánh, nhưng không được rước lễ; họ vẫn sống đời Ki-tô hữu, nhất là giáo dục con cái trong đức tin.*

**1666.**

*Gia đình tín hữu là nơi con cái tiếp nhận nền móng đức tin. Vì vậy, gia đình được gọi rất đúng là Hội Thánh thu nhỏ" hay "Hội Thánh tại gia", cộng đồng ân sủng và cầu nguyện, trường học phát triển các đức tính tự nhiên và đức mến Ki-tô giáo.*

## CHƯƠNG BỐN

# NHỮNG CỬ HÀNH PHỤNG VỤ KHÁC

### Mục 1

## CÁC Á BÍ TÍCH

### 1667.

"Mẹ Hiền Hội Thánh đã thiết lập những á bí tích. Đây là những dấu chỉ thánh, vì một phần nào phỏng theo những bí tích, nhờ đó biểu trưng những hiệu quả - nhất là những hiệu quả thiêng liêng - và thông ban hiệu quả đó nhờ lời bầu cử của Hội Thánh. Nhờ các á bí tích, con người chuẩn bị lãnh nhận hiệu quả chính yếu của các bí tích và thánh hóa những hoàn cảnh khác biệt trong cuộc sống" (x. SC 60; CIC 1166; CCEO 867).

### Những đặc điểm của Á bí tích

### 1668 699,2157.

Hội Thánh thiết lập các á bí tích để thánh hoá một số thừa tác vụ trong Hội Thánh, một số bậc sống, những hoàn cảnh rất đa dạng của đời ki-tô hữu, và cả việc sử dụng những vật hữu ích cho con người. Theo quyết định mục vụ của các giám mục, á bí tích còn được dùng để đáp ứng với những nhu

cầu, với văn hóa và lịch sử riêng của dân Ki-tô giáo trong một vùng hay một thời đại. Á bí tích luôn luôn gồm một kinh nguyện, kèm theo thường là một dấu chỉ xác định như đặt tay, dấu thánh giá, rảy nước thánh (để nhắc lại bí tích Thánh Tẩy).

#### **1669 784 2626.**

Các á bí tích bắt nguồn từ chức tư tế cộng đồng : mọi Ki-tô hữu đều được mời gọi trở nên một lời "chúc lành" (x. St 12,2) của Thiên Chúa và có khả năng chúc lành (x. Lc 6,28; Rm 12,14; 1Pr 3,9). Vì thế, người giáo dân có thể chủ sự một số nghi thức chúc lành (x. SC 79; CIC 1168). Các nghi thức chúc lành càng liên quan đến đời sống Hội Thánh và bí tích, càng dành riêng cho các thừa tác viên có chức thánh chủ sự ( giám mục, linh mục và phó tế (x. Gv 16;18).

#### **1670 1218,2001.**

Các á bí tích không ban ơn Thánh Thần như các bí tích, nhưng nhờ lời cầu của Hội Thánh, chuẩn bị chúng ta đón nhận ân sủng và giúp chúng ta "cộng tác với ân sủng". "Đối với các tín hữu đã được chuẩn bị chu đáo, hầu hết mọi biến cố trong cuộc đời đều được thánh hóa nhờ thánh ân xuất phát từ mầu nhiệm Phục Sinh của Chúa Ki-tô, Đấng đã chịu nạn, chịu chết và sống lại. Chính người là nguồn mạch ban năng lực cho tất cả các bí tích và á bí tích. Hầu như không có việc sử dụng của cải vật chất chính đáng nào lại không thể đưa tới mục đích thánh hóa con người và ca ngợi Thiên Chúa" (x. SC 61).

### **Những hình thức đa dạng của á bí tích**

#### **1671 1078.**

Trong số các á bí tích, đứng đầu là các sự chúc lành (cho con người, cho bàn ăn, cho các sự vật và các nơi chốn).

Bất cứ sự chúc lành nào cũng đều là lời ngợi khen Thiên Chúa và là lời cầu xin các hồng ân của Ngài. Trong Chúa Kitô, các kitô hữu được chúc lành bởi Thiên Chúa Cha “bằng tất cả mọi thứ chúc lành thiêng liêng” (Ep 1,3). Bởi vậy Giáo hội ban phép lành bằng cách kêu cầu Danh thánh Chúa Giêsu và thường có kèm dấu Thánh Giá của Chúa Kitô.

### **1672** 923 925, 903.

Một số những chúc lành có tầm vóc lâu dài: đó là để thánh hiến cho Thiên Chúa những con người, và để dành một số đồ vật và nơi chốn cho việc cử hành phụng vụ. Trong số những chúc lành cho con người (đừng lộn với sự truyền chức thánh là một bí tích) có: sự chúc lành cho một viện phụ (hoặc một nữ viện phụ) của một đan viện, - sự thánh hiến các trinh nữ, - nghi thức tuyên khấn dòng, - và những chúc lành cho một số thừa tác vụ trong Giáo Hội (chức đọc sách, chức giúp lễ, các giáo lý viên...). Về sự chúc lành cho các đồ vật, có thể nêu ra sự cung hiến hoặc làm phép một nhà thờ hay một bàn thờ, làm phép các dầu thánh, các quả chuông, v.v.

### **1673** 395 550 1237.

Trong nghi thức Trừ Tà, nhân danh Chúa Ki-tô, Hội Thánh công khai và có thẩm quyền cầu xin để một người hay một sự vật được Thiên Chúa bảo vệ khỏi quyền lực của ác thần Xa-tan và giải thoát khỏi ách thống trị của nó. Chúa Giê-su đã từng trục xuất thần dữ (x. Mc 1,25 tt); chính Người ban cho Hội Thánh quyền và nhiệm vụ trừ tà (x. Mc 3, 15;6,7.13;16,17). Nghi thức cử hành bí tích Thánh Tẩy có công thức Trừ Tà đơn giản. Nghi Thức Trừ Tà trọng thể phải do một linh mục cử hành với phép của giám mục. Linh mục trừ tà phải thận trọng và giữ nghiêm ngặt các qui định của Hội Thánh. Nghi thức Trừ Tà nhằm trục xuất ác thần Xa-tan và giải thoát khỏi ảnh hưởng của nó, nhờ quyền thiêng liêng Chúa Giê-su đã ủy thác cho Hội Thánh. Mục đích này khác

hắn với các việc chữa bệnh, nhất là các bệnh tâm thần : chữa bệnh là công việc của y khoa. Do đó, trước khi cử hành nghi thức Trừ Tà, phải điều tra cẩn thận để chắc chắn đây là trường hợp quý ám chứ không phải một dạng bệnh lý (x. CIC 1172).

**1674 688 2669,2678.**

Ngoài phụng vụ bí tích và các á bí tích, huấn giáo còn phải kể đến những hình thức đạo đức của các tín hữu. Trong mọi thời, cảm thức của dân thánh được diễn đạt bằng những hình thức đạo đức đa dạng, quy tụ quanh đời sống bí tích của Hội Thánh, như tôn kính các thánh tích, viếng các thánh điện, hành hương, rước kiệu, dâng thánh giá, các vũ điệu tôn giáo, lần chuỗi, đeo ảnh thánh... (x. CĐ Ni-xê-a 2: DS 601;603; CĐ Trentô: DS 1822)

**1675**

Những hình thức đạo đức này nối dài chứ không thay thế đời sống phụng vụ của Hội Thánh : "Phải chiếu theo các mùa phụng vụ mà xếp đặt các việc ấy hòa hợp với Phụng Vụ Thánh, để có thể coi là phát xuất từ phụng vụ và tiến dẫn dân chúng đến với phụng vụ; vì tự bản chất, phụng vụ vượt xa các việc ấy" (x. SC 13).

**1676 426.**

Các mục tử phải nhận định để nâng đỡ và cổ vũ những việc đạo đức; trong trường hợp cần thiết, phải thanh luyện và điều chỉnh cảm thức tôn giáo ẩn tàng dưới những hình thức này, để dân thánh hiểu rõ hơn mầu nhiệm Chúa Kitô. Khi thi hành những hình thức đạo đức này, phải tuân theo các chỉ thị của giám mục và hợp với những tiêu chuẩn chung của Hội Thánh (x. CT 54).

"Các việc đạo đức chủ yếu là một tập hợp những giá trị nhằm đáp ứng các vấn nạn lớn của cuộc sống, theo sự khôn ngoan Ki-tô giáo. Óc thực tiễn của người dân Ki-tô có khả năng nhận định tổng quát về cuộc sống. Do đó, họ có thể hòa hợp một cách sáng tạo những gì thuộc về Thiên Chúa và những gì thuộc về con người, Chúa Ki-tô và Đức Ma-ri-a, tinh thần và thể xác, hiệp thông và định chế, cá nhân và cộng đoàn, đức tin và tổ quốc, lý trí và tình cảm. Nguồn khôn ngoan này là một nền nhân bản Ki-tô giáo khẳng định triệt để phẩm giá con Thiên Chúa của từng người, xây dựng một tình huynh đệ căn bản, dạy chúng ta sống hòa hợp với thiên nhiên, cũng như hiểu giá trị lao động, đem lại cho ta những lý do để sống vui và thoải mái ngay giữa các cam go của cuộc đời. Đối với dân thánh, nguồn khôn ngoan này còn là một nguyên lý để nhận định, một "bản năng Tin Mừng" giúp dân thánh nhận ra ngay tức khắc. Khi nào Hội Thánh phục vụ cho Tin Mừng và khi nào Hội Thánh dùng Tin Mừng để phục vụ cho những bận tâm khác" (x. Văn kiện Puebla; x. EN 48).

## **TÓM LƯỢC**

**1677.**

*Á bí tích là những dấu chỉ thánh, được Hội Thánh thiết lập để chuẩn bị cho con người đón nhận hiệu quả của các bí tích và thánh hóa những hoàn cảnh đa dạng của cuộc sống.*

**1678.**

*Trong những á bí tích, các phép lành có một vị trí đặc biệt : vừa là lời ca ngợi Thiên Chúa vì những kỳ công và hồng ân Người dành cho chúng ta; vừa là lời Hội Thánh*

*chuyển cầu để chúng ta sử dụng những hồng ân của Thiên Chúa theo tinh thần Tin Mừng.*

**1679.**

*Ngoài phụng vụ, đời sống Ki-tô hữu còn được nuôi dưỡng bằng những việc đạo đức đa dạng, bắt nguồn từ những nền văn hóa khác biệt. Hội Thánh luôn tỉnh thức, dùng ánh sáng đức tin soi sáng những việc đạo đức này. Hội Thánh cổ vũ những việc đạo đức có tinh thần Tin Mừng và sự khôn ngoan nhân bản, góp phần làm phong phú đời sống Ki-tô hữu.*

## MỤC 2

### LỄ NGHI AN TÁNG KITÔ GIÁO

**1680 1525.**

Tất cả các bí tích, nhất là các bí tích khai tâm Ki-tô giáo, đều hướng tới mục tiêu là cuộc Vượt Qua cuối cùng dẫn đưa người con Thiên Chúa vượt qua sự chết, vào Đời Sống trong Nước Trời. Những điều người tín hữu tuyên xưng trong đức tin và hy vọng "tôi đợi trông ngày kẻ chết sống lại, và sự sống đời sau", lúc đó được hoàn tất trọn vẹn (x. Kinh Tin Kính của CĐ Ni-xê-a Công-tăng-ti-nô-pô-li).

#### I. CUỘC VƯỢT QUA CUỐI CÙNG CỦA KI-TÔ HỮU

**1681 1010-1014.**

Đối với Ki-tô hữu, ý nghĩa sự chết được mặc khải trong ánh sáng của *mầu nhiệm Vượt Qua*, mầu nhiệm Tử Nạn và Phục Sinh của Đức Ki-tô, Đấng đem lại cho chúng ta niềm hy vọng duy nhất. Người ki-tô hữu được cùng chết với

Đức Ki-tô, "liã bỏ thân xác này để được ở bên Chúa" (x. 2 Cr 5,8).

**1682.**

Đôi với Ki-tô hữu, chết là *kết thúc đời sống bí tích*, là khởi đầu sự viên mãn của cuộc tái sinh đã bắt đầu nơi bí tích Thánh Tẩy, là nên "giống" hoàn toàn với "hình ảnh Con Thiên Chúa" nhờ Thánh Thần xúc dầu và nhờ tham dự Bàn Tiệc Nước Trời đã được tiên dự trong bí tích Thánh Thể; cho dù người đó còn cần thanh luyện trước khi được mặc áo tinh tuyền vào dự tiệc cưới Con Chiên.

**1683 1020 627.**

Như người mẹ hiền, Hội Thánh đã dùng các bí tích cuu mang người tín hữu suốt cuộc lữ hành trần thế, nay cũng đồng hành đến cuối đường để trao họ lại "trong tay Chúa Cha". Trong Đức Ki-tô, Hội Thánh dâng lên Chúa Cha đũa con của ân sủng, và trong hy vọng gửi lại lòng đất hạt giống thân xác sẽ chỗi dậy vinh quang (x. 1Cr 15,42-44). Nghi thức phó dâng này được cử hành long trọng trong thánh lễ; kèm theo các á bí tích là những nghi thức làm phép trước và sau thánh lễ.

## II. CỬ HÀNH LỄ NGHI AN TÁNG

**1684.**

Lễ an táng theo nghi thức Ki-tô giáo là một cử hành phụng vụ của Hội Thánh. Chính vì vậy Hội Thánh muốn vừa diễn tả sự hiệp thông hữu hiệu với *người đã qua đời*, vừa giúp *cộng đoàn* tham dự mầu nhiệm hiệp thông này và công bố niềm tin vào sự sống đời sau.

**1685.**

Trong Hội Thánh, để diễn tả *đặc tính Vượt Qua* nơi cái chết của Ki-tô hữu, có những lễ nghi an táng khác nhau, tùy theo những hoàn cảnh và truyền thống từng miền, ngay cả về màu sắc phụng vụ (x. SC 81).

### **1686.**

Sách *Lễ Nghi An Táng* của Phụng vụ Rô-ma đề ra *ba mẫu cử hành*, tương ứng với ba địa điểm (tại nhà tang, tại nhà thờ và ở nghĩa trang), và để tùy theo tâm tình của gia đình, theo các phong tục địa phương, theo văn hóa và lòng đạo đức. Tuy nhiên, tất cả các truyền thống phụng vụ đều có chung diễn tiến, gồm bốn thì chính :

### **1687.**

*Đón Tiếp*. Khởi đầu nghi thức là một lời chào đầy lòng tin tưởng. Vị chủ sự đón tiếp thân nhân người quá cố bằng một lời "an ủi" (theo Tân Ước : Sức mạnh của Thánh Thần đem lại niềm an ủi trong hy vọng) (x. 1Tx 4,18). Cộng đoàn tập hợp để cầu nguyện, chờ đợi "những lời ban phúc trường sinh" (x. Ga 6,68). Cái chết của một thành viên trong cộng đoàn (hay ngày giỗ tính theo tuần, tháng, hay năm của người đó) là một biến cố nhắc nhở các tín hữu phải vượt qua những cách nhìn của "thế gian này" và hướng đến những viễn ảnh chân thực trong đức tin vào Đức Ki-tô Phục Sinh.

### **1688.**

*Phụng vụ Lời Chúa* trong lễ nghi an táng, cần được chuẩn bị chu đáo, vì cộng đoàn hiện diện có thể gồm các tín hữu ít tham dự phụng vụ, và cả những thân hữu của người quá cố không phải Ki-tô hữu. Đặc biệt, bài giảng "không được theo hình thức điều văn" (x. Sách Lễ Nghi An Táng 41), và phải trình bày màu nhiệm sự chết dưới ánh sáng Đức Ki-tô Phục Sinh.

**1689 1371 958.**

Phụng vụ *Thánh Thể* khi lễ nghi an tang cử hành trong nhà thờ, bí tích Thánh Thể là tâm điểm của thực tại Vượt Qua nơi cái chết của Ki-tô hữu (x. Sách Lễ Nghi An Táng 1). Trong thánh lễ, Hội Thánh bày tỏ sự hiệp thông hữu hiệu của mình với người quá cố : khi dâng lên Chúa Cha, trong Chúa Thánh Thần, hy tế cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Đức Ki-tô, Hội Thánh cầu xin Cha cho người con của mình được thanh luyện khỏi mọi tội lỗi, được tha mọi hình phạt, và được nhận vào bàn tiệc trong nước Chúa (x. Sách Lễ Nghi An Táng 57). Nhờ bí tích Thánh Thể, cộng đoàn tín hữu, nhất là gia đình người quá cố, học sống hiệp thông với người "đã an nghỉ trong Chúa", bằng cách rước Mình Thánh Chúa mà người đó đang là một chi thể sống động, để rồi cầu nguyện cho và cùng với người đó.

**1690 2300.**

Nghi thức *từ biệt người quá cố* lần cuối cùng là lời Hội Thánh "phó dâng người này cho Chúa". "Cộng đoàn Ki-tô hữu chào từ biệt lần cuối cùng một chi thể của mình, trước khi xác người đó được mai táng" (x. Sách Lễ Nghi An Táng 10). Truyền thống By-zan-tin diễn tả ý nghĩa này bằng cái hôn từ biệt người quá cố :

"Bằng lời chào cuối cùng này, chúng tôi hát tiễn người ra đi khỏi cuộc đời này và hát bài chia ly, cũng là bài hiệp thông và tái ngộ. Đúng vậy, cái chết không hề chia lìa chúng tôi, vì tất cả chúng tôi đang đi cùng một đường và sẽ gặp lại nhau ở cùng một nơi. Chúng tôi sẽ không bao giờ bị chia cách, vì đang sống cho Đức Ki-tô và giờ này đang được kết hiệp với Người, đang đi gặp Người...Tất cả chúng tôi sẽ đoàn tụ trong Đức Ki-tô" (x. Thánh Si-mê-on thành Thê-xa-lô-ni-ca, Sep. ).

## PHẦN THỨ BA

### SỰ SỐNG TRONG CHÚA KITÔ

*Phần chính của thạch mộ Junius Bassus được tìm thấy phía dưới tòa giải tội của đền thờ thánh Phê-rô tại Rô-ma, đề năm 359.*

Đức Ki-tô vinh hiển, được trình bày rất trẻ (dấu chỉ thiên tính của Người), ngồi trên ngai trời, đạp trên thần trời Ouranos của dân ngoại. Vây quanh Người là hai tông đồ Phê-rô và Phao-lô. Cả hai hướng về Đức Ki-tô và nhận lãnh hai cuốn Luật mới.

Như xưa ông Mô-sê đã nhận lãnh Luật cũ nơi Thiên Chúa trên núi Xi-nai, nay các tông đồ, được đại diện bởi hai vị đứng đầu, nhận nơi Đức Ki-tô, Con Thiên Chúa, Chúa trời đất, Luật Mới, không còn được viết trên những bia đá nữa nhưng được Thánh Thần khắc ghi trong tâm hồn các tín hữu. Đức Ki-tô ban cho ta sức mạnh để sống "đời sống mới" (k. 1697). Người đến để kiện toàn trong ta điều Người đã dạy vì thiện ích của ta (x. k 2074)

#### **1691 790.**

"Hỡi các Ki-tô hữu, hãy nhận biết phẩm giá của mình. Nay anh em đã được tham dự vào bản tính Thiên Chúa, đừng quay lại cuộc sống thấp hèn trước kia. Hãy nhớ Thủ Lãnh của anh em là Đức Ki-tô và anh em là chi thể của Hội Thánh. Đừng quên anh em đã được giải thoát khỏi quyền lực tối tăm và được đưa vào trong ánh sáng Nước Thiên Chúa" (T. Lê-ô cả, bài giảng 21, 2-3).

#### **1692.**

Trong kinh Tin Kính, chúng ta tuyên xưng công trình sáng tạo là hồng ân cao cả Thiên Chúa ban cho con người, nhưng hồng ân cứu chuộc và thánh hóa còn cao cả hơn nữa. Các bí tích thông ban cho chúng ta điều chúng ta tin tưởng tuyên xưng : nhờ "các bí tích tái sinh", các ki-tô hữu trở nên "con cái Thiên Chúa" (x. Ga 1,12; 1Ga 3,1 ), "tham dự vào bản tính Thiên Chúa"(x. 2Pr 1,4). Khi lấy đức tin mà nhìn nhận phẩm giá mới của mình, các Ki-tô hữu được mời gọi "ăn ở xứng đáng với Tin Mừng" (x. Pl 1,27). Nhờ các bí tích và kinh nguyện, họ nhận được ân sủng của Đức Ki-tô và các hồng ân Chúa Thánh Thần, để có thể sống đời sống mới này.

### **1693.**

Đức Giê-su Ki-tô luôn làm điều đẹp lòng *Chúa Cha* (x. Ga 8,29 ). Người luôn sống hiệp thông trọn vẹn với Cha. Cũng vậy, Người mời gọi các môn đệ sống trước thánh nhan Cha, "Đấng thấu suốt những gì bí ẩn" (x. Mt 6,6 ), để trở nên "hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện" (Mt 5,48).

### **1694** 1267.

Nhờ bí tích Thánh Tẩy ( x. Rm 6,5 ), các Ki-tô hữu được tháp nhập vào *Đức Ki-tô*; họ "chết đời với tội lỗi nhưng sống cho Thiên Chúa, trong Đức Ki-tô Giê-su" ( x. Rm 6,11 ). Như thế, họ tham dự vào sự sống của Đấng Phục Sinh. Khi bước theo Đức Ki-tô và kết hiệp với Người (x. Ga 15,5 ), các tín hữu "bắt chước Thiên Chúa, vì là con cái được Người yêu thương và sống trong tình bác ái" (Ep 5,1), bằng việc uốn nắn ý nghĩ, lời nói và việc làm của mình theo "những tâm tình như chính Đức Ki-tô Giê-su" (Pl 2,5) và noi gương bắt chước Người ( x. Ga 13,12-16 ).

### **1695.**

Các Ki-tô hữu được "nên công chính nhờ danh Đức Giê-su Ki-tô và nhờ Thánh Thần của Thiên Chúa" ( x 1Cr

6,11 ), được "thánh hóa" và "được kêu gọi nên thánh" ( x. 1Cr 1,2 ), họ trở nên "*đền thờ Chúa Thánh Thần*" (1Cr 6,19). Chính "Thánh Thần của Chúa Con" dạy họ cầu nguyện với Chúa Cha ( x. Ga 4,6 ). Khi trở nên sự sống của họ, Người thúc đẩy họ hành động ( x. Ga 5,25 ) để mang lại "hoa quả của Thánh Thần" (Gl 5,22) nhờ thể hiện đức ái. Khi Chúa Thánh Thần chữa chúng ta khỏi các vết thương do tội lỗi, Người canh tân nội tâm chúng ta "trong Thần Khí" ( x. Ep 4,23 ), soi sáng và củng cố để chúng ta sống như "con cái sự sáng" ( x. Ep 5,8 ), nhờ "luong thiện, công chính và chân thật" trong mọi chuyện (Ep 5,9).

### **1696 1970.**

Đường của Đức Ki-tô "dẫn đến sự sống", trong khi con đường đối nghịch "đưa đến diệt vong" (Mt 7,13) ( x. Đnl 30,15-20 ). Dụ ngôn Tin Mừng về *hai con đường* luôn luôn hiện diện trong huấn giáo của Hội Thánh. Nó cho thấy những quyết định luân lý quan trọng thế nào đối với phần rỗi của chúng ta. "Có hai con đường, một dẫn đến sự sống, một dẫn đến sự chết : hai bên khác nhau một trời một vực (Didaché 1,1)".

### **1697.**

Trong *huấn giáo*, cần phải làm nổi bật niềm vui gặp được cũng như những đòi hỏi mà con đường của Đức Ki-tô đặt ra (x. CT 29 ). Huấn giáo về "đời sống mới" (x. Rm 6,4 ) trong Đức Ki-tô phải là :

737tt

- Một *huấn giáo về Chúa Thánh Thần*, vị Thầy nội tâm về đời sống theo Đức Ki-tô, người khách trọ ngụ hiền và người bạn soi sáng, hướng dẫn, sửa chữa và củng cố đời sống mới này.

1938tt.

- Một *huấn giáo về ân sủng*, vì chính nhờ ân sủng mà chúng ta được cứu độ, cũng chính nhờ ân sủng mà các hoạt động của chúng ta mang lại hoa trái cho đời sống vĩnh cửu.

1716tt

- Một *huấn giáo về các mối phúc thật* : Các mối phúc thật tóm tắt con đường của Đức Ki-tô, con đường duy nhất dẫn đến hạnh phúc đời đời mà lòng người hằng khao khát.

184tt.

- Một *huấn giáo về tội lỗi và ơn tha thứ*. Nếu không nhận biết mình là tội nhân, con người không thể nhận ra chân lý về bản thân. Chân lý này là điều kiện để hành động đúng. Nếu Thiên Chúa không ban ơn tha thứ, con người không thể chấp nhận nỗi chân lý này.

1803t.t

- Một *huấn giáo về các đức tính nhân bản* giúp con người nhận ra nét đẹp và hấp dẫn của việc sẵn sàng làm điều tốt.

1812.

- Một *huấn giáo về các nhân đức Ki-tô giáo* : tin cậy, mến - được khởi hứng cách tuyệt vời bằng gương mẫu các thánh.

2067.

- Một *huấn giáo về giới răn mến Chúa yêu người* được khai triển trong Thập Giới.

946tt.

- Một *huấn giáo về Hội Thánh*, vì chính nhờ những trao đổi đa dạng "các gia sản thiêng liêng" trong màu nhiệm "các thánh thông công" mà đời sống Ki-tô hữu được tăng trưởng, phát triển và thông truyền cho nhau .

**1698 426.**

Điểm qui chiếu đầu tiên và cuối cùng của một huấn giáo như vậy luôn luôn phải là chính Đức Giê-su Ki-tô, Đấng là "con đường, là sự thật, và là sự sống" (Ga 14,6). Khi lấy đức tin mà nhìn Đức Ki-tô, các tín hữu có thể hy vọng chính Người sẽ thực hiện nơi họ những điều Người đã hứa. Còn khi yêu mến Người bằng tình yêu Người đã yêu mến họ, họ thực hiện được những việc phù hợp với phẩm giá của mình :

"Tôi xin anh em hãy coi Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, là thủ lãnh thật của anh em và anh em là chi thể của Người. Người thuộc về anh em như đầu thuộc về các chi thể. Mọi sự của Người là của anh em. Tinh Thần của Người, trái tim của Người, thân thể của Người, linh hồn và tất cả khả năng của Người. Anh em phải sử dụng những gì của Người như của riêng anh em để phục vụ, ca ngợi, yêu mến và tôn vinh Thiên Chúa. Anh em thuộc về Người, như chi thể thuộc về đầu. Cũng vậy, Người ao ước sử dụng tất cả những gì của anh em, như thể là của riêng Người để phục vụ và tôn vinh Cha của Người (T.Gioan Eude,Thánh Tâm Chúa Giêsu, 1,5)".

"Đối với tôi, sống là Đức Ki-tô"(Pl 1,21)

## ĐOẠN THỨ NHẤT

# ƠN GỌI CỦA CON NGƯỜI - SỐNG TRONG THÁNH THẦN

**1699.**

Đời sống trong Thánh Thần kiện toàn ơn gọi làm người (*chương một*). Đó là sống trong tình yêu mến Thiên Chúa và liên đới với mọi người (*chương hai*). Thiên Chúa ban tặng đời sống này để đưa ta đến ơn cứu độ (*chương ba*).

## CHƯƠNG MỘT

### PHẨM GIÁ CỦA NHÂN VỊ CON NGƯỜI

**1700 356 1439.**

Phẩm giá con người bắt nguồn từ việc con người được sáng tạo theo hình ảnh và giống Thiên Chúa (*mục 1*). Phẩm giá này được kiện toàn trong ơn gọi đến hưởng hạnh phúc với Thiên Chúa (*mục 2*). Con người có trách nhiệm dùng tự do đạt tới sự viên mãn ấy (*mục 3*). Bằng những hành vi có ý thức (*mục 4*), con người quy hướng, hay không, vào những gì tốt đẹp. Thiên Chúa hứa ban và lương tâm công nhận (*mục 5*). Con người sử dụng toàn thể đời sống giác quan và tinh thần làm chất liệu để xây dựng bản thân và tăng trưởng nội tâm (*mục 6*). Nhờ ân sủng trợ giúp, con người tiến triển trên đường nhân đức (*mục 7*), xa lánh tội lỗi và nếu lỡ phạm tội như người con hoang đàng (x. Lc 15,11-31), biết phó thác vào lòng thương của Cha Trên Trời (*mục 8*). Nhờ đó, con người đạt tới đức ái hoàn hảo.

## Mục 1

# CON NGƯỜI HÌNH ẢNH CỦA THIÊN CHÚA

### 1701 359.

"Khi mặc khải mẫu nhiệm Chúa Cha và tình yêu của Người, Đức Ki-tô đã cho con người biết rõ về chính bản chất của họ và tỏ cho họ biết thiên chức rất cao cả của họ" (x. GS 22,1). Trong Đức Ki-tô "hình ảnh của Thiên Chúa vô hình"(Cl 1,15) (x. 2Cr 4,4), con người được tạo dựng "theo hình ảnh và giống" Đấng Sáng Tạo. Hình ảnh này đã bị nguyên tội làm biến dạng, nay được phục hồi về đẹp nguyên thủy trong Đức Ki-tô. Đấng Cứu Chuộc và Cứu Độ, và còn được ân sủng Thiên Chúa làm tăng thêm vẻ rực rỡ (x. GS,2).

### 1702 1878.

Mỗi con người đều mang hình ảnh Thiên Chúa. Hình ảnh ấy rực sáng trong sự hiệp thông nhân vị, giống sự hiệp nhất của Ba Ngôi Thiên Chúa (xem chương hai).

### 1703 363 2258.

Được ban cho một "linh hồn bất tử" ( x. GS 14 ), con người là "thụ tạo duy nhất ở trần gian được Thiên Chúa dựng nên vì chính họ" ( x. GS 24,3 ). Ngay từ lúc tượng thai, con người được Thiên Chúa tiền định để hưởng hạnh phúc đời đời.

### 1704 339 30.

Con người được tham dự vào ánh sáng và sức mạnh của Thánh Thần Thiên Chúa. Nhờ lý trí, họ hiểu được trật tự muôn loài do Đấng Sáng Tạo thiết lập. Nhờ ý chí, họ có khả năng hướng tới sự thiện hảo đích thực. Con người đạt tới sự

viên mãn của mình bằng cách "tìm kiếm và yêu mến những gì là chân, là thiện" ( x. GS 15,2 ).

**1705 1730.**

Nhờ có linh hồn với các khả năng tinh thần là lý trí và ý chí, con người được hưởng tự do, "dấu chỉ rõ ràng nhất con người là hình ảnh Thiên Chúa" ( x. GS 17 )

**1706 1776.**

Nhờ lý trí, con người nhận ra tiếng nói của Thiên Chúa thúc đẩy mình "làm lành lánh dữ" ( x. GS 16 ). Mỗi người phải vâng theo lề luật ấy, luật đang âm vang trong lương tâm mình, và thực hiện trong tình yêu mến Thiên Chúa và tha nhân. Việc thực thi đời sống luân lý chứng nhận phẩm giá của con người.

**1707 397.**

"Ngay từ đầu lịch sử, con người bị thần Dữ cám dỗ nên đã lạm dụng tự do của mình" ( x. GS 13,1 ). Họ đã sa chước cám dỗ và làm điều ác. Dù vẫn còn ước muốn điều thiện, nhưng bản tính họ đã bị thương tổn vì nguyên tội. Con người nghiêng chiều về sự dữ và có thể sai lầm :

"Trong chính con người đã có sự chia rẽ. Vì thế, tất cả cuộc sống con người, cá nhân hay tập thể, đều biểu hiện như một cuộc chiến bi thảm, giữa tốt và xấu, giữa ánh sáng và tối tăm" ( x. GS 13,2 ).

**1708 617.**

Nhờ cuộc khổ nạn, Đức Ki-tô giải thoát chúng ta khỏi Xa-tan và tội lỗi; nhờ đó, chúng ta đáng được hưởng đời sống mới trong Chúa Thánh Thần. Ân sủng của Người phục hồi những gì tội lỗi đã làm hư hỏng nơi chúng ta.

**1709** 1265 1050.

Ai tin vào Đức Ki-tô thì trở nên con cái Thiên Chúa. Ôn nghĩa tử này biến đổi con người bằng cách giúp họ sống theo gương Đức Ki-tô. Nhờ đó, họ có khả năng hành động đúng đắn và thực thi điều lành. Sống kết hiệp với Đấng Cứu Độ, người môn đệ đạt tới đức ái hoàn hảo, tới sự thánh thiện. Đời sống luân lý được trưởng thành trong ân sủng, sẽ triển nở thành đời sống vĩnh cửu trong vinh quang Nước Trời.

### **TÓM LƯỢC**

**1710.**

*"Đức Ki-tô cho con người biết trọn vẹn về chính họ và thiên chức rất cao cả của họ" ( GS 22,1).*

**1711.**

*Được ban cho một linh hồn với các khả năng tinh thần là lý trí và ý chí, ngay từ lúc tượng thai, con người được Thiên Chúa tiền định để hưởng hạnh phúc đời đời. Con người cố gắng đạt tới sự viên mãn của mình bằng cách "tìm kiếm và yêu mến những gì là chân, là thiện" ( GS 15,2 ).*

**1712.**

*Tự do đích thực là "dấu chỉ rõ ràng nhất con người là hình ảnh Thiên Chúa" ( GS 17 ).*

**1713.**

*Con người phải vâng theo luân lý thúc đẩy họ "làm lành, lánh dữ" (GS 16). Luật này âm vang trong lương tâm mỗi người.*

**1714.**

*Bản tính con người đã bị thương tổn vì nguyên tội, nên khi sử dụng tự do, họ có thể sai lầm và nghiêng chiều về sự dữ.*

**1715**

*Ai tin vào Đức Ki-tô sẽ sống cuộc đời mới trong Thánh Thần. Đời sống luân lý được lớn lên và trưởng thành trong ân sủng, sẽ triển nở trong vinh quang Nước Trời.*

## MỤC 2

### ÔN GỌI HƯỞNG VINH PHÚC CỦA TA

#### I - CÁC MỐI PHÚC THẬT

**1716.**

Các mối phúc là trọng tâm của những lời Chúa Giê-su rao giảng. Khi công bố các mối phúc, Người lặp lại các lời Thiên Chúa hứa với dân tuyển chọn từ thời Áp-ra-ham. Người kiện toàn những lời hứa này bằng cách hướng chúng về Nước Trời, chứ không còn là việc chiếm một vùng đất nào nữa.

"Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó,  
vì Nước Trời là của họ.  
Phúc thay ai hiền lành,  
vì họ sẽ được Đất Hứa làm gia nghiệp.  
Phúc thay ai sầu khổ,  
vì họ sẽ được Thiên Chúa ủi an.  
Phúc thay ai khát khao nên người công chính,  
vì họ sẽ được Thiên Chúa cho thỏa lòng.  
Phúc thay ai xót thương người,  
vì họ sẽ được Thiên Chúa xót thương.

Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch,  
vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa.  
Phúc thay ai xây dựng hoà bình,  
vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa.  
Phúc thay ai bị bách hại vì sống công chính,  
vì Nước Trời là của họ.  
Phúc cho anh em khi vì Thầy mà bị người ta sỉ vả,  
bách hại và vu khống đủ điều xấu xa.  
Anh em hãy vui mừng hơn hở,  
vì phần thưởng dành cho anh em  
ở trên trời rất lớn lao"(Mt5,3-12).

**1717** 459 1820.

Các mối phúc phản ánh dung mạo và đức ái của Chúa Giê-su Ki-tô. Chúng cho thấy ơn gọi của các tín hữu là được liên kết với vinh quang cuộc khổ nạn và phục sinh của Người, soi sáng những hành động và thái độ đặc trưng của nếp sống Ki-tô giáo. Các mối phúc là những lời hứa, có vẻ ngược đời, nâng đỡ niềm hy vọng khi con người gặp hoạn nạn. Chúng công bố những phúc lộc và ân thưởng các môn đệ đã được âm thầm hưởng nhận. Chúng đã biểu hiện công khai trong đời sống Đức Trinh Nữ Ma-ri-a và chư thánh

## **II - KHÁT VỌNG HẠNH PHÚC**

**1718** 27, 1024.

Các mối phúc đáp ứng khát vọng tự nhiên của con người là muốn được hạnh phúc. Khát vọng này bắt nguồn từ Thiên Chúa. Người đã đặt nó trong tâm hồn con người để lôi kéo họ đến với Người, Đấng duy nhất có thể thỏa mãn khát vọng này :

- "Mọi người đều muốn sống hạnh phúc. Chẳng ai phủ nhận điều này, dù họ không nói ra (Thánh Âu-tinh, luân lý Hội Thánh Công Giáo 1,3,4)."

2541

- "Lạy Chúa, con phải tìm Chúa thế nào ? Vì khi con tìm Chúa là Thiên Chúa của con, là con tìm hạnh phúc. Con muốn tìm Chúa để linh hồn con được sống vì thân xác sống nhờ linh hồn và linh hồn con sống nhờ Chúa" (FThánh Âu-tinh, tự thuật 10,29 )

"Chỉ có Chúa mới làm con no thỏa" (Thánh Tô-ma Aquinô, kinh Tin Kính 1 )

**1719 1950.**

Các mối phúc cho thấy mục đích của đời sống con người, cùng đích của các hành vi nhân linh : Thiên Chúa kêu gọi chúng ta đến hưởng hạnh phúc của Người. Ôn gọi này được ban cho từng cá nhân, cũng như cho toàn Hội Thánh, Dân Mới gồm những kẻ đón nhận và sống lời hứa đó trong đức tin.

### **III - HẠNH PHÚC ĐÍCH THỰC THEO KI-TÔ GIÁO**

**1720 1027.**

Tân Ước dùng nhiều cách để diễn tả hạnh phúc đích thực mà Thiên Chúa mời gọi con người đến hưởng : Nước Thiên Chúa đến ( x. Mt 4,17 ); hưởng nhan thánh Chúa : "Phúc thay ai có lòng trong sạch ngay thẳng, vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa" (Mt 5,8) ( x.1Ga 3,2; 1Cr 13,12 ); được vào hưởng niềm vui của Chúa ( Mt 25,21.23 ); được an nghỉ trong Chúa (Dt 4,7-11).

"Nơi đó chúng ta sẽ an nghỉ và chiêm ngắm, chiêm ngắm và yêu mến, yêu mến và ca ngợi. Cuối cùng là

nhu vậy, mãi mãi như vậy. Chúng ta còn có cùng đích nào khác ngoài việc đạt vương quốc vô tận" ? (Thánh Âu-tinh - Thành Đô Thiên Quốc ).

**1721 260.**

Thiên Chúa đã dựng nên chúng ta để nhận biết, phục vụ, yêu mến Người và nhờ đó được hưởng phúc Thiên Đàng. Hạnh phúc đích thực là được thông phần bản tính Thiên Chúa (2 Pr 1,4) và sự sống đời đời ( x. Ga 17,3 ); nhờ đó, con người được đi vào trong vinh quang của Đức Ki-tô và hưởng cuộc sống của Ba Ngôi.

**1722 1028.**

Hạnh phúc đích thực vượt quá trí tuệ và sức lực con người. Đó là kết quả của hồng ân nhưng không của Thiên Chúa. Vì thế, ta gọi hạnh phúc này, cũng như ân sủng chuẩn bị con người vào hưởng sự hoan lạc của Thiên Chúa là ân huệ siêu nhiên.

294

"Phúc thay ai có lòng trong sạch ngay thẳng, vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa". "Không ai trông thấy Thiên Chúa mà còn sống" vì Người cao cả và vinh quang vô biên. Chúa Cha là Đấng con người không thể thấu hiểu được. Vì lòng yêu thương nhân hậu đối với nhân loại, với quyền năng tuyệt đối, Thiên Chúa ban cho những ai yêu mến Người được đặc ân chiêm ngắm Người. "Vì đối với Thiên Chúa, không có gì là không thể làm được" (Thánh Irênê, chống lạc giáo 4,20,5 ).

**1723 2519 227.**

Hạnh phúc Thiên Chúa hứa đặt chúng ta trước những lựa chọn luân lý quyết định, mời gọi ta thanh luyện tâm hồn khỏi những bản năng xấu và tìm kiếm tình yêu Thiên Chúa

trên hết mọi sự. Hạnh phúc Chúa hứa dạy ta biết rằng hạnh phúc đích thực không ở nơi của cải hay tiện nghi, cũng không phải trong vinh quang trần thế hay quyền lực, cũng không ở trong bất cứ một công trình nào của con người, dù hữu ích như khoa học, kỹ thuật và nghệ thuật, cũng không ở trong bất cứ thụ tạo nào, nhưng chỉ ở nơi Thiên Chúa, nguồn mạch mọi thiện hảo và tình yêu :

"Ngày nay, giàu sang là vị thần vĩ đại, được đông đảo quần chúng sùng bái tôn thờ. Họ đo lường hạnh phúc bằng tài sản; danh dự cũng đo bằng tài sản....Tất cả đều do quan niệm : có tiền mua tiên cũng được. Giàu sang là một trong những ngẫu tượng của thời đại. Một ngẫu tượng nữa là danh vọng.....Danh vọng, được mọi người biết đến, được tiếng tăm lừng lẫy trên thế giới. Được các phương tiện truyền thông nói đến, danh vọng đã trở thành như điều thiện hảo tuyệt đối, điều thiện hảo tối thượng, đối tượng được người ta tôn thờ sùng bái" (Newman, diễn văn về sự thánh thiện, 5 ).

#### **1724.**

Thập giới, bài giảng trên núi và giáo huấn các tông đồ vạch cho chúng ta con đường đến Nước Trời. Nhờ ơn Thánh Thần nâng đỡ, chúng ta tiến tới từng bước một qua các hành vi hằng ngày. Nhờ lời Đức Ki-tô tác động, chúng ta dần dần sinh hoa kết quả trong Hội Thánh để tôn vinh Thiên Chúa (x. dụ ngôn người gieo giống Mt 13,3-23).

### ***TÓM LƯỢC***

#### **1725.**

*Các mối phúc lặp lại và kiện toàn những lời Thiên Chúa hứa từ thời Áp-ra-ham bằng cách hướng chúng về*

*Nước Trời. Chúng đáp ứng khát vọng sống hạnh phúc Thiên Chúa đặt trong tâm hồn con người.*

**1726.**

*Các mối phúc dạy chúng ta biết cùng đích mà Thiên Chúa mời gọi con người đạt tới : Nước Trời, hưởng nhan thánh Chúa, thông phần bản tính Thiên Chúa, sự sống đời đời, ơn nghỉ từ, an nghỉ trong Chúa.*

**1727.**

*Hạnh phúc được sống đời đời là hồng ân nhưng không của Thiên Chúa. Ta gọi hạnh phúc này cũng như ân sủng dẫn đưa ta đến đó, là ân huệ siêu nhiên.*

**1728.**

*Các mối phúc đặt chúng ta trước những chọn lựa quyết định về những của cải trần thế, thanh luyện tâm hồn để chúng ta học biết yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự.*

**1729.**

*Hạnh phúc thiên đàng ấn định tiêu chuẩn để chúng ta nhận định cách sử dụng của cải trần thế sao cho phù hợp với luật Thiên Chúa.*

### **Mục 3**

## **TỰ DO CỦA CON NGƯỜI**

**1730 30.**

Thiên Chúa đã sáng tạo con người có lý trí và ban cho họ phẩm giá của một nhân vị để hành động có sáng kiến và biết làm chủ các hành vi của mình. "Thiên Chúa muốn để con người tự định liệu, hầu con người tự mình đi tìm Đấng

Sáng Tạo và nhờ tự do kết hiệp với Người, con người tiến tới sự hoàn thiện trọn vẹn và hạnh phúc" ( x. GS 17 ).

"Con người có lý trí, nên giống Thiên Chúa; con người được dựng nên có tự do và làm chủ các hành vi của mình" (T. Irênê, chống lạc giáo 4,4,3 ).

## I. TỰ DO VÀ TRÁCH NHIỆM

### **1731** 1721.

Tự do là khả năng bắt nguồn từ lý trí và ý chí, để hành động hay không hành động, làm việc này hoặc việc nọ; nhờ đó, con người có thể thực hiện những hành vi có ý thức. Nhờ có ý chí tự do, con người tự quyết định về bản thân. Nhờ tự do, con người phát triển và trưởng thành trong chân lý và sự thiện. Tự do đạt tới mức hoàn hảo khi quy hướng về Thiên Chúa, nguồn hạnh phúc của chúng ta.

### **1732** 396 1849 2006.

Bao lâu chưa dứt khoát gắn chặt vào Thiên Chúa là sự thiện hảo tối hậu của mình, thì tự do còn bao hàm khả năng *lựa chọn giữa thiện và ác*; do đó, con người có thể tiến tới trên đường hoàn thiện hoặc thoái lui và phạm tội. Tự do là đặc tính của hành vi nhân linh. Vì có tự do, nên con người được khen ngợi hay bị chê trách, có công hay có tội.

### **1733** 1803.

Càng làm điều thiện, con người càng trở nên tự do. Chỉ có tự do đích thực khi con người phục vụ cho điều thiện và công bằng. Khi bất tuân ý Chúa và chọn điều ác, con người lạm dụng tự do và trở nên "nô lệ tội lỗi" (x. Rm 6,17 ).

### **1734** 1036,1804.

Có tự do, con người *phải chịu trách nhiệm* về các hành vi của mình theo mức độ chủ ý. Người càng đức hạnh, hiểu biết về sự thiện và sống khổ hạnh, ý chí càng làm chủ được các hành vi.

### **1735 597.**

*Việc quy lỗi* và trách nhiệm về một hành động có thể được giảm bớt hay xóa bỏ do thiếu hiểu biết, sơ suất, do áp lực, sợ hãi, do thói quen, do tâm lý bất ổn, do các nhân tố tâm lý hay xã hội.

### **1736.**

Con người phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi trực tiếp chủ ý của mình :

### **2568.**

-Trong vườn địa đàng, sau khi con người phạm tội, Thiên Chúa chất vấn E-và : "Người đã làm gì thế ?" ( St 3,13). Chúa cũng hỏi Ca-in như vậy (x. St 4,10 ). Sau khi Vua Đa-vít phạm tội ngoại tình với vợ U-ri-a và ra lệnh giết ông này (x. 2V 12,7-15 ), ngôn sứ Na-than cũng đặt câu hỏi tương tự với vua.

- Một hành động có thể là gián tiếp chủ ý khi nó là hậu quả của sự chệnh mảng đối với điều phải biết hay phải làm; ví dụ : gây ra một tai nạn vì không biết luật đi đường.

### **1737 2263.**

Một hậu quả, không do tác nhân cố tình gây nên, có thể được dung thứ; ví dụ : người mẹ kiệt sức vì chăm sóc đứa con đau yếu. Một hậu quả xấu sẽ không bị quy lỗi nếu nó không phải là mục đích hay phương tiện chủ ý của tác nhân; ví dụ : một người bị thiệt mạng vì muốn cứu người khác. Tác

nhân bị quy lỗi khi có thể thấy trước hậu quả xấu và có thể tránh được; ví dụ : người say rượu lái xe cán chết người.

### **1738 2106 210.**

Tự do được thể hiện trong các mối tương quan giữa người với người. Vì được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, mỗi người đương nhiên có quyền được nhìn nhận như một con người tự do và có trách nhiệm. Mọi người có bổn phận tôn trọng quyền đó.) Quyền sử dụng tự do là một đòi hỏi không thể tách rời khỏi phẩm giá con người, đặc biệt trong lãnh vực tâm lý và tôn giáo. Luật dân sự phải công nhận và bảo vệ quyền này, trong giới hạn công ích và trật tự công cộng.

## **II. TỰ DO CỦA CON NGƯỜI TRONG KẾ HOẠCH CỨU ĐỘ**

### **1739 387 401.**

*Tự do và tội lỗi.* Tự do của con người có giới hạn và có thể lầm lạc. Quả thực, con người đã sa ngã, đã tự ý phạm tội khi từ chối ý định yêu thương của Thiên Chúa, con người tự lừa dối mình và trở thành nô lệ tội lỗi. Sự tha hóa đầu tiên này kéo theo vô số những tha hóa khác. Ngay từ đầu, lịch sử nhân loại cho thấy nhiều tai họa và áp bức phát xuất từ tâm địa con người lạm dụng tự do.

### **1740 2108 1887.**

*Tự do bị đe dọa.* Tự do không phải là muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Quan niệm "con người là một chủ thể tự do, tự túc tự mãn, chỉ cần lo cho lợi ích riêng mình bằng cách lo hưởng thụ các lạc thú trần thế ( CDF, tự do tín ngưỡng )" là điều sai lầm. Mặt khác, những điều kiện về kinh tế và xã hội, chính trị và văn hóa cần thiết để thực thi tự do cách chính đáng, lắm khi bị phủ nhận và vi phạm. Những sự

mù quáng và bất công này làm băng hoại đời sống luân lý và tạo dịp cho kẻ mạnh cũng như người yếu phạm tội nghịch đức ái. Khi xa lìa luật luân lý, con người làm thương tổn tự do của chính mình, làm nô lệ cho tính ích kỷ, cắt đứt tình huynh đệ với đồng loại và nổi loạn chống lại ý Chúa.

#### **1741 782.**

*Giải thoát và cứu độ.* Nhờ thập giá vinh hiển, Đức Ki-tô đã cứu độ tất cả mọi người. Người cứu chuộc họ khỏi ách nô lệ tội lỗi. "Chính để chúng ta được tự do mà Đức Ki-tô đã giải thoát chúng ta" (Gl 5,1). Trong Người, chúng ta được hiệp thông với "sự thật nhờ đó chúng ta được tự do" (Ga 8,32). Thiên Chúa đã ban Thánh Thần cho chúng ta và như thánh Phao-lô dạy : "Ở đâu có Thánh Thần thì ở đó có tự do" (2Cr 3,17). Ngay từ bây giờ, chúng ta tự hào về "tự do của con cái Thiên Chúa" (Rm 8,21).

#### **1742 2002 1784.**

*Tự do và ân sủng.* Ân sủng Đức Ki-tô không hề chèn ép tự do của chúng ta, khi tự do đi đúng hướng của Thiên Chúa và điều thiện mà Thiên Chúa đã đặt trong lòng con người. Trái lại, kinh nghiệm Ki-tô giáo, đặc biệt trong sự cầu nguyện, cho thấy : càng ngoan ngoãn vâng theo sự thúc đẩy của ân sủng, chúng ta càng được gia tăng tự do nội tâm và lòng quả cảm trước thử thách, cũng như những áp lực và ràng buộc của thế giới bên ngoài. Nhờ tác động của ân sủng, Thánh Thần dẫn chúng ta đến sự tự do thiêng liêng để chúng ta trở thành những người tự nguyện cộng tác vào công trình của Người trong Hội Thánh và thế giới :

"Lạy Thiên Chúa toàn năng và nhân hậu, xin đẩy xa những gì cản bước tiến của chúng con trên đường về với Chúa, để một khi xác hồn thanh thản, chúng con

được hoàn toàn tự do thực hiện ý Chúa" (x. MR, Lời nguyện CN 32 ).

## **TÓM LƯỢC**

### **1743.**

*" Thiên Chúa đã để con người tự quyết định lấy" (Hc 15,14), để con người được tự do gắn bó với Đấng sáng tạo của mình, và như vậy đạt tới sự toàn hảo diễm phúc. (xem GS 17, b1)*

### **1744.**

*Tự do là khả năng để hành động hay không hành động; nhờ đó con người có thể thực hiện những hành vi có ý thức. Tự do đạt tới mức hoàn hảo khi quy hướng về Thiên Chúa là sự thiện tối thượng.*

### **1745.**

*Tự do là đặc tính của những hành vi nhân linh. Con người phải chịu trách nhiệm về các hành vi mình chủ ý làm. Hành động chủ ý thuộc về chính tác nhân .*

### **1746.**

*Việc quy lỗi và trách nhiệm về một hành động có thể được giảm bớt hay xóa bỏ do thiếu hiểu biết, bạo lực, sợ hãi, và các nhân tố tâm lý hay xã hội khác.*

### **1747.**

*Quyền sử dụng tự do là một đòi hỏi không thể tách rời khỏi phẩm giá con người, đặc biệt trong lãnh vực tôn giáo và luân lý. Thực thi quyền tự do không có nghĩa là muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm.*

**1748.**

"Chính để chúng ta được tự do mà Đức Ki-tô đã giải thoát chúng ta"( Gl 5,1).

#### Mục 4

## TÍNH LUÂN LÝ CỦA CÁC HÀNH VI NHÂN LINH

**1749 1732.**

Tự do làm cho con người thành một chủ thể luân lý. Khi hành động có chủ ý, con người nói được là *cha đẻ các hành vi của mình*. Các hành vi nhân linh, nghĩa là đã được tự do lựa chọn theo phán đoán lương tâm, đều có tính luân lý : có thể tốt hoặc xấu.

### I. NGUỒN GỐC CỦA TÍNH LUÂN LÝ

**1750.**

Tính luân lý của các hành vi nhân linh tùy thuộc :

- đối tượng được lựa chọn;
- mục đích nhắm tới hay ý hướng;
- các hoàn cảnh của hành động.

Đối tượng, ý hướng và các hoàn cảnh tạo nên "nguồn gốc", hay yếu tố cấu thành tính luân lý của các hành vi nhân linh.

**1751 1794.**

*Đối tượng* được lựa chọn là một thiện ích tác nhân chủ ý nhắm tới. Đó là chất liệu của một hành vi nhân linh. Đối tượng được lựa chọn xác định tính luân lý của hành vi ý chí, tùy theo lý trí nhận biết và phán đoán có phù hợp hay

không với sự thiện đích thực. Những quy tắc khách quan về luân lý nói lên trật tự thuần lý về thiện ác được lương tâm công nhận.

**1752 2520 1731.**

Khác với đối tượng, *ý hướng* thuộc về chủ thể hành động. Ý hướng phát xuất từ ý chí tự do và xác định mục đích của hành động, nên là một yếu tố căn bản để đánh giá tính luân lý của hành động. Mục đích là điểm đầu tiên ý hướng nhắm tới, là mục tiêu hành động theo đuổi. Ý hướng là động tác của ý chí nhắm đến mục đích, định hướng cho hành động, nhằm thiện ích tác nhân đang mong đợi. Ý hướng không chỉ giới hạn vào việc định hướng cho từng hành động riêng lẻ, mà còn có thể phối trí nhiều hành động khác nhau nhắm đến cùng một mục tiêu. Ý hướng có thể định hướng toàn bộ cuộc sống chúng ta đến một cùng đích. Ví dụ : một công việc có mục đích giúp đỡ tha nhân, đồng thời có thể do tình yêu Thiên Chúa là cùng đích của mọi hành động thúc đẩy. Một hành động có thể do nhiều ý hướng, như giúp đỡ kẻ khác để nhờ vả hay để khoe khoang.

**1753 2479 596.**

Một ý hướng tốt ( ví dụ : giúp đỡ tha nhân) không thể làm cho một hành vi sai trái ( ví dụ : nói dối, nói xấu), trở thành tốt hay đúng. Cứu cánh không biện minh cho phương tiện. Như thế, không thể biện minh cho việc kết án một người vô tội như phương tiện chính đáng để cứu dân chúng. Ngược lại, một hành vi tự nó là tốt ( ví dụ : bố thí) có thể trở thành xấu khi có ý xấu ( ví dụ : tìm hư danh (x. Mt 6,2-4) ).

**1754 1735.**

*Các hoàn cảnh*, kể cả những hậu quả, là những yếu tố phụ của một hành vi luân lý. Chúng góp phần gia tăng hay giảm bớt tính chất tốt hay xấu về mặt luân lý của những hành

vi nhân linh ( Ví dụ : lấy cấp nhiều hay ít), Chúng cũng có thể giảm bớt hay gia tăng trách nhiệm của tác nhân (hành động vì sợ chết). Tự chúng, các hoàn cảnh không thể thay đổi phẩm chất luân lý của chính hành vi. Chúng không thể làm cho một hành vi tự nó là xấu, trở nên tốt hay đúng.

## II. HÀNH VI TỐT VÀ HÀNH VI XẤU

### 1755.

*Một hành vi tốt về mặt luân lý đòi hỏi đối tượng, mục đích và các hoàn cảnh đều phải tốt. Mục đích xấu làm cho hành động trở nên xấu, dù đối tượng tự nó là tốt (Vd: câu nguyện và chay tịnh "để người khác trông thấy").*

*Nguyên đối tượng được lựa chọn có thể làm cho toàn bộ hành động trở nên xấu. Có những hành vi cụ thể, như tội tà dâm, luôn luôn là sai, vì ngay khi chọn lựa, ý chí đã lệch lạc, đó là một điều xấu luân lý.*

### 1756 1789.

Do đó, người ta mắc phải sai lầm khi thẩm định tính luân lý của một hành động mà chỉ xét ý hướng hoặc hoàn cảnh (môi trường, áp lực xã hội, cưỡng bách hoặc do cần thiết phải hành động.....). Chưa cần xét đến hoàn cảnh và ý hướng, có những hành vi tự bản chất luôn là bất chính nghiêm trọng do đối tượng; ví dụ : lộng ngôn, bội thề, sát nhân và ngoại tình. Không được phép làm điều xấu, để đạt một kết quả tốt.

## TÓM LƯỢC

### 1757.

*Đối tượng, ý hướng và các hoàn cảnh, tạo thành ba "nguồn gốc" cho tính luân lý của các hành vi nhân linh.*

**1758.**

*Đối tượng được chọn, xác định tính luân lý của hành vi ý chí, tùy theo việc lý trí nhìn nhận và phán đoán nó là tốt hay xấu.*

**1759**

*"Ý hướng tốt không thể biện minh cho một hành động xấu ( T. Tô-ma Aquino, 6 )". Cứu cánh không biện minh cho phương tiện .*

**1760.**

*Một hành vi tốt về mặt luân lý đòi hỏi đối tượng, mục đích và các hoàn cảnh đều phải tốt.*

**1761.**

*Có những hành vi cụ thể luôn luôn là sai, vì ngay khi chọn lựa, ý chí đã lệch lạc; đó là một điều xấu luân lý. Không được phép làm điều xấu để đạt một kết quả tốt.*

## **Mục 5**

### **TÍNH LUÂN LÝ CỦA CÁC ĐAM MÊ**

**1762.**

Con người hướng về hạnh phúc đích thực bằng những hành vi chủ ý : những đam mê hay tình cảm con người cảm nhận, có thể giúp con người chuẩn bị và góp phần đi tìm hạnh phúc.

#### **I CÁC ĐAM MÊ**

**1763.**

Thuật ngữ "đam mê" nằm trong di sản Ki-tô giáo

**1764.**

Các đam mê là thành phần tự nhiên của sinh hoạt tâm lý con người. Chúng nối kết đời sống cảm giác và đời sống tinh thần. Theo lời Đức Ki-tô, tâm hồn là nguồn phát xuất các rung động đam mê ( x. Mc 7,21 ).

**1765.**

Có nhiều thứ đam mê. Đam mê căn bản nhất là tình yêu do điều thiện hảo lôi cuốn. Tình yêu tác động lên ước muốn điều thiện hảo chưa có và niềm hy vọng sẽ đạt được. Vận hành này chỉ kết thúc trong hoan lạc và niềm vui do chiếm hữu được điều đó. E ngại điều xấu, làm phát sinh lòng thù ghét, ghê tởm và sợ hãi trước điều xấu đang hăm dọa. Rung động này dẫn đến buồn phiền vì điều dữ đang hoành hành hay phần nộ chống lại nó.

**1766 1704.**

"Yêu là muốn điều thiện cho người khác ( T. Tô-ma Aquinô, Tổng Luận Thần Học 1-2, 26,4 )". Tất cả những tình cảm khác đều bắt nguồn từ rung động nguyên thủy này của tâm hồn hướng về điều thiện hảo. Chỉ có điều thiện hảo mới đáng yêu ( T. Âu tinh, Chúa Ba Ngôi 8,3,4 )."Đam mê xấu khi tình yêu xấu, đam mê tốt khi tình yêu tốt" ( T. Âu-tinh, Thành Đô Thiên Quốc 14,7 ).

**II. ĐAM MÊ VÀ ĐỜI SỐNG LUÂN LÝ****1767 1860.**

Tự bản chất, đam mê không tốt không xấu. Đam mê mang giá trị luân lý tùy mức độ liên hệ thật sự với lý trí và ý chí. Đam mê được coi là có chủ ý "khi do ý chí điều khiển hay ý chí không ngăn cản ( T. Tô-ma Aquinô, Tổng Luận Thần Học 1-2,24,1 )". Muốn đạt tới mức hoàn hảo luân lý

hay nhân linh, con người cần phải dùng lý trí điều khiển các đam mê.

**1768 1803 1863.**

Những tình cảm cao thượng không quyết định tính luân lý hay sự thánh thiện của con người; chúng chỉ là kho dự trữ vô tận những hình ảnh và cảm xúc được biểu lộ trong đời sống luân lý. Về mặt luân lý, đam mê sẽ tốt nếu góp phần vào một hành động tốt, và xấu trong trường hợp ngược lại. Ý chí ngay thẳng hướng các cảm xúc về điều thiện và hạnh phúc đích thực, ý chí xấu không chống nổi các đam mê hỗn loạn và làm cho chúng trở nên dữ dội hơn. Các cảm xúc và tình cảm có thể được đón nhận trong *các nhân đức, hoặc bị băng hoại trong các thói xấu.*

**1769.**

Trong đời sống Ki-tô hữu, Chúa Thánh Thần thực hiện công trình của Người, bằng cách huy động mọi sự nơi con người, kể cả những đau khổ, sợ hãi và buồn phiền, như trong cơn hấp hối và cuộc khổ nạn của Đức Ki-tô. Trong Người, những tình cảm của chúng ta được kiện toàn nhờ đức ái và hạnh phúc đích thực.

**1770 30.**

Con người đạt tới mức hoàn thiện luân lý bằng cách vươn tới điều thiện hảo, không chỉ với ý chí, mà còn với các ham muốn của giác quan; như lời thánh vịnh : "Cả tấm thân con cùng là tác dạ, những hướng lên Chúa Trời hằng sống mà hớn hở reo mừng" (Tv 84,3)

## **TÓM LƯỢC**

**1771.**

*Thuật ngữ "đam mê" chỉ những cảm xúc và tình cảm; nhờ đó, con người linh cảm điều thiện và nghi ngờ điều ác.*

**1772.**

*Những đam mê chính yếu là : hi, nộ, ái, ố, ai, cụ, dục ( vui, giận, yêu, ghét, buồn, sợ, ham muốn )*

**1773.**

*Các đam mê được xem như những rung động của tình cảm, không tốt cũng không xấu về mặt luân lý. Chúng tốt hay xấu tùy theo lý trí và ý chí.*

**1774.**

*Những cảm xúc và tình cảm có thể được đón nhận trong các nhân đức, hoặc bị băng hoại trong các thói xấu.*

**1775.**

*Con người đạt tới mức hoàn thiện luân lý bằng cách vươn tới điều thiện hảo, không chỉ bằng ý chí, nhưng còn với cả tâm hồn nữa.*

## MỤC 6

# LƯƠNG TÂM

**1776** 1954.

"Con người khám phá ra tận đáy lương tâm một lẽ luật mà chính con người không đặt ra cho mình, nhưng vẫn phải tuân theo. Tiếng nói của lương tâm luôn luôn kêu gọi con người phải yêu mến và thi hành điều thiện cũng như tránh điều ác. Tiếng nói ấy âm vang đúng lúc trong tâm hồn của chính con người... Quả thật, con người có một lẽ luật được Thiên Chúa khắc ghi trong tâm hồn. Tuân theo lẽ luật ấy chính là phẩm giá của con người... lương tâm là tâm điểm sâu lắng nhất và là cung thánh của con người; nơi đây con người hiện diện một mình với Thiên Chúa và tiếng nói của Người vang dội trong thâm tâm họ" (GS 16).

## I. PHÁN QUYẾT CỦA LƯƠNG TÂM

**1777** 1766,2071.

Lương tâm hiện diện trong lòng người và ra lệnh (x. Rm 2, 14-16 ) đúng lúc cho con người làm lành lánh dữ. Lương tâm phán đoán các lựa chọn cụ thể bằng cách tán thành lựa chọn tốt, tố giác lựa chọn xấu (x. Rm 1, 32 ). Lương tâm chứng nhận thể giá của chân lý bằng cách quy chiếu về Thiên Chúa là sự thiện tối thượng, Đấng thu hút và ban mệnh lệnh cho con người. Khi nghe theo tiếng lương tâm, người khôn ngoan có thể cảm nhận được Thiên Chúa đang nói với mình.

**1778** 1749.

Lương tâm là một phán quyết của lý trí; nhờ đó, con người nhận biết một hành vi cụ thể mình định làm, đang làm

hay đã làm, là tốt hay xấu. Trong lời nói và hành động, con người phải trung thành tuân theo điều mình biết là chính đáng và ngay lành. Nhờ phán quyết của lương tâm, con người ý thức và nhận ra những quy định của luật Thiên Chúa.

"Lương tâm là một lẽ luật của tinh thần con người, nhưng vượt trên con người. Lương tâm ra lệnh, nêu lên trách nhiệm và bổn phận, điều chúng ta phải sợ và điều có thể hy vọng....Lương tâm là sứ giả của Đấng nói với chúng ta sau một bức màn, dạy dỗ và hướng dẫn chúng ta, trong thế giới tự nhiên cũng như trong thế giới ân sủng. Lương tâm là vị đại diện thứ nhất trong các đại diện của Đức Ki-tô" ( Newman, thư gửi quận công Norfolk )

### **1779 1886.**

Mỗi người phải quay về với nội tâm, để có thể nghe được và tuân theo tiếng lương tâm. Ngày nay, việc )quay về với *nội tâm* càng cần thiết hơn bao giờ hết, vì nếp sống hiện đại thường làm chúng ta trốn tránh suy nghĩ, kiểm điểm hay phản tỉnh :

"Anh em hãy quay về tự vấn lương tâm....Hãy quay về với nội tâm. Trong mọi sự anh em làm, hãy nhìn lên Thiên Chúa, Người chứng giám cho anh em". ( T. Augustinô, thư Gio-an 8,9 ).

### **1780.**

Phẩm giá của nhân vị bao hàm và )đòi buộc con người *phải có lương tâm ngay thẳng*. Lương tâm gồm ba điều:

- Nhận biết các nguyên tắc luân lý;
- Áp dụng vào việc cân nhắc thực tiễn các lý do và lợi ích trong những hoàn cảnh cụ thể;

1806

- Cuối cùng phán quyết về các hành vi cụ thể sắp làm hay đã làm. Nhờ phán quyết khôn ngoan của lương tâm, con người nhìn nhận, trong thực tiễn và cụ thể, chân lý điều thiện đã được lý trí nêu lên. Người khôn ngoan là người chọn theo phán quyết này.

**1781 1731.**

Với lương tâm, chúng ta nhận *trách nhiệm* về những hành vi đã thực hiện. Nếu con người làm điều xấu, phán đoán ngay chính của lương tâm làm chứng cho chân lý phổ quát của điều thiện và tố cáo việc lựa chọn sai trái. Lờn kết án của lương tâm có thể dẫn con người đến hy vọng vào lòng thương xót của Thiên Chúa. Khi xác định lỗi lầm đã phạm, lương tâm nhắc nhở ta phải cầu xin ơn tha thứ, thực hành điều thiện và luôn trau dồi nhân đức nhờ ân sủng của Thiên Chúa trợ giúp:

"Chúng ta sẽ được an lòng trước mặt Thiên Chúa. Vì nếu lòng chúng ta có cáo tội chúng ta, thì Thiên Chúa còn cao cả hơn lòng chúng ta, và Người biết hết mọi sự"( 1Ga 3,19-20 )

**1782 2106.**

Con người có quyền hành động theo lương tâm và trong tự do, để tự mình có những quyết định luân lý. "Không được cưỡng bức ai hành động trái với lương tâm của họ. Cũng không được ngăn cản họ hành động theo lương tâm, nhất là trong lãnh vực tôn giáo "(DH 3)

## **II - RÈN LUYỆN LƯƠNG TÂM**

**1783 2039.**

Lương tâm phải được rèn luyện và phán đoán luân lý phải được soi sáng. Một lương tâm được rèn luyện tốt sẽ phán đoán ngay thẳng và chân thật. Lương tâm này sẽ đưa ra những phán quyết theo lý trí, phù hợp với điều kiện đích thực như Đấng Sáng tạo đầy khôn ngoan muốn. Việc giáo dục lương tâm rất cần thiết cho những người chịu các ảnh hưởng tiêu cực và bị tội lỗi cám dỗ làm theo ý riêng và bỏ những giáo huấn chính thức.

#### **1784 1742.**

Giáo dục lương tâm là nhiệm vụ phải theo đuổi suốt đời. Ngay từ thời thơ ấu, trẻ con phải được hướng dẫn để nhận biết và thực hành luật nội tâm đã được lương tâm công nhận. Một nền giáo dục tốt dạy con người sống đức hạnh, bảo vệ và giải thoát con người khỏi sợ hãi, ích kỷ và kiêu căng, những mặc cảm tội lỗi và thái độ tự mãn, những thứ phát xuất từ sự yếu đuối và dễ sai lầm của con người. Giáo dục lương tâm bảo đảm tự do và tạo bình an trong tâm hồn.

#### **1785 890.**

Lời Chúa là ánh sáng chỉ đường để rèn luyện lương tâm. Chúng ta phải lãnh hội Lời Chúa trong đức tin, trong kinh nguyện và đem ra thực hiện; phải kiểm điểm lương tâm dưới ánh sáng Thập Giá Đức Ki-tô; nhờ ơn Chúa Thánh Thần trợ giúp, có các chứng từ và lời khuyên nhủ của anh em giúp đỡ, được giáo huấn chính thức của Hội Thánh hướng dẫn (DH 14).

### **III. CHỌN LỰA THEO LƯƠNG TÂM**

#### **1786.**

Khi phải đứng trước một chọn lựa, lương tâm có thể phán đoán đúng, hợp theo lý trí và luật Thiên Chúa, hoặc ngược lại, phán đoán sai.

**1787** 1955.

Đôi khi gặp những hoàn cảnh không phán đoán chắc chắn được nên khó quyết định, con người phải luôn luôn tìm kiếm điều công chính và thiện hảo, cũng như nhận định đâu là thánh ý trong lề luật Thiên Chúa.

**1788** 1806

Muốn vậy, chúng ta phải cố gắng giải thích đúng đắn kinh nghiệm của mình và các dấu chỉ thời đại, nhờ vào đức khôn ngoan, lời khuyên bảo của những người hiểu biết cũng như sự trợ lực của Chúa Thánh Thần và ân sủng của Người.

**1789.**

Một vài quy tắc có thể áp dụng trong mọi trường hợp:  
1756

- Không bao giờ được phép làm điều xấu để đạt một kết quả tốt.

1970

- Khuôn vàng thước ngọc : "Tất cả những gì anh em muốn người ta làm cho mình thì chính anh em cũng hãy làm cho người ta" ( Mt 7,12; x. Lc 6,31; Tb 4,15).

1827

1971

- Đức ái Ki-tô giáo luôn luôn đòi chúng ta tôn trọng tha nhân và lương tâm của họ. "Phạm đến anh em và làm thương tổn lương tâm của họ... là phạm đến Đức Ki-tô" (1Cr 8,12). "Tốt nhất là tránh những gì gây cơ cho anh em mình vấp ngã" (Rm 14,21).

## IV. PHÁN ĐOÁN SAI LẦM

### 1790.

Con người luôn luôn phải tuân theo phán đoán chắc chắn của lương tâm mình. Nếu chủ ý hành động nghịch với phán đoán ấy, con người tự kết án chính mình. Nhưng có thể lương tâm thiếu hiểu biết nên phán đoán sai lầm về các hành vi sẽ làm hoặc đã làm.

### 1791 1704.

Thông thường, cá nhân phải chịu trách nhiệm về sự thiếu hiểu biết ấy. Điều này xảy đến khi : "Con người không mấy lo lắng tìm kiếm chân lý và điều thiện, cũng như khi vì thói quen phạm tội mà lương tâm dần dần trở nên mù quáng" (x. GS 16 ). Trong các trường hợp đó, con người phải chịu trách nhiệm về điều xấu đã làm.

### 1792 133.

Những lệch lạc trong phán đoán luân lý có thể xuất phát từ thiếu hiểu biết về Đức Ki-tô và Tin Mừng; gương xấu của người khác; nô lệ các đam mê; nghĩ sai lạc về tự do lương tâm; khước từ quyền bính và giáo huấn của Hội Thánh; thiếu hoán cải và bác ái.

### 1793 1860.

Nếu không thể khắc phục được tình trạng thiếu hiểu biết, hoặc nếu phán đoán sai lạc không do trách nhiệm của chủ thể luân lý, thì người đó không chịu trách nhiệm về điều xấu đã làm. Tuy nhiên, điều xấu ấy vẫn là điều xấu, một khiếm khuyết, một rối loạn; do đó, phải ra sức uốn nắn lương tâm cho khỏi sai lầm.

**1794.**

Lương tâm tốt lành và trong sáng của người tín hữu còn được đức tin chân chính soi sáng, vì đức ái xuất phát đồng thời từ "một tâm hồn trong sạch, một lương tâm ngay thẳng và một đức tin chân chính" (1Tm 1,5) ( x. 1Tm 3,9; 1Tm 1,3; 1P 3,23; Cv 24,16 ).

"Lương tâm ngay thẳng càng thẳng thê thì những cá nhân và cộng đoàn càng tránh được độc đoán mù quáng và càng nỗ lực tuân phục những tiêu chuẩn khách quan của luân lý" (x. GS 16 ).

**TÓM LƯỢC****1795.**

*"Lương tâm là tâm điểm sâu kín nhất và là cung thánh của con người; nơi đây con người hiện diện một mình với Thiên Chúa và tiếng nói của Người vang dội trong thâm tâm họ"* (GS 16).

**1796.**

*Lương tâm là một phán quyết của lý trí; nhờ đó, con người nhận biết một hành vi cụ thể là tốt hay xấu.*

**1797.**

*Nếu con người làm điều xấu, lời kết án của lương tâm có thể dẫn họ đến hoán cải và hy vọng.*

**1798.**

*Một lương tâm được rèn luyện tốt sẽ phán đoán ngay thẳng và chân thật. Lương tâm ấy sẽ đưa ra những phán quyết theo lý trí, phù hợp với điều thiện đích thực như Đấng Sáng Tạo đầy khôn ngoan muốn. Mỗi người đều phải tìm phương thế để rèn luyện lương tâm mình.*

**1799.**

*Khi chọn lựa, lương tâm có thể phán đoán đúng hợp theo lý trí và luật Thiên Chúa, hoặc ngược lại có thể phán đoán sai lầm.*

**1800.**

*Con người luôn luôn phải tuân theo phán đoán chắc chắn của lương tâm mình.*

**1801.**

*Lương tâm có thể còn thiếu hiểu biết hay phán đoán sai lầm. Sự thiếu hiểu biết và sai lầm đó không phải lúc nào cũng vô tội.*

**1802.**

*Lời Thiên Chúa là ánh sáng chỉ đường cho con người. Chúng ta phải lãnh hội Lời Chúa trong đức tin, trong kinh nguyện, và đem ra thực hành. Đó là phương thế để rèn luyện lương tâm.*

## Mục 7

### CÁC NHÂN ĐỨC

**1803.**

"Những gì là chân thật, cao quý, những gì là chính trực, tinh tuyền, những gì đáng mến và đem lại danh thơm tiếng tốt, những gì là đức hạnh, đáng khen, thì xin anh em hãy để ý" (Pl 4,8).

**1733 1768.**

Nhân đức là một xu hướng thường xuyên và kiên định để làm điều thiện, không những giúp thực hiện những

hành vi tốt, mà còn cố gắng hết khả năng của mình. Người nhân đức hướng về điều thiện với tất cả năng lực thể xác và tinh thần. Họ cố gắng theo đuổi điều thiện và dứt khoát thực hiện bằng những hành động cụ thể.

"Mục đích của đời sống đức hạnh là nên giống Thiên Chúa". ( Thánh Ghê-gô-ri-ô thành Ni-xê, các mối phúc 1 ).

## I. CÁC ĐỨC TÍNH NHÂN BẢN

### 1804 2500.

*Các đức tính nhân bản* là những thái độ kiên định, những xu hướng bền vững, thói quen hướng thiện của lý trí và ý chí, giúp con người điều chỉnh các hành vi, điều tiết các đam mê, và hướng dẫn cách ăn nết ở của ta theo lý trí và đức tin. Các đức tính này đem lại cho con người sự thoải mái, tự chủ và an vui, để sống một cuộc đời tốt lành. Người nhân đức tự nguyện làm điều thiện.

### 1827.

Muốn có được các đức tính luân lý này, con người phải cố gắng tập luyện. Đây là hoa trái đồng thời cũng là mầm mống cho những hành vi tốt. Các đức tính hướng mọi năng lực của con người đến sự hiệp thông với tình yêu Thiên Chúa.

### Các đức tính căn bản

### 1805.

Có bốn đức tính đóng vai trò "bản lề," quy tụ các đức tính khác, gọi là các đức tính "căn bản" : khôn ngoan, công bình, can đảm và tiết độ. "Con người mến chuộng điều chính trực ư ? thì chính Khôn Ngoan sản sinh các nhân đức : Quả

vậy, Khôn Ngoan dạy cho biết sống tiết độ, khôn ngoan, công bình và can đảm" (Kn 8,7). Các đức tính này còn được Kinh Thánh khen ngợi dưới nhiều tên gọi khác .

### **1806 1788 1780.**

*Khôn ngoan* là đức tính giúp lý trí thực tiễn trong mọi hoàn cảnh nhận ra điều thiện đích thực và chọn lựa những phương thế tốt để đạt tới. "Người khôn ngoan thì dẫn đo từng bước" (Cn 14,15). "Anh em hãy sống chừng mực và tiết độ để có thể cầu nguyện được" (1 Pr 4,7). Như Aristote, thánh Tô-ma cũng viết : "khôn ngoan là quy tắc đúng đắn để hành động" ( x. S.th 2-2, 47,2 ). Không nên lầm lẫn đức tính khôn ngoan với tính nhút nhát và sợ sệt, tráo trở hay giả hình. Khôn ngoan là ) *người dẫn đường cho các đức tính*, hướng dẫn các đức tính khác bằng cách vạch ra quy tắc và mức độ phải giữ. Đức khôn ngoan trực tiếp hướng dẫn phán đoán của lương tâm. Dựa theo phán đoán này, người khôn ngoan chọn cách ứng xử của mình. Nhờ đức tính này, chúng ta áp dụng đúng đắn các nguyên tắc luân lý vào từng trường hợp cụ thể, và không còn do dự về điều thiện phải làm và điều ác phải tránh.

### **1807 2095 2401.**

*Công bình* là đức tính luân lý thể hiện qua quyết tâm trả cho Thiên Chúa những gì thuộc về Thiên Chúa và trả cho tha nhân những gì thuộc về tha nhân. Công bình đối với Thiên Chúa được gọi là "nhân đức thờ phượng". Đối với con người, công bình là tôn trọng quyền lợi của mỗi người và sống hài hòa bằng cách đối xử mình chính đối với mọi người và thực thi công ích. Theo Kinh Thánh, người công chính sống ngay thẳng trong mọi tư tưởng và cư xử chính trực với tha nhân. "Các người không được thiên vị người yếu thế, cũng không được nể mặt người quyền quý, nhưng hãy xét xử công minh cho đồng bào" (Lv 19,15). "Người làm chủ hãy

đổi xử công bằng và đồng đều với các nô lệ, vì biết rằng cả anh em nữa cũng có một Chủ trên trời"(Cl 4,1).

**1808 2848 2473.**

*Can đảm* là đức tính luân lý giúp chúng ta kiên trì và quyết tâm theo đuổi điều thiện giữa những khó khăn trong đời. Đức can đảm giúp ta cương quyết chống lại các cơn cám dỗ và vượt qua các chướng ngại trong đời sống luân lý. Nhờ can đảm, ta thắng được sợ hãi, ngay cả cái chết, đương đầu với thử thách và bách hại, sẵn sàng hy sinh mạng sống vì chính nghĩa. "Chúa là sức mạnh tôi, là Đấng tôi ca ngợi" ( Tv 118,14 ). "Trong thế gian, anh em sẽ phải gian nan khôn khó, nhưng can đảm lên, Thầy đã thắng thế gian"(Ga 16,33).

**1809 2341 2517.**

*Tiết độ* là đức tính luân lý giúp ta điều tiết sức lôi cuốn của những lạc thú và sử dụng chừng mực những của cải trần thế. Tiết độ giúp ý chí làm chủ các bản năng và kiềm chế các ham muốn trong giới hạn chính đáng. Người tiết độ hướng các thèm muốn giác quan về điều thiện và luôn thận trọng, "không chiều theo những đam mê của lòng mình" ( Hc 5,2). Cựu Ước thường khen ngợi đức tiết độ : "Con đừng buông theo các tham vọng của con, nhưng hãy kiềm chế các dục vọng" (Hc 18,30). Tân Ước gọi tiết độ là "chừng mực" hay "điều độ", chúng ta phải sống "chừng mực, công chính và đạo đức ở thế gian này" ( Tt 2,12).

"Sống tốt lành không gì khác hơn là yêu mến Thiên Chúa hết lòng, hết linh hồn và hết sức lực mình. Chúng ta dành cho Người một tình yêu trọn vẹn ( nhờ tiết độ), không gì lay chuyển nổi (nhờ can đảm) , chỉ vâng phục một mình Người ( nhờ công bình ), luôn tỉnh thức để khỏi sa vào cạm bẫy của mưu mô và gian

đôi (nhờ khôn ngoan)" ( T.Âu-tinh, những thói quen của Hội Thánh Công Giáo 1,25,46 ).

### **Các đức tính và ân sủng**

#### **1810 1266.**

Ân sủng Thiên Chúa thanh luyện và nâng cao các đức tính mà con người có được nhờ giáo dục, nhờ các hành vi chủ ý và nhờ kiên trì tập luyện. Nhờ Thiên Chúa trợ giúp, các đức tính tôi luyện tinh tinh và giúp ta dễ dàng làm điều thiện. Người đức độ phấn khởi tập luyện các đức tính.

#### **1811 2015.**

Vì bị tội lỗi làm tổn thương, con người khó giữ được thế quân bình luân lý. Ôn cứu độ của Đức Ki-tô đem lại cho chúng ta ân sủng cần thiết để kiên tâm trau dồi các đức tính. Mỗi người phải luôn cầu xin ơn soi sáng, cậy nhờ đến các bí tích, cộng tác với Chúa Thánh Thần, nghe theo tiếng Người gọi để yêu mến điều thiện và lánh xa điều ác.

2086-2094 2636-2638

## **II. CÁC NHÂN ĐỨC ĐỐI THẦN**

#### **1812 1266.**

Các đức tính nhân bản bắt nguồn từ những nhân đức đối thần. Nhân đức đối thần đem lại cho con người những khả năng thông phần bản tính Thiên Chúa (2 Pr 1,4). Vì quy chiếu trực tiếp về Thiên Chúa, các nhân đức đối thần giúp người Ki-tô hữu sống với Ba Ngôi Chí Thánh. Thiên Chúa Ba Ngôi và Duy Nhất là căn nguyên, động lực và đối tượng của nhân đức đối thần.

### **1813 2008.**

Các nhân đức đối thần là nền tảng, linh hồn và nét đặc thù của hoạt động luân lý Ki-tô giáo. Chúng định hình và làm sinh động mọi đức tính luân lý, Thiên Chúa ban các nhân đức này cho tín hữu, để họ có khả năng hành động như con cái Thiên Chúa và đáng hưởng sự sống muôn đời. Nhân đức đối thần là bảo chứng Chúa Thánh Thần hiện diện và tác động trong những năng lực của con người. Có ba nhân đức đối thần : tin, cậy, mến (x. 1Cr 13,13).

*142-175*

### **Đức tin**

### **1814 506.**

Đức tin là nhân đức đối thần, nhờ đó chúng ta tin vào Thiên Chúa, tin tất cả những gì Người nói và mặc khải cho chúng ta cũng như những gì Hội Thánh dạy phải tin, vì Thiên Chúa là chân lý. "Trong đức tin, con người phó thác toàn thân cho Thiên Chúa một cách tự do" (x. DV 5 ). "Người công chính nhờ đức tin sẽ được sống" (Rm1,17). "Chỉ đức tin hành động nhờ đức mến, mới có hiệu lực." ( Gl 5,6 )

### **1815.**

Những người không phạm tội nghịch với đức tin, đều có hồng ân đức tin (x. Công đồng TREN-TÔ : DS 1545 ). "Đức tin không có hành động là đức tin chết" (Gcb 2,26). Đức tin mà không có đức cậy và đức mến, sẽ không kết hợp trọn vẹn người tín hữu với Đức Ki-tô và không làm cho họ trở nên chi thể sống động trong Thân Thể Người.

### **1816 2471.**

Người môn đệ Đức Ki-tô không những phải gìn giữ và sống đức tin, nhưng còn tuyên xưng, can đảm làm chứng và truyền bá đức tin : "Mọi tín hữu phải sẵn sàng tuyên xưng

Đức Ki-tô trước mặt mọi người và bước theo Người trên đường thập giá, giữa những cuộc bách hại Hội Thánh không ngừng gặp phải" (x. LG 42; DH 14 ). Việc phục vụ và làm chứng cho đức tin cần thiết cho ơn cứu độ. "Ai nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời. Còn ai chối Thầy trước mặt thiên hạ thì Thầy cũng chối người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời" (x. Mt 10,32-33 ).

## **Đức cậy**

### **1817 1024.**

Đức cậy là nhân đức đối thần, nhờ đó, chúng ta khao khát Nước Trời và sự sống vĩnh cửu như hạnh phúc đời mình, khi tin tưởng vào các lời hứa của Đức Ki-tô và phó thác vào ơn trợ lực của Chúa Thánh Thần chứ không dựa vào sức mình. "Ta hãy tiếp tục tuyên xưng niềm hy vọng của chúng ta cách vững vàng vì Đấng đã hứa là Đấng trung tín" (Dt 10,23 ). "Thiên Chúa tuôn đổ đầy tràn ơn Thánh Thần xuống trên chúng ta, nhờ Đức Giê-su Ki-tô Đấng Cứu Độ chúng ta. Như vậy, một khi nên công chính nhờ ân sủng Đức Ki-tô, chúng ta được thừa hưởng sự sống đời đời như chúng ta vẫn hy vọng" (Tt 3, 6-7)

### **1818 27.**

Đức cậy đáp ứng khát vọng hạnh phúc Thiên Chúa đã đặt trong lòng mọi người, đảm nhận các niềm hy vọng gọi hứng cho sinh hoạt của con người, thanh luyện và quy hướng các hy vọng ấy về Nước Trời. Đức cậy bảo vệ chúng ta khỏi thất vọng, nâng đỡ khi ta bị bỏ rơi, giúp ta phấn khởi mong đợi hạnh phúc muôn đời. Đức cậy giải thoát ta khỏi lòng ích kỷ và đưa ta đến với hạnh phúc của đức mến.

### **1819 146**

Đức cây Ki-tô giáo tiếp nhận và kiện toàn niềm hy vọng của Ít-ra-en. Niềm hy vọng này bắt nguồn và noi theo *lòng trông cậy của Áp-ra-ham*. Tô phụ Áp-ra-ham được miễn nguyên vì Thiên Chúa thực hiện những lời hứa nơi I-xa-ác, được thanh luyện qua việc thử thách hiến tế I-xa-ác (x. St 17,4-8; 22,1-18 ). "Mặc dầu không còn gì để trông cậy, ông vẫn trông cậy và vững tin; do đó, ông trở thành tô phụ nhiều dân tộc" (Rm 4,18).

### **1820 1716 2772.**

Đức cây Ki-tô giáo được triển khai ngay trong bài giảng đầu tiên của Đức Giê-su về *các mối phúc*. Các mối phúc hướng niềm hy vọng của chúng ta lên Thiên Quốc như hướng về miền đất hứa mới, vạch đường chỉ lối xuyên qua những thử thách đang chờ đợi các môn đệ của Đức Giê-su. Nhờ công ơn và cuộc khổ nạn của Đức Giê-su Ki-tô, Thiên Chúa gìn giữ chúng ta trong đức cậy : "Chúng ta sẽ không phải thất vọng" ( Rm 5,5). "Đối với chúng ta, niềm hy vọng đó cũng tựa như cái neo chắc chắn và bền vững của tâm hồn, để đi sâu vào bên trong... nơi Đức Giê-su đã vào như người tiên phong mở đường cho ta" ( Dt 6,19-20). Đức cậy cũng là vũ khí bảo vệ ta trong cuộc chiến để được cứu độ : "mặc áo giáp là đức tin và đức mến, đội mũ chiến là niềm hy vọng ơn cứu độ" (1Tx 5,8). Đức cậy mang lại cho ta niềm vui, ngay trong thử thách : "Hãy vui mừng vì có niềm hy vọng, cứ kiên nhẫn lúc gặp gian truân ..." (Rm 12,12). Đức cậy được diễn tả và nuôi dưỡng trong kinh nguyện, nhất là kinh Lạy Cha, bản tóm lược tất cả những gì mà đức cậy gọi lên trong ta.

### **1821 2016 1037.**

Do đó, chúng ta có thể hy vọng được hưởng vinh quang thiên quốc mà Thiên Chúa đã hứa ban cho những ai yêu mến Người và thực thi ý Người ( x. Mt 7,21 ). Trong mọi

hoàn cảnh, mỗi người phải hy vọng sẽ được ơn Thiên Chúa trợ giúp " bền đỗ đến cùng" ( x. Mt 10,22; Công đồng Trentô; DS 1514 ) và được hưởng niềm vui thiên quốc như phần thưởng đời đời Thiên Chúa ban, vì các việc lành đã thực hiện nhờ ân sủng Đức Ki-tô. Với lòng trông cậy, Hội Thánh cầu nguyện cho "mọi người được cứu độ" (1Tm 2,4), Hội Thánh mong được kết hợp với Đức Ki-tô, Phu Quân của mình, trong vinh quang thiên quốc.

Hy vọng đi, hồn tôi hỡi, hãy hy vọng ! Bạn không biết ngày nào và giờ nào. Hãy tỉnh thức, mọi sự qua đi nhanh chóng, vì quá nóng lòng nên bạn hoài nghi điều chắc chắn và cảm thấy quá dài khoảng thời gian vẫn vợi. Hãy nhớ rằng, bạn càng chiến đấu, càng chứng tỏ tình yêu đối với Thiên Chúa, và càng vui sướng hơn, một ngày kia với Đấng lòng bạn yêu mến, trong niềm hạnh phúc và say mê bất tận ( T. Tê-rê-sa Hài Đồng Giê-su, tự thuật 15,3 ).

## **Đức mến**

### **1822 1723.**

Đức mến là nhân đức đối thần, nhờ đó, chúng ta yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự vì chính Chúa, và vì yêu mến Thiên Chúa, chúng ta yêu mến người thân cận như chính mình.

### **1823 1970.**

Đức Giê-su đặt đức mến làm *lời truyền dạy mới* (Ga 13,34). Khi yêu mến những kẻ thuộc về Người "đến cùng" (Ga 13, 1), Người biểu lộ tình yêu Người đã nhận được từ Chúa Cha. Khi yêu thương nhau, các môn đệ noi gương Đức Giê-su, Đấng đã yêu mến họ. Vì thế, Đức Giê-su nói : "Chúa Cha đã yêu mến Thầy thế nào, Thầy cũng yêu mến anh em

như vậy. Anh em hãy ở trong tình yêu của Thầy" (Ga 15, 9).  
" Đây là điều răn của Thầy : Anh em hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương anh em" (Ga 15,12).

#### **1824 735.**

Đức mến là hoa trái của Thánh Thần và là sự viên mãn của lề luật. Yêu mến là giữ *các lệnh truyền* của Thiên Chúa và của Đức Ki-tô : "Hãy ở trong tình thương của Thầy. Nếu anh em giữ các điều răn của Thầy, thì anh em sẽ ở trong tình thương của Thầy" (Ga 15,9-10) ( x. Mt 22,40; Rm 13,8-10 ).

#### **1825 604.**

Đức Ki-tô đã chịu chết vì yêu mến chúng ta, ngay lúc chúng ta còn là "thù nghịch" với Thiên Chúa (Rm 5,10). Chúa đòi ta yêu thương như Người ( x. Mt 5,44 ), yêu cả *những kẻ thù nghịch*, thân cận với những người xa lạ (x. Lc 10, 27-37 ), yêu mến trẻ em ( x. Mc 9,37 ) và người nghèo như chính Người ( Mt 25,40-45).

Thánh tông đồ Phao-lô liệt kê một loạt các đặc điểm của đức mến : "Đức mến thì nhẫn nhục, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật. Đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, chịu đựng tất cả"(1Cr 13,4-7).

#### **1826.**

Thánh tông đồ còn nói : "không có đức mến, tôi cũng chẳng là gì...". Tất cả những đặc ân, công việc phục vụ hay nhân đức mà "không có đức mến, thì cũng chẳng ích gì cho tôi" (1 Cr 13,1-4). Đức mến cao trọng hơn mọi đức tính, đứng đầu các nhân đức đối thần. "Hiện nay đức tin, đức cậy,

đức mến, cả ba đều tồn tại, *nhưng cao trọng hơn cả là đức mến*" (1Cr 13,13).

**1827 815 826.**

Đức mến gợi hứng và thúc đẩy việc tập luyện mọi đức tính. Đức mến là "mối dây liên kết tuyệt hảo" (Cl 3,14); là *mô thể của các đức tính*; liên kết và phối hợp các đức tính; là nguồn mạch và cùng đích của việc thực hành các đức tính trong đời sống ki-tô hữu. Đức mến bảo đảm thanh luyện và nâng khả năng yêu thương của con người lên mức hoàn thiện siêu nhiên, trở thành tình yêu thiêng liêng.

**1828 1972.**

Đời sống luân lý được sinh động nhờ đức mến mới đem lại cho người Ki-tô hữu sự tự do thiêng liêng của con cái Thiên Chúa. Trong tương quan với Thiên Chúa, Ki-tô hữu không còn là kẻ nô lệ sống trong sợ hãi hay người làm công ăn lương, nhưng là người con đáp lại tình thương của "Đấng đã yêu thương chúng ta trước" (1Ga 4,19).

Nếu xa lánh sự dữ vì sợ bị phạt, chúng ta sống như tên nô lệ. Nếu chạy theo phần thưởng, chúng ta khác nào kẻ làm thuê. Nếu chúng ta tuân phục vì chính sự thiện và vì yêu mến Đấng ban hành lề luật, chúng ta mới thực sự là con (Thánh Ba-xi-li-ô Cả khảo luận thêm về luật sống 3).

**1829 2540.**

*Hoa trái* của đức mến là niềm vui, bình an và lòng thương xót. Đức mến đòi buộc ta phải làm điều thiện và sửa lỗi huynh đệ. Đức mến là tử tế, bất vụ lợi và hào phóng, là tình thân và sự hiệp thông :

Tốt đỉnh của mọi công việc là tình thương. Đó là mức đến mà chúng ta cố gắng chạy tới, và khi tới đích,

chúng ta sẽ nghỉ ngơi trong tình yêu ( T.Augustinô, thư Gio-an 10,4 ).

### III. HỒNG ÂN VÀ HOA TRÁI CỦA THÁNH THẦN

#### 1830.

Chúa Thánh Thần ban các hồng ân nâng đỡ đời sống luân lý của tín hữu. Các hồng ân này là những xu hướng bền vững giúp con người dễ dàng sống theo Thánh Thần.

#### 1831 1266, 1299.

Bảy *hồng ân* Chúa Thánh Thần là : ơn khôn ngoan, ơn thông minh, ơn biết lo liệu, ơn dũng cảm, ơn hiểu biết, ơn đạo đức và ơn kính sợ Chúa. Các ơn này được Thánh Thần ban xuống tràn đầy nơi Đấng Mê-si-a, Con Vua Đa-vít (x. Is 11,1-2); bổ túc và hoàn thiện các đức tính nơi người lãnh nhận; làm cho tín hữu dễ dàng và mau mắn tuân theo các điều Thiên Chúa soi sáng.

"Xin Thần Khí tốt lành của Chúa dẫn con đi trên miền đất phẳng phiu" (TV 143,10).

"Ai được Thánh Thần Thiên Chúa hướng dẫn đều là con cái Thiên Chúa ... Đã là con thì cũng là thừa kế; mà Thiên Chúa cho thừa kế, tức là đồng thừa kế với Đức Ki-tô" (Rm 8, 14.17).

#### 1832 736.

*Các hoa trái* của Thánh Thần là những điều thiện hảo Thánh Thần ban cho chúng ta như hoa quả đầu mùa của vinh quang vĩnh cửu. Truyền thống Hội Thánh kể ra mười hai hoa trái của Thánh Thần "Bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nại, nhân từ, lương thiện, hiền hòa, khoan dung, trung tín, khiêm nhu, tiết độ và thanh khiết" (Gl 5,22-23).

## **TÓM LƯỢC**

**1833.**

*Đức tính là những xu hướng bền vững và kiên định để làm điều thiện.*

**1834.**

*Các đức tính nhân bản là những xu hướng bền vững của lý trí và của ý chí, để điều chỉnh các hành vi, điều tiết các đam mê và hướng dẫn cách ăn nết ở theo lý trí và đức tin. Có bốn đức tính "căn bản", quy tụ các đức tính khác, là : khôn ngoan, công bình, can đảm và tiết độ.*

**1835.**

*Đức khôn ngoan giúp lý trí thực tiễn nhận ra điều thiện đích thực trong mọi hoàn cảnh và lựa chọn những phương thế tốt để đạt tới.*

**1836.**

*Đức công bình thể hiện qua quyết tâm trả cho Thiên Chúa những gì thuộc về Thiên Chúa và trả cho tha nhân những gì thuộc về tha nhân.*

**1837.**

*Đức can đảm giúp chúng ta kiên trì quyết tâm theo đuổi điều thiện giữa những khó khăn trong đời.*

**1838.**

*Đức tiết độ giúp ta điều tiết sức lôi cuốn của những lạc thú và sử dụng chừng mực những của cải trần thế.*

**1839.**

*Các đức tính luân lý tăng trưởng nhờ giáo dục, nhờ các hành vi chủ ý và nhờ kiên trì tập luyện. Nhờ ân sủng Thiên Chúa các đức tính được thanh luyện và nâng cao.*

**1840.**

*Các nhân đức đối thần giúp người ki-tô hữu sống với Thiên Chúa Ba Ngôi. Thiên Chúa là căn nguyên và đối tượng của nhân đức đối thần : Đáng được nhận biết nhờ đức tin, được cậy trông và yêu mến vì chính Người.*

**1841.**

*Có ba nhân đức đối thần là đức tin, đức cậy và đức mến. Ba nhân đức này định hình và làm sinh động mọi đức tính luân lý.*

**1842.**

*Nhờ đức tin chúng ta tin vào Thiên Chúa và tin tất cả những điều Người đã mặc khải cũng như những gì Hội Thánh dạy phải tin.*

**1843.**

*Nhờ đức cậy, chúng ta khao khát và chờ mong với xác tín rằng Thiên Chúa sẽ ban cho ta sự sống vĩnh cửu và các ân sủng để ta xứng đáng hưởng sự sống đó.*

**1844.**

*Nhờ đức mến, chúng ta yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự và vì yêu mến Thiên Chúa, chúng ta yêu mến người thân cận như chính bản thân. Đức mến là "mối dây liên kết tuyệt hảo" (Cl 3,14) và là mô thể của mọi đức tính.*

**1845.**

*Bảy ơn Thánh Thần ban cho tín hữu là ơn khôn ngoan, ơn thông minh, ơn biết lo liệu, ơn dũng cảm, ơn hiểu biết, ơn đạo đức và ơn kính sợ Thiên Chúa.*

## Mục 8

# TỘI LỖI

## I. LÒNG THƯƠNG XÓT NGƯỜI TỘI LỖI

**1846** 430 1365.

Tin Mừng là mặc khải được thực hiện nơi Đức Giê-su Ki-tô, về lòng thương xót của Thiên Chúa đối với tội nhân. Thiên thần loan báo cho Thánh Giu-se : "Ông phải đặt tên con trẻ là Giê-su, vì chính Người sẽ cứu dân mình khỏi tội lỗi" (Mt 1, 21). Đức Giê-su cũng nói về bí tích Thánh Thể, bí tích cứu chuộc. "Đây là máu Thầy, máu giao ước, sẽ đổ ra cho mọi người được tha tội" (Mt 26,28).

**1847** 387,455.

"Thiên Chúa đã tạo dựng chúng ta không cần có chúng ta cộng tác; nhưng Người đã không muốn cứu độ chúng ta mà không có chúng ta góp phần" ( T. Augustinô bài giảng 169, 11,13 ). Để đón nhận lòng thương xót của Người chúng ta cần thú nhận tội lỗi. "Nếu chúng ta nói là chúng ta không có tội, thì chúng ta tự lừa dối mình, và sự thật không ở trong chúng ta. Nếu chúng ta thú nhận tội lỗi mình, thì Thiên Chúa là Đấng trung thành và công chính sẽ tha tội cho chúng ta và thanh tẩy chúng ta sạch mọi điều bất chính (1Ga 1, 8-9).

**1848** 385.

Thánh Phao-lô quả quyết : "Ở đâu tội lỗi đã lan tràn, ở đó ân sủng càng chứa chan gấp bội". Thiên Chúa ban ân

sủng để vạch trần tội lỗi nhằm hoán cải lòng ta và "làm cho ta nên công chính, để được sống đời đời nhờ Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta" (Rm 5,20-21). Như bác sĩ xem xét vết thương trước khi băng bó, Thiên Chúa dùng lời và Thánh Thần giúp chúng ta thấy rõ tội lỗi :

1433

*Hoán cải đòi hỏi tội nhân phải ý thức rõ về tội lỗi của mình; do đó bao hàm một phán quyết từ bên trong của lương tâm. Phán quyết này là bằng chứng Thánh Thần chân lý hoạt động trong tâm hồn con người và cũng là khởi điểm để Thiên Chúa ban lại ân sủng và tình yêu : "Hãy nhận lấy Chúa Thánh Thần". Như thế trong việc ý thức tội lỗi, chúng ta nhận ra một hồng ân kép : ơn giúp lương tâm nhận biết chân lý, ơn giúp chúng ta tin chắc được ơn cứu chuộc. Thánh Thần chân lý cũng là Đấng an ủi ( DV 31 ).*

## II. ĐỊNH NGHĨA TỘI LỖI

**1849** 311 1952.

Tội là lỗi phạm đến lý trí, chân lý, lương tâm ngay chính, là thiếu tình yêu đích thực đối với Thiên Chúa và tha nhân, vì quyến luyến lệch lạc với thụ tạo. Tội làm tổn thương bản tính con người và vi phạm đến tình liên đới giữa nhân loại. Vì thế, tội được định nghĩa như : "Một lời nói, một hành vi, một ước muốn trái với lề luật vĩnh cửu" ( T. Âu-tinh, chống Faust 22,27; T.Tô-ma Aquinô, Tổng Luận Thần Học 1-2, 71,6 ).

**1850** 1440 397 615.

Tội là xúc phạm đến Thiên Chúa."Con đã xúc phạm đến Chúa, đến một mình Chúa, dám làm điều dữ trái mắt Ngài" (Tv 51,6). Tội chống lại tình yêu của Thiên Chúa đối

với chúng ta và khiến lòng ta xa lánh Người. Cũng như đầu tiên tội là một sự bất tuân, một sự nổi loạn chống Thiên Chúa, lại muốn "trở nên như những vị thần" biết và quyết định điều thiện, điều ác, (St 3, 5). Như thế, tội là "yêu mình đến mức khinh thị Thiên Chúa" ( T. Augustinô 14, 28 ). Vì kiêu căng tự cao tự đại, tội hoàn toàn trái ngược với thái độ vâng phục của Đức Giê-su, Đáng thực hiện ơn cứu độ (x. Pl 2, 6-9).

### **1851 598 2746 616.**

Chính trong cuộc khổ nạn, khi lòng thương xót của Đức Ki-tô chiến thắng tội lỗi, mà tội lỗi lộ rõ nhất tính hung bạo và đa dạng của nó : các thủ lãnh và dân chúng cứng lòng tin, căm thù, chối bỏ và nhục báng Người; Phi-la-tô hèn nhát; quân lính tàn bạo; Giu-đa phản bội, gây đau đớn cho Chúa Giê-su; Phê-rô chối Thầy và các tông đồ bỏ trốn. Tuy nhiên, chính vào giờ của bóng tối và thủ lãnh thế gian này có vẻ thắng thế ( x. Ga 14, 30 ), Đức Ki-tô đã tự hiến và âm thầm trở nên nguồn mạch vô tận thông ban ơn tha tội cho chúng ta.

## **III. CÁC THỨ TỘI KHÁC NHAU**

### **1852.**

Tội lỗi rất đa dạng. Thánh Kinh nhiều lần liệt kê các thứ tội. Thư Ga-lát đối nghịch các công việc của xác thịt với hoa trái của Thánh Thần. "Những việc do tính xác thịt gây ra thì ai cũng rõ, đó là : dâm bôm, ô uế, phóng đảng, thờ quấy, phù phép, hận thù, bất hòa, ghen tương, nóng giận, tranh chấp, chia rẽ, bè phái, ganh tị, say sưa, chè chén và những điều khác giống như vậy. Tôi bảo trước cho anh em, như tôi đã từng bảo : những kẻ làm các điều đó sẽ không được thừa hưởng Nước Thiên Chúa" (Gl 5, 19-21; x. Rm 1, 28-32).

**1853** 1751 2067 368.

Chúng ta có thể phân biệt tội lỗi theo đối tượng, như đối với các hành vi nhân linh, hoặc theo các nhân đức mà chúng đối nghịch cách thái quá hay bất cập, hoặc theo các điều răn mà chúng vi phạm. Chúng ta cũng có thể phân loại tội lỗi dựa theo tương quan với Thiên Chúa, với tha nhân hoặc với chính bản thân; "Vi tự lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình, tà dâm, trộm cắp, làm chứng gian và vu khống. Đó mới là những cái làm cho con người ra ô ứ" (Mt 15,19-20). Nhưng trong lòng con người cũng còn có đức mến, nguồn gốc của các việc lành và thanh sạch, dù đức mến cũng bị tội làm tổn thương.

#### **IV. MỨC ĐỘ NẶNG NHẸ CỦA TỘI LỖI :TỘI TRỌNG VÀ TỘI NHẸ**

**1854.**

Tội được đánh giá theo mức độ nghiêm trọng. Kinh nghiệm của con người cũng xác nhận điều này. Truyền thống Hội Thánh nhận cách phân biệt tội trọng và tội nhẹ như đã có trong Thánh Kinh. Kinh nghiệm con người xác nhận điều này.

**1855** 1395.

*Tội trọng* phá hủy đức mến trong lòng con người do vi phạm nghiêm trọng luật Thiên Chúa. Khi phạm tội, con người quay lưng với Thiên Chúa là cùng đích và chân phúc của mình, bằng cách yêu chuộng một thụ tạo thấp kém hơn.

*Tội nhẹ* không phá hủy nhưng xúc phạm và gây tổn thương đức mến.

**1856 1446.**

Tội trọng đánh vào nguyên lý sống còn trong chúng ta là đức mến, nên cần đến một sáng kiến của Thiên Chúa giàu lòng xót thương và một cuộc hoán cải nội tâm trong bí tích Giao Hòa.

“Khi ý chí hướng về một điều nghịch lại với đức mến là nhân đức quy hướng ta về cùng đích, thì do đối tượng, tội này là tội trọng... khi nghịch với lòng mến Chúa, như lộng ngôn, bội thề, v.v... hay nghịch với lòng yêu người, như sát nhân, ngoại tình, v.v... Ngược lại, khi ý chí của tội nhân đôi khi hướng chiều về một điều tự nó là một sự vô trật tự nhưng không nghịch với lòng mến Chúa yêu người, thí dụ như ăn nói bừa bãi, cười cợt lỗ lảng v.v... Đó là những tội nhẹ (T. Tô-ma A-quino, Tổng Luận Thần Học 1-2,88 ).

**1857.**

Một tội được coi là trọng khi hội đủ ba điều kiện : "Phạm một lỗi nặng, với đầy đủ ý thức và cố tình" (x. RP: Tông Huấn Sám hối và Hòa giải 17 ).

**1858 2072 2214.**

*Lỗi nặng* được xác định trong Mười Điều Răn, như Đức Giê-su trả lời người thanh niên giàu có : "Chớ giết người, chớ ngoại tình, chớ trộm cắp, chớ làm chứng gian, chớ làm hại ai, hãy thảo kính cha mẹ" (Mc 10,19). Tội có thể nặng hoặc nhẹ : tội giết người nặng hơn trộm cắp. Phải xét đến cả phẩm giá của những người bị xúc phạm : tội hành hung cha mẹ nặng hơn tội hành hung một người lạ.

**1859 1734.**

Tội trọng đòi phải có *nhận thức đầy đủ và hoàn toàn ưng thuận*. Điều này giả thiết người phạm tội phải biết hành

vi đó là tội, trái với luật Thiên Chúa. Tội trọng bao hàm một sự ung thuận có suy nghĩ cặn kẽ để trở thành một lựa chọn cá nhân. Việc thiếu hiểu biết do lỗi mình và lòng chai đá không làm giảm bớt, mà còn gia tăng tính cách cố tình của tội lỗi.

**1860 1735 1767.**

*Nếu thiếu hiểu biết* ngoài ý muốn, người phạm lỗi nặng có thể được giảm hoặc miễn trách nhiệm. Nhưng không ai được coi là không biết đến những nguyên tắc của luân lý đã được ghi khắc trong lương tâm mỗi người. Các thúc đẩy của bản năng, các đam mê, các áp lực bên ngoài, hoặc những rối loạn do bệnh tật, cũng có thể làm cho hành vi phạm lỗi bớt tính cách tự ý và tự do. Nặng nhất là tội phạm do ác tâm, vì chủ ý lựa chọn điều xấu.

**1861 1742 1033.**

Cũng như tình yêu, tội trọng là một lựa chọn triệt để của tự do con người. Khi phạm tội trọng, con người đánh mất đức mến, tự tước bỏ ơn thánh hóa, tức là tình trạng ân sủng. Nếu tội trọng không được chuộc lại bằng việc hối cải của tội nhân và bằng ơn tha thứ của Thiên Chúa, người mắc tội trọng sẽ bị loại khỏi vương quốc của Đức Ki-tô và bị án phạt đời đời trong hỏa ngục, vì tự do của chúng ta có khả năng thực hiện những lựa chọn vĩnh viễn, không đảo ngược được. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể phán đoán một hành vi là lỗi nặng, chúng ta vẫn phải dành quyền phán xét người đó cho Thiên Chúa công bình và giàu lòng thương xót.

**1862.**

Chúng ta phạm *tội nhẹ* khi vi phạm luật luân lý trong điều nhẹ, hay lỗi điều nặng nhưng không hoàn toàn hiểu biết hay ung thuận.

**1863** 1394 1472.

Tội nhẹ làm suy yếu đức mến, cho thấy lòng quyền luyến lặc lạc của cải trần thế, ngăn cản chúng ta tiến triển trong việc thực hành các đức tính và điều thiện. Người phạm tội nhẹ đáng chịu những hình phạt hữu hạn. Ai cố tình phạm tội nhẹ và không sám hối sẽ đi dần đến chỗ phạm tội trọng, Tuy nhiên, người phạm tội nhẹ không cắt đứt giao ước với Thiên Chúa, với ân sủng Thiên Chúa trợ giúp, con người có thể điều chỉnh lại tình trạng này. "Tội nhẹ không làm mất ơn thánh hóa hay ơn thần hóa và đức mến, nên cũng không làm mất phúc thật vĩnh cửu".

Bao lâu con người còn mang thân xác, thì không thể tránh được mọi tội, ít là các tội nhẹ. Nhưng các tội mà ta gọi là nhẹ, bạn chớ xem nó như vô hại : nếu bạn coi chúng như vô hại khi bạn cân nhắc chúng, thì bạn hãy run sợ khi bạn đếm chúng. Nhiều vật nhỏ hợp thành một khối to, nhiều giọt nước làm đầy một con sông, nhiều hạt lúa làm thành một đụn. Vậy thì còn hy vọng gì ? Trước hết đi xưng tội đã...( T. Âu-Tinh, Thư Gio-an)

**1864** 2091 1037.

"Mọi tội, kể cả tội nói phạm thượng, cũng sẽ được tha cho loài người, chứ tội nói *phạm thượng đến Thần Khí* sẽ chẳng được tha" ( Mt 12, 31) ( x. Mc 3,29; Lc 12,10 ). Lòng Thiên Chúa thương xót không có giới hạn, nhưng ai cố tình không hối cải và khước từ lòng Thiên Chúa thương xót thì cũng khước từ sự tha tội và ơn cứu độ do Chúa Thánh Thần ban cho ( x. DV 46 ). Lòng chai dạ đá như thế có thể đưa tới chỗ không hối cải trong giờ sau hết và phải hư mất đời đời.

## V. TỘI LỖI SINH SÔI NẢY NỞ

### 1865 401 1768.

Đã phạm tội một lần, người ta bị lỗi cuốn phạm tội nữa. Những hành vi xấu được lặp đi lặp lại sinh ra thói xấu. Hậu quả là con người nghiêng chiều về điều ác, mờ tối lương tâm và lệch lạc trong việc đánh giá cụ thể điều lành và điều dữ. Như thế tội lỗi sinh sôi nảy nở thêm lên, nhưng không thể phá hủy hoàn toàn cảm thức luân lý.

### 1866 2539.

Các thói xấu có thể được xếp loại dựa theo các nhân đức mà chúng đối nghịch hay theo ) *các mối tội đầu* như bản liệt kê của thánh Gio-an Ca-si-a-nô và Grê-gô-ri-ô Cả ( x. Mor. 31,45 ). Được gọi là các mối tội đầu vì chúng sinh ra những tội khác, những thói xấu khác. Các mối tội đầu là : kiêu ngạo, hà tiện, mê dâm dục, ghen ghét, hờn giận, mê ăn uống, làm biếng.

### 1867 2268

Truyền thống huấn giáo cũng nhắc đến các thứ " ) *tội kêu thấu đến trời*". Đó là : máu của A-ben ( x. St 4,10 ), tội của dân Sô-đô-ma ( x. St 18,20;19,13 ); tiếng kêu than của dân bị áp bức ở Ai Cập ( x. Xh 3,7-10 ); tiếng than van của người ngoại kiều cư trú trên đất nước, của các cô nhi quả phụ ( x. Xh 22,20-22 ); người làm thuê bị đối xử bất công ( x. Đnl 24,14-15; Gc 5,4 ).

### 1868 1736

Tội là một hành vi cá nhân. Ngoài ra, chúng ta còn có trách nhiệm mang các tội do những người khác phạm, khi *chúng ta cộng tác vào đó, bằng cách* :

- tham gia cách trực tiếp và cố tình;
- ra lệnh, xúi giục hoặc tán thành;

- che đậy, hoặc không ngăn cản, khi có bốn phạm phải can ngăn;
- bao che những người làm điều ác.

**1869 408 1887.**

Tội làm cho con người trở thành đồng lõa với nhau, và để cho dục vọng, bạo lực, bất công thống trị. Tội lỗi tạo nên những tình trạng xã hội và những định chế nghịch lại với lòng nhân hậu của Thiên Chúa. Các "tổ chức tội ác" vừa biểu lộ vừa là hậu quả của các tội cá nhân. Chúng xúi giục các nạn nhân cùng phạm tội. Hiểu nghĩa loại suy, có thể gọi chúng là "tội xã hội", "tội tập thể" ( x. RP 16 ).

## **TÓM LƯỢC**

**1870.**

*"Thiên Chúa đã giam hãm mọi người trong tội không vâng phục, để thương xót mọi người" (Rm 11, 32).*

**1871.**

*Tội là "một lời nói, một hành vi hoặc ước muốn trái với lề luật vĩnh cửu" (T. Augustinô chống Faust, 22 ). Tội là xúc phạm đến Thiên Chúa. Ai phạm tội là chống lại Thiên Chúa qua một hành vi bất tuân trái ngược với thái độ vâng phục của Đức Ki-tô.*

**1872.**

*Tội là một hành vi nghịch với lý trí, làm tổn thương bản tính con người và vi phạm đến tình liên đới giữa nhân loại.*

**1873.**

*Nguồn gốc của mọi tội lỗi phát xuất từ lòng con người. Các loại tội và mức độ nghiêm trọng được xem xét chủ yếu theo đối tượng của tội.*

**1874.**

*Con người phạm tội trong khi chủ ý lựa chọn, nghĩa là biết rõ và muốn một sự việc trái với lề luật Thiên Chúa và với cùng đích tối hậu của con người một cách nghiêm trọng. Tội trọng phá hủy đức mến là nhân đức cần thiết để được hưởng phúc thật vĩnh cửu. Ai phạm tội trọng mà không sám hối, sẽ phải chết đời đời.*

**1875**

*Tội nhẹ gây nên một xáo trộn luân lý. Điều này có thể được sửa chữa nhờ đức mến vẫn còn tồn tại trong ta.*

**1876.**

*Phạm đi phạm lại các tội, dù là tội nhẹ, người ta sẽ rơi vào những thói xấu, trong đó có các mối tội đầu.*

## CHƯƠNG HAI

### CỘNG ĐỒNG NHÂN LOẠI

**1877 355.**

Ôn gọi của nhân loại là biểu hiện hình ảnh của Thiên Chúa và được biến đổi theo hình ảnh Người Con duy nhất của Chúa Cha. Ôn gọi này vừa được ban cho từng cá nhân, vì mỗi người đều được mời gọi vào hưởng hạnh phúc với Thiên Chúa, vừa được ban cho toàn thể cộng đồng nhân loại.

## Mục 1

# CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

## I. TÍNH CÁCH CỘNG ĐỒNG CỦA ON GỌI LÀM NGƯỜI

**1878 1702.**

Tất cả mọi người đều được mời gọi tiến đến cùng đích là chính Thiên Chúa. Có một sự tương đồng nào đó giữa sự hiệp nhất Ba Ngôi Thiên Chúa và tình huynh đệ mà loài người phải kiến tạo cho nhau trong chân lý và tình yêu. Yêu người không thể tách rời khỏi mến Chúa.

**1879 1936.**

Con người cần đến đời sống xã hội. Đời sống này không phải là một cái gì được thêm vào nhưng là một đòi hỏi của bản tính con người. Nhờ trao đổi với người khác, nhờ phục vụ lẫn nhau và nhờ đối thoại với anh em, con người phát triển các tiềm năng; nhờ đó họ đáp lại ơn gọi của mình (GS 25,1).

**1880 771.**

*Xã hội* là tập thể những người sống liên kết với nhau cách hữu cơ theo một nguyên lý hợp nhất, vượt lên trên từng cá nhân. Là một cộng đồng vừa hữu hình, vừa thiêng liêng, xã hội tồn tại mãi : tiếp nhận dĩ vãng và chuẩn bị tương lai. Nhờ xã hội, mỗi người trở thành "người thừa tự", lãnh nhận các "nén bạc" để làm giàu căn tính mình và phải phát triển các "nén bạc" ấy (x. Lc 19.13.15 ). Mỗi người phải đóng góp cho các cộng đồng mà mình là thành viên, và phải tôn trọng các người cầm quyền có trách nhiệm mưu cầu công ích.

**1881 1929.**

Mỗi cộng đồng được định nghĩa theo mục đích của nó; do đó, phải tuân theo những quy tắc đặc thù, nhưng "*nhân vị con người* chính là và phải là nguyên lý, chủ thể và cứu cánh của mọi định chế xã hội" (x. GS 25,1 ).

**1882 1913.**

"Có những mối liên hệ xã hội đáp ứng trực tiếp được bản tính sâu xa của con người, đó là gia đình và nhà nước" (x. GS 25,2 ). Chúng cần thiết cho con người. Để đa số có thể tham gia đời sống xã hội, nên khuyến khích thành lập các hiệp hội và những tổ chức "nhằm các mục đích kinh tế, văn hóa, xã hội, thể thao, giải trí, nghề nghiệp, chính trị...trên bình diện quốc gia cũng như quốc tế" (x. MM :Thông điệp Mẹ và Thầy. 60 ). Công cuộc "*xã hội hóa*" này đặt nền tảng trên xu hướng tự nhiên thúc đẩy con người hợp tác với nhau, để đạt tới những mục tiêu vượt quá khả năng của từng người. Công cuộc này giúp phát triển các đức tính của con người, nhất là óc sáng kiến và tinh thần trách nhiệm, cũng như giúp bảo đảm các quyền của con người ( x. GS 25; CA 12 ).

**1883 2431.**

Công cuộc xã hội hóa cũng kèm theo những nguy hiểm. Sự can thiệp quá đáng của Nhà Nước có thể đe dọa tự do và sáng kiến cá nhân. Hội Thánh đề ra nguyên tắc *hỗ trợ* : "một tập thể cấp cao không được can thiệp vào nội bộ tập thể cấp thấp đến độ tước mất các thẩm quyền của nó, nhưng đúng hơn phải nâng đỡ nó khi cần thiết, và giúp nó phối hợp hoạt động với những tập thể khác, để mưu cầu công ích" ( x. CA 48; Đức Pi-ôXI ).

**1884 307 302.**

Thiên Chúa không muốn dành cho riêng mình việc thực thi mọi quyền hành. Người trao lại cho mỗi thụ tạo

những phận vụ nó có thể thi hành theo khả năng của bản tính riêng. Xã hội loài người phải bắt chước cách lãnh đạo này. Cách Thiên Chúa cai trị thế giới cho thấy Người rất tôn trọng quyền tự do của con người. Đó phải là đường hướng chỉ đạo cho những ai cầm quyền trong các cộng đồng nhân loại. Họ phải xử sự như những thừa tác viên của Chúa quan phòng.

### **1885.**

Nguyên tắc bổ trợ nghịch với mọi hình thức duy tập thể, xác định giới hạn cho việc can thiệp của Nhà Nước, hòa hợp các tương quan giữa cá nhân và xã hội, hướng tới việc thiết lập một trật tự quốc tế đích thực.

## **II. HOÁN CẢI VÀ XÃ HỘI**

### **1886 1779**

Con người cần đến xã hội để thực hiện ơn gọi làm người. Để đạt tới mục tiêu này, cần phải tôn trọng bậc thang đúng đắn của các giá trị : "các chiều kích thể lý và bản năng phải lệ thuộc các chiều kích nội tâm và thiêng liêng" ( x. CA 36 ).

### **2500**

Đời sống xã hội trước hết phải được coi là một thực tại tinh thần. Thực tại này bao gồm việc trao đổi các kiến thức trong ánh sáng chân lý. Thực thi các quyền và chu toàn các bổn phận, cùng nhau tìm hiểu sự thiện hảo luân lý, chung hưởng cái đẹp thanh cao dưới mọi hình thức chính đáng, luôn sẵn sàng chia sẻ cho tha nhân những gì tốt đẹp nhất của mình và mong ước cho nhau được ngày càng phong phú về mặt tinh thần. Đây là những giá trị phải nuôi dưỡng và định hướng cho những sinh hoạt văn hóa, kinh tế, tổ chức xã hội, các phong trào và các thể chế chính trị, pháp

luật và mọi sinh hoạt khác nữa của đời sống xã hội trong tiến trình chuyển biến không ngừng của nó ( x. PT 35 ).

**1887 909 1869**

Việc lẫn lộn giữa phương tiện và mục đích (x.CA 41) dẫn tới việc coi phương tiện như cùng đích tối hậu, hay xem những con người chỉ là phương tiện để đạt mục đích. Điều này tạo ra những cơ cấu bất công "làm cho người Ki-tô hữu gặp khó khăn hay không thể sống phù hợp với các giới răn của Đấng Lập Luật Thần Linh" ( x. Đức Pi-ô XII, bài giảng ngày 1-6-1941 ).

**1888 787,1430.**

Để đạt được những cải tổ giúp xã hội thực sự phục vụ con người, chúng ta cần nhờ đến các khả năng tinh thần và luân lý của con người và việc thường xuyên *hoán cải nội tâm*. Việc hoán cải nội tâm chiếm vị trí ưu tiên. Điều này không loại trừ, mà trái lại, càng củng cố trách nhiệm phải lành mạnh hóa các cơ chế và điều kiện sống khi chúng gây nên dịp tội, để chúng phù hợp với tiêu chuẩn của công bình và giúp phát huy điều thiện thay vì ngăn trở ( x. LG 36 ).

**1889 1825.**

Không có ân sủng trợ lực, con người không thể "khám phá ra con đường thường là nhỏ hẹp, giữa việc hèn nhát nhượng bộ sự dữ và việc dùng bạo lực để đấu tranh nhưng lại làm cho sự dữ thêm trầm trọng ( x. CA 25 )". Đó là con đường đức mến, yêu Chúa và yêu người. Đức mến là điều răn mang tính xã hội cao nhất. Đức mến tôn trọng tha nhân và các quyền lợi của họ, đòi buộc thực thi công bình mà chỉ có đức mến mới giúp ta thực hiện được. Đức mến thúc đẩy chúng ta sống dân thân : "Ai tìm cách giữ mạng sống

mình thì sẽ mất, còn ai liều mất mạng sống mình, thì sẽ bảo tồn được mạng sống" (Lc 17, 33).

## **TÓM LƯỢC**

### **1890.**

*Có một sự tương đồng nào đó giữa sự hiệp nhất của Chúa Ba Ngôi với tình huynh đệ mà loài người phải kiến tạo cho nhau.*

### **1891.**

*Con người cần đến đời sống xã hội để tự phát triển theo đúng bản tính. Có những mối liên hệ xã hội như gia đình và Nhà Nước, đáp ứng trực tiếp được bản tính con người.*

### **1892.**

*"Nhân vị chính là và phải là nguyên lý, chủ thể và cứu cánh của mọi định chế xã hội" ( x. GS 25,1 ).*

### **1893.**

*Nên khuyến khích mọi người tích cực tham gia các hiệp hội và các tổ chức.*

### **1894.**

*Theo nguyên tắc bổ trợ, Nhà Nước hay một tập thể lớn, không có quyền lấn át sáng kiến và trách nhiệm của những cá nhân và các tổ chức nhỏ.*

### **1895.**

*Xã hội không được gây trở ngại, nhưng phải giúp con người thực thi những điều thiện hảo. Vì thế, xã hội phải tôn trọng bậc thang đúng đắn của các giá trị.*

**1896.**

*Tội lỗi càng làm băng hoại xã hội, con người cần phải hoán cải nội tâm và nhờ đến ân sủng của Thiên Chúa. Đức mến thúc đẩy thực hiện những cuộc cải tổ chính đáng. Không có giải đáp nào cho các vấn đề xã hội ngoài Tin Mừng Chúa Giê-su ( x. CA 3).*

## Mục 2

# THAM DỰ VÀO SINH HOẠT XÃ HỘI

## I. QUYỀN BÌNH

**1897 2234.**

"Xã hội loài người sẽ không có trật tự và phồn vinh nếu thiếu những người cầm quyền hợp pháp để bảo tồn các định chế và phục vụ công ích một cách đầy đủ" ( x. PT 46 )

"Quyền bình" là đặc tính của những con người, hay định chế, nhờ đó, họ ban hành lệ luật và mệnh lệnh cho con người, và buộc phải tuân phục.

**1898.**

Mọi cộng đoàn nhân loại đều cần có một quyền bình để quản trị nó ( x. T.Lê-ô XIII thông điệp "Immortale Dei", thông điệp "Diuturnum illud" ). Quyền bình này đặt nền tảng trên bản tính con người. Quyền bình cần thiết để tạo ra sự thống nhất cho cộng đoàn. Vai trò của nó là bảo đảm tối đa cho công ích xã hội.

**1899 2235.**

Quyền bình, theo trật tự luân lý đòi hỏi, phát xuất từ Thiên Chúa : "Mỗi người phải phục tùng chính quyền, vì

không có quyền bính nào mà không bởi Thiên Chúa, và những quyền bính hiện hữu là do Thiên Chúa thiết lập. Như vậy, ai chống đối quyền bính là chống lại trật tự Thiên Chúa đặt ra, và kẻ nào chống lại sẽ chuốc lấy án phạt"(Rm 13,1-2) ( x. 1Pr 2, 13-17 ).

### **1900 2238.**

Bôn phận vâng phục đòi buộc mọi người phải tôn trọng quyền bính cho xứng hợp; đối với những người đang thi hành công vụ, phải tôn trọng và tùy công trạng của họ mà tỏ lòng biết ơn và quý mến.

Hội Thánh còn giữ được bản kinh của thánh Giáo Hoàng Clê-men-tê thành Rô-ma cầu cho chính quyền (x.1Tm 2,1-2):

### **2240**

"Lạy Chúa, xin ban cho họ sức khỏe, bình an, hòa thuận và ổn định, để họ thực thi đúng đắn quyền hành Chúa đã trao cho họ. Lạy Chúa là Chủ tể, là Vua trời vĩnh cửu, chính Chúa ban cho con cái loài người vinh quang, danh dự và quyền lực trên mọi vật trần thế. Xin Chúa hướng dẫn những dự định của họ theo điều thiện hảo, theo những gì hợp ý Ngài, để khi thi hành nhiệm vụ mà Ngài đã trao cho, với lòng đạo đức, trong an bình và quảng đại, họ nhận được ơn Ngài phù hộ" (Clémente de Rome, Cor 61,1-2).

### **1901.**

Có quyền bính là "do Thiên Chúa an bài, nhưng việc định đoạt những thể chế chính trị hay cấu cử người cầm quyền, vẫn là quyền tự do của mọi công dân" ( x. GS 74,3 ).

### **2242**

Về mặt luân lý, các thể chế chính trị có thể khác nhau, miễn sao các thể chế này mang lại lợi ích chính đáng

cho cộng đoàn đã thừa nhận chúng. Các thể chế có bản chất trái ngược với luật tự nhiên, với trật tự công cộng và các quyền căn bản của con người, thì không thể đem lại công ích cho những quốc gia đang theo thể chế đó.

**1902 1930.**

Về mặt luân lý, không phải người cầm quyền làm gì cũng hợp pháp. Họ không được xử sự cách chuyên chế, nhưng phải hành động cho công ích vì quyền bính là một sức mạnh tinh thần đặt nền tảng trên tự do và ý thức trách nhiệm" ( x. GS 74,2 ):

1951

"Luật pháp của loài người chỉ là luật khi phù hợp với lẽ phải; có hiệu lực là nhờ "luật vĩnh cửu"; khi xa lìa lẽ phải, nó không còn là luật nữa, nhưng là một sự bất công, thậm chí chỉ là một hình thức bạo lực (T.Tô-ma A-qui-nô, Tổng Luận Thần Học 1-2,93,3.2 ).

**1903 2242.**

Quyền bính chỉ được hành xử hợp pháp khi mưu cầu công ích cho tập thể liên hệ và đạt tới mục đích ấy bằng các phương thể mà luân lý cho phép. Nếu các nhà lãnh đạo đưa ra những luật bất công hay sử dụng những biện pháp trái luân lý, lương tâm không buộc phải tuân theo. "Trong trường hợp này, quyền bính không còn là quyền bính nữa mà thoái hóa thành áp bức ( x. PT 51 )."

**1904.**

"Tốt nhất là mọi quyền lực đều giữ thể quân bình nhờ những quyền lực và những cơ quan hữu trách khác để giữ nó trong giới hạn chính đáng. Đó là nguyên tắc "Nhà Nước pháp quyền"; theo đó luật pháp chi phối tất cả chứ không phải ý muốn độc đoán của một số người" ( x. CA 44 ).

## II. CÔNG ÍCH

### 1905 801 1881.

Con người có tính xã hội, nên lợi ích cá nhân phải đặt trong tương quan với lợi ích chung. Lợi ích chung chỉ có thể được xác định trong tương quan với nhân vị :

"Các bạn đừng sống riêng lẻ hay khép kín, như thể các bạn đã được công chính hóa rồi, nhưng hãy hợp lại để cùng tìm kiếm lợi ích chung" ( x. Thư Ba-na-bê 4,10 ).

### 1906.

Phải hiểu "công ích" là "toàn bộ những điều kiện của đời sống xã hội cho phép những tập thể hay những phần tử riêng rẽ có thể đạt tới sự hoàn hảo riêng một cách đầy đủ và dễ dàng hơn ( x. GS 26,1; 74,1 )". Công ích liên quan đến đời sống của mọi người, đòi hỏi mỗi người phải thận trọng, nhất là những ai đang cầm quyền. Công ích gồm

### 1907 1929 2106.

\* Trước hết, công ích *phải tôn trọng con người* với tư cách là người. Nhân danh công ích, chính quyền có bổn phận tôn trọng các quyền căn bản và bất khả nhượng của con người. Xã hội phải giúp cho các thành viên thực hiện ơn gọi của mình. Đặc biệt, công ích cho con người thực thi các quyền tự do tự nhiên không thể thiếu để phát triển ơn gọi làm người "như quyền hành động theo qui tắc ngay thẳng của lương tâm mình, quyền bảo vệ đời tư và quyền được tự do chính đáng, cả trong phạm vi tôn giáo nữa" ( x. GS 26,2 ).

### 1908 2441

\* Kế đến, công ích đòi phải có *phúc lợi xã hội và sự phát triển* của bản thân xã hội. Phát triển và tóm tắt của tất cả

các bốn phận của xã hội. Tất nhiên quyền bính có nhiệm vụ làm trọng tài, nhân danh công ích, để phân xử các tranh chấp quyền lợi riêng tư. Nhưng quyền bính phải liệu cho mọi người có thể đạt được những gì mà mỗi người cần phải có mà sống một cuộc đời xứng đáng của con người, đó là: của ăn, áo mặc, sức khỏe, công ăn việc làm, giáo dục và văn hoá, được thông tin xứng hợp, quyền lập gia đình. v.v (xem GS 26, bài 2).

### **1909 2304 2310.**

\* Sau hết, công ích còn phải kiến tạo *hòa bình*, bảo tồn một trật tự đúng đắn được lâu bền và ổn định. Điều này giả thiết rằng quyền bính phải bảo đảm an ninh cho xã hội và cho các thành viên của xã hội bằng những phương thế liên chính. Công ích đặt nền tảng cho quyền tự vệ chính đáng của cá nhân và tập thể.

### **1910 2244**

Mỗi tập thể theo đuổi một công ích để thể hiện căn tính của mình, nhưng chỉ trong *cộng đồng chính trị*, công ích mới được thực hiện trọn vẹn nhất. Nhà Nước có nhiệm vụ bảo vệ và thăng tiến công ích của xã hội dân sự, của các công dân và các tập thể nhỏ hơn.

### **1911 2438.**

Con người trên địa cầu ngày càng lệ thuộc lẫn nhau. Gia đình nhân loại gồm những con người có phẩm giá bình đẳng, một nền *công ích toàn cầu*. Nền công ích này cần có một tổ chức hiệp nhất và liên quốc gia, "có khả năng đáp ứng những nhu cầu muôn mặt của con người trong lãnh vực xã hội ( như thực phẩm, sức khỏe, giáo dục...) cũng như để đối phó với bao hoàn cảnh đặc biệt có thể xảy ra nơi này nơi khác (Cứu trợ những người tị nạn, giúp đỡ cho những người di dân và gia đình họ...)" ( x. GS 84,2 ).

### **1912 1881.**

Công ích luôn hướng tới việc thăng tiến con người : "trật tự của muôn vật phải lệ thuộc vào trật tự của các nhân vị chứ không ngược lại" ( x. GS 26,3 ). Trật tự này đặt nền tảng trên chân lý, được thiết lập trong công bình, được sinh động bởi tình yêu.

## **III. TRÁCH NHIỆM VÀ THAM GIA**

### **1913.**

Tham gia là sự dẫn thân tự nguyện và quảng đại của con người vào những giao dịch xã hội. Tất cả mọi người phải tham gia, tùy theo địa vị và vai trò của mình, để mưu cầu công ích. Bốn phận này gắn với phẩm giá con người.

### **1914 1734.**

Con người tham gia bằng cách làm tròn các *trách nhiệm cá nhân của mình* : khi chăm lo giáo dục gia đình mình và làm việc có lương tâm, con người góp phần mưu ích cho tha nhân và xã hội.

### **1915 2239.**

Các công dân phải tích cực tham gia càng nhiều càng tốt vào đời sống xã hội. Các phương thức tham gia có thể thay đổi tùy từng nước, từng nền văn hóa. "Phải ca tụng đường lối của những quốc gia đang để cho các công dân được tham gia càng đông càng tốt vào việc nước trong sự tự do đích thực" ( x. GS 31,3 ).

### **1916 1888 2409.**

Cũng như mọi bốn phận luân lý khác, việc mọi người tham gia vào công trình công ích, cũng đòi hỏi các thành viên của xã hội *hoán cải* không ngừng. Phải kết án nghiêm khắc những thủ đoạn dùng để tránh né luật pháp và tránh né trách

nhiệm đối với xã hội, vì chúng trái với những đòi hỏi của công bình. Cần chăm lo phát triển những định chế nhằm cải thiện điều kiện sinh sống của con người ( x. GS 30,1 ).

**1917 1818.**

Những người cầm quyền có bổn phận củng cố những giá trị đem lại sự tín nhiệm nơi các thành viên trong cộng đồng và khuyến khích họ tham gia phục vụ đồng bào. Sự tham gia bắt đầu từ công tác giáo dục và văn hóa. Chúng ta có lý do chính đáng để nghĩ rằng : "trong lai nhân loại nằm trong tay những người có khả năng trao cho hậu thế ý nghĩa cuộc sống và những cơ sở để hy vọng" ( x. GS 31,3 ).

**TÓM LƯỢC**

**1918.**

*"Không có quyền bính nào mà không bởi Thiên Chúa, và những quyền bính hiện hữu là do Thiên Chúa thiết lập"* (Rm 13,1)

**1919.**

*Mọi cộng đoàn nhân loại đều cần có một quyền bính để duy trì và phát triển.*

**1920.**

*"Cộng đoàn chính trị và công quyền đặt nền tảng trên bản tính con người, cho nên cũng nằm trong trật tự do Thiên Chúa ấn định".*

**1921.**

*Quyền bính được hành xử hợp pháp khi mưu cầu công ích cho xã hội và đạt tới mục đích ấy bằng những phương thế luân lý cho phép.*

**1922.**

*Các thể chế chính trị có thể khác nhau, miễn sao các thể chế này mưu cầu lợi ích chính đáng cho cộng đoàn.*

**1923.**

*Công quyền phải được hành sử trong những giới hạn của trật tự luân lý và bảo đảm những điều kiện giúp thực thi quyền tự do.*

**1924.**

*Công ích là : " toàn bộ những điều kiện của đời sống xã hội cho phép những tập thể hay những phần tử riêng rẽ có thể đạt tới sự hoàn hảo riêng một cách đầy đủ và dễ dàng hơn".*

**1925.**

*Công ích gồm ba yếu tố cơ bản : tôn trọng và thăng tiến các quyền cơ bản của con người, phát triển các lợi ích tinh thần và vật chất của xã hội, kiến tạo hòa bình và an ninh cho tập thể và các thành viên.*

**1926.**

*Phẩm giá của con người đòi hỏi mưu cầu công ích. Mỗi người phải quan tâm cố võ và yểm trợ những tổ chức nhằm cải thiện điều kiện sinh sống của con người.*

**1927.**

*Nhà nước có bổn phận bảo vệ và thăng tiến công ích của xã hội dân sự. Công ích của toàn thể gia đình nhân loại cần đến một tổ chức quốc tế.*

## Mục 3

# CÔNG BẰNG XÃ HỘI

**1928 2832.**

Xã hội bảo đảm công bằng xã hội khi tạo ra những hoàn cảnh thuận lợi để các đoàn thể cũng như mỗi cá nhân có được những gì họ có quyền hưởng theo bản tính và ơn gọi của họ. Công bằng xã hội liên hệ mật thiết với công ích và với việc thực thi quyền bính.

## I. TÔN TRỌNG NHÂN VỊ

**1929 1881.**

Chỉ có được công bằng xã hội khi phẩm giá siêu việt của con người được tôn trọng. Con người là mục đích tối hậu của xã hội, vì xã hội nhằm phục vụ con người :

"Đấng Tạo Hóa đã trao cho chúng ta trách nhiệm bảo vệ và thăng tiến phẩm giá con người. Trong mọi hoàn cảnh lịch sử, mọi người nam cũng như nữ, đều phải đảm nhận trọng trách này" ( x. SRS 47 ).

**1930 1700 1902.**

Tôn trọng nhân vị gồm cả việc tôn trọng các quyền phát sinh từ phẩm giá của thụ tạo là con người. Các quyền này không do xã hội ban cho và xã hội phải công nhận chúng. Các quyền ấy là cơ sở để mọi quyền bính có được hợp pháp về mặt luân lý ( x. PT 65 ). Khi chà đạp hay phủ nhận các quyền ấy trong luật pháp hiện hành của mình thì xã hội tự phá hoại tính hợp pháp về mặt luân lý của chính mình. Không có sự tôn trọng nhân vị, quyền bính chỉ có thể dựa trên sức mạnh hay bạo lực, để bắt buộc các thành viên phải

tùng phục. Hội thánh có bốn phận nhắc nhở những người thiện chí về những quyền này và phân biệt chúng với những đòi hỏi quá đáng hay sai lầm.

**1931 2212 1825.**

Đề tôn trọng nhân vị phải tôn trọng nguyên tắc : "Mỗi người đều phải xem người đồng loại, không trừ một ai, như "cái tôi thứ hai", nên phải quan tâm đến sự sống của họ và những phương tiện cần thiết giúp họ sống xứng đáng nhân phẩm" ( x. GS 27,1 ). Không một luật pháp nào tự mình có thể xóa bỏ được các nỗi sợ hãi, những thành kiến, những thái độ kiêu căng và ích kỷ, ngăn trở việc xây dựng những xã hội thực sự huynh đệ. Chỉ có đức ái Ki-tô giáo mới có thể lướt thắng những thái độ đó, vì giúp chúng ta đón nhận người khác như một người "thân cận", một người anh em.

**1932 2449.**

Bốn phận "trở nên người thân cận" của tha nhân và hết lòng phục vụ họ khẩn thiết hơn khi có người gặp khó khăn trong bất kỳ lãnh vực nào. "Mỗi lần các người làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các người đã làm cho chính Ta vậy" ( x. Mt 25,40 ).

**1933.**

Bốn phận này cũng được thực thi đối với những kẻ suy nghĩ hay hành động khác chúng ta. Giáo huấn của Đức Ki-tô đòi buộc chúng ta phải tha thứ mọi xúc phạm ( x. Mt 5,43-44 ). Giới răn của luật mới dạy chúng ta yêu thương cả kẻ thù. Sống theo Tin Mừng, chúng ta không được oán ghét kẻ thù, dù ghét điều ác do họ gây ra.

## **II. CON NGƯỜI : DỊ BIỆT NHƯNG BÌNH ĐẲNG**

**1934 225.**

Mọi người có cùng một bản tính và cùng một nguồn gốc, vì được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa duy nhất, và được ban cho một linh hồn. Nhờ hy tế của Đức Ki-tô cứu chuộc, mọi người được mời gọi đến hưởng vinh phúc của Thiên Chúa, nên bình đẳng về phẩm giá.

**1935 357.**

Con người bình đẳng với nhau chủ yếu dựa trên nhân phẩm và các quyền phát xuất từ nhân phẩm:

"Phải vượt lên trên và loại bỏ mọi hình thức kỳ thị về những quyền lợi căn bản của con người, trong phạm vi xã hội hoặc văn hóa, phái tính, chủng tộc, màu da, địa vị xã hội, ngôn ngữ hay tôn giáo, vì như vậy là trái với ý định của Thiên Chúa" ( x. GS 29,2 ).

**1936 1879.**

Khi chào đời, con người không có sẵn trong tay tất cả những gì cần thiết để phát triển đời sống thể xác và tinh thần của mình. Con người cần đến tha nhân. Con người khác nhau về tuổi tác, thể lực, những năng lực trí tuệ và tinh thần, những cơ hội mỗi người có được và của cải được phân phối. Thiên Chúa không trao cho mỗi người số "nén bạc " như nhau.

**1937 340 791 1202.**

Những dị biệt này nằm trong chương trình của Thiên Chúa. Thiên Chúa muốn mỗi người đón nhận điều mình cần từ người khác. Ai lãnh được những "nén bạc" đặc biệt, phải biết thông truyền những lợi ích của các tài năng đó cho những ai cần đến. Các dị biệt khuyến khích và thường đòi buộc mọi người sống độ lượng, hào tâm và chia sẻ, kích thích các nền văn hóa trao đổi, làm phong phú cho nhau :

"Ta không ban cho mọi người các đức tính như nhau, nhưng kẻ này được đức tính này, kẻ khác được đức tính khác... Ta ban cho người này đức ái, kẻ khác được đức công chính, sự khiêm nhường hay đức tin sống động... Còn về những điều cần thiết cho đời sống con người, Ta đã không phân phối đồng đều, không muốn mỗi người có đủ mọi sự, để buộc họ phải thực thi đức ái. Ta muốn họ cần đến nhau và trở thành những thừa tác viên của Ta để phân phát những ân sủng và mọi thứ Ta đã quảng đại ban cho họ" (T. Ca-ta-ri-na thành Si-ên-na 1,7).

**1938 2437.**

Tuy nhiên có hàng triệu người nam cũng như nữ bị *đổi xử bất bình đẳng*. Điều này rõ ràng nghịch với Tin Mừng.

2317

"Sự bình đẳng về nhân phẩm đòi hỏi người ta phải tiến tới mức sống nhân đạo hơn và xứng hợp với con người hơn. Thực vậy, những chênh lệch quá đáng về kinh tế và xã hội giữa những thành phần hay giữa những dân tộc trong cùng một gia đình nhân loại thực là những gương xấu và đi ngược với công bằng xã hội, lẽ phải, nhân phẩm và nền hòa bình xã hội cũng như quốc tế ( x. GS 29,3 ).

### **III. TÌNH LIÊN ĐỐI NHÂN LOẠI**

**1939 2213**

Nguyên tắc liên đới, còn gọi là "thân hữu" hay "bác ái xã hội", là một đòi hỏi xuất phát trực tiếp từ tình huynh đệ nhân bản và Ki-tô giáo ( x. SRS 38-40;CA 10 ).

360

"Một sai lầm phổ biến của thời đại là người ta lãng quên quy luật của tình liên đới và của đức mến. Quy luật này được thiết đặt và khắc ghi nơi mỗi người bất kể họ thuộc dân tộc nào, do việc mọi người cùng chung một nguồn gốc, cùng có lý trí và cùng được cứu độ nhờ hy tế Đức

**1940 2402.**

Tình liên đới biểu lộ trước tiên qua việc phân phối của cải và trả lương lao động. Tình liên đới đòi phải có một nỗ lực xây dựng trật tự xã hội công bình hơn, trong đó những căng thẳng có thể dần hòa tốt đẹp và những xung khắc được giải quyết dễ dàng nhờ thương lượng.

**1941 2317.**

Những vấn đề kinh tế xã hội chỉ có thể được giải quyết nhờ các hình thức liên đới : liên đới giữa những người nghèo với nhau, giữa giàu với nghèo, giữa những người lao động, giữa chủ và thợ, giữa các quốc gia và dân tộc. Tình liên đới quốc tế là một đòi hỏi của trật tự luân lý. Hòa bình thế giới cũng tùy thuộc một phần vào tình liên đới này.

**1942 1887 2632.**

Tình liên đới không chỉ nhằm vào của cải vật chất. Khi phân phát các ân huệ thiêng liêng của đức tin, Hội Thánh giúp con người phát triển những lợi ích trần thế, bằng cách khai mở những con đường mới cho cuộc phát triển này. Như thế, Lời Chúa được ứng nghiệm qua dòng thời gian : "Trước hết phải lo tìm kiếm Nước Chúa và ăn ở ngay lành như Người đòi hỏi, còn các thứ kia, Người sẽ thêm cho"(Mt 6,33):

Hai ngàn năm qua, trong lòng Hội Thánh vẫn có một tâm tình sống động đã và đang thúc đẩy nhiều người

sống đời tận hiến đến mức anh hùng - các đan sĩ cày sâu cuốc bẫm, những nhà giải phóng nô lệ, những người chữa trị bệnh nhân, các sứ giả mang đức tin văn minh và khoa học đến với mọi thể hệ và dân tộc, nhằm tạo ra những hoàn cảnh xã hội khả dĩ giúp mọi người có được một đời sống xứng đáng với phẩm giá con người và phẩm giá của một ki-tô hữu ( x. Pi-ô XII, diễn từ ngày 1-6-1991).

## **TÓM LƯỢC**

**1943.**

*Xã hội bảo đảm công bằng xã hội bằng cách tạo ra những hoàn cảnh giúp các tập thể và cá nhân nhận được những gì họ có quyền hưởng.*

**1944.**

*Tôn trọng nhân vị là coi kẻ khác như chính mình. Điều này đòi buộc phải tôn trọng những quyền căn bản phát xuất từ phẩm giá đích thực của con người.*

**1945.**

*Mọi người đều bình đẳng dựa trên nhân phẩm và các quyền xuất phát từ nhân phẩm.*

**1946.**

*Những dị biệt giữa con người nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa. Người muốn chúng ta cần đến nhau. Những dị biệt ấy đòi con người sống bác ái với nhau.*

**1947.**

*Vì con người bình đẳng về nhân phẩm nên phải cố gắng giảm thiểu những chênh lệch quá đáng về xã hội và kinh tế, xóa bỏ bất bình đẳng.*

**1948.**

*Tình liên đới là một đức tính nổi bật của Ki-tô giáo. Tình liên đới thúc bách chúng ta chia sẻ của cải vật chất và hơn nữa, cả của cải tinh thần.*

## **CHƯƠNG BA**

### **THIÊN CHÚA CỨU ĐỘ : LỀ LUẬT VÀ ÂN SÙNG**

**1949.**

Con người được gọi tới hưởng chân phúc, nhưng bị thương tổn do tội, nên cần được Thiên Chúa cứu độ. Thiên Chúa cứu giúp con người trong Đức Ki-tô : Người ban lề luật để hướng dẫn họ và ân sủng để nâng đỡ họ :

"Anh em hãy biết run sợ mà gắng sức lo sao cho mình được cứu độ. Vì chính Thiên Chúa tác động nơi anh em để anh em quyết chí và hành động theo kế hoạch Người đã đặt ra vì yêu thương anh em" (Pl 2,12-13).

#### **Mục 1**

### **LUẬT LUÂN LÝ**

**1950 53 1719.**

Luật luân lý là tác phẩm của Thiên Chúa khôn ngoan. Theo nghĩa Kinh Thánh, có thể định nghĩa luật này như lời người Cha dạy dỗ con cái, như một phương pháp giáo dục của Thiên Chúa. Luật luân lý quy định cho con người những con đường, những quy tắc sống, dẫn đưa họ tới chân phúc Thiên Chúa hứa, cấm con người đi vào đường sự dữ, lia bỏ

Thiên Chúa và tình yêu của Người. Luật luân lý tuy là những mệnh lệnh nghiêm khắc nhưng cũng là những lời hứa dễ thương.

**1951 295 306.**

Luật là một quy tắc sống, được quyền bính hợp pháp ban hành nhằm phục vụ công ích. Luật luân lý giả thiết một trật tự hợp lý được Đấng Sáng Tạo quyền năng, khôn ngoan và nhân từ thiết lập để các thụ tạo đạt tới lợi ích và cứu cánh của chúng. Mọi luật đều nhận được chân lý nguyên thủy và tối hậu trong luật vĩnh cửu. Con người dùng lý trí công bố và thiết lập luật như một cách tham dự vào sự quan phòng của Thiên Chúa hằng sống, Đấng Sáng Tạo và Cứu Độ mọi người. "Luật là quy định trật tự theo lý trí" ( Lê-ô XIII, " ).

**301.**

"Trong tất cả các sinh vật, chỉ con người mới có thể tự hào xứng đáng đón nhận luật của Thiên Chúa. Vì có lý trí để hiểu biết và nhận định, con người phải cư xử theo tự do và lý trí để suy phục Đấng trao ban mọi sự cho mình" ( Tertullien, Marc. 2,4 ).

**1952.**

Luật luân lý được thể hiện dưới nhiều dạng thức, và tất cả đều liên kết với nhau : luật vĩnh cửu là nguồn gốc thiên linh của mọi lề luật; luật tự nhiên; luật mạc khải gồm luật cũ và luật mới hay luật Tin Mừng; sau cùng dân luật và giáo luật.

**1953 587.**

Luật luân lý được viên mãn và thống nhất trong Đức Ki-tô. Người là hiện thân của con đường hoàn thiện, là cùng đích của lề luật, vì chỉ có Người dạy dỗ và ban sự công chính

của Thiên Chúa. "Cứu cánh của lề luật là Đức Ki-tô, khiến bất cứ ai tin đều được nên công chính" (Rm 10,4).

## I. LUẬT LUÂN LÝ TỰ NHIÊN

**1954 307 1776.**

Con người được tham dự vào sự khôn ngoan và nhân từ của Đấng Sáng Tạo, Đấng cho họ quyền làm chủ mọi hành vi và khả năng tự hướng đến chân lý và sự thiện. Luật tự nhiên bày tỏ cảm thức luân lý nền tảng, nhờ đó con người dùng lý trí mà nhận định điều tốt và điều xấu, chân thật và dối trá :

“Luật tự nhiên đã được Thiên Chúa viết và khắc ghi trong tâm hồn mọi người và mỗi người, vì đây chính là lý trí của con người ra lệnh phải làm lành và lánh dữ...Quy định này của lý trí con người chỉ có giá trị là luật, vì là tiếng nói và lời truyền đạt của một lý trí cao hơn mà tâm trí và tự do của chúng ta đều phải tùng phục” ( Lê-ô XIII, ).

**1955 1787 396 2070.**

"Luật thiên định và tự nhiên" ( x. GS 89,1 ) vạch cho loài người con đường phải theo để thi hành điều thiện và đạt tới cùng đích. Luật tự nhiên nêu ra những mệnh lệnh đầu tiên và chính yếu điều khiển đời sống luân lý. Trọng tâm của luật tự nhiên là tâm tình khao khát và tùng phục Thiên Chúa vốn là căn nguyên và tiêu chuẩn mọi điều thiện, cùng với cảm thức về tha nhân như người bình đẳng với mình. Luật này được trình bày thành những điều răn chính trong "Thập Giới". Luật này được gọi là tự nhiên, không phải vì được rút ra từ thế giới tự nhiên không lý trí, nhưng xuất phát từ lý trí tự nhiên của con người :

"Các quy luật này được ghi chép ở đâu nếu không phải là trong quyển sách của thứ ánh sáng mà người ta gọi là chân lý ? Đó là nơi mọi lẽ luật đúng đắn được viết ra, từ đó được chuyển vào lòng người để thực thi công chính. Không phải luật này đến "di trú" nơi lòng người, nhưng ghi dấu ấn vào đó như chiếc nhãn huy hiệu ghi dấu trên sáp, sáp mang hình huy hiệu nhưng huy hiệu vẫn ở trên nhãn" ( T Âu-tinh, Chúa Ba Ngôi 14,15,21 ).

"Luật tự nhiên không gì khác hơn là ánh sáng trí tuệ do Chúa đặt trong ta, nhờ đó, chúng ta biết điều phải làm và điều phải tránh. Ánh sáng này hay luật này, Thiên Chúa đã ban khi sáng tạo con người" ( T.Tô-ma A-qui-nô 1 ).

### **1956 2261.**

Luật tự nhiên được Thiên Chúa ghi khắc trong lòng mỗi người và được lý trí xác nhận, các điều khoản của luật tự nhiên có giá trị phổ quát, và buộc mọi người phải tuân theo. Luật này nói lên phẩm giá con người và xác định nền tảng các quyền và các bổn phận cơ bản của con người:

"Chắc chắn có một luật chân thật là lẽ phải, luật này phù hợp với tự nhiên, luật bất biến và vĩnh cửu. Mọi người phải thi hành các mệnh lệnh của nó. Những cấm đoán của nó giúp tránh xa tội lỗi...Thay thế nó bằng một luật nghịch lại là phạm thánh. Không được bỏ qua một điều luật nào. Không ai có thể loại bỏ hoàn toàn được" (Cicéron 3,22, 33).

### **1957.**

Việc áp dụng luật tự nhiên rất đa dạng, có khi phải suy nghĩ để thích ứng với nhiều điều kiện sống khác nhau,

tùy theo nơi chốn, thời đại và hoàn cảnh. Dù các nền văn hóa khác nhau, luật tự nhiên vẫn là một quy tắc nối kết con người với nhau, đặt cho họ những nguyên tắc chung, vượt trên những khác biệt không thể tránh khỏi.

### **1958 2072.**

Luật tự nhiên bất biến ( x. GS 10 ) và trường tồn qua mọi biến thiên của lịch sử. Giữa những trào lưu ý tưởng và tập tục, luật tự nhiên vẫn tồn tại và còn giúp chúng phát triển nữa. Về cơ bản, những luật diễn tả luật tự nhiên vẫn luôn có giá trị. Dù có chối bỏ cả đến những nguyên lý của luật tự nhiên, người ta cũng không thể hủy diệt nó, không thể gạt nó khỏi lòng người; nó luôn tái xuất hiện trong đời sống của những cá nhân và của các xã hội:

"Lạy Chúa, mọi người đều biết luật của Chúa cấm trộm cắp, và luật đã ghi trong lòng con người. Cũng thế, dù bao gian ác cũng không xóa được" (T.Âu-tinh, tự thuật 2,4,9 ).

### **1959 1879.**

Luật tự nhiên là công trình rất tốt đẹp của Đấng Sáng Tạo, cho con người những nguyên tắc cơ bản để thiết lập các quy tắc luân lý hướng dẫn họ lựa chọn. Luật tự nhiên cũng đặt nền móng luân lý không thể thiếu cho việc kiến tạo cộng đồng nhân loại; và cung cấp cơ sở cần thiết cho luật dân sự. Luật dân sự phải gắn liền với luật tự nhiên, hoặc bằng cách rút ra kết luận từ các nguyên tắc của luật tự nhiên, hoặc bằng những bổ sung mang tính chất thành văn và pháp lý.

### **1960 2071 37.**

Không phải ai cũng có thể nhận ra cách rõ ràng và trực tiếp những giới luật của luật tự nhiên. Trong hoàn cảnh hiện tại, con người tội lỗi rất cần đến ân sủng và mặc khải để

nhận biết các chân lý tôn giáo và luân lý "một cách trọn vẹn, dễ dàng, chắc chắn và không pha lẫn sai lầm" ( Pi-ô XII, "Humani generis ") :DS 3876 ). Luật tự nhiên là cơ sở do Thiên Chúa dọn sẵn và thích hợp với công trình của Chúa Thánh Thần để con người đón nhận luật mặc khải và ân sủng.

## II. LUẬT CŨ

### 1961 62.

Thiên Chúa Sáng Tạo và Cứu Độ đã tuyển chọn Ít-ra-en làm dân riêng, và đã mặc khải cho họ Luật của Người để chuẩn bị cho Đức Ki-tô đến. Luật Mô-sê nêu ra nhiều chân lý mà lý trí tự nhiên có thể đạt tới. Các chân lý này được công bố và chứng thực ngay trong giao ước cứu độ.

### 1962

Luật cũ là bước đầu của luật mặc khải. Những mệnh lệnh luân lý của luật cũ được tóm lược trong mười điều răn. Các điều răn của Thập Giới đặt nền tảng cho ơn gọi làm người vốn được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa. Các điều răn ấy ngăn cấm những gì nghịch lại tình yêu đối với Thiên Chúa và tha nhân và ấn định những đòi hỏi chính yếu của tình yêu ấy. Thập giới là ánh sáng cho lương tâm của mọi người, giúp họ nhận ra tiếng gọi và những con đường của Thiên Chúa, và bảo vệ họ khỏi sự ác :

"Thiên Chúa đã viết trên các bia luật những gì mà con người không đọc ra được trong lòng mình" (FT. Âu-tinh, 57 ).

### 1963 1610 2542 2515

Theo truyền thống Ki-tô giáo, Luật cũ dù thánh thiện ( x. Rm 7,12 ), thiêng liêng ( x. Rm 7,14 ) và tốt lành ( x. Rm

7,16 )nhưng vẫn chưa hoàn thiện. Như người giám thị ( x. Gl 3,24 ), luật cho thấy điều phải làm nhưng không ban cho sức mạnh là ân sủng của Thánh Thần để chu toàn. Vì không xóa được tội lỗi, luật cũ vẫn còn là luật của tình trạng nô lệ. Theo thánh Phao-lô, luật có chức năng tố cáo và )*vạch trần tội lỗi*, vì tội lỗi tạo ra thứ "luật của dục vọng" ( x. Rm 7 ) trong lòng con người. Tuy nhiên, luật cũ vẫn là chặng đầu tiên trên con đường tiến về Nước Trời. Luật cũ chuẩn bị và giúp dân được tuyển chọn cũng như mỗi ki-tô hữu sẵn sàng để hoán cải và tin vào Thiên Chúa Cứu Độ. Vì là Lời của Thiên Chúa, luật cũ cho chúng ta một giáo huấn tồn tại đến muôn đời.

### 1964 122.

Luật cũ *chuẩn bị cho Tin Mừng*. "Luật tiên báo và giáo dục về các thực tại sẽ đến" (T. I-rê-nê, chống lạc giáo 4,15,1 ). Luật cũ tiên báo công trình Đức Ki-tô sẽ thực hiện để giải thoát khỏi tội lỗi, cung cấp cho Tân Ước những hình ảnh, những tiên trưng, những biểu tượng, để diễn tả đời sống theo Thánh Thần. Cuối cùng, các sách giáo huấn và các ngôn sứ, bổ túc và hướng luật cũ đến Tân Ước và Nước Trời.

### 1828.

Trong thời Cựu Ước, nhiều người đã được đức mến và ân sủng của Thánh Thần thúc đẩy, họ hết lòng khát mong Thiên Chúa thực hiện những lời hứa thiêng liêng và vĩnh cửu, nhờ đó họ được nối kết với luật mới. Ngược lại, trong thời Tân Ước, cũng có những con người sống theo xác thịt, còn xa với sự hoàn thiện của luật mới. Để khuyến khích họ sống đức hạnh, phải giúp họ biết sợ Chúa phạt và mong được thưởng công. Dù luật cũ có dạy phải sống đức mến nhưng không ban Thánh Thần, "nhờ Người mà Thiên Chúa ban đức mến chan hòa trong lòng chúng ta" (Rm 5,5) (T.Tô-ma A-qui-nô 1-2, 107,1,2).

### III. LUẬT MỚI HAY LUẬT TIN MỪNG

**1965** 459 581 715.

Luật mới hay luật Tin Mừng là dạng hoàn hảo ở đời này của luật Thiên Chúa, tự nhiên và mặc khải. Đây là luật của Đức Ki-tô, được trình bày cách đặc biệt trong Bài Giảng Trên Núi. Đây cũng là công trình của Thánh Thần, và nhờ Người, trở thành luật đức mến trong lòng con người : "Ta sẽ thiết lập với nhà Ít-ra-en một giao ước mới...Ta sẽ ghi vào lòng chúng, sẽ khắc vào tâm khảm chúng lề luật của Ta, và Ta sẽ là Chúa của chúng và chúng sẽ là dân của Ta" (Dt 8,6-10) ( x. Gr 31,31-34 ).

**1966** 1999.

Luật mới là *ân sủng Chúa Thánh Thần* ban cho các tín hữu nhờ tin vào Đức Ki-tô. Người tín hữu thực thi luật mới bằng đức mến. Trong luật mới, Chúa Ki-tô dùng bài giảng trên núi để dạy chúng ta điều phải làm, và các bí tích để thông ban ân sủng giúp chúng ta thực hiện.

"Ai suy niệm với lòng đạo đức và sáng suốt, bài giảng mà Chúa chúng ta công bố trên núi, như được ghi trong sách Tin Mừng theo Thánh Mat-thêu, chắc chắn sẽ tìm thấy bản hiến chương hoàn hảo cho đời sống ki-tô hữu....Bài giảng này chứa đựng tất cả những giới luật đặc thù để hướng dẫn đời sống Kitô hữu" ( T. Âu-tinh bài giảng 1,1 )

**1967** 577.

Luật Tin Mừng "hoàn tất" tinh luyện, trỗi vượt và kiện toàn luật cũ. Nơi các mối phúc, luật mới *hoàn tất các lời hứa* của Thiên Chúa bằng cách nâng cao và quy hướng chúng về "Nước Trời". Luật Tin Mừng dành cho những ai

sẵn sàng tin tưởng đón nhận niềm hy vọng mới: những người nghèo, người khiêm tốn, người đau khổ, người có tâm hồn trong sạch, kẻ bị bách hại vì Đức Ki-tô. Như thế Luật Tin Mừng mở ra những con đường của Nước Trời.

**1968 129 582.**

Luật Tin Mừng *hoàn tất các điều răn* của Luật cũ. Bài giảng trên núi không hủy bỏ hay là giảm giá trị các qui định luân lý của Luật cũ, mà còn khai thông những tiềm năng tàng ẩn, và làm nổi bật những đòi hỏi mới của các qui định ấy. Luật mới làm sáng tỏ toàn bộ chân lý về Thiên Chúa và về con người trong luật cũ. Luật mới không thêm vào luật cũ những giới luật mới ở bên ngoài, nhưng canh tân tâm hồn là nơi phát xuất mọi hành vi, nơi con người chọn lựa giữa thanh khiết và ô uế ( x. Mt 15,18-19 ), nơi hình thành đức tin - cậy - mến, và các nhân đức khác. Như thế, Tin Mừng đưa luật cũ tới chỗ viên mãn khi dạy chúng ta nên hoàn thiện như Cha trên trời ( x. Mt 5,48 ), tha thứ cho kẻ thù, và cầu nguyện cho những người bách hại theo gương lòng cao thượng của Thiên Chúa (x. Mt 5,44 ).

**1969 1434.**

Luật mới dạy con người *thực hành các hành vi tôn giáo*: bố thí, cầu nguyện và chay tịnh, nhưng qui hướng về Cha "Đấng thấu suốt những gì kín đáo" thay vì "cho người ta" ( x. Mt 6,1-6, 16-18 ). Kinh Lạy Cha ( x. Mt 6,9-13 ) là lời cầu nguyện của những người sống theo luật mới.

**1970 1696 1789.**

Luật Tin Mừng đòi chúng ta chọn lựa dứt khoát giữa "hai con đường" ( x. Mt 7,13-14 ) và thực hành các lời Chúa dạy ( x. Mt 7,21-27 ). Luật Tin Mừng được tóm lược trong *khuôn vàng thước ngọc* : "Tất cả những gì anh em muốn người khác làm cho mình, thì chính anh em cũng hãy làm

cho người ta, vì sách luật Mô-sê và các sách ngôn sứ dạy như thế" ( Mt 7,12) ( x. Lc 6,31 ).

1823

Toàn bộ luật Tin Mừng thu gọn trong *điều răn mới* của Đức Giê-su (Ga 13,34), là chúng ta hãy yêu thương nhau như Người đã yêu thương chúng ta ( x. Ga 15,12 ).

**1971 1789.**

Chúng ta nên nói kết *giáo huấn luân lý của các tông đồ* vào bài giảng trên núi ( x. Rm 12,15; 1Cr 12-13; Cl 3-4; Eph 4-5; v.v... ). Các lời dạy này truyền lại giáo huấn của Chúa với thẩm quyền của các tông đồ, đặc biệt trong việc trình bày các nhân đức xuất phát từ lòng tin vào Đức Ki-tô, và được đức mến là hồng ân chính yếu của Chúa Thánh Thần làm cho sống động. "Vì lòng bác ái không được giả hình giả bộ... thương mến nhau với tình huynh đệ... hãy vui mừng vì có niềm hy vọng, cứ kiên nhẫn lúc gặp gian truân và chuyên cần cầu nguyện. Hãy chia sẻ với những người trong dân thánh đang lâm cảnh thiếu thốn, và ân cần tiếp đãi khách đến nhà" (Rm 12,9-13). Các giáo huấn này cũng dạy chúng ta giải quyết những vấn đề lương tâm theo ánh sáng của mối tương quan giữa chúng ta với Chúa Ki-tô và với Hội Thánh ( x. Rm 14; 1Cr 5-10).

**1972 782 1828.**

Luật mới được gọi là *luật yêu thương* vì dạy ta hành động theo tình yêu mà Thánh Thần thông ban cho, hơn là vì sợ hãi. Luật mới được gọi là ) luật ân sủng, vì nhờ đức tin và các bí tích, chúng ta nhận được sức mạnh của ân sủng để hành động. Luật mới là luật tự do ( x. Gcb 1,25; 2,12 )vì giải thoát chúng ta khỏi những trói buộc về nghi thức và pháp lý cũ, giúp chúng ta hành động theo sự thôi thúc của đức mến, và sau hết nâng chúng ta từ tình trạng tội tở "không biết việc

chủ làm", lên bậc bạn hữu của Đức Ki-tô "vì tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha Thầy thì Thầy đã tỏ cho anh em biết" (Ga 15,15) và làm con thừa tự nữa ( x. Gl 4,1-7. 21-31; Rm 8,15 ).

### **1973 2053 915.**

Ngoài các giới luật, Luật Mới còn có những lời khuyên Phúc Âm. Truyền thống phân biệt các điều răn của Thiên Chúa với các lời khuyên Phúc Âm dựa trên tương quan với đức mến, là đỉnh cao của đời sống ki-tô hữu. Các điều răn ngăn cấm những gì nghịch với đức mến. Các lời khuyên nhằm loại bỏ những điều dù không nghịch với đức mến nhưng có thể cản trở đức mến phát triển ( T.Tô-ma Aquinô 2-2; 184,3 ).

### **1974 2013.**

Các lời khuyên Phúc Âm bày tỏ đức mến viên mãn sống động, một đức mến không cho phép chúng ta thỏa mãn với những gì đã làm được. Các lời khuyên minh chứng sức năng động của đức mến và mời gọi chúng ta có một tư thế sẵn sàng nội tâm. Luật mới đạt tới mức hoàn hảo trong giới luật mến Chúa yêu người. Các lời khuyên giới thiệu những con đường thẳng, những phương thế thuận lợi và được thực hành tùy theo ơn gọi của mỗi người :

"Thiên Chúa không muốn mỗi người đều phải giữ tất cả các lời khuyên, mà chỉ giữ những lời khuyên nào thích hợp với từng người, từng thời đại, trường hợp và sức lực khác nhau tùy đức mến đòi hỏi; vì đức mến là nữ hoàng của mọi nhân đức; mọi giới răn, mọi lời khuyên, nói chung của mọi lề luật và hành động theo tinh thần Đức Ki-tô, nên đức mến ban cho chúng tất cả: thứ bậc, trật tự, thời gian và giá trị" ( T. Phan-xi-cô Xa-lê-si-ô, 8,6).

## **TÓM LƯỢC**

**1975.**

*Theo Thánh Kinh, luật là lời Thiên Chúa như người cha dạy dỗ con cái, qui định cho con người những nẻo đường dẫn tới chân phúc Thiên Chúa hứa và cấm con người đi vào đường sự dữ.*

**1976.**

*Luật là qui định trật tự theo lý trí nhằm phục vụ công ích, được người phụ trách cộng đoàn công bố ( T. Tô-ma A-qui-nô 1-2,90,4 ).*

**1977.**

*Đức Ki-tô là cùng đích của lề luật (Rm 10,4), chỉ có Người dạy dỗ và ban sự công chính của Thiên Chúa.*

**1978.**

*Luật tự nhiên là sự tham dự của con người (được tạo dựng theo hình ảnh Đấng Sáng Tạo) vào sự khôn ngoan và nhân từ của Thiên Chúa. Luật tự nhiên nói lên phẩm giá con người và xác định nền tảng các quyền và các bổn phận cơ bản của con người.*

**1979.**

*Luật tự nhiên thì bất biến và trường tồn qua dòng lịch sử. Về cơ bản, những qui luật diễn tả luật tự nhiên, vẫn luôn có giá trị. Luật tự nhiên là cơ sở cần thiết cho việc thiết lập các qui luật luân lý và cho luật dân sự.*

**1980.**

*Luật cũ là bước đầu của luật mặc khải. Những qui định luân lý của luật cũ được tóm lược trong Mười Điều Răn.*

**1981.**

*Luật Mô-sê nêu ra nhiều chân lý mà lý trí tự nhiên có thể đạt tới. Thiên Chúa đã mặc khải các chân lý ấy bởi vì con người đã không đọc ra chúng trong lòng mình.*

**1982.**

*Luật cũ là sự chuẩn bị cho Tin Mừng.*

**1983.**

*Luật mới là ân sủng của Chúa Thánh Thần ban cho các tín hữu nhờ tin vào Đức Ki-tô. Người tín hữu thực thi luật mới bằng đức mến. Chúa Ki-tô dùng Bài Giảng Trên Núi để diễn tả những điểm chính của luật mới và dùng các bí tích để thông ban ân sủng cho con người thực thi luật đó.*

**1984.**

*Luật Tin Mừng hoàn tất trời vượt và kiện toàn luật cũ: kiện toàn các lời hứa của luật cũ bằng các mối phúc của Nước Trời, kiện toàn các điều răn của luật cũ bằng canh tân tâm hồn là nơi phát xuất mọi hành vi.*

**1985.**

*Luật mới là luật yêu thương, luật ân sủng, luật tự do.*

**1986.**

*Ngoài những giới luật, luật mới còn gồm những lời khuyên Phúc Âm "sự thánh thiện của Hội Thánh cũng được đặc biệt khích lệ bởi nhiều lời khuyên Chúa đã đề ra trong Phúc Âm cho các môn đệ noi theo" (x. LG 42).*

## Mục 2

# ÂN SÙNG VÀ SỰ CÔNG CHÍNH HOÁ

## I. CÔNG CHÍNH HÓA

**1987 734.**

Ân sùng của Chúa Thánh Thần có quyền năng công chính hóa chúng ta, nghĩa là thanh tẩy chúng ta sạch tội lỗi, và được "Thiên Chúa làm cho nên công chính nhờ tin vào Đức Giê-su Ki-tô" (Rm 3,22) và nhờ bí tích Thánh Tẩy : ( T. Tô-ma A-qui-nô 1-2; 90,4 )

"Nếu chúng ta đã cùng chết với Đức Ki-tô , chúng ta cũng sẽ cùng sống với Người, đó là niềm tin của chúng ta. Vì biết rằng : một khi Đức Ki-tô đã sống lại từ cõi chết, thì không bao giờ Người chết nữa, cái chết chẳng còn quyền chi đối với Người. Người đã chết là chết đối với tội lỗi, và một lần là đủ. nay Người sống là sống cho Thiên Chúa. Anh em cũng vậy, hãy coi mình như đã chết đối với tội lỗi, nhưng nay lại sống cho Thiên Chúa, vì được kết hợp với Đức Giê-su Ki-tô" (Rm 6, 8-11).

**1988 654.**

Nhờ quyền năng Thánh Thần, chúng ta dự phần vào cuộc khổ nạn của Đức Ki-tô bằng cách chết cho tội lỗi, và dự phần vào sự phục sinh của Người bằng việc tái sinh vào đời sống mới; chúng ta là những chi thể của Thân Thể Người là Hội Thánh ( x. 1Cr 12 ), là những ngành nho được ghép vào Thân nho là chính Đức Ki-tô ( x. Ga 15,1-4 ):

460.

"Nhờ Thánh Thần chúng ta được tham dự vào đời sống Thiên Chúa. Nhờ lãnh nhận Thánh Thần, chúng ta được thông phần bản tính Thiên Chúa.... Vì thế, những kẻ nào được Chúa Thánh Thần ở cùng, đều được thần hóa (T. A-ta-na-si-ô 1, 24).

**1989 1427.**

Công trình đầu tiên Chúa Thánh Thần thực hiện nơi con người là *sự hoán cải*, nghĩa là cho họ nên công chính như lời rao giảng của Đức Giê-su từ buổi đầu của Tin Mừng : "Anh em phải sám hối, vì triều đại Thiên Chúa đã đến gần" ( Mt 4,17). Dưới tác động của ân sủng, con người quay về với Thiên Chúa và từ bỏ tội lỗi, nhờ đó được Thiên Chúa ban ơn tha thứ và sự công chính. "Như thế, công chính hóa không chỉ là tha tội, mà còn thánh hóa và canh tân con người nội tâm"(Cđ Tren-tô : DS 1528).

**1990 1446 1733.**

Ơn công chính hóa *giải thoát con người và thanh luyện tâm hồn khỏi tội lỗi* nghịch với tình yêu Thiên Chúa. Ơn công chính hóa xuất phát từ sáng kiến của Thiên Chúa giàu lòng thương xót và hằng tha thứ. Khi được công chính hóa, con người được hòa giải với Thiên Chúa, được giải phóng khỏi ách tội lỗi và được chữa lành.

**1991 1812.**

Ơn công chính hóa còn là việc chúng ta *đón nhận sự công chính* Chúa ban cho, nhờ tin vào Đức Giê-su Ki-tô. Sự công chính ở đây chỉ sự công minh chính trực của tình yêu Thiên Chúa. Cùng với ơn công chính hóa, Thiên Chúa ban cho chúng ta đức tin, cậy và mến, và ơn biết phục tùng thánh ý Chúa.

1992 617 1266 294.

Chúng ta được công chính hóa *nhờ cuộc khổ nạn của Đức Ki-tô*, Đấng đã dâng mình trên Thánh Giá làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa, và Máu Người trở nên phương tiện đền tội cho mọi người. Chúng ta lãnh nhận ơn công chính hóa nhờ bí tích Thánh Tẩy, bí tích của đức tin. Ơn công chính hóa giúp ta sống phù hợp với sự công chính của Thiên Chúa, Đấng dùng quyền năng của lòng thương xót biến đổi nội tâm ta nên công chính. Mục đích của ơn công chính hóa là tôn vinh Thiên Chúa, tôn vinh Đức Ki-tô, và ban tặng cho ta sự sống vĩnh cửu ( Cđ. Tren-tô : DS 1529 ).

"Nhưng ngày nay, Thiên Chúa đã cho thấy cách Người làm cho người ta nên công chính mà không cần đến luật Mô-sê. Điều này sách luật Mô-sê và các ngôn sứ làm chứng. Quả thế, Thiên Chúa làm cho người ta nên công chính nếu họ tin vào Đức Giê-su Ki-tô. Tất cả những ai tin đều được như thế: bất kể là người Do thái hay dân ngoại. Thật vậy, mọi người đã phạm tội và bị tước mất vinh quang Thiên Chúa, nhưng họ được trở nên công chính do ân huệ Thiên Chúa ban nhưng không nhờ công trình cứu chuộc thực hiện trong Đức Giê-su Ki-tô. Thiên Chúa đã định cho Đức Ki-tô Giê-su phải đổ máu mình ra làm hi lễ đem lại ơn tha tội cho những ai tin. Như vậy, Thiên Chúa cho thấy Người là Đấng Công Chính. Trước kia, trong thời Thiên Chúa nhẫn nại, Người đã bỏ qua các tội lỗi người ta phạm. Nhưng bây giờ, Người muốn cho thấy rằng, Người là Đấng Công Chính, nghĩa là Người vừa công chính vừa làm cho kẻ sống nhờ lòng tin vào Đức Giê-su Ki-tô được nên công chính" (Rm 3,21-26).

**1993 2008.**

Ơn công chính hóa mở đầu cho *sự cộng tác giữa ân sủng Thiên Chúa và sự tự do của con người*. Về phía con người, ơn công chính hóa được biểu lộ qua sự ưng thuận tin theo lời Thiên Chúa mời gọi hoán cải, và qua sự cộng tác bằng đức mến vào tác động của Chúa Thánh Thần, Đấng khởi xướng và gìn giữ sự ưng thuận đó :

2068.

Khi Thiên Chúa dùng ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần, đánh động tâm hồn con người, con người không phải là không làm gì nhưng đã đón nhận ơn soi sáng này và là ơn họ có thể khước từ. Tuy nhiên, không có ân sủng Chúa, họ cũng không thể nhờ ý chí tự do của mình đạt tới sự công chính trước mặt Thiên Chúa ( Cđ. Tren-tô, DS 1525 ).

**1994 312 412.**

Ơn công chính hóa là *công trình tuyệt hảo của tình yêu Thiên Chúa* được biểu lộ trong Đức Giê-su Ki-tô và được Chúa Thánh Thần ban tặng. Thánh Âu-tinh cho rằng "việc công chính hóa kẻ vô đạo là một công trình còn lớn lao hơn cả việc tạo dựng trời đất", bởi vì "trời đất sẽ qua đi, còn ơn cứu độ và công chính hóa các kẻ được tuyển chọn vẫn tồn tại" ( x. Ev, G 72,3 ). Thánh nhân còn cho rằng sự công chính hóa các kẻ tội lỗi vượt trên công trình tạo dựng các thiên thần trong sự công chính, vì cho thấy rõ hơn lòng thương xót lớn lao của Thiên Chúa.

**1995 741.**

Chúa Thánh Thần là vị thầy nội tâm. Ơn công chính hóa khai sinh "con người nội tâm" ( x. Rm 7,22; Eph 3,16 ) và đem lại *ơn thánh hóa toàn thể con người* :

"Trước đây, anh em đã dùng chi thể của anh em làm nô lệ những điều ô uế và sự vô luân, để trở thành vô luân, thì nay, anh em cũng hãy dùng chi thể làm nô lệ sự công chính để trở nên thánh thiện...Giờ đây, anh em đã được giải thoát khỏi ách tội lỗi mà trở thành nô lệ của Thiên Chúa, anh em thu được kết quả là được trở nên thánh thiện, và rốt cuộc được sống đời đời" ( x. Rm 6,19.22 ).

## II. ÂN SÙNG

### **1996 153.**

Chúng ta được công chính hóa nhờ ân sủng của Thiên Chúa. Ân sủng là một *ân huệ, một trợ giúp nhưng không* mà Thiên Chúa ban để chúng ta đáp lại tiếng gọi của Người : trở thành con cái Thiên Chúa ( x. Ga 1,12-18 ), làm nghĩa tử ( x. Rm 8,14-17 ), tham dự vào bản tính Thiên Chúa ( x. 2Pr 1, 3-4 ) và vào sự sống đời đời ( x. Ga 17,3 ).

### **1997 375 260.**

Ân sủng cho chúng ta *tham dự vào sự sống Thiên Chúa*, vào đời sống thâm sâu của Ba Ngôi Thiên Chúa. Nhờ bí tích Thánh Tẩy, người Ki-tô hữu tham dự vào ân sủng của Đức Ki-tô, Đầu của Thân Thể. Nhờ kết hiệp với "Con Một Thiên Chúa", họ trở thành nghĩa tử và được gọi Thiên Chúa là "Cha". Họ lãnh nhận sự sống của Chúa Thánh Thần, Đấng thông ban đức mến và xây dựng Hội Thánh.

### **1998 1719.**

Ôn gọi vào sự sống vĩnh cửu là một *ơn siêu nhiên*, tùy thuộc hoàn toàn vào sáng kiến nhưng không của Thiên Chúa, vì chỉ mình Người mới có thể tự mặc khải và tự hiến. Ôn gọi ấy vượt mọi khả năng của trí tuệ và ý chí con người, cũng như của mọi thụ tạo ( x. 1Cr 2,7-9 ).

1999 1966

Ân sủng của Đức Ki-tô là ân huệ nhưng không, qua đó Thiên Chúa ban cho chúng ta sự sống của Người. Nhờ Thánh Thần, Thiên Chúa ban sự sống đó vào linh hồn để chữa trị tội lỗi và thánh hóa chúng ta. Đó là *on thánh hóa hay on thần hóa* nhận được trong bí tích Thánh Tẩy. Trong chúng ta, ơn này là căn nguyên của công trình thánh hóa ( x. Ga 4,14; 7, 38-39 ):

"Phàm ai kết hợp với Đức Ki-tô đều là thụ tạo mới, cái cũ đã qua, cái mới đã có đây rồi. Mọi sự ấy đều do bởi Thiên Chúa, là Đấng đã nhờ Đức Ki-tô mà cho chúng ta được hòa giải với Người" ( 2 Cr 5,17-18).

**2000.**

Ơn thánh hóa là một ân huệ thường tồn, một trạng thái siêu nhiên bền vững, hoàn thiện linh hồn để chúng ta có thể sống với Thiên Chúa và hành động nhờ tình yêu của Người. Chúng ta phân biệt ơn thường sủng và ơn hiện sủng. Ơn thường sủng là trạng thái thường xuyên để sống và hành động theo tiếng gọi của Thiên Chúa, và ơn hiện sủng là những can thiệp của Thiên Chúa lúc khởi đầu cuộc hoán cải hoặc trong quá trình thánh hóa.

**2001 490.**

*Chuẩn bị cho con người* đón nhận ân sủng cũng đã là một công trình của ân sủng. Việc chuẩn bị này cần thiết để khơi dậy và nâng đỡ sự cộng tác của chúng ta vào việc công chính hóa nhờ đức tin, vào việc thánh hóa nhờ đức mến. Thiên Chúa hoàn thành nơi ta điều Người đã khởi sự "vì Người khởi sự bằng cách tác động thế nào để chúng ta ước muốn, và Người hoàn thành bằng cách hợp tác với ý muốn đã được hoán cải của chúng ta" ( T.Âu-tinh, 17 ):

"Chúng ta cũng làm việc nhưng chỉ cùng làm với Thiên Chúa, Đấng đang hoạt động. Thiên Chúa giàu lòng thương xót đi bước trước để chữa lành chúng ta và một khi chúng ta được chữa lành, Người vẫn dõi theo để chúng ta được tác sinh; Thiên Chúa giàu lòng thương xót đi bước trước để kêu gọi chúng ta, Người vẫn dõi theo chúng ta để chúng ta được vinh quang; Thiên Chúa giàu lòng thương xót đi bước trước để giúp chúng ta sống theo lòng nhân hậu, người vẫn dõi theo chúng ta để chúng ta sống mãi với Người; vì không có Người, chúng ta chẳng làm được gì" ( T.Âu-tinh, 31 ).

**2002 1742.**

Thiên Chúa tự do khởi xướng và Người muốn) *con người đáp trả với tất cả tự do*. Khi tạo dựng con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa không chỉ ban cho họ sự tự do mà còn ban khả năng nhận biết và yêu mến Người. Chỉ khi tự nguyện, con người mới có thể bước vào hiệp thông tình yêu. Thiên Chúa trực tiếp lay động lòng người. Thiên Chúa đặt trong con người khát vọng chân lý và điều thiện mà chỉ có Người mới có thể thỏa mãn. Lời hứa ban sự sống đời đời đáp lại khát vọng này, vượt trên mọi mong ước của con người :  
2550.

"Chúa đã nghỉ ngơi ngày thứ bảy sau khi hoàn tất công trình rất tốt đẹp của Chúa... chính là để nói trước với chúng ta qua lời Sách Thánh rằng, sau khi hoàn tất công trình rất tốt đẹp của chúng con mà chính Chúa đã ban tặng, thì đến lượt chúng con, chúng con cũng hưởng ngày hưu lễ của cuộc sống trường sinh và nghỉ ngơi trong Chúa" (T.Âu-tinh, tự thuật 13, 36. 51)

**2003 1108 1127 799-801.**

Ân sủng trước tiên và chính yếu là hồng ân Thánh Thần để công chính hóa và thánh hóa chúng ta. Nhưng ân sủng cũng gồm các hồng ân Chúa Thánh Thần ban để liên kết chúng ta vào công trình của Người, ban cho chúng ta khả năng cộng tác vào công trình cứu độ tha nhân và làm phát triển Thân Thể Chúa Ki-tô là Hội Thánh. Đó là *các ân sủng bí tích*, mỗi bí tích ban ơn riêng. Ngoài ra, còn có các ân sủng đặc biệt gọi là *đặc sủng* theo từ Hi Lạp thánh Phao-lô sử dụng có nghĩa là đặc ân, quà tặng nhưng không, ân huệ ( x. LG 12 ). Dù có đặc tính nào đi nữa, đôi khi là ngoại thường, như ơn làm phép lạ hay nói tiếng lạ, các đặc sủng cũng đều qui hướng về ơn thánh hóa và có mục đích phục vụ lợi ích chung của Hội Thánh. Các đặc sủng đều phục vụ cho đức mến để xây dựng Hội Thánh ( x. 1Cr 12 ).

#### **2004.**

Trong các ân sủng, phải nêu lên các ơn chức phận được ban cho người thi hành các bổn phận của đời sống ki-tô hữu và các thừa tác vụ trong lòng Hội Thánh :

"Chúng ta có những đặc sủng khác nhau tùy theo ân sủng Thiên Chúa ban cho mỗi người. Ai được ơn làm ngôn sứ, thì phải nói sao cho phù hợp với đức tin. Ai được ơn phục vụ, thì phải phục vụ. Ai được ơn giảng dạy, thì hãy giảng dạy. Ai được ơn khuyên bảo, thì hãy khuyên bảo. Ai chia cơm sẻ áo thì phải thật lòng. Ai chủ tọa thì phải có nhiệt tâm. Ai làm việc bác ái, thì hãy vui vẻ mà làm" (Rm 12, 6-8).

#### **2005.**

Ân sủng thuộc bình diện siêu nhiên, nên *vượt tâm kinh nghiệm* của chúng ta, và chỉ nhận biết được bằng đức tin. Cho nên chúng ta không thể dựa trên tình cảm hay các việc làm của chúng ta để suy luận rằng, chúng ta đã được

công chính hóa và được cứu rỗi ( Cđ. Tren-tô: DS 1533-15324 ). Tuy nhiên, theo lời Chúa phán : "Cứ xem họ sinh hoa quả nào thì biết họ là ai" ( Mt 7,20), việc nhìn xem các ân huệ của Thiên Chúa trong đời sống chúng ta và trong đời sống các thánh, cống hiến cho chúng ta một bảo đảm rằng ân sủng đang hoạt động trong chúng ta và khuyến khích chúng ta tiến tới một đức tin lớn mạnh hơn, và một thái độ nghèo khó đầy tín thác.

"Một trong những minh họa đẹp nhất của thái độ này là câu trả lời của thánh nữ Gio-a-na thành Ars trước một câu hỏi gài bẫy của các quan tòa : "Khi bị hỏi : cô biết mình có ân nghĩa với Chúa không; Người trả lời : "nếu tôi chưa có, xin Chúa ban cho tôi, nếu tôi có rồi, xin Chúa thương gìn giữ tôi trong ân nghĩa Người" (T.Gio-a-na thành Ars).

### III. CÔNG PHÚC

"Chúa được tôn vinh nơi cộng đồng chư thánh, vì khi tuyên dương công trạng của họ, Chúa tuyên dương ân sủng của Người" ( x. Sách lễ Rô-ma, tiền tụng lễ các thánh, dựa theo lời của thánh Âu-tinh, vị tiên sĩ về ân sủng, Tv 102,7 ).

**2006** 1723 1807.

Cộng đoàn hay tập thể phải "*trả công*" cho hành động của một thành viên : thưởng khi có công, phạt khi có tội. Đây là đòi hỏi của đức công bình vì phù hợp với nguyên tắc bình đẳng. Hành động đáng thưởng được gọi là "*công trạng*" của một người.

**2007** 42

Theo đúng nghĩa, con người không có công trạng gì trước mặt Thiên Chúa. Giữa Thiên Chúa và con người có

một sự chênh lệch vô tận, vì tất cả những gì chúng ta có đều nhận được từ Đấng Sáng Tạo.

**2008 306 155 .970.**

Vì Thiên Chúa đã tự do an bài cho con người cộng tác với ân sủng nên trong cuộc sống, người ki-tô hữu có thể lập được công trạng trước mặt Thiên Chúa. Khởi điểm cho sự cộng tác này luôn là hành động của Thiên Chúa là Cha, Đấng thôi thúc con người hành động tự do đến mức có thể nói, công trạng đầu tiên thuộc về ân sủng của Thiên Chúa, sau đó mới qui về người tín hữu. Hơn nữa, công trạng của con người phải qui về Thiên Chúa, vì những việc lành của họ xuất phát từ Đức Ki-tô, nhờ Chúa Thánh Thần gọi hứng và trợ lực.

**2009 604.**

Khi nhận chúng ta làm nghĩa tử, Thiên Chúa cho chúng ta thông hiệp bản tính của Người. Ôn nghĩa tử cũng đem lại cho chúng ta một *công trạng đích thực* dựa theo đức công chính nhưng không của Thiên Chúa. Đây là một quyền xuất phát từ ân sủng, quyền vô song xuất phát từ tình yêu Thiên Chúa biến chúng ta thành kẻ "đồng thừa tư" với Đức Ki-tô và xứng đáng lãnh nhận "gia tài đã hứa là đời sống vĩnh cửu" ( Cđ. Tren-tô : DS 1546 ). Công trạng các việc lành của chúng ta là hồng ân do lòng nhân hậu của Thiên Chúa. "Ân sủng đã đi trước, giờ đây chúng ta phải đền đáp những gì đã lãnh nhận... Công trạng là hồng ân của Thiên Chúa" ( T. Âu-tinh, bài giảng 298,4-5 )

**2010 1998.**

Trên bình diện ân sủng, *không ai lập được công trạng để đáng lãnh nhận ân sủng tiên khởi* mở đầu cho các ơn hoàn cải, tha thứ và công chính hóa, vì sáng kiến là do Thiên Chúa. Sau đó dưới tác động của Thánh Thần và đức mến,

*chúng ta mới có thể lập công để đáng lãnh nhận cho mình và cho tha nhân, những ân sủng hữu ích cho việc thánh hóa, gia tăng ân sủng và tình yêu, cũng như đạt được đời sống vĩnh cửu. Theo sự khôn ngoan của Thiên Chúa, chúng ta cũng có thể lập công để đáng lãnh nhận những lợi ích trần thế như sức khỏe, tình bạn . Ki-tô hữu vẫn nguyện xin Thiên Chúa ban cho mình các ân sủng và lợi ích này. Lời cầu nguyện có thể làm Thiên Chúa thương, ban ân sủng cần thiết giúp chúng ta thực hành những việc đáng thưởng công.*

**2011 492.**

*Tình yêu Đức Ki-tô trong ta là nguồn mọi công trạng của ta trước mặt Thiên Chúa. Ân sủng kết hợp chúng ta với Đức Ki-tô trong tình yêu năng động, bảo đảm tính siêu nhiên của các việc chúng ta làm và do đó bảo đảm công trạng trước mặt Thiên Chúa và con người. Các thánh luôn ý thức mãnh liệt, công trạng của họ hoàn toàn do ân sủng.*

*1460.*

“Sau cuộc lưu đày trần thế, con hy vọng được vui hưởng nhan Chúa nơi quê thật trên trời. Con không muốn thu thập công trạng để được lên thiên đàng, con làm việc chỉ vì *tình yêu Chúa mà thôi*....Cuối cuộc đời này, con đến trình diện trước mặt Chúa với đôi bàn tay không, vì, lạy Chúa, con không xin Chúa đếm các việc con làm. Mọi điều công chính của chúng con đều mang tì vết trước nhan Chúa. Con chỉ ao ước mặc lấy *sự công chính* của Chúa và đón nhận từ *tình yêu* Chúa phần *gia nghiệp* đời đời là chính Chúa (FT. Tê-rê-sa Hải Đồng Giê-su, tận hiến cho tình yêu nhân từ”

#### **IV. SỰ THÁNH THIỆN KITÔ GIÁO**

**2012 459.**

"Chúng ta biết rằng: Thiên Chúa làm cho mọi sự sinh lợi ích cho những ai yêu mến Người... Vì những ai Người đã biết từ trước, thì Người đã tiền định cho họ nên đồng hình đồng dạng với Con của Người, để Con của Người làm trưởng tử giữa một đàn em đông đúc. Những ai Thiên Chúa đã tiền định, thì Người kêu gọi; những ai Người đã kêu gọi, thì Người cũng làm cho nên công chính; những ai Người đã làm cho nên công chính, thì Người cũng cho hưởng phúc vinh quang" ( x. Rm 8, 28-30 ).

**2013 915, 2545 825.**

"Vì thế, mọi người đều thấy rõ ràng, tất cả các ki-tô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Ki-tô giáo và đến sự trọn lành của đức mến" ( x. LG 40 ). Thiên Chúa mời gọi con người nên thánh : "Anh em hãy nên hoàn thiện, như Cha của anh em, Đấng ngự trên trời là Đấng hoàn thiện" x. Mt 5,48).

"Để đạt được sự trọn lành đó, tín hữu phải sử dụng những sức lực mà Chúa Ki-tô đã ban nhiều ít tùy ý Người, để... khi thực hành thánh ý Chúa Cha trong tất cả mọi sự, họ sẽ hết lòng tìm vinh danh Chúa và phục vụ tha nhân. Như thế, sự thánh thiện của dân Thiên Chúa sẽ sinh hoa trái dồi dào, như lịch sử Hội Thánh đã từng minh chứng rõ ràng qua đời sống của bao vị thánh" ( x. LG 40).

**2014 774.**

Người Ki-tô hữu phát triển đời sống thiêng liêng nhằm kết hiệp ngày càng mật thiết hơn với Đức Ki-tô. Sự kết hiệp này được gọi là " thần bí", vì nhờ các bí tích và các mầu nhiệm thánh, người tín hữu được tham dự vào mầu nhiệm Đức Ki-tô, và trong Đức Ki-tô, họ còn được tham dự vào mầu nhiệm của Ba Ngôi Chí Thánh. Thiên Chúa mời gọi tất

cả chúng ta tới kết hiệp mật thiết với Người, dù Thiên Chúa chỉ ban những ân sủng đặc biệt và dấu chỉ ngoại thường về đời sống thần bí này cho một số người, để làm nổi bật những ân sủng Người ban tặng cho tất cả chúng ta.

**2015 407, 2725 1438.**

Con đường tiến đến hoàn thiện phải ngang qua Thập Giá. Không thể nào đạt được sự thánh thiện, nếu không có từ bỏ và chiến đấu nội tâm. Sự tiến bộ thiêng liêng đòi phải có tu luyện và khổ chế, từng bước giúp người tín hữu sống trong bình an và hoan lạc của các mối phúc thật.

"Muốn lên cao, phải bắt đầu lại mãi, bắt đầu này tiếp nối bắt đầu kia. Ai trèo lên sẽ không ngừng mơ ước điều họ đã biết" (T. Ghê-gô-ri-ô thành Nit-sê, bài giảng 8 )

**2016 162 , 1821 127.**

Là con cái của Mẹ Hội Thánh, chúng ta hy vọng *Thiên Chúa là Cha sẽ ban ơn trợ lực giúp chúng ta bền đỗ đến cùng và ban phần thưởng cho các việc làm*, mà nhờ ân sủng của Người , chúng ta đã làm trong sự kết hiệp với Đức Giê-su. Vì cùng sống theo một quy luật, chúng ta được chia sẻ "niềm hy vọng hồng phúc" với những người mà Thiên Chúa nhân hậu đã quy tụ trong "thành thánh Giê-ru-sa-lem mới từ trời, từ nơi Thiên Chúa mà xuống, sẵn sàng như tân nương trang điểm để đón tân lang" (Kh 21,2).

## **TÓM LƯỢC**

**2017**

*Ân sủng của Chúa Thánh Thần ban cho chúng ta sự công chính của Thiên Chúa. Qua đức tin và bí tích Thánh Tẩy, Chúa Thánh Thần kết hợp chúng ta vào cuộc Khổ Nạn*

và Phục Sinh của Đức Ki-tô và cho chúng ta tham dự vào cuộc sống của Đức Ki-tô.

## **2018**

Cũng như ơn hoán cải, ơn công chính có hai mặt. Dưới tác động của ân sủng, con người quay về với Thiên Chúa và từ bỏ tội lỗi ; nhờ đó, được Thiên Chúa ban ơn tha thứ và sự công chính.

## **2019**

Ơn công chính hóa bao gồm ơn tha thứ tội lỗi, ơn thánh hóa và canh tân con người nội tâm.

## **2020**

Cuộc Khổ Nạn của Đức Ki-tô là nguồn ơn công chính hóa cho mọi người. Ơn này được ban cho chúng ta qua bí tích Thánh Thể, giúp chúng ta sống phù hợp với sự công chính của Thiên Chúa, Đáng làm cho ta nên công chính. Ơn công chính hóa nhằm vào việc tôn vinh Thiên Chúa, tôn vinh Đức Ki-tô và ban tặng cho ta sự sống vĩnh cửu. Đây là công trình tuyệt hảo của Thiên Chúa giàu lòng thương xót.

## **2021**

Ân sủng là sự trợ giúp của Thiên Chúa để chúng ta đáp lại lời mời gọi làm nghĩa tử của Người. Ân sủng đưa chúng ta vào cuộc sống thâm sâu của Ba Ngôi Thiên Chúa.

## **2022**

Trong công trình của ân sủng, Thiên Chúa có sáng kiến khởi xướng, chuẩn bị và gọi lên lời đáp trả tự do của con người. Ân sủng đáp ứng những khát vọng sâu xa của con người tự do. Ân sủng kêu gọi con người tự do cộng tác và kiện toàn sự tự do của họ.

## **2023**

*Ơn thánh hóa là ơn nhưng không, qua đó Thiên Chúa ban cho chúng ta sự sống của Người. Chúa Thánh Thần ban ơn này vào linh hồn, để chữa trị tội lỗi và thánh hóa chúng ta.*

## **2024**

*Ơn thánh hóa làm cho chúng ta nên đẹp lòng Thiên Chúa. Còn đặc sủng là những ơn đặc biệt của Chúa Thánh Thần, qui về ơn thánh hóa, nhằm mưu ích chung cho Hội Thánh. Thiên Chúa còn hành động qua nhiều ân sủng trợ lực, rất đa dạng, mà chúng ta phân biệt với thường sủng vẫn hoạt động nơi chúng ta.*

## **2025**

*Chúng ta có lập được công trạng trước mặt Chúa là do ý định tự do của Người muốn chúng ta cộng tác vào công trình ân sủng. Công trạng đầu tiên thuộc về ân sủng của Thiên Chúa, thứ đến mới tới sự cộng tác của con người. Công trạng của con người phải qui về Thiên Chúa.*

## **2026**

*Vì Thiên Chúa đón nhận chúng ta làm nghĩa tử, nên ân sủng của Thánh Thần có thể đem lại cho chúng ta một công trạng đích thực dựa theo đức công chính nhưng không của Thiên Chúa. Đức mến trong ta là cội nguồn chính yếu, để ta có được công trạng trước mặt Thiên Chúa.*

## **2027**

*Không ai lập được công trạng để lãnh nhận ân sủng tiên khởi mở đầu cho hoán cải. Dưới tác động của Thánh Thần, chúng ta có thể lập được công trạng cho mình và cho tha nhân để đón nhận tất cả những ân sủng hữu ích nhằm đạt*

tới đời sống vĩnh cửu, cũng như các lợi ích cần thiết ở trần gian.

**2028**

*"Mọi người đều thấy rõ ràng tất cả các ki-tô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Ki-tô giáo và đến sự trọn lành của đức mến" ( x. LG 40 ). "Sự trọn lành Ki-tô giáo chỉ có một giới hạn, đó là không có giới hạn nào cả" (T. Ghê-gô-ri-ô thành Nit-sê ).*

**2029**

*"Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo" ( Mt 16, 24).*

### Mục 3

## GIÁO HỘI LÀ MẸ VÀ THẦY

**2030 828 1172.**

Chính trong Hội Thánh, nghĩa là trong sự hiệp thông với các tín hữu mà người Ki-tô hữu chu toàn ơn gọi của mình. Từ nơi Hội Thánh, chúng ta đón nhận Lời Thiên Chúa chứa đựng các giáo huấn của "Luật Chúa Ki-tô" (Gl 6,2). Từ nơi Hội Thánh, chúng ta nhận lãnh ân sủng, các bí tích để được nâng đỡ trên "con đường lữ hành". Từ nơi Hội Thánh chúng ta học biết  *gương thánh thiện*, nhận ra hình ảnh và cội nguồn sự thánh thiện này nơi Trinh nữ Ma-ri-a rất thánh, nhận ra sự thánh thiện này qua chứng từ chân chính của những kẻ đang sống thánh thiện, khám phá sự thánh thiện này trong truyền thống linh đạo và lịch sử chur thánh đã đi

trước họ và đã được phụng vụ mừng kính theo chu kỳ chư thánh.

**2031 1368.**

*Đời sống luân lý là một việc thờ phượng thiêng liêng.* Chúng ta "dâng hiến thân xác mình làm của lễ sống động, thánh thiện, đẹp lòng Thiên Chúa" ( x. Rm 12,1 ), trong Thân Thể Đức Ki-tô mà chúng ta là chi thể, và trong sự hiệp thông với hy lễ Thánh Thể của Người. Qua phụng vụ và việc cử hành các bí tích, lời cầu nguyện và lời giảng dạy kết hợp với ân sủng Đức Ki-tô, để soi sáng và nuôi dưỡng đời sống Ki-tô hữu. Cũng như toàn thể đời sống Ki-tô hữu, đời sống luân lý bắt nguồn và đạt tới đỉnh cao trong hy lễ Thánh Thể.

85-87888-892.

## **I. ĐỜI SỐNG LUÂN LÝ VÀ HUẤN QUYỀN CỦA HỘI THÁNH:**

**2032 2246 2420.**

Hội Thánh, là "cột trụ và điểm tựa của chân lý" (1Tm 3,15), "đã nhận từ các tông đồ mệnh lệnh long trọng của Đức Ki-tô là rao giảng chân lý cứu độ" ( x. LG 17 ) "Trong mọi thời và mọi nơi, Hội Thánh có thẩm quyền công bố các nguyên tắc luân lý, cả khi liên hệ đến trật tự xã hội. Hơn nữa, Hội Thánh có quyền phán quyết về tất cả các vấn đề nhân linh, mỗi khi những quyền lợi cơ bản của con người hay phần rỗi của các linh hồn đòi hỏi" ( x. CIC, can,747 ).

**2033 84.**

*Huấn Quyền của các mục tử Hội Thánh* về vấn đề luân lý, thường được thực hiện trong huấn giáo và thuyết giảng, với sự giúp đỡ của các nhà thần học và các tác giả linh đạo. Như thế, "kho tàng luân lý Ki-tô giáo" được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác, được các mục tử hướng dẫn và

bảo vệ : "kho tàng" luân lý Ki-tô giáo, gồm một tổng hợp đặc thù những quy luật, mệnh lệnh và các nhân đức phát sinh từ lòng tin vào Đức Ki-tô và được sinh động nhờ đức mến. Ngoài kinh Tin Kính và kinh Lạy Cha, huấn giáo theo truyền thống đặt căn bản trên Thập Giới vốn trình bày những nguyên tắc của đời sống luân lý có giá trị cho tất cả mọi người.

#### **2034.**

"Đức Giáo Hoàng và các giám mục là những thầy dạy đích thực, nghĩa là có uy quyền của Đức Ki-tô, rao giảng cho dân được trao phó cho các ngài, những điều phải tin và phải áp dụng vào đời sống" ( x. LG 25 ). *Huấn Quyền thông thường* của Đức Giáo Hoàng và các giám mục cùng hiệp thông với người, dạy dỗ cho các tín hữu chân lý phải tin, đức mến phải thực hành, chân phúc phải hy vọng.

#### **2035**

Đặc sủng bất khả ngộ bảo đảm mức độ tham dự cao nhất vào quyền bính của Đức Ki-tô. Ở *"bất khả ngộ"* có phạm vi rộng lớn như kho tàng mặc khải của Thiên Chúa ( x. LG 25 ); liên hệ tới mọi yếu tố của giáo lý, gồm cả luân lý, vì thiếu những yếu tố này, các chân lý cứu độ của đức tin sẽ không được bảo toàn, trình bày hay tuân giữ ( x. CDF, décl. "Mysterium Ecclesiae" 3 ).

#### **2036 1960**

Huấn Quyền còn liên hệ đến các giới luật đặc biệt của *luật tự nhiên*, vì tuân giữ các giới luật ấy, theo Đấng Sáng Tạo đòi hỏi, là điều cần thiết để được cứu rỗi. Khi nhắc lại các quy định của luật tự nhiên, huấn quyền thực thi một phần chính yếu của chức năng ngôn sứ là loan báo cho mọi người chân lý về con người và nhắc nhở họ phải sống thế nào cho đẹp lòng Thiên Chúa (x. DH 14) .

**2037 2041.**

Được Thiên Chúa ủy thác, Hội Thánh dạy cho các tín hữu Luật Thiên Chúa như con đường sự sống và chân lý. Do đó, các tín hữu có quyền ( x. CIC can, 213 ) được giáo huấn về các giới luật cứu độ của Thiên Chúa; những giới luật này có sức thanh luyện óc phán đoán và cùng với ân sủng, chữa lành lý trí bị tổn thương của con người. Họ có *nghĩa vụ* tuân giữ các hiến chế và sắc lệnh do quyền bính hợp pháp của Hội Thánh ban bố. Cả khi những điều này mang tính cách kỷ luật, các tín hữu vẫn phải vâng phục với tình yêu.

**2038 2442.**

Khi giảng dạy và áp dụng luân lý Ki-tô giáo, Hội Thánh cần đến sự tận tâm của các mục tử, kiến thức của các nhà thần học và đóng góp của mọi Ki-tô hữu và mọi người thiện chí. Đức tin và việc thực hành Tin Mừng đem lại cho mỗi người kinh nghiệm sống "trong Đức Ki-tô"; kinh nghiệm này soi sáng và giúp họ đánh giá những thực tại thần linh và nhân loại theo Thánh Thần Thiên Chúa ( x.1Cr 2,10-15 ). Như vậy, Chúa Thánh Thần có thể dùng những kẻ thấp hèn nhất, để soi sáng các người thông thái và những người giữ chức vị cao trọng nhất.

**2039 1783.**

Các thừa tác vụ phải được thi hành với tinh thần phục vụ huynh đệ và tận tụy đối với Hội Thánh nhân danh Chúa ( x.Rm 12,8.11 ). Đồng thời khi đưa ra phán đoán luân lý về các hành vi riêng của mình, thừa tác viên phải tránh việc khép kín trong nhãn giới cá nhân. Họ cần hết sức lưu ý đến lợi ích của mọi người, như được trình bày trong luật luân lý, tự nhiên và mạc khải và dĩ nhiên, trong luật Giáo Hội và giáo huấn có thẩm quyền của huấn quyền về các vấn đề luân lý.

Không nên đối nghịch lương tâm cá nhân và lý trí với luật luân lý hay với Huấn Quyền.

**2040 167.**

Như thế, một *tinh thần hiếu thảo đích thực đối với Hội Thánh* sẽ được triển nở trong các Ki-tô hữu. Đây là sự triển nở bình thường của ân sủng bí tích Thánh Tẩy đã tái sinh chúng ta trong lòng Hội Thánh và làm cho chúng ta trở nên chi thể của Thân Thể Đức Ki-tô. Như người mẹ hiền từ, Hội Thánh thông truyền cho chúng ta lòng thương xót của Thiên Chúa; lòng thương xót này chiến thắng mọi tội lỗi chúng ta, và tác động đặc biệt trong bí tích Hòa Giải. Hằng ngày qua phụng vụ, như người mẹ ân cần, Hội Thánh đem đến cho chúng ta lương thực là Lời Chúa và Thánh Thể.

## **II. CÁC ĐIỀU RĂN HỘI THÁNH**

**2041.**

Các điều răn Hội Thánh nhằm nâng đỡ một đời sống luân lý gắn liền với đời sống phụng vụ và được đời sống này nuôi dưỡng. Tính cách bó buộc của các luật thiết định do các mục tử ban hành này có mục đích bảo đảm cho các tín hữu mức cần thiết phải có trong tinh thần cầu nguyện, trong cố gắng sống hợp với luân lý, trong sự gia tăng lòng mến Chúa yêu người.

**2042 1389 2180.**

Điều răn thứ nhất: “Xem lễ ngày Chúa nhật và các ngày lễ buộc”, các tín hữu buộc phải tham dự thánh lễ và không làm những công việc nô dịch đòi các tín hữu thánh hóa ngày mừng Chúa Phục Sinh, cũng như những lễ phụng vụ chính để tôn kính các mầu nhiệm của Chúa, của Đức Trinh Nữ Ma-ri-a Diễm Phúc, của các thánh, trước hết bằng việc tham dự cử hành Bí Tích Thánh Thể, là bí tích qui tụ

cộng đoàn, và tránh tất cả những công việc tự bản chất ngăn trở việc thánh hóa những ngày ấy ( x. CIC, 1246-1248; CCEO 880, 3; 881 ).

*1457*

Điều răn thứ hai : “Mọi tín hữu buộc phải xưng tội trong một năm ít là một lần” bảo đảm việc chuẩn bị rước Thánh Thể bằng việc chuẩn bị lãnh nhận bí tích Hòa Giải, nối tiếp công việc hoán cải và tha thứ của bí tích Thánh Tẩy ( x. CIC, 989, CCEO, 719 )

*1389*

Điều răn thứ ba : “Mọi tín hữu buộc phải rước Mình Thánh Chúa ít là một lần trong mùa Phục Sinh” bảo đảm mức tối thiểu trong việc rước Mình Máu Chúa Giê-su. Điều răn này phải được chu toàn vào mùa Phục Sinh, vì lễ Phục Sinh là nguồn gốc và là trung tâm của phụng vụ Ki-tô giáo ( x. CIC, 920, CCEO, 708-881 ).

**2043 2177.**

Điều răn thứ tư : “Vào những ngày sám hối do Hội Thánh ấn định, các tín hữu buộc phải kiêng thịt và giữ chay” bảo đảm thời gian tu luyện và sám hối để chuẩn bị tâm hồn mừng các ngày lễ phụng vụ. Chay tịnh và hãm mình góp phần giúp chúng ta làm chủ được các bản năng và đạt tới tự do nội tâm ( x. CIC, 1246, CCEO, 881,1,4; 880,3 ) ).

*1387 1438.*

Điều răn thứ năm: “Các tín hữu buộc phải đóng góp cho các nhu cầu của Hội Thánh” dạy các tín hữu có bổn phận chu cấp cho những nhu cầu vật chất của Hội Thánh, tùy theo khả năng mỗi người ( x. CIC, 222; CCEO 25 ). Trong cương chú, các Hội Đồng Giám Mục có thể ấn định những điều luật

khác nữa của Hội Thánh cho phần lãnh thổ của mình ( x. CIC, 455 ).

### III. ĐỜI SỐNG LUÂN LÝ VÀ BẰNG CHỨNG TRUYỀN GIÁO

**2044** 852, 905.

Các tín hữu sống trung thành với Tin Mừng là một điều kiện chính yếu để Hội Thánh loan báo Tin Mừng và thi hành *sứ mạng trong thế giới*. Sứ điệp cứu độ phải được chứng thực bằng đời sống các Ki-tô hữu, để có thể biểu lộ trước mặt mọi người sức mạnh của chân lý và ánh sáng. "Chứng từ của đời sống Ki-tô hữu và các việc lành được làm với tinh thần siêng năng, có sức lôi kéo người ta đến với đức tin và với Thiên Chúa" ( x. AA. 6 ).

**2045** 828.

Vì là chi thể của Thân Thể mà Đức Ki-tô là Đầu ( x. Eph 1,22 ), các Ki-tô hữu góp phần vào việc *xây dựng Hội Thánh* nhờ kiên định trong xác tín của mình và trong đời sống luân lý. Hội Thánh lớn lên, kiên vững và phát triển nhờ sự thánh thiện của các tín hữu ( x. LG 39 ), "cho đến khi tất cả chúng ta đạt tới con người trưởng thành, tới tầm vóc viên mãn của Đức Ki-tô" (Eph 4,13).

**2046** 671, 2819.

Nhờ sống theo Đức Ki-tô, *các Ki-tô hữu góp phần làm cho Nước Chúa mau đến*, "Vương quốc đầy tràn sự thật, công lý và bình an mau đến" ( x. MR. ). Dù vậy, họ không xao lãng các trách vụ trần thế, nhưng trung thành với Thầy mình, họ chu toàn các nghĩa vụ đó cách ngay thẳng, nhẫn nại và yêu thương.

## **TÓM LƯỢC**

**2047.**

*Đời sống luân lý là một việc thờ phượng thiêng liêng. Đời sống Ki-tô hữu được nuôi dưỡng nhờ phụng vụ và các bí tích.*

**2048.**

*Các điều răn Hội Thánh nhằm vào đời sống Ki-tô giáo và luân lý; đời sống này gắn liền với phụng vụ và được phụng vụ nuôi dưỡng.*

**2049.**

*Huấn Quyền của các mục tử Hội Thánh về vấn đề luân lý thường được thực thi trong huấn giáo và thuyết giảng, dựa trên Thập Giới, vì Thập Giới trình bày những nguyên tắc của đời sống luân lý có giá trị cho tất cả mọi người.*

**2050.**

*Đức Giáo Hoàng và các giám mục là những thầy dạy đích thực rao giảng cho dân Chúa những điều phải tin và phải áp dụng vào đời sống. Các ngài cũng có bốn phận lên tiếng về các vấn đề luân lý trong lãnh vực của luật tự nhiên và của lý trí.*

**2051.**

*On bất khả ngộ của Huấn Quyền liên hệ tới mọi yếu tố của giáo lý, gồm cả luân lý, vì thiếu những yếu tố này, các chân lý cứu độ của đức tin sẽ không được bảo toàn, trình bày hay tuân giữ.*

## MƯỜI ĐIỀU RĂN

*Xh 20,2-17*

2. Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai cập, khỏi cảnh nô lệ.

3. Ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta.

4. Ngươi không được tạc tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao cũng như dưới đất, hoặc ở trong nước, để mà thờ.

5. Ngươi không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ : vì Ta, Đức Chúa Thiên Chúa của ngươi, là một vị thần ghen tuông. Đối với những kẻ ghét Ta, Ta phạt con cháu đến ba bốn đời vì tội lỗi của cha ông.

6. Còn đối với những ai yêu mến Ta và giữ các mệnh lệnh của Ta, thì Ta trọn niềm nhân nghĩa đến ngàn đời.

7. Ngươi không được kêu tên Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi mà làm điều bất xứng, vì Đức Chúa không dung tha kẻ kêu tên Người mà làm điều bất xứng.

8. Ngươi hãy nhớ ngày Sa-bát, mà coi đó là ngày thánh.

9. Trong sáu ngày, ngươi sẽ lao động và làm mọi công việc của ngươi.

10. Còn ngày thứ bảy là ngày Sa-bát kính Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi. Ngày đó ngươi không được làm

công việc nào, cả người cũng như con trai con gái, tôi tớ nam nữ, gia súc và ngoại kiều ở trong thành của người.

11. Vì trong sáu ngày, Đức Chúa đã dựng nên trời đất, biển khơi và muôn loài trong đó, nhưng Người đã nghỉ ngày thứ bảy. Bởi vậy Đức Chúa đã chúc phúc cho ngày Sa-bát và coi đó là ngày thánh.

12. Người hãy thờ cha kính mẹ, để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người.

13. Người không được giết người.

14. Người không được ngoại tình.

15. Người không được trộm cắp.

16. Người không được làm chứng gian hại người

17. Người không được ham muốn nhà người ta.

- Người không được ham muốn vợ người ta, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa hay bất cứ vật gì của người ta

### ***Đệ nhị luật 5, 6-21***

6. Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã đưa người ra khỏi đất Ai cập, khỏi cảnh nô lệ.

7. Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta.

11. Người không được dùng tên Đức Chúa, Thiên Chúa của người mà làm điều bất xứng, vì Đức Chúa không dung tha kẻ dùng tên Người mà làm điều bất xứng.

12. Người hãy giữ ngày Sa-bát, mà coi đó là ngày thánh, như Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã truyền cho người

16. Người hãy thờ cha kính mẹ, như Đức Chúa, Thiên Chúa của người đã truyền cho người, để được sống lâu và để được hạnh phúc trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người

17. Người không được giết người 18. Người không được ngoại tình. 19. Người không được trộm cắp

20. Người không được làm chứng dối hại người

21. Người không được ham muốn vợ người ta, người không được ước ao nhà của người ta, đồng ruộng, tôi tớ nam nữ, con bò con lừa hay bất cứ vật gì của người ta

## **MƯỜI ĐIỀU RĂN**

Thứ nhất : Thờ phượng một Đức Chúa Trời và kính mến Người trên hết mọi sự.

Thứ hai : Chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ.

Thứ ba : Giữ ngày Chúa nhật

Thứ bốn : Thảo kính cha mẹ

Thứ năm : Chớ giết người

Thứ sáu : Chớ làm sự dâm dục

Thứ bảy : Chớ lấy của người

Thứ tám : Chớ làm chứng dối

Thứ chín : Chớ muốn vợ chồng người

Thứ mười : Chớ tham của người

## ĐOẠN THỨ HAI

### MƯỜI ĐIỀU RĂN

**"Thưa Thầy, tôi phải làm gì...?"**

**2052 1858.**

"Thưa Thầy, tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời?" Để trả lời cho người thanh niên, Đức Giê-su nêu lên sự cần thiết phải nhận biết Thiên Chúa như "Đấng tốt lành duy nhất", như sự thiện tuyệt hảo và như nguồn mạch của mọi điều thiện. Đoạn Đức Giê-su tuyên bố : "Nếu anh muốn vào cõi sống, thì hãy giữ các điều răn". Rồi Người liệt kê các điều răn về yêu người : "Người không được giết người, người không được ngoại tình, người không được trộm cắp, người không được làm chứng gian, người phải thảo kính cha mẹ". Sau hết, Đức Giê-su tóm tắt các điều răn kể trên

cách tích cực rằng : "Người phải yêu đồng loại như yêu chính mình" ( Mt 19,16-19).

**2053 1968 1973.**

Đức Giê-su còn thêm : "Nếu anh muốn nên hoàn thiện, thì hãy về bán tài sản của anh mà bố thí cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời, rồi hãy đến theo tôi" (Mt 19,21). Câu trả lời này không hủy bỏ câu trả lời trước. Muốn đi theo Đức Giê-su, phải tuân giữ các điều răn. Luật cũ không bị bãi bỏ ( x. Mt 5,17 ), nhưng chúng ta được mời gọi tìm thấy sự viên mãn của lề luật nơi con người của Thầy mình, Đấng chu toàn tuyệt hảo lề luật. Trong Tin Mừng Nhất Lãm, lời Đức Giê-su mời gọi anh thanh niên giàu có đi theo Người với lòng vâng phục của người môn đệ và tuân giữ các điều răn, còn được kết hợp với lời mời sống nghèo khó và khiết tịnh ( x. Mt 19,6-12; 21.23-29 ). Các lời khuyên Phúc Âm không thể tách khỏi các điều răn.

**2054 581.**

Đức Giê-su vẫn tôn trọng mười điều răn, nhưng cho thấy sức mạnh của Thánh Thần đang tác động nơi các điều răn ấy. Người đã rao giảng sự "công chính vượt trên sự công chính của các kinh sư và Pha- ri-sêu" (Mt 5,20), cũng như của dân ngoại ( x.Mt 5,46-47 ). Người cho thấy tất cả những đòi hỏi của các điều răn. "Anh em đã nghe luật dạy người xưa rằng : Chớ giết người... còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết : Ai giận anh em mình thì cũng đáng bị đưa ra tòa rồi" ( Mt 5,21-22).

**2055 129.**

Khi được hỏi : "Điều răn nào là điều răn trọng nhất ?" ( Mt 22,36), Đức Giê-su đáp : "Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa người hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người; đó là điều răn trọng nhất và là điều răn thứ nhất.

Còn điều răn thứ hai, cũng giống điều răn ấy là : Người phải yêu người thân cận như chính mình. Tất cả luật Mô-sê và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy"( Mt 22, 37-40) ( x.Đnl 6,5; Lv 19,18 ). Thập Giới phải được giải thích dưới ánh sáng của điều răn mến Chúa-yêu người, vì yêu thương là chu toàn lề luật:

"Các điều răn như : "Người không được ngoại tình, không được giết người, không được trộm cắp, không được ham muốn..." , cũng như các điều răn khác, đều tóm lại trong lời này: Người phải yêu đồng loại như yêu chính mình. Đã yêu thương thì không làm hại người đồng loại; yêu thương là chu toàn lề luật vậy" (Rm 13, 9-10).

## **Thập Giới trong Thánh Kinh.**

### **2056 700 62.**

Từ Hi lạp "Dekalogos" trong Thánh Kinh có nghĩa là "Mười Lời", chúng ta quen gọi là Thập Giới (x.Xh 34,28; Đnl 4,13; 10,4). Thập Giới được Thiên Chúa mặc khải cho dân Người trên núi thánh. Mười lời này "tự ngón tay Người" đã viết (Xh 31,18; Đnl 5,22), khác với các điều luật khác do Mô-sê viết ( x. Đnl 31,9-24 ). Thập Giới là Lời Chúa theo một nghĩa rất đặc biệt và được lưu truyền đến chúng ta trong sách Xuất Hành ( x. Xh 20,1-17 ) và sách Đệ Nhị Luật (Đnl 5,6-22). Từ thời Cựu Ước, các Sách Thánh luôn quy chiếu về "Thập Giới" ( x. ví dụ Hs 4,2; Cn 7,9; Ed 18,5-9 ), nhưng ý nghĩa của chúng chỉ được mặc khải trọn vẹn trong thời Tân Ước, nơi Đức Giê-su.

### **2057 2084 2170.**

Trước hết, Thập Giới phải được hiểu trong bối cảnh của cuộc Xuất Hành, biến cố giải phóng vĩ đại của Thiên

Chúa ở trung tâm của giao ước cũ. Dù được viết dưới hình thức tiêu cực, cấm đoán hay dưới hình thức tích cực (như "hãy tôn kính cha mẹ"), "Thập Giới" đưa ra những điều kiện của một đời sống được giải thoát khỏi ách nô lệ tội lỗi. Thập Giới là một con đường sống :

"Phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, đi theo đường lối của Người, và tuân giữ các mệnh lệnh, thánh chỉ, quyết định của Người, để anh em được sống, được thêm đông đúc" ( Đnl 30,16).

Chúng ta thấy rõ sức mạnh giải thoát của Thập Giới, thí dụ điều răn nghỉ ngày hưu lễ, áp dụng cho cả người ngoại kiều và nô lệ :

"Người hãy nhớ, người đã làm nô lệ tại đất Ai Cập và Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền đưa người ra khỏi đó"( Đnl 5,15).

#### **2058 1962.**

"Thập Giới" tóm tắt và công bố Luật của Thiên Chúa: "Những lời ấy Đức Chúa đã lớn tiếng phán với toàn thể đại hội anh em, trên núi từ trong đám lửa, giữa mây đen mù mịt. Người không thêm gì cả và viết những lời ấy trên hai bia đá rồi ban cho tôi" ( x. Đnl 5,22 ). Vì thế, hai bia đá này được gọi là "Bia Chứng Ước" (Xh 25,16), vì ghi khắc các điều khoản của giao ước đã ký kết giữa Thiên Chúa và dân Người. Các "Bia Chứng Ước" ( x. Xh 31,18; 32,15; 34,29 )phải được đặt vào "Hòm Bia Chứng Ước" (Xh 25,16; 40,1-2).

#### **2059 707 2823.**

"Thập Giới" được Thiên Chúa công bố trong một cuộc thần hiện ("Đức Chúa đã phán với anh em, mặt đối mặt, trên núi, từ trong đám lửa": Đnl 5,4). Qua Thập Giới, Thiên

Chúa mặc khải về chính bản thân Người và về vinh quang của Người. Khi ban các điều răn, Thiên Chúa ban tặng chính mình và bày tỏ thánh ý Người. Khi cho con người biết thánh ý, Thiên Chúa mặc khải chính mình cho Dân Thánh.

#### **2060 62.**

Việc ban tặng các điều răn và lề luật là thành phần của giao ước do Thiên Chúa ký kết với những kẻ thuộc về Người. Theo sách Xuất Hành, "Thập Giới" được mặc khải giữa lúc đề nghị ( x. Xh 19 ) lập giao ước và lúc ký kết giao ước ( x. Xh 24 ), sau khi dân chúng đã cam kết "thi hành và tuân theo tất cả những gì Đức Chúa đã phán"(Xh 24,7). Thập Giới được truyền đạt trong tương quan với Giao Ước. ("Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta, đã thiết lập một giao ước với chúng ta tại núi Kho-rép": Đnl 5,2).

#### **2061.**

Các điều răn chỉ có ý nghĩa trọn vẹn trong Giao Ước. Theo Sách Thánh, đời sống luân lý của con người chỉ đầy đủ ý nghĩa trong và nhờ giao ước. Điều thứ nhất của "Thập Giới" nhắc lại sáng kiến tình yêu Thiên Chúa dành cho dân Người :

#### **2086.**

"Khi phạm tội, con người bị đui khỏi địa đàng tự do và sa vào kiếp nô lệ trần thế. Vì thế, câu đầu tiên của Thập Giới, lời nói đầu tiên của các điều răn đã là nói về sự tự do: "Ta là Chúa, Thiên Chúa của ngươi, Đấng đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai Cập, khỏi nhà nô lệ"(Xh 20,2; Đnl 5,6) (Origênê, Hom, in Ex 8,1).

#### **2062 142 2002.**

Như thế, các điều răn chỉ giữ vai trò thứ yếu, vì là những hệ luận của việc con người thuộc về Thiên Chúa như

giao ước qui định. Đời sống luân lý là sự đáp trả sáng kiến yêu thương của Thiên Chúa, là sự nhận biết, tôn vinh và tạ ơn Thiên Chúa. Như thế, chúng ta cộng tác vào kế hoạch của Thiên Chúa đang thực hiện trong lịch sử.

### **2063 878.**

Giao Ước và cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và con người còn được xác nhận qua sự kiện : trong các điều răn, Thiên Chúa luôn nói ở ngôi thứ nhất ("Ta là Đức Chúa") và nói với con người ở ngôi thứ hai ("ngươi"). Tất cả các điều răn đều dùng đại từ nhân xưng ở số ít để chỉ định người nghe. Khi bày tỏ thánh ý cho toàn dân, Thiên Chúa cũng bày tỏ thánh ý cho riêng từng người :

“Chúa ra lệnh phải yêu mến Thiên Chúa và dạy giữ công bình đối với người thân cận, để con người khỏi bất chính và bất xứng trước mặt Thiên Chúa. Cho nên, nhờ Thập Giới, Thiên Chúa chuẩn bị con người trở thành bạn hữu của Người và một lòng một dạ với tha nhân...Thập Giới vẫn giữ nguyên giá trị đối với chúng ta (những ki-tô hữu), vì khi Chúa đến, Thập Giới chẳng những không bị hủy bỏ, mà còn được trọn nghĩa và triển nở” ( T. I-rê-nê, chống lạc giáo 4,16, 3-4).

## **Thập Giới trong Truyền Thống Hội Thánh**

### **2064.**

Trung thành với Thánh Kinh và theo gương Đức Giêsu, truyền thống của Hội Thánh nhìn nhận Mười Điều Răn có tầm quan trọng và ý nghĩa hàng đầu.

**2065.**

Từ thời thánh Âu-tinh, Mười Điều Răn đã có một vị trí quan trọng trong huấn giáo cho dự tòng và tín hữu. Vào thế kỷ XV, Mười Điều Răn thường được diễn tả bằng những công thức theo văn vần, dễ nhớ và tích cực, vẫn còn thông dụng ở nhiều nơi tới ngày nay. Các sách giáo lý của Hội Thánh thường trình bày luân lý Ki-tô giáo theo thứ tự của "Mười điều Răn".

**2066.**

Việc phân chia và đánh số các điều răn có thay đổi theo dòng lịch sử. Quyển Giáo Lý này theo cách phân chia của thánh Âu-tinh đã trở thành truyền thống trong Hội Thánh Công Giáo. Các giáo phái Lu-ther cũng theo cách phân chia này. Các giáo phụ Hi-lạp phân chia hơi khác; cách chia này còn gặp thấy trong Giáo Hội Chính thống và các cộng đoàn Cải Cách.

**2067 1853.**

Mười Điều Răn nêu ra các đòi hỏi của tình mến Chúa yêu người. Ba điều răn đầu đề cập đến tình yêu đối với Thiên Chúa, và bảy điều sau, đến tình yêu đối với tha nhân.

"Nhu Chúa đã đúc kết tất cả lề luật và các tiên tri vào trong hai giới răn yêu mến...; Mười Điều Răn cũng được chia thành hai bảng. Ba điều khắc trên một bảng, và bảy điều trên bảng kia" ( T.Âu-tinh bài giảng 33,2,3 ).

**2068 1993 888.**

Công Đồng Tren-tô dạy rằng : các Ki-tô hữu buộc phải giữ Mười Điều Răn, và người đã được công chính hóa cũng có bổn phận phải tuân giữ các điều răn ấy ( x. DS 1569-1570 ). Công Đồng Va-ti-can II cũng khẳng định : "Các giám

mục vì là người kế nhiệm các tông đồ, nhận từ nơi Chúa...sứ mạng dạy dỗ muôn dân và rao giảng Tin Mừng cho mọi thụ tạo, để mọi người được rỗi nhờ lãnh nhận đức tin, phép rửa và việc chu toàn các điều răn" ( x. LG 24 ).

## **Tính thống nhất của Thập Giới**

**2069** 2534.

Thập Giới hợp thành một thể thống nhất. Mỗi "lời" (điều răn) qui chiếu về từng lời và tất cả các lời khác, các lời tương thuộc lẫn nhau. Hai Bảng Luật soi sáng cho nhau, hợp thành một khối thuần nhất. Vi phạm một điều răn là phạm tới tất cả các điều răn khác ( x. Gcb 2,10-11 ). Không thể tôn trọng người khác mà không chúc tụng Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo họ. Không thể tôn thờ Thiên Chúa mà không yêu thương tất cả mọi người là thụ tạo của Thiên Chúa. Mười điều răn thống nhất đời sống đời đời với đời sống xã hội của con người.

## **Thập Giới và luật tự nhiên**

**2070** 1955.

Thập Giới là một phần mặc khải của Thiên Chúa; đồng thời dạy chúng ta biết nhân tính đích thực của con người. Thập Giới làm sáng tỏ những bổn phận thiết yếu; do đó gián tiếp cho thấy những quyền cơ bản gắn liền với bản tính của nhân vị. Mười Điều Răn là một cách trình bày "luật tự nhiên" đặc sắc.

"Từ nguyên thủy, Thiên Chúa đã ghi sâu trong lòng con người các giới luật tự nhiên. Sau đó người chỉ cần nhắc lại các điều luật ấy cho họ. Đó chính là Thập Giới (T. I-rê-nê chống lạc giáo 4,15,1).

**2071 1960.**

Thập Giới là mặc khải của Thiên Chúa, dù với lý trí con người có thể tự biết được nhưng để hiểu biết đầy đủ và chắc chắn về các đòi hỏi của luật tự nhiên, loài người tội lỗi cần đến mặc khải này :

Trong tình trạng tội lỗi, ánh sáng lý trí bị lu mờ và ý chí bị sai lệch, con người cần đến một trình bày đầy đủ về các điều răn của Thập Giới.

*1777.*

Chúng ta biết được các điều răn nhờ mặc khải được rao giảng trong Hội Thánh và nhờ tiếng nói của lương tâm. Mọi người phải tuân giữ Thập Giới

**2072 1858 1958.**

Thập Giới nêu lên những bổn phận cơ bản của con người đối với Thiên Chúa và với tha nhân, nên tự bản chất là những nghĩa vụ quan trọng. Thập Giới bất biến và có giá trị cho mọi thời và mọi nơi. Không ai có thể chuẩn miễn Mười Điều Răn được Thiên Chúa ghi khắc trong tâm khảm con người.

**2073.**

Trách nhiệm tuân giữ Mười Điều Răn còn buộc ta giữ những nghĩa vụ theo chất thể tự nó là nhẹ. Chẳng hạn điều răn thứ năm ngăn cấm nhục mạ kẻ khác bằng lời nói; điều này có thể trở thành một tội nặng tùy hoàn cảnh và ý định của người nói.

**"Không có Thầy, anh em không làm gì được"**

**2074 2732 521.**

Đức Giê-su nói : "Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai luôn kết hợp với Thầy và Thầy luôn kết hợp với người ấy,

người ấy sinh hoa kết quả dồi dào, vì không có Thầy, anh em không làm được gì" (Ga 15,5). Hoa quả ở đây là sự thánh thiện của một đời sống phong phú, nhờ kết hợp với Đức Kitô. Khi chúng ta tin vào Đức Giê-su Ki-tô, thông hiệp vào các mẫu nhiệm của Người và giữ các điều răn của Người, Đấng Cứu Thế sẽ đích thân đến trong chúng ta để yêu thương Cha của Người và các anh em của Người cũng là Cha và anh em chúng ta. Nhờ Thánh Thần, chính Đức Giê-su trở thành qui luật nội tâm sống động cho mọi hoạt động của chúng ta. "Đây là điều răn của Thầy, anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em" (Ga 15,12).

## **TÓM LƯỢC**

### **2075.**

*"Tôi phải làm điều gì tốt để được hưởng sự sống đời đời? Nếu anh muốn vào cõi sống, hãy giữ các điều răn" (Mt 19,16-17).*

### **2076.**

*Qua đời sống và lời giảng dạy, Đức Giê-su đã xác nhận Thập Giới có tính thường tồn.*

### **2077.**

*Thiên Chúa ban tặng Thập Giới cũng là Giao Ước ký kết giữa Thiên Chúa với dân Người. Mười Điều Răn chỉ có ý nghĩa đích thực trong và nhờ Giao Ước.*

### **2078.**

*Trung thành với Thánh Kinh và theo gương Đức Giê-su, Truyền thống Hội Thánh nhìn nhận Thập Giới có tầm quan trọng và ý nghĩa hàng đầu.*

**2079.**

*Thập Giới hợp thành một khối thuần nhất, trong đó mỗi "lời" hay mỗi "điều răn" đều qui chiếu về toàn thể. Vi phạm một điều răn là vi phạm toàn thể lề luật ( x. Gcb 2,10-11 ).*

**2080.**

*Thập Giới là một cách trình bày đặc sắc của luật tự nhiên. Chúng ta biết được Thập Giới nhờ mạc khải của Thiên Chúa và nhờ lý trí của con người.*

**2081.**

*Thập Giới tự bản chất là những nghĩa vụ quan trọng. Tuy nhiên, việc tuân giữ các giới luật này cũng bao gồm những nghĩa vụ theo chất thể tự nó là nhẹ.*

**2082.**

*Thiên Chúa ban ân sủng trợ lực để chúng ta thi hành được điều Người truyền dạy.*

## **CHƯƠNG MỘT**

### **"NGƯỜI PHẢI YÊU MẾN ĐỨC CHÚA, THIÊN CHÚA CỦA NGƯỜI HẾT LÒNG, HẾT LINH HỒN VÀ HẾT TRÍ KHÔN NGƯỜI"**

**2083 367.**

Đức Giê-su đã tóm tắt các bổn phận của con người đối với Thiên Chúa như sau : "Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người" ( x. Mt 22,37; x. Lc 10,27:"... "hết sức lực " ).

Đây là âm vang trực tiếp của lời mời gọi long trọng : "Nghe đây, hỡi Ít-ra-en: Đức Chúa, Thiên Chúa của chúng ta, là Đấng độc nhất" (Đnl 6,4).

199.

Thiên Chúa đã yêu thương chúng ta trước. Lời đầu tiên của Thập Giới nhắc lại tình yêu của Thiên Chúa duy nhất. Các lệnh truyền tiếp theo làm nổi bật lời đáp trả yêu thương mà con người được mời gọi để dâng lên Thiên Chúa.

## MỤC 1

### ĐIỀU RĂN THỨ NHẤT

Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của ngươi, đã đưa ngươi ra khỏi đất Ai-Cập, khỏi cảnh nô lệ. Ngươi không được có thần nào khác đối nghịch với Ta. Ngươi không được tạo tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ. Ngươi không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ (Xh 20,2-5) (Đnl 5,6-9).

Đã có lời chép rằng : "Ngươi phải thờ lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của ngươi và phải thờ phượng một mình Người mà thôi" (Mt 4,10).

### **I. "CHÍNH ĐỨC CHÚA, THIÊN CHÚA CỦA ANH EM LÀ ĐÁNG ANH EM PHẢI KÍNH SỢ; CHÍNH NGƯỜI LÀ ĐÁNG ANH EM PHẢI PHỤNG THỜ"**

2084 2057 398.

Thiên Chúa tự mặc khải bằng cách nhắc lại hành động đầy quyền năng, nhân hậu và giải thoát của Người

trong lịch sử : "Ta đã đem người ra khỏi nhà Ai Cập, khỏi nhà nô lệ". Lời đầu tiên chứa đựng điều răn thứ nhất của Lê luật : "Chính Đức Chúa Thiên Chúa của anh em là Đấng anh em phải kính sợ, chính Người là Đấng anh em phải phụng thờ...Anh em không được theo các thần khác" (Đnl 6,13-14). Lời mời gọi đầu tiên và yêu sách chính đáng của Thiên Chúa là con người phải tiếp nhận và tôn thờ Người.

### **2085 200 1701.**

Thiên Chúa duy nhất và chân thật trước hết đã mặc khải vinh quang của Người cho Ít-ra-en ( x. Xh 19, 16-25; 24, 15-18 ). Người cũng mặc khải ơn gọi và bản chất của con người gắn liền với mặc khải về Thiên Chúa. Con người được mời gọi làm chứng cho Thiên Chúa bằng cách sống xứng với bản chất là thụ tạo được dựng nên "theo hình ảnh Thiên Chúa và giống Người".

"Thưa ông Tri-phon, chưa bao giờ có Thiên Chúa nào khác và từ muôn đời, cũng không hề có Thiên Chúa nào khác (...) ngoài Đấng đã tạo dựng và xếp đặt vũ trụ. Chúng tôi không nghĩ rằng Thiên Chúa của chúng tôi khác với Thiên Chúa của ông, Đấng đã đưa tổ tiên ông ra khỏi Ai Cập "bằng bàn tay hùng mạnh và cánh tay giương cao". Chúng tôi không hy vọng vào bất cứ Thiên Chúa nào khác, vì không có, nhưng vào cùng một Đấng như Thiên Chúa của ông, Thiên Chúa của Áp-ra-ham, của I-sa-ác và của Gia-cóp. (T. Giút-ti-nô, đối thoại 11,1).

### **2086 212 2061.**

Điều răn thứ nhất bao gồm đức tin, đức cậy và đức mến. Khi nói đến Thiên Chúa là Đấng thường hằng, bất biến bất di bất dịch, chúng ta tuyên xưng Người trung tín và tuyệt đối công bình. Do đó, chúng ta phải đón nhận các lời của

Người, hoàn toàn tin tưởng và trông cậy vào Người. Người là Đấng Toàn Năng, nhân từ và hằng giáng phúc thi ân. Ai lại không hy vọng vào Người ? Và ai lại không yêu mến Người khi thấy Người yêu thương và triu mến đổ tràn muôn ơn trên chúng ta ? Do đó, trong Thánh Kinh, khi khởi đầu hay kết thúc các huấn lệnh, Thiên Chúa phán : "Ta là Đức Chúa" ( x. Giáo lý Rô-ma 3,2,4 ).

### **1814-1816 . Đức tin**

#### **2087 143.**

Đời sống luân lý của chúng ta bắt nguồn trong lòng tin vào Thiên Chúa, Đấng mặc khải tình yêu của Người cho chúng ta. Thánh Phao-lô nói đến "tin mà vâng phục Thiên Chúa" (Rm 1,5; 16, 26) như là một nghĩa vụ hàng đầu. Theo thánh Phao-lô, "không nhận biết Thiên Chúa" là nguyên nhân và lời giải thích cho mọi lệch lạc luân lý (x. Rm 1,18-32). Bản phận của chúng ta đối với Thiên Chúa là tin vào Người và làm chứng về Người.

#### **2088.**

Điều răn thứ nhất buộc chúng ta nuôi dưỡng và giữ gìn đức tin cách cẩn trọng; đồng thời loại bỏ tất cả những gì nghịch cùng đức tin. Có nhiều tội nghịch cùng đức tin.

137

*Cố tình hoài nghi* trong lãnh vực đức tin là tội xem thường hay không nhìn nhận là chân thật những điều Thiên Chúa mặc khải và Hội Thánh dạy phải tin. Tội )vô tình hoài nghi là do dự không tin, không cố gắng vượt qua những vấp nạn đức tin hay khủng hoảng trước bóng tối của đức tin. Nếu cố chấp, hoài nghi sẽ làm cho tâm trí nên mù quáng.

#### **2089 162,817.**

*Vô tín* là khinh thường chân lý mặc khải hay cố tình từ chối không tin. "Lạc giáo là khi người tín hữu đã chịu phép Rửa Tội lại ngoan cố phủ nhận hay nghi ngờ một chân lý phải tin nhận, theo đức tin đối thần và công giáo. )Bội giáo là tội chối bỏ toàn bộ đức tin Ki-tô giáo. Ly giáo là từ chối từng phục Đức Giáo Hoàng hay từ chối hiệp thông với các phần tử của Hội Thánh đang phục quyền Người" ( x. CIC Can 751 ).

### **1817-1821. Đức cậy**

**2090** 1996.

Khi Thiên Chúa tự mặc khải và kêu gọi con người, con người không thể đáp trả trọn vẹn tình yêu của Chúa bằng sức riêng mình. Họ phải trông cậy Chúa sẽ ban cho khả năng, để đáp trả tình yêu của Người và hành động cho phù hợp với các điều răn của đức mến. Cây trông là hết lòng mong đợi được Thiên Chúa chúc phúc cho diện kiến Tôn Nhan Người. Cây trông còn bao hàm thái độ sợ mất lòng Chúa và bị trừng phạt.

**2091.**

Điều răn thứ nhất cũng nhắc đến các tội nghịch cùng đức cậy, như ngã lòng và tự phụ :

1864.

Con người *ngã lòng*, khi không còn trông cậy Chúa sẽ ban cho mình ơn cứu độ, trợ giúp mình đạt ơn cứu độ hay tha thứ tội lỗi của mình. Điều này nghịch với Thiên Chúa là Đấng nhân từ, công bằng, bởi Chúa luôn trung thành với mọi lời Người hứa và giàu lòng thương xót.

**2092** 2732.

Có hai loại *tự phụ* : quá tin vào sức riêng (tưởng mình có thể tự cứu rỗi mà không cần sự giúp đỡ của ơn trên); hoặc ý lại vào Thiên Chúa toàn năng và giàu lòng thương xót (tưởng mình sẽ được tha thứ mà không cần hối cải và được vinh quang mà không cần lập công).

1822-1829. **Đức mến**

**2093**

Khi tin vào tình yêu Thiên Chúa, con người phải đáp trả tình yêu của Người bằng một tình yêu chân thành. Điều răn thứ nhất dạy chúng ta phải yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, và yêu toàn thể thụ tạo vì Người và cho Người (Đnl 6,4-5).

**2094 2733 2303.**

Có nhiều tội nghịch với tình yêu Thiên Chúa. *Lãnh đạm* là tội xem thường hay không lưu tâm đến tình yêu Thiên Chúa, không biết đến bản chất và sức mạnh của tình yêu Thiên Chúa. Vong ân là tội quên lãng hay từ chối nhận biết tình yêu Thiên Chúa và đáp trả tình yêu Thiên Chúa bằng tình yêu của mình. *Nguội lạnh* là tội do dự, chần chừ trong việc đáp lại tình yêu của Thiên Chúa, hay từ chối dần thân theo đức mến. Tội lười biếng trong việc thiêng liêng có thể đưa tới từ khước niềm vui Thiên Chúa ban và khinh chê mọi lợi ích thiêng liêng. Tội ) *oán ghét Thiên Chúa* là do kiêu ngạo, chống lại tình yêu của Người, cho rằng Người không tốt lành và chối từ Thiên Chúa vì Người cấm phạm tội và trừng trị bằng hình phạt.

**II. "NGƯỜI PHẢI THỜ PHƯỢNG MỘT MÌNH NGƯỜI MÀ THÔI"**

### **2095 1807.**

Các nhân đức đối thần : tin, cậy, mến, định hình và đem lại sức sống cho các đức tính luân lý. Đức mến đòi buộc chúng ta là thụ tạo phải cảm tạ ơn Thiên Chúa cho xứng đáng, vì đã mang ơn Người. *Nhân đức thờ phượng* giúp chúng ta sống tâm tình này.

### **2628. Thờ lạy**

#### **2096.**

Hành vi đầu tiên của nhân đức thờ phượng là thờ lạy Thiên Chúa, nghĩa là nhận biết Người là Thiên Chúa, là Đấng Sáng Tạo và Cứu Chuộc, là Chúa và Thầy của mọi loài, là Tình Yêu vô biên và giàu lòng thương xót. Dựa vào sách Đệ Nhị Luật (Đnl 6, 13), Đức Giê-su nói : "Người phải thờ lạy Đức Chúa, là Chúa của người, và phải thờ phượng

#### **2097.**

Thờ lạy Thiên Chúa là tôn kính và tuyệt đối thần phục Người vì nhận biết "tính hư không của thụ tạo", biết sự hiện hữu của chúng hoàn toàn nằm trong tay Người. Như Đức Ma-ri-a trong kinh Magnificat, chúng ta thờ lạy Thiên Chúa bằng cách ca ngợi, chúc tụng Người, khiêm tốn tuyên xưng với lòng biết ơn rằng Thiên Chúa đã làm những việc trọng đại và Danh Người chí thánh (Lc 1,46-49). Việc thờ lạy Thiên Chúa duy nhất, giải thoát con người khỏi thái độ khép kín, khỏi nô lệ tội lỗi và sự sùng bái thể giới như ngẫu tượng.

### **2558. Cầu nguyện**

#### **2098 613.**

Các hành vi tin cậy mến, như điều răn thứ nhất đòi buộc, được hoàn tất trong kinh nguyện. Nâng tâm hồn lên tới Thiên Chúa để chúc tụng, tạ ơn, chuyển cầu và van xin là

một cách thờ lạy Người. Cầu nguyện là điều kiện thiết yếu, giúp ta tuân giữ giới răn của Thiên Chúa : "Phải cầu nguyện luôn, không được nản chí" (Lc 18,1).

## **Lễ tế**

### **2099.**

Con người phải dâng lên Thiên Chúa những lễ tế để tỏ lòng thờ phượng, tạ ơn, khẩn cầu và sự hiệp thông với Người. "Mọi hành vi con người thực hiện để được kết hiệp với Thiên Chúa và được vinh phúc, đều là lễ tế đích thực" (FTh. Âu Tinh, Thành Đô Thiên Quốc 10,6).

### **2100 2711 614 618.**

Con người cần phải có tâm tình bên trong để lễ tế bên ngoài được chân thực: "Hy lễ đẹp lòng Chúa là tấm lòng tan nát khiêm cung..." (Tv 51,19). Các ngôn sứ thời Cựu Ước thường lên án các lễ tế mà người dâng thiếu tâm tình bên trong ( x. Am 5,21-25 ) hay không có tình thương đối với tha nhân ( x. Is 1,10-20 ). Đức Giê-su nhắc lại lời của ngôn sứ Hô-sê : "Ta muốn lòng nhân chứ đâu cần lễ tế" ( x. Mt 9,13 ; 12,7; Hs 6,6 ). Chỉ có một lễ tế hoàn hảo duy nhất là lễ tế Đức Ki-tô dâng trên bàn thờ thập giá, để tận hiến cho tình yêu của Chúa Cha và để cứu chuộc chúng ta. Kết hợp với lễ tế này, chúng ta biến cuộc đời mình thành lễ tế dâng lên Thiên Chúa.

## **Lời hứa và lời khẩn**

### **2101 1237 1064.**

Trong nhiều hoàn cảnh, người Ki-tô hữu được mời gọi để *tuyên hứa* với Thiên Chúa. Các bí tích Thánh Tẩy, Thêm Sức, Hôn Phối và Truyền Chức Thánh luôn kèm theo những lời hứa. Do lòng đạo đức cá nhân, người Ki-tô hữu có

thề hứa với Chúa thực hiện một hành động, một kinh nguyện, một việc bố thí, một cuộc hành hương hay một điều tương tự. Việc trung thành tuân giữ lời hứa với Chúa, chứng tỏ lòng kính trọng Thiên Chúa uy linh và tình yêu đối với Thiên Chúa hằng trung tín.

2102

"*Lời khẩn* là một lời hứa có suy tính và tự do dâng lên Thiên Chúa, về một điều thiện tốt hơn và có thể thi hành được. Vì thuộc về đức thờ phượng, lời khẩn buộc phải được chu toàn" ( x. CIC,1191,1 ). Lời khẩn là một hành vi *đạo đức*, nhờ đó người tín hữu tự hiến cho Thiên Chúa hay hứa thực hiện một việc tốt dâng kính Người. Qua việc chu toàn lời khẩn, họ dâng lên Thiên Chúa điều họ đã hứa và thánh hiến. Sách Công Vụ Tông Đồ cho thấy thánh Phao-lô luôn lo lắng chu toàn điều đã khẩn.

**2103** 1973.

Hội Thánh công nhận giá trị gương mẫu của những lời khẩn sống theo các *lời khuyên Phúc âm* :

914

"Hội Thánh là Mẹ chúng ta, vui mừng khi thấy trong lòng mình có nhiều con cái nam nữ muốn theo sát gương Đấng Cứu Thế và tỏ lộ rõ ràng hơn mẫu nhiệm tự hủy của Người. Họ chấp nhận nghèo khó trong tự do của con cái Chúa và từ bỏ ý riêng : hơn cả mức đòi buộc của giáo luật, họ tự nguyện từng phục một con người, từng phục vì Chúa, trong những gì liên hệ tới sự trọn lành, hầu nên giống Chúa Ki-tô vâng lời cách hoàn toàn hơn" ( x. LG 42 ).

Trong một số trường hợp, Hội Thánh có thể miễn chuẩn những lời khẩn và lời hứa, vì những lý do chính đáng.

## **Tự do tôn giáo**

**2104 2467 851.**

"Mọi người đều có trách nhiệm đi tìm chân lý, đặc biệt là những gì liên quan tới Thiên Chúa và Hội Thánh của Người. Khi đã nhận ra chân lý, họ phải tiếp nhận và trung thành với chân lý ấy" ( x. DH 1 ). Trách nhiệm này xuất phát từ "chính bản tính của con người" ( x. DH 2 ), không ngăn cản chúng ta "chân thành tôn trọng" các tôn giáo khác "thường cũng mang lại những tia sáng của chân lý đang chiếu soi cho mọi người" ( x. NA 2 ). Trách nhiệm này cũng không mâu thuẫn với đức mến đòi hỏi các tín hữu "phải yêu thương, khôn ngoan, kiên nhẫn để tiếp xúc với những ai còn lầm lạc hay thiếu hiểu biết về vấn đề đức tin" ( x. DH 14 ).

**2105 854 898**

Cá nhân cũng như xã hội đều phải tôn thờ Thiên Chúa cách xứng hợp. Đây là "giáo lý truyền thống công giáo về trách nhiệm luân lý của con người và của xã hội đối với tôn giáo chân thực và Hội Thánh duy nhất của Đức Ki-tô" (x. DH 1 ). Khi không ngừng loan báo Tin Mừng của Chúa, Hội Thánh "cố gắng đem tinh thần Ki-tô giáo thấm nhuần não trạng, phong tục, luật lệ và cơ cấu của cộng đoàn nơi họ sống"(x. AA 13). Người Ki-tô hữu có trách nhiệm xã hội là khơi dậy trong lòng mọi người tình yêu đối với chân lý và sự thiện, và phải trân trọng tình yêu đó. Trách nhiệm này buộc họ phải truyền bá việc tôn thờ của tôn giáo duy nhất và chân thực, đang thể hiện trong Hội Thánh công giáo và tông truyền ( x. DH 1 ). Người Ki-tô hữu được mời gọi trở thành ánh sáng thế gian ( x. AA 13 ). Nhờ đó, Hội Thánh minh chứng vương quyền của Đức Ki-tô trên vạn vật, đặc biệt là trên xã hội loài người ( x. Lêô XIII; Piô XI ).

**2106** 160, 1782 1738.

Tự do tôn giáo có nghĩa là "trong phạm vi tôn giáo, không ai bị ép buộc hành động trái với lương tâm, cũng như không bị ngăn trở, cách kín đáo hay công khai, để hành động theo lương tâm trong những giới hạn họ được phép", như một cá nhân đơn độc hay liên hệ với những người khác ( x. DH 2 ). Quyền này căn cứ trên chính bản tính con người vì nhân phẩm cho họ được tự do để thuận theo chân lý thiên linh vượt trên trật tự trần thế. Do đó, "những ai không thực hiện trách nhiệm tìm kiếm và gắn bó với chân lý" ( x. DH 2 ) cũng có quyền này.

**2107.**

"Nếu như, vì những hoàn cảnh đặc biệt, như trong một số dân tộc hiện nay, một tôn giáo nào đó được luật pháp nhà nước nhìn nhận, thì mọi người vẫn phải công nhận và tôn trọng quyền tự do tôn giáo của mọi công dân cũng như của những tập thể tôn giáo khác" ( x. DH 6 ).

**2108** 1740.

Quyền tự do tôn giáo không cho phép lương tâm con người được đi theo ( x. Lê-ô XIII, thông điệp "Libertas praestantissimum". ) hay phổ biến điều sai lạc ( x. Pi-ô XII, diễn văn 6-12-1953 ), nhưng đây là quyền tự nhiên của con người, quyền được tự do theo dân luật nghĩa là được chính quyền bảo vệ khỏi những áp lực bên ngoài, để thực thi tự do tôn giáo, trong giới hạn thích đáng. Quyền tự nhiên này phải được luật pháp xã hội tôn trọng, phải là một quyền công dân ( x. DH 2 ).

**2109** 2244 1906.

Quyền tự do tôn giáo không phải là vô hạn ( x. Pi-ô VI, bằng tóm lược "Quod aliquantum". ), cũng không thể giới hạn hẹp do "trật tự công cộng" theo chủ nghĩa thực

nghiệm hay tự nhiên ( x. Pi-ô IX, thông điệp "Quanta cura" ). Chính quyền phải có một đường lối chính trị khôn ngoan để xác định những "giới hạn thích đáng" của quyền tự do tôn giáo cho mỗi hoàn cảnh xã hội, căn cứ vào những đòi hỏi của công ích. Những giới hạn này phải được chính quyền xác nhận "theo những quy tắc pháp lý phù hợp với trật tự luân lý khách quan" ( x. DH 7 ).

### **III. "NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC CÓ THẦN NÀO KHÁC ĐỐI NGHỊCH VỚI TA"**

#### **2110.**

Điều răn thứ nhất cấm tôn thờ những thần khác ngoài Đức Chúa Độc Nhất đã tự mặc khải cho dân, cấm mê tín và vô tôn giáo. Có thể nói mê tín là một lòng đạo quá mức và sai trái. Vô tôn giáo là một thói xấu nghịch với nhân đức thờ phượng vì thiếu lòng đạo.

#### **Mê tín**

#### **2111.**

Mê tín là lệch lạc trong tâm tình tôn giáo và trong cách thể hiện tâm tình này. Mê tín cũng có thể xảy đến khi chúng ta thờ phượng Thiên Chúa chân thật; ví dụ như gán một ý nghĩa ma thuật cho một số thực hành vốn chính đáng hay cần thiết. Nếu cho rằng chỉ cần đọc các lời kinh hay làm các dấu chỉ bí tích là có hiệu quả, bất chấp những tâm tình phải có bên trong, người ta rơi vào mê tín ( x. Mt 23,16-22 ).

#### **Thờ ngẫu tượng**

#### **2112 210.**

Điều răn thứ nhất lên án *thuyết đa thần*, buộc con người không được tin vào thần nào khác ngoài Thiên Chúa,

không được tôn kính các thần linh nào khác ngoài Thiên Chúa duy nhất. Thánh Kinh luôn nhắc lại việc từ bỏ các ngẫu tượng "bằng vàng, bằng bạc, do tay người làm ra", "có miệng mà không nói được, có mắt mà không thấy được"... Các ngẫu tượng là hão huyền nên ai thờ ngẫu tượng sẽ trở thành hão huyền, kẻ làm ra hoặc tin ở tượng thần cũng giống như chúng vậy" ( x. Tv 115,4-5.8; x. Is 44,9-20; Gr 10,1-16; Dn 14,1-30; Br 6; Kn 13,1-15,19 ). Ngược lại, Thiên Chúa là "Đấng Hằng Sống", Đấng làm cho sống ( x. Gs 3,10; Tv 42,3; ... ) và can thiệp vào lịch sử.

### **2113 398 2534 2289 2473.**

Thờ ngẫu tượng không chỉ là sai lầm của dân ngoại, nhưng còn là một cám dỗ thường xuyên đối với tín hữu. Thờ ngẫu tượng là tôn thờ và kính bái một thụ tạo thay vì Thiên Chúa, cho dù đó là thần linh hay ma quỷ (ví dụ : giáo phái thờ Xa-tan), quyền lực, khoái lạc, chủng tộc, tổ tiên, nhà nước, bạc tiền v.v. Đức Giê-su dạy : "Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi tiền của được" (Mt 6,24). Rất nhiều vị tử đạo đã chết vì không chịu thờ phượng "Con Thú" ( x. Kh 13-14 ) dù chỉ giả vờ thôi. Ai thờ ngẫu tượng là mặc nhiên không nhìn nhận Thiên Chúa là Chúa Tể duy nhất, nên không thể thông hiệp với Thiên Chúa ( x. Ga 5,20; Ep. 5,5 ).

### **2114.**

Khi tôn thờ Thiên Chúa Duy nhất, con người thống nhất đời sống. Điều răn dạy tôn thờ Đức Chúa duy nhất làm cho con người trở nên tập trung, khỏi bị phân tán. Thờ ngẫu tượng là tình trạng cảm thức tôn giáo vốn bẩm sinh nơi con người bị suy đồi . Kẻ thờ ngẫu tượng "gán ý niệm về Thiên Chúa bắt diệt cho bất cứ thứ gì không phải là Thiên Chúa" (Origène, odeis 2,40).

## **Bói toán và ma thuật**

### **2115 305.**

Thiên Chúa có thể cho các ngôn sứ hay các thánh nhân biết về tương lai. Tuy vậy, thái độ đúng đắn của ki-tô hữu là phó thác hoàn toàn trong tay Chúa Quan Phòng những gì thuộc về tương lai và từ bỏ mọi thứ tò mò thiếu lành mạnh trong lãnh vực này. Thế nhưng, ai không tiên liệu là người thiếu trách nhiệm.

### **2116.**

Phải loại bỏ mọi hình thức *bói toán* : cậy nhờ Xa-tan hay ma quỷ, gọi hồn người chết hay những cách khác ngỡ rằng sẽ đoán được tương lai ( x. Đnl 18,10; Gr 29,8 ). Coi tử vi, chiêm tinh, xem chỉ tay, giải điều mộng, xin xăm, bói toán quá khứ vị lai, đồng bóng, là những hình thức che giấu ước muốn có quyền trên thời gian, trên lịch sử và trên cả con người, cũng như ước muốn liên kết với các thế lực huyền bí. Điều này nghịch lại với lòng tôn kính và thần phục chỉ dành cho Thiên Chúa.

### **2117.**

Ai muốn dùng *ma thuật hay phù thủy* để chế ngự các thế lực huyền bí, bắt chúng phục vụ mình và nắm được quyền lực siêu phàm trên người khác dù là để chữa bệnh, cũng lỗi nặng nhân đức thờ phượng. Các việc này càng đáng lên án hơn nữa khi có dụng ý hại người, hay nhờ đến sự can thiệp của ma quỷ. Mang bùa cũng là điều đáng trách. Chiếu hồn thường đi kèm cả bói toán hay ma thuật. Hội Thánh cảnh giác các tín hữu phải xa lánh các điều ấy. Khi dùng các phương thuốc gia truyền, không được kêu cầu các thế lực ma quỷ cũng như lợi dụng sự nhẹ dạ của người khác.

## **Những tội nghịch với đức thờ phượng**

### **2118.**

Điều răn thứ nhất kết án những tội nghịch với đức thờ phượng : thử thách Thiên Chúa bằng lời nói hay hành động; phạm thánh và mại thánh.

### **2119 394 2088.**

*Thử thách Thiên Chúa* là dùng lời nói hay hành động để thử lòng nhân hậu và quyền toàn năng của Thiên Chúa. Đây là điều Xa-tan muốn Đức Giê-su làm, khi xúi giục Người gieo mình từ trên nóc Đền Thờ xuống và ép buộc Thiên Chúa can thiệp ( x. Lc 4,9 ). Đức Giê-su dùng Lời Chúa đối lại : "Người đừng thử thách Đức Chúa, Thiên Chúa của người" (Đnl 6,16). Thách đố như vậy là xúc phạm đến Thiên Chúa là Đấng chúng ta phải cậy trông vì là Đấng Sáng Tạo và là Đức Chúa. Thử thách Thiên Chúa luôn ẩn chứa thái độ ngờ vực tình yêu thương, sự quan phòng và quyền năng của Thiên Chúa ( x. 1 Cr 10,9; Xh 17,2-7; Tv 95,9 ).

### **2120 1374.**

*Phạm thánh* là xúc phạm hay cư xử bất xứng đối với các bí tích và các hành vi phụng vụ khác, cũng như đối với người, đồ vật và các nơi đã thánh hiến cho Thiên Chúa. Phạm thánh là một tội nặng, đặc biệt khi phạm đến Thánh Thể, bởi vì trong bí tích này, chính Đức Ki-tô hiện diện thực sự với chúng ta ( x. CIC, can 1367-1376 ).

### **2121.**

*Mại thánh* (x. Cv 8,9-24) là mua hay bán những thực tại thiêng liêng. Khi phù thủy Si-mon muốn mua quyền năng Thánh Thần mà ông thấy đang hoạt động nơi các tông đồ, Phê-rô đã trả lời : "Bạc của anh tiêu tan luôn với anh cho rồi, và anh tưởng có thể lấy tiền mà mua ân huệ của Thiên Chúa"

( x. Cv 8,20 ). Như thế, vị tông đồ đã hành động phù hợp với lời Đức Giê-su : "Anh em đã được cho không, cũng hãy cho không" ( x. Mt 10,8 ; x. Is 55,1 ). Không thể chiếm hữu những của cải thiêng liêng và sử dụng như chủ hay người có toàn quyền, bởi vì những điều ấy là do Thiên Chúa ban tặng nên con người chỉ có thể đón nhận như quà tặng nhưng không từ Thiên Chúa.

## **2122.**

"Khi ban các bí tích, thừa tác viên không được đòi thêm cái gì khác ngoài số tiền dâng cúng mà thẩm quyền Hội Thánh đã ấn định, và cũng còn phải cẩn thận đừng để những người nghèo không được lãnh nhận bí tích vì lý do túng thiếu" ( x. CIC can 848 ). Thẩm quyền Hội Thánh ấn định các của dâng cúng này theo nguyên tắc dân Ki-tô giáo phải cấp dưỡng cho các thừa tác viên. "Thợ thì đáng được nuôi ăn" (Mt 10,10) ( x. Lc 10,7, 1Cr 9,5-18, 1 Tm 5,17-18 ).

## **Chủ nghĩa vô thần**

### **2123 29.**

"Có nhiều người đương thời với chúng ta không nhận ra hoặc công khai loại bỏ mối liên kết mật thiết và sống động giữa con người với Thiên Chúa. Vì thế, chủ nghĩa vô thần phải được kể là một trong những sự kiện nghiêm trọng nhất trong thời đại này" ( x. GS 19,1 ).

### **2124.**

Từ "chủ nghĩa vô thần" chỉ nhiều hiện tượng rất khác nhau. Hình thức thông thường là chủ nghĩa duy vật thực hành; chủ nghĩa này giới hạn nhu cầu và tham vọng của con người trong không gian và thời gian. Chủ nghĩa nhân bản vô thần nhận định sai lầm, khi coi "con người là chính cùng đích cho mình, là kẻ tạo nên và điều khiển lịch sử riêng mình" ( x.

GS 20,1 ). Một hình thức khác của chủ nghĩa vô thần hiện nay muốn giải phóng con người bằng một cuộc giải phóng kinh tế và xã hội; "hình thức vô thần này cho rằng tự bản chất tôn giáo ngăn cản sự giải phóng trên, vì khi gây cho con người niềm hy vọng hão huyền vào cuộc sống mai hậu, tôn giáo đã làm cho họ xao lãng việc xây dựng xã hội trần thế" ( x. GS 20,2 ).

### **2125 1535.**

Chủ nghĩa vô thần là một tội nghịch nhân đức thờ phượng, vì từ chối hay phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa ( x. Rm 1,18 ). Trách nhiệm tinh thần về lỗi này có thể giảm bớt nhiều ít, tùy ý định và hoàn cảnh mỗi người. "Người tín hữu có thể chịu phần trách nhiệm không phải là nhỏ trong việc khai sinh vô thần, hoặc bởi xao lãng việc giáo dục đức tin, hoặc trình bày sai lạc về giáo lý, hoặc do những thiếu sót trong đời sống tôn giáo, luân lý và xã hội. Phải nói rằng họ che giấu hơn là bày tỏ chân dung đích thực của Thiên Chúa và tôn giáo" ( x. GS 19,3 ).

### **2126 396 154.**

Chủ nghĩa vô thần thường đặt nền tảng trên một quan niệm sai lạc về quyền tự lập của con người, đến độ phủ nhận mọi lệ thuộc vào Thiên Chúa ( x. GS 20,1 ). "Hội Thánh cho rằng nhìn nhận Thiên Chúa không có gì nghịch lại với phẩm giá con người, vì phẩm giá ấy đặt nền tảng và nên hoàn hảo trong chính Thiên Chúa" ( x. GS 21, 3 ). "Hội Thánh biết rõ sứ điệp của mình phù hợp với những khát vọng thầm kín nhất của lòng người" (GS 21,7).

## **Chủ nghĩa bất khả tri**

### **2127 36.**

Chủ nghĩa bất khả tri có nhiều dạng thức. Trong một số trường hợp, người theo chủ nghĩa này không phủ nhận Thiên Chúa, nhưng tin có một Đấng siêu việt không tự mặc khải nên không ai nói được gì về Người. Trong những trường hợp khác, người theo chủ nghĩa này không đề cập đến Thiên Chúa, vì cho rằng không thể chứng minh, xác nhận hay phủ nhận về Người.

#### **2128 1036.**

Đôi khi chủ nghĩa bất khả tri ẩn chứa một cố gắng tìm kiếm nào đó về Thiên Chúa, nhưng cũng có thể biểu hiện một thái độ thờ ơ, một cách trốn thoát trước vấn đề tối hậu của con người, và một sự lười biếng của lương tâm. Chủ nghĩa bất khả tri thường đồng nghĩa với chủ nghĩa vô thần thực hành.

*1159-1162*

#### **IV. "NGƯỜI KHÔNG ĐƯỢC LÀM CHO MÌNH BẤT CỨ HÌNH TƯỢNG NÀO VỀ THIÊN CHÚA..."**

#### **2129 300 2500.**

Mệnh lệnh của Thiên Chúa cấm mọi hình thức tạc tượng vẽ hình Thiên Chúa. Sách Đệ Nhị Luật giải thích: "Anh em đã không thấy hình bóng nào, ngày Đức Chúa phán với anh em tại núi Kho-rép từ trong đám lửa, vì thế đừng có ra hư hỏng mà làm cho mình một tượng mang hình ảnh bất cứ cái gì..." (x.Đnl 4,15-16). Chính Thiên Chúa tuyệt đối siêu phàm đã tự mặc khải cho Ít-ra-en. "Người là mọi sự" nhưng đồng thời, "vượt trên tất cả các công trình Người làm" (Hc 43,27-28). Người là "nguồn mạch mọi vẻ đẹp" (Kn 13,3).

#### **2130.**

Tuy nhiên, từ thời Cựu Ước, Thiên Chúa đã truyền lệnh hay cho phép làm những hình tượng biểu trưng ơn cứu

độ nhờ Ngôi Lời nhập thể : ví dụ con rắn đồng ( x. Nb 21,4-9, Kn 16,5-14, Ga 3,14-15 ), khám giao ước và các Kê-ru-bim ( x. Xh 25,10-22; 1V 6,23-28; 7,23-26 ).

### **2131 476.**

Dựa vào mẫu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể mà Công Đồng chung thứ bảy, ở Nixêa (năm 787), đã biện minh cho việc tôn kính ảnh tượng thánh, như ảnh tượng Đức Ki-tô, Mẹ Thiên Chúa, các thiên thần và tất cả các thánh, để chống lại chủ trương bài ảnh tượng. Khi nhập thể, Con Thiên Chúa đã mở ra một "kế hoạch" mới cho ảnh tượng.

### **2132.**

Việc các Ki-tô hữu tôn kính ảnh tượng, không nghịch lại điều răn thứ nhất cấm thờ ngẫu tượng. Thực vậy, "khi tôn kính một ảnh tượng, chúng ta hướng tâm hồn lên đến nguyên ảnh" (FT. Basile, Spir.18,45 ) và "tôn kính một ảnh tượng là tôn kính chính Đấng được miêu tả" ( x. Cđ Nixêa II, DS 601; Cđ Trente : Ds 1821-1825; Cđ Va-ti-can II, SC 126, LG 67 ). Đối với ảnh tượng thánh, chúng ta chỉ tôn kính" chứ không thờ phượng như Thiên Chúa :

"Chúng ta không thờ các ảnh tượng như những thực tại, nhưng như những hình ảnh đưa dẫn chúng ta đến cùng Thiên Chúa nhập thể. Việc tôn kính không dừng lại ở ảnh tượng, nhưng vươn tới chính thực tại được biểu thị" (T.Tô-ma A-qui-nô. s.th. 2-2, 81,3 ad 3 ).

## ***TÓM LƯỢC***

### **2133.**

*"Hãy yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em hết lòng, hết dạ, hết sức anh em" (Đnl 6,5).*

**2134.**

*Điều răn thứ nhất kêu gọi con người tin vào Thiên Chúa, trông cậy nơi Người và yêu mến Người trên hết mọi sự.*

**2135.**

*"Người phải thờ lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của người" (Mt 4,10). Thờ lạy Thiên Chúa, kêu cầu Người, dâng lên Người việc phụng thờ xứng hợp, chu toàn các lời khấn hứa cùng Người, là những hành vi thuộc nhân đức thờ phượng theo điều răn thứ nhất.*

**2136.**

*Cá nhân cũng như xã hội đều phải tôn thờ Thiên Chúa cách xứng hợp.*

**2137.**

*Con người "phải có quyền tự do bày tỏ tôn giáo của mình cách thâm kín và công khai" ( x. DH 15 ).*

**2138.**

*Mê tín là lệch lạc trong việc thờ phượng Thiên Chúa chân thật, chẳng hạn thờ ngẫu tượng hay trong các hình thức bói toán và ma thuật.*

**2139.**

*Điều răn thứ nhất cấm các hành vi vô đạo như thử thách Thiên Chúa bằng lời nói hay hành động, phạm thánh và mại thánh.*

**2140.**

*Vô thần là tội nghịch với điều răn thứ nhất, vì từ chối hay phủ nhận sự hiện hữu của Thiên Chúa.*

**2141.**

*Việc tôn kính các ảnh tượng thánh đặt nền tảng trên màu nhiệm Nhập Thể của Ngôi Lời Thiên Chúa và không nghịch lại điều răn thứ nhất.*

## Mục 2

### ĐIỀU RĂN THỨ HAI

“Người không được kêu tên Đức Chúa, Thiên Chúa của người mà làm điều bất xứng” (Xh 20,7; Đnl 5,11).

"Anh em còn nghe luật dạy người xưa rằng : "Người chớ bội thề... còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết, đừng thề chi cả" (Mt 5,33-34).

2807-2815

### I. DANH THIÊN CHÚA LÀ THÁNH

**2142.**

Điều răn thứ hai dạy phải tôn kính danh Thiên Chúa. Cũng như điều răn trước, điều răn này thuộc về nhân đức thờ phượng và đặc biệt quy định việc sử dụng ngôn từ để diễn đạt các sự thánh.

**2143 203 435.**

Trong các lời mặc khải, lời mặc khải về Danh Thiên Chúa chiếm vị trí hàng đầu. Thiên Chúa bày tỏ Danh Người cho những kẻ tin, mặc khải cho họ chính màu nhiệm bản thân Người. Điều này cho thấy Thiên Chúa tín nhiệm và thân thiết với con người. "Danh của Thiên Chúa là Thánh", nên con người không được lạm dụng. Họ phải ghi nhớ Danh Thánh

ấy trong kính cẩn tôn thờ và yêu mến (Gcr 2,17). Chỉ được kêu cầu Danh Thánh để chúc tụng, ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa mà thôi (x. Tv 29,2 ; 96, 2; 113,1-2 ).

#### **2144.**

Tôn kính Danh Thiên Chúa là tôn kính chính Thiên Chúa và mọi thực tại thánh. *Cảm thức về sự thánh thiêng* thuộc nhân đức thờ phượng :

"Những tâm tình kính sợ và cảm thức về linh thánh có phải là những tâm tình Ki-tô giáo không ? Không ai có thể nghi ngờ điều đó. Đó chính là tâm tình mà chúng ta phải có, và sẽ tăng lên mãnh liệt, nếu chúng ta thấy được Thiên Chúa uy linh. Đó là những tâm tình mà chúng ta phải có, nếu chúng ta nhận ra sự hiện diện của Người. Chúng ta sẽ có những tâm tình ấy, tùy mức độ chúng ta tin vào sự hiện diện của Người. Không có những tâm tình ấy, tức là không nhận ra, không tin Người hiện diện" ( Newman, par. 5,2 ).

#### **2145 2472 427.**

Người tín hữu phải làm chứng cho Danh Thiên Chúa, bằng cách can đảm tuyên xưng đức tin (x. Mt 10,32; 1Tm 6,12). Việc rao giảng và huấn giáo phải được thực hiện trong tinh thần thờ phượng và tôn kính đối với Thánh Danh Đức Giê-su, Chúa chúng ta.

#### **2146.**

Điều răn thứ hai *cấm lạm dụng* Danh Thiên Chúa, nghĩa là sử dụng bất xứng đối với danh của Thiên Chúa, của Đức Giê-su Ki-tô, Đức Trinh Nữ Ma-ri-a và toàn thể các thánh.)

**2147 2101.**

Những lời hứa với tha nhân nhân danh Thiên Chúa, đều liên hệ đến danh dự, sự trung thành, sự chân thật và uy quyền của Thiên Chúa, nên phải được tôn trọng theo lẽ công bình. Thất hứa là lạm dụng danh Thiên Chúa, và biến Thiên Chúa thành kẻ nói dối (1Ga 1,10).

**2148.**

*Lộng ngôn* vi phạm trực tiếp điều răn thứ hai. Lộng ngôn là xúc phạm đến Thiên Chúa trong lòng hay ngoài miệng bằng những lời hận thù, than trách, thách thức; là nói xấu Thiên Chúa, bất kính trong lời nói, và lạm dụng Danh Thánh Thiên Chúa. Thánh Gia-cô-bê khiển trách những kẻ nói xúc phạm đến Danh Thánh cao đẹp "của Chúa Giê-su" đã được kê khẩn trên họ (Gcb 2,7). Luật cấm nói lộng ngôn, cũng cấm nói phạm đến Hội Thánh Chúa Ki-tô, các thánh và những sự thánh. Người ta cũng phạm tội lộng ngôn khi lạm dụng danh Thiên Chúa để che đậy những hành vi tội ác, để bắt các dân tộc làm nô lệ, để tra tấn hoặc giết người. Lạm dụng danh Thiên Chúa để phạm tội ác là gây cơ cho người ta ghét đạo.

1756.

Lộng ngôn nghịch lại với bốn phận tôn trọng Thiên Chúa và Danh thánh Người. Lộng ngôn là một tội trọng ( x. CIC, 1369 ).

**2149.**

*Kêu tên Chúa vô cớ*, dù không có ý xúc phạm cũng là thiếu tôn kính Thiên Chúa. Điều răn thứ hai cấm sử dụng Danh Thiên Chúa vào việc ) *ma thuật*.

“Danh Thiên Chúa thật cao cả, khi được kêu cầu cách tôn kính, xứng với sự vĩ đại và uy nghi của Người. Danh của Chúa thật thánh thiện, khi được kêu cầu với

lòng sùng mộ và sợ )xúc phạm tới Người' ( T.Ấutinh, bài giảng. Dom 2,45-19 ).

## II. KÊU DANH THIÊN CHÚA VÔ CỐ

### 2150.

Điều răn thứ hai *cám thề gian*. Thề là lấy Chúa làm chứng cho điều mình xác quyết, là kêu cầu Thiên Chúa chân thật để bảo đảm mình nói thật. Lời thề là lời cam kết nhân danh Thiên Chúa "Chính Thiên Chúa là Đấng anh em phải kính sợ, là Đấng anh em phải phụng thờ; anh em sẽ nhân danh Người mà thề" ( x. Đnl 6,13 ).

### 2151 215.

Người tín hữu có bổn phận phải bài trừ thói thề gian. Vì Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo và là Đức Chúa, nên Người là mẫu mực mọi sự chân thật. Lời nói của con người có thể phù hợp hay trái nghịch với Thiên Chúa là chính Sự Thật. Lời thề chân thật và chính đáng cho thấy lời nói con người phù hợp với chân lý của Thiên Chúa. Thề gian là kêu cầu Thiên Chúa làm chứng cho một lời nói dối.

### 2152 2476 1756.

*Bội thề* là thề hứa một điều gì, nhưng không có ý giữ hay không giữ lời thề. Người bội thề thiếu lòng tôn kính nghiêm trọng đối với Thiên Chúa, họ làm một việc xấu là phạm đến thánh danh Thiên Chúa.

### 2153 2466.

Trong Bài Giảng Trên Núi: Đức Giê-su đã nói đến điều răn thứ hai : "Anh em nghe luật dạy người xưa rằng : "Chớ bội thề nhưng hãy giữ trọn lời thề với Chúa. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết, đừng thề chi cả... Nhưng hề "có" thì phải nói "có"; "không" thì phải nói "không". Thêm thắt

điều gì là do ma quỷ" (Mt 5,33-34.37) ( x. Gcb 5,12 ). Như thế Đức Giê-su dạy rằng, mọi lời thề luôn qui chiếu về Thiên Chúa, và trong mọi lời nói của ta, phải tôn trọng sự hiện diện cũng như sự chân thật của Thiên Chúa. Cần trọng khi kêu cầu danh Thiên Chúa, là cách chúng ta tỏ lòng tôn kính sự hiện diện của Người : lời chân thật tôn vinh sự hiện diện của Chúa, lời nói dối xúc phạm đến Người.

## **2154**

Theo gương thánh Phao-lô ( x. 2Cr 1,23; Ga 1,20 ), truyền thống Hội Thánh vẫn hiểu lời của Đức Giê-su là không cấm thề nếu có lý do nghiêm trọng và chính đáng (ví dụ trước tòa án) "Lời thề là kêu cầu đến danh Thiên Chúa để làm chứng cho sự thật, nên chỉ được thề khi nói sự thật, có suy xét và theo công lý" (x. CIC 1199,1).

## **2155 1903.**

Vì danh Thiên Chúa là thánh, không được kêu tên Chúa vô cớ, hoặc thề trong những hoàn cảnh có thể bị cắt nghĩa là đồng tình nhà cầm quyền đòi hỏi một cách không chính đáng. Khi chính quyền bất hợp pháp buộc thề thì có quyền từ chối. Phải từ chối, khi bị bắt buộc thề vì những mục đích trái với nhân phẩm hay nghịch với sự hiệp thông của Hội Thánh.

## **III. DANH HIỆU KI-TÔ HỮU**

### **2156 232 1267.**

Chúng ta nhận bí tích Thánh Tẩy "nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần" (Mt 28, 19). Trong bí tích này, danh Thiên Chúa thánh hóa con người và người này nhận được một tên riêng trong Hội Thánh. Tên riêng này có thể là tên của một vị thánh, nghĩa là của một môn đệ đã sống đời trung thành mẫu mực với Chúa. Vị thánh bền mạng

nêu gương sống đức mến và luôn chuyển cầu cho ta. "Tên thánh" cũng có thể nêu lên một mẫu nhiệm Ki-tô giáo hay một nhân đức. "Cha mẹ, người đỡ đầu và cha xứ cần lưu tâm đừng đặt tên không phù hợp với ý nghĩa ki-tô giáo" ( x. CIC, 855 ).

**2157 1235 1668.**

Người Ki-tô hữu khi thức dậy, khi bắt đầu kinh nguyện và việc làm, đều làm dấu Thánh Giá "Nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần. A-men". Người tín hữu dâng trọn vẹn ngày sống để tôn vinh Thiên Chúa và kêu cầu Đấng Cứu Thế ban ân sủng giúp họ hành động trong Thánh Thần như con thảo của Chúa Cha. Dấu Thánh Giá giúp ta mạnh sức, để vượt qua các cơn cám dỗ và những lúc khó khăn.

**2158.**

Thiên Chúa gọi từng người bằng chính tên của họ ( x. Is 43,1; Ga 10,3 ). Tên của mỗi người là thánh thiêng. Tên là người, nên phải được tôn trọng như dấu chỉ nhân phẩm của người mang tên đó.

**2159.**

Mỗi người sẽ mang tên của mình mãi mãi. Chỉ trong Nước Trời, tính độc đáo và huyền nhiệm của những ai đã được ghi dấu bằng Danh Thiên Chúa mới được bộc lộ trọn vẹn trong ánh sáng "Ai chiến thắng ... Ta sẽ ban cho một viên sỏi trắng, trên đó có khắc một tên mới mà chẳng ai biết được, ngoài người lãnh nhận nó" (Kh 2,17). "Kìa Con Chiên hiện ra trước mắt tôi, đứng trên núi Xi-on, cùng với một trăm bốn mươi bốn ngàn người mang danh của Con Chiên và của Cha Con Chiên ghi trên trán" (Kh 14,1).

## **TÓM LƯỢC**

**2160**

*"Ôi lay Chúa, Thiên Chúa chúng con, cao cả thay danh Chúa khắp trên hoàn cầu" (Tv 8,2).*

**2161**

*Điều răn thứ hai dạy phải tôn kính danh Thiên Chúa. Danh Thiên Chúa là thánh.*

**2162**

*Điều răn thứ hai cấm mọi lạm dụng danh Chúa. Lộng ngôn là tội xúc phạm đến Danh của Thiên Chúa, của Đức Giê-su Ki-tô, Đức Trinh Nữ Ma-ri-a và các thánh.*

**2163**

*Thề gian là kêu cầu Thiên Chúa làm chứng cho một lời nói dối. Bội thề là một tội trọng xúc phạm đến Thiên Chúa, Đáng luôn trung thành giữ lời đã hứa.*

**2164**

*"Đừng thề nhân danh Đấng Sáng Tạo, cũng đừng lấy thụ tạo mà thề, ngoại trừ khi thề cách chân thật, vì cần thiết và với lòng tôn kính" (T.I-nhã, Linh Thao 38).*

**2165**

*Qua bí tích Thánh Tẩy, người Ki-tô hữu nhận được một tên riêng trong Hội Thánh. Cha mẹ, người đỡ đầu và cha xứ cần lưu tâm để đặt cho họ một tên ki-tô giáo. Vị thánh bổn mạng nêu gương sống đức bác ái và luôn chuyển cầu cho ta.*

**2166**

*Người Ki-tô hữu bắt đầu các kinh nguyện và việc làm bằng dấu Thánh Giá "nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần. A-men".*

**2167**

*Thiên Chúa gọi từng người bằng chính tên của họ (x. Is 43,1 ).*

### **Mục 3**

## **ĐIỀU RĂN THỨ BA**

"Người hãy nhớ ngày sa-bát, mà coi đó là ngày thánh. Trong sáu ngày, người sẽ lao động và làm mọi công việc của người. Còn ngày thứ bảy là ngày sa-bát kính Đức Chúa, Thiên Chúa người. Ngày đó, người không được làm công việc nào" (Xh 20,8-10) ( Đnl 5,12-15.)

"Ngày sa-bát được lập ra vì loài người chứ không phải loài người được dựng nên vì ngày sa-bát". Bởi đó, Con Người làm chủ luôn cả ngày sa-bát (Mc 2,27-18).

346-348

### **I. NGÀY SA-BÁT**

**2168**

Điều răn thứ ba của Thập Giới nhấn mạnh việc thánh hóa ngày sa-bát. "Ngày thứ bảy là một ngày sa-bát, một ngày nghỉ hoàn toàn để dâng cho Đức Chúa" (Xh 31,15).

**2169** 2057.

Về ngày Sa-bát, Thánh Kinh gọi cho Dân *Chúa tưởng nhớ công trình sáng tạo*. "Vì trong sáu ngày, Đức Chúa đã dựng nên trời đất, biển khơi và muôn loài trong đó, nhưng Người đã nghỉ ngày thứ bảy. Bởi vậy Đức Chúa đã chúc phúc cho ngày sa-bát và coi đó là ngày thánh" (Xh 20,11).

## 2170

Trong ngày của Đức Chúa, Thánh Kinh còn giúp Dân Chúa) *tưởng nhớ biến cố giải phóng Ít-ra-en* khỏi ách nô lệ Ai Cập. "Người hãy nhớ người đã làm nô lệ tại đất Ai Cập và Đức Chúa, Thiên Chúa của người, đã dang cánh tay mạnh mẽ uy quyền đưa người ra khỏi. Bởi vậy Đức Chúa, Thiên Chúa của người đã truyền cho người cử hành ngày sa-bát" (Đnl 5,15).

## 2171

Thiên Chúa ban cho Ít-ra-en ngày sa-bát, để họ tuân giữ như một) *dấu chỉ giao ước* vững bền ( x. Xh 31,16 ). Ngày sa-bát được hiến dâng cho Thiên Chúa, là ngày thánh dành để chúc tụng Thiên Chúa, ca ngợi công trình sáng tạo và những kỳ công Người đã thực hiện để cứu Ít-ra-en.

## 2172 2184

Hành động của Thiên Chúa là mẫu mực cho đời sống con người. "Ngày thứ bảy, Thiên Chúa đã ngưng các việc và nghỉ ngơi" (Xh 31,17), thì con người cũng phải "ngưng làm việc" để những người khác, nhất là kẻ nghèo "lấy lại sức" (Xh 23,12). Ngày sa-bát ngắt quãng các công việc hằng ngày và cho tạm nghỉ ngơi. Ngày sa-bát phản kháng khía cạnh nô lệ của công ăn việc làm và thái độ tôn thờ tiền bạc ( x. Nh 13,15-22; 2Sbn 36, 21 ).

**2173 582.**

Tin Mừng ghi lại nhiều lần Đức Giê-su bị tố cáo đã phạm luật ngày sa-bát, nhưng chưa bao giờ Người lỗi phạm sự thánh thiện của ngày này ( x. Mc 1,21; Ga 9,16 ). Người dùng uy quyền đưa ra ý nghĩa đích thực của ngày này: "Ngày sa-bát được lập ra vì loài người chứ không phải loài người vì ngày sa-bát" (Mc 2,27). Đức Ki-tô tuyên phán "Ngày sa-bát phải làm điều lành hơn là làm điều dữ, cứu sống hơn là giết chết" (Mc 3,4). Ngày sa-bát là ngày của Đức Chúa giàu lòng thương xót và là ngày tôn vinh Thiên Chúa ( x. Mt 12,5; Ga 7,23 ). "Con người làm chủ luôn cả ngày sa-bát" (Mc 2,28).

## **II. NGÀY CỦA CHÚA**

“Ngày là ngày Thiên Chúa đã làm, ta hãy reo vui mừng rỡ” (Tv 118, 24)

### **Ngày Phục Sinh : công trình sáng tạo mới**

**2174 638 349.**

Chúa Giê-su đã sống lại từ trong kẻ chết vào "ngày thứ nhất trong tuần" ( x. Mt 28, Mc 16,2, Lc 24,1, Ga 20,1 ), ngày phục sinh của Đức Ki-tô. Vì là "ngày thứ nhất" nên nhắc đến cuộc sáng tạo đầu tiên; vì là "ngày thứ tám" liền sau ngày Sa-bát ( x. Mc 16,1; Mt 28,1 ), nên mang ý nghĩa một công trình sáng tạo mới đã được khai mở với biến cố Đức Ki-tô phục sinh. Đối với các Ki-tô hữu, đây là ngày thứ nhất của mọi ngày, ngày lễ quan trọng nhất trong các lễ, ngày của Đức Chúa, ngày "Chúa nhật" :

“Tất cả chúng tôi tụ họp nhau, ngày của mặt trời, vì đó là ngày thứ nhất (liền sau ngày sa-bát Do Thái, mà cũng là ngày thứ nhất) ngày mà Thiên Chúa đưa vật

chất ra khỏi tôi tắm để tạo dựng vũ trụ, và cũng cùng ngày ấy, Đức Giê-su Ki-tô Đấng cứu độ chúng tôi sống lại từ trong kẻ chết” (FT.Justin, Apol 1,67 )

## **Chúa Nhật - ngày sa-bát viên mãn**

2175 1166

Chúa nhật khác hẳn ngày sa-bát và được Ki-tô hữu mừng hằng tuần thay cho ngày sa-bát. Qua cuộc phục sinh của Đức Ki-tô, Chúa nhật hoàn tất ý nghĩa thiêng liêng của ngày sa-bát Do Thái, và báo trước sự an nghỉ đời đời của con người trong Thiên Chúa. Phụng tự theo lề luật chuẩn bị cho mâu nhiệm Đức Ki-tô, và những nghi thức của luật cũ đều qui hướng về Chúa Ki-tô ( x. 1Cr 10,11 ):

"Những ai sống theo luật cũ, nay đạt tới niềm hy vọng mới, họ sẽ không còn giữ ngày sa-bát nữa, nhưng giữ ngày của Chúa, vì trong ngày đó đời sống chúng ta được chúc phúc nhờ Người và nhờ cuộc tử nạn của Người" (T.Inhace d'Antioche, Magn 9,1).

**2176**

Việc cử hành ngày Chúa nhật tuân theo qui định luân lý tự nhiên đã được ghi khắc trong lòng con người, "Thờ phượng Thiên Chúa cách hữu hình, công khai, và đều đặn, để nhớ đến ơn huệ phổ quát Thiên Chúa ban cho toàn thể nhân loại" ( T.Tô-ma Aquinô,S th 2-2, 122,4). ). Việc cử hành ngày Chúa nhật chu toàn giới luật của Cựu Ước.

## **Thánh lễ ngày Chúa nhật**

2177 1167.

Việc giữ ngày Chúa nhật và cử hành Thánh thể, là trung tâm đời sống của Hội Thánh ."Theo truyền thống các

tông đồ, ngày Chúa Nhật, ngày cử hành màu nhiệm vượt qua, phải được giữ trong toàn thể Hội Thánh như ngày lễ buộc" ( x. CIC, 1246,1 ).

2043

"Ngoài ra còn phải giữ các ngày lễ : Sinh Nhật Chúa Giê-su Ki-tô, lễ Hiện Linh, lễ Chúa Lên Trời, lễ Minh Máu Thánh Chúa Ki-tô, lễ Đức Ma-ri-a Mẹ Thiên Chúa, lễ Đức Mẹ Vô Nhiễm, lễ Đức Mẹ Lên Trời, lễ Thánh Giu-se, lễ các Thánh Phê-rô và Phao-lô tông đồ, lễ Các Thánh" (CIC, 1246,1).

**2178 1343.**

Từ thời các tông đồ, các Ki-tô hữu đã có thói quen tập họp ngày Chúa nhật ( x. Cv 2,42-46; 1Cr 11,17). ). Thư gửi người Do Thái nhắc lại rằng: "Chúng ta đừng bỏ các buổi hội họp như vài người quen làm, trái lại phải khuyến khích nhau" (Dt 10,25)

"Truyền thống còn giữ được một vài giảng huấn luôn hợp thời : Hãy tới nhà thờ sớm, lại gần Chúa và xưng thú tội lỗi, hãy sám hối bằng kinh nguyện ... Tham dự vào phụng vụ thánh đến hết lời nguyện hiệp lễ và đừng ra về trước khi có lời giải tán ... Như chúng tôi thường nói : ngày này được ban cho anh em để cầu nguyện và nghỉ ngơi. Đây là ngày Thiên Chúa đã tạo nên, ta hãy phấn khởi và mừng vui trong ngày ấy"( x. Auteur anonyme,serm.dom ).

**2179 1567 2691 2226.**

"*Giáo xứ* " là một cộng đồng tín hữu nhất định được thiết lập cách bền vững, trong một Giáo Hội địa phương, và việc săn sóc mục vụ được ủy thác cho linh mục chính xứ, như vị mục tử riêng của giáo xứ, dưới quyền của giám mục

giáo phận" ( x. CIC 313,1 ). Giáo xứ là nơi mọi tín hữu có thể tập họp để cử hành Thánh Thể mỗi Chúa Nhật. Giáo xứ hướng dẫn dân Chúa vào đời sống phụng vụ, và tập họp họ để cử hành Phụng Vụ, truyền cho họ giáo lý cứu độ của Đức Ki-tô, thực thi đức ái qua các công việc từ thiện và huynh đệ:

"Ở nhà, bạn không thể cầu nguyện như ở nhà thờ được, vì ở nhà thờ có đông người cùng chung tâm lòng dâng lời cầu khẩn lên Thiên Chúa. Hơn nữa, còn có sự hiệp ý đồng tâm, có dây liên kết đức mến và kinh nguyện của các linh mục." ( T.Gio-an Kim khẩu, incomprehens, 3,6 )

## **Luật giữ ngày Chúa Nhật**

### **2180 2042 1348.**

Một điều răn của Hội Thánh xác định rõ luật của Chúa : "các tín hữu buộc phải dự Thánh Lễ vào ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc"( x. CIC, 1247 ). "Ai tham dự thánh lễ theo nghi thức công giáo vào chính ngày lễ hoặc chiều hôm trước, là chu toàn luật buộc dự lễ" ( x. CIC, 1248, 1 ).

### **2181**

Thánh lễ Chúa Nhật đặt nền tảng và xác định toàn bộ cuộc sống người tín hữu. Do đó, mọi tín hữu phải tham dự thánh lễ vào ngày lễ buộc, trừ khi có một lý do quan trọng (như bệnh hoạn, chăm sóc trẻ sơ sinh) hay được cha sở miễn chuẩn ( x. CIC,1245 ). Ai cố tình vi phạm sẽ mắc tội trọng .

### **2182 815**

Khi cùng tham dự thánh lễ Chúa Nhật, người tín hữu mình chứng sự gắn bó và trung thành với Đức Ki-tô và Hội Thánh, bày tỏ sự hiệp thông trong đức tin và đức mến. Họ

cùng nhau làm chứng cho sự thánh thiện của Thiên Chúa và cho niềm hy vọng của họ vào ơn cứu chuộc. Họ nâng đỡ nhau dưới sự hướng dẫn của Thánh Thần.

### **2183**

"Nếu như không có thừa tác viên thánh hay vì lý do khẩn trọng mà người tín hữu không thể tham dự thánh lễ, thì Hội Thánh khuyên họ tham dự vào cử hành Phụng Vụ Lời Chúa trong nhà thờ giáo xứ hay một nơi thánh khác theo qui định của giám mục giáo phận, hoặc dành một thời gian thích hợp để cầu nguyện cá nhân hay cùng với cả gia đình, và nếu có thể cùng với một nhóm gia đình" ( x. CIC 1248.2 )

### **Ngày hồng ân - ngày nghỉ**

#### **2184 2172.**

Như Thiên Chúa "nghỉ ngơi vào ngày thứ bảy, sau khi hoàn tất cả công trình" ( x. St 2,2 ), đời sống con người cũng theo nhịp như thế giữa lao động và nghỉ ngơi. Khi lập ra ngày Chúa Nhật, Thiên Chúa muốn mọi người có thời giờ nghỉ ngơi và giải trí, để có thể chăm lo đời sống gia đình, văn hóa, xã hội và tôn giáo (GS 67,3).

#### **2185 2428**

Ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc, các tín hữu tránh lao động và các sinh hoạt ngăn trở việc thờ phượng Thiên Chúa, việc hưởng niềm vui trong ngày của Chúa, việc bác ái và tịnh dưỡng thể xác cũng như tinh thần. Luật giữ ngày Chúa Nhật có thể được miễn chuẩn, khi có trách nhiệm gia đình hay nghĩa vụ xã hội quan trọng. Nhưng tín hữu cũng phải coi chừng, đừng để những miễn chuẩn này dẫn đến thói quen thờ ơ với việc thờ phượng, với cuộc sống gia đình hay sức khỏe của mình.

"Ai yêu chuộng chân lý sẽ tìm kiếm sự nhàn rỗi thánh thiện; Ai yêu mến sẽ sẵn sàng đón nhận khó nhọc chính đáng"( Âu-tinh, Thành Đô Thiên quốc 19,19).

### **2186 2447**

Khi hưởng những giờ nhàn rỗi, người tín hữu nên nhớ đến anh chị em của mình, những người cùng có nhu cầu và quyền lợi như mình, nhưng không được nghỉ ngơi vì nghèo khổ và túng cực. Theo truyền thống đạo đức công giáo, ngày Chúa Nhật phải là ngày dành riêng để làm việc lành và khiêm tốn phục vụ cho bệnh nhân, kẻ tàn tật và già lão. Người tín hữu cũng phải thánh hiến ngày Chúa Nhật bằng cách dành thời giờ để chú tâm đến gia đình và thân hữu, những người mà thường nhật họ khó chú tâm tới. Ngày Chúa Nhật cũng là thời gian suy tư, tĩnh lặng, rèn luyện và suy niệm cần thiết để đời sống nội tâm của tín hữu được phát triển.

### **2187 2289**

Để thánh hóa ngày Chúa Nhật và lễ trọng, phải có một nỗ lực chung. Nếu không cần thiết, người Ki-tô hữu đừng bắt anh em làm điều gì khiến họ không thể giữ ngày Chúa Nhật. Nếu những tổ chức (thể thao hay gặp gỡ) và nhu cầu xã hội (các dịch vụ công cộng) đòi buộc một số người phải lao động ngày Chúa Nhật, thì họ cũng phải tìm đủ thời gian để nghỉ ngơi. Với tinh thần điều độ và yêu thương, người tín hữu phải tránh những bốc đồng và bạo lực thường gặp thấy nơi các cuộc giải trí tập thể. Dù có những nhu cầu cấp bách về kinh tế, nhà cầm quyền phải lo cho công dân có đủ thời gian nghỉ ngơi và thờ phượng Thiên Chúa. Chủ nhân cũng có trách nhiệm như vậy đối với công nhân của mình.

## **2188 2105**

Trong tinh thần tôn trọng sự tự do tôn giáo và thiện ích chung, người Ki-tô hữu phải đấu tranh để các ngày Chúa Nhật và các ngày lễ của Hội Thánh được luật pháp công nhận. Họ phải nêu gương công khai về cầu nguyện, thờ phượng và sống vui tươi, bảo vệ truyền thống của mình như một đóng góp quý báu cho đời sống tinh thần của cộng đồng nhân loại. Cho dù luật lệ hiện hành của một nước hay những lý do khác buộc phải lao động ngày Chúa Nhật, ngày này vẫn được sống như là ngày giải thoát và cho chúng ta tham dự vào "cộng đoàn mừng lễ", "vào đại hội giữa các con đầu lòng của Thiên Chúa, là những kẻ đã được ghi tên trên trời" (Dt 12,22-23).

## **TÓM LƯỢC**

### **2189**

*"Người hãy giữ ngày sa-bát và thánh hóa nó" (Đnl 5,12). "Ngày thứ bảy là ngày sa-bát, ngày nghỉ ngơi, được thánh hiến cho Chúa" (Xh 31,15).*

### **2190**

*Ngày Chúa Nhật thay thế ngày sa-bát vốn là ngày tưởng nhớ việc hoàn tất công trình sáng tạo thứ nhất. Ngày Chúa Nhật tưởng nhớ công trình sáng tạo mới được khai mở với biến cố Đức Ki-tô phục sinh.*

### **2191**

*Hội Thánh mừng kính Đức Ki-tô Phục Sinh vào ngày thứ tám thường được gọi là ngày của Chúa hay ngày Chúa Nhật.*

### **2192**

*"Theo truyền thống các tông đồ, ngày Chúa Nhật phải được giữ trong toàn thể Hội Thánh như ngày lễ buộc" ( x. CIC, 1246,1 ). "Người tín hữu buộc phải dự thánh lễ vào ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc khác" ( x. CIC, 1247 ).*

### **2193**

*Ngày Chúa Nhật và các ngày lễ buộc, người tín hữu tránh lao động và các sinh hoạt ngăn trở việc thờ phượng Thiên Chúa, việc hưởng niềm vui và tịnh dưỡng cần thiết cho tinh thần cũng như thể xác ( x. CIC,1247 ).*

### **2194**

*Ngày Chúa Nhật được thiết lập cho "mỗi người có đủ thời gian nghỉ ngơi và nhàn rỗi để sống gia đình, văn hóa, xã hội và tôn giáo" ( x. GS 67,3 ).*

### **2195**

*Nếu không cần thiết, người Ki-tô hữu đừng bắt anh em làm điều gì khiến họ không thể giữ ngày Chúa Nhật.*

## **CHƯƠNG HAI**

### **"NGƯỜI PHẢI YÊU THƯƠNG NGƯỜI THÂN CẬN NHƯ CHÍNH MÌNH"**

Đức Giê-su nói với các môn đệ : "Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em" (Ga 13,34).

### **2196**

Để trả lời câu hỏi về điều răn trọng nhất Đức Giê-su nói "điều răn đứng hàng đầu là : Nghe đây, hỡi Ít-ra-en, Đức Chúa, Thiên Chúa chúng ta là Đức Chúa duy nhất; người

phải yêu mến Đức Chúa là Thiên Chúa của người hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí và hết sức lực người"; điều răn thứ hai là : "Người phải yêu người thân cận như chính mình". Chẳng có điều răn nào khác quan trọng hơn các điều răn đó" (Mc 12,29-31).

2822.

Thánh Phao-lô tông đồ cũng nhắc : "Ai yêu người thì đã chu toàn lề luật. Thật thế, các điều răn như : *Người không được ngoại tình, không được giết người, không được trộm cắp, không được ham muốn của người khác*, cũng như các điều răn khác đều tóm lại trong lời này : "Người phải yêu đồng loại như chính mình". Đã yêu thương thì không làm hại cho người đồng loại; yêu thương là chu toàn lề luật vậy" (Rm 13,8-10). )

#### Mục 4

### ĐIỀU RĂN THỨ TƯ

"Hãy trọng kính cha mẹ người, để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người" (Xh 20,12)

"Người hằng vâng phục các ngài" (Lc 2,51)

“Chính Đức Giê-su cũng nhấn mạnh về "điều răn này của Thiên Chúa" (Mc 7,8-13). Thánh tông đồ Phao-lô cũng dạy : "Kể làm con, hãy vâng lời cha mẹ, theo tinh thần của Chúa, vì đó là điều phải đạo. "Hãy tôn kính cha mẹ". Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa : "để người được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này" (Ep 6,13) (x. Đnl 5,16).

**2197 1897**

Điều răn thứ tư mở đầu phần hai của Thập Giới, ấn định trật tự của đức ái. Thiên Chúa muốn rằng sau Người, chúng ta phải tôn kính cha mẹ, vì đã sinh thành dưỡng dục, và dạy cho chúng ta biết Thiên Chúa. Chúng ta cũng phải tôn kính những người được Thiên Chúa trao ban quyền hành để mưu ích cho chúng ta.

**2198 2419**

Điều răn này được trình bày dưới hình thức tích cực, ấn định những bổn phận phải chu toàn, và chuẩn bị cho những điều răn tiếp theo, đòi buộc con người phải tôn trọng sự sống, hôn nhân, của cải trần thế và lời nói. Đây là một trong những nền tảng của học thuyết xã hội của Hội Thánh.

**2199**

Điều răn thứ tư nói đến bổn phận con cái đối với cha mẹ, vì đây là tương quan phổ quát nhất. Điều răn này còn rộng mở tới bổn phận của học trò đối với thầy, thợ với chủ, kẻ thuộc cấp đối với người chỉ huy, công dân đối với tổ quốc và với tất cả những người điều hành, cai trị đất nước.

Điều răn này cũng bao hàm và hiểu ngầm những bổn phận của cha mẹ, giám hộ, thầy cô, người lãnh đạo, nhà cầm quyền, nghĩa là tất cả những ai có quyền trên kẻ khác hay trên một tập thể.

**2200 2304**

Điều răn thứ tư có kèm theo phần thưởng : "Người hãy trọng kính cha mẹ để được sống lâu trên đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của người, ban cho người" ( Xh 20,12; Đnl 5,16 ). Ai tôn trọng điều răn này, ngoài những lợi ích thiêng liêng, còn nhận được những lợi ích trần thế là an bình

và thịnh vượng. Ngược lại, vi phạm điều răn này sẽ gây nhiều thiệt hại lớn cho cộng đoàn và cho cá nhân.

## **I. GIA ĐÌNH TRONG KẾ HOẠCH CỦA THIÊN CHÚA**

### **Bản chất của gia đình**

#### **2201 1625**

Hôn nhân và gia đình được thiết lập trên sự ưng thuận của đôi vợ chồng, nhằm vào lợi ích của họ cũng như vào việc sinh sản và giáo dục con cái. Tình yêu vợ chồng và việc sinh sản con cái tạo ra những tương quan nhân vị và những trách nhiệm hàng đầu, giữa những phần tử trong gia đình.

#### **2202 1882**

Vợ chồng và con cái tạo thành một gia đình. Gia đình tự hình thành và có trước sự công nhận của công quyền. Người ta xem gia đình là nền tảng để từ đó xác định những tương quan khác trong thân tộc.

#### **2203 369**

Khi tạo dựng người nam và người nữ, Thiên Chúa đã thiết lập gia đình và đặt nền tảng cơ bản cho nó. Các phần tử trong gia đình đều bình đẳng về nhân phẩm. Vì lợi ích chung của các phần tử và của xã hội, gia đình có một số trách nhiệm, quyền lợi và bổn phận.

#### **1655-1658**

### **Gia đình Ki-tô giáo**

#### **2204 533**

"Gia đình Ki-tô giáo bày tỏ và thể hiện một cách đặc biệt sự hiệp thông trong Hội Thánh vì lẽ đó... phải được coi là một "Hội Thánh tại gia" ( x. FC 21, x. LG 11 ), là một

cộng đoàn đức tin, đức cậy và đức mến ( x. Ep 5,21-6,4, Col 3,18-21; 1 Pr 3,1-7 ). Tân Ước cho thấy gia đình có một tầm quan trọng đặc biệt trong Hội Thánh.

### **2205 1702**

Gia đình Ki-tô giáo là một hiệp thông nhân vị là dấu chỉ và hình ảnh của sự hiệp thông giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần. Việc sinh sản và giáo dục con cái phản ánh công trình sáng tạo của Chúa Cha. Gia đình được mời gọi tham dự vào sự cầu nguyện và hy tế của Đức Ki-tô. Kinh nguyện hằng ngày và chăm đọc Lời Chúa củng cố đức mến trong gia đình. Gia đình Ki-tô giáo mang sứ mạng loan báo Tin Mừng truyền giáo.

### **2206**

Những mối tương quan trong gia đình đưa tới những cảm nghĩ, những tình nghĩa, những sở thích, những quyền lợi giống nhau, nhất là do việc biết tôn trọng lẫn nhau. Gia đình là một cộng đoàn ưu việt được mời gọi để thực hiện "sự đồng tâm nhất trí giữa vợ chồng và sự ân cần cộng tác của cha mẹ trong việc giáo dục con cái" ( x. GS 52,1 ).

## **II. GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI**

### **2207 1880 372 1603**

Gia đình là tế bào căn bản của đời sống xã hội, là xã hội tự nhiên, nơi đó, người nam và người nữ được mời gọi tận hiến cho nhau trong tình yêu và trong việc thông truyền sự sống. Quyền bính, sự ổn định và đời sống tương giao nơi gia đình là nền tảng cho tự do, an ninh và tình huynh đệ của xã hội. Gia đình là cộng đoàn, nơi đó từ thời thơ ấu, con người được học biết tôn trọng những giá trị luân lý, tôn thờ Thiên Chúa và biết sử dụng tự do. Đời sống gia đình chuẩn bị cho đời sống xã hội.

## 2208

Gia đình phải sống thế nào để các thành viên biết quan tâm và nhận trách nhiệm đối với những người trẻ và những người già, người đau yếu, tật nguyền và nghèo khổ. Có nhiều gia đình đôi khi không đủ sức giúp nhau như vậy. Bây giờ, những người khác, những gia đình khác và xã hội, phải chăm lo cho những người này. "Thăm viếng cô nhi quả phụ lâm cảnh gian truân, và giữ mình cho khỏi mọi vết nhơ của thế gian là đạo đức tinh tuyền và không tì ố trước mặt Thiên Chúa Cha" (Gcb 1,27)

## 2209 1883

Gia đình phải được xã hội giúp đỡ và bảo vệ bằng những biện pháp thích ứng. Nơi nào các gia đình không đủ khả năng chu toàn phận vụ, các tổ chức xã hội khác có bổn phận trợ giúp và nâng đỡ cơ chế gia đình. Theo nguyên tắc hỗ trợ, những cộng đoàn lớn không được lấn quyền hay xen vào đời sống của các gia đình.

## 2210

Gia đình rất cần thiết cho đời sống và phúc lợi xã hội ( x. GS 47,1 ), nên xã hội đặc biệt có trách nhiệm nâng đỡ và củng cố hôn nhân và gia đình. "Chính quyền phải nhìn nhận, bênh vực và phát huy bản chất đích thực của hôn nhân và gia đình, phải bảo vệ nền luân lý chung và giúp cho gia đình được sung túc, vì đó là những bổn phận mà chính quyền phải coi như một sứ mạng thiêng liêng phải chu toàn".

## 2211

Cộng đoàn chính trị có bổn phận tôn trọng, trợ giúp và nhất là bảo đảm cho gia đình có được các quyền sau đây :

- Quyền tự do lập gia đình, quyền sinh con cái và giáo dục chúng theo những xác tín luân lý và tôn giáo của mình;

- Quyền bảo toàn dây liên kết vững bền của hôn nhân và cơ chế gia đình;
- Quyền tự do tuyên xưng đức tin và thông truyền đức tin, quyền giáo dục đức tin cho con cái bằng những phương tiện và cơ chế cần thiết;
- Quyền tư hữu, tự do làm việc, có việc làm, có nhà ở, tự do di cư;
- Quyền được chăm sóc y tế trợ cấp tuổi già, phụ cấp gia đình, tùy theo cơ chế của các quốc gia;
- Quyền được bảo vệ an ninh và cuộc sống lành mạnh, tránh các nguy cơ như : xì ke ma túy, dâm ô đồi trụy, nghiện rượu v.v....
- Quyền tự do liên kết với các gia đình khác để lập hội đoàn và như thế, được đại diện bên cạnh công quyền ( x. FC 46 ).

### **2212 225 1931**

Điều răn thứ tư cũng làm *sáng tỏ các mối tương quan khác trong xã hội* : Anh chị em ruột, là con cái của cha mẹ chúng ta; anh chị em họ, là những con cái của tổ tiên chúng ta; đồng bào là con cái của tổ quốc; các tín hữu là con cái của Mẹ Hội Thánh; mỗi con người là một người con của Đấng chúng ta gọi là "Cha chúng con". Do đó, các mối tương quan với tha nhân đều là những tương quan nhân vị. Tha nhân không phải là một "cá nhân" giữa tập thể, nhưng là "một con người" phải được mọi người đặc biệt lưu tâm và tôn trọng.

### **2213 1939**

Con người *hợp thành những cộng đồng nhân loại*. Để quản trị các cộng đồng một cách tốt đẹp, không những phải bảo đảm các quyền chu toàn các bổn phận, tuân giữ các khế ước, nhưng phải có lòng nhân hậu của người biết mưu cầu công bình và tình huynh đệ, nhờ đó có được quan hệ tốt đẹp giữa chủ và thợ, giữa nhà cầm quyền và công dân.

### III- BỔN PHẬN CỦA CÁC PHẦN TỬ TRONG GIA ĐÌNH

#### Bổn phận con cái

##### 2214 1858

Tình phụ tử của Thiên Chúa là nguồn mạch của tình phụ tử nơi loài người (Eph 3,14). Vinh dự của cha mẹ đặt trên nền tảng này. Lòng tôn kính của con cái còn vị thành niên hay đã trưởng thành, phát sinh từ lòng yêu mến tự nhiên liên kết chúng với cha mẹ ( x Pr 1,8 ;Tb 4,3-4 ). Chính luật Chúa đòi hỏi lòng tôn kính ấy ( x. Xh 20,12 ).

##### 2215

Lòng tôn kính của con cái đối với cha mẹ (*hiếu thảo*) phát xuất từ sự *biết ơn* đối với những người đã cho chúng được sống và nhờ tình yêu và công lao của họ, giúp chúng lớn lên về tâm vóc, khôn ngoan và ân sủng. "Hãy hết lòng tôn kính cha con, và đừng quên ơn mẹ đã mang nặng đẻ đau. Hãy luôn nhớ công ơn dưỡng dục sinh thành, công ơn ấy con lấy chi đáp đền cho cân xứng"? (Hc 7,27-28)

##### 2216 532

Lòng hiếu thảo được bày tỏ qua sự ngoan ngoãn và *vâng phục* chân thành. "Hỡi con, lệnh cha con truyền, hãy lo tuân giữ; lời mẹ con dạy, chớ bỏ ngoài tai... Những lời đó sẽ hướng dẫn con lúc con đi, sẽ giữ gìn con khi con nằm, sẽ cùng con chuyện trò khi con thức dậy" (Cn 6,20-22). "Con khôn giữ lời cha nghiêm huấn, kẻ nhạo báng chẳng nghe lời sửa dạy" (Cn 13,1).

##### 2217

Bao lâu còn chung sống với cha mẹ, con cái phải tuân giữ mọi điều cha mẹ dạy, vì lợi ích của mình và của gia đình.

"Kẻ làm con hãy vâng lời cha mẹ trong mọi sự, vì đó là điều đẹp lòng Chúa" (Cl 3,20) ( x. Eph 6,1 ). Trẻ em còn phải vâng lời thầy cô và người giám hộ. Theo lương tâm, nếu thấy vâng theo một lệnh truyền nào đó là làm điều xấu, thì con cái không buộc phải vâng lời.

1831

Khi trưởng thành, con cái vẫn phải tôn kính cha mẹ, biết đón trước ý muốn của các ngài, sẵn sàng bàn hỏi và chấp nhận những lời khuyên cáo đúng đắn của cha mẹ. Khi không còn chung sống với cha mẹ, con cái vẫn phải tôn kính, vì lòng tôn kính này bắt nguồn từ sự kính sợ Thiên Chúa, một trong bảy ơn Chúa Thánh Thần.

2218

Điều răn thứ tư còn cho những người con đã trưởng thành *biết trách nhiệm của họ đối với cha mẹ*, về vật chất cũng như tinh thần, khi các ngài già yếu, bệnh tật, cô đơn hay hoạn nạn. Chúa Giê-su nhắc lại bổn phận biết ơn này ( x. Mc 7,10-12 ).

"Đức Chúa làm cho người cha được vẻ vang vì con cái, cho người mẹ thêm uy quyền đối với các con. Ai tôn kính cha thì bù đắp lỗi lầm, ai trọng kính mẹ thì tích trữ kho báu. Ai thờ cha sẽ được vui mừng vì con cái, khi cầu nguyện họ sẽ được lắng nghe. Ai trọng quý cha sẽ được trường thọ và ai vâng lệnh Đức Chúa sẽ làm cho mẹ an lòng" (Hc 3,2-6).

"Con ơi, hãy săn sóc cha con, khi người đến tuổi già, bao lâu người còn sống, chớ làm người buồn tủi. Người có lúc lẫn, con cũng phải cảm thông, chớ cậy mình sung sức mà khinh dễ người. Ai bỏ rơi cha

mình thì khác nào kẻ lộng ngôn, ai chọc giận mẹ mình, sẽ bị Đức Chúa nguyên rủa" (Hc 3, 12-13, 16).

## 2219

Lòng hiếu thảo tạo bầu khí thuận hòa trong đời sống gia đình, ảnh hưởng đến các *mối tương quan giữa anh chị em*. Lòng hiếu thảo sưởi ấm bầu khí gia đình. "Con cháu là vinh quang của tuổi già" (Cn 17,6). "Anh em hãy ăn ở khiêm tốn, hiền từ và nhẫn nại". Hãy lấy tình bác ái mà chịu đựng lẫn nhau" (Eph 4,2).

## 2220

Các Ki-tô hữu còn phải biết ơn những kẻ đã giúp mình lãnh nhận đức tin, ân sủng bí tích Thánh Tẩy và đời sống trong Hội Thánh. Những người này có thể là cha mẹ, ông bà, những phần tử khác của gia đình, các vị mục tử, giáo lý viên, thầy cô giáo hay bạn bè. "Tôi hồi tưởng lại lòng tin không giả hình của anh, là lòng tin đã có nơi cụ Lô-ít, bà ngoại anh và nơi bà Eu-ni- kê mẹ anh và tôi xác tín rằng nơi anh cũng vậy" (2 Tm 1, 5).

## Bổn phận của cha mẹ

### 2221 1653

Tình yêu vợ chồng không chỉ triển nở qua việc sinh con, mà còn qua việc giáo dục đời sống luân lý và tâm linh cho chúng nữa. "*Vai trò của cha mẹ trong việc giáo dục* quan trọng đến nỗi không gì thay thế được" ( x. GE 3 ). Quyền và bổn phận giáo dục con cái là quyền và bổn phận căn bản, bất khả nhượng ( x. FC 36 ).

### 2222 494

Cha mẹ phải xem con cái như những người con của Thiên Chúa và tôn trọng chúng như *những nhân vị*. Họ phải

dạy cho con cái biết chu toàn luật Thiên Chúa, bằng cách chính họ cũng cho thấy mình vâng phục thánh ý Cha trên trời.

### **2223 1804**

Cha mẹ là những người đầu tiên có trách nhiệm giáo dục con cái. Họ thể hiện trách nhiệm này qua việc *xây dựng một mái ấm gia đình* dựa trên tình âu yếm, lòng tha thứ, tôn trọng lẫn nhau, chung thủy và tinh thần phục vụ vô vị lợi. Mái ấm gia đình là nơi thích hợp cho việc *giáo dục các đức tính*, nơi đây con cái học biết hy sinh, phán đoán lành mạnh, tự chủ, là những điều kiện cho tự do đích thực. Cha mẹ phải dạy cho con cái biết "coi trọng các chiều kích tâm linh hơn là những gì thuộc thể lý và bản năng" ( x. CA 36 ). Cha mẹ có trách nhiệm quan trọng là phải nên gương tốt cho con cái. Khi biết nhìn nhận những thiếu sót của mình trước mặt con cái, cha mẹ có uy tín hơn để hướng dẫn và sửa dạy con cái :

"Thương con cho roi cho vọt, ai biết giáo dục con sẽ được thỏa lòng về con" (Hc 30,1-2). "Những bậc làm cha mẹ đừng làm cho con cái tức giận, nhưng hãy giáo dục chúng bằng cách khuyên răn và sửa dạy thay mặt Chúa" (Eph 6,4).

### **2224 1939**

Gia đình là môi trường tự nhiên để chuẩn bị con người sống tình liên đới và nhận các trách nhiệm trong cộng đồng. Cha mẹ phải dạy cho con cái biết tránh những thái độ thỏa hiệp và sa đọa đang đe dọa xã hội loài người.

### **2225 1656**

Nhờ ơn bí tích Hôn Phối, cha mẹ nhận trách nhiệm và đặc quyền giáo dục *đức tin cho con cái*. Cha mẹ là những sứ giả đầu tiên của đức tin, khai tâm cho con về các mầu nhiệm

đức tin từ lúc chúng còn nhỏ. Họ phải đưa con cái, hòa nhập vào đời sống của Hội Thánh ngay từ lúc còn thơ bé. Nếp sống gia đình có thể tạo nên những tâm tình tốt đẹp, chuẩn bị và nâng đỡ đức tin sống động cho con trong suốt cuộc đời.

### **2226 2179**

Cha mẹ phải *giáo dục đức tin* cho con cái ngay từ tuổi ấu thơ. Việc giáo dục này khởi đầu ngay khi các phần tử trong gia đình giúp nhau lớn lên trong đức tin, nhờ chứng từ của một đời sống đạo phù hợp với Tin Mừng. Việc dạy giáo lý trong gia đình đi trước, đồng hành và làm phong phú thêm các hình thức giáo dục đức tin khác. Cha mẹ có sứ mạng dạy cho con cái biết cầu nguyện và khám phá ra ơn gọi làm con Thiên Chúa ( x. LG 11 ). Giáo xứ là cộng đồng Thánh Thể và là trung tâm đời sống phụng vụ của các gia đình Ki-tô giáo, nên là nơi tốt nhất để giáo dục đức tin cho trẻ em và cha mẹ chúng.

### **2227 2013**

Con cái cũng *góp phần giúp* cho cha mẹ *sống thánh thiện* ( x. GS 48,4 ). Mọi người và mỗi người phải biết quảng đại và sẵn sàng tha thứ cho nhau khi gặp những xúc phạm, gây gổ, bất công và thiếu quan tâm (x. Mt 18,21-22, Lc 17,4). Tình yêu thương lẫn nhau và đức ái của Chúa Ki-tô đòi buộc như thế.

### **2228**

Khi con cái còn nhỏ, cha mẹ tôn trọng và yêu thương chúng qua việc chăm sóc và lưu tâm dưỡng dục, *đáp ứng những nhu cầu thể xác và tâm linh của chúng*. Khi chúng lớn lên, cha mẹ tôn trọng và tận tụy giáo dục con cái biết sử dụng lý trí và tự do.

## 2229

Cha mẹ là những người đầu tiên có trách nhiệm giáo dục con cái, nên có quyền *chọn lựa cho con cái một trường học* theo ý mình. Quyền này là quyền căn bản. Cha mẹ phải cố gắng chọn lựa trường học nào giúp chu toàn tốt nhất trách vụ của người giáo dục đức tin (x. GE 6). Nhà Nước có bổn phận bảo đảm và giúp đỡ để cha mẹ thực thi quyền ấy.

## 2230 1625

Khi đến tuổi trưởng thành, con cái có bổn phận và có quyền *chọn lựa nghề nghiệp và bậc sống*. Con cái có những trách nhiệm mới nhưng vẫn giữ tương quan đầy tín nhiệm đối với cha mẹ, sẵn sàng bàn hỏi, lắng nghe ý kiến và lời khuyên bảo của cha mẹ. Cha mẹ phải tránh ép buộc con cái trong việc chọn nghề, cũng như trong việc chọn người bạn đời. Dù phải dè dặt, cha mẹ vẫn có thể giúp đỡ con cái bằng những ý kiến khôn ngoan, nhất là khi con cái chuẩn bị lập gia đình.

## 2231

Có những người không lập gia đình để chăm sóc cha mẹ, anh chị em, hoặc để dồn hết tâm trí vào một nghề nghiệp hay một lý do cao đẹp khác. Họ có thể góp phần lớn lao vào lợi ích của gia đình nhân loại.

## IV. GIA ĐÌNH VÀ NƯỚC TRỜI

### 2232 1618

Các liên hệ gia đình rất quan trọng nhưng không tuyệt đối. Đứa trẻ càng lớn lên, vươn tới tuổi trưởng thành và tự chủ về mặt nhân bản và thiêng liêng, ơn gọi riêng do Thiên Chúa ban càng được khẳng định rõ ràng và mạnh mẽ hơn. Cha mẹ phải tôn trọng và cố võ con cái đáp trả và đi theo ơn gọi ấy. Phải xác tín rằng ơn gọi đầu tiên của Ki-tô hữu là

*bước theo Đức Giê-su ( x. Mt 16,25 ). "Ai yêu cha mẹ hơn Thầy thì không đáng làm môn đệ Thầy, ai yêu con trai hay con gái mình hơn Thầy thì không đáng làm môn đệ Thầy" (Mt 10,37).*

### **2233 542**

Trở thành môn đệ Đức Giê-su, là chấp nhận lời mời gọi thuộc về *gia đình Thiên Chúa* và sống như Người: "Ai thi hành ý muốn của Cha Ta, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em và là mẹ Ta" (Mt 12,49).

Với tâm tình vui mừng và biết ơn, cha mẹ phải đón nhận và tôn trọng ơn Thiên Chúa mời gọi một trong số con cái mình đi theo Người, trong đời sống trinh khiết vì Nước Trời, trong đời thánh hiến, hay trong thừa tác vụ tu tế.

## **V.-QUYỀN BÌNH TRỌNG XÃ HỘI DÂN SỰ**

### **2234 1897**

Điều răn thứ tư cũng dạy ta phải tôn trọng tất cả những ai được Thiên Chúa trao ban một quyền bình trong xã hội để mưu ích cho chúng ta. Điều răn này soi sáng các bổn phận của những người thực thi quyền bình cũng như những kẻ được phục vụ.

### **Bổn phận của chính quyền dân sự**

### **2235 1899**

Những người cầm quyền phải thực thi quyền bình như người phục vụ : "Ai muốn làm lớn giữa anh em thì phải làm đầy tớ anh em" (Mt 20, 26). Về mặt luân lý, việc thực thi quyền bình phải căn cứ vào Thiên Chúa là Đấng ban quyền, vào lý trí tự nhiên và đối tượng đặc thù của quyền này.

Không ai được quyền truyền lệnh hay thiết lập điều gì trái với nhân phẩm và luật tự nhiên.

### **2236 2411**

Phải thực thi quyền bính theo trật tự chính đáng các giá trị giúp mọi người dễ dàng sử dụng tự do và trách nhiệm. Cấp trên phải khôn ngoan thực thi công bằng phân phối bằng cách quan tâm đến nhu cầu và phần đóng góp của mỗi người, để tạo sự hòa thuận. Họ phải lưu tâm đừng để cho các luật lệ và các qui định được ban hành tạo ra nguy cơ đối nghịch lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể ( x. CA 25 ).

### **2237 357**

*Chính quyền* phải tôn trọng các quyền căn bản của con người. Phải thực thi công bình với lòng nhân đạo khi tôn trọng quyền của từng người, nhất là quyền của các gia đình và những người khốn cùng.

Các quyền chính trị gắn liền với tư cách công dân, có thể và phải được công nhận theo các đòi hỏi của công ích. Các quyền ấy không thể bị công quyền đình chỉ khi không có lý do chính đáng và tương xứng. Việc thực thi các quyền chính trị nhằm mưu cầu lợi ích chung của quốc gia và của cộng đồng nhân loại.

## **Bổn phận công dân**

### **2238 1900**

Những người phục tùng quyền bính phải coi cấp trên như người đại diện Thiên Chúa, Đấng đã đặt họ làm người phân phát các ân huệ của Người ( x. Rm 13,1-2 ): "Vì Chúa, anh em hãy tuân phục mọi thể chế do loài người đặt ra. Hãy hành động như những con người tự do, không phải như những người lấy tự do làm màn che đậy sự gian ác, nhưng

như những tội tớ của Thiên Chúa" (1 Pr 2,13.16). Sự cộng tác trung thực của người công dân bao hàm quyền, đôi khi là bổn phận, phải lên tiếng phê phán những gì họ cho là có hại cho nhân phẩm và lợi ích của cộng đồng.

### **2239 1915 2310**

*Người công dân* phải góp phần với chính quyền để mưu ích cho xã hội trong tinh thần tôn trọng chân lý, công bằng, liên đới và tự do. Lòng yêu mến và phục vụ Tổ Quốc phát xuất từ bổn phận tri ân và đòi hỏi của đức ái. Nhiệm vụ từng phục quyền bình hợp pháp và phục vụ công ích đòi hỏi người công dân chu toàn vai trò của mình trong đời sống của cộng đồng chính trị.

### **2240 2265**

Bổn phận từng phục quyền bình và có trách nhiệm đối với công ích buộc người công dân phải đóng thuế, bầu cử và bảo vệ quê hương :

"Anh em nợ ai cái gì, hãy trả cho người ta cái đó : nộp sưu cho người đòi sưu, trả thuế cho người đòi thuế, sợ người phải sợ, kính người phải kính" (Rm 13,7)

"Người Ki-tô hữu cư ngụ trên quê hương mình, như những ngoại kiều thường trú. Họ chu toàn mọi bổn phận công dân và gánh chịu tất cả như ngoại kiều... Họ vâng phục luật pháp hiện hành nhưng đời sống của họ vượt trên luật pháp... Thiên Chúa đã cho họ một địa vị cao quý đến độ họ không bỏ đi được" ( Epitre à Diognète 5,5.19; 6,10 ).

### **1900**

Thánh Phao-lô tông đồ cũng khuyến dụ chúng ta phải cầu nguyện và tạ ơn Chúa cho "vua chúa và tất cả những

người cầm quyền, để chúng ta được an cư lạc nghiệp mà sống thật đạo đức và nghiêm chỉnh"(1Tm 2,2).

## 2241

Những quốc gia giàu hơn có bốn phận đón nhận theo khả năng, *những người nước ngoài* đến tìm kiếm an ninh và sinh kế mà họ không có được nơi chính quê hương họ. Chính quyền phải để tâm tôn trọng luật tự nhiên vốn đòi hỏi phải bảo vệ những khách kiều cư.

Vì công ích, chính quyền có thể quy định một số điều kiện pháp lý cho quyền nhập cư, nhất là đòi hỏi các người di dân phải tôn trọng các bốn phận đối với quốc gia tiếp nhận họ). Người dân nhập cư phải biết ơn và tôn trọng di sản vật chất và tinh thần của xứ sở tiếp nhận họ, tuân thủ luật pháp và chia sẻ các trách vụ trong nước ấy.

## 2242 1903 2313 450

Theo lương tâm, người công dân không được tuân theo những luật lệ của chính quyền dân sự khi chúng ngược lại các đòi hỏi luân lý, nghịch với các quyền cơ bản của con người hay giáo huấn của Tin Mừng. Khi những đòi hỏi của chính quyền nghịch với đòi hỏi của lương tâm ngay thẳng, Ki-tô hữu *từ chối vâng phục* chính quyền, vì phải phân biệt giữa việc phục vụ Thiên Chúa và việc phục vụ cộng đồng chính trị. "Của Xê-da, trả về Xê-da; của Thiên Chúa, trả về Thiên Chúa" ( Mt 22,21). "Phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời loài người" (Cv 5,29):

## 1901

"Khi công quyền vượt quá quyền hạn của mình mà đàn áp công dân, thì lúc đó chính công dân cũng không nên từ chối những gì khách quan xét thấy phù hợp với đòi hỏi công ích. Họ được phép bênh vực các

quyền lợi riêng của mình cũng như của đồng bào, chống lại những lạm dụng của công quyền, nhưng phải tôn trọng các giới hạn của luật tự nhiên cũng như luật Tin Mừng" (GS 74,5).

### **2243 2309.**

Không được sử dụng vũ khí chống lại một chính quyền áp bức, trừ khi hội đủ các điều kiện sau đây :

1/ Có bằng cứ chắc chắn chính quyền vi phạm nghiêm trọng và lâu dài các quyền căn bản.

2/ Sau khi đã dùng mọi phương thế khác.

3/ Không gây ra những xáo trộn tệ hại hơn.

4/ Có đủ cơ sở để hy vọng thành công.

5/ Nếu không tìm được giải pháp nào khác tốt hơn.

## **Cộng đồng chính trị và Hội Thánh**

### **2244 1910 1881 2109**

Mọi cơ chế đều minh nhiên hay mặc nhiên dựa trên một nhân sinh quan. Từ đó, rút ra những tiêu chuẩn để phán đoán bậc thang các giá trị và đường lối hành động. Đa số các xã hội xây dựng cơ chế của mình dựa trên một điểm ưu việt nào đó của con người so với vạn vật. Chỉ có tôn giáo được Thiên Chúa mặc khải, mới nhận ra được nguồn gốc và định mệnh của con người, nơi Thiên Chúa, Đấng Sáng Tạo và Cứu Chuộc. Hội Thánh mời gọi các chính quyền nên có những phán đoán và những quyết định dựa trên chân lý mạc khải về Thiên Chúa và con người.

Các xã hội không biết đến hay từ khước mạc khải này, vì không muốn lệ thuộc vào Thiên Chúa, đều phải tìm nơi chính mình hay vay mượn ở một ý thức hệ nào đó, những tiêu chuẩn và cứu cánh cho mình. Khi không chấp nhận cho người ta bảo vệ một tiêu

chuẩn khách quan về thiện ác, các xã hội ấy tự ban cho mình một quyền lực độc tài chuyên chế trên con người và trên định mệnh con người, cách công khai hay ngấm ngầm, như lịch sử từng minh chứng ( x. CA 45;46 ).

**2245 912.**

Do sứ mạng và thẩm quyền của mình, Hội Thánh không tự đồng hóa với cộng đồng chính trị, nhưng Hội Thánh vừa là dấu chỉ, vừa là người bảo vệ tính siêu việt của nhân vị. "Hội Thánh tôn trọng và cổ võ tự do chính trị cũng như trách nhiệm của các công dân" ( x. GS 76,3 ).

**2246 2032 2420**

Hội Thánh có sứ mệnh "nói lên nhận định luân lý của mình cả trong những vấn đề liên quan tới lãnh vực chính trị, khi các quyền căn bản của con người hay phần rỗi các linh hồn đòi hỏi, bằng cách sử dụng mọi phương tiện và chỉ những phương tiện nào phù hợp với Tin Mừng và lợi ích của thời đại và hoàn cảnh khác nhau" ( x. GS 76,5 ).

**TÓM LƯỢC**

**2247**

*"Hãy thảo kính cha mẹ" (Dt 5,16, Mc 7,10).*

**2248**

*Theo điều răn thứ tư, Thiên Chúa muốn rằng, sau Người chúng ta phải tôn kính cha mẹ và những ai được Người trao ban quyền hành để mưu ích cho chúng ta.*

**2249**

*Hôn nhân được thiết lập trên giao ước và sự ưng thuận của đôi vợ chồng. Hôn nhân và gia đình nhằm tới lợi*

*ích của đôi vợ chồng, cũng như việc sinh sản và giáo dục con cái.*

**2250**

*"Sự lành mạnh của con người, của xã hội nhân loại và Ki-tô giáo liên kết chặt chẽ với tình trạng tốt đẹp của cộng đồng hôn nhân và gia đình" ( x. GS 47,1 ) .*

**2252**

*Cha mẹ là những người đầu tiên có trách nhiệm giáo dục đức tin, cầu nguyện và mọi đức tính tốt cho con cái tùy theo khả năng, cha mẹ có bổn phận đáp ứng những nhu cầu thể xác và tâm linh của con cái.*

**2253**

*Cha mẹ phải tôn trọng và tạo thuận lợi cho ơn gọi của con cái mình. Họ phải ý thức và dạy dỗ cho con biết rằng theo Đức Giê-su là ơn gọi đầu tiên của Ki-tô hữu.*

**2254**

*Công quyền phải tôn trọng các quyền căn bản của con người và các điều kiện để con người thể hiện tự do.*

**2255**

*Người công dân phải cộng tác với chính quyền để xây dựng xã hội trong tinh thần tôn trọng chân lý, công bằng, liên đới và tự do.*

**2256**

*Theo lương tâm, người công dân không được tuân theo các luật lệ của chính quyền khi chúng ngược lại đòi hỏi luân lý. "Phải vâng lời Thiên Chúa hơn vâng lời loài người" (Cv 5,29).*

**2257**

*Mọi tập thể đều phán đoán và hành động dựa trên một nhân sinh quan. Nếu không được ánh sáng Tin Mừng soi dẫn về Thiên Chúa và về con người, tập thể dễ trở thành độc tài.*

## **Mục 5**

### **ĐIỀU RĂN THỨ NĂM**

“Người chớ giết người” (Xh 20,13)

"Anh em đã nghe Luật dạy người xưa rằng :  
Chớ giết người. Ai giết người sẽ bị đưa ra tòa. Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết : ai giận anh em mình, thì cũng đáng bị đưa ra tòa rồi" (Mt 5,21-22).

**2258 356**

*"Sự sống của con người là điều linh thánh, vì từ ban đầu sự sống này nằm trong quyền lực sáng tạo của Thiên Chúa và luôn liên kết với cứu cánh duy nhất của mình là chính Đấng Sáng Tạo. Từ khởi thủy cho đến cùng tận đời người, chỉ có Thiên Chúa là chủ sự sống : trong bất cứ hoàn cảnh nào, không ai được phép trực tiếp hủy hoại mạng sống người vô tội" ( x. "Donum Vitae" intr. 5 ).*

## **I. TÔN TRỌNG SỰ SỐNG CON NGƯỜI**

### **Chứng cứ trong lịch sử cứu độ**

**2259 401**

Trong trình thuật Ca-in giết em là A-ben (x. St 4,8-12), Thánh Kinh cho thấy ngay từ đầu lịch sử loài người,

trong lòng người có sự giận dữ và ganh tị là hậu quả của nguyên tội. Con người trở thành kẻ thù của đồng loại. Thiên Chúa vạch rõ huynh đệ tương tàn là một tội ác : "Người đã làm gì ? Máu của em người từ mặt đất kêu thấu đến Ta. Thì bây giờ, người bị nguyên rửa, bị lưu đày khỏi mặt đất đã ban miệng uống máu em người, do tay người làm đổ ra" (St 4,10-11).

## **2260**

Giao ước giữa Thiên Chúa và loài người đầy những lời nhắc nhở : Thiên Chúa ban hồng ân sự sống cho con người; còn con người không ngừng chém giết nhau.

"Ta sẽ đòi mỗi người phải đền nợ máu của người anh em mình. Ai đổ máu con người, thì máu nó sẽ bị con người làm đổ ra vì Thiên Chúa đã làm ra con người theo hình ảnh Thiên Chúa" (St 9,5-6).

Cựu Ước vẫn coi máu là dấu chỉ linh thánh của sự sống (x.Lv 17,14). Mọi thời đại đều phải học biết tôn trọng sự sống.

## **2261 1756 1956**

Thánh Kinh giải thích điều răn thứ năm : "Người không được giết kẻ vô tội và người công chính" (Xh 23, 7). Có ý giết một kẻ vô tội là một lỗi nặng phạm đến phẩm giá con người, phạm đến luật vàng của Đức Ki-tô và sự thánh thiện của Đấng Sáng Tạo. Luật cấm giết người có giá trị phổ quát, buộc mọi người và mỗi người, mọi lúc và mọi nơi.

## **2262 2844**

Trong Bài Giảng Trên Núi, Chúa cũng nhắc lại điều răn này : "Chớ giết người" (Mt 5,21). Người còn cấm giận dữ oán ghét và báo thù. Đức Ki-tô đòi hỏi môn đệ phải "đưa cả

má bên kia" ( x.Mt 5,22-39 ), phải yêu kẻ thù (x.Mt 5,44). Bản thân Người đã không tự vệ và bảo Phê-rô xô gurom vào vó ( x. Mt 26,52 ).

## **Tự vệ**

### **2263 1737**

Quyền tự vệ chính đáng của cá nhân hay tập thể không phải là ngoại lệ của luật cấm giết người vô tội, nghĩa là cấm cố sát. "Hành động tự vệ đưa đến hai hậu quả : một là cứu lấy chính mạng sống mình, hai là giết kẻ tấn công. Chỉ được phép nhắm tới điều trước, chứ không phải điều sau" ( T.Tô-ma A-qui-nô., Tổng luận thần học.2-2,64,7 ).

### **2264 2196**

Yêu bản thân là nguyên tắc căn bản của luân lý. Do đó, có quyền bắt kẻ khác tôn trọng mạng sống mình. Nếu vì phải bảo vệ mạng sống mình mà giết kẻ tấn công thì không mắc tội sát nhân.

“Để tự vệ, không được sử dụng bạo lực quá mức cần thiết, nhưng được ứng phó cách tương xứng....Và để được cứu rỗi, chúng ta không buộc phải từ bỏ hành động tự vệ chính đáng, để tránh giết kẻ khác, vì chúng ta có bổn phận phải giữ gìn mạng sống của mình hơn là mạng sống của kẻ khác” ( T.Tô-ma A-qui-nô,2-2,64,7 ).

### **2265 2240**

Tự vệ chính đáng không những là một quyền, nhưng còn là một trọng trách đối với người có trách nhiệm bảo vệ mạng sống kẻ khác. Việc bảo vệ công ích đòi phải đặt kẻ xâm phạm bất chính vào tình trạng không thể tác hại. Vì lý do này, những nhà chức trách hợp pháp có quyền sử dụng cả

đến vũ khí để ngăn chặn những kẻ xâm phạm đến cộng đồng dân sự được ủy thác cho mình.

### **2266 1897, 1899 2308**

Bổn phận bảo vệ ích chung đòi buộc nhà nước phải nỗ lực ngăn chặn các vi phạm về nhân quyền và về những quy tắc cơ bản cho cuộc sống chung của công dân khỏi lan tràn, đáp ứng bổn phận bảo vệ ích chung đòi hỏi. Nhà hữu trách hợp pháp có quyền và bổn phận đề ra hình phạt cân xứng với tội phạm.

1449

Mục đích đầu tiên của *hình phạt* là đền bù lại những thiệt hại do lỗi làm gây ra. Nếu phạm nhân tự nguyện chấp nhận thì hình phạt có giá trị đền tội. Ngoài việc bảo vệ trật tự công cộng và an ninh cho mọi người, hình phạt còn có mục đích chữa trị : trong mức độ có thể được, hình phạt phải góp phần cải hóa phạm nhân ( x. Lc 23,40-43 ).

### **2267 2306**

Giáo huấn truyền thống của Hội Thánh không loại trừ án tử hình, khi đã xác minh đầy đủ căn tính và trách nhiệm của phạm nhân, nếu đây là biện pháp khả thi duy nhất để bảo vệ hữu hiệu mạng sống con người khỏi bị xâm phạm bất chính. Tuy nhiên, nếu các phương tiện nhân đạo hơn cũng đủ để bảo vệ an ninh con người khỏi bị xâm phạm, nhà cầm quyền phải dùng những phương tiện này, vì đáp ứng hơn với những hoàn cảnh cụ thể của công ích và phù hợp hơn với phẩm giá con người.

Thực ra, ngày nay, vì Nhà Nước có nhiều cách để chế ngự hữu hiệu tội ác, làm cho kẻ đã phạm tội không còn khả năng tác hại, không dứt khoát tước đoạt khả năng hồi cải của họ, nên những trường hợp tuyệt đối phải khử trừ phạm nhân "từ nay khá họa hiếm, nếu không muốn nói là thực tế không còn nữa" (Evangelium vitae, 56).

## Tội cố ý giết người

### 2268 1867

Điều răn thứ năm coi *việc giết người cách cố tình* và trực tiếp là một tội trọng. Kẻ sát nhân và đồng lõa phạm cùng một tội "tiếng máu kêu oan đến trời." ( x. St,10 )

Tội giết con cái ( x. GS 51,3 ), anh em, cha mẹ, vợ chồng là những tội ác ghê tởm vì cắt đứt liên hệ tình thân. Không thể biện minh cho bất cứ một tội sát nhân nào vì lý do bảo vệ nòi giống tốt hay y tế xã hội, dù chánh quyền có ra lệnh.

### 2269

Điều răn thứ năm cũng cấm những hành động cố ý gây chết người cách *gián tiếp*. Nếu không có lý do nghiêm trọng, luật luân lý cấm không được phép đặt một người vào chỗ nguy hiểm sinh tử, cũng như không được phép từ chối giúp đỡ một người đang lâm nguy.

“Thật là một bất công tày trời và trọng tội, khi xã hội để nhân dân chết đói mà không tìm cách giúp đỡ. Các thương gia cũng gián tiếp phạm tội giết người, khi để cho đồng bào đói khổ và chết chóc vì buôn bán gian tham và háms lợi. Họ phải chịu trách nhiệm về tội này (x. Am 8,4-10).

### 2290

Về mặt luân lý, con người không phải chịu trách nhiệm về tội ngộ sát. Thế nhưng, khi không có lý do tương xứng mà hành động gây chết người, dù không cố ý, người ta vẫn mắc lỗi nặng.

## Phá thai

**2270 1703 357**

Sự sống con người phải được tuyệt đối tôn trọng và bảo vệ từ lúc được thụ thai. Ngay từ giây phút bắt đầu hiện hữu, con người phải được kẻ khác nhìn nhận các quyền làm người, trong đó có quyền được sống là quyền bất khả xâm phạm của mọi người vô tội ( x. CDF, instr. "Donum vitac" 1,1 )

"Trước khi cho người thành hình trong dạ mẹ, Ta đã biết người. Trước khi người lọt lòng mẹ, Ta đã thánh hóa người"(Gr 1,5).

"Xương cốt con, Ngài không lạ lẫm gì,  
khi con được thành hình trong nơi bí ẩn,  
được thêu dệt trong lòng đất thăm sâu" (Tv 139,15)

**2271**

Ngay từ thế kỷ thứ nhất, Hội Thánh đã xác định phá thai là một tội ác. Giáo huấn ấy bất biến, không hề thay đổi. Trục tiếp phá thai, dù là mục đích hay phương tiện, đều vi phạm nghiêm trọng luật luân lý.

"Không được phá thai cũng như không được giết trẻ sơ sinh" ( Didaché 2,2, x. Barnabé, ep - 19,5, Epitre à Diognète 5,5; Tertullien, apol. 9 ).

"Thiên Chúa là chủ sự sống, đã trao cho con người nhiệm vụ cao cả là bảo tồn sự sống, và họ phải chu toàn bổn phận đó như chính Người đã làm. Do đó, sự sống phải được bảo vệ hết sức cẩn thận ngay từ lúc thụ thai : phá thai và giết trẻ sơ sinh là những tội ác ghê tởm (x.GS 51,3).

### **2272 1463**

Cộng tác vào chính việc phá thai là một lỗi nặng. Theo giáo luật, Hội Thánh ra vạ tuyệt thông cho kẻ phạm tội này. "Ai thi hành việc phá thai, và việc phá thai có kết quả, thì mắc vạ tuyệt thông tiền kết" (x. CIC, can. 1398), "do chính hành vi phạm tội" ( x. CIC, can, 1314 ) và theo những điều kiện đã được giáo luật dự liệu (x. CIC, can. 1323-1324). Như thế Hội Thánh không có ý giới hạn lòng thương xót của Thiên Chúa, nhưng muốn nhấn mạnh tính cách nghiêm trọng của tội ác đã phạm, sự thiệt hại không sửa chữa được đã gây ra cho trẻ vô tội bị giết chết, cho cha mẹ của em và cho toàn xã hội.

### **2273 1930**

Quyền được sống là quyền bất khả nhượng của mọi người vô tội. Đây là *một yếu tố nền tảng của xã hội dân sự và luật pháp* :

"Những quyền bất khả nhượng của con người phải được xã hội dân sự và chính quyền nhìn nhận và tôn trọng. Những quyền này không tùy thuộc vào các cá nhân, không tùy thuộc vào các bậc cha mẹ, cũng không phải là một nhân nhượng của xã hội và của Nhà Nước, nhưng thuộc về bản tính con người và gắn liền với con người do chính hành động Thiên Chúa sáng tạo nên con người. Trong những quyền căn bản ấy, phải kể đến quyền được sống và được toàn vẹn thân thể của mọi người từ lúc được thụ thai đến khi chết"(x. CDF, instr. "Donum vitae" 3 ).

"Khi ra một đạo luật tước quyền được luật pháp bảo vệ của một hạng người, thì Nhà Nước đã phủ nhận sự bình đẳng của mọi người trước luật pháp. Khi Nhà Nước không phục vụ quyền của mọi công dân, đặc biệt những kẻ yếu kém nhất, thì chính nền tảng của một Nhà Nước pháp quyền bị đe

dọa... Vì phải tôn trọng và bảo vệ trẻ em ngay từ bào thai, luật pháp phải dự liệu những hình phạt tương xứng cho ai cố ý vi phạm các quyền lợi của trẻ em" ( x. CDF, instc. "Donum vitae" 3 ) .

## 2274

Ngay từ lúc thành thai, phôi thai phải được đối xử như một nhân vị, nên phải được hết sức bảo vệ toàn vẹn, chăm sóc và chữa trị như mọi con người khác.

Về mặt luân lý, *khám thai* là điều được phép làm, nếu nó tôn trọng sự sống và sự toàn vẹn của phôi thai và của thai nhi, và nếu nó được nhắm tới sự bảo tồn hay chữa trị chính phôi thai hay thai nhi. Việc khám thai nghịch với luật luân lý cách nghiêm trọng, khi có ý khám thai để căn cứ vào kết quả có thể dẫn đến phá thai. Khám thai không thể trở thành phiên tòa tuyên án tử hình (x. CDF, instr "Donum. vitae" 1,2 ).

## 2275

"Chỉ được phép can thiệp trên phôi thai con người, với điều kiện phải tôn trọng sự sống và sự toàn vẹn của phôi thai, và không gây những rủi ro không cân xứng cho phôi thai, nhưng phải nhằm tới việc chữa trị, cải thiện sức khỏe, hoặc để cứu sống chính phôi thai" ( x. CDF, instr. "Donum vitae" 1,3 ).

"Sản xuất những phôi thai con người với dụng ý khai thác như một vật liệu sinh vật học tiện dụng ( x. CDF, instr. "Donum vitae", 1,5 ) là phản đạo đức".

"Đã có một vài thử nghiệm can thiệp trên *bộ nhiễm-sắc-thể hoặc gen di truyền* không phải để trị liệu, nhưng muốn tạo ra những con người được tuyển lựa theo phái tính hoặc với những tính chất định sẵn. Những hành vi đó nghịch

lại với phẩm giá của nhân vị, sự toàn vẹn và căn tính "duy nhất, không trùng lặp" của con người ( x. DF, instr. "Donum vitae" 1,6).

## **Giết chết để tránh đau**

### **2276 1503**

Phải đặc biệt tôn trọng sự sống của những người tàn tạ, yếu ớt. Những người bệnh hoạn tật nguyền phải được nâng đỡ để sống một cuộc sống càng bình thường càng tốt.

### **2277**

Với bất cứ lý do nào và bất cứ phương thế nào, việc trực tiếp giết chết để tránh đau vẫn là nhằm chấm dứt sự sống của những người tật nguyền, đau yếu hoặc hấp hối. Về phương diện luân lý, việc này không thể chấp nhận được.

Do đó, có ý làm hoặc bỏ không làm một việc tự nó đưa đến cái chết, để chấm dứt sự đau đớn của một người, là một tội cố ý giết người, tội nghiêm trọng nghịch với phẩm giá con người và với lòng tôn kính Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng Tạo Thành con người. Một phán đoán sai lầm cách ngay tình không thay đổi bản chất của hành vi sát nhân, một hành vi cần phải bài trừ và cấm chỉ về mặt luân lý.

### **2278 1007**

Có thể ngưng các phương thức trị bệnh quá tốn kém, mạo hiểm, dị thường hoặc không tương xứng với những kết quả mong muốn. Luân lý không đòi buộc phải chữa bệnh với bất cứ giá nào. Chúng ta không muốn giết người, nhưng chấp nhận không thể ngăn cản được sự chết. Chính bệnh nhân phải quyết định nếu họ có thẩm quyền và khả năng; nếu không, việc quyết định phải do những người có quyền theo luật pháp nhưng luôn phải tôn trọng ý muốn hợp lý và các quyền lợi chính đáng của người bệnh.

**2279**

Dù bệnh nhân sắp chết, vẫn phải tiếp tục chăm sóc bình thường. Về mặt luân lý, việc sử dụng các loại thuốc giảm đau, để làm dịu bớt sự đau đớn của người hấp hối, ngay cả khi có nguy cơ rút ngắn cuộc sống vẫn được xem là xứng hợp với nhân phẩm, miễn là không nhắm đến cái chết như mục đích hay như phương tiện, nhưng chỉ được tiên đoán và chấp nhận như điều không thể tránh. Săn sóc người hấp hối là một hình thức đặc biệt của đức bác ái vô vị lợi, cần được khuyến khích.

**Tự sát****2280 2258**

Mỗi người chịu trách nhiệm về sự sống của mình trước mặt Thiên Chúa là Đấng ban sự sống. Chính Người vẫn là Chủ tối thượng của sự sống. Chúng ta có bổn phận đón nhận với lòng biết ơn và gìn giữ sự sống để tôn vinh Thiên Chúa và được cứu độ. Chúng ta là người quản lý chứ không phải là chủ của sự sống mà Chúa đã trao ban. Chúng ta không có quyền định đoạt về mạng sống mình.

**2281 2212**

Tự sát nghịch với khuynh hướng tự nhiên muốn bảo tồn và kéo dài sự sống của con người. Lỗi phạm nặng nề đến tình yêu chính đáng đối với bản thân. Tự sát còn xúc phạm đến tình yêu đối với người thân cận vì nó cắt đứt một cách bất công những mối dây liên đới với gia đình, quốc gia và nhân loại mà chúng ta có trách nhiệm. Tự sát đối nghịch với tình yêu của Thiên Chúa hằng sống.

**2282**

Nếu tự sát với ý định nêu gương, nhất là đối với giới trẻ, thì tội này lại càng nghiêm trọng hơn nữa, vì là một gương xấu. Luân lý cấm cộng tác vào việc tự sát.

1735

Người tự sát vì những rối loạn tâm thần trầm trọng, quá lo âu và sợ hãi trước một thử thách, trước đau khổ hoặc sợ bị tra tấn, có thể được giảm bớt trách nhiệm.

**2283 1037**

Ta không được tuyệt vọng về phần rỗi đời đời của những người tự tử. Thiên Chúa có thể thu xếp cho họ có cơ hội sám hối để được ơn tha thứ, bằng những đường lối mà chỉ một mình Người biết. Hội Thánh vẫn cầu nguyện cho những người hủy hoại mạng sống mình.

## **II. TÔN TRỌNG PHẨM GIÁ CON NGƯỜI**

### **Tôn trọng linh hồn tha nhân : gương xấu**

**2284 2847**

Gương xấu là thái độ hoặc cách sống làm cho người khác bắt chước làm điều xấu. Kẻ làm gương xấu cám dỗ người thân cận, làm hại đến nhân đức và sự chính trực của họ, và có thể đưa người anh em đến cái chết về phần linh hồn. Nếu vì làm một điều xấu hay bỏ một điều tốt, mà lôi kéo tha nhân đến chỗ phạm một lỗi nặng, thì gương xấu ấy là một lỗi nặng.

**2285 1903**

Gương xấu đặc biệt nghiêm trọng khi người gây gương xấu có uy thế hay người vấp phạm vì gương xấu là kẻ yếu đuối. Chúa Giê-su đã chúc dữ : "Ai làm có cho một trong những tín hữu của Thầy sa ngã, thì thà treo cối đá lớn vào cổ

nó mà xô cho chìm xuống biển còn hơn" (Mt 18,6) ( x. 1 Cr 8,10-13 ). Gương xấu còn nghiêm trọng hơn nữa khi do người có bổn phận dạy dỗ và giáo dục kẻ khác gây ra. Đứơc Giê-su đã quở trách các kinh sư và các Pha-ri-sêu : họ như sói đội lột chiên ( x. Mt 7,15 ).

## **2286**

Gương xấu có thể phát sinh từ luật pháp hoặc những cơ chế, thời trang hoặc dư luận.

*1887 2498*

Ai thiết lập những luật lệ hoặc những cơ cấu xã hội làm cho phong hóa suy đồi và đời sống tôn giáo hư hỏng, hoặc khiến cho những hoàn cảnh xã hội, dù cố ý hay không, làm cho việc tuân giữ các giới răn, trở nên khó khăn và trên thực tế không thể kham nổi, thì mắc tội gây gương xấu ( Piô XII, bài giảng ngày 1. 6. 1941 ). Những chủ nhân nào đặt ra những luật lệ khuyến khích gian lận, các bậc phụ huynh làm cho con cái "tức giận" ( x. Eph 6,4 ; Cl 3, 21 ), hoặc những kẻ chi phối dư luận quần chúng khiến dư luận không còn tôn trọng các giá trị luân lý, cũng mắc tội làm gương xấu.

## **2287**

Ai sử dụng quyền mà tạo cơ hội cho kẻ xấu làm bậy, thì mang tội gây gương xấu và chịu trách nhiệm về điều xấu mình đã trực tiếp hoặc gián tiếp khuyến khích. "Không thể không có những cơ làm cho người ta vấp ngã, nhưng vô phúc thay kẻ làm cơ cho người ta vấp ngã" ( Lc 17,1).

## **Tôn trọng sức khỏe**

*2288 1503*

Sự sống và sức khỏe là những ơn quý giá Thiên Chúa ban. Chúng ta có bổn phận chăm sóc chúng cách hợp lý, dù

vẫn phải lưu tâm đến những nhu cầu của tha nhân và công ích.

1509

*Việc chăm sóc sức khỏe* công dân phải được sự trợ giúp của xã hội để họ có những thuận lợi mà lớn lên và đạt tới mức trưởng thành : cơm ăn, áo mặc, nhà ở, việc làm chăm lo sức khỏe, giáo dục căn bản, và trợ cấp xã hội.

2289 364 2113

Luân lý đòi phải tôn trọng sự sống thể xác, nhưng không coi đó là một giá trị tuyệt đối. Luân lý chống lại quan niệm tân-ngoại giáo có khuynh hướng cổ võ sự *tôn thờ thân xác*, hy sinh tất cả cho thân xác, tôn thờ sự toàn mỹ của thân thể và các thành tích thể dục thể thao. Khi chọn người khỏe và bỏ người yếu, quan niệm này có thể làm cho các mối tương giao của con người xấu đi.

2290 1809

Đức tiết độ giúp con người *tránh mọi thái quá* như : ăn uống quá độ, rượu chè, say sưa lạm dụng thuốc lá và y dục. Những người say rượu hoặc say mê tốc độ, gây nguy hiểm cho tha nhân và ngay chính mình trên đường bộ, đường thủy và đường hàng không, đều phạm tội nặng.

2291

*Việc sử dụng ma túy* gây tác hại nặng nề cho sức khỏe và mạng sống con người. Chỉ trừ trường hợp trị liệu, sử dụng ma túy là một lỗi nặng. Bí mật sản xuất và buôn bán ma túy là tội ác, vì cộng tác trực tiếp vào các hành vi vi phạm nghiêm trọng luật luân lý, do hậu quả lôi cuốn người ta phạm tội.

## **Tôn trọng con người và nghiên cứu khoa học**

### **2292**

Những thí nghiệm khoa học, y học hoặc tâm lý học, trên những con người hoặc các nhóm người, có thể góp phần vào việc chữa bệnh và tiến bộ của y tế công cộng.

### **2293 159 1703**

Việc nghiên cứu khoa học, lý thuyết hay ứng dụng là một cách biểu lộ đầy ý nghĩa quyền bá chủ của con người trên các thụ tạo. Khoa học và kỹ thuật là những phương tiện quý giá khi phục vụ và phát triển toàn diện con người để mưu ích chung; nhưng khoa học kỹ thuật không đem lại ý nghĩa cho cuộc đời và sự tiến bộ của loài người. Khoa học và kỹ thuật qui hướng về con người, xuất phát từ con người và tiến bộ nhờ con người, vì thế chính con người và các giá trị luân lý của con người là mục đích và là những giới hạn cho khoa học kỹ thuật.

### **2294 1375**

Lập trường cho rằng việc nghiên cứu khoa học lý thuyết và ứng dụng có giá trị trung lập về phương diện luân lý là điều không tương. Cũng thế, những tiêu chuẩn định hướng để phát triển khoa học kỹ thuật không thể căn cứ vào hiệu quả kỹ thuật, hay sự hữu dụng đối với người này nhưng lại tổn hại người khác, hoặc tệ hơn nữa, vào những ý thức hệ đang thống trị. Từ ý nghĩa nội tại của chúng, khoa học và kỹ thuật, phải tôn trọng vô điều kiện các tiêu chuẩn căn bản của luân lý, phải phục vụ con người cũng như các quyền bất khả nhượng, lợi ích đích thực và toàn vẹn của con người, theo đúng kế hoạch và ý muốn của Thiên Chúa.

## 2295 1753

Những nghiên cứu và thí nghiệm trên con người không thể biện minh cho những hành vi tự chúng vẫn nghịch với phẩm giá con người và luật luân lý. Ngay cả sự ưng thuận của đương sự cũng không biện minh được cho những hành vi đó. Về mặt luân lý, không được phép thí nghiệm trên con người nếu thấy trước những rủi ro không cân xứng hay có thể tránh được cho mạng sống và sự toàn vẹn tâm sinh lý của đương sự. Những thí nghiệm như thế không phù hợp với phẩm giá của con người, nhất là khi không có sự hiểu biết và ưng thuận của đương sự và của những người có quyền theo pháp luật.

## 2296 2301

*Việc ghép các bộ phận* cơ thể phù hợp với luật luân lý nếu các nguy hiểm và rủi ro về thể xác và tâm lý nơi người cho, cân xứng với lợi ích của người nhận. Hiến các bộ phận sau khi chết là điều cao quý đáng khen thưởng, và phải được khuyến khích như một biểu lộ tình liên đới quảng đại. Về phương diện luân lý, không thể chấp nhận lấy bộ phận nếu người cho, hoặc những thân nhân có quyền, không minh thị đồng ý. Cũng vậy, về phương diện luân lý, không thể chấp nhận việc trực tiếp gây tàn phế hoặc cái chết cho một người, dù nhằm mục đích kéo dài đời sống của những người khác.

## **Tôn trọng sự toàn vẹn của thân thể**

### 2297

*Nạn bắt cóc và giữ làm con tin*, gây kinh hoàng và tạo áp lực nặng nề cho những nạn nhân. Về phương diện luân lý, những việc này là bất chính. Dùng *khủng bố* để đe dọa, gây thương tích và giết người bừa bãi là đi ngược lại công bình và bác ái cách nghiêm trọng. *Tra tấn* thể xác hay tinh thần để điều tra, để trừng phạt tội phạm, đe dọa đối phương, để trả

thù, là điều nghịch với sự tôn trọng con người và phẩm giá con người.

Ngoài những trường hợp trị liệu, *việc cố tình cắt bỏ, hủy hoại hoặc triệt sản*, thực hiện trên những người vô tội đều nghịch với luật luân lý ( x. DS 3722 ).

### **2298 2267**

Trong quá khứ các chính phủ hợp pháp thường sử dụng những biện pháp tàn bạo để duy trì lễ luật và trật tự; thường các mục tử của Hội Thánh chẳng những đã không phản kháng việc đó, mà còn áp dụng các qui định của bộ luật Rô-ma về tra tấn trong tòa án của mình. Bên cạnh những sự kiện đáng tiếc đó, Hội Thánh luôn luôn dạy phải nhân từ và thương xót, lại nghiêm cấm các giáo sĩ không được gây đổ máu. Đến nay, người ta thấy rõ là các biện pháp tàn bạo đó không cần thiết cho trật tự công cộng, cũng chẳng phù hợp với những quyền chính đáng của con người. Ngược lại, những thực hành đó lại còn đưa đến những suy thoái tệ hại hơn. Chúng ta phải đấu tranh để hủy bỏ chúng. Phải cầu nguyện cho những nạn nhân và các lý hình.

### **Tôn trọng người chết**

#### **2299 1525**

Phải lưu tâm săn sóc những người hấp hối để giúp họ sống những giây phút cuối đời cách tốt đẹp và bình an. Thân nhân phải nâng đỡ họ bằng lời cầu nguyện và lo cho họ lãnh nhận các bí tích đúng lúc, để chuẩn bị họ gặp gỡ Thiên Chúa hằng sống.

#### **2300 1681-1690**

Trong niềm tin và hy vọng vào sự sống lại, người tín hữu phải tôn trọng và bác ái đối với thi hài của những người quá cố. Chôn xác kẻ chết là một trong "bảy mối thương xác"

( x. Tb 1,16-18 ). Việc đó tỏ lòng quý trọng con cái Thiên Chúa mà thân xác họ là đền thờ của Chúa Thánh Thần.

### **2301**

Về phương diện luân lý, được phép mổ tử thi để điều tra pháp lý hoặc để nghiên cứu khoa học. Việc hiến các bộ phận cơ thể sau khi chết là việc hợp pháp và đáng khen.

Hội Thánh cho phép hỏa táng nếu việc này không phương hại tới đức tin vào sự sống lại của thân xác ( x. CIC, can. 1176, 3 ).

## **III- BẢO VỆ HÒA BÌNH**

### **Hòa bình**

#### **2302 1765**

Khi nhắc lại giới luật "Chớ giết người" (Mt 5,21), Chúa đòi chúng ta giữ tâm hồn bình an. Người kết án cơn giận dữ giết người và lòng thù ghét.

*Giận dữ* là một ước muốn trả thù. "Ki-tô hữu không được ước muốn trả thù điều ác của kẻ đáng trừng phạt", nhưng được phép bắt họ làm một việc đền bù "để sửa chữa các việc xấu và bảo tồn công lý" ( T. Tô-ma Aquinô. s.th.2-2,158,1,ad 3 ). Giận dữ đến độ muốn giết chết, hay làm bị thương người khác, là vi phạm nặng nề đức ái, là phạm một tội trọng. Chúa nói : "Ai giận anh em mình, thì cũng đáng bị đưa ra tòa rồi" (Mt 5,22).

#### **2303 2094-1933**

*Cố ý thù ghét* người khác là điều nghịch với đức ái. Thù ghét tha nhân là một tội khi cố tình ước muốn điều dữ cho người ấy, và sẽ là một tội nặng khi muốn cho họ bị tai

hại nặng nề : "Còn Thầy, Thầy bảo anh em : phải yêu kẻ thù, và cầu nguyện cho kẻ ngược đãi anh em, như vậy, anh em mới được trở nên con cái của Cha anh em, Đấng ngự trên trời"(Mt 5,44-45).

### **2304 1909 1807**

Cần phải có hòa bình để con người được sống và phát triển. *Hòa bình* không chỉ là vắng bóng chiến tranh và không chỉ giới hạn ở việc giữ thế quân bình giữa các lực lượng đối lập. Thế giới chỉ có hòa bình khi tài sản của con người được bảo vệ, con người được tự do giao lưu, phẩm giá của con người và của các dân tộc được tôn trọng, tình huynh đệ được thực thi. Hòa bình là "ổn định trật tự" ( T. Âu-tinh, civ. 19, 13 ), là công trình của công lý ( x. Is 32, 17 ) và hoa quả của đức ái ( x. GS 78, 1-2 ).

### **2305 1468**

Hòa bình trên trần thế là hình bóng và hoa trái của *binh an của Đức Ki-tô*, "Thủ lãnh Hòa Bình" thời Mê-si-a (Is 9,5). Nhờ máu đổ ra "trên Thập Giá, Người đã tiêu diệt sự thù hận" ngay trong thân xác Người (Ep 2,16) ( x. Cl 1,20-22 ). Người đã giao hòa loài người với Thiên Chúa và làm cho Hội Thánh trở thành bí tích hiệp nhất nhân loại và kết hợp nhân loại với Thiên Chúa. "Chính Người là bình an của chúng ta" (Eph 2,14). Người tuyên bố "phúc thay ai xây dựng hòa bình" (Mt 5,9).

### **2306 2267**

Những ai khước từ bạo lực và đổ máu, sử dụng những phương thế tự vệ vừa tầm những kẻ yếu nhất, để bảo vệ quyền lợi của con người là những người làm chứng cho đức bác ái Tin Mừng, miễn là điều này không phương hại đến các quyền và bổn phận của những người khác cũng như các tập thể khác. Họ ý thức được những tác hại trầm trọng về thể lý

và luân lý khi sử dụng bạo lực để gây ra tàn phá và chết chóc ( x. GS 78, 5 ).

## **Xa lánh chiến tranh**

### **2307**

Điều răn thứ năm cấm cố ý hủy hoại mạng sống con người. Vì chiến tranh gây ra tai hại và bất công, nên Hội Thánh khẩn thiết thúc giục chúng ta cầu nguyện và hành động để Thiên Chúa nhân lành giải thoát chúng ta khỏi ách nô lệ ngàn đời của chiến tranh ( x. GS 81,4 ).

### **2308 2266**

Mỗi công dân và mỗi người lãnh đạo đều phải hành động để tránh chiến tranh. Tuy nhiên, "bao lâu nguy cơ chiến tranh tồn tại, bao lâu chưa có quyền bính quốc tế nào có thẩm quyền và có đủ sức mạnh, thì một khi đã tận dụng mọi phương thế ôn hòa, các chính phủ được phép sử dụng quyền tự vệ chính đáng" ( x. GS 79, 4 ).

### **2309 2243**

Phải xem xét nghiêm ngặt các điều kiện phải có để *tự vệ chính đáng bằng sức mạnh quân sự*. Một quyết định như thế rất nghiêm trọng, nên phải hội đủ các điều kiện sau đây :

. Thiệt hại do kẻ xâm lược gây ra cho quốc gia hoặc cho cộng đồng các quốc gia có tính lâu dài, nghiêm trọng và chắc chắn;

. Tất cả các phương thế khác để chấm dứt tình trạng này không thể thực hành được hoặc vô hiệu;

. Phải hội đủ các điều kiện quan trọng để thành công;

. Việc sử dụng vũ khí không gây những tai hại và hỗn loạn nghiêm trọng lớn hơn những tai hại ta đang cố loại trừ.

Phải lượng định sức mạnh tàn phá của các phương tiện chiến tranh hiện đại khi thẩm định điều kiện này. Trên đây là những yếu tố truyền thống được liệt kê trong học thuyết "chiến tranh chính đáng".

1897

Những người có trách nhiệm bảo vệ công ích, phải thận trọng phán đoán khi thẩm định các điều kiện cho một cuộc chiến tự vệ chính đáng.

**2310**

Trong trường hợp này, Nhà Nước có quyền và bổn phận đề ra cho công dân những *nghĩa vụ cần thiết để bảo vệ tổ quốc*.

2239 1909

Những người phục vụ tổ quốc trong quân đội là những kẻ phụng sự cho an ninh và tự do của các dân tộc. Khi chu toàn đúng đắn bổn phận, họ thật sự góp phần vào lợi ích chung của quốc gia và gìn giữ hòa bình ( x. GS 79, 5 ).

**2311** 1782,1790

Chính quyền phải dự liệu một cách công bằng cho trường hợp những người, vì lý do lương tâm, không chịu sử dụng vũ khí, nhưng vẫn có bổn phận phục vụ cộng đồng nhân loại dưới một hình thức khác ( x. GS 79,3 ).

**2312**

Hội Thánh và lý trí con người đều khẳng định rằng *luật luân lý vẫn còn nguyên hiệu lực trong thời gian chiến tranh*. "Không phải vì chiến tranh đã chẳng may khai diễn, mà các đối thủ đều được phép muốn làm gì thì làm" ( x. GS 79,4 ).

### 2313

Phải tôn trọng và đối xử nhân đạo với thường dân, thương binh và tù binh.

### 2242

Những hành động cố ý vi phạm nhân quyền và các nguyên tắc phổ quát của nhân quyền, cũng như các lệnh truyền thi hành các hành động ấy, đều là tội ác. Chấp hành mệnh lệnh cách mù quáng không đủ để bào chữa cho những ai tuân hành các lệnh đó. Do đó, việc tiêu diệt một dân tộc, một quốc gia hoặc một nhóm thiểu số phải bị kết án như một tội trọng. Luân lý đòi chúng ta phải chống lại các mệnh lệnh diệt chủng.

### 2314

"Mọi hành động hiếu chiến nhằm tiêu diệt bừa bãi nguyên cả một thành phố hoặc những vùng rộng lớn cùng với dân cư ở đó, là một tội ác chống lại Thiên Chúa và chính con người. Phải cực lực lên án và không ngần ngại tố cáo tội ác đó" ( x. GS 80, 4 ). Nguy cơ của chiến tranh hiện đại là tạo dịp cho những người có trong tay các vũ khí khoa học, đặc biệt là vũ khí nguyên tử , sinh học hoặc hóa học, phạm những thứ tội ác như thế.

### 2315

Thật là nghịch lý, nhiều người xem việc tích lũy vũ khí như một phương thế khiến đối phương không dám gây chiến. Họ coi đó là một phương thế hữu hiệu nhất khả dĩ bảo đảm hòa bình giữa các quốc gia. Về mặt luân lý, phải rất dè dặt đối với phương thức ngăn đe này. Chạy đua vũ trang không bảo đảm được hòa bình , thay vì loại bỏ các lý do gây chiến, lại có nguy cơ làm cho các lý do đó trở thành trầm trọng hơn. Việc chi tiêu những khoản tiền khổng lồ để chế tạo vũ khí ngày càng tốn tiền, ngăn cản việc trợ giúp các dân

tộc nghèo đói ( x. PP 53 ), ngăn trở các dân tộc phát triển. Việc *vũ trang quá mức* làm gia tăng những lý do xung đột và tạo thêm nguy cơ lây lan chiến tranh.

### **2316 1906**

*Việc sản xuất và buôn bán vũ khí* có ảnh hưởng đến công ích của các quốc gia và của cộng đồng quốc tế. Do đó, các nhà cầm quyền có quyền và bổn phận ra những qui định về vấn đề này. Lợi nhuận trước mắt của cá nhân hoặc tập thể không thể biện minh cho các tổ chức kinh doanh chằm ngòi bạo lực và xung đột giữa các quốc gia, và gây nguy hại cho trật tự luật pháp quốc tế.

### **2317 1938, 2538 1941**

Hòa bình không ngừng bị đe dọa và chiến tranh nổ ra vì những bất công, bất bình đẳng thái quá về kinh tế hoặc xã hội, vì lòng tham, sự ngờ vực và tính kiêu căng đang hoành hành giữa những con người và các quốc gia. Tất cả những gì được thực hiện nhằm khắc phục các tệ hại này đều góp phần vào việc kiến tạo hòa bình và xa lánh chiến tranh :

"Bao lâu con người còn là những kẻ tội lỗi, hiểm họa chiến tranh còn đe dọa, và vẫn còn đe dọa cho đến khi Chúa Ki-tô quang lâm. Tuy nhiên, nhờ kết hiệp trong bác ái, con người thắng vượt tội lỗi, và cũng thắng vượt bạo lực cho tới khi lời sau đây được hoàn tất : "Họ sẽ đúc gươm đao thành cuốc thành cày, rèn giáo mác nên liềm nên hái. Dân này nước nọ sẽ không còn vung kiếm đánh nhau và thiên hạ thôi học nghề chinh chiến"(Is 2,4) ( x. GS 78,6 ).

## **TÓM LƯỢC**

**2318**

*"Chính Thiên Chúa nắm trong tay, hồn của mọi sinh linh cũng như hơi thở của mọi xác phàm" (G 12,10).*

**2319**

*Từ lúc mới được thành thai cho đến khi chết, mạng sống con người là điều linh thánh, vì con người đã được Thiên Chúa dựng nên vì chính họ, theo hình ảnh và giống Thiên Chúa hằng sống và thánh thiện.*

**2320**

*Giết người là một tội trọng phạm đến phẩm giá con người và sự thánh thiện của Đấng Sáng Tạo.*

**2321**

*Luật cấm giết người không loại trừ quyền làm cho một kẻ gây hấn mất khả năng tác hại. Tự vệ chính đáng là trọng trách của người có trách nhiệm bảo vệ mạng sống người khác hay công ích.*

**2322**

*Ngay từ lúc mới được thành thai, đứa bé đã có quyền sống. Trục tiếp phá thai, như là mục đích hay phương tiện đều là "một hành vi ô nhục" (x. GS 27, 3 ) vì phạm nghiêm trọng luật luân lý. Hội Thánh ra vạ tuyệt thông cho kẻ phạm tội này.*

**2323**

*Ngay từ lúc thành thai, phôi thai phải được đối xử như một con người, nên phải được che chở cho được toàn vẹn, được chăm sóc và chữa trị như mọi con người khác.*

2324

*Cố ý giết chết để tránh đau dù dưới bất cứ hình thức và lý do nào, vẫn là tội giết người. Một tội phạm nghiêm trọng nghịch với phẩm giá con người và với lòng tôn kính Thiên Chúa hằng sống, Đấng Tạo Thành con người.*

2325

*Tự sát là lỗi phạm nặng nề đến sự công bình, đức cậy và đức mến. Điều răn thứ năm cấm tự sát.*

2326

*Guồng xấu là một lỗi nặng nề vì làm một điều xấu hay bỏ một điều tốt, mà lôi kéo tha nhân đến chỗ cố ý phạm lỗi nặng.*

2327

*Vì cuộc chiến tranh nào cũng gây ra tai họa và bất công, chúng ta phải làm hết khả năng để ngăn chặn, Hội Thánh cầu nguyện : "Xin Chúa cứu chữa chúng con khỏi nạn đói, ôn dịch và chiến tranh".*

2328

*Hội Thánh và lý trí con người đều khẳng định rằng : luật luân lý vẫn còn nguyên hiệu lực trong thời gian chiến tranh. Những thực hành cố ý nghịch với quyền các dân tộc và với các nguyên tắc phổ quát của quyền đó đều là tội ác.*

2329

*"Chạy đua vũ trang là một tai họa hết sức trầm trọng cho nhân loại và xúc phạm đến người nghèo một cách không thể tha thứ được" (GS 81,3).*

2330

*"Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa" (Mt 5,9).*

## Mục 6

### ĐIỀU RĂN THỨ SÁU

"Người không được ngoại tình" (Xh 20,14, Đnl 5,17).

"Anh em nghe luật dạy người xưa rằng : "Chớ ngoại tình". Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết : "Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi" (Mt 5,27-28).

369-373

#### I. "THIÊN CHÚA SÁNG TẠO CON NGƯỜI, CÓ NAM CÓ NỮ..."

2331 1604

"Thiên Chúa là tình yêu, Người sống mầu nhiệm hiệp thông và tình yêu nơi chính bản thân. Khi tạo dựng con người theo hình ảnh mình ... Thiên Chúa trao ban cho người nam và người nữ một )thiên chức; do đó họ có khả năng và trách nhiệm sống yêu thương và hiệp thông" ( x. FC. 11 ).

"Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình ... Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ" (St 1,27). "Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều" (St 1,28); ngày Thiên Chúa sáng tạo con người, Chúa làm ra con người giống như Thiên Chúa. Chúa sáng tạo con người có nam có nữ : Chúa chúc phúc cho họ và đặt tên cho họ và gọi họ là "người", ngày họ được sáng tạo (St 5,1-2) .

### 2332 362

*Phái tính* ảnh hưởng trên toàn bộ con người, cả xác và hồn. Phái tính đặc biệt liên quan đến đời sống tình cảm, khả năng yêu thương và truyền sinh, nói chung mọi tương quan với người khác.

### 2333 1603

Mỗi người, nam cũng như nữ, phải nhìn nhận và chấp nhận phái tính của mình. Sự khác biệt và bổ sung cho nhau về thể xác, tinh thần và tâm linh hướng đến đời sống hôn nhân và gia đình. Sự hòa hợp của đôi vợ chồng và của xã hội tùy thuộc phần nào vào việc hai bên nam nữ bổ túc, đáp ứng và nâng đỡ lẫn nhau.

### 2334 357

"Khi tạo dựng con người có nam có nữ, Thiên Chúa cho họ bình đẳng về nhân phẩm" ( x. FC 22, x. GS 49,2 ). "Con người là một nhân vị, vì thế người nam và người nữ bình đẳng với nhau, cả hai được tạo dựng theo hình ảnh và giống Thiên Chúa" ( x. MD 6 ).

### 2335 2205

Người nam và người nữ bình đẳng về phẩm giá, dù cách thức khác nhau, cả hai là hình ảnh của Thiên Chúa quyền năng và yêu thương. *Sự kết hợp giữa người nam và người nữ* trong hôn nhân mô phỏng nơi thân xác con người sự quảng đại và sung mãn của Đấng Sáng Tạo : "Người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt" (St 2,24). Sự kết hợp này là nguồn gốc mọi thể hệ loài người (St 4, 1-2.25-26; 5,1).

### 2336 1614

Đức Giê-su đã đến trả lại cho thụ tạo tình trạng tình tuyên nguyên thủy của chúng. Trong Bài Giảng Trên Núi,

Người đã giải thích chính xác ý định của Thiên Chúa : "Anh em đã nghe luật dạy người xưa rằng : "Chớ ngoại tình". Còn Thầy, Thầy bảo anh em : "Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì ngoại tình trong lòng với người ấy rồi" (Mt 5,27-28). "Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp loài người không được phân ly" ( Mt 19,6).

Truyền thống của Hội Thánh hiểu điều răn thứ sáu đề cập đến mọi lãnh vực về phái tính của con người.

## **II. ƠN GỌI SỐNG KHIẾT TỊNH**

### **2337 2520**

Sống khiết tịnh là làm chủ phái tính, nhờ đó thống nhất được đời sống thể lý và tinh thần. Phái tính cho thấy con người thuộc về thể giới vật chất và sinh học, nhưng khi được hội nhập vào tương quan giữa người với người, trong đó người nam và người nữ hiến thân cho nhau trọn vẹn và vĩnh viễn, phái tính mới có giá trị thực sự nhân linh.

Như vậy, đức khiết tịnh liên quan đến toàn thể nhân vị và đòi hiến thân trọn vẹn.

### **Toàn thể nhân vị**

### **2338**

Người khiết tịnh giữ được toàn bộ sức mạnh của sự sống và tình yêu có nơi mình; nhờ đó thống nhất được nhân vị và tránh được mọi thái độ làm tổn thương đến sự thống nhất này. Người khiết tịnh không chấp nhận cuộc sống hai mặt, cách nói hai ý (Mt 5,37).

### **2339 1767**

Đức khiết tịnh đòi hỏi phải học biết tự chủ, để sống như một con người. Rõ ràng con người phải chọn lựa : hoặc chế ngự các đam mê và được bình an; hoặc làm nô lệ chúng và trở nên bất hạnh (Hc 1,22). "Phẩm giá con người đòi họ phải hành động theo một sự lựa chọn ý thức và tự do, được tác động và quyết định bởi một xác tín cá nhân chứ không phải chỉ dưới hiệu quả các thôi thúc của bản năng hoặc của một sự cưỡng chế bên ngoài. Con người đạt đến phẩm cách đó khi tự giải thoát khỏi mọi nô dịch của các đam mê, nhờ tự do chọn lấy điều thiện, con người theo đuổi cùng đích của mình và khôn khéo thực sự tạo cho mình những phương tiện thích ứng" ( x.GS 17 ).

#### **2340 2015**

Ai muốn trung thành với những lời hứa khi được rửa tội và chống lại các cơn cám dỗ, phải dùng những )phương thế sau : phải biết mình, khổ chế tùy theo hoàn cảnh, tuân giữ các điều răn của Thiên Chúa, thực hành các đức tính luân lý và chuyên cần cầu nguyện. "Khiết tịnh giúp chúng ta tìm lại được sự thống nhất bản thân đã đánh mất khi để cho mình bị phân tán". ( T. Âu tinh, conf.10,29 )

#### **2341 1809**

Muốn sống khiết tịnh phải giữ đức tiết độ, vì nhân đức này dùng lý trí để hướng dẫn các đam mê và những thèm muốn giác quan của con người.

#### **2342 407**

Muốn tự chủ phải luyện tập lâu dài và công phu. Không bao giờ có thể coi như đã tập xong, phải cố gắng suốt đời, ở mọi lứa tuổi (x.Tt 2,1-6), phải đặc biệt cố gắng vào một số giai đoạn hình thành nhân cách, như tuổi nhi đồng và thiếu niên.

**2343 2223**

Đời sống khiết tịnh cũng có những qui luật tăng trưởng, phải kinh qua những bất toàn và có khi cả tội lỗi nữa. "Ngày qua ngày, con người đức độ và khiết tịnh được hình thành bằng nhiều lựa chọn tự do. Nhờ đó, họ nhận biết, yêu mến và chu toàn điều thiện luân lý qua những giai đoạn tăng trưởng" ( x. FC 34 ).

**2344 2525**

Sống khiết tịnh là nhiệm vụ của mỗi người, nhưng cũng là một nỗ lực về văn hóa, vì sự thăng tiến của nhân vị và sự phát triển của xã hội lệ thuộc nhau ( x. GS 25,1 ). Người ta chỉ sống khiết tịnh được, khi các quyền của con người được tôn trọng, đặc biệt quyền được thông tin và giáo dục để biết tôn trọng các giá trị luân lý và tâm linh của đời sống con người.

**2345 1810**

Đức khiết tịnh là một nhân đức luân lý. nhưng đó cũng là hồng ân của Thiên Chúa, một ân sủng, một hoa trái của Thánh Thần ( x. Gl 5,22). Chúa Thánh Thần ban cho người tín hữu sức mạnh để noi theo ( x. 1Ga 3,3 ) sự thanh khiết của Đức Ki-tô.

**Hiển thân trọn vẹn****2346 1827 210**

Đức mến là linh hồn của mọi nhân đức. Dưới ảnh hưởng của đức mến, đức khiết tịnh là trường dạy tự hiến. Tự chủ là để tự hiến. Người sống khiết tịnh trở thành nhân chứng của Thiên Chúa trung tín và yêu thương.

**2347 374**

Đức khiết tịnh nảy nở trong tình bằng hữu, giúp người môn đệ bước theo và bắt chước Đấng đã chọn chúng ta làm bạn hữu của Người ( x. Ga 15,15 ), đã hiến thân trọn vẹn cho chúng ta và cho ta thông phần thiên tính của Người. Thiên Chúa hứa ban cuộc sống bất diệt cho người sống khiết tịnh.

Đức khiết tịnh bộc lộ rõ ràng qua tình thân với những người xung quanh. Tình thân hữu phát triển giữa những người cùng phái, khác phái là điều tốt đẹp cho mọi người, dẫn đến sự hiệp thông tinh thần.

## **Những cách sống khiết tịnh**

### **2348**

Mọi tín hữu đều được mời gọi sống khiết tịnh. Ki-tô hữu là người đã "mặc lấy Đức Ki-tô" (Gl 3,27), khuôn mẫu của đời sống khiết tịnh. Ai tin vào Đức Ki-tô đều được mời gọi sống đời khiết tịnh tùy theo bậc sống của mình. Khi nhận bí tích Thánh Tẩy, người tín hữu cam kết giữ đức khiết tịnh trong đời sống tình cảm.

### **2349 1620**

"Mỗi người giữ đức khiết tịnh tùy theo bậc sống của mình : người này trong bậc trình khiết hay độc thân của đời thánh hiến, một cách thức dễ dàng tận hiến trọn vẹn tâm hồn cho Thiên Chúa; kẻ khác trong bậc gia đình hay độc thân, tùy theo luật luân lý xác định" (x. CDF, déd. "Persona humana" A11 ). Người có gia đình được mời gọi giữ đức khiết tịnh trong đời sống vợ chồng; người độc thân giữ đức khiết tịnh khi sống tiết dục.

"Có ba hình thức sống khiết tịnh: khiết tịnh của bậc hôn nhân, khiết tịnh của người góa bụa và khiết tịnh của kẻ đồng trinh. Chúng ta không ca tụng lối sống

này mà loại bỏ lối sống khác. Về điều này, kỷ luật của Hội Thánh rất rộng rãi" ( T. Am-rô-xi-ô, Vid. 23 ).

### **2350 1632**

Những người đã đính hôn cũng được mời gọi tiết dục để giữ khiết tịnh. Trong thời gian thử thách này, họ học biết tôn trọng lẫn nhau, tập chung thủy và hy vọng được đón nhận nhau như quà tặng của Thiên Chúa. Họ sẽ dành những hành động biểu lộ tình yêu vợ chồng cho sau ngày thành hôn. Họ phải giúp nhau sống khiết tịnh.

### **Những lỗi phạm đến đức khiết tịnh**

#### **2351 2528**

Dâm ô là ham muốn sai trái hay hưởng thụ vô độ khoái lạc tình dục. Khoái lạc tình dục trở thành sai trái, khi con người chỉ tìm hưởng thụ để thỏa mãn chính mình, chứ không nhằm mục đích truyền sinh và kết hợp trong tình yêu.

#### **2352**

Thủ dâm là cố tình kích thích cơ quan sinh dục nhằm gây khoái lạc tình dục. "Dựa theo truyền thống ngàn đời và bất biến, huấn quyền cũng như cảm thức luân lý của các tín hữu không ngần ngại khẳng định rằng, thủ dâm tự bản chất là một hành động sai trái nghiêm trọng", vì "tự ý sử dụng khả năng tình dục ngoài quan hệ vợ chồng bình thường, dù với động lực nào đi nữa, cũng là sai mục đích". Làm như vậy, người ta hưởng thụ khoái lạc tình dục bên ngoài "quan hệ tình dục hợp luật luân lý là quan hệ thực hiện một sự hiến thân trọn vẹn cho nhau và thực hiện việc truyền sinh trong khuôn khổ của tình yêu đích thực" ( x. CDF, d'éd. "Persona humana" 9 ).

1735

Để phán đoán đúng đắn về trách nhiệm luân lý của đương sự, cũng như đưa ra một đường hướng mục vụ, chúng ta cần lưu ý đến tình trạng thiếu trưởng thành tình cảm, áp lực của các thói quen, tâm trạng lo âu cũng như những yếu tố khác về tâm lý xã hội. Các nhân tố này có thể làm trách nhiệm luân lý của đương sự được giảm khinh ngay cả đến mức tối thiểu.

**2353**

Tà dâm là quan hệ xác thịt ngoài hôn nhân giữa một người nam và một người nữ. Đây là lỗi nặng, xúc phạm đến nhân phẩm và phái tính của con người, vốn qui về lợi ích của đôi vợ chồng, cũng như sinh sản và giáo dục con cái. Ngoài ra, tà dâm còn là một gương xấu nghiêm trọng khi làm băng hoại giới trẻ.

**2354 2523**

Sách báo và tranh ảnh khiêu dâm, cố ý phơi bày những hành vi tình dục thâm kín thực sự hay mô phỏng ẩn phẩm khiêu dâm, xúc phạm đến đức khiết tịnh vì làm biến chất hành vi ái ân là việc trao ban thâm kín của vợ chồng với nhau; chúng làm tổn thương nặng nề đến phẩm giá của những người dự phần (diễn viên, kẻ kinh doanh, khán giả), vì người này trở thành đối tượng cho một thú vui thô lỗ và là nguồn lợi nhuận bất chính cho người kia. Ẩn phẩm khiêu dâm đưa tất cả những người tham gia vào thế giới ảo tưởng. Đó là một lỗi nặng. Chính quyền phải ngăn cấm việc sản xuất và phổ biến những ẩn phẩm khiêu dâm này.

**2355 1735**

Mại dâm xúc phạm đến phẩm giá của người bán dâm vì họ biến mình thành trò vui xác thịt cho người mua dâm. Kẻ mua dâm phạm tội nặng nơi bản thân: họ vi phạm đức

khuyết tịnh đã cam kết khi lãnh nhận bí tích Thánh Tẩy, và làm ô uế thân xác là đền thờ Chúa Thánh Thần ( x. 1Cr 6,15-20 ). Mại dâm là một đại họa cho xã hội, thường là phụ nữ hành nghề, nhưng cũng có đàn ông, trẻ em cũng như thiếu niên (trong hai trường hợp cuối, tội thêm nặng vì gây gương mù, gương xấu). Mại dâm bao giờ cũng là tội trọng; nhưng trách nhiệm của kẻ mại dâm có thể giảm khinh vì túng bán, bị hăm dọa hay áp lực xã hội.

### **2356 2297 1756 2388**

Hiếp dâm là dùng bạo lực bất kể khác quan hệ nhục dục với mình. Đây là tội phạm đến công bằng và bác ái. Hiếp dâm xúc phạm nặng nề đến quyền được tôn trọng, quyền tự do và toàn vẹn thể lý cũng như tinh thần của nạn nhân, gây thương tổn nghiêm trọng có thể kéo dài cả cuộc đời của nạn nhân. Hiếp dâm tự nó là một hành vi xấu xa, tội này lại càng nặng nề hơn nữa, khi cha mẹ hay người giáo dục lạm dụng thân xác các em được ủy thác cho họ.

## **Đức khiết tịnh và sự đồng tính luyện ái**

### **2357 2333**

Đồng tính luyện ái là những liên hệ giữa những người nam hay nữ cảm thấy bị lôi cuốn tính dục với người đồng phái nhiều hơn với người khác phái. Đồng tính luyện ái xuất hiện trong nhiều thời đại và văn hóa, với nhiều hình thức khác nhau. Cho đến nay, người ta vẫn chưa giải thích được nguyên nhân tâm thần của hiện tượng này. Căn cứ vào Kinh Thánh vốn xem chúng như những suy đồi nghiêm trọng ( x. St 19,1-29; Rm 1,24-27; 1 Cr 6,10; 1Tm 1,10 ), truyền thống Hội Thánh luôn tuyên bố : "Các hành vi đồng tính luyện ái tự bản chất là thác loạn" ( x. CDF, décl "persona humana" 8 ). Các hành vi này nghịch với luật tự nhiên vì loại bỏ chủ đích truyền sinh của hành vi tính dục, cũng không xuất phát từ

nhu cầu bổ túc thực sự về tình cảm và tính dục. Những hành vi này không thể chấp nhận được trong bất cứ trường hợp nào.

### **2358**

Đừng quên một số người đã có khuynh hướng đồng tính luyến ái thâm căn. Đối với đa số những người này, khuynh hướng lệch lạc ấy là một thử thách. Chúng ta phải đón nhận họ với lòng tôn trọng, thông cảm và tế nhị, tránh đối xử bất công. Cả những người này cũng được mời gọi thực hiện ý Chúa trong cuộc sống và, nếu là

### **2359 2347**

Những người đồng tính luyến ái cũng được mời gọi sống khiết tịnh. Họ có thể và phải cương quyết tiến dần đến sự toàn thiện Ki-tô giáo nhờ kinh nguyện và ân sủng bí tích, nhờ biết tự chủ để củng cố tự do nội tâm và nhờ sự nâng đỡ của một tình bạn vô vị lợi.

## **III. TÌNH YÊU VỢ CHỒNG**

### **2360 1601**

Theo ý định của Thiên Chúa, phái tính hướng về tình yêu vợ chồng. Trong hôn nhân, ái ân trở thành dấu chỉ và bảo đảm của sự hiệp thông tinh thần. Giữa hai tín hữu, dây liên kết hôn nhân được thánh hóa bằng bí tích.

### **2361 1643-2332**

"Nhờ khả năng tính dục, người nam và người nữ hiến thân cho nhau qua những hành vi dành riêng cho vợ chồng. Tính dục không chỉ là hành vi sinh lý, nhưng liên can đến những điều thâm sâu nhất của nhân vị. Tính dục chỉ thực sự xứng đáng với con người, khi nó là thành phần không thể

thiếu của tình yêu giữa người nam và người nữ đã cam kết hiến thân cho nhau trọn vẹn suốt đời ( x. FC 11 ).

1611

Tô-bi-a chỗi dậy, ra khỏi giường và nói với Sa-ra : "Đứng lên em, chúng ta hãy cầu nguyện nài xin Đức Chúa xót thương và phù hộ chúng ta". Cô đứng lên, rồi cả hai bắt đầu cầu nguyện và nài xin cho mình được an lành. Tô-bi-a bắt đầu như sau : "Lạy Thiên Chúa của tổ tiên chúng con, xin chúc tụng Chúa.... Chính Chúa đã dựng nên ông A-đam, dựng nên cho ông một người trợ thủ và nâng đỡ là bà E-và và vợ ông. Và loài người đã sinh ra từ hai ông bà. Chính Chúa đã nói : "Con người ở một mình thì không tốt, Ta sẽ làm cho nó một người trợ thủ giống như nó". Giờ đây, không phải vì lòng dục mà con lấy em con đây, nhưng vì lòng chân thành. Xin Chúa đoái thương con và em con, cho chúng con được sống bên nhau đến tuổi già". Rồi họ đồng thanh nói : "A-men, A-men!" Sau đó, họ ngủ luôn cho đến sáng" (Tb 8, 4-9).

2362

"Những hành vi thực hiện sự kết hợp thân mật và thanh khiết của đôi vợ chồng đều cao quý và chính đáng. Được thi hành cách thực sự nhân linh, những hành vi ấy biểu hiện và khích lệ sự hiến thân cho nhau nhờ đó hai người làm cho nhau thêm phong phú trong hoan lạc và biết ơn" ( x. GS 49,2 ).

“Chính Đấng Sáng Tạo ... đã muốn rằng trong nhiệm vụ truyền sinh đôi vợ chồng cảm thấy một sự vui thú và thỏa mãn nơi thân xác và tinh thần. Vì vậy, vợ chồng chẳng làm điều gì xấu khi tìm kiếm và tận hưởng sự khoái lạc đó. Họ đón nhận những gì Đấng

Sáng Tạo đã ban cho. Tuy nhiên, họ phải biết giữ tiết độ” ( Pi-ô XII, bài giảng 29 - 10 - 1951 ).

### **2363**

Nhờ sự kết hợp của vợ chồng, hai mục đích của hôn nhân được thực hiện : lợi ích của chính đôi vợ chồng và lưu truyền sự sống. Không thể tách rời hai ý nghĩa hoặc hai giá trị này của hôn nhân mà không làm biến chất đời sống tinh thần của vợ chồng cũng như phương hại đến lợi ích của hôn nhân và tương lai của gia đình.

Như thế tình yêu vợ chồng đòi hỏi người nam và người nữ vừa phải chung thủy vừa phải sẵn sàng đón nhận con cái.

*1646-1648*

### **Sự thủy chung của vợ chồng**

#### **2364 1603 1615**

"Đấng Sáng Tạo đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung thân mật và yêu thương của đôi vợ chồng. Đời sống chung này được gầy dựng do giao ước hôn nhân nghĩa là sự ưng thuận cá nhân và không thể rút lại ( x. GS 48,1 ). Cả hai hiến thân cho nhau vĩnh viễn và trọn vẹn. Họ không còn là hai, nhưng đã trở thành một thân thể duy nhất. Khi đã tự do cam kết, hôn ước buộc đôi vợ chồng không được tiêu hủy hoặc lập một hôn ước khác (x. CIC, can. 1056 ). "Sự gì Thiên Chúa đã liên kết, thì loài người không được phân ly" (Mc 10,9) ( x. Mt 19,1-12 , 1 Cr 7,10-11 ).

#### **2365 1640**

Thiên Chúa là Đấng trung tín vì Người kiên trì giữ lời thề hứa. Bí tích Hôn Phối làm cho hai vợ chồng tham dự vào

sự trung tín của Đức Ki-tô đối với Hội Thánh. Nhờ sống khiết tịnh trong hôn nhân, họ minh chứng màu nhiệm đó trước mặt thế gian.

Thánh Gio-an Kim Khẩu gợi ý cho các tân lang tâm sự với tân nương : anh yêu em, anh quý em hơn cả mạng sống mình. Cuộc sống này chẳng là gì hết, anh chỉ mơ ước được sống bên em ở đời này và hy vọng không bao giờ chia lìa ở đời sau....Anh yêu em hơn mọi sự, và không gì làm cho anh khổ tâm bằng anh không có được những tâm tình như em (Bài giảng Eph. 20,8 ).

## **Chức năng truyền sinh**

### **2366**

Truyền sinh là một ân huệ, *một mục tiêu của hôn nhân*, vì tình yêu vợ chồng tự nhiên hướng về việc sinh sản con cái. Con cái là hoa quả và thành tựu của tình yêu vợ chồng, hiện diện ngay trong việc vợ chồng hiến thân cho nhau, chứ không phải một cái gì từ bên ngoài được ghép vào. Vì thế Hội Thánh "bảo vệ sự sống" ( x. FC 30 ) và dạy rằng "mọi hành vi ân ái phải tự nó mở ngõ cho việc truyền sinh" ( x. HV 11 ). "Giáo lý này đã được Huấn Quyền trình bày nhiều lần, nền tảng của giáo lý này là sự liên kết bất khả phân ly giữa hai ý nghĩa của hành vi ân ái : kết hợp và truyền sinh. Đây là điều chính Thiên Chúa đã muốn và con người không được tách rời ( x. HV 12; x. Piô XI, enc. "Casti connubii" ).

### **2367 2205**

Vì được mời gọi thông truyền sự sống, đôi vợ chồng tham dự vào quyền năng sáng tạo và tư cách làm cha làm mẹ cùng với Thiên Chúa (x. Ep 3,14, Mt 23,9). "Trong khi thi hành bổn phận truyền sinh và giáo dục (điều phải được coi là

sứ mệnh riêng biệt của vợ chồng), đôi vợ chồng biết rằng mình *cộng tác với tình yêu của Thiên Chúa sáng tạo* và như trở thành những người diễn đạt tình yêu của Người. Do đó, họ sẽ chu toàn bổn phận trong tinh thần trách nhiệm của một con người và của Ki-tô hữu" ( x. GS 50,2 ).

### 2368

Một khía cạnh đặc biệt của trách nhiệm đó là *điều hòa truyền sinh*. Khi có lý do chính đáng, đôi vợ chồng có quyền kéo dài khoảng cách giữa các lần sinh nở. Chính họ phải chứng thực rằng ước muốn đó không do ích kỷ, nhưng xứng hợp với lòng quảng đại chính đáng của bậc làm cha mẹ có trách nhiệm. Ngoài ra, họ phải xử sự theo những tiêu chuẩn khách quan của luân lý :

"Khi cần hòa hợp tình yêu vợ chồng với việc sinh sản con cái có trách nhiệm, phải ý thức rằng giá trị luân lý của hành động không chỉ lệ thuộc vào ý muốn thành thực và việc cân nhắc các lý do, nhưng phải được thẩm định theo những tiêu chuẩn khách quan suy diễn từ bản tính nhân vị và của hành động nơi nhân vị : những tiêu chuẩn ấy tôn trọng ý nghĩa trọn vẹn của sự trao hiến và sinh sản con cái trong khung cảnh tình yêu đích thực. Đó là điều không thể thực hiện được nếu không thực tâm vun trồng đức khiết tịnh trong bậc vợ chồng" (x. GS 51,3).

### 2369

"Khi duy trì hai khía cạnh thiết yếu là kết hợp và truyền sinh, hành vi ân ái giữ được toàn vẹn ý nghĩa của tình yêu hỗ tương và chân thực, qui hướng về ơn gọi vô cùng cao cả của con người là được làm cha làm mẹ" ( x. HV 12 ).

## 2370

Tiết dục định kỳ cũng như những phương pháp điều hòa sinh sản đặt nền tảng trên việc tự quan sát và sử dụng những thời gian không thể thụ thai ( x. HV 16 ), đều phù hợp với các tiêu chuẩn khách quan của luân lý. Những phương pháp này tôn trọng thân thể của vợ chồng, khuyến khích họ âu yếm và giúp nhau hướng đến tự do chân chính. Ngược lại, "mọi hành động nhằm mục đích hay tạo phương thế ngăn cản sự truyền sinh trước, hoặc trong khi giao hợp, hoặc trong diễn tiến các hiệu quả tự nhiên của việc giao hợp, tự bản chất là xấu" ( HV 14).

“Trong hôn nhân, hai vợ chồng hiến thân trọn vẹn cho nhau. Việc ngừa thai đi ngược lại vì họ không còn trao tặng cho nhau trọn vẹn nữa. Chẳng những họ không cộng tác vào công cuộc trao ban sự sống mà còn làm sai lạc chân lý nội tại của tình yêu vợ chồng là hiến thân trọn vẹn cho nhau. Về mặt nhân học và luân lý, sự khác biệt giữa ngừa thai và việc sử dụng các chu kỳ thụ thai bắt nguồn từ hai quan niệm không thể giản lược với nhau về con người và về tính dục của con người” (FC 32).

## 2371 1703

"Ngoài ra, mọi người đều phải ý thức rằng sự sống con người, và trách nhiệm lưu truyền sự sống, không chỉ giới hạn ở đời này, cũng như không thể hiểu và đo lường được trọn vẹn ý nghĩa ở đời này, nhưng luôn *qui chiếu về định mệnh vĩnh cửu của con người*" ( x. GS 51, 4 ) ).

## 2372 2209

Nhà Nước có trách nhiệm mang lại lợi ích cho các công dân, nên có quyền can thiệp để định hướng việc gia tăng dân số. Tuy nhiên, chỉ được làm qua những thông tin

khách quan và tôn trọng tự do, chứ không bao giờ được dùng biện pháp quyền lực và cưỡng bách. Nhà Nước không được tước bỏ quyền quyết định của các đôi vợ chồng, vì chính họ là những người đầu tiên có trách nhiệm về việc sinh sản và giáo dục các con cái ( x. HV 23,PP 37 ). Trong lãnh vực này, Nhà Nước không có quyền can thiệp bằng những phương thế trái với luật luân lý.

## **Con cái là quà tặng của Thiên Chúa**

### **2373**

Thánh Kinh và Thánh Truyền coi *những gia đình đông con* là một dấu chỉ phúc lành của Thiên Chúa và lòng quảng đại của cha mẹ ( x. GS 50, 2 ).

### **2374 1654**

Thật đau khổ cho những đôi vợ chồng không con. "Ông Áp-ra-ham thưa : Lạy Đức Chúa, Chúa sẽ ban cho con cái gì ? Con ra đi mà không con cái" (St 15, 2). Ra-khen nói với chồng mình là Gia-cóp : "Xin cho tôi được có con, không thì tôi chết mất" (St 30,1)

### **2375 2293**

Những nghiên cứu nhằm giải quyết chứng vô sinh rất đáng khuyến khích, với điều kiện chúng phải "phục vụ con người, phục vụ các quyền bất khả nhượng cũng như lợi ích đích thực và toàn vẹn của con người, đúng theo dự định và ý muốn của Thiên Chúa" ( x."Donum vitae" 2 ).

### **2376**

Những kỹ thuật phá vỡ liên hệ phụ mẫu qua sự can thiệp của một người thứ ba (cho tinh dịch hoặc noãn bào, cho mượn tử cung) là những hành vi phải bị loại bỏ. Những kỹ thuật này (thụ tinh nhân tạo và thụ thai nhân tạo khác nguồn)

vi phạm quyền của đứa trẻ phải được sinh ra do cha mẹ đã chính thức kết hôn và quyền được biết cha mẹ là ai. Những kỹ thuật này vi phạm "độc quyền làm cha làm mẹ của đôi vợ chồng" ( x."Donum vitae" 2,1 ).

### 2377

Nếu được thực hiện cho đôi vợ chồng, những kỹ thuật thụ tinh nhân tạo và thụ thai nhân tạo cùng nguồn, có lẽ sẽ ít tổn hại hơn; nhưng về mặt luân lý, chúng vẫn không thể được chấp nhận, vì tách rời hành vi tính dục với việc truyền sinh. Sinh sản con cái không còn là một hành vi của hai con người hiến thân cho nhau, nhưng "sự sống và căn tính của phôi thai bị trao vào tay các bác sĩ và các nhà sinh học, và để kỹ thuật thống trị trên nguồn gốc và vận mệnh của con người. Một mối quan hệ thống trị như thế tự bản chất đi ngược với phẩm giá và sự bình đẳng chung của cả cha mẹ lẫn con cái" ( x."Donum vitae" 2,5 ). Về phương diện luân lý, việc truyền sinh mất đi sự hoàn thiện đặc thù của nó, khi không còn là kết quả của hành vi ân ái, nghĩa là quan hệ vợ chồng... Để cho việc truyền sinh xứng với phẩm giá con người, chúng ta phải tôn trọng mối dây liên hệ giữa những ý nghĩa của hành vi ân ái và sự tôn trọng tính thống nhất của bản tính con người" ( x."Donum vitae" 2,4 ).

### 2378

Đứa trẻ không phải là *một của nợ*, nhưng là *một hồng ân* . "Hồng ân ưu việt của hôn nhân" là một con người. Không được coi đứa trẻ như một vật sở hữu, như người ta thường nghĩ là mình có "quyền trên con cái". Trong lãnh vực này, đứa trẻ thực sự có những quyền: quyền được sinh ra trong tình yêu của cha mẹ, và quyền được tôn trọng như một con người ngay từ lúc mới thành thai (x."Donum vitae" 2,8).

## 2379

Tin Mừng cho thấy vô sinh thể lý không phải là một điều dữ tuyệt đối. Đôi vợ chồng nào, sau khi đã tận dụng mọi trợ giúp chính đáng của y khoa, vẫn phải chịu nỗi đau khổ vô sinh, được mời gọi liên kết với Thập Giá của Chúa là nguồn mạch mọi phong phú thiêng liêng. Họ có thể sống quảng đại bằng cách nhận nuôi những đứa trẻ bị bỏ rơi hoặc tham gia những công tác phục vụ tha nhân.

## IV. NHỮNG XỨC PHẠM ĐẾN PHẨM GIÁ HÔN NHÂN

### 2380 1611

*Ngoại tình* là thất tín của vợ chồng. Khi hai người nam nữ có quan hệ tính dục với nhau, dù là nhất thời mà trong đó có ít nhất một người đã kết hôn thì cả hai phạm tội ngoại tình. Đức Ki-tô lên án tội này ngay cả khi chỉ là một ước muốn (x. Mt 5,27-28). Điều răn thứ sáu và Tân Ước tuyệt đối cấm tội ngoại tình ( x. Mt 5,32; 19,6; Mc 10,11; 1Cr 6,9-10 ).

Các ngôn sứ tố giác tội ngoại tình là một tội trọng vì là một trong các hình thức thờ ngẫu tượng ( x. Hs 2,7; Gr 5,7; 13,27 ).

### 2381 1640

Ngoại tình là điều bất công. Người phạm tội đó bỏ không thực hiện những cam kết của mình, làm tổn hại đến dây liên kết hôn nhân là dấu chỉ của sự giao ước, vi phạm quyền của người phối ngẫu và xâm phạm định chế hôn nhân khi lỗi phạm hôn ước. Người ấy làm phương hại đến lợi ích của việc sinh sản và của con cái vốn cần đến sự kết hợp bền vững của cha mẹ.

## Ly hôn

### 2382 1614

Chúa Giê-su nhấn mạnh đến ý định ban đầu của Đấng Sáng Tạo là hôn nhân bất khả phân ly ( x. Mt 5,31-32; 19,3-9; Mc 10,9; Lc 16,18; 1Cr 7,10-11 ). Người bãi bỏ những khoan nhượng trong luật cũ (x. Mt 19,7-9 ).

Giữa hai người đã chịu Bí Tích Thánh Tẩy, "hôn nhân đã ký kết và hoàn hợp thì không thể bị tháo gỡ bởi bất cứ quyền lực nhân loại nào, bất cứ vì lý do gì, ngoại trừ cái chết" ( x. CIC, can. 1141 ).

### 2383 1649

Trong một số trường hợp đã được Giáo Luật dự liệu, đôi vợ chồng có thể được phép ly thân nhưng vẫn còn duy trì dây liên kết hôn nhân ( x. CIC, can. 1151-1155 ).

Nếu việc ly hôn về phần đời là phương cách duy nhất còn lại để bảo đảm một số quyền lợi chính đáng, chăm sóc con cái hoặc bảo vệ gia sản, thì có thể tạm chấp nhận mà không lỗi về luân lý.

### 2384 1650

*Ly dị* vi phạm nghiêm trọng luật tự nhiên, phé bỏ khế ước mà vợ chồng đã tự do ưng thuận để sống với nhau cho đến chết. Ly dị làm tổn hại giao ước cứu độ mà bí tích Hôn Phối là dấu chỉ. Tái hôn dù được luật đời công nhận càng làm cho tình trạng đĩ vỡ thêm tệ hại : người tái hôn, sau khi ly dị, phạm tội ngoại tình công khai và thường xuyên :

“Nếu người chồng, sau khi đã chia ly với vợ mình, ăn ở với một người phụ nữ khác, thì phạm tội ngoại tình, vì làm cho phụ nữ đó cũng phạm tội ngoại tình; người phụ nữ ăn ở

với người đàn ông đó phạm tội ngoại tình vì đã dụ dỗ chồng của người khác” ( T. Ba-xi-li-ô, nguyên tắc luân lý 73 ).

2385

Ly dị là phi luân vì làm xáo trộn gia đình và xã hội. Việc xáo trộn này kéo theo nhiều tổn hại nghiêm trọng : cho người phối ngẫu vì bị ruồng bỏ; cho con cái phải đau khổ vì cha mẹ phân ly, và lắm khi còn bị dằn co không biết theo ai; cho xã hội vì hiệu quả lây lan của nó, nó thực sự là một tai ương cho xã hội.

2386 1640

Nếu một trong đôi vợ chồng là nạn nhân vô tội của phán quyết ly dị do tòa án dân sự, người này không vi phạm luật luân lý. Có sự phân biệt rõ ràng giữa người phối ngẫu thành thật cố gắng trung thành với bí tích Hôn Phối và bị ruồng bỏ bất công, với người phá hủy hôn nhân thành sự theo Giáo Luật ( x. FC 84 ) do phạm lỗi nặng.

### **Những xúc phạm khác đến phẩm giá hôn nhân**

2387 1610

Chúng ta hiểu được bi kịch của một người, vì muốn hoán cải theo Tin Mừng buộc phải từ bỏ một hoặc nhiều người vợ đã chung sống nhiều năm. Tuy nhiên, *đa thê* không phù hợp với luật luân lý, tuyệt đối nghịch lại với sự hiệp thông giữa vợ chồng : trực tiếp chối bỏ kế hoạch của Thiên Chúa đã được mặc khải cho ta từ buổi đầu, nghịch với phẩm giá bình đẳng của người nữ và người nam, cả hai hiến thân cho nhau trong một tình yêu trọn vẹn, duy nhất và độc hữu ( x. FC 19; GS 47,2 ). Theo đức công bình, người đa thê khi trở thành ki-tô hữu phải chu toàn những trách vụ tài trợ cho các bà vợ trước và con cái của mình.

**2388 2356 2207**

*Tội loạn luân* là quan hệ tính dục giữa những người họ hàng cùng huyết tộc hoặc hôn thuộc, mà luật cấm kết hôn với nhau ( x. Lv 18,7-20 ). Thánh Phao-lô lên án trọng tội này : "Đi đâu cũng chỉ nghe nói đến chuyện dâm ô xảy ra giữa anh em... có kẻ ăn ở với thê thiếp của cha mình! ... Nhân danh Chúa Giê-su, chúng ta phải nộp con người đó cho Xatan để xác thịt nó bị hủy diệt" ( x. 1 Cr 5,1.4-5 )...Tội loạn luân phá vỡ quan hệ gia đình và cho thấy một sự thoái hóa trở về thú tính.

**2389 2285**

Có thể gọi là loạn luân, những lạm dụng tính dục do những người trưởng thành đối với trẻ con hoặc thiếu niên đã được ủy thác cho họ. Người phạm tội này phải chịu trách nhiệm gấp đôi : một mặt vì gây gương xấu xâm phạm đến sự toàn vẹn thể lý và luân lý của các người trẻ, và để lại hậu quả tai hại suốt đời, mặt khác vì họ lỗi trách nhiệm giáo dục của mình.

**2390 1631**

*Tự do sống chung* là khi một người nam và một người nữ sống như vợ chồng nhưng không chịu tiến hành hôn nhân chính thức theo luật.

Kiểu nói tự do sống chung là đối trá, vì có nghĩa gì một sự kết hợp trong đó hai con người không cam kết với nhau và do đó cũng chứng tỏ rằng họ không tín nhiệm nơi người kia, nơi chính mình, hoặc ở tương lai ?

**2353 1385**

Kiểu nói này chỉ nhiều hoàn cảnh khác nhau : ăn ở với nhau không cưới xin, từ chối kết hôn theo đúng tính chất của hôn nhân, không thể ràng buộc nhau bằng những cam kết

dài lâu ( x. FC 81 ). Tất cả những trường hợp này xúc phạm phẩm giá của hôn nhân, phá hủy ý niệm về gia đình, làm suy giảm cảm thức về lòng thủy chung. Chúng nghịch với luật luân lý : hành vi tính dục chỉ được chấp nhận trong hôn nhân; ngoài hôn nhân, luôn luôn đó là một tội trọng và không được hiệp thông các bí tích.

### **2391 2364**

Ngày nay, nhiều người đòi hỏi " quyền thử nghiệm", khi có ý định kết hôn. Dù những người quan hệ tính dục tiền hôn nhân có quyết tâm kết hôn, cũng không thể bảo đảm quan hệ liên vị giữa họ là chân thật và thủy chung, và nhất là giữ cho quan hệ này khỏi những ý muốn ngông cuồng và nông nổi ( x. "Persone humana" 7 ). Về phương diện luân lý, sự kết hợp xác thịt chỉ hợp pháp khi đã chính thức kết hôn. Tình yêu không chấp nhận thử nghiệm; nhưng đòi hỏi hiến thân cho nhau trọn vẹn và dứt khoát ( x. FC 80 ).

## **TÓM LƯỢC**

### **2392**

*"Tình yêu là ơn gọi căn bản và bản sinh của mọi con người"* ( x. FC 11 ).

### **2393**

*Khi sáng tạo con người có nam có nữ, Thiên Chúa cho họ bình đẳng về nhân phẩm. Mỗi người, nam cũng như nữ, phải nhìn nhận và chấp nhận phái tính của mình.*

### **2394**

*Đức Ki-tô là khuôn mẫu của đời sống khiết tịnh. Mỗi tín hữu đều được mời gọi sống đời khiết tịnh tùy theo bậc sống của mình.*

**2395**

*Sống khiết tịnh là làm chủ phái tính, giúp ta làm chủ bản thân.*

**2396**

*Các tội trọng nghịch với đức khiết tịnh là : thủ dâm, tà dâm, sản xuất và phổ biến ấn phẩm khiêu dâm, đồng tính luyến ái.*

**2397**

*Giao ước đôi vợ chồng đã tự do ký kết bao hàm một tình yêu chung thủy, buộc vợ chồng bất khả phân ly.*

**2398**

*Con cái là phúc lành, quà tặng, cứu cánh của hôn nhân. Khi thông truyền sự sống, đôi vợ chồng tham dự vào tư cách làm cha làm mẹ cùng với Thiên Chúa.*

**2399**

*Việc điều hòa sinh sản là một trong những khía cạnh thể hiện tư cách làm cha làm mẹ có trách nhiệm. Nhưng ý hướng chính đáng của vợ chồng không đủ để biện minh cho việc sử dụng các phương thế không thể chấp nhận về phương diện luân lý (thí dụ trực tiếp triệt sản hoặc ngừa thai).*

**2400**

*Ngoại tình và ly dị, đa thê và tự do sống chung là những xúc phạm nặng nề đến phẩm giá của hôn nhân.*

## Mục 7

### ĐIỀU RĂN THỨ BẢY

"Người không được trộm cắp" (Xh 20, 15; Đnl 5,19).

"Người không được trộm cắp" (Mt 19,18).

**2401 1807 952**

Điều răn thứ bảy cấm lấy hoặc giữ tài sản của kẻ khác cách bất công, cấm làm hại của cải họ bất cứ bằng cách nào. Điều răn này dạy phải giữ công bằng và bác ái trong việc quản lý những của cải trần thế và thành quả lao động của con người. Vì công ích, điều răn này đòi phải tôn trọng quyền chung hưởng các của cải trần thế và quyền tư hữu. Người Kitô hữu cố gắng sử dụng mọi của cải trần thế để phụng sự Thiên Chúa và thực thi bác ái huynh đệ.

### I. QUYỀN CHUNG HƯỞNG CỦA CẢI TRẦN THẾ VÀ QUYỀN TƯ HỮU

**2402 226 1939**

Từ khởi thủy, Thiên Chúa trao địa cầu và các tài nguyên cho nhân loại chung sức quản lý, để con người chăm sóc, chế ngự chúng bằng lao động và hưởng dùng hoa trái của địa cầu ( x. St 1,26-29 ). Của cải trong trần gian được dành cho toàn thể nhân loại. Tuy nhiên, để bảo đảm an toàn cho cuộc sống con người khỏi nghèo đói và bị bạo lực đe dọa, Thiên Chúa chia trái đất thành nhiều phần. Cho con người quyền sở hữu của cải là chính đáng để bảo đảm tự do và phẩm giá con người, để mỗi người đáp ứng được các nhu cầu căn bản của họ và của những ai họ có trách nhiệm coi

sóc. Quyền này cũng phải nói lên tình liên đới tự nhiên giữa người với người.

### **2403**

*Quyền tư hữu* của cải do mình làm ra hay nhận được một cách chính đáng, không hủy bỏ việc Thiên Chúa đã ban địa cầu cho toàn thể nhân loại ngay từ nguyên thủy. *Quyền chung hưởng của cải* vẫn ưu tiên, cho dù sự thăng tiến công ích đòi phải tôn trọng tư sản, quyền tư hữu và việc hành sử quyền này.

### **2404 307**

"Khi sử dụng của cải, con người phải coi của cải vật chất mà mình sở hữu cách chính đáng không chỉ như của riêng mình, nhưng còn là của chung nữa : nghĩa là của cải đó có thể sinh ích không những cho riêng mình mà còn cho cả người khác nữa" ( x. GS 69,1 ). Người sở hữu một tài sản là người được Thiên Chúa quan phòng trao cho nhiệm vụ quản lý, để làm cho của cải này sinh hoa lợi và thông phần lợi ích cho người khác, trước tiên là cho những người thân của mình.

### **2405**

Chủ nhân của những tư liệu sản xuất, vật chất hoặc phi vật chất, như đất đai hoặc cơ xưởng, những kỹ năng hay nghệ thuật, phải biết chăm lo để lợi tức của chúng đem lại ích lợi cho nhiều người hơn. Những người sở hữu các sản phẩm tiêu dùng, phải sử dụng chừng mực, dành phần tốt đẹp hơn cho người khác, người đau ốm, người nghèo khổ.

### **2406 1903**

Vì công ích, chính quyền có quyền và bổn phận điều tiết, việc hành sử chính đáng quyền sở hữu ( x. GS 71,4 ).

## II. TÔN TRỌNG CON NGƯỜI VÀ TÀI SẢN

**2407** 1809 1807 1839

Trong lãnh vực kinh tế, việc tôn trọng nhân phẩm đòi chúng ta phải sống *tiết độ*, biết tiết chế lòng ham muốn của cải trần gian; sống *công bằng*, biết tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng của tha nhân; và sống *liên đới*, theo "quy luật vàng" và theo lòng hào phóng của Chúa. "Người vốn giàu sang phú quý đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em, để lấy cái nghèo của mình mà làm cho anh em trở nên giàu có" (2Cr 8,9).

### Tôn trọng tài sản tha nhân

**2408**

Điều răn thứ bảy cấm *trộm cắp*, nghĩa là cấm chiếm đoạt tài sản tha nhân bất chấp ý muốn chính đáng của sở hữu chủ. Nếu có thể đoán trước được sự ưng thuận của chủ hoặc sự khước từ của họ nghịch với lẽ phải và với quyền chung hưởng của cải trần thế thì việc chiếm hữu tài sản không còn là tội ăn cắp. Như thế, trong trường hợp khẩn cấp và rõ ràng, và không còn cách nào để đáp ứng cho các nhu cầu cấp thời và thiết yếu (thức ăn, chỗ ở, áo quần...), thì được quyền sử dụng tài sản tha nhân ( x. GS 69,1 ).

**2409** 1867

Mọi hình thức chiếm đoạt và cầm giữ cách bất công tài sản tha nhân, dù không nghịch với dân luật, vẫn nghịch với điều răn thứ bảy, như cố tình không trả của đã mượn, giữ lại của rơi, buôn gian bán lận ( x. Đnl 25,13-16 ), trả lương thiếu công bằng (x. Đnl 24,14-15, Gcb 5,4 ), lợi dụng sự không biết và khó khăn của tha nhân để tăng giá (x. Am 8,4 6).

Về phương diện luân lý, những việc sau đây bất hợp pháp: đầu cơ, làm biến động giá cả cách giả tạo với mục đích trục lợi cho mình nhưng làm thiệt hại cho tha nhân; hối lộ, làm sai lệch phán đoán của những người có bổn phận quyết định theo luật pháp; chiếm đoạt và sử dụng tài sản tập thể làm của riêng; làm ăn thiếu trách nhiệm, lậu thuế, giả mạo các chi phiếu và hóa đơn, chi tiêu quá mức, lãng phí. Có ý gây thiệt hại tài sản tư nhân hoặc công cộng là nghịch với luật luân lý và phải bồi thường.

#### **2410 2101**

Phải giữ *lời hứa*, và thực hiện đầy đủ các *hợp đồng* đã cam kết trong mức độ công bằng và hợp lý. Đời sống kinh tế và xã hội tùy thuộc rất nhiều vào các hợp đồng thương mại, những giao kèo thuê mướn hoặc lao động. Mọi hợp đồng đều phải được thỏa thuận và thi hành với thiện ý.

#### **2411 1807**

Các hợp đồng phải tuân theo *công bằng giao hoán* quy định những sự trao đổi giữa các cá nhân và giữa các tổ chức trong sự tôn trọng đúng mức các quyền lợi của nhau. Công bằng giao hoán phải được triệt để tôn trọng, vì nó buộc con người bảo toàn các quyền tư hữu, hoàn trả nợ nần và tuân giữ các nghĩa vụ đã tự do giao kết. Không có công bằng giao hoán thì không thể có một hình thức công bằng nào khác.

Cần phân biệt *công bằng giao hoán* với *công bằng pháp lý* quy định những bổn phận công bình của người công dân đối với cộng đồng, và với công bằng phân phối qui định việc cộng đồng phải thực hiện cho người công dân tương xứng với những đóng góp và những nhu cầu của họ.

### 2412 1459

*Công bằng giao hoán* đòi chúng ta phải *đền bù điều bất công* đã làm bằng cách hoàn lại của cải đã lấy cắp cho sở hữu chủ :

### 2487

Đức Giê-su khen Da-kêu vì lời hứa của ông : "Nếu tôi đã lường gạt ai cái gì, tôi xin đền gấp bốn" (Lc 19,8). Những ai đã trực tiếp hoặc gián tiếp chiếm đoạt tài sản tha nhân, buộc phải hoàn lại, hoặc nếu đồ vật đó không còn nữa, phải trả lại bằng hiện vật hay tiền mặt tương đương, kèm theo tiền lời và các lợi lộc khác mà sở hữu chủ của nó đã có thể hưởng được cách chính đáng. Tất cả những người đã tham gia vào việc trộm cắp một cách nào đó, hoặc đã thừa hưởng mà biết rõ là của phi pháp, đều phải hoàn trả cân xứng theo trách nhiệm và lợi lộc đã hưởng, ví dụ những người đã truyền lệnh hoặc giúp đỡ, hoặc tàng trữ, che giấu.

### 2413

*Các trò đồ đen* (cờ bạc v.v...) hoặc *cá cược*, tự chúng không nghịch với phép công bằng, nhưng về phương diện luân lý, không thể chấp nhận được khi chúng cướp đi những cái cần thiết để nuôi sống bản thân và người khác. Cờ bạc biến kẻ ham mê thành nô lệ. Cờ gian bạc lận là một lỗi nặng, trừ khi gây thiệt hại rất nhẹ đến độ người bị thiệt thấy việc đó không đáng kể.

### 2414 2297

Điều răn thứ bảy nghiêm cấm bất cứ hành vi hoặc dịch vụ nào - vì bất cứ một lý do gì, vì ích kỷ hoặc vì ý thức hệ, lợi nhuận hoặc độc tài - dẫn tới việc *nô lệ hóa con người*, không nhìn nhận nhân phẩm của họ, mua bán hoặc trao đổi họ như hàng hóa. Tội này xúc phạm đến nhân phẩm và những quyền căn bản của con người vì dùng bạo lực biến họ

thành một vật dụng hoặc nguồn lợi. Thánh Phao-lô đã ra lệnh cho một chủ nhân Ki-tô hữu phải đối xử với người nô lệ đồng đạo "không như một nô lệ, nhưng như một người anh em rất thân mến...như một con người, trong Đức Chúa" (Plm 16).

### **Tôn trọng sự toàn vẹn của các thụ tạo**

#### **2415 226, 358 378 373**

Điều răn thứ bảy dạy phải tôn trọng sự toàn vẹn của vạn vật. Thiên Chúa đã ban thú vật, thực vật và những vật vô tri, nhằm phục vụ lợi ích chung của nhân loại trong quá khứ, hiện nay và tương lai ( x. St 1,28-31 ). Khi sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng chất, thực vật và động vật trong vũ trụ, con người phải tôn trọng các đòi hỏi của luân lý : Đấng Sáng Tạo đã ban cho con người quyền bá chủ trên các vật vô tri và những sinh vật khác, nhưng không phải quyền tuyệt đối, vì phải để ý đến ảnh hưởng trên đời sống của tha nhân, kể cả những thế hệ tương lai; quyền này đòi chúng ta phải trân trọng sự toàn vẹn của vạn vật (x. CA 37 -38).

#### **2416 344**

*Thú vật* là những thụ tạo của Thiên Chúa và được Người ân cần chăm sóc (Mt 6,2 ). Chúng hiện hữu để ca tụng và tôn vinh Người ( x. Đn 3, 57 -58 ). Do đó, con người phải biết thương chúng. Các thánh như Phan-xi-cô Át-xi-di hoặc Phi-lip-phê Nê-ri đều đối xử hiền với thú vật.

#### **2417 2234**

Thiên Chúa đã dựng nên con người giống hình ảnh Người và trao phó quyền quản lý các thú vật ( x. St 2,19-20; 9,1-4 ). Do đó con người được phép ăn thịt thú vật và lấy da làm y phục, có thể thuần hóa chúng để trợ lực con người trong lao động và giải trí. Những thí nghiệm y học và khoa

học trên thú vật có thể chấp nhận được về phương diện luân lý, miễn là ở trong những giới hạn hợp lý và góp phần vào việc chữa bệnh hoặc cứu lấy mạng sống con người.

#### **2418 2446**

Hành hạ hay giết hại thú vật cách vô ích là điều trái với phẩm giá con người. Cũng thế, chi phí những số tiền quá đáng cho thú vật, lẽ ra phải ưu tiên làm giảm bớt sự khốn cùng của con người, thì cũng là một việc bất xứng. Người ta có thể thương thú vật, nhưng không được dành cho chúng tình yêu, chỉ xứng với con người.

### **III. HỌC THUYẾT XÃ HỘI CỦA HỘI THÁNH**

#### **2419 1960 359**

"Mặc khải Ki-tô giáo đưa ta đến sự hiểu biết sâu xa hơn về những luật lệ của đời sống xã hội" ( x. GS 23,1 ). Qua Tin Mừng, Hội Thánh nhận được mặc khải trọn vẹn chân lý về con người. Khi chu toàn sứ vụ loan báo Tin Mừng, Hội Thánh nhân danh Đức Ki-tô, xác nhận cho con người biết phẩm giá riêng và ơn gọi hiệp thông của con người. Hội Thánh dạy cho con người biết các yêu sách của công lý và hòa bình, hợp với ý định khôn ngoan của Thiên Chúa.

#### **2420**

Trong lãnh vực kinh tế và xã hội, Hội Thánh chỉ đưa ra một phán đoán luân lý "khi các quyền căn bản của con người hoặc phần rỗi các linh hồn đòi hỏi" ( x. GS 76,5 ). Về mặt luân lý, Hội Thánh có sứ mạng khác với chính quyền : Hội Thánh quan tâm đến các khía cạnh trần thế của công ích vì chúng qui hướng về Sự Thiện tối thượng, là cứu cánh tối hậu của chúng ta. Hội Thánh cố gắng phổ biến những lập trường đúng đắn đối với của cải trần thế và với các quan hệ kinh tế xã hội.

**2421**

Học thuyết xã hội của Hội Thánh được phát triển vào thế kỷ thứ XIX khi Tin Mừng tiếp xúc với xã hội kỹ nghệ tân tiến, với các cơ cấu mới để sản xuất các sản phẩm tiêu thụ, với khái niệm mới về xã hội, về quốc gia và quyền bính, với các hình thức mới của lao động và quyền sở hữu. Sự phát triển học thuyết kinh tế và xã hội của Hội Thánh, xác nhận giá trị vững bền của quyền giáo huấn, cũng như cho thấy ý nghĩa đích thực của Truyền Thống luôn luôn sống động và tích cực ( x. CA 3 ).

**2422 2044**

Học thuyết xã hội của Hội Thánh là tập hợp các lời dạy của Hội Thánh về các biến cố lịch sử, dưới ánh sáng mạc khải của toàn bộ Lời Chúa, và sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần ( x. SRS 1,41 ). Những người thiện chí dễ dàng chấp nhận giáo thuyết này, khi chúng được các Ki-tô hữu thể hiện trong đời sống.

**2423**

Học thuyết xã hội của Hội Thánh đề ra những nguyên tắc suy tư, những tiêu chuẩn phán đoán, những đường hướng hành động :

“Bất kỳ thể chế nào chỉ căn cứ vào các yếu tố kinh tế để quyết định những mối tương quan xã hội, đều nghịch với bản chất của con người và của các hành vi nhân linh ( x. CA 24 ).

**2424 2317**

Về mặt luân lý, không thể chấp nhận một lý thuyết coi lợi nhuận là qui luật tuyệt đối và mục đích tối hậu của sinh hoạt kinh tế. Sự ham mê tiền của quá độ đưa đến những

hậu quả tai hại. Đây là một trong những nguyên nhân gây rối loạn trật tự xã hội (x. GS 63,3; LE 7; CA 35).

Những thể chế "đòi hy sinh những quyền lợi căn bản của cá nhân và đoàn thể cho tổ chức sản xuất tập thể" đều đi ngược với phẩm giá con người (x. GS 65). Những gì biến con người thành phương tiện thuần túy để trục lợi, đều nô lệ hóa con người, đưa tới việc tôn thờ tiền bạc và góp phần truyền bá chủ nghĩa vô thần. "Anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi tiền của được" (x. Mt 6,24; Lc 16,13).

#### **2425 676 1886**

Hội Thánh phi bác các ý thức hệ chuyên chế và vô thần đang hoạt động dưới hình thức "chủ nghĩa cộng sản" hoặc "chủ nghĩa xã hội". Mặt khác, Hội Thánh cũng phi bác chủ nghĩa cá nhân và việc coi luật thị trường là qui luật tối thượng trên lao động của con người, trong cách thực hành của "chủ nghĩa tư bản" (x. CA 10; 13;44). Điều hành kinh tế chỉ dựa trên kế hoạch tập trung sẽ phá hủy tận gốc các mối liên hệ xã hội; điều hành chỉ dựa theo qui luật thị trường sẽ vi phạm công bằng xã hội. "Thị trường không thể thỏa mãn được những nhu cầu muôn mặt của con người" (CA 34). Người tín hữu phải tác động vào thị trường và các sáng kiến kinh tế, để có được một điều hành hợp lý dựa trên một bậc thang giá trị đúng đắn và vì công ích.

### **IV. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI**

#### **2426 1928**

Phát triển kinh tế và gia tăng sản xuất đều nhằm phục vụ những nhu cầu của con người. Đời sống kinh tế không chỉ nhằm vào việc gia tăng các sản phẩm, lợi nhuận hoặc quyền lực, nhưng trước tiên là để phục vụ con người : con người

toàn diện và toàn thể cộng đồng nhân loại. Hoạt động kinh tế được điều hành theo những phương pháp riêng nhưng phải tôn trọng các khuôn khổ luân lý và công bằng xã hội, để đáp ứng ý định của Thiên Chúa về con người ( x. GS 64 ).

#### **2427 307 378 531**

*Lao động* là công trình trực tiếp của những con người được sáng tạo theo hình ảnh của Thiên Chúa, và được mời gọi cùng nhau tiếp nối công trình sáng tạo khi làm chủ địa cầu ( x. St 1, 28; GS 34; CA 31 ). Do đó, lao động là một bổn phận : "Ai không chịu làm việc thì cũng đừng ăn" ( x. 2 Th 3,1-10; 1 Th 4,11 ). Khi lao động, con người biểu dương các ân huệ của Đấng Sáng Tạo và những tài năng Chúa ban. Lao động còn có giá trị cứu chuộc ( x. St 3,14-19 ). Khi kết hợp với Đức Giê-su, người thợ làng Na-da-rét và cũng là Đấng chịu đóng đinh trên Đồi Sọ, con người qua những vất vả lao động được cộng tác với Con Thiên Chúa trong công trình cứu độ. Họ chứng tỏ mình là môn đệ của Đức Ki-tô khi vác thập giá hằng ngày, qua việc chu toàn những bổn phận trong sinh hoạt ( x. LE 27 ). Lao động có thể là một phương thế thánh hóa và thấm nhuần các thực tại trần thế bằng thần khí của Đức Ki-tô.

#### **2428 2834 2185**

Trong lao động, con người sử dụng và thể hiện một phần các khả năng tự nhiên của mình. Giá trị hàng đầu của lao động hệ tại ở chính con người, là tác giả và là người thụ hưởng nó. Lao động vì con người, chứ không phải con người vì lao động ( x. LE 6 ).

Mỗi người có quyền nhờ lao động mà có được các phương thế để nuôi sống bản thân và những người thân, cũng như phục vụ cộng đồng nhân loại.

**2429**

Mỗi người có *quyền có sáng kiến* trong sinh hoạt kinh tế, sử dụng chính đáng các tài năng của mình để góp phần làm ra nhiều của cải cho mọi người được hưởng, và gạt hái những hiệu quả chính đáng do các nỗ lực của mình. Họ phải đề tâm tuân theo các qui định do chính quyền hợp pháp đề ra vì công ích ( x. CA 32,34 ).

**2430**

*Đời sống kinh tế* liên can đến nhiều quyền lợi khác nhau, thường đối nghịch nhau, nên thường xảy ra các xung đột ( x. LE, 11). Phải cố gắng giải quyết các xung đột bằng thương lượng, dựa trên sự tôn trọng các quyền lợi và bổn phận của mọi thành phần xã hội: ban điều hành các xí nghiệp, đại diện công nhân, thí dụ các tổ chức nghiệp đoàn, và đại diện chính quyền.

**2431 1908 1883**

*Trách nhiệm của Nhà Nước.* "Hoạt động kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường, cần đến những định chế, pháp luật và chính sách. Hoạt động kinh tế phải được bảo đảm bằng tự do cá nhân và quyền tư hữu, ngoài ra phải có hệ thống tiền tệ ổn định và các dịch vụ công cộng hữu hiệu. Nhiệm vụ chính yếu của Nhà Nước là bảo đảm sự an toàn để người lao động có thể hưởng hiệu quả công việc làm của họ và do đó họ sẽ cảm thấy được khuyến khích làm việc cách hiệu quả và lương thiện... Nhà Nước cũng có bổn phận giám sát và hướng dẫn việc thực thi nhân quyền trong lãnh vực kinh tế. Tuy nhiên trong lãnh vực này trách nhiệm đầu tiên không phải của nhà nước nhưng của các cá nhân, các đoàn nhóm khác nhau và các hiệp hội là thành viên của xã hội ( x. CA 48 ).

### 2432 2415

*Những người lãnh đạo xí nghiệp* chịu trách nhiệm trước xã hội về mặt kinh tế và sinh-thái của công việc làm ăn của mình ( x. CA 37 ). Họ quan tâm đến lợi ích của con người chứ không lo gia tăng *lợi nhuận*. Dĩ nhiên, lợi nhuận cần thiết vì giúp thực hiện những đầu tư bảo đảm tương lai của xí nghiệp và bảo đảm công ăn việc làm của công nhân.

### 2433

Mọi người phải được quyền làm việc và chọn nghề, không bị kỳ thị bất công, nam hay nữ, người khỏe mạnh hay tàn tật, người địa phương hay người nơi khác ( x. LE 19,22-23 ). Tùy hoàn cảnh xã hội phải giúp đỡ để các công dân có công ăn việc làm ( x. CA 48 ).

### 2434 1867

Người lao động có quyền hưởng *đồng lương công bằng*. Không trả hoặc giữ tiền lương lại, là một tội bất công nghiêm trọng ( x. Lv 19,13; Đnl 24,14-15; Gcb 5,4 ). Để định giá tiền lương cho công bằng, phải lưu ý đến các nhu cầu và đóng góp của mỗi người. "Tùy theo nhiệm vụ và năng suất của mỗi người, tình trạng của xí nghiệp và công ích, việc làm phải được trả lương sao cho con người có đủ khả năng xây dựng cho mình một đời sống xứng hợp về phương diện vật chất, xã hội, văn hóa và tinh thần" ( x. GS 67,2 ). Về phương diện luân lý, sự thỏa thuận giữa chủ và thợ không đủ để định mức lương.

### 2435

Về mặt luân lý, *đình công* là việc chính đáng, khi đó là một phương thế không tránh được hoặc cần thiết, để đạt được lợi ích tương xứng. Đình công không thể chấp nhận được về mặt luân lý, khi kèm theo bạo động hoặc khi chỉ

được dùng nhằm những mục tiêu không trực tiếp liên hệ đến các điều kiện làm việc hay trái nghịch với công ích.

### **2436**

Không *đóng góp* lệ phí cho những cơ quan an ninh xã hội do chính quyền hợp pháp qui định là điều bất công.

Tình trạng thất nghiệp, đối với nạn nhân, luôn xúc phạm đến phẩm giá của họ và là một đe dọa cho thể quân bình của đời sống. Ngoài sự thiệt hại mà cá nhân người đó phải gánh chịu, thất nghiệp còn đem lại nhiều mối nguy cho gia đình của họ ( x. LE 18 ).

## **V. CÔNG BẰNG VÀ TÌNH LIÊN ĐỐI GIỮA CÁC QUỐC GIA**

### **2437 1938**

Trên bình diện quốc tế, tình trạng các nguồn tài nguyên và các phương tiện kinh tế không được phân bố đồng đều, đến độ gây nên một "hố sâu" giữa các quốc gia ( x. SRS,14 ). Một bên là những quốc gia có được và phát triển các phương tiện tăng trưởng; bên kia là những quốc gia nọ nần chông chát.

### **2438 1911 2315**

Ngày nay, "vấn đề xã hội mang một chiều kích quốc tế" (x. SRS 9), vì nhiều nguyên do khác nhau như tôn giáo, chính trị, kinh tế và tài chánh. Giữa các quốc gia vốn có liên hệ chính trị, cần phải liên đới với nhau. Tình liên đới này lại còn khẩn thiết hơn nữa khi phải loại trừ những "guồng máy kinh tế tàn nhẫn" ngăn chặn quá trình phát triển của các quốc gia yếu kém ( x. SRS 17,45 ). Thay vì các hệ thống kinh tài đầy lạm dụng hoặc bóc lột ( x. CA 35 ), những trao đổi thương mại bất công giữa các quốc gia, chạy đua vũ trang,

chúng ta phải có một cố gắng chung để huy động các nguồn tài nguyên vào những mục tiêu phát triển luân lý, văn hóa và kinh tế "nhờ xác định lại những quyền ưu tiên và các bậc thang giá trị" ( x. CA 28 ).

### 2439

*Các nước giàu* phải có trách nhiệm đối với những quốc gia không có những phương thế phát triển hoặc không phát triển được vì những biến cố lịch sử bi đát. Đây là một bổn phận của tình liên đới và bác ái. Đó cũng là một đòi hỏi của công bình, nếu sự sung túc của các nước giàu là do những tài nguyên của các nước nghèo, nhưng chưa được trả giá đúng mức.

### 2440

*Viện trợ trực tiếp* chỉ là phản ứng nhất thời đáp ứng những nhu cầu trước mắt và đột xuất, chẳng hạn do thiên tai hay dịch tễ. Nhưng viện trợ này không đủ để bù đắp những thiệt hại nặng nề sau tai biến, cũng không thể trường kỳ thỏa mãn các nhu cầu được. Phải *cải tổ các thể chế kinh tế và tài chính quốc tế*, để có thể có được những trao đổi công bằng hơn với các nước chậm phát triển ( x. SRS 16 ). Phải nâng đỡ cố gắng của các nước nghèo đang phấn đấu để phát triển và giải phóng (x.CA 26). Điều này phải được áp dụng đặc biệt trên bình diện nông nghiệp. Nông dân là thành phần nghèo đói đông đảo, nhất là ở thế giới thứ ba.

### 2441 1908

Nền tảng cho mọi *phát triển trọn vẹn xã hội loài người* đòi buộc phải nâng cao cảm thức về Thiên Chúa và nhận thức về mình. Sự phát triển này làm gia tăng gấp bội tài sản vật chất để phục vụ con người và tự do, giảm bớt sự cùng khổ và bóc lột kinh tế, tôn trọng bản sắc văn hóa và khai mở chiều kích siêu việt ( x. SRS 32; CA 51. ).

**2442 899**

Các mục tử của Hội Thánh không có trách nhiệm nhúng tay trực tiếp vào cơ cấu chính trị cũng như việc tổ chức đời sống xã hội. Trách nhiệm này là ơn gọi của *giáo dân*; họ cộng tác với đồng bào theo sáng kiến riêng mình. Có nhiều đường lối cụ thể rộng mở cho việc tham gia chính trị của họ; nhưng phải luôn nhắm tới công ích và thích ứng với sứ điệp Tin Mừng cũng như giáo huấn Hội Thánh. Người tín hữu có bổn phận "tham gia vào lãnh vực trần thế với sự nhiệt tình của người Ki-tô hữu và sống như những người kiến tạo hòa bình và công lý" ( x. SRS 47; SRS 42 ).

2544-2547

## **VI. YÊU THƯƠNG NGƯỜI NGHÈO**

**2443 786 525,544, 853**

Thiên Chúa chúc phúc cho ai giúp đỡ người nghèo và kết án ai lãnh đạm với họ. "Ai xin thì hãy cho; ai muốn vay mượn, thì đừng ngoảnh mặt đi" (Mt 5,42) "Anh em đã được cho không, thì cũng phải cho không như vậy" (Mt 10,8). Đức Giê-su Ki-tô nhận ra kẻ được Người tuyển chọn ( x. Mt 25,31-36 ) qua việc họ đã làm cho người nghèo. Dấu chỉ sự hiện diện của Đức Ki-tô là "kẻ nghèo được nghe Tin Mừng" (Mt 11,5) ( x. Lc 4,18 ).

**2444 1716**

"Hội Thánh vẫn luôn yêu thương người nghèo... Đây là truyền thống ngàn đời của Hội Thánh" ( x. CA 57 ). Hội Thánh đã mức nguồn cảm hứng cho tình yêu này từ Tin Mừng của Bát Phúc (x. Lc 6, 20-22), từ chính sự nghèo khó của Đức Giê-su (x. Mt 8, 20) và từ lòng thương xót của Người đối với kẻ nghèo (x. Mc 12,41-44). Tình yêu đối với người nghèo phải trở thành một trong những động lực thúc đẩy tín hữu hoạt động và "làm ăn, để có gì chia sẻ với người

túng thiếu" (Eph 4,28). Điều này không phải chỉ giới hạn ở sự nghèo khó về vật chất nhưng còn hướng tới nhiều hình thức nghèo đói văn hóa và tôn giáo ( x. CA 57 ).

**2445 2536.**

Tình yêu đối với kẻ nghèo không thể đi đôi với lòng ham muốn giàu sang quá độ cũng như sử dụng của cải quá ích kỷ :

2547

"Giờ đây, hỡi những kẻ giàu có, các người hãy than van rên rỉ về những tai họa sắp đổ xuống trên đầu các người. Tài sản của các người đã hư nát, quần áo của các người đã bị mối ăn. Vàng bạc của các người đã bị rỉ sét; và chính rỉ sét ấy là bằng chứng buộc tội các người; nó sẽ thiêu hủy xác thịt các người như lửa. Các người đã lo tích trữ trong những ngày sau hết này. Các người đã gian lận mà giữ lại tiền lương của những thợ đi cắt lúa trong ruộng của các người. Kia, tiền lương ấy đang kêu lên oán trách các người, và tiếng kêu của những thợ gặt ấy đã thấu đến tại Chúa Tể càn khôn. Trên cõi đời này, các người đã sống xa hoa, đã buông theo khoái lạc, lòng các người đã được no đầy thỏa mãn trong ngày sát hại. Các người đã kết án, đã giết hại người công chính, và họ đã chẳng cưỡng lại các người" (Gcb 5,1-6).

**2446 2402.**

Thánh Gio-an Kim Khẩu nhắc lại trách nhiệm này với những lời khẩn thiết : "Không cho kẻ nghèo được chia sẻ của cải thuộc về họ là ăn cắp và cướp lấy mạng sống của họ. Của cải chúng ta đang nắm giữ, không phải là của chúng ta, nhưng là của họ" (Laz 1,6). "Phải thỏa mãn những đòi hỏi công bình trước đã, kéo những tặng phẩm đem cho, tưởng là

vì bác ái, mà thật ra là vì đức công bằng phải đền trả" ( x. AA 8 ).

"Khi tặng những thứ cần thiết cho người nghèo, chúng ta không làm vì lòng quảng đại cá nhân, nhưng là hoàn trả cho họ những gì thuộc về họ. Qua đó, chúng ta chu toàn một trách nhiệm công bằng hơn là thực hiện một hành vi bác ái" (T. Ghê-gô-ri-ô Cả, 3,21).

#### **2447 1460 1038 1969.**

*Các việc từ thiện* là những hành vi bác ái, qua đó chúng ta giúp đỡ tha nhân những gì cần thiết cho thể xác và tinh thần ( x. Is 58,6-7; Dt 13,3 ). Dạy dỗ, khuyên nhủ, an ủi, khích lệ, cũng như tha thứ, nhân nhượng, chịu đựng là những hành vi bác ái về mặt tinh thần. Công việc từ thiện về mặt vật chất phải kể : cho kẻ đói ăn, cho kẻ vô gia cư tạm trú, cho kẻ rách rưới ăn mặc, thăm viếng bệnh nhân và kẻ tù đày, chôn xác kẻ chết ( x. Mt 25, 31-46 ). Trong các hành vi đó, bổ thí ( x. Tb 4,5-11; Kn 17,22 ) là một trong những chứng cứ chính yếu của tình bác ái huynh đệ; đó cũng là hành động đẹp lòng Thiên Chúa (Mt 6,2-4) :

#### **1004**

"Ai có hai áo, thì chia cho người không có; ai có gì ăn, thì cũng làm như vậy" (Lc 3,11). "Tốt hơn, hãy bổ thí những gì các ngươi có, rồi thì mọi sự sẽ trở nên trong sạch cho các ngươi" (Lc 11,41). "Giả như có người anh em hay chị em không có áo che thân và không đủ của ăn hằng ngày, mà có ai trong anh em lại nói với họ : "Hãy đi bình an, mặc cho ấm và ăn cho no", nhưng lại không cho họ những thứ thân xác họ đang cần, thì nào có ích lợi gì ?" (Gcb 2,15-16; 1 Ga 3,17).

**2448 886 1586.**

*Sự khốn cùng của con người* xuất hiện dưới nhiều hình thức : thiếu thốn vật chất, bất công và đàn áp, bệnh hoạn thể xác và tâm thần, cuối cùng là cái chết. Sự khốn cùng này là dấu chỉ cho thấy con người sau nguyên tội yếu đuối từ bẩm sinh và cần đến ơn cứu độ. Vì thế, Đức Ki-tô đã chạnh lòng thương xót và mang lấy thân phận khốn cùng của con người và tự đồng hóa với "người bé nhỏ trong các anh em". Ngay từ đầu, Hội Thánh )ru ái đặc biệt những người cùng khổ để nâng đỡ, bảo vệ và giải phóng họ, mặc dù vẫn có nhiều phần tử đã không làm như vậy. Hội Thánh đã thực hiện điều này qua vô số công cuộc từ thiện mà thời nào và ở đâu cũng không thể thiếu" (x "Libertatis Conscientia" 68 ).

**2449 1397**

Sách Đệ Nhị Luật khuyến cáo: "Người nghèo không bao giờ vắng bóng trên đất nước. Vì thế, ta truyền cho người: phải mở rộng bàn tay cho người anh em nghèo đói, cùng khổ đang sống trên đất nước của người" (Đnl 15,11). Đáp lại lời khuyến cáo này Cựu Ước đã có những luật như : năm toàn xá, cấm lấy lãi và xiết nợ, nộp thuế thập phân, trả lương công nhật, quyền được mót ở ruộng lúa và vườn nho. Đức Giê-su cũng tuyên bố : "Người nghèo thì anh em luôn có bên cạnh; còn Thầy, anh em không có luôn mãi đâu" (Ga 12,8). Và như vậy, Đức Giê-su không giảm nhẹ lời các ngôn sứ xưa kia : "Chúng dùng tiền để mua người cô thân, mua kẻ nghèo bằng giá một đôi dép" (Am 8,6), nhưng mời gọi chúng ta nhận ra Người trong những kẻ nghèo đói là anh em của Người (Mt 25,40).

786

Khi thánh Rô-sa thành Li-ma bị mẹ trách vì đã đem những kẻ nghèo, những bệnh nhân vào nhà, thánh nữ trả lời : "Khi chúng ta phục vụ người nghèo và người

bệnh là chúng ta phục vụ chính Đức Giê-su. Chúng ta không được lơ là trong việc giúp đỡ tha nhân, vì chúng ta phục vụ Chúa Giê-su trong anh em" (Vita).

## **TÓM LƯỢC**

### **2450**

*"Người chó trộm cắp" (Đnl 5,19). "Những kẻ trộm cắp, tham lam... cướp bóc sẽ không được Nước Thiên Chúa làm cơ nghiệp" (1 Cr 6,10).*

### **2451**

*Điều răn thứ bảy truyền phải thực thi công bằng và bác ái khi quản lý của cải trần thế và thành quả lao động.*

### **2452**

*Thiên Chúa sáng tạo vạn vật cho toàn thể nhân loại. Quyền tư hữu không hủy bỏ quyền chung hưởng những của cải này.*

### **2453**

*Điều răn thứ bảy cấm trộm cắp. Trộm cắp là chiếm đoạt tài sản của kẻ khác nghịch lại ý muốn chính đáng của sở hữu chủ.*

### **2454**

*Mọi hình thức chiếm đoạt hay sử dụng tài sản của kẻ khác cách bất công, đều vi phạm điều răn thứ bảy. Bất công đòi buộc phải đền bù. Công bằng giao hoán buộc phải hoàn trả lại tài sản đã bị chiếm đoạt.*

### **2455**

*Luật luân lý nghiêm cấm mọi hành vi nô lệ hóa con người vì lợi nhuận hay độc tài, hoặc mua bán, trao đổi họ như hàng hóa.*

**2456**

*Đấng Sáng Tạo đã ban cho con người quyền sử dụng tài nguyên khoáng sản, thực vật và động vật trên thế giới. Nhưng họ phải tôn trọng những trách nhiệm luân lý, đối với cả những thế hệ tương lai.*

**2457**

*Thiên Chúa trao cho con người quyền trên các thú vật. Con người phải chăm sóc chúng. Và được sử dụng để đáp ứng những nhu cầu chính đáng của con người.*

**2458**

*Trong lãnh vực kinh tế và xã hội, Hội Thánh có quyền lên tiếng khi những quyền căn bản của con người hay ơn cứu độ đòi buộc. Hội Thánh quan tâm đến công ích thuộc lãnh vực trần thế của loài người, bao lâu công ích này qui hướng vào sự thiện hảo tối cao là cùng đích của chúng ta.*

**2459**

*Con người là tác giả, trung tâm và cứu cánh của toàn bộ đời sống kinh tế và xã hội. Mấu chốt của vấn đề xã hội là làm thế nào để của cải Thiên Chúa sáng tạo cho mọi người hưởng dùng, được đến tận tay mọi người theo lẽ công bằng và tương trợ bác ái.*

**2460**

*Vì con người vừa là tác giả, vừa là mục tiêu của lao động, nên con người là yếu tố quyết định cho giá trị chính yếu của lao động. Qua lao động, con người tham gia vào*

*chương trình sáng tạo của Thiên Chúa. Lao động có thể có giá trị cứu độ, nếu con người biết kết hợp với Đức Ki-tô.*

**2461**

*Phát triển đích thực là phát triển con người toàn vẹn, giúp họ thêm khả năng đáp lại ơn gọi làm người, nghĩa là đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa.*

**2462**

*Bổ thí là bằng chứng của bác ái huynh đệ và là hành vi công bằng đẹp lòng Thiên Chúa.*

**2463**

*Chẳng lẽ chúng ta không nhận ra La-da-rô, người hành khất đói khổ trong dụ ngôn của Đức Giê-su, giữa bao người không com áo, không nhà cửa? Chẳng lẽ chúng ta không nghe được tiếng của Đức Giê-su : "Các người đã không làm cho chính Ta?" (Mt 25, 45).*

## **Mục 8**

### **ĐIỀU RĂN THỨ TÁM**

“Người không được làm chứng gian hại người (Xh 20, 16). Các người còn nghe luật dạy người xưa rằng : "Chớ bội thề, nhưng hãy trọn lời thề đối với Chúa" (Mt 5,33)

**2464**

Điều răn thứ tám cấm xuyên tạc chân lý trong khi giao tiếp với tha nhân. Qui định luân lý này bắt nguồn từ ơn gọi của Dân Thánh làm chứng nhân cho Thiên Chúa của mình, Đấng là chân lý và muốn có chân lý.

Khi nói hoặc làm điều gì xâm phạm đến chân lý, con người từ chối sống ngay thẳng về luân lý. Làm như vậy là bất trung nặng nề với Thiên Chúa và do đó phá hủy nền tảng của Giao Ước.

## I. SỐNG TRONG CHÂN LÝ

### 2465 215

Cụm Ước chứng nhận : *Thiên Chúa là nguồn mạch chân lý*. Lời Người là chân lý (x. Cn 8,7; 2 Sm 7,28 ). Luật Người là chân lý (x. Tv 119, 142). "Lòng tin trung Người tồn tại đến muôn đời" (x. Tv 119, 90; Lc 1, 50). Bởi vì Thiên Chúa là "Đáng Chân Thật" (Rm 3,4), nên mọi thành phần Dân Người được mời gọi sống trong chân lý (x. Lc 1,50).

### 2466 2153

Nơi Đức Giê-su Ki-tô, chân lý của Thiên Chúa được bày tỏ toàn vẹn. Đức Giê-su tràn đầy ân sủng và chân lý (Ga 1,14), là "ánh sáng thế gian"( Ga 8,12), là "sự thật"( x. Tv 119,30). "Ai tin vào Người thì không còn ở trong bóng tối" (Ga 12, 46). Môn đệ của Đức Giê-su"ở trong lời Người", nhờ đó nhận biết "chân lý giải thoát" (Ga 8, 32) và thánh hóa (x. Ga 14,6 ). Bước theo Đức Giê-su là sống nhờ "Thánh Thần chân lý" (Ga 14,17) mà Cha gửi đến nhân danh Người (x. Ga 17,17 ) và Thánh Thần sẽ dẫn đưa đến "chân lý toàn vẹn" (Ga 16,13). Đức Giê-su dạy các môn đệ phải yêu mến chân lý vô điều kiện : Trong lời ăn tiếng nói của anh em, "hễ có thì phải nói có", "không thì phải nói không" (Mt 5, 37).

### 2467 2104

Tự nhiên, con người hướng đến chân lý. Con người biết mình phải tôn trọng và làm chứng cho sự thật : "Vì có phẩm giá, mọi người được thôi thúc và có bổn phận tìm kiếm chân lý, trước tiên là chân lý về tôn giáo. Họ thấy mình phải

tha thiết với sự thật ngay khi nhận biết sự thật và điều chỉnh toàn bộ đời sống theo các đòi hỏi của sự thật" (Ga 14,26).

#### **2468 1458**

Khi chân lý được thể hiện trong hành động và lời nói, chúng ta gọi là chân chính, thành thật hoặc thẳng thắn. Chân lý hoặc chân thật là nhân đức giúp con người thành thật trong các hành vi và lời nói, không gian dối, giả vờ, đạo đức giả.

#### **2469 1807**

"Người ta sẽ không thể sống chung với nhau được nếu không *tín nhiệm nhau*, nghĩa là nếu không cho nhau biết sự thật" ( x. DH 2 ). Đức tính chân thật đòi chúng ta cho người khác biết sự thật họ có quyền biết. Người chân thật vừa lương thiện, vừa cẩn mật : nói điều phải nói và giữ kín điều phải giữ kín. Theo đức công bình, "người ta phải sống thành thật với nhau" (T. Tô-ma A-qui-nô, s. th 2-2, 109,3 ).

#### **2470**

Người môn đệ Đức Ki-tô chấp nhận "sống trong chân lý", nghĩa là sống đơn sơ và thành thật theo gương mẫu của Chúa. "Nếu chúng ta nói là chúng ta được hiệp thông với Người, mà lại sống trong tối tăm, thì chúng ta nói dối, và không hành động theo sự thật" (1Ga 1,6).

## **II. " LÀM CHỨNG CHO CHÂN LÝ"**

#### **2471 1816**

Trước mặt Phi-la-tô, Đức Ki-tô tuyên bố : "Tôi đã đến thế gian là để làm chứng cho sự thật" (Ga 18, 37). Người Ki-tô hữu ), "đừng hổ thẹn vì phải làm chứng cho Chúa" (2Tm 1,8). Trong những hoàn cảnh cần phải làm chứng cho đức tin, người Ki-tô hữu phải tuyên xưng không úp mở, theo gương thánh Phao-lô trước mặt các thẩm phán. Người Ki-tô

hữu phải cố gắng để "luong tâm không có gì đáng chê trách trước mặt Thiên Chúa và người ta" (Cv 24,16).

#### **2472 863, 905**

Bổn phận tham gia vào đời sống của Hội thánh, thúc đẩy người Ki-tô hữu hành động như *những chứng nhân của Tin Mừng* và chu toàn những trách vụ phát xuất từ bổn phận ấy. Làm chứng nhân là truyền đạt đức tin bằng lời nói và việc làm. Làm chứng cho đức tin là một việc làm chính đáng để khẳng định hoặc làm cho kẻ khác nhận biết chân lý (x. Mt 18,16):

“Mọi Ki-tô hữu dù sống ở đâu, đều phải lấy gương mẫu đời sống và chứng từ lời nói để biểu dương con người mới mà họ đã mặc lấy nhờ bí tích Thánh Tẩy, và sức mạnh của Chúa Thánh Thần mà họ đã được củng cố nhờ bí tích Thêm Sức" ( x. AG 11 ).

#### **2473 852 1808 1258**

*Tử đạo* là chết để làm chứng cho chân lý đức tin, nên là lời chứng cao quý nhất. Sống kết hợp với Đức Ki-tô, khi chịu chết, vị tử đạo làm chứng cho Đấng đã chết và đã sống lại. Những vị tử đạo làm chứng cho chân lý đức tin và đạo lý Ki-tô giáo bằng cái chết anh hùng. "Hãy để tôi trở nên mồi ngon cho ác thú. Chính nhờ chúng mà tôi sẽ được về với Thiên Chúa" (T. Inhaxiô thành Antiôkia, Rom. 4,1 ).

#### **2474**

Hội Thánh hết sức cẩn thận thu thập kỷ niệm về những người đã đi đến tận cùng để làm chứng cho đức tin. Truyện các vị tử đạo là văn khố của Chân Lý được viết bằng máu :

"Những quyền rũ của thế gian và các vương quốc thế trần sẽ chẳng ích gì cho tôi. Đối với tôi, chết (để được kết hợp) với Đức Ki-tô Giê-su, còn hơn được thống trị cả mặt đất này. Chính Người là Đấng tôi tìm kiếm, Đấng đã chết cho chúng ta. Chính Người là Đấng tôi khao khát, Đấng đã sống lại vì chúng ta. Giờ phút tôi chào đời đã gần kề (T. Inhaxiô thành Antiôkia, Rom 6,1-2).

"Con chúc tụng Chúa vì Chúa cho con được hưởng ngày này và giờ này, được kể vào số các vị tử đạo của Chúa... Lạy Thiên Chúa trung tín và chân thật, Chúa đã giữ lời Chúa hứa. Vì ân huệ này và vì tất cả mọi sự, con ngợi khen Chúa, con chúc tụng Chúa, con tôn vinh Chúa nhờ vị Thượng Tế vĩnh hằng trên trời là Đức Giê-su Ki-tô, Con rất yêu dấu của Chúa. Nhờ Người, Đấng luôn ở với Cha và Chúa Thánh Thần, con xin tôn vinh Cha bây giờ và cho đến muôn muôn đời A-men (T. Pôlycapô, mart. 14, 2-3) ".

### III. NHỮNG XÚC PHẠM ĐẾN CHÂN LÝ

#### 2475

Là môn đệ của Đức Ki-tô, chúng ta đã "mặc lấy con người mới, là con người sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để sống thật sự công chính và thánh thiện" (Ep 4, 24). Một khi đã cởi bỏ sự gian dối (Ep 4, 25) chúng ta phải "từ bỏ mọi thứ gian ác, mọi điều xảo trá, giả hình và ghen tương cùng mọi lời nói gièm pha" (1 Pr 2,1).

#### 2476 2152

*Chứng dối và thế gian.* Công khai nói nghịch với sự thật là một lỗi nặng. Trước tòa án, lời nói như thế là chứng

dối ( x. Pr 19,9 ). Khi nói dối mà còn thề, thì đó là thề gian. Chứng dối và thề gian sẽ dẫn đến một người vô tội bị kết án hoặc can phạm được gỡ tội hoặc gia tăng hình phạt cho bị cáo (x. Pr 18, 5), làm cho các thẩm phán đi đến những phán quyết lệch lạc.

### **2477**

*Vì phải tôn trọng thanh danh của người khác*, chúng ta không được có thái độ và lời nói có thể gây hại cho họ ( x. CIC can.220). Chúng ta có lỗi khi :

- Phán đoán hồ đồ, nghĩa là khi không có đủ cơ sở mà mình nhiên hoặc mặc nhiên cho rằng một người có lỗi về luân lý;

- Nói xấu nghĩa là khi không có lý do khách quan chính đáng mà lại tiết lộ những tật xấu và những lỗi lầm của kẻ khác cho những người chưa biết ( x. Kn 21,28 );

- Vu khống tức là khi dùng những lời ngược với sự thật mà làm hại thanh danh kẻ khác và tạo cơ cho người ta phán đoán sai lầm về người ấy.

### **2478**

Để tránh phán đoán hồ đồ, chúng ta phải cố gắng cắt nghĩa tốt cho ý nghĩ, lời nói và việc làm của tha nhân :

“Mọi Ki-tô hữu tốt phải sẵn sàng bào chữa cho người khác hơn là lên án. Nếu không bào chữa được, thì phải hỏi xem người ấy có ý nói gì, nếu người ấy nói sai, thì hãy lấy tình thương mà sửa chữa; và nếu chưa đủ thì tìm mọi phương thể thích hợp để giúp người ấy hiểu được và thoát được sai lầm (T.I-nhã Linh Thao, 22).

### **2479 1753**

Nói xấu và vu khống làm mất *thanh danh và danh dự* của người khác. Danh dự là bằng chứng xã hội tôn trọng phẩm giá con người, và mọi người tự nhiên có quyền được tôn trọng thanh danh. Do đó, nói xấu và vu khống là phạm đến công bình và bác ái.

2480

Phải loại trừ mọi lời nói hoặc thái độ như nịnh hót, a dua, tâng bốc hoặc lấy lòng để thúc đẩy kẻ khác làm điều xấu và ăn ở đồi bại. Tâng bốc là một lỗi nặng nếu đồng lõa với các thói xấu hoặc các tội nặng. Ý muốn giúp đỡ hoặc tình bạn không biện minh được cho lời nói giả dối. Tâng bốc là một tội nhẹ khi chỉ vì muốn làm vui lòng người khác, tránh một điều xấu, thoát khỏi một tình thế khó khăn hay để đạt được những lợi ích chính đáng.

2481

*Khoe khoang* hoặc khoác lác là một lỗi nghịch với sự thật. Mía mai cũng là tội khi có ý *châm biếm* một cách cư xử nào đó của người khác để hạ giá họ.

2482 392

"*Nói dối* là nói sai sự thật, với ý định đánh lừa kẻ khác"(T.Âu-tinh, mend.4,5 ). Chúa Giê-su kết án nói dối như một công việc của ma quỷ "Cha các ngươi là ma quỷ ... vì sự thật không ở trong nó. Khi nói dối là nó nói theo bản tính của nó, vì nó là kẻ nói dối và là cha sự gian dối" (Ga 8,44).

2483

Khi nói dối người ta trực tiếp xúc phạm đến chân lý. Nói dối là nói hay hành động nghịch với chân lý để lừa gạt. Nói dối làm hại đến tương quan giữa con người với chân lý và con người với nhau, nên kẻ nói dối xúc phạm đến tương

quan nguyên thủy giữa con người và lời nói của con người với Chúa.

**2484 1750**

Tội nói dối nặng hay nhẹ tùy theo mức độ làm sai lạc chân lý, tùy theo các hoàn cảnh và ý định của kẻ nói dối, tùy theo những thiệt hại mà nạn nhân của nó phải hứng chịu. Ngay cả khi nói dối chỉ là tội nhẹ, cũng trở thành tội trọng nếu vi phạm nặng nề đến công bình và bác ái.

**2485 1756**

Tội nói dối bao giờ cũng là điều phải lên án, vì làm mất giá trị lời nói trong khi lời nói có nhiệm vụ truyền thông cho kẻ khác chân lý mình đã biết. Lời nói cố ý lừa gạt kẻ khác, là lỗi phạm đến công bằng và bác ái. Tội này càng nặng hơn khi có nguy cơ gây ra những hậu quả tai hại cho người bị lừa gạt.

**2486 1607**

Nói dối vì xúc phạm đến đức tính chân thật, thực sự là một hành vi thô bạo đối với kẻ khác, xâm phạm đến khả năng nhận thức là điều kiện để họ phán đoán và quyết định. Nói dối gây chia rẽ giữa người với người và mọi tệ hại do chia rẽ mà ra. Nói dối là tai họa cho mọi xã hội, làm cho người ta không còn tin tưởng nhau và phá hoại những mối tương giao trong xã hội.

**2487 1459 2412**

Ai lỗi phạm đến công bình và chân lý, đều *phải đền bù*, dù đã được thứ tha. Khi không thể đền bù cách công khai, thì phải làm kín đáo; nếu không thể đền bù cách trực tiếp cho người bị hại, thì phải đền bù về tinh thần vì đức bác ái. Ai lỗi phạm đến thanh danh kẻ khác, cũng phải đền bù như thế.

Phải đền bù tinh thần và đôi khi về mặt vật chất, tương xứng với thiệt hại đã gây ra. Đây là nghĩa vụ lương tâm.

#### **IV. TÔN TRỌNG CHÂN LÝ**

##### **2488 1740**

Con người có *quyền được thông truyền chân lý* nhưng không phải vô điều kiện. Ai cũng phải sống phù hợp với luật bác ái huynh đệ của Tin Mừng. Vì thế, trong những hoàn cảnh cụ thể, giới luật này đòi hỏi mỗi người phải suy xét xem có nên hay không nên tỏ bày sự thật theo yêu cầu.

##### **2489 2284**

Vừa phải giữ đức ái huynh đệ vừa phải tôn trọng chân lý, nên chúng ta phải thận trọng trước *những yêu cầu trình bày sự thật*. Vì lợi ích và an toàn của tha nhân, vì tôn trọng đời tư và công ích, chúng ta có thể giữ bí mật hay nói tránh đi. Bản phận tránh gây gương xấu buộc chúng ta phải hết sức thận trọng. Không ai bị bắt buộc phải nói sự thật cho người không có quyền được biết ( x. Hc 27,16; Pr 25,9-10 ).

##### **2490 1467**

*Bí mật toà giải tội* là thánh thiêng và không được tiết lộ vì bất kỳ lý do nào. "Bí mật toà giải tội là bất khả vi phạm; do đó tuyệt đối cấm linh mục giải tội tiết lộ về hối nhân bất cứ điều gì, bằng lời nói hoặc một cách nào khác, và vì bất cứ lý do gì ( x. CIC, can 983,1 )".

##### **2491**

*Những bí mật nghề nghiệp* - ví dụ của các nhà chính trị, quân nhân, y sĩ, luật gia - hoặc chuyên tâm sự được yêu cầu giữ kín, phải được giữ bí mật trừ trường hợp ngoại lệ nếu việc giữ bí mật sẽ gây ra cho người đã nói ra, hoặc cho người đã tiếp nhận hoặc cho một đệ tam nhân, những thiệt hại nặng

nề và chỉ có thể tránh được khi nói sự thật. Dù không buộc phải giữ kín, không được tiết lộ những chuyện riêng tư có thể gây tổn hại cho tha nhân, trừ khi có lý do hệ trọng và tương xứng.

#### **2492 2522**

Chúng ta phải tôn trọng bí mật đời tư của người khác. Ai có trách nhiệm về các phương tiện thông tin khi phục vụ công ích vẫn phải tôn trọng cách tương xứng các quyền lợi của cá nhân. Phải lên án việc ngành thông tin xen vào đời tư của những người hoạt động chính trị hoặc được công chúng biết đến, nếu xâm phạm đến cuộc sống riêng tư và sự tự do của họ.

### **V. SỬ DỤNG NHỮNG PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG XÃ HỘI**

#### **2493**

Trong xã hội hiện đại, các phương tiện truyền thông xã hội giữ một vai trò quan trọng trong lãnh vực thông tin, phát huy văn hóa và đào tạo con người. Vai trò này lớn dần theo các tiến bộ kỹ thuật theo lượng thông tin phong phú và đa dạng cũng như theo ảnh hưởng trên công luận.

#### **2494 1906**

Các phương tiện truyền thông phải phục vụ công ích ( x. IM 11 ). Xã hội có quyền được biết những tin tức phổ biến dựa trên sự thật và tự do, công bằng và tình liên đới.

"Việc thực thi đúng đắn quyền này đòi việc truyền thông phải luôn xác thực khi trình bày nội dung và phải đầy đủ mà vẫn giữ được công bình và bác ái; ngoài ra, cách thức truyền thông cũng phải lương thiện và thích hợp, nghĩa là cả trong việc săn tin và

loan tin, tuyệt đối phải tuân giữ các luật luân lý, các quyền lợi chính đáng và phẩm giá của con người" (IM 5).

**2495 906**

"Mọi thành phần của xã hội cần phải chu toàn bổn phận công bình và bác ái của mình, ngay cả trong lãnh vực này; do đó, họ phải sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để cố gắng tạo ra và truyền bá những dư luận lành mạnh" ( x. IM 8 ). Tình liên đới phải là thành quả của một nền thông tin chân thật và công bình, và của việc tự do trao đổi ý kiến, nhờ đó người ta hiểu biết và tôn trọng nhau hơn.

**2496 2525**

Những phương tiện truyền thông xã hội (đặc biệt những phương tiện thông tin đại chúng) có thể làm cho những người tiếp nhận trở nên thụ động, thiếu cảnh giác đối với nội dung và hình ảnh được phổ biến. Bởi vậy, những người tiếp nhận phải giữ điều độ và kỷ luật đối với những nguồn thông tin đại chúng. Họ phải tạo cho mình một lương tâm sáng suốt và ngay thẳng, để có thể chống lại những ảnh hưởng thiếu lương thiện.

**2497**

Vì bổn phận nghề nghiệp, những người có trách nhiệm thông tin, khi phổ biến tin tức phải phục vụ chân lý nhưng không được lỗi phạm đức bác ái. Họ cũng phải để tâm vừa tôn trọng bản chất các sự kiện vừa tôn trọng những giới hạn khi phê bình người khác. Không bao giờ được bôi nhọ người khác.

**2498 2237 2286**

"Vì công ích, chính quyền có trách nhiệm đặc biệt đối với những phương tiện truyền thông. Chính quyền phải bênh

vực và bảo vệ sự tự do đích thực và đúng đắn trong việc thông tin ( x. IM 12 ). "Bằng cách ban hành luật lệ và thi hành nghiêm chỉnh, chính quyền phải bảo đảm rằng các phương tiện truyền thông không bị lạm dụng để gây thiệt hại nặng nề cho thuần phong mỹ tục và cho những tiền bộ của xã hội ( x. IM 12 ). Chính quyền phải trừng phạt kẻ vi phạm thanh danh và bí mật đời tư của người khác. Chính quyền phải thông báo kịp thời và đúng đắn những thông tin liên hệ đến lợi ích của đại chúng hoặc giải đáp những bận tâm chính đáng của dân chúng. Không gì có thể biện minh cho việc dùng những phương tiện truyền thông đưa ra những thông tin sai lạc để lèo lái dư luận; làm như vậy là xâm phạm đến tự do của cá nhân và các nhóm.

#### **2499 1903**

Luân lý kết án các nhà nước độc tài xuyên tạc chân lý một cách có hệ thống, dùng các phương tiện truyền thông để khống chế dư luận về chính trị, "giật dây" những bị cáo và nhân chứng trong các vụ án công khai, tưởng rằng có thể củng cố ách chuyên chế bằng cách ngăn chặn và đàn áp những người "bất đồng quan điểm".

## **VI. CHÂN LÝ, THẨM MỸ VÀ NGHỆ THUẬT THÁNH**

#### **2500 1864 341 2189**

Khi làm điều thiện, con người có được niềm vui tinh thần và nét đẹp luân lý. Cũng thế, chân lý đem lại niềm vui và cái đẹp tinh thần. Chân lý tự mình đã đẹp. Lời nói chân thật là cách diễn tả theo lý trí của nhận thức về thực tại được Thiên Chúa sáng tạo cũng như về chính Thiên Chúa; sự chân thật này rất cần thiết cho con người có lý trí. Con người diễn tả chân lý bằng nhiều hình thức khác nhau, bổ túc cho nhau, nhất là khi phải nói lên điều không thể diễn tả bằng lời : những gì sâu thẳm của lòng người, những tâm tình siêu vượt

của linh hồn và mầu nhiệm Thiên Chúa. Trước khi tự mặc khải cho con người bằng lời chân lý, Thiên Chúa đã tỏ mình qua ngôn ngữ phổ quát của công trình sáng tạo lao động, tác phẩm của Lời và Đức Khôn Ngoan của Người, qua trật tự và sự hài hòa của vũ trụ mà cả trẻ thơ lẫn nhà khoa học đều khám phá được (Kn 13,5) "vì các thụ tạo càng lớn lao đẹp đẽ thì càng giúp ta nhận ra Đấng Tạo Thành" (Kn 13, 3).

"Vi chính Đấng Sáng Tạo mọi loài là tác giả của muôn vẻ đẹp" (Kn 13,3). Đức Khôn Ngoan tỏa ra từ quyền năng Thiên Chúa và rục lên trong ngần từ vinh hiển Đấng Toàn Năng, nên không thể vương một tí ố. Đức Khôn Ngoan phản chiếu Ánh Sáng vĩnh cửu, là tấm gương trong phản ánh hoạt động của Thiên Chúa, là hình ảnh lòng nhân hậu của Người" (Kn 7,25-26). "Đức Khôn Ngoan rục rỡ hơn mặt trời, trỗi vượt muôn tinh tú, so với Đức Khôn Ngoan, ánh sáng còn kém xa, bởi trước màn đêm, ánh sáng đành phải lui bước, còn Đức Khôn Ngoan, chẳng gian tà nào thắng nổi"(Kn 7,29-30). "Vẻ đẹp của Đức Khôn Ngoan làm tôi say đắm" ( Kn 8,2).

## **2501 339**

"Được tạo dựng giống hình ảnh Thiên Chúa" (St 1, 26), con người diễn tả chân lý về tương quan của mình với Thiên Chúa Sáng Tạo bằng vẻ đẹp của các tác phẩm nghệ thuật. *Nghệ thuật* là một hình thức diễn tả đặc trưng của con người, vượt lên trên nhu cầu kiếm sống mà con người có chung với các sinh vật khác. Nghệ thuật là sự tràn đầy thoải mái của những nội tâm phong phú, phát sinh từ một tài năng được Đấng Sáng Tạo phú ban, và từ cố gắng của chính con người. Nghệ thuật là một dạng thức khôn ngoan thực tiễn, kết hợp trí thức với kỹ năng (Kn 7, 17) để tạo dáng cho chân lý của một thực tại, bằng ngôn ngữ phù hợp với giác quan.

Nghệ thuật có phần giống như hoạt động của Thiên Chúa trong công trình sáng tạo, bao lâu được khởi hứng từ sự thật về vạn vật và tình yêu đối với chúng. Như mọi hoạt động khác của con người, nghệ thuật không tìm cứu cánh tuyệt đối nơi chính mình, nhưng được định hướng và trở nên cao quý nhờ cùng đích của con người (Piô XII, diễn văn ngày 25-12-1955 và 3-9-1950 ).

### **2502 1156-1162**

*Nghệ thuật thánh* sẽ chân thật và đẹp đẽ, khi hình dạng thích ứng với chủ đích : đó là nhắc nhở chúng ta dùng đức tin và tâm tình thờ phượng để tôn vinh Thiên Chúa siêu việt, Đấng Tuyệt Mỹ vô hình vì là chân lý và tình yêu, đã xuất hiện trong Đức Ki-tô, "Người là phản ánh về huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa" (Dt 1,3), "Nơi Người tất cả sự viên mãn của thần tính hiện diện cách cụ thể" (Cl 2, 9). Về đẹp thần linh đã được phản chiếu nơi Đức Trinh Nữ Mẹ Thiên Chúa, nơi các thiên thần và các thánh. Nghệ thuật thánh đích thực đưa con người đến tâm tình thờ phượng, cầu nguyện và yêu mến Thiên Chúa là Đấng Sáng Tạo và Cứu Chuộc, Đấng Thánh Thiện và Thánh Hóa con người.

### **2503**

Vì thế, chính các giám mục, hoặc qua các đại diện, phải lưu tâm cổ võ nghệ thuật thánh, dưới mọi dạng thức cổ truyền cũng như hiện đại, thận trọng, loại trừ khỏi phụng vụ và những nơi thờ phượng những gì không thích hợp với chân lý đức tin và cái đẹp đích thực của nghệ thuật thánh (x.SC 122-127 ).

## **TÓM LƯỢC**

**2504**

*"Người không được làm chứng gian hại người" (Xh 20,16). Các môn đệ của Đức Ki-tô phải "mặc lấy con người mới là con người được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để sống thật sự công chính và thánh thiện" (Ep 4,24)*

**2505**

*Chân lý hoặc chân thật là nhân đức giúp con người thành thật trong hành vi và lời nói, không gian dối, giả vờ và đạo đức giả.*

**2506**

*Người Ki-tô hữu đừng hổ thẹn vì phải làm chứng cho Chúa (2Tm 1,8) bằng lời nói cũng như việc làm. Tử đạo là lời chứng cao quý nhất về chân lý đức tin.*

**2507**

*Vì phải tôn trọng thanh danh và danh dự của người khác, chúng ta không được nói xấu hay vu khống ai bằng thái độ hay bằng lời nói.*

**2508**

*Nói dối là nói sai sự thật với ý định đánh lừa .*

**2509**

*Ai lỗi phạm đến chân lý thì buộc phải đền bù.*

**2510**

*"Khuôn vàng thước ngọc" giúp chúng ta nhận định trong những trường hợp cụ thể xem có nên hay không nên tiết lộ sự thật cho người muốn biết.*

**2511**

*"Bí mật tòa giải tội là bất khả vi phạm" ( x. CIC, can. 983, 1 ). Các bí mật nghề nghiệp phải được giữ kín. Không được tiết lộ những chuyện tâm sự có thể gây hại cho người khác.*

**2512**

*Xã hội có quyền được biết những tin tức phổ biến dựa trên chân lý, tự do và công bằng. Khi sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, những người tiếp nhận phải biết giữ điều độ và kỷ luật.*

**2513**

*"Mỹ thuật và nhất là nghệ thuật thánh, tự bản tính, nhằm diễn tả một cách nào đó, vẻ đẹp vô biên của Thiên Chúa qua những tác phẩm nhân loại; nghệ thuật này càng làm cho Thiên Chúa được ca tụng và tôn vinh hơn, một khi những tác phẩm đó không nhằm chủ đích nào khác ngoài sự tích cực góp phần hướng tâm trí con người sốt sắng về cùng Chúa" (x .SC 122 ).*

## **Mục 9**

### **ĐIỀU RĂN THỨ CHÍN**

"Người không được ham muốn nhà người ta. Người không được ham muốn vợ người ta, tôi nam tó nữ, con bò, con lừa hay bất cứ vật gì của người ta" (Xh 20,17)

"Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi" (Mt 5,28).

## 2514 377,400

Thánh Gio-an phân biệt ba loại thèm muốn hoặc dục vọng : thèm muốn của xác thịt, thèm muốn của con mắt, và lối sống kiêu kỳ ( x. 1 Ga 2,16 ). Theo truyền thống huấn giáo công giáo, điều răn thứ chín cấm chiều theo các dục vọng của xác thịt, điều răn thứ mười cấm thèm muốn của cái kẻ khác.

## 2515 405

Theo nguyên ngữ, "dục vọng" có thể chỉ mọi hình thức thèm muốn mãnh liệt của con người. Thần học Ki-tô giáo dùng từ này với ý nghĩa đặc biệt là con ham muốn của giác quan đi ngược với lý trí. Thánh tông đồ Phao-lô đồng hóa nó với sự nổi loạn của "xác thịt" chống lại "tinh thần" ( x. Gl 5,16; 17,24; Ep 2,3 ). Dục vọng là hậu quả của tội đầu tiên, khi con người không vâng phục Thiên Chúa. Dục vọng làm hỗn loạn các năng lực luân lý con người. Dục vọng tự nó không phải là một tội, nhưng nó hướng con người đến chỗ phạm tội ( x. Công đồng Tren-tô: DS 1515 ).

## 2516 362 407

Con người là một *tổng hợp gồm tinh thần và thể xác*, nên trong con người đã sẵn có một sự căng thẳng nào đó, một cuộc chiến đấu giữa các khuynh hướng của "tinh thần" và của "xác thịt". Nhưng thật ra, cuộc chiến đó là di sản của tội lỗi, vừa là hậu quả vừa là một bằng chứng của tội. Đây là kinh nghiệm hằng ngày của chúng ta về cuộc chiến thiêng liêng :

"Đối với thánh Tông Đồ, vấn đề không phải là khinh thường hay kết án thân xác, vì cùng với linh hồn thiêng liêng, thân xác tạo nên bản tính của con người và nhân cách của mỗi người. Trái lại thánh Tông Đồ nói đến những công việc, hay nói đúng hơn, về những

khuyh hướng ổn định *tốt hoặc xấu về mặt luân lý* là nhân đức hay thói xấu - đây là kết quả của *sự từng phục* (trong trường hợp thứ nhất) hoặc *trái lại của sự chống đối* (trong trường hợp thứ hai) *tác động cứu độ của Chúa Thánh Thần*. Vì thế, ngài viết : "Nếu chúng ta sống nhờ Chúa Thánh Thần thì hãy để Chúa Thánh Thần hướng dẫn đời ta" (Gl 5,25) (FGio-an Phao-lô II, DeV 55 ).

## I. THANH LUYỆN TÂM HỒN

### 2517 368 1809

Tâm hồn là trung tâm của nhân cách luân lý : "Từ trong lòng phát xuất những ý định gian tà, những tội giết người, ngoại tình và tà dâm" (Mt 15,19). Muốn chiến đấu chống lại nhục dục chúng ta phải thanh luyện tâm hồn và sống tiết độ :

“Hãy sống đơn sơ, trong trắng bạn sẽ nên như trẻ thơ không biết đến điều ác đang hủy hoại cuộc sống con người” (Hermas, mand.2,1).

### 2518 94

Trong mỗi phúc thứ sáu, Đức Giê-su dạy : "Phúc thay ai có lòng trong sạch ngay thẳng vì họ sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa" (Mt 5,8). Những người có "lòng trong sạch ngay thẳng là những người biết dùng trí khôn và ý chí để sống thánh thiện như Thiên Chúa đòi hỏi, đặc biệt trong ba lãnh vực : sống bác ái ( x. 1 Tm.4,3 - 9; 2 Tm 2,22 ), sống khiết tịnh nghĩa là sử dụng tính dục cách ngay chính ( x. 1 Th 4,7; Cl 3,5; Ep 4,19 ), yêu mến chân lý và giữ đức tin chính truyền ( x. Tt 1,15; 1Tm 1,3-4 ; 2Tm 2,23-26 ). Sự tinh tuyền trong tâm hồn, trong thân xác, và trong đức tin gắn liền với nhau.

"Người tín hữu phải tin các điều trong kinh Tin Kính; để nhờ tin, họ vâng phục Thiên Chúa; nhờ vâng phục, họ sống tốt lành; nhờ sống tốt lành, họ thanh luyện tâm hồn và nhờ thanh luyện tâm hồn họ hiểu điều mình tin" (T. Âu-tinh ,fid et symb. 10,25).

### **2519 2548 2819 2501**

Thiên Chúa cho những người có "lòng trong sạch ngay thẳng" được ngắm nhìn Thiên Chúa tận mắt và trở nên giống Người ( x. 1Cr 13,12; 1Ga 3,2 ). Sự trong sạch của tâm lòng là điều kiện tiên quyết để được ) thấy Thiên Chúa. Ngay từ bây giờ, người có lòng trong sạch biết nhìn mọi sự ) theo cái nhìn của Thiên Chúa, biết đón nhận tha nhân như người "thân cận", biết nhận ra thân xác của mình cũng như của người khác, là đền thờ của Chúa Thánh Thần, là phản ánh của Thiên Chúa tuyệt mỹ.

## **II. CHIẾN ĐẤU ĐỂ SỐNG TRONG SẠCH**

### **2520 1264**

Bí tích Thánh Tẩy thanh luyện chúng ta khỏi mọi tội lỗi. Nhưng người tín hữu còn phải tiếp tục chiến đấu chống lại nhục dục và những thèm muốn bất chính. Với ân sủng của Chúa, họ sẽ chiến thắng :

### **2337**

- Nhờ *nhân đức và ơn khiết tịnh*, vì đức khiết tịnh giúp họ biết yêu thương với tấm lòng ngay thẳng và không san sẻ.

*1752* - Nhờ *ý hướng trong sạch* luôn nhắm đến cứu cánh đích thực của con người : nghĩa là, với cái nhìn đơn sơ, họ lo tìm kiếm

1762

- Nhờ cái nhìn trong sáng, bên ngoài và trong lòng, nhờ kiểm soát được tình cảm và trí tưởng tượng, nhờ khước từ mọi vui thú trong những tư tưởng dâm ô lôi kéo ta lìa xa các giới răn của Chúa : "Thấy điều xấu, kẻ ngu si động lòng ham muốn"(Kn 15,5):

2846

- Nhờ kinh nguyện :

"Con cứ tưởng: tự sức mình có thể sống tiết dục được (...) nhưng thực ra con đâu có sức. Con khờ dại nên không biết rằng nếu Chúa không ban ơn, không sống tiết dục được. Con chắc chắn Chúa sẽ ban, nếu con tha thiết kêu cầu và vững tin phó thác nơi Chúa (T. Âu-tinh. tự thuật 6,11,20)".

2521

Người có tâm hồn trong sạch biết giữ ) nét na. Đây là một thành phần của đức tiết độ. Người nét na biết giữ gìn những gì thâm kín của con người, không phơi bày những gì phải giữ kín. Nét na hướng về đức khiết tịnh và diễn tả nét tinh tế của khiết tịnh. Người nét na biết giữ cái nhìn và cử chỉ hợp với phẩm giá của con người và của những tương giao giữa con người với nhau.

2522 2492

Sống nét na, chúng ta bảo vệ được điều huyền nhiệm về con người và tình yêu. Người nét na biết nhẫn nại và điều độ trong quan hệ yêu đương, lo thực hiện đầy đủ các điều kiện của sự dâng hiến và dần thân vĩnh viễn giữa người nam và người nữ. Nét na chính là đoan trang. Người nét na cẩn thận trong cách ăn mặc, biết im lặng hay dè dặt tránh những tò mò thiêu lạnh mạnh. Người nét na cũng là người kín đáo.

### 2523 2354

Chúng ta phải giữ nét na trong tình cảm cũng như thể xác. Chẳng hạn người nét na chống lại việc phơi bày thân xác con người để thỏa mãn thị dục trong quảng cáo, hoặc chống lại việc khai thác bí mật đời tư trên phương tiện truyền thông. Người nét na không chạy theo những quyền rũ của thời trang và các trào lưu tư tưởng thời thượng.

### 2524

Cách thức giữ nét na thay đổi theo từng nền văn hóa. Tuy nhiên bất cứ ở đâu, nét na vẫn là một linh cảm về phẩm giá thiêng liêng đặc thù của con người. Nét na phát sinh từ ý thức của con người về phẩm giá của mình. Dạy cho trẻ em và thiếu niên nam nữ biết giữ nét na là khơi dậy ý thức tôn trọng nhân phẩm.

### 2525 2344

Đức thanh sạch ki-tô giáo đòi chúng ta góp phần *thanh luyện bầu khí xã hội*, phải tôn trọng con người và thận trọng khi sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội. Người có tâm hồn trong sạch được giải thoát khỏi tệ nạn dâm ô đang lan tràn và tránh xa những màn trình diễn nhằm thỏa mãn thị dục và trí tưởng tượng không lành mạnh.

### 2526 1740

Chủ trương sống phóng túng phát xuất từ quan niệm sai lạc về tự do. Muốn có tự do đích thực, điều tiên quyết là con người phải được giáo dục; phải dạy cho người trẻ biết tôn trọng sự thật, các đức tính, phẩm giá luân lý và thiêng liêng của con người.

### 2527 1204

"Tin Mừng của Đức Ki-tô không ngừng đổi mới cuộc sống và văn hóa của con người đã sa ngã, chống lại và khử trừ những sai lầm và tai họa do sức quyến rũ thường xuyên của tội lỗi luôn luôn đe dọa. Tin Mừng không ngừng thanh luyện và nâng cao phong hóa các dân tộc. Những đức tính của mọi thời như được Tin Mừng làm cho phong phú từ bên trong, được củng cố, bổ túc và tái tạo trong Đức Ki-tô nhờ những ân huệ bởi Trời" (GS 58,4).

## **TÓM LƯỢC**

**2528**

*"Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi"(Mt 5,28).*

**2529**

*Điều răn thứ chín dạy chúng ta đừng chiều theo những ham muốn xác thịt hay nhục dục.*

**2530**

*Muốn chiến đấu chống lại nhục dục, chúng ta phải thanh luyện tâm hồn và sống tiết độ.*

**2531**

*Người có "lòng trong sạch ngay thẳng" sẽ được ngắm nhìn Thiên Chúa, ngay từ bây giờ, họ biết nhìn mọi sự theo cái nhìn của Thiên Chúa.*

**2532**

*Để thanh luyện tâm hồn, chúng ta phải cầu nguyện, sống khiết tịnh, có ý hướng và cái nhìn trong sáng.*

**2533**

*Người có tâm hồn trong sạch, biết giữ nét na, nghĩa là nhẫn nại, đoan trang và kín đáo. Người nét na biết giữ kín những điều thầm kín của mình và của người khác.*

## Mục 10

### ĐIỀU RĂN THỨ MƯỜI

"Người không được ham muốn ... bất cứ vật gì của người ta" (Xh 20,17). "Người không được ước ao nhà cửa, đồng ruộng tới tớ nam nữ, con bò, con lừa, hay bất cứ vật gì của người ta" (Đnl 5,21).

"Của cải anh ở đâu thì lòng anh ở đó" (Mt 6,21).

#### 2534 242 2069

Điều răn thứ mười được tách ra và bỏ tước điều răn thứ chín về lòng ham muốn nhục dục, điều răn thứ mười cấm tham của người. Lòng tham là nguồn gốc của trộm cắp, cướp đoạt và gian lận mà điều răn thứ bảy đã cấm. "thèm muốn của con mắt" (1Ga 2,16) đưa đến bạo lực và bất công mà điều răn thứ năm đã cấm ( x. Mk 2,2 ). Tham lam cũng như tà dâm bắt nguồn từ việc sùng bái ngẫu tượng mà ba điều răn đầu đã cấm ( x. Kn 14,12 ). Điều răn thứ mười nhắm vào ý hướng trong lòng, và cùng với điều răn thứ chín, tóm kết tất cả các giới răn trong luật Cựu Ước.

### I. CÁC HAM MUỐN BẤT CHÍNH

#### 2535 1767

Khi đói chúng ta thèm ăn, khi lạnh chúng ta mong được sưởi ấm, những ham muốn giác quan này thúc đẩy chúng ta tìm thỏa mãn. Những ham muốn này tự chúng là tốt,

nhưng chúng ta thường không giữ mức độ hợp lý nên tham của người.

### **2536 2445**

Điều răn thứ mười cấm *ham muốn* và ước ao chiếm hữu thái quá của cải thế trần, cấm tham lam vì ham mê của cải và thế lực do của cải đem lại, điều răn này còn cấm ước muốn làm điều bất công hại đến tài sản người khác.

"Khi lễ luật dạy : "Chớ tham của người", có nghĩa là đừng ham muốn những gì không thuộc về mình. Vì lòng tham của người không đáy, như sách giảng viên nói : "Người thích tiền bạc có bao nhiêu cũng không lấy làm đủ" (Gv 5,9) ( x. Giáo lý Rô-ma.R.3,37 ).

### **2537**

Điều răn này không cấm chúng ta ước ao có được những gì của người khác, bằng những phương thế chính đáng. Huấn giáo cổ truyền cho thấy, trong thực tế, "những người phải chiến đấu nhiều nhất để chống lại những ham muốn tội lỗi này" và cần được "nhắc nhở phải giữ điều răn này nhất":

"Đó là...những nhà buôn bán mong hàng hóa khan hiếm và đắt đỏ, buồn phiền vì không được độc quyền để mặc sức mua rẻ bán đắt; những kẻ muốn người khác gặp hoạn nạn để thừa cơ thu lợi.... Những thầy thuốc mong cho người ta bệnh tật, những luật gia mong cho có nhiều vụ kiện cáo quan trọng... ( x. Giáo lý Rô-ma 3,37 )

### **2538 2317 391**

Điều răn thứ mười dạy chúng ta không được ganh tị. Khi muốn khuyến giục vua Đa-vít hối lỗi, ngôn sứ Na-than

đã thuật chuyện một người nghèo chỉ có một con chiên và thương yêu nó như con mình, và một người giàu tuy có vô số chiên cừ, nhưng tham lam và bắt con chiên của người nghèo ( x. 2 Sm 12,1-4 ). Tham lam và ganh tị có thể đưa tới những việc làm tệ hại nhất ( x. St 4,3-7, 1 V 21,1-29 ) "chính vì qui dữ ganh tị mà cái chết đã xâm nhập thế gian (Kn 2,24) :

"Chúng ta đâm đá nhau, chỉ vì ganh tị ... nếu mọi người đều xâu xé nhau như vậy thì thân thể của Đức Ki-tô sẽ ra sao ? Chúng ta đang làm tan nát thân thể của Đức Ki-tô ... chúng ta đang tự xưng là những chi thể của cùng một thân thể, vậy mà chúng ta lại cấu xé nhau như thú rừng ( T. Gio-an Kim Khẩu hom. in 2 Cr 28, 3-4 )".

### **2539 1866**

Ganh tị là một trong bảy mối tội đầu. Người ganh tị buồn phiền khi thấy kẻ khác có của cải và ước ao chiếm đoạt. Nếu ai, vì ganh tị, muốn cho người khác gặp hoạn nạn nặng nề, thì mắc tội trọng:

"Thánh Âu-Tinh coi ganh tị là "tội quỷ quái nhất" (x. Giáo lý Công Giáo Rô-ma 4,8 ). "Ganh tị sinh ra thù ghét, nói xấu, vu khống, vui khi thấy kẻ khác gặp hoạn nạn, buồn khi thấy kẻ khác được may lành"( T.Ghê-gô-ri-ô Cả, 31,45 ).

### **2540 1829**

Kẻ ganh tị thường hay buồn bực nên thiếu đức bác ái, người tín hữu phải nhân hậu thay vì ganh tị. Ganh tị thường do kiêu ngạo, nên người tín hữu phải tập sống khiêm nhường:

"Anh em không muốn Thiên Chúa được tôn vinh nơi anh em sao ? Vậy, hãy vui mừng khi người khác thành công, lúc đó Thiên Chúa sẽ được tôn vinh nơi anh em. Mọi người sẽ nói rằng Thiên Chúa được ca ngợi vì tội lỗi của Người đã thắng được tính ganh tị khi biết vui mừng thấy người khác thành công ( T. Gio-an Kim khẩu 7,3 )".

## **II. ƯỚC MUỐN NHỮNG ĐIỀU HỢP Ý CHÚA THÁNH THẦN**

### **2541 1718 2764**

Thiên Chúa ban lề luật và ân sủng để giúp con người thoát khỏi tính tham lam và ganh tị, khi dạy con người ước ao sự toàn thiện, biết ước muốn những điều hợp ý Chúa Thánh Thần, Đấng làm no thỏa lòng người.

397

Thiên Chúa luôn nhắc nhở con người đề phòng sự quyến rũ của những thứ "ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt và đáng quý vì làm cho mình được tinh khôn"( St 3,6)

### **2542 1992**

Luật Cựu Ước không đủ sức công chính hóa những người tuân giữ, mà còn đã trở thành công cụ cho "dục vọng" ( x. Rm 7,7 ). Thực tế, "lực bắt tòng tâm"(Rm 7,10) cho ta thấy xung đột giữa một bên là luật của Thiên Chúa, "luật của lý trí", một bên là một lề luật khác "giam hãm tôi trong Luật của tội là luật vẫn có trong các chi thể tôi" (Rm 7, 23).

### **2543 1992**

"Ngày nay, sự công chính của Thiên Chúa đã được thể hiện mà không cần đến luật Mô-sê. Điều này, sách Luật và các Ngôn sứ làm chứng. Quả thế, người ta được Thiên

Chúa làm cho nên công chính nhờ lòng) tin vào Đức Giê-su Ki-tô. Tất cả những ai tin đều được như thế" ( Rm 3,21-22). Từ đó, những tín hữu của Đức Ki-tô "đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá, cùng với các dục vọng và đam mê" (Gl 5,24). Họ được Chúa Thánh Thần hướng dẫn ( Rm 8,14) và ước muốn những điều hợp ý Chúa Thánh Thần (Rm 8,27).

2443-2449

### **III TINH THẦN NGHÈO KHÓ**

**2544** 544

Đức Giê-su dạy các môn đệ yêu mến Người trên tất cả mọi người, đồng thời mời gọi họ từ bỏ mọi sự (Lc 14,33) vì Người và vì Tin Mừng (Mc 8,35). Ít ngày trước khi chịu tử nạn, Người đã đề cao gương bà góa nghèo ở Giê-ru-sa-lem ; trong hoàn cảnh nghèo túng, bà đã cho tất cả những gì để nuôi sống mình (Lc 21,4). Muốn vào Nước Trời không được ham mê của cải.

**2545** 2013

Mọi tín hữu của Đức Ki-tô "phải lưu ý điều khiển tâm tình mình cho đúng đắn, để việc sử dụng của cải trần gian và lòng quyến luyến sự giàu sang nghịch với tinh thần khó nghèo của Tin Mừng, không cản trở họ theo đuổi đức ái trọn hảo"( LG 42).

**2546** 1716

"Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó"( Mt 5,3). Các mối phúc cho chúng ta biết phải sống thế nào để được hạnh phúc, ân sung, tốt đẹp và bình an. Đức Giê-su tán dương niềm vui của người nghèo vì Nước Trời đã thuộc về họ ( Lc 6,20) :

“Ngôi Lời gọi "tinh thần nghèo khó" là tinh thần của người tự nguyện sống khiêm nhường và từ bỏ. Thánh tông đồ Phao-lô trình bày gương khó nghèo của Thiên Chúa khi nói : "Người đã tự ý trở nên nghèo khó vì anh em" ( 2 Cr 8,9) ( T. Ghê-gô-ri-ô thành Nít-sê 1 ).

#### **2547 305**

Chúa khóc thương những người giàu có vì họ tìm an ủi ( Lc 6,24) nhờ của cải dư dật; "kẻ kiêu căng tìm quyền lực thế trần, còn người có tinh thần nghèo khó, tìm kiếm Nước Trời" ( T. Âu - Tinh 1,1.3). Ai phó thác vào sự quan phòng của Cha trên trời, được giải thoát khỏi những âu lo về ngày mai ( Mt 6,25-34 ). Ai tín thác vào Chúa sẽ được hưởng hạnh phúc Chúa hứa ban cho người nghèo : Họ sẽ được thấy hạnh phúc.

### **IV. TÔI MUỐN THẤY THIÊN CHÚA**

#### **2548 2519**

Khi ao ước hạnh phúc đích thực, con người được giải thoát khỏi mọi ràng buộc bất chính với của cải trần thế, để cuối cùng được chiêm ngắm nhan thánh Chúa và hưởng hạnh phúc bên Người. "Chúng ta được Thiên Chúa hứa cho chiêm ngắm tôn nhan, đó là hạnh phúc lớn lao nhất. Theo Thánh kinh, thấy cũng đồng nghĩa với được...Ai thấy Thiên Chúa cũng được mọi điều phúc lộc mà người ta có thể nghĩ tưởng ra được ( T.Ghê-gô-ri-ô thành Ni-sê, beat 6)".

#### **2549 2015**

Với ơn Chúa trợ giúp, Dân Thánh còn phải chiến đấu để đạt tới những điều phúc lộc Chúa hứa ban. Để được thấy và ở với Thiên Chúa, Ki-tô hữu phải chế ngự dục vọng, và

nhờ ơn Chúa, chiến thắng các quyền rũ của lạc thú và quyền lực.

## 2550

Trên đường hoàn thiện, Thần Khí và Tân Nương kêu gọi những ai biết lắng nghe ( x. Kh 22,17 ), hãy hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa :

314

"Nơi đó mới có vinh quang đích thực. Nơi đó không ai được khen ngợi vì làm lành hay nịnh bợ, vinh dự đích thực sẽ không trao làm cho người bất xứng mà bỏ qua kẻ đáng công. Không kẻ bất xứng nào có thể bước vào nơi dành cho người xứng đáng. Nơi đây bình an đích thực sẽ ngự trị, vì không ai cảm thấy bất an với chính mình hay với người khác. Chính Thiên Chúa là phần thưởng cho người đức hạnh, Người là Đấng đã ban nhân đức và hứa ban chính mình làm phần thưởng lớn nhất và cao cả nhất ..." "Ta sẽ là Thiên Chúa của chúng, và chúng sẽ là dân riêng của Ta" (Lv 26,12)... Đây cũng là ý nghĩa của lời thánh Phao-lô : "để Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài" (1Cr 15,28). Chúng ta chiêm ngắm Người vĩnh viễn, yêu mến vô tận, ca tụng khôn nguôi vì Người thỏa mãn mọi khát vọng của chúng ta. Hồng ân này, tình mến này, công việc này, cũng như chính đời sống vĩnh cửu được dành cho mọi người" (FT.Âu-tinh, thành đô thiên quốc ).

## **TÓM LƯỢC**

**2551**

*"Kho tàng của anh ở đâu, thì lòng anh ở đó" (Mt 6, 21).*

**2552**

*Điều răn thứ mười cấm tham lam do ham mê của cải và thế lực đồng tiền.*

**2553**

*Ganh tị là buồn phiền vì thấy kẻ khác giàu hơn mình và muốn chiếm đoạt. Ganh tị là một mối tội đầu.*

**2554**

*Muốn thắng được tính ganh tị, người tín hữu phải sống nhân hậu, khiêm nhường và phó thác vào Chúa quan phòng.*

**2555**

*Người Ki-tô hữu "đã đóng đinh tính xác thịt vào thập giá cùng với các dục vọng và đam mê" (Gl 5, 24). Họ được Thánh Thần hướng dẫn và tuân theo ý muốn của Người.*

**2556**

*Để được vào Nước Trời, con người phải dứt bỏ lòng quyến luyến của cải. "Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó"(Mt 5, 3).*

**2557**

*Khát vọng đích thực của con người : "Tôi muốn thấy Thiên Chúa". Chỉ có "mạch nước mang lại sự sống đời đời" mới thỏa mãn được khát vọng này (Ga 4,14).*

## Phần Thứ Bốn

# VIỆC CẦU NGUYỆN KITÔ GIÁO

## ĐOẠN THỨ NHẤT

### KINH NGUYỆN TRONG ĐỜI SỐNG KI-TÔ HỮU

**2558**

Mầu nhiệm đức tin thật là cao cả. Hội Thánh tuyên xưng mầu nhiệm đức tin trong kinh Tin Kính (Phần I) và cử hành trong phụng vụ bí tích (Phần II) để đời sống người Ki-tô hữu nên đồng hình đồng dạng với Đức Ki-tô trong Chúa Thánh Thần nhằm tôn vinh Thiên Chúa Cha (Phần III). Người tín hữu phải tin, cử hành và sống mầu nhiệm đức tin trong tương quan sống động và thân tình với Thiên Chúa hằng sống và chân thật. Cầu nguyện giúp người tín hữu sống tương quan này.

### *CẦU NGUYỆN LÀ GÌ ?*

“Đối với tôi, cầu nguyện là sự hứng khởi của tâm hồn, là cái nhìn đơn sơ hướng về trời, là lời kinh tri ân và yêu mến giữa cơn thử thách cũng như lúc hân hoan. (T. Tê-rê-xa Hải đồng, tự truyện)

### **Cầu nguyện như hồng ân của Thiên Chúa**

**2559** 2613 2736

“Cầu nguyện là nâng tâm hồn lên Chúa hay cầu xin Người ban cho những ơn cần thiết (T. Gio-an Đamat, đức tin chính thống) . Khi cầu nguyện, chúng ta bắt đầu với tâm tình nào ? Với lòng kiêu hãnh và ý riêng ta, hay với tâm tình khiêm nhường và thống hối "thẳm sâu" (Tv130,14)? "Ai hạ mình xuống sẽ được tôn lên" (x. Lc 18, 14) . Khiêm nhường là tâm tình căn bản của cầu nguyện, "vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải" (Rm 8,26). Khiêm nhường là tâm tình phải có để đón nhận được ơn cầu nguyện : trước mặt Thiên Chúa, con người chỉ là kẻ van xin (x. T. Âu-tinh bài giảng 56,6,9. ) .

### **2560**

"Nếu chị nhận ra ân huệ Thiên Chúa ban !" (Ga 4,10). Bên bờ giếng, nơi chúng ta đến tìm nước, Đức Ki-tô đến gặp từng người và cho thấy điều kỳ diệu của cầu nguyện. Đức Ki-tô tìm chúng ta, trước khi chúng ta tìm Người; và Người xin : "cho tôi chút nước uống". Đức Giê-su khát; lời Người xin phát xuất từ nỗi khát khao sâu thẳm Thiên Chúa dành cho chúng ta. Dù ta biết hay không, kinh nguyện vẫn là nơi gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người, cả hai cùng đang khát. Thiên Chúa khát mong chúng ta khao khát Người (T.Âu-tinh 64, 4).

### **2561**

"... Hẳn chị đã xin và Người đã ban cho chị nước trường sinh" (Ga 4,10). Hóa ra, lời khẩn cầu của chúng ta lại chính là câu trả lời : đáp lại tiếng than trách của Thiên Chúa hằng sống "chúng đã bỏ Ta là mạch nước trường sinh để làm những hồ nứt rạn" (Gr 2,13), tin tưởng đáp lại lời Thiên Chúa tự ý hứa ban ơn cứu độ, yêu mến đáp lại lòng khao khát của Con Một Thiên Chúa.

## **Cầu nguyện là giao ước**

### **2562**

Kinh nguyện của con người phát xuất từ đâu ? Thừa từ chính con người toàn diện đang cầu nguyện, dù bằng lời hay cử điệu. Trong Thánh Kinh, có đôi chỗ nói kinh nguyện phát xuất từ linh hồn hay tinh thần, nhưng thường cho rằng từ trái tim. Chúng ta cầu nguyện với cả *tám lòng*. Nếu *lòng* ta xa cách Thiên Chúa thì cầu nguyện cũng vô ích.

### **2563 368 2699 1696**

Theo cách nói Híp-ri hay Thánh Kinh, trái tim là trung tâm hiện hữu của con người. Trái tim là nơi thâm kín của riêng ta; lý trí hay người ngoài không dò thấu được; chỉ có Thánh Thần Thiên Chúa mới có thể thăm dò và thấu suốt được. Vượt trên mọi khuynh hướng tâm lý, trái tim vẫn là nơi quyết định. Trái tim là nơi con người chân thật với mình nhất, để chọn lựa sự sống hay sự chết. Đó cũng là nơi gặp gỡ để sống các mối tương giao, vì chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa: Trái tim là nơi sống giao ước.

### **2564**

Khi cầu nguyện, người Ki-tô hữu sống tương quan giao ước với Thiên Chúa trong Đức Ki-tô. Kinh nguyện vừa là hoạt động của Thiên Chúa vừa của con người, phát xuất từ Chúa Thánh Thần và từ con người. Kinh nguyện hoàn toàn hướng về Chúa Cha, nhờ hiệp nhất với ý chí nhân trần của Con Thiên Chúa làm người.

## **Cầu nguyện là hiệp thông**

### **2565 260 792**

Trong Giao Ước Mới, khi cầu nguyện, người tín hữu sống tương quan sinh động của con cái Thiên Chúa với

Người Cha nhân lành vô cùng của mình, với Con của Người là Đức Giê-su Ki-tô và với Chúa Thánh Thần. Hồng ân Nước Trời là "sự kết hợp của Ba Ngôi Chí Thánh với toàn thể tâm linh con người" (T.Ghê-gô-ri-ô thành Naz 16,9) . Sống đời cầu nguyện là luôn hiện diện trước tôn nhan Thiên Chúa Chí Thánh và hiệp thông với Người. Sự hiệp thông đời sống này lúc nào cũng có thể thực hiện được, vì chính nhờ bí tích Thánh Tẩy chúng ta đã được nên một với Đức Ki-tô (x. Rm 6,5) . Lời cầu nguyện mang đặc tính Ki-tô giáo khi được hiệp thông với lời nguyện của Chúa Ki-tô và được triển khai trong Hội Thánh là Thân Thể Người. Cầu nguyện có cùng kích thước như tình yêu Chúa Ki-tô (Eph 3,18-21).

## CHƯƠNG MỘT

### MẠC KHẢI VỀ CẦU NGUYỆN MỌI NGƯỜI ĐƯỢC MỜI GỌI CẦU NGUYỆN

**2566** 296 355 28

*Con người đi tìm Thiên Chúa.* Khi sáng tạo, Thiên Chúa kêu gọi vạn vật từ hư vô bước vào hiện hữu "Được ban vinh quang vinh dự làm mũ triều thiên" (x. Tv 8,6) , con người có khả năng nhận biết "Danh Chúa lẫy lừng trên khắp địa cầu" ( x. Tv 8,2) như trước đó Thiên Chúa đã ban khả năng cho các thiên thần. Ngay cả khi đã đánh mất nét giống Thiên Chúa vì phạm tội, con người vẫn còn mang hình ảnh của Đấng Sáng Tạo, vẫn hướng về Đấng dựng nên mình. Mọi tôn giáo đều nói lên khát vọng tìm kiếm căn bản này của con người.

**2567** 30 142

*Thiên Chúa kêu gọi con người trước.* Dù con người quên lãng Đấng Sáng Tạo hay trốn xa Nhan Ngươi, dù họ chạy theo các ngẫu tượng hay than trách Thiên Chúa đã bỏ rơi mình, Thiên Chúa hằng sống và chân thật vẫn không ngừng kêu gọi mọi người đến gặp Ngươi cách huyền nhiệm trong cầu nguyện. Trong cầu nguyện, Thiên Chúa trung tín và yêu thương luôn đi bước trước; phần con người luôn chỉ là đáp lời. Khi Thiên Chúa từng bước tỏ mình ra và mặc khải cho con người biết về chính họ, thì cầu nguyện như là một cuộc trao đổi lời mời, một diễn tiến giao ước. Qua lời nói và hành vi, diễn tiến này là cam kết của con tim. Diễn tiến này đã diễn ra trong suốt lịch sử cứu độ.

## Mục 1

# TRONG CỰU ƯỚC

**2568** 410 1736 2738

Trong Cựu Ước chúng ta gặp được mặc khải về cầu nguyện giữa biến cố con người sa ngã và được nâng dậy, giữa tiếng gọi đau thương của Thiên Chúa nói với các đứa con đầu tiên của Ngươi : "Ngươi đang ở đâu ?...Ngươi đang làm gì ?" (St 3,9-13), và lời đáp trả của Ngươi Con Một khi vào trần gian : "Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài" (Dt 10, 5-7). Như thế, cầu nguyện được gắn liền với lịch sử loài người, và là tương quan giữa con người với Thiên Chúa trong các biến cố lịch sử.

**Con người nhờ thụ tạo để cầu nguyện**

**2569** 288 58

Trước hết, việc cầu nguyện khởi đi *từ các thụ tạo*. Chín chương đầu của sách Sáng Thế mô tả việc cầu nguyện dưới hình thức lễ vật của A-ben "dâng cho Chúa những con đầu lòng của bầy chiên" (St 4,4); Ê-nóc "kêu cầu Danh Đức Chúa và đi với Thiên Chúa" ( x. St 4,26; 5,24 ) . Lễ dâng của Nô-e đẹp lòng Thiên Chúa và Thiên Chúa chúc phúc cho ông; qua ông, Thiên Chúa chúc phúc cho toàn thể vạn vật, vì tâm hồn ông ngay chính và vẹn toàn : "Ông đi với Thiên Chúa" (St 6,9). Biết bao người công chính trong các tôn giáo đã từng cầu nguyện như vậy.

59

Trong giao ước bất diệt với mọi sinh linh, Thiên Chúa luôn mời gọi con người cầu nguyện. Nhưng đặc biệt từ tổ phụ Áp-ra-ham, cầu nguyện mới thực sự được mặc khải trong Cựu Ước.

### **Thiên Chúa hứa và con người tin tưởng cầu nguyện**

**2570** 145

Ngay khi được Thiên Chúa kêu gọi, "Áp-ra-ham ra đi, như Đức Chúa đã phán với ông" (St 12,4) : tâm hồn ông luôn "vâng phục Lời Chúa". Cầu nguyện thiết yếu là lắng nghe Lời Chúa và quyết định theo ý Người; các lời kinh phải giúp con người sống thái độ ấy. Thoạt đầu, Áp-ra-ham cầu nguyện bằng hành động : là con người thăm lặng, mỗi chặng dừng chân ông dựng một bàn thờ kính Chúa. Mãi về sau, ông mới cầu nguyện bằng lời : một lời than thở kín đáo nhắc Chúa nhớ đến lời hứa chưa được thực hiện (St 15,2-3). Như thế, một trong những khía cạnh đặc biệt của cầu nguyện là con người bị thử thách về lòng tin vào Thiên Chúa trung tín.

### **2571 494 2685**

Vì Áp-ra-ham tin vào Thiên Chúa, bước đi trước tôn nhan Người và ký kết giao ước với Người; tổ phụ đã sẵn lòng đón mời Vị Khách huyền bí vào lều trại của mình. Lòng hiếu khách đặc biệt của tổ phụ tại Mam-rê đã mở đường cho Thiên Chúa loan báo ban Người Con đích thực của lời hứa. Từ khi Thiên Chúa ký thác ý định của Người cho Áp-ra-ham, tâm hồn tổ phụ hòa theo lòng thương xót của Chúa đối với loài người và tổ phụ đã dám mạnh dạn cầu nguyện cho họ.

### **2572 603**

Trong cuộc thanh luyện cuối cùng về đức tin, Thiên Chúa đã đòi Áp-ra-ham, "người đã nhận được lời hứa" (Dt 10,17), phải sát tế đứa con mà Thiên Chúa đã ban cho ông. Áp-ra-ham vẫn vững tin : "Chính Thiên Chúa sẽ lo liệu chiên làm lễ toàn thiêu" (St 22,8), vì nghĩ rằng Thiên Chúa có quyền năng làm cho người chết sống lại (Dt 11,19). Như thế, vị tổ phụ của các tín hữu đã xử sự giống như Chúa Cha, Đấng "chẳng tha chính Người Con Một, nhưng đã trao nộp vì hết thảy chúng ta" (Rm 8,32). Nhờ cầu nguyện, con người lại trở nên giống Thiên Chúa và được tham dự vào quyền năng của tình yêu Thiên Chúa là quyền năng có sức cứu độ muôn người.

### **2573 162**

Thiên Chúa đã nhắc lại lời hứa với Gia-cóp, tổ phụ của mười hai chi tộc Ít-ra-en. Trước khi đối phó với anh là Ê-sau, Gia-cóp đã vật lộn suốt đêm với một người huyền bí, người này không chịu nói tên nhưng đã chúc phúc cho Gia-cóp trước khi bỏ đi lúc bình minh. Truyền thống linh đạo của Hội thánh, qua câu chuyện này, xem biểu tượng của cầu nguyện như một cuộc chiến đức tin và chiến thắng dành cho người kiên trì ( x. St 32,25-31; Lc 18,1-8). ) .

## **Mô-sê và lời cầu nguyện của vị trung gian**

### **2574 62**

Khi Thiên Chúa bắt đầu thực hiện lời hứa với các tổ phụ (cuộc Vượt Qua, Xuất Hành, ban Lề Luật, ký Giao Ước, lời cầu nguyện của Mô-sê là hình ảnh nổi bật của lời cầu nguyện chuyển cầu sẽ được hoàn thành trong Đấng Trung Gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người là Đức Giê-su Ki-tô" (1Tm 2, 5).

### **2575 205**

Ở đây cũng thế, Thiên Chúa đã đi bước trước. Người gọi Mô-sê từ giữa Bụi Gai đang cháy (Xh 3,1-10). Biến cố này sẽ là một trong những hình ảnh hàng đầu về cầu nguyện trong truyền thống linh đạo Do Thái và Ki-tô giáo. Thực vậy, "Thiên Chúa của Áp-ra-ham, của I-xa-ác và của Gia-cóp" kêu gọi tôi tớ Người là Mô-sê, vì Người là Thiên Chúa Hằng Sống, Đấng muốn cho con người được sống. Người tỏ mình ra để cứu họ, tuy nhiên, Người không muốn hành động một mình hoặc bất chấp ý kiến con người. Vì thế, Người gọi Mô-sê để sai ông đi, để ông cộng tác với Thiên Chúa trong việc thương xót và cứu độ. Để sai ông đi, gần như Thiên Chúa phải năn nỉ con người; và sau một hồi tranh luận, Mô-sê mới thuận theo ý của Thiên Chúa Cứu Độ. Trong cuộc đối thoại này, Thiên Chúa tỏ lòng tín nhiệm Mô-sê, còn ông học biết cầu nguyện: ông thoái thác, thắc mắc, và nhất là đòi hỏi. Để đáp ứng yêu cầu của ông, Thiên Chúa đã cho ông biết Danh Thánh, Danh sẽ được mặc khải qua các kỳ công trong lịch sử.

### **2576 555**

"ĐỨC CHÚA đàm đạo với ông Mô-sê, mặt giáp mặt, như hai người bạn với nhau" (Xh 33,11). Cách cầu nguyện của Mô-sê là khuôn mẫu của việc cầu nguyện chiêm niệm;

nờ đó, người tôi tớ Thiên Chúa trung thành với sức mạnh của mình. Ông Mô-sê nói chuyện thường xuyên và lâu giờ với Chúa: ông lên núi để lắng nghe và cầu khẩn Người, sau đó ông xuống với dân để nói lại cho họ những lời của Thiên Chúa và hướng dẫn họ. "Nhưng với Mô-sê tôi tớ Ta: tất cả nhà Ta, Ta đã trao cho nó. Ta nói với nó trực diện, nhãn tiền" (Ds 12, 7-8), vì "Mô-sê là người hiền lành khiêm tốn nhất đời" (Ds 12,3).

### **2577 210 2635 214**

Nhờ sống thân mật với "Thiên Chúa thành tín, chậm bất bình và giàu lòng thương xót" (x. Xh 34,6 ) , Mô-sê đã tìm được sức mạnh để kiên trì chuyển cầu cho dân. Ông không cầu xin cho mình nhưng cho dân Thiên Chúa đã cứu chuộc. Mô-sê đã chuyển cầu cho dân khi họ chiến đấu với quân A-ma-léc ( x. Xh 17,8-13 ) , đã cầu xin cho Mi-ri-am (x. Nb 12,13-14 ) được khỏi bệnh. Đặc biệt, khi dân phạm tội phản nghịch cùng Thiên Chúa, Chúa tính chuyện sẽ tiêu diệt họ, nếu người Chúa chọn là Mô-sê chẳng đem thân cản lối ở ngay trước mặt Người ( x. Xh 32,1-34,9 ) , hầu ngăn cơn thịnh nộ (Tv 106, 23). Các lý lẽ của ông (chuyển cầu cũng là một cuộc chiến huyền nhiệm) sẽ gợi hứng cho cách cầu nguyện táo bạo của bao nhiêu tâm hồn trong dân Do Thái cũng như trong Hội Thánh: Thiên Chúa là tình yêu, nên Người công bình và thành tín; Người không thể mâu thuẫn với chính mình, nên Người sẽ nhớ lại bao việc lạ lùng đã làm; vì vinh quang của Người, Người sẽ không thể bỏ rơi dân tộc mang danh Người.

### **Đa-vít và lời cầu nguyện của vị vua**

#### **2578**

Kinh nguyện của Dân Chúa sẽ triển nở dưới bóng nhà Chúa : Lúc đầu là khám giao ước và sau này là Đền Thờ.

Những người lãnh đạo (các mục tử và các ngôn sứ) là những người đầu tiên sẽ dạy cho dân biết cầu nguyện. Cậu bé Sa-mu-en học được nơi bà mẹ An-na cách ở trước nhan Đức Chúa (1 Sm 1,9-17), và nơi tư tế Ê-li cách lắng nghe Lời Chúa : "Lạy Đức Chúa, xin Ngài phán, vì tôi tớ Ngài đang lắng nghe" (1 Sm 3,9-10). Sau này, chính Sa-mu-en cũng biết đến gánh nặng và giá phải trả cho lời chuyển cầu : "Phần tôi, không đời nào tôi phạm tội nghịch cùng Đức Chúa, là thói cầu nguyện cho anh em và dạy anh em biết đường ngay nẻo chính" (1 Sm 12, 23 ).

### **2579 709 436**

Đa-vít là vị vua đẹp lòng Thiên Chúa hơn hết, vị mục tử cầu nguyện cho dân mình và nhân danh toàn dân. Lòng vâng phục thánh ý Thiên Chúa, lời ca ngợi và tâm tình sám hối của Đa-vít sẽ trở thành gương mẫu cho sự cầu nguyện của dân chúng. Là người được Thiên Chúa xúc dầu, kinh nguyện của vua là tâm tình gắn bó trung tín vào lời Thiên Chúa hứa, là lòng tin thác đầy yêu mến và hân hoan trong Đấng là Đức Vua và Đức Chúa duy nhất (x. 2 Sm 7,18-29). Qua các Thánh Vịnh, chúng ta thấy Đa-vít được Thánh Thần linh ứng và đã trở thành vị ngôn sứ hàng đầu của truyền thống cầu nguyện Do Thái và Ki-tô giáo. Kinh nguyện của Đức Ki-tô, Đấng Mê-si-a đích thực, Con Đa-vít sẽ mặc khải và hoàn thành ý nghĩa của kinh nguyện này.

### **2580 583**

Đền Thờ Giê-ru-sa-lem, ngôi nhà cầu nguyện Đa-vít định xây dựng, sẽ được con vua là Sa-lô-mon thực hiện. Lời nguyện Cung Hiến Đền Thờ ( x. 1V 8,10-61 ) dựa trên Lời Hứa và Giao Ước của Thiên Chúa, trên sự hiện diện đầy uy lực của Danh Thánh giữa Dân Người và nhắc lại những kỳ công Thiên Chúa thực hiện thời Xuất Hành. Nhà vua đang tay và khấn cầu Đức Chúa cho chính mình, cho toàn dân, cho

các thế hệ tương lai, xin Người tha thứ tội lỗi và ban cho họ những gì cần thiết hằng ngày, để muôn dân nhận biết Người là Thiên Chúa duy nhất và Dân Chúa hết lòng kính mến Người.

## **Ê-li-a, các ngôn sứ và việc hoán cải tâm hồn**

### **2581 1150**

Đối với Dân Chúa, Đền Thờ phải là nơi dạy cho họ biết cầu nguyện : các cuộc hành hương, các lễ hội, hy tế, lễ dâng ban chiều, dâng hương, bánh trưng hiến ...Tất cả là những dấu chỉ về Thiên Chúa thánh thiêng và vinh quang, rất cao sang nhưng thật gần gũi với họ ; đồng thời là những lời mời gọi và những con đường dẫn đến cầu nguyện. Nhưng thái độ quá chuộng nghi lễ thường dẫn dân chúng đến một cách thờ phượng quá bề ngoài. Do đó, Dân Chúa cần được giáo dục đức tin và hoán cải tâm hồn. Đây là sứ mạng của các ngôn sứ trước và sau thời lưu đày.

### **2582**

Ê-li-a là "tổ phụ" của các ngôn sứ, là "dòng dõi những kẻ kiếm tìm Người, tìm Thánh nhan Thiên Chúa nhà Gia-cóp" ( x. Tv 24,6 ) . Danh xưng Ê-li-a có nghĩa "Đức Chúa là Thiên Chúa của tôi", tiên báo tiếng hô của dân đáp lại lời cầu nguyện của Ê-li-a trên núi Các-men ( x. 1 V 18, 39tt ) . Thánh tông đồ Gia-cô-bê nhắc đến gương Ê-li-a để thúc giục chúng ta cầu nguyện : "Lời cầu xin tha thiết của người công chính rất có hiệu lực" (Gcb 5,16b-18).

### **2583**

Sau khi học biết xót thương lúc ẩn tích tại suối Kê-rít, Ê-li-a dạy cho bà góa làng Sa-rép-ta biết tin vào lời Thiên Chúa và củng cố đức tin của bà khi khẩn nguyện xin Thiên

Chúa cho con trai bà sống lại; và Người đã nhậm lời (1V 17,7-24).

696

Cuộc tế lễ trên núi Các-men là thử thách quyết định niềm tin của Dân Thiên Chúa. Theo lời khẩn cầu của Ê-li-a : "xin đáp lời con, lạy Chúa xin đáp lời con", Thiên Chúa cho lửa từ trời xuống thiêu hủy lễ toàn thiêu, "vào giờ người ta hiến dâng của lễ ban chiều". Các nghi lễ phụng tự Đông Phương dùng lời khẩn cầu này trong "lời nguyện xin ban Thánh Thần" của thánh lễ (1 V 18,20-39).

555

Sau cùng, Ê-li-a trở lại hoang mạc, đến nơi Thiên Chúa hằng sống và chân thật đã tỏ mình ra cho Dân Người, để ẩn mình "trong hốc đá" như Mô-sê ngày xưa, cho tới khi Nhan Thánh nhiệm mầu của Thiên Chúa "đi qua" (x. 1 V 19,1-14; Xh 33, 19-23; Lc 9,30-35 ) . Nhưng chỉ trên núi Hiên Dung, Tôn Nhan của Đấng các ngài luôn tìm kiếm mới được tỏ lộ "Ánh sáng chiếu soi lòng trí ta nhận biết Vinh Quang Thiên Chúa rạng ngời trên gương mặt Đức Ki-tô" (2 Cr 4,6), Đấng đã chịu đóng đinh và đã sống lại.

**2584 2709**

Trong những lúc "một mình trước Tôn Nhan Thiên Chúa", các ngôn sứ tìm được ánh sáng và sức mạnh để thực hiện sứ mạng. Khi cầu nguyện, các ngài không chạy trốn thế giới bất trung nhưng lắng nghe Lời Thiên Chúa; đôi khi các ngài tranh luận hay than thở với Chúa, nhưng luôn chuyển cầu cho Dân, trong khi chờ đợi và chuẩn bị cho Thiên Chúa Cứu Độ, can thiệp vào (Am 7, 2.5) ( x. Is 6,5.8.11; Gr 1,6; 15,15-18; 20, 7-18 ) .

## **Các Thánh Vịnh, lời cầu nguyện của cộng đoàn**

### **2585 1093**

Từ thời Vua Đa-vít cho đến khi Đấng Mê-si-a tới, những bản văn cầu nguyện trong Sách Thánh chứng tỏ lời cầu nguyện cho chính mình và cho tha nhân ngày càng sâu sắc hơn ( x. Ed 9,6-15; Nh 1,4-11; Gn 2,3-10; Tb 3,11-16; Gđt 9,2-14 ) . Dần dần các Thánh Vịnh được thu tập thành một bộ năm cuốn : đó là sách Thánh Vịnh (hay những bài ca ngợi), tuyệt tác cầu nguyện trong Cựu Ước.

### **2586 1177**

Các Thánh Vịnh nuôi dưỡng và diễn tả tâm tình cầu nguyện của Dân Chúa là cộng đoàn, qui tụ vào các dịp đại lễ tại Giê-ru-sa-lem và mỗi ngày sa-bát trong các hội đường. Kinh nguyện này vừa có tính cá nhân vừa có tính cộng đoàn, vừa liên hệ với những người đang cầu nguyện vừa liên hệ đến toàn thể mọi người. Các Thánh Vịnh vang lên từ Thánh Địa và các cộng đoàn Do Thái tản mác khắp nơi nhưng lại bao trùm toàn thể thụ tạo ; nhắc lại các biến cố cứu độ trong quá khứ và vươn đến ngày hoàn tất lịch sử; nhắc nhớ Thiên Chúa đã thực hiện những lời hứa thế nào, đồng thời chờ đợi Đấng Mê-si-a đến hoàn tất trọn vẹn. Được Đức Ki-tô sử dụng để cầu nguyện và kiện toàn, các Thánh Vịnh luôn luôn chiếm vị trí thiết yếu đối với kinh nguyện của Hội Thánh ( IGLH 100-109).

### **2587 2641**

Tập Thánh Vịnh là cuốn sách đặc biệt : Lời Chúa trở thành lời cầu nguyện của con người. Trong các sách khác của bộ Cựu Ước, các lời công bố những việc Thiên Chúa thực hiện trong lịch sử cứu độ... và giúp khám phá mầu nhiệm chứa đựng trong các biến cố đó (x. DV 2). Còn các lời Thánh Vịnh vừa diễn tả vừa ca tụng những công trình cứu độ của

Thiên Chúa. Cùng một Thánh Thần đã tạo nên công trình của Thiên Chúa và lời đáp trả của con người. Đức Ki-tô sẽ hiệp nhất cả hai thành một. Trong Người, các Thánh Vịnh không ngừng dạy ta cầu nguyện.

## **2588**

Những lời cầu nguyện đa dạng của tập Thánh Vịnh được hình thành từ phụng tự Đền Thờ, cũng như từ trái tim con người. Dù là những thánh thi, lời kêu cầu trong cơn nguy khốn hay bài ca tạ ơn, lời khẩn cầu cá nhân hay cộng đoàn, bài ca cung đình và khúc hát hành hương, hoặc bài suy niệm giáo huấn, các Thánh Vịnh luôn là tấm gương phản chiếu những kỳ công Thiên Chúa đã thực hiện trong lịch sử Dân Người và những hoàn cảnh nhân sinh tác giả đã trải qua. Dù một Thánh Vịnh có thể phản ánh một biến cố đã qua, nhưng vẫn bình dị đến nỗi con người mọi thời, mọi hoàn cảnh, đều có thể dùng để cầu nguyện.

## **2589 304**

Qua các Thánh Vịnh, chúng ta gặp thấy những đặc điểm: lời cầu nguyện đơn sơ và tự phát, lòng khao khát Thiên Chúa qua và với tất cả những gì tốt đẹp trong vũ trụ, hoàn cảnh khó khăn của người tín hữu muốn yêu mến Thiên Chúa trên hết mọi sự nhưng phải đối diện với bao thử thách và địch thù nhưng vẫn chờ đợi Thiên Chúa trung tín ra tay hành động, lòng xác tín vào tình yêu Thiên Chúa và phó thác theo thánh ý Người. Lời cầu nguyện trong tập Thánh Vịnh luôn sinh động nhờ tâm tình ca ngợi nên tập sách này có một tên gọi rất thích hợp với nội dung : "Những bài ca ngợi". Được sưu tập để dùng trong phụng vụ của Cộng đoàn, các Thánh Vịnh vang lên lời mời gọi cầu nguyện đồng thời hát lên lời đáp : Halleluia, "Hãy ngợi khen Chúa".

"Còn gì tốt đẹp hơn một Thánh vịnh ? Bởi vậy vua Đa-vít đã nói rất đúng rằng : "Hãy ngợi khen Chúa vì Thánh Vịnh thật tuyệt vời: hãy dâng lời ngợi khen êm dịu và hân hoan lên Thiên Chúa chúng ta". Đúng thế, Thánh Vịnh là lời chúc tụng trên môi Dân Chúa, là lời cộng đoàn ngợi khen Thiên Chúa, lời tung hô của muôn người, lời của muôn loài, tiếng nói của Hội Thánh, lời tuyên xưng đức tin đầy giai điệu..." (T.Am-rô-xi-ô, Luận về Thánh vịnh 1,9).

## **TÓM LƯỢC**

### **2590**

*Cầu nguyện là nâng tâm hồn lên Chúa hay cầu xin Người ban cho những ơn cần thiết (T. Gio-an Đa-mát-xa) .*

### **2591**

*Thiên Chúa không ngừng kêu gọi mỗi người đến gặp Người cách huyền nhiệm trong cầu nguyện. Suốt dòng lịch sử cứu độ, chúng ta thấy cầu nguyện như lời Thiên Chúa và con người mời gọi nhau.*

### **2592**

*Thánh Kinh trình bày việc Áp-ra-ham và Gia-cóp cầu nguyện như một cuộc chiến đức tin để giữ lòng tin thác vào Thiên Chúa trung thành và xác tín rằng Người sẽ ban chiến thắng cho kẻ kiên trì.*

### **2593**

*Lời nguyện của Mô-sê đáp lại sáng kiến của Thiên Chúa hằng sống muốn cứu độ Dân Người. Đây là hình ảnh báo trước lời chuyển cầu của Đấng Trung Gian duy nhất là Đức Giê-su Ki-tô.*

**2594**

*Nhờ các vị mục tử, đặt biệt là vua Đa-vít, và các ngôn sứ hướng dẫn, kinh nguyện của Dân Chúa được triển nở dưới bóng nhà Chúa, lúc đầu là Khâm Giao ước và sau này là Đền Thờ.*

**2595**

*Các ngôn sứ kêu gọi dân chúng hoán cải tâm hồn. Như Ê-li-a, trong khi nhiệt thành tìm kiếm thánh nhan Thiên Chúa, các ngài vẫn chuyển cầu cho toàn dân.*

**2596**

*Các Thánh Vịnh là tuyệt tác về cầu nguyện trong Cựu Ước, vừa có tính cá nhân vừa có tính cộng đoàn. Các Thánh Vịnh bao trùm mọi chiều kích của lịch sử : nhắc nhớ Thiên Chúa đã thực hiện lời hứa như thế nào và nói lên niềm hy vọng vào Đấng Mê-si-a sẽ ngự đến.*

**2597**

*Được Đức Ki-tô sử dụng để cầu nguyện và kiện toàn, các Thánh Vịnh là một thành phần thiết yếu và luôn có mặt trong kinh nguyện của Hội Thánh Người. Các Thánh Vịnh có thể dùng làm lời cầu nguyện cho con người mọi thời, mọi hoàn cảnh.*

## **Mục 2**

### **KHI THỜI GIAN ĐÃ VIÊN MÃN**

**2598**

*"Ngôi Lời đã làm người và ở giữa chúng ta" đã mặc khải trọn vẹn về cầu nguyện. Khi tìm hiểu Chúa Giê-su cầu nguyện qua những gì các nhân chứng kể lại trong Tin Mừng,*

chúng ta được đến gần Chúa Giê-su Cực Thánh như Mô-sê đến gần Bụi Gai Rực Cháy: trước tiên chúng ta cùng chiêm ngưỡng Người cầu nguyện, rồi lắng nghe Người dạy ta cầu nguyện, và sau cùng, để nhận biết cách Người nhận lời cầu nguyện của chúng ta.

## **Đức Giê-su cầu nguyện**

**2599** 470-473 534

Con Một Thiên Chúa, một khi trở thành Con Đức Trinh Nữ, đã học cầu nguyện theo tâm tình nhân loại, Đức Giê-su đã học những công thức cầu nguyện nơi Mẹ là người hằng ghi nhớ và luôn suy niệm trong lòng về "những điều cao cả Đáng Toàn Năng đã thực hiện (Lc 1,49; 2,19; 2,51) . Người đã học từ những lời kinh và những cách thức cầu nguyện của dân tộc, tại hội đường Na-da-rét và tại Đền Thờ. Nhưng kinh nguyện của Người còn phát xuất từ một nguồn mạch bí ẩn khác, như Người đã hé mở cho thấy lúc Người lên mười hai tuổi : "Con có bổn phận ở nhà Cha của con" (Lc 2,49). Từ đây chúng ta được biết nét mới mẻ của kinh nguyện trong "thời kỳ viên mãn": là *lời cầu của Người Con*, lời kinh mà Chúa Cha hằng mong đợi nơi con cái mình, và sau cùng được chính Người Con Một duy nhất thể hiện trong nhân tính với con người và cho mọi người.

**2600** 535 554,612 858, 443

Tin Mừng theo thánh Lu-ca nhấn mạnh tác động của Thánh Thần và ý nghĩa cầu nguyện trong thừa tác vụ của Đức Ki-tô. Đức Giê-su cầu nguyện *trước* những thời điểm quyết định của sứ vụ : trước khi Chúa Cha làm chứng về Người lúc Người chịu phép rửa ( x. Lc 3,21 ) và Hiện Dung ( x. Lc 9,28 ) ; trước khi hoàn thành ý định yêu thương của Chúa Cha nhờ cuộc khổ nạn. Người cũng cầu nguyện trước những thời điểm quyết định đối với sứ vụ của các tông đồ :

trước khi chọn và gọi nhóm Mười Hai ( x. Lc 6,12 ) ; trước khi Phê-rô tuyên xưng Người là "Đức Ki-tô của Thiên Chúa" ( x. Lc 9,18-20 ) ; và cầu nguyện cho vị thủ lãnh các tông đồ khỏi mất lòng tin ( x. Lc 22,32 ) . Khi cầu nguyện trước các biến cố cứu độ mà Chúa Cha trao phó cho Người thực thi, Đức Giê-su khiêm tốn và tin tưởng hòa hợp ý chí nhân loại của mình với thánh ý yêu thương của Chúa Cha.

### **2601 2765**

"Một hôm, Đức Giê-su cầu nguyện ở nơi kia. Người cầu nguyện xong, có một người trong nhóm môn đệ nói với Người : "Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện" (Lc 11,1). Khi nhìn Thầy mình cầu nguyện, người môn đệ của Đức Ki-tô cũng muốn cầu nguyện, và học cầu nguyện với Thầy. Chính khi *chiêm ngưỡng* và lắng nghe Chúa Con, con cái Thiên Chúa học biết cầu khẩn Chúa Cha.

### **2602 616**

Đức Giê-su thường vào *nơi thanh vắng* để cầu nguyện một mình trên núi, thường là vào ban đêm. Vì đã làm người khi Nhập Thể, Đức Giê-su "*mang lấy mọi người*" trong lời cầu nguyện và dâng nhân loại lên Chúa Cha khi hiến dâng chính mình. Ngôi Lời "đã làm Người" đưa tất cả những gì "anh em Người" đang sống vào lời cầu nguyện (Dt 2, 12). Người đã cảm thông được những yếu đuối của họ để giải thoát họ. Chính vì thế Chúa Cha đã cử Người đến (x. Dt 2,15; 4,15 ) . Những lời nói và việc làm của Người bộc lộ những gì Người cầu nguyện trong thầm kín.

### **2603 2637 2546 494**

Các tác giả Tin Mừng ghi lại hai lần Chúa Giê-su cầu nguyện rõ tiếng trong thời kỳ Người rao giảng. Cả hai đều khởi đầu bằng lời tạ ơn. Trong lời nguyện thứ nhất (x. Mt 11,25-27; Lc 10,21-23 ), Đức Giê-su tuyên xưng, nhìn nhận

và chúc tụng Chúa Cha "vì điều Chúa Cha đã giấu không cho các bậc khôn ngoan thông thái biết, thì Cha lại mặc khải cho những người bé mọn" (những người nghèo khó theo các mối phúc). Lời thưa "Vâng, lạy Cha" bộc lộ những gì tận đáy lòng Người, bộc lộ ước muốn "làm đẹp lòng Cha", như vọng lại tiếng "xin vâng" của mẹ Người ngày thụ thai và như khúc dạo đầu cho lời Người sẽ dâng lên Cha trong cơn hấp hối. Toàn thể kinh nguyện của Đức Giê-su đều chất chứa tâm tình gắn bó yêu thương đối với "mầu nhiệm thánh ý Cha" (Ep 1,9), bằng cả trái tim con người của mình.

#### 2604 478

Lời kinh thứ hai được thánh Gio-an lưu truyền cho chúng ta. Trước khi cho La-da-rô sống lại, "Đức Giê-su ngược mắt lên và nói : Lạy Cha, con cảm tạ Cha, vì Cha đã nhận lời con". Lời cảm ơn đi trước biến cố chứng tỏ Chúa Cha luôn nghe lời cầu xin của Người. Ngay sau đó, Đức Giê-su thêm : "Con biết Cha hằng nhận lời Con"; lời này cho thấy Đức Giê-su vẫn luôn cầu nguyện với Cha, lời cầu nguyện đầy tâm tình tạ ơn của Đức Giê-su dạy ta cách cầu xin : *trước khi* được nhận ơn, Đức Giê-su đã gắn bó với Đấng ban ơn, cũng là Đấng ban chính mình qua các hồng ân. Đấng ban ơn thì quý trọng hơn ơn được ban. Người là "kho báu" đích thực và lòng Chúa Con luôn hướng về Người. Hồng ân chỉ là điều "được ban thêm".

#### 2746

Lời nguyện "tư tế" của Đức Giê-su có một vị trí độc đáo trong nhiệm cục cứu độ (chúng ta sẽ suy niệm ở cuối đoạn thứ nhất). Lời nguyện này cho thấy kinh nguyện của Đức Ki-tô Thượng Tế luôn là lời cầu nguyện của ngày hôm nay; đồng thời cũng dạy ta cách cầu nguyện cùng Chúa Cha, vấn đề sẽ bàn đến ở đoạn thứ hai.

## 2605 614

Khi đến giờ Người phải chu toàn ý định yêu thương của Chúa Cha, Đức Giê-su hé mở cho thấy chiều sâu khôn dò trong kinh nguyện của người con, không chỉ trước khi tự nguyện hiến mình. ("*Lạy Cha... xin đừng làm theo ý Con, mà xin theo ý Cha*" ( x. Lc 22,42 ) ); mà ngay cả trong *những lời cuối cùng* của Người trên thập giá, khi cầu nguyện và tự hiến chỉ còn là một. ("*Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm....Tôi bảo thật anh, hôm nay, anh sẽ được ở với tôi trên thiên đàng*" ( x. Lc 23,34;24,43) ); "*Thưa Bà, đây là con của Bà...Đây là Mẹ của anh...Tôi khát*" ( x. Ga 19,26.27.28 ) ); "*Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao Chúa nỡ bỏ con*" ( x. Mc 15,34; Tv 22,2 ) ); "*Mọi sự đã hoàn tất*" ( x. Ga 19,30 ) ); "*Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha*" (Lc 23, 46); kể cả "*tiếng kêu lớn*" của Người khi trút hơi thở ( x. Mc 15,37; Ga 19, 30b )

## 2606 403 653 2587

Tất cả những đau khổ của nhân loại ở mọi thời sống dưới ách nô lệ tội lỗi và sự chết, tất cả mọi lời van xin và chuyển cầu trong toàn lịch sử cứu độ, đều được quy tụ trong Tiếng Kêu Lớn của Ngôi Lời Nhập Thể. Chúa Cha đã đón nhận tất cả và Người đã nhận lời vượt quá mọi hy vọng của chúng ta khi cho Chúa Con sống lại. Như thế, toàn thể kinh nguyện trong nhiệm cục sáng tạo và cứu độ đã được thực hiện và hoàn tất. Tập Thánh Vịnh mở ngõ cho chúng ta cầu nguyện trong Đức Ki-tô. Chính trong "Ngày hôm nay" của cuộc Phục sinh, chúng ta nghe Chúa Cha phán : "Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con. Con cứ xin, rồi Cha ban tặng muôn dân nước làm sản nghiệp riêng, toàn cõi đất làm phần lãnh địa" (Tv 2,7-8).

Thư Do Thái dùng những lời tha thiết để diễn tả cách Đức Giê-su đem lại chiến thắng cứu độ : "Khi còn

sống kiếp phàm nhân Đức Giê-su đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin lên Đấng có quyền cứu Người khỏi chết. Thiên Chúa đã nhận lời Người, vì Người đã tôn kính Thiên Chúa. Dầu là Con Thiên Chúa, Người đã trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục; và khi chính bản thân đã tới mức thập toàn, Người đã trở nên nguồn ơn cứu độ vĩnh cửu cho những ai từng phục người"(Dt 5,7-9).

## **Đức Giê-su dạy cầu nguyện**

### **2607 520**

Khi Đức Giê-su cầu nguyện, Người đã dạy ta cầu nguyện. Cách Đức Giê-su cầu nguyện với Cha bằng tin cậy mến là mẫu mực cho chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa. Ngoài ra, Tin Mừng còn ghi lại cho chúng ta một lời dạy rõ ràng của Đức Giê-su về cầu nguyện. Với tài sư phạm, Người bắt đầu từ tình trạng hiện tại của chúng ta, để từng bước dẫn chúng ta đến cùng Chúa Cha. Khi nói với đám đông dân chúng đang theo Người, Người bắt đầu từ những gì họ đã biết về cầu nguyện theo Cựu Ước, rồi mở ra cho họ thấy nét mới mẻ của Nước Trời đang đến. Kế đó, Người mặc khải cho họ nét mới này qua các dụ ngôn. Sau cùng, đối với các môn đệ là những người sẽ phải dạy cầu nguyện trong Hội Thánh, Người nói rõ về Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

### **2608 541,1430**

Ngày từ *Bài Giảng Trên Núi*, Đức Giê-su đã nhấn mạnh đến việc *hoán cải tâm hồn* : phải làm hòa với anh em trước khi đến dâng lễ vật trên bàn thờ ( x. Mt 5, 23-24) phải yêu thương kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ bách hại mình (x. Mt 5, 44-45) phải "cầu nguyện cùng Chúa Cha, Đấng hiện diện nơi kín đáo" (x. Mt 6, 6) ; khi cầu nguyện đừng lái nhái

nhiều lời ( x. Mt 6, 7) thật lòng tha thứ cho tha nhân ( x. Mt 6, 14-15) , giữ tâm hồn trong sạch và lo tìm kiếm Nước Trời ( x. Mt 6, 21.25.33) . Cuộc hoán cải này hoàn toàn hướng về Chúa Cha, đượm tình con thảo.

### **2609 153,1814**

Khi lòng mình đã quyết tâm hoán cải, con người sẽ học biết cầu nguyện trong *đức tin*. Tin là gắn bó với Thiên Chúa bằng tình con thảo, vượt trên những gì thuộc giác quan và nhận thức. Chúng ta được như thế vì Con yêu dấu của Thiên Chúa đã mở đường cho ta đến cùng Chúa Cha. Chúa Con có quyền đòi chúng ta phải "tìm kiếm" và "gỡ cửa", vì chính Người là cửa và là đường (Mt 7, 7-11.13-14).

### **2610 165**

Đức Giê-su đã cầu nguyện và cảm tạ Chúa Cha trước khi nhận được ơn, Người cũng dạy cho chúng ta *dạn dĩ như người con* : "Tất cả những gì anh em xin khi cầu nguyện, anh em cứ tin là mình đã được rồi" (Mc 11, 24). Đó chính là sức mạnh của lời cầu nguyện : "cái gì cũng có thể, đối với người có lòng tin" (Mc 9,23 ); sức mạnh của một đức tin "không chút nghi nan" (Mt 21, 22). Đức Giê-su đã rất buồn khi thấy "đám bà con thân thuộc Người ... không chịu tin" ( Mc 6, 6 ), và thấy các môn đệ "kém lòng tin" ( Mt 8, 26 ). Trái lại người thán phục trước "lòng tin mạnh mẽ" của viên sĩ quan Rô-ma và người phụ nữ xứ Ca-na-an (Mt 8,10; 15,28 ).

### **2611 2827**

Kinh nguyện của người tín hữu không chỉ là thưa : "Lạy Chúa, Lạy Chúa", nhưng chính là sẵn lòng thi hành *thánh ý Chúa Cha* (Mt 7, 21 ). Đức Giê-su dạy các môn đệ cầu nguyện với tâm tình muốn cộng tác với thánh ý Chúa (x. Mt 9, 38; Lc 10, 2; Ga 4, 34).

## 2612 672 2725

Khi Đức Giê-su đến, triều đại Thiên Chúa đã gần kề, Người kêu gọi con người hoán cải, tin và *tỉnh thức*. Trong cầu nguyện, người môn đệ tỉnh thức đón Đấng Hiện Có và Đấng Tới, vừa tưởng nhớ việc Người đến lần thứ nhất trong xác phàm khiêm hạ vừa mong đợi Người đến lần thứ hai trong Vinh Quang ( x Mc 13; Lc 21, 34-36 ) . Đối với các môn đệ của Đức Ki-tô, cầu nguyện là một cuộc chiến đấu không ngừng; nhờ hiệp thông với Thầy chí Thánh, người môn đệ sẽ chiến thắng : "Ai tỉnh thức trong cầu nguyện sẽ không sa chước cám dỗ" (Lc 22, 40.46).

## 2613 546

Thánh Luca ghi lại cho chúng ta *ba dụ ngôn* chính về cầu nguyện :

- Dụ ngôn thứ nhất, "người bạn quấy rầy" (Lc 11,5-13), dạy chúng ta kêu cứu "Anh em cứ xin thì sẽ được,..., cứ gõ cửa thì cửa sẽ mở ra". Khi một người kêu cứu như vậy, Cha Trên Trời "sẽ ban cho tất cả những gì anh em cần đến", nhất là Người sẽ ban tặng Thánh Thần, kho tàng mọi hồng ân.

- Dụ ngôn thứ hai, "Bà góa quấy rầy" (Lc 18,1-8), chú trọng đến một đặc tính của cầu nguyện : "phải cầu nguyện luôn, không được nản chí", với đức tin nhẫn nại". Nhưng khi Con Người ngự đến, liệu Người còn thấy lòng tin trên mặt đất nữa chăng ?"

## 2559

- Dụ ngôn thứ ba, "Người Pha-ri-sêu và người thu thuế"(Lc 18,9-14), dạy chúng ta phải *khiêm cung* khi cầu nguyện "Lạy Thiên Chúa, con là kẻ tội lỗi, xin thương xót con". Lời cầu này đã được Hội Thánh nhận làm của mình và không ngừng lặp lại : "*xin Chúa thương xót chúng con*".

## 2614 434

Lúc dạy các môn đệ phải cầu nguyện với Chúa Cha, Đức Giê-su đã dạy các ngài và cả chúng ta cách cầu nguyện như thế nào một khi Người về cùng Chúa Cha trong Nhân Tính vinh quang. Từ đây sẽ có một điểm mới là : "nhân danh Thầy mà cầu xin" (Ga 14,13). Tin vào Người, các môn đệ sẽ nhận biết Chúa Cha, vì "chính Thầy là Con Đường, là Sự Thật và là Sự Sống" (Ga 14,6 ). Đức tin này sẽ trở sinh những hoa trái trong đức mến : giữ Lời Người, giữ các điều răn của Người, ở lại với Người trong Chúa Cha là Đấng yêu mến chúng ta trong Người đến độ ở lại với chúng ta. Trong Giao Ước mới này những lời khẩn cầu của chúng ta chắc chắn sẽ được Chúa Cha nhận lời vì dựa trên lời cầu khẩn của Đức Giê-su (Ga 14, 13-14).

## 2615 728

Hơn nữa, khi chúng ta hiệp nhất lời nguyện của mình với lời cầu của Đức Giê-su, Chúa Cha "sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác, đến ở với anh em luôn mãi. Đó là Thánh Thần Chân Lý" (Ga 14,16-17). Nét mới mẻ này và các điều kiện cần có khi cầu nguyện được Đức Giê-su đề cập đến trong diễn từ cáo biệt của Người (x. Ga 14, 23-26; 15, 7.16; 16, 13-15; 16, 23-27). Trong Thánh Thần, kinh nguyện Ki-tô giáo là hiệp thông đầy yêu thương với Chúa Cha, không chỉ nhờ Đức Ki-tô mà còn *trong Người* : "Cho đến bây giờ, anh em đã chẳng xin gì nhân danh Thầy. Anh em cứ xin thì sẽ được trọn vẹn" (Ga,16,24).

## Đức Giê-su nhận lời cầu nguyện

### 2616 548 2667

Trong khi thi hành tác vụ, Đức Giê-su từng nhận lời cầu khẩn Người, qua những dấu chỉ tiên báo quyền năng của Đấng chịu chết và sống lại. Người thương nhận lời cầu xin

đầy tin tưởng của nhiều người, dù họ lên tiếng (người bệnh phong ( x. Mc 1, 40-41), ông Giai-rô ( x. Mc 5, 36 ), người phụ nữ Ca-na-an ( x. Mc 7, 29 ) , người trộm lành ( x. Lc 23, 39-43 ) , hay chỉ im lặng (những người khiêng người bất toại ( x. Mc 2, 5), người đàn bà bị bệnh loạn huyết cổ sờ áo Người ( x. Mc 5,28 ) , nước mắt và dầu thơm của người phụ nữ tội lỗi ( x. Lc 7, 37-38 ) . Lời khẩn cầu tha thiết của những người mù : "Lạy Con Vua Đa-vít, xin thương xót chúng tôi" (Mt 9 ,27) hay "Lạy Đức Giê-su, Con Vua Đa-vít, xin thương xót tôi" (Mc 10,48 ) sẽ được Hội Thánh lặp lại trong truyền thống lời nguyện dâng lên Đức Giê-su : "Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Con Thiên Chúa, Chúa chúng con, xin thương xót con là kẻ tội lỗi". Dù chữa bệnh hay tha tội, Đức Giê-su luôn đáp lời kêu cầu của người tin tưởng khẩn xin Người: "Cứ về bình an, lòng tin anh đã cứu chữa anh".

“Thánh Âu-tinh đã khéo léo tóm tắt ba chiều kích trong kinh nguyện của Đức Giê-su : "Người cầu nguyện cho chúng ta với tư cách là Đầu; Người được chúng ta kêu cầu với tư cách là Thiên Chúa. Vậy chúng ta phải nhận biết tiếng của chúng ta trong Người và tiếng của Người trong chúng ta" ( x. Tv 85,1; x. IGLH 7 ) .

## **Kinh nguyện của Đức Trinh Nữ Ma-ri-a**

**2617 148 494 409**

Chúng ta được biết Đức Ma-ri-a cầu nguyện vào lúc bình minh của thời Viên Mãn. Trước khi Con Thiên Chúa nhập thể và trước khi Chúa Thánh Thần hiện xuống, lời cầu nguyện của Mẹ đã cộng tác một cách độc đáo vào kế hoạch nhân hậu của Chúa Cha, trong ngày Truyền Tin để Đức Ki-tô mặc lấy xác phàm ( x. Lc 1, 38 ) và trong ngày lễ Ngũ Tuần để hình thành Hội Thánh là Thân Thể Đức Ki-tô ( x. Cv 1,

14) . Trong lòng tin của người nữ tỳ khiêm cung này, Hồng Ân Thiên Chúa đã được tiếp nhận xứng đáng, sự tiếp nhận Người đã chờ đợi từ thuở khai thiên lập địa. Con người được Đấng Toàn Năng ban "đầy ân sủng" này đã đáp lại bằng việc hiến dâng trọn xác hồn : "Này tôi là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa làm cho tôi như lời sứ thần nói". Lời "Xin Vâng" chính là kinh nguyện Ki-tô giáo : xin dâng tất cả cho Chúa vì Chúa là tất cả đối với chúng ta.

### **2618 2674 726**

Tin Mừng cho chúng ta thấy Đức Ma-ri-a đầy tin tưởng khi cầu nguyện và chuyển cầu cho những người khác : tại Ca-na ( x. Ga 2,1-12 ) , Mẹ đã xin Đức Giê-su lo đến nhu cầu của bữa tiệc cưới, đây là dấu chỉ về một Bữa Ăn khác, bữa tiệc cưới của Chiên Con hiến Mình và Máu theo lời xin của Hiền Thê là Hội Thánh. Trong giờ Giao Ước Mới, dưới chân thập giá ( x. Ga 19, 25-27 ) , Đức Ma-ri-a đã được nhận lời như Người Phụ Nữ, bà E-và mới, người mẹ đích thực của chúng sinh.

### **2619 724**

Do đó, bài ca của Đức Ma-ri-a ( x. Lc 1, 46-55) (bài *Magnificat* theo La-tinh hay *Megalinaire* theo Hy-lạp) vừa là bài ca của Mẹ Thiên Chúa vừa là bài ca của Hội Thánh, bài ca của Thiếu Nữ Xi-on và của Dân Mới, bài ca tạ ơn vì muôn ngàn hồng ân Thiên Chúa đã ban cho con người trong nhiệm vụ cứu độ, bài ca của "những người nghèo" thấy hy vọng của mình trở thành hiện thực vì Thiên Chúa đã thi hành "nhu đã hứa cùng cha ông chúng ta, vì Người nhớ lại lòng thương xót dành cho tổ phụ Áp-ra-ham và cho con cháu đến muôn đời".

## **TÓM LƯỢC**

**2620**

*Trong Tân Ước, khuôn mẫu tuyệt hảo của cầu nguyện là lời cầu nguyện đầy tình con thảo của Đức Giê-su. Người thường cầu nguyện nơi vắng vẻ, kín đáo. Kinh nguyện của Người đầy tâm tình gắn bó yêu thương, vâng phục thánh ý Chúa Cha dù phải chấp nhận Thập Giá, và tuyệt đối tin tưởng là mình sẽ được nhận lời.*

**2621**

*Đức Giê-su đã dạy các môn đệ cầu nguyện với tâm hồn trong sạch, một đức tin sống động và kiên trì, một sự dạn dĩ của người con . Người kêu gọi họ tỉnh thức và muốn họ dâng những lời khẩn cầu lên Thiên Chúa nhân danh Người. Chính Đức Giê-su Ki-tô cũng nhận lời chúng ta cầu xin.*

**2622**

*Kinh nguyện của Đức Ma-ri-a, trong lời Xin Vâng và bài ca Ngợi Khen, làm nổi bật tâm tình hiến dâng trọn bản thân trong lòng tin.*

### **Mục 3**

## **TRONG THỜI GIAN CỦA GIÁO HỘI**

**2623 731**

Ngày lễ Ngũ Tuần, Chúa Thánh Thần được ban xuống cho các môn đệ "đang tề tựu ở một nơi" (Cv 2,1), "tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, siêng năng cầu nguyện" để chờ đón Người (Cv 1, 14). Chúa Thánh Thần là Đấng dạy dỗ Hội Thánh và làm cho Hội Thánh nhớ lại mọi điều Đức Giê-

sự đã nói ( x. Ga 14,26 ) , Người cũng dạy cho Hội Thánh cầu nguyện.

### **2624 1342**

Trong cộng đoàn tiên khởi tại Giê-ru-sa-lem, các tín hữu "chuyên cần nghe các tông đồ giảng dạy, luôn luôn hiệp thông với nhau, siêng năng tham dự lễ bẻ bánh và cầu nguyện không ngừng"(Cv 2,42). Đây là thứ tự điển hình của kinh nguyện Hội Thánh trên nền tảng đức tin tông truyền, được chứng thực bằng bác ái huynh đệ, được nuôi dưỡng nhờ Thánh Thể.

### **2625 1092 1200**

Trước hết, các tín hữu nghe và đọc lại những kinh nguyện trong Sách Thánh, nhưng trong bối cảnh mới là đã được hoàn tất trong Đức Ki-tô (Lc 24, 27.44), nhất là các Thánh Vịnh. Chúa Thánh Thần, Đáng nhắc lại mầu nhiệm Chúa Ki-tô cho Hội Thánh đang cầu nguyện, cũng dẫn đưa Hội Thánh vào Chân Lý trọn vẹn và khởi hứng những mẫu kinh mới để diễn tả mầu nhiệm khôn dò thấu về Chúa Ki-tô, Đáng đang hoạt động trong cuộc sống, trong các bí tích và trong sứ vụ của Hội Thánh. Những mẫu kinh này sẽ được phát triển trong các truyền thống phụng vụ và linh đạo chính. *Những hình thức kinh nguyện* được lưu truyền trong các văn phẩm chính lục của các tông đồ, sẽ mãi mãi là chuẩn mực cho kinh nguyện Ki-tô giáo.

## **I. CHÚC TỤNG VÀ THỜ LẠY**

### **2626 1078**

Thiên Chúa chúc lành cho con người và tới lượt tâm hồn con người *chúc tụng* Đáng là nguồn mạch mọi phúc lành. Đây là thái độ căn bản của kinh nguyện Ki-tô giáo. Kinh nguyện chúc tụng là cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và

con người, Thiên Chúa ban ơn và con người đáp lại. Kinh nguyện chúc tụng là cách con người đáp lại những hồng ân của Thiên Chúa.

### **2627 1083**

Kinh nguyện chúc tụng có hai hình thức chính : có khi được *dâng lên* Chúa Cha nhờ Chúa Kitô trong Chúa Thánh Thần (chúng ta chúc tụng Thiên Chúa Đấng đã chúc lành cho chúng ta) ( x. Ep 1, 3-14; 2 Cr 1, 3-7; 1Pr 1, 3-9 ) : có khi xin Chúa Cha ban Chúa Thánh Thần nhờ Chúa Ki-tô (chính Chúa Cha chúc lành cho chúng ta) ( x. 2 Cr 13, 13; Rm 15, 5-6; Ep 6, 23-24 ) .

### **2628 2096-2097 2559**

*Thờ lạy* là thái độ đầu tiên của con người khi nhìn nhận mình là thụ tạo đang đối diện với Đấng Sáng Tạo. Kinh nguyện thờ lạy là tán dương Thiên Chúa cao cả, Đấng dựng nên ta (Tv 95, 1-6) và là Đấng quyền năng đã giải thoát ta khỏi sự dữ. Thờ lạy là phủ phục trước "Đức Vua Vinh Quang" ( x. Tv 24,9-10 ) , là thỉnh lạy và kính cẩn trước Thiên Chúa, Đấng muôn trùng cao cả. Thái độ thờ lạy Thiên Chúa chí thánh và chí ái, giúp chúng ta khiêm tốn và tin tưởng vững vàng Người sẽ nhận lời chúng ta khẩn cầu.

## **II. KHẨN CẦU**

### **2629 396**

Trong Tân Ước, kinh nguyện này có nhiều tên gọi diễn tả những biến thái khác nhau : khẩn cầu, cầu xin, năn nỉ, kêu xin, cầu cứu, kêu la, thậm chí "chiến đấu bằng kinh nguyện". Nhưng hình thức thông thường và tự phát nhất là lời khẩn cầu. Trong kinh nguyện khẩn cầu, chúng ta bộc lộ ý thức về tương quan giữa mình với Thiên Chúa : Chúng ta là thụ tạo, không phải tự mình mà có, không làm chủ được

những nghịch cảnh trong đời, không phải là cùng đích đời mình; chẳng những vậy, là người Ki-tô hữu, chúng ta biết mình tội lỗi, đã phản nghịch lại Thiên Chúa là Cha chúng ta. Khi khẩn cầu, con người đã quay về với Thiên Chúa.

### **2630 2090**

Tân Ước ít thấy những lời than vãn, như thường gặp trong Cựu Ước. Trong Đức Ki-tô Phục Sinh, lời khẩn cầu của Hội Thánh luôn tràn đầy hy vọng, cho dù chúng ta vẫn còn phải chờ đợi và hoán cải mỗi ngày. Trong Ki-tô giáo, kinh nguyện khẩn cầu còn xuất phát từ một chiều sâu khác, được thánh Phao-lô gọi là lời "*rên xiết*"; tiếng rên xiết của "muôn loài thụ tạo quằn quại như sắp sinh nở" (Rm 8,22) ; tiếng rên xiết của chúng ta "còn trông đợi Thiên Chúa cứu chuộc toàn thể con người chúng ta, vì ơn cứu độ vẫn là điều phải trông mong" (Rm 8,23-24); cũng là "tiếng rên xiết khôn tả" của chính Thánh Thần, Đấng "giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn, vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải; nhưng chính Thánh Thần sẽ cầu thay nguyện giúp chúng ta" (Rm 8,26).

### **2631 2838**

Kinh nguyện khẩn cầu đầu tiên của con người là lời *xin ơn tha tội*, như lời người thu thuế trong Tin Mừng Lu-ca: "Xin thương xót con là kẻ có tội" (Lc 8,13). Muốn cầu nguyện thực sự và đúng đắn, trước hết phải xin ơn tha tội. Tâm tình khiêm nhu tén thót cho chúng ta hiệp thông với Chúa Cha, với con của Người là Đức Giê-su Ki-tô và với anh em; nhờ đó "bất cứ điều gì chúng ta xin, thì chúng ta được Người ban cho" (1Ga 3, 22). Trước khi cử hành Phụng vụ Thánh Thể cũng như cầu nguyện riêng, chúng ta phải xin ơn tha tội.

**2632 2816 1942 2854**

Theo lời Đức Giê-su dạy, khao khát và *tìm kiếm Nước Thiên Chúa* phải là trọng tâm kinh nguyện Ki-tô giáo. Vì thế, phải khẩn cầu theo thứ tự : trước hết là cầu xin "Nước Cha trị đến", rồi cầu xin Cha ban những ơn cần thiết để đón nhận Nước Trời và cộng tác vào việc mở mang Nước Chúa. Cộng tác vào sứ mạng của Chúa Ki-tô và của Chúa Thánh Thần, tức là sứ mạng của Hội Thánh hôm nay, là đối tượng của kinh nguyện cộng đoàn tông đồ ( x. Cv 6,6; 13,3) . Lời cầu nguyện của Phao-lô, vị tông đồ tuyệt hảo, cho ta thấy : ưu tư về mọi giáo đoàn phải nổi bật trong kinh nguyện của Ki-tô hữu. Nhờ cầu nguyện, các tín hữu góp phần vào việc mở mang Nước Chúa.

**2633 2830**

Khi tham dự vào công trình yêu thương cứu độ của Thiên Chúa, chúng ta có thể coi *mọi nhu cầu* là đối tượng của kinh nguyện khẩn cầu. Đức Ki-tô, Đấng đã đón nhận tất cả để chuộc lại tất cả, được tôn vinh qua những lời chúng ta cầu xin Chúa Cha nhân danh Người ( x. Ga 14,13 ) . Tin tưởng như thế, thánh Gia-cô-bê và thánh Phao-lô khuyến khích chúng ta : hãy cầu nguyện *mọi nơi mọi lúc*.

### **III. KINH NGUYỆN CHUYỂN CẦU**

**2634 432**

Chuyển cầu là một kinh nguyện khẩn cầu. Khi chuyển cầu, chúng ta theo mẫu cầu nguyện của Đức Ki-tô. Người là Đấng trung gian duy nhất dâng lời chuyển cầu lên Chúa Cha cho mọi người, nhất là các tội nhân. "Người có thể đem ơn cứu độ vĩnh viễn cho những ai nhờ Người mà tiến lại gần Thiên Chúa. Thật vậy, Người hằng sống để chuyển cầu cho họ" ( x. Dt 7,25). "Hơn nữa, lại có Thánh Thần cầu thay nguyện giúp chúng ta là những kẻ yếu hèn... Thánh Thần cầu

thay nguyện giúp cho dân thánh theo đúng ý Thiên Chúa" ( x. Rm 8, 26-27 ).

#### **2635 2571 2577**

Chuyển cầu là khẩn cầu cho người khác. Từ thời Áp-ra-ham, đây là đặc tính của một tâm hồn hòa theo lòng từ bi nhân hậu của Thiên Chúa. Trong thời đại của Hội Thánh, lời chuyển cầu của Ki-tô hữu tham dự vào kinh nguyện chuyển cầu của Đức Ki-tô, đây là cách diễn tả mẫu nhiệm các thánh thông công. Trong kinh nguyện chuyển cầu, chúng ta "không tìm lợi ích cho riêng mình, nhưng tìm lợi ích cho người khác" ( Pl 2,4), ngay cả cầu xin cho kẻ làm hại mình ( x. Lời cầu của Đức Ki-tô và Thánh Tê-pha-nô, Lc 23, 28-34; Cv 7,60 ).

#### **2636 1900 1037**

Những cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi đã nhiệt thành sống hình thức chia sẻ này ( x. Cv 12,5; 20, 36) trong kinh nguyện. Tông đồ Phao-lô đã kêu gọi các tín hữu tham gia vào công cuộc rao giảng Tin Mừng bằng lời cầu nguyện; chính Người cũng luôn cầu nguyện cho họ. Người Ki-tô hữu chuyển cầu "cho hết mọi người, cho vua chúa và tất cả những người cầm quyền" ( Tm 2,1 ), cho những người bách hại mình, cho những ai khước từ Tin Mừng cũng nhận được ơn cứu độ (x. Rm 12,14; 10,1).

### **IV. KINH NGUYỆN TẠ ƠN**

#### **2637 224,1328 2603**

Tạ ơn là đặc tính của kinh nguyện Hội Thánh, đặc biệt khi cử hành Thánh lễ. Thật vậy trong công trình cứu độ, Đức Ki-tô giải thoát toàn thể thụ tạo khỏi ách thống trị của tội lỗi và sự chết, để thánh hiến và qui hướng chúng ta về với Chúa Cha, để tôn vinh Chúa Cha. Lời kinh tạ ơn của các chi

thê trong Thân Thê được tham dự vào lời tạ ơn của Đức Ki-tô là đầu.

## 2638

Cũng như trong kinh nguyện khẩn cầu, mọi biến cố và mọi nhu cầu đều có thể trở thành dịp để dâng lời tạ ơn. Các thư của thánh Phao-lô thường khởi đầu và kết thúc bằng một lời tạ ơn, và luôn luôn nhắc tới Chúa Giê-su. "Hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh, Thiên Chúa muốn anh em làm như vậy, vì anh em đã được kết hợp với Đức Ki-tô Giê-su" (Tx 5,18). "Anh em hãy siêng năng cầu nguyện ; trong khi cầu nguyện, hãy tỉnh thức mà tạ ơn" (Cl 4,2).

## V. KINH NGUYỆN CA NGỢI

### 2639 213

Ca ngợi là hình thức cầu nguyện nhìn nhận Thiên Chúa là Chúa Tể một cách trực tiếp nhất. Lời kinh ca ngợi tán dương Thiên Chúa, tôn vinh Người không chỉ vì những gì Người đã làm nhưng còn vì chính Người là Chúa. Khi ca ngợi Thiên Chúa, chúng ta thông phần hạnh phúc của những tâm hồn trong sạch, những kẻ yêu mến Người trong đức tin trước khi được thấy Người trong Vinh Quang. Khi chúng ta ca ngợi Thiên Chúa, Chúa Thánh Thần kết hợp với tâm hồn chúng ta để chứng nhận rằng chúng ta là con cái Thiên Chúa (Rm 8,16), làm chứng cho Con Một Thiên Chúa, Đáng làm cho chúng ta được nhận làm nghĩa tử và có thể dâng lời tôn vinh Chúa Cha. Lời kinh ca ngợi kết hợp với những hình thức kinh nguyện khác và dâng tất cả lên Đấng là nguồn mạch và cùng đích của mọi sự, "Thiên Chúa duy nhất, Chúa Cha, Đáng tạo thành vạn vật và là cùng đích của chúng ta" (1 Cr 8,6).

**2640**

Tin Mừng Lu-ca thường nhắc đến thái độ thần phục và ca ngợi của con người trước những điềm thiêng dấu lạ của Đức Ki-tô. Sách Công Vụ Tông Đồ cũng nhấn mạnh những việc kỳ diệu do tác động của Chúa Thánh Thần: hình thành cộng đoàn Giê-ru- sa-lem (Cv 2,47), việc Phê-rô và Gio-an chữa lành người bất toại (Cv 3,9), dân chúng tôn vinh Thiên Chúa (Cv 4,21) vì việc đó, dân ngoại ở Pi-xi-đi-a "vui mừng suy tôn Lời Chúa" ( x. Cv 13,48 ) .

**2641 2587**

"Hãy cùng nhau xướng đáp những bài Thánh Vịnh, thánh thi và những bài ca do Thánh Thần linh hứng; hãy đem cả tâm hồn mà ca hát chúc tụng Chúa" ( x. Eph 5,19; Cl 3,16). Như các thánh sử Tân Ước, những cộng đoàn Ki-tô hữu đầu tiên đọc lại sách Thánh Vịnh trong cách nhìn mới, để ca ngợi mầu nhiệm Đức Ki-tô ẩn tàng trong đó. Dưới ánh sáng mới của Thánh Thần, họ cũng sáng tác những thánh thi và thánh ca về biến cố khôn dò Thiên Chúa đã thực hiện nơi Chúa Con: cuộc Nhập Thể, Tử Nạn chiến thắng sự chết, Phục Sinh và Lên Trời ngự bên hữu Thiên Chúa ( x. Pl 2, 6-11; Col 1, 15-20; Eph 5, 14; 1Tm 3, 16; 6, 15-16; 2Tm 2, 11-13) ) . Vì "kỳ công" đặc biệt này của công trình cứu độ, các tín hữu dâng lên lời vinh tụng ca để ca ngợi Thiên Chúa ( x Eph 1,3-14; Rm 16,25-27; Ep 3,20-21; Gđã 24-25 ) .

**2642 1137**

Sách Khải Huyền, lời mặc khải "về những điều sắp phải xảy đến", đầy đầy những bài thánh ca của phụng vụ trên trời nhưng cũng nhờ kinh nguyện chuyển cầu của "các chứng nhân" (các vị tử đạo) ( x. Kh 6,10 ) . Các ngôn sứ và các thánh nhân, tất cả những người đã bị sát hại dưới thế để làm chứng cho Đức Giê-su, đám đông vô số "những người đã trải qua cơn thử thách lớn lao", tất cả đã đi trước chúng ta vào

trong Nước Thiên Chúa, họ đang ca ngợi vinh quang của "Thiên Chúa, Đấng ngự trên ngai và Con Chiên" (Kh 19,1-8). Hiệp thông với các ngài, Hội Thánh tại thế cũng hát lên những bài hát thánh ca này, trong đức tin và giữa con thử thách. Trong kinh nguyện khẩn cầu và chuyển cầu, đức tin làm cho chúng ta vẫn hy vọng dầu có vẻ đã tuyệt vọng, và dâng lên "lời tạ ơn" Chúa Cha, Đấng tạo dựng muôn tinh tú và ban xuống mọi ân huệ tốt lành" (Gc 1,17). Đức tin cũng là một kinh nguyện ca ngợi tinh tuyền.

#### **2643 1330**

Bí tích Thánh Thể chứa đựng và diễn tả mọi hình thức kinh nguyện. Bí tích Thánh Thể là "lễ dâng tinh tuyền" của toàn Thân Thể Chúa Ki-tô "vì vinh quang Danh Người". Truyền thống Đông và Tây Phương đều gọi bí tích Thánh Thể là "hy tế ca ngợi".

### **TÓM LƯỢC**

#### **2644**

*Chúa Thánh Thần là Đấng dạy dỗ và nhắc lại cho Hội Thánh tất cả những gì Đức Giê-su đã nói, chính Người dạy Hội Thánh cầu nguyện bằng cách khơi lên những cách diễn tả mới cho các hình thức kinh nguyện quen thuộc: chúc tụng, khẩn cầu, chuyển cầu, tạ ơn và ca ngợi.*

#### **2645**

*Thiên Chúa đã chúc lành cho con người, nên tâm hồn con người có thể chúc tụng Đấng là nguồn mạch mọi phúc lành.*

#### **2646**

*Chúng ta dâng lên Thiên Chúa. Kinh nguyện khẩn cầu để xin ơn tha tội, xin cho chúng ta biết tìm kiếm Nước Chúa xin Thiên Chúa ban những ơn cần thiết.*

**2647**

*Chuyển cầu là cầu xin cho người khác. Lời cầu nguyện của Ki-tô hữu không có biên giới : chúng ta cầu nguyện cho mọi người, kể cả kẻ thù.*

**2648**

*Mọi vui buồn, mọi biến cố và nhu cầu, đều là dịp để chúng ta dâng lên Thiên Chúa kinh nguyện tạ ơn. Tham dự vào kinh tạ ơn của Đức Ki-tô, cả cuộc đời người Ki-tô hữu là bài ca tạ ơn Thiên Chúa : "Anh em hãy tạ ơn Thiên Chúa trong mọi hoàn cảnh" (1Tx 5,18).*

**2649**

*Chúng ta dâng lên Thiên Chúa kinh nguyện ca ngợi, thuần túy vô vị lợi, để ca khen, tôn vinh Người, không chỉ vì những việc Người đã làm cho ta, mà còn vì Người là Thiên Chúa.*

## CHƯƠNG HAI

### TRUYỀN THỐNG CẦU NGUYỆN

**2650 75**

Kinh nguyện không chỉ là một ngẫu hứng nội tâm : phải muốn, mới cầu nguyện được. Biết những gì Kinh Thánh mặc khải về cầu nguyện chưa đủ, chúng ta còn phải học cầu nguyện nữa. Trong "Hội Thánh là cộng đoàn đức tin và cầu

nguyện", chính Chúa Thánh Thần dạy con cái Thiên Chúa biết cầu nguyện, bằng một Thánh Truyền sống động.

**2651 94**

Truyền thống cầu nguyện Ki-tô giáo là một cách thức để Truyền Thống đức tin định hình và phát triển đặc biệt nhờ việc chiêm niệm và học hỏi của các tín hữu, những người ghi nhớ trong lòng những lời đã phán trong nhiệm vụ cứu độ; ngoài ra còn nhờ những hiểu biết sâu sắc về thực tại thiêng liêng mà họ cảm nghiệm được.

## Mục 1

# NHỮNG NGUỒN MẠCH CỦA KINH NGUYỆN

**2652 694**

Chúa Thánh Thần là "Nước trường sinh", "một mạch nước chảy vọt, đem lại sự sống đời đời" (Ga 4, 14). Nơi tâm hồn người cầu nguyện, Chúa Thánh Thần dạy chúng ta biết đón nhận Người tận Nguồn Mạch đích thực là Đức Ki-tô. Trong đời sống Ki-tô hữu, có những nguồn mạch, ở đó Đức Ki-tô đang chờ để ban Thánh Thần cho chúng ta.

## Lời Chúa

**2653 133 1100**

Hội Thánh tha thiết và đặc biệt khuyến khích mọi Ki-tô hữu... hãy năng đọc Thánh Kinh để học biết "khoa học siêu việt của Chúa Giê-su Ki-tô"... Nhưng mọi người cũng nên nhớ rằng kinh nguyện phải đi đôi với việc đọc Thánh Kinh, để có sự đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, vì "chúng ta ngỏ lời với Người khi cầu nguyện, và chúng ta

nghe Người nói lúc chúng ta đọc các sấm ngôn thần linh" (T. Am-rô-xi-ô, nhiệm vụ thừa tác viên 1,88; DV 25) .

## **2654**

Khi trình bày về Mt 7,7, các linh phụ đã tóm tắt thái độ của một tâm hồn được Lời Chúa nuôi dưỡng trong kinh nguyện như sau : khi đọc, hãy tìm kiếm, bạn sẽ tìm thấy khi suy gẫm; khi cầu nguyện, hãy gõ cửa, bạn sẽ được mở cho nhờ chiêm niệm ( x Guigue le Chartreux, Những nấc thang thiêng liêng ) .

## **Phụng vụ của Hội Thánh**

### **2655 1073 368**

Sứ mạng của Đức Ki-tô và Chúa Thánh Thần là công bố, hiện thực và thông truyền mầu nhiệm cứu độ trong Phụng vụ của Hội Thánh; sứ vụ ấy được tiếp nối nơi tâm hồn người cầu nguyện. Các linh phụ đôi khi so sánh tâm hồn với bàn thờ. Kinh nguyện tiếp nhận Phụng vụ và đồng hóa với phụng vụ trong khi và sau khi được cử hành. Dù con người cầu nguyện "nơi kín đáo" ( Mt 6, 6 ), lời nguyện của họ vẫn là kinh nguyện *của Hội Thánh*, là sự hiệp thông với Ba Ngôi Chí Thánh.

1812-1829

## **Các nhân đức đối thần**

## **2656**

Chúng ta đi vào kinh nguyện cũng như đi vào phụng vụ, qua cửa hẹp là đức tin. Qua những dấu chỉ về sự hiện diện thần linh, chúng ta tìm kiếm và trông mong Thánh Nhan Đức Chúa, chúng ta muốn lắng nghe và suy niệm Lời Người.

## 2657

Chúa Thánh Thần dạy chúng ta cử hành phụng vụ đang khi đợi chờ Đức Ki-tô tái lâm, chính người hướng dẫn ta biết cầu nguyện *trong hy vọng*. Ngược lại, kinh nguyện của Hội Thánh và của cá nhân nuôi dưỡng hy vọng trong lòng chúng ta. Đặc biệt, các Thánh Vịnh, với ngôn ngữ cụ thể và đa dạng, dạy chúng ta biết gắn chặt niềm hy vọng vào Thiên Chúa: "Tôi đã hết lòng trông đợi Chúa, Người nghiêng mình xuống và nghe tiếng tôi kêu" ( Tv 40,2). "Xin Thiên Chúa là nguồn hy vọng ban cho anh em chan chứa niềm vui và bình an nhờ lòng tin, để nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, anh em được tràn trề hy vọng" (Rm 15,13).

## 2658 826

"Trông cậy như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta" (Rm 5,5). Được huấn luyện bằng đời sống phụng vụ, kinh nguyện bắt nguồn từ tình yêu Thiên Chúa, Đấng đã yêu thương chúng ta trong Đức Ki-tô và giúp ta đáp trả như Người đã yêu thương chúng ta. Tình yêu là *nguồn mạch* của kinh nguyện; ai đến với nguồn mạch đó, sẽ đạt tới tốt đỉnh của kinh nguyện :

"Lạy Thiên Chúa của con, con yêu mến Ngài. Con chỉ mong ước một điều là được yêu Ngài đến hơi thở cuối cùng của đời con. Lạy Thiên Chúa vô cùng khả ái, con yêu mến Ngài. Con thà chết vì yêu Ngài, còn hơn sống mà không yêu Ngài. Lạy Chúa, con yêu mến Ngài, con chỉ xin Ngài một ân huệ duy nhất là được yêu Ngài mãi mãi...Lạy Thiên Chúa của con, nếu mọi lúc con không thể nói con yêu Ngài, con chỉ mong theo nhịp thở của con, trái tim không ngừng lập

lại : con yêu Ngài" (T. Gio-an Ma-ri-a Vianey, kinh nguyện).

## "Hôm nay"

### 2659 1165, 305

Chúng ta học biết cầu nguyện vào một số thời gian nhất định, bằng cách lắng nghe Lời Chúa và tham dự mầu nhiệm Vượt Qua của Người; Người còn ban Thánh Thần để giúp chúng ta cầu nguyện trong mọi lúc, trong mọi biến cố của cuộc sống *hằng ngày*. Khi dạy ta cầu nguyện với Cha Trên Trời, Đức Giê-su cũng dạy về sự quan phòng của Chúa Cha (Mt 6, 11.34). Thời gian là của Cha; chúng ta gặp được Người trong hiện tại, không phải hôm qua hay ngày mai, nhưng chính hôm nay : "Ngày hôm nay, ước gì hôm nay anh em nghe tiếng Chúa! Người phán : các người, chớ cứng lòng" (Tv 95,7-8 ).

### 2660 2546, 2632

Cầu nguyện trong mọi biến cố của cuộc sống hằng ngày, là một trong những điều bí ẩn của Nước Trời được mặc khải cho những kẻ bé mọn, những người tội tở của Đức Kitô, những người nghèo theo các Mối Phúc. Cầu nguyện cho Nước công lý và bình an tác động vào diễn tiến của lịch sử, là việc chính đáng và tốt đẹp; nhưng phải đem những hoàn cảnh bình thường của cuộc sống hằng ngày vào kinh nguyện. Mọi hình thức cầu nguyện đều có thể là thứ men cần thiết được Chúa nói đến trong dụ ngôn về Nước Trời (Lc 13, 20-21).

## **TÓM LƯỢC**

**2661**

*Qua một truyền thống sống động trong Hội Thánh là Thánh Truyền. Chúa Thánh Thần dạy con cái Thiên Chúa biết cầu nguyện.*

**2662**

*Lời Chúa, Phụng Vụ của Hội Thánh, các nhân đức Tin Cậy Mến, là những nguồn mạch của kinh nguyện.*

## **Mục 2**

### **CON ĐƯỜNG CẦU NGUYỆN**

**2663 1201**

Trong truyền thống kinh nguyện sống động, mỗi Giáo Hội giới thiệu cho các tín hữu ngôn ngữ kinh nguyện của mình : những lời kinh, bài hát, cử điệu và hình ảnh... tùy theo bối cảnh lịch sử, xã hội và văn hóa. Huấn Quyền có trách nhiệm ( x. DV 10 ) nhận định xem những con đường cầu nguyện này có trung thành với đức tin tông truyền không. Các mục tử và những giáo lý viên có trách nhiệm giải thích ý nghĩa của những con đường cầu nguyện này trong tương quan với Đức Giê-su Ki-tô.

#### **Kinh nguyện dâng lên Chúa Cha**

**2664 2780**

Đức Ki-tô là con đường cầu nguyện duy nhất của người Ki-tô hữu. Kinh nguyện cộng đoàn hay cá nhân, khẩu

nguyện hay tâm nguyện, chỉ đạt tới Chúa Cha nếu chúng ta cầu nguyện nhân danh Chúa Ki-tô. Nhân tính thánh thiện của Đức Giê-su chính là con đường, nhờ đó Thánh Thần dạy chúng ta cầu nguyện với Thiên Chúa là Cha.  
Kính nguyện dâng lên Chúa Giê-su

### **2665 451**

Được nuôi dưỡng bằng Lời Chúa và cử hành phụng vụ, kính nguyện của Hội Thánh dạy cho ta biết cầu nguyện với Chúa Giê-su. Dù chủ yếu được dâng lên Chúa Cha, trong mọi truyền thống phụng vụ, kính nguyện này đều có những hình thức kính nguyện hướng về Chúa Ki-tô. Trong một số Thánh Vịnh và trong Tân Ước, chúng ta có sẵn một số tước hiệu của Đức Ki-tô để kêu cầu và khắc ghi trong lòng : Con Thiên Chúa, Ngôi Lời của Thiên Chúa, Đức Chúa, Đấng Cứu Độ, Chiên Thiên Chúa, Đức Vua, Con Chí Ái của Thiên Chúa, Con Đức Trinh Nữ, Mọc Từ nhân lành, Sự Sống, Ánh Sáng, Hy Vọng, và sự Phục Sinh của chúng ta, bạn của loài người...

### **2666 432, 435**

Danh hiệu Giê-su mà Con Thiên Chúa đã tiếp nhận khi nhập thể bao hàm mọi tước hiệu. Con người không có quyền gọi tên Thiên Chúa ( x. Xh 3,14; 33,19-23 ) , nhưng khi nhập thể, Ngôi Lời Thiên Chúa đã mặc khải Danh Thánh này và chúng ta có thể xưng lên Danh đó : "Giê-su"; "Thiên Chúa Cứu Độ" (Mt 1, 21). Danh Thánh Giê-su bao hàm mọi sự : Thiên Chúa và con người cùng với toàn thể nhiệm vụ sáng tạo và cứu độ. Cầu nguyện với Đức Giê-su là kêu cầu Người, thậm gọi Người. Danh Người là danh hiệu duy nhất hàm chứa mọi sự.

## 2667 2616

Cách kêu cầu này thật đơn sơ xuất phát từ lòng tin, đã được khai triển dưới nhiều hình thức trong truyền thống kinh nguyện Đông và Tây Phương. Công thức thông dụng nhất, được các bậc thầy linh đạo tu viện Si-nai, tu viện Athos và vùng Sy-ri truyền lại, là lời cầu : "Lạy Đức Giê-su, là Đức Ki-tô, là Con Thiên Chúa, và là Chúa chúng con, xin thương xót chúng con là kẻ có tội". Lời nguyện này kết hợp bài thánh thi ca ngợi Chúa Ki-tô trong thư gửi giáo đoàn Phi-líp (Pl 2,6-11) với lời van xin của người thu thuế và những người mù lòa trong Tin Mừng ( x. Mc 10,46-52; Lc 18,13 ). Nhờ lời nguyện này, tâm hồn chúng ta hòa nhịp với sự khốn cùng của con người và lòng thương xót của Đấng Cứu Độ.

## 2668 435

Kêu cầu thánh danh Chúa Giê-su là con đường đơn giản nhất để cầu nguyện liên tục. Khi chăm chú và khiêm tốn kêu cầu liên tục như vậy, chúng ta không "lải nhải nói nhiều" (Mt 6,7), nhưng "nắm giữ Lời Chúa và nhờ kiên trì mà sinh hoa kết quả" (Lc 8,15). Lời nguyện này có thể thực hiện "mọi lúc", vì đây không phải là một việc khác bên cạnh công việc ta đang làm, nhưng là công việc duy nhất : yêu mến Thiên Chúa; nhờ đó mọi hoạt động của ta được sinh động và có giá trị trong Đức Giê-su.

## 2669 478 1674

Hội Thánh tôn sùng *Thánh Tâm Chúa Giê-su*, y như đã kêu cầu thánh danh Người trong kinh nguyện, vì đây là trái tim của Ngôi Lời Nhập Thể đã yêu thương nhân loại đến nỗi bị đâm thấu vì tội lỗi chúng ta. Ki-tô hữu còn có thói quen cầu nguyện theo *Đường Thánh Giá* : những chặng đường, từ dinh Phi-la-tô đến Núi Sọ và Mộ Đá, đưa chúng ta theo bước Chúa Giê-su, Đấng đã dùng Thánh Giá mà cứu chuộc nhân loại.

## " Lạy Chúa Thánh Thần, xin Ngài ngự đến "

**2670** 683 2001 1310

"Nếu không được Thánh Thần giúp sức cho, không ai có thể nói rằng: "Giê-su là Đức Chúa"(1 Cr12, 3). Mỗi lần chúng ta muốn cầu nguyện với Chúa Giê-su, chính Chúa Thánh Thần dùng ơn tiền sủng đưa chúng ta vào kinh nguyện. Chúa Thánh Thần dạy chúng ta biết cầu nguyện bằng cách nhắc ta nhớ đến Chúa Ki-tô, Vậy tại sao ta không cầu xin chính Chúa Thánh Thần ? Vì thế, Hội Thánh kêu gọi chúng ta cầu xin Chúa Thánh Thần mỗi ngày, nhất là khi khởi sự và kết thúc mỗi việc quan trọng.

"Chúa Thánh Thần đã thần hóa chúng ta bằng bí tích Thánh Tẩy, tại sao chúng ta không tôn thờ Người? Nếu Người đáng được tôn thờ, tại sao không dành cho Người một phụng tự riêng biệt ? "(T . Ghê-gô-ri-ô thành Nadien Bài giảng thần học 5,28 ) .

**2671**

Hình thức truyền thống để cầu khẩn Chúa Thánh Thần là kêu xin Chúa Cha, nhờ Chúa Ki-tô, để Cha ban cho chúng ta Chúa Thánh Thần là Đấng Bảo Trợ ( Lc 11,13). Chúa Giê-su nhân mạng phải cầu khẩn nhân danh Người, ngay cả khi Người hứa ban tặng Thánh Thần Chân Lý (Ga 16, 13; 15, 26; 14,17). Lời nguyện đơn giản và trực tiếp nhất trong truyền thống là : "Lạy Chúa Thánh Thần, xin Ngài ngự đến". Mọi truyền thống phụng vụ đều có khai triển lời nguyện này trong các tiền xướng và thánh thi :

"Lạy Chúa Thánh Thần, Xin Ngài ngự đến tràn ngập tâm hồn các tín hữu Chúa, và xin nhóm lửa tình yêu Chúa trong lòng họ" (Ca tiếp liên lễ Hiện Xuống).

“Lạy Chúa Thánh Thần là vua thiên quốc, Đấng Bảo Trợ, là Thần Chân Lý, Đấng hiện diện khắp nơi và tràn ngập mọi sự, là kho tàng chứa mọi điều thiện hảo, là Nguồn Mạch Sự Sống, xin Ngài đến cư ngụ trong lòng chúng con. Lạy Đấng Nhân Lành, xin thanh tẩy và cứu độ chúng con, ( Phụng vụ By-zantin, điệp ca kinh chiều lễ Hiện Xuống )

### **2672 695**

Khi chúng ta được Thiên Chúa xúc dầu bằng Thánh Thần, Chúa Thánh Thần thấm nhập toàn thể con người ta, trở thành người Thầy nội tâm dạy cho ta biết cầu nguyện. Người là tác giả truyền thống kinh nguyện sống động của Hội Thánh. Có bao nhiêu người cầu nguyện thì cũng có bấy nhiêu cách cầu nguyện, nhưng chỉ có một Thánh Thần, Đấng tác động trong mọi người và cùng với mọi người. Được hiệp thông nhờ Chúa Thánh Thần, khi Ki-tô hữu cầu nguyện, họ cầu nguyện trong Hội Thánh.

### **Hiệp thông với Thánh Mẫu của Thiên Chúa**

### **2673 689**

Trong kinh nguyện, Chúa Thánh Thần kết hiệp chúng ta với Ngôi Vị của Chúa Con, nơi nhân tính vinh quang của Người. Nhờ và trong nhân tính ấy, khi chúng ta cầu nguyện như những người con Thiên Chúa, chúng ta hiệp thông với Mẹ của Đức Giê-su trong Hội Thánh (x. Cv 1,14).

### **2674 494**

Trong ngày Truyền Tin, Mẹ Ma-ri-a đã tin tưởng mà ưng thuận và Mẹ không ngần ngại giữ vững sự ưng thuận ấy dưới chân Thập Giá. Tình mẫu tử của Đức Ma-ri-a lan rộng đến "những anh em của Đức Giê-su đang lữ hành trên dương thế và đang gặp bao nguy hiểm, thử thách" ( x. LG 62 ) . Đức

Giê-su, Đấng Trung Gian duy nhất, là con đường chúng ta phải theo khi cầu nguyện. Đức Ma-ri-a là Mẹ của Người và Mẹ chúng ta; Mẹ là hình ảnh trong suốt của Người. Các ảnh tượng thánh truyền thống của Giáo Hội Đông và Tây Phương đều cho thấy Mẹ là " người chỉ đường " và là "dấu chỉ " về Đức Giê-su.

### **2675 970 512 2619**

Các Giáo Hội khai triển việc cầu nguyện với Thánh Mẫu của Thiên Chúa, bằng cách tập trung suy niệm các mầu nhiệm cuộc đời Chúa Ki-tô, vì Đức Ma-ri-a đã cộng tác đặc biệt vào các hoạt động của Chúa Thánh Thần. Trong vô số thánh thi và tiền xướng diễn tả tâm tình cầu nguyện này, có hai hướng thường xuyên xen kẽ nhau: hướng thứ nhất "ngợi khen" Chúa vì "biết bao điều cao cả" Người đã ban cho Nữ Tỳ hèn mọn và qua Mẹ, cho tất cả nhân loại (Lc 1,46-55); hướng thứ hai dâng lên Thân Mẫu của Đức Giê-su những lời khẩn cầu và ca ngợi của con cái Thiên Chúa, vì giờ đây Mẹ đã liên kết chặt chẽ với Con Thiên Chúa làm người.

### **2676**

Cả hai hướng cầu nguyện với Đức Ma-ri-a được nổi bật trong kinh Kính Mừng :

722

*"Kính Mừng Ma-ri-a"*: kinh Kính Mừng mở đầu bằng lời chào của thiên thần Gáp-ri-en. Qua lời sứ thần, chính Thiên Chúa chào Đức Ma-ri-a. Chúng ta lặp lại lời Thiên Chúa nói với người nữ tỳ hèn mọn (Lc 1,48) và hân hoan vì niềm vui Thiên Chúa tìm được nơi Đức Ma-ri-a (Xp 3,17b).

490

*"Bà đầy ân phúc, Đức Chúa Trời ở cùng bà"*: hai lời chào của thiên thần bổ túc cho nhau. Đức Ma-ri-a đầy ân

sủng vì "Chúa ở cùng bà". Ân sủng cao quý nhất nơi Mẹ chính là sự hiện diện của Đấng là nguồn mạch mọi ân sủng. "Mừng vui lên... thiếu nữ Giê-ru-sa-lem... Đức Chúa ở với ngươi" ( Xp 3,14.17a ). Vì Chúa đến ở cùng Mẹ, nên Mẹ là hiện thân của thiếu nữ Xi-on, là khảm Giao Ước, nơi vinh quang Đức Chúa ngự trị. Đức Ma-ri-a là "nơi Thiên Chúa ở cùng nhân loại" ( Kh 21,3 ). "Đầy ơn phúc", Mẹ đã tận hiến cho Đấng đến ở cùng Mẹ và Mẹ sắp trao Người lại cho thế giới.

435 146

*"Bà có phúc lạ hơn mọi người nữ và Giê-su con lòng bà gồm phúc lạ".* Sau lời chào của thiên thần, chúng ta lặp lại lời của bà Ê-li-sa-bét. "Được tràn đầy ơn Thánh Thần" (Lc 1,41), bà Ê-li-sa-bét là người đầu tiên trong chuỗi người muôn thế hệ tuyên xưng Đức Ma-ri-a là người diễm phúc (Lc 1,48): "diễm phúc vì đã tin..." (Lc 1,45). Đức Ma-ri-a "có phúc lạ hơn mọi người nữ" vì Mẹ đã tin lời Chúa phán sẽ được thực hiện. Nhờ tin, ông Áp-ra-ham đã trở nên lời chúc phúc cho "mọi dân tộc trên mặt đất" ( St 12,3 ). Nhờ tin, Đức Ma-ri-a trở nên Mẹ của các tín hữu; nhờ Mẹ, mọi dân tộc trên mặt đất nhận được Đấng là chính phúc lành của Thiên Chúa : " Giê-su, con lòng bà gồm phúc lạ ".

2677 495

*"Thánh Ma-ri-a Đức Mẹ Chúa Trời cầu cho chúng con..."* Cùng với bà Ê-li-sa-bét chúng ta sùng sốt : "Bởi đâu tôi được hân hạnh thân mẫu Chúa tôi đến viếng thăm như vậy?" (Lc 1,43). Vì Mẹ đã đem đến cho chúng ta Đức Giê-su Con của Mẹ, nên Đức Ma-ri-a là Mẹ Thiên Chúa và Mẹ của chúng ta: chúng ta có thể phó thác cho Mẹ mọi nỗi âu lo và mọi lời cầu khẩn. Mẹ cầu nguyện cho chúng ta như Mẹ đã cầu nguyện cho chính bản thân : "Xin Chúa làm cho tôi như lời sứ thần nói" (Lc 1,38). Khi nhờ Mẹ cầu thay nguyện giúp,

chúng ta cùng với Mẹ phó thác cho Thánh Ý Thiên Chúa: "Nguyện cho ý Cha thể hiện".

1020

*"Cầu cho chúng con là kẻ có tội, khi này và trong giờ lâm tử":* Khi xin Mẹ cầu thay nguyện giúp, chúng ta nhìn nhận mình là kẻ tội lỗi khôn cùng và kêu cầu đến "Mẹ từ bi nhân ái", Mẹ Rất Thánh. Chúng ta trao phó cho Mẹ cuộc đời ta "khi này", trong giây phút hiện tại này. Lòng tín thác này còn trải dài đến tận "giờ lâm tử". Xin Mẹ hiện diện trong giờ phút đó như ngày xưa lúc Con của Mẹ chết trên thập giá. Giờ chúng ta qua đời, ước mong Mẹ đón nhận chúng ta là con cái và dẫn đưa đến cùng Đức Giê-su Con của Mẹ trong nước Thiên Đàng.

2678 971, 1674

Thời Trung Cổ, các tín hữu Tây Phương phát triển việc lần hạt Mân cô như một hình thức đạo đức bình dân thay thế các giờ kinh Phụng Vụ. Trong Giáo Hội Đông Phương, hình thức kinh cầu Đức Bà (Acatiste và Paraclisis) còn rất gần với Phụng Vụ Giờ Kinh dạng hợp xướng của các Giáo Hội Bi-zan-tin; trong khi đó, những truyền thống Armeni, Copte và Siriaque lại ưa chuộng các thánh thi và thánh ca bình dân về Mẹ Thiên Chúa. Nhưng trong kinh Kính Mừng, các kinh cầu Thánh Mẫu, những thánh thi của thánh Ép-rem hay Ghê-gô-ri-ô thành Narek, truyền thống cầu nguyện về căn bản vẫn là một.

2679 967 972

Đức Ma-ri-a là Người Cầu Nguyện trọn hảo, là hình ảnh của Hội Thánh. Khi cầu cùng Mẹ, chúng ta cùng với Mẹ liên kết vào ý định của Chúa Cha, Đấng cử Con Một Người đến để cứu độ toàn thể nhân loại. Mẹ của Đức Giê-su đã trở thành Mẹ của toàn thể chúng sinh (Ga 19,27), nên như người

môn đệ được Chúa yêu, chúng ta rước Mẹ về nhà mình. Chúng ta có thể cầu nguyện cùng với Mẹ và kêu cầu Mẹ. Kinh nguyện của Hội Thánh được lời cầu nguyện của Đức Ma-ri-a nâng đỡ và được kết hiệp với kinh nguyện của Mẹ trong niềm cậy trông (LG 68-69).

## **TÓM LƯỢC**

### **2680**

*Kinh nguyện chủ yếu được dâng lên Chúa Cha, cũng được hướng về Chúa Giê-su, nhất là bằng việc kêu cầu Thánh Danh Người : "Lạy Đức Giê-su Ki-tô, là Con Thiên Chúa và là Chúa chúng con, xin thương xót chúng con là kẻ có tội".*

### **2681**

*"Không ai có thể nói rằng: "Đức Giê-su là Chúa" nếu không được Thánh Thần giúp sức cho"(1 Cr 12, 3). Hội Thánh mời gọi chúng ta kêu cầu Chúa Thánh Thần như người Thầy nội tâm dạy người Ki-tô hữu biết cầu nguyện.*

### **2682**

*Nhờ sự cộng tác đặc biệt của Đức Trinh Nữ Ma-ri-a vào tác động của Chúa Thánh Thần, Hội Thánh thường kết hợp với Đức Mẹ trong kinh nguyện, để cùng với Mẹ ngợi khen Thiên Chúa vì biết bao điều cao cả Người đã làm cho Mẹ, và dâng lên Mẹ lời khẩn cầu và ca ngợi.*

### Mục 3

## DẪN ĐẾN KINH NGUYỆN

### Đám mây chứng nhân

#### 2683 956

Có những chứng nhân đã đi trước chúng ta vào Nước Thiên Chúa (x. Dt 12,1) , đặc biệt là các vị được Hội Thánh tuyên phong là "Thánh". Các ngài tham dự vào truyền thống kinh nguyện sống động của Hội Thánh, bằng gương mẫu đời sống, bằng các văn phẩm để lại, và bằng lời cầu nguyện hiện nay của các ngài. Các ngài đang chiêm ngưỡng Thiên Chúa, đang ca ngợi Người và không ngừng quan tâm đến những kẻ còn ở trần gian. Khi "vào chung hưởng với Chủ", các ngài được "đặt lên coi nhiều việc" (Mt 25,21). Chuyển cầu là công việc cao cả nhất của các ngài theo ý định của Thiên Chúa. Chúng ta có thể và có bổn phận xin các ngài chuyển cầu cho chúng ta và cho toàn thế giới.

#### 2684 917 919 1202

Trong mâu nhiệm các thánh thông công, nhiều trường phái *linh đạo* khác nhau đã được khai triển theo dòng lịch sử các Giáo Hội. Đặc sủng riêng của một chứng nhân cho tình yêu Thiên Chúa đối với nhân loại, có thể được truyền lại, như "Thần Khí" của Ê-li-a được truyền lại cho Ê-li-sê và Gio-an Tẩy Giả; nhờ đó, các môn đệ được dự phần vào tinh thần của vị chứng nhân này. Một linh đạo thường xuất phát từ điểm hội tụ các trào lưu khác trong Hội Thánh, về phụng vụ cũng như thần học, và là chứng từ cho việc đức tin hội nhập văn hóa vào một môi trường con người và lịch sử. Các linh đạo Ki-tô giáo tham dự vào truyền thống kinh nguyện sống động và là những phương thế cần thiết dẫn các tín hữu đến với

kinh nguyện. Sự đa dạng phong phú của các linh đạo phản chiếu ánh sáng tinh tuyền và duy nhất của Chúa Thánh Thần.

“Thánh Thần chính là môi trường sống của các thánh nhân, mỗi thánh nhân là môi trường hoạt động của Thánh Thần, vì thánh nhân hiến dâng tâm hồn cho Thiên Chúa ngự trị và được gọi là Đền Thờ của Thánh Thần”. (Thánh Ba-si-li-ô Cả, Bàn về Thánh Thần 26, 62) .

## **Những người giúp chúng ta cầu nguyện**

### **2685 1657**

*Gia đình Ki-tô hữu* là nơi đầu tiên để học cầu nguyện. Được xây dựng trên bí tích Hôn Phối, gia đình là "Hội Thánh thu nhỏ", là nơi con cái Thiên Chúa học biết cầu nguyện "với tư cách là Hội Thánh" và kiên trì cầu nguyện. Đặc biệt với các trẻ nhỏ, kinh nguyện hằng ngày của gia đình là chứng từ đầu tiên về ký ức sống động của Hội Thánh luôn được Chúa Thánh Thần nhắc nhở.

### **2686 1547**

*Các thừa tác viên có chức thánh* cũng là những người có trách nhiệm huấn luyện cho anh chị em tín hữu biết cầu nguyện. Các ngài là tôi tớ của vị Mục Tử Nhân Lành, được trao tác vụ để hướng dẫn dân Thiên Chúa đến với các nguồn mạch sống động của kinh nguyện : Lời Chúa, Phụng Vụ, đời sống Tin Cây Mến, sự hiện diện và hoạt động của Thiên Chúa hiện nay trong những hoàn cảnh cụ thể ( x. PO 4-6 ) .

### **2687 916**

Nhiều *tu sĩ* đã dâng hiến trọn đời để cầu nguyện. Từ xa xưa trong sa mạc Ai-Cập, đã có các ẩn sĩ, các đan sĩ nam nữ dành thời giờ để ca ngợi Thiên Chúa và chuyển cầu cho Dân Người. Đời sống thánh hiến không thể tồn tại và triển nở

nếu không có kinh nguyện. Đời sống thánh hiến là một trong những nguồn mạch sống động của chiêm niệm và đời sống thiêng liêng trong Hội Thánh.

### **2688 1674**

*Huấn giáo* dành cho thiếu nhi, thiếu niên và người trưởng thành đều hướng tới việc suy gẫm Lời Chúa trong kinh nguyện cá nhân, được hiện tại hóa trong kinh nguyện phụng vụ, và được nội tâm hóa trong mọi lúc, để sinh hoa kết quả trong một đời sống mới. Huấn Giáo cũng nhằm để nhận định và huấn luyện các việc đạo đức ( x. CT 54 ). Việc học thuộc lòng các kinh căn bản rất cần cho đời sống cầu nguyện; nhưng điều quan trọng là phải làm cho Ki-tô hữu cảm nhận được ý nghĩa của những kinh nguyện này ( x. CT 55 ).

### **2689**

Ngày nay, *các nhóm* và các khóa *cầu nguyện* là dấu chỉ và là một trong những sức năng động để canh tân kinh nguyện trong Hội Thánh, nếu được rút ra từ những nguồn mạch đích thực của kinh nguyện Ki-tô giáo. Quan tâm đến hiệp thông là dấu chỉ của kinh nguyện chân thực trong Hội Thánh.

### **2690**

Một số tín hữu được Chúa Thánh Thần ban cho những hồng ân đặc biệt : khôn ngoan, đức tin và khả năng nhận định, để phục vụ lợi ích chung bằng việc hướng dẫn người khác sống đời cầu nguyện. Những người được đặc sủng này thực sự phục vụ cho truyền thống cầu nguyện sống động trong Hội Thánh :

“Thánh Gio-an Thánh Giá khuyên : linh hồn nào muốn tiến triển trên đường trọn lành, "phải suy xét kỹ khi chọn vị linh hướng, vì thầy nào trò nấy, cha nào

con nấy... Vị hướng dẫn phải là người khôn ngoan thông thái, và giàu kinh nghiệm. Nếu vị linh hướng không có kinh nghiệm về đời sống thiêng liêng, thì không có khả năng đưa dẫn các linh hồn được Thiên Chúa kêu gọi đến với đời sống cầu nguyện và ngài cũng không hiểu được họ nữa" ( x. Liama, đoạn 3 ) .

## **Những địa điểm thuận lợi để cầu nguyện**

**2691 1181,2197 1397**

Nhà Thờ là nhà Chúa, nơi dành riêng cho kinh nguyện phụng vụ của cộng đoàn giáo xứ. Nhà Thờ cũng là nơi đặc biệt để tôn thờ Đức Ki-tô đang hiện diện thực sự trong Thánh Thể. Chọn một nơi thích hợp để cầu nguyện cũng là điều quan trọng :

- Để cầu nguyện riêng, có thể chọn một "chỗ cầu nguyện" trong nhà, có ảnh tượng và Sách Thánh; ở đó chúng ta "đóng cửa lại cầu nguyện cùng Cha, Đấng hiện diện nơi kín đáo" (Mt 6,6). Trong các gia đình Ki-tô hữu, một chỗ cầu nguyện đơn sơ như thế rất thuận lợi cho việc cầu nguyện chung.

- Những cộng đoàn đan sĩ có trách nhiệm tạo thuận lợi cho các tín hữu được tham gia những Giờ Kinh Phụng Vụ và có được sự cô tịch cần thiết để cá nhân cầu nguyện sâu lắng hơn.

- Những cuộc hành hương nhắc nhở chúng ta về thân phận lữ hành nơi trần thế. Theo truyền thống, hành hương là những thời điểm đặc biệt để canh tân kinh nguyện. Đối với những khách hành hương đi tìm nguồn sống, các thánh điện là những địa điểm đặc biệt để họ thực hành những cách thức cầu nguyện "trong Hội Thánh".

## **TÓM LƯỢC**

**2692**

*Trong kinh nguyện, Hội Thánh lễ hành được liên kết với toàn thể các thánh và nhờ các ngài chuyển cầu cho mình.*

**2693**

*Các trường phái linh đạo Ki-tô giáo đều góp phần vào truyền thống kinh nguyện sống động của Hội Thánh, và là những con đường quý giá dẫn đến đời sống thiêng liêng.*

**2694**

*Gia đình Ki-tô hữu là nơi đầu tiên giáo dục con người cầu nguyện.*

**2695**

*Trong Hội Thánh, các tín hữu tìm được sự giúp đỡ cho việc cầu nguyện nơi các thừa tác viên có chức thánh, đời sống thánh hiến, huấn giáo, các nhóm cầu nguyện việc linh hướng.*

**2696**

*Những nơi xứng hợp nhất để cầu nguyện là "chỗ cầu nguyện" cho cá nhân hay gia đình, các đan viện, các địa điểm hành hương, và nhất là nhà thờ, nơi dành riêng cho kinh nguyện phụng vụ của cộng đoàn giáo xứ và nơi đặc biệt để tôn thờ Thánh Thể.*

## CHƯƠNG BA

### ĐỜI SỐNG CẦU NGUYỆN

#### **2697 1099**

Cầu nguyện là sống với một tâm hồn đã được Thiên Chúa đổi mới. Cầu nguyện phải làm cho đời sống chúng ta sinh động mọi lúc. Tuy nhiên chúng ta thường quên Đấng là Sự Sống và là Tất Cả đối với chúng ta. Vì thế, tiếp nối truyền thống Đệ Nhị Luật và các ngôn sứ, những bậc thầy linh đạo đều nhấn mạnh : cầu nguyện là "nhớ đến Chúa", là thường xuyên hướng tâm hồn lên Chúa. "Phải nhớ đến Chúa nhiều hơn cả nhịp thở của mình" (T. Ghê-gô-ri-ô thành Nadien, bài giảng thần học 1,4 ) . Nhưng chúng ta không thể cầu nguyện "trong mọi lúc", nếu không có những thời điểm chủ ý dành để cầu nguyện : đây là những giờ phút cao điểm của đời sống cầu nguyện, chuyên chú hơn và kéo dài hơn.

#### **2698 1168 1174 2177**

Truyền thống của Hội Thánh đề ra cho các tín hữu những dịp cầu nguyện để nuôi dưỡng đời sống nội tâm. Nhịp cầu nguyện hằng ngày là: kinh sáng và kinh tối, trước và sau các bữa ăn, các giờ kinh Phụng Vụ. Hằng tuần, Ki-tô hữu phải thánh hóa ngày Chúa nhật chủ yếu bằng kinh nguyện, mà trọng tâm là Thánh Lễ. Hằng năm, chu kỳ phụng vụ và các đại lễ là những nhịp căn bản cho đời sống cầu nguyện của Ki-tô hữu.

#### **2699 2563**

Chúa hoàn toàn tự do hướng dẫn mỗi người một cách. Mỗi tín hữu cũng đáp lại theo quyết tâm và những hình thức cầu nguyện riêng của mình. Tuy nhiên, truyền thống Ki-tô

giáo truyền lại ba hình thức cầu nguyện chính : Khẩu nguyện, suy gẫm và chiêm niệm. Cả ba cùng có một nét căn bản chung : tinh tâm. Tỉnh thức, để giữ lấy Lời Chúa và để hiện diện trước nhan thánh Người. Để ba hình thức này trở thành những thời điểm đặc biệt trong đời sống cầu nguyện, chúng ta phải tỉnh thức.

## Mục 1

# NHỮNG CÁCH THỨC CẦU NGUYỆN

## I. KHẨU NGUYỆN

### **2700 1176**

Thiên Chúa dùng Ngôi Lời của Người để nói với loài người. Kinh nguyện của chúng ta cũng được hình thành bằng lời : trong lòng trí hay ra ngoài miệng. Điều quan trọng nhất là tâm hồn hướng về Đấng chúng ta thân thưa khi cầu nguyện. "Lời cầu nguyện của ta được Chúa nhậm lời, không tùy thuộc vào việc nói nhiều hay ít, nhưng tùy thuộc vào nhiệt tâm của linh hồn" (T. Gio-an Kim Khẩu, 7) .

### **2701 2603 612**

Đời sống Ki-tô hữu không thể thiếu khẩu nguyện. Việc Chúa Giê-su thỉnh lạng cầu nguyện đã thu hút các môn đệ, nhưng Người đã dạy họ một lời khẩu nguyện : Kinh Lạy Cha. Như Tin Mừng cho thấy, Đức Giê-su không chỉ đọc kinh chung theo phụng vụ của hội đường, mà còn lớn tiếng cầu nguyện riêng, từ lời hân hoan chúc tụng Chúa Cha cho đến lời xao xuyến trong vườn Cây Dầu (Mc 14, 36).

**2702 1146**

Bản tính con người đòi hỏi kết hợp giác quan với tâm tình khi cầu nguyện. Con người có hồn và xác nên cảm thấy cần bộc lộ những tâm tình ra bên ngoài. Lời cầu nguyện tha thiết nhất là lời khẩn cầu với cả tâm hồn và thể xác.

**2703 2097**

Nhu cầu này của con người cũng đáp lại đòi hỏi của Thiên Chúa. Thiên Chúa tìm những kẻ thờ phượng Người trong Thần Khí và Sự Thật, nên Người muốn chúng ta dâng lên kinh nguyện sống động tự đáy lòng. Người còn muốn có những hình thức bên ngoài liên kết thân xác với kinh nguyện nội tâm, vì chúng ta có bổn phận dâng lên Người lời ca ngợi hoàn hảo như thế.

**2704**

Khẩu nguyện là cầu nguyện thành tiếng, cách diễn tả rất phù hợp với con người, nên thích hợp nhất cho đám đông. Ngay cả khi cầu nguyện trong lòng, chúng ta không được xao lãng khẩu nguyện. Kinh nguyện trở thành tâm tình bên trong khi chúng ta ý thức về Đấng "chúng ta đang thưa chuyện" (T. Tê-rê-sa Hải Đòng Giê-su). Lúc đó, khẩu nguyện biến thành hình thức đầu tiên của cầu nguyện chiêm niệm.

**II. SUY GÃM****2705 158 127**

Suy gẫm trước hết là tìm hiểu. Tâm trí ta tìm hiểu lý do và cách thức sống đời Ki-tô hữu, để đón nhận và đáp lại những gì Chúa đòi hỏi ta. Điều khó trong suy gẫm là phải chăm trí. Thông thường, chúng ta có thể dùng đến sách để được giúp đỡ mà loại sách này không thiếu : các Sách Thánh đặc biệt là Tin Mừng, các ảnh tượng thánh, bản văn phụng vụ theo ngày và theo mùa, tác phẩm của các Linh Phụ, các sách

linh đạo, cuốn sách vĩ đại là vạn vật và lịch sử với trang "Ngày Hôm Nay" của Thiên Chúa.

### **2706**

Suy gẫm là đối diện với điều mình đọc và đối chiếu với bản thân. Nhờ đó, cuốn sách cuộc đời được mở ra. Chúng ta chuyển từ những tư tưởng sang thực tại. Tùy theo lòng khiêm tốn và đức tin, chúng ta nhận thức những chuyển động nội tâm nhận định để biết ý Chúa. Điều chính yếu là phải thực thi chân lý để đến cùng Ánh Sáng: "Lạy Chúa, Chúa muốn con làm gì?"

### **2707 2690 2664**

Có bao nhiêu bậc thầy linh đạo thì có bấy nhiêu phương pháp suy gẫm. Mỗi Ki-tô hữu phải chọn cho mình một phương pháp thích hợp để suy gẫm đều đặn; nếu không, tâm hồn họ sẽ giống như ba loại đất đầu tiên trong dụ ngôn Người Gieo Giống ( x. Mc 4,4-7) . Nhưng phương pháp chỉ là người hướng dẫn, điều quan trọng là chúng ta phải để Chúa Thánh Thần hướng dẫn mà tiến bước, theo Đức Ki-tô trên con đường cầu nguyện.

### **2708 516-2678**

Muốn suy gẫm chúng ta phải vận dụng khả năng suy tư, trí tưởng tượng, cảm xúc và ước muốn, để đào sâu xác tín, khơi dậy lòng hoán cải và củng cố quyết tâm theo Đức Ki-tô. Nên ưu tiên suy gẫm về "các mầu nhiệm của Đức Ki-tô" như trong sách thiêng liêng hay kinh Mân Côi. Hình thức "miệng đọc lòng suy" này có giá trị rất lớn, nhưng kinh nguyện Ki-tô giáo còn phải vươn xa hơn nữa: vươn tới việc nhận biết tình yêu Chúa Giê-su và kết hiệp với Người.

### III. CHIÊM NIỆM

**2709** 2562- 2564

Chiêm niệm là gì ? Thánh nữ Tê-rê-sa Cả cho biết :  
"Theo tôi, chiêm niệm chính là một cuộc trao đổi thân tình giữa hai người bạn, thường chỉ là một mình đến với Thiên Chúa mà ta biết là Đáng yêu thương ta" ( x. Vida 8 ) .

Trong chiêm niệm, chúng ta đi tìm "Đấng lòng ta yêu mến"(Đc 1,7) ( x. Đc 3,1-4 ) , nghĩa là chính Đức Giê-su, và trong Người, chúng ta tìm đến Chúa Cha. Chúng ta đi tìm Người, vì ta yêu mến nên khao khát Người. Phải tìm kiếm Người với một đức tin tinh tuyền, đức tin này làm cho ta được sinh ra nhờ Người và được sống trong Người. Trong chiêm niệm, có thể chúng ta vẫn suy gẫm, nhưng tâm trí hướng thẳng về Chúa.

**2710** 2726

Chiêm niệm *lúc nào và bao lâu tùy thuộc vào quyết tâm* của ta, quyết tâm này bộc lộ các điều kín nhiệm trong lòng. Không phải khi nào có thời giờ ta mới cầu nguyện, nhưng phải dành thời giờ cho Chúa, với quyết tâm không rút lại thời gian này, dù gặp thử thách và khô khan khi cầu nguyện. Không phải lúc nào cũng có thể suy gẫm, nhưng lúc nào cũng có thể chiêm niệm, bất chấp những tình trạng về sức khỏe, công việc và tâm tình. Nơi mà ta tìm kiếm và gặp gỡ Thiên Chúa, trong khiêm nhu và tín thác chính là lòng ta.

**2711** 1348 2100

Tương tự như khi cử hành phụng vụ Thánh Thể, khi *chiêm niệm chúng ta phải "cầm trí"*, hoàn toàn phó thác cho Chúa Thánh Thần hướng dẫn, ý thức Chúa ngự trong tâm hồn, giục lòng tin đến trước nhan Chúa Đáng đang đợi chờ ta, phải rũ bỏ mọi thứ giả dối và hướng lòng mình về Chúa,

Đấng yêu thương ta, để phó dâng bản thân cho Người như một lễ vật cần Người thanh luyện và biến đổi.

### **2712 822**

Chiêm niệm là kinh nguyện của con cái Thiên Chúa, của tội nhân đã được tha thứ nay sẵn sàng đón nhận tình yêu được ban tặng và mong đáp lại tình yêu đó bằng cách yêu mến nhiều hơn. Người đó cũng biết rằng mình có thể yêu thương, đáp trả được là nhờ Thánh Thần trong tâm hồn, vì tất cả đều là ân sủng Thiên Chúa ban. Chiêm niệm là tâm tình của người nghèo khó và khiêm tốn phó thác cho thánh ý yêu thương của Chúa Cha, trong hiệp nhất ngày càng sâu xa hơn với Con Yêu Dấu của Người.

### **2713 2259**

Như thế, chiêm niệm là hình thức đơn sơ nhất của kinh nguyện. Chiêm niệm là một *hông ân*, một món quà Thiên Chúa ban tặng; chúng ta chỉ có thể đón nhận với tâm tình của người khiêm tốn và nghèo khó. Chiêm niệm là một tương quan *giao ước* Thiên Chúa thiết lập nơi đáy lòng ta (Gr 31, 33). Chiêm niệm là *hiệp thông* : nhờ đó, Ba Ngôi Chí Thánh làm cho con người "mang hình ảnh Thiên Chúa" trở nên "giống Thiên Chúa".

### **2714**

Chiêm niệm là *cao điểm* của đời cầu nguyện. Trong chiêm niệm "Chúa Cha ban cho chúng ta được củng cố mạnh mẽ nhờ Thần Khí của Người, để con người nội tâm nơi chúng ta được vững vàng; cho chúng ta, nhờ lòng tin, được Đức Ki-tô ngự trong tâm hồn; cho chúng ta được bén rễ sâu và xây dựng vững chắc trên đức mến" ( x. Eph 3,16-17 ) .

### **2715 1380 521**

Chiêm niệm là lấy đức tin mà *chiêm ngắm* Đức Giê-su. Người dân quê làng Ars đã từng nói với thánh Gio-an Vianê, cha sở của ông, về những lúc cầu nguyện trước Nhà Tạm : "Tôi nhìn Chúa và Chúa nhìn tôi". Muốn chiêm ngắm Chúa phải biết quên đi cái tôi của mình. Cái nhìn của Chúa thanh luyện tâm hồn ta; ánh sáng tôn nhan Người soi sáng con mắt linh hồn, dạy cho ta biết nhìn tất cả trong ánh sáng của chân lý và lòng thương xót Người dành cho mọi người. Khi chiêm niệm ta cũng nhìn vào các mầu nhiệm cuộc đời Chúa Ki-tô; nhờ đó, ta hiểu biết thâm sâu về Chúa hơn để yêu mến và đi theo Người hơn nữa.

#### **2716 494**

Chiêm niệm là *lắng nghe* Lời Chúa. Đây không phải là một thái độ thụ động, nhưng là thái độ vâng phục của người tin Chúa, sự đón nhận vô điều kiện của người tội tở, sự gắn bó yêu thương của người con. Khi đó, cùng với Chúa Con, Đấng đã trở thành người tội tở, và với Đức Ma-ri-a, Người Nữ Tì khiêm tốn của Thiên Chúa, chúng ta thưa với Chúa Cha "xin vâng".

#### **2717 533 498**

Chiêm niệm là *thình lặng*, "biểu tượng của thể giới đang tới", hay của "tình yêu thâm lặng". Trong tâm nguyện lời nói không phải là diễn từ, nhưng chỉ là những cọng rơm giữ cho ngọn lửa tình yêu luôn cháy sáng. Trong sự thình lặng này, sự thình lặng mà "kẻ hướng ngoại" không thể giữ nổi, Chúa Cha sẽ nói với ta Lời của Người : Ngôi Lời đã nhập thể, chịu đau khổ, chịu chết và sống lại; và Thần Khí nghĩa tử sẽ dạy ta cùng cầu nguyện với Chúa Giê-su.

#### **2718**

Chiêm niệm cho ta hiệp nhất với Đức Ki-tô trong kinh nguyện theo mức độ cho chúng ta tham dự vào mầu

nhiệm của Người. Mầu nhiệm Đức Ki-tô được Hội Thánh cử hành trong bí tích Thánh Thể, và được Chúa Thánh Thần làm cho sống động trong chiêm niệm, để chúng ta bày tỏ các mầu nhiệm đó qua hành vi đức mến.

### **2719 165 2730**

Chiêm niệm là một hiệp thông tình yêu có sức đem lại sự sống thần linh cho nhiều người, nếu chúng ta chấp nhận bước đi trong đêm tối đức tin. Đức Ki-tô đã trải qua Đêm hấp hối và Đêm âm phủ để bước vào Đêm Phục Sinh. Đây là ba đỉnh cao của Đức Giê-su. Chúa Thánh Thần chứ không phải "xác thịt yếu đuối" đã giúp Đức Giê-su sống Giờ ấy trong chiêm niệm. Chúng ta phải sẵn lòng thức một giờ với Người.

## **TÓM LƯỢC**

### **2720**

*Hội Thánh mời gọi các tín hữu cầu nguyện đều đặn qua các kinh nguyện hằng ngày và các Giờ Kinh Phụng Vụ, qua thánh lễ Chúa nhật và qua các lễ trọng của năm phụng vụ.*

### **2721**

*Truyền thống Ki-tô giáo có ba hình thức cầu nguyện quan trọng : khẩu nguyện, suy gẫm và chiêm niệm. Cả ba đòi hỏi ta phải tịnh tâm.*

### **2722**

*Dựa vào bản tính con người có hồn có xác, khẩu nguyện kết hợp thái độ bên ngoài với tâm tình bên trong theo gương Đức Giê-su, Đấng cầu nguyện với Thiên Chúa Cha và dạy các môn đệ kinh Lạy Cha.*

**2723**

*Suy gẫm là tìm hiểu trong khi cầu nguyện, bằng cách vận dụng khả năng suy tư, trí tưởng tượng, cảm xúc và ước muốn. Nhờ suy gẫm chúng ta hấp thụ được đề tài trong đức tin và đối chiếu với thực tại cuộc sống.*

**2724**

*Chiêm niệm là hình thức đơn sơ của kinh nguyện, là lấy đức tin mà chiêm ngắm Đức Giê-su, là lắng nghe Lời Chúa, là yêu mến Chúa trong thinh lặng. Chiêm niệm cho ta hợp nhất với Đức Ki-tô trong kinh nguyện của Đức Ki-tô theo mức độ chúng ta tham dự vào mầu nhiệm của Người.*

## Mục 2

### CẦU NGUYỆN LÀ MỘT CHIẾN ĐẤU

**2725** 2612,409 2015

Đối với chúng ta, cầu nguyện là một hồng ân của Thiên Chúa và là một lời đáp quyết liệt. Cầu nguyện luôn đòi phải nỗ lực. Các thánh nhân trong Cựu Ước, Đức Ma-ri-a, các thánh, và chính Đức Ki-tô đều dạy chúng ta: cầu nguyện là một cuộc chiến đấu. Chiến đấu chống lại ai? Chiến đấu với bản thân ta và chống lại các mưu chước của ma quỷ cám dỗ, vì chúng làm mọi cách để con người bỏ cầu nguyện, không kết hợp với Thiên Chúa. Người ta cầu nguyện thế nào thì cũng sống như vậy, vì ta sống như ta cầu nguyện. Khi ta không muốn thường xuyên hành động theo Thánh Thần của Đức Ki-tô, thì ta không thể thường xuyên cầu nguyện nhân danh Người. Cuộc "chiến đấu thiêng liêng" để người Ki-tô

hữu sống đời sống mới, không thể tách rời khỏi cuộc chiến trong cầu nguyện.

## I. NHỮNG TRỞ NGẠI CHO VIỆC CẦU NGUYỆN

### 2726 2710

Trước hết, để có thể cầu nguyện, chúng ta phải đương đầu với *những quan niệm sai lạc* của mình cũng như của những người xung quanh. Có người coi cầu nguyện chỉ đơn thuần là một hoạt động tâm lý; có người lại cho là một nỗ lực tập trung tư tưởng để tâm trí được an định. Người khác lại giản lược cầu nguyện vào những thái độ và lời kinh theo nghi thức. Trong thâm tâm, nhiều Ki-tô hữu cho rằng cầu nguyện là mất giờ, không thể dung hợp với những gì họ đang phải làm: họ không có giờ để cầu nguyện. Có những người mong tìm kiếm Thiên Chúa bằng cầu nguyện, nhưng lại sớm nản lòng, vì họ không biết rằng cầu nguyện không phải là việc của riêng họ mà còn do ơn Chúa Thánh Thần.

### 2727

Kể đến chúng ta phải cảnh giác để khỏi bị lây nhiễm những nỗi trạng của thế gian này, chẳng hạn :

37

- Có người cho rằng chỉ những gì lý trí và khoa học chứng minh được mới là chân lý, trong khi cầu nguyện là một màu nhiệm vượt quá ý thức và vô thức của con người.

- Có người đánh giá mọi sự theo sản phẩm và thành quả nên cho việc cầu nguyện là vô ích vì phi sản xuất.

2500

- Có người lấy khoái lạc và tiện nghi làm thước đo chân thiện mỹ; thực ra cầu nguyện chính là yêu mến chân thiện mỹ đích thực, là say mê Vinh Quang của Thiên Chúa hằng sống và chân thật.

- Có người coi cầu nguyện là một cách trốn đời, tránh cuộc sống hiếu động; thật ra cầu nguyện không phải là trốn khỏi dòng đời, cắt đứt với cuộc sống.

## 2728

Cuối cùng, chúng ta cần phải đương đầu với những gì chúng ta cảm nhận được như *những thất bại trong việc cầu nguyện* : chán nản vì khô khan, buồn phiền vì mình không tiến dâng tất cả cho Chúa, (vì chúng ta có nhiều cửa cải) , thất vọng vì Chúa không theo ý mình, kiêu ngạo nên chai lỳ trong tình trạng bất xứng của tội nhân, dị ứng với việc cầu nguyện vì cho rằng cầu nguyện là xin xỏ và việc cho không của Chúa... Những điều này luôn luôn dẫn đến cùng một kết luận : cầu nguyện để làm gì? Muốn thắng được những trở ngại này, chúng ta phải chiến đấu để biết khiêm nhường, tin thác và kiên trì.

## II. TÂM HỒN KHIÊM TỐN VÀ TỈNH THỨC

### Đương đầu với những khó khăn khi cầu nguyện

#### 2729 2711

Khó khăn thường gặp trong việc cầu nguyện là "*chia trí*". Chúng ta không tập trung vào lời đọc và ý nghĩa của lời kinh trong khẩu nguyện; sâu xa hơn, vào chính Đấng mà ta đang gặp gỡ trong khẩu nguyện (phụng vụ hay cá nhân), suy gẫm và chiêm niệm. Nguyên việc xua đuổi sự chia trí này là đã mắc bẫy. Lúc đó chúng ta chỉ cần trở về với chính lòng mình : chia trí cho thấy điều lòng ta đang bận tâm; ý thức được điều đó, chúng ta sẽ khiêm tốn hơn trước mặt Chúa; lòng khiêm tốn này sẽ nhắc nhở chúng ta phải yêu mến Người trên hết mọi sự và dâng tâm hồn ta để xin Người thanh tẩy. Như thế, đây là lúc phải chiến đấu : chọn lựa phục vụ ông chủ nào (Mt 6, 21-24).

### 2730 2659

Về mặt tích cực, cuộc chiến đấu chống lại cái tôi thích chiếm hữu và thống trị đòi hỏi phải *tinh thức* và tiết độ. Khi kêu gọi các môn đệ "tinh thức", Đức Giê-su luôn đặt điều này trong mối quan hệ với Người, và với việc Người đến vào ngày sau hết cũng như mỗi ngày : vì ngày nào cũng là "Ngày Hôm Nay" của Thiên Chúa. Chàng Rê đến vào nửa đêm, nên ta không được để cho ánh sáng đức tin tàn lụi : "Nghĩ về Ngài lòng con tự nhủ : hãy tìm kiếm Thánh Nhan" (Tv 27,8).

### 2731 1426

Những người thành tâm muốn cầu nguyện thường gặp khó khăn là *sự khô khan*. Tình trạng khô khan thường xảy đến trong chiêm niệm; khi ta cảm thấy xa cách Chúa, không còn hứng thú với những ý nghĩ hoài niệm và tâm tình thiêng liêng. Đây là lúc chúng ta chỉ còn lấy đức tin mà gắn bó với Đức Ki-tô trong cơn hấp hối và trong mồ tối. "Hạt lúa gieo vào lòng đất, nếu chết đi nó mới sinh nhiều hạt khác" (Ga 12, 24). Nếu tình trạng khô khan xảy ra vì đức tin của ta thiếu nền tảng vững chắc, vì Lời Chúa đã rơi xuống đá sỏi, chúng ta cần chiến đấu để hoán cải nội tâm.

### **Đương đầu với những cám dỗ khi cầu nguyện**

#### 2732 2609-2089 2092 2074

Cơn cám dỗ thường gặp nhất, được che đậy khéo léo nhất, là *thiếu lòng tin*. Đây chưa phải là thái độ dứt khoát không tin Chúa, nhưng trong thực tế nghiêng chiều về một cái gì khác. Khi chúng ta bắt đầu cầu nguyện, chúng ta thấy có trăm ngàn công việc và lo toan, có lẽ cần phải làm ngay, cần phải ưu tiên hơn : một lần nữa, chúng ta thấy rõ lòng mình và sự chọn lựa ưu tiên của mình. Có khi ta chạy đến Thiên Chúa như hy vọng cuối cùng, nhưng liệu ta có thực

lòng tin Người không. Có khi chúng ta kêu xin Chúa cứu giúp, nhưng lòng vẫn đầy tự cao. Trong mọi trường hợp, thái độ thiếu lòng tin chúng tỏ chúng ta chưa thực sự khiêm tốn : "Không có Thầy, anh em *không làm gì được*" (Ga 15,5).

2733 2094, 2559

Tính tự cao còn dẫn đến một cảm dỗ khác là sự "*nguội lạnh*". Các bậc thầy linh đạo coi đây là một hình thức suy nhược do thiếu khổ chế, chênh mảng canh thức, lơ là đời sống nội tâm. "Tinh thần hăng say nhưng thể xác lại yếu hèn" (Mt 26, 41). Trèo cao té nặng. Thất vọng, đau khổ là mặt trái của lòng tự cao. Ngược lại, người khiêm tốn không lạ gì về sự khốn cùng của mình, nhờ vậy họ càng thêm lòng trông cậy và kiên trì trong cầu nguyện.

### III. LÒNG TIN TƯỚNG CỦA NGƯỜI CON

2734 2629

Lòng tin tưởng của con cái Thiên Chúa sẽ bị thử thách và được chứng thực "khi gặp gian truân" (Rm 5,3-5). Khó khăn lớn nhất xảy ra khi ta khẩn cầu cho chính mình hay chuyển cầu cho người khác. Có người thôi không cầu nguyện nữa, vì nghĩ rằng Thiên Chúa không nhận lời mình cầu xin. Ở đây, có hai vấn nạn : Tại sao chúng ta nghĩ rằng Thiên Chúa không nhận lời? Làm thế nào để lời cầu xin của chúng ta được "linh nghiệm", được Thiên Chúa nhận lời ?

#### Tại sao phàn nàn Chúa không nhận lời?

2735 2779

Nghĩ cũng lạ! Khi ngợi khen hay tạ ơn Thiên Chúa vì các ơn lành Người ban, ta không hề để ý xem những lời đó có đẹp lòng Người hay không; trái lại khi xin gì chúng ta đòi phải được ngay. Vậy chúng ta nghĩ Thiên Chúa là ai khi cầu

nguyện : Người là phương tiện để ta sử dụng hay Người là Cha của Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta?

### **2736 2559 1730**

Chúng ta có xác tín rằng : "Chúng ta không biết câu nguyện thế nào cho phải"(Rm 8,26). Những điều chúng ta cầu xin Thiên Chúa có đúng là "những ơn lành cần thiết" không ? Cha trên trời biết rõ điều chúng ta cần, trước khi chúng ta xin Người (Mt 6, 8); nhưng Người chờ chúng ta kêu xin Người, vì phẩm giá của con cái Thiên Chúa đòi chúng ta phải có tự do. Vậy chúng ta phải cầu nguyện với Thần khí Tự Do của Người, để có thể thực sự nhận biết ước muốn của Người (Rm 8, 27).

### **2737**

"Anh em không có là vì anh em không xin. Anh em xin mà không được là vì anh em xin với tà ý, để lũng phí trong việc hưởng lạc" (Gc 4, 2-3). Nếu chúng ta cầu xin với một tấm lòng chia năm xẻ bảy như hạng "bất trung" (Gc 4,4), Thiên Chúa không thể nhận lời, vì Người muốn điều tốt lành cho ta, muốn ta được sống. "Hay anh em nghĩ là Lời Kinh Thánh sau đây là vô nghĩa : Thần khí mà Thiên Chúa đã đặt trong chúng ta ước muốn đến phát ghen lên ?" (Gc 4,5). Thiên Chúa "phát ghen" vì chúng ta, đó là dấu cho thấy Người thật lòng yêu thương chúng ta. Chúng ta hãy ước muốn theo Chúa Thánh Thần và chúng ta sẽ được nhận lời :

"Bạn đừng buồn nếu bạn không được Thiên Chúa ban ngay điều bạn xin; vì Người muốn cho bạn được nhiều ích lợi hơn nữa, nhờ bạn kiên trì kết hiệp với Người trong cầu nguyện ( x. Evagre, or 34 ) . Người muốn tôi luyện những ước muốn của chúng ta trong cầu nguyện, để chúng ta có khả năng đón nhận những gì Người sẵn lòng ban ". (T. Âu-tinh, ep 130, 8,17 ) .

## **Làm thế nào để lời cầu nguyện của chúng ta được Thiên Chúa chấp nhận?**

**2738** 2568 307

Mặc khải về cầu nguyện trong nhiệm vụ cứu độ cho biết chúng ta có thể tin vì dựa vào hành động của Thiên Chúa trong lịch sử. Hành động tuyệt vời của Người, cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh của Đức Ki-tô đã khơi lên trong chúng ta lòng tin tưởng phó thác của người con thảo. Đối với người Ki-tô hữu, cầu nguyện là cộng tác với Chúa Quan Phòng, với ý định yêu thương Người dành cho nhân loại.

**2739** 2778

Theo thánh Phao-lô, chúng ta dám tin tưởng như thế ( x. Rm 10,12-13 ), vì Chúa Thánh Thần cầu nguyện trong lòng chúng ta và vì Chúa Cha, Đấng đã ban Con Một của Người cho chúng ta ( x. Rm 8, 26-39 ), hằng trung tín yêu thương ta. Ôn đầu tiên Chúa ban cho người cầu nguyện là tâm hồn họ được biến đổi.

**2740** 2604

Nhờ Đức Giê-su cầu nguyện mà lời cầu xin của chúng ta được Thiên Chúa nhận lời. Chẳng những là gương mẫu, Người còn cầu nguyện trong chúng ta và với chúng ta nữa. Chúa Con chỉ tìm kiếm những gì đẹp lòng Chúa Cha, không lẽ chúng ta là nghĩa tử lại bận tâm về các quà tặng hơn cả Đấng ban tặng sao ?

**2741** 2606 2614

Đức Giê-su cũng đứng vào vị trí của chúng ta và vì lợi ích của chúng ta mà cầu nguyện cho chúng ta. Mọi lời khẩn cầu của chúng ta đều được thấu tóm lại một lần trong tiếng kêu lớn của Người trên Thập Giá, và đã được Chúa Cha nhận lời khi cho Người sống lại, vì thế Người không ngừng

chuyển cầu cho chúng ta bên tòa Chúa Cha ( x. Dt 5, 7; 7, 25; 9, 24 ) . Khi cầu nguyện nếu chúng ta kết hiệp với lời cầu nguyện của Đức Giê-su trong lòng tín thác và dạn dĩ của người con thảo, chúng ta sẽ nhận được mọi điều cầu xin nhân danh Người; hơn thế nữa, chúng ta không những nhận ơn này tới ơn khác mà còn nhận được chính Thánh Thần là nguồn mạch mọi hồng ân.

#### **IV. KIÊN TRÌ TRONG TÌNH YÊU**

**2742 2089 162**

"Hãy cầu nguyện không ngừng" (1Tx 5,17). "Hãy nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha, trong mọi hoàn cảnh và về mọi sự" (Ep 5,20). "Theo ơn Thần khí hướng dẫn, anh em hãy dùng mọi lời kinh và mọi tiếng van nài mà cầu nguyện luôn mãi. Anh em hãy chuyên cần tỉnh thức và cầu xin cho toàn thể Dân Thánh" (Ep 6,18 ). " Chúng ta không được truyền dạy là phải lao động, phải canh thức và giữ chay liên li, nhưng chúng ta có luật là phải cầu nguyện không ngừng"(Evagre, những vấn đề thực tiễn 49) . Nhiệt tình cầu nguyện không ngừng chỉ có thể phát xuất từ tình yêu. Cầu nguyện là cuộc chiến của *tình yêu* khiêm tốn, tin tưởng và kiên trì, chống lại thân xác nặng nề và ươn lười của chúng ta. Tình Yêu này mở lòng ta đón nhận ba thực tại hiển nhiên của đức tin, rất rõ ràng và sống động .

**2743**

*Lúc nào chúng ta cũng có thể cầu nguyện* : dù đời chúng ta có nhiều bão tố, thời giờ của người tín hữu là thời giờ của Đức Ki-tô Phục Sinh, Đấng "đang ở với chúng ta mỗi ngày"( Mt 28,20). Thời giờ của ta ở trong tay Thiên Chúa :

"Bạn có thể cầu nguyện thường xuyên và sốt sắng khi đang ở ngoài chợ hay đi dạo một mình, khi đang mua bán ở cửa hàng hay đang làm bếp"(T.Gio-an Kim Khẩu, ecl. 2) .

## 2744

*Cầu nguyện là một nhu cầu sống còn.* Chúng ta có thể thấy ngay bằng chứng ngược lại : nếu không để Thánh Thần hướng dẫn, chúng ta sẽ lại rơi vào ách nô lệ của tội lỗi ( x. Gl 5, 16-25 ) ; làm sao Thánh Thần có thể trở thành "sự sống" của ta, nếu lòng ta xa Người?

“Không có gì sánh được với cầu nguyện : nhờ cầu nguyện, chúng ta làm những điều tưởng chừng không thể làm nổi, làm dễ dàng những điều tưởng chừng khó khăn. Người cầu nguyện thì không thể phạm tội (T. Gio-an Kim Khẩu, Anna 4,5) .

"Ai cầu nguyện chắc chắn sẽ được cứu độ; ai không cầu nguyện chắc chắn sẽ bị án phạt" (T. An-phong-sô Li-gô-ri) .

## 2745 2660

*Cầu nguyện và sống đạo là hai việc không thể tách rời.* Cả hai cùng xuất phát từ tình yêu và sự quên mình vì yêu; cả hai cùng nhắm đến chỗ hòa hợp với ý định yêu thương của Chúa Cha trong tâm tình mến yêu của người con thảo; cả hai cùng giúp tín hữu hiệp thông với Chúa Thánh Thần để được biến đổi ngày càng nên giống Đức Giê-su Ki-tô; cả hai cùng thể hiện tình yêu thương mọi người, bắt nguồn từ tình yêu Đức Ki-tô đã yêu thương ta. "Tất cả những gì anh em xin cùng Chúa Cha nhân danh Thầy thì Người sẽ ban cho anh em. Điều Thầy truyền cho anh em là hãy yêu thương nhau" ( Ga 15,16-17).

“Ai cầu nguyện liên li cũng biết kết hiệp kinh nguyện với việc làm và việc làm với kinh nguyện. Chỉ như vậy, chúng ta mới thực hiện được nguyên tắc cầu nguyện liên li” (Ô-ri-gê-nê 12) .

## ***KINH NGUYỆN CỦA ĐỨC GIÊSU VÀO GIỜ CỦA NGƯỜI***

### **2746 1085**

Khi đến Giờ, Đức Giê-su cầu nguyện cùng Chúa Cha ( x. Ga 17 ) . Đây là kinh nguyện dài nhất của Người được Tin Mừng ghi lại; Kinh Nguyện này bao hàm toàn thể nhiệm cục Sáng Tạo và Cứu Độ, cả cuộc Tử Nạn và Phục Sinh của Người. Cũng như cuộc vượt qua đã diễn ra một lần dứt khoát, kinh nguyện vào Giờ của Đức Giê-su luôn luôn là của riêng Người, luôn hiện diện trong phụng vụ của Hội Thánh.

### **2747**

Truyền thống Ki-tô giáo gọi kinh nguyện này là "lời nguyện tư tế" của Đức Giê-su. Đây là kinh nguyện của Vị Thượng Tế. Kinh nguyện này gắn liền với Hiến Tế và cuộc Vượt Qua, trong đó Người tự hiến trọn vẹn cho Chúa Cha ( x. Ga 17,11.13.19 ) .

### **2748 518 820**

Với lời cầu nguyện Vượt Qua và Hiến Tế này, tất cả đã được thu tóm trong Người ( x. Eph 1,10 ) : Thiên Chúa và vũ trụ, Ngôi Lời và xác phàm, sự sống vĩnh cửu và thời gian; tình yêu tự hiến và tội lỗi phản bội tình yêu, các môn đệ đang hiện diện và những người sẽ tin vào Người nhờ lời của các ngài, máu nhiệm tự hạ và vinh quang của Con Thiên Chúa. Đây là Kinh Nguyện Hiệp Nhất.

**2749 2616**

Đức Giê-su đã hoàn thành công trình của Chúa Cha; cũng như hiến tế, lời nguyện của Người trải rộng đến ngày tận thế. Kinh nguyện vào giờ của Người hoàn tất thời gian cuối cùng và đưa tới ngày viên mãn. Với tư cách là Con Một đã được Chúa Cha ban cho mọi sự. Chúa Giê-su tự hiến trọn vẹn cho Chúa Cha; như thế, Người chứng tỏ mình hoàn toàn tự do ( x. Ga 17,11.13.19.24) nhờ quyền năng Chúa Cha đã ban cho Người trên mọi xác phàm. Chúa Con, Đấng đã tự hạ mang thân phận tôi đòi, chính là Đức Chúa, Chúa Tể muôn loài. Vị Thượng Tế chuyển cầu cho chúng ta, cũng là Đấng cầu nguyện trong ta và là Thiên Chúa nhận lời chúng ta cầu xin.

**2750 2815**

Khi đã thuộc về Đức Giê-su, trong Người chúng ta có thể đón nhận từ bên trong, lời cầu nguyện Người dạy: "Lạy Cha". Lời nguyện tư tế hoàn tất tự bên trong những lời nguyện xin chính của kinh Lạy Cha : nguyện Danh Cha cả sáng ( x. Ga 17,6.11.12.26 ) , Nước Cha trị đến (x.Ga 17, 1.5.10.24.23-26) ý Cha thể hiện, xin cho con người được cứu độ ( x. Ga 17, 2.4.6.9.11. 12. 24) và thoát khỏi sự dữ (Ga 17,15).

**2751 240**

Cuối cùng, chính trong kinh nguyện này, Đức Giê-su mặc khải và dạy chúng ta : Ai biết Chúa Cha cũng nhận biết Chúa Con; ai nhận biết Chúa Con cũng nhận biết Chúa Cha ( x. Ga 17,3,6-10.25 ) ; nhận biết này chính là mầu nhiệm của đời sống cầu nguyện.

## **TÓM LƯỢC**

**2752**

*Cầu nguyện đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực và chiến đấu với bản thân và chống lại các mưu chước của ma quỷ cám dỗ. Cuộc chiến trong cầu nguyện không thể tách rời khỏi cuộc "chiến đấu thiêng liêng" cần thiết để người Ki-tô hữu thường xuyên hành động theo Thánh Thần của Đức Ki-tô: người ta cầu nguyện thế nào thì cũng sống như vậy, vì ta sống như ta cầu nguyện.*

**2753**

*Để có thể cầu nguyện, chúng ta phải chiến đấu chống lại những quan niệm sai lầm, với những nỗi trạng lệch lạc, và kinh nghiệm về những lần thất bại. Những cám dỗ này làm chúng ta nghi ngờ về lợi ích cũng như khả năng cầu nguyện; để đối phó, chúng ta cần phải khiêm tốn, phó thác và kiên trì.*

**2754**

*Những khó khăn chính khi cầu nguyện là chia trí và khô khan. Để chữa trị, chúng ta cần đến đức tin, hoán cải tâm hồn và tỉnh thức.*

**2755**

*Hai cám dỗ thường làm chúng ta bỏ việc cầu nguyện là thiếu lòng tin và nguội lạnh. Nguội lạnh là một hình thức suy nhược xảy ra vì thiếu khổ chế nên chán nản thất vọng.*

**2756**

*Lòng tin tưởng phó thác của người Con Thiên Chúa bị thử thách khi chúng ta cảm thấy mình không được Người nhận lời. Tin Mừng mời gọi chúng ta hãy xét xem lời cầu nguyện của ta có hợp với đòi hỏi của Thánh Thần không.*

**2757**

*"Hãy cầu nguyện không ngừng" (ITx 5,17). Lúc nào chúng ta cũng có thể cầu nguyện. Cầu nguyện là một nhu cầu sống còn và không thể tách rời việc sống đạo.*

**2758**

*Lời cầu nguyện của Đức Giê-su trong Giờ của Người được gọi là Lời cầu nguyện "tư tế". Kinh nguyện này thấu tóm toàn thể nhiệm vụ Sáng Tạo và Cứu Độ và hoàn tất những nguyện xin chính của kinh Lạy Cha .*

## ĐOẠN HAI

### LỜI KINH CHÚA DẠY : KINH LẠY CHA

**2759**

Một hôm, Đức Giê-su cầu nguyện ở nơi kia. Người cầu nguyện xong, thì có một người trong nhóm môn đệ nói với Người : "Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện, cũng như ông Gio-an đã dạy môn đệ của ông" ( Lc 11,1 ). Đáp lại, Đức Giê-su đã dạy các môn đệ và Hội Thánh lời kinh căn bản của Ki-tô giáo. Thánh Lu-ca ghi lại bản kinh Lạy Cha ngắn (có năm lời nguyện xin), còn thánh Mat-thêu ghi lại bản dài hơn (có bảy lời nguyện xin). Truyền thống Phụng Vụ của Hội Thánh sử dụng bản văn Mat-thêu (Mt 6,9-13) :

Lạy Cha chúng con ở trên trời,  
chúng con nguyện danh Cha cả sáng,  
Nước Cha trị đến,  
ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời.

Xin Cha cho chúng con  
hôm nay lương thực hàng ngày  
và tha nợ chúng con,  
như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con,  
Xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ,  
nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ.

**2760** 2855 2854

Ngay từ buổi đầu, Phụng Vụ quen kết thúc Lời Kinh Chúa dạy bằng một vinh tụng ca. Theo sách DIDAKHÊ, vinh tụng ca này là : "Vì Cha là Đấng quyền năng, và vinh hiển muôn đời" (x. DI. 8,2 ) . Bản quy chế tông đồ (7, 24-1) thêm vào đầu câu : "Vì Cha là Vua"; đây là công thức chúng ta đang sử dụng theo bản đại kết. Truyền thống Phụng Vụ Byzantin thêm "Vì Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần" vào sau chữ "vinh hiển". Sách Lễ Rô-ma khai triển lời xin cuối cùng của kinh Lạy Cha theo viên ảnh của thư Ti-tô (2,13) : "đang khi chúng con đợi chờ ngày hồng phúc, ngày Đức Giê-su Ki-tô, Đấng Cứu Độ chúng con ngự đến"; tiếp theo là lời cộng đoàn tung hô theo vinh tụng ca của bản Quy Chế Tông Đồ.

## Mục 1

### "BẢN TÓM LƯỢC TOÀN BỘ TIN MỪNG"

**2761**

"Lời kinh Chúa dạy thực sự là bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng". Sau khi dạy mẫu kinh này, Chúa Giê-su thêm : "Anh em cứ xin thì sẽ được" (Lc 11,9 ). Vậy mỗi người có thể dâng lên Chúa những lời kinh khác nhau tùy nhu cầu,

nhưng luôn phải bắt đầu bằng kinh nguyện căn bản là Lời Kinh Chúa dạy".

## **I. KINH LẠY CHA LÀ TÂM ĐIỂM CỦA THÁNH KINH**

### **2762**

Sau khi cho thấy các Thánh Vịnh là chất liệu chính cho kinh nguyện của Ki-tô hữu và tất cả được thu tóm trong những lời nguyện xin của kinh Lạy Cha, thánh Âu-tinh kết luận :

"Cứ đọc hết các kinh nguyện trong Sách Thánh, chúng ta không thể tìm thấy một điều gì không được thu tóm trong Lời Kinh Chúa dạy".

### **2763 102**

Toàn bộ Cựu Ước (Lề Luật, các Ngôn Sứ và các Thánh Vịnh) đều được ứng nghiệm nơi Đức Ki-tô (Lc 24,44). Đây là "Tin Mừng" được các sách Tin Mừng công bố. Thánh Mat-thêu tóm lược lời loan báo Tin Mừng đầu tiên trong Bài Giảng Trên Núi (Mt 5-7). Kinh Lạy Cha được thánh Mat-thêu đặt ở tâm điểm của lời loan báo này. Chúng ta phải hiểu các lời nguyện xin của kinh Lạy Cha trong văn mạch đó:

### **2541**

"Kinh Lạy Cha là kinh tuyệt hảo...với lời kinh này, không những chúng ta nguyện xin tất cả những gì chúng ta có thể ao ước cách chính đáng, mà còn theo trật tự những gì nên ao ước. Vì thế, kinh nguyện này không chỉ dạy chúng ta nguyện xin, mà còn huấn luyện tâm tình của ta nữa" (T.Tô-ma Aquinô 2-2,83,9) .

## **2764 1965, 1969**

Với Bài Giảng Trên Núi, Chúa Giê-su dạy ta sống, với kinh Lạy Cha, Người dạy ta cầu nguyện. Trong cả hai, Thần Khí của Chúa Giê-su đem lại khuôn mẫu mới cho những ước muốn là những tâm tình tác động đến cách sống của ta. Chúa Giê-su dùng lời nói để dạy ta phải sống cuộc đời mới và dùng lời kinh xin Chúa Cha ban ơn giúp ta sống như vậy. Khi cầu nguyện đúng, chúng ta sẽ biết sống trong Chúa.

## **II. LỜI KINH CHÚA DẠY**

### **2765 2701**

Truyền thống Ki-tô giáo gọi kinh Lạy Cha là Lời Kinh Chúa dạy, vì chính Chúa Giê-su đã soạn và truyền lại. Lời kinh này độc đáo vì chính là lời kinh "của Chúa". Qua những lời trong kinh này, Con Một Thiên Chúa trao cho chúng ta những Lời Người đã nhận được từ Chúa Cha : Người là Thầy dạy chúng ta cầu nguyện. Mặt khác, vì là Ngôi Lời nhập thể, Người biết rõ những nhu cầu của chúng ta, những anh chị em của Người theo nhân tính, và Người đã nêu cho ta thấy những nhu cầu đó : Người là Mẫu Mực hướng dẫn chúng ta cầu nguyện.

### **2766 690**

Đức Giê-su không dạy ta một công thức để chúng ta lặp đi lặp lại như cái máy ( x. Mt 6,7; 1 V 18,26-29 ). Cũng như mọi khẩu nguyện khác, Chúa Thánh Thần dùng Lời Chúa để cho con cái Thiên Chúa biết cầu nguyện cùng Chúa Cha. Đức Giê-su không những dạy chúng ta lời kinh của người con mà còn ban Thánh Thần để nhờ đó những lời kinh này trở nên "thần khí và sự sống"( Ga 6, 63 ) trong chúng ta. Hơn nữa, "Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên : "Áp-ba, Cha ơi"( Gl 4,6 ); điều này chứng tỏ chúng ta có khả năng dâng lên Chúa Cha

kinh nguyện của người con. Khi cầu nguyện chúng ta nói lên những ước nguyện của mình trước mặt Thiên Chúa, nhưng thật ra, Chúa Cha "thấu suốt tâm can", Người "biết Thần Khí muốn nói gì", vì Thần Khí cầu thay nguyện giúp cho các thánh theo đúng ý Thiên Chúa" ( Rm 8,27). Dạy cầu nguyện cùng Cha Trên Trời là một phần trong sứ mạng huyền diệu của Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

### **III. LỜI CẦU NGUYỆN CỦA HỘI THÁNH**

#### **2767**

Ngay từ đầu, Lời Kinh Chúa dạy và Thánh Thần, Đấng làm cho lời kinh sống động trong lòng các tín hữu, đã được Hội Thánh lãnh nhận và sống như một hồng ân duy nhất. Những cộng đoàn Ki-tô hữu tiên khởi đọc kinh Lạy Cha "ba lần mỗi ngày", thay vì đọc "mười tám lời chúc tụng" theo thói quen đạo đức Do Thái.

#### **2768**

Theo truyền thống các tông đồ, lời kinh Chúa dạy đã ăn sâu vào kinh nguyện phụng vụ.

"Chúa dạy chúng ta cầu nguyện chung cho mọi anh chị em. Vì Người không nói "Lạy Cha của con, nưg trên trời", nhưng là "Lạy Cha chúng con", để chúng ta một lòng một ý cầu nguyện cho toàn Thân Thể Hội Thánh" (T.Gio-an Kim Khâu).

Trong mọi truyền thống phụng vụ, kinh Lạy Cha là thành phần tất yếu của các giờ kinh phụng vụ chính. Đặc biệt, trong ba bí tích khai tâm Ki-tô giáo, kinh Lạy Cha càng nổi rõ đặc tính là kinh của Hội Thánh :

### 2769 1243

Trong *bí tích Thánh Tẩy* và *Thêm Sức*, nghi thức trao kinh Lạy Cha nói lên ý nghĩa việc tái sinh vào đời sống thần linh. Trong Ki-tô giáo, cầu nguyện là nói với Thiên Chúa bằng chính Lời Chúa, nên những ai "đã được tái sinh nhờ Lời Thiên Chúa hằng sống"(1Pr 1,23) sẽ học biết kêu cầu Chúa Cha, bằng chính Lời duy nhất mà Cha luôn đón nhận. Họ có thể kêu cầu như thế, vì Chúa Thánh Thần đã để lại ấn tích, không thể tẩy xóa được, trong lòng họ, trên tai họ, trên môi miệng, trên toàn thân người con cái Thiên Chúa. Vì thế, đa số các bài giải thích kinh Lạy Cha của giáo phụ đều dành riêng cho các dự tòng và tân tòng. Khi đọc kinh Lạy Cha, Hội Thánh luôn luôn đọc với tư cách là dân "được tái sinh", dân cầu nguyện và được Thiên Chúa xót thương (1Pr 2,1-10).

### 2770 1350

Trong *phụng vụ Thánh Thể*, chúng ta thấy rõ kinh Lạy Cha là lời cầu nguyện của toàn Hội Thánh, với đầy đủ ý nghĩa và hiệu năng. Được đặt giữa kinh Tạ Ơn và phần hiệp lễ, kinh Lạy Cha một mặt tóm tắt toàn bộ những lời khẩn nguyện và chuyển cầu đã nêu lên trong phần "xin ban Thánh Thần"; mặt khác, dẫn ta đến Bàn Tiệc Thánh Thể như tiền dự vào Bàn Tiệc Nước Trời.

### 2771 1403

Trong Thánh Lễ, các lời nguyện xin của kinh Lạy Cha còn cho thấy đặc tính *cánh chung*. Kinh Lạy Cha đúng là kinh nguyện của "thời sau hết", thời cứu độ đã bắt đầu với việc Thánh Thần được ban xuống và sẽ kết thúc vào ngày Chúa Quang Lâm. Khác với các kinh nguyện trong Cựu Ước, những lời nguyện xin trong kinh Lạy Cha dựa trên mầu nhiệm cứu độ đã được thực hiện, một lần dứt khoát trong Chúa Ki-tô, Đấng đã chịu khổ nạn và phục sinh.

## **2772 1820**

Vì tin tưởng vững vàng vào Đức Ki-tô, Đấng đã chết và sống lại, chúng ta tràn đầy hy vọng khi xướng lên từng điều trong bảy lời nguyện xin của kinh Lạy Cha. Những lời nguyện xin này là tiếng than van của những người đang sống giữa trần thế hôm nay trong nhẫn nại và đợi chờ, vì chúng ta đã là con Thiên Chúa, nhưng chúng ta sẽ như thế nào, điều ấy chưa được bày tỏ (1 Ga 3,2). Thánh Lễ và kinh Lạy Cha đều hướng về ngày Chúa quang lâm "cho tới khi Chúa lại đến" (1Cr 11,26)

## **TÓM LƯỢC**

### **2773**

*Đáp lại lời xin của các môn đệ : "Thưa Thầy xin dạy chúng con cầu nguyện" ( Lc 11,1), Đức Giê-su đã dạy các ngài lời kinh căn bản của Ki-tô giáo là kinh Lạy Cha.*

### **2774**

*Lời Kinh Chúa dạy thực là bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng, là tuyệt hảo, là tâm điểm của Thánh Kinh.*

### **2775**

*Kinh Lạy Cha được gọi là "kinh của Chúa" vì do chính Chúa Giê-su dạy. Người là Thầy mẫu mực hướng dẫn chúng ta cầu nguyện.*

### **2776**

*Hơn mọi kinh khác, kinh Lạy Cha là lời cầu nguyện của Hội Thánh. Kinh Lạy Cha là thành phần tất yếu của các giờ kinh phụng vụ chính và của các bí tích khai tâm Ki-tô Giáo: Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể. Khi đọc lên trong thánh lễ, các lời nguyện xin của kinh Lạy Cha còn cho thấy*

*đặc tính cánh chung: cộng đoàn Ki-tô hữu cầu nguyện và chờ đợi" cho tới khi Chúa lại đến"( 1Cr 11,26).*

## Mục 2

# "LẠY CHA CHÚNG CON Ở TRÊN TRỜI"

## I. " CHÚNG TA DÁM NGUYỆN RẰNG"

**2777 270**

Trong phụng vụ Rô-ma, cộng đoàn tham dự thánh lễ được mời đọc kinh Lạy Cha với sự dạn dĩ của người con; phụng vụ Đông Phương cũng sử dụng và khai triển các kiểu nói tương tự: "Chúng ta dám tin tưởng nguyện rằng", "xin Chúa cho chúng con xứng đáng nguyện rằng". Trước Bụi Gai Rực Cháy, có tiếng phán báo Môi-sê: "Chớ lại gần, cỡi dép ra" ( Xh 3,5). Chỉ một mình Đức Giê-su có thể vượt qua ngưỡng cửa thánh thiện để đến gần Thiên Chúa, vì Người là Đấng "đã tẩy trừ tội lỗi"(Dt 1, 3), chính Người dẫn chúng ta đến trước Thánh Nhan Chúa Cha: "Này Con đây, cùng với những con cái mà Cha đã ban cho Con" (Dt 2,13).

“Ý thức tình trạng nô lệ của mình lẽ ra chúng ta phải độn thổ, kiếp phàm nhân phải tan thành cát bụi, nếu như uy quyền của chính Cha chúng ta và Thần Khí của Chúa Con không thúc đẩy chúng ta kêu lên: "Áp-ba, Cha ơi!" (Rm 8,15). Có khi nào một phàm nhân yếu hèn lại dám gọi Thiên Chúa là Cha, nếu con người không được Quyền Năng từ trời cao tác động?" (T.Gio-an Phê-rô Rít-sô-lô-gơ, bài giảng 71).

**2778 2828**

Chính Chúa Thánh Thần giúp chúng ta đọc kinh Lạy Cha. Phụng vụ Đông và Tây Phương diễn tả điều này bằng từ "*Parrhésia*", một thuật ngữ đặc biệt Ki-tô giáo muốn diễn tả tâm tình đơn sơ chân thành, lòng tin tưởng của người con, vui mừng an tâm, dạn dĩ nhưng khiêm nhu, xác tín là mình được yêu thương (x Eph 3,12; Dt 3,6;4,16; 10,19; 1Ga 2,28; 3,21; 5,14).

## II. "LẠY CHA !"

### 2779 239

Trước khi bắt đầu nguyện xin, chúng ta phải loại bỏ một số hình ảnh sai lạc của "thế gian này". Chúng ta phải *khiêm tốn* nhìn nhận rằng : "Không ai biết Chúa Cha, trừ Người Con và kẻ mà Người Con muốn mạc khải cho", nghĩa là "cho những người bé mọn" (Mt 11,25-27). Chúng ta phải thanh luyện tâm hồn, nghĩa là đừng để những hình ảnh của Thiên Chúa như người cha hay người mẹ, theo kinh nghiệm bản thân hay văn hóa, ảnh hưởng đến tương quan giữa chúng ta với Thiên Chúa. Thiên Chúa là Cha chúng ta, Người siêu việt trên mọi phạm trù của thế giới thụ tạo. Khi gán cho Người hay loại bỏ khỏi Người những ý tưởng của chúng ta về Thiên Chúa, chúng ta có nguy cơ tạo ra những ngẫu tượng để tôn thờ hay đập đổ. Cầu nguyện cùng Chúa Cha là đón nhận mầu nhiệm của Người, như Người hằng hữu và như Chúa Con đã mạc khải cho chúng ta :

"Cách gọi Thiên Chúa là Cha trước đây chưa hề mạc khải. Khi ông Mô-sê hỏi danh tánh Thiên Chúa, ông đã được nghe một danh xưng khác. Đối với chúng ta, Danh Thiên Chúa đã được mạc khải trong Chúa Con; vì Chúa Giê-su nhận mình là Con nên Thiên Chúa được gọi là Cha" (Tertulano, 3) .

**2780 240**

Chúng ta có thể kêu cầu Thiên Chúa là Cha, vì Con Thiên Chúa làm người mặc khải như vậy, và vì Thần Khí của Chúa Con đã làm cho chúng ta nhận biết như vậy. Chúng ta tin Đức Giê-su là Đấng Ki-tô và chúng ta "đã được Thiên Chúa sinh ra" ( 1Ga 5,1), nên Thần Khí của Chúa Con cho chúng ta tham dự vào tương quan ngã vị giữa Chúa Con và Chúa Cha; đây là điều con người không thể nghĩ ra được và thần thánh trên trời cũng không hiểu được ( 1 Ga 5,1).

**2781 2665**

Khi cầu nguyện cùng Chúa Cha, chúng ta *được hiệp thông* với Người, và với Chúa Con là Đức Giê-su Ki-tô (1 Ga 1,3). Lúc đó, chúng ta mới nhận biết và nhận ra Người, với lòng thán phục không ngại. Với lời đầu tiên của kinh Lạy Cha, chúng ta chúc tụng thờ lạy Chúa Cha trước khi nguyện xin Người. Thiên Chúa được tôn vinh khi chúng ta nhìn nhận Người là Cha và là Thiên Chúa thực. Chúng ta tạ ơn Người vì đã mặc khải Danh Thánh, đã cho chúng ta tin vào Danh Người và Người hiện diện trong chúng ta.

**2782 1267**

Chúng ta có thể thờ lạy Chúa Cha vì Người đã tái sinh chúng ta trong sự sống của Người khi *nhận chúng ta là nghĩa tử* trong Con Một nhờ bí tích Thánh Tẩy. Người tháp nhập chúng ta vào Thân Thể Chúa Ki-tô, và nhờ bí tích Thêm Sức, Người cho chúng ta trở thành những "người được xức dầu" bằng Thánh Thần.

“Thực vậy, Thiên Chúa đã tiền định cho chúng ta được làm nghĩa tử, được đồng hình đồng dạng với Thân Thể vinh quang của Đức Ki-tô. Từ nay, anh em được dự phần với Đức Ki-tô, anh em đương nhiên

được gọi là những "người được xúc dầu" ( T.Xy-ri-lô thành Giê-ru-sa-lem 3,1).

“Con người mới, sau khi được tái sinh và trả về cho Thiên Chúa nhờ ân sủng, trước hết sẽ thưa: "Lạy Cha" vì đã trở nên con Thiên Chúa (T. Xy-ri-an 9).

### **2783 1701**

Như thế với kinh Lạy Cha, *chúng ta được mặc khải* về Thiên Chúa là Cha, đồng thời được biết thiên chức của mình ( x. GS 22,1 ) :

" Con người ơi, người không dám ngược mặt lên trời, chỉ cúi nhìn xuống đất. Rồi thành linh, người nhận được ân sủng của Đức Ki-tô: mọi tội lỗi người đã được tha. Từ một tên đầy tớ gian ác, người trở thành đấng con ngoan... Hãy ngược mặt nhìn lên Chúa Cha, Đấng đã chuộc người nhờ Con của Người, và thưa: lạy Cha... Nhưng người đừng đòi hỏi một đặc quyền nào. Người là Cha cách đặc biệt, của riêng Đức Ki-tô, nhưng Người cũng còn là Cha của tất cả chúng ta, vì Người chỉ sinh ra; còn chúng ta là thụ tạo do một mình Đức Ki-tô nhưng Người đã dựng nên chúng ta. Vậy nhờ ân sủng, người cũng hãy thưa: Lạy Cha chúng con, để xứng đáng là con của Người" (T.Am-rô-xi-ô 5,19)

### **2784 1428**

Ôn nghĩa tử đòi chúng ta phải hoán cải không ngừng để *sống cuộc đời mới*. Khi đọc kinh Lạy Cha, chúng ta phải có hai tâm tình căn bản :

1997

Tâm tình thứ nhất là *ước muốn được nên giống Người*. Dù được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa, nhưng phải nhờ ân sủng chúng ta mới được phục hồi nét giống Thiên Chúa hơn, nên chúng ta có bổn phận đáp lại ân sủng này.

“Phải nhớ rằng : khi gọi Thiên Chúa là Cha, chúng ta có bổn phận sống như con Thiên Chúa” (T. Xy-ri-an 11) .

"Anh em không thể gọi Thiên Chúa Chí Nhân là Cha, nếu anh em còn giữ lòng độc ác và bất nhân; vì khi đó, anh em không còn giữ được dấu tích lòng nhân lành của Cha Trên Trời"(T.Gio-an Kim Khẩu) .

"Hãy luôn chiêm ngưỡng vẻ đẹp của Cha Trên Trời, để tâm hồn mình thấm nhuần vẻ đẹp đó" (T.Ghê-gô-ri-ô thành Nít) .

## **2785 2562**

Tâm tình thứ hai là *lòng khiêm tốn và tin tưởng nơi Thiên Chúa*, nhờ đó chúng ta "trở nên như trẻ em" ( Mt 18,3); vì Chúa Cha "mặc khải cho những người bé mọn" (Mt 11,25).

“Khi đọc kinh Lạy Cha, chúng ta phải chiêm ngắm Thiên Chúa, lòng chúng ta bùng cháy lửa yêu mến. Nhờ đó, linh hồn tan biến và hướng tới việc yêu mến Thiên Chúa, thân tình trò chuyện với Thiên Chúa như người Cha ruột, với lòng yêu mến thảo kính đặc biệt (T. Gio-an Cát-xi-ô 9,18).

"Lạy Cha chúng con : danh hiệu này gọi lên trong lòng chúng ta tình yêu và sự tha thiết khi cầu nguyện... đồng thời tin tưởng sẽ được Thiên Chúa

nhận lời. Thiên Chúa từ chối sao được, khi chính Người vừa nhận họ là con?" (T. Âu-tinh 2,4, 16).

### III. LẠY CHA "CHÚNG CON"

#### 2786 443

Khi gọi Thiên Chúa là Cha "của chúng ta", chúng ta không nghĩ rằng mình chiếm hữu được Thiên Chúa, nhưng có một tương quan mới mẻ với Người.

#### 2787 728

Khi gọi Thiên Chúa là Cha "của chúng ta", trước hết chúng ta nhìn nhận rằng mọi lời Thiên Chúa yêu thương hứa qua các ngôn sứ đã được thực hiện nơi Đức Ki-tô trong *Giao ước Mới và Vĩnh cửu* : Chúng ta đã trở thành Dân "của Người" và từ nay Người là Thiên Chúa "của chúng ta". Thiên Chúa và chúng ta thuộc về nhau : tương quan mới này là quà tặng của Thiên Chúa ( x. Hs 2,21-22; 6,1-6 ) . Chúng ta phải đáp lại "ân sủng và sự thật" mà Người ban tặng "nhờ Đức Giê-su Ki-tô" (Ga 1,17) bằng lòng yêu mến và trung thành.

#### 2788

Kinh Lạy Cha là kinh nguyện của Dân Chúa trong "thời sau hết", nên khi đọc "của chúng con" chúng ta hy vọng vững vàng vào lời hứa tối hậu của Thiên Chúa. Trong thành thánh Giê-ru-sa-lem mới, Người sẽ phán với kẻ chiến thắng : "Ta sẽ là Thiên Chúa của người ấy và người ấy sẽ là con của Ta" ( Kh 21,7).

#### 2789 245 253

Khi đọc "Lạy Cha chúng con", chúng ta thân thưa với Cha của Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta. Chúng ta không phân chia thần tính, vì Chúa Cha là "nguồn mạch và căn nguyên" của thần tính. Nhưng ở đây, chúng ta muốn tuyên

xung : từ muôn thuở, Chúa Con được Chúa Cha sinh ra và Chúa Thánh Thần phát xuất từ Chúa Cha. Chúng ta cũng không hề lẫn lộn các Ngôi Vị, vì chúng ta tuyên xưng rằng : chúng ta được hiệp thông với Chúa Cha và Chúa Con là Đức Giê-su Ki-tô, trong Thánh Thần duy nhất. *Ba Ngôi* Chí Thánh đồng bản tính và không thể phân chia. Khi cầu nguyện cùng Chúa Cha, chúng ta thờ lạy và tôn vinh Người cùng với Chúa Con và Chúa Thánh Thần.

### **2790 787**

Khi đọc "Lạy Cha chúng con", chúng ta tuyên xưng Người là Cha của nhiều người. Chỉ có một Thiên Chúa và Người được nhìn nhận là Cha của những kẻ đã được tái sinh bởi nước và Thánh Thần (nhờ tin vào Con Một Thiên Chúa). "*Hội Thánh*" chính là hiệp thông mới giữa Thiên Chúa và loài người : Hội Thánh hiệp nhất với Con Một Thiên Chúa là "trưởng tử giữa một đàn em đồng đúc" (Rm 8,29), nên Hội Thánh được hiệp thông với Chúa Cha, trong Chúa Thánh Thần. Khi thưa "Lạy Cha chúng con", mỗi Ki-tô hữu cầu nguyện trong sự hiệp thông này : "các tín hữu tuy đồng đảo, mà chỉ có một lòng một ý" ( Cv 4,32 ).

### **2791 821**

Do đó, dù các Ki-tô hữu còn chia rẽ, kinh Lạy Cha vẫn là tài sản chung và là một lời mời gọi khẩn thiết cho mọi Ki-tô hữu. Được hiệp thông với Chúa Ki-tô nhờ đức tin và nhờ bí tích Thánh Tẩy, họ phải cùng cầu nguyện với Chúa Giê-su để các môn đệ được hiệp nhất ( x. UR 8;22).

### **2792**

Sau cùng, nếu thật lòng cầu nguyện "Lạy Cha chúng con", chúng ta thoát được chủ nghĩa cá nhân, vì khi đón nhận Thiên Chúa yêu thương, chúng ta được giải thoát. Từ "chúng con" ở đầu kinh Lạy Cha, cũng như từ "chúng con" trong bốn

lời xin cuối kinh, không loại trừ một ai. Để thật lòng đọc kinh Lạy Cha ( x. Mt 5,23-24;6,14-16 ), chúng ta phải vượt qua mọi chia rẽ và chống đối.

#### **2793 604**

Các tín hữu không thể cầu nguyện "Lạy Cha chúng con", mà không dâng lên tất cả những ai Chúa đã ban tặng Con yêu dấu. Tình yêu của Thiên Chúa không có biên giới, nên lời cầu nguyện của chúng ta cũng phải như vậy ( x. NA 5) . Khi đọc "Lạy Cha chúng con", lòng chúng ta được mở rộng theo tình yêu của Chúa Cha được biểu lộ trong Đức Kitô : cầu nguyện với và cho tất cả những ai chưa nhận biết Chúa, để họ "được quy tụ về một mối" (Ga11,52). Sự chăm sóc của Thiên Chúa dành cho mọi người và muôn loài đã thôi thúc các thánh nhân, chúng ta phải mở rộng lời cầu nguyện theo tình thương này khi chúng ta dám đọc "Lạy Cha chúng con".

### **IV. "Ở TRÊN TRỜI"**

#### **2794 326**

Khi gọi Thiên Chúa là "Đấng ngự trên trời", Thánh Kinh không muốn nói Người đang ở một nơi nào đó trong không gian, nhưng nói đến một cách hiện hữu; không muốn nói Người ở xa ta, nhưng muốn nói Người rất uy nghi cao cả. Thiên Chúa không ở một nơi nào đó, nhưng Người là Đấng Thánh vượt trên mọi sự chúng ta có thể quan niệm. Vì Người là Đấng Chí Thánh, nên rất gần gũi với những tâm hồn khiêm cung và thống hối :

“Thật có lý khi ta hiểu "Lạy Cha chúng con ở trên trời" là Người hiện diện nơi tâm hồn những người công chính, như trong đền thờ của Người. Câu kinh đó cũng có nghĩa là người cầu nguyện ước mong

Đấng mình kêu cầu ngự trong lòng mình (T. Âu-tinh, Bài giảng Chúa nhật 2,5,17) .

"Ở đây, chúng ta có thể hiểu "trời" là những ai mang hình ảnh thiên quốc, Thiên Chúa vui thích cư ngụ nơi tâm hồn họ" (T. Xy-ri-lô thành Giê-ru-sa-lem 5,11) .

### **2795 1024**

Biểu tượng "trời" nhắc chúng ta nhớ đến mầu nhiệm Giao Ước chúng ta đang sống, khi đọc kinh "Lạy Cha". Trời là nơi Thiên Chúa ngự, là Nhà Cha, nên là "quê hương" của ta. Vì tội lỗi, chúng ta bị lưu đày xa miền đất Giao Ước; nhờ hoán cải tâm hồn, chúng ta được về "trời", về cùng Cha. trong Đức Ki-tô, trời đất được giao hòa, vì chỉ Chúa Con là Đấng "từ trời xuống thế" và đưa chúng ta lên trời với Người, nhờ cuộc Khổ Nạn, Phục Sinh và Thăng Thiên ( x. Ga 12,32; 14,2-3; 16,28;20,17; Eph 4,9-10; Dt 1,3; 2,13) .

### **2796 1003**

Khi kêu cầu "Lạy Cha chúng con ở trên trời", Hội Thánh tuyên xưng : chúng ta là Dân Thiên Chúa, "đã được cùng ngự trị với Đức Ki-tô Giê-su trên cõi trời" (Eph 2,6), "hiện đang tiềm tàng với Đức Ki-tô nơi Thiên Chúa"(Cl 3,3), đồng thời, "chúng ta rên siết là vì những ước mong được thấy ngôi nhà thiên quốc của chúng ta phủ lên chiếc lều ở dưới đất này"(2 Cr 5,2):

"Các tín hữu có xác phàm, nhưng không sống theo xác phàm. Họ sống trên dương thế, nhưng là công dân Nước Trời" (Epître á Diognète 5, 8-9) .

## **TÓM LƯỢC**

### **2797**

*Chúng ta phải đọc kinh Lạy Cha với lòng tin tưởng đơn sơ và trung thành, khiêm tốn và vui mừng phó thác nơi Thiên Chúa.*

### **2798**

*Chúng ta có thể kêu cầu Thiên Chúa là "Cha", vì Con Thiên Chúa làm người đã dạy chúng ta như thế. Trong Đức Ki-tô, nhờ bí tích Thánh Tẩy, chúng ta được tháp nhập vào Thân Thể Người và được nhận là con Thiên Chúa.*

### **2799**

*Khi đọc kinh Lạy Cha, chúng ta được hiệp thông với Chúa Cha và với Con của Người là Đức Giê-su Ki-tô, đồng thời chúng ta được biết thiên chức của mình ( GS 22,1).*

### **2800**

*Khi đọc kinh "Lạy Cha", chúng ta phải ước muốn được nên giống Thiên Chúa, và phải có lòng khiêm tốn và tin tưởng.*

### **2801**

*Khi đọc Lạy Cha "của chúng con", chúng ta nhắc đến Giao Ước Mới trong Đức Giê-su Ki-tô, sự hiệp thông với Ba Ngôi Thiên Chúa và tình yêu Thiên Chúa bao trùm cả thế giới nhờ Hội Thánh.*

### **2802**

*Khi gọi Thiên Chúa là Đấng "ở trên trời", chúng ta không nghĩ rằng Người đang ở một nơi nào đó, nhưng muốn nói Người rất uy nghi cao cả và đang hiện diện nơi tâm hồn những người công chính. "Trời" là Nhà Cha, là quê hương*

*đích thực, nơi chúng ta hy vọng sẽ tới và hiện nay chúng ta đã là thành viên.*

### Mục 3

## BẢY LỜI CẦU XIN

#### 2803 2627

Sau khi đã đặt mình trước tôn nhan Thiên Chúa là Cha để thờ lạy, yêu mến và chúc tụng Người, Thần Khí Nghĩa Tử khơi lên trong lòng chúng ta bảy lời nguyện xin, bảy lời chúc tụng. Ba lời đầu tiên, trực tiếp hướng về Thiên Chúa hơn, hướng lòng ta đến Vinh Quang Thiên Chúa. Bốn lời sau, như những con đường đến với Thiên Chúa, xin Người nhìn đến thân phận khốn cùng của chúng ta mà ban Ân Phúc. "Kìa vực thẳm kêu gào vực thẳm,... Chúa quên con sao đành ?" (Tv 42,8-10).

#### 2804

Ba lời nguyện đầu tiên hướng chúng ta về Thiên Chúa và vì Thiên Chúa : *Danh Cha, Nước Cha, Ý Cha*. Đặc tính của tình yêu là trước hết nghĩ đến người mình yêu. Ba lời nguyện này, không nói gì đến chúng ta; nhưng chúng ta bị lôi cuốn theo lòng "khát khao mong mỏi" "đến khắc khoải" của Chúa Con vì lo cho Vinh Quang của Cha Người : "nguyện Danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, ý Cha thể hiện..." Ba lời nguyện này được Thiên Chúa nhận lời trong hy tế cứu độ của Đức Ki-tô; nhưng từ nay, những lời nguyện này chứa chan hy vọng, còn đang hướng về ngày thực hiện chung cuộc, bao lâu Thiên Chúa chưa hoàn tất chương trình cứu độ của Người ( 1Cr 15, 28).

### **2805 1105**

Bốn lời cầu xin sau đó diễn ra giống như trong một số lời nguyện "xin ban Thánh Thần" trong thánh lễ: Chúng ta dâng lên những hy vọng của mình và mong được Thiên Chúa là Cha Đầy Lòng Thương Xót nhìn đến. Chúng ta dâng lên Thiên Chúa những lời này, xin cho chính mình, ở đời này trong hiện tại "xin Cha cho *chúng con*... xin tha nợ cho *chúng con*... xin chớ để *chúng con*... xin cứu *chúng con*..." Lời xin thứ tư và thứ năm liên quan đến cuộc sống thực tế của ta : xin lương thực và xin tha tội. Với hai lời cầu xin cuối, chúng ta khẩn cầu Thiên Chúa giúp sức trong cuộc chiến để Sự Sống chiến thắng, đây cũng là cuộc chiến trong cầu nguyện.

### **2806 1656, 2658**

Nhờ ba lời nguyện đầu tiên, chúng ta được củng cố đức tin, tràn đầy đức cậy và nung nóng đức mến. Chẳng những là thụ tạo mà còn là tội nhân, chúng ta phải khẩn cầu cho chúng ta, cho toàn thể nhân loại trong thế giới và lịch sử. Chúng ta dâng tất cả cho tình yêu vô biên của Thiên Chúa. Vì chính nhờ Danh Đức Ki-tô và triều đại của Thánh Thần Người, Chúa Cha hoàn thành kế hoạch cứu độ của Người, cho chúng ta và cho toàn thế giới.

### **2142, 2159**

## **I. "NGUYỆN DANH CHA CẢ SÁNG"**

### **2807 2097**

Khi đọc "nguyện Danh Cha cả sáng", chúng ta không chúc tụng Thiên Chúa được thánh thiện hơn; nhưng nguyện xin cho nhân loại nhận biết Người là Đấng Thánh, nhận ra sự Vinh Hiển của Người. Như thế, với tâm tình thờ lạy, lời nguyện này đôi khi được hiểu như một lời ca ngợi và tạ ơn. Đức Giê-su dạy chúng ta lời nguyện này như một ước nguyện : một khẩn cầu, một khao khát và mong đợi mà Thiên

Chúa và loài người cùng cam kết. Lời nguyện đầu tiên này đưa chúng ta ngay vào mầu nhiệm thâm sâu của Thiên Chúa và công trình cứu độ nhân loại. Khi "nguyện Danh Cha cả sáng" chúng ta tham dự vào "kế hoạch yêu thương Người đã định từ trước", "đề trước thánh nhan Người, ta trở nên tinh tuyền thánh thiện, nhờ tình thương của người" (Ep 1,9.4).

### **2808 203,432**

Vào những thời điểm quyết định của nhiệm cục cứu độ, Thiên Chúa mặc khải danh thánh Người, nhưng mặc khải bằng công trình Người thực hiện. Công trình này chỉ được thực hiện nơi chúng ta và cho chúng ta, nếu danh Chúa được "cả sáng" nhờ chúng ta và nơi chúng ta.

### **2809 293 705**

Trọng tâm của mầu nhiệm cứu rỗi nơi Thiên Chúa là sự thánh thiện không ai vươn tới được. Tất cả những gì bộc lộ sự thánh thiện này qua công trình sáng tạo và lịch sử được Thánh Kinh gọi là *Vinh Quang* của Thiên Chúa, là Uy Nghi cao cả của Người chiếu tỏa ra cho ta thấy. Khi tạo dựng nhân loại "theo hình ảnh Người và giống như Người", Thiên Chúa "ban cho con người vinh quang danh dự làm mũ triều thiên" (Tv 8,3). Khi phạm tội, họ bị tước mất vinh quang Thiên Chúa (Rm 3,23). Bởi vậy, Thiên Chúa sẽ bày tỏ sự Thánh Thiện bằng cách mặc khải và ban tặng Thánh Danh, để phục hồi con người "theo hình ảnh của Đấng Tạo Hóa" (Cl 3,10).

### **2810 63**

Khi thề hứa với tổ phụ Áp-ra-ham, Thiên Chúa kết ước nhưng không cho biết Thánh Danh. Với Mô-sê, Người bắt đầu mặc khải danh thánh, và cho toàn dân thấy vinh hiển của danh thánh Người, khi cứu họ khỏi tay Người Ai Cập: "Đức Chúa là Đấng cao cả uy hùng" (Xh 15,1). Kể từ Giao Ước Xi-nai, dân này là dân "của Người" và họ phải là một

"dân thánh" (tiếng Híp-ri còn có nghĩa là dân được thánh hiến), vì danh thánh ở nơi họ.

### **2811 2143**

Thiên Chúa Chí Thánh đã ban cho dân này Lễ Luật và không ngừng nhắc nhở họ. Hơn nữa, "vì danh thánh Người", Đức Chúa luôn nhẫn nại với họ. Nhưng dân Chúa đã bất trung với Đấng Thánh của Ít-ra-en và "xúc phạm đến danh thánh Người trước mắt các dân tộc"(Ed 20,14). Ý thức được những điều đó, những người công chính thời Cựu Ước, những người nghèo trở về sau cuộc lưu đày và các ngôn sứ luôn hết lòng tôn kính danh thánh Chúa.

### **2812 434**

Sau cùng danh thánh Thiên Chúa được mặc khải và ban tặng cho chúng ta nơi Đức Giê-su như Đấng Cứu Độ mang xác phàm: nơi bản thân Đức Giê-su, qua lời và Hy Tế của Người. Đó cũng là trọng tâm của lời nguyện tư tế : "Lạy Cha chí thánh,... Con xin thánh hiến chính mình con cho họ, để họ cũng được thánh hiến nhờ sự thật" (Ga 17,19). Vì muốn Danh Cha cả sáng, Đức Giê-su đã "cho họ biết danh Cha" (Ga 17,6). Khi hoàn tất cuộc vượt qua, Đức Giê-su được Chúa Cha ban cho một danh hiệu vượt trên mọi danh hiệu : "Đức Giê-su Ki-tô là Chúa, để tôn vinh Thiên Chúa Cha" (Pl 2,11).

### **2813 2013**

Trong nước Thánh Tẩy, chúng ta đã được tẩy rửa, được thánh hóa, được nên công chính nhờ danh Chúa Giê-su Ki-tô và nhờ Thần Khí của Thiên Chúa chúng ta (1 Cr 6,11). Thiên Chúa kêu gọi chúng ta sống thánh thiện (1 Th 4,7) trọn đời. "Chính nhờ Thiên Chúa mà chúng ta được hiện hữu trong Đức Ki-tô Giê-su, Đấng đã trở nên sự thánh hóa cho chúng ta" (1Cr 1,30), nên vinh quang của Người và sự sống

của ta tùy thuộc việc danh Chúa được cả sáng nơi chúng ta và do chúng ta. Vì thế lời nguyện đầu tiên của kinh Lạy Cha rất khẩn thiết :

“Thiên Chúa là Đấng Thánh Hóa, ai có thể thánh hóa Thiên Chúa? Nhưng vì lời Chúa dạy "các ngươi phải thánh thiện, vì Ta, Đức Chúa, Ta là Đấng Thánh" (Lv 20,26), nên chúng ta cầu xin để sau khi được thánh hóa nhờ bí tích Thánh Tẩy, chúng ta được vững bền trong đời sống thánh thiện đã khởi đầu. Hằng ngày chúng ta phải cầu xin như thế, vì ngày nào chúng ta cũng phạm lỗi và phải thanh tẩy tội lỗi nhờ không ngừng thánh hóa bản thân...Như vậy, chúng ta phải cầu nguyện để có thể sống thánh thiện” (T. Xyp-ri-anô 12) .

#### **2814 2045**

*Nhờ chúng ta sống đạo và cầu nguyện* mà danh thánh Cha được cả sáng giữa chư dân :

“Chúng ta nguyện cho danh Cha cả sáng, vì nhờ Danh Thánh Người mà toàn thể thụ tạo sa ngã được cứu độ và thánh hóa, nhưng chúng ta nguyện cho danh thánh Chúa được cả sáng nơi chúng ta, nhờ đời sống của ta. Nếu ta sống tốt lành, mọi người sẽ chúc tụng danh Thiên Chúa, nếu ta sống tệ hại, họ sẽ xúc phạm đến danh Người. Thánh Phao lô nói : "chính vì các ngươi mà danh Thiên Chúa bị phỉ báng giữa chư dân" ( x. Rm 2,24; Ed 36,20-22 ) . Do đó, chúng ta cầu xin để có được trong tâm hồn sự thánh thiện danh Cha cả sáng (T. Phê-rô Kim Ngôn, bài giảng 71).

“Để thực thi lời Chúa dạy: phải cầu nguyện cho mọi người kẻ cả kẻ thù. Khi đọc "nguyện danh Cha cả

sáng", chúng ta cầu xin cho danh Chúa được tôn vinh nơi chúng ta là những người đang sống trong Người, và cả nơi những người Thiên Chúa đang chờ đợi để ban ơn cho họ; chính vì thế, chúng ta không đọc: nguyện danh Cha cả sáng nơi chúng con, vì ta muốn Danh Thánh được cả sáng nơi mọi người (Tertuliano 3).

## **2815 2750**

Lời nguyện đầu tiên này thu tóm cả sáu lời nguyện xin tiếp theo; tất cả đã được Thiên Chúa ưng nhận qua *lời nguyện của Chúa Ki-tô*. Lời kinh dâng lên Chúa Cha là lời nguyện của chúng ta nếu được dâng lên nhân danh Đức Giê-su. Trong lời nguyện tư tế, Đức Giê-su đã cầu xin: "Lạy Cha chí thánh, xin gìn giữ trong danh Cha những người mà Cha đã ban cho con" (Ga 17,11).

## **II. NƯỚC CHA TRỊ ĐẾN**

### **2816 541, 2632, 560 1107**

Trong Tân Ước, cùng một từ Hy-lạp *BASILEIA* có thể dịch nhiều cách: vương quyền (danh từ trừu tượng), vương quốc (danh từ cụ thể), vương triều (danh từ chỉ việc cai trị). Nước Thiên Chúa đang ở trước chúng ta, đã đến gần trong Ngôi Lời Nhập Thể, được loan báo trong Tin Mừng, đã đến trong cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh của Chúa Ki-tô. Từ bữa Tiệc Ly và trong bí tích Thánh Thể, Nước Thiên Chúa đã đến và đang ở giữa chúng ta. Vào ngày quang lâm, Nước Thiên Chúa đến trong vinh quang và Đức Ki-tô trao lại cho Chúa Cha:

"Có thể nói, Nước Thiên Chúa là chính Đức Ki-tô, Người là Đấng chúng ta kêu cầu mọi ngày và đang nóng lòng mong đợi Người quang lâm. Người là sự phục sinh của chúng ta, vì chúng ta được phục sinh

trong Người. Cũng thế, Người là Nước Thiên Chúa, vì chúng ta được hiển trị trong Người" ( T. Xyp-ri-a-nô 13 ) .

**2817 451, 2632, 671**

Lời nguyện này là lời "MA-RA-NA-THA", là tiếng kêu cầu của Thân Khí và Hội Thánh "Lạy Chúa Giê-su, xin ngự đến":

"Dù lời cầu nguyện này không đòi chúng ta cầu cho Nước Chúa trị đến, nhưng chúng ta vẫn kêu lên như thế, để sớm đạt được những gì chúng ta kỳ vọng. Sách Khải Huyền cho biết từ dưới bàn thờ, linh hồn các vị tử đạo lớn tiếng kêu cầu Chúa : "Lạy Chúa, cho đến bao giờ Ngài còn trì hoãn, không xét xử và không bắt những người sống trên mặt đất phải đền nợ máu chúng con?"( Kn 6,10). Chắc chắn các ngài sẽ được xét xử công bằng vào ngày tận thế. Lạy Cha, nguyện Nước Cha trị đến (Tertulien 5)!

**2818 769**

Khi đọc "Nước Cha trị đến", chúng ta mong đợi ngày Nước Chúa hoàn tất khi Chúa Ki-tô quang lâm. Ước mong này không làm cho Hội Thánh xao lãng sứ mạng nơi trần thế, trái lại càng thúc giục chúng ta dấn thân hơn nữa. Vì từ ngày Hiện Xuống, việc làm cho Nước Chúa trị đến là công trình của Chúa Thánh Thần, "Đấng kiện toàn sự nghiệp của Chúa Ki-tô trên trần gian và hoàn tất công trình thánh hóa muôn loài" ( SLRM, kinh tạ ơn 4).

**2819 2046 2516**

"Nước Thiên Chúa là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần" ( Rm 14,17). Thời đại cuối cùng mà chúng ta đang sống là thời Thánh Thần được ban tràn đầy

cho muôn người. Kể từ đó, cuộc chiến đấu quyết định giữa "xác thịt" và Thần Khí đã khởi đầu :

2519

“Chỉ người có tâm hồn trong sạch mới có thể tin tưởng xướng lên : nguyện Nước Cha trị đến. Ai nghe lời thánh Phao-lô dạy : "Đừng để tội lỗi thống trị thân xác phải chết của chúng ta nữa" (Rm 6,12) và biết giữ tư tưởng, lời nói và hành vi của mình trong sạch, người đó mới có thể nói với Thiên Chúa : "nguyện Nước Cha trị đến" (T. Xy-ri-lô thành Giê-ru-sa-lem 5,13) .

2820 1049

Được Thánh Thần hướng dẫn, các tín hữu phải biết phân biệt giữa sự thăng tiến của Nước Thiên Chúa và sự tiến bộ văn hóa và xã hội trong môi trường họ sinh sống. Phân biệt chứ không phải tách biệt, vì ơn gọi sống đời đời không miễn trừ nhưng đòi buộc con người phải sử dụng những năng lực và phương tiện được Đấng Tạo Hóa ban tặng, để phục vụ công lý và hòa bình trên trần gian.

2821 2746

Lời nguyện xin này được ghép vào và được Thiên Chúa nhận lời trong lời nguyện của Đức Giê-su đang hiện diện và hữu hiệu trong bí tích Thánh Thể. Lời nguyện xin này sinh hoa kết quả trong đời sống mới theo các mối phúc.

### III. Ý CHA THỂ HIỆN DƯỚI ĐẤT CŨNG NHƯ TRÊN TRỜI

2822 851 2196

Cha chúng ta muốn "mọi người được cứu độ và nhận biết chân lý"(1Tm 2,3-4). "Người kiên nhẫn đối với chúng ta,

vì Người không muốn cho ai phải diệt vong"(2 Pr 3,9). "Chúng ta hãy yêu thương nhau như Người đã yêu thương chúng ta" (Ga 13,34). Đó là điều răn tóm lược mọi điều răn khác và cho chúng ta biết rõ ý Chúa.

### **2823 59**

"Người cho ta được biết Thiên ý nhiệm mầu : Thiên ý này là kế hoạch yêu thương Người đã định từ trước... là quy tụ muôn loài trong trời đất dưới quyền một thủ lãnh là Đức Ki-tô. Cũng trong Đức Ki-tô, Thiên Chúa là Đấng làm nên mọi sự theo quyết định và ý muốn của Người, đã tiền định cho chúng ta đây làm cơ nghiệp riêng"(Ep1,9-11). Chúng ta khẩn xin Người cho kế hoạch yêu thương này được thực hiện trọn vẹn dưới đất, như đã thực hiện trên trời.

### **2824 475 612**

Ý Cha được thực hiện trọn vẹn và một lần dứt khoát trong Đức Ki-tô và qua ý muốn nhân loại của Người". Khi vào trần gian, Đức Ki-tô nói : Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài" (Dt 10,7). Chỉ mình Đức Giê-su mới có thể nói : "Tôi hằng làm những điều đẹp ý Người" (Ga 8,29). Trong giờ hấp hối, Người cũng hoàn toàn vâng phục ý Cha: "Xin đừng làm theo ý con, mà xin theo ý Cha" (Lc 22,42). Vì thế, "Đức Ki-tô đã tự hiến vì tội lỗi chúng ta, theo ý muốn của Thiên Chúa"(Gl 1,4). "Theo ý đó, chúng ta được thánh hóa nhờ Đức Giê-su Ki-tô đã hiến dâng thân mình làm lễ tế" (Dt 10,10).

### **2825 615**

Đức Giê-su, dù là Con Thiên Chúa, Người đã phải trải qua nhiều đau khổ mới học được thế nào là vâng phục" (Dt 5,8); phương chi chúng ta là những thụ tạo và là tội nhân, đã được nhận làm nghĩa tử của Thiên Chúa trong Đức Ki-tô. Chúng ta cầu xin Chúa Cha cho ý muốn của ta nên một với ý

muốn của Chúa Con để chúng ta chu toàn ý Cha và thực hiện ý định cứu độ của Cha là cho thể gian được sống. Trong công việc này, chúng ta hoàn toàn bất lực, nhưng nhờ kết hiệp với Đức Giê-su và nhờ quyền năng của Thánh Thần, chúng ta có thể dâng cho Cha ý muốn của ta và quyết định chọn điều Chúa Con luôn chọn : làm điều đẹp lòng Cha (Ga 8,29).

"Khi gắn bó với Chúa Ki-tô, chúng ta có thể một lòng một ý với Người, và nhờ đó thực thi ý muốn của Người; như thế, ý Chúa sẽ được chu toàn dưới đất cũng như trên trời"(Ô-ri-ghe-nê 26) .

Hãy xem cách Đức Giê-su Ki-tô dạy chúng ta sống khiêm tốn, khi cho ta thấy rằng đức độ của ta không tùy thuộc công sức của mình nhưng nhờ ân sủng Thiên Chúa. Ở đây Người ra lệnh cho mỗi tín hữu: khi cầu nguyện, phải cầu nguyện chung cho toàn thể giới. Vì Người không dạy: "Xin cho ý Cha thể hiện" nơi tôi hay nơi anh em, nhưng là "trên khắp địa cầu"; nghĩa là chúng ta cầu nguyện: Xin Cha xóa bỏ mọi sai lầm, cho chân lý ngự trị, vết xấu bị hủy diệt, nhân đức được nảy nở và đất không còn khác với trời nữa (T. Gio-an Kim Khẩu, Mt 19,5) .

## **2826**

Nhờ cầu nguyện, chúng ta "có thể nhận ra đâu là ý Chúa" (Rm 12,2), và có được lòng "kiên nhẫn để thi hành ý Thiên Chúa"(Dt 10,36). Đức Giê-su đã dạy : người ta vào được Nước Trời, không phải nhờ nói, nhưng nhờ việc "thi hành ý muốn của Cha trên trời" (Mt 7,21).

## **2827 2611**

"Ai làm theo ý Thiên Chúa, thì Người nhậm lời kẻ ấy" (Ga 9,31). Lời Hội Thánh cầu nguyện nhân danh Chúa có

được sức mạnh ấy, nhất là trong Thánh Lễ. Lời cầu nguyện của Hội Thánh còn là một lời chuyển cầu hiệp thông với Thánh Mẫu của Thiên Chúa ( x. Lc 1, 38.49 ) và với toàn thể các thánh, những người "đẹp lòng Chúa" vì luôn thi hành thánh ý Người :

796

"Chúng ta có thể không sợ sai khi dịch câu "Ý Cha thể hiện dưới đất cũng như trên trời" là nguyện cho Ý Cha được thể hiện trong Hội Thánh cũng như nơi Đức Giê-su Ki-tô Chúa chúng con, nơi Hiền Thê của Người cũng như nơi Phu Quân là Đấng đã chu toàn Ý Cha (T. Âu-tinh, bài giảng Chúa nhật 2, 6, 24) .

#### **IV. "XIN CHA CHO CHÚNG CON HÔM NAY LƯƠNG THỰC HẰNG NGÀY"**

**2828 2778**

"Xin Cha *cho chúng con*": còn gì đẹp hơn lòng tin tưởng của con cái trông chờ Cha ban cho mọi sự. "Người cho mặt trời mọc lên, soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính" (Mt 5,45). "Hết mọi loài ngựa trông lên Chúa, đợi chờ Ngài đến bữa cho ăn" ( x. Tv 104,27 ) . Đức Giê-su dạy chúng ta lời xin này vì đây là lời tôn vinh Chúa Cha, nhìn nhận Người là Đấng Tốt Lành, vượt xa mọi lòng tốt của con người.

**2829 1939**

"Xin Cha cho chúng con" cũng là lời cầu xin trong tinh thần Giao Ước : chúng ta thuộc về Người và Người thuộc về chúng ta, lo cho chúng ta. Nhưng "chúng con" cũng nhìn nhận Người là Cha của mọi người, nên cầu xin Cha cho mọi người, lời chúng con cùng chia sẻ mọi nhu cầu và đau khổ của họ.

**2830 2638**

Khi xin "lương thực", chúng ta muốn nói : Cha là "Đấng ban cho chúng con sự sống, không lẽ Cha lại không ban cho chúng con lương thực cần thiết để sống, cùng với mọi của cải" "xứng hợp" cả tinh thần lẫn vật chất. Trong Bài Giảng Trên Núi, Đức Giê-su nhấn mạnh đến lòng tín thác của con cái : cộng tác với Cha là Thiên Chúa Quan Phòng. Người không khuyến khích chúng ta thụ động, nhưng muốn giải thoát ta khỏi mọi lo lắng và bận tâm. Người dạy ta sống tâm tình phó thác của con cái Thiên Chúa :

227

Đối với những ai lo tìm kiếm Nước Trời và sự công chính của Thiên Chúa, Người hứa sẽ ban cho họ đủ mọi sự. Mọi sự đều là của Chúa: ai có được Thiên Chúa thì có mọi sự, miễn là Thiên Chúa có người ấy (T. Cyprien 21) .

**2831 1038**

Chung quanh ta còn có những người đói vì thiếu ăn. Điều này mở ra cho chúng ta một ý nghĩa sâu xa hơn của lời cầu xin này. Cảnh nghèo đói trên thế giới mời gọi các Ki-tô hữu đang thật lòng cầu nguyện phải có trách nhiệm thực tế đối với anh em, cả trong đời sống cá nhân cũng như trong tình liên đới với các gia đình nhân loại. Lời cầu xin này trong kinh Lạy Cha gắn liền với giáo huấn của dụ ngôn Người Nghèo Khó La-da-rô và dụ ngôn Ngày Phán Xét Chung (Mt 25,31-46).

**2832 1928**

Như men trong bột, nét mới mẻ của Nước Trời phải được Thần Khí của Chúa Ki-tô khơi dậy trên khắp địa cầu (AA 5). Nét mới mẻ này phải được thể hiện qua việc thiết lập công bình trong các tương quan cá nhân cũng như xã hội,

kinh tế và quốc tế. Chúng ta đừng bao giờ quên rằng không thể có cơ cấu xã hội công bình nếu không có những con người muốn sống công bình.

**2833** 2790, 2546

Chúng ta xin lương thực "cho chúng ta": "ít lương thực" cho "nhiều người". Mỗi phúc thứ nhất về tinh thần nghèo khó dạy chúng ta biết chia sẻ : hiệp thông và chia sẻ của cải vật chất cũng như tinh thần, không phải vì bó buộc nhưng vì yêu thương, "Anh em có được dư giả là để giúp đỡ những người đang lâm cảnh túng thiếu" (2 Cr 8,15).

**2834** 2428

Thánh Biển Đức dạy các đan sĩ : "Cầu nguyện và làm việc" (T. Benoit 20,48 ) . Chúng ta phải cầu nguyện như thể tất cả đều tùy thuộc vào Thiên Chúa và phải làm việc như thể tất cả tùy thuộc vào mình. Lương thực nhận được sau khi chúng ta đã vất vả làm việc vẫn là quà tặng của Cha Trên Trời; nên chúng ta vẫn phải cầu xin Cha ban lương thực và phải tạ ơn Người vì lương thực có được. Vì thế, các gia đình Ki-tô hữu đọc kinh khi dùng bữa.

**2835** 2443 1384

Lời cầu xin này trong kinh Lạy Cha và trách nhiệm kèm theo, cũng áp dụng vào một cái đói khác mà con người phải chịu, đói Lời Chúa và Thánh Thần như Sách Thánh nói: "người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn sống nhờ mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra" (Đnl 8,3; Mt 4,4). Các Ki-tô hữu phải vận dụng mọi nỗ lực để "loan Tin Mừng cho những người nghèo khó." Con người trên trái đất còn một thứ đói khát, "không phải đói bánh ăn, cũng không phải khát nước uống, mà là đói khát được nghe Lời Đức Chúa" (Am 8,11). Vì thế, người Ki-tô hữu đặc biệt hiểu lời xin thứ tư về Bánh Hằng Sống : đó là Lời Chúa ta đón nhận trong

đức tin và Minh Thánh Chúa ta lãnh nhận trong bí tích Thánh Thể ( Ga 6,26-58).

### **2836 1165**

Khi đọc "hôm nay", chúng ta cũng nói lên lòng tín thác. Chúa dạy như vậy chứ chúng ta không dám đặt ra. Khi nói đến Lời và Minh Thánh Chúa, chữ "hôm nay" không chỉ nói đến ngày hôm nay của thời gian mau qua này, mà muốn nói đến Ngày Hôm Nay của Thiên Chúa :

"Nếu bạn nhận được lương thực mỗi ngày, thì mỗi ngày đối với bạn đều là ngày hôm nay. Nếu Đức Ki-tô thuộc về bạn hôm nay, thì mỗi ngày Người sống lại cho bạn. Làm sao lại như thế được ? Thiên Chúa phán: "Con là con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra con" (Tv 2,7). Ngày Hôm Nay nghĩa là: Ngày Đức Ki-tô Phục Sinh" ( T. Am-rô-xi-ô 5,26).

### **2837 2659 2633 1405 1166 1389**

" Hằng ngày": Tân Ước không có chỗ nào khác sử dụng từ ngữ này. Hiểu theo nghĩa thời gian, chữ "hằng ngày" lặp lại chữ "hôm nay" theo ý giáo dục : giúp chúng ta khẳng định lòng tin tưởng tuyệt đối nơi Thiên Chúa. Gắn với từ "lương thực", đây là những gì cần để sống, hay hiểu rộng hơn là những gì cần để sống đầy đủ. Nguyên ngữ Hy Lạp (épiousios : vượt trên cái cốt yếu) trực tiếp chỉ về Bánh Hằng Sống, Minh Thánh Chúa, phương dược trường sinh, nếu thiếu chúng ta không có Sự Sống. Cuối cùng, liên kết với những gì vừa nói trên đây, ý nghĩa Nước Trời rất rõ: "hằng ngày" là Ngày của Chúa, Ngày của Tiệc Nước Trời đã được cho thấy trước trong Thánh Lễ để chúng ta ném trước Nước Trời đang đến. Vì thế nên cử hành Thánh Thể "hằng ngày".

"Thánh Thể là lương thực hằng ngày của chúng ta. Đặc tính của lương thực thần thiêng này là sức mạnh hiệp nhất : hiệp nhất chúng ta với Thân Thể Đấng Cứu Độ và làm cho chúng ta trở nên chi thể Người, để chúng ta trở thành Thân Thể của Đấng chúng ta lãnh nhận...Lương thực hằng ngày cũng được ban trong các bài đọc chúng ta nghe mỗi ngày ở nhà thờ, trong các thánh thi chúng ta nghe và hát. Tất cả đều cần thiết cho chúng ta trên đường lữ hành" (T. Âu-tinh).

"Cha Trên Trời khuyến khích chúng ta là con cái Nước Trời hãy xin Bánh Bời Trời ( x. Ga 6,51 ) . Đức Ki-tô là tấm bánh: Thiên Chúa gieo trong lòng Đức Trinh Nữ, cho lớn lên trong xác phàm, nhào nặn trong cuộc Khổ Nạn, nướng trong mộ đá, cất giữ trong Hội Thánh, dọn ra trên các bàn thờ, và mỗi ngày cung cấp cho các tín hữu làm lương thực trường sinh"(T. Phê-rô Kim Ngôn 71 ) .

## **V. "XIN THA NỢ CHÚNG CON NHƯ CHÚNG CON CŨNG THA KẸ CÓ NỢ CHÚNG CON "**

**2838 1425 1933 2631**

Lời cầu xin này thật lạ lùng. Nếu chỉ có phần đầu "xin tha nợ chúng con", lời xin này lẽ ra đã hàm chứa trong ba lời nguyện đầu kinh Lạy Cha, vì Đức Ki-tô tự hiến tế để "cho mọi người được tha tội". Phần thứ hai của lời xin cho thấy : Thiên Chúa chỉ nhận lời nếu trước đó chúng ta đáp ứng một đòi buộc. Lời xin này sẽ được Thiên Chúa ban với điều kiện chúng ta phải đáp ứng điều Chúa đòi buộc trước: Thiên Chúa sẽ tha cho chúng ta "như " chúng ta tha cho anh em.

## "Xin tha nợ chúng con"...

**2839** 1425 1439 1422

Chúng ta đã bắt đầu xin Cha trên trời với lòng tin tưởng dạn dĩ. Khi "nguyện Danh Cha cả sáng", chúng ta đã xin Người luôn thánh hóa chúng ta hơn nữa. Nhưng dù đã được mặc áo trắng tinh tuyền khi Rửa Tội, chúng ta vẫn tiếp tục phạm tội, quay lưng lại với Thiên Chúa. Giờ đây, trong lời xin này, chúng ta như người con hoang đang trở về với Cha, và như người thu thuế nhận mình là tội nhân trước nhan Người. Lời xin này bắt đầu bằng một lời thú tội, vừa thú nhận tình trạng khôn cùng của mình vừa tuyên xưng Thiên Chúa là Đáng hay thương xót. Niềm hy vọng này được bảo đảm trong Con Một Người, "chúng ta đã được cứu chuộc, được thứ tha tội lỗi" (Cl 1,14; Ep 1,7). Trong các bí tích của Hội Thánh, chúng ta gặp được dấu chỉ hữu hiệu và chắc chắn về ơn tha tội ( x. Mt 26-28; Ga 20,23 ) .

**2840** 1864

Nhưng thật đáng sợ, nguồn ơn thương xót của Thiên Chúa không vào được lòng ta nếu chúng ta không tha cho những người có lỗi với chúng ta. Cũng như Thân Thể Đức Ki-tô, Tình yêu không thể phân chia: chúng ta không thể yêu mến Thiên Chúa mà ta không thấy, nếu ta không yêu mến anh chị em mà ta đang thấy được. Khi từ chối tha thứ cho anh chị em mình, lòng chúng ta đóng lại và trở nên chai đá không thể đón nhận tình thương tha thứ của Cha. Khi thú nhận tội lỗi, chúng ta mở rộng tâm hồn để đón nhận ân sủng của Người.

**2841**

Lời xin này quan trọng đến nỗi đây là lời duy nhất, trong Bài Giảng Trên Núi, Chúa Giê-su phải trở lại chủ đề này và khai triển thêm. Con người không có khả năng chu

toàn đòi hỏi quyết liệt này của mẫu nhiệm giao ước, nhưng Thiên Chúa có thể làm được mọi sự.

**..."như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con"**

**2842 521**

Khi giảng dạy, Đức Giê-su nhiều lần dùng chữ "như": "anh em hãy nên hoàn thiện "như" Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện" (Mt 5,48); "Anh em hãy có lòng nhân từ "như" Cha anh em là Đấng nhân từ" (Lc 6,36) ; "Thầy ban cho anh em một điều răn mới : anh em hãy yêu thương nhau "như" Thầy đã yêu thương anh em"(Ga 13,34). Chúng ta không thể giữ được điều răn của Chúa, nếu chỉ bắt chước Chúa bằng những hành vi bên ngoài. Chúng ta phải hiệp thông sống động và "hết lòng" với sự thánh thiện, lòng thương xót và yêu thương của Thiên Chúa. Chỉ có Thánh Thần, "nhờ Người mà chúng ta sống" (Ga 5,25), mới có thể làm cho chúng ta có được tâm tình của Đức Giê-su Ki-tô (Pl 2,1-5). Khi được hiệp thông với Thiên Chúa đầy lòng tha thứ, "chúng ta biết tha thứ cho nhau *"như"* Thiên Chúa đã tha thứ cho chúng ta trong Đức Ki-tô" (Ep 4,32).

**2843 368**

Như thế, lời Chúa dạy về tha thứ mang sức sống vì dạy chúng ta sống đến tận cùng của tình yêu (Ga 13,1). Khi đưa ra dụ ngôn người đầy tớ không biết thương xót là đỉnh cao của giáo huấn về hiệp thông trong Hội Thánh ( x. Mt 18,23-35 ) , Đức Giê-su kết luận : "Cũng vậy, Cha của Thầy ở trên trời cũng sẽ đối xử với anh em như thế, nếu mỗi người trong anh em không hết lòng tha thứ cho anh em mình" (Mt 18, 23-35). Tội lỗi của chúng ta bị cầm buộc hay được tháo gỡ đều tùy vào việc "hết lòng tha thứ" của ta. Chúng ta không có khả năng bỏ qua hay quên đi lỗi của anh em; nhưng ai sống theo Thánh Thần sẽ biết cảm thương người bị xúc

phạm đến mình và thanh luyện kỷ ức bằng cách chuyển cầu cho người có lỗi.

#### **2844 2262**

Việc cầu nguyện giúp người Ki-tô hữu biết *tha thứ cho cả kẻ thù* (x. Mt 5,43-44) , và biến đổi người môn đệ nên đồng hình đồng dạng với Thầy của mình. Tha thứ là một đỉnh cao của kinh nguyện Ki-tô giáo; Thiên Chúa chỉ ban ơn cầu nguyện cho tâm hồn nào biết hòa nhịp với lòng thương xót của Người. Tha thứ còn minh chứng rằng trong thế giới này, tình yêu mạnh hơn tội lỗi. Các vị tử đạo, trong quá khứ cũng như hiện tại, đều làm chứng cho Đức Giê-su bằng cách này. Tha thứ là điều kiện căn bản để có sự giao hòa giữa con người với Thiên Chúa ( x. 2Cr 5, 18-21) và giữa con người với nhau ( x. Gio-an Phao-lô II, DM 14 ) .

#### **2845 1441**

Sự tha thứ này bắt nguồn từ Thiên Chúa nên không có giới hạn hay mức độ. Nếu đề cập đến xúc phạm (hay "tội" theo Lc 11,4; "nợ" theo Mt 6,12), trong thực tế chúng ta luôn luôn là kẻ mắc nợ : "anh em đừng mắc nợ gì ai, ngoài món nợ tương thân tương ái" (Rm 13,8). Sự hiệp thông giữa Ba Ngôi Chí Thánh là nguồn mạch và tiêu chuẩn chân thực cho mọi tương quan. Chúng ta sống hiệp thông này trong cầu nguyện, nhất là trong bí tích Thánh Thể.

“Thiên Chúa không nhận lễ vật của kẻ gây bất hòa. Người dạy họ để của lễ lại bàn thờ về giao hòa với anh em trước đã; Thiên Chúa chỉ vui nhận những lời cầu nguyện trong an hòa. Đối với Thiên Chúa, lễ dâng đẹp nhất là chúng ta sống an bình, hòa thuận, và toàn dân thánh hiệp nhất trong Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần (T. Cyprien 23).

## VI. "XIN CHỚ ĐỂ CHÚNG CON SA CHƯỚC CÁM DỠ"

**2846** 164 2516

Lời xin này đề cập đến gốc rễ của lời xin trước, vì chúng ta phạm tội khi chiều theo chước cám dỗ. Do đó, chúng ta xin : chớ để chúng con "sa" chước cám dỗ. Theo nguyên ngữ Hy Lạp, chữ "sa" này có nghĩa là "lâm vào" ( x. Mt 26,41 ) , "khỏi sa ngã theo chước theo cám dỗ". "Thiên Chúa không thể bị cám dỗ làm điều xấu, và chính Người cũng không cám dỗ ai" (Gc 1,13). Trái lại, Người muốn giải thoát chúng ta khỏi cơn cám dỗ. Chúng ta cầu xin Người đừng để ta đi vào con đường dẫn đến tội lỗi. Chúng ta đang bị giằng co giữa xác thịt và Thần Khí. Với lời nguyện cầu này, chúng ta muốn xin Thiên Chúa ban Thánh Thần để biết nhận định và có sức mạnh chống lại cơn cám dỗ.

**2847** 2284

Chúa Thánh Thần giúp chúng ta biết "*nhận định*" đâu là thử thách cần thiết để con người nội tâm tăng trưởng nhờ "quen chịu đựng gian truân" (Rm 5,3-5), và đâu là cám dỗ dễ dẫn đến tội lỗi và sự chết. Chúng ta còn phải biết phân biệt giữa "bị cám dỗ" và "chiều theo chước cám dỗ". Nhờ nhận định, chúng ta có thể vạch trần sự dối trá của chước cám dỗ: bề ngoài, đối tượng có vẻ "ngon lành, trông đẹp mắt, đáng quý" (St 3,6), nhưng kết quả của nó là sự chết.

"Thiên Chúa không muốn áp đặt điều tốt, Người muốn chúng ta tự do... Cám dỗ cũng có cái lợi. Ngoài trừ Thiên Chúa, không ai biết được những gì hồn ta đã nhận được từ Thiên Chúa, kể cả chính bản thân ta. Nhưng cơn cám dỗ bộc lộ cho chúng ta biết nhận ra con người của mình; nhờ đó, chúng ta khám phá ra tình trạng tệ hại của mình, và buộc chúng ta phải tạ

on Chúa vì những ơn lành được con cám dỗ làm lộ ra"(Ô-ri-gê-nê 29) .

### **2848 1808**

Muốn khỏi "sa chước cám dỗ", chúng ta phải có *quyết tâm*: "Kho tàng của anh ở đâu thì lòng anh ở đó... Không ai có thể làm tôi hai chủ" (Mt 6,21.24). "Nếu chúng ta sống nhờ Thần Khí, thì cũng hãy nhờ Thần Khí mà hành động" (Gl 5,25). Khi biết "chiều theo" Thánh Thần, chúng ta được Chúa ban sức mạnh. "Không một cám dỗ nào đã xảy đến cho anh em mà lại vượt quá sức loài người. Thiên Chúa là Đấng trung tín : Người sẽ không để anh em bị cám dỗ quá sức; nhưng khi để anh em bị cám dỗ, Người sẽ cho anh em phương thế để thoát khỏi và sức mạnh để chịu đựng" (1 Cr 10,13).

### **2849 540, 612 2612 162**

Trong cuộc chiến đấu này, chúng ta chỉ có thể chiến thắng nhờ cầu nguyện. Nhờ cầu nguyện, Đức Giê-su đã chiến thắng Tên Cám Dỗ, lúc khởi đầu sứ vụ ( x. Mt 4,1-11) và trong cuộc chiến cuối cùng ( x. Mt 26,36-44 ) vào giờ hấp hối. Đức Ki-tô kết hiệp chúng ta với Người trong cuộc chiến đấu và con hấp hối của Người để xin Chúa Cha "chớ để chúng con sa chước cám dỗ". Người khẩn nài chúng ta cùng *canh thức* với Người. Canh thức là giữ tâm hồn mình. Đức Giê-su xin Chúa Cha "gìn giữ chúng ta trong danh Cha" (Ga 17,11). Chúa Thánh Thần luôn tìm cách giúp chúng ta canh thức. Lời cầu xin này càng trở nên quan trọng hơn nữa, khi cuộc chiến đấu trên trần thế của ta bước vào cơn cám dỗ cuối cùng; chúng ta phải xin *on bền đỗ đến cùng* : "Đây, Ta đến như kẻ trộm. Phúc thay kẻ đang canh thức" (Kh 16,15).

## **VII. " NHỮNG CỨU CHÚNG CON CHO KHỎI SỰ DỮ"**

### 2850 309

Lời xin cuối cùng dâng lên Cha cũng được bao hàm trong kinh nguyện của Đức Giê-su: "Con không xin Cha cất họ khỏi thế gian, nhưng xin Cha gìn giữ họ khỏi ác thần" (Ga 17,15). Lời xin này liên hệ đến từng người chúng ta, nhưng bao giờ cũng là "chúng con" đang cầu nguyện, trong hiệp thông với toàn Hội Thánh và xin Thiên Chúa cứu toàn thể gia đình nhân loại. Kinh Lạy Cha không ngừng mở ra cho chúng ta thấy những chiều kích của nhiệm vụ cứu độ. Chúng ta từng liên đới với nhau trong tội lỗi và sự chết, nay được liên đới trong Thân Thể Chúa Ki-tô, trong mầu nhiệm "các thánh thông công" ( x. 1 Cr 16, 13; Cl 4, 2; 1 Tx 5, 6; 1Pr 5, 8 ) .

### 2851 391

Trong lời xin này, Sự Dữ không là một điều trừu tượng, nhưng là một nhân vật, là Xa-tan, Ác thần, thiên thần đã chống lại Thiên Chúa. Sự Dữ ở đây là ma quỷ (tiếng Hy Lạp là *Dia-Bolos*: kẻ phá ngang), kẻ tìm cách ngăn cản kế hoạch của Thiên Chúa và công trình cứu độ trong Chúa Ki-tô.

### 2852

Ma quỷ "ngay từ đầu đã là tên sát nhân, là kẻ nói dối và là cha sự gian dối"(Ga 8,44), "là Xa-tan, tên chuyên mê hoặc toàn thể nhân loại" (Kh 12,9). Do thần dữ, tội lỗi và sự chết đã xâm nhập thế giới, và khi nó bị đánh bại hoàn toàn, mọi thụ tạo"sẽ được giải thoát khỏi tội lỗi và sự chết" ( x. MR, kinh nguyện Thánh Thể IV ) . "Chúng ta biết rằng phạm ai đã được Thiên Chúa sinh ra, thì không phạm tội nhưng có Đấng Thiên Chúa đã sinh ra gìn giữ người ấy và Ác Thần không đụng đến người ấy được. Chúng ta biết rằng chúng ta thuộc về Thiên Chúa, còn tất cả thế gian đều nằm dưới ách thống trị của Ác Thần"(1Ga 5,18-19) :

"Chúa là Đấng xóa tội và tha lỗi cho chúng ta; Người bảo vệ và gìn giữ chúng ta khỏi những mưu kế của Ma Quỷ hãm hại, để kẻ thù quen dẫn đường tội lỗi không lừa dối được chúng ta. Ai trông cậy Chúa thì không sợ ma quỷ. "Có Thiên Chúa bên đỡ chúng ta, còn ai chống lại được chúng ta? " (Rm 8,31) (T. Ambrô-xi-ô 5,30) .

### **2853 677 972**

Thần Dữ là "thủ lãnh thế gian" đã bị đánh bại, một lần dứt khoát, vào Giờ Đức Giê-su tự hiến thân chịu chết để ban cho chúng ta Sự Sống của Người. Đó là lúc Người phán xét thế gian này và "thủ lãnh thế gian này bị tống ra ngoài" (Ga 12,31; Kh 12,11). "Sách Khải Huyền cho biết : "Khi đó, nó đuổi bắt Người Phụ Nữ" (12,13), nhưng không bắt được Bà; Bà là E-và mới, "đầy ân sủng" của Thánh Thần, được gìn giữ khỏi tội lỗi và sự hư nát do cái chết. Hội Thánh hiểu Người Phụ Nữ này là Đức Trinh Nữ Ma-ri-a, Mẹ Thiên Chúa, trọn đời đồng trinh, Đấng Vô Nhiễm Nguyên Tội và được ơn Hồn Xác Lên Trời. Người Phụ Nữ này cũng là hình ảnh của Hội Thánh. "Lúc đó, nó nổi giận với Người Phụ Nữ và đi giao chiến với những người còn lại trong dòng dõi Bà" (Kh 12,17). Vì thế Thánh Thần và Hội Thánh cùng cầu nguyện : "Lạy Chúa Giê-su, xin ngự đến" (Kh 22,17-20), vì khi Người quang lâm sẽ giải thoát chúng ta khỏi tay Ác Thần.

### **2854 2632**

Khi xin Thiên Chúa giải thoát khỏi Ác Thần, chúng ta cũng xin cứu khỏi mọi sự dữ trong quá khứ, hiện tại và tương lai, do ma quỷ là thủ phạm hay kẻ chủ mưu. Trong lời cầu xin cuối cùng này, Hội Thánh trình lên Cha mọi nỗi khốn cùng của thế giới. Hội Thánh không những xin được gìn giữ khỏi mọi sự dữ đang hoành hành nơi nhân loại, mà còn van

xin Cha ban ơn bình an và ơn bền vững đang khi trông đợi ngày Đức Ki-tô quang lâm. Khi cầu nguyện như thế, Hội Thánh khiêm tốn và tin tưởng tiền dự vào ngày mọi người và mọi loài được quy tụ trong Đức Ki-tô Đấng nắm quyền trên "Tử Thần và Âm Phủ", "Chủ Tể của mọi sự, Đấng hiện có, đã có và đang đến" (Kh 1,4.8.18) :

1041

“Lạy Cha, xin cứu chúng con khỏi mọi sự dữ, xin đoái thương cho những ngày chúng con đang sống được bình an. Nhờ Cha rộng lòng thương cứu giúp, chúng con sẽ luôn luôn thoát khỏi tội lỗi, và được an toàn khỏi mọi biến loạn, đang khi chúng con đợi chờ ngày hồng phúc, ngày Đức Giê-su Ki-tô, Đấng cứu độ chúng con ngự đến”(SLRM. nghi thức hiệp lễ) .

## ***VINH TỤNG CA KẾT THÚC***

2855 2760

Đề kết thúc, Vinh tụng ca "Vì Cha là Vua, là Chúa quyền năng, là Đấng vinh hiển muôn đời" lặp lại ba lời nguyện đầu tiên dâng lên Cha trên trời : danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, Ý Cha thể hiện. Nhưng câu lặp lại này mang hình thức thờ lạy và tạ ơn, như lời cộng đoàn chầu thánh trên trời. Xa-tan là "thủ lãnh thế gian này" đã dối gạt người đời, tự gán cho mình ba tước hiệu : Vua, quyền năng và vinh quang. Đức Ki-tô là Đức Chúa, Người hoàn lại các tước hiệu này về cho Cha của Người cũng là Cha của chúng ta, cho tới ngày Người trao Vương Quốc lại cho Cha, khi mâu nhiệm cứu độ được hoàn tất chung cuộc, khi "Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài" ( x. 1Cr 15,24-28 ) .

**2856 1061, 1065**

Sau khi đọc kinh xong, chúng ta thưa : *A-MEN*, nghĩa là "Xin Chúa cứ làm cho con như vậy" (Lc 1,38). Qua lời Amen, chúng ta quyết tâm đón nhận những điều Thiên Chúa dạy trong lời kinh này (T. Xy-ri-lô thành Giê-ru-sa-lem 5,18).

**TÓM LƯỢC****2857**

*Trong kinh Lạy Cha, ba lời nguyện đầu hướng về Vinh Quang của Cha: Danh Cha cả sáng, Nước Cha trị đến, Ý Cha thể hiện. Bốn lời xin sau trình lên Người những ước vọng của chúng ta. Chúng ta xin những gì cần thiết cho đời sống của mình : lương thực nuôi sống, ơn tha tội, và ơn phù trợ trong cuộc chiến để đạt tới điều thiện và thắng được Sự Ác.*

**2858**

*Khi "nguyện danh Cha cả sáng", chúng ta tham dự vào chương trình của Thiên Chúa : làm cho Danh Người - đã mặc khải cho Mô-sê, sau đó được biểu lộ nơi Đức Giê-su được cả sáng, được tôn vinh nơi chúng ta và do chúng ta, cũng như nơi mỗi người và nơi muôn dân.*

**2859**

*Với lời nguyện thứ hai, Hội Thánh mong đợi ngày Đức Ki-tô quang lâm và Nước Chúa hoàn tất. Triều Đại Thiên Chúa đến lần cuối cùng khi Đức Ki-tô tái lâm. Chúng ta cũng cầu xin cho Nước Thiên Chúa lớn mạnh trong "ngày hôm nay" của đời sống ta.*

**2860**

*Trong lời nguyện thứ ba, chúng ta xin Cha trên trời cho ý của ta được nên một với ý của Chúa Con để chu toàn chương trình Cứu Độ của Người trong cuộc sống trần thế.*

### **2861**

*Trong lời xin thứ tư, khi đọc "xin cho chúng con", chúng ta hiệp thông với anh em, nói lên lòng tin thác của con cái đối với Cha trên trời. Chữ " lương thực" vừa chỉ thức ăn cần để nuôi sống thân xác, vừa chỉ về Bánh Hằng Sống là Lời Chúa và Minh Thánh Chúa Ki-tô. Chúng ta được lãnh nhận lương thực thiên quốc này trong "Ngày Hôm Nay" của Thiên Chúa, như của ăn không thể thiếu, của ăn cốt yếu của Bàn Tiệc Nước Trời mà chúng ta được ném trước trong bí tích Thánh Thể.*

### **2862**

*Lời xin thứ năm khẩn cầu Thiên Chúa xót thương tha thứ những gì ta xúc phạm đến Người. Nguồn ơn thương xót của Chúa chỉ vào được lòng ta nếu ta biết tha thứ cho kẻ thù, theo gương mẫu và với sự trợ giúp của Chúa Ki-tô.*

### **2863**

*Khi đọc "xin chớ để chúng con sa chước cám dỗ", chúng ta cầu xin Thiên Chúa đừng để chúng ta theo con đường dẫn đến tội lỗi. Với lời cầu này, chúng ta muốn xin Thiên Chúa ban Thánh Thần để biết nhận định và có sức mạnh, biết canh thức và bền đỗ đến cùng.*

### **2864**

*Trong lời xin cuối cùng "nhưng cứu chúng con cho khỏi sự dữ", cùng với Hội Thánh chúng ta xin Thiên Chúa biểu dương chiến thắng mà Đức Ki-tô đã đạt được trên "thủ lãnh thế gian" là Xa-tan, kẻ chống đối Thiên Chúa và chương trình cứu độ của Người.*

**2865**

*Với tiếng A-men cuối cùng, chúng ta thưa "xin Chúa cứ làm cho con" như bảy lời nguyện xin, "ước gì được như vậy...".*

### **TRÍCH DẪN**

Trước hết, chúng tôi nêu xuất xứ đoạn văn, rồi đến các số trong sách Giáo lý sử dụng đoạn văn ấy. Số có dấu hoa thị \* cho biết ở đó chỉ lấy ý chứ không trích nguyên văn.

## **THÁNH KINH CỰU ƯỚC**

### **Sáng thế ký (St)**

- 1 1-2,4 337
- 1 1 268\*, 279, 280, 290
- 1 2-3 292\*
- 1 2 243\*, 703\*, 1218\*
- 1 3 298\*
- 1 4 299
- 1 10 299
- 1 12 299
- 1 14 347\*
- 1 18 299
- 1 21 299
- 1 26-29 2402\*
- 1 6-28 307\*
- 1 26-27 1602\*
- 1 26 36\*, 225, 299\*, 343\*, 2501, 2809

1 27 355, 383,1604\*, 2331  
1 28-31 2415\*  
1 28 372, 373, 1604, 1607\*, 1652, 2331,2427\*  
1 31 299, 1604\*  
2 1-3 345  
2 2 314\*, 2184  
2 7 362, 369\*, 703\*  
2 8 378\*  
2 15 378  
2 17 376\*, 396, 396, 400\*, 1006\*, 1008\*  
2 18-25 1605\*  
2 18 371, 1652  
2 19-20 371,2417\*  
2 22 369\*, 1607\*  
2 23 371  
2 24 372, 1627\*, 1644\*, 2335  
2 25 376\*  
3 390\*, 2795\*  
3 1-5 391\*  
3 1-11 397\*  
3 3 1008\*  
3 5 392, 398\*, 399\*, 1850  
3 6 2541, 2847  
3 7 400\*  
3 8-10 29\*  
3 9-10 399\*  
3 9 410\*, 2568  
3 11-13 400\*  
3 11 2515  
3 12 1607\*  
3 13 1736, 2568  
3 14-19 2427\*  
3 15 70\*, 410\*,489\*  
3 16-19 1607\*

3 16 376\*, 400\*, 1609  
3 16b 1607\*  
3 17-19 378\*  
3 27 400\*  
3 19 376\*, 400, 400\*. 1008\*, 1609  
3 20 489\*  
3 21 1608\*  
3 24 332\*  
4 1-2 2335\*  
4 3-15 401\*  
4 3-7 2538\*  
4 4 2569\*  
4 8-12 2259\*  
4 10-11 2259  
4 10 1736\*, 1867\*, 2268\*  
4 26 2569\*  
5 1-2 2331  
5 1 2335\*  
5 24 2569  
6 3 990\*  
6 5 401\*  
6 9 2569  
6 12 401\*  
8 8-12 701\* 8 20-9,17 2569\*  
9 1-4 2417\*  
9 5-6 2260  
9 8-16 2569\*  
9 9 56\*  
9 16 71\*  
10 5 56  
10 20-31 56\*  
11 4-6 57\*  
12 1-4 145\*  
12 1 59

12 2 762\*, 1669\*  
12 3 706\*, 2676  
12 3 LXX 59  
12 4 2570  
13 8500\*  
14 16 500\*  
14 18 58\*, 1333, 1544  
15 2-3 2570\*  
15 2 2374  
15 5-6 762\*  
15 5 146\*, 288\*  
15 6 146\*, 2571\*  
17 1-2 2571\*  
17 4-8 1819\*  
17 559  
18 1-15 706\*, 2571\*  
18 10-14 489\*  
18 14 148\*, 276  
18 16-33 2571\*  
18 20 1867\*  
19 332\*  
19 1-29 2357\*  
19 13 1867\*  
21 1-2 489\*  
21 17 332\*  
22 1-18 1819\*  
22 8 2572  
22 1 1332\*  
22 17-19 706\*  
23 4 145\*  
28 10-22 2573\*  
29 15 500\*  
30 1 2374  
32 25-31 2573\*

38 18 1295\*  
41 42 1295\*  
45 8 312  
49 24 269  
50 20 312

***Xuất Hành (xh)***

3 1-10 2575\*  
3 5-6 208\*  
3 5 2777  
3 6 205, 207  
3 7-10 1867\*  
3 13-15 205  
3 14 446\*, 2666\*, 2810\*  
4 22 238, 441\*  
12 3-14 608  
13 3 1363\*  
13 12-13 529\*  
13 22 659\*  
15 1 2810  
15 26 1502  
16 19-21 2837\*  
16 19 2836\*  
17 1-6 694\*  
17 2-7 2119\*  
17 8-13 2577\*  
1 9-20 708\*  
19 751\*, 2060\*  
19 5-6 709, 762\*, 2810\*  
19 6 63\*, 2539  
19 16-25 2085\*  
20 1-17 2056\*

20 2-5 2083  
20 2 2061  
20 7 2141  
20 8-10 2167  
20 11 2169  
20 12 2196, 2200, 2214\*  
20 13 2257  
20 14 2330  
20 15 2400  
20 16 2463, 2504  
20 17 1456\*, 2513, 2533  
22 20-22 1867\*  
23 7 2261  
23 12 2172  
23 20-23 332\*  
24 2060\*  
24 7 2060  
24 8 613\*  
24 15-18 697\*, 2085\*  
25 10-22 2130\*  
25 16 2058, 2058  
25 22 433\*  
29 1-30 1539\*  
29 7 436\*  
30 22-32 695\*  
31 15 2168,2189  
31 16 2171\*  
31 17 2172  
31 18 700, 2056, 2058  
32 210\*  
32 1-34,9 2577\*  
32 15 2058  
33 9-10 697\*  
33 11 2576

33 12-17 210\*  
33 18-19 210  
33 19-23 2583\*, 2666\*  
34 5-6 210  
34 6 214, 231, 2577\*  
34 7 211  
34 9 210\*  
34 28 2056  
34 29 2058  
40 1-2 2058  
40 36-38 697\*

***Lê Vi (Lv)***

8 1539\*  
8 12 436\*  
16 2 433\*  
16 15-16 433\*, 613\*  
17 14 2260\*  
18 7-20 2388\*  
19 2 2811  
19 13 2434\*  
19 15 1807  
19 18 2055\*  
20 26 2813  
26 12 2550

***Dân Số (Ds)***

1 48-53 1539\*  
7 89 433\*  
11 24-25 1541\*

12 3 2576  
12 7-8 2576  
12 13-14 2577\*  
21 4-9 2130\*  
24 17-19 528\*  
24 17 528\*  
28 9 582\*

***Đệ nhị luật (Đnl)***

1-11 708\*  
4 13 2056  
4 15-16 2129  
4 19 57\*  
4 37 218\*  
5 2 2060  
5 4 2059  
5 6-22 2056\*  
5 6-22 2056\*  
5 6-9 2083\*  
5 6 431, 2061, 2133  
5 11 2141  
5 12-15 2167\*  
5 12 2189  
5 15 2057, 2170  
5 16 2196\*, 2200, 2247  
5 17 2330  
5 19 2400, 2450  
5 21 2533  
5 22 2056, 2058  
6 4-5 201, 459\*, 2093\*  
6 4 228, 2083  
6 5 368\*, 2055\*, 2133  
6 13-14 2084

6 13 2096, 2150  
6 16 2119  
7 6 762\*  
7 8 218\*  
7 9 215\*  
8 3 1334\*, 2835  
10 4 2056  
10 15 218\*  
11 14 1293\*  
14 1 441\*  
15 11 2449  
18 10 2116\*  
24 1 1610\*  
24 14-15 1867\*, 2409\*, 2434\*  
25 13-16 2409\*  
28 10 63  
29-30 708\*  
29 3 368\*  
30 15-20 1696\*  
30 16 2057  
31 9 2056\*  
31 24 2056\*  
32 6 238\*  
32 8 57\*, 441\*  
32 34 1295\*  
32 39 304\*  
Giô-suê (Gs)  
3 10 2112  
13 33 1539\*

***Thủ Lãnh (TL)***

6 11-24 332\*  
13 332\*

13 18 206\*

***Sa-mu-en quyển I (1Sm)***

1 489\*  
1 9-18 2578\*  
3 9-10 2578  
9 16 436\*  
10 1 436\*  
12 23 2578  
16 1 436\*  
16 12-13 436\*  
16 13 695\*  
28 19 633\*

***Sa-mu-en quyển II ( 2Sm )***

7 709\*  
7 14 238\*, 441\*  
7 18-29 2579\*  
7 28 215, 2465\*  
12 1-4 2538\*  
12 7-15 1736\*

***Các Vua quyển I (1V)***

1 39 436\*  
6 23-28 2130\*  
7 23-26 2130\*  
8 10- 61 2580\*  
8 10-12 697\*  
17 7-24 2583\*  
18 20-39 2583\*

18 26-29 2766\*  
18 38-39 696\*  
18 39 2582\*  
19 1-14 2583\*  
19 5 332\*  
19 16 436\*  
21 1-29 2538\*  
21 8 1295\*

***Các Vua quyển II (2V)***

2 9 2684\*

***Sử biên niên quyển I(1Sbn)***

17 13 441\*

***Sử biên niên quyển II (2Sbn)***

36 21 2172\*

***Ét-ra (Er)***

9 6-15 2585\*

***Nơ-khe-mi-a (Nkm)***

1 4-11 2585\*  
13 15-22 2172\*  
Tô-bi-a (Tb)  
1 16-18 2300\*  
2 12-18 vulg. 312\*

3 11-16 2585\*  
4 3-4 2214\*  
4 5-11 2447\*  
4 15 1789\*  
8 4-9 2361  
8 6 360\*  
12 8 1434\*  
12 12 336\*  
13 2 269\*

***Giu-di-tha (Gđt)***

9 2-14 2585\*

***Ét-te (Et)***

4 17b 269\*

***Ma-ca-bê quyển II (2 Mcb)***

6 30  
10 8-12 2270\*  
12 10 2318  
33 23-24 336\*  
36 26 223  
38 7 332\*  
42 2 275  
42 3 299\*

***Thánh Vịnh (Tv)***

2 1-2 600\*  
2 2 436\*

2 6-7 745\*  
2 7-8 2606  
2 7 441\*, 653\*, 2836  
6 3 1502\*  
6 6 633\*  
8 2809\*  
8 2 300, 2160, 2566  
8 3 559\*  
8 6 2566, 2809  
16 9-10 627\*  
19 2-5 299\*  
19 2 326\*  
22 304\*  
22 1 603  
22 2 2605\*  
22 10-11 2270\*  
22 15 112\*  
22 27 716\*  
23 5 1293\*  
24 6 2582  
24 7-10 559  
24 8-10 269  
24 9-10 2628  
27 8 2730  
27 10 239\*  
29 2 2143\*  
32 304\*  
32 5 1502\*  
33 6 292\*, 703\*  
34 3 716\*  
34 8 336\*  
35 304\*  
38 1502\*  
38 5 1502\*

39 9 1502\*  
39 12 1502\*  
40 2 2657  
40 5 150\*  
40 7-9LXX 462  
40 7 2824  
42 3 2112  
42 8 2803  
50 3 1039  
51 6 431\*, 1850  
51 12 289\*, 431\*  
51 19 1428, 2100  
55 23 322\*  
56 5 990\*  
68 6 238\*  
69 10 584  
79 9 431\*  
82 6 441\*  
84 3 1770  
85 11 214\*  
85 12 2795\*  
88 11-13 633\*  
89 709\*  
89 49 633\*  
91 10-13 336\*  
95 1-6 2628\*  
95 7-8 2659  
95 7 1165\*  
95 9 2119\*  
95 10 539\*  
96 2 2143\*  
102 27-28 212  
103 304\*  
103 20 329

104 288\*  
104 13-15 1333\*  
104 15 1293\*  
104 24 295  
104 27 2828  
104 30 292\*, 703\*  
105 3 30  
106 23 2577  
107 20 1502\*  
110 447  
110 1 659\*  
110 4 1537\*  
111 9 2807\*  
113 1-2 2143\*  
115 3 268, 303  
115 4-5 2112  
115 8 2112  
115 15 216\*, 287  
115 16 326\*, 326\*  
116 12 224  
116 13 1330\*  
116 17 1330\*  
117 24 2173  
118 14 1808  
118 22 587\*, 756\*  
118 24 2173  
118 26 559  
119 30 2465\*  
119 142 2465\*  
119 90 2465  
119 105 141  
119 160 215  
121 2 1605\*  
124 8 287

130 14 2559  
131 2 239\*  
131 2-3 370\*  
134 3 287  
135 6 269  
138 304\*  
138 2 214  
139 15 2270  
143 10 1831  
145 3 300  
145 9 295, 342\*  
146 3-4 150\*

### ***Châm ngôn (Cn)***

1 8 2214\*  
6 20-22 2216  
8 1-9,6 721\*  
8 7 2465\*  
8 22-31 288\*  
13 1 2216  
14 15 1806  
17 6 2219  
18 5 2476\*  
19 9 2476\*  
19 21 303  
21 1 269\*  
25 9-10 2489\*

### **Giảng viên**

3 20-21 703\*  
12 1 1007  
12 7 1007

***Diễm ca ( Dc )***

1 7 2709  
3 1-4 2709\*  
8 6-7 1611  
8 6 1040\*,1295\*

***Khôn ngoan ( Kn )***

1 13 413,1008\*  
2 23-24 1008\*  
2 24 391\*,413, 2538\*  
4 8 1308  
7 17 2501\*  
7 17-21 216\*,283  
7 25-26 2500  
7 29-30 2500  
8 1 302  
8 2 2500  
8 7 1805  
9 9 295\*  
10 5 57\*  
11 20 299  
11 21 269  
11 23 269  
11 24-26 301  
11 24 373  
13 1-15-19 2112\*  
13 1-9 32\*, 216\*  
13 1 1147\*  
13 3 2129, 2500  
13 5 41, 2500  
14 12 2534\*  
15 5 2520

16 5-14 2130\*

18 13 441\*

### *Huấn ca (Hc)*

1 22 2339\*

3 2-6 2218

3 12-13 2218

3 16 2218

5 2 1809

5 9 2536

7 27-28 2215

11 14 304\*

15 14 1730, 1743

17 22 2447\*

18 30 1809

21 28 2477\*

24 721\*

27 16 2489\*

30 1-2 2223

36 11 441\*

37 27-31 1809\*

43 27-28 2129

43 28 300\*

48

2 2-4 64\*

2 4 2317

5 1-7 755\*

6-12 712\*

6 1 1137

6 2-3 1138\*

6 3 2809\*

6 5 208, 2584\*

6 6 332\*

6 8 2584\*  
6 11 2584\*  
7 14 497  
9 5 2305  
10 5-15 304\*  
11 1-9 672\*  
11 1-2 712, 1831\*  
11 2 436\*, 536\*, 1286\*  
12 3 2561\*  
29 11 1195\*  
29 13 368\*  
32 17 2304\*  
33 24 1502\*  
38 1 502\*  
40 1-3 719\*  
40 6 990\*  
40 11 754\*  
41 1-9 713\*  
42 1 536\*, 555\*  
42 3 580  
42 6 580  
43 1-7 218\*  
43 1 278\*, 2158\*, 2176\*  
43 19 711  
44 6 198, 212\*  
44 9-20 2112\*  
44 24 288\*  
45 5-7 304\*  
45 8 2795\*  
45 15 206  
45 22-14 201  
49 1-6 713\*  
49 5-6 64\*  
49 13 716\*

49 14-15 219\*, 370\*  
49 15 239\*  
50 4-10 713\*  
50 4 141\*  
51 1 2561\*  
52 13-53,12 713\*  
53 1 591\*  
53 4-6 1505\*  
53 4 517\*, 1505\*  
53 7-8 601\*  
53 7 608  
53 8 627  
53 10-12 440\*,615  
53 10 623\*  
53 11-12 601\*  
53 11 64\*, 579\*, 601, 623, 1502\*  
53 12 536\*, 608\*  
54 1611\*  
54 8 220  
54 10 220  
55 1 694\*, 2121\*  
55 3 762\*  
58 6-7 2447\*  
61 1-2 714\*  
61 1 436\*, 695\*, 716\*, 1286\*  
61 6 1539\*  
62 1611\*  
62 4-5 219\*  
65 16 1063  
66 13 239\*, 370\*  
Giê-rê-mi-a (Gr)  
1 5 2270  
1 6 2584\*  
2-3 1611\*

2 762\*  
2 13 2561  
3 4-19 370\*  
3 19-4,1a 2795\*  
3 19 441\*  
5 7 2380\*  
7 9 2056\*  
10 1-16 2112\*  
11 19 608\*  
13 27 2380\*  
15 15-18 2584\*  
17 5-6 150\*  
20 7-18 2584\*  
27 5 269\*  
29 8 2116\*  
31 1611\*  
31 3 220  
31 31-34 64\*, 715\*, 762\*, 1965\*  
31 33 368, 580, 2713\*  
31 35-37 346\*  
32 10 1295\*  
32 17 269\*  
33 19-26 288\*, 346\*

***Ai-ca (Ac)***

5 21 1432

***Ba-rúc (Br)***

6 2112\*

***Ê-dê-ki-en (Ed)***

1 26-28 1137  
9 4-6 1296\*  
11 19 715\*  
14 14 58  
16 219\*  
16 1611\*  
18 5-9 2056\*  
20 2811\*  
20 39 2812\*  
23 1611\*  
32 17-32 633\*  
34 11-31 754\*  
36 64\*, 2811\*  
36 20-22 2814  
36 20-21 2812\*  
36 25-28 715\*  
36 25-27 1287\*  
36 26-27 1432\*  
36 26 368\*  
37 1-14 715\*  
37 10 703\*

***Đa-ni-en (Đn)***

3 57-58 2416\*  
7 10 678\*  
7 13 440\*  
7 14 664  
10 9-12 330\*  
12 1-13 992\*  
12 2 998\*  
14 1-30 2112\*

### ***Hô-sê (Hs)***

1-3 1611\*  
1 762\*  
2 218\*  
2 1 441\*  
2 7 2380\*  
2 21-22 2787\*  
4 2 2056\*  
6 1-6 2787\*  
6 2 627\*  
6 6 589\*, 2100\*  
11 219\*  
11 1-4 370\*  
11 1 219, 441\*, 530\*  
11 9 208  
Giô-en (Ge)  
2 12-13 1430\*  
3-4 678\*  
3 1-5 715\*  
3 1-2 1287\*

### ***A-môt (Am)***

5 21-25 2100\*  
5 24 1435\*  
7 2 2584\*  
7 5 2584\*  
8 4-10 2269\*  
8 4-6 2409\*  
8 6 2449  
8 11 2835

***Giô-na (Gn)***

1 3 29\*  
2 1 627\*  
2 3-10 2585\*

***Mi-kha (Mk)***

2 2 2534\*  
4 1-4 762\*

***Xô-phô-ni-a (Xp)***

2 3 64\*, 711\*, 716\*  
3 14 722\*, 2676  
3 17a 2676  
3 17b 2676\*

***Da-ca-ri-a (Dcr)***

1 12 336\*  
2 14 722\*  
2 17 2143\*  
4 14 436\*  
6 13 436\*  
9 9 559  
12 10 1432\*, 2561\*  
13 1 2561\*  
14 8 694\*

***Ma-la-khi (Ml)***

1 11 1330\*, 1350\*, 2643\*  
2 6 217

2 7-9 1540\*  
2 10 238\*  
2 13-17 1611\*  
3 19 678\*

## TÂN ƯỚC

### Tin Mừng theo thánh Matthêu

1 16 437  
1 18-25 497\*  
1 20 333\*, 437, 468\*, 497  
1 21 430, 425, 1507\*, 1846, 2666\*, 2812\*  
1 23 497, 744  
2 1-12 486\*  
2 1 528  
2 2 439\*, 528  
2 4-6 528\*  
2 11 724\*  
2 13-18 530\*  
2 13 333\*  
3 3 523\*  
3 7-12 678\*  
3 7 535\*  
3 13-17 535, 1286\*  
3 13 1223\*  
3 14-15 608\*  
3 15 536, 1224  
3 16-17 1224  
3 16 536  
3 16 par. 701\*

3 17 444\*, 713\*  
4 1-11 394\*, 2849\*  
4 4 2835  
4 10 2083,2135  
4 11 333\*  
4 17 1720\*, 1989  
4 19 878\*  
4 21 878\*  
4 24 1503\*  
5-7 2763\*  
5-6 764\*  
5 1 581\*  
5 3-12 1716  
5 3 544,2546  
5 8 1720, 2330  
5 11-12 520\*  
5 13-16 782\*, 2821\*  
5 14 1243  
5 16 326  
5 17-19 577,592\*, 1967\*  
5 17 2053\*  
5 20 2054  
5 21-22 2054, 2257  
5 21 2262,2302  
5 22-39 2262\*  
5 22 678\*,1034\*, 3202  
5 23-24 2608\*,2792\*,2841\*,2845\*  
5 24 1424  
5 27-28 2330, 2336, 2380\*  
5 28 1456\*, 2513, 2528  
5 29-30 266\*  
5 29 1034\*  
5 31-32 2382\*  
5 33-34 581,2114, 2153

5 33 592\*, 2463  
5 37 2153, 2338,2466  
5 42 2443  
5 43-44 1933, 2844\*  
5 44-45 2303, 2608\*  
5 44 1825\*, 1968\*, 2262\*  
5 45 2828  
5 46-47 2054\*  
5 47 1693  
5 48 443\*, 1968\*, 2013, 2842  
6 1-18 1434\*  
6 1-6 1430\* 1969\*  
6 2-4 1753\*, 2447\*  
6 2-18 575\*  
6 2 1063\*  
6 5 1063\*  
6 6 1963\*, 2608,2655,2691\*  
6 7 2608, 2668, 2766\*  
6 8 443\*, 2736\*  
6 9-13 1969, 2759, 2759\*  
6 9 268\*, 443  
6 10 2632\*  
6 11 1165\*, 2659\*  
6 12 2845  
6 14-16 2792\*  
6 14-15 2608\*, 2841\*  
6 16-18 1430\*  
6 16 1063\*  
6 21 368\*, 2533, 2551, 2604\*, 2608\*, 2729\*, 2848  
6 24 2113, 2424, 2729\*, 2821\*, 2848  
6 25-34 2547\*, 2830\*  
6 25 2608\*  
6 26-34 322\*  
6 26 2416\*

6 31-33 305  
6 32 270\*  
6 33 1942,2604\*,2608\*,2632\*  
6 34 2659\*, 2836\*  
7 1-5 678\*  
7 7-11 2609\*  
7 12-13 2821\*  
7 12 1789,1970  
7 13-14 1036,1970\*, 2609\*  
7 13 1696  
7 15 2285\*  
7 20 2005  
7 21-27 1970\*  
7 21 443\*,1821\*, 2611,2826  
7 28-29 581  
8 2 448\*  
8 4 586\*  
8 8 1386\*  
8 10 2610  
8 11 543\*  
8 17 517, 1505  
8 20 2444\*  
8 26 2610  
9 12 581\*  
9 13 589\*, 2100  
9 27 439\*,2616  
9 38 2611\*  
10 5-7 543\*  
10 8 1509,2121,2443  
10 10 2122  
10 16 764\*  
10 19-20 728\*  
10 22 161,1821\*  
10 25 765\*

10 28 363\*, 1034\*  
10 29-31 305\*  
10 32-33 1816  
10 32 14\*, 2145\*  
10 37 2232  
10 38 1506\*  
10 40 858  
11 5 549\*, 2443  
11 6 548  
11 13-14 719\*  
11 13 523\*  
11 20-24 678\*  
11 25-27 2603\*, 2779  
11 25-26 2701\*  
11 25 153\*, 544\*, 2785  
11 27 151\*, 240, 443\*, 473\*  
11 28 1658  
11 29-30 1615\*  
11 29 459  
12 5 581\*, 582\*, 2173\*  
12 6 586\*, 590  
12 7 2100  
12 12 342  
12 18-21 713\*  
12 23 439\*  
12 24 574\*  
12 26 550\*  
12 28 550  
12 30 590  
12 31 1031  
12 32 679\*, 1864\*  
12 36 590\*  
12 37 590\*  
12 39 994

12 40 627\*, 635\*  
12 41-42 590, 678\*  
12 49 764\*, 2233  
13 3-23 1724\*  
13 3-9 546\*  
13 10-17 787\*  
13 10-15 546\*  
13 11 546  
13 22 29\*  
13 24-30 827\*  
13 41,42 1034  
13 41 333\*  
13 42 1034\*  
13 44-45 546\*  
13 50 1034\*  
13 52 1117\*  
13 55 495\*, 500  
14 13-21 1335\*  
14 19 1329\*  
14 30 448\*  
15 3-7 579\*  
15 18-19 1968\*  
15 19-20 1853  
15 19 2517  
15 22 439\*, 448\*  
15 28 2610  
15 32-39 1335\*  
15 36 1329\*  
16-18 1969\*  
16 16-23 440\*  
16 16 424\*, 442\*  
16 17 153,442  
16 18-19 881\*  
16 18 424\*,442\*,552,586\*,869\*

16 19 553, 1444  
16 21-23  
19 6 769, 1605, 1614,1644, 2336\*,2380\*  
19 7-9 2382\*  
19 8 1610\*, 1614\*  
19 10 1615\*  
19 12 922, 1579,1618  
19 16-19 2052  
19 16-17 2075  
19 18 2400  
19 21 2053,2053\*  
19 23-29 2053\*  
19 23-24 226\*  
19 26 276,308\*,1058  
19 28 765\*  
20 19 572  
20 26 2235  
20 28 440, 601\*, 605,622,786  
20 30 439\*  
21 1-11 559\*  
21 9 439\*  
21 13 584\*  
21 15-16 559\*  
21 15 439\*  
21 18 544\*  
21 22 2610  
21 28-32 546\*  
21 32 535\*  
21 33-43par. 755\*  
21 34-36 443\*  
21 37-38 443\*  
21 42 par. 756\*  
22 1-14 546\*, 796\*  
22 23-34 575\*

22 23-24 581\*  
22 34-36 581\*  
22 36 2055  
22 37-40 2055  
22 37 2083  
22 40 1824\*  
22 41-46 439\*,447\*  
23 9 2367\*  
23 12 526\*  
23 16-22 2111\*  
23 21 586\*  
23 37a 558\*  
23 37b 558  
23 39 674  
24 1-2 585\*  
24 3 585\*  
24 12 675\*  
24 13 161  
24 36 443\*  
24 44 673\*  
25 1-13 672\*,796\*  
25 6 1618\*  
25 14-30 546\*, 1936\*  
25 21 1029\*, 1720\*, 2683\*  
25 23 1029\*.1720\*  
25 31-46 544\*, 1033\*, 1373\*, 2447\*, 2831\*  
25 31-36 2443\*  
25 31 331,333\*,671\*, 679\*, 1038  
25 32 1038  
25 36 1503  
25 40 678,1397\*, 1825\*, 1932, 2449\*  
25 41 1034  
25 45 598\*,1825\*,2463  
25 46 1038

26 19-29 1339\*  
26 20 610\*  
26 26 1328,1329\*  
26 28 545, 610, 613 ,1365, 1846, 2839\*  
26 29 1403  
26 3 1764\*  
26 36-44 2849\*  
26 38 363\*  
26 39 536\*,612  
26 40 2719\*  
26 41 2733, 2846\*  
26 42 612\*, 612\*  
26 52 2262\*  
26 53 333\*, 609\*  
26 54 600\*  
26 64-66 591\*  
24 64 443\*  
26 66 596  
27 25 597  
27 39-40 585\*  
27 48 515\*  
27 51 586\*  
27 52-53 633\*  
27 54 441\*  
27 56 500\*  
28 1 500,2174,2174\*  
28 6 652\*  
28 9-10 641\*  
28 9 645\*  
28 10 654  
28 11-15 640\*  
28 16-20 857\*, 1444\*  
28 16-17 645\*  
28 17 644

28 18-20 1120\*  
28 19-20 2, 767\*, 849, 1223, 1257\*, 1276  
28 19 189, 232, 543\*, 691\*, 730\*, 831\*,

1122, 2156  
28 20 80, 788\*, 860\*, 2743

### **Tin Mừng theo thánh Mác-cô**

1 1 422, 515\*  
1 11 151, 422  
1 12-13 538\*  
1 12 333\*  
1 15 541, 1423\*, 1427  
1 16-20 787\*  
1 21 2173\*  
1 24 438  
1 25 1673\*  
1 26 1673\*  
1 35 2602\*  
1 40-41 2616\*  
1 41 1504\*  
2 1-12 1421\*  
2 5-12 1502\*, 1503\*  
2 5 1441, 1484, 2616\*  
2 7 430, 574\*, 574\*, 589, 1441\*  
2 8 473\*  
2 10 1441  
2 14-17 574\*  
2 17 545, 1484\*, 1503\*  
2 19 796  
2 23-27 581\*  
2 23-26 544\*

2 25-27 582\*  
2 27-28 2167  
2 27 2173  
2 28 2173  
3 1-6 574\*  
3 4 2173  
3 5-6 1859\*  
3 5 591  
3 6 574\*, 591\*  
3 10 1504\*  
3 13-19 551\*, 787\*  
3 13-14 858  
3 14-19 1577\*  
3 14-15 765\*  
3 15 1673\*  
3 16 552\*  
3 22 548\*, 574\*  
3 27 539  
3 29 1864  
3 31-35 500\*  
4 4-7 2707\*  
4 11 546  
4 15-19 2707\*  
4 33-34 546\*  
5 21-42 994\*  
5 25-34 548\*  
5 28 2616\*  
5 34 1504\*  
5 36 1504\*, 2616\*  
6 3 500\*  
6 5 699\*  
6 6 2610  
6 7 765\*, 1673\*  
6 12-13 1506

6 13 1511\*, 1673\*  
6 17-29 523\*  
6 38 472\*  
6 46 2602\*  
6 56 1504\*  
7 8-13 2196  
7 8 581  
7 10-12 2118\*  
7 10 2247  
7 13 581  
7 14-23 574\*  
7 18-21 582  
7 21 1764\*  
7 29 2616\*  
7 32-36 1504\*  
7 33-35 1151\*  
8 6 1329\*  
8 19 1329\*  
8 22-25 1151\*, 1504\*  
8 23 699\*  
8 27 472\*  
8 31-33 557\*  
8 31 474\*, 572, 649\*  
8 34 459\*, 1615\*  
8 35 2544\*  
9 2 552\*  
9 7 151\*, 459  
9 9-31 649\*  
9 23 1504\*, 2610  
9 24 162\*  
9 31-32 557\*  
9 31 474\*  
9 37 1825\*  
9 43-48 1034\*

10 8 1627\*  
10 9 1639\*, 2364, 2382\*  
10 11-12 1650  
10 11 2380\*  
10 14 1244, 1261  
10 16 699\*  
10 19 1858  
10 22 2728\*  
10 28-31 1618\*  
10 32-34 474\*  
10 34 649\*, 994\*  
10 38 536\*, 1225  
10 39 618\*  
10 43-45 1551\*  
10 45 608, 1570\*  
10 46-52 2667\*  
10 48 2616  
10 52 548\*  
11 24 2610  
11 25 2841\*  
12 17 450\*  
12 24 993  
12 25 1619\*  
12 27 993  
12 28-34 575\*  
12 29-31 129\*, 2196  
12 29-30 202\*  
12 29 228  
12 35-37 202\*  
12 38-40 678\*  
12 41-44 2444\*  
13 2 612\*  
13 9 2849\*  
13 23 2849\*

13 32 474\*, 673\*  
13 33-37 672\*, 2849\*  
14 12-25 1339\*  
14 18-20 474\*  
14 22 1328  
14 25 1335\*1403\*  
14 26-30 474\*  
14 33-34 1009\*  
14 36 473\*, 2701\*  
14 38 2849\*  
14 57-58 585\*  
14 61 443\*  
15 11 597\*  
15 34 603, 2605  
15 37 2605\*  
15 39 444  
16 1 641\*, 2174\*  
16 2 2174  
16 5-7 333\*  
16 7 652\*  
16 11 643\*  
16 12 645, 659\*  
16 13 643\*  
16 14 643  
16 15-16 977, 1223\*  
16 15 888\*  
16 16 161\*, 183, 1253\*, 1256\*, 1257\*  
16 17-18 670\*, 1507  
16 17 434\*, 1673\*  
16 18 699\*  
16 19 659, 659\*  
16 20 2, 156\*, 670\*

## Tin Mừng theo thánh Lu-ca

1 11 332\*  
1 15-19 724\*  
1 15 717  
1 17 523, 696, 716, 718, 2684\*,  
1 23 1070\*  
1 26-38 497\*, 706\*, 723\*, 2571\*  
1 26-27 488  
1 26 332\*  
1 28-37 494\*  
1 28 490, 491  
1 31 430\*, 2812\*  
1 32-33 709\*  
1 32 559  
1 34 484, 497\*, 486\*, 697  
1 37-38 494  
1 37 148, 269\*, 273, 276  
1 38 64\*, 148, 510, 2617\*, 2677, 2827\*, 2856\*  
1 41 523\*, 717, 2676  
1 43 448\*, 495, 2677  
1 45 148, 2676  
1 46-55 772\*, 2619\*, 2675\*  
1 46-49 2097\*  
1 48 148\*, 971, 2676\*, 2676\*  
1 49 273, 2599\*, 2807\*, 2827\*  
1 50 2465\*  
1 54-55 706\*  
1 55 422\*  
1 68 422\*, 717  
1 73 706\*  
1 76 523  
2 6-7 525\*  
2 7 515\*

2 8-20 486\*, 525\*  
2 8-14 333\*  
2 10 333  
2 11 37, 448\*, 695\*  
2 14 333, 559\*, 725\*  
2 19 2599\*  
2 21 527\*  
2 22-39 529\*, 583\*  
2 25 711\*  
2 26-27 695\*  
2 32 713\*  
2 34 575, 587\*  
2 35 149\*, 618\*  
2 38 711\*  
2 41-52 534\*  
2 41 583\*  
2 46-49 583\*  
2 48-49 503\*  
2 49 2599  
2 51-52 531  
2 51 517\*, 2196, 2599\*  
2 52 472  
3 3 535  
3 8 1460  
3 10-14 535\*  
3 11 2447  
3 16 696  
3 21 608\*, 2600\*  
3 22 536\*  
3 23 535\*  
4 1 696\*  
4 5-6 2855\*  
4 8 2096  
4 9 2119\*

4 13 538  
4 16-22 1286\*  
4 16-21 436\*  
4 18-19 695\*, 714  
4 18 544, 2443\*  
4 19 1168\*  
5 8 208  
5 16 2602\*  
5 17 1116\*  
5 30 588\*  
5 32 588  
6 6-9 581\*  
6 12-16 1577\*  
6 12 2600\*  
6 19 695\*, 1116\*, 1504  
6 20-22 2444\*  
6 20 2546\*  
6 24 2547  
6 28 1669\*  
6 31 1789\*, 1970\*  
6 36 1458\*, 2842  
7 11-17 994\*  
7 16 1503  
7 18-23 547\*  
7 19 453  
7 22 544\*  
7 26 523\*, 719  
7 36-50 2712\*  
7 36 575\*, 588\*  
7 37-38 2616\*  
7 48 1441  
8 6 2731\*  
8 10 1151\*  
8 13-15 2847\*

8 13 2731\*  
8 15 368\*, 2668\*  
8 24 2743\*  
8 26-39 550\*  
8 46 695\*, 1116\*  
9 2 551  
9 18-20 2600\*  
9 23 1435\*  
9 28 2660\*  
9 30-35 2583\*  
9 31 554, 1151\*  
9 33 556\*  
9 34-35 659\*, 697  
9 35 516, 554  
9 45 554\*  
9 51 557  
9 58 544\*  
10 1-2 765\*  
10 2 2611\*  
10 7 2122\*  
10 16 87, 858\*  
10 17-20 787\*  
10 21-23 2603\*  
10 21 1083  
10 5-37 2822\*  
10 27-37 1825\*  
10 27 2083  
10 34 1293\*  
11 1 520\*, 2601, 2759, 2773  
11 2-4 2759\*  
11 2 2632\*  
11 4 1425, 2845  
11 5-13 2613\*  
11 9 2761

11 13 443\*, 728\*, 2632\*, 2671\*  
11 20 700  
11 21-22 358\*  
11 37 588\*  
11 39-54 579\*  
11 41 2447  
12 1-3 678\*  
12 6-7 342  
12 8-9 333\*  
12 10 1864\*  
12 12 1287\*  
12 13 549\*  
12 14 549\*  
12 32 764  
12 35-40 2849\*  
12 49 696  
12 50 536\*, 607\*, 1225\*, 2804\*  
13 15-16 582\*  
13 20-21 2660\*  
13 31 575\*  
13 33 557  
13 35 585\*  
14 1 575\*, 588\*  
14 3-4 582\*  
14 26 1618\*  
14 33 2544  
15 1 443\*, 1846\*  
15 1-2 589\*  
15 7 545  
15 11-32 545\*, 2839\*  
15 11-31 1700\*  
15 11-24 1439  
15 18 1423\*, 2795\*  
15 21 2795\*

15 23-32 589\*  
15 32 1468  
16 1 952\*  
16 3 952\*  
16 13 2424  
16 16 523\*  
16 18 2382\*  
16 19-31 1859\*, 2831\*  
16 22-26 633\*  
16 22 366\*, 1021\*  
17 1 2287  
17 3-4 2845\*  
17 4 2227\*  
17 5 162\*  
17 14 586\*  
17 19-31 2463\*  
17 33 1889  
18 1-8 2573\*, 2613\*  
18 1 2098  
18 8 675\*  
18 9-14 2559\*, 2613\*  
18 9 588  
18 13 2631, 2667\*, 2839\*  
19 1-10 2712\*  
19 8 549\*, 2412\*  
19 9 1443\*  
19 11-27 1936\*  
19 13 1880\*  
19 38 559\*  
19 41-42 558  
20 17-18 587\*  
20 36 330\*  
20 39 575\*  
21 4 2544\*

21 12 675\*  
21 24 58\*, 674\*  
21 27 671, 697\*  
21 34-36 2612\*  
22 7-20 1151\*, 1339  
22 14 2804\*  
22 15-16 1130  
22 15 607\*  
22 18 1403\*  
22 19-20 1365  
22 19 610, 611\*, 621, 1328, 1381  
22 20 612\*  
22 26-27 894\*  
22 27 1570\*  
22 28-30 787\*  
22 29-30 551  
22 30 765\*  
22 31-32 641\*, 643\*  
22 32 162\*, 552\*, 2600\*  
22 40 2612\*  
22 41-44 2600\*  
22 42 532, 2605, 2824  
22 43 333\*  
22 46 2612\*  
22 61 1429  
22 70 443  
23 2 596\*  
23 19 596  
23 28 2635\*  
23 34 591\*, 597\*, 2605, 2635\*  
23 39-43 440\*, 2616\*  
23 40-43 2266\*  
23 43 1021\*  
23 46 730\*, 1011\*, 2605

23 47 441\*  
24 1 641\*, 2174  
24 3 640\*  
24 5-6 626, 640  
24 6-7 652\*  
24 9-10 641  
24 11 643  
24 12 640\*  
24 13-49 1094\*  
24 13-35 1329\*, 1347\*  
24 15 645\*, 659\*  
24 17 643  
24 21 439\*  
24 22-23 640\*  
24 25-27 112\*, 601\*  
24 26-27 572, 652\*  
24 26 555\*, 710\*  
24 27 555\*, 2625\*  
24 30 645\*, 1166\*  
24 31 659\*  
24 34 552\*, 641  
24 36 641, 645\*  
24 38 644\*  
24 39 644\*, 645\*, 645\*, 999  
24 40 645\*  
24 41-43 645\*  
24 41 644  
24 43 2605  
24 44-48 652\*  
24 44-46 112\*  
24 44-45 572, 601\*  
24 44 702\*, 2625\*, 2763\*  
24 45 108  
24 46 627

24 47-48 730\*  
24 47 981, 1120\*, 1122  
24 48-49 1304\*  
24 51 659\*

### **Tin Mừng theo thánh Gio-an**

1 1-3 291  
1 1 214, 454\*, 2780\*  
1 3 268\*  
1 4 612\*  
1 6 717  
1 7 719  
1 9 1216  
1 11 530  
1 12-18 1996\*  
1 12-13 706\*  
1 12 526, 1692  
1 13 496\*, 505, 526  
1 14 423, 445, 454\*, 461,  
594\*, 705\*, 2466  
1 16 423, 504  
1 17 2787  
1 18 151, 454\*, 473\*  
1 19 575\*, 613  
1 23 719  
1 29 408, 523, 536, 608, 1137\*, 1505  
1 31-34 486\*  
1 31 438  
1 32-34 713\*  
1 32-33 536  
1 33-36 719  
1 33-34 1286\*  
1 36 608\*

1 43 878\*  
2 1-12 2618\*  
2 1-11 1613\*  
2 1 495  
2 11 486\*, 1335\*  
2 13-14 583\*  
2 16-17 584  
2 18-22 586\*  
2 18 575\*  
2 19-22 994\*  
2 21 586\*  
2 25 473\*  
3 2 581\*  
3 2-5 782  
3 5-8 691, 728\*, 1287\*  
3 5 432\*, 720\*, 1215, 1225,

1238,1257\*, 1262\*, 2790\*  
3 7 526, 591  
3 9 505\*  
3 13 423, 440, 661  
3 14-15 2130\*  
3 16 219,444 4548, 458, 706\*  
3 17 679\*  
3 18 444, 454\*, 679\*  
3 20-21 678\*  
3 29 523, 796\*  
3 30 524  
3 34 504, 690\*, 1286  
3 36 161\*  
4 6-7 5448  
4 10-14 964\*, 1137\*  
4 10 728\*, 2560, 2561

4 14 728\*, 1999\*, 2557\*, 2652 4 21 586  
4 22 528\*, 586\*  
4 23-24 586\*, 728\*  
4 24 1179  
4 25-26 439\*  
4 34 606, 2611\*, 2824\*  
5 1 583\*  
5 10 575\*  
5 14 583\*  
5 10 575\*  
5 14 583\*  
5 16-18 594\*  
5 18 574\*, 589\*  
5 19 859, 1063\*  
5 22 679  
5 24-25 994\*  
5 24 1470  
5 25 635  
5 26 612\*, 679\*  
5 27 679\*  
5 28-29 1038  
5 29 998  
5 30 859, 2824\*  
5 33 719\*  
5 36 548, 582\*  
5 39 702\*  
5 46 702\*  
6 1338\*  
6 5-15 549\*  
6 15 439\*, 559\*  
6 26-58 2835\*  
6 27 698\*, 728\*, 1296\*  
6 32 1094  
6 33 423

6 38 606, 2824\*  
6 39-40 989\*, 1001  
6 40 161\*, 994\*  
6 44 259\*, 591\*, 1001, 1428\*  
6 46 151  
6 51 728, 1235, 1406, 2837\*  
6 53-56 2837\*  
6 53 1384  
6 54 994\*, 1001, 1406, 1509\*, 1524  
6 56 787, 1391, 1406  
6 57 1391  
6 58 1509\*  
6 60 1336  
6 61 473\*  
6 62-63 728\*  
6 62 440\*  
6 63 2766  
6 67 1336  
6 68 1336  
6 69 438  
7 1 583\*  
7 10 583\*  
7 12 574\*  
7 13 575\*  
7 14 583\*  
7 16 427  
7 19 578\*  
7 22-24 582\*  
7 22-23 581\*  
7 23 2173\*  
7 37-39 728\*, 1287\*, 2561\*  
7 38-39 1999\*  
7 38 694\*  
7 39 244\*, 690\*

7 48-49 575\*  
7 49 588\*  
7 50 595\*  
7 45 574\*  
8 2 583\*  
8 12 2466  
8 28 211, 653, 2812\*  
8 29 603\*, 1693\*, 2824, 2825\*  
8 31-32 89\*  
8 32 1741, 2466  
8 33-36 588\*  
8 34-36 549\*, 601\*, 613\*  
8 44 391\*, 392, 394, 2482, 2852  
8 46 587\*, 592\* 603\*  
8 48 574\*  
8 55 473\*  
8 58 590  
8 59 574\*  
9 6 1151\*, 1504\*  
9 7 1504\*  
9 16-17 595\*  
9 16 596\*, 2173\*  
9 22 575\*, 596\*  
9 31 2827  
9 31 588\*  
9 40-41 588\*  
10 1-21 764\*  
10 1-10 754\*  
10 3 2158\*  
10 11-15 754\*  
10 11 553, 754\*  
10 16 60\*  
10 17-18 614\*, 649  
10 17 606

10 18 609

10 19-21 595\*  
10 19 596\*  
10 20 574\*  
10 22-23 583\*  
10 25 548\*, 582\*  
10 30 590  
10 38 548\*  
10 31 574\*  
10 33 574\*, 589\*, 594  
10 36-38 591\*  
10 36 437, 444\*  
10 37-38 582\*  
10 38 548\*  
11 994\*  
11 24 993\*, 1001  
11 25 994  
11 27 439\*  
11 28 581\*  
11 34 472\*  
11 39 627\*  
11 41-42 2604\*  
11 44 640\*  
11 47-48 548\*  
11 48 596  
11 49-50 596  
11 52 58, 60\*, 706\*, 2793  
12 8 2449  
12 24 2731  
12 27 363\*, 607  
12 28 434\*  
12 31 550, 2853  
12 32 542, 662, 786\*, 1428\*, 2795\*  
12 37 582\*

12 41 712  
12 42 595  
12 46 2466  
12 48 679\*  
12 49 1039\*  
13 1-17 1337\*  
13 1 557\*,609, 616, 622, 730\*, 1085\*,  
  
1380, 1524\*, 1823, 2843\*  
13 3 423  
13 12-16 1694\*  
13 12-15 1269\*  
13 13 447\*  
13 15 520\*  
13 20 858\*  
13 34 782\*, 1823\* 1970, 2195, 2822, 2842  
14 1 151  
14 2-3 2795\*  
14 2 661  
14 3 1025\*  
14 6 74\*, 459, 1698, 2466\*, 2614  
14 9-10 470\*  
14 9 516  
14 13-14 2614\*  
14 13 2614, 2633\*, 2815\*  
14 16-17 729\*, 2615  
14 16 692  
14 17 243\*, 687, 2466, 2671\*  
14 18 788\*  
14 22 647\*  
14 23-26 2615\*  
14 23 260  
14 26 243\*, 244\*, 263\*, 692, 729\*, 1099\*,

2466\*, 2623\*  
14 30 1851\*, 2853  
14 31 606  
15 1-17 1108\*  
15 1-5 755\*  
15 1-4 1988\*  
15 3 517\*  
15 4-5 787  
15 5 308\*, 737, 895\*, 864\* 1694\*, 2074, 2732  
15 7 2615\*  
15 8 737  
15 9-10 1824  
15 9 1823  
15 12 459, 1823, 1970\*, 2074  
15 13 363\*, 609, 614\*  
15 15 1972, 2347\*  
15 16-17 2745  
15 16 434, 737, 2615\*, 2815\*  
15 19-20 675\*  
15 20 530\*, 765\*  
15 26 244\*, 248, 263, 692, 719\*, 729\*,

1433\*, 2671\*  
16 7-15 729\*, 1287\*  
16 7 692  
16 8-9 1433  
16 8 388  
16 11 385\*  
16 13-15 2615\*  
16 13 91\*, 243, 687, 692, 1117, 2466, 2671\*  
16 14-15 485\*

16 14 244\*, 690\*  
16 23-27 2615\*  
16 24 2615\*, 2815\*  
16 26 2815\*  
16 28 661\*, 2795\*  
16 33 1808  
17 2604\*, 2746\*, 2758\*  
17 1 730\*, 1085\*, 2750\*  
17 2 2750\*  
17 3 217\*, 684, 1721\*, 1996\*, 2751\*, Sans  
17 4 1069\*, 2750\*  
17 5 2750\*  
17 6-10 2751\*  
17 6 589\*, 2750\*, 2750\*, 2812  
17 7 2765\*  
17 8 2812\*  
17 9 2750\*  
17 10 2750\*  
17 11 2747\*, 2749\*, 2750\*, 2750\*, 2815, 2849  
17 12 2750\*, 2750\*  
17 13 2747\*, 2749\*  
17 15 2750\*, 2850  
17 17-20 2821\*  
17 17-19 2812\*  
17 17 2466\*  
17 18 858\*  
17 19 611, 2747\*, 2749\*, 2812  
17 21-23 260\*, 877\*  
17 21 690\*  
17 23-26 2750\*  
17 24 2749\*, 2750\*, 2750\*  
17 25 2751\*  
17 26 589\*, 729\*, 2750\*  
18 4-6 609\*

18 11 607  
18 12 575\*  
18 31 596\*  
18 36 549\*, 600\*  
18 37 217, 559\*, 2471  
19 11 600\*  
19 12 596\*  
19 15 596\*  
19 19-22 440\*  
19 21 569\*  
19 25-27 726\*, 2618\*  
19 25 495  
19 26-27 501\*, 964, 2605  
19 27 2677\*, 2679\*  
19 28 544\*, 607\*, 2561\*, 2605  
19 30 607, 624\*, 730\*, 2605  
19 30b 2605\*  
19 31 641\*  
19 34 478\*, 694\*, 1225  
19 36 608\*,  
19 37 1432\*  
19 38-39 595\*  
19 38 575\*  
19 42 624\*, 641\*  
20 1 2174  
20 2 640  
20 5-7 640\*  
20 6 640  
20 7 515\*  
20 8 640  
20 11-18 641\*  
20 13 640\*  
20 14-15 645\*, 659\*  
20 14 645\*, 645\*

20 16 645\*  
20 17 443, 645\*, 654, 660, 2795\*  
20 19 575\*, 643\*, 645\*, 695\*  
20 20 645\*  
20 21-23 1087\*, 1120\*, 1441\*  
20 21 730, 858  
20 22-23 976, 1485  
20 22 730\*, 788\*, 1287  
20 23 1461\*, 2839\*  
20 24-27 644\*  
20 26 645\*, 659\*  
20 27 645\*, 645\*  
20 28 448  
20 30 514\*  
20 31 442\*, 514  
21 4 645\*, 645\*, 659\*  
21 7 448, 645\*  
21 9 645\*  
21 12 1166\*  
21 13-15 645\*  
21 15-17 553, 881\*, 1429\*, 1551\*  
21 18-19 618\*  
21 22 878  
21 24 515\*

### Công vụ Tông đồ

1 1-2 512  
1 3 659\*  
1 6-7 672\*  
1 7 474\*, 673  
1 8 762\*, 730\*, 735, 857\*, 1287\*  
1 9 659\*, 697  
1 10-11 333\*

1 11 665\*  
1 14 762, 1310\*, 2617\*, 2623, 2673\*  
1 22 523\*, 535\*, 642\*, 995  
2 1-4 1287\*  
2 1 2623  
2 3-4 696  
2 11 1287  
2 17-21 715\*  
2 17-18 1287\*,  
2 21 432\*, 2666\*  
2 22 547  
2 23 597\*, 599  
2 24 633\*, 648\*  
2 26-27 627  
2 33 659\*, 788\*  
2 34-36 447\*, 449\*  
2 36-38 1433\*  
2 36 440, 597\*, 695\*, 731\*, 746  
2 38 1226, 1262\*, 1287\*, 1427\*  
2 41 363\*, 1226\*  
2 42-46 2178\*  
2 42 3\*, 857\*, 949, 1329\*, 1342, 2624  
2 46 584\*, 1329\*, 1342  
2 47 2640\*  
3 1 584\*  
3 9 2640\*  
3 13-14 597\*  
3 13 599  
3 14 438, 601\*  
3 15-16 2666\*  
3 15 612, 626, 632, 635  
3 17-18 591\*, 600  
3 17 597\*  
3 18 601\*

3 19-21 674  
4 10 597\*  
4 11 756\*  
4 12 432,452, 1507\*  
4 20 425  
4 21 2640\*  
4 26-27 436\*  
4 27-28 600  
4 32 952, 2790  
4 33 995\*  
5 12 699\*  
5 18-20 334\*  
5 20 584\*  
5 21 584\*  
5 28 597\*  
5 29 450\*, 2242, 2256  
5 30 597\*  
5 41 432\*  
6 6 2632\*  
6 7 595  
7 52 597\*, 601\*  
7 53 332\*  
7 56 659\*  
7 60 2635\*  
8 9-24 2121\*  
8 12-13 1226\*  
8 14-17 1315  
8 15-17 1288\*  
8 17-19 699\*  
8 20 2121  
8 26-29 334\*  
8 32-35 601\*  
8 37 454\*  
9 3-18 639\*

9 4-5 598\*  
9 13 823\*  
9 14 432\*  
9 20 442  
9 34 1507\*  
10 3-8 334\*  
10 35 761  
10 38 438, 543, 486, 1289  
10 39 597\*  
10 41 659\*, 995  
10 42 769\*  
10 48 1226\*  
11 14 1655\*  
12 5 2636\*  
12 6-11 334\*  
13 2 1070\*  
13 3 699\*, 2632\*  
13 24 523\*  
13 27-28 597\*  
13 29 601\*  
13 31 647  
13 32-33 638, 653  
13 33 445\*, 2606\*  
13 37 630  
13 38-41 578\*  
13 48 2640  
14 3 699\*, 1507\*  
14 15 32\*  
14 17 23\*, 1147\*  
14 22 556, 2847\*  
15 5 595  
15 10 578\*  
16 15 1226\*, 1252\*  
16 16-18 434\*

16 31-33 1226  
16 31 1655\*  
16 33 1252\*  
17 24-29 287\*  
17 26-28 28  
17 26-27 57\*  
17 26 360  
17 27-28 32\*  
17 27 2566\*  
17 28 300  
17 31 679\*  
17 32 996\*  
18 6 597\*  
18 8 1252\*,1655\*  
18 18 2102\*  
19 5-6 1288\*  
19 6 699\*  
19 13-16 434\*  
19 39 751\*  
20 7 1329\*, 1343  
20 11 1329\*  
20 32 798  
20 36 2636\*  
21 5 2636\*  
21 20 595  
21 23-24 2102\*  
23 6 993\*  
24 15 1038  
24 16 1794\*, 2417  
26 22-23 601\*  
27 23-25 334\*  
28 20 453

## Thư gửi tín hữu Rô-ma (Rm)

1 1 876  
1 3-4 648  
1 3 437\*, 496\*  
1 4 445, 695\*  
1 5 143\*, 494, 2087  
1 17 1814  
1 18-32 401\*, 2087\*  
1 18-25 57\*  
1 18 2125\*  
1 19-20 32, 287\*, 1147\*  
1 24-27 2357\*  
1 28-32 1852\*  
1 32 1777\*  
2 14-16 1777\*  
2 16 678\*  
2 24 2814  
3 4 2465  
3 20 708\*  
3 21-26 1992  
3 21-22 2543  
3 22 1987  
3 23 399\*, 705, 2809  
3 25 433, 1460\*  
4 3 146  
4 11 146  
4 16-21 706\*, 2572\*  
4 17 298  
4 18-21 723\*  
4 18 146, 165, 1819  
4 20 146  
4 25 517\*, 519, 654\*, 977\*  
5 3-5 2734\*, 2847

5 5 368\*, 733, 1820, 1964, 2658  
5 8 604  
5 10 603, 1825  
5 12-21 388\*  
5 12 400\*, 402, 602\*, 612\*, 1008\*  
5 18-19 605\*  
5 18 402  
5 19-21 1009\*  
5 19-20 411\*  
5 19 397\*, 402, 532\*, 615, 623\*  
5 20-21 1848  
5 20 312\*, 385\*, 412, 420  
6 3-9 1006\*  
6 3-4 1214\*, 1227, 1987\*  
6 4-5 790\*  
6 4 537, 628, 648\*, 654, 658\*, 730, 977, 1697  
6 5 1694\*, 2565\*  
6 8-11 1987  
6 10 1085  
6 11 1694  
6 12 2819  
6 17 197, 1237\*, 1733\*  
6 19 1995  
6 22 1995  
6 23 1006, 1008\*  
7 1963\*  
7 7 2542\*  
7 10 2542\*  
7 12 1963\*  
7 14 1963\*  
7 16 1963\*  
7 22 1995  
7 23 2542  
8 2 782

8 3 602\*  
8 9 693  
8 11 632, 658\*, 693, 695\*, 989,990  
8 14-17 1996\*  
8 14 259\*, 693, 1831, 2543\*  
8 15 257, 693, 1303, 1972\*, 2777  
8 16 2639\*  
8 17 1265, 1460, 1831  
8 18-23 280\*  
8 18 1721\*  
8 19-23 1046  
8 20 400  
8 21 1741  
8 22 2630  
8 23-24 2630  
8 23 735\*  
8 26-39 2739\*  
8 26-27 2634  
8 26 741, 2559, 2630, 2736  
8 27 2736\*, 2766  
8 28-30 1821\*, 2012  
8 28 313, 395  
8 29 257, 381\*, 501, 1161\*, 1272\*, 2790  
8 31 2852  
8 32 603, 7068, 2572\*  
8 34 1373, 2634\*  
9 4-5 839  
9 5 449\*  
10 1 2632\*, 2636\*  
10 2 579\*  
10 4 1953, 1977\*  
10 6-13 432\*  
10 7 635\*  
10 9 14\*, 186\*, 449\*

10 12-13 2739\*  
10 13 2666\*  
10 14-15 875  
10 17 875  
11 12 674  
11 3-26 755\*  
11 15 674  
11 17-18 60\*  
11 20 591, 674  
11 24 60\*  
11 25 591, 674, 674  
11 26 674 11 28 60\*  
11 29 839  
11 31 674\*  
11 32 1870  
12-15 1 454\*, 1971\*  
12 1 2031  
12 2 2520\*, 2826  
12 4 1142  
12 5 1372  
12 6-8 2004  
12 6 114\*  
12 8 2039\*  
12 9-13 1971  
12 11 2039\*  
12 12 1820  
12 14 1669\*, 2636\*  
13 1-2 1899, 2238\*  
13 1 1918  
13 7 2240  
13 8-10 1824\*, 2196  
13 8 2845  
13 9-10 2055  
14 1971\*

14 7 953  
14 9 668  
14 17 2819  
14 21 1789  
15 5-6 2627\*  
15 5 520\*  
15 13 162\*, 2627\*, 2657  
15 16 1070\*  
15 19 693  
15 27 1070\*  
15 30 2629\*  
16 25-27 2641\*  
16 26 143\*, 1204, 2087

**Thư thứ nhất  
gửi tín hữu Cô-rin-tô (1Cr)**

1-6 401\*  
1 2 752\*, 1695  
1 16 1252\*  
1 18 268\*  
1 24-25 272  
1 27 489\*  
1 30 2813  
2 7-16 221\*  
2 7-9 1998\*  
2 8 446\*, 498\*, 598  
2 9 1027  
2 10-15 2038\*  
2 10-11 152 2 11 687  
2 16 389\*  
3 9 307, 755, 756\*  
3 1 1756\*  
3 12-15 679\*

3 15 1031\*  
3 16-17 797\*  
4 1 859,1117\*  
4 5 678\*  
4 7 224  
5-10 1971\*  
5 1 2388  
5 4-5 2388  
5 6-8 129\*  
5 7 608\*,610\*,613\*  
5 11 1470\*  
6 1 823\*  
6 9-10 1852\*,2380\*  
6 10 2357\*, 2450  
6 11 693,1227\*, 1425, 1695, 2813  
6 13-15 1004  
6 14 989\*  
6 15-20 2355\*  
6 15-16 796\*  
6 15 1265\*  
6 19-20 364\*, 1004  
6 19 1265\*, 1269, 1695\*  
7 10-11 2364\*, 2382\*  
7 14 1637  
7 16 1637\*  
7 26 672  
7 31 1619\*  
7 32 1579\*, 1618\*  
7 34-36 922\*  
7 34-35 506\*  
7 39 1602  
7 40 693  
8 6 258\*, 2639  
8 10-13 2285\*

8 12 1789  
9 1 659\*, 857\*  
9 5-18 2122\*  
9 5 500\*  
9 1 9876\*  
9 2224  
10 1-11 129\*  
10 1-6 1094\*  
10 1-2 697\*  
10 2 117\*  
10 4 694\*  
10 6 128\*  
10 9 2119\*  
10 11 117,128\*,2175\*  
10 13 2848  
10 16-17 1329\*,1331\*,1396  
10 16 1334  
10 17 1621\*  
10 24 953\*  
11 17-34 1329\*  
11 17 2178\*  
11 18 752\*  
11 20 1329\*  
11 23-26 1339\*  
11 23 610,1366  
11 24-25 1356  
11 24 1328,1329\*  
11 25 611,613\*  
11 26 671\*,1076,1130,1344, 1393, 2772, 2776  
11 27-29 1385  
11 30 1509\*  
12-13 1454\*,1971\*  
12 1988\*,2003\*  
12 3 152,449\*,455,683,2670, 2681

12 4-6 249\*  
12 6 308\*  
12 7 801,951  
12 9 1508\*  
12 13 694,790\*,798\*,1227\*1267,1396\*  
12 26-27 953  
12 26 1469\*  
12 27 1265\*  
12 28 1508\*  
12 30 1508\*  
13 735\*,800\*  
13 1-4 1826  
13 4-7 1825  
13 5 953  
13 8 773  
13 12 163,164,314,1023\*,1720\*, 2519\*  
13 13 1813\*,1826,1841\*  
14 19 752\*  
14 28 752\*  
14 34 752\*  
14 35 752\*  
15 3-5 186\*  
15 3-4 639,652\*  
15 3 519,601,601,619,624  
15 4-8 642\*  
15 4 627  
15 5 552\*,641\*  
15 7-8 857\*  
15 8 659  
15 9 752\*  
15 12-14 991  
15 12-13 996\*  
15 14 651  
15 20-22 655

15 20 632,991  
15 21-22 411\*  
15 24-28 2855\*  
15 24 668\*  
15 26 1008\*  
15 27-28 668\*  
15 28 130, 294, 671\*, 674, 1050,1060, 1130,  
326\*, 2550, 2804\*  
15 35-50 646\*  
15 35-37 999  
15 42-44 1683\*  
15 42 999, 1017\*  
15 44-45 364\*  
15 44 999, 1017  
15 45 411\*, 504\*  
15 47 504  
15 53 699  
15 56 602\*  
16 1 752\*, 823\*, 1351\*  
16 13 2849\*  
16 15-16 1269\*  
16 22 451, 671, 1130, 1403

**Thư thứ hai  
gửi tín hữu Cô-rin-tô ( 2Cr)**

1 2627\*  
1 3-7 2627\*  
1 20 1065  
1 21-22 1274\*  
1 21 695\*, 735\*  
1 22 698, 1107\*, 1296  
1 23 2154\*  
2 15 1294\*

3 3 700  
3 6 859  
3 14-16 1094\*  
3 14 702\*  
3 17 693,1741  
4 4 1701\*  
4 6 298\*, 2583\*  
4 7 1420  
4 14 989\*  
5 1 1420  
5 2 2796  
5 6 769\*  
5 7 164  
5 8 1005,1021\*,1681  
5 14 616,851  
5 15 605\*,655,1269\*  
5 17 1214,1265\*  
5 17-18 1999  
5 18-21 2844\*  
5 18 981,1442,1461\*  
5 19 433,620  
5 20 859,1424,1442  
5 21 602  
6 2 1041  
6 4 859  
6 16 797,1179  
6 18 270  
8 1-15 2833\*  
8 9 517\*,1351\*,2407,2546  
9 12 1070\*  
9 14 2636\*  
9 15 1083  
11 2 505\*,796\*  
12 9 268,273\*,1508

13 4 648\*  
13 13 249,734,1109,2627\*

### Thư gửi tín hữu Ga-lát (Gl)

1 1 857\*  
1 4 2824  
1 13 752\*  
1 15-16 442  
1 15 153\*  
1 16 659\*  
1 19 500\*  
1 20 2154\*  
2 10 886\*  
2 20 478,616\*,1380\*,2666\*  
3 2 476  
3 8 59\*  
3 10 578\*,580  
3 13 580  
3 14 693,706\*  
3 16 706\*  
3 24 582\*,708,1963\*  
3 27-28 791  
3 27 1227,1243,1425,2348  
4 1-7 1972\*  
4 4-5 422  
4 4 484,488,527\*,531\*,5231\*, 580\*, 702  
4 5-7 1265\*  
4 6 683,698\*,693, 742, 1695\*, 2766  
4 19 526, 562\*, 793  
4 21-31 1972\*  
4 26-28 723\*  
4 26 757  
5 1454\*

5 1 1741, 1748  
5 3 578\*  
5 6 162, 1814  
5 16-25 2744\*, 2819\*  
5 16 2515\*  
5 17 2515\*  
5 19-21 1470\*, 1852  
5 20 2113\*  
5 22-23 736  
5 22-23 vulg. 1832  
5 22 1108\*, 1695, 2345\*  
5 24 2515\*, 2543, 2555  
5 25 736, 782, 1695\*, 2516, 2842, 2848  
6 2 1642\*, 2030  
6 15 1214

### Thư gửi tín hữu Ê-Phê-xô (Ep)

1 3-14 2627\*, 2641\*  
1 3-6 381\*, 1077  
1 3 492, 1671  
1 4-5 52\*, 257  
1 4 492\*, 796\*, 865\*, 1426, 2807\*  
1 5-6 294  
1 6 1083  
1 7 517\*, 2839  
1 9-11 2823  
1 9 257, 1066, 2603, 2807\*  
1 10 668, 772, 1043, 2748\*  
1 13-14 706, 1274\*  
1 13 693, 698, 1296\*  
1 14 1107\*  
1 16-23 2632\*

1 18 158  
1 19-22 272, 648\*  
1 20-22 668  
1 22-23 830\*  
1 22 669\*, 753\*, 2045\*  
2 3 2515\*  
2 4-5 654\*  
2 4 211, 1073  
2 6 1003, 2796  
2 14 2305  
2 16 2305  
2 19-22 756\*  
2 20 857  
2 21 797\*  
3 4 1066\*  
3 8 424  
3 9-12 221\*  
3 9-11 772\*  
3 9 1066  
3 12 2778\*  
3 14 239\*, 2214\*, 2367\*  
3 16-17 1073\*, 2714  
3 16 1995  
3 18-21 2565\*  
3 20-21 2641\*  
4-6 1454\*  
4-5 1971\*  
4 2 2219  
4 3-5 866\*  
4 3 814  
4 4-6 172\*, 249\*, 2790\*  
4 7 913  
4 8-10 661\*  
4 9-10 631, 2795\*

4 10 668\*  
4 11-16 794\*  
4 11-13 669\*  
4 11 1575\*  
4 13 674,695,2045  
4 16 798\*  
4 19 2518\*  
4 23 1695  
4 24 1473\*,2475,2504  
4 25 1267,2475  
4 28 2444  
4 30 698,1274,1296\*  
4 32 2842  
5 1 1694  
5 2 616\*  
5 3-5 2852\*  
5 4 2204  
5 5 2113\*  
5 8 1216,2695  
5 9 2695  
5 14 2641\*  
5 16 672\*  
5 17 2826  
5 19 1156,2641  
5 20 2633\*,2742  
5 21-6,4 2204\*  
5 21 1269\*,1642  
5 25-27 772\*  
5 25-26 757,1616  
5 25 616\*,1659  
5 26-27 1617\*  
5 26 628\*, 796, 1228\*  
5 27 773, 796\*, 1426  
5 29 757, 796\*

5 31-32 796, 1602\*, 1616  
5 31 1627\*  
5 32 772, 1624\*, 1659  
6 1-3 2196  
6 1 2217\*  
6 4 2223, 2286\*  
6 18-20 2636\*  
6 18 1073, 1174, 2742  
6 23-24 2627\*

### **Thư gửi tín hữu Phi-líp-phê (Pl)**

1 3-4 2636\*  
1 9-11 2632\*  
1 21 1010, 1698  
1 23 1005, 1011, 1021\*, 1025\*  
1 27 1692  
2 1 2842\*  
2 4 2635  
2 5-8 461  
2 5 520\*, 1694, 2842\*  
2 6-11 2641\*, 2667\*  
2 6-9 1850\*  
2 6 449  
2 7 472, 602\*, 705\*, 713, 876, 1224  
2 8-9 908\*  
2 8 411, 612, 623  
2 9-11 449\*, 2812\*  
2 9-10 434  
2 10-11 201\*  
2 10 633\*, 635  
2 12-13 1949  
2 13 308  
2 14-17 1070\*

2 15 1243\*  
2 25 1070\*  
2 30 1070\*  
3 6 752\*  
3 8-11 428  
3 8 133  
3 10-11 989\*, 1006\*  
3 10 648\*  
3 20 1003\*, 2796\*  
3 21 556, 999  
4 6-7 2633\*  
4 8 1803  
4 13 273\*, 308\*, 1460

### **Thư gửi tín hữu Cô-lô-xê (Cl)**

1 3-6 2632\*  
1 3 2636\*  
1 10 2520\*  
1 12-14 1250\*  
1 13-14 517\*  
1 14 2839  
1 15-20 2641\*  
1 15 241, 299, 381, 1701  
1 16-17 291  
1 16 331  
1 18-20 624\*  
1 18 504\*, 658, 753\*, 792, 792  
1 20-22 2305\*  
1 24 307\*, 618\*, 1508  
1 27 568, 772  
2 9 484, 515, 722, 2502  
2 11-13 527  
2 12 628\*, 1002, 1214, 1227\*, 1694\*

2 19 794\*  
3-4 1971\*  
3 1-3 655\*  
3 1 1002  
3 3 665\*, 1003, 1420, 2796  
3 4 1003, 2772\*  
3 5-8 1852\*  
3 5 2518\*  
3 10 2809  
3 14 815,1827,1844  
3 16-17 1156\*,2633\*  
3 16 2641  
3 18-21 2204\*  
3 20 2217  
3 21 2286\*  
4 1 1807  
4 2 2638, 2849\*  
4 3-4 2632\*, 2636\*  
4 11 307\*  
4 12 2629\*, 2632\*

**Thư thứ nhất gửi tín hữu  
Thê-xa-lô-ni-ca (1Tx)**

1 10 442\*  
2 13 104\*, 1349\*  
2 14-15 597\*  
3 2 307  
4 7 2518\*, 2813  
4 11 2427\*  
4 13-14 1012\*  
4 14 649, 989\*  
4 16 1001  
4 17 1025\*

4 18 1687\*  
5 2-3 675\*  
5 2 673\*  
5 5 1216  
5 6 2849\*  
5 8 1820  
5 12-13 1269\*  
5 17-18 2633\*  
5 17 1174, 2742, 2757  
5 18 2638, 2648  
5 19 696  
5 23 367  
5 25 2636\*

**Thư thứ hai gửi tin hữu  
Thê-xa-lô-ni-ca (2 Tx)**

1 10 1041  
1 11 2636\*  
2 3-12 673\*  
2 4-12 675\*  
2 7 385, 671\*  
3 6-13 2830\*  
3 10 2427

**Thư thứ nhất  
gửi Ti-mô-thê (1 Tm)**

1 3-4 2518\*  
1 5 1794  
1 9-10 1852\*  
1 10 2357\*  
1 15 545\*  
1 18-19 162

2 1-2 1349, 1900\*  
2 1 2636  
2 2 2240  
2 3-4 2822, Sans  
2 4 74, 851, 1058, 1256\*, 1261\*, 1821  
2 5-8 2634\*  
2 5 618, 1544, 2574  
3 1-13 1577\*  
3 1 1590  
3 9 1794\*  
3 15 171, 756\*, 2032  
3 16 385, 463, 2641\*  
4 1 672\*  
4 3-9 2518\*  
5 17-18 2122\*  
6 8 2837\*  
6 12 2145\*  
6 15-16 2641\*  
6 16 52  
6 20 84\*

**Thư thứ hai  
gửi Ti-mô-thê (2 Tm)**

1 3 1794\*  
1 5 2220  
1 6 1577\*, 1590  
1 8 2471, 2506  
1 9-10 257, 1021\*  
1 12-14 84\*  
1 12 149  
1 13-14 857\*  
1 14 1202  
2 5 1264

2 8 437\*  
2 11-13 2641\*  
2 11 1010  
2 22 2518\*  
2 23-26 2518\*  
3 2-5 1852\*  
3 12 2847\*  
4 2015\*  
4 1 679\*

### **Thư gửi Ti-tô (Tt)**

1 5-9 1577\*  
1 5 1590  
1 15 2518\*  
2 1-16 v2342\*  
2 12 1809  
2 13 449\*, 1041, 1130, 1404\*, 2760, 2818\*  
2 14 802  
3 5 1215  
3 6-7 1817

### **Thư gửi Phi-lê-môn (Plm)**

1 6 2414

### **Thư gửi tín hữu Do thái (Dt)**

1 1-3 102\*  
1 1-2 65, 65\*  
1 3 214, 320, 2502, 2777, 2795\*  
1 6 333  
1 13 447\*  
1 14 331

2 4 156\*  
2 9 624, 629\*  
2 10 609\*  
2 12 2602  
2 13 2777, 2795\*  
2 14-15 635  
2 14 407\*, 636  
2 15 1520\*, 2602\*  
2 17-18 609\*  
3-4 11 117\*  
3 6 2778\*  
3 7-4,11 1165\*  
4 3-4 346\*  
4 4-9 624\*  
4 7-11 1720  
4 13 302  
4 14-15 1137\*  
4 15 467, 540, 609\*, 612\*, 2602\*  
4 16 2778\*  
5 1-10 1564\*  
5 1 1539\*  
5 3 1540\*  
5 4 1578\*  
5 6 1537\*  
5 7-9 609\*, 2606  
5 7-8 612\*, 1009\*  
5 7 2741\*  
5 8 2825  
5 9 617  
5 10 1544  
6 2 699, 1288\*  
6 4-6 679\*  
6 5 655  
6 6 598

6 13 2810\*  
6 19-20 1820  
6 20 1544  
7 3 58\*  
7 11 1537\*  
7 16 648\*  
7 23-25 1476\*  
7 24 1366, 1564\*  
7 25-27 1364\*  
7 25 519, 662, 2634, 2741\*  
7 26 1544  
7 27 1085, 1366, 1540\*  
8 2 1070\*  
8 6 1070\*  
8 8-10 1965  
9 5 433\*  
9 7 433\*  
9 11-28 1476\*, 1564\*  
9 11 586\*, 662  
9 12 1085  
9 13-14 2100\*  
9 14 614\*  
9 15 522, 579\*, 580, 592\*  
9 24 519, 662, 2741\*  
9 25 662  
9 26 571  
9 27 1013, 1021\*  
10 1-4 1540\*  
10 1 128\*  
10 5-10 606  
10 5-7 462, 516\*, 2568  
10 5 488\*  
10 7 2824  
10 10 614\*, 2824

10 14 1544  
10 16 64\*  
10 19-21 1137\*  
10 19 2778\*  
10 23 1817  
10 25 2178  
10 26-31 679\*  
10 32 1216  
10 36 2826  
11 1 146  
11 2 147  
11 3 286  
11 6 161,848  
11 8 145  
11 17 145\*,2572  
11 19 2572  
11 39 147  
11 40 147  
12 1-2 165  
12 1 1 161,2683\*  
12 2 147  
12 3 569\*,598\*  
12 22-23 2188  
12 23 1021\*  
13 3 2447\*  
13 10 1182\*  
13 14 2796\*  
13 15 1330  
13 17 1269  
13 20 632\*

## **Thư thánh Gia-cô-bê (Gc)**

1 5-8 2633\*,2737  
1 13 2846  
1 14-15 2847\*  
1 17 212,2642  
1 25 1972\*  
1 27 2208  
2 7 432\*, 2148  
2 10-11 2069\*,2079\*  
2 10 578  
2 12 1972\*  
2 14-26 162  
2 15-16 2447  
2 26 1815  
4 1-10 2737\*  
4 1-3 2737  
4 4 2737  
4 5 2737  
5 1-6 2445  
5 4 1867\*,2049\*,2434\*  
5 12 2153\*  
5 14-15 1510,1511\*,1526  
5 14 1519  
5 15 1519\*,1520  
5 16 2737\*  
5 16b-18 2582  
5 20 1434\*

## **Thư thứ nhất của thánh Phê-rô (1Pr)**

1 2627\*  
1 3-9 2627\*

1 3 654\*  
1 7 1031  
1 10-12 719  
1 18-20 602  
1 18-19 517\*  
1 18 622  
1 19 613\*  
1 23 1228\*, 2769  
2 1-10 2769\*  
2 1 2475  
2 4-5 1141\*, 1179  
2 4 552  
2 5 756\*, 901, 1268, 1330\*, 1546\*  
2 7 756\*  
2 9 709\*, 782, 803, 1141, 1268, 1546\*  
2 13-17 1899\*  
2 13 2238  
2 16 2238  
2 21 618  
2 24 612  
3 1-7 2204\*  
3 9 1669\*  
3 18-19 632\*  
3 20-21 845\*  
3 20 1219  
3 21 218\*, 1094\*, 1794\*  
4 6 634  
4 7 670\*, 1806  
4 8 1443  
4 14 693  
4 17 672\*  
5 3 893, 1551\*  
5 4 754\*  
5 7 322

5 8 409\*, 2849\*

**Thư thứ hai  
của thánh Phêrô (2 Pr)**

1 3-4 1996\*

1 4 460, 1129\*, 1265, 1692, 1721, 1812\*

1 16-18 554\*

2 4 392\*

3 9 1037, 2822

3 11-12 671\*

3 12-13 677\*

3 13 1043, 1405\*

**Thư thứ hai  
của thánh Gio-an (1Ga)**

1 1-4 425

1 3-7 1108\*

1 3 2781\*

1 5 214

1 6 2470

1 7-2,2 2631\*

1 8-10 827\*

1 8-9 1847

1 8 1425

1 10 2147\*

2 1-2 1460\*

2 1 519, 692\*, 2634\*

2 2 605\*, 606

2 16 377\*, 2514\*, 2534\*

2 18 670, 672\*, 675\*

2 20 918, 695\*

2 22 675\*

2 23 454\*  
2 27 91\*, 695\*  
2 28 2778\*  
3 2822\*  
3 1 1692  
3 2 163, 1023, 1161\*, 1720\*, 2519\*, 2772  
3 3 2345\*  
3 5 457  
3 8 385\*, 392, 394  
3 15 1033  
3 17 2447\*  
3 19-20 208, 1781  
3 21 2778\*  
3 22 2631  
4 2822\*  
4 2-3 465\*  
4 2 423, 463  
4 3 672\*  
4 8 214, 221,733, 1604\*  
4 9 458, 516  
4 10 457, 604, 6148, 620, 1428\*  
4 11-12 735\*  
4 14 457\*  
4 16 221, 733 1604\*  
4 19 604\*, 1828  
4 20 2840\*  
5 1 2780\*, 2790\*  
5 6-8 1225\*  
5 8694\*  
5 14 2778\*, 2827\*  
5 16-17 1854\*  
5 18-19 2852  
5 19 409  
5 20 217

**Thư thứ hai  
của thánh Gio-an (2Ga)**

7 456\*, 675\*

**Thư thứ ba của thánh Gio-an (3Ga)**

7 432\*

**Thư thánh Giu-đa (Gđ)**

3 171  
24-25 2641\*

**Khải huyền (Kh)**

1 4 1403, 2854\*  
1 6 1546, 2855\*  
1 8 2854  
1 17 612  
1 18 625, 633\*, 635, 2854  
2-3 401\*  
2 5 1429  
2 16 1429  
2 17 1025\*, 2159  
3 7 303  
3 14 1065  
4-5 1138\*  
4 2 1137  
4 6-11 662\*  
4 8-11 2642\*  
4 11 159, 2855\*  
5 6 1137  
5 6-14 2642\*

5 9-10 1546\*  
5 13 449\*, 2855\*  
6 9-11 1138  
6 10 2642, 2817  
7 1-8 1138\*  
7 2-3 1296\*  
7 9 775, 1138 7 10-12 2642\*  
9 4 1296\*  
11 15 450\*  
12 1138\*  
12 9 391\*, 2852  
12 11 2853  
12 13-16 2853\*  
12 17 501\*, 757\*, 2853  
13-14 2113\*  
13 8 677\*  
14 1 1138\*, 2159  
14 4 778\*, 1618\*  
16 15 2849  
18 24 2642\*  
19 1-9 677\*  
19 1-8 2642\*  
19 6 865\*  
19 7 757\*, 1602, 1612  
19 9 1329\*, 1602, 1612  
20 7-10 677\*  
20 12 677\*  
21 1-22,5 117\*  
21 1-2 756\*  
21 1 1043\*  
21 2-4 677\*  
21 2 757\*, 1045, 2016  
21 3 756\*, 2676  
21 4 1044, 1186

21 5 1044  
21 6 694\*, 1137\*  
21 7 2788  
21 9 757\*, 865, 1045, 1138\*  
21 10-11 865  
21 12-14 765\*  
21 14 857, 865, 869  
21 22 586\*  
21 27 1044\*, 1045\*  
22 1 1137  
22 4 1023\*  
22 5 1029  
22 15 1470\*  
22 16 437\*528\*  
22 17 524\*, 671, 694\*, 757\*,  
796\*, 1130\*, 2550\*, 2853  
22 20 451, 671, 673\*, 1130, 1403, 2853  
22 21 1061\*

## CÁC TÍN BIỂU

*(trích dẫn theo DS = denzinger- schonmetzer, En chiridion Symbolorum, définitionum et declarationnum de rebus jidei et morum )*

1-64 192\*  
10-64 496\*  
71-72 192\*  
71 254  
75-76 192\*  
75 266  
76 1035\*

*Tín biểu các Tông đồ 167, 1948, 196\*, 325, 750, 964, 1331*

## **CÁC CÔNG ĐỒNG CHUNG**

**(theo DS, trừ công đồng Va-ti-ca-nô II)**

### **CÔNG ĐỒNG NICÊA I**

126 465

130 465

**Kinh tin kính 465**

### **CÔNG ĐỒNG CONSTANTINOPOLI I**

**Tín Biểu Nicêa- constantinopoli**

150 242, 245, 245, 1958, 1968, 243, 291, 325, 652, 664,  
685, 750, 1680

**Trong nguyên bản Hy Lạp 167**

### **CÔNG ĐỒNG ÊPHÊXÔ**

250 446

251 466, 495\*

255 468\*

### **CÔNG ĐỒNG CONSTANTINOPOLI II**

421 253, 258, 258\*

424 468, 468\*

427 499\*

432 468

### **CÔNG ĐỒNG CONSTANTINOPOLI III**

556-559 475\*

556 475

### **CÔNG ĐỒNG NICÊA II**

600-603 476

600 1161

601 477, 1674\*, 2132

603 1674\*

COD 111 1160

### **CÔNG ĐỒNG CONSTANTINOPOLI IV**

657 367

### **CÔNG ĐỒNG LATÊRANÔ IV**

800-802 192\*

800 202, 296, 299\*, 327, 391

801 999, 1035\*

802 1576\*

804 253, 254

804 43

### **CÔNG ĐỒNG LYON II**

850 248

851-816 192\*

854 1017

856 1032\*

857-858 1022\*

858 1035\*

859 1059

860 1113\*

## **CÔNG ĐỒNG VIÊN A**

902 365\*

## **CÔNG ĐỒNG CONSTANCE**

1154 1584\*

## **CÔNG ĐỒNG FIRENZE**

1300-1301 246

1302 248

1304-1306 1022\*

1304 1031\*

1310 1113\*

1314 1213\*

1315 1256\*

1316 1263\*

1319 1303\*

1324-1325 1510\*

1325 1520\*

1330 255

1331 248, 255, 258

1333 299\*

1334-1336 120\*

1351 1035\*

## **CÔNG ĐỒNG LATÊRANÔ V**

1440 366\*

## **CÔNG ĐỒNG TRENTO**

1501-1904 120\*

1510-1516 406\*

1511-1512 404\*

1511 375, 407, 1008\*

1512 403\*  
1513 390\*, 405\*  
1514 403\*, 1250  
1515 1264, 1426\*, 2515\*  
1525 1993  
1528 1989  
1529 615\*, 617, 1992\*  
1532 161\*  
1533-1534 2005\*  
1541 1821\*  
1542 1446\*  
1545 1426\*, 1815\*  
1546 2009  
1548 2009\*  
1549 1059\*  
1567 1037\*  
1569- 1570 2068\*  
1573 411\*  
1575 1035\*  
1576 2016\*  
1580 1031\*  
1600-1601 1114  
1601 1113\*  
1604 1129\*  
1605 1127\*  
1606 1127\*  
1608 1128\*  
1609-1619 1272\*  
1609 1121, 1280\*, 1304\*  
1612 1584\*  
1618 1257\*  
1624 1280  
1638 1394\*, 1436  
1640 1413\*

1641 1377\*  
1642 1376  
1647 1457\*  
1651 1374,1413\*  
1661 1457\*  
1672 980  
1673 1450\*  
1674 1468  
1676 1451  
1677-1678 1431\*  
1677 1452\*  
1678 1453\*  
1680 1456,1456,1458\*  
1683 1457\*  
1690 1460\*  
1691 1460  
1694 1523  
1695-1696 1510\*  
1695 1511  
1696 1512\*  
1697 1516\*  
1698 1523  
1705 1431\*,1453\*  
1708 1457\*  
1712-1713 1472\*  
1712 1459\*  
1716-1717 1510\*  
1717 1520\*  
1719 1516\*  
1740 1337,1336  
1743 1367,1371  
1752 611\*  
1764 611\*  
1767 1582\*

1774 1583\*  
1799 1661\*  
1800 1617\*  
1813-1816 1631\*  
1820 1022\*,1031\*,1472\*  
1812-1825 2132\*  
1822 1674\*  
1835 1478\*

## **CÔNG ĐỒNG VA-TI-CA-NÔ I**

3002 293,299\*,327\*  
3003 302  
3004 36  
3005 38\*,367  
3008-3010 156  
3008 154  
3009 156  
3010 155\*  
3012 161  
3013 812  
3015 50\*, 237  
3016 90\*, 498  
3017 159  
3022 296\*  
3023-302 4 296\*  
3025 293, 296  
3926 36\*, 47\*, 286\*  
3057 834  
3074 891\*

## CÔNG ĐỒNG VA-TI-CA-NÔ II

### Hiến chế phụng vụ ( SC )

IV 1174\*  
2 771, 1068  
3-4 1075\*  
4 1203  
5 766, 1067  
6 1076\*, 1086, 1113\*  
7 1070, 1088, 1089, 1181\*, 1373  
8 1090  
9 1072  
10 824, 1074  
11 1071  
13 1675  
14 1141  
21 1205\*  
24 1100  
26-27 1482  
26 1140  
27 1140, 1517\*  
28 1144  
29 1143  
33 1548\*, 1552\*  
354 1570\*  
37-40 1204\*, 1232\*  
41 1561\*  
47 1323, 1398\*  
55 1388  
56 1346  
60 1667  
61 1621\*, 1670

64 1232  
65 1232  
67 1255\*  
71 1298\*  
73 1513\*, 1514  
79 1669\*  
81-82 1684\*  
81 1685\*  
83 1175  
84 1174, 1174  
86 1175\*  
90 1176  
96 1175\*  
98 1174, 1175\*  
100 1175  
102 1163, 1194  
103 508, 971\*, 1172  
104 1173  
106 1166, 1167, 1193, 2191\*  
108 1173\*  
109-110 1438\*  
111 1173\*  
112 1156, 1157, 1157\*  
118 1158  
119 1158\*  
121 1158  
122-127 1181\*, 2503\*  
122 2513  
126 2132\*  
128 1183

## Sắc lệnh về truyền thông (IM)

5 2494  
8 2495  
11 2494\*  
12 2498, 2498

## Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh (LG)

1 748, 775, 1045  
2 375, 641, 759, 769, 1050\*, 1076\*, 1093  
3 541, 542\*, 669, 763, 763\*, 766, 960, 1364, 1405  
4 767, 768, 810  
5 541, 543, 567, 669, 763, 664, 764, 768, 769  
6 753, 754, 755, 756, 757, 769\*, 1621\*  
7 562, 788, 790, 791, 793, 798  
8 769\*, 771, 786, 811, 816, 819, 819,  
8 27, 853, 870, 1428  
9 753\*, 761 762, 776, 781, 782  
10 784, 901\*, 1120, 1141, 1141\*, 1273\*, 1535\*,  
  
1538\*, 1546, 1547, 1548\*, 1552\*, 1657  
11 825, 1119, 1119, 1251\*, 1270, 1273\*, 1285,  
1303\*,  
  
1303\*, 1324, 1422, 1440, 1499, 1522, 1535, 1641,  
1641, 1656, 1656, 2204\* 2225, 2226\*  
12 92 , 93, 785, 798, 801, 823, 889\*, 951, 1303\*,  
2003\*  
13 761\*, 804, 814, 831, 836  
14 815\*, 837, 846, 1249, 1257\*  
15 819\*, 838, 853\*

16 761\*, 839, 841, 843, 844, 847, 1260\*, 1281\*  
17 776\*, 1270\*, 2032  
18 874  
19 880  
20 87\*, 860, 861, 862, 1555, 1576  
21 1549\*, 1556, 1557, 1558, 1575\*, 1576, 1582\*  
22 880, 881, 882, 883, 884, 885, 1444, 1559, 1559\*  
23 833, 835, 882, 886, 886, 886, 887,  
938, 1202\*, 1560\*  
24 1551, 2068  
25 90, 888, 891, 891, 891\*, 892, 2034, 2035\*  
26 832, 893, 893, 1312, 1462, 1561\*  
27 894, 895, 896  
28 1548\*, 1554, 1562, 1564, 1566, 1567, 1582\*  
29 1569, 1570\*, 1571, 1582\*, 1588  
30 801\*  
31 871\*, 897, 898, 932  
32 872\*  
33 900\*, 913  
34 901, 1141\*  
35 904, 905  
36 337, 786, 908, 912, 943\*, 1888\*  
37 1269\*  
39 823, 2045\*  
40 828\*, 1426\*, 2013, 2013, 2028  
41 1251\*, 1570\*, 1641\*  
42-43 915\*  
42 826, 1620\*, 1816, 1986, 2103, 1545 43 917  
44 914, 933  
48-51 828\*  
48-50 1469\*  
48 670, 671, 769, 773\*, 776, 824, 825, 1001, 1013,  
1036, 1042, 1373\*  
49 954, 954, 955, 956, 1023\*.

50 957, 958, 1090\*  
51 959  
52 449\*  
53 492, 963, 967  
55 489  
56 488, 490, 492, 493, 494, 494\*, 511  
57 499, 964  
58 165, 964  
59 965, 966  
60 970  
61 488\*, 968  
62 969, 970, 2674  
63 501, 506, 5078, 967  
64 507  
65 829  
66 971  
67 2132\*  
68-69 2679\*  
68 972  
69 965, 972

### **Sắc lệnh về các Giáo Hội Đông Phương (OE)**

15 1389

### **Sắc lệnh về Hiệp Nhất (VR)**

1 820  
2 812, 813, 813, 815\*, 1126\*  
3 816, 817, 818, 819, 819\*, 824, 827\*, 838, 1271  
4 94\*, 820, 821\*, 855, 1202\*  
5 822, 1126\*  
6 821, 827\*  
7 821\*

8 821, 2791\*  
9 821\*, 821\*  
10 821\*  
11 90, 821\*  
12 821\*  
13-18 838\*  
15 925\*, 1399, 1399  
22 1271, 1400, 1400, 2791\*  
24 822

### **Sắc lệnh về Giám Mục (CD)**

2 882\*, 937, 1558  
3 886\*  
4 1560\*  
9 882\*  
11 833\*, 1548\*  
13 1586\*  
15 1569\*  
16 1586\*  
33-35 927\*  
36 1560\*  
37 1560\*

### **Sắc lệnh về Đồi Tu (PC)**

1 915\*, 918  
2 2684\*  
5 916\*  
7 2691\*  
11 929  
12 1620\*

### **Sắc lệnh về Đào Tạo Linh mục (DT)**

10 1620\*  
20 1565

### **Tuyên ngôn về Giáo Dục (GE)**

3 1653\*, 2221  
6 2229\*

### **Tuyên ngôn về các tôn giáo khác (NA)**

1 360\*, 842  
2 843\*, 2104  
3 841\*  
4 597, 839\*  
5 2793\*

### **Hiển chế về Mạc Khải (DV)**

2 51, 53, 64, 142, 1103, 2587  
3 54, 55, 62\*  
4 66  
5 143\*, 153, 158, 1814  
6 36\*, 38\*  
7 74, 75, 76, 77,  
8 77, 78, 78, 79, 94, 94, 94, 98, 1124\*, 2650, 2651\*  
8 3 120\*  
9 80, 81, 82,  
10 84, 85, 86, 97, 889\*, 891, 2663\*  
10 3 95  
11 105, 106, 107, 136\*, 337\*  
12 1 109\*  
12 2 110

12 3 111, 111\*, 119  
13 101  
14-16 1094\*  
14 121\*  
15 122  
16 129\*  
17 124  
18 125  
19 126, 573\*  
20 124\*  
21 103\*, 104, 131, 141, 1346\*  
22 131  
23 94\*  
24 94\*, 104\*, 132, 135  
25 133, 2653

### **Sắc lệnh về Tông Đồ Giáo Dân (AA)**

2 863, 873, 940  
3 789\*, 864  
4 864\*  
5 2832\*  
6 851\*, 905, 2044  
8 2446  
13 2105, 2105\*  
16 1570\*

### **Sắc lệnh về Tự Do Tôn Giáo (DH)**

1 2104, 2105, 2105\*  
2 1738\*, 2104, 2106, 2106,  
2 108\*, 2467  
3 1782  
4 1180\*

6 2107  
7 1738\*, 2109  
10 160  
11 160, 160  
14 1785\*, 1816\*, 2036\*, 2104  
15 2137

### **Sắc lệnh về Truyền Giáo (AG)**

1 804, 849, 853, 1344  
2-9 257\*  
2 428\*, 294, 767\*, 850, 868  
3 763\*  
4 767\*, 830\*  
5-6 767\*,  
5 852, 857, 877, 1257\*, 1560\*  
6 830, 854, 1560\*,  
7 776, 848, 1260\*  
7 23 1270\*  
9 856, 856  
11 2472  
14 1233\*, 1248, 1249  
15 854, 905\*  
16 1570\*, 1571  
18 927\*  
38 1560\*  
40 927\*

### **Sắc lệnh về Linh Mục (PO)**

2 1141\*, 1142\*, 1369, 1548\*, 1562, 1563, 1566\*,  
1582\*  
4-6 2686\*  
4 888, 1102, 1122

5 1175\*, 1181, 1324, 1392  
6 1548\*  
8 1568  
13 1464\*, 1466\*  
15 1142\*  
16 1579\*, 1580\*

### **Hiển Chế Mục Vụ về Hội Thánh trong thế giới ngày nay (GS)**

2 2 421  
10 1958\*  
10 2 450  
12 1 358\*  
12 3 356  
12 4 383  
13 1 390\*, 401, 415, 1707  
13 2 1707  
14 1703  
14 1 346, 382  
14 2 33\*  
15 2 1704, 1711  
16 1 706, 1713, 1776, 1791, 1794, 1795  
17 1705, 1712, 1730, 2339  
17 1 1743\*  
18 1006, 1008, 1018  
18 1 33  
19-21 29\*  
19 1 27, 29, 2123  
19 3 2125  
20-21 676\*  
20 1 2124, 2126\*  
20 2 2124  
21 3 2126

21 7 2126  
22 1260, 1612\*, 2820\*  
22 1 359, 1701, 1710, 2783\*, 2799\*  
22 2 470, 470, 521, 618, 1701\*  
22 5 367\*, 618  
23 1 2419  
24 3 356, 3588, 1703, 1978\*  
25 1 1879\*, 1881, 1892, 2344  
25 2 1882\*  
26 1 1906, 1224  
26 2  
26 3 1912, 1907, 1908\*  
27 1 1931  
27 3 2322  
29 2 1935, 1936\*  
29 3 1938  
30 1 1916\*  
31 3 1915, 1917  
32 2820\*  
34 2427  
36 49  
36 2 159, 339  
36 3 308  
37 2 409  
38 520  
39 2820\*  
39 1 358\*, 1048  
39 2 1049  
39 3 1050  
40 2 854  
43 4 942  
43 6 853  
44 2 94\*  
45 2820\*

45 1 776  
45 2 450\*  
47 1 1603, 2210\*, 2250  
47 2 1603\*, 2387\*  
48 1251\*  
48 1 1603, 1627, 1639, 1646, 1652, 1660\*, 2364  
48 2 1535, 1639, 1642  
48 4 2227\*  
49 2 1645, 2334\*, 2362  
49 3 1632  
50 1 372\*, 1652, 1664  
50 2 2367, 2373\*  
51 3 2268\*, 2271, 2368  
51 4 2371  
52 1 1657, 2206  
52 2 2210  
58 4 2527  
62 7 94  
63 3 2424\*  
64 2426\*  
65 2424  
67 2 2434  
67 3 2184\*, 2194  
69 1 2404, 2408  
71 4 2406\*  
74 1 1906\*  
74 2 1902  
74 3 1901, 1902  
74 5 2242  
76 3 2245  
76 5 2246, 2420  
78 1-2 2304\*  
78 3 813  
78 5 2306\*

78 6 2317  
79 3 2311\*  
79 4 2308, 2312  
79 5 2310\*  
80 4 2314  
81 3 2329  
81 4 2307\*  
84 2 1911  
89 1 1955

## **CÁC CÔNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG VÀ THƯỢNG HỘI ĐỒNG**

(theo DS)

Công đồng Rô-ma  
179 120\*

Công đồng Carthago

Qui chế Hội Thánh cổ truyền  
325 650\*

Công đồng Orange II  
317-372 406\*  
397 1037\*

Thượng Hội Đồng Constanopoli  
409 1035\*  
411 1035\*

Công đồng Braga I  
455-463 299\*

Công đồng Tôlêđô IV  
485 633\*

Công đồng Tôlêđô VI  
490 245

Công đồng Latêranô  
503 496, 499\*  
504 476\*

Công đồng Tôlêđô XI  
525-541 192\*  
527 245  
528 255  
530 253, 254  
539 650\*

Công đồng Tôlêđô XVI  
571 499\*

Công đồng Rôma  
587 633\*

Công đồng Frioul  
619 503

Công đồng Quiercy  
624 605

**VĂN KIẾN**  
**CÁC ĐỨC GIÁO HOÀNG**

Đamasô I  
Thư gửi các giám mục Đông Phương

149 471\*

Innocent I

Thư " Si instituta ecclesiastica " ngày 19.3.416

216 1510\*

Lêo Cả

Thư "quam laudabiliter " ngày 21.7.447

284 247\*

286 299\*

Thư " lectis dilectionis tux " 13.6.449

291 499\*

294 499\*

Anatasiô II

Thư "In prolixitate epistolae" 497

359 650\*

Ômida

Thư " Inter ea quae" 26.3.521

369 650\*

Vigilô

Thư "Dum in sanctae" 5.3.552

4 15 233\*

Pela I

Thư " Humani generis " 3.2 . 557

442 499\*

Ghê-gô-ri-ô cả

Thư " Sicut aqua " năm 600

475 473\*

Ni-cô-la-ô I

Câu trả lời " Ad consulta vestra " 13.11.866

646 1256\*

Innôcentê III

Thư "Eius exemplo " 18.12.1208  
794 1576\*

Gio-an XXII  
Trọng sắc " Ne suoer bis " 3.12.1334  
990 1022\*

Biển Đức XII  
Tận hiến "Benedistus Deus " 29.1 1336

1000-1001 1022\*

1000 1023

1002 1022\*, 1035\*  
Giấy báo " Cum dudum " năm 1341

1011 633\*  
Thư " Super quibusdam " 29.9.1351  
1077 633\*  
PIô IV  
Trọng sắc " Iniunctum nobis " 13.11.1564

1862-1870 192\*  
Tông hiến "Cum quorumdam hominum" 7.8.1555

1880 499\*  
Pi-ô VI  
Đoản sắc " Quod aliquatum " 10.3.1791  
2109\*  
Pi-ô IX  
Trọng sắc " Ineffabilis Deus " 8.12.1854  
DS 2803 411\*, 491

Thông điệp " Quanta cura " 8. 12. 1864

2109\*

Lê-ô XIII

Thông điệp " Diuturnum illud" 29.6.1881

1898\*

Thông điệp " Immortale Dei " 1.11.1885

1898\*, 2105\*

Thông điệp " Libertas praestantissimum " 20.6.1888

1951, 1954, 2108\*

Pi-ô XI

Thông điệp " Quas Primas " 11.12 .1925

2105\*

Thông điệp "Casti connubii" 31.12 1930

2366\*

DS 3722 2297\*

Thông điệp " Quadragesimo anno " 15.3.1931

1883\*

Thông điệp " Divini Redemptoris " 19.3.1937

676\*

Pi-ô XII

Thông điệp " Summi pontificatus " 20.10.1939

360, 1939

Thông điệp " Mystici Corporis " 29. 6.1943

1119

DS 3808 797, 798

DS 3812 478\*

Tông hiến " Provida Mater " 2.2.1947

929

Thông điệp " Mediator Die " 20.9.1947

1548

Tông hiến " Sacramentum Ordinis " 30. 11. 1947

DS 3858 1573\*

Thông điệp " Humani generis " 12.8.1950

DS 3875 37

DS 3876 38, 1960

DS 3891 330\*, 367\*

DS 3896 366\*

DS 3897 390\*

Tông hiến "Munificentissimus Deus" 1. 11. 1950

DS 3093 966\*

Thông điệp " Haurietis aquas " 15.5.1956

DS 3924 478

Thông điệp " Fidei donum " 21. 4. 1957

1560

Diễn từ

1.6. 1941 1887, 1942, 2286

20.2. 1946 899

3. 9. 1950 2501

29.10. 1951 2362

6.12. 1953 2108\*

25.12. 1955 2501\*

Gio-an XXIII

Thông điệp " Mater et Magistra " 15. 5. 1961

60 1882

Thông điệp " Pacem in terris " 11. 4. 1963

35 1886

46 1897

51 1903

65 1930\*

Phao-lô VI Thông điệp " Mysterium fidei " 3. 9. 1965

1183, 1481

18 1381

39 1374  
56 1378  
Tông hiến "Indulgentiarum doctrina" 1. 1. 1967  
1471  
5 1474, 1475, 1477  
8 1478\*  
Thông điệp "Populorum progressio" 26. 3. 1967  
37 2372\*  
53 2315\*  
Kinh tin kính của dân Thiên Chúa : Bản tuyên xưng đức tin  
trọng thể 30.6. 1968  
192\*  
2 251  
8 327\*, 366\*  
9 265\*  
12 1035\*  
15 975  
16 419  
19 827  
20 182  
28 1005\*, 1052  
29 1053  
30 962  
Thông điệp " Humanae vitae " 25. 7. 1968  
11 2366  
12 2366, 2369  
14 2370  
16 1370\*  
23 2372\*  
Tông hiến " Divinae consortium naturae " 15. 8. 1971  
1212, 1288, 1300  
Tông Hiến " Sacram unctionem infirmorum " 30. 11. 1972

1513  
Tông Huấn "Marialis cultus " 2. 2. 1974  
42 971\*  
56 971  
Tông huấn " Evangelii nuntiandi" 8. 12. 1975  
31 2820\*  
48 1676\*  
53 843\*  
62 835  
63-64 1201\*  
73 910  
Diễn từ 5. 1 1964 tại Nadarét  
Giờ kinh phụng vụ, kinh sách lễ Thánh Gia  
533  
21.11.1964 963  
11.7. 1966 390\*  
22.6.1973 776  
14.12. 1975 838  
Gio-an Phao-lô II  
Thông điệp " Redemptor hominis " 4. 3. 1979  
11 519  
18-21 783\*  
Tông Huấn "Catechesi tradendae " 16.10.1979  
1 4\*  
2 4\*  
5 426,426  
6 427  
9 561  
13 7  
18 5,6\*  
20-22 23\*  
23 1074  
25 23\*  
29 1697\*

53 1204\*  
54 1676\*, 1676\*, 2688\*  
55 2688\*  
Thư " Dominicae cenae" về màu nhiệm và việc tôn sùng  
Thánh Thể 14.2 1980  
3 1380  
Thông điệp " Dives in misericordia " 30 - 11 - 1980  
14 2844\*  
Thông điệp " Laborem exercens " 14. 9. 1981  
6 2428\*  
7 2424\*  
11 2430\*  
18 2436\*  
19 2433\*  
22-23 2433\*  
27 2427\*  
Tông huấn " Familiaris consortio " 22. 11. 1981  
11 2331, 2361, 2392  
13 1642\*, 1643  
16 1620\*  
19 1644, 1645\*, 2387  
20 1648\*  
21 1656\*, 2204  
22 2334  
28 1653\*  
30 2366  
32 2370  
34 2343  
36 2221\*  
46 2211\*  
67 1622  
80 2391\*  
81 2390\*  
83 1649\*

84 1651, 2386\*  
85 1658  
Tông huấn " Reconciliatio et poenitentia " 2. 12. 1984  
16 408\*, 1869\*, 2850\*  
17 1857, 1863  
31 1469  
Thông điệp " Dominum et Vivificantem " 18. 5. 1986  
27-48 1433\*  
31 1848  
46 1864\*  
55 2516  
Thông điệp " Redemptoris Mater " 25. 3. 1987  
18 165  
Thông điệp " Sollicitudo rei socialis " 30. 12. 1987  
1 2422\*  
9 2438  
14 2437  
16 2440\*  
17 2438\*  
32 2441\*  
38-40 1939\*  
41 2422\*  
42 2406\*, 2442\*  
45 2438\*  
47 1929, 2442  
Tông thư "Mulieris dignitatem " 15. 8. 1988  
6 2334  
26-27 1577\*  
27 773, 773  
Tông thư " Vicesimus quintus annus " annus " 4. 12. 1988  
16 1205, 1206  
Tông huấn " Christifideles laici " 30. 12. 1988  
9 899  
16 3 828

17 3 828  
24 801\*  
Thông điệp " Redemptoris Missio " 7. 12. 1990  
11 851\*  
12-20 853\*  
21 852  
23 850\*  
42-47 854\*  
48-49 854\*  
50 855\*  
52-54 854\*  
55 856\*  
69 927, 931\*  
Thông điệp " Centesimus annus " 1. 5. 1991  
3 1896\*, 2421\*  
10 1939\*, 2425\*  
12 1882\*  
13 2425\*  
24 2423\*  
25 407\*, 1889, 2236\*  
26 2440\*  
28 2438  
29 2461\*  
31 2427\*  
32 2429\*  
34 2425, 2429\*  
35 2424\*, 2438\*  
36 1886, 2223  
37-38 2415\*  
37 2432\*  
40 2406\*  
41 1887\*  
43 1914\*  
44 1904, 2425\*

45 2244\*  
46 2244\*  
48 1883, 2406\*, 2431, 2433\*  
51 2441\*  
57 2444, 2444\*  
Diễn từ  
7.12.1985 10  
Văn kiện Hội Thánh  
Sách Giáo lý Rô-ma  
Lời mở đầu 10 25  
Lời mở đầu 11 24  
1 1 3 190  
1 1 4 191  
1 2 2 199, 200  
1 2 13 274  
1 5 11 598, 598  
1 6 3 633  
1 10 1 749  
1 10 20 770  
1 10 22 750\*  
1 10 24 947, 950  
1 10 27 952  
1 11 3 987  
1 11 4 979  
1 11 5 982  
1 11 6 1213  
2 5 18 1468  
2 5 21 1450  
2 5 4 1431\*  
3 2 4 2086  
3 3 7 2536, 2537  
Các Thánh bộ  
Thánh bộ giáo lý đức tin  
Thư gửi các giám mục nước Anh

16. 9. 1864  
DS 2888 811\*  
Sắc lệnh 19. 7 1944  
DS 3839 676\*  
Thư gửi Tổng Giám mục Boston  
8. 8. 1949  
DS 3866-3872 847\*  
Tuyên ngôn " Mysterium Ecclesiae " 24. 6. 1973  
3 2035  
Tuyên ngôn " Persona humana "  
29.12. 1975  
7 2391  
8 2357  
9 2352, 2352, 2352  
11 2349  
Tuyên ngôn " Inter insigniores "  
15. 10. 1980

1252\*  
Huấn thị " Libertatis conscientia " 22. 3. 1986  
13 1740  
68 2448  
Huấn thị " Donum vitae " 22. 2. 1987  
Dẫn nhập 2 2375  
Dẫn nhập 5 2258  
1 1 2270\*  
1 2 2274  
1 3 2275  
1 5 2275  
1 6 2275  
2 1 2376  
2 4 2377  
2 5 2377\*

2 8 2378

3 2273, 2273

Thánh bộ Giáo Sĩ

(giữ nguyên văn La tinh)

Directorium Catecheticum Generale

43 234

47 234

51 280

69 1056

Thánh bộ Nghi Lễ

Huấn thị " Eucharisticum myterium " 25. 5. 1967

6 1325

Thánh bộ Giáo dục

Sắc lệnh 27. 7. 1914 : thèses thomistes

DS 3624 318\*

Thượng Hội Đồng Giám mục

Bản Tổng Kết "Exeunte coetu secundo" 7. 12. 1985 II B a 4

10, 11

Hội Nghị Giám Mục

Văn kiện Puebla 1979

1676

GIÁO LUẬT

Qui định của các Tông Đồ

34 887\*

Bộ Giáo Luật

129 2 911

204 1 871, 1213\*

205 815\*

206 1 249\* 207 1 934

207 2 873, 934

208-223 1269\*

208 872  
212 3 907  
213 2037\*  
220 2477\*  
222 2043\*  
229 906\*  
230 1 903\*  
230 3 903  
290-293 1583\*  
330 880\*  
331 936  
336 883\*  
337 1 884  
368-369 833\*  
443 4 911  
463 1 911  
463 2 911  
492 1 911  
515 911  
515 1 2179  
517 2 911  
536 911, 911  
573 916\*, 925\*  
591 927\*  
603 1 920  
604 1 923, 924  
604 2 924\*  
605 919\*  
607 925\*  
654 2103\*  
692 2103\*  
710 928  
713 2 929  
731 1 930

731 2 930  
747 2032  
748 2 160\*  
751 817\*, 2089  
774 906\*  
776 906\*  
780 906\*  
783 931  
788 3 1249\*  
823 1 906\*  
835 4 902  
844 1462\*  
844 3 1399\*  
844 4 1401\*  
847 1 1513\*  
848 2122  
849 1213\*  
851 1233\*  
851 2 1233\*  
855 2156  
861 1 1256\*  
861 2 1256\*  
864 1246  
865 1233\*  
866 1233\*, 1298\*  
867 1250\*  
868 1233\*, 1251\*  
872-874 1255\*  
882 1313\*  
883 2 1312\*  
883 3 1307\*, 1314\*  
884 2 1313  
889 1 1306\*  
890 1306

891 1307\*  
893 1 1311\*  
893 2 1311\*  
914 1457\*  
916 1457\*  
919 1387\*  
920 1389\*, 2042\*  
961 1 1483\*  
961 2 1483\*  
962 1 1483\*  
967-969 1462\*  
972 1462\*  
976 1463\*  
982 2490  
983 1 2511  
986 1464\*  
988 2 1458\*  
989 1457\*, 2042\*

1003 1516\*  
1004 1 1514\*  
1005 1514\*  
1007 1514\*  
1012 1576\*  
1024 1577  
1055 1 1601, 1660\*  
1055 2 1617\*  
1056 2364\*  
1057 1 1626, 1628  
1057 2 1627\*  
1063 1632\*  
1071 1629\*  
1086 1635\*  
1095-1107 1629\*

1103 1628\*  
1108 1631\*  
1124 1635\*  
1125 1635\*  
1134 1638  
1141 1640\*, 2382  
1151-1155 1649\*, 2383\*  
1166 1667\*  
1168 1669\*  
1172 1673\*  
1176 3 2301\*  
1191 1 2102  
1196-1197 2103\*  
1199 1 2154  
1245 2181\*  
1246-1248 2042\*  
1246 2043\*  
1246 1 2177, 2177, 2192  
1247 2180, 2185\*, 2192, 2193  
1248 1 2180  
1248 2 2183  
1249-1253 1438\*  
1249-1251 2043\*  
1314 2272\*  
1323-1324 2272\*  
1331 1463  
1336 1,30.5 0 1583\*  
1338 2 1583\*  
1354-1357 1463  
1367 2120\*  
1369 2148\*  
1376 2 120\*

1388 1 1467

1398 2272

1421 2 911

Bộ Giáo Luật  
các Giáo Hội địa phương

675 1 1213\*

675 2 1269\*

677 1 1256\*

679 1246

681 1250\*

686 1 1250\*

695 1 1290\*

696 1 1290\*

708 2042\*

711 1457\*

719 2042\*

722 3-4 1462\*

725 1463\*

735 1464\*

738 1514\*

739 1 1516\*

744 1576\*

747 1576\*

867 1667\*

800-883 1438\*

880 3 2043\*

881 1 2042\*, 2043\*

881 2 2042\*

881 3 2042\*

881 4 2042\*, 2043\*

882 2043\*

1420 1463\*  
1431 1463\*  
1434 1463\*  
1456 1467

## PHỤNG VỤ

Nghi lễ La-tinh  
Sách lễ Rô-ma  
Qui chế tổng quát  
240 1390  
259 1182\*  
271 1184  
272 1184  
Lời nguyện dâng lễ

1333  
Tiền tụng  
Lễ Giáng Sinh 477  
Lễ Thăng Thiên 661  
Lễ Chúa Ki-tô Vua vũ trụ 2046  
Lễ các Tông Đồ 857,1575\*  
Lễ Các Thánh 2005  
Lễ cầu cho các tín hữu  
đã qua đời 1012  
" Thánh , Thánh, Thánh "  
335  
Lễ qui Rô-ma  
88 1037  
90 1353\*  
95 1333\*  
96 335\*, 1383, 1402  
97 1274  
Kính Tạ Ôn

III 116 1404  
IV 2818, 2852  
IV 118 55, 380  
Phân thêm sau kinh lạy cha 1404, 7260\*, 2854  
Lời nguyện hiệp lễ  
Chúa Nhật 26 277  
Chúa Nhật 32 1742  
Phụng vụ thứ sáu tuần thánh  
13 Cầu cho người Do Thái 63, 839  
Vọng Phục sinh  
18 Công bố Tin Mừng Phục Sinh 412, 831, 647  
24 Lời nguyện sau bài đọc I 349\*

26 Lời nguyện sau bài đọc III 528  
42 Làm phép nước rửa tội 1217, 1218, 1219, 1221  
Ca tiếp liên  
Lễ hiện xuống 2671\*  
Nghỉ lễ Rô-ma  
Nghỉ lễ khai tâm cho người lớn 1232\*  
Ghi chú 1-2 1212\*  
19 1248\*  
98 1248\*  
Nghỉ lễ Rửa Tội cho trẻ em  
62 1241\*  
Nghỉ lễ Rửa Tội cho người lớn 168  
Nghỉ lễ Thêm Sức  
Ghi chú 1 1285\*  
Ghi chú 2 1285\*  
Ghi chú 3 1309\*  
Ghi chú 5 1311\*  
Ghi chú 6 1311\*  
Nghỉ lễ Giải tội  
Công thức giải tội 1424, 1449

31 1484  
Nghỉ lễ Hôn Phối  
45 1627  
Làm Phép  
Làm phép dầu thánh 1299  
16 1669\*  
18 1669\*  
Nghỉ lễ thánh hiến trinh nữ  
Ghi chú 1 923  
Ghi chú 2 924  
Nghỉ lễ an táng 1686\*  
"Phó dâng" 1020  
"Xin các thiên thần" 335\*  
1 1689\*  
10 1690  
41 1688  
57 1689\*  
Các Giờ Kinh Phụng Vụ  
Dẫn nhập tổng quát  
7 2616\*  
9 2655\*  
100-109 2586\*  
Thánh Thi  
" O Lux beata trinitas " 257  
" Te Deum " 168  
" Veni, Creator Spiritus " 291, 700  
" Vexilla Regis " 550, 617  
Tiền xướng  
Tiền bát nhật lễ Giáng Sinh 526  
Kinh sáng ngày 1.1 469  
  
Kinh chiều II Lễ Hiện Linh 528\*  
Thánh Ca  
Kinh chiều thứ bảy 461\*

Lời nguyện  
Kính "Kính mừng" 1014, 2676,  
2677  
"Tiệc Thánh" 1402  
"Chúa Thánh Thần" 2671  
Kính cầu Các Thánh 1014  
Phụng Vụ Đông Phương  
Phụng vụ  
Thánh Gio-an Kim Khẩu  
"Thánh Thi Kêrubim" 335\*  
Kính Tạ Ôn 42, 1137  
Chuẩn bị Hiệp Lễ 1386  
Phụng Vụ Bizantin 1166  
Tiền tụng  
Tân Phong Giám Mục 1541  
Lời nguyện  
phong chức phó tế 1543  
Lời nguyện  
phong chức Linh Mục 1542  
Đoản Ca  
" O monoghenis" 469  
Lễ " Đức Mẹ An nghỉ "  
15.8 966  
Lễ Phục Sinh 638  
Kính đêm Chúa nhật II 703  
Kính chiều  
Lễ Hiện Xuống 291,732,  
2671  
Kontakia  
Lễ Hiện Dung 555  
De Romanos le Mélode 525  
Euchlogion  
Formules d'aboslution 1481  
Prière d'ordination 1587

Phụng vụ Syria  
Antioche, epiclèse de la consécration du saint chrême 1297  
Fanpith  
Office syriaque d'Antioche, vol.  
6, la partie de l'été, p.193b 1167  
Office syriaque d'antioche, volume 1, commun, 237a-b 1391

## CÁC NHÀ VĂN KI-TÔ GIÁO

A.A

Ancienne homélie  
pour le Samedi Saint  
PG 43, 440 A. 452  
CLH, off. lect. du  
Samedi Saint 635  
constitutiones apostolorum  
7 24 1 2760  
8 13 12 1331

## Diache XII Apostolorum

1 1 1696  
2 2 2271  
8 2 2760  
8 3 2767  
9 5 1331  
10 6 1331, 1403  
Epître à Diognète  
5 5 2240, 2271\*  
5 8-9 2796  
5 10 2240  
6 10 2240  
Imitation du Christ  
1 23 1 1014  
sermo de die dominica  
PG 86/1, 416C.421C 2178

Thánh An-phong Liguori  
del gran mezzo della preghiera 2744  
Thánh Am-rô-xi-ô  
epistulae  
41 12 PL 16,1116B 1429  
expositio evangelii secundum Lucam  
2 85-89 PL 15,1583-1586 766\*  
10 121 PL 15, 1834A 1025  
de mysterus  
7 42 PL 16, 402-403 1303  
9 50.52 PL 16, 405-406 1375  
de officiis ministrorum  
1 88 PL 16, 50A 2653  
de poenitentia  
134 PL 16, 477A 893

expositio Psalmi CXVIII  
1430 PL 15, 1403A 908  
enarrationes in Psalmos  
1 9 PL 14, 924  
LH, off. lect. semaine 10, samedi 2589  
de sacramentis  
2 6 PL 16,425C 1225  
4 7 PL 16, 437D1 383  
4 28 PL 16, 446A 1393  
5 7 PL 16, 447C 1383  
5 19 PL 16, 450C 2783  
5 26 PL 16,453A 2836  
5 30 PL 16, 454AB 2852  
explanatio symboli  
1 PL 17, 1155C 197  
7 PL 17, 1158D 194  
8 PL 17, 1158D 191\*  
de viduis

23 PL 153,255A 1349  
de virginitate  
18 118 PL 16,297B 845  
Thánh An-xen-mô  
proslogion  
procroem PL 153,225A 158  
Aristide  
apologia  
16 6 760\*  
Thánh A-tha-na-si-ô thành Alexandria  
epistula festivalis  
329 PG 26,1366A 1196  
epistulae ad Serapionem  
1 24 PG 26,585B 1988  
de incarnatione  
54 3 PG 25,192B 460  
Thánh Âu-tinh 695  
de catechizandis rudibus  
3 5 281\*  
4 8 2539  
de civitate Dei  
10 6 1372, 2099  
14 7 1766  
14 28 1850  
18 51 769  
19 13 2304  
19 19 2185  
22 17 1118  
22 30 1720, 2550  
confessiones  
1 1 1 30  
2 4 9 1958  
3 6 11 300  
6 11 20 2520

7 7 11 385  
9 6 14 1157  
9 11 27 1371  
10 20 29 1718  
10 28 39 45  
10 29 40 2340  
13 36 2002  
13 51 2002  
enchiridion de fide, spe et caritate  
11 3 311  
epistulae  
98 5 PL 33,362 1274  
130 8 17 PL 33,500 2737  
130 12 22 PL 33,502 2762  
187 11 34 PL 33,845 774  
in espitulam Johannis ad Partbos tractatus  
1 6 1863  
8 9 1779  
10 4 1829  
in evangeliumJohannis tractatus  
5 15 1584  
12 13 1458  
21 8 795  
26 6 13 1398  
72 3 1994  
80 3 1228  
contra Faustum manichaeum  
22 27 PL 42, 418 1849  
1871  
de fide et symbolo  
10 25 PL 40, 196 2518  
contra epistulam Minichaei quam vocant fundamenti  
5 6 PL 42,176 119  
de Genesi contra Manichaeos

1 2 4 PL 35, 175 338\*  
de gratia et libero arbitrio  
17 PL 44, 901 2001  
quaestiones in Heptateuchum  
2 73 PL 34, 623 129  
de libero arbitrio  
1 1 1 PL 32, 1221-1223  
311\*  
de mendacio  
4 5 PL 40, 491 2482  
de moribus ecclesiae catholicae  
1 3 4PL 32, 1312 1718  
1 2546 PL 32, 1330-1331  
1809  
de natura et gratia  
31 PL 44, 264 2001  
enarratio in Psalmos  
5 7 1 1962  
6 2 16 2628  
72 1 1156\*  
74 4 796  
85 1 2616  
88 2 5 996  
102 7 2005  
103 1 15 329  
103 4 1 102  
de diversis quaestionibus octoginia tribus  
64 4 PL 40,56 2560\*  
de sermone Domini in monte  
1 1 3 PL 34, 1232 2547  
1 1 PL 34, 1229-1231 1966  
2 4 16 PL 34, 1276 2785  
2 5 17 PL 34, 1277 2794  
2 6 24 PL 34, 1279 2827

2 45 19 PL 34, 1278 2149  
sermones  
18 4 4 PL38, 130-131 1039  
33 2 2 PL 38,208 2067  
43 7 9 PL 38, 258 158  
52 6 16 PL 38, 360 230  
56 6 9 PL 38, 381 2559\*  
57 7 7 PL 38, 389 2837  
58 11 13 PL 38, 399 1064  
78 6 PL 38, 492-493 556  
96 7 9 PL 38, 588 845  
169 11 13 PL 38, 923 1847  
186 1 PL 38, 999 510  
213 8 PL 38, 1064 983  
214 11 PL 38, 1071-1072 981  
241 2 PL 38, 1134 32  
267 4 PL 38, 1231D 797  
272 PL 38, 1247 1396  
298 4-5 PL 38, 1367 2009  
de Trinitate  
8 3 4 1766\*  
14 15 21 1955  
15 26 47 264  
de sancta virginitate  
3 PL 40, 398 506  
6 PL 40, 399 963  
Bác-na-ba  
epistula  
4 10 1905  
19 5 2271\*  
Thánh Baxiliô cả  
adversus Eunomium  
3 1 PG 29, 656B 336  
moralia

règle 73 PG 31, 849D-853B 2384\*

regulae fusius tractatae

prol. PG 31, 896B 1828

liber de Spiritu sancto

15 36 PG32, 132 163, 736

18 45 PG 32, 149C 2132

26 62 PG 32, 184A 2684

Thánh Biển Đức

regula

20 2834\*

43 3347

48 2834\*

Thánh Bênađô

in Canticum sermones

27 14 PL 183, 920D 771

holimia super missis est

4 11 PL 183, 86B 108

Thánh Bonaventura

in libros sententiarum

2 1 2 21 293

4 37 1 3 2071

Thánh Catarina thành Siêna

dialogi

1 7 1937

4 13 LH, t.o.sem. 19,

dimanche, off. lect. 356

4 138 313

Thánh Cêsariô

expositio symboli (sermo 9)

CCL 103, 48 232

Thánh Cêsaria

à Ste RRichilde et Ste Radegonde

Sources chrétiennes 345,480 127

Cicêrô

la république  
3 22 33 1956  
Clémentê thành Alexandria  
paedagogus  
1 6 760, 813  
Thánh Clémentê Thành Rôma  
epistula ad Corinios  
7 4 1432  
42 861\*  
42 4 1577  
44 861\*  
44 3 1577  
61 1-2 1900  
Thánh Cyprianô thành Cathago

1290  
de Dominius oratione  
9 PL 4, 525A 2782  
11 PL 4, 526 B 2784  
12 PL 4, 526A-527A 2813  
13 PL 4, 527C-528A 2816  
21 PL 4, 534A 2830  
23 PL 4, 535C-536A 810, 2845  
epistulae  
56 10 1 PL 4, 357B 1028  
de catholicae unita  
PL 4, 503A 181  
Thánh Cyrillô thành Alexandria  
in Lucam  
22 19 PG 72,921B 1381  
commentarius in Joannem  
12 PG 74, 560-561 738  
Thánh Cyrillô thành Giêrusalem

catecheses silluminandorum

5 12 PG 33,521-524 186

18 29 PG 33, 1049

LH, t. o. sem. 17.

jeudi, off. lect. 1050

catecheses mystagogicae

3 1 PG 33, 1088A 2782

5 9 1371

5 10 PG 33, 1116B-1117A 1371

5 11 PG 33, 1117B 2794

5 13 PG 33, 1120A 2819

5 18 PG 33, 1124A 2856

Thánh Đa minh

Jourdain de Saxe, libellus de principiis Ordinis  
praedicatorum

93 956\*

CHÂN PHÚC ELISABÉT CHÚA BA NGÔI

prière 260

THÁNH EPIPHAN

panarion seu adversus LXXX haereses

1 1 5 PG 41, 181C 760\*

ETHÉRIE

peregrinatio ad loca sancta

46 PLS 1, 1047 281\*

ÉVAGRE LE PONTIQUE

capita practica ad Anatolium

49 PG 40, 1245C 2742

de oratione

34 PG 79,1173 2737

FAUSTUS DE RIEZ

de Spiritu Sancto

1 2 CSEL 21, 104 169

THÁNH PHANXICÔ ASSISI

cantique des créatures 344, 1014

admonitio

5 3 598

THÁNH PHANXICÔ ĐỒ XAN

iraité de l'amour de Dieu

8 6 1974

THÁNH FULGENICÔ

contra gesta Fabiani

28 16-19 CCL 19A. 813-814

LH, sem. 28, lundi,

off. lect 1394

THÁNH GHÊGÔRIÔ CẢ

dialogi

4 39 1031

homiliae in Ezechielem

1 7 8 PL 76,843D 94

moralia in Job

praef. 1,6,4PL 75,525A 795

31 45 PL 76, 621 2539

31 45 PL 76, 621A 1866

regula pastoralis

3 21 1446

THÁNH GHÊRÔRIÔ THÀNH NAZIANZE

orationes theologiae

1 4 PG 36, 16B 2679

5 26 PG 36, 161C 684

5 28 PG 36, 165C 2670

orationes

2 71 PG 35, 480B 1589

2 73 PG 35, 481A 1589

2 74 PG 46, 481B 1589

16 9 PG 35, 954C 2565

39 17 PG 36, 356A 980

40 3-4 PG 36, 361C 1216

40 9 PG 36, 369B 537

40 41 PG 36, 417 256  
THÁNH GHÊRÔRIÔ THÀNH NYSSE  
orationes de beatitudinibus  
1 PG 44, 1200D 1803, 2546  
6 PG 44, 1265A 2548  
homiliae in Canticum  
8 PG 44, 941C 2015  
oratio catechetica  
15 PG 45, 48B 457  
16 PG 45, 52B 625  
homiliae in orationem dominicam  
2 PG 44, 1148B 2784  
in Christi resurrectionem  
1 PG 46, 617B 650  
de Spiritu sancto  
3 1 PG 45, 1321A-B 690  
de vita Mosis  
PG 44, 300D 2028  
GUIGUE LE CHARTREUX  
scala claustralium  
PL 184, 476C 2654\*  
HERMAS  
mandata pastoris  
2 1 2517  
visiones pastoris  
2 4 1 760  
THÁNH HILERIÔ  
in evangelium Matihaei  
2 PL 9,927 537  
THÁNH HIPPOLITÔ  
de paschate  
1-2 1165  
traditio apostolica  
3 1586

8 1596\*  
21 1291\*,1301\*  
35 749  
HUGUES DE SAINT-VICTOR  
de arca Noe  
2 8 PL 176, 642C 134  
THÁNH INHAXIÔ ANTIOKIA 2837  
epistula ad Ephesios  
19 1 498  
20 2 1331, 1405  
epistula ad Magnesios  
6 1 1549\*  
9 1 2173  
epistula ad Romanos  
1 1 834  
4 1 2473  
6 1-2 1010, 2474  
7 2 1011  
epistula ad Smymaeos  
1-2 496  
8 1 896, 1369  
8 2 830  
epistula ad Trallianos  
3 1 1549, 1554, 1593\*  
THÁNH INHAXIÔ LOYOLA  
exercices spirituels  
22 2478  
38 2164  
104 2715\*  
THÁNH IRÊNÊ  
demonstratio apostolica  
3 1274  
7 683  
11 704

100 190  
adversus haereses  
1 10 1-21 73, 174  
2 22 4 518\*  
2 30 9 292  
3 3 2 834  
3 17 1 53\*  
3 18 1 518  
2 30 9 438  
3 3 2518  
3 19 1460  
3 20 253  
3 22 4494  
3 24 1175, 797  
4 4 3 1 730  
4 12 453\*  
4 15 1 1964, 2070  
4 16 3-4 2063  
4 18 4 1350  
4 18 4-5 1000  
4 18 5 1327  
4 20 1 292  
4 20 5 1722  
4 20 7 294  
4 21 3 53\*  
5 20 1 174  
5 32 1 1047

THÁNH ISAAC THÀNH NINIVÊ  
tractatus mystici, editio Bedjan  
66 2717  
THÁNH GIO-AN CASSIANÔ  
collationes

9 18 PL 49, 788C 2785  
THÁNH GIO-AN KIM KHẨU  
sermones de Anna  
4 5 PG 54, 666 2744  
eclogae ex diversis homiliis  
2 PG 63,583A 2700  
2 PG 63, 585A 2743  
homilia in illud "Angusta est porta" et de oratione domini  
PG 51, 44B 2784  
homiliae in Matthaeum  
19 4 PG 57, 278D 2768  
19 5 PG 57, 280B 2825  
homiliae in ad Romanos  
73 PG 60, 445 2540  
homiliae in primam ad Corinthios  
27 4 PG 61,229-230 1379  
41 5 PG 61,361C 1032  
homiliae in secundam ad Corinthios  
28 3-4 PG 61,594-595 2538  
homiliae in ad Ephesios  
20 8 PG 62,146-147 2365  
de incomprehensibili dei natura seu contra Anomaeos  
3 6 PG 48, 725D 2179  
in Lazarum  
1 6 PG 48, 992D 2446  
de prodicione Judae  
1 6 PG 49, 380C 1375  
de sacerdotio  
2 4 PG 48, 635D 1551  
3 5 PG 48, 643A 983  
sermones in Genesim  
2 1 PG54,587D-588A 358  
de virginitate  
10 1 PG 48,540A 1620

THÁNH GIO-AN THÁNH GIÁ 2717

subida del monte Carmelo

2 22 LH, off.lect., Avent

sem. 2, lundi 65

dichos de luz y amor

64 1022

llama de mor viva

696\*

strophe 3 2690

THÁNH GIO-AN ĐAMASÔ

de fide orthodoxa

2 4 PG 94, 877C 393

3 24 PG 94, 1089D 2559,2590

3 27 PG 94, 1098A 626

4 2 PG 94, 1104C 663

4 13 PG 94, 1142A 1106

de sacris imaginibus orationes

1 16 PG 96, 1245A 1159

1 27 PG 94,1268AB 1162

THÁNH GIO-AN EUDES

tractatus de admirabili corde Jesu

1 5 LH, off. lect. du

19 aout 1698

tractatus de regno Jesu

LH, t.o. 33 vendredi,

off. lect. 521

THÁNH GIO-AN MA-RI-A VI-A-NÊ

Nodet, B, Jean-Mariae Vianney, Curé d'Ars

100 1589

prière 2658

THÁNH GIO-AN THÀNH ARS

dictum 223, 435

actes du prosèc 795, 2005  
THÁNH GIÊRÔMIÔ  
commentarii in Ecclesiasten  
10 11 PL 23,1096 1456  
commentariorum in Isaiam libri xviii  
prol. PL 24, 17B 133  
in die dominica paschae homilia  
CCL 78, 550,52 1166  
JULIAN OF NORWICH  
revelation of Divine Love  
32 313  
THÁNH GIÚT-TI-NÔ  
apologiae  
1 61 12 1216  
1 65 1345  
1 66 2-1 1355  
1 67 1345, 1274  
1 67 6 1351  
2 7 760\*  
dialogus cum Tryphone Judaeo  
11 1 2085  
99 7 498\*  
THÁNH LÊ-Ô CẢ  
sermões  
4 1 PL 54, 149 786  
4 3 PL 54, 151 424\*  
21 2-3 PL 54, 192A  
LH, off. lect. de  
Noel 469\*, 1691  
23 PL54, 224B  
LH, off. lect.  
de l'Epiphanie 528  
51 1 PL 54, 309B 424\*  
51 3 PL 54, 310C 568\*

62 2 PL 350C-351A 424\*  
73 4 PL 54,396 412  
74 2 PL 54, 398A 1115  
83 3 PL54, 432A 424\*  
THÁNH MAXIMÔ  
ambiguorum liber  
PG 91, 1156C 398  
opuscula theologica et polemmica  
PG 91, 137-140 834  
quaestiones et dubia  
66 PG 90, 840A 473  
JOHN HENRY NEWMAN  
apologia pro vita sua  
157  
lettre au Duc de Norfolk 5 1778  
disc. to mixed congreg  
5 sur la sainteté 1723  
par. pl. ser.  
5 2 pp 21-22 2144  
NICÉTAS  
explantio symboli  
10 PL 52, 871B 946  
THÁNH NICOLAÔ DE FLUE .  
prière 226  
ORIGÊNÊ  
homiliae in Exodum  
4 5 137  
8 1 2061  
hommiliae in Leviticum  
5 5 113  
homiliae in Ezechielem  
9 1 817  
contra Celsum  
1 32 498\*

1 69 498\*

2 40 1214

de oratione

12 2745

26 2825

29 2847

THÁNH PHÊ-RÔ KIM NGÔN

sermones

71 PL 52, 401CD 2777

71 PL 52, 402A 2814

71 PL 52, 402D 2837

117 PL 52, 520B

LH, t. o. sem. 29

samedi, off.lect. 359

THÁNH PÔLYCARPÔ

epistula ad Pbilippenses

5 2 1570\*

martyrium Polycapi

14 2-3 2474

17 957

Prosper d'Aquitaine

epistuae

217 PL 45, 1031 1124

THÁNH RÔ-SA THÁNH LI-MA

vita mirabilis (P.Hansen, louvain 1668 )

681, 2449

THÁNH SYMÊON THÀNH THÊXALÔNICA

de ordine sepulturae

PG 155, 685B 1690

TERTULIANÔ

apologeticus

9 2271\*

50 852  
adversus Marcionem  
1 3 228  
2 4 1951  
de oratione  
1 2761, 1774  
3 2779, 1814  
5 2817  
10 1761  
de paenitentia  
4 2 1446  
de resurrectione carnis  
1 1 991  
8 2 1015  
ad uxorem  
2 9 1642  
THÁNH THÊOPHILÊ  
ad Autolyicum  
2 4 PG 6, 1052 296  
THÁNH TÊ-RÊ-XA HÀI ĐỒNG GIÊ-SU  
manusrits autobiographiques  
A 83v 127  
B 3v 826  
C 25r 2558  
acte d'offrande à l'Amour miséricordieux

2011  
novissima verba 956, 1011  
THÁNH TÊ-RÊ-XA CÁ  
camino de perfeccion  
26 2704  
exclamaciones del alma a Dios  
15 3 1821  
poesias

30 227  
libro de la vida  
1 1011  
8 2709  
THÁNH TÔ-MA AQUINÔ  
compendium theologiae  
1 2 184  
collationes in decem praeceptis  
1 1955  
6 1759  
in ad Hebraeos  
7 4 1545  
quaestiones disputae de malo  
4 1 404  
opusculum  
57 infesto Corp. Chr. 1460  
expositio in Psalmos  
21 11 112  
summa contra gentiles  
1 30 43  
3 71 310\*  
s umma theologiae  
1 1 1 38\*  
1 1 10 ad 1 116  
1 2 3 34  
1 25 5 ad 1 271  
1 25 6 310\*  
1 114 3 ad 3 350  
1-2 24 1 1767  
1-2 24 3 1767\*  
1-2 26 4 1766  
1-2 71 6 1849  
1-2 79 1 311\*  
1-2 88 2 1856

1-2 90 1 1951  
1-2 90 4 1976  
1-2 93 3 ad 2 1902  
1-2 107 1 ad 2 1964  
2-2 1 2 ad 2 170  
2-2 2 9 155  
2-2 4 1 163\*  
2-2 47 2 1806  
2-2 64 7 2263, 2264  
2-2 81 3 ad 3 2132  
2-2 83 9 2763, 2774  
2-2 109 3 2469  
2-2 109 3 ad 1 2469  
2-2 122 4 2176  
2-2 158 1 ad 3 2302  
2-2 171 5 obj.3 157  
2-2 184 3 1973\*  
3 1 3 ad 3 412  
3 22 4 1548  
3 30 1 511  
3 45 4 ad 2 555, 556  
3 48 2 ad 1 795  
3 51 3 627  
3 60 3 1130  
3 64 2 ad 3 1118\*  
3 65 1 1210\*  
3 65 3 1211  
3 68 8 1128  
3 71 4 ad 3 904  
3 72 5 ad 2 1305  
3 72 8ad 2 1308  
3 73 3 1374  
3 75 1 1381  
in libors sententiarum

2 prol 293  
expositio in symbolum apostolicum  
1 1718  
10 947  
Hymne " Adoro te devote " 1381  
THÁNH TÔ-MA MORE  
Thư trong tù  
Lễ nhớ thánh Tô-ma More  
22-6 kinh sách 313

## CÁC ĐỀ TÀI

### A Æ Â

A-BEN (Abel): 58, 401, 769  
A-ĐAM (Adam): 359, 375, 388, 399tt, 504tt, 518, 532, 536tt, 635, 655, 766, 769, 1167, 1263, 1736, 2361.  
Á BÍ-TÍCH (các)(Sacramentaux): 1076, 1667tt, 1683 tt.  
AN ỦI (Đấng) (Consolateur): 692, 719, 1433, 1848, 1671.  
AN ỦI (Đấng) (Paraclet): 243, 388, 692.  
A-NA-PHO / TIỀN DÂNG (kính) (Anaphore): 1352tt, 2770.  
ÁP-RA-HAM (Abraham): 59tt 63, 144tt, 165, 332, 422, 527, 590, 633, 705tt, 762, 81, 1080, 1221, 1222, 1541, 1716, 1819, 2569tt, 2635, 2676, 2810.  
ÁC (điều, sợ) (Mal): 29, 164, 272tt, 309tt, 385, 677, 978, 998, 1427, 1777, 1789tt, 1850, 1889, 1933, 1950, 1962, 2148, 2302, 2362, 2379, 2539, 2568, 2750, 2850tt.  
AN-TÁNG (lễ) (Funérailles): 1261, 1570, 1680tt.  
ÁN PHẠT (bị) (Damnation): 633, 998, 1037, 1039, 1453.  
ÁN PHẠT, LÊN ÁN (sự) (Condamnation): 402, 1034, 1385, 1753, 1899, 1992.  
ÁNH SÁNG (Lumière):- của đức tin: 26, 89, 157, 298, 2730;

- của lý trí: 36tt, 156tt, 286;
- của thế giới bên kia: 163,1027;
- Thiên Chúa: 214, 234, 242, 257, 299, 1704, 2684, 528tt,
- Chúa Ki-tô: 129, 242, 528tt, 554, 719, 748, 1166, 1202, 1216, 1371, 2665, 2715;
- biểu tượng của ánh sáng: 697, 1147;
- con cái của ánh sáng: 736, 1216, 1695;
- ánh sáng của thế gian: 782, 243, 2105,2466;
- Lời Thiên Chúa: 1785, 1962;
- ẢNH/ ẢNH THÁNH (Image/ Icône): 476, 1159tt, 2130tt, 2691, 1705
- AB-BA, CHA (Abba): 638, 742, 1303, 2605, 2766, 2777.
- ĂN NĂN (Sự) (Contrition): 1448, 1451tt, 1480.
- ÂM NHẠC (MUSIQUE): 1156tt.
- ÂM PHỦ (SHÉOL): 633.
- ÂM PHỦ / ĐỊA NGỤC (Enfer): 834, 1033tt, 1861;
- xuống âm phủ: 521, 624, 627tt.
- ÂN NGHĨA / TINH BẠN (Amitié) ): 277, 355, 374, 396, 1023, 1030, 1395, 1468, 1865, 1939, 2010, 2347, 2359, 2480.
- ÂN SÙNG (Grace): 1996tt.
- hồng ân: 16, 35, 54, 265, 277, 312, 357, 386, 405, 774, 1697, 1722, 1810, 1861, 1949, 2185, 2541, 2713;
- nguyên thủy: 375tt, 399, 412;
- của Mẹ Ma-ri-a: 490tt, 721tt, 966;
- và tự do: 600, 678, 1021, 1081;
- công chính hóa: 654, 727, 987, 1266, 1987tt ;
- và các thừa tác vụ : 875, 893, 904, 910, 1084, 1121tt, 1167, 1262, 1303, 1558, 1641, 1670;
- và đức tin: 53, 210, 308, 424, 644.
- ÂN XÁ (các) (Indulgences): 1032, 1471tt;
- ÂN TÍNH (Caractère) : 698, 1121, 1273, 1304tt, 1558, 1563, 1570, 1581tt.
- ÂU YẾM (sự) (Tendresse) : 210tt, 239, 295, 1611, 2335.

## **B**

**BA-BEN** (tháp) (Babel): 57.

**BA NGÔI THIÊN CHÚA** (Trinité) : 232tt, 292.

**BÁC ÁI, ĐỨC MẾN** (Charité) : 16, 25, 162, 735tt, 768, 791, 798, 800, 815, 826, 864, 915, 826tt, 953tt, 1070, 1109, 1248, 1259, 1323, 1394tt, 1466, 1570, 1654, 1695, 1699, 1709, 1740, 1769, 1789, 1794, 1814, 1822tt, 1855tt, 1889, 1931, 1932, 1965tt, 1991, 1997, 2010tt, 2038, 2054, 2067, 2090, 2093tt, 2156, 2179, 2196, 2198, 2205, 2239, 2306, 2346, 2447, 2473, 2545, 2614, 2718.

**BÁCH HẠI** (sự, cuộc) (Persécution): 520, 530, 675, 769, 1435, 1808, 1816.

**BÀI CA** (Chant): 333, 1156tt.

**BÀN / BẢNG** (Table) :

- bảng mười giới răn: 2056tt;

- bàn tiệc của Chúa / bàn tiệc Lời Chúa: 103, 545, 1182, 1339, 1346.

**BÀN THỜ** (Autel) : 1181tt, 1383, 2570, 2655.

**BẠN HỮU** (Ami) : 142, 1567, 1972, 2063, 2665.

**BẢN TÍNH** (Nature):

- con người: 335tt, 405tt, 457tt, 503, 612, 654, 1008, 1050, 1210, 1250, 1366, 1426, 1603, 1607, 1707, 1849, 1879, 1882, 1898, 1911, 1934, 2104tt, 2273, 2418, 2516, 2702;

- thần linh: 51, 200, 202, 245, 253tt, 460tt, 503, 650, 1212, 1265, 1691, 1692, 1721, 1812, 1988, 1996, 2009.

- thụ tạo, môi trường: 310, 338, 341, 385, 447, 625, 978, 1006, 1375, 1976, 1884, 2440.

**BẢN THỂ / BẢN TÍNH** (Substance): 200, 202, 241, 245, 251tt, 296, 465, 1356, 1376, 1400, 2502.

**BÁNH** (mì)(Pain): 103, 1000, 1094, 1106, 1329, 1333tt, 1375tt.

**BÁNH KHÔNG MEN (Azymes) :** 1334, 1339.  
**BẠO LỰC (Violence):** 5559, 1628, 1735, 1746, 1851, 1858, 1869, 1889, 1902, 1930, 2187, 2206, 2264, 2297, 2306, 2316, 2358, 2402, 2414, 2435, 2486, 2534.  
**BẢO CHỨNG (Gage):** 346, 994, 1303, 1405, 1781, 1813, 2360, 2449.  
**BẢO TRỢ (Đấng) (Paraclet):** 243, 388, 692.  
**BẢO VỆ / CẢM ĐOÁN (sự) (Défence):** 39,1435,1910,1929,2240;  
 - tự bảo vệ chính đáng: 2263tt, 2306, 2308tt.  
**BÀY TỎ (sự) (Manifestation):** 639, 2101, 2351, 2469;  
 - sự bày tỏ của Thiên Chúa: 66, 294, 486, 528tt, 649, 660, 671, 602, 607, 727, 812, 865, 951, 1224, 2519, 2602.  
**BẬC / TÌNH TRẠNG (E<151 ) tat):**  
 - cuộc đời : 375, 398, 645, 825, 897, 914tt;  
 - chánh trị: 1883, 1904, 1910, 2113, 2273, 2372, 2431.  
**BẤT BÌNH ĐẲNG (Inégalités) :** 340, 1938, 2317.  
**BẤT CÔNG (Injustice):** 549, 1040, 1740, 1867, 1869, 2227, 2269, 2317, 1381, 1412, 1434, 2534, 2536.  
**BẤT HỦ / KHÔNG HỦ NÁT (Icorruptible) :** 997, 999, 1228.  
**BẤT KHẢ ĐOẠN TIÊU (tính) (Indissobilité ):** 1610tt, 1615, 1643, 1644tt  
**BẤT KHẢ NGỘ / KHÔNG THỂ SAI LẦM (Ifaillibilité):** 889tt, 2035.  
**BẤT TUÂN (Désobéissance):** 397tt, 489, 532, 614tt, 1733, 1850, 2515.  
**BẤT TỬ (tính) (Immortalité) :** 999, 1405, 2347, 2837.  
**BẤT TRI (thuyết) (Agnosticisme):** 2127tt.  
**BẤT TRUNG (Infidélité ) :** 64, 211, 218tt, 401, 710, 1606, 2380, 2464.  
**BẺ BÁNH (sự) (Fraction) (du pain):** 84, 942, 1329, 1342, 1355, 1377, 2624.

BÈN CẠNH (người)/ THÂN CẬN (người) (Prochain): 307, 575, 582, 678, 952, 1033, 1434, 1495tt, 1658, 1706, 1752, 1789, 1807, 1822, 1825, 1849, 1889, 1931tt, 1962, 1974, 2041, 2052, 2055, 2067, 2072, 2100, 2117, 2196tt, 2212, 2281, 2284, 2302tt, 2346tt, 2401, 2407, 2415, 2447, 2514, 2536tt.

BÈN ĐỒ / VỮNG VÀNG (sự) (Persévérance): 159, 162, 1810, 2016, 2573, 2729, 2850.

BỆNH / ĐAUBỆNH (Malade / maladie): 457, 1456, 1502tt, 1737, 2279, 2405;

BÍ TÍCH (Sacrement): 309, 515, 556, 671, 698, 774, 790, 798, 833, 837, 875, 893, 947, 950, 980, 1113tt, 1692, 1811, 1966, 1972, 2003, 2014, 2030tt, 2120, 2122, 2625, 2839;

- bí tích Giáo hội: 738tt, 766, 774tt, 849, 932, 1045, 2305.

BÍ TÍCH (có tính) (Sacramental) : 3, 876tt, 1087, 1092, 1106, 1120, 1122, 1136, 1271tt, 1364, 1380, 1390, 1468, 1538, 1554, 1568, 1622.

BIẾN CỐ (Evènement) : 269, 2422, 2651, 2660.

BIẾN ĐỔI BẢN THỂ (sự) (Transsubstantation): 1373tt.

BIỆT PHÁI (người) (Pharisiens) : 477, 535, 574tt, 595, 993, 1481, 2054, 2286, 2613.

BIỂU TƯỢNG (Symbole):

- thực tại ngôn ngữ: 188, 375, 894tt, 753tt, 1100, 1145tt;

- Kinh Tin Kính của các tông đồ / Kinh Đức Tin: 167, 185tt.

BÌNH AN / HÒA BÌNH (Paix): 2302tt.

BÌNH DÂN / QUẦN CHÚNG (Populaire): 1158, 1674, 1686, 2678.

BÌNH ĐẲNG (sự) (ÉGALITÉ): 369, 872, 1935, 2273, 2377.

BỎ ĐẠO / CHỐI ĐẠO (Apostasie): 675, 817, 2089, 2577.

BỎ QUA / THIẾU SÓT (Omission): 1853, 2277, 2284.

BÓC LỘT / KHAI THÁC (Exploitation) : 2117, 2441.

BÓI TOÁN (Dination) : 2115tt.

BỒ CẦU (Colombe) : 535, 701

BỔ THÍ (Aumône): 575, 1038, 1434, 1438, 1753, 1969, 2101, 2447.  
BỒI THƯỜNG / ĐÈN BỒI (Réparation): 616, 2302, 2409, 2412, 2487.  
BỘI THỀ / LỖI LỜI THỀ (Parjure): 1756, 2152tt, 2476.  
BỒN PHẬN (Devoir): 848, 912, 1141, 1205, 1269, 1535, 1886, 1908, 1916, 1956, 2070, 2083, 2472, 2810.  
BỤI GAI RỰC LỬA (Buission Ardent) : 204, 208, 2575.  
BUÔN THẦN BUÔN THÁNH (sự) (Simonie): 2118, 2121.  
BUỒN RẦU (Tristesse) : 1431, 1765, 1772, 2539, 2728.  
BỮA ĂN (Repas) : 645, 1335, 2698.  
- bữa ăn cuối cùng của Chúa Ki-tô : 610, 1166, 1329, 1337, 1347, 1617, 2618.  
BUỐC THEO ( Suite / Suivre ) : 520, 618, 923, 1618, 1642, 2053.  
(bước theo Chúa Ki-tô ).

## C

CA TỤNG (lời) (Louange): 294, 333, 898, 920, 959, 1077, 1081, 1083, 1096, 1103, 1138, 1174, 1268, 1330, 1352, 1359tt, 1368, 1424, 1480, 1670, 1732, 2098, 2171, 2579, 2589, 2369tt, 2687, 2807.  
CẢI CÁCH (Réforme): 406, 1400.  
CÁM ĐỒ (sự) (Tentation) : 538tt, 1520, 1707, 1806, 2846tt.  
CÁNH CHUNG (Eschatologie): 2771  
CANH THỨC (Vigilnce): 979, 1036, 2033, 2088, 2496, 2612, 2621, 2638, 2699, 2727tt, 2742, 2754, 2849, 2863.  
CAO CẢ (sự) (GRANDEUR) : 223, 272, 308, 424, 644.  
CẮT BỈ (sự) (CIRCONCISION): 527, 1150.  
CẮM ĐOÁN / BẢO VỆ (Défence) : 396, 1435, 1910, 1929, 2240.  
CẦU KHẤN (những lời) (Supplication): 1371, 2099, 2583, 2629tt.

CẦU NGUYỆN (Prière): 17, 28, 122, 149, 307,435, 451, 520, 688, 726tt, 764, 811tt, 901, 920, 924, 949, 958, 1032, 1037, 1061, 1073, 1109, 1127, 1157, 1162, 1165, 1368, 1398, 1403, 1422, 1434, 1460, 1499tt, 1552tt, 1667tt, 1692, 1743, 1785, 1820, 1968, 1971, 2010, 2031, 2041, 2098, 2157, 2188, 2205, 2299tt, 2340, 2359, 2502, 2520.

CẦU XIN (Demande / Prière): 2559, 2561, 2606, 2610, 2614, 2629tt, 2734tt.

CẤU THÀNH / CỐ CẤU (Structure / Structurer): 283, 378, 765, 773, 914, 1087, 1096, 1343, 1346, 1448, 1594, 1653, 2833;

- những cơ cấu của tội lỗi: 1869.

CÂY NHO / NHO / RƯỢU NHO (Vin / Vigne): 736, 755, 1027, 1106, 1333tt, 1345, 1375tt, 1403tt, 1988, 2074, 2356.

CÂY TRÔNG / HI VỌNG (Espérance): 64, 162, 165, 274, 436, 661, 673, 676, 771, 819, 828, 992, 995, 1041tt, 1107, 1274, 1405, 1431, 1681, 1717, 1813, 1817tt, 2016, 2090tt.

CON CÁI (Enfant): 1, 131, 219, 239, 441, 526, 690, 736, 1097, 1204, 1153, 1243tt, 1314, 1420, 1468, 1474, 1680, 1689, 1692tt, 1813, 1828, 1996, 2157, 2565, 2639, 2736.

CON ĐƯỜNG (Voie): 31, 54, 234, 273, 314, 324, 459, 533, 556, 827, 846, 932, 1536, 1694, 1942, 1950, 1962, 1970, 2030, 2057, 2283, 2442, 2520.

CON NHẬN / CON SINH (Filiation): 441, 443, 445, 460, 515, 534, 654, 1303.

CON NGƯỜI (Đấng) (Fils de l'homme) : 53, 211, 331, 440, 460, 635, 649, 653, 661, 697, 1038, 1384, 1441, 2167, 2613.

CON THẢO (Filiaal):

- tình yêu, tình thần, niềm tin cậy con thảo : 1299, 2040, 2215tt, 2608, 2717, 2734, 2738tt, 2769, 2777, 2803, 2830;

- nghĩa tử: 257, 270, 422, 654, 736, 839, 1709, 2009;

- sự phó thác con thảo của Chúa Ki-tô : 305, 532, 538, 539, 2605.

CON THIÊN CHÚA (Fils De Dieu) : 4, 65, 124tt, 151, 237, 279, 312, 332, 394, 427, 441tt, 460tt, 496, 499, 521tt, 540, 549, 606, 614, 648, 653, 671, 723, 782, 923, 959, 1046, 1086, 1159, 1213, 1270, 1441, 1612, 1709, 1716, 1831, 2103, 2330, 2427, 2564, 2599.

CỔ CHẤP / CỨNG LÒNG (sự) (Endurcissement): 591, 1859, 1864.

CƠ CẤU / CẤU THÀNH (xem cấu thành)

CÔNG BẰNG / CÔNG CHÍNH (sự) (Justice) : 54, 602, 671tt, 716, 729, 761, 781, 909, 1128, 1405, 1435, 1459, 1695, 1733, 1888, 1912, 1916, 2054, 2147, 2154, 2213 2239, 2297, 2302, 2356, 2419, 2437tt, 2446, 2472, 2487, 2494, 2820;

- sự công chính nguyên thủy: 375tt, 400tt;

- sự công chính của Thiên Chúa: 201, 271, 1040tt, 1861, 1953, 1987, 1991tt, 2009, 2091, 2543, 2830;

- sự công chính của Đức Ki-tô: 402tt, 1224;

- đức công bằng: 1805, 1807, 2006, 2407, 2479, 2484tt;

- đức công bằng trao đổi : 2411tt;

- đức công bằng phân phối : 2236, 2411;

- sự công minh tài phán: 2237, 2476.

CÔNG CHÍNH (Juste): 58, 545, 588, 633, 769, 989, 1038, 1042, 1047, 1807, 1814, 1993, 2261, 2569, 2811, 2933.

CÔNG CHÍNH HÓA (Justification): 402, 519, 617, 651tt, 977, 1266, 1446, 1953, 1987tt, 1996, 2001, 2010.

CÔNG BẰNG XÃ HỘI (Justice sociale): 1928tt, 2425tt, 2832.

CÔNG DÂN (Citoyens): 1901, 1910, 1915, 2107, 2187, 2199, 2212, 2238tt, 2255, 2273, 2288, 2308, 2372, 2411, 2433, 2442, 2796.

CÔNG ĐOÀN / NGHIỆP ĐOÀN (Syndicat) : 2430.

CÔNG ĐỒNG (Concile): 9tt, 167, 192, 195, 884, 887, 891.

CÔNG GIÁO (Catholique): 748tt, 811tt, 830tt, 946, 1202, 1271 tt, 1401, 2105.

CÔNG ÍCH / ÍCH CHUNG (Bien Commu): 801, 951, 1807, 1880, 1883, 1897tt, 1905tt, 2109, 2188, 2203, 2237tt, 2265tt, 2412tt, 2489tt, 2791.

CÔNG NGHỊ DO THÁI (Sahédrin) : 443, 591, 596.

CÔNG NGHIỆP / CÔNG ƠN (Mérite): 604, 927, 1173, 1732, 1900, 2006tt.

CỘNG ĐỒNG TẠ ƠN (Sinaxe Eucharistique) : 1566.

CỬA ĂN ĐÀNG (Viatique) : 1020, 1392, 1517, 1524tt.

CUNG THÁNH (Sanctuaire) : 662, 1090, 1137, 1183, 1541, 1776, 1795.

CÙNG ĐÍCH (Fin): 32, 198, 260, 282, 294, 360, 401, 788, 865, 1001, 1021tt, 1077, 1752, 1829, 1878, 1955, 2363.

CUỘC SỐNG / HIỆN HỮU (sự) (EXISTENCE / EXISTENTIEL): 27, 31, 33, 34, 35, 46, 200, 285, 286, 298, 318, 320, 328, 338, 341, 358, 384, 444, 472, 486, 616, 627, 1035, 1483, 1677, 1719, 1899, 1918, 1931, 2062, 2125, 2127, 2128, 2140, 2270, 2288, 2293, 2377, 2416, 2566.

CỬ CHỈ (những) (Ghestes):- của Chúa Ki-tô : 477, 515;

- phụng vụ: 1146tt, 1233, 1341, 1387, 2562.

CỬ HÀNH (Célébration) : 6, 815, 1070, 1076, 1098, 1100tt, 1117, 1135tt, 1200tt, 1229tt, 1297tt, 1345tt, 1517tt, 1572tt, 1621tt, 1684tt, 2665.

CỨNG LÒNG / CỔ CHẤP (sự) (Endurcissement): 591, 1859, 1864.

CUỐP BÓC (RAPINE): 2534.

CỨU CHUỘC / CHUỘC LẠI (Racheter): 277, 422, 580, 2633.

CỨU CHUỘC (Đấng) (Rédempteur): 14, 388, 410, 431, 598, 602, 633, 898, 1069, 1372, 1545tt, 1701, 1951, 1961, 2244.

CỨU CHUỘC (ơn, sự) (Rédemption): 55, 190, 235, 312, 401, 432, 494, 517tt, 578, 613, 616, 635, 669, 776, 1026, 1069, 1163, 1360tt, 1692, 2630, 2839.

CỨU ĐỘ (Salut): 15, 54, 64, 70tt, 95, 107, 122tt, 137, 161tt, 234, 257, 280, 289, 313, 331tt, 358, 389, 402, 430tt, 462tt,

511tt, 559, 566, 586tt, 600tt, 676, 686tt, 705, 721, 760tt, 816, 845tt, 900, 920, 964, 980, 987, 1019, 1028tt, 1040tt, 1066tt, 1080tt, 1100tt, 1120tt, 1145, 1152, 1161tt, 1192tt, 1248, 1250tt, 1272, 1283, 1297, 1332, 1345, 1355, 1359, 1407, 1427tt, 1477, 1489, 1512, 1532tt, 1565, 1584, 1602, 1690tt, 1741, 1811tt, 1850, 1864, 1949, 1961, 1994, 2003, 2032tt, 2068, 2091, 2100, 2130, 2182, 2246, 2264, 2280tt, 2384, 2420, 2448, 2561tt, 2587, 2600tt, 2630, 2641, 2651, 2666, 2738, 2746tt, 2771, 2806tt, 2825, 2859tt.

CỨU THỂ (Đấng) (Sauveur): 1, 14, 62, 122tt, 389, 433tt, 457, 490tt, 524tt, 571, 594, 632, 697, 710, 816, 834, 926, 968, 973, 1023, 1090, 1129tt, 1161tt, 1181, 1323, 1330, 1521, 1587, 1642, 1652, 1701tt, 1817, 1963, 2074, 2096, 2103, 2157, 2175, 2448, 2502, 2575, 2584, 2628, 2633, 2665tt, 2804, 2812, 2837.

CỨU VỐT (Sauver): 56, 207, 218, 312, 457, 501, 605tt, 679, 708, 1058, 1380, 1753, 1847, 2092, 2478, 2575tt, 2606, 2634.

CỤU ƯỐC (Ancien Testament): (xem Giao Ước Cũ)

CÚNG LÒNG TIN / THIẾU LÒNG TIN (Incrédulité):

494, 591, 643, 674, 678, 1851, 2089.

CHA (người) (Père): 1465, 1586, 1605, 1657, 1858, 2057, 2197tt, 2335, 2482;

- Thiên Chúa là Cha: 17, 62, 79, 104, 198tt, 437, 1243, 1296, 1337, 1359, 1524;

- Giáo phụ: 8, 11, 78, 113, 1557, 2066.

CHÁNH TÒA (nhà thờ) (Cathédrale): 1572.

CHAY / ĂN CHAY / GIỮ CHAY (Jeune): 575, 1357, 1430, 1434, 1438, 1755, 1969, 2043, 2742.

CHÂN LÝ (Vérité): 88, 91, 105tt, 144, 213tt, 1742, 1777, 2104, 2456tt.

CHÉN / LY (Calice): 1574.

CHẾT / SỰ CHẾT (Mort / Mourir)

CHẾT ÊM ÁI (sự) (Euthanasie): 2276tt.

CHI THẺ (các) (Membres):

- của một thân thể : 191, 887, 917, 929, 1039, 1559, 1657, 1906, 2006, 2199;

- của Giáo Hội, của Chúa Ki-tô: 521, 661, 738, 773, 789tt, 814, 823, 827, 863, 873, 912, 947, 958, 1140, 1142, 1213, 1267, 1368, 1446, 1988, 2040, 2637, 2782.

CHIÊM NIỆM / CHIÊM NGUỒN (Contemplation): 94, 771, 1028, 1162, 1380, 2651, 2651, 2654, 2687, 2715.

CHIÊN (các) (Brebis): 605, 754.

CHIÊN CON (Agneau) : 523, 536, 602, 608tt, 719, 757, 796, 865, 1045, 1137tt, 1244, 1329, 1602, 1612, 1618, 1542, 2572, 2618, 2642, 2665.

CHIẾN ĐẤU (cuộc) (Combat): 162, 2565, 405tt, 672, 921, 978tt, 1264, 1426, 1523, 1820, 2015, 2313, 2516, 2520tt, 2538, 2573, 2612, 2725tt, 2805, 2819, 2846, 2849.

CHIẾN THẮNG (Victoire): 117, 410, 539, 654, 1505, 2573, 2592, 2606, 2853.

CHIẾN TRANH (Guerre): 2304tt, 2317.

CHÍNH TRỊ (Politique): 407, 439, 596, 782, 899, 1740, 1882, 1901tt, 2108, 2237, 2242tt, 2406, 2431, 2491.

CHỌN (sự, được) (Élection): 60, 762, 1081, 1308.

CHỌN LỰA (Choix): 311, 391tt, 546, 765, 1033, 1470, 1577, 1723, 1733, 1755, 1777, 1781, 1786tt, 1859tt, 1970, 2230, 2289, 2339, 2343, 2710, 2729.

CHỐI ĐẠO / BỎ ĐẠO (Apostasie): 675, 817, 2089, 2577.

CHÚ GIẢI THÁNH KINH (Exégèse): 116, 119.

CHỦ TỌA (Présider): 903, 1142, 1184, 1348, 1369, 1561, 1570, 1669.

CHÚA / ĐỨC CHÚA (Seigneur): 446tt.

CHÚA NHẬT (ngày) (Dimanche): 1166tt, 1175, 1343, 1389, 1572, 2043, 2174tt, 2698.

CHÚC LÀNH / PHƯỚC LÀNH (Bénédiction): 163, 492, 1009, 1077, 1078, 1079tt, 1217tt, 1245, 1328, 1334, 1347, 1353, 1360, 1375, 1396, 1402, 1538, 1624, 1630, 1642,

1669tt, 1717, 2090, 2373, 2589, 2626tt, 2701, 2767, 2781, 2803, 2834.

CHỨC LÀNH (cho cuộc hôn nhân) (BÉNIR un mariage): 1570

CHUNG TỘC (Race): 496, 775, 842, 1138, 1221, 1267, 1935, 2113, 2582.

CHUỘC LẠI / CỨU LẠI (Racheter): 277, 422, 580, 2633.

CHUYỂN CẦU (sự) (Intercession): 1096, 1105, 1504, 2099, 2634tt, 2687, 2734;

- của Chúa Ki-tô: 739, 1341, 1361, 1368tt, 2606;

- của các thiên thần và các thánh: 336, 956, 958, 1434, 2156, 2683;

- của Mẹ Ma-ri-a: 969, 2827;

- trong Cựu ước: 210, 2574, 2577, 2578, 2584;

- trong phụng vụ: 1096, 1105, 1349, 1354, 2770.

CHỮA LÀNH (Guérir): 551, 739, 827, 1458, 1484, 1502tt, 1608, 1999, 2805.

CHỮA LÀNH (sự) (Guérisión) : 448, 517, 574, 695, 798, 1151, 1210, 1293, 1420tt, 1466, 1502tt, 1520, 2274, 2292, 2577, 2616.

CHỨC THÁNH (Ordre) (bí tích Truyền Chức Thánh): 815, 1087, 1142, 1400, 1536tt, 1573tt.

CHỨC THÁNH (có) (Ordonné): 830, 1120, 1142, 1541, 1548tt, 1578tt, 2686.

CHỨNG BỆNH (Maladie): 549, 1204, 1351, 1420, 1500tt, 1673, 2181.

CHỨNG NHÂN / CHỨNG TỪ (Témoin / Témoignage): 54, 125, 165, 303, 642, 905, 995, 1303, 1630, 2058, 2683.

## **D**

DANH / TÊN GỌI (Nom):

- gọi tên Thiên Chúa: 40tt, 239, 254tt, 446, 2784;

- Thánh danh do Thiên Chúa mạc khải : 63, 203tt, 431tt, 446, 589, 1066, 2097, 2142tt, 2566tt, 2666, 2759, 2779tt, 2804tt, 2827, 2839, 2849, 2855;
- tên thánh của người Ki-tô hữu: 2156tt, 2479.
- DẠY GIÁO LÝ (việc) (Catéchèse): 4tt, 13, 282, 426tt, 983, 1074tt, 1094tt, 1697, 1724, 1971, 2226, 2688.
- DÂN THIÊN CHÚA (Peuple de Dieu) 12, 93, 192, 440, 674, 723, 776, 781tt, 814, 831, 839, 865, 885tt, 1069, 1091, 1267, 1325, 1443, 1567, 1617, 2796;
- Ít-ra-en: 64, 332, 388, 710, 753, 761tt, 1164, 1222, 2578, 2586.
- DÂN TỘC / QUỐC GIA (Nation): 57, 172, 664, 781, 849, 1038, 1267, 1901, 1911, 1915, 1941, 2237, 2241, 2281, 2309tt, 2437tt.
- DẪN THÂN (sự) (Engagement): 1072, 1102, 1321, 1913, 2381, 2390, 2410, 2522.
- DẦU (HUILE): 695, 1183, 1237, 1241, 1289, 1293tt, 1510tt, 1672.
- DẤU ẤN (Sceau): 698, 1121, 1183, 1216, 1273, 1274, 1295, 1296, 1297, 1300, 1340, 1320, 1467, 1624, 1955, 2769.
- DẦU THÁNH (Chrême): 1183, 1241tt, 1289tt, 1574.
- DẤU HIỆU / DẤU LẠ (Sigen): 188, 306, 378, 463, 506, 530, 923, 1071, 1323, 1334, 1369, 1378, 1390, 1405, 1438, 1465, 1550, 1617, 1619, 1623, 1705, 2099, 2260, 2360, 2373, 2448, 2674, 2689;
- dấu hiệu của Thiên Chúa / giao ước: 346, 709, 1650, 2171, 2176, 2738;
- của Chúa Giê-su Ki-tô : 117, 496, 515, 527, 529, 575, 640, 647, 701, 994, 1286, 1335, 1443, 1503, 1613, 2443;
- của Đấng Mê-si-a: 699, 762, 972, 1287, 2168;
- và các bí tích: 628, 694, 695, 774, 775, 932, 1130, 1183, 1216, 1274, 1293tt, 1303tt, 1442, 1535, 1574, 7579, 2381, 2384, 2839;
- dầu thánh giá : 786, 1668, 1671, 2157, 2159.

DI SẢN (Héritage): 299, 735, 1107, 1130, 1222, 2009, 2409.  
 DỊ ĐOAN (Superstition): 2110tt.  
 ĐIỀN GIẢI THÁNH KINH (bài) (Homélie) :  
 132,1100,1154,1347,1349.  
 DO THÁI / DO THÁI GIÁO (Juifs / Judaïsme): 423, 439,  
 488, 528, 531, 575, 578, 581tt, 597tt, 674, 702, 755, 781,  
 791, 839, 1096, 1226, 1328tt, 1334, 1340, 2175, 2575tt,  
 2767.  
 ĐỐT NÁT / KHÔNG BIẾT (sự) (IGNORANCE): 405, 597,  
 840, 1735tt, 1790tt, 1859tt.  
 DỤ NGÔN (PARABOLE): 546.  
 DỤC VỌNG / THÈM KHÁT (Convoitise): 377, 400, 719,  
 1607, 1809, 2259, 2513tt, 2534tt.  
 DUY VẬT (chủ nghĩa)(Matérialisme): 285, 2124.  
 DỰ PHẦN VÀO / THAM DỰ (Parti- Cipation): 375, 505,  
 521, 618, 901tt, 1546, 1913tt.  
 DỰ TÔNG (CAtéchumène): 168, 256, 1214, 1230tt, 1247tt,  
 1259, 1537, 2769.  
 DỪNG DỪNG / LÃNH ĐẠM (Indifférence): 29, 1634,  
 2094.  
 DƯỚI ĐẤT NÀY / TRÁI ĐẤT (Terrestre, Terre): 515, 763,  
 1013, 2622tt;  
 - sự sáng tạo trái đất: 282tt, 325tt;  
 - đất hứa: 145, 1222;  
 - đất mới: 1042tt;  
 - quản lý trái đất: 372tt, 2402tt.

## **Đ**

ĐA NGUYÊN (tính) (Pluralité): 2442.  
 ĐA THÊ / CHẾ ĐỘ ĐA THÊ (Poly- game / Polygamie):  
 1610, 1645, 2387.  
 ĐÁ TẢNG (viên) (Rocher): 1094, 2583.  
 ĐẠI DIỆN (vị) (Vicaire): 882, 894, 1560.

ĐẠI KẾT (công cuộc / phong trào) (Oecuménisme): 816, 821.

ĐAM MÊ (các) (Passions): 1762tt, 1792, 1804, 1809, 1860, 2339, 2341, 2521, 2536, 2811.

ĐÀN CHIÊN (Troupeau): 754, 764, 893.

ĐẠO ĐỨC / KÍNH THẢO (lòng) (Piété): 24, 186, 358, 575, 901, 917, 1303, 1437, 1478, 1674, 1686, 1809, 1813, 1966, 2186, 1606, 1688.

ĐẠO ĐỨC (tính) (Moralité): 1750tt, 1762tt, 1780, 1794, 2210, 2264, 2294, 2302, 2368, 2370, 2420, 2527.

ĐAU BỆNH / BỆNH (Malade): 457, 1456, 1502tt, 1737, 2279, 2405.

ĐAU KHỔ (Souffrance / Souffrir): 164, 165, 272, 307, 376, 385, 405, 428, 468, 516, 554, 555, 572, 601, 609, 618, 649, 787tt, 1004, 1030, 1225, 1264, 1339, 1368, 1420, 1435, 1460, 1473, 1500tt, 2279, 2282, 2374, 2379, 2418, 2606, 2825, 2829.

ĐẶC ĐIỂM CỦA GIÁO HỘI (những) (Notes De L'église): 811tt.

ĐẶC SÙNG (Charisme): 94, 688, 798tt, 890, 910, 924, 951, 1175, 1508, 2003, 2035, 2684.

ĐẶC TÍNH (các) (Propriétés):

- của các ngôi vị Thiên Chúa: 258tt, 467;
- của thân xác hiển vinh Chúa Ki-tô : 645, 659;
- của Giáo Hội: 812;
- của hôn nhân: 1635.

ĐẶT TAY (sự)(Imposition Des Mains ): 699, 1150, 1288tt, 1504, 1538, 1556, 1558, 1573.

ĐẦU (Tête): 792tt.

ĐẦU MÙA (hoa trái) (Prémices): 528, 655, 724, 735, 991, 1046, 1171, 1334, 1832.

ĐẦY TỐ / NÔ BỘC (người)(Serviteur):

- Chúa Ki-tô, Người Đầy Tố: 440, 536, 539, 555, 565, 580, 600tt, 713, 786, 1551, 2235.

ĐẸP (vẻ) (Beauté): 32, 33, 41, 341, 1157, 1162, 1697, 1701, 2129, 2500tt, 2546, 2727, 2784.

ĐÊM (nuit) : 165, 281, 525, 610, 647, 1095, 1217, 1238, 1254, 1323, 1366, 1719;

- của đức tin : 165, 2719.

ĐẸN TỘI / BỒI THUỒNG (Répara - tion): 616, 2302, 2409, 2412, 2487.

ĐẸN TỘI (sự)(Expiation): 443, 616, 1476.

ĐẸN TỘI / SÁM HỐI (Pénitence): 827, 853, 920, 980tt, 1032, 1185, 1422tt, 2043.

ĐẸN TỘI (bàn thờ) (Propitiatoire): 433.

ĐẸN TỘI (lễ) (Propitiation):

457, 604, 1992.

ĐẾN 522tt, 556, 674, 840, 1403, 2772, 2816tt.

ĐỊA NGỤC / ÂM PHỦ (Enfer): 834, 1033tt, 1861;

- xuống âm phủ : 512, 624, 627tt.

ĐIỀN HÌNH THUYẾT (Typologie): 128, 130.

ĐÌNH CÔNG (Grève): 2435.

ĐỌC SÁCH (việc) (Lecture): 115, 129, 133, 209, 1093, 1154, 1177, 1346, 1348, 1437, 1480tt, 2205, 2653.

ĐỌC SÁCH THÁNH (Lectio divina): 1177, 2708.

ĐÓI (sự)(Faim): 544, 549, 556, 1039, 2269, 2535, 2831, 2835.

ĐÓN TIẾP (Accueillir): 3, 35tt, 53, 67, 89, 108, 148, 197, 440, 502, 528, 538, 543tt, 559, 686, 689, 702, 764, 800, 858, 1033, 1080, 1107, 1185, 1336, 1349, 1381, 1445, 1465, 1630, 1637tt, 1719, 1777, 1868, 1967, 1989, 2030, 2088, 2233, 2241, 2358, 2571, 2606, 2617, 2632, 2652, 2666, 2677tt, 2712tt, 2750, 2792, 2835.

ĐÓN TIẾP (sự) (Accueil): 505, 678, 722, 1021, 1098, 1229, 1247, 1439, 1687, 1847, 1911, 1991, 2001, 2626.

ĐỔ TRÀN XUỐNG (sự)(Effusion): 699, 706, 731, 759, 1076, 1104, 1168, 1229, 1287, 1302, 1556, 1573, 2771, 2819.

**ĐỘC THÂN / NHẤT THÊ / MỘT (Unique / Uunicité / Un):** 101, 200tt, 242, 356, 441tt, 738, 791, 2085tt.

**ĐỘC THÂN (bậc sống) (CÉLIBAT):** 915, 1579tt, 1658, 2349.

**ĐÔI BẠN / CẶP VỢ CHỒNG (Couple):** 376, 1603, 1624, 1636, 1642, 2333, 2363tt, 2374tt.

**ĐỐI TƯỢNG (Objet)**

- của hành vi con người: 1750tt, 1853tt, 2847.

**ĐỐI THOẠI (Dialogue):** 27, 39, 821, 856, 1126, 1153, 1636, 1879, 2063, 2575, 2653.

**ĐỔI MỚI (Renouvellement):** 670, 827, 1185, 1254, 1262, 1428, 1602.

**ĐỒNG BẢN TÍNH (Consubstantiel):** 242, 248, 467, 663, 685, 689, 703, 2789.

**ĐỒNG HÌNH / GIỐNG HÌNH ẢNH (Configurer):** 1460, 1322, 1505.

**ĐỒNG LOẠI / THÂN CẬN (người) (Prochain):** 307, 575, 582, 678, 952, 1033, 1434, 1459tt, 1658, 1706, 1752, 1789, 1807, 1882, 1825, 1849, 1878, 1889, 1931tt, 1962, 1974, 2041, 2052, 2055, 2067, 2072, 2100, 2117, 2196tt, 2212, 2281, 2284, 2302tt, 2346tt, 2401, 2407, 2415, 2447, 2514, 2536tt.

**ĐỒNG TÍNH LUYẾN ÁI (Homose- xualité) :** 2357.

**ĐỨC CHÚA / CHÚA (Seigneur):** 446tt.

**ĐỨC CHÚA / GIAVÊ (Yhwh / Yahvé):** 206, 210, 446, 2666.

## **E**

**E-VÀ (bà) (Ève):** 375, 399, 404, 411, 489, 494, 726, 766, 2361, 2618, 2853.

## **G-GH**

**GẠT BỎ / LOẠI BỎ (Exclu / exclusion / Exclusif) :** 361, 605, 970, 1033, 1178, 1179, 1374, 1425, 1445, 1470, 1635,

1638, 1645, 1861, 2231, 2277, 2349, 2357, 2361, 2376, 2387, 2390, 2424, 2492.

**GẮN BÓ** (sự)(Adhésion): 88, 150, 967, 1098, 2579, 2603, 2609, 2716.

**GHEN GHÉT** (sự)(Envie): 391, 412, 1852, 1866, 2317, 2475, 2538tt, 2541.

**GHEN TUÔNG** (sự) (Jalousie): 1606, 1852;

- của Thiên Chúa: 399, 584, 2337.

**GUỜNG XẤU / CỐ VẤP PHẠM** (Scandale): 1938, 2282tt, 2326, 2353ttt, 2489.

## **GI**

**GIA ĐÌNH** (Famille): 1, 525tt, 753tt, 764, 815, 854, 917tt, 959, 1037, 1049, 1439, 1517, 1632, 1652tt, 1686tt, 1882, 1908tt, 1938, 2183tt, 2201tt, 2226, 2231tt, 2265, 2363, 2373, 2390, 2685, 2691, 2831tt, 2850.

**GIA NHẬP KI-TÔ GIÁO** (sự) (initiation Chrétienne): 695, 1211tt, 1229tt, 1285tt, 1322tt, 1420.

**GIÀ** (tuổi) (Vieillesse) : 1308, 1514, 1520tt, 1532, 2218, 2361.

**GIA-VÊ / ĐỨC CHÚA** ( YHWH / YAHVÊ ): 206, 210, 446, 2666.

**GIÁC QUAN** (các) (Sens): 37, 377, 647, 1320, 1381, 2702;

- cảm thức của đức tin: 91tt, 250, 785, 889;

- ý thức của Thánh Kinh: 115tt.

**GIẢI TỘI** (Absolution): 1020, 1415, 1424, 1442, 1449, 1453, 1457, 1459, 1463, 1480tt.

**GIẢI THÍCH** (Interpréter / Inter- prétation)

- giải thích mặc khải, Thánh Kinh, luật : 82, 84tt, 109tt, 375, 572tt, 581tt, 601, 643, 774, 1008, 1788, 2055, 2116, 2155, 2173, 2336, 2367, 2422, 2478, 2766.

**GIẢI THOÁT** (sự) (Libération): 1221, 1237, 1363, 1741, 1993, 1964, 2124, 2170, 2440, 2750.

GIÁM MỤC (Évêque): 9, 72tt, 85, 857, 861tt, 877tt, 880tt, 919, 1142, 1184, 1241, 1290, 1297tt, 1348, 1369, 1461tt, 1483, 1516, 1538tt, 1550tt, 2034, 2068, 2503.

GIAN TRUÂN (nỗi; Tribulation): 556, 1717, 1820, 1971, 2642, 2734.

GIÁNG LÂM (sự) (Avènement): 122, 367, 524, 641tt, 763, 769, 1021, 1040, 1720, 2612.

GIÁNG SINH (lễ) (Noel): 469, 477, 512, 525, 1171.

GIẢNG THUYẾT (việc; Prédication): 94, 132, 249, 921, 1427, 2033, 2145;

- của Chúa Ki-tô, của các tông đồ: 76, 523, 632, 677, 832, 1151, 1226, 1287, 1614, 1716.

GIAO ƯỚC (Alliance): 55, 238, 288, 309, 346, 357, 580, 610, 992, 1080, 1102, 1846, 1863, 1961, 2260, 2562tt, 2571, 2713, 2795, 2829, 2841;

- giao ước cũ: 56tt, 121, 128, 200, 204, 489, 522, 527, 577, 695, 709tt, 759, 761tt, 781, 839tt, 1098, 1145, 1150tt, 1217tt, 1223, 1330, 1334, 1359tt, 1611tt, 1964, 2057tt, 2100, 2170, 2176, 2578tt, 2607, 2729, 2771, 2810tt;

- giao ước mới: 63tt, 204, 292, 577, 611tt, 662, 762, 781, 816, 839, 859, 890, 1091, 1097, 1116, 1129tt, 1150, 1179, 1182, 1222, 1267, 1339, 1348, 1365, 1541, 1602, 1612, 1617, 1621, 1964tt, 2056, 2787;

- giao ước hôn nhân: 1601, 1617, 1623tt, 1639tt, 2368, 2381, 2384, 2569, 2614, 2618.

GIÁO DÂN (Laics): 785, 846, 871, 897tt, 1174, 1175, 1669, 2442.

GIÁO DỤC (việc; Éducation): 5, 407, 501, 902, 1601, 1634tt, 1652tt, 1783tt, 1810, 1980, 1914, 1917, 2125, 2221, 2223, 2229, 2344, 2370, 2526, 2581, 2685.

GIÁO HOÀNG (Pape): 880tt.

GIÁO PHẬN (Diocèss): 833, 877, 1290, 1354, 1568.

GIÁO PHỤ (Père de l'église): 8, 11, 78, 113, 1557, 2066.

GIÁO XỨ / HỌ ĐẠO (Paroisse): 2179, 2226.

GIẬN DỮ (con) (Colère): 208, 210, 1765, 1866, 2257tt, 2302, 2577.

GIẾT (Tuer) : 2258tt.

GIỐNG HÌNH ẢNH / ĐỒNG HÌNH (Configurer): 1460, 1322, 1505.

GIỐNG NHAU / GIỐNG NHƯ (Ressemblance): 225, 518, 705, 734, 1161, 1210, 1602, 1682, 1700, 1878, 2085, 1334, 2810.

GIỜ CỦA CHÚA GIÊ-SU (Heure De Jesús): 730, 2719, 2746.

GIỜ KINH (phụng vụ các) (Heures) (Liturgie Des, Prières Des):

1096, 1174tt, 1437, 2678, 2691, 2698, 2768.

GIỚI RĂN (các) (Commandement): 16, 26, 199, 397, 575, 782, 849, 1050, 1064, 1337, 1341, 1345, 1697, 1777, 1822tt, 1858, 1933, 1962, 1968, 1970tt, 2041tt, 2052tt, 2614, 2822, 2842.

GIỚI TRẺ / TUỔI TRẺ (Jeunes / jeunesse) : 5, 1632, 2208, 2282, 2353, 2389, 2526, 2685, 2688.

GIUSE (Joseph): 312, 437, 488, 497, 500, 532, 534, 583, 595, 1014, 1020, 1655, 1846, 2177.

GIỮ CHAY / ĂN CHAY (Jeune): 575, 1387, 1430, 1434, 1438, 1755, 1969, 2043, 2742.

## H

HÀ TIỀN (tính) (Avarice) : 1866.

HẪM MÌNH PHẠT XÁC (Mortifi - cation): 2015.

HÀNH ĐỘNG (Agir): 16, 76, 117, 162, 236, 282, 301, 306, 308, 407, 548, 576, 736, 764, 798, 826, 847, 875, 1072, 1120, 1142, 1266, 1442, 1548, 1563, 1575, 1581, 1588, 1695, 1697, 1709, 1731, 1752, 1755, 1763, 1782, 1809, 1813, 1902, 1907, 1972, 1999, 2008, 2031, 2061, 2074,

2085, 2089, 2103, 2106, 2157, 2172, 2468, 2472, 2483, 2516, 2725, 2848.

HÀNH ĐỘNG (sự) (Action): 37, 302, 307, 395, 407, 771, 798, 900, 905, 1014, 1146, 1148, 1285, 1303, 1345, 1431, 1471, 1694, 1717, 1731tt, 1750tt, 1583, 1883, 1974, 2006, 2010, 2099, 2118, 2157, 2263, 2277, 2288, 2306, 2313, 2352, 2370, 2423, 2442, 2447, 2478, 2668, 2816, 2819;

- của Thiên Chúa, của Chúa Giê-su, của Chúa Thánh Thần, sáng tạo: 53, 95, 128, 152, 175, 260, 291tt, 304, 648, 695tt, 805, 981, 988, 1083, 1088, 1115tt, 1148, 1164, 1309, 1325, 1353, 1375, 1448, 1813, 2008, 2084, 2171, 2258, 2516, 2568, 2577, 2600, 2640, 2670, 2679, 2738;

- của ân sủng: 224, 722, 1078, 1081, 1082, 1103, 1328, 1345tt, 1356tt, 1453, 1480tt, 1657, 2062, 2098, 2233, 2240, 2588, 2603tt, 2619, 2636tt, 2807, 2855;

- phụng vụ: 15, 1070tt, 1083, 1088, 1097, 1101tt, 1120, 1136, 1140, 1153tt, 1480, 1519, 2120.

HÀNH HƯƠNG (cuộc) (Pèlerinage): 165, 583, 671, 675, 850, 954, 1013, 1344, 1392, 1469, 1483, 1676, 2101, 2581.

HÀNH VI NHÂN LINH (Acte humain): 154, 1627, 1640, 1751, 1853.

HẠNH PHÚC (Bonheur): 27, 30, 33, 856, 1035, 1045, 1723, 2548.

HẰNG SỐNG (Thiên Chúa) (VIVANT) (Dieu): 49, 62, 108, 153, 205, 385, 442, 552, 625, 640, 662, 697, 797, 966, 1020, 1122, 1165, 1179, 1391, 1406, 1413, 1770, 1951, 2112, 2277, 2281, 2299, 2319, 2324, 2558, 2567, 2575, 2583, 2593, 2727, 2769.

HẤP HỐI (con) (Agonie): 333, 478, 612, 1769, 2603, 2719, 2731, 2828, 2849.

HIỆN DIỆN THỰC SỰ (Présence réelle): 1378, 2691.

HIỀN LÀNH (sự) (Douceur): 153, 302, 395, 736, 2219.

HIỆN HỮU (sự) / CUỘC SỐNG (Existence / Existentiel): 27, 31, 33, 34, 35, 46, 200, 285, 286, 298, 318, 320, 328, 338, 341, 358, 384, 444, 472, 486, 616, 627, 1035, 1483, 1677, 1719, 1899, 1918, 1931, 2062, 2125, 2127, 2128, 2140, 2270, 2288, 2293, 2377, 2416, 2566.

HIỆN RA (Apparition): 641tt.

HIỆN DUNG (Transfiguration): 444, 554tt.

HIỆN LINH (Épiphanie): 528, 535, 1171, 2177.

HIẾU KHÁCH (sự) (Hospitalité): 2571

HIẾU THẢO / TÌNH CON CÁI (Piété filiale): 2215.

HÌNH ẢNH (các)(Figures): 58, 64, 358, 507, 522, 559, 671, 696, 710, 753, 781, 1048, 1093, 1094, 1152, 1159, 1220, 1375, 2030, 2380, 2374, 2575, 2679.

HÌNH DUNG TRƯỚC (Préfigurer): 527, 1152, 1221, 1335.

HÌNH PHẠT (Châtiment): 211, 1031, 1828, 1964, 2061, 2090.

HÌNH THỨC (Forme): 365.

HÒA BÌNH / BÌNH AN (Paix): 2302tt.

HÒA ĐIỀU (Harmonie): 374, 379, 401;

- giữa hai giao ước: 1094.

HÒA GIẢI (sự) (Réconciliation): 755, 822, 981, 1383, 1649, 2608, 2844;

- bí tích: 1385, 1390, 1422tt, 1650, 1856, 2040, 2490.

HOAN HỒ / TUNG HỒ (Acclamation) 559,1154,1345,2760.

HOÀN CẢNH (các) (Circonstances): 531, 1175, 1230, 1399, 1667tt, 1750, 1754tt, 1780, 1911, 1957, 2073, 2107, 2125, 2433, 2484.

HOÀN TẤT / TẬN THỂ (sự) (Consommation): 77, 686, 769, 820, 969, 1045, 1079, 1083, 1096, 1164, 1274, 1769, 2586, 2749.

HỌC THUYẾT (Ki-tô Giáo) (Doctrine) (chrétienne): 5, 10, 12, 25, 78, 90, 127, 197, 217, 235, 427, 575, 891, 899, 1114, 1117, 1158, 2764.

HỒ NGHI (sự) (Doute): 215, 506, 644.

HỐI CẢI / TRỞ LẠI (Conversion): 160, 385, 442, 545, 591, 597, 639, 821, 981, 1036, 1041, 1072, 1098, 1206, 1229, 1248, 1375, 1422tt, 1427tt, 1470, 1472, 1502, 1637, 1792, 1848, 1856, 1886tt, 1963, 1989, 1993, 1999, 2092, 2581tt, 2608, 2708, 2731, 2784, 2795.

HỐI HẬN / HỐI CẢI (Repentir): 393, 535, 588, 720, 981, 1185, 1423tt, 1861, 2538, 2579.

HỘI (société): 336, 395, 771, 816, 837, 854, 899, 912, 1023, 1049, 1090, 1372, 1603, 1639, 1880tt, 1958, 2006, 2105tt, 2188, 2203, 2207tt, 2234tt, 2263tt, 2288, 2344, 2385, 2421, 2431tt, 2486, 2493, 2820.

HỘI THÁNH (Église):

- nguồn gốc / tông đồ: 4,9,77, 124, 128, 186, 424, 553, 642, 758, 763, 811tt, 857;

- công giáo: 1, 84, 750, 830tt, 1200tt;

- của Trời cao: 117, 551, 946tt, 972;

- Nhiệm Thể Chúa Ki-tô: 461, 669, 787tt, 1084, 1267, 2003;

- Hiền thê: 773, 796, 1089, 1616;

- có phẩm trật: 874, 914, 1548,2004

- trong lịch sử : 671, 760, 772.

- phụng vụ / cầu nguyện: 61, 333, 335, 722, 1067, 1082, 1091, 2177, 2558tt;

- địa phương / riêng biệt : 83, 174, 192, 832tt, 886, 893, 1202, 1369;

- sứ mạng: 6, 758, 849, 863, 1303;

- Dân Thiên Chúa: 751tt, 783tt;

- là bí tích: 671, 738, 766, 774, 875, 1045, 1076, 1113, 1117tt, 1210tt;

- thánh thiện: 156, 670, 749, 759, 771, 823tt;

- Giáo Hội ly khai (các): 819;

- và Mẹ Ma-ri-a: 149, 411, 495, 721, 773, 963tt, 1172tt;

- và Chúa Thánh Thần: 244, 691, 731tt, 749, 767, 797, 1091;

- hiệp nhất (sự): 60, 750, 813tt, 1271, 1647;

- Huấn quyền - truyền thống - giáo huấn: 11, 36, 67, 80, 83, 85tt, 105tt, 167, 249, 366, 891, 982, 1156, 1792, 2030.

HÔN NHÂN (Mariage): 372, 1113, 1210, 1534, 1601tt, 2101, 2201tt, 2225, 2333, 2350, 2360tt, 2685.

HÔNG ÂN CHÚA THÁNH THẦN (Don Du Saint Esprit): 1830tt.

HÔNG THỦY (con) (Déluge): 56, 701, 845, 1094, 1219.

HÔI THỞ (Souffle): 689, 691, 703, 843, 1007, 2172, 2318, 2835.

HỢP ĐỒNG / KẾT ƯỚC (Contrat): 2213, 2381, 2384, 2410tt.

HỢP LÝ (Raisnable): 471, 1464, 1730, 1934, 2235.

HỢP NHẤT (sự) (Unité): 112, 128tt, 255tt, 360, 365, 371tt, 791tt, 813tt, 1396, 1644tt, 2069.

HỢP TÁC (sự) (Coopération): 488, 501, 968, 1091, 1108, 1993, 2062, 2206, 2272, 2282, 2291, 2632, 2675, 2738

HUẤN QUYỀN (Magistère): 11, 67, 83tt, 598, 688, 884tt, 1008, 1554, 2032tt, 2352, 2366, 2663.

HUY HOÀNG (ánh) (Splendeur): 256, 344, 349, 2500, 2566.

HỨA (lời) (Promesse): 2102tt, 2147, 2152, 2410;

- của Thiên Chúa: 60, 145, 148, 205, 212, 215, 289, 422, 484, 489, 497, 528, 591, 638, 651tt, 705tt, 729, 834, 839, 1063tt, 1121tt, 1287, 1296, 1334, 1403, 1698, 1716, 1719, 1817, 1819, 1950, 1967, 2007, 2091, 2541, 2548, 2561, 2570tt, 2619, 2787tt, 2810;

- của phép Rửa tội: 1185, 1254, 1298, 2340;

- vâng lời: 1567;

- hôn nhân: 1644.

HƯỞNG THỤ (sự) (Jouissance):

- của cải trần thế: 1716, 1740;

- vô độ: 2351, 2353, 2549;

- Thánh Thể: 1721tt.

HỮU HÌNH (Visible): 279, 325, 330, 356, 378, 400, 477, 515, 689, 704, 770tt, 788, 815, 819, 837, 862, 936, 1047, 1071, 1096, 1115, 1131, 1147, 1329, 1366, 1380, 1430, 1462, 1538, 1549, 1558, 1559, 1561, 1594, 2176, 2602.

HỮU Ý / TỰ Ý / TỰ NGUYỆN (Volontaire): 1731tt.

HY LỄ / HY SINH (Sacrifice):

- Cựu ước: 144, 433, 522, 614, 696, 1032, 1150, 1330, 1334, 1539, 1540, 2100, 2581;

- của Chúa Ki-tô: 462, 545, 606, 611, 613tt, 964, 1330, 1350, 1364, 1367, 1436, 1540, 1544tt, 1851, 1934, 2205, 2358, 2804, 2812, 2838;

- Thánh Thể: 1032, 1068, 1087tt, 1113, 1181tt, 1322tt, 1350tt, 1382tt, 1545, 1552, 1565, 1621, 1651, 1654, 1683, 1689, 2031, 2643, 2747, 2749.

HY VỌNG / CÂY TRÔNG (Espérance): 64, 162, 165, 274, 436, 661, 673, 676, 771, 819, 828, 992, 995, 1041tt, 1107, 1274, 1405, 1431, 1681, 1717, 1813, 1817tt, 2016, 2090tt.

## I

ÍCH CHUNG / CÔNG ÍCH (Biencommun) : 801, 951, 1807, 1880, 1883, 1897tt, 1905tt, 2109, 2188, 2203, 2237tt, 2265, 2412tt, 2489tt, 2791.

ÍCH KỶ (tính) (Égoïsme) : 1609, 1784, 1818, 1931, 2368.

IM LẶNG (Silence) : 498, 533, 534, 635, 920, 1519, 2143, 2186, 2522, 2570, 2616, 2628, 2717.

ÍT-RA-EN (Israel) : 62tt, 201, 203, 209tt, 218tt, 237tt, 287, 333, 348, 401, 423, 431tt, 440tt, 488, 522, 527tt, 538tt, 543, 574tt, 587tt, 608, 672tt, 709, 711, 719, 751, 759, 762, 765, 781, 1093, 1221, 1334, 1502, 1539, 1611tt, 1961, 1965, 2083tt, 2129, 2170tt, 2196, 2542, 2573, 2811;

-Ít-ra-en mới : 877.

## K

KẺ THÙ (EnnemI) : 1825, 1933, 1968, 2259, 2262, 2303, 2608, 2814, 2844.

KẾ HOẠCH ƠN CỨU ĐỘ (của Thiên Chúa, mới) (Économie Du Salut) (divine, nouvelle) : 258tt, 489, 1040.

KẾ NHIỆM / KẾ VỊ (các tông đồ) (Succession apostolique) : 77, 94, 815, 831, 833, 1087, 1209, 1399, 1576.

KẾT HỢP (Union) : 365, 772tt, 2014, 2718;  
-các bản tính : 470tt;

-nam / nữ : 1608, 1614, 2360tt, 2390.

KẾT ƯỚC / HỢP ĐỒNG (Contrat) : 2213, 2381, 2384, 2410tt.

KÊU CẦU (sự) (Invocation) : 238, 431, 694, 1000, 1105, 1240, 1333, 2117, 2569, 2665tt, 2807.

KÊU CẦU XUỐNG TRÊN (cầu Chúa Thánh Thần) (Epiclèse): 99, 1127, 1238, 1297, 1300, 1353, 1519, 1624, 2583, 2770.

KITÔ (Chúa Giê-su Ki-tô) (Christ) :

-là Thiên Chúa làm người : 423, 430, 432, 456tt, 486, 495, 1161, 1374;

-là Thiên Chúa thật : 151tt, 461;

-là người thật : 464, 520, 632, 1701;

-là Thiên Chúa mạc khải : 101, 125, 129, 238tt, 425;

-là Ngôi Hai Thiên Chúa : 430tt, 232, 290tt, 331, 356, 422tt, 689tt;

-là Đấng Trung gian : 50, 65tt, 151, 1066, 1071, 1691tt, 1995, 2634, 2665, 2765tt;

-là Chúa Cứu chuộc : 52tt, 436, 668-679, 823tt, 1085, 1987, 1999;

-cuộc đời ẩn dật của Ngài : 512tt;

-cuộc đời công khai của Ngài : 535tt, 1223, 1430, 1506, 1717, 1846, 2052tt, 2382, 2599tt, 2746, 2789tt;

-chết và sống lại : 557tt, 992tt, 1166, 1337tt, 1362, 1681, 2014, 2174, 2748;

-nền tảng và Đầu của Giáo Hội : 75, 551tt, 771, 787, 796, 811, 871, 880tt, 981, 1076, 2032;

-nguồn mạch các bí tích : 1076, 1114tt, 1213tt, 1323, 1446, 1503, 1536, 1612.

KI-TÔ / MÊ-SI-A (Đức) : (Messie) : 410, 436tt, 524, 528, 535, 540, 556, 559, 590, 664, 674, 702, 711tt, 840, 1286, 2579, 2585.

KI-TÔ GIÁO (Christianisme) : 108.

KI-TÔ-HỮU / KI-TÔ THUỘC (Chrétien) : 88, 123, 129, 133, 187, 232, 234, 250, 259, 336, 401, 435, 449, 537, 598, 628, 642, 655, 671, 752, 786, 795, 818tt, 852, 855, 897tt, 952, 966, 1011, 1102, 1121, 1141, 1166, 1210tt, 1229, 1241, 1271tt, 1289, 1294, 1314, 1348, 1356, 1396, 1392, 1401, 1428, 1434, 1466, 1473, 1523, 1617, 1671, 1681, 1691tt, 1796, 1830, 1973, 1997, 2040, 2101tt, 2156tt, 2186, 2471, 2653, 2707, 2820, 2831, 2835.

-những Ki-tô hữu đầu tiên : 83, 760, 2636, 2641;

-đức tin Ki-tô giáo : 108, 202, 282, 285, 309, 425, 463, 465, 991, 996, 1329, 1343, 2089.

KIÊU NGẠO (tính) (Orgueil) : 57, 1866, 2094, 2540.

KINH CẦU (các) (Litanies) : 1154, 1177, 1575.

KINH TE<199 ) (Économie) : 2425, 2431.

KINH THÁNH (cuốn, lời) (Bible) : 58, 1176.

KINH THÁNH (sách, thuộc bộ) (CANONIQUE) : 105, 2272, 2383.

KÍNH SỢ / SỢ HÃI (Crainte) : 635, 714, 1041, 1299, 1303, 1453, 1628, 1642, 1735, 1754, 1765, 1769, 1828, 1931, 1964, 1972, 2090, 2116, 2144, 2217, 2282.

KÍNH THẢO / ĐẠO ĐỨC (lòng) (Piété): 24, 186, 385, 575, 901, 971, 1303, 1437, 1478, 1674, 1686, 1809, 1831, 1966, 2186, 2606, 2688.

KỶ NIỆM (Souvenir) : 534, 1007, 1164, 1185, 1334, 1364, 2178, 2220, 2474, 2697, 2731, 2784.

KỸ THUẬT (TECHNIQUE) : 2293, 2976.

KH

KHAI THÁC / BỐC LỘT (Exploitation) : 2117, 2441.

KHẨN (lời) (Voeu) : 930, 2102, 2135.

KHIÊM NHƯỜNG (sự) (Humilité) : 159, 525, 559, 724, 732, 2540, 2559, 2612, 2628, 2631, 2706, 2713, 2779, 2854.

KHIÊM TỐN (sự) (Modestie) : 1832, 2522.

KHIẾT TỊNH (đức) (Chasteté) : 915, 1632, 2053, 2337tt, 2518tt.

KHIÊU DÂM (sách, ảnh) (Pornographie) : 2211, 2354.

KHOA HỌC (Sciences) : 31, 39, 284, 906, 1673, 1723, 1942, 2727;

-on thông hiểu : 1831, 1845.

KHỔ HẠNH (Ascèse) :

1738, 2015, 2043, 2340, 2733.

KHỔ NẠN CỦA CHÚA KI-TÔ (cuộc) (Passion du christ) : 598, 1521, 1992.

KHÔN NGOAN (sự) (Sagesse) : 30, 51, 120, 216, 251, 271, 272, 283, 288, 292, 295, 299, 301, 308, 310, 339, 348, 369, 472, 474, 531, 600, 712, 721, 759, 1299, 1303, 1542, 1640, 1676, 1783, 1831, 1884, 1950, 2010, 2215, 2236, 2419, 2500, 2690.

KHỐN KHÓ / NGUY KHỐN (Détresse) : 672, 2218, 2409, 2588, 2606, 2701, 2854.

KHÔNG BIẾT / DỐT NÁT: (Ignorance): 405, 597, 840, 1735tt, 1790tt, 1859tt.

KHÔNG HƯ NÁT / BẤT HỬ (Incorruptible): 997, 999, 1228.

KHỎI ĐẦU (sự)(Commencement): 102, 163tt, 198, 215, 241, 279tt, 290tt, 390, 425, 450, 489, 512, 535, 541, 669, 686, 702, 764tt, 820.

KHỦNG BỐ (sự)(Terrorisme): 2297.

## L

LÀM NÔ LỆ (sự)(Servitude): 400, 407, 431, 1046, 1221, 1792, 1963, 1990, 2061, 2083, 2148, 2170, 2307, 2339.

LÀM VIỆC / LAO ĐỘNG (Travail): 378, 533, 1940, 2167, 2184, 2400tt, 2427tt, 2834.

LÃNH ĐẠM / DỨNG DỪNG (Indifférence): 29, 1634, 2094.

LẠY CHA (kinh)(Pater): 555, 1096, 1820, 2033, 2750.

LẠNH NHẠT / NGUỘI LẠNH (sự)(Acédie): 1866, 2098, 2733.

LẦM LẠC / SAI LẦM (Erroné / Erreur):

-tội nguyên tổ: 407, 844, 856;

-về giáo lý: 38, 108, 250, 286, 890, 1550.

LỄ (ngày)(Fête): 281, 335, 578, 583, 728, 971, 1096, 1162tt, 1389, 1391, 1439, 1483, 1613, 2042, 2174tt, 2581, 2698.

LỄ VẬT (Offrande): 459, 606, 610tt, 901, 1083, 1105, 1348, 1354, 1362, 1369tt, 1553, 2031, 2617, 2638, 2643.

LÊN ÁN (sự) / ÁN PHẠT (Condamnation): 402, 1034, 1358, 1753, 1899, 1992.

LÊN TRỜI (sự, lễ)(Ascension): 660, 662, 668tt.

LÊN TRỜI (sự được đưa) (Assomption): 966tt.

LỊCH SỬ (Histoire): 212tt, 303tt, 338, 386, 390, 400tt, 450, 647, 648, 668, 676, 758tt, 770, 828, 852, 927, 1040, 1066, 1080, 1085, 1093, 1103, 1165, 1168, 1707, 1738, 1958, 2030, 2062, 2084, 2259, 2568, 2586, 2660, 2684, 2705, 2738, 2809.

LIÊN ĐỐI (tính) (Solidarité) : 344, 361, 953, 1699, 1849, 1939tt, 2224, 2239, 2281, 2402, 2407, 2438tt, 2494, 2496, 2829, 2831, 2850.

LIÊN LẠC (mối) (Relation):

-giữa thiên chúa và loài người : 216, 229, 796, 1039, 1101, 1146, 1812;

-giữa người ta với nhau : 2199, 1606, 1807, 2201, 2207, 2213, 2230, 2238;

-giữa Ba Ngôi : 240, 251tt, 711.

LINH ĐẠO (Spiritualité) : 2684, 2705.

LINH HỒN (Âme) : 33, 37, 360tt, 400tt, 786, 908, 990tt, 1021tt, 1035, 1038, 1323, 1703tt, 1813, 1934, 2002, 2332, 2516, 2562;

-Chúa Ki-tô : 466tt, 625tt, 650, 1042, 1378.

LINH MỤC (Prêtre) : 611, 857, 877, 886tt, 1088, 1105, 1175, 1256, 1290tt, 1312tt, 1337, 1348, 1350, 1376tt, 1424, 1448, 1456, 1464tt, 1480, 1494, 1516, 1519, 1547tt, 1553, 1562tt, 1572tt, 1577tt, 1581tt, 1623, 1630, 1669, 1673;

-của Giao ước cũ : 433, 436, 1150;

-Chúa Kitô : 540, 662, 783tt, 1069, 1083, 1137, 1141tt, 1348, 1544tt, 1564, 1585tt, 2747, 2749.

LINH MỤC ĐOÀN (Presbyterium): 877, 1354, 1369, 1567tt, 1588.

LOẠI BỎ / GẠT BỎ (exclu / Exclusion / Exclusif) : 361, 605, 970, 1033, 1178, 1179, 1374, 1425, 1443, 1445, 1470, 1635, 1638, 1645, 1861, 2231, 2277, 2349, 2357, 2361, 2376, 2387, 2390, 2424, 2792.

LOẠN LUÂN (sự) (Inceste) : 2356, 2388tt.

LỖI LỜI THỀ / BỘI THỀ (Parjure) : 1756, 2152tt, 2476.

LỖI PHẠM / VI PHẠM (Transgression) : 2069.

LỜI (Ngôi) (Verbe) : 241, 291, 320, 359, 423, 456tt.

LỜI KHUYÊN CỦA PHÚC ÂM (các) (Conseils Évangéliques): 873, 14tt, 1973tt, 2053.

LỜI NGUYỆN / NGUYỆN GÃM (Oraison): 2699, 2709tt, 2731, 2765.

LỜI THIÊN CHÚA (Parole De Dieu): 81tt, 2653tt.

LUẬT (Loi) :

-Luật cũ : 62, 238, 322, 348, 401, 555, 700tt, 751, 1081, 1502, 1609tt, 1952, 1961tt, 1968, 2196, 2382, 2542;

-Luật mới : 459, 715, 782, 1114, 1210, 1284, 1933, 1952, 1965tt, 2030, 2055;

-Chúa Ki-tô và lề luật : 422, 527, 531, 574tt, 782;

-Luật Thiên Chúa : 359, 1639, 1650, 1778, 1786tt, 1844, 1855, 1859, 1952, 2058tt, 2222;

-Luật tự nhiên : 1626, 1901, 1952tt, 2036, 2070tt, 2235;

-Luật Hội Thánh : 1626, 1952;

-Luật luân lý : 1706, 1740, 1776tt, 1860tt, 1950tt, 2039, 2269tt, 2282, 2291tt, 2312, 2349, 2357, 2384, 2387tt, 2526;

-Luật hiến định : 1902, 1904, 1916, 1952, 1959, 2273, 2286, 2384, 2386, 2409;

-Luật thị trường : 2425;

-Luật cầu nguyện : 2742;

-Luật nên thánh : 2811.

LUẬT LUÂN LÝ (Règle morale) : 24, 75, 1751, 1789, 1907, 1950tt, 1959, 2933, 2407.

LUYỆN NGỤC (Purgatoire) : 1030tt, 1472.

LỬA (Feu) : 1147, 2058, 2059, 2129, 2446, 2584, 2717, 2785;

-của Chúa Thánh Thần : 696, 718, 1127, 2617;

-đời đời : 1031tt.

LUỖI BIẾNG (tính) (Paresse) : 1866, 2094, 2128.

LƯƠNG TÂM (Conscience) : 33, 912, 1014, 1385, 1435, 1454, 1458, 1480, 1700, 1706, 1749, 1776tt, 1806, 1848tt, 1860, 1903, 1907, 1962, 1971, 2039, 2071, 2106, 2242tt, 2311, 2524.

LƯƠNG THỰC (Nourriture) :

-Thánh kinh : 104, 131tt, 162, 1122, 1269, 2040, 2654, 2665;

-Thánh Thể : 728, 948, 1003, 1020, 1244, 1323, 1335, 1342, 1355, 1392, 1394, 1426, 1436, 2040, 2464;  
-vật chất : 2288, 2408, 2417, 2447, 2828tt.  
LƯU ĐÀY (Exil) : 710, 769, 1801, 1093, 2011, 2581, 2795, 2811.  
LY / CHÉN (Calice) : 1574.  
LY DỊ (Divorce) : 1650, 2382tt.  
LY GIÁO (Schisme) : 817, 2089.  
LÝ TRÍ (Raison) : 35tt, 50, 156tt, 274, 286, 377, 812, 1319, 1704tt, 1731, 1767, 1778, 1781tt, 1804, 1849, 1951, 2037, 2040, 2071, 2312, 2408, 2535, 2727.

## M

MA QUỶ / QUỶ / XA-TAN (Diable / Démon / Satan) : 391tt, 538tt, 635, 1086, 1673, 1780, 1237, 1673, 2113tt, 2482, 2538, 2851tt.  
MA-RI-A (Đức) (Marie) :  
-niềm tin của Mẹ : 148tt, 165, 273, 494, 2618;  
-cuộc đời của Mẹ : 484, 490tt, 529, 721, 2097;  
-là Mẹ Chúa Ki-tô : 437, 455tt, 726, 963tt, 1014, 1171;  
-và Giáo Hội : 829, 963tt, 972, 1172, 1370, 1477, 1655, 1717, 2146, 1617, 2674, 2676tt;  
-là E-và mới : 411, 726.  
MA TÚY (Drogue) : 2211, 2291,  
MA THUẬT (Magie) 1852, 2115tt.  
MAGNIFICAT (kinh) (Magnificat): 2097, 2619.  
MAI TÁNG (sự) (Ensevelissement): 1214, 1300.  
MẠI DÂM (nạn) (Prostitution): 2355.  
MAN-NA (Manne) : 1094, 1334.  
MANG TỘI / MẮC TỘI (Coupable): 598, 678, 982, 1439, 1455, 1791, 1864, 2264, 2286, 2297, 2476, 2477.

MÁU (Sang) : 153, 433, 442, 505, 517tt, 766, 781tt, 808, 826tt, 852, 948, 981, 994, 1105tt, 1125, 1244, 1258, 1275, 1308, 1323, 1331tt, 1350tt, 1381tt, 1046tt, 1426, 1442, 1524, 1261, 1846, 1867, 1991, 2042, 2177, 2259tt, 2298, 2305, 2474, 2618, 2817.

MẶC KHẢI (Révélation) : 14, 26, 35tt, 50tt, 101, 105, 114, 124, 129, 142, 150tt, 201, 235tt, 272, 287, 294, 337, 384, 387tt, 401, 438, 442, 474, 502, 515, 544, 561, 648, 684, 702, 707, 732, 753, 891, 992, 1046, 1066, 1103, 1701, 1814, 1846, 1952, 10980, 2059, 2085, 2115, 2143, 2204, 2387, 2419, 2500, 2568, 2583, 2642, 2779.

MẦM SỐNG (Germe) : 32, 541, 669.

MÂN CÔI / MÔI KHÔI ( kinh; Rosaire): 1674.

MÀU NHIỆM (sự) (Mystère) : 50tt, 122, 158, 190, 599, 1066, 1099, 1103, 2587, 2603, 2655, 2771, 2823;

-đức tin : 24, 385, 463, 2558;

-Thiên Chúa : 42, 206, 234, 685, 963, 1027tt, 2143tt, 2331, 2500tt, 2807tt.

MÀU NHIỆM (có tính chất) (Mystique) : 771, 791, 863, 886, 958, 1070, 1119, 1396, 1474, 1477, 2014.

MÂY (áng) (Nuée) : 554tt, 659, 697, 707, 1094, 2058.

MẸ (người) (Mère) : 716, 1245, 1605, 1616, 1657, 1683, 1737, 1858, 2057, 2197tt, 2214tt, 2232, 2335, 2599.

MÊ-SI-A (Đấng) (Messie): 410, 436tt, 524, 528, 535, 540, 556, 559, 590, 664, 674, 702, 711tt, 840, 1286, 2579, 2585.

MỒ (Tombeau) : 525tt, 640.

MÔN ĐỆ / MÔN ĐỒ (Disciple) : 4, 243, 542, 618, 767, 949, 1248, 1257, 1506, 1533, 1693, 1717, 1816tt, 2156, 2233, 2427, 2470, 2475, 2544, 2611tt, 2791, 2844.

MỘT / NHẤT THỂ / ĐỘC NHẤT (Un / Unicité / Unique): 101, 200tt, 242, 365, 441tt, 738, 791, 2085tt.

MÙ QUÁNG (sự) (Aveuglement) : 600, 1740, 2088.

MÙA CHAY (Carême) : 540, 1095, 1438.

MÙA VỌNG (Avent) : 524, 1095.

MỤC TỬ (Berger) : 437, 486, 525, 589, 563, 752, 1036, 2665.

MỤC TỬ (Pasteur) : 816, 857, 881, 891tt, 1516, 1558tt, 1585, 2179.

-Chúa Ki-tô : 553, 764, 896, 1465, 1548, 2686.

MỤC VỤ (Pastoral) : 6, 132, 857, 879, 886, 890, 927, 1175, 1560, 1571, 1669, 2172, 2352.

MYRON / DẦU THÁNH / DẦU THƠM / THUỐC THƠM (dùng trong phép Thêm sức) (Myron / Chrème) : 1183, 1289tt.

## N

NĂM PHỤNG VỤ / (Année Litur - gique): 524, 540, 1096, 1163, 1168tt, 2698.

NGÀY (Jour) : 337tt, 527, 554, 627, 631tt, 994, 1166, 1343, 2168tt, 2174, 2104.

-bốn mươi ngày : 538, 540, 583, 659;

-ngày của Chúa : 972, 1163, 1166tt, 2170, 2174tt, 2184tt;

-sinh : 2215;

-ngày chết : 1682;

-ngày sau cùng : 409, 672, 678, 841, 989, 994, 1001tt, 1524, 2730.

NGÃU TƯỢNG / THỜ NGÃU TƯỢNG (Idole / idolâtrie) : 57, 1447, 2097, 2112tt, 2132, 2289, 2380, 2534, 2567, 2779.

NGHÈO KHÓ (Pauvre) : 64, 238, 489, 544, 559, 633, 709tt, 724, 832, 852, 886, 1033, 1373, 1397, 1587, 1658, 1717, 1825, 1941, 2172, 2208, 2443tt, 2660, 2713;

-Chúa Ki-tô : 517, 525, 1351, 1506, 2408.

NGHÈO KHÓ (đức) (Pauvreté) : 915, 2053, 2544tt, 2710, 2833.

NGHI THỨC (Rite) : 522, 835, 923, 1075, 1125, 1149, 1203, 1214, 1234, 1262, 1289, 1293, 1513, 1573, 2180.

NGHỈ NGƠI (sự) (Repos) : 30, 1193, 2216;  
 -ngày sa-bát, ngày Chúa nhật : 314, 583, 624, 1166, 1726, 2057, 2168tt, 2184.  
 NGHĨA TỬ (phận làm) (Adoption): 1, 257, 270, 422, 465, 505, 654, 690, 693, 736, 839, 1110, 1129, 1709, 2009, 2241, 2740, 2782, 2784, 2825.  
 NGHĨA VỤ (Obligation): 900, 931, 2063, 2072tt, 2106, 2180tt.  
 NGHIỆP ĐOÀN / CÔNG ĐOÀN (Sindicat): 2430.  
 NGOẠI BANG / NGOẠI QUỐC (người)(Étranger): 2241.  
 NGOẠI TÌNH (Adultère): 1447, 1650, 1736, 1756, 1853tt, 2052tt, 2196, 2330, 2336, 2380tt, 2388, 2513, 2517, 2737.  
 NGÔI LỜI (Logos): 813.  
 NGÔI / VỊ (Hipostase): 251, 252, 468.  
 NGÔI VỊ (Personnes): 31, 154, 357tt, 408, 646, 814, 878, 1088, 1142, 1261, 1295, 1466, 1501, 1603, 1643, 1700tt, 1730, 1777, 1878tt, 1907, 1929tt, 1956, 2158, 2273;  
 -Ba Ngôi Thiên Chúa : 53, 189tt, 253tt, 432, 466, 580, 813, 996.  
 NGÔN SỨ (Prophète) : 61tt, 75, 201, 218, 243, 288, 332, 436, 522tt, 555, 558, 583, 672, 674, 678, 687, 702, 707, 762, 796, 1081, 1286, 1430, 1611, 1964, 1970, 2055, 2100, 2115, 2380, 2543, 2578tt, 2642, 2697, 2783, 2787, 2811;  
 -Chúa Ki-tô : 436, 783, 1241, 1546, 1581;  
 -Gio-an Tẩy Giả : 532, 717tt.  
 NGỦ THIẾP ĐI (sự) (Dormition): 966.  
 NGŨ TUẦN (lễ) (Pentecôte) : 595, 599, 696, 715, 731tt, 767, 830, 1076, 1152, 1226, 1287tt, 1302, 2617, 2623, 2818.  
 NGUỘI LẠNH / LẠNH NHẠT (sự) (ACÉDIE) : 1866, 2098, 2733.  
 NGUỒN MẠCH (thần linh) (Source) (divine) : 75, 80, 131, 190, 234, 245, 285, 291, 301, 388, 536, 556, 655, 683, 694, 749, 812tt, 828, 850, 864, 874, 966, 970, 1045, 1074, 1078tt, 1120, 1179, 1218, 1254, 1324, 1449, 1615, 1642, 1723,

1851, 1955, 1999, 2011, 2052, 2121, 2129, 2214, 2465, 2500, 2561, 2626, 2639, 2652, 2658, 2671, 2676, 2789, 2845.

NGUY KHỐN / KHỐN KHÓ (Détresse) : 672, 2218, 2409, 2588, 2606, 2701, 2854.

NGUYỄN TỘI : 1245.

NGUYỄN VỆ (sự) (Intégrité):

-của con người : 2274tt, 2297tt, 2338tt, 2356, 2381;

-của sự sáng tạo : 2415tt.

NGUYỄN GẤM / LỜI NGUYỄN (Oraison): 2699, 2709tt, 2731, 2765.

NGŨA THAI (Contraception) : 2370.

NGƯỜI (Homme) : 1, 101, 109, 208, 990;

-có khả năng nhận biết Thiên Chúa : 27tt, 50tt;

-sự sáng tạo : 282tt, 307, 311tt, 343, 355tt, 1602tt, 2231tt;

-sa ngã : 390, 396tt, 705, 1606tt;

-on gọi : 410, 425, 450, 519, 541tt, 759tt, 836, 1699tt, 1870tt, 1962, 2085;

-hình ảnh Thiên Chúa : 1701tt, 1962, 2501, 2566;

-bị thương tổn : 1849tt, 2483;

-quyền lợi : 1930, 2279, 2306;

-nam và nữ : 355, 369tt, 1604, 1652, 1929, 2331tt, 2433.

## **NH**

NHÀ CAI TRỊ (các) (Gouvernants) : 2199, 2213, 2308.

NHÀ TAM (Tabernacle) : 1183, 1330, 1379.

NHÂN BẢN (Humain) :

-hữu thể con người : 359, 1246, 1604, 1648, 1700, 1738, 1783, 1790, 1804, 1813, 2224, 2258, 2261, 2270, 2273tt, 2281, 2295tt, 2304, 2334, 2414, 2426, 2501, 2832;

-trái tim con người : 1432, 2500.

NHÂN HẬU (lòng) (Bienveillance) : 214tt, 1037, 1829, 1900, 1937, 2213, 2416, 2540.  
NHÂN LOẠI (Genre humain) : 28, 38, 55, 56, 297, 353, 359, 360, 404, 491, 494, 775, 782, 831, 842, 1042, 1045, 1167, 1685, 1718, 2305, 2402, 2452.  
NHÂN TÍNH (Humanité) : 56tt, 371, 400, 402tt, 616, 661;  
-sa ngã : 1432, 2500.  
NHẬN BIẾT (Thiên Chúa) (Connaissance) (de Dieu) : 31tt, 94, 157tt, 216, 286tt, 386, 428tt, 448, 683, 851, 2197.  
NHẬN ĐỊNH (Discernement) : 407, 801, 1676, 1780, 2690, 2820, 2846tt.  
NHẪN NẠI (tính, đức) (Patience) : 227, 854, 1466, 1825, 1832, 2104, 2447, 2522, 2772;  
-của Thiên Chúa : 1932, 2811, 2822.  
NHẬP THỂ (sự) (Incarnation) : 237, 258, 309, 333, 429, 432, 461tt, 464tt, 470, 512, 517, 519, 521, 528, 606tt, 653, 661, 686, 690, 727, 1159, 1171, 1174, 2602, 2666.  
NHẬP VÀO THÂN THỂ (Incorporation) :  
-Chúa Ki-tô : 1010;  
-Hội Thánh : 837, 1396.  
NHẤT THỂ / ĐỘC NHẤT / MỘT (Unicité / Unique / Un) :  
xem MỘT / NHẤT THỂ / ĐỘC NHẤT.  
NHE (tội) (Véniel) : 1447, 1458.  
NHÌN XEM / THỊ KIẾN (Vision) : 65, 163, 294, 360, 633, 664, 684, 707, 712, 1012, 1023, 1028, 1032, 1045, 1274, 1602, 1720, 1727, 2090, 2144, 2244, 2257, 2519, 2548.  
NHIỆT THÀNH (sự) (Zèle) : 579, 584, 2442.  
NHO / RƯỢU NHO / CÂY NHO (Vin / Vigne) : 736, 755, 1027, 1106, 1333tt, 1345, 1375tt, 1403tt, 1988, 2074, 1356.  
NHỤC DỤC (Concupiscence) : 377, 405, 978, 1264, 1426, 1923, 2514tt, 2534.  
NHƯNG KHÔNG (Gratuité) : 1250, 2728.

## O

ÔN KÊU GỌI (Vocation) : 27, 44, 130, 289, 332, 373, 490, 505, 518, 539, 549, 762, 784, 821, 835, 863, 898, 959, 1121, 1260, 1533, 1583, 1603, 1656, 1699tt, 1877, 1886, 1907, 1928, 1962, 1974, 1998, 2021, 2030, 2085, 2226.

## P

PHÁ THAI (sự) (Avortement): 2270tt.

PHẠM THÁNH (lời) (Blasphème) : 574, 589, 1034, 1756, 1856, 2148.

PHẠM THÁNH (hành vi) (Sacrilège): 1956, 2118, 2120, 2139.

PHÁN XÉT (Judgement) : 119, 215, 333, 1676, 1861, 2032, 2037, 2223, 2244, 2246, 2309, 2420, 2423, 2477, 2486;

-thế gian này : 2853;

-của lương tâm : 1749, 1777tt, 1783, 1786tt, 1806, 2039;

-của Thiên Chúa : 1465, 1470;

-đạo lý : 553;

-cánh chung : 676tt, 1023, 1038tt, 2831;

-sai lầm : 1790tt;

-riêng : 1021tt.

CÔNG NGHỊ DO THÁI (Sanhédrin): 443, 591, 596, 1218.

PHÁT TRIỂN (sự) (Développement)

-của Giáo Hội : 1201, 2063, 2421;

-của kinh tế : 1908, 1936, 1942, 2293, 2344, 2426, 2438tt.

PHẨM GIÁ (Dignité) : 27, 154, 225, 308, 356tt, 369, 782, 872, 1004, 1468, 1645, 1676, 1691tt, 1700tt, 1911, 1913, 1929tt, 1956, 2038, 2106, 2126, 2155, 2203, 2213, 2235tt, 2261, 2267, 2275, 2284tt, 2304, 2334tt, 2354tt, 2402, 2414, 2418, 2424, 2467, 2479, 2494, 2736.

PHẨM TRẬT (Hiérarchie) : 785, 871tt, 904, 1569, 2632;

-các giá trị : 1886, 2236, 2244, 2425;  
 -các chân lý : 90, 234;  
 -cố phạm trật : 771, 874, 1206, 1547, 1559.  
 PHẦN CHIA (những ) (Divisions) : 791, 818, 821, 855, 1336, 1389, 2486, 2791tt.  
 PHÉP LẠ (Miracle) : 156, 434, 468, 547tt, 1335, 2004.  
 PHÊ-RÔ (Pierre) : 85, 153, 194, 208, 424, 440tt, 552, 586, 599, 641, 715, 765, 816, 838, 862tt, 877, 880tt, 1226, 1288, 1369, 1444, 1481, 1851, 2121, 2262, 2600.  
 PHÓ TẾ (bậc) (Diaconie) : 1569, 1587.  
 PHÓ TẾ (thầy) (Diacre) : 886, 896, 1142, 1256, 1345, 1354, 1369, 1538, 1543, 1544tt, 1569tt, 1630.  
 PHONG TỤC (Moeurs) : 407, 1958, 2045, 2105, 2286, 2498, 2526.  
 -đức tin và phong tục : 24, 92, 890tt, 907, 2034;  
 -của Thiên Chúa : 470.  
 PHONG PHÚ / SINH NHIỀU HOA TRÁI (Fécond / Fécondité) : 80, 156, 372, 485, 696, 723tt, 864, 887, 1580, 1158, 1218, 1550, 1574, 1604, 1607, 1642tt, 1651, 1897, 2074, 2221, 2335, 2363, 2366tt, 2376, 2379, 2405, 2527.  
 PHÔI THAI (Embryon) : 2271tt, 2378.  
 PHỔ QUÁT / TOÀN CẦU (Universalité / Universel) : 830tt, 1911, 2401.  
 PHỤ NỮ (Femme) : 64, 154, 239, 355, 369tt, 400, 411, 422, 488tt, 640tt, 791, 918, 924, 965, 1080, 1368, 1577, 1601tt, 1649tt, 1736, 1929, 1938, 2103, 2202, 2207, 2331tt, 2353tt, 2360tt, 2384tt, 2433, 2513, 2522.  
 PHÚC ÂM HÓA (Évangélisation) : 905, 927tt.  
 PHÚC THẬT (Béatitude) : 16, 257, 293, 294, 1022, 1048, 1257, 1700, 1703, 1720tt, 1762, 1768, 1818, 1855, 1863, 1877, 1934, 1949, 1950, 2034, 2547, 2548, 2639.  
 PHỤC SINH / SỐNG LẠI (ressuscité / résurrection) : 349, 366, 428, 556, 625, 639tt, 659, 860, 966, 988tt, 1023, 1026, 1038, 1096, 1163tt, 1214, 1323, 1330, 1337tt, 1391, 1429,

1449, 1468, 1523, 1681, 1689, 1988, 2042, 2174, 2300, 2606, 1641, 1719, 2741, 2746, 2795, 2816.

PHỤNG TỰ (Culte) : 28, 78, 347, 527, 815, 839, 901, 971tt, 1070, 1089, 1093, 1123, 1148, 1178tt, 1273, 1378, 1553, 1564, 2035, 2095tt, 2631tt, 2175tt, 2289, 2581.

PHỤNG VỤ (Liturgie): 3, 11, 15, 26, 127, 288, 355, 499, 560, 683, 691, 721, 1012, 1066tt, 1076, 1084tt, 1091tt, 1119, 1124tt, 1136tt, 1200, 1273, 1330, 1554, 1674, 2031, 2655tt, 2665, 2686, 2746;

- Thánh Thể: 559, 1037, 1332, 1346, 1362, 1378, 1572, 2631, 2711, 2770, 2837;

- Và thời gian: 524, 1168, 1389;

- Do Thái: 1096, 2588;

- Các Giờ Kinh: 1174tt, 1437, 2698;

- Và các bí tích: 1212tt, 1512, 1537tt, 1867, 1630, 2558;

- Lời Chúa: 1103, 1154, 1184, 1346, 1349, 1482, 1518, 1588, 1688, 2183;

- Phục Sinh, Vượt Qua: 1217, 2047;

- và văn hóa: 1204tt, 2503.

PHƯỚC LÀNH / CHÚC LÀNH: (Bénédiction): 163, 492, 1009, 1077, 1078, 1079tt, 1217tt, 1245, 1328, 1334, 1347, 1353, 1360, 1375, 1396, 1402, 1538, 1624, 1630, 1642, 1669tt, 1717, 2090, 2373, 2589, 2626tt, 2701, 2767, 2781, 2803, 2834.

PHƯƠNG TIỆN TRUYỀN THÔNG (các)(Médias): 2496, 2498, 2523.

## Q

QUÁ CỐ (người)(Défunts): 298, 335, 958, 1032, 1354, 1371, 1479, 2300.

QUAN PHÒNG (Chúa)(Providence): 37, 57, 302tt, 373, 395, 1040, 1884, 1951, 2115, 2404, 2547, 2679, 2738, 2830.

QUANG LÂM (Parousie): 1001.  
QUẦN CHÚNG / BÌNH DÂN (Populaire): 1158, 1674, 1686, 2678.  
QUÊ HƯƠNG (Patrie): 2199, 2212, 2239tt, 2310;  
- trên Trời: 117, 972, 1469, 1475, 1525, 2011, 2795.  
QUỐC GIA / DÂN TỘC (Nation): 57, 172, 664, 781, 849, 1038, 1267, 1901, 1911, 1915, 1941, 2237, 2241, 2281, 2309tt, 2437tt.  
QUI LUẬT CẦU NGUYỆN (Lex Orandi): 1124, 1126.  
QUY TỘI / QUI TRÁCH NHIỆM (Imputabilité): 1735, 1860, 2125, 2355.  
QUỶ / MA QUỶ / SATĂNG (Démon / Diable / Xa-tan) xem MA QUỶ.  
QUYỀN GÓP (sự)(Collecte): 1351.  
QUYỀN HÀNH (Pouvoir):  
- Của Thiên Chúa: 449, 646, 668, 765, 975, 1441;  
- Của con người: 450, 875, 882tt, 1628, 1731, 1861, 1884;  
- các thủ lãnh: 553, 981tt, 1442;  
- của các nước: 1904, 1907, 2108, 2209, 2229, 2239, 2244, 2310tt.  
QUYỀN LỢI (Droit): 360, 1738, 1740, 1778tt, 1807, 1882, 1886, 1901, 1904tt, 1930tt, 1956, 2007, 2032, 2070, 2104tt.  
QUYỀN NĂNG (Pussance):  
- của con người: 124, 131, 395, 1305, 1508, 1705, 1804, 1827, 2116, 2309, 2367, 2426, 2547, 2713, 2827;  
- của Thiên Chúa: 205, 256, 268tt, 310, 428, 434, 445, 496, 646, 668, 671, 736, 828, 1092, 1115, 1353, 1372, 1992, 2657, 2778, 2855.

## **R**

RĂN ĐỀ (Dissuasion): 2315.

RÔ-MA (Rome): 85, 194, 247, 834, 877, 882, 892, 1291, 1383, 1559, 1577.

RÔ-MA (phụng vụ) (Romain)(liturgie): 335, 469, 1203, 1233, 1242, 1298tt, 1513, 1686, 2777.

RỬA TỘI (phép)(Baptême): 14, 168, 172, 189, 197, 165, 404tt, 507, 535tt, 628, 683, 691, 695tt, 701, 782, 784, 790, 798, 818, 838, 846, 871, 897, 903, 916, 950, 977tt, 1002tt, 1023, 1064, 1094, 1119tt, 1141, 1185, 1210tt, 1213tt, 1275tt, 1286, 1288, 1290tt, 1294, 1298tt, 1211tt, 1322, 1396, 1425tt, 1434, 1446, 1447, 1523, 1533, 1535, 1546, 1582, 1617, 1694, 1987, 1992, 1997, 2042, 2068, 2155tt, 2220, 2340, 2345, 2520, 2565, 2600, 2670, 2791, 2813;

- của Chúa Ki-tô: 438, 444, 527, 528, 535tt, 556, 1223tt;

- của Gioan: 523, 720.

RƯỢU NHO / CÂY NHO / NHO (Vin / Vigne): xem NHO / RƯỢU NHO / CÂY NHO.

## S

SA-BÁT (ngày)(Sabat): 314, 345tt, 574, 582, 641, 1166, 2002, 2167tt, 2190, 2586.

SA NGÃ (sự)(Chute): 55, 215, 257, 279, 289, 385tt, 548, 760, 1609, 1642, 2568.

SÁCH (Livre):

- Thánh Kinh: 77, 104tt, 112, 120tt, 303, 446, 702, 712, 1061, 1807, 2056, 2585, 2587;

- Lời Chúa, các Phúc Âm: 1154, 1574.

SAI LẦM / LẦM LẠC (Erreur / Erroné):

- tội nguyên tổ: 407, 844, 856;

- về giáo lý: 38, 108, 250, 286, 890, 1550.

SÁM HỐI / ĐÈN TỘI (Pénitence): 827, 853, 920, 980tt, 1032, 1185, 1422tt, 2043.

SÁNG TẠO (Đấng)(Créateur): 43, 199tt, 238, 279tt, 325, 338tt, 814, 992, 1008, 1078, 1148, 1333tt, 1350, 1604tt, 1701, 1730, 1951, 1954, 1959, 2007, 2036, 2069, 2096, 2258, 2261, 2273, 2335, 2362tt, 2382, 2415, 2501, 2566tt, 2628, 2809, 2820.

SÁNG TẠO (sự)(Création): 31, 190, 198, 216, 235, 257, 280tt, 326, 332, 337tt, 355, 358, 374tt, 396tt, 536, 648, 703tt, 715, 792, 1040, 1045tt, 1066, 1082, 1138, 1145tt, 1224, 1265, 1328, 1333, 1350, 1358tt, 1469, 1602tt, 1692, 1700, 1855, 1999, 2058, 2105, 2169tt, 2293, 2336, 2402, 2415tt, 2500, 2566, 2569tt, 2586, 2589, 2606, 2630, 2637, 2666, 2705, 2746, 2809, 2814, 2852.

SÁT NHÂN (Homicide) : 394, 1033, 1447, 1756, 2263tt, 2268tt, 2852.

SIÊU NHIÊN (Surnaturel) : 91tt, 179, 367, 659, 889, 1266, 1722, 1998tt.

SIÊU VIỆT (tính) (Transcendance) : 42, 212, 239, 285, 300, 443, 647.

SINH CON CÓ TRÁCH NHIỆM (Paternité/ Maternité Responsable): 368.

SINH LẠI (sự) (Naissance; Nouvelle): 169, 505, 526, 591, 683, 694, 720, 782, 963, 1215, 1219, 1225, 1250, 1262, 1355, 1426, 1682, 1995, 2709, 2769.

SINH NHIỀU HOA TRÁI / PHONG PHÚ (Fécond / Fécondité) : xem

PHONG PHÚ .

SOI SÁNG (ơn) (Illumination) : 1216.

SON SẼ (sự) (Stérilité) : 375, 2379.

SỐ PHẬN (Destin) : 221, 257, 295, 302, 311, 365, 398, 412, 488tt, 600, 782, 1008, 1013, 1021, 1036tt, 1047, 1703, 2012, 2244, 2371, 2377, 2782.

SỐNG (sự) (Vie) : 1, 17, 23, 37, 44, 68, 89, 103, 122, 131, 141, 166, 197, 222, 256, 268, 282, 294tt, 312, 336, 359, 360tt, 372, 386, 402tt, 488, 493, 507, 544, 582, 625, 631,

647, 652, 668, 674, 703, 728, 814, 821, 843, 898tt, 940tt, 954, 966, 974, 989, 990, 1034, 1057, 1068, 1073, 1080, 1090, 1146, 1165, 1189, 1220, 1345, 1368, 1392, 1500tt, 1603, 1641, 1653, 1660, 1677, 2032tt, 2198, 2207, 2258tt, 2366; -kitô giáo, đức tin : 5, 6, 13, 169, 234, 259, 336, 405, 537, 628, 638, 654, 683, 740, 753, 819, 899, 968, 977, 1064, 1071, 1210, 1225tt, 1374, 1391, 1420tt, 1617, 1679, 1691tt, 1699tt, 2013, 2226, 2558tt, 2697tt;

-của Thiên Chúa : 1, 52, 202, 211, 236, 245, 257, 265, 291, 320, 356, 357, 426, 459, 473, 485, 505, 541, 646, 661, 689, 694, 705, 713, 735, 759, 770, 1050, 1127, 1997, 2782;

-cuộc đời Chúa Giê-su : 125, 126, 149, 333, 411, 425, 438, 447, 478, 486, 512tt, 571tt, 754, 755, 786tt, 809, 1085, 1091, 1115, 1341, 1409;

-sinh hoạt của Giáo Hội : 78, 94, 130, 193, 334, 855, 860, 893, 899, 910, 1087, 1343, 1407, 1572, 1669, 2177, 2472; -vĩnh cửu : 55, 161, 184, 309, 324, 425, 458, 612, 679, 686, 893, 983, 988, 992tt, 1020tt, 1336, 1524, 1532, 1680, 1684, 1998, 2002, 2052, 2820;

-sinh hoạt xã hội : 1148, 1152, 1882tt, 2069, 2207, 2410, 2419, 2442, 2459.

**SỐNG LẠI / PHỤC SINH (Résurrection / Ressuscité) : xem PHỤC SINH.**

**SỢ HÃI / KÍNH SỢ (Crainte) : 635, 714, 1041, 1299, 1303, 1453, 1628, 1642, 1735, 1754, 1765, 1769, 1828, 1931, 1964, 1972, 2090, 2116, 2144, 2217, 2282.**

**SÙNG ĐẠO / SÙNG MỘ (sự) (Dévotion) : 1178, 1676, 2101, 2208.**

**SUY NIỆM (Méditation) : 28, 197, 1154, 1162, 2186, 2588, 2699, 2705tt, 2729.**

**SUY PHỤC (sự) (Soumission) :**

-của con người : 154, 341, 396, 517, 576, 786, 801, 1951, 1955, 2089, 2097, 2239, 2240, 2516, 2579;

-của "Chúa Ki-tô" : 527, 532, 1009.

SỰ PHẠM (khoa) (Pédagogie) : 53, 122, 684, 708, 1145, 1609, 1950, 1964, 2339.

SỨ MẠNG (Mission) :

-của các tông đồ : 2, 551tt, 766, 858tt, 1223;

-của Giáo Hội : 6, 257, 730, 737tt, 782, 811, 849, 890, 913, 1201, 1538, 2246, 2818;

-đi tới các dân ngoại : 1122, 1533, 1565, 2044, 2419;

-của Chúa Ki-tô, của Chúa Thánh Thần : 237, 244, 394, 430tt, 485, 502, 536, 606, 669, 689tt, 1108, 2600.

SỨC KHỎE (Santé) :

1293, 1421, 1459, 1509tt, 1532, 1900tt, 2010, 2117, 2185, 2250, 2275, 2288tt, 2710.

SỨC MẠNH (Force) : 1, 24, 37, 50, 104, 124, 131, 160, 201tt, 269, 272, 293, 302tt, 395, 405, 655, 661, 695, 712, 760, 819, 822, 851, 909, 929, 1002, 1218, 1285, 1293, 1299, 1303tt, 1353, 1375, 1394, 1421, 1432, 1460, 1496, 1504, 1508, 1518, 1520, 1550, 1566, 1586, 1615, 1624, 1642, 1687, 1704, 1722, 1803, 1805, 1808, 1811, 1831, 1902, 1930, 1963, 1972, 1998, 2013, 2044, 2054, 2057, 2083, 2119, 2196, 2173, 2304, 2309, 2338, 2517, 2584, 2610, 2837, 2846, 2848.

## T

TÀ DÂM (Fornication) : 1755, 1852, 2353, 2534.

TÀ THUYẾT (Hérésie) : 465tt.

TÀI SẢN (các) (Biens) : 17, 146, 293, 312, 360, 377, 412, 420, 622, 819, 831, 933, 947, 949tt, 952, 955, 1439, 1468, 1475tt, 1642tt, 1697, 1728, 1740, 1809tt, 1849, 1855, 1863tt, 1937, 1940tt, 1954, 2010, 2121, 2197, 2288, 2304, 2333tt, 2401tt, 2407tt, 2412tt, 2514, 2534tt, 2544, 2559, 2728, 2736, 2830, 2833, 2847.

TÁI SINH (sự) (Régénération) : 784, 1141, 1215, 1262, 1270, 1587.

TAM NHẬT VƯỢT QUA (Triduum Pascal) : 1168.

TÀN TẬT / TẬT NGUYỄN (Infirmités): 517, 978, 1505, 1523, 1448, 2616.

TÀU ÔNG NÔ-E (Arche) : 845, 1094, 1219, 2058, 2130, 2578, 2676.

TĂNG TRƯỞNG (sự) (Croissance) : 7, 94tt, 387, 766, 794, 798, 874, 910, 1049, 1102, 1210, 1303, 1308, 1392, 1700, 1731, 2003, 2010, 2041, 2186, 2227, 2343, 2651, 2820, 2847.

TÂM TÌNH / TÂM TRẠNG (Mentalités): 1634, 2105, 2727.

TÂN ƯỚC (Nouveau Testament): 124tt.

TẤN PHONG (lễ)(Sacre): 1559.

TẬN THỂ / CÁNH CHUNG (ESCHTOLOGIE): 2771.

TẬN THỂ / HOÀN TẤT (sự)(Consommation): 77, 686, 769, 820, 969, 1045, 1079, 1083, 1096, 1164, 1274, 1769, 2586, 2749.

TẬP ĐOÀN (Collège): 208, 210, 1765, 1866, 2257tt, 2302, 2577.

TẬP HỌP (sự)(Assemblée): 167, 751tt, 771, 946, 1092, 1097tt, 1141, 1144, 1167, 1174, 1329tt, 1348, 1372, 1383, 1880, 2178, 2585tt.

TẬT NGUYỄN / TÀN TẬT (Infirmités): 517, 978, 1505, 1523, 2448, 2616.

TÊN GỌI / DANH (Nom):

- gọi tên Thiên Chúa: 40tt, 239, 254tt, 446, 2784;
- thánh danh do Thiên Chúa mạc khải: 63, 203tt, 431tt, 446, 589, 1066, 2097, 2142tt, 2566tt, 2666, 2759, 2779tt, 2804tt, 2827, 2839, 2849, 2855;
- tên thánh của người Ki-tô hữu: 2156tt, 2479.

TIỆC LY(Cène): 610tt, 832, 1323, 1329, 1340, 1350, 1366, 1403, 2816.

TIỀN BẠC (Argent): 2112, 2172, 2424tt.

TIỀN CÔNG / THÙ LAO (Salaire): 1006, 2434, 2445.  
 TIỀN DẰNG / TRÌNH BÀY (Présentation): 569, 1346, 1350.  
 TIẾNG GỌI (Appel): 1tt, 160, 545tt, 1011, 1036tt, 1142, 1165, 1261, 1396, 1424, 1427tt, 1572tt, 1604, 1644, 1669, 1692, 1719, 1878, 2012tt, 2053, 2158, 2207, 2232tt, 2348tt, 2367, 2465, 2550, 2566tt, 2791, 2831.  
 TIẾNG GỌI / TIẾNG NÓI (Voix): 33, 46, 79, 173, 391, 444, 535, 554, 635, 691, 697, 709, 719, 1001, 1038, 1158, 1174, 1558, 1776, 1779, 1795, 1954, 2002, 2058, 2071, 2259, 2589, 2659, 2701.  
 TIẾT DỤC (sự)(Contenance): 1650, 1832, 2349, 2350, 2370, 2520.  
 TIẾT ĐỘ (Tempérance): 1809.  
 TÌM KIẾM (Thiên Chúa)(sự)(Quête): 26tt, 285, 2566.  
 TIN (Croire): 26, 150tt, 154tt, 191, 313, 875, 891, 1062, 1068, 1814, 2087tt, 2112, 2781.  
 TIN (đức)(FoI):  
 - của các tông đồ: 84, 105, 171, 191, 245, 242, 440, 515, 641tt, 889;  
 - của Giáo Hội, tuyên xưng, giáo lý: 11, 14tt, 26, 67, 88, 90tt, 114, 168, 172, 185tt, 235, 487, 598, 771, 836, 863, 890tt, 988, 1200, 1519, 1692, 1942, 2558, 2570;  
 - hành vi của đức tin: 150, 222, 1200tt, 2098, 2502, 2570;  
 - nhân đức hướng thần: 144, 153tt, 683, 819, 1814tt, 2087tt, 2204, 2617, 2709, 2716;  
 - đời sống đức tin, sự trả lời của con người: 131, 142, 150, 160tt, 273, 357, 548, 651, 1083, 1102, 1248, 1785, 1804, 2038, 2226, 2609, 2611, 2690;  
 - và các bí tích: 784, 977, 1122, 1253, 1303, 1327, 1510, 1644, 1656, 1680.  
 TIN (thiếu lòng)(Incrédulité): 494, 591, 643, 674, 678, 1851, 2089.  
 TIN LÀNH (người)(Protestants): 406.

TIN MỪNG (Evangile): 2, 6, 75tt, 125tt, 514, 515, 1968, 2419, 2761tt, 2816.

TIN TUỞNG (sự)(Confiance): 39, 154, 215, 227, 301, 304, 396tt, 448, 1520, 2086, 2119, 2547, 2579, 2728, 2734, 2738, 2778, 2828. TÍN LÝ (Dogme): 88tt.

TINH THẦN / THẦN KHÍ (Esprit): 24, 37, 108, 153, 159, 202, 299, 471, 632, 651, 712, 730, 737, 892, 1216, 1643, 1764, 2082tt, 2098, 2100, 2196, 2628, 2705;

- trong tinh thần và sự thật: 160, 1179;

- tinh thần và thể xác: 327, 365, 901, 2185, 2515, 2702, 2733;

- các thiên thần: 331, 192, 434, 645;

- tâm trạng: 84, 887, 894, 1386, 1550, 1606, 1658, 2039tt.

TÌNH BẠN / ÂN NGHĨA (Amitié): 277, 355, 396, 1023, 1030, 1395, 1468, 1865, 1939, 2010, 2347, 2359, 2480.

TÌNH CON CÁI / HIẾU THẢO (Piété Filiale): 2215.

TÌNH TRẠNG / BẬC (ÉTAT): xem BẬC / TÌNH TRẠNG.

TÌNH YÊU (Amour):

- của Thiên Chúa : 27, 210, 214tt, 257, 293, 299tt, 604tt, 733, 739, 1040, 1640, 1701, 2331, 2577;

- của Thiên Chúa: 536, 539, 545, 1380, 1503, 1551, 1829;

- của Mẹ Ma-ri-a: 501;

- vợ chồng: 1608tt, 310, 459, 1604;

- của con người: 166, 310, 459, 1604, 2448.

TÍNH DỤC ( Sexualité): 2332, 2336, 2337, 2353, 2360tt, 2370, 2395.

TÍNH THỨC / CẢNH GIÁC (Vigilance): 979, 1036, 2033, 2088, 2496, 2612, 2621, 2638, 2699, 2727tt, 2742, 2754, 2849, 2863.

TOÀN CẦU / PHỔ QUÁT (Universel / Universalité): xem PHỔ QUÁT / TOÀN CẦU.

TỔ PHỤ (Patriarche): 60, 130, 205, 287, 528, 707, 839, 1297, 1610.

TỐI TÂM (nơi)(Ténèbres): 285, 409, 530, 2466.

TÔI THUỖNG (quyền)(Primauté): 304, 792, 881tt.

TỘI LỖI (Péché): 1, 165, 211, 270, 309, 311, 386tt, 392, 430, 457, 493, 523, 535tt, 587, 598, 608, 654, 729, 817, 845, 976tt, 1008, 1073, 1213tt, 1393, 1422tt, 1455, 1502tt, 1550, 1606, 1695, 2739, 1811, 1846tt, 1963, 1987, 1999, 2091, 2120tt, 2839, 2846.

TỘI NHÂN (Pêcheur): 29, 208, 298, 392, 545, 588, 598, 827, 1038, 1224, 1423tt, 1446, 1459, 1470, 1609, 1846, 2317, 2616, 1677, 2728.

TỘI TRẠNG (Culpabilité): 1784, 2352, 2485.

TÔN GIÁO (Religion): 29, 107, 238, 839, 842tt, 1149, 2244, 2569;

- nhân đức tôn thờ: 1807, 1969, 2095tt, 2104tt, 2117, 2125, 2142.

TÔN KÍNH (Vénération): 1154, 1674.

TÔN TRỌNG (sự)(Respect): 82, 209, 299, 341, 448, 818, 1004, 1125, 1269, 1466, 1738, 1789, 1900, 1929tt, 2101, 2145, 2148, 2152, 2188, 2206, 2214tt, 2241, 2259tt, 2276tt, 2284tt, 2350, 2403, 2407tt, 2415tt, 2488tt.

TÔN THỜ (Adortion): 245, 333, 347, 448, 528, 901, 971, 1078, 1083, 1178, 1185, 1378tt, 2096tt, 2143tt, 2502, 2626tt, 2691, 2781, 2807, 2855.

TÔN VINH (Glorifier): 273, 350, 434, 675, 690, 729, 1204, 1589, 2143, 2215tt, 2502, 2640, 2828.

TÔNG ĐỒ (người)(Apôtre): 2tt, 75tt, 126, 171, 173, 194, 553, 611, 641tt, 659, 664, 688, 857tt, 873, 880tt, 949, 981, 1086tt, 1120, 1223, 1313, 1337, 1341, 1349, 1442, 1444, 1461, 1536, 1556, 1560tt, 1575tt, 2068.

TÔNG ĐỒ (việc, sự)(Apostolat): 863tt.

TÔNG ĐỒ (thuộc về) (Apostlique): 6, 75tt, 105, 120, 128, 186, 196, 242tt, 442, 750, 811tt, 815tt, 833, 857tt, 930tt, 1087, 1270, 1328, 1399, 1442, 1550, 1560tt, 1576, 2105.

TỐT LÀNH (Bon): 299tt, 374, 385, 391, 843, 1604, 1749tt, 2516, 2535, 2589, 2828.

TỐT LÀNH (sự)(Bonté): 1, 53, 101, 214, 294tt, 299tt, 311, 339, 970, 1333, 1359, 1613, 1832, 1954, 2091, 2094, 2307.

TU SĨ (Religieux): 897, 916, 925tt, 1174, 1203, 1462.

TUẦN LỄ (Semaine): 560, 1163, 1166, 2174, 2186.

TUNG HÔ / HOAN HÔ (Acclamation): 559, 1154, 1345, 2760.

TUỔI TRẺ / GIỚI TRẺ (Jeunes / Jeunesse): xem GIỚI TRẺ / TUỔI TRẺ.

TÙY TÔNG (tính)(Subsidiarité): 1883, 1885, 1894, 2209.

TUYÊN XUNG (Confession):

- tuyên xưng đức tin: 185tt, 200, 444, 449, 1634;
- bí tích xưng tội: 1424, 1452tt, 1480tt, 2840.

TUYÊN XUNG (sự)(Profession):

- tuyên xưng đức tin: 185tt, 440, 815, 837, 978, 988, 1064, 1229, 1298;
- tuyên khấn các lời khuyên phúc âm: 873, 914tt;
- khấn dòng: 1672;
- nghề nghiệp: 2230tt, 2433.

TUYỆT HẢO / TRỌN LÀNH (Perfection) : 41, 147, 213, 302, 339, 815, 829, 915, 1305, 1374, 1641, 1704, 1731, 1770, 1084, 1827, 1953, 1965tt, 2015, 2289, 2377, 2550.

TUYỆT THÔNG (vạ) (Excommunication) : 1463, 2272, 2322.

TƯ BẢN (chủ nghĩa) (Capitalisme) : 2425.

TƯ HỮU (quyền) (Propriété Privée) : 1295, 2211, 2378, 2401tt, 2412, 2421, 2431.

TƯ TẾ (chức, vị) (Sacerdoce/ Sacerdotal): 63, 662, 782tt, 803, 871, 873, 893, 897, 941, 970, 1070, 1119tt, 1141, 1174, 1188, 1268, 1273, 1279, 1291, 1297, 1305, 1322, 1366, 1388, 1399, 1535, 1539tt, 1554tt, 1657, 1669, 2233, 2604, 1616, 1747, 1750, 1758, 2812, 2815.

TƯ TƯỞNG (Pensées) : 616, 958, 1853, 1965, 2206, 2478, 2520, 2706, 2731.

TỪ BI (lòng) (Miséricorde) : 1791, 1829, 2100;

-công cuộc từ thiện : 1460, 1473, 2185, 2300, 2447;

-từ bi của con người : 1781, 1829, 2100.

TỪ BỎ (Abandonner) : 2115, 2577, 2677.

TỪ BỎ (Abandon) : 305, 1851.

TỰ DO (Libre) :

-Thiên Chúa : 50, 296, 300, 759, 2002;

-Chúa Giê-su Ki-tô : 609tt, 645;

-con người : 150, 166, 307tt, 377, 392, 396, 407, 488, 490, 600, 1009, 1033, 1625tt, 1632, 1642, 1733, 1738, 1742, 1860, 1901, 2002, 2008, 2102, 2238, 2304, 2339, 2343, 2353;

-ý chí tự do : 1731;

-tự do kết hôn : 2390.

TỰ DO (sự) (Liberté) : 33, 154, 160tt, 301, 311, 387, 396tt, 450, 782, 908, 922, 1036, 1250, 1439, 1559, 1628, 1705, 1707, 1730tt, 1749, 1782, 1784, 1828, 1861, 1883tt, 1902, 1907, 1915, 1972, 1993, 2002, 2007, 2211, 2223, 2228, 2236, 2239, 2245, 2310, 2339, 2356, 2359, 2370, 2402, 2431, 2492, 2494, 2498, 2526, 2736;

-của Chúa Ki-tô : 609, 2749;

-tôn giáo : 1180, 1907, 2104tt, 2188, 2211.

TỰ HẠ : (sự) (Abaissement) : 272, 472, 5020, 2748.

TỰ NGUYỆN / TỰ Ý / HỮU Ý : (Volontaire) : 1731tt.

TỰ SÁT (tội) (Suicide) : 2281tt.

TỬ ĐẠO (phúc, sự) (MARTYRE) : 297, 313, 523, 558, 1434, 2473.

TƯỞNG TỰ (sự) (Analogie) : 41, 114, 1211, 2500.

TƯỞNG NHỚ (Commémoration) : 1163.

TƯỞNG NIỆM (Anamnèse) : 1103tt, 1354, 1362.

TƯỞNG NIỆM (lễ, sự) (Mémorial) : 559, 610, 1099, 1166, 1323, 1330, 1356tt, 1382, 1517, 1621, 2170.

## TH

THA (Rémission) : 404, 535tt, 610, 734, 981, 1122, 1363tt, 1365, 1393, 1846, 1989, 2616, 2838.

THA THỨ (sự) (Pardon) : 578, 976tt, 1441, 2838tt,

THAM ĂN (tính) (Gourmandise) : 1866.

THAM DỰ / DỰ PHẦN VÀO (Participation) : 375, 505, 521, 618, 901tt, 1546, 1913tt.

THANH LUYỆN (Purifier): 42, 827, 856, 1023, 1393, 1428, 1474, 1676, 1723, 1847, 2527, 2711, 2779.

THÁNH CA (Cantique): 1611, 2619.

THÁNH HIẾN (sự)(Consécration): 438, 538, 901, 916, 931tt, 1150, 1294, 1297, 1352, 1376tt, 1535, 1538, 1548, 1556tt, 1672.

THÁNH HÓA (sự)(Sanctification): 190, 235, 781, 819, 824tt, 902, 928, 1070, 1087, 1152, 1297, 1328, 1352, 1360, 1522, 1540, 1586, 1622, 1637, 1668, 1670, 1692, 1989, 1995, 1999tt, 2427, 2813, 2828, 2858.

THÁNH KINH (lời)(Écritures): 58, 78, 80tt, 101tt, 326, 688, 993, 1088, 1098, 1117, 1160, 1347, 1437, 2625, 2653, 2762tt.

THÁNH THẦN (Chúa)(Esprit Saint):

- Ba Ngôi: 189, 221, 232tt, 246, 251, 495, 648, 691, 1066, 1137, 2789;

- linh hứng, hồng ân của: 15, 77, 95, 105, 153, 739, 749, 819, 850, 1107, 1585, 1697, 1814tt, 1830tt, 1845, 1987, 2345, 2681, 2801;

- và các bí tích: 785, 1226, 1238, 1287tt, 1299, 1520, 1553.

THÁNH THỂ (Eucharistie): 611, 671, 737, 766, 790, 838, 864, 893, 950, 1000tt, 1074, 1094, 1097, 1106, 1113, 1118, 1162, 1210tt, 1322tt, 1392tt, 1436, 1517, 1524, 2120, 2177tt, 2643.

THÁNH THI (Himne): 461, 954, 1090, 1162, 1177, 2588, 2675, 2678.

THÁNH THIÊN / SỰ THÁNH THIÊN: (Saint / Sainteté): 58, 67, 84, 93, 127, 156, 208, 273, 375, 398tt, 437, 438, 459, 476, 492, 564, 576, 598, 616, 627, 633, 670, 688, 709, 756, 773, 774, 781, 782, 785, 795, 800, 803, 811, 821, 823tt, 865, 901, 908, 914, 941, 946tt, 1023, 1030, 1054, 1090, 1128, 1141, 1161, 1173, 1179, 1330, 1331, 1370, 1426, 1428, 1434, 1475tt, 1695, 1709, 1768, 2011tt, 2045, 2074, 2142, 2155, 2156, 2173, 2227, 2475, 2518, 2683, 2807, 2809, 2811, 2814.

THÁNH VỊNH (các)(Psaumes): 120, 288, 304, 702, 708, 716, 1081, 1088, 1154, 1156, 1176tt, 2579, 2585tt, 2625, 2637, 2762.

THAY CÁC BỘT PHẦN TRONG THÂN THỂ (Trasplantation D'organes): 2296.

THAY THẾ (sự)(Substitution): 615.

THÂN MẬT (sự)(Intimité): 35, 237, 239, 376, 441, 921, 1776, 1997, 2143, 2354tt, 2390, 2492, 2521, 2577.

THÂN THỂ (Corps): 289, 364tt, 400, 901, 922, 990tt, 1004, 1503tt, 1643, 1681, 2031, 2185, 2289, 2301, 2332, 2370, 2516, 2523, 2702;

- đền thờ Chúa Thánh Thần: 2356, 2519.

THÂN THỂ CHÚA KI-TÔ (Corps Du Christ):

- trong Thánh Thể: 753, 948, 1003, 1244, 1331tt, 1426, 2120, 2618, 2643, 2824, 2837;

- trong Giáo Hội: 4, 21, 556, 669, 737, 753, 771, 787tt, 817, 823, 872, 1108, 1140, 1174, 1267, 1362, 1396, 1988, 1997, 2003, 2041, 2617, 2637, 2782, 2850;

- Phục Sinh: 103, 466, 470, 476tt, 488, 606tt, 624, 641tt, 659, 690.

THẦN HIỆN (sự)(Théophanie): 707.

THẦN HỌC (Théologie): 94.

THẦN KHÍ / TINH THẦN (Esprit): 24, 37, 108, 153, 159, 202, 299, 471, 632, 651, 712, 730, 737, 892, 1216, 1643, 1764, 2082tt, 2098, 2100, 2196, 2628, 2705;  
- trong tinh thần và sự thật: 160, 1179;  
- tinh thần và thể xác: 327, 365, 901, 2185, 2515, 2702, 2733;  
- các thiên thần: 331, 392, 434, 645;  
- tâm trạng: 84, 887, 894, 1386, 1550, 1606, 1658, 2039tt.  
THẦN TÍNH (Divinité): 238, 245, 254, 256, 446, 465, 467, 503, 515, 653, 663, 684, 1374, 2789, 2807.  
THẦN THOẠI (Mythe): 285, 498.  
THẬN TRỌNG (sự)(Prudence): 1586, 1788, 1805tt, 1906, 2088, 2104, 2109.  
THẬP GIÁ (Croix): 149, 160, 410, 421, 440tt, 517, 542, 550, 555tt, 585, 616, 662, 710.  
THẬP GIỚI / THẬP ĐIỀU (Décalogue): 1456, 1697, 1724, 1957tt, 2033, 2056tt.  
THẤT NGHIỆP (Chômage): 2436.  
THẤT VỌNG (Désespoir): 844, 1501, 2091.  
THẦU TÓM (sự)(Récapitulation): 518, 668, 2854.  
THÈM KHÁT / DỤC VỌNG (Convoitise): 377, 400, 719, 1067, 1809, 2259, 2531tt, 2534tt.  
THẸN THÙNG (sự)(Pudeur): 2521tt.  
THỀ (lời)(Serment): 706, 2150tt, 2476, 2810.  
THỀ (những lời)(Jurons): 2149.  
THẾ GIAN / THẾ GIỚI (Monde):  
- được đảm nhận, thâm hóa, hòa giải, biến hình: 450, 674, 845, 932, 1047, 1186, 1394, 1449, 1505, 2748, 2844, 2853;  
- mới: 546, 655, 670, 732, 756, 916, 1043tt, 1589, 1687, 2717, 2769;  
- và tội lỗi: 29, 309tt, 388, 395, 401tt, 606, 613, 687, 729, 1008, 1433, 1851, 2061, 2097, 2354, 2538, 2852tt;

- được sáng tạo / việc sáng tạo thể giới: 31tt, 199, 212, 216, 238, 257, 283tt, 326tt, 337tt, 602, 760, 1077, 1218, 2174, 2779;

- sự xây dựng / cuộc sống ở giữa thể giới: 79, 164, 303tt, 355, 360, 364, 373, 377, 571, 728, 769, 773, 782tt, 854, 873, 901, 909, 928, 977, 1068, 1083, 1533, 1562tt, 1742, 1809, 1882tt, 1941, 2044, 2104, 2337, 2365, 2401, 2407, 2438, 2545, 2548, 2818, 2820, 2831;

- số phận của thể giới: 314, 676tt, 769, 1001, 1046, 1403, 1680, 2371;

- thể giới thứ ba: 2440.

THÊM SỨC (bí tích)(confirmation): 695, 698, 900, 1113, 1119, 1210, 1212, 1233, 1242, 1285tt, 1288tt, 1525, 2769.

THÍ NGHIỆM KHOA HỌC (những)(Expérimentations Scientifiques): 292, 2295, 2417.

THỊ KIẾN / NHÌN XEM (Vision): xem NHÌN XEM / THỊ KIẾN.

THIÊN CHÚA (Dieu):

- của giao ước / của mạc khải: 36, 50, 73, 101, 128, 203tt, 1102, 1150, 1776, 1962, 2056;

- sự nhận biết Thiên Chúa: 27tt, 31tt, 1159;

- là Đấng Tạo Hóa: 27, 32, 279tt, 1703, 1718tt, 1730, 1934;

- là Cha: 151, 198, 232tt, 270, 422tt, 609, 1143, 1256, 2258, 2759tt;

- hành động / ý muốn của Ngài: 74, 105, 122, 257tt, 648tt, 751tt, 1103, 1884, 1950, 1996tt, 2559;

- các thuộc tính của Ngài: 40tt, 150tt, 200tt, 268, 385, 1878;

- sự tôn thờ dành cho Ngài: 1077tt, 1123, 1148, 1164, 1325, 1544tt, 2084tt, 2568tt, 2639tt, 2759tt;

- là thẩm phán: 1020tt.

THIÊN ĐÀNG (Paradis): 374tt.

THIÊN NIÊN KỈ (thuyết) (Millénarisme): 676.

THIÊN SAI (thuyết) (Messianisme): 675.

THIÊN THẦN, THIÊN SỨ (Angel): 57, 148, 311, 326, 328tt, 391tt, 430tt, 490, 497, 515, 538, 559, 695, 719, 722, 760, 1034, 1161, 1846, 1994, 2566, 2676, 2851.

THIỆN (sự)(Bien): 14, 33, 55, 224, 285, 291, 307, 310, 311, 312, 313, 324, 353, 356, 395, 396, 398, 409, 412, 257, 519, 681, 791, 798, 799, 856, 874, 886, 907, 917, 931, 945, 947, 952, 956, 998, 1038, 1039, 1266, 1460, 1499, 1524, 1601, 1618, 1620, 1697, 1700, 1704tt, 1723, 1732tt, 1742, 1751tt, 1765, 1776, 1789, 1803tt, 1828, 1863tt, 1888, 1900, 1954, 1955, 2002, 2039, 2054, 2094, 2173, 2201, 2239tt, 2248tt, 2339, 2343, 2347, 2353tt, 2381, 2444, 2489, 2500, 2541, 2548, 2671, 2690, 2727, 2737, 2847.

THIÊNNG LIÊNG (Spirituel):

- hữu thể, thân thể: 115, 355, 360tt, 821, 917, 999, 1146, 1179, 1268, 1308, 1324, 1331, 1370, 1460, 1532, 1582, 1886, 2014, 2031, 2100, 2121, 2241, 2337, 2434, 2500, 2690;

- hồng ân thiên liêng: 197, 1557, 1565, 1577, 1587;

- dấu hiệu thiên liêng: 1280, 1293, 1297, 1304;

- cuộc chiến đấu thiên liêng: 405, 921, 2015, 1516, 2725.

THIỆT LẬP (sự)(Institution): 76, 909, 1869, 1881, 1368, 1897, 1916, 2184, 2201tt, 2244, 2286, 2431, 2440;

- của Thiên Chúa: 862, 880, 1205, 1560;

- các tông đồ và thừa tác vụ khác L 858, 861, 874, 877, 880tt;

- chức thánh: 1540, 1551, 1554;

- các bí tích: 1084, 1114, 1117, 1210, 1446, 1511;

- Thánh Thể: 611, 766, 1323, 1334, 1337tt;

- thuật lại việc lập phép Thánh Thể: 1353, 1362, 1365;

- Cự Ước: 576, 709, 2130;

- Giáo hội: 759, 763tt, 837, 925, 927;

- Tân Ước, Giao Ước mới: 762;

- phép hôn phối: 1602tt, 1639, 1652, 2381;

- các á bí tích: 1667tt;

THIỆU SÓT / BỎ QUA (Omission): xem BỎ QUA / THIẾU SÓT.

THỎA MÃN (Satisfaction): 616, 1423, 1448, 1458, 1459, 1460, 1494, 1740, 2362, 2457, 2487.

THÔNG BAN (sự)(Communication):

- thông ban on sủng: 79, 947, 1076, 1088;

- truyền thông xã hội: 2488tt, 2525.

THỜ NGÃU TƯỢNG / NGÃU TƯỢNG (Idolâtrie / Idole): 57, 1447, 2097, 2112tt, 2132, 2289, 2380, 2534, 2567, 2779.

THỜI GIAN (Temps): 484, 541, 600, 672, 702, 717tt, 1041, 1048;

- khi hết thời gian: 1042tt;

- phụng vụ: 1163tt.

THÙ GHÉT (HAINE): 395, 1933, 2094, 2262, 2297, 2303.

THÙ LAO / TIỀN CÔNG (Salaire): 1006, 2434, 2445.

THU THUẾ (người)(Publicain): 2631, 2839, 535, 574, 588, 2613.

THỨ TỘI / XUNG TỘI (sự)(Aveu)(de fautes): 1424, 1435, 1448, 1455tt.

THỦ DÂM (Masturbation): 2352.

THỤ GIÁO VỀ CÁC MẪU NHIỆM (Mistagogie): 1075, 1233.

THỤ TẠO (Créature): 40tt, 213, 258, 260, 295, 300tt, 311tt, 326tt, 356, 395tt, 488, 671, 844, 970, 1148, 1214, 1265tt, 1394, 1703, 1884, 1930, 1951, 1992, 2095, 2113, 2416, 2500, 2628.

THỤ THAI (Conception): 536, 1703, 2270, 2274;

- vô nhiễm: 490tt, 2853;

- trình nguyên: 496tt, 505, 512, 964.

THỬ THÁCH (sự)(Epreuve):

149, 164tt, 272, 395, 642tt, 672tt, 769, 901, 1473, 1508, 1742, 1808, 1820, 2847.

THỪA TÁC VỤ (Ministère): 9, 24, 132, 331, 553, 574, 830, 858, 873tt, 1088, 1120, 1142, 1175, 1367, 1442, 1461, 1536tt, 1668, 1684, 2004, 2039, 2600, 2636.

THỪA SAI (Missionnaire): 6, 688, 767, 828, 849tt, 854tt, 886, 927, 931, 1270, 1438, 2044tt, 2205.

THỰC HIỆN (sự)(Accomplissement): 130, 148tt, 306, 351, 484, 497, 561, 580, 591, 624, 634, 652tt, 664, 670, 715, 729, 1088tt, 1093, 1138, 1168, 1285, 1335, 1403, 1494, 1544, 1562, 1627, 1886, 2053, 2068, 2102, 2175, 2213, 2317, 2366, 2619, 2625, 2676, 2750, 2804, 2857.

THƯƠNG XÓT (COMPASSION): 1506, 2448, 2571, 2575, 2715, 1843tt,.

THƯỢNG HỘI ĐỒNG (SINODE): 887, 911.

TR

TRA TẤN (Torture) : 2297tt.

TRÁCH NHIỆM (Responsabilité) : 373, 597, 783, 819, 1036, 1269, 1309, 1578, 1731, 1981, 1869, 1902, 2115, 2203, 2223, 2282, 2368, 2439, 2835.

TRÁI ĐẤT / DƯỚI ĐẤT NÀY (Terre / Terrestre) : xem DƯỚI ĐẤT NÀY / TRÁI ĐẤT.

TRÁI TIM (Coeur) : 27, 89, 94, 112, 125, 153, 158, 173, 208, 269, 298, 368, 435, 478tt, 534, 609, 655, 678, 689, 715, 759, 766, 782, 821, 826, 932, 964, 1082, 1098, 1430tt, 1610, 1614, 1658, 1697, 1716, 1718, 1723, 1742, 1776tt, 1818, 1848, 1853tt, 1956tt, 1965tt, 1990tt, 2070, 2073, 2176, 2302, 2336, 2517tt, 2541, 2544tt, 2558, 2562tt, 2581tt, 2608tt, 2697tt, 2710, 2729tt, 2848.

TRÍ NHỚ (Mémoire) : 113, 171, 335, 957, 1032, 1090, 1103, 1162, 1167, 1173, 1217, 1334, 1341, 1363, 1370, 1658, 1930, 2143, 2169, 2612, 2685, 2697, 2843.

TRÍ TUỆ (Intelligence) : 30, 89, 94tt, 108, 143, 154, 236, 283, 286, 299, 330, 341, 470, 785, 892, 1135, 1147, 1155, 1177, 1202, 1611, 1722, 1804, 1831, 1998, 2419, 2500, 2518;

-của Thiên Chúa : 271;  
 -và đức tin : 156tt, 250;  
 -thiên liêng : 1095, 101.

TRINH KHIẾT (Virginité / Virginal): 437, 496tt, 526, 723, 922, 964, 1618tt, 1672.

TRINH NỮ MA-RI-A (Vierge Marie): 144, 273, 452, 456, 467, 469, 470, 483tt, 695, 717, 721, 813, 829, 963tt, 1020, 1717, 2030, 2043, 2146, 2162, 2502, 2599, 2617, 2622, 2665, 2682, 2837, 2853.

TRÌNH BÀY / TIỀN DẰNG (Présentation) : 569, 1346, 1350.

TRIỆU ĐẠI / VƯƠNG QUYỀN (Règne) : 392, 664, 671tt, 763, 865, 1579, 1615, 2046, 2750, 2759, 2818tt, 2855.

TRỌN LÀNH / TUYỆT HẢO (sự) (Perfection) : 41, 147, 213, 302, 339, 815, 829, 915, 1305, 1374, 1641, 1704, 1731, 1770, 1804, 1827, 1953, 1965tt, 2015, 2289, 2377, 2550.

TRONG SẠCH (sự) (Pureté<213 ) ) : 574, 889, 2336, 2345, 2518, 2520tt, 2608.

TRỘM (ăn) (Vol) : 1958, 2400, 2408, 2412, 2453.

TRỞ LẠI / HỐI CÁI (Conversion) : 160, 385, 442, 545, 591, 597, 639, 821, 981, 1036, 1041, 1072, 1098, 1206, 1229, 1248, 1375, 1422tt, 1427tt, 1470, 1472, 1502, 1637, 1792, 1848, 1856, 1886tt, 1963, 1989, 1993, 1999, 2092, 2581tt, 2608, 2708, 2731, 2784, 2795.

TRỜI / TRỜI CAO (Ciel / Cieux) : 198, 212, 279tt, 290tt, 325, 440, 456, 4504, 525, 544, 553tt, 659tt, 669tt, 954tt, 1023tt, 1042tt, 1326, 2691, 2794tt, 2824tt.

TRỤ (các nhân đức) (Cardinales) (vertus) : 1805tt, 2341.

TRUNG GIAN (Đấng, sự) (Médiateur / Médiation) : 64, 618, 771, 846, 956, 970, 1023, 1369, 1544, 1546, 2574, 2674.

TRUNG TÂM (Foyer) : 1633, 1656, 2210, 2223tt, 2436.

TRUNG THÀNH (sự) (Fidèle / Fidélité) :  
 -của Thiên Chúa : 81, 86, 207, 210tt, 346, 484, 710, 1061, 1334, 1640, 1642, 2346, 2465, 2474, 2570;

-của con người ta : 821, 828, 1061, 1064, 1206, 1502, 1550, 1574, 1611, 1624, 1634, 1643tt, 1832, 2044, 2101, 2147, 2156, 2182, 2213, 2223, 2340, 2350, 2363tt, 2787.

TRUYỀN CHỨC THÁNH (việc) (Ordination) : 1538, 1554tt.

TRUYỀN DẠY (lời) (Précepte) : 574tt, 768, 1456, 1950, 1955, 1960, 1973, 2036, 2053, 2071, 2180, 2185, 2214, 2262, 2488.

TRUYỀN TIN (Annonciation) : 148, 430, 484, 490, 494, 965, 2617, 2674.

TRUYỀN THÔNG (xã hội) (Communication) :

-thông truyền ân sủng : 79, 947, 1076, 1088;

-xã hội : 2488tt, 2525.

TRUYỀN THÔNG (Tradition) : 75tt.

TRỪ TÀ (việc) (Exorcisme) : 517, 550, 1237, 1673.

TRƯỞNG LÃO (các) (Presbytres): 1461, 1510, 1516, 1538, 1554, 1562.

## U

UY QUYỀN (Autorrité)

-của Thiên Chúa : 156, 688, 1381, 1441;

-của / trong Giáo Hội : 67, 85, 88, 551tt, 873tt, 1125tt, 1140, 1551, 1563, 1578, 1673, 1792, 2035tt, 2179;

- của con người : 1441, 1880, 1897tt, 1930, 1951, 2155, 2199, 2234tt, 2266, 2273, 2308, 2316, 2406, 2420, 2429, 2498.

ỨC HIẾP (Oppression) : 1739, 2448.

ƯỚC AO (Désir) :

-sự thiện, hạnh phúc : 1707, 1718tt, 1765, 1970, 2535, 2548, 2764;

-xấu : 37, 548, 2302, 2336, 2351, 2380, 2515;

-Thiên Chúa, Chúa Thánh Thần : 27tt, 2541tt, 2589, 2632, 2737, 2784.

V

VĂN HÓA (Culture) : 24, 110, 172, 285, 361, 755, 814, 835, 854, 887, 909, 1075, 1097, 1145, 1149, 1202tt, 1267, 1603, 1668, 1740, 1882, 1908, 1915, 1937, 1957, 2184, 2344, 2434, 2438, 2444, 2493, 2663, 2779, 2820.

VÃNG LỖI / VÃNG PHỤC (Obéissance): 851tt, 915, 968, 1269, 1567, 1733, 1900, 2053, 2216tt, 2240tt, 2313;

-của đức tin : 143tt, 291tt, 489, 494, 851, 891, 968, 1125, 1205, 1776, 1790, 1831, 1850, 1862, 1992, 2060, 2073, 2087, 2098, 2340, 2515, 2570, 2716;

-của Chúa Ki-tô : 461, 475, 532, 539, 612tt, 908, 1009tt, 1850, 1825.

VẤP PHẠM (cớ) (Scandale) : 1938, 2282tt, 2326, 2353tt, 2489.

VẬT HY SINH (Victime) : 457, 604, 1367, 1566, 1586.

VI PHẠM / LỖI PHẠM (Transgression) : 2069.

VỊ / NGÔI (Hypostase) : 251, 252, 468.

VIÊN MÃN (sự) (Plénitude) : 5, 65, 213, 244, 423, 474, 528, 536, 674, 819, 824, 1026, 1042, 1287, 1313, 1555, 1824, 1953, 1974;

-của các thời đại : 128, 221, 422, 484, 702, 717, 721, 763, 2598tt;

VINH QUANG (Gloire) :

-của Thiên Chúa, của Đức Kitô : 208, 210, 241, 245, 257, 293, 337, 374, 423, 525, 555, 572, 628, 659tt, 690, 730, 1727, 1992, 1059, 2781;

-mai sau trên trời : 280, 326, 331, 697, 705, 769, 865, 916, 966, 1003, 1042, 1323, 1402, 1821, 1550, 2584;

-làm vinh hiển : 259, 449, 1077, 1162, 2157, 2416, 2639.

VINH TỤNG CA (Doxologie) : 1103, 2641, 2760, 2855.  
VĨNH CỬU / VĨNH CỬU TÍNH (Eternel / Eternité) : 33,  
215, 488, 679, 1404, 2159;  
-Thiên Chúa : 32, 101, 108, 240, 257, 290, 426, 600, 769,  
850;  
-sự sống, ơn cứu độ, giao ước, tình yêu, hình phạt... : 64, 126,  
163tt, 220, 617, 662, 762, 988tt, 1020, 1034, 1116, 1130tt,  
1257, 1472, 1612, 1703, 1817, 1832, 1861, 1951, 2371.  
VÕ KHÍ (Arme / Armement) : 2243, 2266, 2309tt, 2438.  
VÔ HÌNH (Invisible) :  
-Thiên Chúa vô hình : 42, 142, 241, 299, 477, 515, 681,  
1159, 1701, 2502;  
-các ân sủng : 774;  
-các thực tại : 279, 325, 331.  
VÔ NHIỄM (Immaculé) : 796, 1544.  
VÔ NHIỄM THAI (Immaculée Conception) (Đức Ma-ri-a) :  
490tt, 2177.  
VÔ ƠN (Ingratitude) : 2094.  
VÔ TÔN GIÁO (Irréligion) : 2110, 2118tt.  
VÔ THẦN (thuyết) (Athéisme) : 2123tt, 2424.  
VU KHỔNG (Calomnie) : 2477, 2479, 2507, 2539.  
VŨ TRỤ (Univers) : 279, 325, 341.  
VUI (Joie) : 30, 163, 301, 425, 523, 545, 644, 736, 787, 953,  
1029tt, 1172, 1293, 1334, 1387, 1439, 1642, 1657, 1697,  
1720, 1765, 1804, 1820tt, 1832, 1971, 2015, 2094, 2185,  
2188, 2233, 2362, 2500, 2546, 1657, 2676, 2683, 2819.  
VỮNG VÀNG / BỀN ĐỒ (sự) (Perséverance) : xem BỀN  
ĐỒ.  
VƯƠNG QUỐC (Royaume) : 160, 395, 436, 526, 541tt, 577,  
659, 664, 669, 676, 709, 732, 736, 763tt, 782, 865, 981,  
1023, 1042, 1050, 1086, 1107, 1130, 1151, 1164, 1168, 1187,  
1215, 1225, 1263, 1335, 1339, 1386, 1403, 1427, 1443,  
1470, 1503, 1505, 1587, 1599, 1617, 1680, 1689, 1716,

1720, 1817, 1861, 1942, 1967, 2159, 2546, 2565, 2603, 2612, 2632, 2660, 2683, 2770, 2816, 2830, 2837.

VƯƠNG QUYỀN / TRIỀU ĐẠI : xem TRIỀU ĐẠI.

VƯỢT QUA (Pâque) : 1169, 1334, 1338, 1340, 1363tt.

## X

XÃ HỘI (Social) :

-cấu trúc, đời sống, bối cảnh: 24, 57, 387, 407, 409, 899, 907, 1093, 1146tt, 1571, 1603, 1740, 1869, 1879tt, 1905tt, 1928tt, 2032, 2069, 2105, 2109, 2124, 2184tt, 2207, 2286, 2288, 2317, 2356, 2424, 2430, 2434, 2479, 2525, 2663, 2832;

-giáo huấn của Giáo Hội về xã hội : 2198, 2422.

XÃ HỘI (cộng đồng) (Société) : 336, 395, 771, 816, 837, 854, 899, 912, 1023, 1049, 1090, 1372, 1603, 1639, 1880tt, 1958, 2006, 2105tt, 2188, 2203, 2207tt, 2234tt, 2263tt, 2288, 2344, 2385, 2421, 2431tt, 2486, 2493, 2820.

XÁC THỊT (Chair) : 51, 101, 151, 372, 423, 456tt, 466, 521, 626, 728, 787, 988tt, 1384, 1392, 1528, 1605, 1615, 1643, 1852, 2335, 2364, 2514tt, 2534, 2602, 2733, 2749, 2796, 2819, 2846.

XẤU XA (Mauvais) : 2153, 2850tt.

XUẤT PHÁT (Procession) :

-của Chúa Thánh Thần : 245tt, 254, 2784;

-rước kiệu (procession liturgique) : 1154, 1350, 1378, 1674.

XỨC DẦU (sự) (Onction) : 91, 438, 690, 695, 698, 739, 1113, 1241, 1289tt, 1293tt, 1499tt, 1514, 2769.

XỨC DẦU THÁNH (sự) (Chrismation) : 695, 1113, 1242, 1289.

XÙNG TỘI / THÚ TỘI : xem THÚ TỘI.

Y

Y PHỤC (Vêtements) : 1216, 1243, 1297, 2522.

Y SĨ (Médecin) : 1421, 1456, 1484, 1503, 1848, 2377, 2397, 2491.

Ý / Ý HUỐNG (Intention) : 110, 154, 771, 1750tt, 2073, 2117, 2125, 2149, 2152, 2269, 2277, 2282, 2482tt, 2517, 2520, 2534;

-và các bí tích : 1128, 1256, 1466, 2382, 2391.

Ý CHÍ (Volonté) : 30, 51, 143, 154, 176, 271, 294, 307, 330, 341, 348, 406, 462, 470, 475, 482, 494, 506, 616, 532tt, 555, 06, 612, 760, 831, 847, 967, 978, 986, 1009, 1014, 1026, 1029, 1066, 1077, 1098, 1256, 1260, 1277, 1281, 1288, 1332, 1520, 1559, 1620, 1628, 1643, 1662, 1704, 1731, 1734tt, 1804tt, 1834, 1850, 1863, 1901, 1930, 1991, 2013, 2038, 2059, 2063, 2071, 2103, 2116, 2222, 2233, 2278, 2294, 2358, 2375, 2408, 2422, 2453, 2518, 2559, 2564, 2575, 2589, 2600, 2620, 2638, 2677, 2708, 2728, 2750, 2759, 2784, 2800, 2804, 2822tt, 2855.

Ý ĐỊNH (của Thiên Chúa) (Dessein) (de Dieu) : 1, 7, 50tt, 112, 117, 158, 205, 235, 257, 280, 294, 302tt, 331, 33, 387, 426, 474, 502tt, 571, 599tt, 686, 716, 751tt, 841, 1008, 1013, 1043, 1066, 1079, 1083, 1602tt, 2062, 2336, 2387, 2426, 2571, 2600tt, 2683, 2738, 2823.

Ý THỨC HỆ (Idéologie) : 2294, 2425, 2523.

YẾU ĐUỐI (sự) (Faiblesse) : 28, 272, 273, 306, 387, 540, 741, 853, 896, 990, 1264, 1426, 1508, 1550, 1589, 1784, 2285, 2448, 2602, 2630, 2777.

# MỤC LỤC

Thư gửi ĐTGM Phao-lô NGUYỄN VĂN BÌNH

Lời giới thiệu của Giáo quyền Giáo Phận

Viết tắt

Tông hiến kho tàng đức tin

**Lời mở đầu**

## PHẦN THỨ NHẤT

### TUYÊN XƯƠNG ĐỨC TIN

## ĐOẠN THỨ NHẤT

### "TÔI TIN" - "CHÚNG TÔI TIN"

**Chương một** : Con người "Có khả năng" đón nhận Thiên Chúa

**Chương hai** : Thiên Chúa đến gặp con người

**Mục 1** : Mặc khải của Thiên Chúa

**Mục 2** : Lưu truyền Mặc khải của Thiên Chúa

**Mục 3** : Thánh kinh

**Chương ba** : Con người đáp lời Thiên Chúa

**Mục 1** : Tôi tin

**Mục 2 :** Chúng tôi tin

## **ĐOẠN THỨ HAI**

# **TUYÊN XUNG ĐỨC TIN KI-TÔ GIÁO**

## **NHỮNG BẢN TUYÊN XUNG ĐỨC TIN**

**Chương một :** Tôi tin kính Thiên Chúa là Cha

**Mục 1 :** " Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha phép tắc vô cùng, dựng nên trời đất "

**Tiết 1 :** Tôi tin kính Đức Chúa Trời

**Tiết 2 :** Chúa Cha

**Tiết 3 :** Đấng Toàn Năng

**Tiết 4 :** Đấng Sáng tạo

**Tiết 5 :** Trời và đất

**Tiết 6 :** Con người

**Tiết 7 :** Sự sa ngã

**Chương hai :** Tôi tin kính Đức Giê-su Ki-tô, Con một Thiên Chúa

**Mục 2 :** "Tôi tin kính Đức Giê-su Ki-tô, là Con Một Đức Chúa Cha, cùng là Chúa chúng tôi"

**Mục 3 :** Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, mà Người xuống thai sinh bởi bà Ma-ri-a đồng trinh

**Tiết 1 :** Con Thiên Chúa làm Người

**Tiết 2 :** "...Bởi phép Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai, sinh bởi Bà Ma-ri-a đồng trinh"

**Tiết 3 :** Các mầu nhiệm cuộc đời Đức Ki-tô

**Mục 4 :** "Đức Giê-su Ki-tô đã chịu nạn đời Phong- xi-ô Phi-la-tô, chịu đóng đinh trên cây thánh giá, chết và táng xác".

**Tiết 1 :** Đức Giê-su và It-ra-en

**Tiết 2 :** Đức Giê-su chịu chết trên thánh giá

**Tiết 3 :** Đức Giê-su Ki-tô được mai táng

**Mục 5 :** " Đức Giê-su Ki-tô xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại "

**Tiết 1 :** Đức Ki-tô xuống ngục tổ tông

**Tiết 2 :** Ngày thứ ba Người từ trong kẻ chết mà sống lại 249

**Mục 6 :** Đức Giê-su lên trời ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng

**Mục 7 :** "Ngày sau bởi trời, Người lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết"

**Chương ba :** Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần

**Mục 8 :** " Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần "

**Mục 9:** " Tôi tin có Hội Thánh Công Giáo "

**Tiết 1 :** Hội Thánh trong ý định của Thiên Chúa

**Tiết 2 :** Dân Thiên Chúa, Thân Thể Đức Ki-tô, Đền Thờ  
Chúa Thánh Thần

**Tiết 3 :** Hội Thánh Duy Nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và  
Tông Truyền

**Tiết 4 :** Các Ki-tô hữu - cơ cấu phẩm trật, giáo dân, đời sống  
thánh hiến

**Tiết 5 :** Mầu nhiệm các Thánh hiệp thông

**Tiết 6 :** Đức Ma-ri-Mẹ Đức Ki-tô, Mẹ Hội Thánh

**Mục 10 :** " Tôi tin phép tha tội "

**Mục 11 :** "Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại "

**Mục 12 :** " Tôi tin có sự sống đời đời "

## PHẦN THỨ HAI

### CÁC BÍ TÍCH

#### ĐOẠN THỨ NHẤT

### NHIỆM CỤC BÍ TÍCH

**Chương một** : Mẫu nhiệm Vượt Qua trong thời của Hội Thánh

**Mục 1** : Phụng vụ - Công trình của Thiên Chúa Ba Ngôi

**Mục 2** : Mẫu nhiệm Vượt Qua trong các Bí Tích của Hội thánh

**Chương hai** : Họp mừng Mẫu nhiệm Vượt Qua

**Mục 1** : Cử hành phụng vụ của Hội Thánh

**Mục 2**: Một mẫu nhiệm nhiều hình thức cử hành

## ĐOẠN THỨ HAI

### BẢY BÍ TÍCH CỦA HỘI THÁNH

**Chương một** : Các bí tích khai tâm Ki-tô giáo

**Mục 1** : Bí tích Thánh Tẩy

**Mục 2** : Bí tích Thêm Sức

**Mục 3** : Bí tích Thánh Thể

**Chương hai** : Các bí tích chữa lành

**Mục 4** : Bí tích Thống Hối và Giao Hòa

**Mục 5** : Bí tích Xức Dầu Bệnh Nhân

**Chương ba** : Các Bí Tích xây dựng cộng đoàn

**Mục 6** : Bí tích Truyền Chức

**Mục 7** : Bí tích Hôn Phối

**Chương bốn** : Những cử hành phụng vụ khác

**Mục 1** : Các Á Bí Tích

**Mục 1** : Lễ nghi An Táng

## PHẦN THỨ BA

# ĐỜI SỐNG ĐỨC TIN TRONG ĐỨC KI-TÔ

## ĐOẠN THỨ NHẤT

### ƠN GỌI LÀM NGƯỜI, SỐNG TRONG THÁNH THẦN

**Chương một :** Phẩm giá con người

**Mục 1 :** Con người là hình ảnh của Thiên Chúa

**Mục 2 :** Thiên Chúa gọi chúng ta đến hưởng hạnh phúc đích thực

**Mục 3 :** Tự do của con người

**Mục 4 :** Tính luân lý của các hành vi nhân linh

**Mục 5 :** Tính luân lý của những đam mê

**Mục 6 :** Lương tâm

**Mục 7 :** Các nhân đức

**Mục 8 :** Tội lỗi

**Chương hai :** Cộng đồng nhân loại

**Mục 1 :** Con người và xã hội

**Mục 2 :** Tham gia vào đời sống xã hội

**Mục 3 :** Công bằng xã hội

**Chương ba :** Thiên Chúa cứu độ : Lễ luật và ân sủng

**Mục 1 :** Luật Luân lý

**Mục 2 :** Ân sủng và công chính hóa

**Mục 3 :** Hội Thánh là Mẹ và Thầy

## **ĐOẠN THỨ HAI**

### **MƯỜI ĐIỀU RĂN**

**Chương một :** " Người phải yêu mến Đức Chúa, Thiên Chúa của người, hết lòng, hết linh hồn và hết trí khôn người".

**Mục 1 :** Điều Răn Thứ Nhất

**Mục 2:** Điều Răn Thứ Hai

**Mục 3 :** Điều Răn Thứ Ba

**Chương hai :** "Người phải yêu thương người thân cận như chính mình"

**Mục 4 :** Điều Răn Thứ Tư

**Mục 5 :** Điều Răn Thứ Năm

**Mục 6 :** Điều Răn Thứ Sáu

**Mục 7 :** Điều Răn Thứ Bảy

**Mục 8 :** Điều Răn Thứ Tám

**Mục 9 :** Điều Răn Thứ Chín

**Mục 10 :** Điều Răn Thứ Mười

## **PHẦN THỨ TƯ**

# **KINH NGUYỆN KI-TÔ GIÁO**

## **ĐOẠN THỨ NHẤT**

# **KINH NGUYỆN TRONG ĐỜI SỐNG KI-TÔ HỮU**

**Chương một :** Mặc khải về cầu nguyện  
Mọi người được mời gọi cầu nguyện

**Mục 1 :** Trong Cựu Ước

**Mục 2 :** Khi thời gian đến kỳ viên mãn

**Mục 3 :** Trong thời của Hội Thánh

**Chương hai :** Truyền thống cầu nguyện

**Mục 1 :** Những nguồn mạch của kinh nguyện

**Mục 2 :** Con đường cầu nguyện

**Mục 3 :** Dẫn đến kinh nguyện

**Chương ba :** Đời sống cầu nguyện

**Mục 1 :** Những hình thức cầu nguyện

**Mục 2 :** Cầu nguyện là một cuộc chiến đấu

## **ĐOẠN THỨ HAI**

### **LỜI KINH CHÚA DẠY : KINH LẠY CHA**

**Mục 1 :** "Bản tóm lược toàn bộ Tin Mừng"

**Mục 2 :** "Lạy Cha chúng con ở trên trời"

**Mục 3 :** Bảy lời nguyện xin